LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 121

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

SỐ 1721
(QUYỂN 5 →12)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1721

PHÁP MÔN NGHĨA SỚ

Cát Tạng đời Hồ soạn

QUYỂN 5

PHẨM THÍ DỤ THỨ BA
(Phần 1)

Sở dĩ có phẩm này là do văn kinh nầy tuy có bảy trục chính mà tông qui về đại tuệ bình đẳng, Nhưng nhập đại tuệ nầy thì có các môn, hoặc từ môn Pháp thuyết nhập, hoặc từ môn Thí nói mà nhập, hoặc từ cả hai môn nhập; Hoặc nhân ba môn nầy ngộ nhập tuệ Phật thì ba thứ này là môn, nếu nhân ba môn nầy mà không nhập tuệ Phật thì chẳng phải môn. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Hoặc có người uống Cam lộ tuổi thọ được lâu dài, hoặc có người uống cam lộ tổn thương mạng mà chết sớm. Trí cam lộ vô ngại có chỗ gọi là Đại thừa điển, Đại thừa điển như thế cũng gọi là thuốc có lẫn chất độc, chỉ người thượng căn nghe pháp nói rồi liền hiểu, không đợi thí nói, cho nên Kinh Niết-bàn chép: Vì người lợi căn nói Đại thừa chín bộ lược thí đụ tức việc. Người Trung căn chưa thể quên lời lãnh thọ pháp cho nên nghe pháp nói không hiểu, mà năng hư tâm đợi thí nói cho nên vì họ nói thí dụ. Lại tùy phong tục nói giáo khác nhau, Trung Quốc nói thường cứ pháp, Thiên-trúc nói thường dẫn thí loại. Xưa Trương Khiên tìm Hà Nguyên đến nước Đại Nguyệt Thị, thấy sứ giả Thiên-trúc đến liền hỏi: Nước kia phong tục thế nào? Sứ giả đáp: Nước ấy khi chiến đấu thì cỡi voi, nói thường dẫn chứng thí dụ. Đức Phật xuất hiện ở Thiên-trúc nên tùy phong tục mà lập thí dụ.

Hỏi: Thí và dụ có gì khác nhau?

Đáp: Trong Kinh luận hoặc gọi là thí, hoặc gọi là dụ, cho nên biết thí dụ như tên khác củA-nhãn và mục. Cũng có nghĩa khác như Thí là giống, dụ là để hiểu.

Mượn tạm sự gần để so sánh lý xa, hiểu biết các điều chưa ngộ gọi là thí dụ. Chú giải kinh rằng: Thí là nêu sự việc để nói tâm, Dụ là để nói tâm và sự việc. Trong kinh luận có bốn câu khác nhau: 1) Mượn gần dụ xa, như kinh này chép: Trưởng giả giàu có tức là Như lai. 2) Mượn xa dụ gần, như Kinh Niết-bàn chép: Thí như Niết-bàn phi hữu phi vô, tội cũng như vậy phi hữu phi vô. 3) Dùng gần dụ gần, như Trung luận chép: Đất nước không có ngọc đá thí như vàng. 4) Dùng xa dụ xa, như Đại Phẩm có nói, vì sao như thật tế nghĩa là như pháp tánh tức dùng pháp tánh dụ cho thật tế.

Hỏi: Châu thứ hai thí dụ nói gọi là phẩm Thí dụ, châu đầu căn cứ pháp nói nên gọi là là phẩm Pháp thuyết. Châu đầu đã riêng đề là phẩm Phương Tiện; nay lại thọ tên gì ư? Đáp: Nói chung có thể được xen nhau, chỉ vì trên đặt tên theo riêng nay căn cứ chung để nêu mục. Nói theo riêng tức. Pháp nói là chung, phương tiện là nói riêng, nên gọi theo riêng, Nay nói Thí dụ kia là nói chung nên gọi theo chung, đây là Pháp và Thí dụ cả hai xen lẫn nêu chung và riêng.

Hỏi: Đại Kinh nói có tám loại Dụ, nay nói loại thí nào? Đáp: Nếu phẩm trước là pháp nay thí pháp trên thì trước là pháp sau là thí nghĩa là dụ ở sau. Nếu y cứ phẩm này mà nói chưa có pháp nói, trước nói thí là dụ ở trước.

Lại nay dụ nhà lửa là dụ khắp. Trong tám thứ dụ có thể bao gồm ba, nhưng hai tên pháp thí mà nghĩa kia không nhất định. Người thường cho rằng thí chỉ là sự, pháp định là lý. Đây thật là không đúng. Đại kinh chép: Thí như Niết-bàn thì Niết-bàn là thí, dụ như Kim cương thì Kim cương là thí, cho nên biết gọi pháp, thí mà nghĩa không nhất định do không nhất định nên có thể dùng pháp làm thí, thí xếp vào pháp, thì dùng làm pháp thì pháp chẳng phải pháp nhất định, dùng pháp làm thí thì thí chẳng phải thí nhất định. Phải biết chẳng phải pháp chẳng thí gượng gọi là pháp thí. Cho nên, nhân pháp thí nầy vì khiến chúng sanh liễu ngộ chánh đạo, vì thế văn trên nói pháp nầy không thể chỉ bày ngôn từ tướng vắng lặng, mượn ngôn từ nêu phẩm khiến ngộ vô ngôn cho nên nói phẩm Thí Dụ. Đặt tên phẩm lẽ ra từ “Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật rằng: Nay con không còn nghi ngờ hối hận”. Mà đầu quyển Thân Tử lãnh giải, Như lai thuật thành và cùng thọ ký cả ba chương, đây chưa phải Thí dụ, mà bỗng ở đây đặt tên ấy; có người chép: Hàng

thượng căn lãnh ngộ, như so với dưới lập phẩm Tín Giải nên lập tên phẩm riêng. Nhưng vì văn ít không đủ làm đề riêng nên nhờ phẩm Thí dụ nói ở đầu. Lại nay nói về Thân Tử cần phải hiểu trước pháp nói mới có thể xin sau thí nói, cho nên sau thí dụ là do trước lãnh giải pháp vì thế lập phẩm Thí Dụ ở trước sự lãnh giải (Phẩm Tín Giải).

"Bấy giờ, Xá-lợi-phất": đây là trong pháp nói đoạn lớn thứ hai nói hàng thượng căn lãnh giải. Sở dĩ được lãnh giải vì giáo là duyên giáo cho nên nói giáo xứng duyên, duyên là giáo duyên cho nên nói duyên xứng giáo, giáo xứng duyên cho nên tùng bệnh cho thuốc, duyên xứng giáo cho nên như pháp uống thuốc, vì vậy nên bậc thượng căn liền lãnh ngộ.

Hỏi: Vì sao các kinh đắc đạo không trình bày lãnh ngộ, giáo nầy thọ lãnh mà tự trình bày?

Đáp: Vì nghĩa ấy nên các giáo khác nhau, nếu là một loại sao gọi là nhiều bộ. Lại trước Pháp Hoa, Đại thừa Tiểu thừa chia dòng, sau Pháp Hoa ba, một đã hợp, Kinh này đã là Đại tiểu giao hội bắt đầu trái lại ba về một, do nghĩa khó hiểu nên cần thuật lại sự lãnh giải.

Lại, người Tiểu thừa mà tin Đại pháp, tuy nói đã hiểu mà dễ có sai lầm,

Nay muốn tự trình bày xin Phật ấn định cho nên phải thuật giải. Lại tự trình bày lãnh giải tức là giảng nói lại Nhất thừa, khiến hạng chấp mê do đây được hiểu. Nếu bậc thượng căn không trình bày rõ sự lãnh ngộ thì hàng trung căn hạ căn liền cho là không có người đắc giải, giáo thành uổng lập, thì thấy bờ mà lui sụt, vì muốn dẫn dắt mê tình nên cần thuật giải. Lại trên Phật tự nói tức là người Đại thừa hóa dẫn Tiểu thừa, nay Thân Tử trình bày ngộ tức là người Tiểu thừa hóa độ Tiểu thừa. Lại văn trên cha giáo hóa con, nay là con hóa độ, do nghĩa bao gồm hai sự giáo hóa nên tin không khó. Lại, người Đại thừa lãnh thọ đại giáo mà ngộ Đại thừa, người Tiểu thừa bẩm thọ Tiểu giáo mà ngộ Tiểu thừa, đây đều xứng với lý kia không đủ làm thuật giải, nay bỗng nhiên người Tiểu thừa ngộ Đại thừa, bởi vì giáo ít được nghe cho nên cần thuật giải. Nếu không thuật giải tức chấp nhận nói người Tiểu thừa quyết không thể ngộ Đại thừa, không đắc lý Phật thì lại đồng với kinh xưa tức giáo nay chỉ là giả lập. Lại tự thuật lãnh giải kích thích chúng mê muội khiến họ chuyên tâm tự sách tấn mình, người ấy đã hiểu vì sao ta còn mê ư! Vì nhân duyên đó nên phải tự thuật.

Lại cuối phẩm trên Đức Phật chỉ bày phương pháp mở rộng kinh khuyên bậc thượng căn lãnh giải truyền hóa, nay đã thuật giải thì theo

lời Phật dạy trước. Văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng.

I. Văn xuôi lại có hai: Đầu tựa Kinh vui mừng cung kính, kế là phát lời tự thuật lãnh giải. Trước có hai câu: Trong tâm vui mừng và bên ngoài cung kính.

Nói trong tâm vui mừng là vui mừng do tin hiểu mà phát, hiện ra dáng vẻ vui mừng để biểu hiện sự tin hiểu. Thân Tử vui mừng gồm có hai nghĩa:

1) Có điều được trừ bỏ nên vui mừng.

2) Có pháp chứng đắc nên vui mừng.

Vui mừng được trừ bỏ có hai nghĩa:

1) Nghi ngờ tối hậu trước kia được trừ.

2) Nghi hối nay mới trừ, hai việc này đã trừ cho nên hoa hỷ.

Có sở đắc nên vui mừng cũng có hai nghĩa:

1) Nghe trên pháp nói hiểu được điều không hề có nên vui mừng.

2) Nghe trên thọ ký chung ưa thích được thọ ký cho nên vui mừng, hai thứ này đến tột đỉnh sự vui mừng nên gọi là hớn hở. Chú giải kinh rằng: Nghi ngờ lo lắng đã trừ, trong tâm vui mừng, bỗng nhiên phát ra tay chân múa may cho nên gọi là hớn hở.

Hỏi: Luận Thành Thật chép: Không vui không buồn là công đức của La-hán, vì sao nói kinh này La-hán vui mừng?

Đáp: Có người nói La-hán thật không có hỷ tâm vì muốn dẫn dắt chúng sanh nên thị hiện vui mừng. Có người nói vốn y cứ sáu tâm phân rõ Thanh văn Duyên giác, La-hán do là ngoại phàm sao lại không có vui buồn! đây giải thích theo lý, nếu giải thích theo giáo thì ở đây không có luận Thành Thật chép: Buồn vui phải từ tưởng phân biệt sanh, La-hán dứt hết chánh sử không còn chấp hoặc, đâu có vui buồn ư? Mà kinh nói nghĩa nầy là tâm vui, vừa ý là hỷ ví như nghĩa nói vô lậu quán trí là vận dụng buông xả lạc. Nay nói về Tiểu thừa cho rằng La-hán không có buồn vui, căn cứ Đại thửa nói thì có hỷ. Ví như phàm phu năm dục bất động, Bồ-tát Ca-diếp với âm nhạc thì không thể tự yên.

“Liền đứng dậy chấp tay”: Là hình tướng bên ngoài rất cung kính chuẩn bị muốn tự trình bày lãnh giải. “Chiêm ngưỡng Như lai” là xin làm ấn định cho nên rời chỗ ngồi bày tỏ sự thành kính. Lại trên tức ý nghiệp vui mừng, nay là thân nghiệp cung kính. Chiêm ngưỡng dung nhan: là ngước nhìn tôn nhan của Phật, suy nghĩ đợi thời nên nói.

“Mà bạch Phật rằng”: Phát ngôn tự trình bày lãnh giải, đợi được thời cơ mới dám phát ngôn. Lại trên là thân tâm vui mừng cung kính,

nay thì miệng thuật lãnh giải.

Văn chia làm ba:

1) Nêu hỷ.

2) Giải thích hỷ.

3) Tổng kết hỷ.

Nêu ra có hai câu:

1) Nói lý do được vui mừng. Chính là nói về vui mừng. Nghe tiếng pháp này tức ở phẩm Phương tiện nghe nói đồng trở về Nhất thừa là lý do vì sao đắc giải. "Trong lòng hớn hở" là chính là nói về hỷ. Đã nghe chỗ chưa nghe nên gọi là "được điều không hề có". "Vì sao?" Là giải thích hỷ, do nghĩa hỷ chưa rõ cho nên phải giải thích vì sao. Văn nầy có hai phần: 1) Trình bày xưa mê đến nổi lo lắng.

2) Nói nay hiểu cho nên vui mừng.

Văn đầu lại chia làm hai:

1) Hối tiếc xưa.

2) Nói về nay hiểu cho nên Đại thừa nên hối tiếc, nhận lấy Tiểu thừa nên nghi, nghi hối đã sanh thì trong tâm không vui vì thế phải nói về hai thứ này. Song, nhận lấy Tiểu thừa đã nghi thì mất Đại thừa cũng nghi, mất đại đã hối tức cũng hối hận nhận lấy Tiểu thừa hai nghĩa chung lẫn nhau. "Con xưa theo Phật nghe pháp như thế này": Là trình bày chung ngày trước nghe pháp. "Thấy các vị Bồ-tát được thọ ký thành Phật": là nói riêng việc được nghe. Lại trước nói nghe pháp, đây trình bày thấy người, trong một hội có đầy đủ người pháp tức trình bày đầy đủ; nhưng thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật có thể thông suốt. Trong Đại thừa nói về Bát-nhã trở lên xong đến trước Pháp Hoa đều nói về thọ ký cho Bồ-tát, nhưng trong Ba tạng cũng có nói điều này. Thích luận nói từ đầu đến cuối kinh A-hàm thọ ký đức Di-lặc thành Phật, nói cõi tịnh, người, hoa thần, đức vô lượng, Thân Tử thấy điều này liền sanh tâm hối. "Mà chúng con chẳng dự vào việc đó tự rất cảm thương", là xót thương cho mình không được dự vào dòng cao quý.

"Mất vô lượng tri kiến của Như lai" trở xuống: là đã mất sự hợp nhau của bạn bè đồng đạo, lại mất quả vô lượng, có khổ nào như thế nên thật đáng thương! "Thế tôn! Con thường khi một mình v.v...": là nêu nghi xưa tức là Phật ban cho thiên vị làm mất quả Đại thừa được Phật thọ ký nên bừa đổ lỗi cho Phật. "Con thường ở riêng một mình dưới cây trong núi rừng": Trước nói về khi ở trong hội thấy nghe, đây trình bày ở một mình tư duy thường nghĩ như v.v... chính là nêu ra việc nghi. "Đồng nhập pháp tánh": pháp tánh tức là thật tướng, Ba thừa đắc

đạo chẳng ai không do pháp tánh này.

Trung luận phẩm Quán Pháp chép: Đắc thật tướng có ba thứ gọi là người Ba thừa. Đại kinh nói Quán Trung đạo có ba thứ đều là việc kia cho nên nói đồng nhập pháp tánh.

Hỏi: Thân Tử nghe pháp tánh chỗ nào mà ngộ ư ?

Đáp: Thân Tử nhập pháp tánh có ba thời:

1) Đầu tiên gặp Át-bệ là nghe pháp Không cho nên nói dứt tâm thông đạt bổn nguyên nên gọi là Sa môn. Bổn nguyên tức pháp tánh. Do nghe đây nói mà đắc pháp nhãn thanh tịnh rồi nhập.

2) Thân Tử đắc Sơ quả rồi sau nghe Phật và Trường Trảo luận nghị vặn hỏi kiến bất nhẫn rơi vào thô tế nói các pháp không, Thân Tử nghe lời nầy liền thành La-hán lại đồng nhập pháp tánh.

3) Từ khi đắc La-hán về sau trải qua nghe Đại Phẩm và các kinh Phương Đẳng đều nói Ba thừa đồng nhập pháp tánh. Cho nên từ đầu đến cuối gồm có ba thời đồng nghe pháp tánh.

"Vì sao đức Như lai dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ cho": đồng nhập pháp tánh nói về sở chứng là đồng; dùng pháp Tiểu thừa mà tế độ cho là nói sở đắc là khác. Thật sự do thấy Pháp tánh có sâu cạn, mà cho rằng Đức Phật thọ ký có Đại Tiểu, không tự xét lỗi mình mà nghi Phật là ban cho có thiên vị.

"Đó là lỗi của chúng con chớ chẳng phải là Thế tôn": là nói trước nghi hối đã trừ nay được lãnh giải vui mừng. Văn nầy có hai phần:

1) Nêu ra.

2) Giải thích. Ngày trước không suy xét kỹ vọng đổ lỗi cho Phật, ngày nay lại xét tìm biết lỗi do mình, cho nên nói lỗi tại chúng con chớ chẳng phải Thế tôn.

Vì sao? là giải thích. Gồm có hai câu:

1) Nói về không đợi nói đại nên mất Đại thừa.

2) Tự chấp Tiểu thừa cho nên chứng Tiểu thừa, hai điều này là tự lầm chẳng phải lỗi của Phật. "Nếu chúng con chờ Phật nói pháp sở nhân": Đợi nghĩa là đợi của phải đợi. Sở nhân là học địa sáu độ các hành, sáu độ các hành đều là nhân để thành cực quả cho nên nói các hành làm sở nhân. Nếu con phải đợi thuyết nầy thì Như lai sẽ dùng Đại thừa để tế độ cho con vượt qua biển khổ trói buộc, cho nên chép: "Nếu chúng con đợi nói pháp sở nhân thành đạo Bồ-đề chắc do pháp Đại thừa mà được độ thoát".

Hỏi: Làm sao biết như vậy ư ?

Đáp: Văn trên nói các người nay phải biết chấp tay một lòng đợi,

sau Đức Phật sẽ xuất định nói pháp. Lại kinh nói đợi chỗ, đợi thời, đợi người chắc là việc thời sau.

"Nhưng chúng con chẳng hiểu Phật phương tiện theo cơ nghi mà nói pháp": đây nói về tự chọn Tiểu thừa, nói do ta không hiểu nên tự chấp Tiểu thừa thì lỗi do mình chẳng phải do Phật.

Hỏi: Phương tiện tùy nghi nầy có gì khác nhau không?

Đáp: Phương tiện là hiển bày pháp chẳng chân thật, tùy nghi là tùy căn cơ thích hợp với người, người pháp khác nhau đều nêu ra. Lại phương tiện cùng tùy nghi hai việc khác nhau: phương tiện là dùng từng bước dần làm nghĩa, như hạng người bảy phương tiện nghĩa là giáo có đại tiểu mà khéo nói pháp tự có từng bước dần dần. Nói Tiểu thừa ứng trước, nói về Đại thừa thích nghi sau, hóa nghi như vậy gọi là tùy nghi, nếu ta hiểu điều này thì nên bỏ Tiểu thừa trước đợi Đại thừa sau, do ta không biết liền cho rằng Tiểu thừa là lý cùng tột nên tin nhận thủ chứng, làm mất Đại thừa do đó lỗi tại mình.

Hỏi: Là năm người nầy mới là đầu tiên nghe Phật pháp, làm sao thân tử được gọi là người đầu tiên nghe?

Đáp: Đây là nói ban đầu nghe không phải nói Thân tử là người đầu trong chúng, chỉ Thân Tử vốn học ngoại đạo ban đầu từ Át-bệ mới nghe Phật đạo liền chứng Sơ quả, râu tóc rơi rụng liền thành Sa môn.

Hỏi: Luận Thành Thật chép: Lúc nhận y thì có phiền não, nhận lấy y rồi không phiền não, Thân Tử là người đại lợi căn, vì sao không liền thành La-hán mà lại chứng sơ quả ư?

Đáp: Luận Bà-sa chép: Ba-la-mật Thanh văn sẽ trước chứng Sơ quả sau thành A la Hán, vì pháp như. Có người chép: Thân Tử học rộng nghe nhiều, đối với trí tuệ thế tục cao quý hơn đối với trí tuệ nhập đạo yếu kém, cho nên không sánh bằng người thủ y thời có phiền não, thủ y rồi không phiền não.

"Con từ xưa đến nay": là tổng kết vui mừng. Sắp tổng kết nay vui mừng nên nói lại sự lo buồn trước đây. Từ xưa đến nay con suốt ngày đêm v.v..." đều lặp lại văn hai phần trên, trước đến trong hội sau tư duy riêng, là nói không lúc nào không đúng cho nên nói con từ xưa đến nay suốt ngày đêm thường tự trách mình" đâu có lúc nào vui! "Mà nay được từ Phật nghe pháp không hề có, không hề nghe", đây chính là nói về hay vui mừng.

Hỏi: Chỉ nên nói hỷ vì sao trước nói lo buồn ư ?

Đáp: Thân Tử vui do buồn trừ cho nên sanh vui, trước nghi hối nên sanh buồn lo, nay nghi hối đã dứt nên sanh vui. Lại vì lợi ích chúng sanh

rằng: trước do mê lo là chỉ bày ta đồng với chúng sanh nay ngộ nên vui để dẫn đồng với ta. Lại hai việc này đều vì dẫn dắt chúng sanh. Thân Tử là bậc nhất trong hàng Thanh văn, chấp Tiểu thừa mất Đại thừa đã sanh nghi hối, các La-hán khác đạo kém hơn đâu được chấp trước Tiểu thừa không ưa thích Đại thừa ư!

Hỏi: Nghi hối có chung với xưa nay không?

Đáp: Nghi chung nay xưa, hối chỉ căn cứ xưa, xưa mất đại cho nên hối, nay nói không mất Đại cho nên không hối. Nghi chung xưa nay, xưa do giáo lý cùng nghi, lý đã chỉ một giáo không nên ba. Nay nghi là xưa nay hai giáo cùng nghi. Giáo xưa nói ba nay do đâu nói một, như trong ba phen thỉnh nói.

"Thân ý thơ thới rất được an ổn": Buồn lo, hối tiếc che tâm do đó không thơ thới, nghi dao động lo lắng nên không an ổn, văn bao gồm hai đầy đủ sự hỷ:

1) Xưa nghi hối đã trừ cho nên hỷ.

2) Nay nghi hối trừ cho nên hỷ.

"Chân thật là Phật tử": nói về Phật tử có hai môn:

1) Tiểu thừa có năm Phật tử gọi là bốn quả và Duyên giác.

2) Đại tiểu hợp nói về năm Phật tử là bốn quả và Bồ-tát pháp thân.

Nay nói chân thật Phật tử, là đối với Tiểu thừa năm hạng Phật tử đều chẳng phải Phật tử chân thật, nay ngộ giải Nhất thừa có thể nối dõi hạt giống Phật mới là chân Phật tử. Kinh Thắng-man có chia ra chân Phật tử, như kia đã giải thích. "Từ miệng Phật sanh": là ngụy đối với Tiểu thừa nói chung, nay Đại thừa là Phật tử chân thật: Từ giáo pháp của Phật sanh Văn tuệ giải nên nói từ miệng Phật sanh. "Từ pháp hóa sanh": từ lý hóa sanh Tư tuệ giải, "được pháp phần của Phật": là sanh Tu tuệ giải. Cho nên luận Tỳ-đàm nói Văn tuệ nhất hướng từ giáo sanh, Tu tuệ nhất tướng từ lý sanh, Tư tuệ, hoặc có khi từ lý hoặc có khi từ giáo. Theo văn nầy hai tuệ Tư, Tu từ lý sanh. Luận Trí Độ chép: Sách ngoại đạo nói Bà-la-môn từ miệng Phạm thiên sanh, nên trong bốn tánh chúng sanh là cao quý nhất. Nay tùy thế tục khen ngợi là từ miệng Phật sanh, Phật là Phạm thiên chân thật thì từ miệng Phật sanh là trên hết. Từ pháp hóa sanh: cũng là mượn dụ khen ngợi, như chư thiên v.v... từ trên đầu gối cha mẹ bỗng nhiên hóa sanh, đối trong bốn loài làm trên hết nay từ pháp tột cùng mà hóa sanh mới gọi là thắng. Đặng pháp phần của Phật: Đây cũng là phân biệt khen ngợi, nhập Phật pháp có hai người:

1. Tham danh lợi nghĩa là chọn phần tài.

2. Ngộ giải Phật pháp gọi là chọn phần pháp.

Nay đối với trước chấp Tiểu thừa thì không gọi là chọn Phật pháp, nếu chấp Đại thừa thì gọi là chọn Phật pháp, như văn dưới nói không mất phần tri kiến Phật tạng của Như lai tức là việc ấy.

II. Kệ tụng: Trong văn xuôi có ba phần: Nêu ra, giải thích và kết nay tụng phần nêu ra có hai phần:

1) Một hàng rưỡi chánh tụng vui mừng, nửa bài kế chánh tụng hoan hỉ.

2) Lưới nghi đều đã trừ: là giải thích ý vui mừng.

Vui mừng có hai việc:

1) Nghi trừ cho nên hỷ.

2) Có sở đắc cho nên hỷ.

Chẳng mất Đại thừa: là hiểu trước sở đắc tức là nhân đại cho nên không mất nơi Đại thừa. Lại một câu trước nói về lưới nghi trừ, đây nửa hàng nói về hối dứt, nghi hối đã trừ cho nên vui mừng. “Tiếng Phật rất ít có”: là khen ngợi Đức Phật vì hiểu do từ Phật nên khen ngợi. Nửa bài trên khen ngợi Phật năng trừ ưu não của chúng sanh trong ba cõi. “Con đã được hết lậu”: là nửa bài kệ dưới tự Thân Tử không còn phiền hoặc bức não trong ba cõi, chỉ có lo buồn mất Đại thừa, khổ não chấp Tiểu thừa, nay nghe Phật dạy cũng được trừ. Lại nửa bài trên nói giáo xưa có công năng trừ, nửa bài kệ dưới nói nay giáo có dụng bỏ hoặc.

“Con ở hang núi”: Tụng trên giải thích nghĩa vui mừng. Từ đây trở xuống là bài tụng nói Thân Tử ở ba thời trừ bỏ ưu lo, cho nên hỷ:

1) Sau khi đắc đạo nghi hối trừ cho nên hỷ

2) Khi mới đắc đạo chấp kiến nay được trừ nên hỷ

3) Từ nay nghe Pháp Hoa các nghi được trừ nên hỷ, ba đoạn này thâu hết ý từ đầu đến cuối một giáo. Hai thời trước là xưa nghi hối từ mới đắc đạo xong đến trước Pháp Hoa. Kế mới nghi từ khi theo nghe Pháp Hoa bắt đầu sanh.

Hỏi: ba thời này tụng ở văn nào ư?

Đáp: Xưa các Sư chú giải Kinh chỉ đối chiếu văn xuôi để giải thích kệ đều mất ý kệ, nay nói về kệ tụng ý phần lớn giống với trên, so với văn xuôi lại chuyển thành nói pháp nhiều. “Muốn nói lại nghĩa trên” là tụng phần đầu văn nghi hối bên trên kế một bài tụng văn ở trên là nghe Phật pháp gặp liền tin nhận. Tụng văn trên: “mà nay theo Phật nghe điều không hề nghe pháp không hề có” trở đi.

Phần đầu có ba ý:

1) Tụng trên mất Đại cho nên hối.

2) Tụng sau khi hối tiếc sanh nghi là mất Đại hay không.

3) Nói về nghi hối đều trừ.

Ý một lại có hai:

1) Nói về ở một mình tư duy hối tiếc.

2) Nói về tại hội thấy nghe cho nên hối.

Cùng trong văn xuôi dịch cũng là chuyển thế nói pháp muốn nói về nghi không dừng nơi một hội, tư duy không dừng một thời do đó xen lẫn trước sau để nêu. “Ta ở trong hang núi”: Nửa bài tụng nói về chỗ hối. “Hoặc ngồi hoặc kinh hành”: Nửa bài tụng nói về thời hối. “Than ôi! rất tự trách v.v...”: chính là nói lời hối tức là thật tình rất hối hận là nêu chung lời tự xót thương tự than thở, tự làm tự lầm cho nên nói tự dối mình. “Chúng ta cũng Phật tử”: là nói riêng việc tự cảm thương. “Đồng vào pháp vô lậu”: Tụng văn xuôi nói đồng vào pháp tánh. Vô lậu: là pháp tánh vô vi vô lậu. Lại văn xuôi nói về pháp tánh nêu cảnh, nay nói về vô lậu là nêu trí, chẳng trí thì không cảnh, chẳng cảnh thì không trí, xen lẫn cùng nhau thành cho nên trước sau có hai thuyết. “Chẳng được ở vị lai v.v...”: Trên nói về cảnh kia đồng, nay thương xót đương quả khác. Đây nửa bài kế nói về mất quả hóa tha. “Sắc vàng ba mươi hai tướng v.v...”: hai bài kệ nói về mất quả tự đức. Lại ở trên nói miệng mật đức, nay là hai mật đức thân và ý.

Hai bài kệ có khác: Kệ đầu nói hai pháp thân sanh thân của Phật Tiểu thừa, kệ kế là nêu hai thân sanh pháp thân của Phật Đại thừa, làm sao biết như vậy? Luận Trí Độ chép: Trong Tiểu thừa sanh thân không nói tám mươi vẻ đẹp, trong pháp thân không nói mười tám pháp bất cộng, nay dùng Đại tiểu làm so sánh nói về Thân Tử đều mất. Lại ban đầu nêu ba mươi hai tướng là ngoài, mười lực làm trong, lược khen ngợi hai đức trong ngoài của Phật. Kế kệ nêu tám mươi vẻ đẹp làm ngoài, mười tám pháp bất cộng làm trong khen ngợi rộng đức trong ngoài của Phật, lấy rộng lược làm so sánh cho nên hai kệ khác nhau. “Đồng chung trong một pháp mà chẳng được việc đây”: hoặc nói đồng trong một pháp tánh Phật, hoặc nói đồng trong một pháp tánh, cho nên nói đồng chung trong một pháp. Sở dĩ nêu đồng là nói về rất hối hận, nếu sở hành có khác, sở đắc cũng khác thì không hối, bởi sở nhập là đồng, sở đắc là khác cho nên hối. Trong đây tụng văn xuôi nói “mất vô lượng tri kiến của Như lai”.

Hỏi: Văn xuôi nói về thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật nên sanh hối, đây là nói trong sự sanh hối, kế là nói về đồng nhập pháp tánh

vì sao đức Như lai dùng pháp Tiểu thừa mà cứu giúp cho, đây là nói về đối lý sanh nghi, nay kệ tụng nói về đồng nhập pháp tánh mà mất Đức quả Phật, đây căn cứ trong lý sanh hối, vì sao như vậy ư ?

Đáp: Lý sự đều được sanh nghi hối chỉ kệ và văn xuôi xen lẫn hiện văn.

"Lúc con kinh, hành riêng": Đây tụng trong văn xuôi tại hội thấy nghe đều hối kế là phần kệ trên nói về tự mất quả đức, nay nói về mất quả "danh đồn khắp". Trước nói ba mật nên gọi là quả đức, nay nói danh đồn khắp mười phương gọi là quả danh đồn khắp, lại trước nói mất đức mạnh ở trên cho nên không thể ở đời vị lại giảng nói đạo vô thượng, nay nói mất khả năng lợi ở dưới cho nên nói rộng làm lợi ích chúng sanh, vì vậy nên khác.

Hỏi: Đã nói con thường kinh hành riêng thì vì sao lại nói thấy Phật ở trong chúng?

Đáp: Có người nói đây là nêu chung trên riêng kinh hành cho đến dưới ở hội nói về hai nơi mất các đức cao quý. Có người nói Thân Tử không ở trong hội Phật chỉ xa thấy Phật ở trong hội cho nên tự thương xót mình.

"Tự nghĩ mất lợi này, chính con tự lừa dối": là từ than ôi! Rất tự trách vì sao mà tự lừa dối, là nói nghĩa tự xót thương. "Chúng con cũng Phật tử": là giải thích nghĩa tự xót thương, nay nửa bài kệ là tổng kết tự xót thương. "Con thường trong ngày đêm": là từ trước đến nay đều tụng hối xưa, hai bài kệ nầy là tụng hối sau sanh nghi, hai bài kệ chia làm hai: Kệ ở một mình sanh nghi, kế ở trong hội sanh nghi. Trên hối ở riêng mình cùng hai thời trong hội, nay nghi cũng. Lại ở riêng sanh nghi nghi mất quả đức, trong hội sanh nghi nghi mất nhân hành, sự nghi tuy nhiều mà không ra ngoài hai điều này.

Hỏi: Thân Tử đã thấy lý đồng mà giáo khác là đã biết đồng quy nên nói đồng hay chưa biết đồng quy mà nói đồng?

Đáp: Pháp Sư Diêu chú giải rằng: Đã thấy lý đồng quy, chỉ dùng lý nghi giáo dùng giáo nghi lý xen lẫn suy tìm do đó sanh nghi, thuận lý mà suy tìm giáo thì không nên có Ba thừa, căn cứ giáo mà nói lý thì không nên có Nhất thừa, cho nên sợ hãi giữa giáo và lý. Các Sư đều đồng nói như thế. Nay cho rằng không đúng, nếu Thân Tử lợi căn sâu biết lý đồng giáo khác cũng nên suy xét kỹ lý thật giáo quyền, biết lý là thật phân biệt giáo là quyền, quyền thật vì sao khó biết, đồng khác mà nói dễ biết.

Lại hỏi đã biết lý một giáo ba chưa nói Pháp Hoa chấp căn đã

động, nói lược lại động chấp gì? Lại nếu đã biết lý một giáo ba dưới vì sao nói ban đầu nghe Phật nói trong tâm sẽ kinh nghi, nếu vậy chỉ có xưa kinh sự lại không có nay mới sợ. Diêu Công chép: Ban đầu nghe Phật nói trong tâm rất kinh nghi, ban đầu nghe ba phen xin trước nói nhất định biết lý một, vì giáo mê hoặc lý nghi nầy liền dứt lại kinh nghi: xưa vì sao Đức Phật trái lý nói ba, do có người dùng lý mê hoặc giáo, từ văn chính là nói trở đi nghi thứ hai liền dứt thì khó. Nói rằng việc dó cũng không đúng. Văn ba phen xin mới là chấp động nghi sanh, thật ra chưa dứt. Lại văn mới nghi nói chung về ba, một trái nhau xưa nay mâu thuẫn, cũng không thiên chủ dùng lý mê hoặc giáo. Nay giải thích vì biết lý pháp tánh Khác nhau, chẳng phải biết lý Nhất thừa đồng. Đại Phẩm và văn này tự rõ ràng. Do thể pháp tánh đồng cho nên quả Ba thừa có khác, dùng lý mê hoặc giáo, dùng giáo mê hoặc lý, từ giáo mà quán lẽ ra là mãi mãi mất, từ lý mà quán lẽ ra còn không mất, vì thế ý buồn bã dùng dằng do dự không quyết định, cho nên nói mất hay không mất.

Kệ kế: thấy Phật tán dương Bồ-tát còn có trông mong dòm ngó, chưa biết là mãi mãi trụ Thanh Văn hay cũng thành Bồ-tát cho nên chép: "Vì thế nên ngày đêm, suy lường việc như thế".

"Nay nghe tiếng Phật chép: là từ trước đến nay đều là nói trước hai nghi hai hối, cho nên buồn, một bài kệ đây nghe giáo nay nghi hối được dứt cho nên tin hiểu. Nửa bài kệ trên lãnh giải mở cửa phương tiện, nửa bài kệ dưới lãnh giải hiển nghĩa chân thật, do lãnh giải hai nghĩa này cho nên nghi hối liền dứt. "Vô lậu khó nghĩ bàn khiến chúng đến đạo tràng": Ba thừa vô lậu, theo giáo mà nói đều trú nơi ba quả, luận cho cùng đều quy về thành Phật. Nói ba đến ba có thể là nghĩ bàn nay nói Ba thừa vô lậu chính là hợp đồng trở về đạo tràng, cho nên nói không thể nghĩ bàn.

"Con xưa chấp tà kiến, làm thầy các Phạm chí": là bài tụng khi mới đắc đạo tâm chấp dứt trừ cho nên vui.

Hỏi: Vì sao không trước tụng khi mới đắc đạo kiến chấp được dứt trừ ư?

Đáp: Đắc đạo về sau thấy nghe việc cao quý, nghi mất quả Phật do dó sanh buồn lo; nay biết không mất cho nên vui mừng do đó tụng trước, còn khi mới đắc đạo chưa lo mất quả, thì không có vui như ngày nay nên không trước tụng. Chỉ sau nghi hối do ban đầu chấp chặt cho nên nêu chấp tình giải thích lý do trên nghi hối. Nửa bài kệ đầu Thân Tử tự trình bày: "Con xưa chấp tà kiến": Thân Tử xưa làm đệ tử ngoại

đạo San Xà Dạ. "Làm thầy các Phạm chí": San Xà Dạ qua đời giao lại hai trăm năm mươi môn đồ cho Thân tử làm thầy các Phạm chí. "Thế tôn biết tâm con": Nửa bài kệ trình bày Phật trao cho pháp Tiểu thừa. Luận Trí Độ chép: Át Bễ sắp vào thành Xá-vệ khất thực, Phật dạy nay nếu ông thấy người phi thường thì chớ nói rộng pháp, tức là Thế tôn biết tâm kia. "Trừ tà nói Niết-bàn": Át Bễ nói kệ rằng: "Các pháp do duyên sanh, pháp ấy do duyên tận, Thầy ta Đại thánh chủ, nói nghĩa ấy như vậy". Kệ này nói về ba đế: Các pháp nhân duyên sanh gọi là khổ đế, pháp duyên ấy gọi là tập đế và tận gọi là diệt đế, tuy có ba đế mà chính là nói về diệt đế Niết-bàn, cho nên chép: trừ tà nói Niết-bàn.

"Con trừ hết tà kiến v.v...": Một hàng trình bày xưa ngộ Tiểu thừa. Nửa bài kệ trên nói về Thân Tử dứt tà kiến đắc sơ quả, nửa bài kệ dưới nói về Thân Tử nghe Trường Trảo luận nghị thì đắc quả La-hán, cho nên trong tà có hai thời, trong chánh cũng hai thời. "Mà nay mới tự biết, chẳng phải thiệt diệt độ v.v...": Trên là nói chấp mê, nay trình bày đắc ngộ. "Nếu khi được thành Phật": Nửa bài kệ trước nêu lãnh giải biết mê tức lãnh mở cửa phương tiện. Nay lãnh giải nói lên nghĩa chân thật. Đã biết trước diệt chưa tột cùng thì biết sẽ có chỗ cùng cực cho nên chép: "Bây giờ, mới được nói dứt hẳn hết không dư". "Phật ở trong Đại chúng v.v...": một bài kệ khen ngợi Phật, tức trình bày lý do ngộ giải. Khi mới nghe Phật chép: là tụng mới nghi đã trừ cho nên vui. Hai phần trước đều là xưa nghi hối trừ cho nên vui.

Y cứ văn có ba:

1) Kệ thuật lại nghi mới

2) Nói về nghi trừ

3) Thân Tử tự hối lỗi.

Ban đầu nghe Phật nói, nghĩa là mới nghe lược bỏ ba bày một động chấp sanh nghi lời Phật nói. "Trong lòng rất sợ nghi", bắt đầu khai tông động chấp sanh nghi. "Phải chăng ma giả Phật": Tâm đã sanh nghi bấy giờ trong lòng ngầm cho rằng Phật là ma, vì sao? Vì ma có tánh có mà nói không, không mà nói có, một mà nói ba, ba mà nói một, cho nên giống như ma dối luận. "Não loạn lòng ta ư?" Câu trên là hình loạn câu dưới là giáo loạn.

Hỏi: Nghi mới và nghi cũ có gì khác nhau?

Đáp: Trước nghi chỉ y cứ chánh sanh nghi, mới nghi là tà chánh hợp sanh nghi. Trước nghi y cứ chánh sanh nghi: Trước nói về lý giáo đều là Phật pháp, mà dùng lý giáo xen nhau nghi cho nên gọi trong chánh sanh nghi. Nay tà chánh hợp sanh nghi; Thân Tử cho rằng giáo

Ba thừa trước là Phật nói Nhất thừa giáo nầy là ma nói, cho nên nói tà chánh hợp sanh nghi. Vì dứt nghi trước nên biết Đại thừa là thật, Tiểu thừa là quyền, vì dứt nghi nay nên biết Nhất thừa là chính là nói chẳng phải tà nói. Vì thế chương trước chọn Nhất thừa là thật chẳng phải quyền cho nên khác với Tiểu thừa, chương này chọn Nhất thừa là chính là nói chẳng phải tà nói. Do trừ hai nghi này thì tất cả nghi dứt, nghĩa Nhất thừa tròn đầy.

"Phật dùng các thứ duyên": là nói về nghi trừ. Văn chia làm hai: Bốn bài kệ đầu chính là nói nghi trừ. Kế một bài kệ là tổng kết tà chánh. Bốn bài kệ chia làm ba:

1) Một bài lãnh văn xuôi tự khai tông nói

2) Hai bài lãnh văn xuôi dẫn chứng môn nói

3) Một bài lãnh trên thuận đồng môn nói.

Nửa bài kệ đầu chính là lãnh giải Phật nói giáo, nửa bài kệ sau nói nghi trừ. "Lòng kia an như biển": Xét rằng hư sắc giả dối, thì tâm thần nóng nảy, mà nay an định yên tĩnh thì biết chẳng phải ma. An là an như núi rộng như biển, tâm thần đã đồng núi biển thì biết chẳng phải ma nên nghi dứt. Thân Tử nghe ban đầu tự khai tông nói liền lãnh ngộ, kế hai bài kệ dẫn chứng như văn. "Như Thế tôn ngày nay": là lãnh giải thuận đồng với Chư Phật.

Hỏi: Chỉ nên nói đức Thích-ca cũng bỏ ba bày một, vì sao nêu cả từ sơ sanh, xuất gia, đắc đạo, nói pháp ư ?

Đáp: Sở dĩ mê nên nói bốn việc nầy, tức tìm lại sự tích là do từ xưa đến nay từ đầu đến cuối đều là một Đức Phật, cho nên biết chẳng phải ma mê hoặc loạn. Lại nữa Thân Tử chẳng những ngộ giải Ba thừa phương tiện nhất thừa chân thật, cũng biết từ mớisanh nói pháp đều là phương tiện, vì sao? Vì đạo lý chỉ có một mà phương tiện nói ba cũng là đạo lý vô sanh mà phương tiện nói sanh, xuất gia đắc đạo nghĩa cũng vậy.

Hỏi: Chưa nói tuổi thọ làm sao lãnh giải được ứng thân chân thật?

Đáp: Dựa theo tích mà chép: Thân Tử lợi căn nghe một biết hai, đã hiểu giáo quyền thật tức lãnh giải ứng thân chân thật. Nếu căn cứ bổn giải thích, Thân Tử đã là Đại thừa, phương tiện giúp Phật giảng nói giáo hóa, trước lãnh giải giáo quyền thật khiến chúng bỏ Ba thừa ngộ Nhất thừa nói lược ra ứng thân chân thật cũng khiến chúng không chấp tích mê bổn.

"Thế tôn nói đạo thật v.v...": là tổng kết tà chánh. Sở dĩ kết chánh

là khiến chúng biết Nhất thừa là Phật nói chẳng phải ma nói. Nửa bài kệ trên nói về Phật có thật, ma không thật, tức phân biệt có không; nửa bài kệ dưới kết đúng sai. "Con rơi vào lưới nghi": Nửa bài kệ nầy dẫn Thân Tử hối lỗi và tự trách mình.

Nghe tiếng Phật êm dịu v.v... Đây tụng văn xuôi kết thúc vui mừng. Văn có ba:

1) Ba câu đầu khen ngợi Phật.

2) Ba câu kế nói về vui mừng.

3) Một bài kệ sau nói về tự vui mừng.

Ba câu khen ngợi Phật: hai câu đầu khen ngợi âm thanh năng tuyên bày, một câu sau nêu pháp sở nói. Ba câu nói vui mừng: Một câu đầu chính nói về vui mừng, hai câu kế nêu được lìa dùng giải thích vui mừng. Một bài sau nêu tự vui mừng: Hai câu đầu nêu thành Phật sanh phước cho chúng sanh, hai câu sau nêu nói pháp sanh tuệ cho chúng sanh.

"Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất v.v..." là nói về Như lai thuật thành, thuật thành sự lãnh giải đó là sai lầm. Lại Đức Phật sắp thọ ký cho kia, còn sợ chúng nghi rằng: nếu hành đại nhân có thể đắc đại quả, thì Thân Tử đã tu tiểu hành liền được thành Phật, há chẳng phải nhân tiểu mà quả Đại? Muốn dứt nghi này cho nên thuật lại việc trước kia Thân Tử tu hành, nói về tu nhân đã chứa nhóm liền được đại quả nên không còn nghi ngờ. Lại, Thân Tử xưa học Tiểu thừa nay liền ngộ Đại thừa, đây cũng đáng nghi, vì sao Vì các Kinh Đại thừa đều khiến Nhị thừa sợ hãi, người Nhị thừa, liền được thọ ký thành Phật, tức rơi vào Nhị địa có gì sợ ư!! Vì vậy nên giải thích rằng: Thân Tử từ lâu tu tuệ Phật cho nên được ngộ giải, nếu thật chứng Tiểu thừa thì khó ngộ đại đạo cho nên Thích luận chép: La-hán sanh rễ ở tịnh độ, chậm lụt ở Phật đạo, quanh co, lưu lại, không như Bồ-tát chẳng đến: cho nên các kinh Đại thừa khiến Nhị thừa sợ hãi.

Văn có hai: Nói về trong đại chúng giảng nói: Phật nói riêng mình xưa dạy quyền dẫn dụ các việc, nay khai mật tạng nghĩa như cùng sáng tỏ, do đó bảo đại chúng. Lại thọ ký có bốn thứ sẽ muốn hiện tiền thọ ký khiến mình và người đều biết cho nên bảo đại chúng. Lại Thân Tử trước hành nhân Đại thừa hiện tại ngộ Đại thừa vị lai thành Phật, cũng khiến đại chúng hiện tại tu nhân, vị lai thành Phật, cho nên bảo với chúng.

"Ta xưa từng ở chỗ hai muôn ức Phật": Là thuật lại nhân trước. Văn nói về Thân Tử từ đầu đến cuối gồm có ba thời, thời đầu quá khứ học Đại thừa, thời giữa nhận lấy Tiểu thừa và thời thứ ba nay lại vì nói

Đại thừa. Thời quá khứ học Đại thừa: Là ở chỗ hai muôn ức Phật tu học Đại thừa. “Ông cũng từng đêm dài thọ học với ta”: Trên nói về giáo bị duyên, nay nói về duyên thọ giáo; thế gian có một đêm ngủ gọi là đêm ngắn. Có một ngày thức thì gọi là ngày ngắn, cũng có vô minh tối tăm, ngủ gọi là đêm dài, sáng suốt đại ngộ gọi là ngày dài. “Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sanh vào pháp ta v.v...”: Trước nói về ở chỗ hai muôn ức Phật mà giáo hóa, nay giải thích Thân Tử đắc thọ học trong Phật pháp của đức Thích-ca. “Xá-lợi-phất v.v...” là nói về lúc trước Thân Tử học Đại thừa. Nay nói giữa đường bỏ Đại thừa chấp Tiểu thừa. Câu đầu nói về bỏ Đại. “Mà tự nói đã được diệt độ”: là nói chấp Tiểu thừa. Luận Trí Độ chép: Thân Tử do bố thí mắt nên không thể vượt qua việc bố thí cho nên bỏ Đại chấp tiểu. “nay ta lại muốn khiến ông nhớ nghĩ v.v...” là nói về nay là thời nói Đại thừa. Ban đầu nhớ nghĩ bổn nguyện gọi là tâm Bồ-đề, “đạo đã làm” gọi là hạnh Bồ-tát, muốn cho Thanh Văn nối kế tâm Bồ-đề lại tu hạnh Bồ-tát cho nên nói kinh Pháp Hoa. Pháp Hoa gọi là pháp giáo Bồ-tát, khiến hàng Thanh Văn phát tâm Đại tu hành Đại thừa.

Hỏi: Nói Pháp Hoa chung cho năm thừa, vì sao nói nghiêng về giáo Thanh Văn?

Đáp: ba châu nói pháp chính vì Thanh Văn bên cạnh có cả bốn thừa. Luận Trí Độ chép: Kinh Pháp Hoa là giáo bí mật, nói A la hán được thọ ký thành Phật, vì sao? Vì Thanh Văn không biết có Nhất thừa, không có Ba thừa, Ba thưà là quyền, Nhất thừa là thật. Nay chính vì đối lại nên có thiên vị.

“Ông đến đời vị lai v.v...” là nói về Thân Tử được thọ ký.

Hỏi: Vì sao mà hàng Thanh Văn được thọ ký?

Đáp: Lược nói về sáu nghĩa:

1) Chứng minh thuật sự tin hiểu của mình là hiểu như thật, nếu không thật thì không được thọ ký do hiểu nên được thọ ký, cho nên văn dưới chép: nay ta không còn nghi tự thân đối trước Phật đắc thọ ký Ba Bồ-đề.

2)Nói thọ ký tức là lặp lại nói gom ba về một, vì Thanh Văn thành Phật tức biết Phật thừa là thật. Phật thừa đã thật thì Thanh Văn là quyền.

3) Dùng đây dẫn dắt chúng sanh, nói về có tín tâm cho nên liền được thọ ký, muốn được thọ ký nên sanh tín tâm.

4) Muốn cho Thân Tử ưa thích quả hành nhân.

5) Văn dưới nói trời rồng tám bộ cho đến nói người trung căn hạ

căn đều nhờ được thọ ký và thành tựu tin ý chỉ quy về Nhất thừa cho nên được thọ ký.

6) Phát chí nguyện chúng sanh vãng sanh Tịnh độ, đã ở Tịnh độ thành Phật đều nguyện tùy theo vãng sanh.

Hỏi: Thân Tử dẫn người nào sanh Tịnh độ ư?

Đáp: Thân Tử là chỗ y chỉ của bảy chúng, đại sư của bát bộ, Sư đã ở Tịnh độ thành Phật quyến thuộc đều nguyện vãng sanh. Nhưng Thân Tử dẫn chúng sanh gồm có ba thời:

1) Từ ngoại đạo dẫn vào Phật pháp.

2) Từ Tiểu thừa dẫn vào Đại thừa.

3) Từ uế độ dẫn đến Tịnh độ.

Hỏi: Thọ ký Thanh Văn và Bồ-tát có gì khác nhau?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Thọ ký cho Thanh Văn giúp Thanh Văn được tâm quyết định, chẳng phải cho rằng Thanh Văn thành tựu pháp tánh, do pháp thân Như lai và pháp thân Thanh Văn không khác cho nên được thọ ký; chẳng phải liền đầy đủ công đức tu hành, Bồ-tát đầy đủ công đức nên được thọ ký.

Văn chia làm hai:

1) Nói về thọ ký cho bậc thượng căn

2) Nói đại chúng vui mừng cúng dường khen ngợi.

Đầu lại có hai: Trước văn xuôi kế là kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

1) Nêu hành nhân.

2) Nêu đắc quả. Hành nhân nghĩa là hành nhân ba đời. Trước văn xuôi ban đầu nói về hai muôn ức Phật, tức gọi là quá khứ tu nhân. Kế nói "nay ta lại muốn ông nhớ nghĩ bổn nguyện v.v..." là nói về tu nhân hiện tại, nay văn nói về tu nhân vị lai.

Văn chia làm hai:

1) Nói về thời gian tu nhân.

2) Chính là nói tu nhân.

Kinh Niết-bàn chép: Có một Chiên-đà-la phát tâm ở kiếp hiền này thành Phật, còn Thân Tử nói vô lượng kiếp thành Phật là cCăn cứ giáo thì xa gần thích nghi, căn cứ ngộ vô sanh cũng xa gần tùy ý, do ngộ vô sanh nên không thấy tướng lâu mau xa gần khác nhau, cũng không thấy thành, không thành khác nhau. Cho nên kinh nói vô lượng kiếp trong một niệm, một niệm trong vô lượng kiếp, không đến, không chứa nhóm mà hiện việc các kiếp thì biết việc lâu mau xa gần không hai cũng không hề có xa gần v.v... Như Đại Phẩm chép: "Sanh tử đường

dài, chúng sanh nhiều tánh Bồ-tát nên chánh nhớ nghĩ như thế; ranh giới sanh tử như hư không, ranh giới tánh chúng sanh cũng như hư không, trong đó không có sanh tử qua lại, cũng không có giải thoát cho nên xa gần, chẳng xa gần.

"Cúng dường bao nhiêu Đức Phật" v.v... là nói về tu nhân. Ban đầu nói cúng dường Phật gieo trồng phước, vâng giữ chánh pháp để tu tuệ, đầy đủ đạo tu hành của Bồ-tát là tổng kết hành thành.

Sẽ được thành Phật,v.v... trở xuống: là nói đắc quả, gồm có tám quả:

1. Quả hóa chủ.
2. Quả cõi nước.
3. Quả giáo môn.
4. Quả thời gian.
5. Quả quyến thuộc.
6. Quả tuổi thọ.
7. Quả nối dõi.
8. Quả trú trì.

1. Hiệu là Hoa Quang: hoặc có thể từ thời, sự để lập danh, như luận Trí Độ giải thích Phẩm vãng sanh nói về ba trăm Tỳ-kheo cởi y trên cúng dường Phật, đưa cao tay lên là tướng được thành Phật thì gọi là Đại tướng. Lại ngàn thiên tử thấy cõi Phật trang nghiêm mà phát tâm tịnh độ được thọ ký hiệu là Phật Trang Nghiêm Vương. Lại phẩm giải thích tướng lưỡi chép: mười muôn ức người thấy Bồ-tát trong mười phương đến cúng dường hoa mà phát tâm nên được thọ ký, cho nên kiếp tên là Hoa Tích, Phật hiệu là Giác Hoa, như thế đều là do thời sự mà đặt tên Phật, Thân Tử nghe kinh Pháp Hoa lãnh ngộ đầu tiên cho nên được Phật gọi là Hoa Quang, Hoa là Pháp Hoa, Quang là tin hiểu, cảnh trí hợp gọi là hiệu Hoa Quang.

Hỏi: Người Ba căn Thanh Văn lãnh ngộ Pháp Hoa đều gọi là Hoa Quang ư?

Đáp: Thân Tử ban đầu được ngộ cho nên được tên Hoa Quang, cũng giống như A-nhã Kiều-trần-như ban đầu ngộ không mà phát sanh trí tuệ, các vị khác ngộ sau được danh hiệu khác.

Hỏi: Các kinh thọ ký vì sao chỉ thọ ký cho ứng thân mà không thọ ký pháp thân ư?

Đáp: Thọ ký cho ứng thân tức là thọ ký cho pháp thân, tu nhân đã mãn liền chứng pháp thân mới có thể dùng bổn thùy tích gá sanh cõi nước tịnh uế thành Phật hóa độ chúng sanh, chỉ pháp thân như hư không

chẳng ở đâu không đến, dẫn vật bất tiện nên không thọ ký pháp thân, ứng thân có cõi nước đồ chúng, hóa chủ giáo môn dẫn vật thuận tiện cho nên thọ ký.

2. Nước tên Ly cấu v.v... là nói về quả cõi nước. Nhưng quốc độ không hề tịnh uế do tâm chúng sanh tịnh uế nên có cõi tịnh uế, Thân Tử ngày trước không có tâm uế của phàm phu, nay ngộ Nhất thừa sau lìa cấu Nhị thừa đã lìa hai cấu Thánh phàm nên khi thành Phật đặt tên là cõi nước Ly cấu. Căn cứ mê nên gọi là cấu, ngộ nên gọi là tịnh. "Cõi đó bằng phẳng": Trên nêu danh cõi, nay nêu thể của cõi. Văn có hai:

1) Nói chung về thể của cõi.

2) Nói riêng về chỗ đất trang nghiêm.

Nói chung trong thể của cõi có hai:

1) Trước nói thể của cõi.

2) Nói về người vật.

Lìa cao thấp nên gọi là bằng, chẳng nhọn cong gọi là thẳng, không uế ác gọi là thanh tịnh, có các báu gọi là nghiêm sức. "An ổn v.v..." trở xuống là nói về người vật, lìa kiếp binh đao gọi là an ổn, lìa kiếp đói kém gọi là giàu vui, lìa kiếp tật bệnh gọi là khỏe khoắn. Đất bằng lưu ly: là nói riêng về đất trang nghiêm. Có tám đường giao thông: là nói riêng đường sá trang nghiêm. Văn nầy từ rộng đến hẹp gồm có ba câu: Ban đầu nói chung cõi, kế nêu đất, sau nêu đường sá.

3. Hoa Quang Như lai cũng dùng giáo Ba thừa hóa chúng sanh: là nói về quả giáo môn. Do bổn nguyện cho nên nói Ba thừa, đây là giải thích nghi. Phẩm Phương Tiện nói. Chư Phật xuất hiện đợi ác năm trược cho nên nói Ba thừa, Thân Tử nay xuất hiện ở cõi tịnh độ vì sao cũng nói Ba thừa! Do dó giải thích rằng: Đức Phật kia xuất hiện tuy chẳng phải đời ác, nhưng do bổn nguyện nên nói pháp Ba thừa, đức Thích-ca xuất thế cõi uế cho nên nói Ba thừa, Thân Tử do bổn nguyện nên nói Ba thừa là đều có lý do.

Hỏi: Vì sao Thân Tử do bổn nguyện nói Ba thừa?

Đáp: Thân Tử đối Ba thừa đắc ngộ Nhất thừa lại học theo đức Thích-ca nên lặp bày giáo hóa nầy.

Hỏi: Ở Tịnh độ có nói Ba thừa hóa độ Ba thừa chúng sanh hay không?

Đáp: Có thể đủ hai nghĩa:

1. Vì mang Ba thừa duyên nói Ba giáo, chúng sanh từ trước từng ở cõi uế, bị ràng buộc các khổ cho nên nguyện dứt trừ mà tánh không thể trở lại, tuy sanh cõi tịnh mà xứng với bổn tánh kia vì nói Ba thừa, như

chán cõi uế của đức Thích-ca sanh cõi tịnh của đức Di-lặc uế tâm tuy đổi mà tánh Ba thừa không dời, cho nên đức Di-lặc xuất hiện ở Tịnh độ cũng nói Ba thừa,

2. Cõi nước Thân Tử tuy không có ba duyên chỉ vì Bồ-tát truyền hóa các phương khác cho nên nói giáo Ba thừa, tuy có hai nghĩa mà dùng nghĩa sau làm chánh, cho nên đoạn sau chỉ nêu Bồ-tát không có chúng Ba thừa.

4. "Kiếp kia gọi là Đại Bảo Trang Nghiêm v.v..." là nói về quả thời gian: Như kiếp của đức Thích-ca gọi là kiếp Hiền, hiền là thiện. Trong kiếp này có một ngàn Đức Phật thiện nhân xuất thế, từ hóa chủ đặt tên nên gọi là kiếp hiền, nay từ sở hóa Bồ-tát thọ xưa, cho nên gọi là Đại Bảo. Không dùng châu báu làm quý giá chỉ dùng hiền triết làm vật báu.

5. "Các Bồ-tát đó v.v..." Nêu quả quyến thuộc. Ban đầu nêu số Bồ-tát. "Nếu khi muốn đi thì có bông đỡ chân v.v..." là khen ngợi công đức Bồ-tát. "Các bậc Bồ-tát như vậy khắp đầy nước đó: là tổng kết chúng Bồ-tát.

6. "Xá-lợi-phất! Đức Phật Hoa Quang v.v..." là nói quả tuổi thọ. "Trừ lúc còn làm vương tử chưa thành Phật": Như Đức Phật Thích-ca hoặc đạo tục hiệp luận thì tám mươi năm, hoặc luận tuổi thọ Phật chỉ có năm mươi, nay cũng vậy.

Hỏi: Vì sao cõi uế độ tuổi thọ Đức Phật ngắn, tuổi thọ của người dài, ở cõi Tịnh tuổi thọ của Phật dài, tuổi thọ của người ngắn?

Đáp: Tuổi thọ của Phật dài ngắn không có sự nhất định, chỉ vì cõi uế cảm nghiệp Phật yếu nên tuổi thọ Phật ngắn, cảm nghiệp sanh tử mạnh nên tuổi thọ của người dài, cõi Tịnh cảm nghiệp Phật mạnh nên tuổi thọ của Đức Phật dài, cảm nghiệp sanh tử yếu nên tuổi thọ của người ngắn.

7. "Đức Hoa Quang Như lai quá mười hai tiểu kiếp v.v..." là nói quả nối dõi. Đây là vui vãng sanh. Hoa Quang tuy diệt độ mà Kiên Mãn nối kế thì các Đức Phật kế kế nhau truyền thừa, đâu thể không nguyện vãng sanh ư? Hiệu là Hoa Túc An Hành Như lai v.v... là hoa báu đỡ chân an vui mà đi. Cõi nước của Đức Phật đó cũng giống như vậy: Tuy có khác Phật hưng thịnh đời mà tịnh độ không thay đổi cũng là tâm vui vãng sanh.

8. "Sau khi Phật Hoa Quang diệt độ v.v..." là nói về quả trú trì. Đại luận chép: Phật pháp gồm có bốn thời:

1) Thời Phật tại thế.

2) Đức Phật tuy cách đời mà phép tắc chưa thay dổi gọi là chánh pháp.

3) Đức Phật cách đời lâu, đạo hóa lầm giải thay vào gọi là thời tượng pháp.

4) Chuyển về cuối yếu kém gọi là thời Mạt pháp. Nay chỉ nêu ba thời nhiếp mạt thuộc về tượng pháp.

Hỏi: Đã là tịnh độ vì sao có Tiểu kiếp khởi ư?

Đáp: Nay chỉ nêu thời gian ít hơn đại kiếp không phải ba tai tiểu kiếp.

Kệ tụng chia làm hai:

1) Chánh tụng thọ ký.

2) Giải thích ý thọ ký.

- *Căn cứ đầu chia làm ba*:

1) Nói chung thọ ký.

2) Giải thích.

3) Tổng kết.

Nói chung như văn. "Cúng dường vô số v.v..." là giải thích. Một bài trên là tụng hành nhân. Kế tám hàng tụng nói về đắc quả. Trong đắc quả: nửa bài tụng đầu là quả thời gian, một hàng rưỡi tụng là quả thế giới, hai hàng tụng quả quyến thuộc, một hàng tụng quả hóa chủ, một hàng tụng quả thọ mạng, hai bài là tụng quả trụ trì.

Việc làm của "Phật Hoa Quang v.v..." Nửa bài kệ là tổng kết.

- *"Đấng Lưỡng túc tôn kia v.v..."* là giải thích ý thọ ký. Sở dĩ thọ ký là khiến cho kia tự vui đối với quả mà hành nhân, không tụng hai quả giáo môn và nối dõi, kệ cùng văn xuôi rộng lược xen lẫn nêu ra.

"Bấy giờ bốn bộ chúng v.v..." là nói đại chúng vui mừng giải ngộ.

Hỏi: Trong đây bốn chúng tám bộ đều là phàm phu, trong ba hạng thượng, trung, hạ căn thì thuộc phẩm nào ư?

Đáp: Đối chiếu kinh từ đầu đến cuối gọi là thượng phẩm. Vì sao biết ? Vì Thân Tử ban đầu lãnh giải đã là thượng căn, kia trước đắc ngộ cũng là thượng căn.

Hỏi: Đã là thượng căn nghe phẩm Phương tiện vì sao không liền giải kiến mà nay thọ ký mới được ngộ?

Đáp: Nghe phẩm Phương tiện rồi còn mờ mịt huyền tông thấy nay thọ ký nghiệm lý phải như vậy, ý thọ ký cho Thân Tử là ở đây.

Hỏi: Phàm phu mới nghe còn có thể lãnh giải, hàng trung hạ La-hán vì sao chưa ngộ ư?

Đáp: Nhị thừa tự cho là rốt ráo bệnh kia nặng nên chưa giải ngộ, phàm phu không bị bệnh ấy nên mới nghe liền ngộ, ba độc nhẹ nặng thì Thánh hơn phàm, nếu tin Nhất thừa khó dễ thì phàm hơn thánh.

Lại trong đây phàm Thánh, phần nhiều là quyền hành ảnh hưởng cùng dẫn dắt mở rộng đạo lợi người tự trình bày lãnh ngộ để dẫn dắt chúng sanh. Y cứ văn có hai:

1) Nói chung đại chúng vui mừng cúng dường.

2) Biệt nêu chư thiên cúng dường khen ngợi.

Phần một có bốn trường hợp:

1) Nói về người bốn chúng tám bộ đều vui mừng.

2) Thấy Xá-lợi-phất v.v...” là nói duyên vui mừng.

3) “Tâm rất vui mừng v.v...” chính là nói vui mừng, có hai nghĩa: Nghe pháp không hề có tâm được hiểu rõ liền sanh vui mừng, và thấy Thân Tử được thọ ký tưởng mình cũng được dự, sanh tâm vui mừng.

“Mỗi người đều cởi y trên của mình để cúng dường Phật” là nói cúng dường sanh tin hiểu do Phật nói. Ngưỡng vọng tôn kính cảm pháp tuệ nên hiến cúng tài vật lên Phật. Tỳ-kheo cởi y trên cúng dường Phật: Đại Phẩm nói ba trăm Tỳ-kheo cởi y trên cúng dường Phật. Luận chép: mười hai năm đầu Đức Phật chưa chế giới nên không phạm giới y, nay thời Pháp Hoa thành đạo bốn mươi năm dùng chế y giới. Đã nghe Nhất thừa ngộ giải đắc chánh tịnh giới, giới y để dứt thế gian chê bai nên xả y không mắc tội, Tỳ-kheo nước ngoài chỉ đắp Ca-sa trong không có y riêng, nay dùng y cúng Phật tức là xả một, hai trong ba y, lộ thân nhưng nghe pháp lòng hớn hở không lấy việc đây làm thẹn.

“Thích-đề-hoàn-nhân v.v...” là nói riêng chư thiên cúng dường khen ngợi. Trước nói cúng dường tài kế là nói về cúng dường pháp, y trụ giữa hư không: là tiêu biểu tâm lìa hữu (có). Mà tự xoay chuyển: cũng không dừng giữa hư không tiêu biểu tâm lìa không. Đã không nhiễm không hữu, liền ngộ nhập Nhất thừa. Lại trước đồng khác giải đối với lý là trái, nay tin lý đồng thì chuyển trái thành hướng quay về, trong tâm đã chuyến vật ngoài cũng xoay, lại thân đã nhảy múa thì vật ngoài cũng xoay chuyển.

“Mà nói lời rằng v.v...” là: Nêu pháp cúng dường. Trước văn xuôi, kế là, kệ có hai:

1) Ba hàng rưỡi nêu nghe pháp vui mừng.

2) Ba hàng dự vui mừng được thọ ký nên vui mừng.

Ban đầu lãnh giải phẩm Phương tiện, kế lãnh giải Thân Tử được thọ ký; bởi vì một châu từ đầu đến cuối cho nên lãnh giải hai điều này.

Lại ban đầu là nghe pháp hoan hỷ thì nương pháp làm duyên, sau là thấy người được thọ ký cho nên vui nghĩa là mượn người làm duyên, do ngộ đạo chỉ là do nhân pháp hai duyên, hai văn đều có bốn. Văn đầu bốn:

1) Kệ nói Tiểu thừa khi xưa là thô.

2) Kệ khen ngợi Đại thừa nay là diệu.

3) Kệ khen ngợi giáo nay ít có.

4) Nửa bài kệ chính là nói về lãnh giải vui mừng.

"Sanh diệt của năm nhóm": Thích Đạo An chép: Nên gọi là năm ấm. Sau ngài La-thập dịch là năm chúng, do nghĩa năm pháp hòa hợp chứa nhóm gọi là năm chúng. Lại mỗi ấm pháp đều là nhiều nên gọi là chúng. Tạp Tâm chép: chứa nhóm là nghĩa ấm tức là ý của La-thập. Sanh diệt: Gọi chung là Tứ đế. Khổ là sở sanh, tập là năng sanh, đây là năm ấm sanh. Diệt thì năm ấm diệt, đạo là năng diệt, cho nên sanh gọi là khổ tập, diệt căn cứ diệt đạo, lời y cứ nghĩa dùng khéo léo.

Hỏi: Vì sao không nói giới nhập sanh diệt ư?

Đáp: Giới nhập bao gồm vô vi không được gọi là sanh diệt. "Nay lại xoay bánh xe pháp": Đối với Tiểu xưa mà khen ngợi Đại này.

Hỏi: Vì sao các Kinh Đại Phẩm, Tư Ích, Niết-bàn, Pháp Hoa đều nói giáo xưa khen ngợi ư?

Đáp: Các kinh đều nói Tiểu thừa đối Đại thừa khen ngợi, cho nên biết các Kinh Đại thừa hiển đạo không hai, không được giải thích năm thời bốn tông.

Hỏi: Vì sai nói Tiểu khen ngợi Đại ư?

Đáp: Trước nói năm chúng đã là sanh diệt, nay nói năm chúng thì không sanh không diệt, không sanh nên chẳng khổ tập, không diệt nên chẳng diệt đạo, cho nên gọi nhất thật đế tức là quán vô sanh diệt. Nhị thừa đã là Tứ đế gọi là quán sanh diệt.

Hỏi: Làm sao biết kinh này nói về năm chúng không sanh không diệt ư?

Đáp: Văn trước đã nói xưa giáo nói năm chúng là sanh diệt, tức biết giáo nay nêu năm chúng không sanh không diệt, Phẩm Phương Tiện chép: Các pháp từ xưa nay tướng thường vắng lặng. Lại Trung luận chép: Vì Thanh văn nói mười hai nhân duyên là sanh diệt, vì Bồ-tát nói mười hai nhân duyên bất sanh bất diệt cho nên hai thừa Đại Tiểu có nghĩa hai quán sanh diệt, không sanh diệt.

Hỏi: Vô lượng Tứ Thánh đế cũng có sanh diệt làm sao được nói Tiểu thừa quán sanh diệt ư?

Đáp: Bồ-tát hiểu vô lượng Tứ Thánh đế xưa nay không sanh không diệt cho nên thể tánh vô minh vốn tự không có do vọng tưởng nhân duyên hòa hiệp mà sanh. Đã nói vọng tưởng nhân duyên sanh thì có tập làm năng sanh, khổ làm sở sanh, đây tức là vô sanh diệt sanh diệt, tuy sanh diệt không sanh diệt nên không đồng với nhị thừa.

Lại nói năm chúng sanh diệt người Tiểu thừa nói năm chúng vô thường, khổ, không, vô ngã, nay nói lược vô thường cho nên nói sanh diệt, lại nói quán hữu làm sanh quán không làm diệt, cho nên nói sanh diệt. Lại Nhị thừa chưa đắc hữu dư có phiền não sanh, đắc hữu dư thì phiền não diệt, chưa nhập vô dư thì thân trí sanh, nhập vô dư thì thân trí diệt, nay nói về phiền não và thân trí vốn tự bất sanh, nay cũng không diệt, cho nên luận Trí Độ quyển mười chín chép: Trước nói năm chúng là sanh diệt. Vô thường, nay muốn căn cứ môn khác nói năm chúng không sanh không diệt, chẳng phải thường chẳng phải vô thường.

Hỏi: Vì sao nghe Nhất thừa và thọ ký mà nói năm chúng sanh diệt ư?

Đáp: Đây lãnh mở cửa phương tiện hiển bày nghĩa chân thật. Trước nói về năm chúng sanh diệt, đây là nói phương tiện, nay nói về năm chúng không sanh không diệt chính là nói chân thật, do trước thấy năm chúng là sanh diệt cho nên chấp Tiểu mê Đại, nay biết vốn không sanh diệt thì thay đổi hai chấp.

Hỏi: Các kinh Đại thừa cũng nói về năm chúng là sanh diệt cho nên kinh nói các hành vô thường là pháp sanh diệt, đâu được nói năm chúng sanh diệt là Tiểu thừa ư?

Đáp: luận Trí Độ nói về bốn tất đàn có cả mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng. Nói năm chúng sanh diệt là tất-đàn đối trị, nếu tất-đàn đệ nhất nghĩa tức nói năm chúng không sanh không diệt, nếu ngộ tất-đàn đệ nhất nghĩa thì sanh thật quán, thật quán tức là diệu tuệ, diệu tuệ tức là diệu pháp, diệu pháp tức là Nhất thừa, vì vậy nên nói năm chúng không sanh không diệt.

"Đại Trí Xá-lợi-phất v.v..." là được dự phần thích được thọ ký nên vui mừng. Cũng chia làm bốn:

1) Nửa bài lặp lại Xá-lợi-phất được Phật thọ ký.

2) Một bài tự trình bày mình sẽ được thọ ký.

3) Nửa bài kệ trình bày được sự lãnh giải.

4) "Phật đạo chẳng nghĩ bàn v.v..." là lãnh giải hiển bày nghĩa chân thật, "Phương tiện tùy nghi nói: là lãnh giải mở cửa phương tiện. Bài kệ kế là nói phát nguyện tu hành, bốn đoạn đây làm hai cặp: hai

đoạn đầu đã đắc sẽ đắc một cặp, hai đoạn nói về giải hạnh một cặp.

"Bấy giờ, Xá-lợi-phất v.v..." đoạn lớn thứ ba chính là nói về nói Thí dụ cũng chia làm bốn: Từ đây đến cuối phẩm chính là nói về nói Thí dụ, thứ hai trong phẩm Tín Giải người hạng trung căn lãnh ngộ, thứ ba phẩm Dược Thảo Dụ nêu Như lai thuật thành, thứ tư phẩm thọ ký nói về vì kia thọ ký, do đó có bốn đoạn. Người người trung căn nghe trên pháp nói chưa hiểu lại chuyển thế nói pháp cho nên nói thí dụ để hiểu. Kế đã nghe trước pháp nói lại lãnh thọ thí dụ sau là được tin hiểu cho nên có phẩm Tín Giải thứ hai. Bởi hiểu là thật cho nên Như lai nêu phẩm Dược Thảo Dụ thuật thành, lãnh giải ở trước thuật thành ở sau, tâm được hiểu rõ hành tương ưng với Phật thì đương quả có thể hy vọng, vì thế thọ ký cho.

Văn đầu có hai phần:

1)Thân Tử xin nói.

2) Đức Phật nhận lời thỉnh nói cho nghe.

Phần một lại có ba:

1) Tự trình bày giải ngộ của mình

2) Nói chúng chưa giải ngộ.

3) Thỉnh Phật giảng nói cho chúng nghe.

Sở dĩ phải tự trình bày giải ngộ của mình vì có hai nghĩa:

1) Nếu không tự trình bày giải ngộ của mình thì ý chúng sanh không hiểu rõ, hoặc cho rằng nhờ người khác mà thật tự mình chưa ngộ thì trên thọ ký không thành trình bày lãnh giải cũng lầm lẫn, cho nên phải tự trình bày sự lãnh giải của mình.

2) Muốn vì người thỉnh pháp phải hiểu được ý người, nếu chưa hiểu được thì thỉnh đâu có mạch lạc.

Hỏi: Bậc trung căn tự có nghi hối sao không tự xin mà nhờ người xin ư?

Đáp: Đã không có khả năng trước ngộ, lại chẳng phải chủ đối tán dương, nên đợi người khác chất vấn nghi. Tự trình bày mình lãnh giải có hai câu: "nay con không còn nghi hối": là lãnh phẩm Phương Tiện: "Tự mình ở trước Phật được thọ ký": là nói về lãnh giải văn được thọ ký trên, nêu đầu thu nhiếp cuối nên thuật cả hai. Lại không còn nghi hối chính là nói về được diệt hoặc tự ở trước Phật được thọ ký là hiểu hai việc này là cần thiết nên thuật. Lại không còn nghi hối chính là được hiểu, tự mình ở trước Phật được thọ ký là chứng minh sự hiểu đó là thật.

Hỏi: Nói thẳng được thọ ký là đủ, vì sao nói tự mình ở trước

Phật?

Đáp: Thọ ký có hai thứ:

1. Không hiện tiền được thọ ký, do chưa lãnh giải.

2. Tự mình ở trước Phật được thọ ký, chắc chắn có lãnh giải.

Một ngàn hai trăm vị tâm tự tại nầy v.v... là nói chúng chưa ngộ. Văn chia làm ba:

1) Nêu xưa.

2) Nêu nay.

3) Xưa nay xen lẫn nghi.

Xưa lại có hai:

1) Nêu người một chấp của vô học.

2) Nêu người học hai chấp của người vô học.

Ban đầu nêu hai chấp của người vô học: Lìa già bệnh chết gọi là lìa lỗi quả, rốt ráo Niết-bàn chấp vô dư. Kế nêu người học và vô học hai chấp: lìa các kiến tức là lìa hết lỗi nhân, gọi là đắc Niết-bàn chấp hữu dư, do đó hai văn không đồng. Người vô học sẽ lìa lỗi quả, nếu lìa lỗi nhân có thể chung cho người Hữu học, Vô học. Trước phân biệt người nên các lỗi lìa cũng riêng sau nêu người chung nên lỗi lìa cũng chung.

Hỏi: Thật đoạn chín mươi tám sử vì sao chỉ lìa các kiến ư?

Đáp: Người vô học có thể dứt đủ chín mươi tám sử mà nay nói lìa các kiến ấy người Hữu học, Vô học đều dứt.

Ngã kiến là gốc của các kiến cho nói Đại Phẩm chép: Thí như ngã kiến nhiếp sáu mươi hai kiến, hữu kiến vô kiến tức là đoạn thường gọi là biên kiến. Đẳng: là chấp ba kiến còn lại, lại chấp ba kiến và các độn sử. "Mà nay ở trước Thế tôn v.v..." là nói nay. "Đều rơi vào nghi lầm": là chánh sanh nghi. Tiểu Đại xen lẫn quyết xưa nay y nhau tìm cầu cho nên thành nghi. Trước nói về đã lìa hai lỗi không còn có thể lìa đắc hai Niết-bàn, không còn đắc nữa, nay nói do phải lìa mới lại đắc, xưa nay trái nhau cho nên rơi vào nghi hối.

"Lành thay Thế tôn!" trở lại là chánh xin. Sở dĩ xin vì Thân Tử là theo Phật xoay bánh xe pháp, có người chưa hiểu thường vì họ xin Phật nói. Lại vì đã đắc ngộ liền thành Bồ-tát, Bồ-tát lấy sự cứu giúp chúng sinh làm hoài bão, nên vì chúng sinh thỉnh. Lại đã đồng là Thanh Văn, xưa đều bẩm thọ thiên hóa, mà tự mình đã được hiểu còn người khác chưa hiểu thương bạn đồng hành kia nên vì họ xin. Lại cuối Phẩm Phương Tiện Đức Phật khuyên mở rộng kinh, nay vì chúng xin tức là thọ nhận ý chỉ. Lại ở trên thọ ký nói về Thân tử hành nhân vị lai thành Phật, nay vì chúng xin tức là hành nhân. Xin vì bốn chúng nói nhân duyên ấy:

nhân duyên có Ba thừa, Nhất thừa vì sao nói ba, vì sao nói một! Đây nói về nhân duyên giải thích nghi dứt bỏ hối gọi là lành thay!

Phật nhận lời xin nói có ba phần:

1) Duyên khởi.

2) Như trong cõi nước xóm làng v.v... đến dưới kệ chép: "Do nhân duyên ấy tìm cầu mười phương v.v..." gọi là chính là nói.

3) "Bảo với Xá-lợi-phất bọn ngươi các ông thầy v.v...": là khuyên mở rộng kinh, ba đoạn nầy cũng được gọi là chánh truyền bá bài tựa của Tử Chương.

Trong phần duyên khởi đầu lại chia làm hai:

1) Nêu trước pháp nói.

2) Sau nên thí nói. Trước nêu pháp chép: Do sau thí lại dụ pháp trước, trước nói tuy nhiều mà nói lược hai thí chủ yếu mà khai thị ngộ. Hai câu chủ yếu là giáo Nhất và duyên Nhất. Giáo Nhất: trước nói các giáo tuy nhiều mà nêu không hai.

Kế là duyên Nhất: Do giáo không khác tiêu biểu, duyên người không khác, cho nên nói đều vì hóa Bồ-tát. Do giáo không khác tiêu biểu duyên người không khác, thì quả không khác, nhân cảm không khác, lược bày hai môn thì thâu nhiếp đầy đủ tất cả, nếu vậy từ lâu đã dùng lãnh giải vì sao lại nghi! "Nhưng Xá-lợi-phất v.v..." nói sau nói thí dụ. Nhưng: Là tuy nhiên, tuy trước đã nói mà do chưa hiểu, sẽ dùng thí dụ sau để hiểu ngộ. Lại nói "nhưng" ấy là hứa. Tuy trước đã nói nhưng hứa với kia nay do chưa ngộ giải nên lại dùng thí dụ nói về hai nghĩa trên để hiểu ngộ. "Những người có trí do thí dụ mà hiểu được": là nói về chưa thể quên lời do ngộ ý chỉ mà có khả năng để tâm rỗng rang để đợi thí dụ, so với hàng thượng căn là người ngu, so với người hạ căn là người trí. Lại so hàng thượng căn là người ngu, so hàng lui sụt là người trí. Lại nêu trước là chỉ bác bỏ hứa nói là đôn đúc khuyên thí dụ. Chỉ bác bỏ: Ta trước đã nói người khác đã ngộ, sao ông đến nỗi mê như vậy, dùng đây bác bỏ khiến cho sanh phẫn động. Đôn đúc khuyên dụ: khiến cho kia kính mến đạo sanh tâm lãnh giải.

"Xá-lợi-phất như trong cõi nước v.v... trở xuống là chánh thuyết, lại chia làm hai:

1. Văn xuôi.

2. Kệ tụng.

Văn xuôi có hai:

1) Thọ xin chính là nói.

2) Sau cùng dùng nhân duyên dạy Thân Tử xin.

Chính là nói chia làm hai: 1. Khai thí; 2. Hiệp thí.

Khai thí: Pháp Sư Quang Trạch Pháp Vân chia làm mười thí: Đối văn nghĩa sai trái nhiều, nay y văn xưa chia làm sáu thí dụ:

1. Tổng thí.
2. Thí thấy lửa.
3. Thí cứu con không được.
4. Thí dụ ba xe cứu con được.
5. Thí đồng ban cho xe lớn.
6. Thí không luống dối.

Sở dĩ có sáu thí dụ nầy, tổng thí tuy có sáu nghĩa mà dùng hóa chủ làm chánh, khen ngợi đức của Như lai chẳng có gì không tròn đầy, hệ lụy chẳng có gì không trừ hết, đức tròn đầy nên mới giải cứu hoạn nạn, hệ lụy chẳng có gì là không trừ hết nên có khả năng cứu giúp vật, đây là căn bản để hóa độ chúng sanh nên trước nói về. Đức cha tròn đầy không còn hệ lụy, thấy con có hệ lụy không có đức liền khởi tâm đại bi nên có thứ hai dụ thấy lửa, tuy bên trong có đại bi cần phải có phương tiện bên ngoài cứu giúp, cho nên khi mới thành đạo liền muốn cứu người bị hệ lụy, giúp người không có đức. Nhưng cha tuy có khả năng trao cho mà con chưa có khả năng thọ nhận nên có thí dụ Nhất thừa hóa không được. Tuy Đại chưa thành mà Tiểu căn cơ đã động cho nên đối Nhất thừa nói ta thừa ứng thời liền ngộ nên có thí dụ ba xe cứu con được, tuy là nói ba cuối cùng là quy một, do đó trở lại thật hóa nên có thí dụ đồng ban cho xe lớn. Hứa ba cho một tợ như nói dối nhưng lại ban cho vượt quá sự mong cầu vì bổn ý là cho một nên chẳng luống dối, nên có thứ sáu Thí dụ chẳng dối gạt. Căn cứ sáu dụ đây hiệp thành năm cặp: ban đầu một là chung, năm sau là riêng, gọi chung riêng một cặp, Bậc Thánh nói pháp trước thường là nói chung, sau thì nói riêng nên trước chung sau biệt.

Căn cứ trong riêng lại chia làm hai:

Thấy lửa dụ nói về trong khởi tâm bi tức là chiếu soi căn cơ, bốn dụ sau ứng duyên nói giáo gọi là cơ giáo một cặp. Y cứ trong giáo sau lại chia làm hai: Dụ đốn hóa không được, ba dụ sau nói về tiệm hóa được con gọi là đốn tiệm một cặp. Y cứ trong tiệm sau lại chia làm hai: Dụ vì nói giáo Ba thừa, hai dụ sau nói về Nhất thừa giáo, gọi là Ba nhất một cặp. Căn cứ trong Nhất thừa lại chia làm hai: 1. Dụ chính là nói về nói giáo, sau không luống dối dụ gọi là hợp giáo, gọi giáo và hợp giáo một cặp.

Hỏi: Sáu thí dụ nầy từ phẩm Phương Tiện hay đoạn văn nào sanh?

Đáp: Có người nói đều từ văn phẩm Phương tiện sanh, nay nói về không hẳn như. Kinh này có ba châu khác nhau, vì căn tánh mỗi thứ khác nhau nên chuyển thế nói pháp cho nên có ba thuyết khác nhau, nếu mỗi pháp đều như trên nói thì văn thành rối rắm nói chẳng khéo léo, lại sau không khác trước, nghe trước đã mê hoặc, bẩm thọ sau cũng mê thì Thánh nói không lợi ích.

Nay nói về chỉ có bốn thí dụ giữa từ bốn đoạn lớn ở phẩm Phương tiện mà sanh. Tổng thí và sau bất hư thí đều là nghĩa phẩm này nói. Nói bốn dụ từ phẩm trước sanh:

1) Thấy lửa thí: "Ta dùng mắt Phật thấy chúng sanh trong sáu đường", văn nói về Phật ở địa vị pháp thân thấy chúng sanh có khổ không vui nên khởi tâm đại bi, nay văn nói về Trưởng giả đứng ngoài cửa thấy lửa bốc cháy nhà thì rất kinh sợ. Hai văn nghĩa đồng cho nên văn nầy từ phẩm trên sanh.

2) Dụ Trưởng giả cứu con không được: "Phật mới thành đạo Nhất thừa hóa độ chúng sanh không được" ở phẩm trên.

3) Trưởng giả ban cho ba xe dẫn dụ con được là "giáo Ba thừa hóa chúng sanh được" ở phẩm trên.

4) Đồng ban xe lớn dụ: Từ phẩm Phương Tiện vì nói nhất thừa sanh. Đức Thích-ca một thời kỳ giáo hóa xuất hiện ở đời có năm thứ vẫn đục, ban đầu từ pháp thân địa thấy căn cơ cuối cùng ở hội Linh Sơn nói pháp Nhất thừa chỉ có bốn chương không được nhiều ít, cho nên nay nói về từ đầu thấy lửa, cuối cùng đồng ban xe lớn cũng chỉ bốn thí dụ không được thêm bớt, nên bốn dụ từ bốn pháp sanh.

Hỏi: Nếu vậy chỉ có bốn thí dụ. Vì sao có đầu tổng thí và sau bất hư thí ư?

Đáp: Tuy có đầu tổng thí lại không lìa bốn nghĩa trên, chỉ muốn nêu chung về đức năng hóa, lỗi lầm sở hóa, cho nên có tổng thí. Lại nêu giải nghĩa nên có trước chung sau riêng.

Lại sắp nói về hóa vật nên trước khen ngợi Phật có đức hóa vật nói tổng thí! Sở dĩ có thứ sáu bất hư thí, đây cũng không có tự thể riêng mà lại là lựa chọn nghĩa nói trước ba sau một, ở trên, vì nhân duyên này nên chia ra sáu thí dụ. Theo tổng thí lại chia ra sáu thí dụ:

1) Hóa chủ.

2) Hóa xứ.

3) Giáo môn.

4) Người sở hóa.

5) Ý hóa.

6) Căn tánh. Chư Phật mười phương ba đời xuất thế lập ra giáo hóa đều có sáu thí dụ này, đức Thích-ca ra đời ở cõi đời ác có năm thứ vẫn đục cũng nêu sáu dụ này. Căn cứ trong sáu dụ này thì hóa chủ và giáo môn là sự năng hóa, bốn thứ còn lại là sự sở hóa.

Hỏi: Vì sao thứ nhất nói về Hóa chủ ư?

Đáp: Tuy có sáu nghĩa nhưng Hóa. chủ là chánh cho nên trong hợp thí chính hiệp hóa chủ, do đó trước nêu hóa chủ, Lại sắp muốn hóa vật nên trước khen ngợi Như lai có đức hóa vật. Lại khiến vật ưa thích công đức nầy như pháp thọ hóa. Nói về Hóa chủ có năm câu:

1. Nêu xứ đại.

2. Nói về đức trọng.

3. Nêu tuổi cao.

4. Khen giàu có lớn.

5. Khen có nhiều quyến thuộc. Hễ là bậc đại nhân thì phải đầy đủ năm điều này, năm câu này đều là khen ngợi đức của Trưởng giả.

Như cõi nước xóm làng: là nói xứ đại, hoặc: Tạp Tâm nói hoặc việc kia, lại hoặc là như vậy, như việc kia mà nói. Cõi nước xóm làng: chính dụ hóa xứ, nhưng hóa xứ có bốn: Nước, ấp, xóm, lạc. Chỗ vua ở có thành quách biên giới hạn vực gọi là quốc ấp: Người xưa gọi huyện là ấp, trong thôn năm nhà gọi là tụ, ngoài làng xóm thôn quê gọi là lạc. Nay dùng Thích Luận giải thích phẩm Phát Thú nói về một Đức Phật một vị vua giáo hóa gồm có bốn chỗ.

1. Nói một thế giới.

2. Nói về một thế giới hải.

3. Nói về một thế giới chủng.

4. Nói về phần thế giới sở độ.

Một thế giới: trăm ức nhật nguyệt gọi là một đại thiên, như vậy mười phương mỗi phương một Hằng hà sa Đại thiên gọi là một thế giới Phật. Một thế giới hải: Như vậy một thế giới Phật số mười phương như Hằng hà sa gọi là một thế giới hải.

Như vậy thế giới hải số như mười phương Hằng hà sa gọi là một thế giới chủng. Như vậy thế giới chủng mười phương vô lượng gọi là một thế giới phần sở độ. Tổng bốn thứ này hiệp làm một cõi nước một Đức Phật một vị vua giáo hóa đó là đại xứ, dụ cho phần sở độ của một thế giới. Ấp là kế so sánh thế giới chủng kia, lạc là hàng xóm thôn quê xa so với thế giới hải, tụ là thôn năm nhà, gần so với một thế giới. Trưởng giả ở bốn chỗ, là khen ngợi Trưởng giả rất bặt hảo. Một nhà lớn cũng gọi là Trưởng giả, ở ngoài nhà chưa hẳn đều là lớn (đại), nếu

ở bốn chỗ gọi là đại thì có thể là khen ngợi cùng cực, nói về Đức Phật cũng như nghĩa có thể biết.

Hỏi: Hễ có tiếng tăm thì phải từ gần đến xa, nay vì sao lại từ xa đến gần?

Đáp: Có hai nghĩa: Muốn kiểm nghiệm đức của Trưởng giả khiến danh thật không luống dối, nói về đây Trưởng giả chẳng những nước xa đề cao cho đến ấp gần cũng khen ngợi, từ xa đến gần chứng nghiệm thật đức của Trưởng giả, Như lai cũng vậy; nương bốn chỗ này định danh đức của Phật. Muốn nói lên Phật tuy là vua giáo hóa bốn chỗ nay muốn nói về hóa một chỗ, cho nên từ xa cho đến gần do căn duyên một phương nầy mà cảm đến Phật.

"Có vị đại Trưởng giả": là nói về địa vị đức trọng. Trưởng giả thế gian có ba hạng:

1) Trưởng giả có đức.

2) Trưởng giả tuổi cao.

3) Trưởng giả giàu sang.

Trưởng giả có đức: lược nói về ba nghĩa:

1. Có trí.

2. Có đức.

3. Trong sạch không sai phạm.

Do đầy đủ ba nghĩa này cho thế gian tôn xưng Trưởng giả, đức Như lai cũng như vậy:

1) Chiếu lý cùng khắp gọi là Bát-nhã, như Trưởng giả có trí.

2) Các đức nầy đầy đủ gọi là pháp thân như Trưởng giả có đức.

3) Muôn sự hệ lụy dứt hẳn gọi là giải thoát, như Trưởng giả không có sai phạm, ba đức đã đầy đủ tiêu biểu cho Thế tôn.

"Tuổi đã già suy": là nói về tuổi cao tức là Trưởng giả lão niên. Trước nói về đức trọng, ở đây dụ tuổi cao, do đức trọng tuổi cao nên mọi người cung kính, Đức Phật cũng giống như vậy.

1) Đầy đủ các đức.

2) Tuổi thọ vô cùng, do đầy đủ hai nghĩa này nên được mọi người tôn kính. Đây căn cứ pháp thân làm dụ.

Do pháp thân tuổi thọ bất khả cùng tận. Mượn người già để dụ ứng thân, người già mạng sống cùng tận không còn còn bao lâu, dụ cho ứng thân Như lai đây sau cùng không còn sanh nữa. Nên Thích luận chép: thai phần sinh tử của ta đã hết, là thân rốt sau cùng, ta do được giải thoát phải trở lại độ chúng sanh. Chấp hóa độ lâu làm thí dụ, trước làm Bồ-tát giáo hóa các con, các con trái với giáo trải qua vô số kiếp,

Bồ-tát hóa độ về sau nên gọi là già. Nên Phẩm Tín Giải chép: "Tự suy nghĩ già cả không có con cái". Sau cùng nên giao phó tài vật cho con làm dụ nên gọi là tuổi cao, Người già ở đời đã lâu, thấy nghe nhiều hiểu biết xưa nay dùng để dụ Như lai có nhất thiết trí. Tuổi đã suy: Người già yếu không ở đời lâu là dụ người già lâu năm.

"Của giàu vô lượng": là khen giàu có, tức người giàu lớn, tài bảo ở đời có công năng làm cho lìa khổ được vui, pháp bảo cũng có công năng lìa khổ sanh tử được vui đại Niết-bàn phước tuệ đầy đủ là giàu của sử dụng không hết gọi là vô lượng, lại các đức tròn đầy gọi là của giàu, khác với nhân trụ gọi là vô lượng. "Có nhiều nhà ruộng": Trí đoạn đầy đủ năng sanh vật thiện là ruộng, từ bi che chở gọi là nhà, lại nuôi dưỡng thân mạng gọi là ruộng, an thân là nhà, pháp bảo như vậy, năng nuôi dưỡng vật tuệ mạng như ruộng, an vật pháp thân như nhà, năng an dưỡng vô cùng nên gọi là nhiều.

"Và các tôi tớ": là nói về quyến thuộc Trưởng giả. Xưa nói dụ chúng sanh sở hóa, công học nông cạn là đồng (tôi), đức hành chưa cao là bộc (tớ). Nay nói dưới nói về năm trăm người là luận chung sở hóa, ba mươi người con là luận riêng sở hóa, việc sở hóa đã hết nay không dụ lại. Nhưng chọn dụ thần thông xếp vào tôi tớ để về sau sau già yếu làm người sai khiến Trưởng giả thế gian giàu sang gồm có ba hạng:

1. Trong nhiều châu báu.

2. Ngoài nhiều ruộng nhà.

3. Nhiều các tôi tớ, đầy đủ ba điều này thì gọi là giàu có, Đức Phật cũng. Trong đầy đủ tự đức như nhiều châu báu, ngoài năng sanh vật thiện và từ bi che chở như nhiều ruộng nhà. 3. Có thần thông vận dụng chư tôi tớ chung quanh thuận theo.

"Nhà ông rộng lớn": Nói về hóa xứ. Trên nước ấp xóm làng là nêu xứ khen ngợi người, cho nên Trưởng giả có bốn chỗ tôn sùng kính mến, nay nêu người để tiêu biểu xứ. Nói Trưởng giả ở trong một nhà có khả năng dạy đạo: Lại ở trên nêu chung bốn chỗ tiêu biểu Phật ở các cõi tịnh uế để giáo hóa chúng sanh, nay nói về nhà kia rộng lớn là giới thiệu riêng cõi ba cõi uế trược mà hóa độ chúng sanh, ba cõi xa rộng gọi là rộng lớn, sáu đường dừng nghỉ gọi là nhà.

Nhà chỉ có một cửa: Nêu giáo môn. chín mươi sáu thứ giáo nói đều không thể xuất ly sanh tử cho nên gọi là môn khác, chỉ nương theo Phật giáo mới có thể thoát khổ nên xưa là nhà một cửa. Đây dùng đối ngoại đạo. Vì khác cho nên chỉ Phật giáo là một. Đây dụ chung giáo Đại thừa Tiểu thừa gọi chung là một Phật giáo.

Nhiều người trong đó: là nói về người sở hóa. Phẩm loại hàm thức trong ba cõi này rất nhiều hạng cho nên có nhiều người. “Một trăm” dụ cho trời hai trăm dụ loài người, cho đến năm trăm chung cả ba đường, Tu-la hoặc khai hoặc hiệp, nên nói cho đến.

Hỏi: Thành luận và luận Trí Độ nói về có sáu đường. Tát-bà Đa bộ chỉ nêu năm đường làm sao hợp ư?

Đáp: Có luận Sư chép: Chọn sanh báo kia thì Tu-la thuộc Quỷ thần cho nên nói về năm đường, chọn y báo kia tức cùng chư thiên tương tợ nên phân sáu đường.

Hỏi: Nói về năm trăm tiện đủ vì sao lại nêu một trăm, hai trăm ư?

Đáp: Hàng trời người có khả năng thọ hóa cho nên nói riêng.

Dừng nghĩ trong đó: chúng sanh trong các đường thích ở không bỏ đi, cũng là bốn mươi người dừng ở. Tám mặt đất ngục cùng ngã quỷ, súc sanh là mười, bốn thiên hạ, sáu tầng trời coĩi Dục là mười, cõi Dục hiệp hai mươi, cõi cõi Sắc có mười sáu xứ, Vô sắc bốn xứ hợp thành bốn mươi.

“Lầu gác đã mục”: là nói về ý hóa. Văn chia làm hai:

1) Giới thiệu tướng nhà.

2) Nói lửa bốc cháy.

Tướng nhà chia làm hai:

1) Nói chung ba cõi vô thường.

2) Nói riêng ba cõi vô thường.

Xưa chép: Nhà một tầng gọi là đường (nhà trệt), hai tầng trở lên gọi là gác, cõi Dục trở xuống gọi là đường, cõi sắc, Vô sắc trở lên gọi gác, nay nói nhà chung tụ tập gọi là đường, nhà có nhiều tầng gọi là gác, quả báo chúng sanh trong ba cõi là khổ hữu, mà đồng ở trong đó là dụ như đường, ba cõi quả báo cao thấp lên xuống như nhà có nhiều tầng dụ như gác. Vô thường suy yếu nghĩa là mục. “Vách phên sụp đổ”: là nói riêng ba cõi vô thường. Trước nói sắc pháp vô thường, bên ngoại đều được dựa vào làm tường, trong chương làm vách, ngoài bốn đại thành giới hạn ba cõi như tường, thành bốn đại trong thân như vách, sắc pháp suy yếu nghĩa đồng như sụp đổ. Chân cột hư nát, nhà sở dĩ được vững là nhờ cột trụ, báo thân sở dĩ còn là nhờ mạng căn giữ gìn. Đã dùng ấm thân làm nhà nên dùng mạng căn làm cột, mạng căn thế đến cùng, thì báo thân sắp hoại, đó cũng như chân cột hư nát nên nhà cửa sắp đổ. Rường cột xiêu ngã: Thân được duy trì dựa vào tâm thức, nhà cửa chắc chắn phải nhờ rường cột. Chân cột mục nát nên rường nhà

xiêu ngã, mạng căn đến cùng thì tâm thức sụp đổ.

Hỏi: Vì sao chỉ nêu ba pháp vô thường?

Đáp: Pháp hữu vi gồm có ba nhóm: 1. Sắc 2. Tâm. 3. Phi sắc phi tâm. Vách phên sụp đổ nghĩa là sắc pháp vô thường, rường cột xiêu ngã gọi là tâm pháp vô thường. Chân cột hư nát nghĩa là phi sắc phi tâm pháp vô thường. Sắc pháp đã thô vô thường, tướng hiện rõ nên nói ban đầu, tâm pháp tế, tướng vô thường vi tế nên nói sau, phi sắc phi tâm mạng căn năng giữ gìn sắc tâm cho nên nói giữa.

"Bốn phía đồng thời lửa bỗng bốc cháy": Nói về lửa bốc cháy nhà, có chỗ gọi lửa là các khổ.

Hỏi: Thường có ba cõi thì thường có các khổ cũng lẽ ra thường có nhà lửa thường có lửa cháy, vì sao trước nói về nhà lửa sau nói hỏa tai (tai nạn lửa) ư ?

Đáp: Đây dụ đầy đủ hai nghĩa chung riêng:

1) Nói chung ba cõi đều chuyển biến chịu đủ các tai ách, nếu vậy đã thường có nhà lửa cũng thường có hỏa tai, hai sự thật này là nhất thời chỉ nói thành trước sau thôi! Trước nói về nhà lửa kia vô thường, sau nói tai nạn lửa đầy đủ các khổ, khổ cùng vô thường là hoạn nạn của muôn vật cho nên nói nghiêng lệch.

2) Riêng thí dụ chúng sanh ba căn ở hội đây, ngày trước bẩm hóa khổ ở nghĩa tạm dứt, Đức Phật đã cách đời nên lại khởi phiền não do phiền não căn chịu các khổ quả nên trước nói về nhà lửa sau nói lửa bốc cháy. Lại đã chịu khổ ấm thân thí như nhà lửa, bắt đầu lại khởi hoặc chiêu cảm khổ gọi là lửa khổ, một nghĩa chung cho hai hạng người.

Hỏi: Vì sao biết đây dụ đầy đủ hai nghĩa chung và riêng?

Đáp: Nêu năm trăm người lại nêu ba mươi người con, năm trăm người thí dụ chung năm đường chúng sanh, ba mươi con nói riêng trước đã từng theo thọ hóa, do đó nêu cả hai loại chung, riêng để hóa độ đủ.

1) Hóa độ riêng cho người trung căn, hạ căn khiến biết ba quyền một thật.

2) Chung vì tất cả chúng sanh khiến biết lỗi lầm ba cõi.

Lại kinh này khiến tất cả chúng sanh lìa địa vị phàm phu cũng lìa địa vị Nhị thừa, do nói lỗi lầm ba cõi nên khiến chúng sanh không tham đắm ba cõi, nghĩa là lìa địa vị phàm phu. Sau nói về các con ra ngoài cửa cầu xe không được, đồng ban cho xe lớn, khiến biết Nhị thừa là nắm tay rỗng, Nhất thừa là chân thật, khiến lìa địa vị Nhị thừa, do nhân duyên ấy nên giáo hóa đủ hai người. Bốn phía đồng thời: Các khổ dụ do lửa, không nơi nào không có tức là đồng bốn phía, ba cõi đều khổ nói

là đồng thời, xuất ra khắp gọi là lửa bỗng nhiên nổi. Đốt cháy nhà cửa: phiền não là lửa cháy tâm gốc lành, các khổ là lửa đốt thân lạc thọ.

Các con của Trưởng giả hoặc mười người hoặc hai mươi người cho đến ba mươi người v.v... là nói căn tánh Ba thừa.

Hỏi: năm trăm người đã nhiếp căn tánh Ba thừa nay vì sao lập lại?

Đáp: Trước nói về năm trăm là chung chúng sanh trong năm đường, nói về có căn tánh thừa trời người chưa hẳn đầy đủ căn tánh Ba thừa, nay nói riêng ba mươi người con tuy là cũng nhiếp năm đường nhưng có riêng căn tánh Ba thừa cho nên nói riêng.

Trước đã từng bẩm thọ giáo sanh thiện, thiện từ Phật sanh gọi thiện là con, do thiện gọi là người, người thọ tên con. Xưa chép: mười người dụ Thanh Văn, hai mươi người dụ Duyên giác, ba mươi người dụ cho Bồ-tát, Thanh Văn đức ít nên số ít, Bồ-tát đức nhiều nên số nhiều. Lại nói mười người con dễ đắc như căn tánh Thanh Văn dễ đắc, cho đến ba mươi người con khó đắc dụ cho căn tánh Bồ-tát khó đắc. Nay đều khác nhau với hai nghĩa trên, lấy mười dụ Bồ-tát, hai mươi dụ Duyên giác, ba mươi dụ cho Thanh Văn. Người cầu Đại thừa ít như mười người, cầu Duyên giác hơi nhiều như hai mươi, cầu Thanh Văn chuyển nhiều như ba mươi, giải thích đây rút ra trong Kinh Hoa Nghiêm Phẩm Hiền Thủ. Lại như kinh này nêu người ba căn: Thượng căn đắc giải ít như Thân Tử một người, trung căn hơi nhiều như bốn đại Thanh Văn, hạ căn chuyển nhiều cho đến năm trăm.

Hỏi: Vì sao không có căn tánh Nhất thừa?

Đáp: Trong Ba thừa Đại thừa tức là căn tánh Nhất thừa, lại trong đó chính là nói về căn cơ Ba thừa phát, căn cơ Nhất thừa phát sau cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Con có định số vì sao nói hoặc đến ba mươi ư?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1) Hoặc khai Thanh Văn, Duyên giác thành hai thừa, hoặc hợp thành hai Tiểu thừa, do khai, hợp không nhất định nên nói "hoặc". Ví như trên một trăm, hai trăm cho đến năm trăm, Tu-la hoặc khai hoặc hợp nên nói "cho đến".

2) Căn cứ trước căn tánh Ba thừa không nhất định như Đại Phẩm nói sáu mươi Bồ-tát thoái thành la hán, Ca-diếp vốn là căn tánh Duyên giác do gặp Phật nên thành Thanh Văn, Thanh Văn không gặp Phật liền thành Duyên giác, do không nhất định nên nói "hoặc".

3) Trước tuy có căn tánh Ba thừa cuối cùng đều thành Bồ-tát nên

lại nói “hoặc”.

Trưởng giả thấy lửa lớn: là nói về dụ thấy lửa. Thí dụ này sở dĩ có là do trên khen ngợi đức của Phật chẳng đức nào không tròn đầy, không hệ lụy nào không dứt hết. Nay thấy con hệ lụy chẳng gì không tròn đầy, đức chẳng gì không tận cho nên khởi tâm đại từ bi.

Hỏi: Thấy gì ở các con mà khởi tâm đại bi?

Đáp: Thấy con đủ cả hai nghĩa chung và riêng nên khởi tâm Đại bi.

1) Thấy chung là chúng sanh năm đường không vui có khổ,

2) Thấy riêng ba mươi người con trước từng lãnh thọ giáo nên được lìa khổ mà trái với sự giáo hóa khởi mê hoặc hỏi chịu lại đốt cháy nên khởi tâm đại bi.

Trước phẩm Phương Tiện nói pháp nói có ba:

1) Năng kiến.

2) Sở kiến.

3) Khởi tâm bi.

Nay chuyển thế thuvết pháp cũng chia làm ba:

1) Nêu Trưởng giả thấy lửa liền rất sợ sệt.

2) Tự nói mình đã ra khỏi.

3) Thương xót con chưa lìa khổ.

Ban đầu lại có ba câu:

1) Năng kiến.

2) Sở kiến.

3) Kinh sợ.

Trưởng giả thấy thì muốn cứu con thoát nạn cho nên trước nói về thấy. Tức dụ cho đức Như lai ở địa pháp thân dùng mắt Phật thấy chúng sanh có khổ không vui: lửa lớn: là nói về sở kiến: Đều đốt cháy ba cõi nên gọi là lửa lớn. “Từ bốn phía bốc cháy” tức là sanh già bệnh chết. Kinh Niết-bàn chọn bốn hòn núi nay chọn dụ bốn phía: sanh là phía Đông, già là nam, bệnh là tây, chết là phía Bắc. “Liền rất sợ hãi là nói về kinh sợ: Y cứ riêng ba mươi người con mà nói, trước kinh thọ hóa không nhắc đến lửa cho nên kinh sợ, mê chấp cảnh khổ sợ tuệ mạng sắp hết thành nhất xiển đề nên sợ. Căn cứ chung chúng sanh sáu đường giải thích: một phen kinh ngạc gọi là kinh, nhất định biết việc đáng sợ gọi là bố, dụ cho từ tâm một phen ban vui gọi là kinh, kế khởi tâm bi cứu khổ gọi là bố.

“Mà tự suy nghĩ rằng”: là nói về tự mình đã được ra, sở dĩ nói mình đã được ra ý nói con chưa thoát khỏi. “Ở cửa của nhà cháy”: là

nêu chỗ thoát ra, đây lấy hạn vực ba cõi làm cửa cho nên văn sau chép: “Nay xe nầy đều ở ngoài cửa”, tức là chứng minh.

Hỏi: Đây và trước chép: “Chỉ có một cửa” có gì khác ư?

Đáp: Trước chọn Phật giáo chung mọi người vượt ra ba cõi ngộ nhập lý nên gọi là cửa, như văn sau chép: Dùng môn Phật giáo vượt khỏi ba cõi khổ, nay nói sắp bị đốt cháy là phân biệt khác cửa trước, cho nên biết gọi ba cõi là cửa. Như người đời nói chung một nhà gọi là môn, hoặc gọi một nhà, hoặc nói một hộ, nay cũng.

Do tám khổ là năng thiêu, ba cõi là sở thiêu nên gọi là cửa bị cháy. “Ra ngoài được an ổn”: Ngày trước hành đạo có công vượt ra không có nghiêng đọa cho nên nói an ổn được ra do đó kinh dạy: Ta một mình trở lại bổn nguồn kia tự tránh khỏi mà đặc biệt vượt ra ba cõi. Lại luận Trí Độ chép: pháp ra khỏi Ba thừa đều khác nhau, như ba người ở trong ngục tự đào lỗ, hoặc vượt tường sợ hãi mà ra chẳng an ổn ra, gọi là Nhị thừa ra, Bồ-tát phá ngục ba cõi giết các ngục tốt cùng chúng sanh đồng ra gọi là an ổn ra. “Song các con ở trong nhà lửa”: là thương con chưa lìa khỏi các ưa đắm vui năm dục. Chơi giỡn: là tham đắm năm dục không chịu khắc chế mình. “Không hay không biết”: Trước tham đắm tức tham ái, không hay không biết gọi là vô minh. Si ái là gốc của sanh tử, không hay nhà sắp đổ gọi là không biết vô thường, không biết lửa bốc cháy gọi là không biết các khổ. Một lần đầu không ngộ gọi là không hay, từ đầu đến cuối không ngộ gọi là không biết, trái mất thiện đời trước gọi là chẳng sợ, sắp mất tuệ mạng gọi là chẳng sợ. Lại ban đầu không sợ khổ vô thường và từ đầu đến cuối không sợ gọi là không sợ sệt. “Lửa đến đốt thân rất đau khổ”: Trên vì chúng sanh chưa chịu khổ mà thí dụ, nay vì chúng sanh chịu khổ mà lập dụ, khổ già bệnh chết đốt thân làm ép ngặt thân, tham sân si thiêu đốt tâm là rất khổ, khổ bên ngoài là bị lạnh nóng, đánh chửi v.v... khổ bên trong là bốn đại không điều hòa một trăm lẻ một bệnh ép ngặt. “Tức không lo lắng, không có ý cầu ra khỏi”: là nói chung hai thứ chúng sanh không có nhàm chán khổ sanh tử muốn cầu thoát ba cõi.

“Trưởng giả đó lại nghĩ”: là dụ cứu con không được. Dụ trên Nhất thừa hóa chúng sanh không được, ban đầu thí chung khen ngợi Phật có vui không khổ, kế thấy lửa dụ chúng sanh có khổ không vui, nay thứ ba muốn cứu khổ cho chúng sanh đồng Chư Phật không khổ ban vui cho chúng sanh đồng Chư Phật có vui, chỉ bậc Thánh năng trao cho chúng sanh chứ không năng thọ cho nên có dụ nầy. Lại vì giải thích cho nên có thí dụ nầy. Nhất thừa đã là chân thật Đức Phật khi mới ra đời sao không

nói ngay, vì vậy nên giải thích rằng: Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn nói cho chúng sanh nghe, nhưng Thánh tuy năng trao mà chúng sanh chưa có khả năng lãnh thọ cho nên lỗi ở chúng sanh chẳng phải lỗi của Phật. Y cứ thân mà chép: Trên thấy lửa dụ ở địa Pháp thân thấy chúng sanh có khổ, không vui, nay dùng bổn thùy tích muốn cứu khổ ban vui cho chúng sanh. Căn cứ ở sự tâm bi nói về: Trên thấy lửa dụ nói về bên trong đại bi đầy đủ, nay nói về xoay vần cứu giúp tức việc bi, Phàm phu Nhị thừa tuy có tâm bi mà không có sự bi nên gọi là ít bi, nay có tâm bi bao gồm có sự bi nên gọi là Đại bi. Do tiểu bi nên gọi là giả tướng bi, do đại bi nên gọi là chân thật bi. Trên phẩm Phương Tiện có ba:

1) Nói về tuệ Phật rất sâu chúng sanh độn căn cho nên không nói pháp.

2) Phạm vương khuyến xin.

3) Giả sử muốn nói thì có tổn hại chẳng lợi ích cho nên không nhận xin dứt hóan Nay chuyển thế nói pháp chia làm hai chương:

1) Thí dụ Đại thừa khuyên hóa độ chúng sanh không được.

2) Thí dụ Đại thừa răn bảo hóa độ không được.

Môn khuyên: là khen ngợi công đức Pháp thân. Răn bảo là nói lỗi lầm sanh tử. Lại khuyên tức là đại từ ban vui, răn bảo tức là đại bi cứu khổ. Sở dĩ chỉ nói về hai môn, vì Đức Phật thì có vui không khổ, chúng sanh thì không vui có khổ, đây đã nhiếp chung Thánh phàm cho nên chỉ nói về hai môn này. Trong môn khuyên có hai tư duychia làm hai khác nhau:

1) Tư duy nói Đức Phật có khả năng trao Đại thừa.

2) Tư duy rõ chúng sanh không có khả năng thọ.

Đây và hai tư duy của phẩm Phương Tiện khác nhau. Phẩm Phương Tiện:

1. Tư duy không thể dùng tuệ mầu nhiệm trao cho người độn căn,

2. Tư duy giả sử gượng trao có tổn hại không lợi ích, do chuyển thế khác nhau nên pháp và thí có khác kinh Sư không nên cho rằng thí dụ sau phải đồng với pháp trước. Trưởng giả đó lại nghĩ: là nêu chung tư duy.

"Thân và tay của ta có sức mạnh": là nêu các việc đã tư duy thể trí tột cùng là pháp thân, tức dụng của trí gọi là tay; năng cứu giúp hoặc trở về gốc rễ gọi là có sức mạnh.

Hỏi: Vì sao thân và tay có sức mạnh?

Đáp: Muốn nói về khi Phật mới thành đạo có thể nói Nhất thừa. “Nên dùng ghế hoặc dùng vạt áo từ trong nhà mà ra ngoài”: Trưởng giả nghĩ chân tay có sức mạnh nên có thể dùng vạt áo hoặc dùng bàn ghế từ trong nhà mà ra ngoài, nếu con không có sức mạnh thì không thể như vậy được dụ cho Như lai bên trong có pháp thân hiểu biết, ngoài năng hiện thần thông nói pháp từ nhà ba cõi dẫn chúng sanh ra, đây là dụ ba luân. Suy nghĩ thân và tay của ta có sức mạnh gọi là tha tâm luân. Dùng vạt áo gọi là thần thông luân, nếu dùng ghế thì gọi là nói pháp luân, nên đoạn dưới hiệp dụ nói nên dùng thần lực và trí tuệ lực tức là việc ấy.

Hỏi: Vì sao trước dùng thần thông sau nói về nói pháp ư?

Đáp: Chư Phật Ba đời hóa vật nên phải trước hiện thần thông rồi mới nói pháp, vì vậy kinh này trong phẩm Tựa nói về ba luân trước sau. Ban đầu nhập định Vô Lượng Nghĩa tức tha tâm luân như thân tay có sức mạnh mưa hoa động đất phát ra ánh sáng hiện cõi nước tức thần thông luân gọi là vạt áo. Từ xuất định cho đến một kinh xong tức nói pháp luân gọi là ghế, nói về thừa quyền thừa thật là pháp sở thừa như ghế, nói thân quyền thân thật là người năng thừa dụ cho bàn. Lại bảy đoạn văn kinh mỗi mỗi có vạt áo ghế bàn, ban đầu kinh nói hiện thần thông là vạt áo, nhân Nhất thừa như ghế, quả Nhất thừa như bàn chương sau kinh cũng có vạt áo ghế bàn. Hai phẩm Đa Bảo, Dũng xuất hiện thần thông là vạt áo, nói nhân sống lâu như ghế, nói quả trường thọ như bàn. Lại phối hợp hai việc với hai đoạn kinh: Ban đầu nói về thừa quyền, thừa thật dụ như ghế bàn, tức nói pháp luân, sau nói thân quyền thân thật ngắn dài thích ứng, hóa gọi là thần thông luân. Thí như vạt áo. Khổ cứu con nêu ra vạt áo cha cho nên trước dùng vạt áo làm dụ; ghế bàn: chân cha đạp lên ghế, thân cha nương vào bàn. “Ông lại suy nghĩ”: Suy nghĩ trước là bậc Thánh có khả năng trao truyền, nay biện chúng sanh không có khả năng thọ, lại chia làm ba phần:

1) Tư duy lý mầu nhiệm.

2) Tư duy độn căn.

3) Tư duy không thể dùng diệu lý trao cho người độn căn.

Tư duy lý mầu nhiệm: Ngoài ra dụ Trưởng giả suy nghĩ về cửa có ba ý:

1) Chỉ có một cửa.

2) Nói về cửa lại rất hẹp.

3) Suy nghĩ về cửa rất nhỏ ấy.

Trong hợp chỉ có một cửa: chỉ một chí lý, chí lý không hai nên gọi là một, rất mầu nhiệm rỗng suốt gọi là môn (cửa), không dung nạp

phàm phu ái kiến gọi là hẹp, không thọ đoạn, thường của Nhị thừa gọi là nhỏ. Lại không chứa đoạn thường của phàm phu Nhị thừa cho nên gọi là hẹp, cũng không thọ có sở đắc của Bồ-tát Đại thừa gọi là nhỏ, đây căn cứ người để giải thích nghĩa hẹp nhỏ. Lại chí lý không chấp nhận ngôn ngữ thì đường ngôn ngữ dứtgọi là hẹp, không chấp nhận tâm hành thì chỗ tâm hành diệt gọi là nhỏ, lại ngang dứt trăm phi gọi là hẹp, dọc siêu bốn câu gọi là nhỏ.

"Các con thơ bé chưa hiểu, mê đắm chơi giỡn": là suy nghĩ về con có ba nghĩa:

1) Thơ bé.

2) Chưa hiểu biết.

3) Mê đắm chơi giỡn.

Đối môn trên cũng có ba nghĩa: Gốc lành yếu kém là thơ bé, chưa thể phân biệt công đức pháp thân tội lỗi sanh tử gọi là chưa hiểu biết, triền miên trong năm đường dục gọi là mê đắm chơi giỡn. Lại hợp ba câu này chia làm hai:

1) Câu đầu nói về có thiện.

2) Hai câu sau nói về có ác.

Thiện có hai nghĩa: Đầu phát tâm là thơ, quán giải yếu kém gọi là kém. Ác có hai nghĩa: chưa hiểu biết gọi là si, mê đắm chơi giỡn gọi là ái, là đầy đủ si ái.

"Hoặc vấp ngã bị lửa dốt cháy": là tư duy nói về không được hóa độ. Môn đầy đủ ba nghĩa, con cũng đủ ba nghĩa: Nếu bên trong cầm vạt áo hoặc ghế bàn chẳng những không được cứu con ra mà còn làm cho con rơi vào lửa bị dốt cháy, trong hiệp cũng vậy. Chí lý mầu nhiệm chúng sanh căn độn, nếu trao truyền chí lý thì người độn căn không có khả năng ngộ giải, chẳng những không vượt sanh tử lại còn khiến kia sanh tâm chê bai.

Hỏi: Đức Phật biết người độn căn nhất định chê bai pháp Đại thừa, vì sao nói là hoặc sẽ rơi rớt ư?

Đáp: Khi mới thành đạo căn cơ Đại thừa chưa thuần thục nên sanh khởi chê bai, đến hội Linh Sơn bỏ Tiểu chấp thì năng tín nhận do căn tánh bất định cho nên xưng hoặc.

Hỏi: Nay văn nói chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp có gì khác với văn trước chỉ có một cửa?

Đáp: Có người chép: Ban đầu dùng chung giáo đại tiểu làm một môn (cửa) sau chỉ dùng giáo Đại thừa làm một môn. Có người nói nay văn nói một môn cũng đầy đủ giáo đại tiểu, chỉ có một cửa đồng với

nghĩ trên. "Mà lại nhỏ hẹp" là nói riêng môn Đại thừa. Như thẳng một cửa ấy đã khó ra được huống chi chi nhỏ hẹp ư? Thẳng ấy đối Phật pháp đã khó tin hiểu huống lại Đại thừa đâu dễ hiểu ư ? Nay nói hai giải thích nầy đều thành khó hiểu!

Vạt áo ghế bàn đã là thí dụ giáo vì sao lại dùng một cửa để dụ giáo, lại vì sao được dùng giáo vạt áo, ghế bàn từ cửa Phật giáo (môn) mà ra ư? Nay nói về như trước giải thích, trong đây dùng lý làm môn, dùng vạt áo, ghế bàn làm giáo. Cửa đã nhỏ hẹp không thể dùng vạt áo ghế bàn từ cửa đem con ra được, lý đã mầu nhiệm không thể hiện thần thông nói pháp giúp chúng sinh ngộ lý.

Hỏi: Trưởng giả thân tay có sức mạnh vì sao không đem con ra ư?

Đáp: Thân tay dụ cho trí bên trong chiếu soi căn cơ, vạt áo bàn ghế dụ cho hiện thần thông nói pháp bên ngoài, chỉ được dùng bên ngoài hóa vật, không được dùng trí bên trong hóa vật.

"Ta nên vì chúng nó mà nói những việc đáng sợ": là Nêu giới môn (môn răn bảo) nói Đại thừa hóa vật không được. Căn cứ dụ mà chép: Dùng vạt áo bàn ghế đem con ra không được nay nói thẳng việc đáng sợ khiến con mau ra. Trước nói pháp thân, công đức đã không tín nhận, nay nói tội lỗi sanh tử khiến vượt ba cõi.

Hỏi: Khuyên và răn bảo vì sao khuyên trước, răn sau?

Đáp: Khuyên môn là gốc răn bảo là ngọn, Chư Phật ra đời vốn vì khai tri kiến Phật, chỉ vì chúng sanh không hiểu cho nên sau mới nói tội lỗi sanh tử.

Lại tuệ Phật khó hiểu, tội lỗi sanh tử dễ biết nên trước nói khó sau trình bày dễ, câu đây nói chung muốn nói việc đáng sợ. "Nhà này đã bị cháy phải ra cho mau": Chính là nói về việc đáng sợ. Do có ấm thân xếp vào lửa già bệnh chết thiêu đốt thân, lửa ba độc đốt cháy tâm, cho nên nói nhà này bị lửa lớn dốt cháy. "Chớ để bị lửa đốt hại": Trên tuy nói về hai thứ lửa đốt cháy nhưng chỉ đốt mà chưa hại, nay sợ bị hai thứ lửa hại cho nên khuyên răn, nếu buông thả hai thứ lửa này thì bị đốt diệt gốc lành hại pháp thân cắt đứt tuệ mạng. "Suy nghĩ thế rồi bảo các con rằng": Câu trước nói trong tâm tư duy, ở đây nói về giả lập nói cho sợ hãi. "Cha dầu thương xót khéo nói dụ dẫn": Đây là nói về chúng không có căn cơ không nhận sự răn bảo. Thương chúng không vui, xót cho chúng có khổ nên dùng pháp, thí dẫn dụ, thương xót căn cứ trong tâm, khéo nói dẫn dụ căn cứ ngoài nói pháp. "Mà các con tham đắm vui chơi": Nói về các con tham đắm sanh tử năm dục lạc. "Không

chịu tin nhận” là không tin sanh tử là vô thường khổ Kinh Thụy Ứng chép: Dù sẽ vì nói muôn vật vô thường thiên hạ đều khổ, chính là nói dường như trái, ai chịu tin khổ nhọc ta như vậy, không bằng sớm chọn Niết-bàn. “Không sợ sệt”: Đầu không sợ sanh tử là không kinh, không hề sợ nên không sợ sệt. “Lại cũng chẳng hiểu gì là lửa”: là không biết lửa sanh già bệnh thiêu đốt thân, lửa ba độc thiêu đốt tâm. “Gì là nhà? Thế nào là hại”: Không biết ba cõi là nhà chung, năm ấm là nhà riêng, không biết do lầm vọng tưởng nên khởi sanh hai lửa hại thân tâm vọng tưởng là gốc của hai lửa. “Chỉ cứ đông tây chạy giỡn”: Xưa nói nam bắc là dọc, Đông Tây là ngang, nói về các con ngang lý dụng tâm, nay nói lập nhà thì Đông Tây không có cửa chỉ mở cửa hướng Nam, vì Đông Tây không cửa tức trái lý chạy chơi giỡn nên không có nghĩa ra ngoài, nếu trái bắc hướng Nam thì trái mê hoặc hướng đến lý liền có nghĩa ra cho nên không nói Nam Bắc chạy giỡn. Lại nếu Nam Bắc chạy thì cha ở ngoài cửa con liền có lý theo cha, cha liền có nghĩa hóa độ con, chẳng nói không căn cơ. Tâm rong chơi ái kiến nện gọi là chạy, không tự khắc phục mình gọi là giỡn. “Nhìn cha mà thôi!”: Ban đầu dù không tin chỉ có phần hướng lý cho nên nói “nhìn cha”, chưa thể tu hành nên gọi “mà thôi”.

“Bấy giờ, Trưởng giả liền nghĩ v.v...”: là dụ ba xe cứu con được. Sở dĩ có dụ nầy: Đã Nhất thừa hóa không theo không chấp nhận bỏ mà không cứu, cho nên đối một Phật thừa phân nói riêng ba, thì từ Phật khởi quyền cũng là ẩn thật hiển quyền. Lại ở trên tức vạt áo ghế bàn do có vật đem con ra không được, nay hư chỉ ngoài cửa do không có vật nên đem con ra được, nhưng pháp Như lai chứng đắc là không hư không thật, do không hư không thật nên có khả năng nói hư thật đều là thật, chẳng được nói không hư không thật cho nên hư thật đều là hư. Có vật ấy là đạo lý chỉ có Nhất thừa, không vật ấy là đạo lý không có hai thừa. Lại vạt áo bàn ghế cha dùng vật để cứu con không được, nghĩa là Nhất thừa sở hành của Như lai. Kinh Niết-bàn chép: Lại có một hành là Như lai hành, có chỗ gọi Đại Niết-bàn Đại thừa. Nay nói về ba xe vật của con, cứu con được, ba xe là chỗ nương của chúng sanh nên gọi là vật của con. Thích luận và luận Nhiếp Đại thừa chép: Phật thừa là tư thừa, hai thừa là tha thừa, tức Kinh nay nói Phật tự trụ Đại thừa cho nên biết hai thừa là của con trụ. Nếu nói theo thân thì thấy lửa được gọi là pháp thân, cứu con không được dụ là Xá-na báo thân, ba xe dẫn con dụ là tức Thích-ca hóa thân. Đây là thí dụ trên Ba thừa hóa độ được chúng sanh.

Văn trên có ba:

1) Niệm muốn khởi hóa Ba thừa.

2) Nói giáo Ba thừa.

3) Nói về được lợi ích.

Nay chuyển thế nói pháp văn có bốn phần:

1) Biết xưa các con ưa thích.

2) Vì nói ba xe.

3) Các con tin chịu ra khỏi nhà lửa.

4) Thấy con thoát nạn vui mừng.

Phần một chia làm ba:

1) Nói về không ra là tổn hại.

2) Muốn lập chước dụ ra.

3) Biết sở thích của con trước đây.

"Nhà này đã bị lửa lớn đốt cháy: "Nhà ba cõi chính là bị hai thứ lửa thân tâm đốt cháy. "Ta và ccác con nếu không ra ngay sẽ bị lửa cháy": Trên nói lửa cháy, nay nói bị lửa hại tức không khỏi bị tổn hại.

Hỏi: Con không ra khỏi có thể bị lửa hại, cha trước đã ra khỏi vì sao bị lửa thiêu?

Đáp: Có người chép: nếu Như lai không dùng giáo Ba thừa hóa khiến ra khỏi nhà thì gốc lành của chúng sanh không sanh trưởng không thể nối kế dòng dõi Phật, như con bị đốt cháy, thì công Như lai hóa độ cũng bặt dứt; như cha bị lửa hại. Có người chép: Chúng sanh bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh chúng sanh bị đốt nên Như lai cũng bị đốt. Nay nói Kinh này từ đầu đến cuối chính khen ngợi cha đã thoát khỏi lửa, con chưa thoát khỏi lửa, khác với ý Kinh Tịnh Danh, cho nên hai giải thích trên chưa thỏa đáng. Nay ý văn nêu con mà nói cha, đây căn cứ văn mà luận thôi! Xưa ta cũng ở trong nhà nếu không kịp thời ra thì bị lửa hại, do kịp thời ra nên thoát khỏi nhà lửa, con cũng nên hư vậy, kịp thời ra thì tránh khỏi không kịp thời ra thì không tránh khỏi. Kịp thời là Như lai vốn ở trong ba cõi chỉ do căn cơ phát nên ra khỏi ứng thời liền ra, được thoát khỏi lửa, chúng sanh khi căn cơ phát mà không ra còn chịu khổ.

"Nay ta nếu lập ra phương tiện": Nói muốn bày cách ra khỏi tức là biết bệnh rõ thuốc, không ba nói ba nên gọi là phương tiện. "Cha biết các con vẫn có lòng Thích-các đồ chơi đẹp": chính biết sở thích của con trước đây. "Biết trước lòng con": tức quá khứ đều có hạnh nguyện. Sở thích là ưa muốn hiện tại. "Các thứ châu báu lạ lùng nếu có v.v... chắc đắm ưa": tức Ba thừa đối mê hoặc là châu báu, so với Nhất thừa là kỳ lạ. Lại Ba thừa là pháp ra đời, khác với pháp thế gian cho nên gọi là kỳ lạ. "Mà bảo các con rằng": chánh là dụ nói ba xe. Văn có bốn trường

hợp:

1. Xưng tán.
2. Chỉ bày nơi xe.
3. Khuyên khiến mau ra.
4. Chấp chặt cho là không luống dối.

Đây đều ví như đến vườn Nai nói giáo Ba thừa. "Đây là những thứ ít có khó được các con ưa thích": quả Thánh Ba thừa đều là pháp xuất thế gian, ở thế gian không có gọi là ít có khó được. "Nếu các con không ra lấy sau chắc buồn hối hận": Bậc Thánh tuy có nói sợ chúng sanh không có khả năng tin hành, cho nên nói "sau sẽ hối hận". Căn cơ phát gặp Phật mà không tu đạo nhận lấy quả Thánh thì sau sẽ hối hận. "Các thứ xe trâu, xe dê, xe hươu như thế": là chỉ bày xe. "Các thứ" theo chú giải kinh chép: Các thứ ở trước ở Ba thừa tức thừa trời người. Có người chép: Y cứ trong mỗi xe lại nói về ba minh, sáu thông mười trí, tám giải, cho nên nói các thứ. Xe dê, xe hươu xe trâu: Bồ-tát hóa độ thế gian, Thanh Văn theo thầy, thuộc loài ở nhân gian dụ như xe dê, Duyên giác tiến không hóa độ thế gian, thoái không theo thầy, dụ như xe hươu, tiêu biểu loài ở rừng núi. Lại, dê là loài thú tánh chậm lụt, dụ như Thanh Văn, tánh hươu nhanh nhẹn dụ cho Duyên giác, sức trâu khỏe mạnh dẫn Xa nặng đi xa dụ cho Bồ-tát. Lại giải thích hình dáng dê nhỏ dụ cho Tiểu thừa, hình dáng hươu trung bình dụ cho trung thừa, hình dáng trâu lớn dụ cho Bồ-tát Đại thừa.

Hỏi: Là căn cứ ba trí nói về ba xe hơn kém hay căn cứ vào ba dứt trừ?

Đáp: Có người chép: Căn cứ đủ cả trí, đoạn hơn kém, Thanh Văn chỉ dứt chánh sử, Duyên giác dứt tiểu tập, Bồ-tát kết, tập đều phá đổ. Nay nói Trung thừa dứt tập, kinh luận không có văn nói chỉ chọn trí có hơn kém dụ ba xe khác nhau thôi!

"Nay ở ngoài cửa": Cửa là nhà. Lập ba xe này đồng dừng ở ngoài sanh tử, vì sao vậy ? Vì ba quả tuy khác mà nghĩa hoặc tận đồng cho nên đồng ở ngoài cửa. Lại, pháp sở đắc của Ba thừa cho rằng số diệt vô vi và hai Trí Tận, vô sanh. Chú giải kinh chép: sáu pháp là thể của quả Thánh nghĩa là vô lậu năm ấm và số diệt vô vi đều ở ngoài sanh tử, nhưng báo thân La-hán báo thân thật ở trong ba cõi, do người theo pháp cũng được gọi là La-hán vượt ngoài cõi, do pháp theo người, người ở trong cõi cũng được gọi là La-hán ở trong ba cõi. Nếu thân và pháp từng thứ phân biệt thì trong ngoài thuộc hai, sơ quả sở đắc vô lậu thì chẳng phải ba cõi ràng buộc, pháp theo đây có thể biết. "Có thể dùng

dạo chơi”: là ý nói về dùng xe. Có người nghi rằng: Nếu là nhân thừa có thể có dùng vận chuyển ra ba cõi, nay đã ra ba cõi đâu cần dụng thừa! Cho nên giải thích nói có thể dùng xe dạo chơi, dạo chơi là vui lòng thỏa thích. Sanh tử qua lại ruổi chạy trong năm đường, trải qua gian nan cay đắng, quả Thánh quên mất nỗi khổ đó nên nói dạo chơi. “Các con ở trong nhà lửa”: là khuyên mau ra, khiến người Ba thừa siêng năng tinh tấn mau dứt phiền não được ra ngoài ba cõi, thật là ra đi mà nói ra đến, do ở trong vọng bên ngoài là đi, ở ngoài quán trong là đến. “Tùy ý các con muốn”: là nói chấp chặt cho là không luống dối.

“Lúc bấy giờ, các con v.v...”: là các con chịu hóa tức dụ trên. “Liền có A la hán, tên Pháp Tăng sai khác”, người Ba thừa được lợi ích. “Thích hợp ý mình”: Đã biết căn cơ mà nói giáo chắc xứng căn cơ nên nói thích hợp ý nguyện. “Trong lòng mỗi chúng nó đều mạnh mẽ”: Trước nói về giáo xứng căn cơ, nay nói về căn cơ tin giáo. Đã khởi tín tâm tức muốn tu hành nên nói mạnh mẽ. Mạnh là mạnh bạo tiến lên. (tuệ) là lanh lợi. “Xô đẩy lẫn nhau”: Trước đã có tín tâm, nay nói về siêng năng tinh tấn. “Cùng đua nhau ruổi chạy”: Trên đã nói về tinh tấn, đây chính nói về quán lý Bốn đế, quán khổ dứt tập như cùng nhau ruổi chạy, chứng diệt tu đạo thí như tranh khỏi nhà lửa. Có người chép: Tâm mỗi người đều mạnh mẽ đây nói về địa vị ngoài phàm phu, tứcba trước trong bảy phương tiện, nghĩa là địa vị Văn, Tư, Tuệ. Xô đẩy lẫn nhau gọi là địa vị trong phàm phu; tức bốn gốc lành gọi vị tu tuệ. Cùng đua nhau ruổi chạy” là địa vị Hữu học trong ba cõi, tranh ra khỏi nhà lửa là địa vị Vô học, cho nên gồm có trong ngoài, Thánh có Hữu Hữu học, Vô học.

“Khi đó Trưởng giả”: là cha thấy con thoát nạn vui mừng. “An ổn ra khỏi”: là khi thấy các con tu hành không có lui sụt được thoát khỏi phần đoạn sanh tử ba cõi. Đều ở trong ngã tư đường: Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Tứ đế dụ cho ngã tư đường. Đoạn, hạ phẩm hoặc tứ đế hết là thông, đạt Tứ đế, như bốn đường thông suốt làm ngã tư. “Nơi đất trống”: Đã đoạn tứ đế, hạ phẩm chánh sử tận, cũng không còn các triền cái ràng buộc nên gọi là giữa đất trống. “Mà ngồi”: là trong nhân tu hành như ruổi chạy, đắc quả rốt ráo là ngồi yên. Lại ruổi chạy theo sanh tử là hành, nay đắc quả thánh là ngồi. “Không còn chướng ngại”: là ba chướng này mất không còn bị ràng buộc chướng ngại nên nói không chướng ngại. Lại ở ngã tư đường ngồi chỗ đất trống: là muốn nói lên ngoài ba cõi không có ba xe để lên. Lại trước hướng đến nhà ba cõi, nay đã ra khỏi nhà ba cõi gọi là đất trống, trong kệ dưới nói đất trống

cũng vậy. “Tâm thư thái vui mừng hớn hở”. Trên nói về thấy con thoát nạn, nay nói tâm cha vui mừng, do ban đầu thấy ở nhà lửa nên buồn, nay thấy ra khỏi nhà lửa cho nên vui, như chúng sanh bệnh nên Bồ-tát bệnh, bệnh chúng sanh lành Bồ-tát mới lành bệnh.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện chép: Nay ta vui vô úy có khác gì cái vui mà văn nầy nói không? Đáp: Phẩm Phương Tiện nói Tiểu thừa không xứng hợp ý Phật cho nên buồn, thấy căn cơ Đại thừa phát hợp theo ý Phật cho nên vui. Văn nầy nói thấy ở trong nhà lửa nên buồn thấy ra khỏi nhà lửa đắc Tiểu quả cho nên vui.

Vào hạ tuần Nhị Tân năm Giáp Ngọ Niên hiệu Vĩnh Nhân hạ tuần Sa-di Đạo Tôn in khắc bán Pháp Hoa quyển năm công hiếu hạnh xin làm phước, rất mong mỏi nhận lợi chỉ dạy của các bậc thượng nhân như được hạt châu trong búi tóc đâu dám không cung kính tôn trọng ư! Mà khắc in nghĩa sớ do đàn việt góp sức, hồi hướng công đức này cho bốn ân pháp giới bình đẳng.

Sa-môn Đô Can Duyên, Tố Khánh kính ghi.

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 6

PHẨM THÍ DỤ THỨ BA
(Phần 2)

"Bấy giờ, các người con đều thưa với cha rằng" v.v... trở xuống là thí dụ đồng ban cho xe lớn. Văn chia làm ba:

1) Xin xe.

2) Cho xe.

3) Được xe vui mừng.

Xin xe: Đại thừa căn cơ phát. Cho xe: vì nói Nhất thừa. Được xe vui mừng: Nghe Nhất thừa ngộ giải. Nghĩa chỉ có ba phần này không được nhiều hay ít hơn. Thí dụ phẩm Phương Tiện ở trên nói Nhất thừa. Xin xe là đại tông của một kinh nay lược giải thích. Có người chép: Trước đắc La-hán sau xuất tâm dạo chơi dùng thiên nhãn xem thấy đời vị lai còn có sanh tử thì phiền não chưa hết chưa có Tận trí, còn có sanh tử chẳng có Vô sanh trí vậy Đức Phật vì sao nói La-hán có Tận trí, Vô sanh trí ư! Do Đức Phật suy tìm kiếm Tận,Vô sanh trí nên nói xin xe, xe tức Tận Vô sanh trí, ở đây cho là không đúng. Trước đã thấy có sanh tử chưa hết tức biết Ba thừa chẳng phải rốt ráo, lẽ ra cũng liền biết Nhất thừa là rốt ráo vì sao lại còn có xin. Lại trong Ba tạng giáo nói về La-hán làm sao biết được việc ngoài ba cõi, nếu Tiểu thừa đã nói về việc ngoài ba cõi thì có gì khác với Đại thừa! Nay nói về xin xe dụ chỉ căn cứ nay nói chẳng phải còn ở giáo trước.

Chỉ xin xe gồm có hai môn:

1) Không xin giả lập xin.

2) Căn cứ nghi tình nói về có xin.

Nói không xin mà lập xin gồm có hai nghĩa:

1) Muốn nói lên Ba thừa là phương tiện.

2) Muốn nói lên Nhất thừa là chân thật.

Nói lên Ba thừa là phương tiện nói về lý không có Ba thừa, nói

lên Nhất thừa là chân thật cũng chỉ bày đạo lý có Nhất thừa. Bởi vì đại tông của một kinh cho nên giả lập xin xe. Muốn nói lên Ba thừa là phương tiện: Trước nói về Trưởng giả biện minh không có Ba thừa, dối chỉ ngoài cửa không có ba xe nói có ba xe, đây là căn cứ văn nói về Ba thừa là phương tiện. Ngoài cửa nếu thật có ba xe, con ra ngoài cửa liền thấy có ba xe thì không xin ba, do con xin ba nên biết ngoài cửa không có ba xe, nghiệm biết cha trước đây nói lý thật không có ba mà phương tiện nói ba, đây nhờ con xin ba để nói lên ba là phương tiện.

Hỏi: Vì sao nhờ cha con đều nói lên ba là phương tiện ư?

Đáp: Giáo nầy sanh khởi chính là phá chấp Ba thừa là thật, cho nên phải nói về Ba thừa là phương tiện tức là mở cửa phương tiện, rồi sau mới được hiển nghĩa chân thật, cho nên mượn cha con nói về Ba thừa là phương tiện.

Nói nhờ xin xe dụ nói lên Nhất thừa chân thật: Dưới nói về đồng ban cho tức là có một, sắp nói về một có nên nói trên ba không! Nói không có Ba thừa không rõ ràng thì nói có Nhất thừa sẽ không nói lên, nên mượn xin ba để hiển không ba. Như kia có ba thì không xin ba, do kia xin ba nên biết không có ba, ở ba đã không có thì một có liền nói lên cho nên mới được ban cho một. Bởi vì chánh ý của kinh không nên giải thích khác. Nói căn cứ nghi tình mà nói xin xe, nhưng hai môn mê ngộ đều không có xin. Trước đã chấp ba thì thấy có xe chứng đắc Tiểu quả liền không xin xe, nay nếu lãnh ngộ biết có một không ba cũng không xin ba, mà nay nói có xin tức căn cứ nghi tình kia nói có xin dó thôi! Đức Phật trước nói có ba, nay giáo nói về không ba, người mê hoặc đem không ba nay suy tìm có ba trước nên nói xin!

Hỏi: Vì ba hạng người xin ba, hay vì hai người xin ba ư ?

Đáp: Căn cứ ra ngoài cửa mà xin ba chỉ là hai người La-hán và Bích chi thôi! Tiểu thừa nói về Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến Bổ xứ chưa dứt phiền não còn là phàm phu, cho nên ở trong cửa không được nói ra ngoài cửa xin xe. Bồ-tát Đại thừa vượt ra ngoài cửa tự biết chưa đến quả Phật cũng không xin xe.

Lại nữa ba xe dụ cho quả Ba thừa, La-hán, Bích chi đến nơi hai quả tìm cầu quả không được cho nên xin quả. Không có Bồ-tát đến nơi quả Phật tìm quả Phật không được cho nên không có Bồ-tát xin xe quả Phật.

Hỏi: Nếu vậy chỉ hai hạng người xin chỉ nên xin hai, sao được xin ba ư ?

Đáp: một người hai người đều được xin ba không nghi ngờ.

Hỏi: Nếu nói hai người xin, vì sao văn nói các con xin ư?

Đáp: Bởi vì tướng chung gọi là các con chẳng phải ngoài cửa có ba người gọi là các con, cho nên sau hợp thí giải thích rằng: Nếu thấy vô ức ức ngàn chúng sanh vượt khổ ba cõi được vui Niết-bàn. Đây chỉ nói về người Nhị thừa vượt ngoài ba cõi được vui Niết-bàn, không nói Bồ-tát thì biết không hẳn là ba con xin.

Hỏi: Có Bồ-tát nào xin xe hay không?

Đáp: Nếu căn cứ ngoài cửa thì không có Bồ-tát xin, nếu luận chung trong cửa, căn cứ ở nghi tình, trước nói có ba nay nói không ba, Bồ-tát do không có chứng cớ cũng có xin.

Hỏi: Kia đã xin ba xe vì sao chỉ cho một?

Đáp: Đã do nghi tình nên xin, nghi là giải thích thấm nhuần, nếu có giải thấm thì thì đại căn cơ đã động, Phật nói Nhất thừa tức là xin Nhất thừa cho nên sau ban cho một xe.

"Lúc bấy giờ Trưởng giả đều cho các con đồng một thứ xe lớn v.v..." là nói về cho xe. Xin mà không cho là không có ba xe có thể hợp với xin, cho mà không xin ấy là chỉ có một để ban cho người có căn cơ. Văn chia làm hai:

1) Nêu hai chương đồng ban cho và xe lớn.

2) Kế là giải thích hai chương.

Nêu hai chương:

1) Nêu chương đồng ban cho xe.

2) Nêu chương xe lớn.

Người cho chẳng phải một nên nói đều cho. Đồng một: Trước nói ba căn cơ riêng phát, dùng xe lớn ban cho Bồ-tát không cho Nhị thừa, nên gọi thiên vị cho. Nay ba bệnh đã tiêu, đại căn cơ đã phát đồng ban cho xe lớn, đối với trước thiên vị cho nên nay nói đồng ban cho. Vì thế, văn dưới chép: không để cho có người được diệt độ riêng đều dùng pháp diệt độ của Như lai mà cho chúng sanh diệt độ tức chứng minh điều ấy. Không để cho có người được diệt độ riêng: là không để cho Bồ-tát đắc đại Niết-bàn riêng. Đều dùng pháp diệt độ của Như lai cho chúng sanh diệt độ: Cũng giúp cho Nhị thừa chứng đại Niết-bàn. Xe lớn: Nêu chương xe lớn: tức ra ngoài cửa ban cho xe. Xe kia cao rộng: là giải thích hai chương. Trước giải thích chương xe lớn, kế giải thích chương đồng ban cho xe.

Giải thích chương xe lớn có ba phần:

1) Giải thích xe lớn.

2) Giải thích xe trắng.

3) Giải thích tôi tớ theo.

Phần một lại có hai:

1) Giải thích nghĩa lớn.

2) Giải thích thể xe.

Xe kia cao rộng là giải thích nghĩa lớn, vượt ngoài hai thứ sanh tử là tiêu biểu cao, đầy đủ muôn đức gọi là rộng. Lại vượt ngoài hai thứ sanh tử là cao tức là quả đại Niết-bàn, đầy đủ muôn đức là quả Bồ-đề. Dưới lại đem hợp hai quả lại. Lại vượt ra hai thứ sanh tử thì hệ lụy không hệ lụy nào chẳng không hết, đầy đủ muôn đức thì đức không đức nào không tròn đầy, hệ lụy không gì không tận chẳng thể nói có, đức không gì không tròn đầy không thể nói không, chẳng có chẳng không gọi là Trung đạo, pháp Trung đạo gọi là Nhất thừa cho nên nói cao rộng. Đây là đối hai châúng chỉ nêu ra phần đoạn gần cho nên gọi là thấp, không đầy đủ muôn đức gọi là hẹp. Nếu căn cứ nhân xe giải thích nói lược hạnh nguyện, nguyện thì trên cầu Phật đạo làm cao, dưới độ chúng sanh làm rộng, hạnh đạt đến vô thượng Bồ-đề là cao, học khắp các đạo là rộng.

"Các báu trang nghiêm": là giải thích thể của xe: Trước giải thích chung, kế giải thích chi tiết. Tuy nêu cao rộng sợ chẳng phải các báu tạo thành, cho nên kế là nói về các báu trang nghiêm tức là muôn đức là thể của quả xe. Nếu căn cứ nhân xe muôn hạnh giúp đỡ tạo thành kia vận dụng. "Lan can bao quanh": là kế giải thích chi tiết xe. Trước nói chung, sau giải thích riêng, để giải nghĩa, Giải thích chi tiết xe lại chia làm hai: Trước giải thích ngoài xe trang nghiêm, kế giải thích trong xe trang nghiêm. Ngoài xe trang nghiêm là khen ngợi đức Đại thừa hóa tha, trong xe trang nghiêm là nói về đức bên trong; quả đức vô cùng không ngoài hai thứ này.

Khen ngợi đức bên ngoài nói lược năm môn:

1) Khen ngợi tổng trì.

2) Khen ngợi bốn biện.

3) Khen ngợi bốn đẳng.

4) Khen ngợi bốn mở rộng.

5) Khen ngợi bốn nhiếp.

Đầu một là năng trì, sau bốn là sở trì. Lan can dụ cho tổng trì, giữ vật trong không mất là lan, ngăn vật bên ngoài không xâm tổn là can, tổng trì cũng như vậy, giữ gìn các đức không để mất, ngăn giữ các điều ác không để phát sanh, nghĩa là giữ gìn các đức ngăn khắp các lỗi nói là bao quanh. Đây là gốc của các đức, lại Tiểu thừa vốn không có nên

nói đầu tiên, đồng trên các Bồ-tát. Bốn phía theo linh: là khen ngợi bốn biện. Tổng trì là gốc các đức cho nên nêu ở đầu, bốn biện là cần thiết giáo hóa chúng sanh nên kế nói. Xe có linh chuyển động mà phát ra tiếng, Đại thừa hóa vận chuyển bốn biện âm thanh thông suốt. Lại giải thích chỉ chọn Nhạo Thuyết Biện như âm thanh của linh dùng hóa độ bốn loài nên nói bốn phía. Trước khen ngợi đức của Bồ-tát ban đầu nói về đắc Đà-la-ni, kế nói về được Nhạo nói biện tài, nay hai âu lại đồng trên. "Màn lọng giăng che": là khen ngợi bốn đẳng, ngoài bốn biện tài là cần thiết do bốn đẳng bên trong đầy đủ nên kế khen ngợi, hiên là dùng phủ trên cao che dưới, từ bi cũng như vậy, cao vượt khỏi Nhị thừa dưới phủ che sáu đường. Tuy nói bao phủ xe thật ra che phủ người trong xe. "Cũng dùng đồ quý báu tốt đẹp mà trang sức": Nói về hướng đến từ bi do các đức tạo thành là thể chân thật, không đồng với ngoại đạo Nhị thừa giả tưởng từ bi. "Dây bằng báu kết thắt": kế khen ngợi bốn mở rộng, hiên không thắt kết thì bị gió làm lay động thổi bay do đó phải buộc giữ gìn không để bị lay động, do bốn mở rộng này điều ngự bốn đẳng, hết đời vị lai không bỏ bốn loài sanh lại ngăn giữ không để bị lỗi ái kiến. "Các dải hoa rủ xuống": là kế khen ngợi bốn nhiếp, tuy có bốn mở rộng thệ nguyện lại phải hành bốn nhiếp pháp. Dải hoa rủ xuống vui lòng chúng: bốn nhiếp pháp làm chúng vui thích quy thuận về đông đảo như rừng.

"Nệm chiếu mềm mại trải chồng": là nói về trong xe trang nghiêm dụ cho đức bên trong. Nệm chiếu mềm mại làm nệm xe có thể dùng thích ứng thể như thiền định mềm mại lại có thể an thân. Do định có tám thứ lớp nên gọi là trải chồng, lại trăm ngàn Tam-muội cho nên nói lớp. Nệm chiếu người nước ngoài gọi là lụa tốt, gọi là bàn súc tú, người giàu sang dùng nhiều lớp trải, để dụ cho Tam-muội chẳng phải một. "Gối đỏ để trên": có người chép: trước sau hai bên xe để gối đỏ dựa vào hai gối đây lại còn dọc để thành bốn lớp làm tường dựa. Tín là nền tảng của muôn thiện, giới là căn bản của các đức, Đại thừa đức hạnh còn nương hai pháp này do hai gối của xe. Nay cho rằng đây không phải hai gối của xe, làm sao biết? Đã trải nệm xong sau mới để gối, đây chính là muốn nằm gối chẳng phải gối xe. Lại dưới kệ nói về trên đệm chiếu trải nệm trắng thì dùng nhiều lớp chồng lên nhau thay gối cho nên biết gối để kê đầu.

Hỏi: Vì sao trong xe để gối ư ?

Đáp: Đây đã nói về đức bên trong thì có nghĩa dứt hóa giống như nằm nghỉ nên kinh Niết-bàn dạy nhập vào hang sâu thiền định Niết-bàn chúng không thấy nên gọi là nhập Niết-bàn. Nay ở trên nệm lại để gối

dụ như trong thiền định nhập Niết-bàn.

Lại, Đức Phật có thời gian cho đến tám muôn kiếp nhập thiền định sâu cứng là dứt hóa cho nên muốn giống như nằm.

Hỏi: Vì sao gọi là gối đỏ ư?

Đáp: Màu đỏ là sắc mạnh, do thiền định sâu nên phát sanh nhiều, công kia hiển sáng tỏ như sắc đỏ. Lại giải thích người xưa hợp với thần châu làm cho được sống lâu dụ cho nhập Niết-bàn thường lạc ngã tịnh.

“Dùng trâu trắng kéo”: là giải thích xe trâu kéo. Pháp sư Trúc Đạo Sanh dùng ý Kinh Tịnh Danh giải thích văn này rằng: sáu thông vô cấu gọi là trâu trắng, cho nên nói vòi ngựa có năm thông rong ruổi, nay nói về muôn đức bình đẳng với đại bi không đồng với nghĩa kia. Muôn đức chỉ có vận mà không có dẫn dắt (đạo) cho nên chỉ xe chẳng phải trâu; bình đẳng đại tuệ vừa vận vừa dẫn dắt cho nên đầy đủ hai nghĩa xe và trâu. Năm độ đối với nghĩa Bát-nhã kia cũng vậy. Xe trâu trắng lớn nghĩa là bình đẳng đại bi. “Sắc da mập sạch”; chủng trí tròn đầy là da mập, thanh tịnh không nhiễm là sắc sạch. Thân hình mập đẹp: không có tướng mạo là hình thể, vắng lặng mầu nhiệm là mập đẹp. “Có sức rất mạnh”: Trên nói về thể của tuệ nay nêu dụng của tuệ, chiếu dụng sâu xa năng dứt đại hoặc khắp thích hợp chở nặng, đi đường xa mà không mệt nhọc, đầy đủ bốn nghĩa nầy gọi là có sức mạnh. “Bước đi ngay thẳng”: Dạo đi ngay giữa đường không nghiêng lệch. “Mau lẹ như gió”: không nhanh mà mau, cảm chẳng có gì không ứng, lại một niệm biến khắp, tất cả pháp cũng mau lẹ như gió, dùng Đại thừa hóa nhập vào năm đường cỡi đi như dạo chơi.

“Lại có nhiều tôi tớ hầu hạ”: là nói về khách theo. Đã dùng quả Phật muôn đức làm xe thì Đức Phật là người lên xe người theo giáo tu hành tôn sùng hầu hạ như rừng, cho nên kệ ở dưới nói Đức Phật vui mừng cảm đến tất cả chúng sanh khen ngợi cúng dường lễ bái tức nghĩa tôi tớ. Nếu căn cứ nhân xe văn nầy đã nói về địa vị Vô học, đã được vượt khỏi nhà lửa nầy mới lên xe, từ người còn học trở xuống, đều gọi là tôi tớ.

Vì sao? v.v... là nói về giải thích chương đồng ban cho xe. Văn có hai:

1) Nói có xe lớn.

2) Nói đồng ban cho xe.

Nay trước giải thích có xe, sẽ giải thích ban cho xe nên trước giải thích lý do có xe. “Mà nghĩ rằng v.v...” là nói về đồng ban cho xe. Ban đầu nói về không nên khác nhau. “Nay các trẻ thơ này v.v...”: nói về

nên đồng ban cho xe. Ban đầu nói về đồng là con cho nên phải đồng cho. “Đồng yêu thương không nghiêng lệch v.v...” là yêu thương bình đẳng cho nên phải đồng ban cho.

“Ta có xe bằng bảy báu như thế v.v...” hai câu trước nói về tâm bình đẳng, nay câu này nói của cải nhiều. “Số nhiều vô lượng”: xe thì không phải hai mà người cỡi xe chẳng phải một, người cửi xe chẳng phải một cho nên nói vô lượng. “Vì sao?” vì là nêu nhiều huống chi ít. “Cho cả người một nước”: Nước nghĩa là chúng sanh, giả sử chúng sanh mười phương cơ phát trong cùng lúc đều cùng Phật thừa mà Phật thừa còn không thiếu, không hết. Cho nên Đại Phẩm chép: chư Phật mười phương ba đời đều học Bát-nhã mà Bát-nhã bất khả tận, Bát-nhã tức Nhất thừa.

“Khi ấy các con v.v...” là nói về được xe vui mừng.

Hỏi: Xe lớn đã dụ quả thừa, các con là nhân, làm sao được cỡi lên quả xe?

Đáp: Hiểu quả xe là từ Phật mà đắc, tùy phần đều lãnh hội, cho nên nói đều ngồi lên xe. Lại nhân chắc chắn được quả cho nên nói được xe. Mong cầu là Tiểu quả mà đạt được Đại. Sự ban cho vượt ngoài ý muốn chép: là “Không phải chỗ trước mình trông mong”.

“Xá-lợi-phất v.v...” là nói thí dụ không dối gạt: Sở dĩ có dụ nầy là vì từ trên văn nói hứa ban cho, khiến sanh. Tiềm tàng các nghi: Ban đầu thì hứa cho ba cuối cùng thì lại không cho dường như nói dối, ban đầu không hứa một sao lại ban cho một, lại như nói dối, nên không sanh tín, nay muốn dung hội hứa cho ấy để dứt tâm nghi nên có chương này. Văn chia làm ba:

1) Hỏi lại.

2) Vâng đáp.

3) Khen ngợi.

Hỏi lại nghĩa là Phật luống dối vốn nêu ra Thanh văn, khiến chính họ nói ra việc này là không dối gạt, tức đó là sự thật, cho nên Thích luận chép: Đức Phật lại chất vấn Thân Tử khiến Thân Tử miệng tự xưng không sánh Bồ-tát tức là xem xét Đại Tiểu hơn kém có khác, nay cũng vậy. Lại Thân Tử đã lãnh ngộ rồi thì biết Ba, một là tích, trái lại mà ý chỉ phù hợp cho nên mượn hỏi lại đây để thông suốt dứt các nghi. “Xá-lợi-phất thưa: Bạch Thế tôn! Không”: Đây là vâng đáp. Không là không luống dối.

Hỏi: Vì sao hứa mà không cho, cho mà không hứa?

Đáp: Sở dĩ hứa, xứng với căn duyên kia được ra khỏi nhà lửa cho

nên phải hứa, lý rốt ráo không ba lại chẳng phải bổn ý của Phật làm sao có thể cho, cho nên cuối cùng không cho. Cho mà không hứa: Nếu hứa Đại thừa thì không xứng căn cơ không do đâu ra khỏi nhà lửa, cho nên ban đầu không cho cuối cùng liền cho là đại căn cơ đã động xứng với bổn tâm của Phật đạo lý có một vì vậy nên cho.

Văn có hai:

1) Nói trước không ba nói ba chẳng là dối gạt.

2) Nay cho một nói về không dối gạt.

Đức Phật chỉ hỏi lược lại nay không dối gạt, mà Thân Tử đáp rộng đầy đủ rõ ràng xưa nay không dối gạt lại nêu trước so sánh nay, trước không ba nói ba còn không dối, huống chi nay có một cho một há là dối gạt hay sao! Hai văn đều có một giải thích, một so sánh. Đầu tiên nêu một giải thích: Trưởng giả chỉ muốn các con ra khỏi nhà lửa khó được bảo toàn pháp thân tuệ mạng toàn vẹn, đều không cho xe cũng chẳng phải dối gạt, vì sao? Vì đã được pháp thân tuệ mạng thì có nghĩa đáng bảo trọng nên chẳng phải dối gạt.

Hỏi: Đây là căn cứ nghĩa nào nói về không dối gạt?

Đáp: Đây là căn cứ hai thứ lợi ích thật mà chép:

1) Thật ra khỏi ba cõi.

2) Thật toàn thân mạng cho nên không phải dối gạt.

Hỏi: Vì sao lại nói nếu được toàn thân mạng tức là được đồ chơi tốt đẹp?

Đáp: Ở trên tuy nói được hai thứ thật lợi ích cho nên không dối gạt, mà không được xe, lẽ ra là dối gạt, cho nên giải thích: Nếu toàn thân mạng tức đã được đầy đủ đồ chơi tốt đẹp nên cũng không phải dối gạt.

"Huống chi phương tiện cứu vớt ra khỏi nhà lửa v.v..." là nêu một so sánh: ở trên nói thẳng về khiến các con được ra khỏi nạn lửa, bảo toàn thân mạng còn đã chẳng là dối gạt, huống chi phương tiện nói có ba xe khiến được thoát nạn mà có dối gạt sao!

"Thế tôn! Dầu ông Trưởng giả v.v..." là nói về nay không dối gạt, cũng có hai bước:

1) Giải thích.

2) Huống gì.

Trong giải thích có ba:

1) Nêu không dối.

2) Vì sao v.v... là giải thích nghĩa không dối.

3) Vì nhân duyên đó v.v... là tổng kết.

Đại ý nói về Trưởng giả ý nói tuy hứa cho ba là khiến được ra khỏi nhà lửa, không cho ba tùy bổn tâm của Trưởng giả là thật cho nên không dối. “Huống gì Trưởng giả v.v...” là nói về so sánh. Trước nói về bổn ý không muốn ban cho Tiểu thừa, dù muốn đều không cho xe Tiểu đã chẳng phải dối gạt, huống chi bổn ý muốn cho xe lớn, nay liền cho chẳng lẽ là dối gạt ư!

“Phật bảo Xá-lợi-phất v.v...” là khen ngợi: Lành thay! Đầu tiên là khen ngợi hiểu xưa nói ba xe là không dối gạt. Lành thay! Kế là khen ngợi hiểu nay một xe là chẳng dối gạt.

“Hiệp thí”: Đức Như lại cũng giống như vậy: Hiệp sáu thí dụ trên làm thành sáu chương nay trước giới thiệu chung hợp thí, đại ý lược có bốn nghĩa:

1) Trong thí hiển rõ thì không hợp.

2) Trong thí không đầy đủ thì hiệp lại đủ.

3) Trong thí một đường thứ lớp, hợp thí tức lại chỉ nêu một đường gọi là chuyển thế nói pháp.

4) Nương văn thí dụ mà chánh hiệp. Trong hiệp đây có ý của sáu thí dụ: Hiệp một tổng thí nói về Đức Phật có cực lạc không có cực khổ; hiệp hai thấy lửa dụ trình bày chúng sanh có cực khổ không có cực lạc; hiệp ba cứu con không được dụ nói về khi mới thành đạo liền muốn cứu khổ ban vui cho chúng sanh vì chúng sanh chưa kham nổi nên dứt hóa; hiệp bốn vì tạm cứu con khổ nặng nên ban vui Tiểu thừa; hiệp năm đồng ban cho xe lớn dụ dứt khổ nhẹ ban vui Đại thừa cho chúng sanh; hiệp sáu không dối dụ nói về trước hứa ban cho Tiểu thừa sau ban cho Đại thừa nghĩa không trái nhau.

Trên tổng thí có sáu nghĩa, nay chánh hợp hóa chủ gồm hợp năm nghĩa còn lại lấy hóa chủ làm gốc, song sau khởi hóa cho nên chánh hợp. Tất cả thế gian hiệp trên cõi nước xóm làng. Thế gian có hai thứ, nay chánh chọn chúng sanh thế gian. “Cha”: Hiệp trên là Trưởng giả. “Nơi các việc sợ hãi”: Hợp trên của giàu vô lượng. Văn có hai:

1) Khen ngợi sở ly.

2) Khen ngợi sở đắc.

Sở ly tức nghĩa Không sở đắc tức bất không. Trống rỗng không có tất cả hệ lụy nên pháp thân không có, có tất cả đức nên pháp thân chẳng phải không, không có, chẳng không nghĩa là Trung đạo, lại không có tất cả hệ lụy gọi là Giải thoát, có tất cả đức tức là Pháp thân, Bát-nhã, lại không có tất cả lụy gọi là quả quả đủ tất cả đức là quả. Lại do không có hoạn nên năng cứu hoạn, muốn nói về cứu hoạn nên trước giới thiệu

không có hoạn, bởi có đức nên năng cứu độ người không có đức, muốn nói về cứu giúp đối với người không đức nên trước khen ngợi người có đức. Căn cứ trong lìa lỗi trước nói về lìa quả hoạn tức hai thứ quả sanh tử. "Vô minh che lấp": là nói về lìa nhân lỗi: hai nhân sanh tử chỉ vô minh làm gốc cho nên nói nghiêng lệch. "Hết hẳn không còn sót": Kết cả hai không có lỗi nhân quả. "Mà đều thành tựu": là khen ngợi sở đắc: Văn cũng có hai:

1) Khen ngợi tự đức.

2) Khen ngợi đức hóa tha.

Đầu có bốn cặp:

1) Vô lượng tri kiến, biết tất cả pháp là tri biết đó rõ rằng dụ như mắt thấy, tức tri kiến một cặp.

2) Lực là sức bên trong, vô úy là bên ngoài, trong ngoài một cặp.

3) Có thần lực lớn gọi là thần thông luân. Và trí tuệ lực: gọi là nói pháp luân, tức hiện thông nói pháp một cặp.

4) Đầy đủ phương tiện trí tuệ Ba-la-mật: là nói về quyền trí thật trí một cặp, đều rốt ráo.

Đại từ đại bi là khen ngợi đức hóa tha: Văn có hai:

1) Khen ngợi bổn hóa tha.

2) Khen ngợi tích hóa tha.

Đại từ đại bi muốn cứu khổ khắp muốn ban vui tức tâm rộng lớn. "Thường không lười biếng" tức tâm thường hằng. "Chỉ vì cầu việc lành": gọi là bậc nhất tâm, muốn dùng pháp bậc nhất ban cho chúng sanh, lại tức từ bi cứu khổ ban vui, thường cầu việc lành diệt ác sanh thiện. "Mà sanh vào nhà lửa ba cõi": là khen ngợi đức hóa tha: Trong bổn có hai bổn gọi là đại từ bi trong tích có hai tích: ban đầu nói về tích đại bi cứu khổ. "Giáo hóa khiến được v.v..." là tích đại từ ban vui, trong dó đã nói về ứng thân sanh ba cõi thì biết pháp thân không có sanh diệt, tức nói lên hai thân sanh, vô sanh. Không nên cho rằng kinh này chưa nói về thường trú.

Hỏi: Vì sao hiệp trên của giàu vô lượng v.v...?

Đáp: bốn cặp như hợp Vô lượng tri kiến v.v..., khen ngợi chung sở đắc sở ly tức là Trí Đoạn đức hiệp trên ruộng vườn. Đại từ đại bi hiệp trên nhà, có thần lực lớn hiệp nghĩa tôi tớ, không nhân quả hai lỗi hiệp trên tuổi đã già yếu nghĩa là thân sau cùng.

Kế bên hiệp năm nghĩa trên: "Mà sanh vào nhà lửa ba cõi cũ mục" này hiệp hóa xứ, "vì độ chúng sanh" hiệp năm trăm người ba mươi người con, "sanh già bệnh chết" là hiệp trên ý hóa, giáo hóa dưới

hiệp giáo môn. “Thấy các chúng sanh v.v...” hiệp trên thí dụ thấy lửa. Trên có ba:

1) Thấy lửa kinh sợ.

2) Tự mình đã ra khỏi.

3) Xót thương con chưa lìa, nay chỉ hiệp thấy lửa và thương con chưa lìa! Sở dĩ chỉ hiệp hai nghĩa này là hiệp trên tổng thí khen ngợi Phật có vui không khổ, nay hiệp thấy lửa dụ nói chúng sanh có khổ không vui là muốn dùng năng hóa sở hóa có không tương đối, hiệp hai tức làm hai ý: Một là nói về thấy chúng sanh chịu khổ hiệp trên thấy lửa, lại có bốn:

1) Thấy chúng sanh hiện chịu các khổ.

2) Thấy chúng sanh sanh chịu các khổ.

3) Thấy sau chịu các khổ.

4) Tổng kết ba đời khổ.

Trước trong ba đời khổ mỗi mỗi đều có ba khổ. Hiện đời ba khổ:

1) Sanh, lão, bệnh, tử ưu bi, khổ não, đây chung khổ trong thân cho nên văn kinh kết làm một khổ.

Hỏi: Ưu bi khổ não thuộc khổ nào ư?

Đáp: Đều thuộc về khổ chết.

Kinh Thập Địa chép: Tử biệt ly người ngu tham đắm tâm nóng nảy gọi là ưu, phát ra tiếng khóc gọi là bi năm căn tương đối là khổ, ý căn tương đối là ưu, khổ chuyển sâu là não. Kinh Đạo Can chép: Buồn nhớ việc đã qua, đau thương là ưu, suy tư lại việc buồn liên tục gọi là bi, việc khổ bức ngặt thân gọi là khổ, phiền não ràng buộc gọi là não.

2) “Cũng do năm thứ dục tài lợi nên chịu các khổ là đối với năm dục tài lợi bên ngoài sanh khổ.

3) Lại do tham đắm tìm cầu cho nên hiện chịu các khổ. Đây khác với trên: trên nói về tham đắm tài nhẹ, nay nói truy tìm việc nặng, đồng là vật ngoài sanh khổ. Do tham có nặng nhẹ nên chia làm hai.

“Đời sau chịu khổ địa ngục v.v...” là nói về sanh báo, thì ba đường là ba khổ, nếu sanh cõi trời là nói ba khổ hậu báo, nghĩa là nghèo cùng khốn khổ ái biệt ly khổ oán tắng hội khổ, đây có ở cả cõi trời lẫn cõi người. Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Cõi trời cũng có nghèo cùng.

Hỏi: Vì sao phân rõ đây là ba báo?

Đáp: Hễ tham đắm năm dục thì đọa vào ba đường, từ ba đường mới được sanh trong trời người.

“Các khổ như thế v.v...” là tổng kết các khổ.

Hỏi: Chín thứ khổ này phối hợp với tám khổ thế nào?

Đáp: Ban đầu trong hiện khổ nói sanh già bệnh chết tức bốn khổ, năm dục tài lợi hai thứ khổ thuộc khổ cầu bất đắc, ba đường thuộc khổ oán tắng hội, bần cùng khốn khổ cũng thuộc khổ cầu bất đắc, kế khổ ái biệt ly, khổ oán tắng hội như văn nói, sau tổng kết các khổ là khổ năm ấm xí thạnh.

"Chúng sanh đắm chìm trong đó vui vẻ dạo chơi v.v..." Hiệp trên thương con chưa lìa khổ. Chìm đắm trong đó: Các khổ mênh mông như biển, chúng sanh đắm chìm trong biển khổ, vui vẻ dạo chơi: nghĩa là đối với trên quả khổ lại khởi tham đắm, thì đó là lặp lại gây ra nhân khổ, hiệp trên: mà các con đồng ở trong nhà lửa vui chơi đùa giỡn; chẳng hay chẳng biết. Trước nêu tham ái nay nói ngu si tức là si ái. Ở trong nhà lửa ba cõi rảo chạy đông tây: Từ trước đến nay thấy các chúng sanh thọ quả khổ, gây ra nhân khổ, nay lại thấy luân hồi không dứt. "Dầu bị khổ nhiều cũng chẳng xếp vào lo": Trên vui vẻ dạo chơi nhưng không biết khổ, chúng sanh không nhàm chán khổ, nay nói về gặp khổ chúng sanh cũng chẳng nhàm chán khổ, hiệp với trên: lửa đến ép ngặt rất là khổ sở.

"Xá-lợi-phất! Đức Phật thấy việc này". Là nói về thí dụ cứu con không được. Trên có hai môn răn và khuyên, Đại thừa hóa chúng sanh không được, nay văn hiệp chung hai môn cũng chia làm hai:

1) Hiệp chung hai môn khuyên và răn.

2) Nói về không có căn cơ dứt hóa.

Sở dĩ căn cứ từ bi hiệp khuyên răn vì hiệp tổng thí khen ngợi Phật có vui không khổ, hiệp thấy lửa dụ nói chúng sanh có khổ không vui, hiệp nay thứ ba dụ nói về Đức Phật cứu khổ chúng sanh ban vui cho chúng sanh, do đó ba chương văn liên kế nhau. "Xá-lợi-phất! Đức Như lai lại nghĩ": Nêu hiệp không có căn cơ dứt hóa. Văn có hai câu:

1) Nếu giả thiết muốn cứu con.

2) Kế bói chúng sinh không có khả năng thọ.

Đầu có ba câu:

1) Nêu muốn ban cho vui thật, thần lực hiệp trên vạt áo, trí tuệ lực hiệp trên ghế bàn.

2) Xả bỏ phương tiện: Nói về ẩn quyền.

3) Vì các chúng sanh,v.v... là muốn nói thật.

"Chúng sanh không thể do đó mà được độ thoát": Nêu vật không có khả năng thọ. Trước nói về có thân khổ cho nên không thể hiểu tuệ Phật nên bị lửa ba cõi đốt cháy, có tâm khổ nên không thể hiểu tuệ Phật.

"Như ông Trưởng giả v.v..." Nói về hợp thí dụ ba xe cứu con được. Trên có bốn chương:

1) Biết sở thích con xưa kia.

2)Vì nói ba xe.

3) Các con tin nhận.

4) Cha thấy con thoát nạn vui mừng.

Nay đầy đủ hiệp. Trên biết sở thích của con xưa kia có ba:

1) Nói về không ra bị hại.

2) Muốn bày phương tiện trên.

3) Biết đời trước các con ưa thích.

Nay đều không hợp, thẳng một phen hóa từ đầu đến cuối ba thứ pháp luân:

1) Nêu ẩn thật là ẩn pháp luân căn bản.

2) Nêu khởi quyền gọi là pháp luân chi mạt

3) Nêu ý dụng quyền tức gom ngọn về gốc.

Trong hợp chỉ hiệp hai câu đầu, dưới có hiệp riêng đồng ban cho xe lớn cho nên trong đây không hợp. Nói thẳng về ẩn thật khởi quyền sanh v.v... nói nghĩa Ba thừa.

"Vì chúng sanh nói Ba thừa v.v..." là nói về hiệp chính là nói Ba thừa. Văn chia làm bốn:

1) Răn khiến chớ vui sanh tử.

2) Khuyên khiến mau ra ba cõi.

3) Nêu chấp chặt không luống dối.

4) Khen ngợi Ba thừa.

Bốn thứ này tức thứ lớp nương nhau sanh, hiệp với bốn thí dụ trên. Đầu hiệp thứ hai nêu chỗ xe, thứ hai hiệp thứ ba khuyến khiến mau vượt ba cõi, thứ ba hiệp thứ tư chấp chặt không luống dối, thứ tư hiệp thứ nhất khen ngợi ba xe, vì thế pháp thí khác nhau là do chuyển thế nói pháp. "Các người v.v..." là khuyên khiến mau ra ba cõi. "Nay ta vì các ông mà bảo nhiệm việc đó v.v..." là bảo đảm cho không dối gạt. "Như lai dùng phương tiện ấy để dẫn dụ chúng sanh v.v..." có người nghi: Đã gọi là bảo đảm cho không dối gạt sao không được liền, tức thành luống dối cho nên giải thích rằng: Nói bảo đảm cho là vì dùng phương tiện dẫn dụ chúng sanh! Lại nói rằng: là khen ngợi Ba thừa tự tại. Không ràng buộc là phàm phu bị ba thứ nghiệp, khổ, phiền não ràng buộc, nay được thoát nên gọi là không ràng buộc. "Không phải tìm cầu nương tựa": Tâm không chấp đắm là không nương tựa, bốn trí đầy đủ gọi là không phải tìm cầu.

"Nếu có chúng sanh nào bên trong có trí tánh v.v..." là hiệp trên Ba thừa tín nhận và thí dụ khỏi nhà lửa, trong dụ trên nói chung về Ba thừa ra khỏi nhà lửa, nay hợp chi tiết thì thành ba đoạn: Trong có trí tánh: là nhân bên trong. "Theo đức Thế tôn nghe pháp thọ": là duyên bên ngoài. Tin thọ: là nhân duyên đầy đủ, cho nên nói nghe pháp tín nhận. "Ân cần tinh tấn": Trước nói về tin nhận nay nói ý tu hành. "Muốn mau vượt ba cõi tự cầu Niết-bàn" là nói về ý tu hành. Tu hành có hai ý:

1) Muốn vượt ngoài ba cõi gọi là biết khổ dứt tập.

2) Tự cầu Niết-bàn gọi là chứng diệt tu đạo, đó gọi là thừa Thanh văn tức là tổng kết tên gọi Tiểu thừa. "Như các người con kia": là nêu dụ lặp lại. Trong đây chính là lấy Niết-bàn để dụ xe, người Thanh văn chính vì cầu Niết-bàn cho nên tu đạo. Có người chép: Từ đầu nghe pháp tin nhận là nêu ngoại phàm hợp, siêng tu tinh tấn là nói nội phàm, muốn mau ra khỏi ba cõi là nói về bậc Thánh, chân thật ó gọi là thừa Thanh văn là nói về Vô học. "Nếu có chúng sanh v.v..." kế là hợp thừa Bích-chi-phật, lược không nói về nhân nội, Nói cầu trí tuệ tự nhiên là người trung thừa không chánh cầu Niết-bàn, nếu cầu Niết-bàn thì không khác với Thanh văn, cho nên nay nêu cầu tuệ tự nhiên để hợp xe hươu vì muốn khác Thanh văn.

Ưa thích riêng lẽ vắng lặng: theo luận Câu-xá nói Duyên giác có hai thứ:

1) Bộ hành Duyên giác nghĩa là nhóm quyến thuộc của Hữu bộ là tiểu Duyên giác.

2) Tê giác dụ Duyên giác tức là độc giác, gọi là đại Duyên giác. Người đó một mình ở trong núi vắng lặng tức văn nầy nói ưa thích vắng lặng. Biết rõ sâu nhân duyên các pháp: Đây là nêu cảnh sở tri, nghĩa là khác Thanh văn chỉ biết tứ đế.

"Nếu có chúng sanh v.v..." là kế hợp thí dụ xe lớn. "Cầu Nhất thiết trí gọi là Không trí, trí Phật là Nhất thiết chủng trí gọi là có trí. Nhất thiết trí hoặc chung cả Nhị thừa. Như phẩm Ba Tuệ trong kinh Bát-nhã chép: Nhị thừa gọi là Nhất thiết trí, nếu là Nhất thiết chủng trí chỉ có ở Phật cho nên dùng tên trí Phật nêu Nhất thiết chủng trí. Tự nhiên trí: là nói chung hai thứ trí tùy ý vận dụng khả năng biết hai cảnh là không, hữu tức là trí vô công dụng. Trí Vô Sư: là trước ba trí đều không do theo thầy đắc nên gọi trí Vô Sư. Ý giải thích nầy xuất xứ từ luận Nhiếp Đại thừa. Các thứ tri kiến, lực, Vô úy của Như lai": Trên nêu bốn trí, nay lại biện bốn trí gọi là hai cặp tri kiến và lực vô úy. Phật thừa tuy đầy đủ các đức mà lấy trí làm tông cho nên nói rộng về trí. "Có lòng

thương xót làm an vui v.v...” là trước nêu môn trí tuệ tức là tự đức, nay nêu môn công đức tức là đức hóa tha. Đại bi là thương, đại từ là xót, cùng nêu hai môn. An vui và lợi ích khác nhau: đem đến quả vui là an vui, đem đến nhân thiện là lợi ích, tức giải thích đức đại từ. “Độ thoát tất cả” là giải thích đức đại bi; độ khổ thoát tập đối trên đại từ cũng có hai ý: “Đó gọi là Đại thừa”: là tổng kết công đức trí tuệ tự hành hóa tha là tự thể Đại thừa, “Bồ-tát cầu thừa này nên gọi là Ma-ha-tát”. Trên nói về pháp đại nay nói người đại, do cầu pháp đại quả nên gọi là đại nhân, từ quả pháp đặt tên.

“Như vị Trưởng giả kia v.v...” hợp với thứ tư ở trên thí dụ thấy con thoát nạn, nhưng văn chuyển thế không đồng với trên nên chia làm hai khác nhau: Cặp đầu nêu hai dụ, cặp kế hợp hai dụ. Hai cặp nầy là cuối Tiểu thừa bắt đầu Đại thừa nghĩa liên quan nhau nên nêu hai hiệp, vượt ngoài ba cõi thành Vô học là cuối Tiểu thừa. Nhất thừa căn cơ phát ban cho xe Đại thừa là bắt đầu Đại thừa. “Như lai cũng giống như vậy v.v...” hai hợp hai dụ: Ban đầu hiệp thấy con thoát nạn.

“Bấy giờ đức Như lai v.v...” là hợp đồng ban cho xe lớn. Trên có ba chương:

1) Xin xe.

2) Ban cho xe.

3) Được xe vui mừng, nay không hợp đầu cuối chỉ hợp đồng ban cho xe.

Văn trên thấy con thoát nạn tức là thấy đại căn cơ phát cho nên nay nói về đồng ban cho xe. Trong thí dụ nói về xin xe, không nói căn cơ pháp, nay nói về căn cơ phát không nói xin xe, hiện văn xen lẫn. Đồng ban cho xe lớn có hai:

1) Khai hai chương.

2) Giải thích hai chương.

Nay hiệp giải thích đồng ban cho xe lớn tức là thí dụ khai mà pháp nói hiệp, bởi vì chuyển thế khác nhau xen lẫn hiện nói về nghĩa. Văn chia làm hai:

1) Căn cứ Đại Niết-bàn hợp đồng ban cho xe lớn.

2) Căn cứ các đức hợp đồng ban cho xe lớn.

Đầu năm câu:

1) Nói có nhiều pháp bảo.

2) Các chúng sanh này v.v... nói đều là con ta.

3) Đồng ban cho xe lớn v.v... là chính là nói đồng ban cho.

4) Không khiến có người được diệt độ riêng: là nói không nên

khác nhau.

5) Đều dùng pháp diệt độ của Như lai mà cho chúng sanh diệt độ v.v... là chính là nói đồng ban cho. Nói "đều đem cho" tức là hợp đồng ban cho. "Như lai diệt độ" là hợp xe lớn kia. Sở dĩ trước nêu đại Niết-bàn hợp xe lớn là người Nhị thừa chánh tông tiểu diệt, nay dùng đại diệt để thay thế tiểu diệt. Lại trên thấy diệt tiểu khổ nên ban cho kia tiểu diệt, nay diệt đại khổ gọi là Như lai diệt độ. "Các chúng sanh này v.v..." là nêu các đức để hợp xe lớn, Nói đều cho là hợp đồng ban cho. Chư Phật thiền định hợp xe lớn trước tức là quả quả hợp xe lớn, nay dùng nghĩa quả hợp với xe lớn, quả quả nghĩa là lụy không lụy nào không hết, nghĩa quả là đức chẳng đức nào không tròn đầy, hai câu này đã nhiếp chung các nghĩa cho nên nói lược để hợp xe lớn. Lại trên là diệt khổ lớn, nay là ban cho vui lớn. "Đều là một tướng một loại là nói lên là tướng, loại riêng là loại, nay nói về ngoài không có tướng Ba thừa khác nhau nên nói một tướng, trong không có tự thể Ba thừa khác nên nói một loại.

"Như vị Trưởng giả kia v.v..." hợp với thí dụ không dối gạt. Ban đầu nhắc lại thí dụ trước, kế là hợp. "Chỉ vì chúng sanh không thọ được hết": là nói về Đức Phật chẳng phải không có khả năng trao chỉ vì chúng sanh không thọ được hết, ở đây căn cứ chúng sanh Ba thừa trước, chỉ có Bồ-tát năng thọ Đại thừa người Nhị thừa không thể thọ Đại thừa cho nên đối với Nhất Phật thừa chia ra nói ba. "Vì nhân duyên đó": văn nầy có hai nghĩa:

1) Sanh kế nối gần với văn không thể thọ hết, do không thể thọ hết nhất thừa nên đối nhất Phật thừa chia ra nói ba.

2) Huấn dụ xa trên Thân Tử xin, trên xin nguyện nói nhân duyên kia, nay nói sáu thí dụ nhân duyên từ đầu đến cuối đã xong cho nên tổng kết dạy bảo.

Kệ gồm có một trăm sáu mươi lăm hàng tụng lại hai đoạn trên:

1) Tụng trên chánh là nói đáp lời xin nói.

2) Vì nhân duyên đó tìm kỹ khắp mười phương: là tụng kết đáp lời Thân Tử thỉnh.

Văn đầu cũng có hai:

1. Khai thí.

2. Hiệp thí.

- *Khai thí:* Trên thí nói có sáu, nay tụng chỉ năm thí dụ không dối là Thân Tử lãnh giải, nay không tụng, tụng năm thí dụ còn lại chia làm năm đoạn:

1) Ba mươi người con, ba hàng tụng tổng thí.
2) Ba hàng tụng thấy lửa dụ.
3) Năm hàng tụng cứu con không được.
4) Mười hai hàng rưỡi tụng cứu con được.
5) Mười hai hàng tụng đồng ban cho xe lớn.

Trên tổng thí có sáu nghĩa, nay không tụng một cửa và ba mươi người con, chỉ tụng hóa chủ, hóa xứ, năm trăm người và ý hóa, tụng bốn nghĩa nầy chuyển thế nói pháp, nên khai văn làm sáu:

1) Nêu chủ nhà.
2) Tướng nhà.
3) Người trong nhà.
4) Nói nhà có độc hại.
5) Nhà có tai họa lửa.
6) Tổng kết lỗi lầm ở nhà.

Chủ nhà: có chỗ nói là Đức Phật. Tướng nhà: là ba cõi vô thường, vô ngã, bất tịnh. Người trong nhà: là chúng sanh trong năm đường. Nhà có độc hại: là phiền não ba cõi làm hại pháp thân tuệ mạng. Nhà có tai họa lửa: là khổ ba cõi đốt cháy chúng sanh. Tổng kết lỗi lầm ở nhà: đầy đủ các việc ác trên, thì ba cõi là lỗi lớn khiến chúng sinh nhàm chán mà cầu vượt ra.

Hỏi: Vì sao không tụng một cửa và ba mươi người con ư?

Đáp: ba mươi người con là người cầu vượt ra, một cửa là nơi ra khỏi nhà lửa, nay sáu nghĩa nầy đều là lỗi lầm của ba cõi nói về chúng sanh chìm đắm trong dó cho nên không tụng, đem một cửa và ba mươi người con để ở thí dụ thấy lửa sau và cứu con không được gồm tụng. Vì sao? Vì Đức Phật hợp sáu thí dụ chia chung làm hai chương: Hiệp tổng thí nêu lỗi ba cõi, hiệp năm thí dụ sau nói nghĩa ra khỏi, do nghĩa loại theo nhau nên chia hai thứ này.

“Thí như vị Trưởng giả v.v... Đây là nói chủ nhà tụng trên hóa chủ, văn xuôi nói Hóa chủ là chính cho nên phải nói rộng, văn xuôi đã rộng nên kệ lược.

“Có một nhà rất lớn”: là nói tướng nhà tức tụng trên hóa xứ. Nói có một nhà lớn ấy trên nêu hóa xứ có bốn: gọi là quốc, ấp, xóm, làng, nay tạm căn cứ một phương ba cõi nên nói một. ba cõi là chỗ ở của chúng sanh Đức Phật là vị hóa chủ, có nghĩa thuộc Phật cho nên nói có. Nhà lớn: là nhà kia rộng lớn. “Nhà đó đã lâu cũ”: nói rộng tướng nhà, văn xuôi đã lược, kệ thì rộng, ba cõi là vật vô thường mục nát nên gọi là lâu cũ, nhất thời vô thường nên gọi là mau cũ do hư mục. “Phòng nhà

vừa cao nguy": Trên nói tướng chung của nhà nay nói chi tiết, văn chia làm ba:

1) Dụ cho ba cõi vô thường.

2) ba cõi vô ngã.

3) ba cõi bất tịnh, dưới riêng có lửa bốc cháy dùng dụ khổ nên không nói về thí dụ khổ.

Đường (phòng) như trên giải thích. Chúng sanh sáu đường cùng tụ tập trong ba cõi nên gọi là đường; trước gọi là gác nay chuyển gọi là nhà gồm có hai nghĩa:

1) Trên nói về ba cõi lên xuống khác nhau nên gọi là gác, nay nói chỗ lưu trú của chúng sanh gọi là nhà.

2) Ba cõi lên xuống chuyển hồi bất định, hoặc sanh lên cõi trên hoặc sanh xuống cõi dưới cho nên không giữ tên nhất định, pháp ba cõi chồng chất nhiều nên gọi là cao, mà quả báo sáu đường chẳng an ổn nên gọi là nguy. Lại thiên đường và địa ngục là môn đối lập cho nên nói chỗ cao thì nguy. Như luận Trí Độ chép: thí như đàn dê béo phì chết trước. "Gốc cột lại gãy mục": Trên nói chung ba cõi vô thường, nay nêu chi tiết vô thường. Gốc cột là căn bản giữ một nhà, mạng căn là chủ giữ một thân, cho nên kinh Đại Phẩm chép: Như người mạng căn còn thì các căn khác được còn nếu mạng căn diệt thì các căn khác đều diệt, nên trước nói mạng căn, niệm niệm tổn diệt là gãy mục. "Rường cột xiêu vẹo". Đây là nói về tâm pháp vô thường như trước giải thích, do hiểu biết không nhất định, hình sanh diệt như huyễn gọi là xiêu vẹo. "Nền móng nát rã": dùng ba nghiệp làm nền móng của ba cõi, như kinh Đại Phẩm chép: vì tội nghiệp nhân duyên nên đọa vào ba đường ác, nhờ phước nghiệp nhân duyên nên sanh làm trời người cõi Dục, không động nghiệp nhân duyên nên sanh trong cõi Sắc, cõi cõi Vô sắc cho nên biết ba nghiệp là nền móng của ba cõi, hạnh nghiệp hết dần là nát rã. "Vách phên sụp đổ": gốc cột là nói phi sắc phi tâm vô thường, rường cột nêu tâm pháp vô thường. Nay nói sắc pháp vô thường, hai vô thường trước tướng ẩn dấu nên nói lược, sắc pháp vô thường tướng hiển nên nói rộng. Ngoài bốn đại là vách trọng bốn đại như phên, bốn đạo tánh tướng trái nhau như sụp đổ, Sụp là hủy nát rã rời. "Đất bùn rơi rớt": Đất bùn là bốn vi, luận Tỳ-đàm nói bốn vi và bốn đại thường đều có nên bốn đại tạo bốn vi, Thành luận nói bốn vi thành bốn đại như đất bùn thành vách phên, nay nói bốn vi cũng vô thường nên gọi là rơi rớt. Lại vi tế vô thường như sụp đổ, thô vô thường như rơi rớt. Đà là rơi, lạc là rụng. "Tranh lợp sa tán loạn": Vì vật che nhà hoặc ngói hoặc tranh,

nay chính là dùng tranh che nhà nên gọi là tranh. Chúng sanh dùng lớp da mang che thân như lớp tranh mỏng che một nhà. Rơi tán loạn; là lợp tán loạn, tức da dày mặt nhăn răng thưa hình mạo thô xấu. “Kèo đòn sai rời khớp”: ý căn là cột (đống), thân căn là đòn tay, bốn căn như nhãn v.v... là kèo, kèo là chỗ nương, trên dùng đinh đóng cột dưới lại hiệp với đòn, hai căn đứng đầu bốn căn nương phụ có tượng. Rời khớp: Các căn làm dụng giúp đỡ lẫn nhau, cho đến suy yếu mục nát, sức tương trợ suy yếu nghĩa là nói rời khớp cho nên kinh dạy: Tuổi trẻ khỏe mạnh lâu chết nên sáu căn sáng suốt, tuổi già gần chết cho nên sáu căn tối tăm. Bốn bề đều cong gãy. Trên nêu năm ấm sáu căn đều là vô thường gọi là quán vô thường, nay nhà cửa xiêu ngã không nói thẳng quán vô ngã, dụ như già bệnh chết sắp đến bốn chi trăm thể không được tự tại như nhà nghiêng ngã, chung quanh không thẳng để nói lên vô ngã. “Khắp đầy tạp nhơ”: là nói quán bất tịnh. Có người chép: Từ có một nhà đến mà lại xấu xa là nói chung ba cõi vô thường. Từ phòng nhà cao nguy v.v... là nói riêng năm ấm bốn đại vô thường. Phòng nhà nói chung, năm ấm là nơi dừng nghỉ của chúng sanh, vì vậy nên kinh chép: Quán năm ấm nhà cửa đều vắng lặng, Từ gốc cột v.v... là nói riêng năm ấm vô thường. Trong sắc ấm địa đại năng giữ gìn nên là cột, mỗi phần không chắc thật như gãy mục, thức ấm đứng đầu một thân là rường cột, thức không có chủ nhất định như huyễn là xiêu vẹo, hành ấm là gốc của một thân làm nền móng, một khởi một diệt là nát rã, loạn tưởng chướng khắp, chấp bóng không thật là vách phên sụp đổ, ba thọ xen khởi không trụ như đất bùn rơi rớt, trình bày năm ấm vô thường xong.

Tranh lợp rối loạn: là nói riêng bốn đại vô thường, phong đại có thể nghiêng đổ làm che lợp rơi tán loạn, kèo đòn không thể giữ nhau dường như vững chắc mà chẳng vững chắc dụ như địa đại không thật. Bốn bề đều cong: Như hỏa đại thấp trong một hình tùy thân già trẻ mà có yếu mạnh không được tự tại. Đầy những tạp dơ: sáu căn máu mủ đờm dãi bất tịnh là dụ thủy đại.

“ Có năm trăm người đều ở trong đó ”: Nêu người trong nhà: năm đường chúng sanh dừng ở trong nhà vô thường vô ngã bất tịnh rất đáng thương.

“Chim xi thiêu điêu thứ v.v...” Nêu có vật ác trong nhà. Kinh không hợp riêng, nghĩa khó hiểu, nay lược dùng năm môn giải thích:

1) Ý nghĩa.

2) Nhiếp pháp.

3) Thứ lớp.

4) Đồng dị.

5) Y cứ về người.

- *Ý nghĩa:* Do trong nhà có độc hại nầy cho nên nhà không thể ở; trong ba cõi có ái kiến phiền não năng hại pháp thân tuệ mạng của chúng sanh nên khởi nhàm chán mau cầu ra khỏi.

- *Nhiếp pháp*: Độc hại tuy nhiều nhưng không ngoài hai thứ: 1) Vật hiển thân có hình nghĩa là chim lạ trùng độc. 2) Vật ẩn khuất không có hình dáng: nghĩa là Dạ-xoa ác quỷ. Rất độc hại, chỉ có hai thứ này, trùng chim có hình dáng: dụ cho ba độc duyên sự phiền não, quỷ thần không có hình dụ cho mê lý các kiến, hại pháp thân tuệ mạng chỉ có hai hoặc lý sự.

- *Thứ lớp*: Hỏi: Vì sao trước nêu chim trùng có hình dáng sau nêu quỷ thần không hình dáng? Đáp: Nói theo thí dụ: Hình hiển hiện nghĩa độc hại rõ ràng, nên nói trước, quỷ thần vô hình làm hại không nói lên, do đó nói sau; theo lý thì hình chim thú là thí dụ chúng sanh tại gia khởi ái, quỷ thần không hình dáng ví như xuất gia khởi kiến ngoại đạo, cho nên trước có tại gia khởi ái sau mới có xuất gia khởi kiến.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Dụ nầy khởi lại dụ văn năm trược trong phẩm Phương tiện, trong phẩm Phương Tiện có hai chỗ đều trước nói khởi ái, sau nói khởi kiến.

Ban đầu văn chép: Tham đắm năm dục si ái nên sanh phiền não gọi là khởi ái. Vào rừng rậm tà kiến hoặc có hoặc không v.v... gọi là khởi kiến. Văn sau chép: Đắm sâu vào năm dục như trâu kia mến đuôi gọi là khởi ái. Vào sâu tà kiến, lấy khổ muốn bỏ hổ gọi là khởi kiến. Phẩm Phương Tiện đã trước nói về ái, sau biện kiến, vì pháp nói về ái trước kiến sau, nay trong phẩm này lại dụ nghĩa trên, cho nên trước nêu chim trùng độc quái để dụ cho ái, Dạ-xoa ác quỷ dụ cho kiến kia, do đó văn nầy không dựa theo dứthoặc trước sau, cũng không dựa theo khởi hoặc thứ lớp, mà dùngđây giải thích văn rõ ràng có thể hiểu.

- *Đồng khác:* Chim trùng quỷ thần và năm trăm người có gì khác nhau ư? Đáp: Các pháp bản tánh vốn vắng lặng không hề sanh diệt Niết-bàn, cũng không hề có chúng sanh và Chư Phật, chỉ do điên đảo vọng tình nên có chúng sanh. Căn cứ theochúng sanh nầy liền có năm sự: Chấp quả báo kia lên xuống cho nên gọi ba cõi, ba cõi này đồng là vô thường bất tịnh, là nghĩa chỗ dừng ở như trên nói hình dáng, người năng dừng ở trong ba cõi số có năm đường gọi là năm trăm người, tức năm trăm người đây khởi ba độc phiền não gọi là trùng độc. Nếu khởi

các kiến gọi là ác quỷ, đủ ái kiến liền cảm quả khổ thiểu não thân tâm gọi là hỏa tai, cho nên trong ba cõi có năm việc này. Kế nêu căn cứ chúng sanh đây đầy đủ năm nghĩa gọi là người vượt xuất ba cõi: Chúng sanh đây gặp Phật Bồ-tát nghe giáo Ba thừa gieo trồng hạt giống Ba thừa gọi là ba mươi người, dần dần tu hành thành Bậc Thánh Ba thừa cho nên gọi là La-hán, Bích-chi-phật và Bồ-tát, tức người Ba thừa nầy nếu nghe Pháp Hoa đồng ngộ Nhất thừa đều gọi là Bồ-tát, tức Bồ-tát nầy tu hành đầy đủ nên gọi là Phật. Nhưng năm việc ở trong ba cõi gọi là sông sanh tử đầy, sông Niết-bàn đổ, ở ngoài ba cõi thì sông sanh tử đổ, sông Niết-bàn đầy, nhưng vốn đối sanh tử nên có Niết-bàn, sanh tử đã nghiêng đổ tức là Niết-bàn cũng tịnh cho nên chẳng phải sanh tử cũng chẳng phải Niết-bàn thì bổn tánh vắng lặng nghĩa là hai sông đều nghiêng đổ; như Hoa Nghiêm nói sanh tử chẳng rối loạn, Niết-bàn chẳng tịch tịnh, nhưng phi sanh tử phi Niết-bàn cho nên năng thị hiện hai thứ sanh tử Niết-bàn phương tiện, nghĩa là hai sông đều đầy.

- *Căn cứ người khác nhau*: nói lược dụ ý kinh này. Nói về mê ngộ khác nhau, thứ lớp có bốn hạng người.

1) Chúng sanh tại gia khởi ái không biết nhàm chán sanh tử cũng không biết ra khỏi.

2) Ngoại đạo xuất gia biết nhàm chán già bệnh mê ở đường ra mà không biết chỗ ra.

3) Người Nhị thừa biết nhàm chán, biết ra khỏi nhưng là quanh co cho nên Phật đạo xa vời lâu dài, lại dừng giữa đường không còn cầu tiến.

4) Bậc Bồ-tát biết nhàm chán biết ra khỏi gọi là thẳng ra cho nên nương xe báu thẳng đến đạo tràng. Nay trùng độc ác quỷ tức là hai người trước, hai người xưa và nay là hai người sau, cũng được một người đầy đủ bốn, bốn người đầy đủ bốn, như trong sông Hằng bảy hạng chúng sanh tự có bảy người đầy đủ bảy, một người đầy đủ bảy.

Văn chia làm ba:

1) Nói về trùng độc.

2) Biện rõ ác quỷ.

3) Tổng kết lỗi lầm.

Đầu văn lại có hai:

1) Nói riêng về trùng độc.

2) Tổng kết lỗi lầm.

Văn đầu lại chia ra ba cặp:

1) Nêu trên có chim quái dưới có trùng độc thì trên dưới một

cặp.

2) Nói về chỗ bất tịnh bị mê, và trùng khương lang năng mê tức năng sở một cặp.

3) Nói về tham ăn loài cầm thú ăn nuốt tranh giành cấu xé chiếm đoạt là san tham một cặp.

Hỏi: Vì sao trước nói về chim quái sau nói về trùng độc?

Đáp: Căn cứ dụ mà nói nhà có hai việc không thể dừng nghỉ: Trên có chim quái dưới có trùng độc tức từ trên dưới, từ ngoài vào trong, vì nghĩa nầy nên trước nói về chim quái sau nói trùng độc.

Có người chép: Quái điểu là dụ mạn sử, như chim bay lên cao dụ cho chúng sanh khởi mạn lấn hiếp người khác tự cao cử, mạn chẳng phải đứng đầu ba độc cũng chẳng phải đứng đầu của năm độn sử, chỉ nêu bày tướng bất định cho nên trước nóimạn. Lại kinh này chính chê trách người tăng thượng mạn cho nên trước nêu. Có người chép: Đã gọi chim quái chấp kia phát ra âm thanh làm dụ, nhưng các chim này, hoặc phát ra âm thanh quái lạ hoặc phát ra âm thanh êm ái, âm thanh quái lạ dụ cho ác miệng, hai lưỡi, âm thanh êm dịu là dụ cho nói dối ỷ ngữ. Nay nói lý thật khó nói về, chỉ trong một nhà này trên có chim quái dưới có trùng độc, lấy đây làm ví dụ. Quái điểu ví như ái sử ở hai cõi trên nên kinh nói sắc nhiễm Vô sắc nhiễm, vì ái là gốc của sanh tử cho nên nay nói trước. Lại các ngoại đạo đều nói hai cõi trên là Cực lạc Niết-bàn mà tham đắm thiền vị, nay phá riêng cho nên trước nói ái ở hai cõi trên. Loài rắn rít, bò cạp: là nói dưới có trùng độc dụ cho sân sử, ái chỉ ở trên không có ở dưới dụ đồng các loài chim, sân chỉ ở dưới không có ở trên dụ cho trùng độc kia, bởi là một cách khai bày sử phiền não. Tỳ-đàm giải thích văn tương tợ. Loài rắn rít có đủ hai âm, thân dài một thước người đời gọi là xà sư, sân nặng như rắn rít, bò cạp sân nhẹ như loài ngô công do diên. Loài thủ cung là dụ cho dâm ganh ghét, người xưa (chọn) loài trùng này để trong rương cho nó ăn chân châu khiến biến thành màu đỏ, nếu vua hành đạt không tiện, chích lấy máu đề vào trong cánh tay người, người có tư tình máu thấm vào da, có thể dùng làm người giữ cung cho nên đặt tên là thủ cung. "Các giống trùng độc dữ": là tổng kết các tà, muôn sự ganh ghét từ sân sử lưu xuất ra. "Ngang dọc xen ruổi chạy": các sử loạn khởi như xen lẫn ngang dọc. Khởi ắt nhanh chóng như ruổi chạy. "Chỗ phân giải hôi thúi" là cặp thứ hai, ban đầu nêu pháp mê hoặc nghĩa là năm dục ở cõi Dục cũng như phân giải: hai cõi trên tuy không có dục ngoài mà có dục trong nên gọi là chảy tràn, đều là người trí chán ghét nên gọi là bất tịnh. "Các loài trùng khương lang

bu nhóm ở trên đó": Đây nói sử năng mê nghĩa là phàm phu si mê mà tham đắm không bỏ, như loài khương lang không biết mà bu đầy trên đó, ở đây nói ái để hiển si. Trước nêu ái sân đều đầy trên dưới như loài chim trùng kia, đây nói về ba cõi đều là hữu lậu bất tịnh vô minh phiền não chung cả đều mê. Cho nên trước nói riêng nay nói chung tức là thứ lớp.

"Các sói cùng dã can": là nói về san tham một cặp.

Hỏi: Ban đầu nêu chim quái dụ cho ái, trùng độc dụ cho sân, khương lang dụ cho si tức là đủ ba độc vì sao lại nói san tham ư?

Đáp: Tham ái là gốc của sanh tử, nên chia làm hai: Nhẹ là ái cõi trên, nặng là tham cõi Dục. Ban đầu nêu ái cõi trên, nay biện tham cõi Dục.

Hỏi: Vì sao trước nói ái cõi trên kế nói tham cõi Dục?

Đáp: Căn cứ dụ mà chép: Trên có chim quái dưới có trùng độc, nói về nhà đáng sợ không nên dừng nghỉ cho nên trước nói về ái cõi trên, sân cõi dưới rất lầm lỗi cho nên trước nói ái kế nói sân.

Nay muốn nói rộng thứ lớp nêu lỗi của san tham nặng nêu sau nêu, cho nên Phẩm Phương Tiện nói thời kiếp trược loạn chúng sanh cấu trọng san tham ganh ghét, nay vì giáo hóa người cõi cõi Dục cho nên nói rộng lỗi ở cõi Dục nên nói sau. Văn chia làm hai: Trước nói lỗi tham kế nêu lỗi xan. Loài lang sói nhiều tham, do đó kinh nói tham lang ở tài sắc, loài cáo cũng tham mà tánh thường nghi nên kinh nói cáo nghi, tức mượn loài này nói về nghi, lại người nặng về tham muốn cầu danh lợi trước sanh tâm nghi là đắc hay không đắc. Vì vậy nên căn cứ tham sử thì rõ ràng có nghi. Loài dã can cũng tham mà tánh lại siểm khúc (dua nịnh), vì người tham cầu thường ưa dua nịnh, do đó nói về tham mà lại biện siểm khúc. Liếm nhai. Chính nói về tướng tham mới đủ tham năm trần mà vị tham đứng đầu cho nên nói nghiêng lệch. Dẫm đạp: tham không có đạo lý, tham ăn uống không chán nghĩa đồng như dẫm đạp giành giựt. Cắn xé: sáu căn khởi tham chấp cảnh sâu nặng như cắn xé. Thây chết: Tham năm dục bất tịnh tanh hôi dụ cho thây chết. Xương thịt bừa bãi: Tham chấp chứa nhóm dụ các việc kia thường bừa bãi.

Do đó mà bầy chó: Nêu từ tham khởi san, san chẳng phải một dụ đồng bầy chó. Đua nhau đến ngoạm lấy": Nghĩa tâm tham chấp chặt lẫn tiếc đồng nghĩa ngoạm lấy, lại nặng về danh lợi như xương thịt bừa bãi, cạnh tranh danh lợi đồng ngoạm lấy, tham không no chán như ốm đói đáng sợ, không xứng hợp ý như sợ sệt, xúc cảnh đều tham bốn phương dẫn dắt tìm ăn các nơi. "Giành giựt cấu xé": Trước nói từ tham khởi

xan, nay nói nhân san tham lại khởi sân sử, tánh tham dẫn dắt chấp xan thì lẫn tiếc chấp chặt, hai nghĩa trái nhau cảnh không thuận tâm thì khởi sân tranh giành cho nên nói giành giựt, tranh về phần mình cho nên nói cấu xé. "Gầm gừ gào sủa vang": Đấu tranh khởi từ thân nghiệp, nay nói về khởi từ miệng nghiệp, từ hai sử san tham cho nên khởi hai sân thân, miệng, đây đều nói bầy chó chẳng phải dụ cho ba ái trước.

"Nhà đó việc đáng sợ, các biến trạng như thế": là tổng kết lỗi lầm kia. Nhà kia là nhà ba cõi: Đáng sợ: là phiền não nặng hại pháp thân tuệ mạng rất đáng sợ. Biến trạng: Biến đổi hình dáng kỳ quái. Tâm vốn thanh tịnh do khởi phiền não trái ngược tổn thương đến lý, có công năng cảm khổ báo như biến trạng quái lạ.

Hỏi: Vì sao văn này không nói về nghi sử?

Đáp: Đây muốn dụ chúng sanh tại gia khởi ái, chỉ nói về có nơi ba độc chưa suy tìm cầu lý nên không nêu nghi sử, cho nên nghi sử nói sau, trong việc nghi chẳng huộc tánh sử cho nên không nói.

"Khắp nơi đều có" v.v... là dụ cho người xuất gia ngoại đạo khởi sự mê lý, như Phẩm Phương Tiện đã sanh khởi. Lại trước nêu ma trời ưa sanh tử, nay nói ngoại đạo mê đắm các kiến. Văn có hai: Nói si sử kế nêu kiến sử, phải trước sanh nghi sau mới khởi kiến cho nên Tạp Tâm chép: Vô tri nên do dự, do dự nên tà kiến, trên đã nói vô tri nay nêu do dự cho nên ban đầu nói nghi, nghi ở ba cõi nên nói nơi nơi đều có. Quỷ ly mị vọng lượng: Chính nói về nghi sử, mượn vọng lượng ly mị dụ cho nghi không quyết định. Trương Bình Tử Tây Kinh Vũ chú giải rằng: Sơn thần là ly, hình dáng tợ như hổ, thần nhà là mị, đầu tợ heo thân hình người có đuôi, gỗ đá yêu quái là vọng lượng Xuân Thu quyển thứ mười chép: Đúc tượng vật có một trăm loại hình thú vật khiến người vào núi sông không gặp quỷ ly mị vọng lượng. Chú giải rằng: ly là sơn thần hình thú, mị là quái vật, vọng lượng là thủy thần.

Dạ-xoa ác quỷ: là nói về kiến sử. Văn có năm:

1. Tà kiến.
2. Giới thủ.
3. Thân kiến.
4. Kiến thủ.
5. Biên kiến.

Hỏi: Năm kiến sao gọi là tà kiến ư?

Đáp: Nói theo dụ: Trong nhà có quỷ ăn thịt người rất đáng sợ, tà kiến bác không nhân quả, cắt đứt gốc lành, nặng hơn trong các kiến nên nói trước.

Lại, Tạp Tâm chép: Do dự cho nên tà kiến thì từ nghi sanh tà kiến, nghĩa là thứ lớp nương nhau sanh. Văn chia làm ba:

1) Bác bỏ gốc lành tà kiến nửa hàng.

2) Một bài rưỡi bác bỏ tà kiến ác.

3) Một bài đều kết hai thứ tà kiến.

Dạ-xoa ác quỷ, Thích luận chép: Thành Đế-thích có chín trăm chín mươi chín cửa mỗi cửa có sáu Dạ-xoa áo xanh. Nhưng Dạ-xoa có ba: ở đất, ở hư không, ở trên trời. Thích Luận nói ở trên trời, ngài La-thập dịch là khinh tiệp (nhẹ nhàng mau chóng), lại dịch là người quý cũng dịch là có thể ăn. Nuốt ăn cả thịt người: Ở trên nói tà kiến năng bác bỏ, nay nói pháp thiện sở bác bỏ. Thịt người quý hơn hết trong các thứ thịt, pháp thiện là tôn quý trong các pháp, muốn nói về quá lỗi kia nên trước nói bác bỏ không pháp thiện. Các loài trùng độc ở dưới là nói về bác bỏ tà kiến bất thiện: ban đầu một bài nêu bất thiện bác bỏ, trên nửa hàng nói về nhân bất thiện, kế một câu nêu nhân bất thiện sanh quả bất thiện, câu thứ ba nêu nhân quả đáp sanh đều có lý riêng. Ấp sanh: chim sanh gọi là ấp, thú sanh gọi là cho bú, cùng là trứng gọi là ấp, thai gọi là cho bú.

"Quỷ Dạ-xoa đưa đến": hai bài rưỡi nói về tà kiến năng bác bỏ. Khởi tà kiến chẳng phải một nên nói đưa đến, nhưng chính bắt ăn thịt con dụ cho tà kiến chính là bác bỏ quả. "Ăn no nê rồi": một bài tổng kết tà kiến lỗi lầm, đến bác bỏ bất thiện thì tà kiến đều thành chín phẩm, dứt hẳn đủ các gốc lành nên nói no đủ, do chín phẩm đầy đủ tà kiến mạnh lên nên gọi thêm hăng, nhân tà kiến khởi tà kiến nói như tiếng đánh chửi nhau, tà kiến chấp không cùng hữu kiến nghĩa trái nhau như đấu tránh, nói ra từ miệng gọi là âm thanh ác, tà kiến có công năng cắt đứt gốc lành được quả báo vô gián ất đáng sợ hãi.

"Quỷ Cưu-bàn-trà": Kế là nói giới thủ tà kiến bác bỏ không nhân quả, giới thủ có lập nhân quả, muốn dùng có không tương đối cho nên nối kế nhau, cũng muốn nói lên ngoại đạo chấp có, không trái đến cùng cho nên kế nói. Quỷ Cưu-bàn-trà Hán dịch Đông qua quỷ, hình dáng giống trái bí đao. Giới thủ có hai thứ: Có pháp thiện, pháp ác, nếu chấp các kiến là đạo gọi là pháp ác giới thủ cho nên luận Thành Thật chép: Giữ giới trâu nếu thành thì gọi là trâu, không thành thì đọa vào địa ngục nhưng chẳng phải nghĩa nầy dùng. Nay trong ở đây nói về chấp ba cõi pháp bạn lành lậu xếp vào đạo gọi là giới thủ. Theo nghĩa Tỳ Đàm tuy chấp pháp thiện làm giới thủ đều thuộc nhiếp bất thiện cho nên trừ thân kiến, biên kiến các kiến còn lại đều bất thiện. Năng trì thiện giới

đắc trời người cõi Dục lên ngoài bốn thú, như đất khối chỉ cao hơn đất chút ít là chỉ cõi Dục chẳng phải pháp an ổn ví như ngồi xổm. “Hoặc có lúc hỏng đất một thước hai thước”: Đây chấp tu thiền bặt dục xếp vào đạo gọi là giới thủ, chấp Tứ thiền là đạo như lìa đất một thước, chấp Tứ không là đạo như lìa đất hai thước, lại duyên trên là qua, chán dưới là lại sanh cõi trên là qua, thoái cõi dưới là lại, trải khắp ba cõi gọi là dạo đi. Trái chí lý là buông lung, không thể khắc phục thu hoạch Thánh đạo gọi là đùa giỡn. Nắm hai chân của chó: Đây nêu lỗi giới thủ, trước nói tà kiến bác bỏ không nhân quả lỗi kia đã nặng như ăn thịt người và ăn các loài chim thú. Nay nói về giới thủ lập có nhân quả, lỗi lầm tức nhẹ chỉ như sợ chó trong nhà cho nên có thí dụ đây. Chấp bốn thiền bốn không làm đạo trái ngược tổn hại nhân hai cõi trên, như nắm hai chân chó, vì nhân hai cõi trên là hữu lậu, trông mong thánh đạo vô lậu là pháp dưới như chó là loài thú thấp hèn. Chấp hữu lậu, phi đạo là đạo, trái khuấy tổn hại hữu lậu dụ như nắm chân chó trái ngược sự như âm thanh của chó ở ngoài cho nên thất thanh. Đã mê nhân hữu lậu cũng mê quả hữu lậu, như chân đạp trên cổ. Chấp hữu lậu là Thánh đạo không bác bỏ nhân quả như sợ chó không chết, chấp như thế gọi là đắc lý nên gọi là tự vui.

“Lại có các giống quỷ thân nó rất cao lớn”: là nói ngã kiến, kế giới thủ sau nói ngã kiến. Căn cứ dụ mà chép: Đầu tiên nói quỷ đều hại người lỗi kia rất nặng cho nên nói ban đầu. Kế quỷ không hại người, là chỉ làm cho chó sợ cho nên nói thứ hai. Nay một loài quỷ thứ hai nầy đều không hại người ít đáng sợ, nên nói thứ ba. Tà kiến bác bỏ nhân quả lỗi kia rất nặng cho nên nói đầu, giới thủ có lập nhân quả chỉ trái pháp hữu lậu nên nói thứ hai, thân kiến không ngăn ngừa thí giới lại là ẩn chìm pháp vô ký, so với giới thủ thì lỗi kia nhẹ cho nên nói thứ ba.

Hỏi: Như nghĩa luận Thành Thật nói thân kiến là bất thiện, nghĩa Tỳ-đàm nói về thân kiến là ẩn chìm vô ký, hai luận này làm sao có được mất ư?

Đáp: Câu-xá phê bình rằng: Ngã kiến có hai: sanh đắc ngã kiến nghĩa là sanh bất cứ cõi nào trong ba cõi tất cả chúng sanh đều khởi tâm ngã kiến gọi là sanh đắc ngã, ngã như thế gọi là ẩn chìm vô ký. Nếu ngã của ngoại đạo tà chấp gọi là bất thiện.

“Thân kia cao lớn”: Nếu y cứ nhiều người thì chúng sanh trong ba cõi đều có ngã là cao (dài), chúng sanh trong năm đường đều có ngã là lớn (đại). Nếu Tăng-khư chấp ngã thì khắp ba cõi năm đường đều gọi là cao lớn, người chấp ngã cho rằng đắc lý, tâm không hổ thẹn gọi là

lõa hình (trần truồng), trong tâm vô minh chấp ngã gọi là đen, chánh quán không hữu vô ngã gọi là gầy, tất cả phàm phu thường có ngã tâm nên nói thường ở trong đó. Trong lòng ôm ngã, tuyên nói nơi miệng cho nên nói phát âm thanh, vì ngã tu phước nghĩa như cầu ăn. Lại quỷ này thường muốn ăn thịt người và thú, như người chấp ngã thường bác bỏ vô ngã nên gọi là cầu ăn.

"Lại có giống quỷ cổ nhỏ như lỗ kim: Là nói kiến thủ, kiến thủ có hai:

1) Độc đầu.

2) Túc thượng.

Độc đầu là không lạc tịnh chấp lạc tịnh, Túc thượng: Trên ngã kiến chấp phải trái, như nói tự thấy là thật, các người khác đều là nói dối. Nay văn nầy nói chấp mình thấy là đúng không chịu nhận người khác thấy như quỷ cổ nhỏ không thể ăn uống.

"Lại có các giống quỷ đầu nó như đầu trâu": Là nói biên kiến. Đoạn, thường từ thân kiến sanh, như hai sừng trâu chung ở một đầu, mà nói trâu vì loài trâu dê ngu si v.v... Căn cứ dụ mà nói nên có ba ý:

1) Trâu.

2) Đầu.

3) Trên đầu có sừng.

Như do si nên chấp ngã, do ngã nên khởi đoạn thường. "Hoặc ăn thịt người hoặc lại ăn thịt chó: "Trên là nói thể của biên kiến, nay nêu dụng của biên kiến, trái pháp thiện nhân quả như ăn thịt người, trái nhân quả pháp ác như ăn thịt chó, lại trái diệt đạo là ăn thịt người, tổn thương khổ tập như ăn thịt chó. "Đầu tóc rối tung lên": Trên lượt nêu từ thân kiến sanh đoạn thường hai kiến nay nói rộng từ đoạn thường sanh sáu mươi hai kiến, cho nên Phẩm Phương Tiện chép: Vào rừng rậm tà kiến hoặc là có là không v.v... y chỉ các kiến nầy đầy đủ sáu mươi hai kiến. Đoạn thường là gốc của các kiến như đầu, từ đây sanh sáu mươi hai kiến không có giảng giải tóm lược như tóc rối tung. "Rất ác hại hung hiểm": là nói về thể của sáu mươi hai kiến, nay nêu dùng, các kiến ấy thường trái ngược tổn thương như tàn hại hung hiểm không có định tuệ ăn uống cho nên nói bị đói khát bức ngặt. Lại loài quỷ này cũng thường ăn thịt người, như người chấp đoạn thường muốn phá Trung đạo miệng giảng nói các kiến, nghĩa kia nói lên như kêu la, tâm hành đoạn thường nghĩa như rong chạy.

"Dạ-xoa và ngạ quỷ": một bài rưỡi tổng kết lỗi lầm. Câu đầu nói sử mê lý, câu kế nêu mê sự phiền não khởi hai sử ái kiến, chúng

sanh đều không có định tuệ ăn uống như đói gấp, lại thường muốn trái nghịch tổn thương gọi là đói khát, chỉ có tâm muốn ra khỏi mà không tu hành vượt thoát, chúng sanh ái kiến như thế khi chịu các khổ cũng có lúc nhàm chán khổ nên bốn bề, tâm hy vọng mong cầu ra khỏi, như rình xem ở cửa sổ, cửa sổ nghĩa là chỗ không khổ mà không chánh cầu ra khỏi chỉ rình mà thôi. "Các nạn dữ như vậy vô lượng việc ghê sợ": lỗi liên quan đến phiền não không thể nói hết cho nên nói các nạn như vậy vô lượng việc ghê sợ.

- *Nhà cũ mục trên đó*: là nói lửa bốc cháy. Văn chia làm hai:

1) Ban đầu nói duyên lửa khởi.

2) Chính là nói về lửa khởi.

Hỏi: Vì sao có thí dụ lửa bốc cháy ư?

Đáp: Văn xuôi đã giải thích, nay lại làm một ý, trước nói về nhà hình gọi là quả báo ba cõi, kế nói ác quỷ trùng độc nghĩa là trong ba cõi khởi ái kiến phiền não, do có phiền não nên chiêu cảm khổ báo, nhưng cảm hậu khổ có hai nhân duyên:

1) Khởi phiền não.

2) Xa lìa thầy tốt tức cách đời không có Phật.

Khởi hoặc là nhân cảm khổ cho nên trước nóiPhật bảo là duyên cảm khổ nên nói sau. Do văn kinh trước nói phiền não sau biện cách đời Đức Phật, Phật ứng sanh trong ba cõi, ba cõi thuộc Phật, vì Đức Phật có khả năng giáo hóa ba cõi nên thuộc Phật không thuộc chín mươi sáu Sư cho nên nói một người.

"Người ấy vừa mới ra": Trên nói ứng sanh nay nói ứng diệt, chuyển hiện phương khác cho nên nói vừa mới ra. "Thời gian chưa bao lâu": Như lai thị hiện sanh diệt thời gian khoảnh khắc cho nên nói chưa bao lâu. Lại chưa bao lâu mà còn khởi hoặc chiêu cảm khổ huống chi cách Thánh lâu ư?

"Rồi sau nhà cửa đó, bỗng nhiên lửa cháy đỏ": Chính là nói về lửa bốc cháy. Văn có ba:

1) Nói cõi Dục lửa bốc cháy.

2) cõi Sắc lửa bốc cháy.

3) cõi Vô sắc lửa bốc cháy.

Cho nên văn nói ba cõi bất an giống như nhà lửa thường có sanh già bệnh chết lo buồn, lửa bốc cháy như vậy không dừng. Về sau: Nghĩa là sau khi Phật diệt độ, lại là chúng sanh trái hóa về sau, đây nói về khi lửa bốc cháy: Bỗng nhiên: Từ điên đảo vọng tưởng sanh, chỉ bày lửa cháy không có nguyên nhân. Lửa bốc cháy: Chính nêu khởi hoặc

chiêu khổ, bốn loài chúng sanh đồng có sanh già bệnh chết cho nên nói bốn bên. Nhất thời: Tuy là đồng mà còn sợ hãi chưa hẳn nhất thời cho nên lại nói nhất thời. “Ngọn lửa đều hừng hực”: Như lai sau khi diệt độ chúng sanh trái hóa đồng khởi nhiễm trói buộc đều chịu khổ nặng. Rường cột và trính xiêng: là nói thân tâm bị đốt cháy. Tiếng nổ: là già khổ. Rung chuyển: là bệnh khổ. Rớt gãy đổ ngã: là thần thức chết, hình xa lìa ức là khổ chết. “Các loại quỷ thần ấy đồng cất tiếng kêu to”: Đây là nói người gặp khổ. Các quỷ thần là ngoại đạo xuất gia đồng khởi kiến. Luận Thập Địa chép: Ngoại đạo thấy già bệnh chết sanh tâm nhàm chán, như quỷ thần thấy lửa cất tiếng kêu to.

“Các giống chim điêu thứu”: một hàng là nói chúng sanh ái kiến đồng không biết nơi vượt khổ, câu trên nói tại gia khởi ái chúng sanh kiến, lìa sanh già bệnh chết cũng sanh sợ hãi mà không biết chỗ ra, câu kế nói ngoại đạo xuất gia cũng không biết chỗ ra. “thú dữ loài trùng độc chui núp trong lỗ hang”: là nói cõi Sắc bốc lửa, câu đầu nói chúng sanh tại gia chán khổ cõi Dục tu Tứ thiền cầu sanh cõi Sắc cho nên nói chui núp trong hang. Kinh này từ trên đến đây có ba loại ví dụ:

1) Chấp cõi trên cao hơn cõi dưới nên nói dụ lầu gác.

2) Chấp phàm phu xuất ly bởi không đáng nói như một thước hai thước.

3) Nay chấp tránh lửa dụ đồng vào hang. “Các quỷ Tỳ-xá-xà”: Đây nói quỷ cuồng điên, là dụ ngoại đạo khởi kiến cũng chán khổ cõi Dục cầu cõi Sắc cho nên nói cũng ở trong đó. “Vì phước đức kém mỏng nên bị lửa đốt bức”: Tuy sanh cõi Sắc cũng chưa thoát khỏi hoạn, do đó không thoát khỏi khổ vì phước đức mỏng, cõi Dục khổ nặng như thiêu đốt, cõi trên khổ nhẹ nên nói bức. “Lại tàn hại lẫn nhau”: Nói chúng sanh cõi Sắc đã thọ quả khổ lại khởi nhân hoặc, ái thường mê đắm nơi có, kiến thường mê đắm không, có không lẫn khởi nói tàn hại lẫn nhau, có hại không như uống máu, không hại có như ăn thịt. “các loài thú dã can, thì đều đã chết trước”: Khi sanh cõi trên thì tham nặng ở cõi Dục đã dứt trước cho nên kinh Thập Địa chép: Như Phạm Thiên vương, phiền não cõi Dục không hiện tiền. “Các giống thú dữ lớn, tranh nhau đến ăn thịt”: cõi Dục ác tuy diệt mà phiền não cõi trên nối tiếp khởi, khởi thì ai mạnh đoạt ác trước nên nói tranh giành đến ăn nuốt. “Khói tanh bay phùn phụt”: khói là hơi lửa do khổ mà sanh các nghiệp ác nên khổ là lửa nghiệp ác dụ cho khỏi biên khắp trong cõi Sắc Tứ thiền gọi là phủ khắp bốn bề. Kinh Hoa Nghiêm lấy giác quán tà làm khói đây là nói gốc của các phiền não, tư duy tà cũng chung Tứ thiền như phủ khắp bốn

phía. “Loài ngô công do diên”: là nói cõi Vô Sắc lửa khởi căn cứ văn có hai:

1) Nêu ba không lửa khởi.

2) Nói về cõi Phi tưởng lửa thiêu.

Tuy sanh Tứthiền cũng chưa thoát khỏi vô thường, lại cầu sanh ba không, nên nói tranh nhau chạy ra khỏi hang. Đây một bài nói chúng sanh tại gia sanh cõi Vô Sắc.

Hỏi: Theo nghĩa Tỳ-đàm nói cõi trên không sân, làm sao được nói loài ngô công du diên dụ cho sanh cõi Vô Sắc chúng sanh có sân ư?

Đáp: Nghĩa có nhiều môn không được hoàn toàn dựa vào số phân phán.

“Quỷ Cưu-bàn-trà rình bắt lấy mà ăn”: Nửa bài kệ nầy nói về khởi kiến ngoại đạo sanh cõi Vô Sắc, ngoại đạo thường chấp vô kiến, bác bỏ sở chấp nhân quả, đều không cho nên nói liền bắt lấy mà ăn nên đầy đủ như cõi Sắc nói, nay lược nói nghĩa tạo nhân khổ! Lại đây giải thích chuyển thí dụ nói về nghĩa tuy sanh ba không mà chưa thoát khỏi lửa cho nên nói liền bắt lấy ăn, quỷ là dụ lửa. “Lại các loài ngạ quỷ trên đầu lửa rực cháy”: là nói cõi Phi tưởng lửa bốc cháy. Tuy sanh ba không mà chưa thoát khổ nên cầu sanh cõi Phi tưởng gọi là đảnh của ba hữu, gọi là đầu, cũng bị các khổ vô thường ép ngặt nên nói lửa bốc cháy, tuy sanh trong phi tưởng mà cuối cùng không ngoài định tuệ thế gian như đói khát nóng khổ. Lại đói khát thường muốn ăn uống, chấp Phi tưởng phàm phu thường muốn bác bỏ chánh pháp Niết-bàn. Ban đầu ở nhà bị đốt nên tranh vào trong hang, vào hang bị thiêu đốt lại chạy ra khỏi hang, ngoài hang lại không tránh khỏi lửa, lại không có chỗ đi cho nên nói sảng sốt chạy quàng lên, như vốn ở cõi Dục chịu khổ nên cầu sanh cõi Sắc, cõi Sắc lại không khỏi khổ nên cầu sanh cõi Vô sắc, cõi Vô sắc lại không thoát khổ thì không có chỗ tránh khỏi khổ như sảng sốt chạy quàng lên.

“Nhà lửa dó như vậy: v.v...” là tổng kết lỗi của lửa.

“Lúc bấy giờ chủ nhà v.v...” ba hàng tụng thí dụ thấy lửa. Văn xuôi có ba:

1) Thấy lửa kinh sợ.

2) Cha đã ra khỏi.

3) Con chưa lìa.

Nay chuyển thế cũng có ba:

1) Đứng ở ngoài cửa.

2) Chúng sanh có căn cơ với Phật.

3) Trưởng giả kinh sợ vào nhà lửa.

Hỏi: Vì sao đứng ở ngoài cửa ư?

Đáp: Phẩm Phương Tiện chép: mắt Phật thấy chúng sanh sáu đường. Trước văn xuôi nói Trưởng giả thấy lửa lớn, là đều chưa nói về chỗ thấy nên nay giải thích hai chỗ: Nói Phật ở địa pháp thân cho nên thấy, như Trưởng giả đứng ngoài cửa cho nên nghe. Nói đứng là dáng sắp đi, do sắp vào nhà cứu con nên nói đứng, lại nói đứng dường như không đi, ví như Đức Phật đợi thời cơ mới vào sanh tử độ chúng sanh mà không đi nơi khác. Lại nói đứng, vì các con trái hóa trôi lăn trong sanh tử, Như lai các đức đầy đủ đã lâu nên đứng, lại đứng là dáng mạo không an, bậc Thánh tuy lại dứt tích ngoài thế gian mà thường muốn ứng vào sanh tử không hề tạm an.

"Nghe có người nói rằng": Nói chúng sanh có căn cơ chiêu cảm đến Phật. Chúng sanh có cơ ứng ngộ, trước hóa duyên phát đến nay hợp Phật như nghe bảo mà sau biết. Văn xuôi nói thấy nay nói nghe: Trên y cứ Thánh trí chiếu đạt sáng suốt thí ví đồng mắt thấy, nay dụ chúng sanh thiện căn sắp phát, nhưng gốc lành sắp phát nghĩa kia còn ẩn, yếu cho nên như nghe. "Các người con của ông": là thuật lại việc nghe. Trước đã từng được hóa độ nên ngoài bốn dòng mà giữa đường khởi hoặc lại vào ba cõi. "Thơ dại không hiểu biết chỉ tham vui ưa đắm": Đầu phát đạo tâm là thơ, gốc lành yếu đuối là nhỏ, có vô minh phiền não là không biết, ái nơi năm dục là tham đắm. "Trưởng giả vừa nghe xong": là nói ứng thân vào, bác bỏ sanh tử muốn cứu giúp. Hai chương trên đều nêu pháp thân, nay lại biên rõ ứng tích.

"Mà dụ bảo các con v.v..." năm hàng tụng thí dụ cứu con không được. Trước vốn có hai môn khuyên, răn, nay chỉ tụng răn. Vì sao? Vì muốn nói về nghĩa ba thí dụ kế theo tụng trước thí dụ nói chung rộng tội lỗi sanh tử, tụng thấy lửa dụ nêu các con trái hóa khởi hoặc tham đắm nhân duyên sanh tử, nay tụng cứu con không được chính vì con nói tội lỗi sanh tử nên nay chỉ tụng môn răn. Văn chia làm hai:

1) Tụng cứu con.

2) không căn cơ không nhận sự giáo hóa của cha.

Văn đầu lại có hai:

1) một bài rưỡi nói lược tội lỗi sanh tử. Loài rắn độc rít độc v.v..." là nói rộng tội lỗi sanh tử, loài rắn độc v.v... là giải thích trùng độc trên. "Và các loài Dạ-xoa" là giải thích ác quỷ ở trên, "Cùng quỷ Cưu-bàn-trà": là nói lại quỷ trùng. Ban đầu quỷ trùng là lỗi nặng nên nêu trước sau độc hại ít nhẹ cho nên nêu lại. "Chỗ khổ nạn như thế huống chi là

lửa lớn": các khổ phiền não sở dĩ làm náo loạn tâm còn không thể thọ huống chi bệnh gài chết khổ mà có thể thọ ư? Lại giải thích khổ trời người đã không thể thọ huống chi là khổ ba đường ư?

2) "Các con nhỏ không biết v.v..." tụng không có căn cơ.

"Lúc bấy giờ, Trưởng giả": là nói thí dụ ba xe cứu con được. Trên có bốn:

1) Biết sở thích con trước.

2) Chính là nói ba xe.

3) Các con tin nhận.

4) Cha vui mừng; nay tụng đầy đủ.

Ba hàng tụng thứ nhất, trong văn có ba:

1) Không ra bị tổn hại.

2) Muốn lập hương tiện ra.

3) Biết con trước ưa thích.

Nay chuyển thế làm hai:

1) Hai bài rưỡi nêu không có đại căn cơ.

2) Nửa bài nêu có tiểu căn cơ, vì không có đại căn cơ mà có tiểu căn cơ cho nên dứt đại mà trao pháp Tiểu thừa. "Làm ta thêm sầu não": Ban đầu ở pháp thân địa thấy chúng sanh ở trong sanh tử chịu khổ rồi khởi tâm đại bi, kế dùng bổn thùy tích dùng giáo Đại thừa hóa không được, tâm bi càng sâu cho nên nói thêm. "Nay trong nhà lửa này": là nói riêng việc đáng thương đắm chấp sanh tử không thọ giáo Đại thừa hóa bởi vì bỏ lạc chấp khổ sẽ bị phiền não đốt cháy gốc lành, cho nên đáng thương. "Ông liền tự suy nghĩ": Muốn lập giáo Tiểu thừa hóa, thì liền nói lên có căn cơ Tiểu thừa.

"Bảo với các con rằng v.v..." chính thí dụ lập ra ba xe. Trên có bốn phần: nay tụng đủ.

1) Một bài tụng khen ngợi ba xe.

2) Ba cứu tụng chỉ chỗ ba xe.

3) Một câu khuyên mau ra khỏi nhà lấy xe.

4) Một bài tụng bảo đảm cho không dối gạt. "Mà sắm các xe này": Vốn không có Ba thừa vì chúng sanh mà quyền thiết lập cho nên nói làm ra. Lại do Đức Phật đắc ba cho nên nói Phật tạo tác.

"Các người con nghe nói v.v..." là các con tin nhận ra khỏi nhà lửa. Văn nầy có ba: Nửa bài tụng Văn tuệ, sáu chữ tụng địa vị Hữu học. "Mà ra v.v... trở xuống có mười chữ v.v..." là tụng địa vị Vô học.

1. Sở dĩ chỉ tụng ba ấy là ban đầu nghe giáo.

2. Tu hành.

3. Ra khỏi nhà.

"Trưởng giả thấy các con v.v..." là Tụng trên cha thấy con ra khỏi nhà lửa vui mừng. Văn chia làm ba:

1) Một bài rưỡi nói vui mừng.

2) Hai bài rưỡi nói ưu sầu giải thích vui mừng.

3) Một bài tổng kết vui mừng.

Trên đây đã nêu ba lỗi ác quỷ trùng độc cho đến lửa lớn. Đầu tiên trong tổng thí dụ nói riêng ba cõi có lỗi lầm này. Trong thí dụ cứu con không được nói riêng vì con nói tội lỗi sanh tử mà con không tin nhận, nay trong đây riêng vì nói về lo con không được ra ngoài, được ra ngoài vui mừng cho nên lại nêu. Sanh nuôi rất khó nhọc: khiến phát tâm Bồ-đề là sanh, dạy hạnh Bồ-tát là nuôi. Trong đây trình bày con có ba thời:

l) Thời sanh nuôi: nghĩa là thời quá khứ vốn học Đại thừa.

2) Từ thời nhỏ v.v... mất Đại thừa hành giáo nhập ba cõi.

3) "Nay ta đã cứu con v.v..." là đắc quả Tiểu thừa.

"Khi ấy các người con v.v..." đồng ban cho xe lớn. Trên có ba:

1) Xin xe.

2) Cho xe.

3) Được xe vui mừng, nay tụng đủ.

Xin xe có bốn: Một là nửa hàng nói về thời xin. "Biết cha đã ngồi yên": Ở đây từ đầu đến cuối nói về cha có ba thời:

1) Đứng ngoài cửa, dụ ở địa vị pháp thân muốn thùy ứng tích.

2) Kinh sợ vào nhà lửa, chánh ứng nhập sanh tử.

3) Ngồi yên, đó là thí quyền cứu con, vì đã đứt ý tâm an vui nghĩa là ngồi yên.

Hai là "Đều đến bên chỗ cha v.v..." một bài chánh tụng xin xe. Đây dụ từ đầu đến cuối nói về con gồm có năm thời:

1) Vào nhà dạo chơi, đây là trái Nhất thừa hóa nhập Ba thừa.

2) Nêu đua nhau chạy khỏi nhà lửa, đây là bẩm thọ giáo Ba thừa vượt ngoài ba cõi.

3) Con ngồi yên, là đắc tiểu quả rốt ráo.

4) Đều đến chỗ cha, là trái tiểu hướng đại tức đại căn cơ phát.

5) Nương vào xe báu thẳng đến đạo tràng. Ba là: Như vừa rồi cha hứa v.v..." một bài nêu hứa cho, vì hứa cho nên xin, nên nêu hứa mà cho. Bốn là: "Bấy giờ chính phải lúc v.v..." Nửa bài kết thành ý xin.

"Trưởng giả giàu có lớn v.v..." tụng đồng ban cho xe. Văn xuôi trước nói đồng ban cho xe sau nói xe lớn. Nay bảy hàng trước tụng xe

lớn, sau nửa hàng tụng đồng ban xe bởi vì chuyển thế nói pháp. “Dùng các thứ vật báu tạo thành các xe lớn”: Nói muôn đức Như lai gọi là Đại thừa cho nên nói dùng các vật báu tạo thành xe lớn.

Hỏi: Ba thừa là phương tiện có thể gọi là tạo tác, Nhất thừa là chân thật vì sao cũng gọi là tạo tác ư?

Đáp: Trước nói không có ba vì chúng sanh nói ba cho nên nói tạo tác, do đó trước nói”: Ta vì các ông tạo raxe này, nay nói về thật có các đức gọi là tạo Nhất thừa nên nói tạo tác, vì thế hai nghĩa tạo tác khác nhau.

Lại, căn cứ lý nói về đạo môn không hề có ba, một, nói ba-nói một ấy đều là phương tiện tức không danh tướng mà gượng nói danh tướng, cho nên đều gọi tạo tác, ở đây đều căn cứ quả xe giải thích. Nếu y cứ nhân xe giải thích nói về tạo dụng, nhờ trước gốc lành Ba thừa là vật báu để thành ngày nay hiểu chỉ có nhất Phật thừa cho nên nói dùng các vật báu mà tạo tác. Lại hiểu Nhất thừa chẳng phải mình có thể đắc, đắc do Thánh trao nghĩa gọi là tạo tác. “Vải quý mịn rất tốt”: Dùng vải mềm che phủ, có hai công dụng:

1) Để ngăn bẩn.

2) Để trang sức.

Nghĩa nhất thừa cũng đủ hai nghĩa:

1) Thiền định cấu dơ quá nhiều thì sanh nhiễm, chân thật giải có thể mất tức nghĩa ngăn bẩn.

2) Định do tuệ thành có nghĩa nghiêm sức. “Có trâu trắng to lớn v.v...” là tụng trâu trên. “Đông những tôi và tớ v.v... trên tụng người hầu hạ”. “Đem xe đẹp như thế v.v...” là đồng ban cho xe.

“Lúc bấy giờ các con v.v...” là được xe vui mừng. “Dạo chơi khắp bốn phương”: Nếu căn cứ hóa tha để giải thích bốn phương, thì được giải bình đẳng mới tu đại hạnh khắp hóa bốn loài như dạo khắp bốn phương, ý chí vui sướng cầu Phật như “vui chơi khóai lạc.” Đại thừa không giới hạn ở thiên Tiểu thừa, như tự tại vô ngại. Nếu căn cứ tự hành giải thích nghĩa bốn phương thì đã được ngộ giai tức nhập Thập trú tâm là phương đông, kế là đến Thập hạnh là phương Nam, từ Thập hạnh đến Thập Hồi hướng là phương tây, từ Thập hồi hướng đến Thập địa là phương bắc, từ Thập địa đến địa Diệu giác là thẳng đến đạo tràng.

“Bảo Xá-lợi-phất này v.v... có mười tám hàng hợp thí. Văn xuôi hiệp đầy đủ sáu thí dụ, kệ tụng hiệp năm lược thí dụ không dối gạt. Trên hiệp tổng thí chính hiệp hóa chủ gồm năm nghĩa còn lại, nay chuyển thế nói về nghĩa chia làm bốn: Một hàng tụng hóa chủ: Một hàng tụng sở

hóa. Một hàng tụng hóa xứ. Một hàng tụng ý hóa.

"Đức Như lai đã lìa": tụng hợp thí dụ thấy lửa, trong văn xuôi hiệp thấy lửa có hai:

1) Hiệp thấy chúng sanh chịu khổ.

2) Hiệp thấy chúng sanh không hay biết khổ.

Nay văn chuyển thế chia làm hai:

1) Kệ tán Phật được lìa tức nói về năng kiến.

2) Bài kệ kế là nói chúng sanh nói sở kiến. Sở dĩ khen ngợi Phật được lìa là kế văn nói ý hóa ở trên, ý hóa đã nói là lỗi chúng sanh rõ ràng có khổ không vui nên nay khen ngợi Phật không khổ có vui. Lại do không có khổ nên có thể thấy vật khổ, bởi có vui năng thấy không vui, nửa hàng trên khen ngợi Phật không khổ, nửa bài kệ dưới khen ngợi Phật có vui. Không có sanh tử náo động nên gọi là vắng lặng ở thong thả, trí đức um tùm dụ như rừng, tiêu diêu phóng khóang như đồng nội, Như lai ở yên tịnh cho nên nói an ổn. "Hiện nay ba cõi này v.v..." một bài tụng sở kiến, quả báo ba cõi tùy thuộc nơi chúng sanh mà nói là của ta, chính vì chúng sanh là con, nên sở hữu của con, chẳng có gì không phải cha có. "Các chúng sanh trong đó đều là con của ta v.v..." Trên là nói về cõi nước thế gian thuộc về Phật, nay nói chúng sanh thế gian là con Phật.

Hỏi: Vì sao chúng sanh là con Phật ư?

Đáp: Xưa Quang Trạch học sĩ Hòa-xá-lê chép: Thức phàm phu lại năng sanh thức, thức sở sanh tức là trẻ con, nên gọi là con; đắc ý thức vô lậu không còn sanh thức. Luận Sư luận Thành Thật chép: Chúng sanh từ trong vô minh thức lưu lạc đến được Phật thương xót cho nên gọi là con. Nay nói về con có hai nghĩa:

1) Chúng sanh cùng Phật đồng nguồn gốc, nghĩa là chúng sanh bản tánh thanh tịnh Đức Phật cũng như vậy, cho nên kinh Niết-bàn dạy đều là một vị tùy dòng kia nên có sáu vị.

2) Chư Phật thương xót chúng sanh nay ở trong sáu đường, do từ niệm nên gọi là con.

"Mà nay trong ba cõi v.v..." hiệp Nhất thừa hóa không được. Trong văn xuôi nêu hai môn răn và khuyên hợp, nay chuyển thế chỉ chia làm hai:

1) Một kệ một câu nói về vì nói đại.

2) Ba câu tụng không căn cơ không thọ hóa.

"Có thể cứu hộ chúng": là năng dùng Đại thừa hóa cứu giúp mà ủng hộ. "Tuy lại đã dạy bảo": câu trước khen ngợi Phật năng cứu hộ,

nay chánh nêu cứu hộ. "Mà vẫn không tin nhận": ba câu nói về không căn cơ không thọ hóa trong đây hai câu dưới giải thích nghĩa không thọ, do kia tham đắm Tiểu thừa nên không thọ Đại thừa. "Vì thế nên phương tiện v.v..." tụng Ba thừa hóa được. Trên hợp thí có bốn:

1) Nói về ý khởi quyền.

2) Nói giáo.

3) Được lợi ích.

4) Cha vui mừng.

Nay chỉ tụng hai: Một hàng rưỡi tụng lược lợi ích. Vì thế nên phương tiện: là kế theo thế văn ở trên vẫn ở dưới bảo nên nói thế nên phương tiện. "Khiến các chúng sanh, biết ba cõi là khổ". Một hàng nói Ba thừa, nửa hàng đầu khiến biết khổ đế, nửa hàng sau chỉ bày đạo đế, đây nói về từ đầu đến cuối Tứ đế. Lại nói Ba thừa để chỉ bày nghĩa được mất chẳng thật có ba. Biết ba cõi là khổ: ba cõi là thật khổ. "Các đạo pháp ra đời": nhân Đại thừa là đạo, ý đây nói về nói ba khiến biết khổ là thật khiến tu nhân Đại thừa, chẳng vì Tiểu quả. "Tất cả các người con v.v..." một bài rưỡi tụng được lợi ích, nói về đủ Ba thừa được lợi ích.

"Xá-lợi-phất phải biết" là tụng hợp đồng ban cho xe lớn. Trong văn xuôi nói hai thí dụ mà hai hiệp, nay chuyển thế chia làm ba:

1) Hai hàng kệ hợp đồng ban cho.

2) Ba hàng kệ hợp xe lớn.

3) Hai hàng hiệp được xe vui mừng.

"Dùng môn thí dụ nầy để nói một Phật thừa là nói chung ý của năm thí dụ. Vì muốn nói một Phật thừa tức là đồng ban cho, kế nói về khuyên tin. Tuy đồng ban xe mà còn sợ chưa hẳn tin vì vậy nên khuyên tín. Nửa bài trên là chánh khuyên tín. "Tin nhận lời nói nầy": tức tin lời thí dụ trên. "Hết tất cả mọi người đều sẽ thành Phật đạo": là nói lược ý chỉ quy về khiến tin như thế. "Phật thừa nầy mầu nhiệm: v.v..." ba hàng tụng xe lớn. ba hàng chia làm hai:

1) Hai bài khen ngợi Phật thừa.

2) Một bài nêu thể của thừa.

Hai bài trước lại chia làm hai:

1) Căn cứ Pháp khen ngợi thừa.

2) Kệ sau căn cứ người khen ngợi thừa.

Căn cứ pháp khen ngợi thừa, nửa hàng trên đối nhị thừa Thanh văn Duyên giác khen ngợi Phật thừa. Thừa ấy rất mầu nhiệm đức chẳng có gì không tròn đầy. Thanh tịnh: Hệ lụy chẳng có gì không tận, do đức đầy đủ, lụy cùng tận nên vượt ra Nhị thừa gọi là bậc nhất. "Ở trong

các thế gian: Nửa bài đối thừa trời người khen ngợi Phật thừa, thừa trời người là thừa thế gian nên gọi là hữu thượng thừa, Phật thừa là thừa xuất thế gian nên gọi là vô thượng. “Của Chư Phật ưa vui v.v...” căn cứ người mà khen ngợi cũng có hai:

1) Một câu nêu Phật khen ngợi.

2) Ba câu nói trừ Phật, ngoài ra chín loại chúng sanh đều phải khen ngợi.

Lại trước nói về pháp sở thừa, Chư Phật ưa vui là nêu nói người năng thừa, tất cả các chúng sanh là nói người đi theo. Cần đầy đủ nghĩa Ba thừa mới gọi là đủ. “Đủ vô lượng ngàn ức”: Một hàng là nói thể của thừa. Cũng có hai nghĩa:

1) Ba câu căn cứ thật tuệ của Phật xếp vào thể của thừa.

2) Một câu nói về quyền trí của Phật xếp vào thể của thừa.

“Chứng đắc thừa như thế v.v...” Hai hàng tụng được xe vui mừng. Nêu giữa Duyên giác trên Bồ-tát và dưới Thanh văn đồng hiểu được không hai, hiểu không quanh co cho nên nói thẳng đến.

“Vì nhân duyên ấy v.v...” một hàng kệ là tụng, trong văn xuôi do nhân duyên ấy nên biết Chư Phật dùng năng lực phương tiện đối với nhất Phật thừa phân nói riêng ba v.v... Nói sự đã xong cho nên tụng kết lời xin dạy ở trên.

“Bảo với Xá-lợi-phất v.v...” tụng văn xuôi ở trên khuyên mở rộng kinh. Theo văn có hai:

1) Khiến biết pháp quyền thật.

2) Nêu người đúng sai.

Biết pháp quyền thật: Khiến biết xưa nay hai pháp đại tiểu nghĩa quyền thật. Nêu người đúng sai: Khiến nay là tài năng (khí) cần phải trao, chẳng phải tài năng chớ truyền. Xét rằng muốn mở rộng kinh chủ yếu phải đầy đủ hai nghĩa này cho nên chia làm hai chương. Căn cứ đầu chỉ bày pháp quyền thật chia làm ba:

1) Dựa vào ân tình cha con để nói lên đại tiểu quyền thật.

2) Dẫn Bồ-tát làm chứng minh đại tiểu quyền thật.

3) Nói Phật là đấng Pháp vương giải thích ý quyền thật xưa nay. Dựa vào ân tình cha con nói thì không có dối gạt nhau, nên nói quyền thật cần phải tin. Văn chia làm hai: hai bài kệ trước xác định cha con, một hàng rưỡi sau chính nêu quyền thật.

Đầu lại chia làm hai:

1) Bài kệ đầu xác định cha con.

2) Bài kệ sau là nêu ân (từ phụ) cha lành. Một hàng rưỡi sau cũng

chia làm hai:

1) Hàng đầu nêu giáo trước chẳng thật.

2) Nửa bài sau nói trí Phật là thật. "Nhưng chỉ hết sanh tử": là chỉ hết một lớp phần đoạn sanh tử.

"Nếu có Bồ-tát v.v..." có mười một bài kệ dẫn Bồ-tát làm chứng minh đại tiểu quyền thật. Trên định cha con tức là đối với người Thanh văn nói về quyền thật, nhưng Thanh văn phước mỏng căn độn chưa chắc có khả năng hiểu ý giáo quyền thật, Bồ-tát có phước đức lợi căn nên mới hiểu, được nên căn cứ Bồ-tát nói về quyền thật.

Văn nầy chia làm hai phần:

1) Kệ chính là nói về Bồ-tát đến hội Pháp Hoa nghe pháp chân thật.

2) Nói Bồ-tát có khả năng hiểu quyền thật.

Phần hai lại chia làm hai:

1) Một bài nêu Bồ-tát hiểu nhân quyền thật.

2) Chín hàng nêu Bồ-tát hiểu pháp quyền thật, tức là giải thích thành nghĩa nhân quyền thật. một bài đầu: Nửa bài trên nêu nhân quyền nửa bài kệ dưới biện nhân thật.

"Nếu có người trí nhỏ v.v..." Nói về pháp quyền thật, văn nầy lại chia làm hai:

1) Nói về trước Tứ đế là pháp quyền.

2) Thiên đối với quyền của diệt đế trước nói nay diệt đế là thật. Đầu văn ói Tứ đế chia làm bốn đoạn:

Văn khổ đế có bốn câu. Nửa hàng nói căn duyên, nửa hàng vì nói giáo, nửa hàng nói được lợi ích, nửa hàng tổng kết tên đế. Nêu tập đế có hai đoạn:

1) Kệ nói căn duyên.

2) Kệ nói thuyết giáo.

Mà nói dùng phương tiện nói đạo: Đạo nầy chẳng phải đạo đế chính là nói đạo dẫn dắt. Nhưng mười phiền não làm tập chỉ nói tham gồm có hai nghĩa:

1) Nêu mười sử lấy tham làm đầu.

2) Tất cả chúng sanh đều tham vui. Kế một bài nêu nói giáo diệt đế; nửa hàng diệt lỗi nhân, nửa hàng diệt lỗi quả. Kế nửa hàng nêu ở hai đạo đế, Trong đây bốn đế từ rộng đến lược khổ đế đầy đủ bốn đoạn, tập đế chỉ có hai đoạn, diệt đế có một bài kệ, đạo đế chỉ nửa hàng.

"Lìa hết các khổ phược..." là căn cứ thiên về diệt đế để nói lên quyền thật, nhưng hữu lượng Tứ đế là quyền, vô lượng Tứ đế là thật,

chỉ diệt đế là chánh tông của quả pháp hai thừa Đại tiểu, quả pháp cho nên chọn thiên về quyền thật kia. Văn chia làm hai:

1) Y cứ vào hữu dư luận về Đại tiểu, quyền thật.

2) Y cứ vào vô dư luận về Đại tiểu, quyền thật.

Nửa hàng đầu là nhắc lại hữu dư giải thoát. Kệ kế tiếp là giải thích xưa là hữu dư giải thoát. Nói chỉ xa lìa luống dối: Tứ trụ phiền não do phàm phu sanh khởi năng cảm phần đoạn luống dối sanh tử cho nên nói luống dối, Tiểu thừa chỉ lìa luống dối nầy cho nên giả danh là giải thoát! "Thật ra chưa chứng đắc giải thoát hẳn tất cả": Vì chưa dứt hết năm rụ phiền não nên không gọi là giải thoát hẳn tất cả. "Đức Phật nói người ấy chưa phải thật diệt độ": là nói về xưa nay vô dư quyền thật. Trước chỉ diệt phần đoạn sanh tử gọi là diệt, đây chẳng thật diệt. "Vì người ấy chưa chứng đạo quả vô thượng": Xưa chưa thật diệt. Đắc đạo vô thượng: diệt quả hai thứ sanh tử mới là thật diệt, văn nầy nói về xưa tiểu Niết-bàn chỉ diệt Bốn trụ, chỉ diệt phần đoạn Đại thừa tức dứt đủ năm trụ, đủ làm ngã hai thứ sanh tử, không nên nói kinh này chưa nói về thường, cũng không nên nói che lấp tướng thường". Ý của ta không muốn cho đó đến diệt độ": Chẳng những Nhị thừa chưa đến cực diệt, mà cũng là ý Phật không cho Nhị thừa khiến đến diệt độ.

Hỏi: Kinh Thắng-man nói hữu tác, vô tác, hữu lượng, vô lượng tứ đế vì sao có đồng có khác ư?

Đáp: Tác, vô tác y theo hành phân biệt, lượng vô lượng là đương pháp phân biệt, căn cứ Tiểu thừa sở quán so với sau do có vô lượng đế quán có thể tu tác, đem sau phân biệt trước nên gọi là hữu tác, căn cứ Đại thừa sở quán so với sau, sau lại không gồm quán khác có thể sở tác cho nên gọi là vô tác. Lượng vô lượng: có ba nghĩa:

1) Dài ngắn nói về lượng vô lượng, ngắn gọi hữu lượng, dài gọi là vô lượng.

2) Cạn sâu nói về lượng vô lượng: cạn gọi là hữu lượng, sâu gọi là vô lượng. Như Tỳ-đàm nói về khổ là tánh có, luận Thành Thật nói khổ là hư giả, phân tích giả cho nên không, hai thứ này cạn nên gọi là hữu lượng. Đại thừa nêu khổ là mộng huyễn xưa nay vắng lặng tức là Phật tánh, nghĩa này rất sâu xa nên gọi là vô lượng.

3) Thô tế nói về lượng vô lượng: Quán tướng chung thô gọi là hữu lượng, quán tướng riêng tế gọi là vô lượng, cho nên kinh Niết-bàn chép: Phân biệt là khổ có vô lượng tướng chẳng phải Thanh văn Duyên giác biết được, ta đối với kinh kia không hề nói.

"Ta là đấng Pháp Vương v.v..." Nêu Pháp Vương giải thích nghi.

Trước đối Thanh văn Bồ-tát nêu tiểu quyền, đại thật, nghĩa kia đã rõ ràng, nay giải thích ý trước quyền sau thật, bởi vì đối pháp tự tại hợp thời mà nói. "Xá-lợi-phất phải biết": Trên chỉ bày pháp quyền thật rồi, nay khuyên răn khiến biết người có khả năng hay không có khả năng.

Văn chia làm hai:

1) Nói lược khuyên răn.

2) Nói rộng khuyên răn.

Phần đầu lại có hai:

1) Nói lược khuyên răn.

2) Giải thích khuyên răn: một bài đầu là khuyên.

Nửa bài kế là răn. Pháp ấn của ta đây: lấy lý làm ấn, nghĩa là văn và lý tương ưng thì nên tin nhận, văn trái với lý nầy thì không nên tin. Lý ấn có hai:

1) Thể ấn: nghĩa là ba, một đều dứt, ngắn dài đều bỏ, tức thật tướng gọi là ấn, cho nên Phẩm Phương Tiện chép: Vì nói thật tướng ấn.

2) Dụng ấn: Nghĩa là một có, ba không, ba quyền một thật. Nói chung ấn ấy là ấn định các pháp không thể thay đổi, lại giải thích lấy văn làm ấn, dùng văn định lý, nghĩa là lý tương ưng với văn này chính là thật lý nên gọi là pháp ấn. "Chớ có vọng tuyên truyền": nếu không có khả năng mà tuyên truyền thì tổn hại chẳng có ích, cho nên Phương Đẳng như cam lộ cũng gọi là thuốc độc. "Nếu có người nghe đến": là giải thích khuyên và răn: bốn hàng trước giải thích khuyên. "Tùy hỷ đảnh lễ nhận": là thuận theo kinh này mà sanh vui mừng ảnh lễ thọ trì, người này biết một có ba không thì không còn lui sụt nên gọi là A-bề, "Kinh Pháp Hoa này" là giải thích răn. Nghe ba trụ ba không thể nhân ba ngộ một cho nên nói biết cạn. Kế là nói Nhị thừa vì tin được nhập tức là nói lên lý kinh sâu xa không thể truyền bừa.

Hỏi: Người Nhị thừa vì sao do tin đắc nhập kinh này?

Đáp: Nếu cúi đầu chắp tay các việc thiện v.v... làm tông của kinh này thì bậc Thánh sao không hiểu ư! Tức biết ý không do đây, nay nói Nhị thừa đoạn thường chỉ được kính tin mà thôi!

"Lại, Xá-lợi-phất! v.v..." nói rộng về khuyên răn, lại chia làm hai:

1) Nói rộng răn.

2) Nói rộng khuyên.

Răn dạy có mười người chia làm hai ý.

1) Nói về không nên vì năm người nói.

2) Nói lên lỗi của năm người.

Không nên vì năm người chép: Đầu kệ nói về ba hạng người:

1) Người kiêu mạn như bọn năm ngàn người.

2) Người biếng nhác tự chấp chặt cho là đã rốt ráo không tiến cầu quả Phật.

3) Người chấp ngã kiến tức là ngoại đạo, nghĩa là chấp chặt hữu ngã không tin vắng lặng.

Kệ thứ hai nói về hai hạng người:

1) Phàm phu biết nông cạn, cho là học rộng kinh sách thế tục không tin đến cùng tức là người khởi kiếp chấp.

2) Chấp đắm sâu năm dục mê đắm Tiểu thừa mà quên Đại thừa. Không nên vì năm hạng người này nói, ba người đầu thuộc Tiểu thừa hai người sau là phàm phu.

"Nếu có người không tin v.v..." là nêu lỗi của năm hạng người. Y cứ văn chia làm hai:

1) Nêu nhân của năm hạng người.

2) Nêu quả của năm hạng người.

Nhân của năm hạng người:

1) Người chê bai là lỗi miệng nghiệp.

2) Người xịu mặt là cau mày nhăn mặt là lỗi thân nghiệp.

3) Người nghi ngờ là lỗi ý nghiệp.

4) Người chê bai pháp.

5) Người chê bai người trì pháp.

Văn đầu là dứt tất cả hạt giống Phật ở thế gian, là giáo lý Pháp Hoa, tất cả thế gian do kinh nầy thành Phật nghĩa là hạt giống Phật, tâm đã không tin miệng lại chê bai cho nên giống Phật liền dứt. "Người ấy khi qua đời: v.v..." là nói về năm hạng người mắc quả báo, gồm có ba nghĩa:

1) Trên đều nói chớ vì họ nói, cũng dường như không có từ tâm sao gọi là Bồ-tát, cho nên giải thích nói họ nghe chắc sanh tâm chê bai không có lợi chỉ thêm tổn hại nên không nói, không nói ý tức là từ.

2) Nói quả răn nhân nói chê bai đưa đến nổi khổ có thể không cẩn thận ư?

3) Chê bai có tội nặng, tin chắc có phước sâu, tức nói về khuyên tín.

Văn chia làm hai phần:

1) Chính nói về mắc quả khổ.

2) Tổng kết khuyên răn.

Văn phần một có hai châu, nêu khổ báo kia đều có ba phẩm: ba phẩm của châu đầu: Thượng phẩm là địa ngục, trung phẩm là súc sanh, hạ phẩm là chịu khổ nhân gian tức từ nặng đến nhẹ. "Sa vào ngục A tỳ": A tỳ là vô gián, đường khổ nối tiếp không có lúc gián đoạn nên gọi Vô gián. Lại một người nhiều người thân đều đầy khắp tám muôn do-tuần không chỗ nào trống nên gọi là vô gián. Lại sanh khởi chê bai kinh Pháp Hoa thì mang nghiệp thẳng vào địa ngục không còn nghiệp gián đoạn cho nên Vô gián. Kinh dạy: Dưới núi Tu-di có một trăm ba mươi sáu địa ngục, mặt đất ngục có tám:

1. Đẳng hoạt.
2. Hắc thằng.
3. Hiệp hội.
4. Khiếu hóan.
5. Đại khiếu hóan.
6. Viêm nhiệt.
7. Đại Viêm nhiệt.
8. A tỳ.

Tám địa ngục lớn này trong mỗi ngục lại có mười sáu địa ngục nhỏ để làm quyến thuộc, gọi là tám ngục Hàn băng, tám ngục Viêm hỏa. Tám ngục viêm hỏa là:

1. Thán khanh.
2. Phất thỉ.
3. Thiêu lâm.
4. Kiếm lâm.
5. Đao đạo.
6. Thiết Thích lâm.
7. Diêm hà.
8 Đồng hoạch.

Tám ngục Hàn băng là:

1) A phù đà thiểu hữu khổng.
2. Ni la phù đà vô khổng.
3. A la la.
4. A bà bà.
5. Hầu hầu: đây là tiếng chỉ sợ rét run.
6. Ưu bát la: rét run người biến thành màu xanh.
7. Ba đầu ma: thành màu sen hồng.
8. Ma-ha ba-đầu-ma. Hiệp thành một trăm ba mươi sáu ngục.

Luận Tỳ-bà-sa chép: Cõi Diêm-phù-đề rộng bảy ngàn do tuần,

ngục A tỳ rộng tám muôn do tuần. Dưới cõi Diêm-phù-đề: là chỉ cõi Diêm-phù trên nhỏ dưới lớn cho nên dung nạp.

Hỏi: Vì sao chê bai kinh đọa vào ngục Vô gián?

Đáp: Nhất thừa là pháp cực lạc chê bai ở chí lý trái ngược Cực Lạc kia cho nên chiêu cảm quả báo rất khổ. Vì lý 1à thường lạc chê bai đối với thường lạc cho nên chiêu cảm quả báo thường khổ, chỉ vì tội cũng là luống dối nên cuối cùng có lúc cũng ra khỏi.

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói kinh Pháp Hoa khiến vật chịu khổ này ư?

Đáp: Tội phước từ lý sanh ra, thuận lý thì muôn điều ác tiêu trừ, trái lý thì các khổ nhóm họp, Đức Phật nói kinh Pháp Hoa chỉ bày tội phước của người chẳng phải nói Pháp Hoa khiến vật sanh tội.

"Đầy đủ hết một kiếp v.v..." đây là tiểu kiếp. "Từ trong địa ngục ra v.v..." là nói về dự báo đọa làm oai súc sanh, nhưng tử ngục A tỳ ra chắc chắn đã trải quả đủ khắp một trăm ba mươi sáu địa ngục rồi mới làm loài súc sanh. Nửa bài đầu nói chung đọa vào súc sanh. "Hoặc làm chó dã can v.v..." là nói riêng đọa vào súc sanh. Nói lược bốn thứ: Chê bai cực pháp và người tôn quý nên đọa vào loài thú thấp hèn. "Hoặc sanh làm lạc đà v.v..." chê bai kinh Bình đẳng đại bi nên thọ báo súc sanh ngu si. "Có khi làm dã can v.v...", lại chột hết một mắt": Đức Phật có hai giáo quyền thật, kia chấp quyền mà phá thật nên bị quả báo chột một mắt, bị báo bị đánh ném; khéo tin kinh phù hợp lý lợi tha, chê bai thì trái lý tổn hại người, tổn hại người nên lại mắc báo tổn hại cho nên bị đánh ném. "Ở đây vừa chết rồi liền lại thọ thân rắn": Do báng pháp chê người tâm sanh sân nhuế nên thọ thân rắn. "Thân thể nó dài lớn": Sân đối với pháp Đại thừa nên thọ thân dài khổ, không chịu nghe pháp cho nên điếc, ngu si, chê bai nên ngây dại, không thọ hành pháp cho nên không có chân, thường khiến chúng sanh không tin nên bị các trùng nhỏ cắn ăn. "Nếu được sanh làm người v.v..." là nêu dự báo. Luận Trí Độ chép: Người chê bai pháp chẳng có nghiệp san tham nên không đọa vào loài ngạ quỷ, ngu si chê bai nên bị báo ngu độn, cũng chê bai kinh trí tuệ nên mắc quả báo ám độn, tâm kiêu mạn chê bai nên mắc quả báo lùn, chê bai pháp mầu nhiệm mắc quả báo xấu xí, chê bai pháp mở cửa phương tiện nên mắc quả báo lệch què, chê bai kinh ngay thẳng nên mắc quả báo lưng gù. "Nghèo cùng rất thấp kém bị người sai khiến luôn": Kinh dạy đầy đủ muôn đức gọi là giàu sang, chê bai kinh mắc báo nghèo hèn. Nương theo Nhất thừa tự tại không ràng buộc, chê bai pháp tự tại mắc quả báo không tự tại cho nên bị người sai khiến. Kinh

này có công năng phá bệnh của phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát, chê bai kinh vô bệnh thì mắc quả báo nhiều bệnh. “Nếu học qua nghề thuốc”: chê bai pháp thuận lý mắc quả báo trái lý.

“Thường ở trong địa ngục v.v...” là châu thứ hai nêu ba phẩm tội, do sanh làm người mà chê bai pháp nên mắc các nghiệp ấy, liên tục chê bai kinh nên đọa vào địa ngục, cũng có ba phẩm:

1) Sanh địa ngục.

2) Ở tại đường ác khác: v.v...” là nói đọa vào súc sanh.

3) “Nếu được sanh làm người: v.v...” thì chấp sâu ngã kiến. Trên đây nói chịu khổ báo ba phẩm. Văn nầy nói do trái với ý chí nên tăng thêm các hoặc tức đầy đủ ba chướng. Đắm sâu ngã kiến gọi là ngu si. Kế là nói sân nhuế; dâm dục trở xuống là nói về tham.

“Bảo với Xá-lợi-phất v.v...” là tổng kết. Do lý đầy đủ các đức, chê bai kinh nghĩa lý viên mãn chiêu cảm tất cả quả báo nói không cùng tận, đâu có luống dối ư!.

Hỏi: Người không tin Pháp Hoa đọa vào địa ngục người tin Pháp Hoa sẽ được thành Phật, nay có người mắc năm tội nghịch mà tin Pháp Hoa có được thành Phật hay không? Người giữ giới không tin Pháp Hoa có đọa vào địa ngục hay không?

Đáp: Người mắc năm tội nghịch thì bất định, nếu gặp bạn lành như vua A-xà-thế sám hối diệt tội được thành Phật. Nếu không đúng tuy tin kinh này cũng không tránh khỏi đọa địa ngục, người giữ giới không tin kinh này cũng đọa địa ngục.

“Nếu có người lợi căn v.v...” là giải thích rộng nghĩa khuyên, cũng chia làm hai:

1) Nêu vì mười hạng người mà nói.

2) Tổng kết.

Nói riêng mười người chia làm mười đoạn nên cũng được chia làm năm cặp:

1) Đầu quá khứ hiện tại một cặp. Hiện tại lợi căn, quá khứ gặp Phật (một cặp).

2) Xuất xứ một cặp, xuất từ bi với bốn loài, ở riêng một mình nơi núi rừng vắng lặng.

3) Trong ngoài một cặp, ngoài thì bỏ ác gần thiện, trong thì giữ giới thanh tịnh.

4) Tự tha một cặp, tự thì chất phác ngay thẳng không sân, tha thì vì chúng nói pháp.

5) Đầu cuối một cặp, đầu thì nhất tâm cầu pháp, cuối thì đảnh lễ

tín nhận tu hành, kết khuyên như văn.

Hỏi: Cặp thứ ba nói bỏ ác gần thiện, những người nào là thiện?

Đáp: Như Phẩm Thường Đề chép: có khả năng nói pháp Đại thừa vô sở đắc, lại có khả năng chỉ bày cho chúng sanh đạo phải trái tức là bạn lành của chúng sanh.

Hỏi: Đã nói vì nhất thiết trí cầu pháp bốn phương, lại vì sao không thọ các kinh kệ, làm sao thành Nhất thiết trí ư?

Đáp: Như kinh Đại Phẩm chép: Tuy học khắp các đạo mà không thủ chứng, do học khắp các đạo nên thành Nhất thiết trí, mà không thủ chứng như không thọ một bài kệ trong các kinh.

Hỏi: Kinh Niết-bàn chép: Tất cả kinh sách chú thuật đều là Phật pháp, nay vì sao không nhớ nghĩ, kinh sách ngoại đạo ư?

Đáp: Niết-bàn muốn gồm nhiếp tất cả pháp đều nhập Phật pháp phá các ngoại đạo tự nói có pháp, nay khiến người tu hành chuyên tâm đạo nên không nhớ nghĩ kinh sách ngoại đạo.

Hỏi: Ở đây chọn ý chánh trong mười người này là nói vì người nào nói?

Đáp: Đại ý chọn người giải hành (hiểu hành) có hiểu thì có khả năng tương đối, ngộ có hạnh tức là đạo tâm, nếu nghe thuyết thật thì năng như nói mà tu hành.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 7

PHẨM TÍN GIẢI THỨ TƯ

Nghĩa Tin hiểu chia làm sáu môn:
l) Lai ý.
2) Giải thích danh từ.
3) Nêu thể.
4) Tướng Tín giải.
5) Vị Tín giải.
6) Đồng khác.

1. Lai ý: Vì người trung căn nói pháp gồm có bốn chương: Phần đầu chính là nói đã rồi, nay thứ hai nói người trung căn lãnh giải.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện chép: Nếu thật đắc A-la-hán không tin pháp này thì không có việc đó, nếu vậy khi mới nghe pháp nói liền nên lãnh ngộ, sao đợi đến Phẩm Thí Dụ mới tin hiểu?

Đáp: Kinh nói phải tin, vì căn cứ từ đầu đến cuối nói, không nói mới đầu nghe pháp nói có thể tin, hiểu. Lại người trung căn khi mới nghe pháp nói đã tin chỉ do chưa hiểu nên đến Phẩm Thí Dụ mới được rõ ràng, do đó nên văn này không trái nhau với phẩm Phương Tiện.

2. Giải thích danh: Nhưng danh gọi tin hiểu có lìa có hợp. Nói lìa gồm có ba nghĩa:

1) Nghi trừ gọi là tín, phá chấp gọi là giải, nghi là do dự, tin là ý chỉ quyết định, người Thanh văn do dự, quyền thật do dự một, ba. Nghi nầy đã dứt nên gọi là tin, tức tin ba là quyền, tin một là thật. Phá chấp gọi là giải: giải là liễu ngộ làm nghĩa, chấp gọi là mê chấp, đã chấp ba là thật có, thì đối một là thật không, chấp nầy đã trừ nên gọi là giải. Giải là hiểu ba không có, ngộ một là có. Giải thích này từ trong chú giải kinh Pháp Hoa, cho nên kia nói không nghi sở dụ gọi là tín, liền hối hận đã chấp ngôn từ gọi là giải.

2) Tin ở không tin. Giải ở điều không giải. Không tin: không tin ba

quyền, một thật, tâm này liền sửa đổi nên sanh tin. Tin: tin ba là quyền, tin một là thật. Tuy là tin ba là quyền mà chưa hiểu vì sao quyền, tuy tin một là thật mà chưa ngộ vì sao thật, nay liền ngộ vì sao quyền liền hiểu vì sao thật cho nên gọi là giải. Đây tức tin đầu tiên hiểu ở sau, cho nên luận Trí Độ chép: Tín là năng nhập trí là năng độ tức chứng nghĩa nầy. Nhưng ban đầu tin chẳng phải không có giải chỉ vì giải cạn nên gọi là tin, sau giải chẳng phải không có tin trước mà tin sâu nên gọi là giải.

3) Tín phá tà kiến, giải phá vô minh, cho nên kinh Niết-bàn chép: Có tín không tuệ thì vô minh lâu dài, có tuệ không tin thì tà kiến lâu dài, nay có tin cho nên phá tà kiến, có giải nên phá vô minh, tức hai pháp giúp nhau nhau.

Nhưng nghĩa nầy khó hiểu, nay lại dùng bốn câu giải thích:

l) Tín mà không giải tuy là hư tâm tín nhận mà chưa thể giải gọi là người độn căn chánh kiến.

2) Giải mà không tín gọi là người lợi căn tà kiến.

3) Vừa tín vừa giải gọi là người chánh kiến lợi căn, tức bốn đại Thanh văn.

4) Không tin không giải gọi là người độn căn tà kiến.

Kế là hợp, giải thích tin hiểu lược có hai nghĩa:

1) Trên có sở đối.

2) Dưới có sở hình.

Trên có sở đối: Giải có hai thứ:

1) Kiến giải.

2) Tin hiểu.

Nhờ Sư nghĩa ít, thấy lý tình nhiều như các Bồ-tát, cho nên Phẩm Thí Dụ chép: Nếu có Bồ-tát ở trong chúng có khả năng nhất tâm lắng nghe thật pháp của Chư Phật gọi là kiến giải, nếu nhờ vào Sư nghĩa nhiều thấy lý tình ít nên văn trước nói các Thanh văn kia tin Phật nói cho nên được nhập kinh này, chẳng phải trí phần của mình nên gọi là tin hiểu. Nay đối với các Bồ-tát kiến giải nên gọi Thanh văn là tin hiểu. Dưới có sở hình: Tin là nghĩa quyết định. Tuy nhân Phật được giải mà giải tâm vững chắc hiểu rõ ràng là lý sẽ như vậy, khác nhau phàm phu giải còn xa xôi, cho nên nói tin hiểu.

3) Nêu thể: Theo A Tỳ-đàm thì tín giải có hai thể: Tín là Tín số trong mặt đất thiên giải là chung cho số Tuệ trong mặt đất. Luận Thành Thật nói Tín và giải đều lấy tâm làm thể, nhưng trong tâm có dụng tin hiểu nên nghĩa nói có hai. Nay nói về nếu chấp có tâm và số, khác thể và một thể, đều là kiến chấp một và khác chẳng phải thể tin hiểu, sau

sẽ giải thích đầy đủ.

4) Tướng Tín giải: Xưa nói tin hiểu nghĩa nhiều mà không ngoài bốn câu là quyền thật hữu vô, Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật, đạo lý chỉ một không có ba thừa, nay nói về bởi một phen cố chấp nói chưa phải là hư tâm diệu ngộ, nếu chấp chặt nhất thừa là thật Ba thừa là quyền, xả ba mà chấp một lại là thủ xả có tâm sở đắc. Kinh Niết-bàn chép: Có sở đắc gọi là Nhị thừa, còn chưa lãnh ngộ sao gọi là tin hiểu, lại nếu có sở đắc thì không đạo không quả, văn dưới đâu được nói nay ta đắc đạo đắc quả ư! Lại nếu nói ba nhất định không có gọi một là thật có, còn là hai kiến có không như Phẩm Phương Tiện chép: Hoặc có hoặc không v.v... đầy đủ sáu mươi hai kiến, đã đầy đủ các kiến tức là có ái kiến, ái kiến tức là phiền não, phiền não nên có nghiệp. Do nghiệp nên chịu khổ, người như thế như uống cam lộ lại thành thuốc độc, đó tức bệnh không trừ, hoặc mới lại sanh nên chẳng phải tướng tin hiểu. Nay nói tin hiểu có thể suy tìm bổn tông của kinh. Phẩm Phương Tiện nói các pháp tự xưa nay tướng thường tự vắng lặng, đâu có một đâu có ba, cũng chẳng quyền chẳng thật, chỉ vì trái ngược tình đã nặng không thể bước mau cho nên phương tiện dẫn dụ khiến dần dần khai ngộ. Vì thế trước nói năm giới mười thiện để dừng ác trong ba đường, kế nói Ba thừa Thánh giáo khiến xả phàm phu ba cõi cho đến muốn dứt Ba thừa thô nên nói về Nhất thừa làm diệu như thế đều là tất đàn đối trị. Dùng vụn vặt xuất vụn vặt dùng khinh đảo trừ trọng đảo. luận Trí Độ chép: Thí như Tỳ-kheo chấp sự đưa tay xướng ngôn chúng đều im lặng tức là dùng tiếng ngăn tiếng, không phải cầu tiếng cho đến nói một trừ ba đâu tồn tại ở một, nếu có thể cả ba và một đều bỏ, quyền thật đều trừ thì tâm không có chỗ nương, chính gọi là tin hiểu. Cho nên, phẩm Phương Tiện chép: Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh khiến lìa các chấp tức là chứng minh nghĩa này.

5) Vị Tín giải: Thanh văn hồi Tiểu nhập Đại mới được nhập địa vị Bồ-tát Thập tín, nên văn trước chép: Xá-lợi-phất do sức tin nên đắc nhập kinh này tức chứng minh nghĩa nầy. Lại Ba tạng Chân-đế nói trong văn luận Thập Thất Địa cũng phân rõ như thế. Lại lý thường như vậy, học Tiểu thừa còn chưa tin Đại thừa, nay phá Tiểu chấp mà tin Đại tức là biết mới học Thập tín.

Hỏi: Thanh văn hồi Tiểu nhập Đại được nhập vị Thập tín, là nhập Thập Tín sơ tâm hay Thập tín đầy đủ?

Đáp: Chỉ nhập Thập tín sơ tâm, kinh Niết-bàn chép: Người Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, người Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đến. Nói

đến là đến sơ tâm Thập trụ, cho nên biết hồi Tiểu nhập Đại chưa phải Thập tín tròn đầy.

Ba Tạng Chân-đế nói Xiển đề có hai:

1) Phàm phu.

2) Nhị thừa.

Phàm phu Xiển đề không tin ba, một. Nhị thừa Xiên đề tin ba, không tin một. Nay nghe Pháp Hoa phá ba mới đắc nhập Bồ-tát vị Thập tín. Nói Thập tín: Năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ làm năm, sáu Bất thối tâm, bảy Hồi hướng tâm, tám Giới tâm, chín Hộ tâm, mười Nguyện tâm.

Hỏi: Hồi Tiểu nhập Đại đến Thập tín là tín gì ư?

Đáp: chỉ được Sơ tín tâm. Vì sao biết như vậy? Như trước dẫn: La-hán hai muôn kiếp Thập tín mới đủ cho nên biết chỉ là sơ tâm.

Hỏi: Thẳng đến Bồ-tát Thập tín có gì khác với hồi Tiểu nhập Đại Thập tín?

Đáp: Xen lẫn có hơn kém, thẳng đến Bồ-tát Thập tín phương tiện dụng mạnh, Bát-nhã dụng yếu, do các Bồ-tát tu nhiều các hạnh cứu độ chúng sanh cho nên phương tiện dụng mạnh không muốn chuyên tâm tu quán Không dứt trừ phiền não, cho nên Bát-nhã quán yếu. Nhị thừa chuyên tu quán không dứt trừ phiền não nên Bát-nhã quán mạnh, nay hồi Tiểu nhập Đại mới học hành hạnh độ vật cho nên phương tiện dụng yếu.

Hỏi: La-hán hồi Tiểu nhập Đại đã ở Thập tín là ở ngoài cõi thọ sanh hay trong cõi thọ sanh?

Đáp: Ngoài cõi thọ sanh như Thích luận và Kinh Thắng-man đều nói La-hán ngoài ba cõi thọ trái lại dễ sanh, thẳng đến Bồ-tát Thập tín thì ở trong cõi thọ sanh.

Hỏi: Nếu vậy thẳng đến Thập tín thì kém, hồi Tiểu Thập tín thì hơn, đâu được trước nói người hồi Tiểu ở sơ tâm ư?

Đáp: Đã nói như trước xen nhau có mạnh yếu giải thích người hồi Tiểu chỉ tu quán Không dứt trừ phiền não nên ở ngoài cõi thọ sanh, người thẳng đến không chuyên quán Không dứt kiết nên ở trong cõi thọ sanh. Mà từng có giáo hóa người, từ bi sâu dày thì người hồi Tiểu không thể sánh bằng người thẳng đến, cho nên là hơn.

Hỏi: Nhị thừa dứt kiết thọ sanh là địa vị Bồ-tát nào ư?

Đáp: Theo luận Pháp Hoa giải thích phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Bồ-tát Địa tiền ở trong cõi thọ sanh, đăng Địa trở lên ở ngoài cõi thọ sanh.

Luận Trí Độ nói trong nhục thân của Bồ-tát thất địa đắc Vô sanh nhẫn, xả nhục thân liền thọ pháp tánh sanh thân ngoài ba cõi. Theo Ba tạng Chân-đế giải thích và ý luận Nhiếp Đại thừa thì từ Thập hạnh đệ lục tâm trở đi thọ sanh ngoài ba cõi. Kinh luận khác nhau khó có thể tường tận nhất định.

6) Đồng khác: Gồm có bảy thứ khác:

1) Lược rộng khác: Thân Tử thuật lãnh giải thì lược, trung căn trình bày ngộ thì rộng.

2) Xa gần khác: Thân Tử gần nói hiện tại, Ca-diếp xa trình bày thuở trước, nhưng Thân Tử gần nói hiện tại chỉ từ vườn Nai trở đi đến Pháp Hoa, Ca-diếp từ Hoa Nghiêm trở đi đến cuối cùng nói Nhất thừa.

3) Chung riêng khác: Thân Tử riêng nơi tự thân, Ca-diếp trình bày chung tất cả chúng.

4) Có không khác: Trên không thí nói nay thì có.

5) Ít nhiều khác trên chỉ ba giáo, nay trình bày đủ năm thừa.

6) Vui mừng khác: Thân Tử xưa lo buồn nay vui vẻ, Ca-diếp xưa không lo buồn, nhưng nay chẳng có ý mong cầu bỗng được Đại thừa quý giá nên sanh vui mừng.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bởi xen lẫn hiện khác nhau, lại chỉ Thân Tử lợi căn năng suy tìm lý đồng giáo khác cho nên trước lo buồn nay vui, người trung căn chấp chặt Tiểu giáo cho là chí cực cho nên trước không lo buồn.

7) Nói người khác nhau: Thượng căn lãnh giải chỉ có một người, trung căn lãnh giải thì có bốn người, hạ căn lãnh giải số ấy vô lượng.

Hỏi: Luận Tỳ-bà-sa chép: Tất cả Thanh văn chia làm ba phẩm: Thượng căn chỉ một người, vì riêng Thân Tử sáu mươi kiếp tu hành, trung căn cũng chỉ một người gọi là Mục-liên, còn tất cả Thanh văn đều thuộc hạ căn, nay vì sao nói trung căn có bốn người?

Đáp: Mục-liên chính là trung căn, Thanh văn ngộ nhập Đại thừa chưa chắc đã hơn Ca-diếp cho nên xếp vào số trung căn.

Phẩm chia làm hai phần:

1) Kinh gia nêu tướng đắc giải.

2) Phát lời nói tự trình bày lãnh giải.

Phần đầu lại có bốn phần:

1) Biện rõ người đắc giải.

2) Nói pháp được nghe.

3) Nội tâm vui mừng.

4) Ngoại hình cung kính.

Trước người pháp một cặp sau vui kính một cặp. Trong bốn người, đầu tiên là nói Thiện Cát (Tu Bồ-đề), hoặc có thể đương lúc ấy đứng dậy, Thiện Cát là người đầu tiên cho nên như vậy, hoặc có thể Thiện Cát có sự khéo léo chuyển giáo cho nên nêu lên trước.

Hỏi: Kinh Tịnh Danh nói bốn vị Đại Thanh văn có gì khác với ở đây?

Đáp: Kinh kia nói về trí tuệ Thân Tử, định Mục-liên, Thiện Cát không giải. Ca-diếp hữu hành, lấy bốn người nầy làm đại Thanh văn, kinh này nói về Thân Tử lợi căn, một mình cứu giúp cácchúng, ngoài ra chẳng phải còn thuộc về bốn đại Thanh văn bèn chọn lấy Thiện Cát giải không, Chiên-diên thông đạt hữu, Ca-diếp đầu đà, Mục-liên thiền định.

Hỏi: Kinh Độ Phật Cảnh Giới nói về tám vị đại Thanh văn là những người nào?

Đáp: chưa thấy kinh nói, ý cho rằng trong mười đệ tử có bốn đại Thanh văn tức là bốn vị. Lại Ba Tạng Pháp Sư chép: Ca-chiên-diên giải Tu-đa-la tạng, Ưu-ba-ly giải Tỳ-ni tạng, Phú-lâu-na giải A Tỳ-đàm tạng, A-nan Tổng trì ba tạng, hiệp thành tám đại nhân.

Từ Phật được nghe: NóiPháp được nghe là duyên đắc giải, gồm có hai thứ:

1) Dùng pháp làm duyên.

2) Lấy nhân làm duyên, tức thọ ký cho Thân Tử.

Lấy pháp làm duyên hiện sanh vui mừng, lấy nhân làm duyên dự báo mừng được thọ ký nên vui. “Phát tâm không hề có v.v...” trong tâm vui mừng chính là lãnh giải. “Liền từ chỗ ngồi đứng dậy v.v...” là nói về ngoại hình cung kính. “Vén y bày vai phải” lúc chưa đứng dậy chỉnh mặc cà sa.

Người nước ngoài y luật không che hết cho đến cởi y mắc tội Đột-cát-la, nói thẳng cởi trần là lộ vai phải lại không có y trong.

“Mà bạch Phật rằng:” là phát lời tự thuật lãnh giải. Văn có hai phần:

1) Chánh thuật lãnh giải.

2) Khen ngợi ân Phật sâu nặng khó báo đáp. Do hiểu nhờ ân Phật cho nên khen ngợi ân Phật. Lại bởi do lãnh giải mới hiểu ân Phật nên khen ngợi ân Phật sâu nặng để thành lãnh giải.

Phần một có hai:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

Văn xuôi chia làm ba: Nghĩa là Pháp, Thí, Hợp. Do loại theo nhau nên chia làm hai:

1) Pháp nói lược về lãnh giải.

2) Thí nói về sau rộng về lãnh giải, trước lược sau rộng để giải nghĩa.

Pháp nói lại có hai:

1) Nêu chấp mê Tiểu nên không cầu Đại.

2) Nêu nghe Đại cũng không cầu Đại.

Sở dĩ chỉ nêu hai thứ nầy là do mê đủ hai thứ giáo Đại Tiểu: Một là Đức Phật nói Tiểu vốn muốn cho ngộ Đại, như đưa ngón tay vốn là chỉ mặt trăng, nay liền chấp Tiểu không cầu Đại, như chấp ngón tay mà quên mặt trăng, vì mê Tiểu giáo. Hai là trước tự thân nghe Đại pháp khiến kia xả Tiểu ngộ Đại, là liền ưa Tiểu không hoan nghênh Đại lại là mê Đại pháp. Từ Linh Sơn về trước chỉ có hai bệnh này nên đầy đủ thứ lớp.

"Chúng con ở đầu trong tăng v.v..." có bốn nhân duyên nên không cầu Bồ-đề vô thượng:

1. Đứng đầu trong tăng chỉ là dạy trao cho người chẳng phải tự mình cầu tiến.

2. Tuổi đã già yếu, ý chí suy hao không có khả năng tự tiến lên.

3. Tự cho đã đắc Niết-bàn là rốt ráo không còn tu nhân.

4. Không thể kham lãnh mà đắm lặng vào lý hông còn phải tu hành, như bốn con sông hiệp một dòng đồng chảy ra cửa biển, nếu chẳng hải rồng có sức mạnh thì chẳng tự phản lại được: Ba giải thoát đều chảy vào biển Niết-bàn, người Thanh văn sức yếu không thể tự ra cho nên nói không có khả năng. Như Kinh Tịnh Danh chép: Cũng như hạt giống hư không thể nẩy mầm, đủ bốn nghĩa này nên không thể cầu tiến đến Bồ-đề.

"Đức Thế tôn thuở trước nói pháp đã lâu..." là nói nghe Đại không cầu Đại. Trước mê Tiểu giáo sau mê Đại thừa, do ban đầu Đức Phật nói Tiểu sau nói Đại. Văn chia làm ba:

1) Nói ham ưa Tiểu không thích Đại.

2) Giải thích.

3) Tổng kết.

Nói pháp đã lâu: nói pháp Đại thừa đã lâu; "Thân thể mỏi mệt" là tâm không ưa đại cho nên không tha thiết do đó mỏi mệt. "Chỉ nghĩ đến ba pháp không:" Nhàm chán báo thân này muốn nhập vào không để quên. "Đối với các pháp du hý thần thông... của Bồ-tát." Ở trên nói

ưa Tiểu thừa nay không ưa Đại. Du hý thần thông: là Đại sĩ hiện biến không khó dụ như vui mừng. Lại hiện thần thông độ chúng sinh có thể do tự vui nên gọi là hý. Lại như thần thông chẳng chân thật nên gọi là hý. “Tịnh cõi nước Phật, độ thoát chúng sanh:” khởi nguyện thành Tịnh độ, sanh khởi hạnh vì thành tựu chúng sanh. “Lòng không ưa thích:” Trước trụ trongTiểu thừa, không cầu Đại thừa. Nay nói về chẳng những không cầu gần gũi nghe Đại pháp cũng không một niệm ưa thích. Vì sao? Vì nói không ưa Đại. Văn chia làm hai:

1) Nói trước không ưa Đại.

2) “Lại nay chúng con v.v...” là nói nay không ưa Đại. “Đối với đạo vô thượng dạy Bồ-tát v.v...” là tổng kết không cầu Đại.

“Chúng con hôm nay ở trước Phật v.v...” là nói về nay liễu ngộ được hiểu nên vui mừng. Nghe Phật thọ ký cho Thanh văn: Nêu duyên được hiểu. Trên tuy nghe hai thuyết pháp thí nghĩa còn chưa quyết định, nghe thọ ký cho Thanh văn mới thấu hiểu Nhất thừa. Lại hai thuyết pháp thí vì khiến Thanh văn thành Phật nên thọ ký cho Nhị thừa, là chánh tông kinh này nên chỉ nêu lên luận Trí Độ chép: Kinh Pháp Hoa thọ ký cho Nhị thừa thành Phật, tức chứng minh nghĩa này tâm rất vui mừng: chính là nói về vui mừng. “Chẳng ngờ hôm nay bổng nhiên được nghe pháp ít có:” là giải thích nghĩa vui mừng thì lựa chọn khác Thân Tử. Thân Tử do xưa lo nên nay vui, Ca-diếp vốn không có tâm mong cầu, chẳng có ý mà được của báu lớn cho nên vui. “Tự rất vui mừng may mắn:” Trước nói vui mừng nay tự vui mừng: “Được lợi lành lớn:” tức là Phật đạo.

“Thế tôn, chúng con hôm nay xin nói thí dụ để chỉ rõ nghĩa đó:” là nói rộng lãnh giải, lại chia làm ba:

1) Xin ưa nói.

2) Chính là nói thí dụ.

3) Hợp thí dụ.

Trong Pháp thuyết nói lược đức Thích-ca một thời hai giáo đại tiểu việc cũng chưa hết, nay nêu thí dụ nói rộng vô lượng việc và pháp môn từ trước đến sau mới được hiển bày tâm mê ngộ và khen ngợi công của Đức Phật. Để hiển rõ nghĩa kia: là thí dụ văn tuy dài chỉ nói về nghĩa đuợc mất. Hai chương đầu là mất, chương sau là được. Lập ra dụ nói về hai nghĩa nầy.

“Thí như có người...” là khai thí dụ. Nay dùng ba môn giải thích nghĩa thí dụ:

1) Lai ý môn.

2) Thiểu đa môn.

3) Lãnh giải môn.

- *Lai ý môn:* theo luận Pháp Hoa nói dụ nhà lửa phá phàm phu, nêu dụ cùng tử bác bỏ Nhị thừa chấp, do đó trước phá phàm phu, kế bác bỏ Nhị thừa, chỉ bày thứ lớp pháp môn phá bệnh dần dần. Người Thanh văn cho rằng Ba thừa đắc Niết-bàn pháp đồng Ba thừa đều là người ba vô học cũng không khác. Cho nên, nay nói về pháp Nhị thừa sở đắc cũng như am tranh, pháp sở đắc của Như lai như nhà lớn. Người Nhị thừa cũng như cùng tử, đức Như lai như Trưởng giả rất giàu có. Vì vậy nên Ca-diếp tự nói Đại tiểu nói về đầy đủ thua kém, khiến người thọc theo Tiểu thừa bỏ tiểu nhập đại cho nên nói Thí dụ đây. Khiến các Bồ-tát biết Đại thừa cao quý, Tiểu thừa yếu kém, mà quyết định trú Đại thừa không thoái chấp Tiểu cho nên nay nói thí dụ. Lại khiến lãnh thọ Phật dạy người Tiểu thừa biết đầy đủ Thích-ca một phen hóa pháp môn từ đầu đến cuối, biết các giáo quyền thật trước sau sâu cạn hiển mật... cho nên nói thí dụ nầy.

Nói về môn đa thiểu: Giải thích thí dụ nầy khác nhau, nay phải chia làm mười:

1) Cha con.

2) Giữa đường thất lạc.

3) Con dần hồi trở về quê.

4) Cha con thấy nhau.

5) Gọi con không được.

6) Đội nước lạnh vào mặt con.

7) Dẫn dắt con trở về nhà.

8) Giao phó tài, mật hóa.

9) Rèn luyện tiểu tâm.

10) Giao cho gia nghiệp.

1) Thí dụ cha con: Đức Thích-ca đời quá khứ vì nói pháp Đại thừa này gọi là cha, vì kia đã từng lãnh giáo Đại thừa hóa nên gọi là con. Cho nên văn dưới chép: Đây là con ta do ta sanh ra.

2) Giữa đường thất lạc: Quán tâm yếu đuối, phiền não mạnh mẽ, bị hoặc sai khiến lôi kéo, trôi lăn trong sanh tử nên con lạc cha. Đức Như lai tìm kiếm Đại thừa gốc lành thành tựu không được gọi là cha con thất lạc nhau.

3) Người con lần hồi trở về quê: Pháp chủng các khổ ưa cầu Niết-bàn cho nên khổ cực có nghĩa trở lại nguồn, nên chứa nhóm gốc lành dần dần có đường hướng về lý Đại thừa cho nên nói con dần hồi trở về

quê.

4) Cha con thấy nhau: ở trong một hình Đại thừa gốc lành thành tựu, có nghĩa ngộ nhập Đại gọi là con thấy cha, thấy trong một hình kia Đại thừa gốc lành thành tựu gọi là cha thấy con.

5) Gọi con không được: khi Đức Phật mới thành đạo căn cơ Đại thừa chưa thuần thục, không có khả năng thọ Đại hóa, gọi con không được.

6) Đội nước lạnh vào con: khi mới thành đạo Đại thừa gốc lành chưa thuần thục chỉ có trời người thiện căn thành tựu cho nên vì các trời người nói giáo như đội nước lạnh vào mặt liền tỉnh ngộ nên gọi là đội nước lạnh vào mặt.

7) Dẫn dắt trở về nhà: Xưa ở dưới gốc cây nói giáo lý trời người, bởi là thừa thế gian sanh tử ví như hướng đến nhà khác, kế đến vườn Nai nói Nhị thừa là pháp ra đời khiến từ thế gian trở về xuất thế gian, pháp ra đời là nhà Trưởng giả cho nên gọi dẫn dắt trở về nhà.

8) Giao phó tài sản, mật hóa: chí Tiểu thừa dần dần thay đổi, căn cơ Đại xa động nên nói pháp Đại thừa, mật dạy cho người Tiểu tâm nên gọi là giao phó tài sản, mật hóa.

9) Rèn luyện tiểu tâm: Từ Bát-nhã về sau đến trước Pháp Hoa các giáo Phương Đẳng chê trách Thanh văn, khen ngợi Bồ-tát, khiến bớt tiểu tâm hèn kém, dần ưa thích Đại đạo gọi là rèn luyện tiểu tâm.

10) Giao cho gia nghiệp: Tiểu chấp đã trừ, đại căn cơ thành tựu, cho nên vì nói nhất thừa khiến nối dõi gia nghiệp Phật, nên gọi là giao cho gia nghiệp.

Nói môn lãnh giải: mười thí dụ nầy lại lãnh giải sáu dụ trong phẩm Thí dụ: Dụ cha con: lãnh trên dụ chung Trưởng giả và ba mươi người con. Dụ giữa đường thất lạc: lãnh trên dụ thấy lửa, "Nghe có người nói, các con của ông trước do dạo chơi vào trong nhà lửa này": Bởi chúng sanh có căn cơ với Phật nên Phật ứng nhập sanh tử; có cơ cảm Phật, tức là thí dụ thứ ba: con lần hồi trở về quê. Phật ứng nhập sanh tử như cha biết con nên lại dừng nghỉ ở một ngôi thành giữa đường là thí dụ thứ tư: Cha con thấy nhau: trở lại lãnh dụ thấy lửa phẩm trên. Chúng sanh có cơ cảm Phật như con thấy cha, Phật ứng nhập sanh tử như cha thấy con, nay ba thí dụ đồng lãnh thí dụ thấy lửa. Chỉ Đại thừa cách nhau, dự định hóa độ không thể mỗi việc hoàn toàn đồng. Tức nay thí dụ thứ năm: gọi con không được: lãnh thí dụ cứu con không được ở trên. Dội nước lạnh vào mặt: lãnh thí dụ ba xe như nói "các thứ". Văn trên nói như các thứ xe dê xe hươu xe trâu tức là đây. Trước Ba thừa là ba xe nói về các thứ

nghĩa là trước Ba thừa nói thừa trời người bởi vì chú giải kinh xưa giải thích chớ nghi. Dẫn dắt trở về nhà: lãnh thí dụ hai xe hươu và dê trong ba xe mà giáo hóa con được ở trên, trên lãnh hai xe cho nên nay lại nói về hai người sai khiến. Giao phó tài, mật hóa, rèn luyện tâm Tiểu thừa hai thí dụ lãnh thí dụ xe lớn trong ba xe; chọn xe lớn trong ba xe chính là nói về pháp Đại thừa tức các kinh Đại thừa trước Pháp Hoa. Vì vậy nên hai thí dụ ở lãnh giải. Giao cho gia nghiệp: lãnh trên dụ đồng ban cho xe lớn. Sở dĩ không lãnh dụ thứ sáu: chẳng dối gạt, vì đã được lãnh giải nên biết Phật không luống dối nên không lãnh thí dụ này. Nhưng xưa các Sư giải kinh một bề chấp các dụ sau phải đồng như trước, vì lầm ý chỉ của kinh! Vì sao? Vì Phật và đệ tử cùng hiển phát thầm giáo điều phục chúng sanh nên chuyển thế nói pháp, cho nên Phật nói sáu thí dụ ở trước, đệ tử nói về mười dụ ở sau chính là so sánh Đại thừa cùng lãnh mà hình thế đều khác, nên dùng sau mười dụ thứ lớp làm chánh, lãnh sáu thí dụ trước là phụ. Ví như đại ý phẩm Thí dụ và phẩm Phương Tiện là đồng mà chuyển biến là khác.

"Thí như có người:" là thí dụ cha con. Văn nầy nói cha con gồm có bốn phen:

1) Căn cứ con nêu ba dụ.
2) Cha căn cứ văn nêu ba dụ.
3) Cha căn cứ con nêu hai nghĩa.
4) Căn cứ cha nêu hai nghĩa.

Căn cứ con nêu ba dụ:

1) Dụ làm con.
2) Dụ giữa đường mất cha.
3) Con dần dần trở về quê.

Căn cứ cha cũng nêu ba nghĩa. "Thí như có người": tức ở đây hợp ba căn Thanh văn. Có người tức dụ cho con. Trước Đức Phật vì Bồ-tát như hành mà nói, chúng sanh như nói mà hành đồng, cùng nghĩa một hành như cha con. Thơ bé: Đây là nghĩa tiểu, con thì chung cả, tiểu cho nên nói riêng thơ bé. Thọ hóa ban đầu nên gọi là thơ, quán giải yếu đuối nên gọi là bé. "bỏ cha trốn đi": là Thí dụ giữa đường cha con thất lạc. Do thọ hóa ban đầu, quán giải yếu đuối không thể tự bền chắc liền bị hoặc lôi kéo do đó lạc cha. Đức Phật có khả năng nói giáo tiêu biểu lý, vì Phật cha, nay con mê giáo hoặc lý không thể cảm Phật nên lạc cha. Nhưng lạc cha có hai: Căn bản mất như kinh Niết-bàn chép: tùy theo kia trôi dạt trong sáu vị mà khác nhau mất Phật tánh cho nên có sáu đường khác nhau: do mất đây nên Chư Phật, Bồ-tát nói Đại thừa chánh

giáo khiến như được lại điều đã mất, chỉ vì chúng sanh hoặc mạnh, quán yếu lại hoặc giáo mê lý, vì vậy mất lại càng mất, trước hết là mất tự tại, sau là mất học giáo.

Hỏi: Mất sau là có đầu mối, mất trước vào thời nào?

Đáp: mất trước hữu thỉ và vô thỉ cả hai đều có lỗi. Cho nên luận Trí Độ chép: Nước sâu hầm lửa đều có công năng hại người, hữu thỉ, vô thỉ đều hại chánh quán. Kinh Hoa Nghiêm chép: hữu thỉ vô thỉ là vô ký nên Phật không đáp.

Lại kinh chép: Có một Tỳ-kheo hỏi Phật mười hai nhân duyên tự tác, tha tác. Vô minh tự khởi là nghĩa hữu thỉ, gọi là tự tác, Tha tác lại từ tha khởi là nghĩa vô thỉ, Phật dùng các nhân duyên mà quở trách: như người bị tên độc bắn trúng, chỉ cần mời thầy thuốc cứu chữa rút mũi tên ra, không nên tìm hiểu nguyên nhân có mũi tên độc. Như một câu nầy là điều mà các học giả rất mê muội cho nên nói lược. "Trốn đi": là mê hoặc giáo lý việc ẩn mật mà chúng sanh không hay biết nên gọi là trốn (đào), trái lý hướng về hoặc nên gọi là đi mất. "Ở lâu tại nước khác": Dùng lý Đại thừa làm nước mình, trái lý khởi hoặc, hoặc tức là nước khác. Trái lý chứa nhóm thời gian gọi là lâu, chấp hoặc không bỏ gọi là ở. Hoặc mười - hai mươi cho đến năm mươi năm: giải thích nghĩa ở lâu. Mười: là cõi trời. hai mươi: cõi người. Năm mươi: tức là ba đường còn lại. Ban đầu mất quán khởi hoặc còn nhẹ nên sanh lên cõi trời, hoặc dần nặng cho nên sanh xuống cõi người hoặc chuyển nặng liền đến ba đường. Nói "hoặc" là từ ngữ không nhất định không hẳn đầy đủ trải qua, hoặc có thể là trải qua khắp. Lại nói hoặc giả như dưới nói hơn năm mươi năm. Người ấy tuổi đã lớn: là do cách đại hóa lâu nên gọi là lớn. "Lại thêm nghèo cùng khốn khổ: tức trái với giáo hóa, lâu chuyển, điều thiện mới không sanh là nghèo cùng thiện dần dần tận gọi là nghèo, tên cùng tử hiển ở câu này. "Rong ruổi bốn phương; để cầu ăn mặc: là thí dụ con dần dần trở về quê. Cơm áo: là vui trời người. Bốn phương: Bốn sanh (bốn loài) lại bốn phương là trừ địa ngục súc sanh còn lại bốn đường, không nơi nào không tìm cầu rong ruổi.

Hỏi: Chúng sanh đã trái lý khởi hoặc, chịu đủ các khổ gốc lành do đâu sanh ư?

Đáp: Thiện căn có ba nghĩa nên sanh:

1) Pháp chủng các khổ nên ưa cầu Niết-bàn cho nên khổ cực mà cầu lìa.

2) Chúng sanh từng bẩm thọ đại hóa mà hạt giống thiện căn không thể hủy diệt.

3) Chư Phật, Bồ-tát có ba loại hóa:

a) Vãng hóa: tức xưa vì nói Đại thừa.

b) Tùy theo hóa: chúng sanh trái hóa khởi hoặc lưu lạc trong sanh tử, Chư Phật Bồ-tát theo vào trong sanh tử mà hóa độ.

c) Tất cánh hóa: khiến được thành Phật rồi mới bỏ, nay là tùy theo hóa trong ba hóa nên được sanh gốc lành.

“Dần dần tình cờ về đến bổn quốc”: Bổn quốc tức lý Đại thừa. Kinh Tam-muội Pháp Hoa chép: trở lại nguồn tận trừ nhà dục khiến người trở về quê cũ, quê cũ gọi là vô vi, vô vi gọi là nhà thanh tịnh. Phật đáp Bà-la-môn rằng: Bát-nhã là quận, bản tế huyện, siêu nhập thành bặt cú là dặm, Tát Bát-nhã là ở dưới gốc cây, trái ác hướng thiện, lý thiện không thể đốn tu gọi là dần dần, đương lúc này chỉ có trời người thiện vọng đại hóa khó đến cũng là dần dần. Thiện trời người chẳng gọi là bổn thiện, thất lạc nơi kia gọi là dạo đi. Thiện trời người tuy chẳng phải bổn thiện mà thiện lực xa giúp đỡ đại căn cơ cho nên nói tình cờ. Thích Luận nói có thiện sở đắc là do vô sở đắc sơ môn tức việc đó. Trước tức bỏ cha gọi là trái, nay trở về chỗ cũ gọi là hướng.

Hỏi: Nếu dần dần dạo đi cũng là thiện trời người thiện trời người cũng là hơn năm mươi năm còn ở nước khác, sao gọi là dạo đi tình cờ trở về bổn quốc ư?

Đáp: Kinh đã nói dần dần chẳng những có gốc lành trời người cũng có nghĩa phát đại tâm, hành đại hạnh, căn cứ đầu mà nói nên gọi là thiện thế gian.

“Người cha từ trước đến nay tìm con không được”. Đây là căn cứ cha nói về ba nghĩa:

1) Khi làm cha.

2) Giữa đường lạc con.

3) Giữa đường dừng nghỉ ở một thành.

Người cha: tức người cha lúc đầu, đối với nghĩa thứ nhất ở trên tức là con. Từ trước đến nay tìm con không được. Đối nghĩa thứ hai trước là con lạc cha. Do con lạc cha cho nên cha tìm con. Thiện căn Đại thừa thành tựu không được. Dừng nghỉ ở một thành trong nước đó, là ba đối trên: Con dần dần trở về quê. Căn cứ thí dụ mà nói là cha con thiên tánh đường cảm ứng giao nhau, con đã dần hồi trở về bổn quốc thì cha trong nước đó dừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con. Nói theo lý thì người ba căn Thanh văn đạo duyên ứng thuần thục. Như lai ở địa vị pháp thân chiếu thấy cơ duyên kia cho nên thùy ứng thành Phật. Trong đó dừng nghỉ: Căn cứ thân mà chép: văn nầy từ đầu đến cuối có đủ ba

thân. Trước nói cầu con không được tức pháp thân gọi là thời trước, nay là thân Xá-na khi mới thành đạo giáo hóa các Bồ-tát chưa giáo hóa Nhị thừa gọi là thời giữa dừng nghỉ, sau cởi y quí giá mặc áo thô xấu là Đức Phật Thích-ca giáo hóa Nhị thừa kia gọi là thời sau. Như người đi đường chưa đến nơi mong cầu mà giữa đường dừng nghỉ. Căn cứ Thanh Văn lãnh giải là dụ đức Như lai ra đời vì hóa độ các con, đại cơ đã thuần thục nên chỉ giáo hóa Bồ-tát, chưa giáo hóa Nhị thừa, cho nên nói trong đó dừng nghỉ. Cũng được nói xưa hóa, nay hóa giữa hai thời gian gọi là dừng nghỉ trong nước đó. Thùy ứng ở một phương thành Phật nên nói một thành, lại thùy ứng là hiển một đạo cho nên gọi là một, ngăn ở tà vạy gọi là thành.

"Nhà ông giàu lớn". Nói theo tích lúc trước Bồ-tát xếp vào cha con mà con trái với cha lưu lạc trong sanh tử nghèo cùng khốn khổ, rồi cha lạc con hạnh mãn thành Phật các đức đầy đủ như giàu có lớn, nay đại ý văn đối với con nghèo cùng, khen cha giàu lớn không thiếu vật gì. Văn chia làm ba.

1) Khen ngợi hóa chủ.

2) Nói về đồ chúng.

3) Nói về giáo môn, tức là pháp thuyết chân thật và do người nghe lược so sánh khi mới thành đạo ở hội Hoa nghiêm có ba việc. Nếu chọn trong đó dừng ở một ngôi thành dự định nơi hóa xứ thì là tịch diệt đạo tràng ở Ma-kiệt-đà. Giàu lớn: là Phật địa đủ các đức, mười lực vô uý thể kia đáng quí giá nghĩa đồng bảy báu, trong các đức nuôi dưỡng tuệ mạng như kho an dưỡng pháp thân như đụn (khổ) lại pháp bảo không thể dòm ngó cũng như kho đụn, nghĩa viên mãn như đầy, xuất dùng nghĩa như tràn.

"Tôi tớ rất đông... là nói về đồ chúng: khi mới thành đạo sở hóa chẳng phải một cho nên nói có nhiều, ngoại phàm như tôi tớ, nội phàm như lại dân, đăng Địa trở lên có khả năng trợ giúp Phật mở rộng giáo hóa gọi là thần tá. Lúc này, chưa có Thanh văn không được nêu hiệp với Nhị thừa. "Voi ngựa xe cộ": là nói về giáo môn. Voi ngựa năng chở nặng đến xa, giáo môn có khả năng vận chuyển phàm lên Thánh, tức giáo năm thừa, như phẩm Tánh Khởi trong kinh Hoa nghiêm nói đủ năm thừa. "Vô số": là tám muôn pháp tạng và pháp môn bất khả nói. "Cho vay thâu lời lãi": hóa từ Phật xuất là cho vay, hóa công trở về Phật là thâu vào, giáo trao là giúp lãi hồi hướng làm lợi ích lớn. "Khắp đến nước khác": là Hóa khắp mười phương. "Khách thương buôn bán cũng rất đông nhiều": Dân thế tục có bốn nghiệp: Nông, thương, công, cổ:

Nông là làm ruộng. Thương: là mua lượng vật giá trị gọi là mua hàng hóa. Công: là thợ khéo. Cổ: là ngồi bán, chữ cổ ở đây ứng với Tây hạ là "Của cải", nay văn kinh nói chữ cổ chính là cổ định giá thuế. Khách buôn bán: trên là người trao đổi vật, nay khách bán tức là người bán vật. Cõi này bẩm thọ đạo truyền hóa phương khác gọi là thương buôn, cõi này thọ hóa tức cõi này nói pháp gọi là cổ. Hai hạng người trước sở hóa chung lãnh giáo như khách, buôn bán tức khi thành đạo có việc này nên mượn làm thí dụ.

"Lúc bấy giờ, gã nghèo cùng kia v.v..." là nói lại về con chia làm hai:

1) Lý do gần cha.

2) Chính là nói về gần cha.

"Dạo đến các tụ lạc trải qua xóm làng" là lý do gần cha. Chú giải kinh rằng: Đường ác như xóm làng, đường lành như quốc ấp đều là trải qua sanh tử. Lại giải thích xóm làng nhỏ nên dụ cho nhân thừa, quốc ấp lớn dụ cho thiên thừa, lại giải thích đây nói về thiệt căn dần dần thêm lớn nghĩa đạo từ làng xóm dần dần đến quốc ấp. Nhưng ở trong nước đó dừng nghĩ ở một thành đã ví như khi Đức Phật mới thành đạo nên con nghèo khổ không ứng bắt đầu dạo chơi trải qua sanh tử, chỉ vì nay tìm việc đã qua kia. Sở dĩ được đến thành, do trải qua quốc ấp nên đến, do quá khứ từ đường ác đến đường thiện và do gốc lành dần dần thêm lớn nên được gần lý Đại thừa. "Đến chỗ thành của người cha ở": ý nói là gần cha, thiện duyên dần dần lôi kéo gần đến lý.

"Người cha thường nhớ con": lặp lại nêu cha, văn chia làm hai:

1) Nói khổ mất con nghĩa là tâm đại bi.

2) Nếu vui được gặp con gọi là tâm đại từ.

Hỏi: Trước đã nói cha có gì khác với nay?

Đáp: Trước nói cha tìm con không được, giữa đường dừng nghỉ ở một ngôi thành tức là tìm con, thiện căn Đại thừa không được, mà thùy ứng giáo hóa các Bồ-tát. Nay nói về tuy hóa Bồ-tát mà tâm không bỏ Nhị thừa cho nên nói cha thường nhớ con. Nếu dùng hai thứ hóa mà chia chia môn thì trên không phế bỏ gia nghiệp gọi là giáo hóa Bồ-tát, từ văn nầy đến hết thí dụ đều là giáo hóa Nhị thừa. Lại người cha hằng nhớ con, là do con trái hóa từ lâu ở trong sanh tử tâm đại bi cha thường muốn cứu giúp nên nói nhớ. "Mà chưa hề hướng đến người nói việc như thế". Là khi mới thành đạo chỉ nói đại hạnh Bồ-tát chưa nói người Nhị thừa vốn là Phật tử từng được giáo hóa Đại thừa nay trái hóa lâu. Lại giải thích tức gọi Nhị thừa là người, khi mới thành đạo người Nhị thừa

đại căn cơ chưa phát không có khả năng nghe, nói là con. “Chỉ tự suy nghĩ lòng rất ăn năn hối hận. Hối hận: Xưa hóa không sâu sắc khiến mất Đại thừa, lưu lạc trong năm đường sanh tử, bởi trong tâm tha thiết đau xót nên tạm gọi là hối hận. “tự nghĩ già yếu”: giải thích ý nhớ con, tích một phương giáo hóa một thời không bao lâu sẽ diệt cho nên nói già yếu. Lại phế bỏ Đại thừa hóa đã lâu nên nói già yếu. Lại Như lai cùng lấy công giáo hóa làm tuổi thọ. Thiện của sở hóa đã yếu, công năng hóa cũng kém tức đồng nghĩa già yếu. Lại cuối cùng phải giao phó như già yếu. “Nhà có nhiều của cải”: Văn nói lý vô lượng “Không có con cái:” khi mới thành đạo tuy nhiều Bồ-tát thật sự có khả năng nối nghiệp Phật, chỉ vì Nhị thừa làm thí dụ cho nên nói không có con cái, Nhị thừa chưa có khả năng tự ngộ như không có con. Lại chẳng phải chưa thể truyền bá hóa độ như không có con cái, “nên ân cần luôn nhớ con”: là tổng kết nhớ con có hai nhân duyên:

1. Đức Phật cách đời.

2. Không người nối dõi cho nên pháp bảo tan mất, do đó nhớ con. “Lại nghĩ rằng:” là giả như vui được gặp con. Trên khổ nhớ con làm thí dụ trước không có căn cơ nay vui được gặp con làm thì dụ sẽ có đại căn cơ. Vì Đức Phật biết chắc sẽ có đại căn cơ có khả năng nối tiếp việc Phật, vì vậy nên dự tưởng thấy được con vui. “không còn sầu lo:” Đã một kỳ được con liền dùng pháp tài giao phó khiến truyền hóa không dứt làm vô tận, đèn pháp sáng tỏ thì vui hợp bổn tâm Phật cho nên không còn tìm kiếm, chẳng có lo sầu, cũng không lo lắng bị mất Đại thừa pháp tài.

“Bạch Đức Thế tôn! Bấy giờ gã cùng tử làm thuê...” là nói thí dụ cha con thấy nhau: cùng trong một hình dáng Đại thừa thì gốc lành thành tựu sẽ được lãnh ngộ gọi là con thấy cha. Phật thấy trong một hình kia sẽ ngộ Đại thừa như cha thấy con. Văn chia làm hai:

1. Con thấy cha.

2. Cha thấy con.

Con thấy cha có bốn trường hợp: hợp làm ba:

1. Lý do thấy cha.

2. Chính là nói thấy cha.

3. Nói chánh thấy cha. Không biết, chạy trốn, tâm sợ sệt. “Làm thuê làm mướn lần hồi:” Do làm thuê làm mướn lần hồi đến nhà cha, do tu hành thêm lớn xa giúp Đại thừa như tình cờ đến nhà cha. Nhà cha là chánh lý Đại thừa. Chắc chắn phải ngộ lý giao tiếp với lý như đến nhà.

Hỏi: Ban đầu nói tướng về nước, kế nói đến thành, nay nói đến nhà, ba dụ nầy có nghĩa gì?

Đáp: Đây đều là cách ngộ Nhất thừa nghĩa gần xa, đại ý nói về ngộ nhất thừa gốc lành gồm có ba phẩm:

1) Thiện căn hạ phẩm cách ngộ lý Nhất thừa xa như hướng về nước.

2) Thiện căn trung phẩm cách ngộ lý thất thừa hơi gần như đến thành.

3) Thiện căn thượng phẩm giao tiếp với lý như đến nhà.

“Đứng ở bên cửa:” Ban đầu chưa tin nhận như trú (ở), cuối cùng phải thực hành như đứng, chưa có đại căn cơ không kham nổi thọ đại giáo như bên cửa. “Xa thấy cha”: là chính nói con thấy cha. Ban đầu chưa tin nhận như đứng bên cửa cuối cùng có ngộ đại như xa thấy cha. Người cha: ở trên y cứ năng thấy, nay nói sự “sở” thấy.

Hỏi: Đầu tiên nói nhà, kế nói cửa, nay nói cha, sau nói châu báu, bốn thứ này có gì khác nhau?

Đáp: Đều là Đại thừa chánh đạo tùy nghĩa đặt tên, chí lý là chỗ dừng ở của các bậc Thánh ví như nhà, rỗng suốt vô ngại như cửa, năng sanh gốc lành cho chúng sanh là cha, đáng quý trọng nên như châu báu.

Trình bày sự thấy cha gồm có sáu việc, mà năm câu đầu nói riêng những chỗ thấy, chỉ vì các sự thấy đã nhiều không thể nói đủ nên một câu sau tổng kết. Năm câu là:

1) Thấy cha ngồi giường sư tử, ghế báu đỡ chân.

2) Quyến thuộc cung kính bao quanh.

3) dùng vật báu trang nghiêm thân.

4) Tôi tớ đứng hầu hai bên.

5) Màn, báu che trên v.v... cho đến phát, thâu, lấy cho.

Năm thứ này đều khen cha giàu sang, như khen ngợi Phật trụ trong Đại thừa chẳng đức nào không tròn đầy, chẳng lụy nào không dứt hết, để đối với Tiểu thừa nghèo hèn khiến chúng khởi tâm ưa thích, nhàm chán Nhị thừa. Ngồi tòa sư tử ghế báu đỡ chân: nên dựa theo hai đức trong ngoài của Phật giải thích: Đức ngoài: Kinh Hoa Nghiêm chép: Nơi tòa sư tử Liên hoa tạng như ngồi giường sư tử, đất kia bằng kim cương ghế báu đỡ chân. Đức bên trong: Nhất thừa dùng Trung đạo chánh quán làm thể, không chịu đoạn thường nên nói không sợ. Trung đạo chánh quán sẽ nương cảnh thật tướng như ghế báu đỡ chân.

“Các Bà-la-môn cư sĩ Sát đế lợi đều cung kính vây quanh”: Trên

khen ngợi người năng hóa, nay khen ngợi chúng sở hóa, lại trên khen giàu nay khen sang. Lại Bát địa trở lên Pháp thân thanh tịnh như Bà-la-môn, Thất địa được gọi là Vô sanh nhẫn, nhập mắt Phật địa tức là Vương chủng, nghĩa đồng Sát đế lợi, sơ địa trở lên thực hành bố thí đầy đủ nghĩa đồng giàu lớn dụ cho cư sĩ, đều cung kính khen ngợi Như lai giúp Phật mở mang hóa cho nên nói cung kính bao quanh. Như Hoa Nghiêm thập thế giới cát bụi số Bồ-tát vậy! Dùng chân châu anh lạc giá trị ngàn muôn trang nghiêm thân là lặp lại khen ngợi người năng hóa, hình chẳng có gì không là pháp, tức là pháp bảo trang nghiêm, pháp bảo trang nghiêm có hai thứ:

1) Ngoài đầy đủ tướng tốt.

2) Trong đầy đủ các đức.

Đều trải qua nhiều kiếp tu hành thế gian thông không ai sánh bằng cho nên nói giá trị ngàn muôn. "Lại dân tôi tớ tay cầm phất trần trắng đứng hầu hai bên": ở đây lặp lại chúng sở hóa là lại dân, tức nội phàm. Tôi tớ là ngoại phàm.

Trước nói đăng Địa trở lên, Bồ-tát từ vị cao đến thấp, nay người Địa Tiền cũng từ trong đến ngoài, đây là nói thứ lớp chẳng phải tu hành từng bước như thế, cũng được bốn hạng, lại, dân, tôi, tớ mà so sánh thích ứng Địa tiền bốn mươi tâm. Đều thọ bẩm đại hóa đều tu trừ pháp cấu như tay cầm phất trần trắng. Thật ra chúng sanh trừ cấu, mà nói vì Trưởng giả phủi bụi, tức bởi vì chúng sanh bệnh, nên Bồ-tát bệnh, chúng sanh làm lành nên Bồ-tát cũng lành. Ngộ cạn như bên trái, chiếu sâu như bên phải, tùy hạnh nhận lấy nên nói người đứng hầu. "Màn báu che trên, các phan đẹp rủ xuống...." là khen ngợi giáo môn. "Từ bi ngăn che là màn báu, nhưng chúng sanh dứt kiết như Trưởng giả phủi bụi, cũng tâm từ che chở chúng sanh như che trên Trưởng giả." Bốn nhiếp trở xuống,v.v... dụ như phướn đẹp. Dùng nước thiền định rưới trên đất giới sạch, trôi mất bụi phiền não, rải hoa trí tuệ mở rộng chánh pháp để chỉ bày cho người, như vật báu chưng bày. Hóa từ Phật xuất ra nên nói công hóa phát ra, qui y Phật nên nói trong, người trước bẩm thọ đạo là lấy, Như lai thọ ký đạo là cho, sợ thì gọi là oai, ái thì gọi là đức. Lại chiết phục gọi là uy. Nhiếp, thọ gọi là đức, trời người không sánh bằng nên gọi là quý đặc biệt.

"Cùng tử thấy cha" là nói về con thấy cha không biết bỏ chạy tâm sợ hãi. Lý năng phục tình gọi là có thế lực lớn, tình sợ lý thì sanh tâm lo sợ. "Hối hận vì đã đến nhà này". Tiểu căn cơ bẩm thọ Đại tiến lên không có phước nhập lý, lui sụt có tội trái với giáo, nên gọi là hối. "Ông

này chắc là vua, hoặc là bậc đồng vua” Thần thông hóa vật tự tại như vua nói pháp hóa vật như đồng vua. Cũng là thí dụ trên dùng hai vật vạt áo và bàn ghế. Có người chép: Pháp thân như vua, báo thân như bậc đồng vua. “Chẳng phải là chỗ để làm thuê được tiền vật” Lý Đại thừa sâu xa mầu nhiệm, chẳng phải là chỗ tu năm giới mười thiện được quả nhỏ trời người. “Chẳng phải bằng ta qua đến xóm nghèo có chỗ cho ta ra sức để được vật ăn đồ mặc” Trên là nói không có khả năng thọ Đại, nay nói chánh kham hành Tiểu thừa, thừa trời người là pháp sanh tư, không có quả Thánh xuất thế gian tức là xóm nghèo. “Ra sức là gắng sức. Quả báo năm dục như y thực, cầu lạc tiểu quả không khó gọi là dễ được “Nếu như ta đứng lâu ở đây họ sẽ bức ngặt ép sai ta làm”. Đây là nói tiểu căn cơ không nên giữ gìn đại giáo, nếu giữ gìn đại giáo thì giáo không xứng căn cơ, trái tình là bức ngặt, chẳng lạc là ép sai. “Suy nghĩ như thế rồi liền chạy mau đi thẳng” Trái lý thuận tình nghĩa kia như núi lở, cho nên nói chạy mau.

Hỏi: Cùng tử trước vì sao đến nay vì sao đi ư?

Đáp: Trước nói về đại căn cơ cuối cùng có nghĩa phát nên thí dụ đến, nay căn cứ ban đầu có tiểu căn cơ không có khả năng thọ Đại cho nên đi.

“Khi đó, Trưởng giả”: nói cha thấy con. Văn chia làm ba:

1) Nơi thấy con.

2) Thấy con liền biết.

3) Do biết nên vui mừng.

Nhưng cha con thấy nhau thật ra không có trước sau, chỉ muốn nói do cảm nên có ứng, nên đầu nói con thấy cha sau nói cha thấy con. “Ngồi trên ghế sư tử:” là nơi thấy con. Thấy con liền biết: là cuối cùng thấy con có căn cơ Đại, biết từng thọ lãnh đại hóa. “Tâm rất vui mừng”. Là do biết đứa con ấy nên sanh tâm vui mừng. Tuy ban đầu không bẩm thọ căn cơ Đại thừa mà cuối cùng có ngộ lý Nhất thừa cho nên nói tâm rất vui mừng. “Mà tự nghĩ rằng” giải thích vui mừng gồm có ba ý:

1) Nói đã có lý có thể hóa thì sẽ giao phó tài pháp cho nên vui mừng.

2) Ta thường nghĩ nhớ đứa con này”: là nói bổn nguyện mãn cho nên vui mừng, từ bi thường muốn cứu giúp vật, nhưng ngày trước chưa thấy lý đáng cứu mà nay hóa duyên đã phát thích ứng nguyện từ bi cho nên vui mừng.

Hỏi: Sanh thiện do từ Phật, vì sao nói là tự đến?

Đáp: Tuy do Phật làm duyên bên ngoài, nhưng thiện cơ là chúng

sanh cảm nên gọi là tự, do kia phát sanh nên gọi là đến.

"Ta dầu tuổi già vẫn cố tham tiếc", là nói tuổi già thấy con rất vui mừng, tài vật đối với già cả vô dụng mà tham tiếc vì con, giáo pháp đối với Đức Phật chính là vô dụng, tham tiếc vì chúng sinh. "Ông liền sai người hầu" là thí dụ gọi con không được lãnh thí dụ Trưởng giả cứu con không được ở trên. Trong nhà lửa ở trên mở hai cửa khuyên và răn giáo hóa con không được, nay lãnh ý này mà văn chia làm hai riêng: Đầu đều lãnh hai môn hóa vật không được, kế hiệp lãnh hai môn dứt hóa. Đầu lãnh riêng hai môn hóa vật không được tức là hai riêng:

1) Chính là nói giáo Đại thừa hóa con không được.

2) Thí dụ gượng trao Đại thì có tổn hại không lợi ích, hai thứ này cùng hai tư duy trong phẩm, Phương tiện phần lớn đồng, khác nhau với văn khuyên răn ở nhà lửa trước.

Các Sư giải thích kinh xưa nói: Lãnh nhà lửa khuyên răn thì mất ý chỉ kinh. Đầu văn chia làm hai:

1) Chánh là nói vì nói Đại thừa.

2) Nói không có căn cơ không có khả năng thọ lãnh.

Văn đầu có hai câu, trước nói sai người đuổi theo dụ Đức Phật nhớ nghĩ muốn sai giáo hóa chúng sanh. Khi mới thành đạo liền muốn vì nói pháp Đại thừa cho Nhị thừa nghe nên gọi là sai. Người hầu bên là đứng đầu hai bên Trưởng giả, Đại thừa là Phật thường dùng pháp cách Phật gần gũi nên gọi là bên, giáo có công năng giải thích lý như người năng chỉ bày nói nên gọi là người. "Đuổi gấp theo bắt lại": khi mới thành đạo liền nói lên nói Đại thừa muốn cho chúng sanh liễu ngộ Đại thừa nên gọi là gấp. Đuổi gấp hoặc tình của chúng khiến chúng trở lại bổn, thọ Đại hóa nên nói đuổi gấp đem về.

"Khi ấy, sứ giả chạy mau đến bắt": là nói sứ giả thọ ý chỉ dụ Đức Phật nói chánh giáo hợp duyên, giáo có công năng tuyên truyền ý Phật dụ như sứ giả. Khi mới thành đạo Đức Phật muốn vì người Nhị thừa nói pháp Đại thừa, gọi là chạy mau, giáo chánh hợp duyên nên gọi là đến bắt. "Cùng tử kinh ngạc kêu lớn xưng oan: Tôi không hề xúc phạm sao lại bị bắt": là nói về không có căn cơ không thọ hóa. Đại giáo phù hợp tiểu căn cơ chẳng phải bổn ý kỳ vọng cho nên nói kinh ngạc, tiểu căn cơ không lường nổi Đại giáo do đó gọi là kinh ngạc, đại giáo trái với Tiểu tâm mà gượng trao gọi là xưng oan, oan là oan uổng, oan uổng việc rất lớn nói lên bên ngoài gọi là kêu oan. Giáo Đại thừa mà căn cơ Tiểu thừa kia cũng như nắp vuông, đáy tròn lý không tương xứng gọi là không hề xúc phạm, không nên trao cho vì sao đến bắt. "Sứ giả bắt đó

lại càng gấp cưỡng dắt đem về": là nói giả thiết, gượng trao Đại thừa thì có tổn chẳng lợi ích. Văn cũng có hai:

1) Gượng trao đại.

2) Không có ích, có tổn hại, quyết muốn trao đại như bắt càng gấp.

Biết căn cơ Tiểu thừa không có khả năng thọ Đại trái tình sai khiến kia liễu ngộ là gượng lôi kéo đem về. "Lúc đó gã cùng tử tự nghĩ không có tội chi mà bị bắt đây": là nói có tổn hại không lợi ích, không có đại căn cơ gọi là vô tội, do đại giáo che chở như bị bắt bớ. "Đây chắc chắn phải chết". Giáo đại căn cơ tiểu trái với bổn tình kia, tâm sanh không tin thì khởi chê bai đoạn mất tuệ mạng như chắc phải chết. Lại đời hiện tại khởi hủy báng đời sau đọa vào địa ngục cũng gọi là chắc chắn chết. "Lại càng sợ sệt mê ngất ngã dưới đất". Tiểu căn cơ nghe Đại giáo kinh nghi, sợ hãi nên gọi là sợ sệt, không thể hiểu đại gọi là mê ngất, lại không thể đi gọi là ngã xuống đất.

"Cha từ xa thấy con": là hợp nêu dứt hóa. Văn chia làm hai:

1) Chánh là nói về dứt hóa.

2) Nói dứt hóa xứng căn cơ.

Văn đầu lại có hai:

1) Trước niệm muốn dứt hóa.

2) Chánh dứt hóa, y cứ đầu lại có hai. a) Khai hai chương. b) Giải thích hai chương.

- *Khai hai chương*: 1. Khai dứt Đại. 2. Trao Tiểu. "Nói cha xa thấy". Đã không thọ đại hóa, thấy tiểu căn cơ kia cách lý rất xa cho nên nói xa thấy, niệm muốn dứt hóa như nói với sứ giả lý Đại thừa không dung nạp tiểu căn cơ tức "không cần người đó", chưa thể dùng đại hóa "chớ bắt ép đem đến". "Rưới nước lạnh trên mặt cho tỉnh lại": là nói trao tiểu, tức dụ thứ sáu dội nước lạnh vào mặt. Khi mới thành đạo đã chưa thể trao thọ đại hóa, chỉ có trời người tiểu căn cơ cho nên vì họ nói thừa trời người. Căn cơ trời người dụ như mặt, năm giới mười thiện có công năng thoát mê, cởi vướng, xứng với căn tình kia dụ như nước lạnh. "Đừng nói chi với nó": là không thể nói đại. Vì sao? Là đều giải thích hai môn. "Cha biết con mình ý chí thấp hèn": Đây là nói có tiểu căn cơ giải thích trên trao cho tiểu căn cơ. "Tự biết mình giàu sang làm cho con khiếp sợ": là nói về Đại thừa tôn quí giải thích trên dứt đại hóa. "Biết chắc là con": Biết quá khứ kia từng phát đại tâm cho nên nói biết chắc là con. "Mà dùng phương tiện chẳng nói với người khác biết là con mình": Đây là giải thích nghị cho nên nói. Đã thật là con sao không nói

với sứ giả là con ta sai khiến đến bắt ư! Tức nói sứ giả là người khác, cũng là người hầu bên cạnh, cho nên nay giải thích rằng: Tuy nói xét biết là con mà dùng phương tiện không nói với người khác biết là con mình. Ý nầy là nói khi mới thành đạo trong giáo môn không được nói cho Nhị thừa biết vốn là Phật tử, ý không nói là ẩn nơi thật, nói tức là phương tiện. Trước sai người gọi con không được nghĩa là không được dùng Hoa Nghiêm đốn giáo độ người Nhị thừa, nay xét biết là con không nói với người khác biết là con mình: tức là không được tiệm nói Nhất thừa trong Pháp Hoa để giáo hóa cùng tử.

"Sứ giả nói": là nói dứt hóa cũng có hai câu: Đầu nêu Đại giáo không còn bị Tiểu căn cơ gọi là nay ta thả ông. Đi đâu tùy ý: là thuận tiểu căn cơ thực hành Tiểu giáo. "Cùng tử vui mừng": là dứt Đại trao Tiểu xứng hợp căn tình kia, cũng có hai câu: Đầu lãnh dứt Đại hóa, kế lãnh trao tiểu. Do đại giáo không xứng tiểu căn cơ như bị bắt tù vì vậy nên kinh sợ, dứt nơi Đại hóa ứng với căn tình kia nên tâm sanh vui mừng. "Từ dưới đất đứng dậy": là lãnh trao Tiểu giáo, lôi kéo đến chỗ cha nên té ngã dưới đất, thả ra nên đứng dậy đi, không hành Đại thừa như té xuống đất, kham tu Tiểu giáo như đứng dậy đi.

"Bấy giờ Trưởng giả": là thí dụ thứ bảy dẫn dụ trở về nhà, văn chia làm hai:

1) Thuê người hốt phân.

2) Bảo người làm.

Sở dĩ có hai thí dụ nầy: Ban đầu lãnh ẩn thật giáo khởi quyền giáo, kế lãnh ẩn bổn thân khởi tích thân, cho nên khi mới thành đạo ở hội Hoa Nghiêm là đều nói cả hai, từ vườn Nai trở đi là đều che, đến thời Pháp Hoa là đều khai, nay là đều che. Đầu thí dụ có bốn:

1) Biết tiểu căn cơ.

2) Nói Tiểu giáo.

3) Bẩm giáo được lợi ích.

4) Thương xót trách.

"Toan muốn dụ dẫn người con": là thí nói ý giáo Nhị thừa. Sở dĩ nói Giáo Nhị thừa: là muốn dẫn dụ khiến ngộ nhập Nhất thừa. "Mà bày chước phương tiện": Nêu việc dẫn dụ, không hai nói hai gọi là phương tiện. "Thầm sai hai người:" là nêu việc phương tiện. Nếu hiển rõ nói Trưởng giả sai thì cùng tử sợ không thọ, nếu nói chia một thành ba tức là ba vật phương tiện không tín nhận, cho nên ẩn nơi đây mà che lấp tướng chỉ bày ba nên nói mật. Xưa nói Ba thừa là nói Phật bí mật. Tuy là xướng ba mà thầm dẫn qui về một cho nên nói thầm sai. Nói ba chính

là muốn cho chúng sanh liễu ngộ chẳng ba chẳng một ngôn dứt ý mất. Vì vậy nên ba nầy gọi là thầm.

Hỏi: Phẩm Hạnh an lạc chép: Phật dạy Bồ-tát chỉ dùng pháp Đại thừa mà vì giải thích, vì sao Phật nay tự nói Tiểu thừa ư?

Đáp: Văn nầy khen ngợi Phật có năng lực biết căn cơ, có khả năng nói tiểu làm thông đại. Phẩm Hạnh an lạc ban đầu hành Bồ-tát không biết nhân tiểu ngộ đại, chỉ nên nói pháp Đại thừa.

“Hai người”: tức hai giáo tứ đế và thập nhị nhân duyên, năng giải thích lý nên gọi là người. Hình sắc tiều tuỵ không có uy đức: Giải thích danh thể của Giáo Nhị thừa, giáo thì nông cạn gọi là hình sắc tiều tụy, lý chẳng rốt ráo gọi là không có oai đức. Lại sanh thân tướng tốt không tròn đầy như người tiều tuỵ, pháp thân các đức không đủ như người không oai đức; lại tự điều tự độ tự tịnh thường hành độc thiện như người tiều tuỵ. Ngoài không có công cứu vật như không có uy, trong không có tâm từ bi như không có đức. Lại, Bồ-tát có khả năng chiết phục, nhiếp thọ, chiết phục như uy, nhiếp thọ như đức, Nhị thừa không có nên nói không oai đức. “Hai người nên qua xóm kia, từ từ nói với gã cùng tử: là có thể thi thiết Nhị thừa với người kia gọi là qua xóm kia, định dùng lời dẫn dụ từ từ mà nói. Lại giáo Đại thừa hóa chúng sinh, chọn nghĩa thành Phật nhanh gọi là chạy nhanh. Tiểu thừa cách Phật quá xa nên gọi là từ từ nói. “Ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội”: Cùng tử trước đứng dậy đến xóm nghèo để tìm cái ăn cái mặc tức là thực hành thừa trời người gọi là chỗ kia, nay đối thế gian kia cho nên nói pháp Nhị thừa xuất thế gian là gọi đây. Chỉ bày Tứ đế, mười hai nhân duyên là chỗ tu hành nên gọi là chỗ (xứ). Chỉ bày vui tiểu Niết-bàn vượt quá vui trời người gọi là trả giá gấp bội. “nếu Cùng tử chịu”: là xứng với căn duyên kia có khả năng thọ Tiểu thừa hóa gọi là nếu chịu. “Đem về đây sai làm”: Từ thế gian nhập xuất thế gian gọi là đem đến, chính bẩm thọ giáo khiến như lợi dạy mà tu hành gọi là sai làm. Nếu có hỏi muốn sai làm gì: là Tiểu thừa căn cơ phát cảm hóa gọi là muốn làm gì. Lại giải thích nếu làm căn cơ chưa hiểu giáo ý muốn nói lên giáo tông cho nên có trách nầy. “Nên nói với nó rằng thuê người hốt phân”: Chánh giáo kia tu hành dứt kiết nói lên chánh tông của giáo Tiểu thừa. Lấy hai Niết-bàn cho cùng tử gọi là làm thuê, nhưng sau khiến kia dứt phiền não gọi là hốt phân.

Hỏi: Nếu dùng dứt kiết làm hốt phân thì người Thanh văn chỉ dứt kiến tư, Đại sĩ dứt trừ đầy đủ năm trụ thì Bồ-tát là người đại hốt phân ư?

Đáp: Nhị thừa thấy có phiền não để sanh nên tu giải diệt tức là

sanh diệt đoạn thường, vì thế gọi là thấp kém như người hốt phân.

Bồ-tát hiểu rõ hoặc vốn tự bất sanh cũng bất diệt, quán không sanh diệt nên trừ không có chỗ trừ chẳng phải người hốt phân, phẩm Phương tiện chép: các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng. Kinh Tịnh Danh chép: Vì người tăng thượng mạn nói dứt ba độc, không có tăng thượng mạn thì ba độc tức giải thoát nên không có chỗ dứt. “Chúng ta hai người cũng cùng ngươi làm”: Nhị thừa không thể lìa văn tìm lý, nhờ giáo giải thích lý mới dứt được kiết, thì giáo có công giúp trí dứt kiết gọi là nghĩa “xếp vào”, đối với bốn duyên là duyên tăng thượng. “Khi đó hai người sứ liền tìm gã cùng tử”: là lãnh giải trên duyên nói giáo, duyên và giáo hợp nhau gọi là đã đắc, vì duyên nói giáo gọi là “trình bày đủ việc trên”. “Bấy giờ gã cùng tử trước hỏi lấy giá cả liền đến hốt phân”: là lãnh trên được lợi ích, người nghèo cùng kia tâm hạn cuộc trong Tiểu thừa sợ không được mà nhọc công vất vả cho nên trước hỏi giá cả sau mới làm, Nhị thừa tiểu tâm sợ không đắc quả, cho nên trước hy vọng quả Niết-bàn sau mới tu hành dứt kiết, thí dụ này là tiểu tâm quá thấp kém. “Người cha thấy con thương xót mà trách:” là cha thương xót trách ngày trước vốn có nguyện hạnh Đại thừa mà không thọ Đại pháp, ưa đắm Tiểu thừa nên đáng thương xót, thương không tin Đại quở trách kia chấp Tiểu. Trong đây bốn đại Thanh văn làm dụ thấp kém để chê trách Tiểu thừa. Từ trên tức sai người hầu bên cạnh gọi con không được; thấy con mà sanh tâm thương xót: là nói việc tốt gọi con không đến việc xấu gọi mà đến, sao đáng khinh bỉ ư! Nay thật đắc La-hán là người hốt phân thấp kém, huống chi chưa đắc quả muốn học Tiểu thừa! Như trong một hình chấp chặt đây là ý của Tỳ-đàm và Thành luận.

“Lại một ngày khác, ông ở trong cửa sổ xa thấy:” là lãnh giải thân chân ứng.

Hỏi: Vì sao trước lãnh hai giáo sau lãnh hai thân?

Đáp: Phải trước chiếu căn cơ không có khả năng thọ Nhất hóa, tin nhận Nhị thừa, rồi sau ẩn pháp thân mà thùy ứng tích, sau vì nói Tiểu pháp tức là thứ lớp.

Hỏi: Vì sao chia làm hai giáo hai thân?

Đáp liền sai người hầu bên gọi là Nhất thừa thật giáo, mật sai hai người là giáo phương tiện, cho nên trước ẩn thật giáo mà khai giáo phương tiện: Hai thân: Trưởng giả ngồi ghế sư tử gọi là thân thật, cởi y châu báu mặc y thô xấu gọi là hóa thân. Đã ẩn thật giáo mà nói quyền giáo tức cũng ẩn chân thân mà khởi hóa thân.

Hỏi: Trên Phẩm Thí Dụ nói: Chỉ nói về thật giáo hóa con không được, quyền giáo hóa con được, không nói về chân thân, ứng thân nay làm sao có lãnh?

Đáp: Phẩm trên có đủ hai giáo, hai thân, Trưởng giả ngoài cửa gọi là pháp thân, kinh sợ vào nhà lửa là ứng thân, vì vậy cho nên văn nầy lãnh lại ý trên nói, chánh chẳng phải là thân giáo thứ lớp mà đại ý có nên nay lãnh. Lại bốn đại Thanh văn giúp Phật mở rộng hóa, Phật đã nói giáo có quyền thật, kia dùng giáo ví như thân, thân cũng có quyền thật.

Hỏi: Văn nầy nói về chân thân, ứng thân có gì khác với phẩm Thí dụ?

Đáp: Phẩm Thí Dụ nói Trưởng giả đứng ngoài cửa tức là pháp thân kinh sợ vào nhà lửa gọi là ứng thân. Nay văn nói về Trưởng giả ngồi ghế Sư tử liền sai người bên cạnh, đây dụ khi mới thành đạo Đức Phật Lô-xá-na nói pháp Đại thừa.

Kế là cởi áo châu báu mặc áo thô xấu nói khiến làm siêng năng, tức là ẩn thân Xá na khởi hóa thân Thích-ca nói giáo Tiểu thừa, cho nên dùng thật thân nói thật giáo, quyền thân nói quyền giáo, đây đều là trong tích khai bổn tích.

Văn cũng có bốn:

1) Chiếu cơ.

2) Ẩn bổn thùy tích.

3) Nói giáo.

4) Nói về được lợi ích.

Bốn thứ này đều theo thứ lớp. “Lại một ngày khác:” Trước là tư duy không có khả năng thọ, đại giáo có khả năng thọ Tiểu giáo, nay là tư duy không có khả năng thấy bổn thân chỉ có khả năng thấy tích thân cho nên nói ngày khác. “Ở trong cửa sổ:” Trưởng giả ẩn chỗ đại mà ở chỗ tiểu thấy con như không được dùng thật trí chiếu soi tiểu căn cơ mà dùng quyền trí chiếu. “Xa nhìn thấy con”: Thấy con cách lý xa nên gọi là xa. Lại bấy giờ còn ở bổn thân chưa thùy ứng tích, cách cảm còn xa gọi là xa thấy, cho nên dưới ẩn bổn thùy tích được gần gũi con. “Ốm o tiều tuỵ phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch”: là căn cơ chiếu thấy. Trên nói về thấy con không có khả năng được đại hóa, chỉ thọ Tiểu giáo. Nay nói căn cơ không kham thấy bổn thân, mà kham thấy tích thân. Không hiểu Đại thừa là ốm o, không hành Đại thừa là tiều tuỵ. Có kiết sử của phàm phu, Nhị thừa chưa trừ, cấu chướng bị nhiễm, như phân đất bụi bặm dơ dáy không sạch. “Liền cởi áo báu: chuỗi ngọc...”

là nói ẩn bổn thùy tích, trước nêu ẩn bổn, kế nói thùy tích. Ẩn ba đức Xá na gọi là ẩn bổn, "liền cởi áo báu" gọi là ẩn giải thoát, "Áo tốt mịn màng" là ẩn Bát-nhã, "Cùng đồ trang sức" là ẩn Pháp thân. Đây chẳng phải là ba đức của Pháp thân địa. Vì sao biết? Từ giữa đường dừng nghỉ ở một ngôi thành đến nay rồi, lại ngày khác xa thấy con đều là khi mới thành đạo có việc như thế, nhưng Nhị thừa không có khả năng thấy thân này nên ẩn Xá na kia thị hiện Thích-ca.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm vừa gọi là Xá na, vừa gọi là Thích-ca văn, tức cũng như một Đức Phật vì sao chia làm hai thân?

Đáp: hai Đức Phật có nghĩa đồng và khác, nghĩa đồng như văn đã dẫn, nghĩa khác như kinh Phạm Võng chép: Bổn thân là Xá Na, Tích thân là Thích-ca.

Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy thân ta là báo thân Phật được trăm ngàn Thích-ca bao quanh, ý nầy đồng với kinh Phạm Võng. Nay muốn hiển hai giáo hai thân làm khác: bổn thân nói thật giáo hóa Bồ-tát, tích thân nói quyền, giáo hóa Thanh văn. Cho nên lại dùng hai thân Phật Xá-na, Thích-ca để nói về bổn tích. Nhưng thân xứ và giáo không có định phán, Bồ-tát tức thấy Xá na ở Tịnh độ nói Đại thừa, Nhị thừa thấy Thích-ca ở uế độ nói Tiểu thừa. "Lại mặc áo thô rách cáu bẩn": là thùy ứng thân, nhưngNhị thừa thấy có đủ tám tướng thành đạo, văn nầy lược hai sự thấy khác nhau của phàm Thánh". Lại mặc áo thô rách... tức là sanh thân do cha mẹ đồng với chúng sanh có họa lớn. "Bụi bặm lấm thân": Chỉ bày đồng tâm có phiền não, như nạp phi sanh con là tham sử, sáu năm khổ hạnh là si sử, mắng trách năm người là sân sử, cũng có ba độc như bụi bặm lấm thân. "Tay mặt cầm đồ hốt phân": hai câu trên chỉ phương tiện, phàm phu từ trên cõi Đâu suất xuống đến dưới gốc cây các việc... nay chỉ Thánh phương tiện tức là dưới Thọ vương (Bồ-đề thọ) thành đạo đến vườn Nai xoay bánh xe pháp. Lại trước chỉ phàm phương tiện do Thánh đồng phàm, nay chỉ Thánh phương tiện khiến phàm đồng Thánh. Tay phải liền cầm: là chân trí có khả năng dứt kiết, tay cầm đồ hốt phân, là trí hội lý nên dứt hoặc. "Bộ dạng đáng nể sợ" là giải thích ý dứt kiết. Sợ phân dơ thân cho nên hốt phân, sợ hoặc nhiễm tâm nên dứt hoặc, như ba độc là nhân của ba suy, cho nên vượt bốn cửa thành tức biết tham dục dẫn đến già, sân nhuế đến bệnh, ngu si đến chết. Sợ ba độc năng sanh ba suy vì vậy nên dứt hoặc.

"Bảo những người làm rằng": là nói thuyết giáo, tức là đến vườn Nai chuyển pháp luân tứ đế. Văn chia làm bốn:

1) Khuyên răn.

2) Tăng giá.

3) An ủi.

4) Khen ngợi.

“Các người phải siêng làm việc”, khuyên khiến siêng năng. “Chớ có lười nghỉ”: là răn, khiến chớ làm biếng; tinh tấn thành tựu các đức, biếng nhác bại hoại gốc muôn hạnh cho nên đầu tiên khuyên văn.

Hỏi: Đến vườn Nai nên nói Tứ đế vì sao lại nêu khuyên răn ư?

Đáp: Lãnh giáo trong quyền thật đã nói về nói pháp Nhị thừa cho cùng tử tu hành, nay ẩn bổn thùy tích nói về dạy người làm cho nên khuyên răn.

“Dùng phương tiện nên được gần con” là giải thích ý ẩn bổn thùy tích, Phật lý cao xa mầu nhiệm chẳng dùng phương tiện này thì không do đâu mà gần được. “Lúc sau lại bảo con rằng”: là nói về thêm giá tiền. “Ngươi thường làm ở đây” là khiến cho kia thường ở trong chánh giáo tu hành. “Chớ có đi nơi khác”: chớ có buông lung tâm vào trong năm dục. “Ta sẽ trả thêm giá tiền”: Trên tuy khuyên thường làm nơi đây răn đừng đi nơi khác mà sợ không chịu lời khuyên răn này nên dẫn dụ bằng cách trả thêm tiền. Xưa nói: Khi mới thành đạo Phật đã cho thừa trời người rồi, nay lại ban cho kia hai thứ Niết-bàn ra đời gọi là trả thêm giá tiền. Nay cho rằng trong giáo quyền thật nói ở đây có chỗ làm trả giá gấp bội cho cùng tử, tức là đối với thừa trời người nói Niết-bàn ra đời gọi là giá gấp bội. Nói thêm giá là gấp bội giá trên lại còn thêm, nghĩa là ngoài quả Niết-bàn còn có các công đức khác gọi là tăng giá. “Các đồ cần dùng:” là ngoài quả Niết-bàn còn có các công đức trí tuệ đều là sở giúp thần dụng. “Bồn, chậu, gạo, bột v.v... là chi tiết đồ vật cần dùng, gồm thêm bốn vật: Bồn chậu có dụng dự trữ đầy, như giới là gốc của định tuệ. Kinh chép: Nhân giới nầy mà sanh các thiền định, diệt các khổ, gạo bột: là vật để ăn, gạo thô dụ cho định, bột tế như tuệ thuộc về muối dấm; là năm môn ba quán v.v... Vô thường là vị muối, khổ là vị dấm, bất tịnh vô ngã lấy đây mà so sánh, nên nói là thuộc. Chú giải kinh rằng: Định thô như gạo, tinh tấn hành tế như bột, vô ngại như muối, giải thoát như dấm, muối dấm đứng đầu các vị, song đạo là gốc của Nhị thừa. Có người nói bồn chậu như bốn thiền. Gạo bột gọi là các công đức của thiền, công đức hữu lậu thô như gạo, vô lậu công đức tế như bột, muối dấm là chủ của các vị, chỉ quán là chính của các hạnh. “Ngươi chớ tự nghi ngại”: là nói nếu tu chắc chắn đắc. “Cũng có người tớ già thấp kém nếu cần ta cấp cho”. Tuy cho các vật lại người cần sai khiến, nay cho người già để sai. Trên ban cho kia ba học tự đức, nay cho

kia sáu thông ngoại hóa, Bồ-tát thần thông vận dụng xa rộng cũng như trẻ mạnh, Nhị thừa thần thông lực dụng yếu hẹp dụ như già nua.

Hỏi: Vì sao cho bồn chậu v.v... cho đến cho người tớ già để sai khiến ư?

Đáp: Muốn chỉ bày Nhị thừa công đức trí tuệ nông cạn yếu đuối không đáng trân quí, dùng đây để chê trách chấp chặt giáo Tiểu thừa khiến nhàm chán Tiểu, ưa thích Đại.

"Nên phải an lòng": là an ủi. Chẳng những trong cung cấp vật cần dùng mà ngoài lại còn có lời khéo léo an ủi dụ khiến an lòng nơi đạo môn, cho nên nói phải an lòng. "Ta như cha ngươi": Muốn mật chỉ là cha con. Căn cứ trước mà nói Thanh văn là tiểu hạnh, Phật là Đại thừa, chẳng phải cha con chân thật, chỉ bẩm thọ giáo sanh giải nên nói như con. "Chớ có sầu lo". Nếu tu vô lậu chắc không sợ khổ già bệnh chết". Vì sao? Vì ta tuổi già lớn mà ngươi thì trẻ mạnh": là giải thích nghĩa cha con. Do đạo cao nên gọi là già lớn, đức cạn là trẻ mạnh, đây là lãnh giải nghĩa thầy trò ở vườn Nai. "Người thường trong lúc làm việc"... là khen ngợi. Trên là nói trong cung cấp vật cần dùng, ngoài khéo dùng lời dẫn dụ, nay liền như lời dạy tu hành được lợi ích ở giáo nên khen ngợi. Như lời dạy tu hành nên không "khi dối", thường siêng năng nên không "biếng nhác", biết giáo không trái lý nên "khônggiận", được giáo lợi ích nên "không hờn", được giáo lợi ích vô tư nên "không oán". "Đều không thấy ngươi có các điều xấu đó như các người khác": là nói không có năm thứ lỗi cho nên không phải ác, trái lại năm hạng nầy thì như các người khác. "Từ nay về sau như con đẻ của ta. Lúc bấy giờ, Trưởng giả lai đặt tên cho cùng tử gọi đó là con": Trên khen không có lỗi, nay vì đặt tên, đã không có năm lỗi tức có năm đức nhập vô lậu, "từ miệng Phật sanh, từ pháp hóa sanh dự phần Phật pháp "nên" như con đẻ. Tức đã nhập vô lậu đặt tên Thánh hiền, gọi là Phật tử.

"Khi ấy cùng tử dầu mừng việc tình cờ đó": là nói bẩm giáo được lợi ích. Nhờ ba việc ở trên thêm giá tiền, an ủi dẫn dụ khen ngợi nên nói mừng việc tình cờ đó. Nhưng vẫn còn tự cho mình là khách, là người thấp kém: chưa biết Đại thừa là khách làm, còn chấp tiểu phần là người làm công. Do đó mà "trong hai mươi năm thường sai hốt phân". Do chưa biết Đại thừa chấp Tiểu phần nên đối với pháp Nhị thừa tu hành dứt hoặc, hai mươi năm tức giáo Nhị thừa. Có người nói dứt hai hoặc kiến tư là hai mươi năm. Có người nói dứt kiến đế hoặc là một vô ngại một giải thoát, đoạn tư duy hoặc là chín vô ngại chín giải thoát gọi là hai mươi năm. Cho nên Tạp Tâm chép: một thứ một thứ chín thứ chín thứ

hiệp thành hai mươi. "Sau đó lòng gã mới lần thể tin". Trên là nói đối với pháp Tiểu thừa tu hành dứt kiết rồi, từ đây về sau khiến kia dự khai pháp Đại thừa. Sau đó, là y giáo Nhị thừa tu hành dứt kiết đắc quả về sau. "Lòng mới thể tin": là Đại căn cơ dần dần phát có khả năng nghe Đại giáo. "Ra vào không ngại sợ": Nghe pháp Đại thừa tâm không sanh nghi. "Nhưng chỗ gã ở cũng vẫn nguyên chỗ cũ": Tuy nghe Đại thừa còn cho là pháp Bồ-tát chẳng phải sở học của mình.

Hỏi: Giáo trao tài sản tức là Đại phẩm, đại phẩm đứng đầu Đại thừa, từ trước Đại phẩm chỉ nói về Ba tạng cho nên Thích Luận chép: Đức Phật trong Ba tạng chưa nói hạnh Bồ-tát, nếu vậy trước chưa nêu Đại thừa thì Thanh văn do đâu mà đã giải ư?

Đáp: Đại Phẩm trước cũng nói về đã nói Đại thừa. Xưa tương truyền rằng: Đức Phật thành đạo sáu năm nói Kinh-ương-quật-ma-la nói rộng pháp Đại thừa. Lại nói Phật thành đạo sáu năm nói Đại Bát-nhã mười muôn bài kệ không đến cõi này. Lại Kinh Nhân Vương nói về Kim cương Bát-nhã nói trước Đại Phẩm, trong pháp này Thiện Cát đã nghe Bát-nhã bi hỷ giao tập tức là "việc ra vào không xen lẫn". Bởi do đã nghe Đại thừa cho nên đại cơ dần dần động có thể giao nhận tài sản. Nếu đại căn cơ còn chưa phát không kham nổi tài sản giao phó cho nên nói đại căn cơ đã động.

"Bấy giờ, Trưởng giả bị bệnh"; là thí dụ giao phó tài sản mật hóa. Nhân nghe Pháp Hoa đắc ngộ Đại Phẩm cho nên lãnh giáo Đại Phẩm giao phó tài sản. Nhưng Đại Phẩm và Pháp Hoa tuy đồng là Đại thừa, chỉ vì Đại phẩm hiển giáo Bồ-tát, thầm hóa Nhị thừa, do Bồ-tát Hiển giáo cho nên Bồ-tát lãnh giải được thọ ký thành Phật, thầm hóa Nhị thừa thì Nhị thừa chưa ngộ. Đến thời Pháp Hoa hiển giáo Nhị thừa mới chính đắc ngộ, mới biết ngày trước Đại Phẩm đem bỏ, đó tức là dạy chúng con Nhất thừa, sở dĩ có lãnh giải nầy vì tự rất thương xót. Trước nói Tiểu thừa khiến con nhập Đại thừa mà chưa hiểu lỗi kia còn nhẹ, thời Đại phẩm tự thân giao phó cho con pháp Đại thừa mà con không biết chính là rất ngu. Có người nói Bát-nhã dạy trong hàng Thanh Văn đã được ngộ đạo, vì chưa hoàn thiện như ý thí dụ giao phó tài sản ở Pháp Hoa nên có lời nói nầy. Nay cho rằng Đại phẩm giáo nêu lên Thanh văn ngộ giáo Pháp Hoa nói sự ngộ của Thanh văn. Đại Phẩm giáo nói Thanh văn ngộ có hai hạng người:

1) Vốn là Tiểu thừa nghe nói Bát-nhã liền đắc tiểu quả.

2) Vốn là Đại thừa nghe nói Bát-nhã chứng La-hán.

Sáu mươi Bồ-tát tức là việc ấy. Giáo Pháp Hoa nói về sự ngộ của

Thanh văn cũng có hai hạng người:

1) Vốn là Thanh văn ngộ Pháp Hoa đều thành Bồ-tát.

2) Bồ-tát nghe kinh Pháp Hoa nghi ngờ đều dứt bất thối chuyển.

Trong văn nầy chia làm hai:

1) Mạng.

2) Tuổi thọ.

Mạng lại có hai:

1) Duyên do của mạng.

2) Chánh mạng. "Tự biết bị bệnh": có người chép: Như lai một kỳ hóa độ trước nói Tiểu thừa sau nói Đại thừa: từ Bát-nhã về trước nói giáo Tiểu thừa cuối cùng từ Bát-nhã về sau ở Song lâm nói giáo Đại thừa, nhưng công giáo hóa đã xong là dụ cho qua đời, nay phế bỏ, ít hóa ví giống như bị bệnh. Nếu nghe Đại giáo thì biết Song lâm ví như sắp qua đời cho nên nói "không bao lâu sẽ chết".

"Có người nói công hóa Ba thừa là mạng, nay sắp nói Pháp Hoa ứng với công hóa Ba thừa sắp dứt, dứt nên gọi là chết. Đại Phẩm cách Pháp Hoa đã ngắn nên nói không bao lâu sẽ chết. Nay cho rằng khi nói Đại Phẩm cách Niết-bàn ít gần như bị bệnh không bao lâu sẽ chết, nói Pháp Hoa cách Niết-bàn càng gần như lúc sắp chết chính là nhập diệt độ như lúc chết, không cần các giải thích khác.

"Bảo với cùng tử rằng": là nói chánh mạng lại có hai:

1) Giao phó tài sản.

2) Thầm giáo hóa.

Như Đại phẩm ban đầu bảo Thân tử bắt đầu chuyển giáo sai khiến Thiện Cát. "Nay ta có rất nhiều vàng bạc": như trong Đại Phẩm khuyên học nêu nhân quả đức hạnh hơn tám mươi khoa cho nên nói có nhiều. Trong đó, đức hạnh có khả năng nối kế tuệ mạng như kho, năng nuôi dưỡng pháp thân như đụn, đức bên trong tròn đầy như tràn, công hóa tràn ra ngoài như đầy. "Trong đó có nhiều ít chỗ đáng xài dùng". Nói rộng là nhiều, nói lược là ít, thọ pháp là lấy xài, trao pháp là dùng. Chú giải kinh rằng: Ứng căn lợi độn làm nhiều ít, tùy cơ khen chê là xài dùng. "Người phải biết hết": là khiến cho kia biết việc trên lược rộng thọ trao. "Lòng ta như thế ngươi nên thể theo ý ta": Trên là giao phó tài sản nay là thầm hóa, khiến Thiện Cát lãnh giải tâm Phật. "Vì sao? Vì ta nay và người không khác": Giải thích trên thể theo ý này. Y cứ xưa mà chép: Trước Thiện Cát nương Phật lực mà nói tức là Phật thuyết, cho nên nói không khác, căn cứ thầm giáo Thanh văn thì Phật là Đấng Pháp vương nên tự hóa Bồ-tát, mà nay khiến Tiểu thừa mở rộng đại đạo giáo

hóa Bồ-tát là sẽ nói về người Tiểu thừa cuối cùng không khác Phật, ý ở đây, nên nói "thể theo ý này". Lại Bồ-tát hóa tha, Nhị thừa tự hành, nay khiến người tự hành mà hóa tha tức thầm chỉ Nhị thừa là Bồ-tát, lại khiến người Tiểu thừa mà nói Đại thừa, thầm khiến người Tiểu thừa học Đại thừa, Trí Độ tuân giải thích: Mệnh lệnh cho Thanh văn nói gồm có hai nghĩa:

1) Nói lên trong giáo nói về Bồ-tát phiền não chưa thanh tịnh, người không tín nhận, nên không mệnh lệnh cho Bồ-tát, Thanh văn phiền não thanh tịnh thì tín nhận nên mệnh lệnh cho Thanh văn.

2) Phật và Bồ-tát đức cao trọng vọng chúng có nghi hỏi không thể tự hiểu hết, nên Phật và Bồ-tát không nói Đại pháp, mệnh lệnh Thanh văn thì có nghĩa dưới kế nên mệnh lệnh nói.

Hỏi: Vì sao ngài Long Thọ không theo ý Pháp Hoa giải thích mệnh lệnh nói ư?

Đáp: Xét giáo trước chưa được khai giáo sau, giáo sau thì được khai giáo trước, Long Thọ chỉ đương giáo nói về nghĩa cho nên nói như thế. Lại thật có nghĩa nầy do đó giải thích. Giáo sau khai trước là bảo người Tiểu thừa mà nói Đại Pháp có hai ý nghĩa:

1) Được thầm giáo hóa người Tiểu thừa.

2) Được hiển giáo Bồ-tát. Nếu bảo với Bồ-tát mà nói Đại pháp thì chỉ được hiển giáo Bồ-tát không được thầm giáo hóa Nhị thừa, "Phải gắng dụng tâm không khiến sót mất", dụng tâm gọi là thuận pháp tùy căn cơ, không khiến sót mất gọi là chớ trái lý sai căn cơ, mật nêu đại pháp sẽ là đảm nhiệm những vật trước đây nên có lời răn này.

"Lúc ấy cùng tử"...: Nhận lời dạy bảo mà nói. Văn nầy có hai ý:

1) Lãnh lời Phật.

2) Không biết ý Phật.

Nghĩa là không lãnh thầm hóa, lãnh biết các vật: Phẩm tựa, đầu tiên Thân tử bạch Phật, nhờ ba phẩm mà Thiện Cát bắt đầu nhận lời bảo. Sở dĩ vâng lệnh là do Phật không bảo sai nên theo lệnh mà nói. "Mà không có ý mong cầu lấy của đáng chừng một bữa ăn". Phật nói: khuyên Bồ-tát mà ý ở Thanh Văn, nay chỉ lãnh lời nói kia chưa biết là vật của mình nên không thể theo ý. "Nhưng chỗ ở của cùng tử vẫn như cũ tâm chí thấp hèn cũng chưa bỏ được": ở trên nói không nhận lấy Đại thừa, đây là nói chưa bỏ Tiểu tâm.

Hỏi: Đại phẩm giao phó tài sản định ở trước Pháp Hoa phải không?

Đáp: Phần đầu rõ ràng ở trước Pháp Hoa, vì sao biết? Vì luận Trí

Độ chép: Đức Phật mười hai năm đầu chưa chế giới đã nói Bát-nhã. Kinh Nhân Vương chép: Phật thành đạo hai mươi chín năm mới nói kinh Bát-nhã. Kinh này nói hơn bốn mươi năm mới nói Pháp Hoa, cho nên biết Đại Phẩm phần đầu ở trước Pháp Hoa.

Ngài Long Thọ giải thích Phẩm Nhất định rằng: Tu-bồ-đề nghe trong Bát-nhã nói về Bồ-tát có lui sụt. Lại nghe kinh Pháp Hoa chép: Tất cả đều thành Phật. Do hai kinh trái nhau cho nên quyết chọn nơi Phật. Do đó hỏi rằng: Bồ-tát ấy là nhất định hay không nhất định? Đức Phật đáp: Bồ-tát ấy là nhất định, tức lấy Pháp Hoa làm thật nói, nếu vậy thì phần sau Đại Phẩm ở sau Pháp Hoa. Cho nên Long Thọ chép: Bát-nhã chẳng phải một hội một thời nói.

"Lại trải qua ít lâu sau": là rèn luyện tiểu tâm. Sở dĩ phải nói thí dụ đây là vì Nhị thừa nghe Đại Phẩm đã không ngộ, vì sao đến thời Pháp Hoa mới giải ư? Cho nên cần nói về Đại Phẩm về sau các kinh Phương Đẳng rèn luyện tâm kia, khiến cho Tiểu tâm dần dân ưa thích đại đạo, đến thời Pháp Hoa mới được tỏ ngộ.

Hỏi: Phẩm này từ đầu đến cuối nói về bao nhiêu giáo ư?

Đáp: gồm có năm cặp mười giáo: Đốn tiệm một cặp: trước hóa độ con không được gọi là Hoa Nghiêm đốn giáo. Từ đội nước lạnh vào mặt dụ nói thừa trời người đến giáo Pháp Hoa gọi là tiệm nói Đại thừa tức đốn tiệm một cặp. Đốn giáo hóa thẳng đến Bồ-tát tiệm giáo hóa chung hai loại Bồ-tát. Trong phẩm này nói về chánh hóa người hồi Tiểu nhập Đại: Y cứ vào Tiệm giáo thừa trời người gọi là giáo thế gian, từ thuê con hốt phân đến hết Pháp Hoa là giáo xuất thế gian, tức một cặp thế, ra đời. Căn cứ theo xuất thế gian thuê con hốt phân dụ gọi là giáo Tiểu thừa giao phó tài sản gọi là giáo Đại thừa, tức một cặp Đại Tiểu. Trong giáo Đại thừa giao phó tài sản, bảo rèn luyện tiểu tâm nầy là hai mật giáo Thanh Văn, Pháp Hoa trở đi là hiển giáo Thanh văn gọi là một cặp hiển mật. Căn cứ theo Mật giáo giao phó tài sản, bảo nói khiến người Tiểu thừa nói Đại pháp để hóa độ người Tiểu thừa gọi là tự giáo, rèn luyện tiểu tâm nói về người Đại thừa nói đại phát để giáo hóa người Tiểu thừa gọi là tha giáo tức tự tha một cặp. hai giáo tự tha gọi là thầm giáo, Phó chúc gia nghiệp là hiển giáo. Năm cặp mười giáo đây chẳng những lãnh Thích-ca nhất hóa mà còn nhiếp chung pháp môn của Chư Phật mười phương.

Hỏi: Ban đầu giáo hóa cùng tử không được, phải dùng bao nhiêu thứ giáo môn điều phục tâm kia sau được nhập Pháp Hoa?

Đáp: Ban đầu giáo môn Hoa Nghiêm đây dạy thẳng đến Bồ-tát

khiến nhập Phật thừa, từ Hoa Nghiêm về sau dựa theo ý phẩm này từ đầu đến cuối gồm có bốn giáo điều phục người hồi Tiểu nhập Đại mới được nhập nơi tuệ Phật.

Nói bốn giáo:

1) Nước lạnh đội vào mặt tức giáo trời người, khiến cho kia ba lìa đường ác.

2) Thuê con hốt phân nói Giáo Nhị thừa khiến lìa phiền não phàm phu.

3) Giao phó tài sản, mật hóa.

4) Rèn luyện tiểu tâm.

Hai thí dụ nầy để giáo hóa Nhị thừa đồng khiến lìa phiền não của Nhị thừa. Sở dĩ chỉ nêu hai dụ đây, vì đại pháp hóa gồm có hai môn:

1) Khiến người Tiểu thừa nói Đại thừa để hóa độ người Tiểu thừa, thì giáo giao phó tài sản gọi là tự giáo.

2) khiến Đại sĩ nói Đại mà hóa người Tiểu, nghĩa là từ Đại Phẩm về sau các kinh Phương Đẳng gọi là tha giáo. Trong tất cả Đại thừa chỉ có hai việc nầy cho nên dùng hai việc nầy điều phục tiểu tâm kia rồi sau đắc ngộ Nhất thừa.

Hỏi: bốn giáo đây điều phục tiểu tâm đắc ngộ Nhất thừa, thì bốn giáo đây đều là phương tiện nhập Nhất thừa, nếu vậy bốn giáo lẽ ra đều là phương tiện nói giáo?

Đáp: Không đúng! hai giáo trước là giáo phương tiện cho nên mượn giáo phương tiện ngộ nhập Nhất thừa, thì dùng giáo phương tiện là Nhất thừa phương tiện, hai giáo sau đều là Đại thừa tức là giáo chân thật, chỉ mượn giáo chân thật ngộ nhập Nhất thừa, cho nên dùng giáo chân thật làm phương tiện nhập Pháp Hoa.

“Cha biết ý chí con lần đã thông thái:” là thí dụ giao cho gia nghiệp. Văn chia làm ba:

1) Cha biết con có chí lớn.

2) Chánh uỷ phó gia nghiệp.

3) Lãnh giải vui mừng.

Đầu có hai câu: Câu một nói đại căn cơ động. Câu hai: tự chê tâm ngày trước: nói Tiểu tâm thay đổi khác với trên trong giao phó tài có hai:

1) Không lấy đại.

2) Không bỏ tiểu.

“Đến giờ sắp chết ông gọi con đến”: là chính là nói Pháp Hoa, văn chia làm bốn:

1) Nói về thời gian.

2) Nhóm chúng chứng minh.

3) Kết hợp cha con.

4) Giao cho gia nghiệp.

"Đến giờ sắp chết": là thời gian giao phó tài sản. Xưa chép: đức Như lai ba mươi tuổi thành đạo tám mươi tuổi diệt độ thời gian năm mươi năm nói, kinh đây gần dần đến Niết-bàn, cho nên Phẩm Vô Lượng Thọ chép: Nơi Thành Già-da thành đạo đến nay hơn bốn mươi chín năm. Các Sư đều nói bốn mươi chín năm nói kinh Pháp Hoa. Nay nói về nếu nói Pháp Hoa chắc là bốn mươi chín năm thì Đức Phật chẳng phải mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo. Làm sao biết? Nếu mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo thì từ lúc xuất gia về sau trải qua mười hai năm mà Kinh và Thích Luận nói đêm Thái tử vượt thành xuất gia là La-hầu-la đản sanh; nếu vậy vì sao biết mười hai năm ư! Lại các kinh đều nói sáu năm khổ hạnh, nếu mười hai năm thì trong thời gian đó làm gì? Lấy đây mà suy ra thì chẳng phải mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo, nếu chắc mười chín tuổi xuất gia thì hai mươi lăm tuổi thành đạo, Phẩm Tuổi thọ lẽ ra nói hơn năm mươi năm không nên nói hơn bốn mươi năm. Nay y Thích Luận dẫn Kinh nói ta năm hai mươi chín tuổi xuất gia, nếu vậy tức ba mươi lăm tuổi thành đạo, mà phẩm Thọ Lượng nói hơn bốn mươi năm tức hợp với văn kia. Nếu nói Kinh Giáo khác nhau thích hợp duyên mà thấy thì đây là thời gian không nhất định. Đã gần đến Niết-bàn như nghĩa qua đời.

"Ông gọi người con đến": là nhóm chúng chứng minh tức trong phẩm Tựa nêu các việc. Nhóm họp chúng Nhị thừa như gọi con đến, Kinh này phần đầu chính vì Thanh văn cho nên nói vì các Thanh văn nói Kinh Đại thừa tên là "Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp". Vì thế nói là gọi người con đến. Lại nữa, Phật xuất định bảo Xá-lợi-phất tức là gọi người con đến. "Và hội cả thân tộc". Quốc Vương: Là Đa bảo phân thân. Đại thần: Là các chúng Bồ-tát. Sát lợi: chúng chư thiên. Cư sĩ: Là vua người v.v... không nêu chúng Thanh văn: tức gọi con đến là chúng Thanh văn.

"Ông liền tự tuyên bố rằng:" là kết hợp cha con chính là nói Pháp Hoa. Văn có ba câu:

1) Đầu tiên là cha con.

2) Giữa đường lạc nhau.

3) Cha tìm được con.

Đây là nói lược mười thí dụ ba việc từ đầu đến cuối. "Người này

là con ta." Là nói Thanh văn vốn là Phật tử. "Của ta sanh ra: Ngày xưa, vì nói giáo Đại thừa sanh hiểu biết Đại thừa tức lấy câu sau giải thích trên nói là con. "Ngày trước trong thành nọ": là nói giữa đường lạc nhau. "Trôi nổi khổ sở": là tu hành không chánh đáng. Hơn năm mươi năm: là lưu lạc trong năm đường và Tu-la "Nó vốn tên ấy": nghĩa là xưa thọ hóa xưng tên. Ta tên ấy: là xưa năng hóa xưng tên ấy. "Xưa ta ở thành này lòng lo lắng tìm kiếm": là nói tìm được con: Câu đầu nói không được, xưa lý pháp Đại thừa gọi là thành này cũng là quê cũ suy tìm đại căn cơ cũng chưa thuần thục. "Bỗng ở đây gặp được nó": là chính nói về được con". Nó thật là con ta ta thật là cha nó.

Hỏi: Trên đã nói đây là con ta do ta sanh ra, nay vì sao lại còn nói ư?

Đáp: Thanh Văn vốn chẳng phải hạt giống Phật nay bỗng nói là con thì dường như phương tiện nói cho nên lặp lại có lời nói thật, lại trước nêu ban đầu làm cha con nay muốn giao phó tài sản cho con nên lặp lại nói thật là con ta.

"Nay ta có..." là chánh giao cho gia nghiệp. Tức lãnh trên trao ký cho Thân tử, đạo hợp căn cơ thuần thục nghĩa là cha con định pháp tài đại nghiệp thảy đều giao phó. Các duyên khác chúng sanh một hiểu một mê hoặc đều giao lại cho người nối tiếp, cho nên nói trước đây của cải cho ra thâu vào con ta đây coi biết, lại trước đây của cải cho ra thâu vào chính chỉ cho thời Đại Phẩm. Lúc bấy giờ tuy bị thâu vào xuất ra con chưa biết biết là việc của mình. Nay biết cho nên nói con ta đây trông coi.

"Khi đó gã cùng tử v.v..." là lãnh giải hoan hy.

Ông Trưởng giả giàu có đó v.v... là hợp thí chỉ hiệp năm thí dụ.

1) Làm cha con.

2) Giữa đường thất lạc.

3) Dẫn dụ trở về nhà.

4) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.

5) Gửi gắm gia nghiệp.

Sở dĩ chỉ hiệp năm: Vì ban đầu làm cha con là kết duyên ban đầu cho nên phải hiệp. Trái hóa bị lưu lạc trong sanh tử, vì giữa đường thất lạc cũng phải hợp, ba thí dụ sau là đức Thích-ca một kỳ ra đời đại tiểu hiển mật giáo môn đầu cuối cũng cần phải hiệp, các thí dụ khác đã hiển rõ không cần hợp. "Thế tôn! Ông phú Trưởng giả đó": là hiệp nghĩa cha chúng con đều giống như con của Phật: là hiệp nghĩa con. Bồ-tát là con chân thật Nhị thừa chẳng phải con chân thật cho nên nói giống như. Lại

quá khứ mới học Đại thừa địa vị tu hành còn nông cạn cho nên nói đều giống như con Phật, nếu được chân thật vô sanh mới là con thật. “Như lai thường nói chúng con là con”. Giải thích trên nói đều giống như con Phật. Như lai thường nói chúng con là con; chẳng phải con tự xưng. Lại Phật nhẫn chiếu biết chúng con trước bẩm thọ Đại thừa mà trái hóa nên vào trong năm đường, nay lại được ngộ tuy còn mê ngộ luân hồi mà chưa bao giờ chẳng phải con nên nói là thường thuyết.

“Thế tôn! Chúng con vì ba thứ khổ”: là hợp thí dụ giữa đường thất lạc. Trái lý Đại thừa về sau gồm có hai việc:

1. Thọ khổ ba cõi.
2. Ưa đắm Tiểu thừa.

Cho nên, luận Trí độ chép: Bồ-tát thoái có hai việc:

1. Tham ba cõi.
2. Ưa Tiểu thừa.

Vì ba món khổ tức tham đắm ba cõi nên thọ ba khổ. Nói ba khổ:

1. Khổ khổ.
2. Hoại khổ.
3. khổ Hành.

Có người chép: Khổ thọ là khổ trong khổ nên lặp lại tên khổ. Có người nói tâm là thể khổ, duyên bức ngặt sanh khổ, thể đầy đủ hiệp nói nên gọi là khổ khổ. Các sự phân theo Luận Tỳ-đàm chép: cõi Dục là khổ khổ, cõi Sắc là khổ hoại, cõi Vô sắc là khổ hành. cõi Dục tuy đủ ba khổ nhưng cõi Dục có khổ thọ nên gọi là khổ khổ, cõi Sắc không có ngoài ép ngặt khổ sanh chỉ có khổ khi quả báo hoại, cõi Vô sắc chẳng những không có ngoài ép ngặt sanh khổ mà quả báo hoại giữ khổ cũng không hiển chỉ có vô thường sai khiến nên khổ. Xét rằng có nặng thì có nhẹ, thì cõi Dục đầy đủ ba khổ, cõi Sắc đủ hai khổ, cõi Vô sắc chỉ 1 khổ. Luận Câu-xá căn cứ ba thọ giải thích ba khổ, khổ thọ là khổ khổ, do khi khổ thọ sanh, khổ khi khổ trụ, do hai thời khổ nên thọ trọng khổ gọi là khổ khổ; lạc thọ là khổ hoại, do khi lạc thọ sanh khi không khổ trụ thì không khổ, chỉ hoại thì khổ cho nên gọi khổ hoại. Xả thọ gọi là khổ hành, xả thọ ba thời khổ đều không hiển rõ chỉ có vô thường, ép ngặt cho nên nói khổ hành. “Mê hoặc không hiểu biết”: là ưa Thích-các pháp Tiểu thừa. Khi còn phàm phu thọ ba khổ mà không biết ra khỏi, nay nhàm chán ba cõi không cầu Đại thừa mà ưa đắm Tiểu thừa. Sở dĩ đắm ưa Tiểu pháp: chính là do mê hoặc không biết cho nên như.

“Ngày nay đức Thế tôn”: là hợp dẫn dụ trở về nhà. Trên có hai:

1. Lãnh hai giáo.

2. Lãnh hai thân, nay văn chuyển thế hiệp, chỉ lãnh giáo, không còn lãnh thân.

Căn cứ lãnh giáo chia làm hai:

1. Chánh lãnh quyền giáo.

2. Giải thích nghi.

Lãnh quyền giáo trên có bốn, nay chỉ hiệp nói giáo và tín nhận. Ban đầu văn hiệp trên nói giáo. "Chúng con ở trong đó v.v..." là hiệp trên tín nhận. "Nhưng đức Thế tôn..." là giải thích nghi, nghi rằng đã là cha con ân tình, vì sao chỉ khiến hốt phân không cho sự vui mầu nhiệm vì vậy nên giải thích rằng Đức Phật biết tâm ưa thích Tiểu thừa, không thọ đại hóa, vì thế Phật không nói Đại thừa cho nghe mà trao cho Tiểu giáo. Văn nầy có hai ý: Biết căn tình nên ẩn đại không nói. "sẽ có phần bảo tàng" tức kinh Niết-bàn dụ cô gái nghèo, kho báu v.v... "Dùng năng lực phương tiện:" là nói trao Tiểu thừa. "Nói bày trí tuệ của Như lai": trí tuệ Như lai tức là Nhất thừa cho nên đối với nhất Phật thừa phân nói riêng ba. "Được giá một ngày" là Tiểu thừa quả thấp như một năm làm thuê một ngày thù lao trả công.

"Chúng con lại nhân trí tuệ của Phật": là hợp thí dụ giao phó tài sản hóa. Trên có cha giao phó và con thọ nhận nay chỉ hiệp con thọ. Trong con thọ đầy đủ hợp lãnh cha nói không biết ý cha. "Dùng năng lực phương tiện thuận theo chúng con mà nói pháp": là nói thời trước giao phó tài sản. Đức Phật biết con ưa tiểu pháp không được hiển giáo Đại thừa nên chỉ được dùng năng lực phương tiện mật hóa.

"Ngày nay chúng con mới biết đức Thế tôn v.v..." hợp thí dụ phó chúc gia nghiệp. Văn trên có ba:

1. Biết con có chí lớn.

2. Trao cho gia nghiệp.

3. Lãnh giải vui mừng.

Nay chỉ hiệp hai: Nghĩa là trao cho gia nghiệp và được gia nghiệp vui mừng. "Mới biết đức Thế tôn đối với trí tuệ của Phật không có lẫn tiếc: Xưa thấy Phật riêng dùng tuệ Phật vì Bồ-tát nói, không vì Nhị thừa nói thì cho rằng Phật đối với Nhị thừa lẫn tiếc trí tuệ, nay được lãnh ngộ mới biết Phật không lẫn tiếc. Vì sao? Là nêu ba việc giải thích Phật không lẫn tiếc:

1. Con xưa có đại căn cơ liền vì nói đại, do xưa không có đại căn cơ nên Phật không vì nói đại là biết Phật xưa không lẫn tiếc.

2. "Trong kinh này chỉ nói Nhất thừa", do Phật nay vì con nói Nhất thừa cho nên biết Phật không lẫn tiếc.

3. Mà xưa Phật ở trước Bồ-tát chê trách Thanh văn": Nói xưa khen ngợi đại quở trách tiểu tức vì con nói pháp Nhất thừa, chỉ vì con không biết cho rằng Phật lẫn tiếc. "Vì thế nên chúng con nói v.v..." là hợp thí dụ lãnh giải vui mừng.

Như chỗ nên đắc của Phật tử đều đã đắc: sở đắc của Phật tử gồm có ba việc:

1. tâm Bồ-đề.

2. hạnh Bồ-tát.

3. Vị lai đắc Phật đạo, nay đều được đầy đủ ba việc.

Bấy giờ, ngài Ma-ha Ca-diếp v.v... nói kệ.

Hỏi: Vì sao văn xuôi ở đầu nêu Thiện cát nay lại nói Ca-diếp nói kệ ư?

Đáp: Thiện Cát Ca-diếp đều có 1 khả năng, Thiện Cát có công chuyển giáo, Ca-diếp có dụng trì pháp do đó hai người trước sau nêu xen lẫn.

Hỏi: Đại Phẩm không nói về Ca-diếp chuyển, nay trong kệ vì sao Phật bảo chúng con nói đạo tối thượng ư?

Đáp: Trên đã thông, lại Ca-diếp, Thiện Cát khác miệng đồng lời, Ca-diếp nói kệ tức Thiện Cát nói.

Lại nữa luận Trí Độ nói Bát-nhã có hai thứ:

1. Nói riêng cho Bồ-tát.

2. Vì Ba thừa cùng nói.

Đại phẩm thì nói là cùng nói, Ca-diếp tuy không nói mà đại loại cũng như Thiện Cát cho nên được gọi là Ca-diếp nói.

Hỏi: Nghĩa xưa cũng nói về Đại Phẩm là giáo giao phó tài sản có gì khác với nay?

Đáp: Có ba thứ khác:

1. Xưa chỉ nêu Đại phẩm là giao phó tài sản không hợp cha con, nay nói về Đại Phẩm có giao phó tài sản có hợp cha con. Nói hợp, như trên dẫn việc Tất định để giải thích.

2. Xưa nói về Đại Phẩm cạn Pháp Hoa sâu, nay nói về hai kinh không khác, chẳng những hai kinh không khác mà tất cả kinh Đại thừa đồng nói một đạo đồng vì Bồ-tát như Trưởng giả gia nghiệp từ đầu đến cuối không khác, chỉ nói chẳng phải con đúng là con là có khác.

Hỏi: Tức nói con là sâu không nói là cạn vì sao không khác?

Đáp: Vốn dùng Trưởng giả gia nghiệp dụ cho lý Đại thừa, gia nghiệp đã chẳng khác thì biết lý Đại thừa không khác, nhưng Nhị thừa tại hội Bát-nhã đại căn cơ chưa thuần thục cho nên không được nói là

con như năm trăm Thanh văn ở tòa Hoa Nghiêm không được nói kia là con, có thể nói Hoa Nghiêm cạn Pháp Hoa sâu ư? 3/ Pháp Hoa, Bát-nhã như nhãn và mục hai tên khác: Pháp Hoa hợp cha con tức là Bát-nhã hợp cha con.

Kệ có bảy mươi ba hàng rưỡi tụng lại hai đoạn văn xuôi:

1. Hai bài đầu tụng pháp nói.

2. Kế bảy mươi mốt bài rưỡi tụng thí nói.

Trong pháp nói có hai:

1. Nêu xưa mê.

2. Trình bày nay ngộ, nay chỉ tụng ngộ không tụng mê.

Hai bài kệ chia làm hai: kệ đầu nói nghe pháp nên vui mừng. Kệ kế nêu thấy người được thọ ký nên vui mừng, cũng đầu là hiện vui mừng sau là dự vui mừng.

"Ví như gã đồng tử v.v..." tụng thí nói. Trong văn có ba:

1. Xin nói.

2. Khai thí.

3. Hiệp thí. Nay chỉ tụng hai thứ sau.

Khai thí có mười, nay chỉ tụng tám thí dụ, không tụng đội nước vào mặt và rèn luyện tiểu tâm. Trên nêu cha con có bốn phen: Đầu nêu con có ba nghĩa:

1. Nghĩa làm con.

2. Giữa đường thất lạc.

3. Con dần hồi trở về quê, nay tụng đủ, chỉ giống như tùy theo trên chuyển thế là khác.

Ban đầu nói về con có hai nghĩa:

1) Lúc làm con.

2) Khi thất lạc cha.

Con dần hồi trở về quê tụng ở sau. Nửa bài đầu nói về làm con. Đồng tử: là dụ cho sơ phát tâm Bồ-đề. Thơ bé: là nêu gốc lành yếu đuối, không biết: là ở trên nói hiểu Tiểu thừa, nay nói hoặc nhiều. Kế một hàng tụng giữa đường thất lạc. "Cha gã con lòng buồn nhớ" là tụng về cha ở trên. Văn xuôi nói cha có ba:

1) Khi làm cha.

2) Khi lạc con.

3) Trong nước đó dừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con.

Nay kệ vì giống như thuận theo nên vượt lên tụng lặp lại nói về cha vào nhà lửa. Nay văn tụng chia làm bốn: ba văn như trên. Thứ tư là khổ nhớ con. Hai chữ "cha gã" tụng trên là nghĩa cha. Buồn nhớ v.v...

là tụng trên lạc con. bốn phương: là bốn loài. Con lạc cha mà gọi là năm đường, cha lạc con là căn cứ bốn loài bởi xen lẫn hiện văn! “Tìm kiếm đó đã mỏi v.v...” tụng trên: dừng nghỉ ở một ngôi thành để đợi con, Văn xuôi có bốn:

1) Hóa xứ.

2) Hóa chủ.

3) Giáo môn:

4) Đồ dùng, nay tụng đủ.

“Liền nghỉ ở một thành” là tụng hóa xứ. “Xây dựng nên nhà cửa” là nêu thùy ứng thành Phật tụng hóa chủ. Không làm mà chẳng phải không làm nên nói xây dựng, che phủ chúng sanh gọi là nhà, lại thùy ứng tự ở cũng là nhà, năm đường đều hóa cạn sâu tùy căn cơ gọi là năm dục, đến nhân gian độ chúng sanh gọi là lạc là tự vui. “Nhà ông giàu có lớn v.v...” là khen ngợi hóa chủ. Văn nầy đại ý đối với con thất lạc cha nên nghèo cùng, khen ngợi cha thất lạc con mà giàu có. Nói Thanh văn mất Đại thừa nghèo cùng, Phật đắc Đại thừa nên giàu sang, do sự khen chê nầy khiến chúng ưa Đại mà chê Tiểu.

Chấp văn chia làm ba:

1) Nêu cha giàu có lớn.

2) Khen ngợi cha sang trọng.

3) Kết thúc cả hai nghĩa giàu và sang.

Giàu và sang mỗi thứ đều nói ba việc: ba việc giàu là:

1) Trong nhiều châu báu.

2) Ngoài nhiều voi ngựa xe cộ ruộng đất và tôi tớ nhân dân.

3) Xuất nhập thâu lời lãi đến khắp các nước khác.

Nay tán thá trong giàu tức là trong đầy đủ các đức. “Voi ngựa trâu dê v.v...” đây khen ngợi ngoài giàu gọi là giáo môn. Tôi tớ nhân dân v.v... cũng là khen ngợi ngoài giàu nghĩa là đồ chúng được hóa. Xuất nhập thâu lời lãi: Trên nêu giàu một nước, nay nói giàu khắp các nước, cũng là nghĩa các chúng được độ của đức Thích-ca. “Khách thương người buôn bán”: Người buôn bán gọi là hành thương, ngồi buôn bán nghĩa là người bán vật, người buôn bán nghĩa là người mua vật. Ở đất Trường An gọi buôn bán là cổ.

“Ngàn muôn ức chúng hội:..” là khen ngợi cha sang cũng có ba việc:

1) Nửa hàng là nói về chúng gần gũi.

2) Nêu Phật mười phương nhớ tưởng.

3) Nửa bài nêu mười phương Bồ-tát đồng tôn trọng.

"Vì có các sự duyên..." một hàng tổng kết nghĩa giàu sang. Vì giàu sang đầy đủ nên người qua lại rất đông, phó duyên là qua, thọ đạo là lại. Số kia nhiều như cát bụi nên gọi là chúng. "Mà tuổi đã già nua lại càng buồn nhớ con"... là tụng ở trên lặp lại nghĩa cha.

Trên có hai chương:

1) Khổ nhớ con.

2) Vui nếu được con, nay chỉ tụng chương đầu.

"Bấy giờ gã cùng tử..." là lặp lại tụng con. Văn xuôi nói về con có ba nghĩa:

1) Làm con.

2) Lạc con.

3) Dần trở về quê.

Ban đầu đã tụng hai thứ kia, nay kế tụng thứ ba con dần hồi về quê. Sở dĩ trở về ở đầu mà đặt ở nay tụng là muốn nói có gần xa ba thời:

1) Hướng về nước.

2) Đến thành.

3) đến nhà.

Vì giống như tùy theo cho nên chuyển thế tụng. Nửa trên tụng đầu là rong ruổi bốn phương để tìm cầu ăn mặc" là tụng hướng về nước; "Từ ấp này đến ấp khác" là kệ tụng đến thành, nhưng gốc lành có hai thứ:

1) Loại bằng nhau sanh nhau như từ ấp này đến ấp khác từ nước này đến nước nọ.

2) Loại cao hơn sanh nhau như từ ấp đến nước. Văn xuôi hiển rõ loại cao hơn, nay nói về loại bằng nhau. "Hoặc có khi được của hoặc có lúc không được", hành thiện nhân đắc thiện quả là có khi được hành nhân vô ký không đắc quả gọi là có lúc không được, lại định đắc quả là có khi được, duyên sai khác không đắc quả gọi là có lúc không được. "Dói thiếu hình gầy ốm"; ưa quả không được đầy đủ gọi là đói khát, phước nhân không thể tự mạnh gọi là gầy gò. "Thân thể sanh ghẻ lác": trên là nói thiện ít, nay nói hoặc nhiều, ngoài thì bị sự chê bai, trong thì bị các hoặc che lấp.

"Lần hồi làm thuê mướn": v.v.... cha con thấy nhau dụ có hai:

1) Tụng con thấy cha.

2) Tụng cha thấy con.

Trong phần con thấy cha văn xuôi có ba:

1) Nêu lý do thấy cha.

2) Chính là nói về thấy cha.

3) Tâm sợ hãi đi tránh, nay tụng đầy đủ.

Lúc ấy ông Trưởng giả... Tụng chánh thấy cha... văn xuôi có sáu câu: nay chỉ tụng ba:

1) Một hàng tụng hóa chủ.

2) Nửa hàng tụng đồ chúng.

3) Một hàng tụng giáo môn.

Đây là nói pháp chân chân thật cho người nghe vì thế ba việc nên tụng. Trong môn: khí lý trống rỗng thông suốt gọi là môn cửa Trưởng giả đã ở trong cửa nói lên lý cùng tử ở ngoài. “Quyến thuộc đều vây quanh”. Tụng văn xuôi nói Bà-la-môn là người đăng Địa trở lên. “Đông người đứng hầu hà: tụng văn xuôi nói lại dân và tôi tớ là người Địa tiền. “Hoặc có người tính toán”. Là nói giáo môn chẳng phải Trưởng giả tự tính toán chính là người sai khiến. Khi mới thành đạo bảy xứ tám hội gia bị Bồ-tát nói tức là việc ấy. Tính toán: nói về nghĩa nhiều ít, như năm mươi hai vị sâu cạn khác nhau, lại như sơ địa trăm pháp minh môn, Nhị địa ngàn pháp môn... chú ký (biên chép): hiện tại hành nhân, vị lai đắc quả. Tính toán: là nói về nói pháp. Biên chép: gọi là thọ ký. “Cùng tử thấy cha v.v...” là tụng con thấy cha tâm sợ hãi trốn đi”. Hỏi thăm xóm nghèo nàn: “lúc bấy giờ, Đức Phật chưa nói giáo cho trời người, chỉ có căn cơ trời người xin Phật nói giáo cho trời người như hỏi thăm xóm nghèo nàn. “Lúc bấy giờ Trưởng giả v.v...” tụng cha thấy con.

Trên có ba câu:

1) Chỗ thấy con.

2) Thấy con liền biết.

3) Thấy con vui mừng.

Nay chỉ tụng hai không tụng thấy con vui mừng. Khi mới thành đạo chưa nói là con cho nên nói im lặng mà biết.

“Ông liền sai sứ giả v.v...” Tụng thí dụ gọi con không được. Trên có hai:

l) Gọi con không được.

2) Dứt hóa. Nay chỉ tụng trên gọi con không được, trong đó lại có hai: a) Chánh gọi con không được. b) Bắt ép lôi kéo đem về. Nay chỉ tụng đầu, nửa hàng chánh là gọi con, một hàng rưỡi tụng không có căn cơ không thọ. “Cần gì đồ ăn mặc khiến tôi đến thế này”. Cần gì vui cõi trời người tiểu thiện mà khấu lấy đại thánh.

“Trưởng giả biết con mình...” là dẫn dụ đem về nhà. Trên có hai:

1) Lãnh hai giáo.

2) Lãnh hai thân.

Nay tụng đủ. Trong hai giáo có bốn: nay chỉ tụng hai:

1) Ba hàng tụng nói giáo.

2) Một bài tụng tín nhận.

Ba hàng đầu chia làm hai:

1) Một hàng nói không có đại căn cơ.

2) Hai hàng chính là nói Tiểu giáo. "Chẳng chịu tin lời ta v.v..." không tin thật giáo. "Chẳng tin ta là cha v.v..." là không tin thật thân. "Ông liền dùng phương tiện..." nói Tiểu giáo. Trước đã sai người hầu bên gọi con không được nên nói lại sai hai người khác. "Mắt chột thân lùn xấu": là dụ Nhị thừa thấy không, hữu đều không đúng. Kinh Niết-bàn nói thấy Bồ-tát có tám tướng thành đạo gọi là Nhị thừa thấy xiêu vẹo nghĩa là thấy có không đúng. Lại nói nếu dùng tâm Thanh văn Bích-chi-phật nói không bố thí gọi là phá giới tà kiến nghĩa là thấy "không" chẳng đúng. Chỉ vượt qua ba trăm do tuần chí không xa nên gọi là lùn, không đắc Trung đạo chánh quán chỉ là dứt tâm thường hành gọi là (lậu) xấu.

Ngoài không có công cứu vật như không có oai, trong không có tâm cứu vật gọi là không có đức. Luận Nhiếp Đại thừa nói Nhị thừa không có ba đức:

1) Không có đoạn đức, chỉ dứt hoặc chướng không trừ trí chướng

2) Không có trí đức nghĩa là không có Nhất thiết trí.

3) Không có ân đức, là không thể cứu khắp chúng sanh. "Gã cùng tử nghe rồi..." tụng tín nhận ở trên.

"Sạch sẽ các phòng nhà": sáu căn chẳng phải một như các phòng nhà, trừ phiền não trong sáu căn như sạch sẽ. "Trưởng giả trong cửa sổ v.v..." Tụng trên hai thân: Trên có bốn:

1) Chiếu căn cơ.

2) Ẩn bổn, thùy tích.

3) Nói giáo.

4) Được lợi ích, nay tụng ba trước không tụng một sau.

Hàng đầu tụng thứ nhất, kế kệ tụng thứ hai. "Phương tiện lần gần gũi: "tụng nói giáo thứ ba. Trên có bốn: khuyên răn, tăng giá, an ủi, khen ngợi. Nay chuyển thế cũng bốn ý: hai ý giống trên, thứ ba là nói khổ, thứ tư là nói dịu dàng. "Như con thật của ta..." lời xưa gọi ông là nhỏ "Và cho dầu xoa chân v.v..." Người nước ngoài làm việc chân hay bị nứt nên dùng dầu xoa, là dụ đắc sáu thông mà chân không đạp đất. "Đồ ăn uống đầy đủ thêm đệm chiếu đầy ấm"; Người làm việc chắc đói lạnh nay ban cho họ no ấm, định tuệ vô lậu như cơm áo, giới dùng

an thân như dày ấm.

Ông Trưởng giả có trí v.v... là giao phó tài thầm hóa. Trong văn có hai:

1) Cha giao phó.

2) Con thọ. Nay hai bài tụng, cha giao phó, một bài tụng con thọ. “Trải qua hai mươi năm....” Đắc quả La-hán sau mới bảo nói Bát-nhã, như hốt phân rồi mới giao phó tài, thì biết khi bảo nói còn trú nơi Nhị thừa nên nói trải qua hai mươi năm.

“Cha biết tâm của con...” là giáo phó gia nghiệp. Ở trên nói cha có ba:

1) Biết con có chí lớn.

2) Giao phó gia nghiệp.

3) Được giao nghiệp vui mừng.

Nay tụng đủ.

1. Nửa bài tụng thứ nhất.

2. “Muốn giao tài vật cho...” tụng giao cho gia nghiệp, trên có bốn: a) Thời tiết gọi là lý do giao phó tài. b) Triệu tập chứng minh. c) Kết hợp cha con. d) Giao phó gia nghiệp, nay không tụng một trước chỉ tụng ba sau. Một hàng đầu tụng triệu tập chứng minh.

“Ở trong đại chúng này...” là tụng thứ ba kết hợp cha con, văn trên có ba:

1) Đầu làm cha con.

2) Giữa chừng thất lạc.

3) Lúc cha tìm được con, nay tụng đủ. Nửa bài tụng thứ nhất. Một hàng tụng thứ hai. Nửa bài nói về năm tuổi bỏ cha, nửa bài kệ dưới nói năm tuổi thấy con.

Hỏi: Bẩm thọ giáo trời người cũng là thấy con. Vì sao chỉ nói thực hành giáo Nhị thừa là hai mươi năm ư?

Đáp: Nhị thừa chính là Phật tử, trời người chẳng phải là Phật tử, cho nên trong năm thứ Phật tử gọi là bốn quả và Duyên giác không nói trời người.

“Xưa ở thành nọ...” là cha tìm được con, nửa hàng trên là nói về ngôi thành lạc con, nửa bài kệ dưới nói về nơi được con. “Phàm của cải ta có...” chính là giao phó tài vật.

“Người con nhớ xưa nghèo v.v...” là Được gia nghiệp vui mừng. Lại chia làm ba: Nửa bài đầu nêu xưa nghèo, kế hàng nêu nay giàu, nửa hàng sau nói vui mừng, ba môn đều có hai: Môn đầu có hai:

1. Xưa nghèo.

2. Ý chí thấp kém.

Môn có hai: nửa hàng đầu nói trong giàu, nửa hàng sau nêu ngoài giàu. Môn ba có hai:

1) Lòng rất vui mừng.

2) Được điều không hề có.

"Đức Phật cũng như thế" v.v... là hợp thí, trong văn xuôi hiệp năm thí:

1) Hiệp làm cha con.

2) Hiệp giữa chừng thất lạc.

3) Hiệp dẫn dụ trở về nhà.

4) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.

5) Hiệp giao cho gia nghiệp.

Nay cũng hiệp năm chỉ chuyển thế tụng.

1) Hiệp dụ gọi con không được.

2) Hiệp dụ dẫn trở về nhà.

3) Hiệp giao phó tài vật mật hóa dụ.

4) Rèn luyện tiểu tâm.

5) Giao cho gia nghiệp.

Đầu văn có một hàng kệ: Nửa bài trên nói có tiểu căn cơ, nửa bài kệ dưới nêu không nói đại pháp. Văn kế có một hàng: nửa hàng trên nói đắc tiểu pháp, nửa bài kệ dưới biện thành người Tiểu thừa. "Đức Phật bảo chúng con..." là giao phó tài thầm hóa. Nay căn cứ thí dụ nầy chia làm ba.

1) Hiệp giao phó tài sản mật hóa.

2) Hiệp rèn luyện tiểu tâm.

3) Cùng nêu xưa Đức Phật không hiển nói Đại thừa.

Hiệp đầu văn chia làm hai:

1) một bài kệ hiệp cha giao phó tài.

2) Hiệp con thọ nhận.

Trong phần cha giao phó ấy: Nửa bài trên giao phó Bát-nhã là đạo trên hết, nửa bài kệ dưới nói tông giáo Bồ-tát chỉ Bồ-tát biện thành Phật, nói về Bồ-tát hiển giáo và thầm hóa Thanh văn đều thành Phật. Vì Đại Phẩm giáo tông chẳng phải ý Ba thừa thông giáo. "Chúng con vâng lời Phật v.v..." là tụng con thọ nhận. Trước văn có hai:

1) Lãnh cha nói.

2) Không biết ý cha, nay lãnh đủ.

Y cứ lãnh cha nói, lại chia làm bốn:

1) Một bài rưỡi chánh là nói nhận mệnh lệnh chuyển giáo.

2) Kế một bài là nói Bồ-tát ngộ đạo.

3) Một hàng nói Phật thọ ký cho Bồ-tát.

4) một bài rưỡi kết Đại Phẩm giáo chỉ nói cho Bồ-tát không nói cho Nhị thừa.

"Như gã cùng tử kia v.v..." có ba hàng tụng không biết ý cha, ba hàng tức ba:

1) Thí nói.

2) Hiệp thí.

3) Giải thích chẳng phải mong cầu.

"Chúng con diệt bên trong:" gồm có ba nghĩa:

1) Căn cứ Đại Tiểu thừa nói về trong ngoài. Đại thừa diệt đủ trong ngoài ba cõi, Tiểu thừa chỉ diệt trong ba cõi cho nên gọi là nội diệt.

2) Bồ-tát đến cứu giúp chúng sanh trong ngoài đều diệt, Nhị thừa chỉ diệt tự hoặc không diệt tha hoặc cho nên gọi là nội diệt.

3) Căn cứ dư, vô dư nói về diệt trong ngoài kiết nghiệp đã mất thì sanh tử vị lai tận, nhập vô dư thì đối ngoài sông núi mặt trăng mặt trời cũng tùy phần được diệt, nay trụ hữu dư chưa đắc vô dư nên nói nội diệt.

"Chúng con dầu có nghe pháp tịnh cõi nước Phật" v.v... là rèn luyện tiểu tâm. Văn chia làm hai:

1) Chấp chặt Tiểu thừa không ưa nhân Đại thừa.

2) Nói chấp chặt tiểu không ưa đại quả.

Sở dĩ chỉ nêu hai thứ nầy vì các kinh Phương đẳng, sau giáo Đại phẩm là rèn luyện tiểu tâm. Gồm có hai thứ:

1) Dùng nhân Đại thừa rèn luyện.

2) Dùng đại quả rèn luyện, cho nên nay chỉ nêu hai thứ.

Văn đầu chia làm hai:

1) Nói không ưa nhân Đại thừa.

2) Giải thích.

Hỏi: Vì sao văn nầy lại hợp thí dụ rèn luyện tiểu tâm?

Đáp: Chương trước nói về vì người khác nói Đại thừa. Văn nầy nói từ người khác mà được nghe Đại thừa cho nên biết là các kinh Đại thừa sau giao phó tài sản.

Vì sao? Kệ giải thích không ưa Đại thừa. Không hề có Đại Tiểu, đây là người Thành luận nói Thanh văn là không, sư Thành Luận không thể theo ý này cho là xét rõ Đại thừa. Bởi trong giáo Tiểu thừa tự có hai nói. Tỳ-đàm nói ngộ người không chỉ đắc nông cạn, Thành luận ngộ pháp Không thì đắc sâu xa.

Hỏi: Thành luận cũng nói pháp không có gì khác với Đại thừa hay không?

Đáp: Nói lược bốn sự khác nhau:

1) Đại thừa nói về người pháp bổn tánh không, Tiểu thừa nói về phân tích pháp không, cho nên Đại thừa là chân không Tiểu thừa chẳng phải chân không, Phẩm Phương Tiện chép: Niết-bàn Tiểu thừa chẳng phải chân diệt, các pháp từ xưa nay tướngg thường tự vắng lặng, Niết-bàn Đại thừa mới là chân diệt, diệt đế tức không, diệt đã có chân, ngụy không cũng vậy.

2) Tiểu thừa chỉ nói về người pháp không trong ba cõi, nghĩa không tức ngắn, Đại thừa nêu trong ngoài ba cõi đều không, nghĩa không tức dài.

3) Người Tiểu thừa chỉ thấy Không, chẳng thấy bất Không, người Đại thừa thấy đủ Không và bất không nên gọi là Trung đạo, do không có các hệ lụy chẳng thể nói có, có đối với các đức chẳng thể nói không, chẳng có chẳng không tức Trung đạo.

4) Người Tiểu thừa nhập không thì mất có, ra có thì mất không. Vì vậy, cho nên thủ xả hành tâm hai kiến đoạn, thường. Trung luận chép: Nếu có chỗ thọ pháp thì rơi vào đoạn thường, nên biết chỗ thọ Pháp hoặc thường hoặc vô thường, người Đại thừa không hoại giả danh mà nói thật tướng cho nên tức có mà thường không, không động chân tế mà kiến. Lập các pháp, tức không mà thường có nên không rơi vào đoạn thường gọi là trung đoạn quán.

Hỏi: Đại thừa ở địa vị nào được đều quán?

Đáp: Sư luận Thành Thật nói: Lục địa chưa đều, Thất địa học đều, Bát địa chân thật đều, nhưng kinh Anh Lạc nói: Sơ địa đã quán đều tức. Luận sư Thành Thật giải thích rằng: Phàm phu chấp có, Nhị thừa đắm chìm không, nay Sơ địa đối với chấp nầy cho nên nói đều, thật ra chưa đều quán. Tuy nói Bát-nhã đều nhưng chiếu trí Không cuối cùng tự bốn dứt. Trí xét hữu có muôn tượng khác nhau, Không hữu thường khác nhau, do đâu mà đều?

"Chúng con từ lâu nay..." là nghe quả đức của Phật không sanh tâm ưa thích. Văn có hai: Một hàng chánh là nói không ưa quả đức; kế ba hàng giải thích chấp tiểu, nên không ưa đại. ba hàng lại có ba ý:

1) Nửa bài cho rằng Tiểu thừa là rốt ráo công đức ngang bằng với Phật nên không thích đại.

2) Một hàng rưỡi nói các việc làm đã xong nên không ưa Đại.

3) Một hàng nói báo ân đã xong nên không ưa Đại. Nương giáo

đắc quả là pháp cúng dường, hai bài trước nói việc làm đã rồi, đây nói ân báo đã trọn nên không cầu tiến. "Chúng con dầu lại vì các Phật tử ấy..." giải thích phó chúc tài thầm hóa và rèn luyện tiểu tâm ý hai thí dụ. Văn chia làm hai:

1/ Một bài rưỡi lặp lại thí dụ giao phó tài sản, lược không nêu rèn luyện tiểu tâm.

2/ Bài kệ thứ hai là nói Đức Phật xưa biết chưa có đại căn cơ chỉ được mật nói nên không hiển nói chỉ khuyên học Đại thừa.

"Như ông Trưởng giả giàu v.v..." bài tụng nầy nói về giáo phó gia nghiệp. Trong văn xuôi có hai:

1) Giao cho gia nghiệp.

2) Được gia nghiệp vui mừng, nay tụng đủ.

Tụng đầu giao cho gia nghiệp lại có hai:

1) Một hàng rưỡi nêu cả hai thí dụ.

2) Một hàng rưỡi hợp cả hai thí dụ. Sở dĩ hợp cả hai: đây là khai hai tướng nên nêu đầu để thành sau.

"Liền dùng năng lực phương tiện v.v..." Nếu chọn riêng tức là thí dụ thứ bảy dẫn dụ về nhà; nói thí dụ Nhị thừa gọi là phương tiện, cho nên trong văn chép: Muốn dẫn dụ người con mà lập ra phương tiện. Nếu luận chung phương tiện: từ Nhất thừa hóa liền không được nên sau dùng bốn giáo làm phương tiện, nghĩa là thừa trời người cho đến rèn luyện tiểu tâm, như trên giải thích. Lại hiệp bốn giáo nầy cũng được làm ba phương tiện.

1) Nhân thiên thừa gọi là phương tiện thế gian.

2) Nói Nhị thừa tức là phương tiện xuất thế gian.

3) Giao phó tài sản mật hóa rèn luyện tiểu tâm gọi là phương tiện Đại thừa, đây tức là ba phẩm hạ trung phương trên tiện điều nhu tâm kia rồi sau mới ngộ nhập Nhất thừa.

Hỏi: Đây cùng năm thời giáo thứ tư có gì khác nhau ư?

Đáp: Văn Pháp Hoa tự phân rõ điều này chẳng phải người xuyên tạc, mà không đồng với xưa. Xưa nêu Bát-nhã và các kinh Phương Đẳng đều kém hơn Pháp Hoa cho nên là phương tiện của Pháp Hoa, nay nói các Bồ-tát... trong Bát-nhã đều đã đắc ngộ, Thanh Văn độn căn nhờ Bồ-tát giáo làm duyên được ngộ nên nói phương tiện chẳng phải đại phẩm chưa cứu kính mà gọi là phương tiện. Cho nên văn trước chép: Bát-nhã là mật tạng của Chư Phật, chỉ vì Bồ-tát mà nói bày sự thật kia, tức kia làm chứng. Người của năm thời giáo cho rằng Phật trong các kinh Bát-nhã, Tịnh Danh, Pháp Hoa đều chẳng rốt ráo, nay nói về ba giáo Phật đều rốt

ráo. Người khác chép: Hoa Nghiêm Nhất thừa, Pháp Hoa Nhất thừa sâu cạn có khác nhau, nay nêu hai thứ không khác, chỉ đầu nói Nhất thừa hóa con không được, sau nói Nhất thừa hóa con mới được, không được và được nghĩa có khác nhau, nói về lý Nhất thừa kia không khác.

"Đức Phật cũng như vậy v.v..." một hàng rưỡi hợp cả hai thí dụ. "Chúng con ngày hôm nay v.v..." tụng trên lãnh giải vui mừng. Văn chia làm hai:

1) Một bài rưỡi nói chung được lợi ích.

2) "Thế tôn nay chúng con ..." năm hàng rưỡi nói riêng được lợi ích.

Văn nầy chia làm hai:

1) Ba hàng nêu được lợi ích pháp.

2) Hai bài rưỡi nêu được lợi ích về người.

Ba hàng kệ đầu chia làm ba: Hàng đầu nói đắc tuệ lợi ích. Đắc đạo và chứng quả... xưa đắc đạo đạo đế, quả diệt đế, nay đắc Đại thừa đạo quả, như Đại Phẩm chép: pháp hữu là đạo Bồ-tát, là quán vô sanh diệt, pháp không là quả Bồ-tát nghĩa là thật tướng các pháp.

Hỏi: Vì sao gọi là quán vô sanh diệt?

Đáp: Xưa nói diệt hoặc sanh giải là quán sanh diệt, nay biết hoặc vốn không sanh cũng không diệt tức gọi quán vô sanh diệt tức là đạo quả.

"Đối với pháp vô lậu được tuệ nhãn thanh tịnh..." Ngày xưa hợp "Không" dứt hoặc, cho đến Tỳ-đàm thấy hữu dứt hoặc gọi là vô lậu, nay nói về Nhị thừa đều là tâm đoạn thường đều gọi là hữu lậu; nay được chánh quán bình đẳng mới là vô lậu gọi là nhãn thanh tịnh. Ngày xưa người Nhị thừa đoạn thường do tâm nên nhãn không thanh tịnh tại hội Hoa Nghiêm cũng như người mù điếc, nay được liễu ngộ đồng nhập pháp giới. "Chúng con từ lâu nay" v.v... là nói về đắc giới quả trước trì tịnh giới được tiểu giải thoát, nay ngộ Nhất thừa được đại giải thoát. Giải thoát là quả của giới cho nên lấy giải thoát làm giới quả.

Hỏi: Trước trì tiểu giới vì sao nay đắc đại quả?

Đáp: Đức Phật xưa khiến trì tiểu giới vì muốn chúng sanh ngộ đại cho nên tiểu giới là nhân ngộ, đại là quả. Như kinh Thắng-man chép: Vì Đại thừa nên nói sáu xứ gọi là Ba la Đề mộc Xoa xuất gia thọ giới cụ túc, chánh pháp trụ, chánh pháp diệt v.v...

"Trong pháp của Pháp vương..." có người nói lấy chung tất cả giới làm phạm hạnh, riêng gọi dứt dâm là phạm hạnh, cho nên Đại Phẩm chép: Dâm dục ngăn cản sanh Phạm thiên huống gì là Bồ-đề! Nay nói

trước đã nói về giới quả, nay nêu định quả, trước thực hành tiểu hạnh đến tiểu Niết-bàn, nay ngộ bình đẳng đến đại Niết-bàn. "Chúng con ngày hôm nay..." ba hàng trước tức là pháp ba học thứ lớp, nay nói về lợi ích cho người. Đầu tiên kệ nói quả trí nghĩa là vì người nói pháp, sanh tuệ cho người. Kế một hàng rưỡi nói quả đoạn, nghĩa là thọ sự cúng dường cả người khác sanh phước cho người. Lại trước kệ nói tự làm thí chủ pháp, chúng sanh làm ruộng phước, kệ sau nói về tự làm ruộng phước chúng sanh làm thí chủ, vì sao? Vì đầu xả Tiểu thừa đoạn thường nay tin Trung đạo có khả năng làm ruộng phước cho hai thừa trời người. Như Đại Phẩm chép: Thân Tử hỏi Bồ-tát trụ ở địa vị nào làm ruộng phước cho Nhị thừa. Đức Phật đáp: Từ khi sơ phát tâm đã làm ruộng phước cho Nhị thừa rồi.

"Ân lớn của Thế tôn..." là khen ngợi Đức Phật ân sâu khó báo. Kinh này từ đầu đến cuối có mười ân Phật:

1) ân kết duyên chung: nghĩa là Đức Phật khi mới phát tâm lập bốn mở rộng thệ nguyện, cho nên phẩm Phương Tiện chép: Ta xưa lập thệ nguyện, muốn cho tất cả chúng sanh như ta không khác, hàng ba căn Thanh văn nhập nguyện như biển của pháp môn này, đó gọi là ân kết duyên chung.

2) Ân kết duyên riêng: ở đời quá khứ vì nói Đại thừa từng làm cha con gọi là ân kết duyên riêng.

3) Ân tùy theo hóa: các con quán yếu điên đảo mạnh nên trôi dạt trong sanh tử xoay chuyển trong các nước trải qua hơn năm mươi năm, đức Như lai thuận theo sanh tử mà giáo hóa cho, nên nói "người cha lo lắng tìm cầu bốn phương", gọi là ân tùy theo hóa.

4) Ân ẩn bổn thùy tích: Như lai xưa chứng pháp thân thường lạc ngã tịnh vì các con có đạo duyên nên đến chỉ bày cho tu hành thành Phật, vì thế chép: trong nước đó dừng ở một thành để đợi con, gọi là ân ẩn bổn thùy tích.

5) Ân tư duy cứu giúp: khi mới thành đạo ba tuần đầu suy nghĩ muốn cứu giúp, tâm đại bi sâu nặng, gọi là ân tư duy cứu giúp.

6) Ân bỏ sâu nói cạn: khi mới thành đạo đã biết chúng sanh không có khả năng thọ tuệ Phật sâu xa nên vì hàng trời người nói pháp nông cạn, tức có thể vì hạng hạ liệt để nói việc cao thượng này v.v... gọi là ân ẩn sâu nói cạn.

7) Ân quyền dẫn dụ: cởi áo quí giá mặc áo thô xấu, vì nói Nhị thừa dần ngộ nhập đại, đó là ân quyền dẫn dụ.

8) Ân giao phó tài sản mật hóa.

9) Ân rèn luyện tiểu tâm.

10) Ân giao cho gia nghiệp.

Văn chia làm hai:

1) Nêu hai chương làm ân và báo ân.

2) Giải thích hai môn, bài kệ trước nêu chương môn làm ân, nửa bài kệ sau là nêu chương môn báo ân. "Tay lẫn chân cung cấp" là giải thích. Trước giải thích báo ân vì kế cận nghĩa trước, kế giải thích ân.

Căn cứ đầu có hai:

1) Một hàng nói về cung kính, cúng dường. Nửa bài trên nói về cung kính, nửa bài kệ dưới nên cúng dường.

2) Một hàng là giải thích cung kính.

Kế ba hàng nêu giải thích cúng dường. Trong hai hàng rưỡi kệ nói rộng về nghĩa cúng dường, kế nửa hàng nói thời gian lâu xa đều không thể báo. "Chư Phật thật ít có v.v..." giải thích ân. Lại có hai: hai bài nêu ân thần thông luân, kế bốn hàng rưỡi nói về ân nói pháp luân. Lại trước là đại bi ân, sau là đại từ ân. Lại đầu là ân ẩn bổn thùy tích, kế là ân ẩn thật giáo mà nói quyền giáo, ân tuy có mười mà lược gồm nhiếp không có nói hai thân bổn tích, hai giáo quyền thật. "Nhẫn việc cao thượng đó v.v..." Đức Phật từ lâu chứa nhóm Đại thừa vì chúng sanh độn căn cho nên bỏ qua không nói. Như Tịnh Danh chép: Đức Thích-ca ẩn chứa vô lượng công đức, dùng pháp người nghèo ưa thích để độ thoát chúng sanh.

Năm Giáp Ngọ niên hiệu Vĩnh nhân, hai mươi tám đời nối dõi từ mẹ ruột Đạo Tôn đến chị gái Diệu Pháp cùng con gái Kỷ thị, cháu gái Đồng thị hiệp sức đem khắc quyển nghĩa sớ vào ngày kỷ niệm thứ mười ba người mẹ lớn quá cố, hầu mong báo hiếu cho đến cầu nguyện tất cả chúng sanh đồng hiểu diệu lý như như mà thôi!

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 8

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ NĂM

Sở dĩ có phẩm này bắt đầu tập Hoa Nghiêm tập họp đến cuối trước hội Linh Sơn gọi là khai hiáo năm thừa, từ đầu kinh này đến cuối phẩm Tín Giải hợp năm thừa qui về một thừa. Nay một phẩm đây nêu dụ giải thích đầy đủ nghĩa khai hiệp. Từ một đất sanh, một trận mưa thấm nhuần tức dụ chí lý không hai cho nên hiệp năm thừa để qui một, mà các cây cỏ đều có sai khác, nghĩa là tùy căn tánh năm thừa nói năm thứ giáo môn gọi là khai, nếu chỉ khai mà không hợp thì được giáo mà mất lý, nếu chỉ hiệp mà không khai thì được lý mà quên giáo. Cho nên, nay nêu tuy khai mà hiệp, tuy hiệp mà khai; tuy hiệp mà khai, một mà thường năm, tuy khai mà hiệp, năm mà thường một, đủ biết khai hiệp lý giáo mới thành. Vì thế, dùng phẩm này giải thích thành nghĩa Nhất hóa khai hiệp. Nhưng tuy khai mà hiệp, hiệp gọi khai hiệp, tuy hiệp mà khai, khai gọi hiệp khai, hiệp khai tức chẳng khai, khai hiệp tức chẳng hiệp, cho nên chẳng khai chẳng hiệp chẳng năm chẳng một mà gương làm khai hiệp. Nên văn dưới chép: rốt ráo Niết-bàn thường vắng lặng tướng cuối cùng trở về “Không”: Vì các pháp thể chân thật nên gọi là diệu, không bị các bên làm ô nhiễm nên gọi là hoa sen.

Kế là luận Pháp Hoa nói rõ ý phẩm này: Nhà lửa dụ cho phá bệnh của phàm phu, cùng tử dụ cho phá bệnh Nhị thừa, mây mưa dụ cho phá bệnh Bồ-tát. Bồ-tát nghe trên nói chỉ có Nhất thừa liền cho rằng rốt ráo không còn Ba thừa phương tiện, đây tức là được thật mất quyền, còn thể quên dụng. Nhưng biết quyền mới chính là ngộ thật, thấu đạt dụng mới xét thấy thể. Đã không biết quyền thì cũng không ngộ thật tức quyền thật đều tan, thể dụng đều mất. Vì trị bệnh này nên nói về tuy từ một đất sanh ra, một mưa thấm nhuần mà các cây cỏ đều có sai khác, tuy chí lý không hai mà ở duyên có năm, vì thế nghĩa quyền thật thành tựu, thể dụng mới nói lên. Kinh này đã gọi là “Giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ

niệm”, cho nên khiến Đại sĩ lìa bệnh phàm phu Nhị thừa và bệnh Bồ-tát mới gọi là giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ niêm.

Kế là dựa theo ý thuật thành tựu sanh khởi phẩm này tức là: Một phẩm Thí dụ chính là nói về nói giáo, Phẩm Tín Giải nói về trung căn lãnh giải, nay một phẩm này là Như lai thuật sự thành tựu. Thuật thành là nói theo dụ, tất cả cây cỏ gồm có hai nghĩa:

1) Không biết đồng.

2) Không biết khác.

Không biết đồng nhau là không biết từ một đất sanh, một mưa thấm nhuần. Không biết khác là không biết cây cỏ tự có khác nhau. Nếu như có một bụi cỏ tốt lành năng biết đồng khác tức là loại đặc biệt; người bẩm thọ giáo cũng có hai điều mê:

1) Không biết lý đồng.

2) Không biết duyên có khác, mà Ca-diếp là người năng biết lý đồng, năng biết giáo khác chính là người đặc biệt. Cho nên văn dưới chép: Như cỏ cây kia không tự biết tánh thượng trung hạ của chính nó.

“Ca-diếp! Các ông rất là ít có có thể biết Như lai tùy nghi nói pháp hay tin hay nhận: cho nên nêu ra mây, mưa cỏ thuốc thuật thành Ca-diếp lãnh giải. Nếu đối chiếu Ca-diếp ở Phẩm Tín Giải nói mười thí dụ, mười ân khen ngợi công đức Phật cũng còn chưa hết, nên lại nói thí dụ mây, mưa, cỏ, cây rộng khen ngợi Như lai thật vô phương đại dụng cứu giúp khắp lợi ích chúng sanh, khen ngợi không thể hết nên nói phẩm này. Nếu để giải thích thành Phẩm Tín Giải: trên nói về mười thí dụ mười ân, vô lậu vô vi là vua các pháp có thể vì kẻ hạ liệt nhẫn việc cao thương đó, tức thời chúng cho rằng bắt đầu Phật quá khứ đến cuối cùng ở hội nầy, Đức Phật thật là khổ nhọc dụng quyền khéo léo cho nên nay nói Như lai tuy thuận theo theo mà vô tâm quyền biến. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm chép: Vô tâm đối với kia đây mà năng ứng khắp tất cả. Cho nên nay nói thí dụ mây mưa vô tâm để giải thích thành tựu Phẩm Tín Giải.

Nói Phẩm Dược Thảo Dụ: Dược là gọi chung tên thuốc trong các cây cỏ để trị bệnh, thảo là tên riêng của hình cây, mà nói cỏ thuốc là nêu cả hai chung riêng. Chỉ nói cỏ thuốc không nói cây thuốc: là nói cây hai là ít, thảo ba tức nhiều cho nên nói theo nhiều. Lại nay chính là nói người trung căn lãnh giải cho nên đề dụ cỏ thuốc không đề cây thuốc. Sở dĩ nêu dụ cỏ thuốc cho người trung căn gồm có ba nghĩa:

1) Lãnh thọ giáo được giải giải sanh thì có thể diệt hoặc, dụ như nghĩa cỏ thuốc trị bệnh.

2) Cỏ thuốc năng trị lành các bệnh cho người, dụ nghe giáo được giải tức thành Bồ-đề ắt có công cứu giúp.

3) Cỏ thuốc quí nhất trong các thứ cỏ nói lên tôn quí trong hàng Bồ-tát, khác với Thanh văn trên chưa được lãnh ngộ như cùng tử thấp kém.

Hỏi: Cỏ thuốc vô tình mà thấm nhuần, bẩm thọ giáo có tâm mà lãnh giải, sao xếp vào thí dụ?

Đáp: Muốn nói về nghĩa duyên giáo tương xứng, mây mưa vô tư mà tưới nhuần, cỏ cây vô tâm mà nhận, hoặc vô tư mà tưới thấm, hữu tâm mà nhận tức duyên giáo trái nhau do đâu lãnh giải cho nên nói căn bản vô tâm, hiển giáo vô tư. Có thể nói rằng nói pháp là không nói không chỉ bày, kia nghe pháp là không nghe không đắc, cũng nói như huyễn nói, nghe như huyễn nghe, không có nói mà hiển đạo, dứt nghe mà mưa hoa tức là việc ấy.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Văn nói pháp ấy không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng, nay ta đã chỉ bày tức không thể chỉ bày, tuy chỉ bày mà không nói, cũng là nghe không thể nghe, tuy nghe mà bặt nghe.

Hỏi: Thí Dụ cỏ thuốc, Hóa thành đều là nêu dụ. Vì sao nhà lửa gọi riêng tên Thí dụ?

Đáp: Chung đều xen lẫn được, mà riêng không khéo lệ nhất định, nhà lửa ở đầu cho nên gọi tên chung, các phẩm khác đều ở sau nên gọi tên riêng.

Hỏi: Văn nêu đầy đủ bốn việc mây, mưa, cỏ, cây. Vì sao chỉ đề tên Dược Thảo?

Đáp: nói theo văn: cỏ thuốc là trước dụ cơ cảm vào Thánh, mây mưa ở sau dụ cho hình và tiếng ứng vật, phải do cảm mới ứng cho nên từ đầu đặt tên. Lại nay nói trung căn lãnh giải cho nên đề tên Phẩm Dược Thảo, mây mưa không đúng nên không nói tên.

Hỏi: Nêu Dược Thảo để thuật thành cho nên nói Phẩm Dược Thảo, trên nói cùng tử do lãnh giải nên nói phẩm Cùng tử ư?

Đáp: Cùng tử có cả mê ngộ, nay nói tin hiểu nên dùng tên riêng. Cây cối chung cả thuốc độc, nay nói cỏ thuốc cũng đặt tên theo riêng.

Hỏi: Trên nói cùng tử tín giải, từ tín giải để đặt tên, nay nói Như lai thuật thành xếp vào tên ư?

Nay nói Phẩm Dược Thảo có thể bao hàm hai nghĩa:

1) Được thuật thành trung căn lãnh giải.

2) Nói rộng Phật giáo lợi ích vô biên. Thuật thành chỉ được thành

mà trước thiếu nghĩa sau cho nên không nói phẩm Thuật Thành.

Lại, lãnh giải đề tin hiểu căn cứ pháp đặt tên, thuật thành gọi là Dược Thảo căn cứ dụ làm tên, muốn cho cả hai pháp thí đều có không nên một loại đề đặt tên. Phẩm chia làm hai:

l) Thuật thành sở giải.

2) Rộng khen ngợi công đức của Phật.

"Phật bảo ngài Ma-ha Ca-diếp": Ca-diếp là bậc tôn quí trong người trung căn lại là chủ nói thí dụ cho nên bảo riêng. "Và các vị đại đệ tử:" là các vị Thiện Cát v.v... "Hay thay! Hay thay!" Thích Luận chép: Hai lần nói hay thay v.v... là rất vui. "Đúng như lời các ông vừa chép:" là hai lần khen thuật khéo nói việc kia Đúng như lời nói là ấn định đúng với sự thật. Nhưng khen ngợi có bốn trường hợp: Hoặc nói khéo mà việc không thật, hoặc việc thật mà nói không khéo, hoặc cả hai đều đầy đủ, hoặc cả hai đều không. Nay cả hai đều đủ. "Như lai lại có vô lượng công đức": là rộng khen công đức của Phật. Y cứ văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi chia làm hai:

1) Nói lược công đức của Phật vô tận.

2) Giải thích rộng công đức của Phật là vô cùng.

Trên nói khéo nói sự thật, bởi là tích một phương, hóa vô phương chưa hết, hóa vô phương, thì chẳng phải Ca-diếp có thể hiểu hết. Kinh Tịnh Danh nói Phật có ba danh hiệu, Thanh văn trong cõi Tam thiên Đại thiên như A nan tổng trì dùng tuổi thọ một kiếp còn không thể thọ trì huống chi là vô lượng hiệu. Hiệu còn như vậy huống chi là công đức. Vì sao? Vì pháp thân tức là thật tướng thật tướng vô biên nên công đức vô biên, ứng thân có các phương tiện của số chúng sanh... tức công đức cũng không hết được.

"Ca-diếp nên biết! Đức Như lai tự tại đối với các pháp" v.v... là rộng khen ngợi công đức của Phật vô cùng. Văn nầy có hai phần:

1) Pháp thuyết nói về, hai trí quyền thật.

2) Thí nói hình tiếng lợi ích chúng sinh.

Trong có hai trí không sâu xa nào không đến, ngoài có hình tiếng lợi vật bình đẳng vô tư, bởi tận cùng đến nguồn Thánh đức, tận cùng hóa công Như lai nên nói lược hai thứ nầy. Trong phẩm Tín Giải có mười dụ mười ân, nay Như lai đối với trên mà nói về tám pháp tám dụ. Nói tám pháp.

1) Vua các pháp.

2) Nói không dối.

3) Nói tất cả giáo.

4) Đồng nêu một lý.

5) Khen ngợi Phật có trí chiếu lý.

6) Khen ngợi Phật có khả năng biết căn cơ.

7) Khen ngợi Phật khéo biết giáo môn.

8) Khen ngợi Phật ứng căn cơ nói giáo.

Như lai tự tại đối với các pháp: trong mười dụ mười ân chỉ nói về hóa một phương tức chưa thể tự tại, nay nói tự tại đối với các pháp là biết vô phương giáo hóa. Nhưng tự tại đối với pháp gồm đầy đủ hai thứ:

1) Thể pháp tự tại.

2) Hóa dụng tự tại.

Đủ hai tự tại này gọi là Vua pháp "nếu có nói ra lời chi đều không hư đối". Là nêu lời phật nói không luống dối, đã siêu vượt kia khen ngợi nói giống như quá thật, cho nên nay nói thật. Nói thật sự nhiều lược có ba thứ:

1) Như lai thường y theo hai đế nói pháp nên không hư đối.

2) Năng dùng trí khéo léo đối một nói ba, nói ba ý chỉ để khuyên nhất lý nên đối lý là không dối. Lại đối vật thật lợi ích nên nói không dối.

3) Căn cứ vô phương giải thích, Như lai nói thật cũng thật, nói suông cũng thật, thuận nói cũng thuận, trái nói cũng thuận, do đều năng khai đạo năng làm lợi ích chúng sinh cho nên chẳng có gì không thật, chẳng có gì không thuận. Kinh Niết-bàn nói về bốn trường hợp: Đạo nói là đạo, phi đạo nói phi đạo, đạo nói phi đạo, phi đạo nói đạo. Dùng đạo tâm mà nói bốn câu, thì bốn câu đều là đạo, dùng tâm phi đạo mà nói bốn câu, bốn câu đều phi đạo. Cho nên kinh Tư ích chép: tất cả pháp chính là tất cả pháp.

"Đức Phật đối với tất cả pháp dùng trí phương tiện, mà giảng nói" v.v... là nói tất cả giáo. Sở dĩ nói tất cả giáo là trong nói mười dụ mười ân vì là giáo một phương, biện giáo còn chưa hết, cho nên nay nói về nói tất cả giáo mới gọi là cùng. Tất cả pháp: luận Trí độ chép: hữu vi, vô vi gồm nhiếp tất cả pháp, lại thức biết các pháp trí biết các pháp cũng thu nhiếp tất cả pháp. Lại nói năm pháp tụng thu nhiếp tất cả pháp. Ba đời vô vi và không thể nói, không thể nói tức là thật tướng các pháp, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi ngôn từ suy nghĩ đều bặt dứt. Chánh Lượng Bộ chép: Bất khả thuyết thứ năm ấy tức là mười bốn vô ký. Luận Địa Trì chép: bốn pháp nhiếp tất cả pháp nghĩa là thế đế và

thế đế trí, bậc nhất nghĩa đế và bậc nhất nghĩa đế trí. "Dùng trí phương tiện": Câu trên là nói giáo sở thuyết, nay nói trí năng nói, trí nghĩa là Bát-nhã, phương tiện, tức là Ủ-hòa. Hai thứ này là cha mẹ Chư Phật, là phương pháp cần thiết hóa độ chúng sanh cho nên nói nay chính dùng trí làm thể phương tiện làm dụng, cho nên dùng trí phương tiện nói tất cả pháp. Pháp của Phật nói đều đến địa nhất thiết trí là đồng nói giáo để nêu lý. Ở trên nói dùng trí phương tiện nói tất cả giáo tức là nói khéo diệu, câu này nói giáo nêu lý nghĩa là nghĩa sâu xa kia. Tuy dùng trí phương tiện nói tất cả pháp, đại tông cuối cùng đều trở về chánh quán nhất thiết trí. "Như lai thấy biết chỗ trở về của tất cả pháp..." là nói Phật biết tất cả pháp chung qui đến cùng cực. Văn nầy giải thích trên nói đều trở về địa nhất thiết trí. Do Như lai khéo biết lý không có thú hướng khác, nghiệm biết trước nói khác đều là đến nghĩa nhất thiết trí. "Cũng biết chỗ tâm sở hành của chúng sanh thông suốt vô ngại..." Câu này nói Phật khéo biết căn tánh. Đã biết lý một mà nói có muôn sai khác. Do thông đạt căn tánh người tùy theo sự thích nghi. "Lại đối với các pháp rốt ráo biết hết"; câu này là nói khéo biết pháp vượt, đối với trên thấu đạt căn tánh người. "Chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh": câu này ứng bệnh cho thuốc, không có căn cơ khác nhau.

"Thí như trong cõi Tam thiên đại thiên..." là Thí nói. Trước khai thí, kế hợp thí, nay dùng ba nghĩa giải thích văn thí dụ nầy:

1) Chia rộng có tám thí dụ.
2) Hiệp tám làm bốn thí dụ.
3) Hiệp bốn thành hai thí dụ.

Nói tám thí dụ:

1) Đất là năng sanh.
2) Cây cỏ là sở sanh.
3) Mây giăng.
4) Mưa rơi xuống.
5) Thọ sự thấm nhuần.
6) Thêm lớn.
7) Đồng một đất, một trên mưa.
8) Cỏ cây khác nhau. tám thứ nầy tức là thứ tư.

Trước có đất năng sanh, kế có cỏ cây sở sanh, do có cỏ cây cho nên mây giăng, trước đã giăng mây kế sẽ mưa. Đã có mây mưa thì cây cỏ thọ nhận, trước đã thấm nhuần sau liền thêm lớn, tuy có thấm nhuần thêm lớn nhưng đều do một mưa thấm một đất sanh ra, tuy năng sanh năng nhuận là một mà các cỏ cây mới có khác nhau, nên có thứ lớp tám

thí dụ này. Nhưng đủ tám thí dụ, nghĩa mới tròn đầy, nay lược hiệp: Đời quá khứ Phật giáo năng sanh như đất, sở sanh năm thừa hạt giống gốc lành như cỏ cây. Đã có hạt giống năm thừa cảm Phật ra đời cho nên như mây giăng, Như lai ra đời ắt nói chánh pháp kế nêu mưa rơi, chúng sanh ban đầu bẩm thọ Phật giáo vui mừng cho nên gọi là thấm nhuần. Đều nhờ lợi ích mà thêm lớn, chí lý không hai như một đất một mưa; đối với năm thừa được lợi ích khác nhau như cỏ cây khác nhau.

Kế hiệp tám dụ thành bốn: cặp đầu tiên là năng lạnh thọ, cặp thứ hai là sở lãnh thọ, cặp thứ ba là chánh lãnh thọ, cặp thứ tư là nói về đồng khác. Kế hiệp bốn dụ làm hai: Ba cặp đầu là lãnh thấm nhuần ví như ở giáo xưa, một cặp sau luận đồng khác ví như ở giáo nay.

"Thế giới Tam thiên đại thiên:" Có người nói đây dụ cho nơi chúng sanh trong năm thừa cư trú, dưới nói về cây cỏ dụ chúng sanh năng trụ trong năm thừa. Có người nói đất là năng sanh ví như tập nhân đời quá khứ, cỏ cây là sở sanh dụ cho tập quả đời hiện tại. Nay cho rằng mặt đất dụ cho Phật giáo đời quá khứ, Phật giáo vô tư năng sanh gốc lành cho chúng sanh ví như đồng mặt đất, cho nên văn dưới chép: Từ một đất sanh ra tức chứng minh kia. Hạt giống năm thừa được sanh ra ví đồng với cỏ cây, chỉ Phật giáo quá khứ rộng lớn vô biên ví đồng với thế giới Tam thiên đại thiên. Đây là đối với Ca diếp khen ngợi dấu tích một phương của Phật, nay muốn khen ngợi hóa vô phương cho nên nêu đại thiên làm dụ. "Núi sông, khe, hang, ruộng, đất: trên khen ngợi chung Phật giáo năng sanh, nay khen ngợi riêng năm thừa làm năng sanh. Có người mỗi mỗi dụ phối riêng nhưng nghĩa thường không giống, nay nên lược. "Sanh ra cây cối lùm rừng" là nói cây cối sở sanh. Trước năng sanh có hai: Đại thiên là chung, sông núi là riêng, nay sở sanh cũng có hai:

1) Chung;

2) Riêng.

Cây cối lùm rừng: là nói chung sở sanh. Lùm là gọi chung trăm thứ cây cỏ, cây là gọi chung các cây; cỏ nhóm lại thành lùm, lùm cây là rừng, đây dụ nói chung chúng sanh năm thừa. "Và các cỏ thuốc" nói riêng sở sanh, cỏ có công năng trị bệnh gọi là cỏ thuốc. Sở sanh riêng ấy là nhiều, mà đề nghiêng về lấy tên cỏ thuốc cũng như cỏ kia có công trị lành bệnh, nhiều lợi ích tức là nghiêng về người trung căn lãnh giải thành tựu Bồ-đề; trên nối dõi Phật dưới làm lợi ích chúng sanh. "Bao nhiêu giống loại tên gọi này sắc đều khác..." giải thích chung cỏ cây có nghĩa sai khác, giống là giống riêng, loại là phẩm loại, nói lược loại cỏ

có ba, loại có hai, hợp thí có thể biết. Tên gọi màu sắc đều khác nhau: Tên để gọi thể, sắc giống như ngoại hình, dụ chúng sanh năm thừa tên gọi khác nhau, thể tướng khác nhau.

"Mây dày bủa giăng": là nêu mây giăng. Trước nêu cỏ cây là hạt giống năm thừa tức năng cảm, do cảm mới có được ứng cho nên nối tiếp Chư Phật xuất thế, dụ như giăng mây tức là ứng. Mây dụ cho pháp thân.

1) Vô tâm mà ứng dụ như mây. Hoa Nghiêm nói về vô tâm với kia đây mà năng ứng tất cả.

2) Ứng thân thấm nhuần lợi ích ví như mây.

3) Năng ngăn nóng ví chung như mây.

4) Pháp thân vì nói vốn như mây, vì mưa vốn dụ như mây mà gọi là mây, tức lợi ích sâu nặng bủa giăng: Rộng lợi ích, trùm khắp Tam thiên Đại thiên thế giới: bình đẳng lợi ích khắp, như Hoa Nghiêm chép: Thân kia ngồi khắp tất cả đạo tràng tức là nghĩa có duyên đồng thấy. Kinh Niết-bàn chép: Mây gọi là hơi thở của rồng, bởi rồng có mây, do mây có mưa, do pháp nhân thùy ứng thân, do ứng thân mà nói pháp. "Đồng thời mưa rơi xuống khắp nơi thấm nhuần:" là nói thí dụ về mưa. Pháp, thí không trước sau cho nên nói đồng thời, lại nói có cảm đồng ứng lại như nhất thời, vì nói không nghiêng lệch cho nói rơi xuống lợi ích khắp vô biên nghĩa đồng thấm nhuần khắp. "Cây cối lùm rừng:" là nói thí dụ thọ nhận: Ban đầu lãnh thọ Phật giáo, tín nhận vui mừng gọi là thấm nhuần.

Văn chia làm ba:

1) nói chung thấm nhuần.

2) "Và các cỏ thuốc" là nói riêng thấm nhuần.

3) Gốc thân nhánh lá: là dụ bốn pháp tín, giới, định, tuệ. Ba loại cỏ đều có bốn pháp gọi là thượng trung hạ, tùy thượng trung hạ mỗi mỗi đều có sở thọ là tổng kết thấm nhuần.

"Một cụm mây tuôn mưa xuống:" là nói thí dụ thêm lớn, cũng có ba câu:

1) nói năng thấm là một.

2) Xứng theo chủng tánh: là nói giáo xứng duyên.

3) "Mà được sanh trưởng": chánh nêu sanh trưởng. Người chưa sanh gốc lành năm thừa thì khiến cho sanh, người đã sanh gốc lành năm thừa thì khiến cho thêm lớn, đều thành nhân năm thừa như hoa đều thành quả năm thừa như thật, sau hiệp trong thí dụ lại có nghĩa khác, hiện ở văn dưới. "Dù một đất sanh một trận mưa thấm nhuần": là nói

về năng sanh là thí dụ đồng nhau. “Mà các cỏ cây đều có khác nhau”. Là dụ sở sanh khác nhau. Ba thí dụ trước nói về giáo xưa đã rồi, giáo xưa tuy nhiều nhưng không ngoài ba thứ: Năng bẩm thọ, sở bẩm thọ và chánh bẩm thọ. Nay hai thí dụ nầy luận năng sanh là đồng, sở sanh có khác, tức là chí lý không hai đối duyên được lợi ích khác nhau. Sở dĩ luận đồng khác: Vì muốn phá hai bệnh xưa nay khen ngợi hai người. Phá hai bệnh xưa nay: Xưa người năm thừa chánh chấp giáo khác, không biết lý đồng, lãnh thọ nay nhất thừa giáo, người bèn chấp nghiêng về lý đồng không biết giáo khác, vì phá hai người này nên nói lý tuy đồng mà không mất giáo khác, tuy hiáo năm thừa khác mà chí lý thường đồng. Do đó văn chép: Tuy một cõi đất sanh một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ cây đều có khác nhau. Lại phá hai bệnh: Xưa người năm thừa không biết ở lý không hề có hai, không biết ở duyên không hề có một, vì phá bệnh này nên nói đối với đất mưa không hề có khác, cỏ cây không hề có một. Nay người lãnh thọ giáo Nhất thừa tuy biết chí lý không hề khác, mà không biết ở duyên chưa từ một, vì phá bệnh này nên nói đất mưa không hề khác, cỏ cây không hề một, Xưng tán hai người là:

1) Xưng tán Phật có khả năng biết đồng khác.

2) Xưng tán Ca-diếp có khả năng biết đồng khác.

Năng biết đồng: gọi là lý một. Năng biết khác gọi là giáo khác. Lại năng biết đồng ở lý không khác, năng biết khác là ở duyên thành khác.

“Ca-diếp nên biết! Đức Như lai cũng giống như vậy vậy:” là nói hợp thí. Chỉ hiệp bảy thí không hợp thí mặt đất, vì mặt đất là Phật giáo quá khứ, nay chính nói về pháp môn hiện tại cho nên lược không hợp. Căn cứ hợp bảy thí dụ chia làm hai chương:

1) Hợp năm thí dụ trước.

2) Hiệp thí dụ mưa đồng khác ở sau.

Do năm dụ trước nói về giáo xưa thí dụ sau nêu giáo nay nên chia làm hai đoạn hiệp.

Hợp đầu năm dụ lại chia làm hai:

1) Chánh hiệp năm dụ.

2) Nêu thí dụ rõ lại.

Căn cứ hiệp năm thí dụ trước chuyển thế nói về nghĩa và Thí nói khác nhau:

1) Dụ hiệp mây.

2) Dụ hiệp cỏ cây.

3) Dụ hiệp mưa.

4) Dụ hiệp thấm nhuần.

5) Dụ hiệp thêm lớn.

Sở dĩ cùng thí dụ vốn khác nhau là vì thí dụ vốn muốn nói về do cảm nên ứng, cho nên trước nói về cỏ cây sau biện mây mưa. Nay muốn nói về trước có Như lai ra đời xướng lên đức hiệu cho nên trước hiệp mây, chúng sanh nghe xướng đức hiệu cho nên đến chỗ Phật, nên kế hợp cỏ cây, chúng sanh đã đến chỗ Phật, Như lai liền vì họ nói pháp, nên kế hợp mưa, chúng sanh nghe pháp vui mừng nên kế hợp thấm nhuần, đều nhờ lợi ích nên kế hợp thêm lớn.

Văn hiệp mây lại chia làm hai:

1) Chánh nêu đức hiệu hiệp mây.

2) Khuyên vật đến nghe thọ.

Căn cứ đầu hiệp mây lại chia làm bốn:

1) Nêu hình hiệp mây.

2) Nêu chung tiếng hiệp mây.

3) Nêu hiệu bên ngoài hiệp mây.

4) Nêu đức bên trong hiệp mây. Nghĩa là hình tiếng trong ngoài nhiếp nghĩa tóm lược hết. Đầu tiên chính là nêu hình hiệp mây, kế thí dụ rõ. Dùng đại âm thanh, nói chung tiếng hiệp mây, kế cũng dùng dụ. “Mà xướng lời này”: Nêu hiệu bên ngoài hiệp mây, cho nên nêu mười hiệu: Dùng hiệu khiến thiên hạ đều biết là Đức Phật ra đời khác chín mươi sáu sư ngoại đạo. “Người chưa được độ thì làm cho được độ”; là nêu đức bên trong dùng hiệp mây. Trong nội đức trước nêu bốn mở rộng thệ là ở đây nói ý Như lai ra đời. Như lai sở dĩ ra đời: bởi xưa có bốn thệ nguyện, vì vậy nay nêu mười hiệu xuất hiện ở đời. Cho nên Tăng Triệu nói: kết Tăng na đối với người sơ tâm cuối cùng dùng đại bi phó nạn tức ý văn nầy. Kinh Anh lạc chép: căn cứ bốn đế lập bốn mở rộng thệ nguyện, người chưa vượt qua biển khổ thì giúp cho họ vượt qua biển khổ, cho nên nói người chưa độ khiến được độ. Chúng sanh nghiệp bị phiền não tập đế trói buộc muốn giúp cho giải thoát nên nói người chưa ngộ làm cho tỏ ngộ, người chưa an trong đạo đế khiến cho được an, người chưa đắc diệt đế Niết-bàn khiến cho được đắc. Hai thứ trước tức nguyện đại bi, hai thứ sau tức nguyện đại từ. “Đời nay đời sau Đức Phật đều biết đúng như thật”: Trên nêu bốn thệ nguyện xưa, nay nêu bốn đức, nhưng đức và nguyện đều hiệp mây, đều y cứ dụ để lập danh. Đức đầu tiên tức là ba đạt. Xét rằng muốn hóa vật thì phải biết căn tánh kia, căn tánh chúng sanh hành trong ba đời cho nên trước nêu ba đạt. “Ta là bậc nhất thiết tri tức là Nhất thiết trí”. Ba đạt chỉ biết có trí hữu vi

nên kế nói nhất thiết trí tức đủ biết tất cả pháp. “Bực nhất thiết kiến”: Nhưng người Nhị thừa lại có Nhất thiết trí, như Đại phẩm, phẩm Ba tuệ chép: Vì người Nhị thừa không có năm thứ mắt nên nói Nhất thiết kiến. “Là bậc Tri đạo bậc Khai đạo bậc Thuyết đạo”: tuy có các công đức trên, ý muốn chúng sanh nhập đạo nên kế là nói Đạo sư. Nhưng nói đạo là có cả tà chánh, thiện ác ở tâm gọi là tri, mở ra hai đường tà chánh gọi là khai, quanh co chỉ bày thông bít gọi là nói. “Các người hàng trời người...” là khuyên vật đến nghe nhận.

“Bấy giờ có vô số...” là hợp thí dụ cỏ cây tức nhận lời khuyên mà đến. “Lúc đó đức Như lai v.v...” là hợp thí dụ mưa rơi. “Chủng loại nhiều vô lượng”: là hiệp thấm nhuần chính do ban đầu nghe nói pháp tâm sanh vui mừng là thấm nhuần. “Khiến vui mừng được nhiều lợi ích”: hợp thí dụ tăng tưởng, câu này hiệp chung về tăng trưởng. “Các chúng sanh này nghe pháp rõ: là hiệp riêng thêm lớn có hai: Trước căn cứ lợi thế gian hiệp thêm lớn. “Hiện đời an ổn”: Do nghe pháp nên hiện đời chướng diệt thiện sanh được an ổn. “Đời sau sanh về chỗ lành”. Là nói sanh báo “do đạo mà thọ lạc”: nói báo đời sau. Nhưng văn này chung cà sanh báo hậu báo, mà tạm y theo hậu báo để nói. Do nghe chánh đạo cho nên cảm quả báo an vui, vì vậy nói do đạo thọ lạc. “Cũng được nghe pháp”: là nói được lợi ích ra đời, dùng hiệp thêm lớn cũng có ba câu: Đầu là văn tuệ, “lìa các chướng ngại” là tư tuệ. “Theo sức mình chịu được”: là tu tuệ.

Như mây lớn kia: Nêu thí dụ hiệp. Nay ở đầu là nói vềmây. “Mưa rưới nước khắp tất cả”: là nói về mưa. “Cỏ cây lùm rừng”. Là nói về cỏ cây. “Theo giống của mỗi thứ”: là nói được thấm nhuần. “Mỗi thứ đều được sanh trưởng”: thêm lớn, đều hợp với trên.

“Như lai nói pháp một tướng một vị v.v...” hợp đồng khác. Văn cũng có hai:

1) Chánh hợp đồng khác.

2) Nêu biết không biết.

Hiệp đồng khác dụ có hai:

1) Hiệp một cõi đất một trận mưa gọi là hợp đồng.

2) Hiệp mà các cỏ cây đều có khác nhau gọi là hiệp khác. “một tướng một vị:” Hiệp trên một cõi đất sanh, một trận mưa thấm. Một tướng gọi là một thật tướng hiệp một cõi đất. một vị gọi là một trí vị hiệp với trên một trận mưa, cho nên kệ dưới chép: “Vừng mây kia mưa xuống, nước mưa thuần một vị. “Nghĩa là tướng giải thoát” giải Thích-cả hai nghĩa một tướng một vị. Thoát khỏi năm trụ phiền não trói buộc

là tướng giải thoát, lìa nghiệp trong ngoài ba cõi gọi là tướng xa lìa, diệt quả khổ sanh tử gọi là tướng diệt: "rốt ráo đến Nhất thiết chủng trí:" là giải thích một vị trên. Lìa ba tướng trước, nên hệ lụy đều trừ hết, do lìa ba tướng nên soi chiếu đều tròn đầy, soi chiếu tròn đầy nên chẳng phải không có, hệ lụy đều hết nên chẳng phải có, tức là pháp Trung đạo. "Có chúng sanh nào": Hiệp trên: mà các cỏ cây có khác nhau". "Không tự hiểu biết": là nêu biết không biết.

Văn chia làm hai:

1) Đức Phật biết đồng khác chúng sanh không biết.

2) Khen ngợi Ca-diếp biết được đồng khác.

Tức là phá hai bệnh khen ngợi hai người. Căn cứ đầu lại có hai:

1) Chúng sanh không biết khác, Đức Phật biết khác.

2) Phật biết đồng, chúng sanh không biết đồng.

Đầu văn chia làm bốn:

1) Nói chúng sanh không biết.

2) Nói chỉ có Phật mới biết.

3) Kết thúc chỉ có Phật mới biết.

4) Kết thúc chúng sanh không biết.

Đầu tiên chép: "Tự mình không hay biết". Là bởi không biết lý đồng, đối duyên thành khác cho nên nói không biết. Nhưng chúng sanh năm thừa chẳng phải không biết năm thừa khác. "Vì sao? Vì chỉ có Như lai biết": là nói chỉ có Phật mới biết, mà nói vì sao ấy là nói Phật năng biết, giải thích thành chúng sanh không biết.

Trong đây nói về Đức Phật biết bốn pháp:

1) Biết bốn pháp.

2) Biết ba pháp.

3) Biết hai pháp.

4) Biết một pháp.

Biết bốn pháp chủng là chủng biệt, Ba thừa chủng loại khác nhau. Tướng là tướng mạo, như từ bi là tướng Bồ-tát, một mình an tĩnh là tướng Duyên giác, theo người khác nghe pháp là tướng Thanh Văn. Thể là thể Ba thừa, đạo chủng tuệ là thể Bồ-tát, nhất thiết trí là thể Nhị thừa, như phẩm Ba Tuệ nói. Tánh: là không thay đổi làm nghĩa, trước trí thể Ba thừa đều trú nơi phần mình không thay đổi lẫn lộn.

"Nhớ việc gì?" Nêu biết ba tuệ, nhưng ba tuệ khác nhau, hoặc dùng người Ba thừa làm ba tuệ, Thanh văn trí cạn như Văn tuệ, Duyên giác trí Tiểu thừa sâu là Tư tuệ, Bồ-tát tận lý như Tu tuệ, cũng đắc Ba thừa đều có Ba tuệ. Văn có ba phen:

1) Nói cảnh Ba tuệ.

2) Thể của ba tuệ.

3) Biện nhân của ba tuệ.

Tác ý chấp cảnh làm niệm (nhớ) tức Văn tuệ, trải tâm tư duy là Tư tuệ, thâm nhập là Tu tuệ. Gọi chung chữ "Việc" là lấy cảnh làm việc. Theo Tỳ-đàm người Ba thừa đồng quán cảnh tứ đế sanh ba tuệ, Tỳ-đàm nói văn tuệ chỉ duyên văn, tu tuệ chỉ duyên lý, tư tuệ hoặc khi duyên văn, khi duyên lý. Luận Thành thật nói chung quán 1 cảnh diệt đế, Đại thừa đồng quán một cảnh thật tướng duyên lý. Vị của Ba tuệ: Tỳ-đàm nói ba phương tiện trước là vị Văn, Tư, bốn gốc lành là vị Tu tuệ. Thành thật nói Tứ niệm xứ là vị Văn Tư tuệ, nhu pháp trở đi là vị Tu tuệ.

"Nhớ thế nào?.." là nói thể Ba tuệ, nghĩa là năng duyên tâm khác nhau. "Dùng pháp gì để nhớ?" v.v... là nói nhân ba tuệ, phương tiện khác nhau do nghiệp đời trước có khác. "Dùng pháp gì được pháp gì?" v.v... là nói hai pháp nhân quả. Dùng pháp gì gọi là nhân, đắc pháp gì gọi là quả, "Chúng sanh ở các địa...." Là nói Đức Phật biết một pháp gọi là địa. Mà nói các thứ: là địa vị năm thừa khác nhau.

"Chỉ có đức Như lai v.v..." kết chỉ có Phật biết. "Như cây cối lùm rừng..." là kết thúc chúng sanh không biết. "Như lai biết pháp một tướng v.v..." Nêu Phật biết đồng chúng sanh không biết đồng. Văn chia làm hai:

1) Nói Phật năng biết.

2) Nói ý xưa không nói tức nói chúng sanh không biết.

"Rốt ráo Niết-bàn thường vắng lặng cuối cùng trở về nơi không"... Có người chép: Tuy quá khứ vượt quá số cát như bụi nhỏ, vị lai lại gấp bội số trên, cuối cùng nhập vô dư khôi đoạn Niết-bàn cho nên nói cuối cùng trở về Không, ở đây giải thích tuổi thọ Phật vô thường. Có người chép: y tướng che lấp nói thường giải thích: nói thường nầy là không, vô tướng bất khả đắc nên nói cuối cùng trở về Không. Có người chép: Trống không chẳng có hai mươi lăm hữu nên gọi vắng lặng. Nay nói có hai thứ:

1) Phàm Thánh cuối cùng đều trở về đại Niết-bàn nên nói trở về Không. Cũng như Tăng Triệu nói Niết-bàn vô danh. Luận chép: là chỗ không thể thấy nghe xét biết Tứ không mê muội, chín dòng do đó mà kết hợp qui về, các bậc Thánh ở đây ngầm hội nhập tức dùng ý văn nầy để soạn luận.

2) Từ xưa đến nay khai dụng của hiáo năm thừa đến hội Pháp Hoa dứt dụng qui về thể tức không còn chi nhánh năm thừa, vốn đối với năm

nên nói về không năm, đã không có năm cũng chẳng phải không năm, tức ngôn từ vắng lặng nên gọi là Không.

Hỏi: Ở trên nói cuối cùng trở về nhất thiết chủng trí có gì khác với nay ư?

Đáp: Chung là một đạo thanh tịnh, tùy nghĩa đặt tên hoặc gọi chủng trí hoặc gọi Niết-bàn hoặc gọi Nhất thừa hoặc gọi Bát-nhã cho nên trước nói Chủng trí, nay nói Niết-bàn. Nếu dùng hai văn hợp nhau, thì trước nói cuối cùng trở về chủng trí nghĩa là quả Tam-bồ-đề, nay nói trở về Niết-bàn nghĩa là quả quả. Bởi trí Nhị thừa chẳng phải trí rốt ráo nên cuối cùng trở về trí Phật, Niết-bàn của Nhị thừa chẳng rốt ráo nên cuối cùng trở về đại Niết-bàn. Trên hợp xe lớn cũng chọn hai nghĩa này hợp, như trước giải thích.

Hỏi: Vì sao nói riêng hai quả?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Trí Niết-bàn hữu dư trí của Nhị thừa là chẳng rốt ráo nên nay nêu trí Phật rốt ráo.

2) Niết-bàn vô dư của Nhị thừa chẳng phải dứt rốt ráo nên nay nói dứt rốt ráo, nghĩa là hai quả tử mãi mãi bặt vượt khỏi dòng năm trụ nên gọi là diệt độ.

Lại, trên nói rốt ráo chủng trí nghĩa là không cảnh nào không chiếu tức Bát-nhã, nay chẳng có lụy nào không vắng lặng, nghĩa là giải thoát mà pháp thân ở bên trong đó.

Hỏi: Đã nói trở về Niết-bàn, vì sao nói cuối cùng trở về Không?

Đáp: Hoặc gọi là rốt ráo Không, hoặc gọi là đại Niết-bàn hoặc gọi đạo của Chư Phật, nhưng Trung luận phá, phẩm Niết-bàn chính là phá bốn thứ Niết-bàn:

1) Phá hữu là Niết-bàn.

2) Phá không là Niết-bàn.

3) Phá vừa không vừa hữu.

4) Phá phi không phi hữu, mà sau kết luận rằng: Niết-bàn dứt bặt bốn câu, siêu nơi trăm phi, không biết gọi làm sao nên gượng gọi là Không.

"Đức Phật biết như thế rồi v.v..." là nói Phật tuy biết lý nhất nhưng vì chúng sanh chưa có khả năng nên xưa không nói, đây tức nói lên chúng sanh chẳng biết đồng.

Hỏi: Câu trên nói Phật biết Niết-bàn, nay nói Phật biết tâm chúng sanh không kham nổi nên không nói Niết-bàn vì sao xưa không nói chủng trí ư?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Muốn hiển đại Niết-bàn tức là chủng trí khác với Nhị thừa khôi đoạn vô vi.

2) Nếu nói xưa không nói Niết-bàn đối với nghĩa không tiện vì xưa cũng nói Ba thừa đồng nhập vô dư. Tức dùng văn nầy trách các sư như Quang Trạch v.v.... Nếu cuối cùng trở về Không đã là khôi đoạn Niết-bàn tức đã nói Phật biết Niết-bàn sao được nói xưa không nói khôi đoạn Niết-bàn ư!

"Ca-diếp! Các ông là rất ít có v.v..." là khen ngợi Ca-diếp có thể biết đồng khác, xưa nay hai duyên đều có thiên chấp không biết đồng khác, mà Ca-diếp năng biết cho nên gọi ít có. Văn chia làm hai:

1) Chính khen ngợi.

2) Vì sao? Là giải thích khen ngợi, nhưng phải khen ngợi Ca-diếp biết đồng khác, chỉ đối xưa bệnh không biết khác là phương tiện, cho nên nay chỉ khen ngợi Ca-diếp ở trong số người không biết khác gọi là ít có. Văn nầy cũng được khen ngợi đầy đủ khác đồng, "Có thể biết Như lai tùy nghi nói pháp" là khen ngợi biết khác, "năng tin năng nhận" là khen ngợi biết đồng.

Căn cứ kệ có năm mươi bốn hàng rưỡi chia làm hai:

1) Bốn hàng tụng pháp nói về hai trí quyền thật.

2) Năm mươi hàng rưỡi tụng thí nói về hình tiếng lợi ích chúng sinh.

Trên pháp nói có tám môn, nay chuyển thế nói pháp, khen ngợi ý Chư Phật ra đời, nói về xưa nay có, nói nín không đồng, chia làm bốn chương:

1) Kệ khen ngợi Phật xưa tùy nghi quyền nói.

2) Kệ nói Như lai ngày xưa không nói pháp thật.

3) Giải thích Phật xưa không nói ý thật.

4) Giải thích ý xưa nói quyền.

"Pháp vương phá các cõi": có người nói phá hai mươi lăm hữu gọi là phá hữu, như Niết-bàn nói về đắc hai mươi lăm Tam-muội phá hai mươi lăm hữu; Như lai tự phá hai mươi lăm hữu vượt ngoài sanh tử ở ngôi vị Pháp vương, nay ra đời cũng vì chúng sanh phá hai mươi lăm hữu. Lại nói phá hữu; chúng sanh phần nhiều đắm chấp cho nên dùng hoa đốm để phá. Như Trung Luận chép: Đại Thánh nói pháp không vì lìa các kiến, nhưng hai ý nầy đều là thiên dùng. Văn nay nói phá hữu: là phá tất cả chỗ có sở đắc; vốn cho rằng có sanh tử nên vì nói Ba thừa. Lại nói có ba phá ba nói một, liền chấp. Nơi một nên nói chẳng ba chẳng

một tức pháp Trung đạo. Lại nói có hai thứ nầy chẳng phải Trung đạo thì cuối cùng không tránh khỏi hữu, nay phá hữu kiến nầy cho nên nói phá hữu.

"Đức Như lai tôn trọng..." là nói về xưa không nói thật. Nửa bài trên là nóingười không nói, nửa bài kệ dưới là nói việc không nói, tiêu biểu siêu phàm Thánh gọi là tôn, đức không ai bằng gọi là trọng, đây là khen ngợi người. "Trí tuệ rất sâu xa": Dọc không thấy tận đáy gọi là sâu, ngang không sánh bờ bến kia gọi là xa, đây là khen ngợi đức bên trong của Phật, "Lâu không nói pháp yếu..." pháp yếu tức bình đẳng đại bi, nội chứng pháp này gọi là không nói. "Không việc gì nói ngay:" là xưa không vội nói ngay. Lại nói vụ là sự việc. Đức Phật xưa không dùng việc Đại thừa ngay cho người nghe. "Người trí nếu được nghe v.v..." là giải thích ý Phật xưa không nói.

Nói về không nói kia có hai ý:

1) Chí đạo không nói tức trái đạo, vì vậy nên không nói. Nên Tăng Triệu chép: Đức Thích-ca đóng cửa thất ở Ma Kiệt, Tịnh Danh ngậm miệng ở Tỳ-da đâu gọi là không nói, nói chỗ không thể nói.

2) Như nay văn nói về sợ căn tình chưa kham liền sanh nghi chê bai nên không nói.

"Ca-diếp! vì cớ đó v.v..." là giải thích ý xưa nói quyền. "Khiến chánh đắc chánh kiến v.v..." chánh kiến tức chánh quán, chánh quán rất khó chánh khắp. Chư Phật ba đời các nhân duyên giúp người chứng đắc.

"Ca-diếp ông nên biết v.v...." là tụng tám thí dụ, văn nầy không theo thí dụ vốn thứ lớp mà tụng, cũng không y hiệp dụ trước sau tụng, chỉ chuyển thế nói pháp lại chỉ bày một pháp môn:

1) Tụng mây.

2) Tụng hai dụ.

3) Tụng về đất.

4) Tụng cây cỏ.

5) Tụng thấm nhuần.

6) Tụng thêm lớn.

7,8) Hai thí dụ đồng khác hiệp mà tụng. Phải trước giăng mây rồi sau mưa rơi xuống nên trước nói mây mưa, mây mưa là năng thấm nhuần, mặt đất cỏ cây là chỗ thấm nhuần, cho nên trước nói mây mưa, kế nói mặt đất cỏ cây. Mặt đất cỏ cây nhận nơi mây mưa cho nên kế nêu thấm nhuần, thấm nhuần nên thêm lớn, năng sợ thọ nhận có đồng có khác, cho nên kế luận. Trước đó Như lai ra đời nên ở đầu nói giăng

mây, do ra đời nên nói pháp dụ như mưa rơi, chúng sanh sở dĩ cảm hình tiếng Phật, là do quá khứ Phật giáo sanh gốc lành cho nên nói mặt đất và cỏ cây. Đã có gốc lành đời trước chứa nhóm nên bắt đầu nghe nói giáo vui mừng ví như thấm nhuần, theo giáo lợi ích nên thêm lớn, chí lý không hai tùy duyên sai khác nên kế là nói đồng khác. Trong thí dụ mây trong văn xuôi lược nay kệ rộng, gồm có mười thứ khen ngợi.

1. Mây lớn: Nghĩa là lược khen ngợi tiểu. Như Luân vương ra đời đem mười điều thiện giáo hóa muôn vật cho đến Phạm nói nghiêng lệch luận xuất dục đều là tiểu lợi ích gọi là mây nhỏ, cho đến Nhị thừa Bồ-tát không thể lợi ích khắp đều gọi là mây nhỏ.

2. "Che trùm khắp tất cả v.v...." là bình đẳng khen ngợi. Luận Trí Độ chép: trời Ma-hê-thủ-la, trời Vi nữu, trời Cưu-ma-la-già nếu thương thì chúng sanh liền đều được sở nguyện, nếu ghét thì khiến bảy đời đều diệt, cho nên chẳng bình đẳng lợi ích khắp. Kinh Hoa Nghiêm nói Đại long vương nổi mây từ Bốn thiên hạ cho đến sáu tầng trời cõi Dục đều che phủ, tùy chỗ thấy mà giăng mây tùy chỗ ưa mà mưa xuống, Đức Như lai nói pháp cũng vậy. Đối với Bốn sanh, sáu đường tùy chỗ thấy mà thị hiện hình, tùy chỗ nghe mà nói pháp, đồng xem tất cả cũng như con đỏ, cho nên cắt tay không buồn, đỡ chân không vui, thiện ác mình, người từ bi che khắp không hai cho nên nói che trùm khắp tất cả.

3. Mây trí tuệ (chứa nhuần): là khen ngợi trí tuệ sắc bén, có mây giăng mà không lợi ích, mây này có lợi ích cho nên gọi mây trí tuệ, Như lai cũng giống như vậy, thị hiện thân nói pháp có thể duyên lợi ích.

4. Hàm chứa v.v... là bao gồm khen ngợi đức, tự có mây không thể mưa xuống, nay là có mây chứa nước cho nên gồm chứa thấm nhuần. Thân Như lai do Đại từ huân đúc cho nên thùy ứng chắc chắn có khả năng lợi ích chúng sinh.

5. "Chớp nhoáng sáng chói lòa": là khen ngợi phát ra ánh sáng. Hoa Nghiêm chép: Như Đại long vương từ Bốn thiên hạ đến lục cung trời tùy chỗ ứng thấy xuất hiện các màu ánh sáng, hoặc sắc vàng Diêm phù đàm cho đến các màu sắc bảy báu v.v... Đức Như lai cũng vậy, khi sắp nói pháp tùy chỗ thấy các ánh sáng xuất hiện.

6. "Tiếng sấm xa rung chuyển..." khen ngợi xa nghe. Kinh Hoa Nghiêm chép: Như Đại long vương từ bốn thiên hạ đến lục cung trời tùy chỗ nghe phát ra các âm thanh, hoặc âm thanh trời, hoặc tiếng nhạc cho đến trong loài người liền nghe tiếng sấm. Nay chọn tiếng sấm làm dụ nghĩa là năng sanh gốc lành cho chúng sanh năm thừa, năng giác ngộ vô minh cho chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thông minh không sợ

xếp vào chớp sáng, rung chuyển thật nghe như sấm.

7. "Khiến mọi loài vui đẹp": xứng duyên khen ngợi. Kinh Hoa Nghiêm chép: Tùy chỗ thấy mà giăng mây, tùy chỗ nghe mà sấm động cho nên chẳng có gì không vui, hình tiếng của Đức Phật cũng vậy.

8. "Ánh sáng mặt trời bị che khuất": là khen ngợi phá tà. Mây chưa giăng thì mặt trời có ngàn ánh sáng, do mây giăng nên ánh sáng mặt trời bị che, Đức Phật chưa ra đời thì có ánh sáng của chín mươi sáu thứ tà kiến, khi Phật đã ra đời thì che khuất ánh sáng ấy.

9. "Trên mặt đất mát mẻ": là khen ngợi sanh vui mừng. Do ánh sáng mặt trời nên chúng sanh bị nóng bức, do tà giáo nên có tà kiến nóng bức, Đức Phật ra đời phá tà kiến tức tâm địa chúng sanh không có tà kiến nóng bức được chánh kiến trong mát.

10. "Mây mù sa bủa gần, như có thể nắm tới" khen ngợi không nghĩ bàn. Mây đen sắc màu tối sẩm ví như thân đại từ sâu dày hiển hiện giống như mây mù, ứng đến muôn vật như sa bủa, tùy chỗ thấy mà hiện hình khắp nên gọi là che phủ. Như có thể nắm lấy ở bên cho đến để dưới. Như lai tùy thuận vật như có thể nắm theo, nhưng khác nhau chúng sanh nên không thể nắm giữ, tức là chẳng thể nghĩ bàn.

"Trận mưa đó khắp cùng": là lợi ích cùng khắp gọi là khắp, không riêng tư gọi là cùng. "Bốn phương đều rưới xuống": là từ bốn tâm vô lượng xuất ra khắp lợi ích bốn sanh. "Dòng nước tuôn vô lượng": trí tuệ biện tài không ngừng chắc chắn thông suốt. "Nơi núi sông hang hiểm: là tụng thí dụ mặt đất. "Sanh ra các cây cối": Sanh ra các cỏ thuốc. Nhờ nước mưa thấm nhuần: tức thí dụ thấm nhuần. Người chưa sanh thiện khiến cho họ sanh thiện như "đất khô khắp được thấm", người có gốc lành khiến cho họ tăng trưởng như "thuốc cây đều sum suê". Tất cả các thứ cây là tụng thí dụ tăng trưởng. Theo thể tướng của nó: hiệp tụng nghĩa đồng khác.

"Đức Phật cũng như vậy" v.v.... là tụng hiệp dụ. Giải thích hiệp dụ khác nhau, nay chia làm hai:

1) Chánh hiệp dụ.

2) Hai bài sau cuối lặp lại khai thị quyền thật, căn cứ hợp thí ở đầu không đồng với văn xuôi ở trên.

Trong văn xuôi chia làm hai:

1) Hiệp năm dụ trước.

2) Kế hiệp dụ đồng khác.

Trong hiệp năm dụ:

1) Hiệp mây.

2) Hiệp cỏ cây.

3) Hiệp mưa.

4) Hiệp thấm nhuần.

5) Hiệp thêm lớn.

Nay chuyển thế nói pháp chánh hiệp bốn dụ gồm hiệp bốn dụ còn lại. Chánh hiệp bốn dụ:

1) Hiệp mây.

2) Hiệp mưa.

3) Hiệp thấm nhuần.

4) Hiệp thêm lớn.

Mây mưa là hình tiếng năng ứng, thấm nhuần thêm lớn là lợi ích sở cảm, bốn nghĩa đã chủ yếu nên chánh hợp. bốn thứ còn lại hợp đến văn sẽ nói. Trong văn xuôi hiệp mưa làm hai:

1) Chánh hiệp.

2) Khuyên chúng đến nghe, nay lại tụng hai thứ này.

Trên hiệp mây có bốn:

1) Nêu hình Phật hiệp mây.

2) Nêu âm thanh Phật hiệp mây.

3) Nêu danh hiệu Phật hiệp mây.

4) Nêu đức của Phật hiệp mây.

Nay tụng đủ. Ban đầu một bài kệ tụng thứ nhất, một bài kệ kế tụng thứ hai, kế một bài rưỡi tụng thứ ba. “Xuất hiện ở thế gian v.v...” hai bài tụng thứ tư nêu đức hiệp mây. Trong văn xuôi nêu năm thứ đức để hiệp mây, nay chỉ nêu hai: năm câu nêu đức đại bi hiệp mây, ba câu nêu Đức đại từ hiệp mây. Đại bi cứu khổ như mây năng ngăn lìa các sư nóng bức, đại từ cho vui như mây có công năng thấm nhuần, “Vì an ổn chúng sanh” là vui hiện đời. “Hưởng sự vui thế gian là vui đời sau. “Cùng sự vui Niết-bàn” là vui xuất thế gian. Lại vui thế gian là vui sanh báo, vui Niết-bàn là vui hậu báo. Chú giải kinh rằngp: được vui an ổn là vui Nhị thừa, vui thế gian là vui trời người, vui Niết-bàn là Đại thừa.

“Các chúng trời người này...” hai bài kệ tụng văn xuôi thứ hai khuyên chúng nghe nhận. Bài kệ đầu chính là khuyên chúng đến nghe. Kế hai bài kệ giải thích ý khuyên nghe nhận. Trên nửa bài phân biệt khác tà sư tức trên khen ngợi Phật, kế nửa hàng là dưới lợi ích chúng sanh.

“Vì các đại chúng nói”... là tám bài kệ tụng hiệp hai thí dụ. Đây lại chai làm ba phần:

1) Mượn nghĩa mưa một vị để hiệp dụ.

2) Mượn nghĩa mưa bình đẳng để hiệp dụ.

3) Mượn nghĩa mưa không mỏi mệt để hiệp dụ.

Sở dĩ chỉ nói ba nghĩa này: là vì phần đầu nêu pháp Phật nói vì lý Nhất thừa, phần hai giáo tâm bình đẳng đồng vì người năm thừa khiến đồng quy tụ về lý Nhất thừa, cuối cùng khen ngợi Phật vì chúng nói pháp không có mỏi mệt. Ba phần mỗi phần đều có hai: phần đầu có hai:

1) Nêu pháp Phật nói không có hai lý như mưa chỉ có một vị, đây tức gồm hợp trên nói một tướng một vị.

2) Một hàng nêu pháp Phật nói không hai âm năng diễn cũng một, "thường vì Đại thừa mà làm nhân duyên": xưa tuy nói vị năm thừa, đây là vì Đại thừa làm nhân duyên!

Phần hai có "ta xem tất cả chúng" v.v... hai bài rưỡi mượn nghĩa mưa bình đẳng chúng hiệp dụ, cũng chia làm hai:

1) một bài khen ngợi Phật tâm bình đẳng.

2) một bài rưỡi khen ngợi Phật nói bình đẳng. Phần ba: "Thường giảng nói pháp luôn v.v..."

Ba hàng rưỡi mượn nghĩa mưa không khỏi mệt để hiệp dụ, văn nầy cũng có hai:

1) Một hàng rưỡi nêu người năng hóa không mỏi mệt.

2) "Sang hèn và thượng hạ v.v...." hai bài nêu người sở hóa hiển thành năng hóa v.v... nói pháp không mỏi mệt, đây là gồm hiệp nghĩa cỏ cây.

"Tất cả hàng chúng sanh v.v..." mười một bài kệ hợp thí dụ thấm nhuần. Văn chia làm ba phần:

1) Tám hàng kệ chánh hiệp thấm nhuần.

2) Một hàng rưỡi nói lý đồng tùy duyên lợi ích có khác.

3) Một hàng rưỡi kệ khen ngợi Đức Phật.

Phần một văn chia làm hai:

1) Một hàng nói chung thấm nhuần.

2) Bảy hàng chi tiết hợp ba cỏ, hai cây thấm nhuần khác nhau. Ba cỏ, hai cây đã là tên gọi của giáo Pháp Hoa, nay lược trình bày ba cỏ là ba hạng cỏ thượng, trung, hạ. Hai cây: lớn nhỏ hai cây, đây là không giai cấp và giai cấp nên khai các vị khác nhau, không như người có sở đắc mà cố định giải thành nghĩa cạn sâu. Vì sao? Vì trong kinh nói giai cấp không nhất định, hoặc nói mới phát tâm liền thành Chánh giác, hoặc nói trải qua nhiều kiếp lâu xa tu hành mới chứng Bồ-đề, hoặc khuyên khởi đạo ý khiến trụ bất thoái chuyển, hoặc nói thật không phát

tâm cũng không thoái đều là khéo léo hóa vật không thể tướng chấp nhất định. Nay chỉ theo hướng nghĩa cạn sâu cho nên nói ba cỏ hai cây. Trời người gọi là thừa thế gian gọi là cỏ nhỏ, Thanh văn Duyên giác là xuất thế gian thừa gọi là cỏ vừa, Địa tiền bốn mươi tâm là Đại thừa gọi là cỏ lớn. Nếu y cứ nghĩa Vô sanh nhẫn mà phán xét thì Sơ địa mới đắc vô sanh nhẫn nông cạn gọi là cây nhỏ, Thất địa thâm nhập vô sanh nhẫn gọi là cây lớn. luận Trí Độ giải thích vô sanh có hai vị:

1) Sơ địa.

2) Thất địa.

Sở dĩ chia hai vị. Là nếu căn cứ hai nhẫn nói về nghĩa, thì Địa tiền phàm vị gọi là thuận nhẫn, Sơ địa trở lên đã là Thánh vị gọi là Vô sanh nhẫn. Nếu dựa theo năm nhẫn giải nghĩa thì địa tiền là Phục nhẫn, ba địa là Tín nhẫn, kế ba địa là Thuận nhẫn, kế ba địa là Vô sanh nhẫn. Nếu y kinh Anh lạc thì ba địa sau gọi là Tịch diệt nhẫn nghĩa là ba địa: Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Nếu theo kinh Nhân vương chỉ hai địa sau gọi là Pháp vân địa Phật địa; Thất địa đã là đầu của vô sinh nên gọi là vô sanh nhẫn. Nếu chia công dụng vô công dụng chia làm hai vị thì Sơ địa đến Thất địa gọi là công dụng là cây nhỏ, từ Bát địa đến Đẳng giác địa là vô công dụng đạo gọi là cây lớn. Kinh luận khác nhau mà có đủ hai nghĩa: theo kinh này phán vị: ba cỏ hai cây chia chung ba ba vị: trời người là hạ phẩm, Nhị thừa là trung phẩm, Bồ-tát là thượng phẩm. Trong Bồ-tát tự chia ba phẩm: Địa tiền bốn mươi tâm là hạ phẩm, Đăng Địa trở lên cũng chia hai phẩm, nếu vậy người Nhị thừa đã gọi là cỏ vừa không bằng cỏ lớn, liền biết người ở trước Thập tín. Sư luận Thành Thật không nên nói La-hán và Lục địa ngang bằng công. Lại phẩm Thí dụ chép: người Thanh văn do sức tin nên nhập Nhất thừa, nên biết chưa hồi Tiểu nhập Đại là ở trước Thập tín.

Hỏi: Ba cỏ hai cây và năm thừa nghĩa có gì khác?

Đáp: Cả hai xen lẫn có khai hiệp khác nhau, năm thừa tức khai cạn hiệp sâu: ba cỏ hai cây tức khai sâu hiệp cạn. Khai cạn hiệp sâu: chia cỏ nhỏ thành hai thừa trời người khai cỏ vừa làm Thanh văn Duyên giác. Hiệp sâu: hợp chung Đại thừa nhân quả đều nhập Phật thừa.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Năm thừa giáo đều dùng nghĩa quả nêu thừa, cho nên phẩm Thí dụ chép: ba xe ở bên ngoài tức dùng ba quả làm Ba thừa. Bồ-tát vì cầu quả Phật nên lại xếp vào quả Phật thừa vui trời người gọi là thừa, vì cầu quả an vui ở cõi trời, cõi người nên tu hai hạnh trời người, cho nên dùng quả nêu thừa, vì muốn dẫn chúng sanh khiến tu nhân đến quả nên

dùng năm thừa nói về nghĩa, đó là khai cạn hiệp sâu.

Ba cỏ hai cây khai sâu hiệp cạn: Hiệp bốn thừa trước làm cỏ tiểu và trung, lấy trời người làm cỏ tiểu, lấy Nhị thừa làm trung. Khai sâu: khai Đại thừa làm ba phẩm: tức cỏ lớn và hai cây, sở dĩ vậy là vì phò trợ kinh này tán dương giáo Bồ-tát pháp của Đại thừa, nói về trời người còn ở trong nhà lửa ba cõi, Nhị thừa chưa vượt qua năm trăm do tuần, vì vậy nên hiệp cạn mà khai sâu. Lại năm thừa nói nghĩa tức có thừa quả Phật thừa. Ba cỏ hai cây chỉ chọn nhân thừa không nêu quả Phật, vì sao? Vì năm thừa muốn đem năm quả dẫn chúng sanh nên nói quả Phật là thừa, nay nêu ba cỏ hai cây nghĩa thấm nhuần thêm lớn cho nên chỉ nói nhân. Lại giáo xưa khai rõ nghĩa khai nên khai thế gian thành hai thừa nhân, thiên, khai xuất thế gian thành Ba thừa nên thành năm thừa. Nay muốn hiển nghĩa hiệp cho nên hiệp thế gian thành một, hiệp Nlhị thừa thành một, nên hiệp bốn thừa kia trở về Nhất thừa. Nhưng trong Nhất thừa tự khai ba vị:

1) Địa tiền bốn mươi tâm là cỏ lớn.

2) Sơ địa trở lên là cây nhỏ.

3) Bát địa trở lên là cây lớn.

Hỏi: Đây cùng với bốn thứ trọng trách trong kinh Thắng-man có gì khác?

Đáp: Kinh ấy nói về do mặt đất nên có bốn thứ trọng trách, do nhiếp thọ chánh pháp nên có bốn thừa: hiệp trời người làm một, chia Nhị thừa làm hai, hiệp Đại thừa nhân quả thành một. Cùng năm thứ thiện trong luận Trí Độ nghĩa kia khác nhau, không cần phải hiệp.

Chi tiết tụng ba cỏ hai cây chia làm năm đoạn:

1) Một hàng nói cỏ nhỏ.

2) Hai hàng nói cỏ vừa.

3) Một hàng nêu cỏ lớn.

4) Một hàng rưỡi nói cây nhỏ.

5) một bài rưỡi nêu cây lớn.

“Phật chỉ bình đẳng nói v.v...” một bài rưỡi nêu lý Nhất thừa mà tùy chúng sanh được lợi ích có khác, tức bao gồm hợp thí dụ thứ bảy, tám đồng khác ở trên.

Hỏi: Vì sao hiệp thấm nhuần tức hợp đồng khác?

Đáp: Trên hiệp mây mưa nói về nghĩa đồng cho nên nói pháp kia chỉ một vị là giải thoát Niết-bàn. Kế hiệp thấm nhuần nêu ba cỏ hai cây khác nhau, nay muốn luận nghĩa đồng khác kia, nói về lý chỉ có một tùy năm hạng người nên có năm thứ khác nhau.

"Phật dùng thí dụ này v.v...." khen ngợi trí tuệ Phật có một hàng rưỡi kệ. "Như một giọt nước trong biển:" Trên phẩm Tín Giải nói mười dụ mười ân khen ngợi đức của Phật, lúc bấy giờ chúng cho rằng đức của Như lai bốn vị đại Thanh văn đã nói hết. Cho nên đầu phẩm này nêu tám pháp tám dụ để nói lên Như lai lại có vô lượng công đức, khi ấy đại chúng liền lại cho rằng khen ngợi đức của Phật đã hết, nên nay nói về tuy lập thí dụ này mà đối với trí tuệ Phật chỉ như một giọt nước trong biển mà thôi!

"Ta rưới trận mưa pháp v.v...." mười một bài rưỡi kệ hợp thí dụ thêm lớn. Văn cũng có ba:

1) Tám hàng rưỡi hiệp thêm lớn.

2) Một hàng rưỡi nêu lý Nhất thừa tùy người được lợi ích khác nhau.

3) Một hàng rưỡi khen ngợi Chư Phật.

Trước thấm nhuần có ba phần, thêm lớn cũng có ba, dùng khoa kinh này đối văn rất tiện, xưa nói khác đây phải nên sửa đổi. Tám hàng rưỡi đầu lại chia làm hai:

1) Ba hàng rưỡi hợp chung thêm lớn.

2) Năm hàng biệt hiệp thêm lớn.

Ba hàng rưỡi đầu lại có ba:

1) Một hàng pháp nói.

2) Một hàng nói thí.

3) Một hàng rưỡi hợp thí.

"Hàng Thanh văn Duyên giác v.v..." Năm hàng là biệt hiệp, văn cũng có ba:

1) Một hàng rưỡi hiệp cỏ vừa thêm lớn.

2) Một hàngrưỡi hiệp cây nhỏ thêm lớn.

3) Hai hàng hiệp cây lớn thêm lớn, cho nên hiệp chung có ba biệt hiệp cũng ba.

Hỏi: Vì sao không hợp cỏ nhỏ cùng cỏ lớn ư?

Đáp: Trước trong thấm nhuần đã hiệp đủ cho nên nay lược hai cỏ kia.

Hỏi: Đồng là lược, vì sao hiệp cỏ vừa ư?

Đáp: Cỏ vừa là hai Thánh Tiểu thừa, hai cây là hai Thánh Đại thừa đồng là nghĩa Thánh vị thêm lớn rõ ràng, cho nên hiệp, cỏ nhỏ là phàm trong Tiểu thừa, cỏ lớn là phàm trong Đại thừa, đã đồng là nghĩa phàm thêm lớn không rõ ràng nên lược không hợp. Lại 1 nghĩa: hai thứ phàm trước nhập nhiếp trong hợp chung, do đó văn chép: khiến cho các

các thế gian đều khắp được đầy đủ. Thế gian tức hai phàm, chỉ phàm nghĩa là thêm lớn không rõ ràng cho nên xếp vào hợp chung. Thêm lớn ý ở quả Thánh do đó hiệp riêng.

Hỏi: Thấm nhuần cũng nói về ba cỏ hai cây, thêm lớn cũng nói về ba cỏ hai cây có gì khác?

Đáp: thấm nhuần dựa theo nhân cây cỏ, thêm lớn nói về quả cây cỏ, chỉ vì y cứ nhân nói thấm nhuần không rõ ràng nên trước văn mượn quả nói.

Hỏi: Trong hiệp cây lớn nói. "Nghe nói các pháp Không, tâm sanh rất vui mừng" thế nào là Không ư?

Đáp: tức ở trên chép: rốt ráo Niết-bàn thường vắng lặng tướng cuối cùng trở về nơi Không, bởi nêu pháp của quả vị Niết-bàn cho nên cây lớn nhân người nghe vui mừng. Luận Trí Độ chép: thí như sấm động chim nhỏ nghe đều sợ chim công lớn nghe thì nhảy múa, pháp tất cánh không cũng giống như vậy vậy người Tiểu thừa nghe kinh nghi sợ hãi, bậc đại sĩ nghe thì vui mừng hớn hở. Nếu nói chung qui là khôi thân diệt trí không thì từ Bát địa trở lên Bồ-tát há sanh vui mừng!

"Như thế Ca-diếp này! v.v..." một hàng rưỡi nêu lý chỉ là một tùy duyên được lợi ích là khác, bao gồm hợp thí dụ đồng khác ở trên, cho nên đồng khác và hai phần thấm nhuần thêm lớn gồm hiệp, vì ý chuyển thế không nên nhất nhất y theo văn xuôi. "Ca-diếp ông phải biết..." một hàng rưỡi khen ngợi Chư Phật, trên là căn cứ khen ngợi không thể hết, nay căn cứ khen ngợi Chư Phật đồng có khéo léo.

"Nay ta vì các ông v.v..." là kết chỉ quyền thật. Kệ đầu bỏ quyền, kế kệ bày thật. "Chỗ các ông tu hành là đạo Bồ-tát." Xưa nói đại nhân làm tiểu quả, nay chỉ tiểu quả làm đại nhân cho nên quả Nhị thừa là đạo Bồ-tát. Luận Pháp Hoa nói về nghĩa vô thượng có mười thứ: mà thứ nhất là thị hiện hạt giống vô thượng cho nên nói thí dụ mây mưa. "Chỗ các ông tu hành là đạo Bồ-tát: Nghĩa là phát tâm Bồ-đề thoái rồi lại phát, chỗ tu hành trước gốc lành không diệt đồng sau đắc quả, ý nầy nói bổn tâm Bồ-đề không diệt nên thiện căn nầy tức là hạt giống vô thượng, do hạt giống nầy nên nay nghe Pháp Hoa, tức là sau nhờ mây, mưa pháp được thành Phật.

Hỏi: Nếu vậy, quyết định gốc lành của Thanh văn lẽ ra chẳng phải Bồ-tát?

Đáp: Người quyết định thì là giữ giáo chấp tiểu quả, liền bị phá không hội nhập, nếu chuyển ngộ tức hội nhập mà không phá.

PHẨM THỌ KÝ THỨ SÁU

Thọ ký đã là nghĩa quan trọng của Pháp Hoa mà cũng là tông chính của các kinh, nay giải thích sơ lược hợp làm bảy phần:

1) Lý do có ra.
2) Giải thích tên.
3) Người năng thọ.
4) Người sở thọ.
5) Thứ bậc.
6) Phân biệt.
7) Đồng và khác.

1) Lý do có phẩm này: Vì người trung căn nói pháp gồm có bốn môn:

1) Thí dụ.
2) Lãnh giải.
3) Thuật thành.
4) Thọ ký.

Nay thuộc thứ tư. Do lãnh giải mười dụ mười ân ở trước, dùng tám pháp tám thí dụ thuật thành sau nên tâm kia an nhiên thư thái tức là đương quả đáng thọ ký, do đó đức Như lai thọ ký cho họ. Theo ý Luận Pháp Hoa từ ba phẩm trên phá ba bệnh phàm phu, Nhị thừa, Bồ-tát tức ngộ phi phàm, phi Thánh, phi đại, phi tiểu, đắc chánh quán hạnh vô y tương ưng với Phật cho nên được thọ ký thành Phật. Nếu đối chiếu hai bệnh xưa và nay để trừ thì xưa chấp khác không biết đồng, nay là chấp đồng không biết khác. Nay liễu ngộ ý của thí dụ trước có đồng, khác tức bệnh xưa và nay được trừ, liền ngộ chí đạo không hềcó đồng và khác. Chỉ là phương tiện khéo léo có đồng khác thích hợp duyên để ngộ không hề có đồng khác tức sanh ở thật tuệ hiểu rõ tùy duyên đồng khác tức sanh phương tiện tuệ, đầy đủ hai tuệ tức Phật đạo sẽ thành. Cho nên, kinh Tịnh Danh chép: Trí độ Bồ-tát là mẹ phương tiện là cha, cha mẹ đầy đủ thì sẽ thành pháp thân cho nên được Phật thọ ký. Nếu do kế cuối phẩm trên mà có tức là cuối phẩm trên mở cửa phương tiện chỉ bày tướng chân thật, "các chúng Thanh Văn đều chẳng phải diệt độ" gọi là mở cửa phương tiện. "Chỗ các ông tu hành là đạo của Bồ-tát" gọi là chỉ bày tướng chân thật. Xưa không ngộ đại nhân vì tiểu quả nên chấp tiểu quả mà mê nhân đại, nay ngộ tiểu quả là đại nhân nên liền có đại nhân, có đại nhân sẽ đắc đại quả cho nên được Phật thọ ký.

2) Giải thích tên: Thọ là ban cho, Ký là quyết định, cũng gọi là

biệt. Nói quyết: là ở trong chín đường phân rõ quyết định người này chắc chắn sẽ thành Phật nên nói quyết, biệt: nghĩa cũng vậy. Nói việc đời vị lai để trao cho người trước nên gọi là trao ký, người trước lãnh thọ nên gọi là nhận ký. Lại nói rộng về ký, vô ký có ba:

1) Căn cứ môn ba tánh mà nói về ký vô ký: Nếu có thiện ác để ghi gọi là ký; không có thiện ác để ghi là vô ký.

2) Thiện ác có công năng chiêu cảm quả khổ lạc: có quả khổ lạc đáng ghi gọi là ký, vô ký không thể cảm quả khổ lạc, không có quả để ghi nên gọi là vô ký.

3) Có vật để ghi nên gọi là có ký, không vật để ghi nên gọi là vô ký. Như kinh Hoa Nghiêm dùng mười bốn nạn làm vô ký môn, tức không vật để ghi nên gọi vô ký, như gái bất dục không có con để ghi, mà trái với ở đây nên gọi có ký. Nay nói nhân tu Phật, đắc quả Phật, tức là có quả đáng ghi nên gọi là ký. Bậc Thánh ghi nhận, chỉ cho người biết gọi là thọ ký. Lại giải thích ký là nói năng biên chép chỉ bày quả có thể nghi chép. Trong mười hai bộ kinh có kinh Thọ Ký. Do nhân quả việc lớn chúng sanh thường mê hoặc nên khai riêng một bộ.

3) Người năng thọ: (trao ký): Kinh này có hai người trao ký: Phật và Bồ-tát Thường Bất Khinh. Hai vị này khác nhau. Đức Phật thọ ký có cả Ký chung và Ký riêng. Ký riêng: Như lai đủ ba đạt trí biết người này đời vị lai lâu hay mau sẽ thành Phật cho nên thọ ký cho kiếp số kia, như thọ ký cho hàng ba căn nên gọi là ký riêng. Nói ký chung: Như phẩm Pháp sư chép: nghe kinh Pháp Hoa một niệm tùy hỷ đều được thọ ký mà không nói kiếp số ấy lâu mau, do cách Phật đạo lâu xa nên chỉ ký chung. Bồ-tát Thường bất Khinh tích ở vị nhân ba đạt chưa tròn đầy cho nên chỉ được thông thọ ký, không được thọ ký riêng.

4) Người Sở thọ (được thọ ký): Luận thêm: người được thọ ký gồm có ba thứ:

1) Phàm phu.

2) Nhị thừa.

3) Bồ-tát.

Nay kinh này đủ ba hạng người được thọ ký, do ba người này đều có Phật tánh sẽ thành Phật nên đều được thọ ký. Theo luận Pháp Hoa giải thích: trong thọ ký cho Thanh văn có bốn hạng:

1) Thanh văn Quyết định.

2) Thanh văn Tăng thượng mạn.

3) Thanh văn Lui sụt tâm Bồ-đề.

4) Thanh văn Ứng hóa. Hai hạng Thanh văn được Phật thọ ký là

Ứng hóa và Lui sụt tâm Bồ-đề vì là người phát tâm Bồ-đề trở lại. Quyết định, tăng thượng mạn hai hạng này căn cơ chưa đủ nên Phật không thọ ký, chỉ vì Thanh văn quyết định chấp chặt Tiểu thừa, người tăng thượng mạn tự cho là rốt ráo không tin thành Phật tức không có khả năng thọ ký cũng không kham phá chấp và nghĩa hội nhập trở về. Mà kinh này hội chung tất cả Nhị thừa để thành Phật bởi đối ứng với người ngộ cho nên nói kinh này nói phá và nghĩa hội nhập. Tăng thượng mạn cũng như vậy, như năm ngàn đồ chúng không có khả năng nghe hai nghĩa phá và hội, do căn chưa thuần thục. Thường Bất Khinh đối với tăng thượng mạn, căn kia đã thuần thục kham nghe nghĩa phá và hội cho nên vì nói Nhất thừa.

5) Thứ bậc: Kinh luận khác nhau: hoặc nói một thứ thọ ký nên thẳng gọi là kinh thọ ký, Hoặc nói hai thứ thọ ký, như kinh Niết-bàn nói về, nên thọ ký chậm cho họ, người kia mau được thành Phật tâm sanh khinh mạn nên chậm thọ ký. Nếu nói Phật đạo khó đắc lâu thọ, siêng năng khổ nhọc rồi mới được thành Phật tâm liền thối thất vì hạng người này nên thọ ký nhanh. Lại người gốc lành thuần thục nên thọ ký nhanh, gốc lành chưa thuần thục nên thọ ký chậm. Lại có người ưa ở lâu trong sanh tử giáo hóa chúng sanh nên thọ ký chậm, người nhàm chán sanh tử muốn sớm thành Phật nên thọ ký nhanh. Lại có hai thứ thọ ký:

1) Ký chung.

2) Ký riêng.

Như trên giải thích. Luận Trí Độ nêu ba thứ thọ ký:

1) Tự biết mình không biết người, vì lợi ích mình không lợi ích người.

2) Biết người không biết mình vì lợi ích người.

3) Mình và người đều biết đủ, lợi ích đủ mình và người.

Lại có bốn thứ thọ ký:

1) Chưa phát tâm thọ ký.

2) Phát tâm thọ ký.

3) Hiện tiền thọ ký.

4) Không hiện tiền thọ ký.

1. Chưa phát tâm thọ ký có hai:

a) Đều chưa phát tâm mà thọ ký như chim cứu...

b) Tuy đã phát tâm mà chưa thành lập cũng gọi là chưa phát tâm.

2. Đã phát tâm thọ ký có hai thứ:

a) Ban đầu mới phát tâm liền được thọ ký.

b) Phát tâm thành lập gọi là phát tâm tức vị Thập tín.

3. Không hiện tiền thọ ký: nghĩa là Tam Hiền, Bồ-tát chưa đắc vô sanh nhẫn cho nên không có khả năng hiện tiền được vô sanh ký.

4. Hiện tiền thọ ký: Sơ địa trở lên đắc vô sanh nhẫn có khả năng được hiện tiền thọ vô sanh ký.

Luận Địa Trì nói có sáu thứ thọ ký, bốn thứ rất giống với trước mà nói về vị có khác chút ít. Thọ ký thứ năm là Thời lượng thời định gọi là kiếp số có hạn, thứ sáu là thời vô lượng, vô định nghĩa là kiếp số vô hạn hai thứ này cũng như là ký chung ký riêng ở trên.

6) Phân biệt chung: Luận Pháp Hoa nói kinh này có sáu thứ thọ ký:

1) Xá-lợi-phất và Ca-diếp và chúng tri thức danh hiệu khác nhau nên thọ ký riêng.

2) Năm trăm người, một ngàn hai trăm người như v.v... Phú-lâu-na đồng một danh hiệu nên đồng thời được thọ ký.

3) Hàng người Hữu Hữu học, Vô học đều đồng một danh hiệu lại chẳng phải chúng tri thức cho nên nhất thời đồng được thọ ký.

4) Đề-bà-đạt-đa được thọ ký thị hiện đức Như lai không oán ghét.

5) Tỳ-kheo ni và các thiện nữ đồng được thọ ký thị hiện người nữ tại gia xuất gia tu hạnh Bồ-tát đều chứng quả Phật. Năm hạng người này là Như lai tự thọ ký.

6) Thường bất khinh cùng thọ ký bốn chúng thị hiện chúng sanh có Phật tánh.

Nay lại dùng bốn câu giải thích:

1) Đồng thời được thọ ký thành Phật có trước sau, như năm trăm La-hán.

2) Đồng thời được thọ ký, đồng thời thành Phật như hai ngàn vị Hữu Hữu học, Vô học.

3) Trước sau được thọ ký trước sau thành Phật như bốn đại Thanh văn.

4) Trước sau được thọ ký đồng thời thành Phật nghĩa nên có.

Lại có bốn trường hợp:

1) Tiểu thừa không có hơn kém, Đại thừa có hơn kém, như năm trăm đệ tử đồng thời thành La-hán nên Tiểu thừa không có hơn kém; mà chuyển kế thành Phật, như người đầu thành Phật xong thọ ký người thứ hai cho nên Đại thừa có hơn kém.

2) Tiểu thừa có hơn kém, Đại thừa không có hôn kém như Hữu

học, Vô học hai ngàn vị, vì là Hữu Hữu học, Vô học nên Tiểu thừa có hơn kém, đồng thời thành Phật nên Đại thừa không hơn kém.

3) Tiểu thừa kém Đại thừa hơn, như A-nan trụ sơ quả là kém, La-hầu-la đắc quả thứ tư nên hơn, mà A-nan thành Phật trước, La-hầu-la thành Phật sau cho nên Đại thừa hơn.

4) Tiểu thừa hơn Đại thừa kém thì La-hầu-la đắc quả thứ tư cho nên hơn, A-nan còn tại địa vị Hữu học nên kém, mà A-nan ở trước La-hầu-la ở sau, tức là hơn kém.

Hỏi: Vì sao trong kinh chê trách thọ ký như Tịnh Danh phá Di-lặc trong ba đời không thọ ký, trong vô sanh nhẫn cũng không thọ ký nay vì sao nói thọ ký ư?

Đáp: Kinh Tịnh Danh vì phá bệnh có sở đắc nên nói người là năng thọ, pháp là sở thọ, Phật là người năng trao ký, Bồ-tát là sở thọ ký, cho nên phá không có thọ ký. Nay vì đối với Thanh văn nói La-hán không thành Phật vì vậy nên thọ ký cho kia thành Phật. Lại kinh kia nói không thấy năng thọ, sở thọ, năng ký, sở ký nên không đắc ký, nay kinh này nói ký vô sở ký nên nói thọ ký. Hai kinh không trái nhau. Lại Phật pháp có nhị đế, Như lai thương y theo nhị đế nói pháp, y môn thế đế nói pháp nên có thọ ký, y môn đệ nhất nghĩa đế nói pháp nên không thọ ký.

7) Giống và khác:

Hỏi: Thọ ký cho Nhị thừa và Bồ-tát có gì khác nhau?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Nhị thừa có Phật tánh pháp thân cho nên thọ ký, chẳng tu hành đầy đủ cho nên thọ ký hoặc Bồ-tát có Phật tánh pháp thân lại tu hành đầy đủ cho nên được thọ ký, nên đại Tiểu thừa được thọ ký khác nhau.

Hỏi: Thọ ký cho người Thanh văn và Duyên giác có gì khác ư?

Đáp: Chia chung bốn trường hợp:

1) Người quả Duyên giác chỉ ở ngoài ba cõi nghe kinh Pháp Hoa cũng ngoài ba cõi được thọ ký.

2) Duyên giác nhân người và Thanh văn nhân vị đều ở trong ba cõi nghe kinh được thọ ký.

La-hán có hai câu:

1) Được gặp Phật trong ba cõi nghe kinh Pháp Hoa được thọ ký.

2) Không gặp Phật, như trong phẩm Hóa Thành Dụ nên rõ sau khi Phật diệt độ La-hán sanh ngoài ba cõi nghe kinh được thọ ký, bốn câu này là phán xét chung.

Hỏi: Làm sao biết được Duyên giác ở ngoài cõi nghe kinh ư?

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát trước khi sắp hạ sanh dùng

thiên nhãn xem xét thế giới, nếu có Duyên giác thì phát ra ánh sáng chiếu soi, người giác biết thì chọn diệt độ, người không giác biết thì đổi trú ở phương khác, người này đã ở trong ba cõi không gặp Phật nên biết ngoài ba cõi nghe kinh mới được thọ ký.

Nếu có người Duyên giác gặp Phật: cũng có ở trong ba cõi nghe kinh được thọ ký nghĩa nầy ít thôi. Theo phẩm này có hai:

1) Chánh thọ ký.

2) Nghe cho hạ căn hứa nói nhân duyên đời trước.

Phần đầu lại có hai:

1) Thọ ký cho bốn vị đại đệ tử.

2) Thọ ký năm trăm đệ tử, trái với tâm họ.

Trong phần một lại có hai:

1) Thọ ký cho Ca-diếp.

2) Thọ ký ba người.

Thọ ký Ca-diếp trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi lại có hai: Bảo đại chúng và chính là nói về thọ ký.

Hỏi: Thọ ký Thân tử chỉ bảo một người, thọ ký Ca-diếp vì sao bảo chung đại chúng?

Đáp: Văn xen lẫn thể hiện. Lại người thượng căn chỉ có một người nên chỉ bảo Thân tử, trung căn số nhiều nên bảo đại chúng. Lại muốn mở đường cho Thân tử hóa vật do đó bảo riêng, chúng lúc ấy Phật muốn cho họ rộng phát tâm cầu Phật nên bảo chung.

"Tuyên bố thế này": chánh thọ ký lại có hai:

1) Nói về hành nhân.

2) Nói về đắc quả.

Trong hành nhân có ba câu:

1) Phụng thờ Chư Phật.

2) Cúng dường v.v... là nêu ba nghiệp gieo trồng phước.

3) "Nói rông v.v...." là nói mở rộng pháp làm hạt giống trí tuệ.

"Ở thân sau cùng.." là nêu đắc quả. Có 6 thứ quả: Hóa chủ quả. Nước tên là Quang đức là quả cõi nước kiếp tên là v.v...." là Thời tiết quả, "Phật thọ v.v..." là Thọ mạng quả. "Chánh pháp trú thế...." là Trụ trì quả. "Cõi nước trang nghiêm v.v...." là lặp lại nói về quả cõi nước. Trước nêu tên cõi, nay nêu thể cõi. "Nước kia Bồ-tát v.v...." là nêu quả quyến thuộc. "Dù có ma và dân ma nhưng đều hộ trì Phật pháp": là nói chung rõ cõi có ba:

1) Uế độ: Hoàn toàn có ma làm chướng ngại nạn.

2) Thuần tịnh độ; thuần không có ma.

3) Cõi trung dung: vừa có ma vừa không có ma, thuận đồng các phương thị hiện làm ma cho nên nói có, đều ủng hộ Phật pháp cho nên nói không, nhưng ma Phật khó biết, liễu ngộ tức ma là Phật, không ngộ thì Phật là ma.

Kệ có mười hai bài rưỡi chia làm ba:

1) Một bài rưỡi nêu chung được thọ ký.

2) Mười hàng rưỡi nói riêng thọ ký.

3) Nửa bài tổng kết thọ ký.

Trong mười hàng rưỡi lại chia hai:

1) Hai bài rưỡi tụng hành nhân.

2) Tám hàng tụng về đắc quả.

Hai bài rưỡi đầu tụng ba câu văn xuôi:

1) Một bài rưỡi tụng phụng thờ Phật.

2) Nửa bài tụng ba nghiệp tu phước.

3) Nửa bài tụng trước mở rộng pháp làm hạt giống trí tuệ.

"Ở nơi thân sau cùng v.v... là tám hàng tụng đắc quả", nửa bài tụng quả hóa chủ, ba hàng tụng là quả cõi nước, ba hàng tụng quả quyến thuộc. Trong quả quyến thuộc trước tụng Bồ-tát kế tụng Thanh văn, nửa bài tụng về quả tuổi thọ, một bài tụng quả trú trì, lược không tụng quả thời gian.

"Lúc bấy giờ, ngài Đại Mục-kiền-liên v.v... là thọ ký ba người còn lại, lại chia làm hai:

1) Xin ký.

2) Thọ ký.

Xin ký có hai phần:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

- Xin ký: Nói lên Đức Phật từ khi tu nhân sở đắc đó nên xin. "Thảy đều run sợ..." Ba Đại đệ tử tự cho mình đã hiểu Đại thừa mà chưa được Phật thọ ký. ba người sợ chỗ hiểu chẳng phải hiểu rơi vào tăng thượng mạn cho nên run sợ, lại ba người vui mừng vì đã hiểu, kế đến lại sợ chưa kham nổi, vui sợ lẫn lộn nên run sợ.

Kệ văn chia làm ba:

1) Hai hàng chánh xin.

2) Bốn hàng giải thích xin.

3) Một bài kết xin.

Trong ba ấy mỗi mỗi có hai: Phần đầu: trước một bài nêu khen ngợi Phật đã ban ký chung. Kế một bài chánh xin ký riêng. Phần hai

trước một bài rưỡi thí nói. Kế hai bài rưỡi hiệp nói. Tiểu thừa không có thức căn Đại thừa gọi là đói, trái tiểu hướng đại gọi là đến, "bỗng gặp có tiệc vua": là được tổng ký. "Chưa dám ăn liền": chưa được ký riêng. "Nếu được vua dạy bảo, vậy sau mới dám ăn": Nếu được ký riêng lãnh giải mới quyết định, "Chúng con cũng như vậy: "hiệp trước" như từ nước đói đến. "Dù nghe giọng tiếng Phật": là một hàng hiệp trên "chưa dám ăn liền". "Nếu được Phật thọ ký": Nửa bài hiệp trên "được vua bảo, vậy sau mới dám ăn". Phần ba một bài có hai:

1) Nửa bài khen ngợi Phật.

2) Nửa bài kết xin.

"Lúc bấy giờ đức Thế tôn..." thọ ký cho ba người, tức chia làm ba Trong thọ ký cho Tu Bồ-đề trước văn xuôi kiếp kệ tụng. Văn xuôi có hai: trước nêu hành nhân, kế nêu đắc quả, trong đắc quả có bảy thứ quả:

1) Quả hóa chủ.

2) Quả thời gian.

3) Quả cõi nước.

4) Quả quyến thuộc.

Trong quyến thuộc có ba thứ:

1) Cõi kia nhân dân gọi là phàm phu quyến thuộc.

2) Thanh văn quyến thuộc.

3) Bồ-tát quyến thuộc.

4) Bởi trong đó có người thượng trung hạ phẩm.

5) Quả thọ mạng.

6) Quả trú trì.

7) "Đức Phật đó thường ở trên hư không v.v..." gọi là quả thuyết pháp. Do nhân tu của Thiện cát lúc ấy đắc giải Không, nên khi thành Phật ở trên hư không nói pháp.

Kệ mười hai hàng văn chia làm ba:

1) Hai bài nói chung Phật thọ ký.

2) một bài tụng trên hành nhân.

3) Chín hàng còn lại là tụng đắc quả.

Trong đây một bài tụng hóa chủ, một hàng rưỡi tụng về cõi nước, ba hàng tụng quyến thuộc, trong quyến thuộc không tụng phàm phu chỉ tụng Thanh văn Bồ-tát. Văn xuôi từ kém đến hơn, trước Thanh văn sau Bồ-tát, nay từ hơn đến kém, trước Bồ-tát sau Thanh văn. Kế hai bài tụng về quả nói pháp, kế nửa hàng tụng quả tuổi thọ, một bài tụng quả trụ trì, lược không tụng quả thời gian. Kệ và văn xuôi trước sau không

có thứ lớp đều là chuyển thế nói pháp, mỗi mỗi chỉ bày một môn, có ý tìm kinh xem văn mà hiểu.

Thọ ký cho Ca-chiên-diên văn xuôi chia làm hai: Trước hành nhân sau đắc quả. Hành nhân có ba:

1) Ở chỗ ít Phật hành nhân. "Sau thời kỳ đó v.v...." là nói về ở chỗ nhiều Phật hành nhân.

2) "Cúng dường các Đức Phật đó rồi..." kết nghĩa nhân đầy đủ. Trong đắc quả nói lược năm quả không có quả thời gian.

3) "Diêm Phù Na Đề Kim Quang Như lai v.v..." Diêm phù Hán dịch uế, Na đề là châu. Châu Diêm-phù-đề có nước, dưới nước có sắc vàng, sắc vàng hiện ra trên nước, mượn đây đặt tên.

Văn kệ chia làm hai:

1) Ba hàng tụng hành nhân.

2) Bốn hàng tụng đắc quả.

Trong đắc quả ba câu lược tụng quả hóa chủ, một câu tụng quả cõi nước, hai bài tụng lại hóa chủ, một bài tụng quyến thuộc, lược không nêu ba quả còn lại.

Thọ ký Mục-kiền-liên: Trong văn xuôi trước nêu hành nhân sau nêu đắc quả, trong hành nhân trước đối ít Phật hành nhân. "Lại sẽ cúng dường v.v..." là nêu đối với nhiều Phật mà hành nhân. Trong đắc quả đầy đủ sáu quả. Đa-ma-la-bạt: tên Hương Thảo diệp Hán dịch là quì hương. Trong quả quyến thuộc trước từ kém đến hơn nên Bồ-tát nói sau. Kế từ hơn đến kém nên Bồ-tát nói trước, nay chỉ bày Bồ-tát thực hành Trung đạo cho nên ở trung gian. Lại nhân chư thiên thân tâm đều kém nên nói đầu, Bồ-tát tâm hơn thân hình không nhất định phương cho nên nói thứ hai, Thanh văn tâm hình đều hơn cho nên nói thứ ba.

Đầu năm hàng kệ tụng hành nhân. "Ở nơi nước Ý lạc.." là tụng đắc quả. một câu tụng quả cõi nước, ba câu tụng về hóa chủ, nửa hàng tụng về thọ mạng, nửa hàng tụng về quả thuyết pháp, hai bài tụng về quyến thuộc, một bài tụng về quả trú trì. "Các đệ tử của ta v.v..." một bài rưỡi thọ ký chung năm trăm người. "Ta cùng với các ông..." một bài hứa nói các nhân duyên đời trước.

PHẨM HÓA THÀNH DỤ THỨ BẢY

Nay dùng ba môn giải thích:

1) Ý nghĩa có phẩm này.

2) Giải thích tên đề.

3) Quyết nghi.

I. Ý nghĩa:

1) Thừa quyền, thừa thật gồm nói có ba châu:

a) Môn Pháp thuyết.

b) Môn Thí thuyết. Hai thứ này đã xong. Nay là thứ ba môn vừa pháp vừa thí. Trước Hóa thành gọi là pháp thuyết, Hóa thành về sau gọi là thí thuyết. Hai căn thượng trung mỗi một căn đều bẩm thọ một thuyết, hạng hạ căn phải trình bày đủ pháp thí. Trước Hóa thành nói về pháp thuyết. Nghĩa là thuyết bắt đầu đời quá khứ kết duyên. Hóa thành trở đi nói về thí chép: Do quá khứ kết duyên hiện tại lại gặp nhau cho nên lặp lại thành thuyết Hóa thành dụ. Đầy đủ hai đời từ đầu đến cuối độn căn chính mới lãnh giải cho nên có phẩm này.

2) Vì giải thích nghi cho nên có, Nghi là nói người Thanh văn bẩm thọ kinh Pháp Hoa tức năng giải ngộ hiện tại được thọ ký vị lai thành Phật. Nếu vậy vì sao dùng Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành, vì giải thích nghi này cho nên nói về, ba căn Thanh văn từ nhiều kiếp lâu xa đến nay từng phát đại tâm tu hạnh Bồ-tát, nhưng giữa đường quên mất, tạm thời chứng Tiểu quả, nay nghe Đại thừa lại đắc bổn ngộ cho nên hiện tại được thọ ký, vị lai thành Phật, vì giải thích nghi trên nên nói phẩm nầy. Vì thế, hai châu trên lãnh giải tức là quả đắc ngộ, một phẩm nay nói về được nhân lãnh giải, cho nên tuy có ba châu không ra ngoài hai nghĩa nhân quả.

3) Phẩm Thí Dụ chép: vì các Thanh văn nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ-tát Pháp, nhưng Thanh văn có hai thứ:

a) Bổn thừa Thanh văn.

b) Lui sụt đại chứng tiểu Thanh văn.

Vì hai hạng người này nên nói về hai thứ nói, vì bổn thừa Thanh văn nên nói thẳng pháp môn hiện tại, nghĩa là hiện tại có căn tánh Ba thừa, ở trong nhà lửa ba cõi quyền nói ba xe dẫn khiến được ra, đã được ra khỏi nhà lửa lại dùng các thứ phương tiện điều phục tâm kia khiến tiểu chí dần dần thay đổi đại căn hơi thuần thục, rồi sau vì họ nói tuệ Phật khiến sơ khởi tín tâm. Trên pháp nói hai châu thường nói về ý nầy nghĩa là hóa bổn thừa Thanh văn.

Vì thoái đại chứng tiểu Thanh văn, nói pháp quá khứ gồm có ba thời:

1) Sơ học Đại thừa.

2) Lui sụt đại chấp tiểu.

3) Bỏ tiểu ngộ đại.

Hiện tại nói dụ Hóa thành cũng có ba thời:

1) Ban đầu nói Đại thừa.

2) Giữa đường nói Tiểu thừa.

3) Sau lại nói Đại thừa.

Nói như thế là thường thoái đại chứng tiểu Thanh văn, cho nên Thanh văn không ra ngoài hai thứ, ba châu chỉ cho hai môn nầy, đây đều là phán xét chung, hai môn thông nhau trước sau. Theo ý luận Pháp Hoa nói thật không mà cho là có gọi là người tăng thượng mạn. Do có Tam-muội-Ba-ma-bạt-đề thế gian đối trị đây cho nên nói Hóa Thành Dụ, luận nói về người phàm phu đắc thiền định thế gian chấp phi tưởng vô tưởng là Niết-bàn, cho nên nay nói về Thanh văn Niết-bàn còn như hóa huống gì phàm phu là thật. Muốn người Thanh văn bỏ tiểu Niết-bàn, đắc đại Niết-bàn cho nên nói dụ Hóa thành.

II. Giải thích tên: Trúc Pháp Hộ dịch là phẩm Vãng cổ, đây do từ đầu đặt tên; Ngài La-thập dịch là Hóa Thành Dụ, tức từ văn sau đặt tên, nhưng hai tên đều có một nghĩa. Đề Vãng cổ: được hiểu rõ bắt đầu quá khứ kết duyên, nêu Hóa thành là nói về cuối cùng hiện tại phá chấp, nhưng Vãng cổ ý nói tản mạn nghĩa phá chấp không tập trung, Hóa thành nói riêng bác bỏ bệnh là thiết yếu, vì kia không mà bỗng có nên gọi là hóa, phòng địch gọi là thành, hiểu dụ hạ căn nói về quả xưa chẳng chân thật đó là mở cửa phương tiện, tiến đến đảo châu báu gọi là hiển nghĩa chân thật, trực kế đặt tên nầy đủ được bỏ quyền bày thật cho nên dứt chấp dứt nghi, gọi là phẩm Hóa Thành Dụ.

III. Quyết nghi: Hỏi: ba xe, hai sứ giả, một thành đều là quyền, đây có gì khác?

Đáp: Vốn có căn tánh Ba thừa nên nói ba xe, người Nhị thừa lãnh giải biết chỉ một sự thật đây, hai thứ còn lại chẳng chân thật cho nên nói hai sứ giả. Nhị thừa tuy khác, đồng đoạn kiến tư hoặc phiền não đồng đắc vô vi Niết-bàn cho nên gọi một thành.

Hỏi: ba xe cùng ba sứ giả có gì khác nhau ư?

Đáp: Trưởng giả sai người bên cạnh gọi con không được, lại sai hai người gọi con liền được, cho nên một sứ là chân thật hai sứ là phương tiện, nghĩa nầy đồng với Trưởng giả dùng vạt áo bàn ghế hóa con không

được dùng ba xe cứu con được, vạt áo bàn ghế là chân thật, ba xe là phương tiện.

Hỏi: Trong ba xe thì xe lớn là thật hay là phương tiện?

Đáp: Đủ có hai nghĩa: như đạo lý không hai chỉ có một, thì hai là phương tiện một là chân thật, vì vậy nên trước nói chỉ có một sự thật hai thứ còn lại chẳng thật. Sau lại nói chỉ có một chỗ nghỉ ngơi và Phật thừa nên nói hai.

Hỏi: Nếu vậy đã một sứ giả hóa không được, hai sứ giả hóa liền được, cũng lẽ ra một xe lớn dẫn không được, hai xe dẫn liền được ư?

Đáp: cũng theo lệ, nhưng ý phẩm Thí dụ trong nhà lửa vốn có ba mươi người con không thể chỉ dùng Nhất thừa hóa cho nên dùng vạt áo... cứu không được, vì nói ba xe liền được, nay hai sứ giả chính là một thừa làm dụ, nên một sứ giả gọi không được, hai sử giả gọi liền được. Nhất thừa là chân thật, Ba thừa là phương tiện: Mà dùng phương tiện mật sai hai người cho nên nhị thừa là phương tiện, cởi áo quý giá mặc áo thô xấu là phương tiện để được gần con, Phật thừa nầy cũng là phương tiện. Vì sao? Vì không có từ thân phàm phu ở dưới gốc cây mới được thành Thánh vì người Nhị thừa nên phương tiện thị hiện.

Hỏi: hai xe, một thành đều là phương tiện, vì sao thành một mà xe hai ư?

Đáp: Nếu luận chung thì được xen lẫn tướng loại, đã được gọi là một thành cũng được gọi là một xe, cho nên Thanh văn, Duyên giác đồng gọi Tiểu thừa. Căn cứ trí có hơn kém đã phân hai xe, cũng được căn cứ người khác nhau chia làm hai Niết-bàn. Cho nên đoạn văn dưới chép: Vì dừng nghỉ nên nói hai Niết-bàn. Kinh Niết-bàn chép: Đời nếu không có Phật chẳng phải không có Nhị thừa đắc hai Niết-bàn. Lại nói Xá-lợi-phất các ông dùng tiểu Niết-bàn mà bát Niết-bàn. Người Duyên giác dùng trung Niết-bàn mà bát Niết-bàn. Mà nay xe hai, thành một ấy: là muốn căn cứ căn tánh lợi độn nên nói về trí có hơn kém, do đó chia làm hai xe. Đều vượt ngoài ba cõi đồng nghĩa dừng nghỉ cho nên hiệp làm một thành. Đứng về Đại tông mà nói muốn nói lên nhị thừa khác nghĩa cho nên chia làm hai xe, Nhị thừa lại có nghĩa đồng nên hiệp làm một thành.

Hỏi: Nhị thừa có bao nhiêu nghĩa khác nhau bao nhiêu nghĩa đồng nhau?

Đáp: Nghĩa khác thì nhiều nói lược mười một thứ khác:

1) Căn có lợi độn.

2) Tu nhân dài ngắn, Thanh văn nhanh nhất là ba đời, chậm nhất

là sáu mươi kiếp, Duyên giác nhanh nhất bốn đời, chậm nhất một trăm kiếp.

3) Khác thời: Thanh văn và Phật đồng đợi, Duyên giác và Phật khác đời.

4) Có bi và không có bi như luận Trí độ chép: Như ba thú bị bao vây, Thanh văn như hươu chỉ tự thoát vòng vây Duyên giác như dê, tuy được thoát mà nhớ về con thì có ít bi.

5) Phước đắc dày mỏng khác nhau: Duyên giác thân có tướng tốt, nhưng đầy đủ hoặc không đầy đủ, Thanh văn thân hoặc có tướngg hảo hoặc không tướng tốt.

6) Có ấn tự không ấn tự khác nhau: Duyên giác trong tay có mười hai nhân duyên ấn tự, Thanh văn trong tay không có tứ đế ấn tự.

7) hiện thần thông nói pháp khác nhau: Thanh văn thường vì người nói pháp, Duyên giác thường vì người hiện thần thông, dù có nói pháp chỉ nói một bài kệ

8) Lợi ích sâu cạn khác: Thanh văn nói pháp khiến người được bảy hiền bảy thánh, Duyên giác nói pháp không khiến người đắc pháp Noãn, pháp Đảnh cho đến La-hán. Vì sao? Vì Thanh văn đồng đời với Phật, chúng sanh phước đức lợi căn cho nên nghe nói giáo pháp đắc thành quả Thánh, Duyên giác xuất hiện đời không có Phật, chúng sanh phước mỏng căn độn tuy nghe nói pháp không thể ngộ sâu cũng không có khả năng nói nhiều.

9) Cảnh giới khác nhau: Thanh văn thiên nhãn theo Luận Trí độ và Tạp tâm nói dùng hai ngàn thế giới làm cảnh giới, Duyên giác thiên nhãn dùng ba ngàn thế giới làm cảnh giới.

10) Xuất xứ khác nhau: Thanh văn ra đời, Duyên giác ẩn xứ núi rừng.

11) Tiệm đốn khác nhau: Thanh văn tiệm đắc bốn quả Duyên giác đốn chứng nhất quả.

Nói đồng: nói lược bảy thứ:

1) Dứt hoặc đồng, gọi là đồng dứt hoặc kiến tư.

2) Nghĩa xuất đồng: đồng xuất ba cõi:

3) Trí đồng: Y Đại phẩm nói đồng đắc Nhất thiết trí, y Tiểu thừa đồng đắc Tận vô sanh.

4) Niết-bàn đồng: Đồng đắc hai thứ Niết-bàn hữu dư, vô dư.

5) Thấy đồng: Đồng thấy lý tứ đế.

6) Đồng biết việc quá khứ vị lai tám muôn kiếp.

7) Đồng tên nhất Tiểu thừa.

Hỏi: Các con ra khỏi cửa vì sao không thấy ba xe giữa đường thấy hóa thành ư?

Đáp: y cứ Thí dụ mà nói con ở trong nhà xe ở ngoài cửa là căn cứ nói pháp luân làm thí dụ cha hư chỉ ngoài cửa nói về có ba xe, các con ra ngoài cửa không thấy có ba xe, đây y cứ giáo nay làm dụ muốn nói lên đạo lý không ba làm nghĩa đồng ban cho xe lớn. Cho nên, nương các con ra ngoài cửa không thấy có ba, theo cha xin ba để nói lên không ba. Thành căn cứ thần thông luân làm dụ, thành trên đường đi xa không có vật gì ngăn cách, đồng bạn với các con nên mắt tiện thấy. Đây căn cứ giáo xưa mà nói về mọi người muốn thối cho nên khiến họ thấy thành mà vào thành. Nếu dùng thành so sánh xe thì xưa đã thấy thành mà vào thành, xưa cũng thấy xe mà cưỡi xe, xe là Niết-bàn, xưa đã chứng Niết-bàn.

Như Thân tử chép: lúc bấy giờ tâm tự cho là ến diệt độ, nếu dùng xe so sánh thành thì nay ra khỏi cửa đã không thấy xe, nay giữa đường cũng không thấy thành, chỉ Như lai chuyển thế nói pháp, y cứ xưa nay khác nhau nên thành xe có thấy không thấy khác nhau. Lại không thấy xe hiển lý không ba nói về nghĩa thật trí, thấy có thành nói lên phương tiện có ba nói về nghĩa quyền trí. Lại thành xe khác nhau: xe thường dựa vào trí đức hữu vi, lấy đó vận động làm dụ, thành nhiều căn cứ ở Niết-bàn vô vi lấy vắng lặng Nhất thừa đó để lập dụ.

Nói nhân duyên đời trước gồm có ba phẩm: Theo như hai châu trước đều nên có bốn:

1) Chính là nói.

2) Lãnh giải.

3) Thuật thành.

4) Thọ ký.

Nay nói dù có ba phẩm mà thích hợp làm hai: Đầu phẩm chính là nói, sau hai phẩm nói về thọ ký, trong đó đều nói về lãnh giải không thể tách riêng. Sở dĩ chỉ nói về hai: Chư Phật nói pháp có lược có rộng, trước vì lợi căn cho nên nói rộng, sau y độn căn cho nên nói lược.

Hỏi: hai châu đầu vì sao trước lãnh giải sau mới thọ ký, nay nói nhân duyên đời trước vì sao trước thọ ký sau mới lãnh giải ư?

Đáp: xưa giải thích rằng muốn tiêu biểu hạ căn đạt ngộ là khó, nay tuy vì nói mà còn chưa rõ ràng nên lại phải thọ ký, giải tâm bắt đầu quyết định mới thuật lãnh giải.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Trước nói tâm còn hoài nghi lo sợ “chưa dám ăn ngay”,

trung căn còn phải đợi thọ ký, giải tâm mới hiểu rõ huống chi người hạ căn ư! Nay cho rằng đây giải thích tiểu thành khó hiểu, nếu trung căn đợi thọ ký giải tâm mới quyết định thì cũng nên đợi thọ ký mới thuật lãnh giải, nay lại dùng một nghĩa giải thích người hạ căn nghe nói nhân duyên đời trước và hóa thành dụ liền lãnh giải cho nên Như lai liền thọ ký ngay cho họ, được thọ ký rồi mới thuật kia lãnh giải vì muốn nói giáo môn khác nhau nên ba châu được thọ ký lãnh giải trước sau là khác!

Đại ý phẩm này chính muốn nói về đời quá khứ làm mười sáu vị Sa-di vì ông nói kinh Đại thừa, nhưng giữa đường quên mất Đại nên chọn Tiểu, nay lại muốn ông bỏ Tiểu ngộ Đại nên nói Pháp Hoa, nhưng nghĩa nầy không thể nói thẳng phải trình bày đầy đủ lý do việc đời trước. Nên chia làm hai phần: Đầu: một văn xuôi một kệ tụng, lược thuật quá khứ kết duyên thời gian lâu dài. Kế một văn xuôi một kệ tụng, nói rộng việc kết duyên quá khứ. Căn cứ trước lại có hai: Đầu văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có năm:

1) Nói về thời gian kết duyên.

2) Bấy giờ có Đức Phật v.v.... là nêu Phật kết duyên.

3) “Nước đó tên Hảo Thành...” là nói kết duyên.

4) Kiếp tên Đại tướng v.v.... là nói tên kiếp kết duyên.

5) “Các Tỳ-kheo v.v...” là kết duyên thời gian lâu dài.

Do đó nói về thời gian lâu dài:

1) Muốn chỉ bày các Thanh văn phước mỏng căn độn xưa vốn học kinh Đại thừa cho đến nay trụ trong Tiểu quả thật đáng thương.

2) Là muốn nói về sanh tử lâu dài khiến các chúng sanh khởi tâm sợ hãi sâu xa làm cho đạo tâm vững chắc khiến không còn lui sụt.

3) Muốn khen ngợi Như lai năng biết lâu dài cũng như ngày này khiến người Nhị thừa tự khinh mình ưa thích trí Phật.

4) Muốn nói lên Pháp Hoa là đạo pháp của cổ Phật, Tiểu thừa nghe nói không nên kinh sợ.

Căn cứ trong văn nầy lại chia năm câu:

1) pháp thuyết.

2) “Thí như v.v....” là nêu dụ để hỏi Tỳ-kheo.

3) “Thưa Thế tôn! không thể biết! v.v...” Tỳ-kheo vâng đáp.

4) “Các Tỳ-kheo v.v...” chính là nói về quá khứ lâu dài.

5) “Ta dùng tri kiến của Như lai v.v...” là khen ngợi trí Phật.

Luận Địa trì chép: Phật có ba trí:

1) Bậc nhất nghĩa thanh tịnh trí gọi là không trí dứt hoặc.

2) Nhất thiết trí biết các pháp hữu. Lược biết bốn pháp:

a) Biết tất cả thời gọi là ba đời.

b) Biết tất cả giới gọi là thế giới và cõi chúng sanh.

c) Biết tất cả sự gọi là hữu vi vô vi sự.

d) Biết tất cả chủng gọi là nhân quả chủng biệt thế gian xuất thế gian.

3) Trí Vô ngại cũng là Hữu trí: đối bốn pháp trên muốn biết thì biết mà không ngăn ngại. Nay nói tri kiến của Như lai tức là hai trí sau lại cũng đầy đủ ba trí. Sở dĩ biết như vậy là do khen ngợi Phật quán nơi lâu xa cũng như ngày nay, đây là xa gần không hai. Cho nên, kinh Hoa Nghiêm chép: một niệm vô lượng kiếp, vô lượng kiếp trong một niệm, không đến không chứa nhóm mà hiện việc các kiếp.

Kệ văn chỉ tụng ba việc: Nửa bài tụng thứ nhất là thời gian, nửa hàng tụng thứ hai là hóa chủ, sáu hàng còn lại tụng thứ năm quá khứ lâu dài. Trong văn xuôi có năm nay chỉ tụng ba: đầu hai bài tụng thứ hai nói thí dụ hỏi các Tỳ-kheo. Kế hai bài tụng thứ tư nêu quá khứ lâu xa. Kế hai bài tụng thứ năm khen ngợi trí Phật.

"Phật bảo các Tỳ-kheo v.v..." một văn xuôi một kệ tụng nói rộng về việc kết duyên quá khứ.

Văn cũng có hai:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

1) Nêu bắt đầu kết duyên quá khứ.

2) Nêu hiện tại lại gặp nhau lại vì nói pháp. hai thứ này là quá khứ hiện tại từ đầu đến cuối.

Căn cứ đầu lại có hai:

1) Nêu lý do kết duyên.

2) Chính nêu kết duyên.

Hai văn đều có hai: Lý do kết duyên có hai:

1) Duyên do kết duyên xa.

2) Duyên do kết duyên gần.

Trong chánh kết duyên cũng có hai:

1) Nêu một đời kết duyên.

2) Nêu đời đời gặp nhau.

Trong lý do kết duyên xa chia làm bốn:

1) Nêu đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật.

2) Mười sáu vị vương tử xin Phật xoay bánh xe pháp.

3) Thành Phật xong hiện tướng lành.

4) Phạm thiên khắp mười phương nhóm họp cúng dường khuyên xin. Bốn đoạn thứ tư: Ban đầu duyên thuần thục nên thành đạo, do thành đạo nên chúng gần nhóm họp khuyến xin nói pháp, chúng gần tuy đến nhưng chúng xa chưa nhóm họp cho nên hiện tướng lành gọi, người có duyên đồng thấy cho nên chúng xa đều nhóm họp cúng dường khuyến xin. Tuy có bốn đoạn này mà không ngoài hai việc: thứ nhất và ba nêu việc năng hóa, thứ hai và bốn nói về việc sở hóa.

Căn cứ bốn đoạn mỗi đoạn chia làm riêng, hiệp thành mười hai phần kinh. Đoạn đầu có ba:

1) Nêu mười kiếp ngồi đạo tràng chưa thành Chánh giác.

2) Chư thiên cúng dường.

3) Quá mười kiếp mới thành Phật.

Đầu văn nói về Phật tuổi thọ năm trăm bốn mươi muôn ức na do tha kiếp gồm có ba nghĩa:

1) Thành trên quá khứ lâu xa, Phật thọ đã lâu dài như thế, huống chi sau khi diệt độ trải qua số kiếp như thế.

2) Muốn nói về mười kiếp ngồi đạo tràng và sau nhập định tám muôn bốn ngàn kiếp cho nên trước phải nói về Phật tuổi thọ lâu dài.

3) Ba châu nói pháp nói nương quyền thừa thật sắp xong. Muốn xa khai nghĩa tuổi thọ cho nên nói về cổ Phật tuổi thọ lâu dài khiến sau khai Thích-ca tuổi thọ lâu dài mà không sanh kinh sợ nghi ngờ.

Hỏi: Vì sao mười kiếp ngồi đạo tràng?

Đáp: Vì duyên thích nghi khác nhau, như Thích-ca sáu năm khổ hạnh, Di-lặc xuất gia trong ngày liền thành Phật. Mà nói mười kiếp không thành Phật ấy: Đây muốn đợi vật duyên thuần thục ở trong mười kiếp cho đến thời nay mới thành. Lại có hai lợi ích: chưa thành đạo khiến cúng dường sanh phước cho chúng sanh, thành đạo rồi thọ xin nói pháp khiến chúng sanh được tuệ.

Hỏi: Bồ-đề khó đắc dễ đắc có nghĩa gì ư?

Đáp: Như Đại phẩm có chỗ chép:

1) Căn cứ có phương tiện không phương tiện nói về kia khó dễ, không phương tiện gọi là khó, có phương tiện gọi là dễ, khó dễ nêu ra hai duyên.

2) Bồ-đề thật không có khó dễ; lại môn thế đế nói về Bồ-đề khó đắc, môn đệ nhất nghĩa nêu Bồ-đề dễ đắc lại vì chúng sanh khinh chê Phật đạo nên nói Bồ-đề khó đắc, vì chúng sanh sợ hãi sanh tử lâu dài nên nói Bồ-đề dễ đắc.

Hỏi: Vì sao gọi là đạo tràng ư?

Đáp: Đạo tràng có hai thứ:

1) Pháp thân đạo tràng.

2) Ứng thân đạo tràng.

Pháp thân đạo tràng: Đạo là đạo quả ba Bồ-đề; Tràng là muôn hạnh. Như kinh Tịnh Danh chép: do muôn hạnh năng thành đạo Ba Bồ-đề cho nên nhân hạnh làm đạo tràng của quả. Ứng thân đạo tràng: ở cõi Ma-kiệt-đà vốn ở dưới gốc cây thành đạo nên gọi là đạo tràng.

Hỏi: Nếu nói nhân hạnh là đạo tràng vì sao kinh Tịnh Danh nói Nhất thiết trí v.v... là đạo tràng ư?

Đáp: Đạo tràng có cả nhân lẫn quả:

1) Tức nhân năng khởi đạo gọi là đạo tràng như trước nói.

2) Tức quả cũng là đạo tràng, vô thượng hư thông nên gọi là đạo, tức là chỗ bước lên đạo Thánh mầu nhiệm nầy nên gọi là Tràng.

Nay dùng bốn câu giải thích:

1) Đạo mà không phải tràng gọi là đạo vô thượng quả.

2) Tràng mà chẳng phải đạo gọi là dưới cây Bồ-đề khởi đạo.

3) Vừa là đạo vừa là tràng tức như trước nói gọi là quả đạo tràng.

4) Chẳng phải đạo, chẳng phải tràng dứt ba môn trên trở về ngôn ngữ vắng lặng lo nghĩ dứt.

“Lúc ấy, các trời Phạm thiên...” là nói chư thiên cúng dường. “Các Tỳ-kheo v.v...” trải quá mười kiếp đức Đại Thông Trí Thành thành Phật, nhưng thành Phật có hai thứ: Pháp thân thành Phật, như từ mới phát tâm đến địa Đẳng giác sau chuyển thành Phật địa Diệu giác, đây là biến dịch sanh tử sắp đổ cho nên pháp thân ngoài ba cõi thành Phật. Y luận Nhiếp Đại thừa nêu ngoài ba cõi có bốn thứ sanh tử, Ba địa trở xuống gọi là phương tiện sanh tử, Tứ địa đến Thất địa gọi là nhân duyên sanh tử, Bát địa đến Thập địa gọi là hữu hữu sanh tử, Kim cương tâm nhất sát na gọi là vô hữu sanh tử. Luận Phật tánh chép: Ba địa là địa thế gian nên gọi là thế đế, cũng là phước đức, phước đức so với trí tuệ thì phước đức là duyên gọi là phương tiện sanh tử. Tứ địa đến Thất địa gọi là xuất thế gian địa cũng gọi là Chân-đế, xứng là trí tuệ, trí tuệ là nhân gọi là nhân duyên sanh tử. Luận nêu dụ rằng: Phương tiện sanh tử như vô minh sanh hành, nhân duyên sanh tử như hành sanh thức, cho nên biết vô minh là phương tiện mà hành chính là nhân. Hữu hữu sanh tử là có sanh cũng có tử, vô hữu sanh tử chỉ có một sát na sanh sau thì chuyển thành pháp thân, pháp thân thành Phật chính là lìa vô hữu sanh tử. Ứng thân thành Phật gồm có hai thứ:

1) Theo Đại thừa, Thập địa hành mãn ngồi dưới đạo tràng, hoặc có cõi tịnh ngoài ba cõi thành Phật, hoặc cõi uế tịnh trong ba cõi thành Phật.

2) Tiểu thừa thành Phật nhất định ở trong ba cõi.

Luận Câu xá có hai thứ giải thích:

1) Phật ngồi dưới gốc cây quán bất tịnh cho đến thứ lớp chứng Tận trí vô sanh trí mới xuất quán gọi là thành Phật.

2) Ngồi dưới gốc cây từ bốn gốc lành thứ lớp nhập Kiến tu đạo ba mươi bốn tâm thành Phật.

Đại Tiểu thừa thành Phật khác nhau: Tiểu thừa từ phàm chuyển thành Thánh, Đại thừa từ Thánh đến Thánh.

Hỏi: Nói theo Tiểu thừa thì Phật là người căn cơ đại lợi không có nghĩa ngồi đạo tràng mà Phật pháp không hiện tiền, trên nói vì sao Phật pháp không hiện tiền ư?

Đáp: Nay y cứ Đại thừa phương tiện trú đợi duyên Tam-muội cho nên nói Phật pháp không hiện tiền! Nếu căn cứ Tiểu thừa đức Thích-ca sáu năm khổ hạnh cũng được gọi là Phật pháp không hiện tiền.

Hỏi: sáu năm khổ hạnh là có ngồi đạo tràng hay không?

Đáp: Chẳng đúng, sáu năm khổ hạnh xong thọ dụng sữa rồi sau chọn tòa cỏ nơi đạo tràng mới thành Phật.

"Lúc Đức Phật chưa xuất gia v.v..." là đoạn hai: Nói mười sáu vương tử xin xoay bánh xe pháp cũng chia làm ba riêng:

1) Cùng quyến thuộc đến chỗ Phật.

2) Đến rồi cung kính khen ngợi.

3) Chánh xin nói pháp.

Hỏi: Vì sao ban đầu nêu lên mười sáu vương tử mà trước không nóivị tổ của vua Chuyển luân kia ư?

Đáp: Gồm có hai nghĩa:

1) Mười sáu vương tử có công xin chuyển pháp luân đại tiểu thừa cho nên nêu trước.

2) Mười sáu vương tử lại có thể giảng giải lại; nay chính là nói về kết duyên với vương tử cho nên nêu trước.

"Tên là Trí tích v.v..." là bình đẳng đại trí đều đã chứa nhóm cho nên năng xin chuyển hai luận và thuật lại kinh Diệu Pháp Hoa. "Đều bỏ đồ báu của mình đi đến chỗ Phật" là ý muốn xuất gia cho nên xả tiểu lạc mà cầu đại lạc. "Các người mẹ khóc lóc theo đưa:" ái tình chưa dứt cho nên khóc lóc, đạo duyên đã hợp cho nên theo đưa.

"Đã đi đến nơi đem đầu mặt kính lễ dưới chân Phật..." Cung kính,

khen ngợi. Văn xuôi ở trước là thân nghiệp cung kính, kế kệ tụng là miệng nghiệp khen ngợi, tự có khen ngợi mà không cung kính, cung kính mà không khen ngợi, vừa cung kính vừa khen ngợi, chẳng cung kính chẳng khen ngợi nay đủ cả hai.

Kệ văn chia làm bốn:

1) Một bài rưỡi khen ngợi Phật thành đạo.

2) Hai bài khen ngợi ngồi đạo tràng.

3) Bốn hàng nêu tự vui mừng.

4) Nửa bài kết khen ngợi.

"Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử v.v..." là nêu xin xoay bánh xe pháp, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn kệ có ba:

1) Hai bài rưỡi chính là thỉnh nói pháp.

2) Một bài rưỡi khen ngợi Phật đức biết căn cơ giải thích có khả năng thọ thỉnh.

3) Nửa bài chính là kết thỉnh.

Mà nói một trăm phước ấy: một thiện có năm phẩm tâm, gọi là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Mười thiện hiệp thành năm mươi, đầu có năm mươi tâm cuối có năm mươi tâm cho nên gọi là một trăm phước.

"Phật bảo các Tỳ-kheo..." là đoạn ba: Nói về thành Phật rồi sau hiện tướng lành, sở dĩ hiện tướng lành là muốn rộng nhóm họp người có duyên khiến thọ đạo pháp. Lại mười kiếp ngồi đạo tràng nghĩa là bậc Thánh im lặng ý nghiệp lợi vật, nay nói là phát ra ánh sáng nghĩa là thân nghiệp lợi vật, sau thọ xin nói pháp gọi là miệng nghiệp lợi vật. Lại từ khi thành đạo về sau đầy đủ ba nghiệp lợi vật. Phát ra ánh sáng là thân nghiệp, động đất là ý nghiệp, nói pháp là miệng nghiệp. Văn lại có ba:

1) Động địa.

2) Phát ra ánh sáng.

3) "Lại các cõi nước kia v.v...." nêu chỗ hai tướng lành đến.

Sở dĩ phát ra ánh sáng là

1) Tiêu biểu trí sáng chói như mặt trời cho nên thân sáng chói trước.

2) Muốn diệt chướng ngại của chúng sanh.

3) Muốn triệu tập người có duyên khiến biết Phật ra đời. Sở dĩ động đất: là kệ tụng sau giải thích rằng: "Vì giác ngộ chúng sanh, linh động với tất cả khiến chúng sanh biết có Phật ra đời". Nêu riêng hai tướng lành đến: trước hai chương là lợi ích các chúng, nay mục đích

nhóm họp Phạm vương.

"Bấy giờ phương Đông..." là đoạn bốn: Nêu Phạm thiên mười phương nhóm họp xin xoay bánh xe pháp. Sở dĩ chỉ nói về Phạm Vương xin vì trên nêu mười sáu vương tử trong mười phương là nói chúng gần thỉnh nay nói mười phương Phạm vương thỉnh là chúng xa nói lược gần xa, trung gian đó theo lệ có thể biết cho nên văn sau chép: Lúc các Phạm thiên đến thấy mười sáu vương tử thỉnh và tám bộ cung kính cho nên biết nói lược gần xa thì biết trung gian. Lại mười sáu vương tử là nêu người thỉnh, nay nói thiên thỉnh, vì trời người là khí thọ đạo. Lại mười sáu vương tử là nói về trong quyến thuộc thỉnh nay nói ngoài quyến thuộc thỉnh. Văn cũng có ba:

1) Nêu Phạm vương ba phương đến thỉnh.

2) Theo lệ nơi sáu phương.

3) Biệt nêu phương trên Phạm thiên đến xin.

Ba phương thỉnh tức ba đoạn, mỗi một phương theo lệ có sáu chương:

1) Thấy điềm lành sanh nghi.

2) Các Phạm thiên tính bàn.

3) Tìm ánh sáng đến chỗ Phật.

4) Ba nghiệp cúng dường.

5) Xin xoay bánh xe pháp.

6) Như lai im lặng hứa khả.

"Lúc ấy các vị Phạm thiên vương v.v..." là văn thứ hai. "Bấy giờ có năm trăm v.v..." là văn thứ ba. Ba Tạng Chân-đế chép: Đãy áo là vạt áo đựng, nay gọi là vạt áo trước. "Tức thời các vị Phạm thiên vương v.v..." là ba nghiệp cúng dường. Trước văn xuôi nêu cúng dường tài lộc kế nói kệ nêu cúng dường pháp lại trước là thân nghiệp cúng dường, sau là miệng nghiệp cúng dường. Lại trước là cúng dường sau là khen ngợi. Văn xuôi chia làm hai: Nói về cung kính: "liền dùng hoa trời v.v... nêu cúng dường, trước dùng hoa cúng dường tiêu biểu muốn hành nhân. Kế dâng cúng cung điện là tiêu biểu muốn cầu quả. Trong hoa cúng dường trước cúng dường Phật gọi là quả chánh báo, kế cúng dường cây Bồ-đề gọi là quả y báo. Lại trước tiêu biểu người tôn quí, sau tiêu biểu chỗ kính trọng. Dâng cung điện: bỏ chỗ hình tướng nghỉ ngơi muốn cầu nhà thần nương ở.

Văn kệ chia làm ba:

1) Hai bài khen ngợi đức của Phật.

2) Một hàng trình bày ý đến.

3) Một hàng xin thọ cúng dường.

"Bấy giờ, các Phạm Thiên Vương..." là nói xin xoay bánh xe pháp. Trước cúng dường để cầu phước, nay xin nói để cầu tuệ, lại trước khen ngợi ruộng phước Phật, nay khen ngợi Phật làm thí chủ, lại trước là tự hành, nay xin pháp là hóa tha. "Lúc ấy đức Đại Thông Trí Thắng..." là im lặng nhận lời.

Hỏi: Thời Niết-bàn cũng im lặng mà không hứa nhận cúng dường, nay cũng im lặng làm sao biết nhận lời thích ư?

Đáp: Có người chép: Nhan sắc Phật có khi thay đổi cho nên biết nhận, không nhận! Có người nói thân sáng trên dưới là biểu hiện Phật có nhận, không nhận. Có người nói khi mới thành đạo Phật có xướng hiệu.

Im lặng tức là nhận lời xin. Thời Niết-bàn im lặng là không nhận xin. Hai phương còn lại như văn. Phương Tây nam cho đến phương dưới v.v... theo lệ như sáu phương.

Phạm vương ở phương trên nói kệ khen ngợi mười hàng rưỡi chia làm hai:

1) Tám hàng rưỡi tán Phật.

2) Hai bài xin Phật nhận cúng dường. Trước khen ngợi sau xin: Đầu khen ngợi nêu Phật có đức cao quý nên sau xin thọ cúng dường.

Căn cứ trong phần đầu khen ngợi: hai bài khen ngợi Phật có đức từ bi: kệ trước khen ngợi đại bi kệ sau khen ngợi đại từ. "Lúc xưa vô lượng kiếp v.v..." có sáu hàng rưỡi khen ngợi Phật khó gặp: bốn hàng rưỡi đầu nêu xưa không gặp Phật. Kế hai bài tự vui mừng nay được gặp Phật. Trong bốn hàng rưỡi đầu chia làm hai:

1) Ba hàng rưỡi nói chúng sanh khởi ái không gặp Phật.

2) "Trụ trong pháp tà kiến v.v..." một bài nêu khởi kiến chúng sanh khởi kiến chấp không gặp Phật.

Hỏi: Phương Đông nam các Phạm vương nói một trăm tám mươi kiếp luống qua không có Phật. Kế phương Nam nói hơn một trăm ba mươi kiếp đến nay mới thấy một lần, nay đây văn này nói lúc xưa vô lượng kiếp luống qua không có Phật vì sao ba chỗ khác nhau ư?

Đáp: Do tìm cầu Phật ứng thế cảm thấy khác nhau, cũng bởi chúng sanh tu hành có dày mỏng khác nhau, cho nên thấy kế đến nổi khác nhau xa gần, mười ba mươi kiếp người thượng phẩm, 1tám mươi kiếp người trung phẩm, lúc xưa vô lượng kiếp là người hạ phẩm. Nói lược ba phẩm khác nhau tức tóm lược gồm nhiếp nghĩa cảm ứng.

"Đều mất vui và tưởng vui" là đối cảnh sanh ái làm vui, tâm chấp

cảnh nên gọi là tưởng vui. Lại giải thích lạc cho là lạc đầy đủ tưởng là thọ lạc, sanh tử không có thật vui nên gọi là tưởng vui.

"Lúc bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như lai..." là nói lý do gần, do cách xa trở lại giảng giải gần nên gọi lý do gần cũng chia làm bốn:

1) Thọ xin nói pháp luân Tiểu thừa.

2) mười sáu vương tử xin chuyển pháp luân Đại thừa.

3) Thọ thỉnh nói pháp.

4) Nói kinh xong nhập định. Trước nói về nói Tiểu thừa, ba phần sau biện nói Đại thừa, căn cứ bốn chương này mỗi chương chia ba đoạn cũng hiệp thành mười hai chương kinh.

Đầu ba chương:

1) Nêu thọ xin.

2) Nêu một hiệp nói pháp.

3) Nêu nhiều hiệp nói pháp. Đầu văn trước nêu mười phương Phạm thiên sau nêu mười sáu vương tử, là văn trước từ gần đến xa cho nên trước nêu nhận sau nêu thiên, nay từ thiên đến nhân là từ xa đến gần.

"Tức thời ba phen xoay bánh xe pháp..." chánh nêu nói pháp. Văn có hai:

1) Nói tứ đế.

2) Nói thập nhị nhân duyên.

Căn cứ nói tứ đế chia làm ba:

1) Nêu ba phen chuyển mười hai hành.

2) Nêu những người còn lại không thể chuyển.

3) Chính là nói về ba phen chuyển.

Nói ba phen chuyển:

1) Thị chuyển: Đây là Khổ, là Tập, là Diệt là Đạo.

2) Khuyến chuyển: khổ nên biết, tập nên dứt, diệt nên chứng, đạo nên tu.

3) Chứng chuyển: khổ ta đã biết, tập ta đã đoạn, diệt ta đã chứng, đạo ta đã tu. Dẫn Phật làm chứng chuyển, lại có một đế ba lần chuyển gọi là khổ khổ nên biết, khổ ta đã biết, ba đế còn lại cũng vậy. mười hai hành: nếu dùng giáo làm pháp chuyển, nói mộthai thứ giáo này phát sanh giải cho chúng sanh, giải hành nơi cảnh cho nên gọi là hành. Lại Đức Phật như hành mà nói, chúng sanh đúng như lời dạy mà tu hành cho nên nói mười hai hành. Nếu lấy giải làm thể pháp luân thì một phen chuyển sanh bốn hành gọi là nhãn, trí, minh, giác, nhãn là pháp nhẫn,

trí là pháp trí, minh là tỷ nhẫn, giác là tỷ trí, một phen chuyển sanh bón hành nên gọi là mười hai.

Hỏi: một phen chuyển đã sanh bón hành thì sanh bốn pháp nhẫn, bốn pháp trí, bốn tỷ nhẫn, bốn tỷ trí, sanh hành đã đủ, hai phen chuyển sau lại nói về chỗ nào ư?

Đáp: Thành luận sư chép: sơ chuyển sanh Văn tuệ, kế chuyển sanh Tư tuệ, sau chuyển sanh Tu tuệ. Theo tông chỉ Bà-sa vì hàng ba căn nên có ba phen chuyển: sơ chuyển thượng căn tức ngộ sanh nơi bón hành, cho đến ba phen chuyển người hạ căn ngộ cũng sanh bón hành. Nay hàng ba căn hiệp luận nên có mười hai hành, nếu.rộng khai thì có bốn tám pháp luân. Sơ chuyển bón hành gọi là kiến đạo thập lục tâm, hai phen chuyển còn lại mỗi phen có mười sáu hiệp thành bốn mươi tám. Lại sơ chuyển sanh vị tri dục tri căn, kế chuyển sanh Tri căn, sau chuyển sanh dĩ tri căn. Lại sơ chuyển sanh Kiến đạo, kế chuyển sanh Tu đạo, sau chuyển sanh Vô học đạo. Y đức Thích-ca đến vườn Nai nói pháp, hàng trời người chỉ chứng sơ quả, nên dùng trước căn cứ hàng ba căn giải thích. Nếu y đức Đại Thông Trí Thắng nói pháp đều chứng đắc A-la-hán thì nên dùng hai nghĩa ba căn ba đạo giải thích.

Hỏi: Y Tỳ-đàm tông dùng gì làm thể pháp luân ư?

Đáp: Tạp Tâm chép: Đức Mâu-ni nói kiến đạo nhanh nên gọi pháp luân, nghĩa là kiến đế giải khởi đầy đủ giới định tuệ, dùng ba thứ giới làm trục xe ba thứ tuệ làm nan xe, hai thứ định làm vành bánh xe, ba thứ giới gọi là chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng, ba thứ tuệ là chánh kiến chánh tư duy chánh tinh tấn, hai thứ định là chánh định, chánh niệm. Nói luân ấy: nghĩa là luân chuyển, quán khổ cõi Dục, kế quán khổ cõi trên, kế cho đến đạo cõi Dục, kế quán đạo cõi trên, do ba cõi tứ đế trên dưới luân chuyển cho nên gọi là luân. Dứt hoặc kiến đế là luân dụng chiếu cảnh bốn đế làm luân hành bốn phương.

Hỏi: Tỳ-đàm nói Kiến đạo chỉ có năm mươi tâm làm sao đủ mười hai hành ư?

Đáp: Đạo, tỷ trí là thuộc loại Nhẫn, ấn chứng kiến đế hoặc không có, nhưng chẳng gồm nhiếp Kiến đạo, luận Thành Thật nói Kiến đạo chỉ có một không hành, cũng không có mười hai hành, cho nên hai nhà số luận giải thích mười hai hành đối với văn là khó hiểu.

Riêng có kinh nói mười hai nhân duyên là mười hai hành, nếu vậy ba phen chuyển gọi là bốn đế mười hai hành, căn cứ mười hai nhân duyên hai việc hiệp nói.

"Hoặc là Sa môn v.v..." là nêu người khác không có khả năng

chuyển. Người trí tuệ có hai hạng: xuất gia làm Sa môn, tại gia là Bà-la-môn, trời có hai hạng: Dục thiên chủ là ma, sắc thiên chủ là phạm. “Và các thế gian khác:” đây là trời người bên ngoài gọi là khác.

Hỏi: Người Ba thừa đều đắc kiến đạo đế, vì sao nói chỉ cóg Phật năng chuyển các người khác không thể ư?

Đáp: người Nhị thừa tuy năng nhập kiến đế đạo thành Vô học mà không có Nhất thiết trí, không thể khéo hiểu cơ duyên không làm cho chúng sanh tin hiểu được, cho nên không thể chuyển. Lại Phật có thể tự chuyển, vì người khác chuyển. Thanh văn không thể tự chuyển, không vì người khác chuyển, Duyên giác tuy năng tự chuyển mà Duyên giác ra đời không có người khác thành Thánh, nên không thể vì người khác chuyển được. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Duyên giác nói pháp không thể khiến người đắc pháp Noãn v.v...

Nói: “Đây là khổ v.v...” chính là nói về ba phen chuyển. Nói lược kỳ một. Và nói rộng mười hai nhân duyên v.v... sở dĩ nói về mười hai nhân duyên ấy có hai nghĩa:

1) Nói rộng nghĩa Tứ đế trên, nói rộng khổ tập làm mười hai tướng sanh, nói rộng diệt đạo mười hai tướng hoàn diệt.

2) Lúc ngồi có hai thứ căn duyên: a) Cầu Thanh văn. b) Cầu Duyên giác.

Vì cầu Thanh Văn nói tứ đế, vì cầu Duyên giác nói mười hai nhân duyên, cho nên phẩm Tín Giải nói mật sai hai người tức việc này.

Nói vô minh:

1) Là hiển bày chung ẩn che riêng cho nên nói vô minh, ở đời quá khứ tất cả phiền não đều có nghĩa ám hoặc mê lý, y cứ nghĩa chung nầy nên nói vô minh.

2) Vô minh phiền não mê bổn tế tập khởi sanh tử, sức kia rất mạnh do mạnh, nên gọi là vô minh.

Vô minh có bốn:

1) Mê lý vô minh; tức nói là mê lý hai đế Địa kinh chép: Biết thế đế bậc nhất nghĩa đế nên gọi là vô minh.

2) Phát sanh nghiệp vô minh: có chỗ nói ba căn ba độc phiền não, ba căn phiền não năng phát tư nghiệp, ba độc phiền não phát thân miệng nghiệp.

3) Phú nghiệp vô minh: nghĩa là tạo nghiệp rồi lại đối với cảnh trước khởi tham sân v.v... lại giúp nghiệp trước khiến nuôi lớn thêm.

4) Nhuận sanh vô minh: Nếu theo luận Thành Thật thì chỉ ái năng thấm nhuần còn các thứ khác chỉ xa giúp. Nếu căn cứ nghĩa nầy thì

nhuận sanh tức hẹp chỉ do ái, thọ sanh thì rộng chung ở các kết, Địa kinh cũng vậy. Cho nên kinh kia nói nước ái làm thấm nhuần, vô minh che lấp rưới thấm tâm ta. Luận Tỳ-đàm chép: Nhuận sanh, thọ sanh các kết đều có khả năng, chỉ triền cấu... có công năng thấm nhuần, không thể thọ sanh.

Hành: nghĩa là ba hành tội phước bất động, cũng là ba hành thân miệng ý chí thức: gồm có ba thứ:

1) Hạt giống tâm thức tác hành về sau thọ sanh trước có tâm thức bị nghiệp phiền não huân tập phát nên năng sanh quả đời sau thức gọi là chi thức.

2) trong vô minh hành có tâm thức cũng gọi là chi thức.

3) Thọ sanh tâm thức gọi là chi thức, nghĩa là chỉ sanh một niệm thức nhiễm ô. Danh sắc chi: bốn ấm gọi là danh, sắc ấm gọi là sắc, ngay lúc bấy giờ bốn ấm vừa thành lập, có danh mà chưa có dụng nên gọi là Danh. Lại giải thích hai chữ danh sắc chỉ gọi là sắc, đây là sắc bên trong, thọ tên chúng sanh khác với sắc bên ngoài. Lại giải thích sắc ngay nơi thể pháp mà gọi, tâm từ năng thuyên danh tự thọ xưng, do tâm pháp ẩn dấu cho nên dùng năng thuyên để gọi tên. Sáu nhập: sanh thức xứ gọi là nhập, sắc thêm lớn gọi là năm nhập, danh thêm lớn gọi là ý nhập.

Xúc chi: xúc đối trước cảnh nên gọi là xúc. Theo Tỳ-đàm giải thích xúc có năm thứ:

1) Tăng ngữ xúc: nghĩa là ý địa xúc thường hay phát sanh ngôn ngữ.

2) Hữu đối xúc: trong năm thức tương ưng xúc xúc đối hiện cảnh cho nên gọi là hữu đối.

3) Minh xúc nghĩa là xúc vô lậu.

4) Vô minh xúc: nghĩa là các phiền não tương ưng xúc.

5) Xúc trong xứ nghĩa là tất cả xúc hữu lậu.

Nói thọ: hoặc tổng gọi một thọ, hoặc chia làm hai, nghĩa là hai thọ thân tâm, năm thức tương ưng gọi là thân thọ, ý thức tương ưng gọi là tâm thọ, hoặc ba hoặc năm hoặc sáu, sáu căn sanh thọ, hoặc mười tám: sáu ưu sáu hỷ sáu xả, đây cũng có hai: cấu và tịnh, thành ba mươi sáu, nói về ba đời hiệp thành một trăm lẻ tám thọ. Nói ái: kinh Niết-bàn chép: Nhiễm tập một ái. Lúc bấy giờ, chỉ có thật ái chưa có dục ái cho nên gọi là một. Nói thủ: Phiền não đã nặng, bốn phương rong ruổi tìm cầu cho nên gọi là thủ. Luận Tỳ-đàm chép: bốn thủ nhiếp đủ một trăm lẻ tám phiền não, trong cõi Dục phiền não ngoại trừ nơi giới kiến

nên gọi là dục thủ, do duyên dục bên ngoài nên gọi là dục thủ. Hai cõi trên phiền não ngoại trừ giới kiến duyên bên trong sanh gọi là ngã ngữ thủ, hai phần thượng hạ giới này khác nhau nên chia làm hai thủ. Kế ba cõi bốn kiến gọi là kiến thủ, ba cõi giới thủ gọi là giới thủ, hai thủ này thông cả ba cõi mà luận, độn sử chia làm hai thủ, lợi sử chia làm hai thủ. Nếu y Thành luận: Thân kiến một sử gọi là ngã ngữ thủ, thật không có ngã thể chỉ chấp ngã danh nên gọi là ngã ngữ, dựa vào thân kiến này khởi nơi biên kiến thủ chấp đoạn thường. Nếu kiến chấp đoạn tức chấp năm dục gọi là dục thủ, do không có đời sau nên tham lạc hiện tại. Nếu chấp thường thì có lợi có độn, nếu độn căn thì liền giữ giới mong vui đời sau gọi là giới thủ, nếu lợi căn nói thần là thường khổ vui bất kiến thì không tội phước cho nên khởi thuyết tà kiến gọi là kiến thủ. Luận Thành Thật nói bốn thủ nhiếp hoặc bất tận. Nói hữu: nghiệp có thể lôi kéo vào ba cõi nên gọi là hữu, lại gồm có quả vị lai nên gọi là hữu, thức đời hiện tại gọi là sanh đời vị lai, hiện tại danh sắc trở đi bốn quả gọi là lão tử, mười hai duyên nghĩa rộng, nay giải thích sơ tên gọi lược.

"Khi nói pháp đó v.v...." là nói ngộ đạo, muốn hiển bày thuyết giáo không sai cho nên nói đắc đạo. "Không thọ tất cả pháp v.v...." tâm không yêu đắm nên gọi là không thọ. Có người chép: Không quán hiện tiền không thọ ba hữu nối kế nên gọi là không thọ. Có người chép: người đắc đạo năm căn duyên năm trần không khởi phiền não, không khởi phiền não nên không tạo nghiệp ác, không có nghiệp ác nên không thọ quả báo trong ba đường ác nên gọi là không thọ.

"Lúc nói pháp lần thứ hai lần thứ ba lần thứ tư v.v..." là nói về nhiều hội nói pháp, nhưng Di-lặc có ba hội: Đức Thích-ca độ chúng sanh hàng ba căn còn sót lại, ở đời Đức Phật Thích-ca có người giữ gìn năm giới hội đầu đắc đạo, người thọ ba qui hội kế đắc đạo, người xưng danh hiệu nam mô Phật một lần ở hội thứ ba đắc đạo, lại có riêng cùng đức Di-lặc kết duyên, lại vì họ nói pháp, không chỉ hạn cuộc nơi ba hội, nay hội thứ tư nói pháp đại loại như thế có thể biết. Văn cũng có hai: ban đầu nói pháp, kế nói ngộ đạo ở văn dễ biết.

"Lúc bấy giờ mười sáu vị vương tử v.v..." xin nói pháp luân Đại thừa. Sở dĩ xin là gồm có hai nghĩa:

1) Thấy các người đều thành La-hán đại căn cơ thuần thục cho nên vì họ thỉnh nói Đại thừa.

2) Xa muốn chê trách Thanh văn, hạ căn ngày nay, nói về ta ngày xưa vì các ông mà xin nói Pháp Hoa, huống chi nay thành Phật mà không vì ông nói kinh Đại thừa ư! Từ xưa đến nay trải qua gồm biết bao

lần nói mà vẫn như cũ không hiểu đây là rất ngu! Văn nầy cũng có ba:

1) Vì xin nói nên xuất gia.

2) Chánh xin.

3) Vua và quyến thuộc cũng theo xuất gia.

Đều là đồng tử mà xuất gia làm Sa-di: bốn tuổi trở lên gọi là đồng tử tức tiêu biểu Bồ-tát tu hành đồng chân, lại nhỏ mà ngộ đạo thì chúng đều qui phục. Xuất gia: là muốn thông hóa đạo tục:

1) Người tại gia không được hóa độ cho người xuất gia.

2) Muốn dẫn dắt tám muôn ức người khiến họ xuất gia.

Sa-di: Hán dịch là Tức ác hành từ (dứt ác làm lành), muốn tiêu biểu Bồ-tát vì chúng sanh thỉnh pháp có đại từ. Trước xưng Trí Tích nêu môn trí tuệ, nay xưng Sa-di nói về môn công đức làm Sa-di trở lại giảng giải, tiêu biểu tuổi nhỏ mà sớm ngộ đạo ở đời rất hi hữu, khiến chúng sanh tin. Như Thân tử tám tuổi lên tòa nói pháp đạo tục tán dương rung chuyển nổi tiếng xa gần.

"Đều bạch Phật rằng:" là chánh xin. Thanh văn đều đã thành tựu có hai nghĩa:

1) Muốn khiến họ hồi tiểu nhập đại.

2) Nêu đã hóa tiểu nay lại phải giáo đại.

"Lúc bấy giờ vua thánh Chuyển luân." Là nói về vua và quyến thuộc xuất gia. Do thấy vương tử xả bỏ vương vị nên họ cùng theo xuất gia.

"Lúc bấy giờ Đức Phật v.v..." là nói Phật nhận lời xin, nói pháp Đại thừa. Văn cũng có ba:

1) Chánh thọ xin nói pháp.

2) Nêu thời chúng cảm ngộ khác nhau.

3) Nêu thời gian nói kinh.

Hỏi: Đức Phật kia nhận lời xin của Sa-di liền nên nói pháp, vì sao quá hai muôn kiếp sau mới nói ư?

Đáp:

1) Là muốn cho chúng sanh phát tâm ân cần tôn trọng như Đàm vô kiệt hơn sáu năm mới nói Bát-nhã.

2) Theo lệ trên mười kiếp ngồi đạo tràng đợi duyên thuần thục, nay cũng vậy.

3) Hoặc có thể theo lệ đồng đức Thích-ca nói Tiểu thừa rồi sau trước Pháp Hoa nói về hai thứ giáo:

a) Phó chúc tài sản thầm hóa gọi là Bát-nhã giáo.

b) Các kinh Phương đẳng rèn luyện tiểu tâm, dùng hai môn này

điều phục tiểu tâm rồi, sau mới được khiến nhập tuệ Phật. Cho nên, kệ dưới chép: Nói sáu Ba-la-mật và các việc thần thông, tức kia chứng minh.

4) Chư Phật giáo pháp khác nhau, hoặc ban đầu nói giáo Ba thừa sau nói Nhất thừa, tức đức Thích-ca, Đăng Minh hoặc ban đầu nói Nhị thừa sau nói Nhất thừa tức Phật Đại Thông Trí Thắng.

"Đức Phật nói kinh ấy rồi..," Nói chúng lúc ấy cảm ngộ khác nhau. Trong đây có ba căn: Thượng căn tức là mười sáu Sa-di, trung căn là hàng Thanh văn cũng năng tin hiểu, Sa-di trước phúng tụng kế tin hiểu nghĩa là hễ muốn giảng lại phải đủ hai nghĩa:

1) Tụng trì.

2) Đắc ý, cho nên phải đủ hai.

Người hạ căn đều sanh nghi ngờ có bốn thứ nghĩa:

1) Trung căn Thanh văn đối Phật có duyên đều đắc tin hiểu, còn lại chúng sanh là kết nhân duyên lại với mười sáu vị Sa-di nên Phật không thể độ, việc giảng giải lại khởi từ chúng sanh kia.

2) Muốn nói về đời quá khứ Phật nói kinh Pháp Hoa chúng sanh có tin và không tin, nay nói lên hiện tại hàng ba căn có người ngộ có người không ngộ.

3) Muốn khuyên người hạ căn nói về đời quá khứ Phật nói kinh Pháp Hoa hàng lợi căn năng tin hiểu người độn căn sanh nghi ngờ, Tỳ-kheo các thầy nên đồng lợi căn, sao lại nói đồng độn căn ư!

4) Nói về ta và các thầy đồng ở trong hội kia cùng nghe Pháp Hoa, ta do sớm ngộ nay ông còn chưa hiểu, thật là đáng thương!

"Phật nói kinh đó suốt tám ngàn kiếp..." là nói thời gian nói kinh, do văn kia rộng nên thời gian dài, do đó văn dưới chép: nói kinh Pháp Hoa này như hằng hà sa kệ. "Phật nói kinh đó rồi v.v...." là nói thuyết kinh xong nhập định. Văn có ba:

1) Chính là nói về nhập tĩnh thất.

2) "Trụ trong thiền định v.v..." nói trụ định.

3) tám muôn bốn ngàn kiếp v.v... nêu thời gian trong định.

Sở dĩ nhập định: Muốn khiến mười sáu Sa-di thuật diễn lại kinh Pháp Hoa, chỉ vì Chư Phật giáo hóa tùy nghi khác nhau. Kinh này từ đầu đến cuối lược có ba thứ:

1) Đức Phật Đăng Minh nói Pháp Hoa xong liền nhập Niết-bàn, đây nói về đối Phật kết duyên người ứng độ đều đã độ xong.

2) Văn nầy nói về ở Phật kết duyên độ có hết và không hết, hàng lợi căn độ đã hết, người độn căn độ chưa hết, Đức Phật phải xuất định

khen ngợi Sa-di khiến chúng sanh gần gũi cho nên Phật chưa được nhập diệt.

3) Đức Phật Thích-ca nói Pháp Hoa xong không còn nói lại nữa, do ứng nghe Pháp Hoa được liễu ngộ xong cho nên không còn nói Pháp Hoa lại mà vẫn nói riêng Niết-bàn.

"Lúc bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa-di v.v..." là chính nói kết duyên. Duyên trước do có hai: Xa, gần, nay cũng chia hai:

1) Nêu ngày xưa kết duyên.

2) Biện đời đời gặp nhau, hai văn mỗi mỗi có bốn hiệp thành tám đoạn kinh.

Văn đầu có bốn:

1) Nêu biết Phật nhập định là lý do giảng lại kinh.

2) Chính vì chúng mà giảng lại.

3) Nói chúng đương thời mong được lợi ích.

4) Nói Đức Phật khen ngợi.

"Mỗi vị đều lên pháp tòa..." Ban ngày ánh sáng lụi dần liền ánh sáng mặt trăng kế chiếu rọi. Như lai ẩn bóng nên Bồ-tát phát huy. "Mỗi vị đều độ v.v..." chúng được lợi ích. Chỉ dạy cho được lợi mừng: luận Trí Độ quyển năm mươi bốn chép: Thị: là chỉ bày thiện ác, Giáo: là dạy bỏ ác theo thiện, lợi: là người chưa đắc pháp vị, tâm sanh thối lui, vì họ nói quả Niết-bàn cao quý khiến họ tu nhân thiện khiến tâm họ thấy lợi ích gọi là lợi. Hỷ là tùy chỗ tu hành mà khen ngợi khiến cho họ vui mừng. Nếu người nào ưa bố thí thì khen ngợi sự bố thí, dùng bốn việc này trang nghiêm nói pháp.

Nay căn cứ Pháp Hoa giải thích bốn việc:

1) Chỉ cho biết Ba thừa là phương tiện, Nhất thừa là chân thật cho nên gọi là thị.

2) Khiến bỏ Ba thừa nhập Nhất thừa nên gọi là giáo.

3) Nói quả Ba thừa kém quả Nhất thừa hơn khiến cho chúng sanh tu nhân Nhất thừa khiến tâm họ thấy được lợi ích gọi là lợi.

4) Xem xét căn duyên kia hoặc dùng môn pháp thuyết để nói Nhất thừa, hoặc dùng môn thí thuyết để nói hoặc dùng nhân duyên đời trước để nói, tùy chỗ ưa thích ứng căn cơ nói pháp khiến sanh vui mừng cho nên nói hỷ.

"Đức Phật Đại Thông Trí Thắng v.v..." là nói Phật khen ngợi. Do các vị ấy nói pháp hợp lý xứng căn cơ, nay muốn khiến cho chúng tin nhận nên Phật ấn chứng khen ngợi. "Các ông phải thường gần gũi mà cúng dường các vị ấy". Do có duyên với Sa-di cho nên khiến gần

gũi, như Chư Phật trong mười phương khuyên Thường Đề gần gũi Pháp Dũng.

"Đức Phật bảo các Tỳ-kheo..." là nói về kết duyên rồi đời sau gặp nhau. Văn chia có bốn:

1) Nêu sở hóa được lợi ích.

2) Nói năng hóa được lợi ích.

3) Kết hợp xưa nay.

4) Nêu đời vị lai gặp nhau.

Văn đầu có ba câu:

1) Sa-di thường ưa nói Pháp Hoa, do Pháp Hoa nói về Phật thừa Bồ-tát thường cầu quả Phật cho nên thường ưa nói. Lại, Pháp Hoa kết hội nhập từ đầu đến cuối nhiếp đủ tất cả giáo, nếu nói Pháp Hoa thì nhiếp tất cả giáo.

2) "Mỗi vị Bồ-tát đó v.v..." là nêu duyên hiện tại được lợi ích.

3) "Đời đời sanh ra v.v..." là nói về thời sau được lợi ích.

Hỏi: Trong đây kết duyên sau thường gặp nhau, vì sao cha con cùng tử thất lạc nhau không gặp nhau?

Đáp: Có người nói trong đây nói về đời đời gặp nhau là căn cứ lớn mà luận một kiếp, hai kiếp, thường được gặp nhau còn cùng tử không thấy nhau là luận theo nhỏ một đời hai đời không thấy nhau. Nay cho rằng kết duyên với Sa-di có ba phẩm:

1) Thượng phẩm như trong đây nói được gặp nhiều Phật cùng thầy đồng sanh đời quá khứ liền ngộ.

2) Hạng trung phẩm như văn dưới nói, nay trú địa vị Thanh văn quá khứ không ngộ Pháp Hoa, hiện tại gặp đức Thích-ca nghe Nhất thừa mới ngộ tức là cùng tử.

3) Hạng hạ căn như văn sau nói đệ tử đời vị lai, hiện tại không kính thờ pháp sư, vị lai tùy chỗ nghe nên mới được ngộ. Do có ba căn dựa theo ba đời đắc ngộ khác nhau, cho nên văn nầy không trái với cùng tử.

"Đến nay vẫn chẳng hết": là thiện căn quá khứ chưa hết, gặp được nhiều Đức Phật còn chưa hết. "Các Tỳ-kheo v.v...." là nói năng hóa được lợi ích. Sở dĩ nêu năng hóa được lợi ích: là để kích động người hạ căn: Rõ ràng ta nghe Pháp Hoa liền tiến thành Phật, ông nghe Pháp Hoa vì sao lại thoái làm Thanh văn, thật là đáng thương! "Các Tỳ-kheo lúc chúng ta làm Sa-di..." là kết hợp xưa nay. Văn có ba:

1) Nêu lại hàng thượng căn.

2) Các chúng sanh đó đến nay có người trụ địa vị Thanh văn là nói

người trung căn ở quá khứ.

3) Những hạng người này đáng dùng pháp ấy mà dần vào Phật đạo, là trên giải thích thường giáo hóa Bồ-đề vô thượng. Có người nghi: Đã thường giáo hóa Bồ-đề vô thượng sao nói pháp Thanh văn, lại xưa vì Sa-di còn nói đại đạo, nay vì sao lại nói Tiểu thừa, vì vậy cho nên giải thích rằng nói pháp Thanh văn dần dần khiến nhập Phật đạo, do tuệ Phật mầu nhiệm nên không thể đốn nhập, nên biết nói Tiểu thừa là bước đến nói Đại thừa. Lại xưa có căn cơ Đại thừa nên nói đại, chỉ vì thoái đại chấp tiểu cho nên nay nói tiểu.

"Các chúng sanh được hóa độ trong thuở đó": Nêu chánh hợp xưa nay. "Sau khi ta diệt độ v.v..." là nêu đời vị lai gặp nhau tức nêu người hạ căn. Đây là sau khi Phật diệt độ tu đạo thành A la hán, người ấy khi mạng dung sanh về tịnh độ, đức Thích-ca ở trong cõi tịnh lại có tên khác, vì người này nói kinh Pháp Hoa mới đắc ngộ. Sở dĩ nói việc ấy là nói về không có rốt ráo mãi mãi trụ Nhị thừa, cần phải nghe Pháp Hoa rồi sau mới thành Phật, khuyên người hạ căn kịp thời tin nhận.

Hỏi: tướng trạng của ba hạng căn như thế nào?

Đáp: Hàng thượng căn chỉ một lần nghe Pháp Hoa đời đời gặp thầy nhau, sau gặp bốn muôn ức Phật sớm ngộ Nhất thừa. Người trung căn thoái đại chấp tiểu gặp được Đức Phật Thích-ca ở hội Linh Sơn. Người hạ căn cũng thoái đại chấp tiểu không gặp được Đức Phật Thích-ca cũng không nghe kinh Pháp Hoa, ở đời vị lai gặp được Phật nghe kinh Pháp Hoa mới được liễu ngộ.

Hỏi: Vì sao nói lại có tên khác ư?

Đáp: đức Thích-ca là tên Đức Phật ở cõi uế, nay ở cõi tịnh hóa độ chúng sanh nên lại có có tên khác.

"Các Tỳ-kheo! Nếu đức Như lai..." Nói về hiện tại gặp nhau lại vì nói pháp. Lại chia làm bốn:

1) Pháp.

2) Thí.

3) Hiệp.

4) Nêu thí hiệp.

Pháp nói chia làm hai: đầu nêu nói đại kế biện nêu tiểu. Nếu y thứ lớp trên, trước nêu nói tiểu sau nêu nói đại, Nay chỉ xa tìm lại ngày xưa đã từng theo thọ đại hóa cho nên nay lại nói đại pháp, giữa chừng phế bỏ, tập ở Tiểu thừa nên kế nói tiểu. Sau trong thí nói nghĩa cũng đồng như. Lại Chư Phật nói pháp có hai:

1) Từ thật khởi quyền.

2) Gom quyền về thật.

Trên thường nói về nhiếp quyền qui thật, nay muốn nói từ thật khởi quyền. Trong nói đại có hai:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo.

Trong biết căn cơ có năm câu.

1) Thời nói pháp.

2) Nhập đại Niết-bàn nghĩa là khai căn cơ Niết-bàn thuần thục, nay là duyên Nhất thừa thuần thục là thời sắp Niết-bàn, cho nên phẩm Tín Giải chép: đến giờ sắp chết ông gọi người con đến.

3) Chúng lại thanh tịnh: là dùng bốn giáo điều phục cho tâm kia mềm mỏng cho nên được thanh tịnh, dùng trời người và giáo Nhị thừa điều phục tâm kia cho nên không còn phiền não phàm phu, dùng tài vật giáo phó mật hóa và rèn luyện tiểu tâm khiến Nhị thừa dần dần tiêu trừ phiền não. Đã lìa phàm phu hai hoặc cho nên nói chúng lại thanh tịnh.

4) Tin hiểu vững chắc: Trên nêu không chướng ngại nay biện có căn cơ có khả năng thọ, nghĩa là đại tín đại giải có thể được nghe kinh. Đại tín là độn căn đại giải là lợi căn, lại đại tín là đầu đại giải là sau, hai thứ này không lui sụt gọi là vững chắc.

5) Liễu đạt pháp không: Trước đã nghe Bát-nhã đồng Đại thừa rốt áo pháp Không khai ngộ đại tâm. Nếu chẳng nghe rốt ráo Không, pháp không có sở đắc thì nghe nói có Nhất thừa, không có ba thừa sẽ rơi vào Nhị kiến. Thâm nhập thiền định: chưa chắc là thâm nhập Bát thiền, như Đại Phẩm chép: Nhất tâm hướng Phật đạo không còn phàm phu Nhị thừa có sở đắc động tán vì vậy mà gọi là định.

"Liền nhóm các Bồ-tát v.v..." là chính là nói. Câu đầu là nói tựa "vì nói kinh này" là nói về chính là nói, chính là nói tuy nhiều không ngoài lý không hai có một. "Các Tỳ-kheo nên biết v.v...." là nói Tiểu thừa. Sở dĩ nói Tiểu thừa: là đã nói không có hai thừa chỉ có một Phật thừa, mà xưa nói hai ấy là vì biết chúng sanh không kham nổi nghe Đại thừa chỉ ham muốn Tiểu thừa cho nên nói cho họ nghe Tiểu thừa. Văn có ba câu:

1) Biết căn cơ.

2) Vì hạng người này "nên nêu chính là nói".

3) Người này nếu nghe: là nói được lợi ích.

Trong biết căn cơ chép: Như lai phương tiện giải thích cho nên có. Nghi rằng: Nếu không có hai thừa vì sao xưa nói có hai Niết-bàn, vì vậy nên giải thích rằng: Như lai có trí quyền xảo, tùy căn cơ mà làm cho nên

nói có hai. Người ấy nếu nghe thì liền tin nhận: Đã xứng căn cơ mà nói, tức liền tin được lợi ích.

"Thí như đường hiểm... dài năm trăm do tuần v.v..." là thí nói, gồm có chín phần. Phần thứ chín ít, tức nghe nhất thừa được lợi ích. Đây chia làm ba chương:

1) Nói Đại thừa.

2) Giữa đường nói Tiểu thừa.

3) Sau lại nói Đại thừa.

Sở dĩ khai ba thứ này có ba nghĩa:

1) Dụ cho trên: hai đời đầu cuối có ba việc:

a) mười sáu Sa-di ban đầu vì nói Đại thừa.

b) Giữa đường lui sụt Đại thừa vì nói pháp Tiểu thừa, nghĩa là đức Thích-ca ban đầu đến Lộc uyển rồi trước khi đến núi Linh Thứu.

c) Phế bỏ tiểu nói đại gọi là hội Pháp Hoa. Hai đời đầu cuối chỉ ba việc đây cho nên lập ba chương.

2) Chư Phật ba đời có ba thứ pháp luân:

a) Pháp luân căn bản gọi là Nhất thừa giáo.

b) Pháp luân chi mạt tức ở Nhất thừa nói ba thừa. Gom ngọn về gốc gọi là gom ba về một. Vì hiển ba luân nên lập ba thí.

3) Trên phẩm Thí Dụ phá bổn thừa Thanh văn trước nói tiểu sau nói đại nên chia sáu thí dụ, nay vì thoái đại chứng tiểu Thanh văn nên trước nói về nói đại, kế nêu tiểu sau nhiếp tiểu qui đại.

Phần đầu văn có ba câu:

1) Con đường xấu phải qua.

2) Người muốn đi qua.

3) Đạo sư muốn dẫn dắt. năm trăm do tuần: là con đường xấu phải qua.

Có người nói năm trăm ấy là dụ cho năm đường sanh tử. Nay nói không đúng, đâu thể khỏi ba đường ba trăm do tuần gọi là Nhị thừa. Lại Nhị thừa đã thoát khỏi năm đường nên đã vượt năm trăm do tuần. Có người nói có bốn thứ sanh tử:

1) Lưu lai sanh tử.

2) Biến dịch sanh tử.

3) Trung gian sanh tử.

4) Phần đoạn sanh tử.

Vượt ba trăm do tuần thoát phần đoạn sanh tử, vượt bốn trăm vượt khỏi Thất địa hai nước là vượt trung gian sanh tử, vượt năm trăm khỏi Bát địa trở lên là vượt biến dịch sanh tử. Có người nói ba cõi là ba trăm

do tuần, Thất trụ Nhị thừa là một trăm, bát trú trở lên lại là một trăm. Nay nói nghĩa đều không đúng trong Huyền Tán có giải thích đủ. Nay chánh lấy ba cõi làm ba trăm, Nhị thừa làm hai trăm. Sở dĩ đây giải thích ấy là có nghĩa có văn. Nói có nghĩa: Nay chánh là hóa độ người Nhị thừa giúp cho đến Phật đạo, xưa đã vượt qua ba cõi chưa vượt qua địa vị Nhị thừa cũng còn ở trong đường ác, đâu phải trú trong đường ác mà là Niết-bàn ư? Nên phải bỏ thì chắc đến Phật đạo.

Hỏi: Nếu vượt ba cõi Nhị thừa làm sao đạt đến Phật đạo?

Đáp: Có hai thứ đến:

1) Nhân đến.

2) Quả đến.

Nhân đến như kinh Niết-bàn chép: Người Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp đến, cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đến. Nghĩa là đến tâm Bồ-đề tức địa vị Thập trú thành người chủng tánh, khi đến địa vị này tránh khỏi địa vị phàm phu và thoái làm Nhị thừa ắt đến Phật đạo nên gọi là đến. Ba cõi là phần đoạn sanh tử, người Nhị thừa ở nơi biến dịch sanh tử, vượt qua năm thứ này tránh khỏi hai thứ sanh tử đắc Đại Niết-bàn gọi là quả đến.

Hỏi: Vì sao biết được có hai thứ đến?

Đáp: Kệ sau chép: "Nay vì ông nói thật, ông đắc chẳng phải diệt, vì nhất thiết trí Phật, nên phát đại tinh tấn", đây là nhân đến. "Ông chứng nhất thiết trí, chính là chân thật diệt" gọi là quả đến.

Nói có văn chứng minh nghĩa là: luận Trí Độ giải thích Phẩm Văn Trì chép: Vượt qua bốn trăm do tuần tức biết cách thành ấp không xa. Ngài Long Thọ giải thích: ba trăm dụ ba cõi, bốn trăm dụ Nhị thừa, nhưng Đại Phẩm hiệp Nhị thừa làm một trăm, kinh này chia làm hai trăm, khai hiệp khác nhau mà nghĩa không khác. Lại vì Đại Phẩm chưa phế bỏ Nhị thừa kinh này mới phế bỏ, do đó nên khác, đều là con đường xấu hai giáo không khác. Lại kinh này trong phần hợp thí tự nói về ba cõi là ba trăm, Nhị thừa là hai trăm, các Sư Kinh nghĩa không xét ý văn mà theo chiều ngang có giải thích khác u. "Đường hiểm nạn dữ:" Là nói ý vượt qua. Ba cõi Hai thừa vượt qua thì khó, nên gọi là hiểm nạn. luận Trí Độ chép: Bồ-tát lui sụt có hai việc: Tham ba cõi và đắm Nhị thừa. Đường ác: ba cõi đối với Nhị thừa là đường ác, Nhị thừa lại là đường ác của Bồ-tát, cho nên Niết-bàn chép: Cầu Nhị thừa gọi là bất thiện cho nên năm chỗ này đều gọi là đường ác. Lại ba cõi lấy ái làm gốc Nhị thừa lấy kiến làm gốc, ái kiến đều là ác. Lại ba trăm là phàm phu hữu kiến, hai trăm là Nhị thừa không kiến, các kiến đều là ác. Lại phàm phu

ngoại đạo cho rằng ba cõi là Niết-bàn đã là si mê điên đảo; Nhị thừa cho rằng biến dịch sanh tử là Niết-bàn cũng là si mê điên đảo, do đều cho sanh tử là Niết-bàn đều là vô thường mà chấp thường cho nên gọi là ác. "Nơi hoang vắng không có người:" năm trăm do tuần là xa nên nói hoang vắng, nơi Chư Phật Bồ-tát không trú ở nên nói không có người. "Chỗ ghê sợ:" Người học Đại thừa rất sợ năm chỗ này, ba cõi không an ổn cũng như nhà lửa các khổ đầy dẫy rất đáng sợ hãi. Cho nên Niết-bàn chép: Nay ta sợ đạo quả Nhị thừa, như người tiếc thân mạng lo sợ xả bỏ thân, luận Trí Độ có cây oan gia trên dụ, tức là việc ấy.

"Nếu có chúng đông" v.v... là nói người mãi mãi độ người, tức chúng do Sa-di hóa độ. Trên nói không có người trí, nay nêu người muốn vượt qua nhiều cho nên nói chúng nhiều. "Muốn vượt qua còn đường này đến chỗ châu báu": Bồ-tát phát tâm gồm có hai ý:

1) Muốn độ phàm phu Nhị thừa.

2) Muốn cầu vô thượng Bồ-đề. "Có một đạo Sư" v.v... là nêu thầy dẫn dắt. Tức trên mười sáu Sa-di và Đức Phật Thích-ca, đạo đã không hai nên người thông đạt đạo cũng một.

Lại khéo biết tướng đường thông bít chỉ một người mà thôi cho nên nói một. Có người dẫn dắt tà chánh nên gọi là Đạo sư. "Thông minh sáng suốt": Trí nghe ở tai gọi là thông minh, trí ở mắt nhìn gọi là sáng suốt, lược khen ngợi hai việc. Lại thông tuệ dụ cho chủng trí, minh đạt du cho ba đạt, chủng trí ngang chiếu muôn pháp, ba đạt dọc xét thấu ba đời. "Khéo biết rõ tướng thông bít của con đường hiểm" Biết đại căn cơ phát có khả năng vượt qua gọi là thông, không có khả năng vượt qua gọi là bít, lại biết được lý là thông, trái lý là bít, đây nói về trí bên trong của Đạo sư. "Dắt mọi người muốn vượt qua nạn đó..." là khen ngợi công năng hóa bên ngoài, chỉ hy vọng Phật đạo xa phải vượt hai thứ sanh tử, đó gọi là vượt qua nạn này. "Mọi người được dắt đi giữa đường lười mỏi" v.v... là nói về trung gian nói Tiểu thừa cũng có ba câu:

1) Biết tiểu căn cơ phát.

2) Nói Tiểu giáo.

3) Lãnh thọ giáo được lợi ích.

Tiểu căn cơ phát có hai:

1) Nêu tiểu căn cơ phát.

2) trí Phật chiếu soi.

Tiểu căn cơ phát có ba câu:

1) Nêu muốn lui sụt.

2) Giải thích muốn thoái.

3) Tổng kết muốn lui sụt nay là ban đầu.

Giữa đường: Là sơ phát tâm Đại thừa muốn vượt ngoài sanh tử xa cầu Phật đạo muốn lìa tiểu hạnh, mà đại giải chưa thành giữa đường lui sụt. Nếu thí dụ việc quá khứ trên thì từ xưa hóa về sau đến trước khi nay hóa độ: Giữa hai khoảng thời gian này phế bỏ đại tâm, lui mất đại hạnh cũng được gọi là trung gian chưa thành Phật đạo, gọi là giữa đường. "Bạch Đạo Sư rằng v.v..." Đã lui sụt Đại là có tiểu căn cơ nên bấu víu vào Phật để được tuệ Phật chiếu soi gọi là nghĩa "bạch đạo sư". "Chúng con mệt mỏi lại thêm sợ sệt chẳng thể đi nữa, đường trước còn xa".

Trên nêu mỏi mệt lui sụt, nay giải thích mệt mỏi lui sụt. Xét rằng lui sụt có ba việc:

1) Mệt nhọc nên thối lui, dụ cho tu tập Đại thừa quán giải yếu đuối, chưa đủ sức mạnh không thể tiến đến Phật đạo.

2) Sợ hãi nên lui sụt dụ trong sanh tử có nhiều hoạn nạn.

3) Đường xa nên lui sụt dụ cho Phật đạo trải qua ba a tăng kỳ rồi sau chính là bước vượt ngoài Tiểu thừa, một hạnh không kham tụ tập nên nói không thể tiến lên.

"Nay muốn lui về": Câu này tổng kết nghĩa lui sụt, lui sụt có hai việc:

1) Lui sụt làm phàm phu.

2) Lui sụt làm Nhị thừa. Nay muốn lui sụti lại sanh tử nên nói lui sụt cũng được phát sanh mới đầu tức không cầu Phật nên dừng lại mà không tiến gọi là lui sụt.

Hỏi: Đây tức là lui sụt vì sao nói muốn thoái ư?

Đáp: Đây nói về căn tánh lui sụt bất định.

1) Có thể lui sụt làm phàm phu.

2) Có thể trú làm Nhị thừa.

3) Có thể tiến làm Bồ-tát. Do bất định nên nêu "muốn."

"Vị đạo sư nhiều năng lực phương tiện..." nêu chiếu căn cơ cũng có ba câu:

1) Khen ngợi đức năng hóa có biết căn cơ.

2) Trình bày lỗi những người được hóa.

3) Giải thích lỗi của những người được hóa. Nhiều các phương tiện: Trước có khả năng dẫn hướng đại, nay lại giải thích khéo léo hướng tiểu cho nên nói nhiều. Lại buông lỏng mà thối, hoặc bức ngặt mà tiến, hoặc khiến mãi mãi trú Nhị thừa đều phải khéo léo, nay không khiến lui sụt làm phàm phu, lại không bức tiến cầu Phật, năng ở giữa đường quyền nói Tiểu thừa cuối cùng ngộ đại đạo cho nên nói nhiều

phương tiện. “Mà tự nghĩ rằng...” Là trình bày lỗi những người được hóa. Làm sao cam bỏ châu báu v.v...” là giải thích lỗi bỏ vui Phật pháp gọi là xả bỏ châu báu lớn, ưa khổ sanh tử là “mà muốn lui về,” nêu hai việc này giải thích nghĩa đáng thương. Nhiều phương tiện là khen ngợi Đạo sư có trí tuệ. “Đáng thương...” là khen ngợi Đạo sư từ bi.

“Suy nghĩ như vậy rồi...” là nói lập ra Tiểu giáo gồm có ba câu:

1) Chánh lập ra giáo.

2) Răn.

3) Khuyên.

Nhị thừa lợi độn tuy khác, đồng dứt phiền não ba cõi ở ngoài phần đoạn cho nên nói vượt qua ba trăm do tuần, chẳng thật rốt ráo mà nói rốt ráo cho nên gọi là hóa, nghĩa dứt hoặc đồng chứng vô vi không khác do đó gọi là một, ngăn hoạn nạn sanh tử nên gọi là thành. “Bảo mọi người rằng: Các ông chớ sợ đừng lui về v.v...” là răn. Chớ sợ: Không nên lo sợ nhiều về bệnh chết. Đừng lui sụt: Chớ đắm sanh tử năm dục. “Nay thành lớn này có thể dừng ở trong đó...” là khuyên hệ lụy hết Niết-bàn so sánh vui trời người cho nên gọi là đại. hai thứ Niết-bàn là nơi dừng nghĩ cho nên gọi là “có thể ở trong đó”. “Tùy ý muốn làm gì thì làm” kết lụy đã tận tâm được tự tại. Nếu vào thành này sẽ rất được an ổn: Nếu chứng Niết-bàn đây lìa sanh tử nguy khổ. Có người nói phiền não đã tận, tùy ý tự tại tức Niết-bàn hữu dư, nếu vào thành này rất được an ổn tức hai loại nhân quả nguy khổ đều mất nghĩa là Niết-bàn vô dư. “Nếu có thể thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được:” Có người nói quả Phật dụ như chỗ châu báu tức đảo châu báu người Thanh văn nếu năng phát tâm Bồ-đề cầu trí tuệ Phật cũng có thể đi được. Như đại Phẩm chép: Nếu năng phát tâm ta cũng tùy hỷ. Nếu căn cứ trong lý giải thích thì câu này hiển hóa ý của thành, nói giáo Nhị thừa khiến vốn khiến đắc Phật, thí như tạm dừng chân muốn cho tiến lên. Xưa không được hiển như ý nầy nên nhờ lập ra đây nói về tuy tạm chứng Tiểu thừa cuối cùng cũng trở về đại đạo. Nếu căn cứ giáo xưa nói về như nói sáu mươi kiếp tu đắc Thanh văn. Một trăm kiếp tu chứng Duyên giác, hai thứ này đồng chứng vô dư dụ có thể ở trong đó. Nay dụ Bồ-tát trải qua ba a tăng kỳ kiếp tu hành đạt quả Phật cho nên nói nếu có thể thẳng đến chỗ châu báu đi cũng được.

“Bấy giờ chúng mỏi mệt rất vui mừng khen không hề có v.v...” lãnh thọ giáo được lợi ích. Văn có ba:

1) Tín thọ.

2) Tu hành.

3) Chứng Niết-bàn.

Nói giáo xứng căn cơ nên nói vui mừng. Khen không hề có: hai thứ Niết-bàn là pháp ra đời, thế gian không có nên nói không hề có. "Chúng con hôm nay tránh khỏi đường dữ" là lìa khổ sanh tử "rất được an ổn": Là được vui Niết-bàn. Đến nay về sau đều là mới nghe Phật giáo sanh tin nhận. "Đó rồi mọi người thẳng vào hóa thành v.v..." là nói về tu hành cầu Niết-bàn. "Sanh tâm nghĩ rằng cho là được độ rất được an ổn": Là nói chứng quả Niết-bàn. Vượt khỏi sanh tử ba cõi gọi là nghĩ rằng đã được độ, chứng Niết-bàn vô dư là nghĩ rằng an ổn. Lại đắc hữu dư gọi là nghĩ rằng đã được độ, nhập vô dư gọi là nghĩ rằng được an ổn. Lại đắc Tận trí gọi là nghĩ rằng đã được độ, đắc Vô sanh trí gọi là nghĩ rằng được an ổn; chẳng thật rốt ráo nên gọi là nghĩ rằng.

Hỏi: Người Vô học mới có thể nghĩ rằng đã được độ, phàm phu Hữu học cũng có thể nghĩ như vậy không?

Đáp: Hữu học, phàm phu chưa vượt ra ba cõi cũng cho là Niết-bàn Nhị thừa là pháp rốt ráo cho nên cũng được khởi tưởng này.

"Lúc ấy Đạo sư biết v.v..." là nói sau lại nói Đại thừa. Văn có hai:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo.

Tránh lui sụt làm phàm phu trụ nơi tiểu Niết-bàn gọi là dừng, mong tiến cầu Phật đạo vì nghĩa tạm dừng chân cho nên nói nghỉ. "Không còn mỏi mệt": Dùng pháp Tiểu thừa điều hòa tâm kia trừ được phiền não thô, dụng tâm dần mạnh có thể nghe được Đại thừa. Liền diệt hóa thành: "Nói thuyết giáo. Phế bỏ giáo Ba thừa rốt ráo gọi là diệt, lại hội ba làm một không còn ba tên, cũng là diệt. "Bảo mọi người rằng:" Các ông nên đi tới:" Là khuyên người Thanh văn nên tu hành cầu Phật. "Chỗ châu báu ở gần đây": là giải thích ý trên khuyên tiến lên, đường trước đã gần nên đi tới. Đã vượt qua ba trăm nay chỉ còn hai trăm nên gọi là gần. "Thành lớn trước đó: là của ta biến hóa": Đối một Phật thừa phân nói riêng ba thừa. "Để nghỉ ngơi:" giải thích ý nói ba. Có dừng có nghỉ như hai nghĩa trước đã giải thích.

"Các Tỳ-kheo! v.v..." là hợp thí. Hiệp ba thí dụ làm ba riêng: Thí dụ đầu có ba câu:

1) Đường ác phải qua.

2) Người muốn vượt qua.

3) Nói về dẫn dắt.

Nay chánh hiệp thứ ba mà gồm hai nghĩa kia. "Biết các sanh tử

v.v...” hiệp trên dẫn dắt vượt qua đường ác, “nên bỏ nên vượt qua” hiệp trên khéo biết tướng thông bít bao gồm nghĩa người muốn vượt qua. “Nếu như chúng sanh v.v...” hiệp trên giữa đường nói Tiểu thừa. Trên có ba:

1) Cơ phát.

2) Nói giáo.

3) Được lợi ích, nay hiệp đủ.

Trên căn cơ phát có hai:

1) Nêu cơ phát.

2) Chiếu căn cơ, nay hiệp đủ.

“Thì chẳng muốn thấy Phật, chẳng muốn gần gũi”: Hiệp trên giữa đường mỏi mệt thối lui cho đến chúng con mỏi mệt. “Mà nghĩ thế này đạo Phật lâu dài:” Hiệp trên đường trước còn xa. “Lâu ngày chịu siêng năng khổ cực mới có thể thành tựu”: Hiệp trên mà lại sợ hãi. “Đức Phật biết tâm chúng đó yếu kém thấp hèn: Hiệp trước Đức Phật chiếu căn cơ. Dùng năng lực phương tiện: là hiệp chính là nói giáo. Nói hai thứ Niết-bàn: Hiệp trên hóa làm một thành.

Hỏi: Trên nói một thành nay vì sao nói hai thứ Niết-bàn ư?

Đáp: Có người chép: Trên nêu đồng dứt hoặc ba cõi nên nói một, nay căn cứ dư vô dư nên nói hai. Có người nói đại Niết-bàn là bậc nhất, nay là giữa đường Niết-bàn làm thứ hai nên gọi là hai. Như Kinh Thắng-man chép: Niết-bàn có hai thứ:

1) Vô dư ở Phật.

2) Hữu dư tại Nhị thừa.

Nay nói hai giải thích đều sai, văn nầy chỉ dùng người Nhị thừa chứng minh làm hai thứ Niết-bàn! Như kệ dưới nói “chỉ có một Phật thừa vì nghĩ nên nói hai”.

Hỏi: Trên vì sao nói một nay lại nói hai ư?

Đáp: Hàng nhị thừa có nghĩa đồng nghĩa khác nhau. Trên chấp đồng xuất ba cõi đồng chứng vô vi nên nói một, nay căn cứ người lợi độn khác nhau nên lại nêu hai. Lại muốn nêu năm trăm do tuần khai trên ba cõi làm ba trăm, Nhị thừa Niết-bàn lại làm hai trăm, muốn khiến vượt địa vị Nhị thừa nên nói là hai.

Nếu chúng sanh trú nơi hai địa vị v.v... hiệp thứ ba sau lại nói đại. Văn trên có hai:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo, nay hiệp đủ.

Văn đầu tức hiệp sau biết căn cơ, bao gồm hiệp trước thứ ba nghĩa

được lợi ích. Lại nói trụ nơi hai địa: Trên hiệp vượt qua ba trăm do tuần rồi, nay còn lại hai trăm nên nói hai địa, văn nầy phân rõ dùng ba cõi làm ba trăm dùng hai địa làm hai trăm. Các Sư xưa giải kinh không xét kỹ văn kia nên có các giải thích khác nhau. "Lúc bấy giờ Như lai v.v..." là chính là nói giáo. Đầu tiên hiệp liền diệt hóa thành. "Địa vị của các ông ở gần tuệ Phật": Hiệp trên các ông hãy đi đến chỗ châu báu đã gần đến. "Nên quán sát suy lường Niết-bàn đã được đó đâu phải chân thật:" Hiệp trên thành lớn ấy do ta hóa ra. "Nhưng Nhị thừa có nghĩa gần tuệ Phật xa tuệ Phật, tự cho đã đắc Niết-bàn là cùng cực không chịu thọ Đại thừa cho nên kinh nói đất ở cao nguyên không sanh nở hoa sen, năm tội vô gián cũng năng phát ý, đây tức người Nhị thừa xa tuệ Phật không sánh bằng phàm phu. Nay nói gần: Do Nhị thừa dứt phiền não thô hơn người phàm phu cho nên nói gần. Như vị Đạo sư kia: Nêu thí dụ nhờ hiệp.

Kệ có bốn mươi chín hàng rưỡi tụng văn xuôi. Văn xuôi vốn có hai:

1) Nêu quá khứ kết duyên.
2) Hiện tại lại vì nói pháp, nay lại tụng hai thứ này.

Nói việc đời quá khứ lại có hai:

1) Lý do kết duyên.
2) Chánh kết duyên, nay lại tụng hai thứ này.

Trong lý do có hai:

1) Lý do xa.
2) Lý do gần, nay lại tụng hai thứ này.

Trong phần đầu có bốn:

1) Đức Đại Thông Trí Thắng thành Phật.
2) mười sáu vương tử xin xoay bánh xe pháp.
3) Đức Đại Thông Trí Thắng hiện tướng lành.
4) Mười Phạm vương xin nói pháp, nay tụng đủ bốn.

Đầu tiên vốn có ba:

1) Nói chưa thành Phật.
2) Chư thiên cúng dường.
3) Nói về thành Phật, nay tụng đủ.

Đầu một bài tụng thứ nhất, kế hai bài tụng thứ hai, kế một bài tụng thứ ba. "Mười sáu người con Phật..." là xin xoay bánh xe pháp. Văn xuôi vốn có ba:

1) Mười sáu vương tử vỉ xin pháp nên đến chỗ Phật.
2) Đến chỗ Phật nên cung kính khen ngợi.

3) Xin nói pháp, nay tụng đủ.

Đầu một bài tụng thứ nhất, một câu tụng thứ hai. “Mà xin xoay bánh xe pháp...” ba câu tụng thứ ba. “Thế tôn rất khó gặp v.v...” tụng thứ ba hiện tướng lành. Trên có ba:

1) Đất rung chuyển.

2) Phát ra ánh sáng.

3) Chỗ hai tướng lành đến.

Nay một bài chỉ tụng thứ nhất. “Các thế giới phương Đông v.v...” là tụng thứ tư: Phạm thiên mười phương nhóm họp. Trên có ba:

1) Nêu Phạm chúng ba phương.

2) Nêu các chúng sáu phương.

3) Nêu phương trên.

Nay chia làm hai:

1) Ba hàng tụng một phương.

2) hai bài nêu chín phương.

Trên mỗi phương có sáu, nay chỉ tụng năm, lược không tụng nghĩa bàn tính. “Lại nữa chư Phạm vương thấy tướng này”: một câu bao hàm nơi nghĩa bàn tính cho nên tụng đủ sáu.

“Thế tôn tuệ vô lượng v.v...” tụng trên thứ hai lý do kết duyên gần, trên có bốn:

1) Thọ xin nói tiểu pháp.

2) mười sáu vương tử xin nói đại.

3) Thọ xin nói đại.

4) Nói kinh rồi, nhập định.

Nay tụng đủ. Trong thọ xin nói tiểu trên chia làm ba:

1) Chánh thọ xin.

2) Nêu một hội nói pháp.

3) Nêu nhiều hội nói pháp.

Nay tụng đủ. Nửa bài tụng thứ nhất, hai bài rưỡi tụng thứ hai. “Sáu trăm muôn ức cai v.v...” Văn xuôi nêu sáu trăm muôn ức na do tha, nay nói cai là thay thế na do tha. “Thời nói pháp thứ hai:..” hai bài tụng nhiều hội nói pháp, “Bấy giờ mười sáu vị v.v...” tụng thứ hai xin nói đại pháp. Trên có ba:

1) Vì xin nên xuất gia có nửa hàng tụng.

2) Chánh xin một bài rưỡi, lược không tụng thứ ba vua và quyến thuộc.

“Phật biết tâm đồng tử....” tụng thứ ba thọ xin nói đại pháp, trên có ba:

1) Nói giáo.

2) Cảm ngộ khác nhau.

3) Nêu thời gian nói kinh. Nay hai bài rưỡi chỉ tụng thứ nhất.

“Đức Phật nói kinh xong:” Là tụng nói kinh xong nhập định trên có ba:

1) Nêu nhập định: nửa hàng.

2) Trú định: một câu.

3) Nêu thời gian trú trong định cũng một câu.

“Các vị Sa-di đó...” tụng chánh kết duyên, trên có hai:

1) Nêu một đời kết duyên.

2) Nêu đời đời gặp nhau, nay tụng đủ.

Chương đầu có bốn:

1) Biết Đức Phật nhập định chưa ra; nay nửa hàng tụng.

2) Chánh vì nói giáo v.v....: một bài rưỡi tụng.

3) Nêu thời chúng được lợi ích: một bài tụng. Lược không tụng thứ tư Phật từ trong định ra khen ngợi. “Sau khi Phật diệt độ v.v... tụng đời đời gặp nhau, văn xuôi có bốn:

1) Khen ngợi sở hóa được lợi ích một bài.

1) Nêu năng hóa thành Phật một bài.

3) Nêu kết hợp xưa nay một bài. Lược không tụng thứ tư vị lai gặp nhau.

“Ta ở số mười sáu...” tụng hiện tại nói pháp. Văn xuôi có bốn:

1) Pháp.

2) Dụ.

3) Hiệp.

4) Thiếp, nay tụng đủ. Hai bài đầu thứ nhất, văn trên có hai: trước nói Đại thừa, kế nói Tiểu thừa, nay chỉ tụng Đại thừa. “Thí như đường hiểm ác...” tụng thí nói.

Trên có ba:

1) nói Đại thừa.

2) Giữa đường nói Tiểu thừa.

3) Sau lại nói Đại, nay tụng đủ.

Trên thí dụ đầu có ba:

1) Vượt đường ác.

2) Người cầu vượt qua.

3) Làm thầy dẫn dắt, nay tụng đủ.

“Nhiều thú độc hiểm...” có ái kiến phiền não năng hại pháp thân tuệ mạng là thú dữ. “Lại không có đủ cỏ nước:” là không có định tuệ vô

lậu của Đại thừa để tự nuôi nấng. "Vô số ngàn muôn chúng": là người muốn vượt qua. "Bấy giờ có đạo sư là thầy dẫn dắt. "Mọi người đều mỏi mệt" v.v... là tụng giữa đường nói Tiểu thừa. Trên có ba:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo.

3) Được lợi ích, nay tụng đủ.

Trên biết căn cơ có hai:

1) Tiểu căn cơ phát một bài tụng.

2) Chiếu căn cơ một bài tụng.

"Liền lại nghĩ phương tiện v.v..." là chính là nói giáo, trên có ba:

1) Nói giáo.

2) Rèn.

3) Khuyên, nay tụng đủ.

Thành quách: Thành: là thí dụ riêng hai thứ Niết-bàn. Quách: là quách ấp ngoài thành, chung thí dụ vô học quả vị các công đức. "Các nhà cửa trang nghiêm v.v..." Nhà cửa vườn rừng đều ở trong thành, riêng thí dụ các công đức của quả địa năm ấm hữu lậu đã gọi là nhà cửa sanh tử, năm ấm vô lậu là chỗ dừng nghỉ của bậc Thánh gọi là nhà cửa. "Bốn bề có vườn rừng..." Kinh Tịnh Danh lấy tổng trì làm vườn, Tiểu thừa cũng tùy phần có. Trong Kinh A-hàm nói từ bi hỷ xả làm bốn bên vườn, các hành vô lậu gọi là rừng. "Sông ngòi và ao tắm" v.v... chín thứ lớp định lại rót vào nhau gọi là sông ngòi, tám thứ giải thoát gọi là ao tắm.

Kinh A-hàm lấy Bốn thiền là bốn ao:

1) Ao có giác có quán.

2) Ao không giác không quán.

3) Ao hộ niệm thanh tịnh.

4) Ao không khổ không lạc.

"Cửa lớn lầu gác cao" ba Tam-muội gọi là cửa lớn, Tận Vô sanh trí gọi là lầu gác cao. Lại trong các thiền có luân thiền luyện thiền đều điểm cùng cực của thiền gọi là lầu gác cao. "Nam nữ đều đông đúc": Định tuệ là nam nữ, cũng được gọi tâm từ bi là nữ, thiện tâm thành thật là nam, Thanh văn tùy phần có. "Hòa ra thành đó rồi" v.v... nửa hàng tụng về răn bảo, kế nửa hàng tụng khuyên.

"Mọi người đã vào thành..." một hàng tụng được lợi ích. "Đạo Sư biết nghĩ xong..." tụng sau nói Đại thừa. Trên có hai:

1) Biết căn cơ: câu đầu tụng.

2) Nói giáo hai bài một câu tụng. "Ta cũng giống như vậy vậy..."

tụng hợp thí. Trên có ba: Đầu nói Đại thừa. Kế nói Tiểu thừa. Kế sau lại nói Đại thừa, nay tụng đủ.

Nửa bài đầu tụng thứ nhất nói Đại thừa. “Thấy những người cầu đạo” v.v... hiệp thứ hai giữa đường nói Tiểu thừa. Văn trên có ba:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo.

3) Được lợi ích.

Hàng đầu tụng thứ nhất, hàng kế tụng thứ hai. “Đã biết đến Niết-bàn...” tụng thứ ba: sau lại nói Đại thừa. Trên có hai:

1) Biết căn cơ.

2) Nói giáo.

Nửa bài tụng thứ nhất tức gồm tụng trên thứ ba được lợi ích, ba hàng rưỡi tụng thứ hai. “Chư Phật là đạo Sư...” một bài tụng thứ tư nêu dụ nhờ hiệp.

Năm giáp Ngọ Niên hiệu Vĩnh nhân vào trung tuần Hoàng chung kêu gọi nam nữ hiệp sức vận công khắc bản kinh này, văn tụng được lưu hành khắp mong trên đền đáp bốn ân dưới cứu giúp ba cõi.

Sa-môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 9

PHẨM NGŨ BÁCH ĐỆ TỬ THỌ KÝ THỨ TÁM

Trong nhân duyên đời trước nói có hai đoạn:

Chánh vì nói pháp, văn nầy đã rồi, nay là thứ hai vì thọ ký. Do nghe pháp ngộ giải hành tương ứng với Phật cho nên được Phật thọ ký. Văn gồm có hai:

1) Thọ ký năm trăm đệ tử làm một phẩm.

2) Thọ Hữu học, Vô học nhân ký làm một phẩm. Sở dĩ chia làm hai phẩm: Vì phẩm Thọ ký ở trên là nêu tên chung, nay muốn khác trên cho nên lấy người làm phẩm riêng. Vì thế hai đề chung riêng đặt tên tránh nhau. Sở dĩ căn cứ người chia ra hai phẩm là gồm có mười nghĩa năm cặp:

1) năm trăm đệ tử nguyện hạnh đồng, hiện tại đồng thời được thọ ký, vị lai nối nhau thành Phật. Sau người Hữu Hữu học, Vô học nguyện hạnh cũng đồng, hiện tại đồng thời được thọ ký, vị lai nhất thời thành Phật, vì nhân duyên này nên chia ra hai phẩm.

2) Tức muốn dùng hai phẩm này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp. Nói thọ ký không ngoài hai thứ:

a) Trước sau nối nhau thành Phật.

b) Nhất thời thành Phật.

3) Trước năm trăm người là chúng cao danh hiển đức, sau hai ngàn người là chúng ẩn hạnh, mật hạnh, do bộ loại hiển mật khác nhau nên chia làm hai phẩm.

4) Tức muốn dùng hai người hiển mật nhiếp hết nghĩa thọ ký.

5) Trước năm trăm người đồng là vị Hữu học Vô học, sau hai ngàn người là địa vị Hữu Hữu học, Vô học, do bộ loại khác nhau nên chia hai phẩm.

6) Tức muốn dùng hai nghĩa này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

7) Trước năm trăm người đồng có lãnh giải, sau người Hữu Hữu

học, Vô học đồng không lãnh giải, do bộ loại khác nhau nên chia hai phẩm.

8) Tức muốn dùng hai nghĩa này nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

9) Trước năm trăm người cũng có phát tích cũng không phát tích như Mãn nguyện phát tích các người khác không phát tích, cho nên làm một loại. Người Hữu Hữu học, Vô học cũng có phát tích cũng không phát tích, như A-nan, La-hầu-la thì phát tích các người khác không phát tích, lại là một loại, do đó chia làm hai phẩm.

10) tức dùng có phát tích không phát tích nhiếp nghĩa thọ ký cùng khắp.

Hỏi: Phẩm này thật thọ ký một ngàn hai trăm người vì sao đề năm trăm ư?

Đáp: năm trăm tức số một ngàn hai trăm, sở dĩ đề riêng gồm có bốn nghĩa:

1) Khi Phật tại thế có cao danh nói lên oai đức năm trăm La-hán thường theo hầu Phật cho nên đề riêng.

2) Năm trăm người này nguyện hạnh đồng, hiện tại đều cùng thời được thọ ký vị lai nối kế thành Phật.

3) Năm trăm người này đồng tự có khả năng lãnh giải nói công buộc châu nơi chéo áo nên riêng nói.

4) Khi Đức Phật mới thành đạo trước độ năm người, kế độ thầy trò Ca-diếp tức thành năm trăm. Nay từ đầu đặt tên cho nên nói riêng.

Phẩm chia làm hai phần:

1) Thọ ký riêng cho Mãn nguyện.

2) Tổng thọ ký cho các Thanh văn.

Thọ ký riêng Mãn nguyện: Mãn nguyện có phát tích các người khác không phát tích. Mãn nguyện không tự năng lãnh giải các người khác có tự năng lãnh giải, do bộ loại khác nhau nên chia hai phần.

Hỏi: Phát tích vì sao không tự trình bày lãnh giải, không phát tích tự có lãnh giải ư?

Đáp: Phàm luận lãnh giải chắc là xưa mê nay ngộ, kia đã phát tích thì xưa không thật mê, nay chẳng thật ngộ, cho nên người phát tích không thể tự lãnh giải, người không phát tích đã thật xưa mê nay ngộ nên có tự lãnh giải.

Hỏi: Hai hạng thượng căn trung căn đều không phát tích vì sao đến người hạ căn có phát tích ư?

Đáp: Có thể đủ năm nghĩa:

1) Văn xen lẫn có ẩn hiển, hoặc đều phát tích thì là người không

thật ngộ, nếu không đều phát tích thì ẩn đức Bồ-tát do đó văn kinh nêu ra khác nhau.

2) Người hạ căn phát tích thì hiển Bồ-tát bất khả tư nghì, hiện làm Thanh văn rồi thì ẩn đức, ở trong hàng Thanh văn vẫn lại làm hạ căn do đó gọi là bất khả tư nghì.

3) Thị hiện làm Thanh văn vốn vì giáo hóa chúng sinh, nay ba căn đều ngộ thì việc giáo hóa chúng sinh xong mới được phát tích. Chương trên việc giáo hóa chưa cùng khắp nên không nói về phát tích.

4) Người hạ căn còn phát tích người trung căn thượng căn đâu phải hạnh thật ư? Cho nên luận Nhiếp Đại thừa chép: Xá-lợi-phất v.v... đều là hóa nhân, cho nên có kinh chép: Tu Bồ-đề là Phật Thanh Long Đà ở thế giới Phương Đông thì biết đều là người hạnh quyền.

5) Nói lên Bồ-tát có phát tích không phát tích hai thứ phương tiện.

Hỏi: Phát tích có lợi ích gì?

Đáp: Khai một làm ba gồm có hai thứ:

1) Khai một pháp làm ba pháp.

2) Khai một người làm ba người, trên tuy nêu một pháp làm ba pháp, ba pháp qui về một pháp, chưa nói một người là ba người, ba người là một người, nay phát tích các Bồ-tát mới được nói về một người làm ba người, ba người làm một người. Do đầy đủ căn cứ người và pháp nói về nghĩa khai hiệp mới tròn đầy.

Thọ ký mãn nguyện có hai phần:

1) Nghe pháp làm duyên lãnh giải.

2) Như lai thọ ký.

Phần một văn lại có hai:

1) Nêu lý do lãnh giải.

2) Chánh là nói được lãnh giải.

Đầu có bốn trường hợp:

Nghe pháp làm duyên lãnh giải: Trí tuệ là tuệ thật, phương tiện là tuệ quyền, nói chung nhắc lại hai pháp tuệ quyền thật trong hai châu Pháp và Thí. Lại nghe thọ ký cho các đại đệ tử: Nói chung hai châu thọ ký người làm duyên lãnh giải. Lại nghe việc nhân duyên đời trước là nêu chu thứ ba việc hóa thành làm duyên lãnh giải. Lại nghe Chư Phật có năng lực tự tại thần thông lớn: tức việc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười kiếp ngồi đạo tràng và hiện tướng lành. Lại giải tức là đức Thích-ca năng biết việc quá khứ lâu xa. Là sức tự tại thần thông. Sở dĩ chỉ nêu bốn việc: Việc đầu là giáo, việc kế là người được lợi ích,

nhân duyên đời trước lý do trình bày giáo được lợi ích, sau nêu chủ năng hóa tức nghĩa thu nhiếp đã khắp thích nghi nóiminh bốn việc.

"Được điều không hề có:.. Chính là nói về lãnh giải cũng chia làm bốn: Nêu trong tâm vui mừng đắc vô sanh nhẫn không có sở đắc cấu nên nói tâm tịnh. "Liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi..." là nói ngoại hình cung kính. "Mà nghĩ thế này": Là im lặng lãnh giải. "Cứu vớt chúng sanh ra khỏi các chỗ tham đắm:" Như văn trước nói chúng sanh tham đắm các chỗ dẫn dắt họ khiến ra khỏi. Nói tham trước chẳng phải chỉ tham sử mà nói tất cả tâm có sở đắc. "Chỉ có đức Thế tôn..." là cầu xin thọ ký. Sở dĩ cầu xin thọ ký là gồm có hai nghĩa:

1) Vì hiện nhiếp hạ căn.

2) Vì có duyên chúng sanh phát nguyện vãng sanh cho nên xin ký. Thâm tâm: Vô sanh pháp nhẫn tức hạnh Bồ-tát gọi là thâm. Bổn nguyện: tâm Bồ-đề Vô sở đắc.

"Bấy giờ Đức Phật bảo v.v..." chính là thọ ký. Văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi có hai trước nêu hành nhân sau biện đắc quả, trong hành nhân nói về hành nhân ba đời:

1) Khen ngợi hiện đức là hiện tại hành nhân.

2) Nói hành nhân quá khứ.

3) Nói hành nhân vị lai.

Hiện đức hiển rõ cho nên trước khen ngợi đức hiện tại, do quá khứ tu hành nên kế khen ngợi quá khứ, hai đời hành nhân cũng chưa tròn đầy nên kế khen ngợi vị lai. Đầu văn có bốn trường hợp:

1) Bảo chúng hỏi:" Hỏi: Mãn nguyện ở trong hội vì sao hỏi chúng thấy không ư? Đáp: Chúng chỉ thấy hình mà chưa thấy đức, nay muốn hiển đức khiến chúng kính ngưỡng nên bảo chúng hỏi.

2) "Ta thường khen ông là bậc nhất..." khen ngợi kia có công mở mang trên.

3) Năng vì bốn chúng làm lợi ích v.v... khen ngợi đức lợi ích dưới.

4) Ngoài đức Như lai ra không ai có thể v.v... là nói địa vị Mãn Từ Tử tức người chứng quả Thập địa,. "Các ông chớ cho rằng..." là khen ngợi đức quá khứ của Mãn nguyện, thời chúng chỉ nói hiện tại có công trên mở rộng dưới hóa, chưa biết quá khứ cũng có đức này cho nên nay khen ngợi.

Văn có ba:

1) Nêu quá khứ chín mươi ức kiếp Đức Phật có công trên mở rộng dưới hóa.

2) Ở nơi bảy Đức Phật có công thượng mở rộng hạ hóa.

3) Ở chỗ Đức Phật Thích-ca trong hàng người nói pháp là bực nhất.

Đây tức từ nhiều Phật cho đến ít Phật. Văn đầu chia làm ba:

1) Khen ngợi trí tuệ Mãn Từ Tử.

2) Khen ngợi thần thông.

3) Trí tuệ và thần thông của Mãn Từ Tử đều đầy đủ cho nên rộng làm lợi ích.

Đầu lại khai ba:

1) Khen ngợi có tuệ, tức thật phương tiện.

2) "Lại ở nơi Chư Phật nói pháp Không là khen ngợi Không tuệ gọi là phương tiện thật.

3) "Đắc bốn trí vô ngại..." hiệp khen ngợi hai tuệ Không, Hữu. Do hiểu đầy đủ Không, Hữu mới có thể nói pháp vô ngại, không như vậy thì thành có sở đắc.

"Đầy đủ sức thần thông của Bồ-tát..." kế khen ngợi thần thông. "Người thuở Đức Phật kia v.v..." nêu đủ thần thông trí tuệ rộng làm lợi vật. Văn lại có hai:

1) Khen ngợi thành tựu chúng sanh.

2) "Vì muốn thanh tịnh cõi Phật..." khen ngợi tịnh cõi nước Phật.

Trước lại có hai câu:

1) Lợi ích chung chúng sanh bốn thừa.

2) "Lại giáo hóa vô lượng..." là lợi ích riêng người cầu Phật.

"Các Tỳ-kheo..." khen ngợi trong pháp của bảy Đức Phật có đức trên mở rộng dưới hóa. "Nay ở chỗ ta v.v..." khen ngợi ở chỗ đức Thích-ca nói pháp bậc nhất. "vào kiếp hiền..." khen ngợi vị lai tu nhân cũng chia ba:

1) Khen ngợi ở chỗ tu hành của Phật trong một kiếp.

2) "Cũng ở trong đời vị lai..." là chỗ tu hành của Phật nhiều kiếp.

3) "Dần dần đầy đủ v.v..." là khen ngợi tu nhân tròn đầy.

"Qua vô lượng vô số kiếp sau v.v..." là nói đắc quả, gồm có sáu quả:

1) Quả hóa chủ.

2) "Đức Phật đó..." là quả cõi nước; đất bằng như bàn tay có hai:

a) Nói Đức Phật tay bằng phẳng, là chỉ việc mà nói.

b) Đáy biển có đá bốn phương ngàn dặm bằng như gương soi mặt gọi là tay đá.

3) Cung điện của chư thiên nêu quả quyến thuộc gồm có bốn ý.

a) Nói về quyến thuộc trời người.

b) Nói về quyến thuộc Bồ-tát.

c) Nói về quyến thuộc Thanh văn.

d) Tổng kết.

4) "Kiếp tên Bảo minh v.v..." là nói quả thời gian. Nước tên Thiện Tịnh v.v... trên nêu thể nay nói về tên cõi.

5) "Tuổi thọ của Đức Phật kia v.v..." là nói quả tuổi thọ.

6) "Pháp trụ lâu xa v.v... là nói quả trụ trì.

Kệ văn có hai:

1) Tụng về hành nhân.

2) Tụng về đắc quả.

Tụng hành nhân ba đời tức là ba phần:

1) Bảy hàng tụng khen ngợi chư Bồ-tát tức khen ngợi Mãn Từ Tử hiện tại hành đức.

2) Năm hàng tụng hành nhân quá khứ.

3) Hai bài rưỡi tụng hành nhân vị lai.

Bảy hàng đầu chia làm ba:

1) Một bài nêu khen ngợi.

2) Năm hàng giải thích khen ngợi.

3) Một bài tổng kết tán. Rõ ràng không thể khen ngợi đủ.

Năm hàng kế lại chia làm hai:

1) Bốn hàng khen ngợi Bồ-tát làm Nhị thừa phương tiện.

2) Một bài khen ngợi Bồ-tát chỉ bày phàm phu phương tiện.

Bốn hàng đầu lại chia hai:

1) Ba hàng khen ngợi Bồ-tát làm Nhị thừa phương tiện năng thành tựu chúng sanh.

2) Một bài nêu Nhị thừa phương tiện năng tịnh cõi nước Phật.

Ba hàng đầu lại chia làm ba cặp.

1) Nửa bài trên biện biết căn cơ, nửa bài kệ dưới nói lên oai nghi Tiểu thừa nghĩa là cơ giáo một cặp.

2) Nửa bài trên khéo giáo hóa người, nửa bài kệ dưới tự nói là tiểu đạo gọi là tự tha một cặp.

3) Nửa bài trên nêu độ vật, nửa bài kệ dưới nói ý thuyết giáo gọi là giáo lý một cặp.

"Dù ưa nhỏ biếng lười": Dù hiện Tiểu thừa oai nghi nói Tiểu giáo mà tợ như pháp Bồ-tát biếng nhác mà thật chẳng biếng nhác. "Chỉ ba độc cho người lại hiện tướng tà kiến": Trên nói Thánh phương tiện làm hai Thánh Thanh văn Duyên giác, nay chỉ phàm phu phương tiện cũng

làm hai phàm:

1) Hiện làm chúng sanh tại gia ba độc.

2) Hiện làm xuất gia tà kiến ngoại đạo.

Lại trên hiện Nhị thừa phương tiện tức là người không phiền não, nay chỉ hai phàm phu phương tiện nghĩa là người có phiền não. Nay đại sĩ thể ngộ phiền não không hề có, không cho nên phương tiện thị hiện có không. Như Kinh Tịnh Danh chép: Bồ-tát không dứt phiền não cũng không cùng đồng mà năng thị hiện đều đoạn hai việc.

"Nay Phú-lâu-na đây..." là hành nhân quá khứ. "Vị lai cũng cúng dường" v.v... là tụng hành nhân vị lai. "Sau đó được thành Phật..." là tụng đắc quả có hai:

1) Tụng về đắc quả.

2) Tổng kết.

Trong tụng đắc quả: nửa hàng tụng là quả hóa chủ, nửa hàng tụng là quả cõi nước quả, một câu tụng là quả thời gian quả, bốn hàng một câu tụng quả quyến thuộc, năm câu tụng Bồ-tát, một bài tụng Thanh văn, hai bài tụng về trời người, từ hơn đến kém xếp vào thứ lớp. "Pháp hỷ, thiền duyệt thực": Là định tuệ có công năng nuôi dưỡng pháp thân nên gọi là thực. Lại ngoài theo Phật nghe pháp vui mừng là pháp hỷ, trong như nói tu hành là thiền duyệt, lại Thánh nói pháp gọi là pháp hỷ, bậc Thánh im lặng gọi là thiền duyệt. Đức Phật dạy đệ tử thường thực hành hai việc cho nên chỉ có hai món ăn. Các kinh khác nói có chín món ăn: Thế gian bốn món, xuất thế gian năm món:

1) Thiền.

2) Nguyện.

3) Niệm

4) Tám giải thoát.

5) Hỷ. "Tỳ-kheo Phú-lâu-na v.v..." một bài rưỡi là tổng kết tịnh độ.

"Bấy giờ ngàn hai trăm vị..." là thọ ký cho Thanh văn chia làm hai:

1) Thọ ký.

2) Lãnh giải.

Trong thọ ký có hai:

1) Xin ký.

2) Thọ ký.

Hỏi: Một ngàn hai trăm năm mươi người thường theo Phật, kinh này trước sau vì sao chỉ nói một ngàn hai trăm ư?

Đáp: Hoặc có thể rút trong kinh chỉ lấy số chẵn; hoặc có thể xưa có một ngàn hai trăm năm mươi, đến thời Pháp Hoa năm mươi người đã mất cho nên chỉ nói một ngàn hai trăm thôi!

"Chúng ta vui mừng được điều không hề có v.v..." nghe trên nói pháp và cho thọ ký chung nên vui mừng, không được thọ ký cũng sung sướng lắm nghĩa là một ngàn hai trăm vị La-hán thấy các người khác được ký riêng, nghĩ rằng mình không được ký riêng nên đến xin nếu như được ký riêng được thành Phật thì gọi là sung sướng. "Đức Phật biết tâm niệm v.v..." là được Phật thọ ký. Văn chia làm ba:

1) Hứa chung.

2) Thọ ký riêng.

3) Bảo Ca-diếp khiến tuyên cáo chúng kia được thọ ký.

"Nay... là hứa chung. Trong chúng đó v.v..." Nêu thọ ký riêng, trước văn xuôi, sau kệ tụng, trước văn xuôi có hai: Trước thọ ký riêng Kiều-trần-như, kế thọ ký riêng năm trăm. Phải biết năm trăm và một ngàn hai trăm đều là trong số một ngàn hai trăm, một ngàn hai trăm là số đầu đắc Ba đạo thừa, trong một ngàn hai trăm đây năm trăm là nêu số lãnh giải cho nên nói năm trăm. Dù nêu năm trăm cũng là trong số một ngàn hai trăm như gọi nhóm Tỳ kheo mười bảy vị, sáu vị. "Năm trăm vị A la hán.." là thọ ký năm trăm người: Ca Lưu Đà Di: Ca lưu Hán dịch là Thời. Đà Di gọi là Khởi. Thập bát bộ sớ chép: Ca lưu là Hắc, Đà Di là Thượng, là thầy của Thái Tử Tất-đạt khi còn ở trong cung. Châu đà: Hán dịch là Bất lạc, lại nói Tiểu lộ. Sa-già Đà dịch là Thiện lai, xưa dịch là Ác lai, ngoại quốc cũng gọi là Sa Kiệt Đà. Cũng gọi Sa Già-đà. Ưu Đà Di cũng gọi là Ô đà di, Trung hoa gọi là Xuất.

Văn Kệ cũng có hai: Trước sáu hàng tụng Kiều-trần-như được thọ ký, kế ba hàng rưỡi tụng năm trăm người được thọ ký. "Ca-diếp! Ông đã biết..." là bảo Ca-diếp khiến tuyên cáo thọ ký. Do không có Nhị thừa chỉ có Nhất thừa, tất cả Thanh văn đều sẽ thành Phật, bảo tuyên chỉ thọ ký là ý đây.

"Bấy giờ năm trăm vị La-hán..." là tự trình bày lãnh giải. Văn có hai: Văn xuôi và kệ tụng. Văn xuôi có bốn:

1) Pháp.

2) Thí.

3) Hiệp.

4) Tổng kết vui mừng.

Đầu nói pháp lại có bốn:

1) Nêu duyên lãnh giải được thọ ký tức là duyên lãnh giải.

2) "Vui mừng hớn hở v.v..." là trong tâm vui mừng.

3) "Liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi ..." là ngoại hình cung kính. "Ăn năn lỗi tự trách v.v..." là phát ngôn tự trình bày lãnh giải.

Đây lại chia làm bốn:

1) Hối lỗi tự trách.

2) Thuật lại xưa mê.

3) Nói nay ngộ.

4) Giải thích.

Hối lỗi tự trách: Sám hối tội Tiểu thừa có sở đắc, khiến người chưa bỏ rồi chấp Nhị thừa do đây mà bỏ rồi phát tâm Đại thừa vững chắc không lui sụt. Nhưng kinh này từ đầu đến cuối nhờ một ngàn hai trăm người phá tất cả các người Tiểu thừa trong mười phương ba đời, khiến cho họ bỏ chấp có sở đắc ngộ nhập chánh quán bình đẳng, cho đến nhờ người ba căn bác bỏ hạng Bồ-tát cố chấp hai kiến đại, Tiểu thừa trong mười phương ba đời, cũng khiến họ ngộ nhập phi đại phi tiểu không một không ba mà diệu ngộ không y, không đắc, do đó kinh này từ đầu đến cuối đều lấy một ngàn hai trăm người mà nói làm đầu mối. Nhờ họ chấp mê để nói lên mê đại tiểu có sở đắc, nhờ họ ngộ để dẫn tất cả tâm mê chấp có sở đắc Đại Tiểu khiến họ được ngộ.

Hỏi: Nếu vậy kinh này ba châu đều là người phương tiện không thật ngộ đạo?

Đáp: Nhờ người ba căn này trình bày sự mê ngộ khiến người thực hành Tiểu thừa đối với kinh Pháp Hoa đắc tín tâm, cho nên trước nói các hàng Thanh văn tin lời Phật nên thuận theo kinh này, tức kia chứng minh.

Hỏi: Vì sao biết được ba căn Thanh văn đều là phương tiện ư?

Đáp: Không có người thực hành nghe Kinh Pháp Hoa liền lãnh giải giúp Phật tuyên dương giáo hóa cho nên Kinh này Phật có ba châu nói, đệ tử cũng có ba châu nói, hoặc thầy hoặc đệ tử đều là hiển phát thầm giáo điều phục chúng sinh. Nhưng chánh quán vắng lặng không hề có thầy trò vì chúng sanh nên phương tiện mà có thầy trò, muốn cho chúng sinh thọ hóa ngộ nhập bình đẳng. Cho nên, Kinh Niết-bàn chép: Nói pháp chẳng phải thầy cũng chẳng phải đệ tử gọi là Trung đạo, thầy trò tức là phương tiện, mê ngộ cũng như vậy, bình đẳng chánh quán không hề có mê ngộ, vì chúng sanh nên phương tiện có mê ngộ. Lại kinh Niết-bàn nói tất cả chúng sanh không thể phá kết; chẳng phải không năng phá, chẳng phá chẳng phải không phá gọi là Trung đạo, nên thường theo ý nầy mà đọc kinh Pháp Hoa.

Nếu chấp xưa khai nay hợp, có Nhất thừa, không có ba thừa, cho đến trước sau mê ngộ thì thành có sở đắc, có sở đắc tức vô minh, chẳng phải đại tuệ bình đẳng. Có sở đắc ấy không đạo không quả không thể hành nhân Phật đắc quả Phật; có sở đắc gọi là thô chẳng phải diệu pháp, có sở đắc tức là nhiễm trước không gọi là hoa sen. Nói hối lỗi: Đức Phật quá khứ khiến ta phát tâm Bồ-đề vô sở đắc không hai, mà do ta điên đảo sâu dày trái đại chấp tiểu là tội thứ nhất của con. Từ đầu Kinh đến nay hai châu đã vì con nói đại tuệ bình đẳng, mà con nghi hối không hiểu đó là tội thứ hai của con. Đã ở trong hai đời nhọc phiền Như lai cho nên sám hối lỗi đối với Phật, lại chấp tiểu, nghi đại sâu làm chướng pháp cho nên đối pháp sám hối tội có sở đắc. Tự trách: do trái đại chấp tiểu, chấp tiểu nghi đại đều do mình độn căn cho nên tự trách.

Hỏi: Vì sao người hạ căn có riêng lời này?

Đáp: ba phen nghe mới hiểu thì có các lụy sâu cho nên nói riêng. Lại hàng Thanh văn ba căn đều nên hối lỗi tự trách, chỉ muốn chuyển thế bày lỗi cho nên ba thứ khác nhau.

"Thế tôn! Chúng con v.v..." là thuật xưa mê. Nay mới biết đó như người vô trí. Nêu nay ngộ. "Vì sao": Là giải thích. Nói lẽ ra đắc đại mà chấp chặt tiểu tự cho là đủ nên là người vô trí tức giải Thích-câu trên "như người vô trí."

"Thí như có người..." là Thí nói trình bày rộng về lãnh giải. Kinh này Phật có ba châu chép:

1) Pháp nói.

2) Thí nói.

3) Vừa thí vừa pháp nói.

Đệ tử ba phen lãnh giải cũng có ba giai cấp: Xá-lợi-phất nghe pháp nói trên lại làm pháp nói lãnh giải, Ca-diếp ngộ trước thí nói lại làm thí nói mà lãnh giải, nay hiểu rõ cả hai pháp thí lại làm hai thứ pháp thí lãnh giải, cho nên trước nêu pháp nói lãnh giải, nay nói thí nói lãnh giải. Căn cứ thí nói đầu cuối có tám phần:

1) Người nghèo đến nhà bạn thân.

2) Bạn thân cho uống rượu.

3) Say rượu nằm.

4) Bạn buộc viên ngọc vào áo.

5) Vì say nên không hay biết.

6) Thức dậy bèn đi tìm cầu việc ăn mặc.

7) Gặp lại bạn chỉ cho viên ngọc.

8) Người nghèo được châu báu vui mừng.

Bạn thân từ đầu đến cuối muốn làm lợi ích cho nhau, nêu đủ tám việc, do loại theo nhau nghĩa ý chỉ có ba:

1) Cột ngọc châu quý.

2) Giữa đường lạc nhau.

3) Gặp lại chỉ ngọc châu quý.

Sở dĩ lập ba thí dụ này là lại lãnh giải ba nghĩa trên:

1) Lãnh xưa bẩm thọ Đại thừa, tức vào thời Đức Phật Đại Thông. Kế là lãnh quên Đại chấp Tiểu, từ quá khứ lui sụt tâm Bồ-đề xong nay trước Linh Sơn, ba lần lãnh đắc ngộ Đại tức hội Linh Sơn.

2) Lãnh hóa thành ba thí dụ: lãnh trước ban đầu nói Đại thừa, lãnh kế giữa đường nói Tiểu thừa, kế lãnh sau lại nói Đại thừa.

3) Lãnh Như lai có ba thứ pháp luân: Đầu lãnh pháp luân căn bản, kế lãnh pháp luân chi mạt, sau lãnh pháp luân gom ngọn về gốc.

"Thí như có người v.v..." tức là người hạ căn. "Đến nhà bạn thân v.v..." xưa có cảm Đại thừa nói giáo Đại thừa nên gọi là đến, đồng có Phật tánh lại từng thọ hóa là pháp ra đời là thân, đồng chí hướng Bồ-đề cùng vượt sanh tử nên là bạn. Phẩm Thí Dụ làm cha con, phẩm Tín Giải lại làm cha con mà lãnh giải Phẩm Hóa Thành làm đạo Sư, bạn lữ, nay lại làm anh em mà lãnh giải, do mười sáu Sa-di quá khứ ngộ trước nên gọi là anh, anh tức là bạn, người theo thọ giáo học sau tức là em. Nhà: là chỗ nói giáo Đại thừa. "Say rượu mà nằm ngũ": Ngài Quang Trạch v.v... chép: Người nghèo vốn say đến nhà bạn thân nằm, dụ chúng sanh bị năm trược làm mê chìm đắm sanh tử gọi là say. Vô minh mê hoặc tâm được giải không lâu mà quên giải, sau bèn không tu hành như say rượu nằm ngủ. "Nay nói không đúng. Vì kệ dưới chép: "Thí như có người nghèo đến nhà bạn thân, nhà kia rất giàu có, bày các thức ăn ngon". Đã nói say đến mà nằm ngủ, vì sao nói bày thức ăn, lại đã bày thức ăn ngon đây sao không uống rượu ư? Đây là dụ việc không thành.

Nay nói về trong đó có thể có hai nghĩa:

1) Bạn thân bày tiệc uống rượu ăn ngon, nhưng văn xuôi lược nên không nói, kệ thì đầy đủ.

2) Tức văn xuôi nầy tự bao gồm nghĩa đó. Văn nói say rượu mà nằm ngủ. Rượu do bạn thân bày ra. Say là người nghèo uống rượu mà say. Xưa nói Pháp Hoa tức Đại thừa Trung đạo vô tướng giáo làm rượu, đắm chấp giáo là say, mê lý là nằm. Cho nên Kinh chép: Cầm bình Tam-muội Không chứa đầy rượu vô tướng.

Hỏi: Vì sao dùng rượu dụ cho giáo ư?

Đáp: Rượu có nghĩa vui thích dụ cho nghe giáo vui mừng tự biết

sẽ thành Phật và rượu có nghĩa hôn mê, dụ cho do giáo sanh khởi mê. Nay dụ Đại thừa chính là muốn nói nghĩa ba căn Thanh văn giữa đường mê giáo, nên chánh nhờ rượu làm dụ vì thế ban đầu nói say rượu mà nằm ngủ.

Hỏi: Vì rượu nên say nằm, lập ra giáo nên khởi mê ư?

Đáp: Bạn thân cùng gặp vốn làm thần vui không khiến say mê, Như lai nói giáo ý ở ngộ lý, không khiến duyên mê, chỉ vì lầm tôn chỉ nên bị mê hoặc!

"Lúc ấy, người bạn thân có việc quan phải đi": Bực Đại Sĩ lợi ích chúng sinh hóa độ chúng sanh tự tại chẳng vì mình như việc quan, lại cõi này cảm tận phương khác duyên đến. Không được không đi như việc quan phải đi. "Buộc châu báu vô giá trong áo của gã say: Đây chính là thí dụ buộc châu. Luận Pháp Hoa chép: Có người tâm tán loạn tăng thượng mạn thật không có định, quá khứ tuy có gốc lành Đại thừa mà không hay biết, không biết nên không cầu Đại thừa, đối với tâm xấu hẹp ấy sanh luống dối hiểu cho là bậc nhất thừa, chấp điên đảo như vậy, vì đối trị hạng người này nên nói thí dụ buộc châu. Tức là chỉ cho biết gốc lành quá khứ làm cho nhớ nghĩ, rồi sau dạy bảo khiến nhập Tam-muội. Luận lại nói thị hiện giải vô thượng cho nên nói thí dụ buộc châu. Giải Đại thừa Trung đạo dụ như châu báu, cùng tột trong lý nên gọi là vô giá. Lại do đây giải lý không hai mà cảm Đại quả của Phật, do có nhiều khả năng nên gọi vô giá, giải do Phật trao cho nên gọi là buộc, giải hoặc ẩn mật vi tế trong tâm như trong áo.

Hỏi: Trao cho lãnh giải vốn do chúng sanh lãnh ngộ, đã nói say rượu mà nằm ngủ đều không hay biết, vì sao trong lúc không hay biết mà trao lãnh giải?

Đáp:

1) Buộc châu vốn nói ý chỉ Đại thừa không khiến tạm thọ mà thôi chính là nhiễm thần trải qua nhiều kiếp không suy, cho nên mượn say không biết để nói về cột châu, thật ra chẳng phải là lúc không biết mà cột.

2) Xét về lãnh giải châu dụ cho tâm Bồ-đề, không mất chánh là ở thời sau, nay muốn hiển rõ thời sau giải không suy do Phật được trao cho nên ở thời sau nói. Lại sở dĩ biết buộc ngọc châu chẳng phải là lúc không hay biết là vì châu dụ cho tâm Bồ-đề, nếu đều không biết thì làm sao phát tâm Bồ-đề! Chỉ vì nay căn cứ thời sau bỏ quên cho nên nói không biết.

Hỏi: Cột châu đã là lúc hiểu biết thì uống rượu cũng có không say

ư?

Đáp: Lúc đầu chưa say sau mới say, như lúc đầu bẩm giáo thì chưa mê sau mới mê.

Hỏi: Bạn thân vì sao bày tiệc rượu thức ăn lại cột châu ư?

Đáp: Bạn thân ân tuệ có lợi ích có thể có từ đầu đến cuối hai việc:

1) Bày tiệc rượu ăn uống.

2) Là ân tuệ châu báu quý trọng châu báu quý trọng là nhân giàu sang lúc trước, rượu thức ăn là vui đương thời hội ngộ. Trước theo Đại thừa cũng đủ hai việc: Đương thời được lợi ích như uống rượu tình vui, kế giải nhiễm thần trải qua nhiều kiếp không suy, đồng là thí dụ buộc hạt châu.

Hỏi: Đã là từ đầu đến cuối một giải vì sao không nêu một thí dụ ư?

Đáp: Ăn, uống rượu chỉ có ích đương thời mà không có nghĩa thời sau không mất, buộc châu chỉ có thời sau không mất mà không có lý xen lẫn lợi ích, cho nên nêu hai thí dụ đầu và cuối chỉ một giải.

Hỏi: Nếu chỉ là trao cho một lãnh giải thì ban đầu thấy bạn thân liền cột châu nơi áo vì sao đến lúc say nằm ngủ mới cột ư?

Đáp: hai thí dụ thật ra là một lúc, mà trước sau nói để có hai nghĩa ấy, uống rượu là ý ban đầu có giải chút ít sau thì hôn mê, tuy lại sau mê mà giải ẩn kín trong mê cuối cùng cũng không suy diệt cho nên như buộc châu. Vì thế rượu dụ nói lên kia giải sau đó khởi mê, châu dụ rõ kia giải tuy lại khởi mê mà giải khô ng suy diệt.

Hỏi: Kinh tự nói về trước sau vì sao nói một thời ư?

Đáp: Trong kệ sau nói về bày tiệc rượu ăn uống liền buộc châu cho nên biết nhất thời nhưng muốn hiển rõ hai nghĩa đầu đuôi, như trước giải thích.

Hỏi: Rượu châu chỉ dụ cho giải cũng dụ cho giáo ư:

Đáp: Chung đều được dụ, giáo Trung đạo tròn đầy như viên ngọc, luyện thần dưỡng tánh việc đồng với rượu, giáo đã đủ hai, giải cũng theo lệ như vậy, nhưng châu chính dụ giải gọi là tâm Bồ-đề cho nên dưới hiệp nói nhất thiết trí nguyện cũng còn không mất.

Rượu dụ hai nghĩa:

1) Dụ giáo.

2) Uống rượu lợi thân dụ cho lãnh giáo sanh giải cho nên biết có đủ hai nghĩa. Nhưng rượu chánh là dụ giáo. “Cho đó rồi đi”: tức thời chưa thể hóa chẳng được không bỏ. Lại đầu lập bày rượu dụ cho thuyết

giáo lấy châu buộc dụ trao giải, trao giải đã xong cõi này cảm đã dứt cho nên đi. “Gã đó say nằm đều không hay biết v.v...” là dụ cho giữa đường quên đại chấp tiểu. Đã chấp giáo khởi hoặc, trải qua sanh tử không biết đã từng có Đại thừa. “Khi dậy liền dạo đi”: Câu trước nêu quên đại giải như đều không hay biết, câu này nói tập hành Tiểu thừa cho nên nói đứng dậy dạo đi. Lại câu trước nói đều không hay biết quên mất iải xưa, nên lưu lạc trong năm đường, câu này nói khởi cầu pháp xuất thế Nhị thừa. Căn cơ Tiểu thừa phát đứng dậy, tu hành pháp Tiểu thừa là đi (hành). “Đến nước khác”: Chính là nói Niết-bàn đáng chứng, còn chẳng phải nước mình cho nên nói nước khác, tức Đại thừa làm nước mình Giáo Nhị thừa làm nước khác. Trong phẩm Tín Giải dụ dùng lý Đại thừa làm nước mình sanh tử làm nước khác, nay dùng Đại thừa làm tự mình Tiểu thừa làm nơi khác. “Vì việc ăn mặc mà phải gắng sức tìm cầu rất là khổ nhọc”: Nhị thừa vui ít, nghĩa sánh với ăn mặc, điều phục hoặc không biếng nhác là gắng sức, không có liên quan lo lắng là gian nan khổ nhọc, lại chẳng phải thuận lý nên gọi là khổ nhọc, lại Bồ-tát như lạc đạo, Thanh văn như khổ đạo, cho nên nói khổ nhọc. Nếu có được chút ít liền cho là đủ”: Trên nói hành nhân, nay nói đắc quả, giữ lấy ít quả cho là rốt ráo cho nên nói tự đủ.

“Lúc sau người bạn thân gặp gỡ thấy...” là thí dụ gặp gỡ chỉ bày châu.

Hỏi: Nay mới thấy bạn thân, hay trước đã thấy ư?

Đáp: Trong đứng dậy dạo đi đã thấy bạn thân, chỉ nói giáo Tiểu thừa chưa xưng bạn ngày xưa cho nên không nói thấy, nay đã chỉ bày châu lại như bạn xưa mới gọi là thấy.

Lúc sau: Tức là sau nói Tiểu giáo, đại căn cơ dần dần phát gọi là gặp gỡ, vì trí Phật chiếu so nên gọi là thấy. “Liền bảo rằng: Lạ thay! Anh này sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này”: Trước nêu thấy căn cơ, nay nói thuyết giáo, xưa phát đại tâm thực hành đại hạnh, ý chí mạnh mẽ gọi là trượng phu. Nay liền bỏ đại học tiểu đây thật đáng thương. “Lúc trước ta muốn anh được an vui tha hồ năm món dục”: Xưa muốn cho chúng sanh được quả Phật an vui. “Ngày tháng năm đó cột châu báu vô giá vào trong áo anh nay vẫn còn đó”. Thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng là ngày tháng năm, vì nói Pháp Hoa trao Nhất thừa giải là cột châu, nhân xưa không suy yếu là nay vẫn còn đó. “Mà anh không biết”: là nói không biết có đại giãi. “Lại đi nhọc nhằn sầu khổ để kiếm tìm tự nuôi sống”: là nói chấp Tiểu thừa. “Thật là ngu si”: Quên đại chấp tiểu do vô minh phiền não nên gọi là si. “Nay anh nên đem ngọc ấy đổi lấy

các thứ cần dùng”: Dùng tâm Bồ-đề báu đổi sẽ cảm được đức của Phật tròn đầy. Dùng nhân cảm quả tức nghĩa đổi chác.

“Đức Phật cũng như vậy...” là nêu ba hiệp ba dụ. Tức ba “là lúc làm Bồ-tát”: Hiệp trên bạn thân. Giáo hóa: Hiệp trên bày rượu. “Khiến phát tâm cầu nhất thiết trí”: Hiệp trên buộc châu báu. “Mà chúng con bỏ quên...” Hiệp bỏ đại chấp tiểu tức bao gồm hiệp trên: say rượu mà nằm. Bỏ quên chính là hiệp trên đều không hay biết. “Đã đắc La-hán”: Hiệp trên quên đại, hiệp đây chấp tiểu. “Tất cả trí nguyện vẫn còn chẳng mất”. Hiệp bạn thân chỉ bày châu. “Nay đức Thế tôn giác ngộ chúng con mà nói...” là hiệp trên nói lạ thay! Anh này sao đến nỗi như vậy! “Ta từ lâu đã khiến các ông...” hiệp văn trên: xưa ta muốn các ông được an vui... cho đến buộc châu: “Mà các ông chưa thiệt diệt độ”: Hiệp trên mà anh không biết rất là ngu si.

“Thế Tôn! Chúng con nay mới biết mình...” là tổng kết ngộ giải vui mừng.

Kệ có mười hai hàng rưỡi tụng bốn đoạn trên, chia làm bốn:

1) Hai bài rưỡi tụng Pháp nói.

2) Sáu hàng tụng Thí nói.

3) Ba hàng tụng hiệp dụ.

4) Một bài tụng kết vui mừng.

Trên pháp nói hai bài rưỡi có bốn:

1) Nửa hàng tụng duyên lãnh giải.

2) Một câu tụng trong tâm vui mừng.

3) Một câu tụng ngoại hình cung kính.

4) một bài rưỡi tụng hối lỗi. Hối lỗi tự trách có bốn: nay chỉ tụng hai: Đầu nửa hàng tụng hối lỗi. Kế hàng tụng xưa mê, tức giải thích việc hối lỗi. Sáu hàng tụng ba thí dụ tức có ba riêng: Một bài ba câu tụng thí dụ buộc châu, “Bày đủ các tiệc ngon...”: Văn xuôi nêu rượu, kệ nêu tiệc ngon, rượu dụ nói tâm Bồ-đề, bày tiệc ngon nói Bồ-đề hạnh. Cũng được chuyển thí, trên dùng rượu thí dụ giáo Pháp Hoa, nay dùng tiệc ngon dụ cho giáo. Nói bày đủ: Đức Phật nói lược ở trước, Sa-di nói rộng ở sau. “Thầm cho rồi bỏ đi v.v...” giải không suy diệt đã hiển rõ ở sau thì sau giải chẳng phải là ngôn giáo đã trao nên nói thầm cho. Có người chép: Bấy giờ không có thầy dẫn dắt một khi phát sanh thiện trải qua nhiều kiếp không suy diệt lại gặp gỡ nhau cho nên gọi là thầm cho. Có người chép: lúc bấy giờ tuy vì người độn căn nói giáo mà họ không hiểu, không khác với im lặng cho nên nói thầm cho. Lại rượu, thức ăn ngon dụ cho giáo gọi đó là ngôn từ buộc châu trao giải cho nên gọi là

thầm cho, giải thích nầy là đúng.

Hỏi: Trong kệ vì sao nói bày ra các tiệc ngon thì nói buộc châu? Đáp: Vì khi nói Đại thừa tức trao tâm Bồ-đề giải, thật ra chẳng khác thời nên biết kế tục nói.

"Mà bỏ đi": Nói giáo trao giải được lợi ích đủ rồi nên bỏ. "Gã say nằm không hay biết v.v...:" hai bài một câu tụng thí dụ giữa đường quên mất đại ở trên. "Người thân hữu cho châu..." hai bài tụng trên gặp gỡ lại chỉ bày châu. "Chúng con cũng như vậy..." ba hàng tụng bên trên hợp thí thứ nhất: Đầu kệ tụng hợp thí thứ nhất, kế kệ tụng hiệp thứ hai, sau kệ tụng hiệp thứ ba. "Con nay từ Phật nghe v.v..." một hàng tụng thứ tư tổng kết vui mừng.

PHẨM THỌ HỮU HỌC, VÔ HỌC NHÂN KÝ THỨ CHÍN

Học và Vô học có Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau. Tiểu thừa Hữu Hữu học, Vô học: Thành luận chép: Học pháp: Là người Hữu học ở tâm bậc nhất nghĩa. Vô học: Là người Vô học ở tâm bậc nhất nghĩa. Nếu tâm duyên chân thật lại có nghĩa tăng tiến đó gọi là Hữu Học, tâm duyên chân đã mãn không còn tiến cầu đó gọi là Vô học. Nếu tâm ra đời tục chẳng phải Hữu Học chẳng Vô học. Theo Luận A Tỳ-đàm chép: Hợp lý tiến cầu gọi là Hữu Học, hợp lý dứt cầu gọi là Vô học, tâm duyên sự gọi là chẳng phải Hữu học chẳng phải Vô học. Nhưng phẩm nầy đều không nói về nghĩa này, Hữu Hữu học, Vô học đã ở tâm quán thì không thể đắc ký cũng không thể đắc thọ, nay chỉ căn cứ địa vị phân rõ! Ba quả đầu gọi là Hữu Học, La-hán gọi là Vô học. Mà nói người ấy: luận Trí Độ chép: Người Tu-đà-hoàn, đạo Tu-đà-hoàn là Mười lăm tâm. Quả Tu-đà-hoàn là tâm thứ mười sáu, nay chánh nêu người đó để làm phẩm.

Đại thừa Hữu Học,Vô học: Đức Phật gọi là Vô học, đăng Địa trở lên gọi là Học. Căn cứ trong nhân địa, Thất địa trở xuống là công dụng đạo gọi là Hữu Học, Bát địa trở lên là vô công dụng đạo gọi là Vô học. Cho nên, Đại Phẩm chép: Bồ-tát có địa vị Hữu Hữu học, Vô học.

Hỏi:đại thừa có quả địa Hữu Hữu học, Vô học, lại có Hữu Hữu học, Vô học trong nhân vì sao Tiểu thừa không có Hữu học, Vô học trong nhân địa?

Đáp: Tiểu thừa trong nhân không có công dụng nghĩa vô công dụng nên không chia hai, chỉ có công dụng nên chỉ có Học đạo. Nay nói về trong đây các người thường là đồng hành với Phật thì gọi là Đại thừa Hữu học, Vô học, nay Phật tráo ký cho hai loại người Hữu học, Vô học hiển danh và mật hạnh cho nên dùng gọi tên phẩm.

Phẩm chia làm hai:

1) Xin ký.

2) Thọ ký.

Xin ký chia làm hai:

1) A-nan, La-hầu-la, hai người xin ký.

2) Hai ngàn người xin ký.

Hỏi: Phẩm tựa nêu chúng, A-nan đều thuộc chúng Vô học nay vì sao nhập vào chúng Hữu học, Vô học?

Đáp: Gồm có ba nghĩa:

1) Phẩm trên nói về đức A-nan dự lãnh Phật pháp là thầy thứ hai

tuy chẳng phải Vô học mà thuộc về chúng Vô học, nay căn cứ địa vị của Ngài mà phân chia. Đã là Sơ quả nên không nhập chúng vô học.

Hỏi: Nếu vậy La-hầu-la đã là vô học vì sao không xếp vào chúng ở phẩm trước ư?

Đáp: Phải thọ ký cho A-nan mới được thọ ký cho La-hầu-la, A-nan đã thuộc phẩm này, La-hầu-la cũng thuộc về phẩm này.

2) A-nan, La-hầu-la và năm trăm đệ tử trên nguyện hạnh khác nhau cho nên chỉ thuộc về phẩm này.

3) Trên nói về hàng Vô học có quyền có thật, như Mãn Từ Tử là quyền, các vị khác là thật, nay muốn nói về người Hữu học, Vô học cũng có quyền thật. A-nan, La-hầu-la có phát tích nên gọi là quyền. Hai ngàn người không phát tích nên gọi là thật, như trên giải thích.

Văn đầu có ba:

1) Trong tâm tư duy.

2) Bên ngoài cung kính.

3) Nói lời xin ký tức thứ lớp ba nghiệp.

"Chúng con trong đây lẽ ra cũng có phần": Có hai suy xét, và hai kết luận. Hai suy xét:

1) Nêu tự suy nghĩ lẽ ra được thọ ký, nói về chúng con trong đây cũng đáng có phần: Trình bày mình được hiểu ngộ, "Chỉ có Như lai là chỗ nương về của chúng con": Xin Phật chứng minh xem xét cho họ là có hiểu ngộ. Lại tích ở Thanh văn tông qui Phật đạo cho nên nói thế này.

2) "Lại chúng con v.v..." là nói suy nghĩ người khác lẽ ra được thọ ký. Hai người này rất gần gũi.

Nếu không được thọ ký gồm có hai lỗi:

1) Trái với vật hy vọng.

2) Trái với bổn nguyện kia.

"Nếu Phật thọ ký v.v..." là nói về hai kết: "Nguyện con đã mãn": là kết trên tự suy nghĩ. "Mà lòng chúng cũng được đủ": một kết trên người khác suy nghĩ. Lại chỉ có đức Như lai là chỗ quay về của chúng con tức đồng các Thanh văn cho nên phải được thọ ký. "Lại chúng con là tất cả các thế gian đều quen biết": là nói ngoài Thanh văn ra các chúng khác lẽ ra được thọ ký. Nguyện con đã mãn: Là nói đồng các Thanh văn, lòng chúng trông cũng được đủ: là kết các chúng khác ngoài Thanh văn.

"Lúc đó người Hữu học, Vô học v.v..." nêu hai ngàn người xin ký. "Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo A-nan v.v..." là nói thọ ký. Trước thọ ký

cho hai người, kế thọ ký cho hai ngàn người. Trước thọ ký hai người: Đầu tiên thọ ký cho A-nan, sau thọ ký cho La-hầu-la. Thọ ký cho A-nan có bốn:

1) Thọ ký.

2) Mới học sanh nghi.

3) Giải thích nghi.

4) Tổng kết vui mừng.

Trong phần thọ ký trước có văn xuôi, sau là kệ tụng. Văn xuôi trước nói hành nhân, kế nói đắc quả. Trong đắc quả có nói riêng về tuổi thọ dài lâu tức muốn nói lên nhân duyên A-nan hộ pháp nên đắc quả sống lâu.

"Bấy giờ trong hội..." là nói người mới học sanh nghi, sở dĩ nghi: Là do Đức Phật gia tăng Thần lực kia muốn phát tích A-nan cho nên sanh khởi niệm nghi này. "Bấy giờ, đức Thế tôn..." là giải thích nghi. Đức Phật Không Vương: là vua rốt ráo Không trong các Không. luận Trí Độ chép: Bồ-tát hành tánh Không, rốt ráo Không là Đức Phật hành. Đức Phật Thích-ca và A-nan đồng dùng rốt ráo Không làm gốc cho nên chép: đồng ở chỗ Đức Phật Không vương đồng phát tâm Bồ-đề, Đức Thích-ca phát tâm về sau siêng năng tu tập rốt ráo Không cho nên tự thành Phật. A-nan học rộng nên xếp vào thị giả, thầy và trò đồng khởi rốt ráo Không, ký và không ký đâu có gì nghi ư!

Hỏi: Siêng năng tu tập rốt ráo Không làm sao thành Phật, A-nan học rộng vì sao làm đệ tử?

Đáp: Nương tích mà chép: Đa văn là một hạnh trong các hạnh, siêng năng tinh tấn khắp các hạnh cho nên có thành và chưa thành tựu.

"A-nan mặt ở trước Đức Phật..." là lãnh giải khen ngợi, kế thọ ký cho La-hầu-la như văn. "Lúc bấy giờ đức Thế tôn..." là thọ ký cho người Hữu học, Vô học trước thọ ký, kế lãnh giải khen ngợi. "Vắng lặng thanh tịnh..." hiển rõ hai ngàn người biết các pháp xưa nay vắng lặng bổn tánh thanh tịnh cho nên có thể thọ vô sanh. Các văn khác dễ biết.

PHẨM PHÁP SƯ THỨ MƯỜI

Nay dùng bốn môn giải thích:

1) Ý nghĩa có phẩm này.

2) Giải thích tên phẩm.

3) Nói thể tướng.

4) Thứ bậc.

I. Ý nghĩa: nói lược mười nghĩa:

1) Ở trên nương quyền, nương thật, gồm có bốn chương:

a) Lược bỏ quyền bày thật động chấp sanh nghi.

b) Chấp động nghi sanh trình bày nghi đến xin.

c) Rộng bỏ quyền bày thật dứt nghi sanh tín, ba thứ nầy đã rồi, nay là thứ tư kế nêu truyền bá. Sở dĩ nêu truyền bá là trên chỉ một xứ, một thời lợi ích một hội, nhưng chúng sanh không cùng, đại bi không hạn nay muốn tất cả nơi, tất cả thời lợi ích tất cả mọi người cho nên nói về truyền bá.

2) Theo luận Trí Độ chép: Giải thích Bát-nhã có hai môn:

a) Môn nói thẳng.

b) Môn Xưng tán, nay cũng hai: Trên nói thẳng Pháp Hoa, dưới khen ngợi môn nói cho nên có các phẩm dưới.

3) Lại có hai môn:

a) Môn trí tuệ.

b) Môn phước đức.

Trên ba châu nói hai trí quyền thật gọi là môn trí tuệ, dưới đây nói về thọ trì đọc tụng công đức vô biên gọi là môn công đức.

4) Lại có hai môn:

a) Môn thể.

b) Môn dụng.

Trên ba châu nói rộng đại bi chánh quán không hai gọi là thể của Pháp Hoa, nay nói về thọ trì đọc tụng đúng như lời dạy tu hành năng sanh phước tuệ gọi là dụng của Pháp Hoa.

5) Căn cứ ở người lại có hai môn:

a) Phước đức sâu dày chúng sanh hiện tại được gặp Phật thọ kinh Pháp Hoa.

b) Phước đức cạn mỏng chỉ gặp kinh chứ không thấy Như lai, ba châu nói pháp, trên đến nay là người đức phước sâu dày, từ đây trở xuống là người phước đức mỏng cạn, luận Trí Độ chép: Phước đức dày tự thân theo pháp còn thọ Bát-nhã, người phước đức mỏng chỉ gặp văn

tự kinh.

6) Chúng sanh có hai:

a) Kết duyên nhiều với Phật.

b) Làm thiện tri thức với Bồ-tát.

Trên đây vì Đức Phật kết duyên cho chúng sanh nói kinh Pháp Hoa rồi, nay vì các Bồ-tát kết duyên chúng sanh nói Pháp Hoa, cho nên đức Như lai ba châu nói xong phó chúc bốn y, khiến chúng có duyên khác đời đồng lợi ích.

7) Có hai môn:

a) Đốt đèn.

b) Nối đèn.

Đức Thích-ca tự nói bình đẳng đại bi gọi là khơi đèn, nay khuyên tất cả chúng sanh lần lượt mở mang truyền bá rộng khắp chúng sanh, cho đèn pháp không tắt thường chiếu gọi là nối đèn.

8) Giảng nói chánh pháp gồm có hai môn:

a) Chính là nói môn.

b) Chứng nói môn.

Từ trên đến nay nói về chính là nói rồi, từ đây trở xuống nói chứng minh nói. Cho nên tháp báu vọt hiện chứng minh nói không luống dối, khiến cho người chưa tin sanh tâm tin, người đã tin không lui sụt.

9) Như lai ra đời nói rộng chánh pháp gồm có hai môn:

a) Chính là nói.

b) Răn dạy và khuyên.

Nói khuyên là khiến cho chúng sanh thọ trì dẫn đến như nói tu hành. Nói răn dạy là người có một lời nói chê pháp và người mở rộng kinh có tội và phước vô biên, trên đây nói về môn chánh thuyết, từ đây trở xuống nói môn răn dạy và khuyên.

10) Nối kế văn thọ ký trên mà sanh. Như lai thọ ký gồm có hai thứ:

a) Thọ ký riêng.

b) Thọ ký chung.

Trên chỉ nêu thọ ký riêng chưa nói thọ ký chung thì nghĩa thọ ký chưa hết, nay muốn nói nghĩa thọ ký chung cho nên có phẩm này. Nói thông thọ ký riêng gồm có ba thứ.

1) Thế chung riêng, trên chỉ biệt, nêu Đức Phật ở đời, người được thọ ký, nay thông nêu hai đời người được thọ ký.

2) Nhân chung riêng, trên nói riêng người ba căn Thanh văn được thọ ký, nay nêu chung cả chốn u hiển phàm Thánh có dự nghe kinh sanh tâm tin đều được thọ ký.

3) Thời chung riêng: Trên nói riêng kiếp số có hạn được thọ ký, nay nêu chung được thọ ký bất luận kiếp số kỳ hạn. Vì sao? Vì kiếp số có hạn chắc là ngộ sâu nay chung cả cạn sâu nên không nói về kỳ hạn.

Hỏi: Vì sao trao đủ thọ ký chung riêng?

Đáp: Kinh này nói về chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác, tất cả chúng sanh đều thành Phật cho nên đều được Đức Phật thọ ký, cũng đều được Phật thọ ký thì nói lên chỉ có Nhất thừa, cho nên nêu thọ ký giải thích thành Nhất thừa.

II. Giải thích tên: Nói Pháp Sư: Pháp là pháp mầu bình đẳng chánh quán có thể làm phép tắc cho tâm nên gọi là Pháp, do người có khả năng trên mở rộng đại pháp, dưới làm thầy dẫn dắt chúng sanh nên gọi là Pháp Sư. Như thầy thuốc ở đời dùng thuốc trị bệnh cho người gọi là Dược Sư, không nói thuốc là thầy, Pháp Sư cũng như vậy, không nói là pháp làm thầy gọi là Pháp Sư, nhưng lại có dùng pháp làm thầy nên nói là Pháp Sư. Do đó kinh chép: Chỗ Chư Phật làm thầy, như nói là pháp, văn dưới cũng có ý nầy cho nên chỉ bày phương pháp mở rộng kinh thì lấy pháp làm thầy, nhưng tuy có hai việc mà hiệp thành một ý chỉ, trên đã làm thầy đối với pháp rồi sau mới vì người làm thầy.

III. Thể Tướng: Xưa nói năm hạng pháp Sư hiệp thọ trì làm một. Đại luận quyển sáu mươi lăm giải thích nghĩa thọ trì nói tín lực cho nên thọ, niệm lực nên trì, tức thọ là đầu trì là sau, lâu xa không quên mất mới là nghĩa trì, tức phân chia thọ trì làm hai nên thành sáu thứ, thành sáu hạng Pháp Sư, nếu cộng thêm chánh ức niệm thì thành bảy hạng Pháp Sư, nhưng nhiều ít thích nghi thời không định số. Hỏi: năm hạng Pháp Sư đủ bao nhiêu nghĩa nghiệp?

Đáp: Thọ trì gọi là ý nghiệp, biên chép gọi là thân nghiệp, đọc tụng là miệng nghiệp, đây đại khái mà nói thôi! Nhưng biên chép đầy đủ hai nghiệp, vận dụng tay chắc chắn trải qua ý đọc tụng v.v... đủ ba nghiệp. Căn cứ phước tuệ, nói pháp thường là trí tuệ, bốn thứ còn lại có thể thông cả hai.

IV. Thứ bậc: nhưng nói chung: Hàng Thập Tín trở lên đều có khả năng mở rộng pháp làm thầy chúng sinh. Nói riêng thì theo kinh Niết-bàn chép: trong mười sáu phần giải nghĩa một phần là có khả năng vì vật làm thầy. Xưa nói truyền bá gồm có năm phẩm chia làm ba chương:

1) Ba phẩm khiến tìm người mở rộng kinh.

2) Phẩm Trì là nhận thọ lệnh mở rộng kinh.

3) Phẩm An lạc là chỉ bày phương pháp mở rộng kinh.

Sở dĩ có ba chương này là do một châu nói pháp đã xong thì phải truyền bá, do đó tán pháp khen người khiến người kính mến mở rộng truyền pháp cho nên có chương thứ nhất khiến tìm người mở rộng kinh.; Như lai có bảo đại chúng thuận theo ý chỉ cho nên có thứ hai vâng lệnh mở rộng kinh. Nhưng đã ở trong đời ác muốn mở rộng thiện đạo phải gặp nhiều cản trở khó khăn, khiến an trú trong bốn pháp thì thân tâm rất an vui mới có thể mở rộng kinh truyền đạo lợi lạc, chúng sanh cho nên có thứ ba chỉ bày phương pháp mở rộng kinh.

Chương đầu lại có hai:

1) Phẩm trước khiến tìm người mở rộng kinh.

2) Hai phẩm chứng nói, nay nói đều là ý đây.

Nhưng một phẩm Pháp Sư chính là truyền bá, từ phẩm Hiện Bảo Tháp trở xuống riêng thuộc loại đọan lớn sau sẽ nói đầy đủ. Trong phẩm này có hai văn xuôi hai kệ tụng chia làm hai riêng.

1) Một văn xuôi một kệ khen ngợi đức của người trì kinh khiến tâm họ vui mừng để khuyên mở rộng kinh.

2) Một văn xuôi một kệ tụng khen ngợi chỉ bày cách mở rộng kinh để khuyên mở rộng kinh.

Văn đầu lại có hai: Trước văn xuôi sau kệ tụng. Văn xuôi chia làm hai:

1) Khen ngợi đệ tử hai thời.

2) Khen ngợi Pháp Sư hai đời.

Khen ngợi đệ tử hai thời tức có hai:

1) Khen ngợi Phật ở đời đệ tử nghe pháp.

2) Khen ngợi sau khi Phật diệt độ đệ tử nghe pháp.

"Nhân nói với Bồ-tát Dược vương để bảo tám muôn đại sĩ:"

Hỏi: luận Trí Độ chép: Nói môn trí tuệ đối với người xuất gia, nói môn công đức đối với người tại gia, nay vì sao nói môn trí tuệ đối với hàng Thanh văn? Nói môn công đức đối với Bồ-tát?

Đáp: hai Kinh đều có khác. Kinh kia nêu người xuất gia ưa trí tuệ người tại gia ưa công đức, kinh này nêu Thanh văn bị bệnh chấp Ba thừa cho nên nói đại bi bình đẳng để bác bỏ, do đó đối Thanh văn nói, Bồ-tát không có chấp nầy nên không đối. Đại Sĩ vốn muốn mở rộng đạo lợi người, nay truyền bá chính là việc ấy cho nên đối Bồ-tát nói công đức.

Lại ở trên bỏ ba bày một nghĩa ấy đã đầy đủ thì đều thành Bồ-tát không còn Thanh văn cho nên phải đối Bồ-tát. Lại theo ngài Long Thọ chép: Kinh này là pháp bí mật không thể phó chúc Thanh văn cho nên

phó chúc Bồ-tát. Trong hàng Bồ-tát mà bảo riêng Dược vương: là do vị ấy tự thân nghe Pháp Hoa đắc ngộ xả bỏ thân mạng, tài sản để mở rộng pháp này, nay muốn cho các người khác học nên bảo Ngài. Sở dĩ nhân Bồ-tát Dược vương để bảo tám muôn đại sĩ ấy: vì tám muôn người này rất có duyên với đời mạt pháp, nay muốn cho tám muôn đại sĩ trên học Dược vương dưới lợi ích chúng sanh đời mạt pháp, nên nhân Dược vương mà bảo chúng.

"Dược vương! Ông thấy trong Đại chúng nầy": gồm có hai nghĩa:

1) Muốn cho Dược vương và tám muôn Đại sĩ truyền bá kinh này giúp cho thiện căn họ thành tựu, cho nên nêu hai đời đệ tử nghe kinh được thọ ký; khiến cho thầy biết, cho nên nói ông thấy không. Nếu ông mở rộng kinh hành hóa thì thành tựu, nếu không mở rộng kinh hành hóa thì không thành tựu, do đó bảo hỏi nói thấy không?

2) Muốn đem phó chúc hai đời đệ tử cho Dược vương và tám muôn người. Như luận Kim cương Bát-nhã luận rằng: Do Bồ-tát căn cơ chưa thuần thục mà phó chúc, Bồ-tát căn thuần thục nên nói chúng hỏi. Một niệm tùy hỷ thì được thọ ký: nghe pháp nhất niệm thuận theo chí lý thì hợp với lý, hợp với lý nên sanh tâm vui mừng, liền tu hành tương ưng với Phật nên được Phật thọ ký. Lại mộtt niệm tùy hỷ thì biết chỉ một không hai, chắc sẽ thành Phật không lui sụt thành Nhị thừa, nên được Phật thọ ký. Chú giải kinh rằng: Có thể hiện tại nghe pháp một niệm tùy hỷ, thí như cây tùng cây bách nẩy mầm liền có thế vươn cao tận mây, nay nghe pháp tuy cạn nhưng cũng đã gieo trồng cội rễ Bồ-đề cho nên được thọ ký.

"Đức Phật bảo Dược vương: Lại sau khi Như lai diệt độ v.v..." là nói sau khi Phật diệt độ đệ tử nghe kinh được thọ ký. Sở dĩ có văn nầy, là do có hai nghĩa:

1) Trước khiến tám muôn Đại Sĩ ở khắp thế giới Phật mười phương mở rộng kinh, nay sau khi Phật diệt độ mở rộng kinh.

2) Có người nghi: Phật ở đời thì chúng sanh phước đức lợi căn nghe pháp tùy hỷ có thể được thọ ký, sau khi Phật diệt độ thì phước mỏng căn độn tuy là tùy hỷ mà không được thọ ký, vì vậy nên giải thích rằng: chỉ khiến nghe kinh tin hiểu công đức đồng đẳng đều được thọ ký.

"Nếu lại có người..." là khen ngợi công đức của hai đời Pháp Sư, sở dĩ trước nêu công đức đệ tử sau nêu công đức pháp sư là vì có ba nghĩa:

1) Từ cạn đến sâu, trước khen ngợi đệ tử công đức cạn, nay khen ngợi Pháp Sư công đức sâu.

2) Trước nêu đệ tử xuất tướng sở hóa, nghĩa là nghe kinh tùy hỷ

liền được thọ ký gọi là tướng sở hóa. Nay nói công đức Pháp Sư xuất ra tướng mạo người năng hóa, có tướng mạo này nên gọi là Pháp Sư.

3) Trên bảo Dược Vương nêu hai đời đệ tử khiến thầy biết đệ tử, nay xuất tướng mạo Pháp Sư khiến đệ tử biết thầy, do thầy trò biết nhau thì nghĩa mở rộng pháp hóa người thành tựu.

Văn chia làm hai phần:

1) Nói riêng hai đời công đức Pháp Sư.

2) Nói chung về tin và chê.

Phần một lại có hai:

1) Nếu Phật tại thế có hai thứ Pháp Sư.

2) Biện sau khi Phật diệt độ hai thứ Pháp Sư.

Đầu nêu hai thứ Pháp Sư tức chia làm hai biệt:

1) Hạ phẩm.

2) Thượng phẩm.

Phẩm Pháp Sư địa vị đã nhiều nay nói lược hai phẩm thượng hạ. Nói theo vị: Y theo người đầu là hạ phẩm, ba người còn lại dựa theo làm là thượng phẩm. Sở dĩ phân chia hai thứ này: Người đầu đầy đủ phiền não đã là địa vị phàm phu nên gọi là hạ phẩm, ba người sau đồng là vị Thánh nên hiệp làm thượng phẩm. Nhưng theo nghĩa vị khó biết, tạm mượn một môn để làm thứ lớp.

Người đầu có bốn ý:

1) Nói hiện đức tức nêu ra tướng mạo Pháp Sư, nghĩa là có tướng mạo nầy thì gọi Pháp Sư.

2) "Dược vương nên biết..." là nói ra nhân xưa thành Pháp Sư tức nói về đức của Pháp Sư quá khứ. "Thành tựu đại nguyện:" là nêu người này đã từng cúng dường nhiều Đức Phật nên sanh tịnh độ chỉ thành tựu đại nguyện nên đến sanh trong nhân gian.

"Dược vương! Nếu có người hỏi:.." nêu Pháp Sư này đời vị lai đắc quả, người này đã từng mở rộng truyền truyền bá Đại thừa trong hiện tại, quá khứ gieo trồng nhân chứa nhóm lâu xa cho nên nhất định thành Phật. "Vì sao?..." là nói nhân hiện tại giải thích quả tương lai. "Người ấy tất cả thế gian..." là nói khuyên chúng sinh cúng dường người ấy. Do nói đủ công đức của ba đời Pháp Sư thì đó là ruộng phước vô thượng sơ tâm Phật cho nên phải lấy sự cúng dường Phật mà cúng dường người đó. Lại mở rộng Phật đạo nên lập ra như cúng dường Phật.

"Huống lại là người hay thọ trì..." là nói Pháp Sư thượng phẩm, người này văn lý đều đủ nên nói hay thọ trì. "Nếu người thiện nam thiện nữ..." là nói sau khi Phật diệt độ có hai thứ pháp Sư, cũng trước

nêu hạ phẩm kế nêu thượng phẩm, hai phẩm này khác hai phẩm trước; trước y cứ mở rộng pháp rộng lược để chia hai phẩm, nay vì người nhiều ít để phân hai phẩm. “Là sứ giả của Như lai:” là tuyên chuyển giáo lệnh nên gọi là sứ. “Sai làm việc của Như lai là truyền bá tôn chỉ của Như lai, chắc đáng uỷ thác dùng lý gọi sai làm. Làm việc của Như lai: Đức Phật dùng lợi vật làm việc, mở rộng nói có ích gọi là làm việc Như lai. “Huống chi ở trong đại chúng rộng cho người nghe:” là nói Pháp Sư thượng phẩm.

“Dược vương! Nếu có người ác v.v...” nói chung tin và chê, căn cứ văn có hai:

1) Nêu chê mắc lỗi lớn.

2) Tin được phước lớn.

Sở dĩ nói tin chê gồm có hai nghĩa:

1) Như lai ra đời muốn chỉ bày hai môn tội phước cho chúng sanh, nên Đại Phẩm chép: Nếu không nói việc ma, tội ma thì đó là ác tri thức của chúng sanh.

2) Trên nói hai thứ pháp Sư khi truyền bá chánh pháp, không nên khinh chê cần phải cúng dường, chê bai người trì kinh tội nặng hơn chê Phật, tức là nói rộng nghĩa tội phước gồm có hai thứ:

1) Căn cứ tâm.

2) Căn cứ cảnh.

- *Căn cứ tâm*: tâm nặng thì tội nặng tâm nhẹ thì tội nhẹ, nếu vậy tâm chê Phật nặng, thì mắc tội nặng, tâm chê Phật nhẹ thì mắc tội nhẹ, chê người trì kinh cũng như vậy, không nên nói chê bai Phật tội nhẹ chê bai người trì kinh tội nặng.

- *Căn cứ cảnh*: Nếu chê bai cảnh cao quý thì tội nặng chê cảnh xấu thì tội nhẹ, cũng không nên nói chê bai Phật tội nhẹ chê bai người trì kinh tội nặng. Đã không căn cứ tâm cảnh làm sao giải thích văn này ư! Có người chép: Chê mắng Phật không làm dứt pháp nên tội nhẹ, chê bai người mở rộng kinh ý làm dứt pháp nên tội nặng. Sở dĩ như vậy là do người đây, mở rộng pháp nên bị chê mắng, người này tức mắng lại người chê bai pháp tội gồm hai thứ cho nên nặng. Ngài Trúc Đạo Sanh chép: Pháp xuất từ Phật, nếu nghe nói chê mắng Phật thì người này chẳng phải chê mắng pháp do đó tội nhẹ. Nay thọ trì hữu ngã nếu chê bai chính là hủy mạ người có pháp chính là chê bai pháp. Nay nói Phật do lìa tám thứ gió không còn lo buồn tuy là bị chê mà không trở ngại chánh hóa, nay người mở rộng kinh còn là phàm phu chưa thoát bát phong, nếu gặp bị hủy báng thì tâm thoái hối hận không thể mở rộng

pháp, pháp đã không mở rộng liền không có người hành pháp, đã không người hành pháp thì ai thành Phật ư! Do dứt hạt giống Ba bảo cho nên tội nặng. Lại người mở rộng kinh nghe bị chê bai thì chướng ngại tự mình không được thành Phật, cũng chướng ngại hóa tha nên người khác cũng không thành Phật thì tội nặng. Đức Phật nghe chê bai đều không ngăn ngại tự hành hóa tha nên tội nhẹ.

"Dược vương! Có người đọc tụng kinh..." khen ngợi người mở rộng kinh phước nặng. "Dùng đức trang nghiêm của Phật tự trang nghiêm mình": Đức Phật dùng pháp chánh quán trang nghiêm ở người, người mở rộng kinh cũng nhập chánh quán nên dùng pháp trang nghiêm người, lại Đức Phật trú Đại thừa dùng muôn đức mà tự trang nghiêm, hạnh của người mở rộng kinh tương ưng với Phật, cũng tùy phần đủ muôn đức của Phật. "Thời được Như lai dùng vai mang vác": là Như lai mang vác, người trì kinh đã là người mở rộng pháp, Đức Phật do cung kính pháp, nên gánh vác sở mở rộng cũng gánh vác người năng mở rộng.

Kệ chia làm ba:

1) Hai bài tụng thứ nhất, hai đời đệ tử khuyên cúng dường hai hạng pháp Sư gồm tự thọ trì.

2) Mười ba hàng tụng hai hạng pháp Sư trên.

3) Một bài khen ngợi pháp giải thích thành khen người v.v...

Hai bài đầu lại chia hai riêng: Nửa bài trên nêu muốn thành tựu trí tự nhiên, đây là trí vô công dụng. Một bài rưỡi nêu tuệ Nhất thiết chủng trí, đây là nói hai thứ trí: nhất thiết chủng trí chiếu hữu trí. Tuệ: Nhất thiết trí chiếu không tuệ.

"Nếu người hay thọ trì v.v..." mười ba hàng lại chia làm hai:

1) Bảy hàng tụng hai đời pháp Sư.

2) Sáu hàng tụng trước tin chê.

Căn cứ đầu lại có hai:

1) Bốn hàng tụng Phật tại thế có hai thứ pháp Sư.

2) Ba hàng tụng sau khi Phật diệt độ có hai hạng pháp Sư.

Căn cứ đầu lại có hai:

1) Một bài tụng hạ phẩm.

2) Ba hàng tụng thượng phẩm.

Sau khi Phật diệt độ cũng có hai: Hai bài tụng thượng phẩm, một bài tụng hạ phẩm. Kế tụng tin chê cũng có sáu hàng: Hai bài tụng chê mắc tội, bốn hàng tụng cung kính được phước, cúng dường người trì kinh hơn cúng dường Phật, cũng không căn cứ ruộng phước và tâm, chỉ được cúng dường khen ngợi thì tăng tiến tự hành hóa tha, Đức Phật thì

không đúng cho nên hơn Phật. Nhưng luận Trí Độ nói cúng dường mười phương Bồ-tát Bổ xứ không bằng Phật, đây là căn cứ ruộng phước hơn kém tốt xấu.

"Lúc bấy giờ Đức Phật lại bảo ngài Dược vương"... Sở dĩ có văn này gồm có bốn nghĩa:

1) Trên khen ngợi người nay khen pháp, do khen ngợi người khen pháp mà thành nghĩa truyền bá.

2) Trên khen ngợi người nói người làm Pháp Sư, nay khen pháp lấy pháp làm Pháp Sư, muốn giải thích thành nghĩa Phẩm Pháp Sư có hai hạng pháp Sư cho nên có văn này.

3) Trên khen ngợi người mở rộng kinh được vô lượng phước, nay khen pháp thì sanh tuệ vô biên, do phước tuệ đầy đủ nên nghĩa truyền bá thành.

4) Trên chánh khen ngợi người mở rộng kinh, nay chỉ bày phương pháp mở rộng kinh; giải thích thành nghĩa mở rộng kinh trên. Cũng có văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi có ba:

1) Tán pháp sở mở rộng.

2) Nêu phương thức mở rộng pháp.

3) Nêu lợi ích mở rộng kinh, ba thứ này tức là thứ lớp.

Phần đầu có năm:

1) Căn cứ pháp khen ngợi.

2) Căn cứ người khen ngợi.

3) Căn cứ xứ khen ngợi.

4) Căn cứ hành khen ngợi.

5) Căn cứ nghĩa được, mất hiển thành khen ngợi.

Kinh điển của ta nói nhiều vô lượng ngàn muôn ức: Nghĩa là từ Hoa Nghiêm về sau đến trước Linh Sơn các giáo chẳng phải một. Đã nói hiện nói sẽ chép: nói lược ba phen nói gồm nhiếp tất cả giáo. Đã nói: là tất cả Đại Tiểu thừa giáo trước Pháp Hoa. Hiện nói: là Pháp Hoa. sẽ nói: là Pháp Hoa về sau đến Niết-bàn. "Mà ở trong đó Kinh Pháp Hoa rất hó tin khó hiểu:" Trước Pháp Hoa Đại tiểu chia dòng kia nói dễ tin, sau Pháp Hoa ba, một đã hợp cũng chẳng khó hiểu, kinh này mở cửa phương tiện hiển nghĩa chân thật, bắt đầu trở lại ba mới qui về một, đối với người xưa chấp khác cho nên khó tin khó hiểu, đầu tiên không thọ nhận gọi là khó tin sau không ngộ gọi là khó hiểu. Lại bỏ ba về một, bác bỏ ngắn nêu dài gọi là khó tin, chẳng ba chẳng một không ngắn không dài gọi là khó giải. "Kinh này là tạng bí yếu của Chư Phật

không thể phân chia vọng trao cho người:" Kinh này nói về hai quyền hai thật, lời nói về lý đầy đủ nên gọi là yếu, xưa ẩn mà không truyền gọi là bí, như người dấu vật báu bên trong gọi là tạng cho nên không thể vọng trao cho người. "Kinh này là của Chư Phật giữ gìn từ xưa đến nay không hề bày nói:" là giải thích tạng bí yếu trên. Nói giữ gìn: Nhưng pháp tướng vắng lặng không cần giữ gìn chẳng phải pháp khí mà vọng truyền cho họ thì liền phá pháp, do đề phòng phá pháp nên gọi là giữ gìn. "Mà chính Kinh này khi Như lai đang hiện tại còn nhiều người oán ghét", là giải thích trên không thể phân chia vọng trao cho người, tất cả chúng sanh khắp nơi đều đắm nhiễm, Đại thừa khắp nơi bị phá trái với thế gian nên gọi là oán. "Huống chi sau khi Như lai diệt độ": Khi Phật còn tại thế phiền não còn mỏng mà còn có người không tín nhận, huống chi sau khi Như lai diệt độ điên đảo sâu dầy mà có thể giải ư!

"Dược vương nên biết..." là dựa vào người khen ngợi gồm có năm việc khen ngợi. Được Phật lấy y trùm cho. Chú giải kinh chép: lấy nhất cực làm vạt áo phủi bay đeo bám không có đoạn thường, giải từ Phật đến cho nên nói được Phật lấy y che cho. "Lại các Đức Phật ở phương khác..." Được Phật hộ niệm khen ngợi, do hạnh của người mở rộng kinh tương ưng với Phật nên được Phật hộ niệm, khiến ngoại đạo kẻ ác không xâm phạm hủy phá là hộ, bên trong sanh thiện là niệm. "Người đó có sức tin lớn v.v..." là thiện bên trong thành tựu khen ngợi. Tin đối với Ba thừa gọi là tiểu tín, nay tin Nhất thừa gọi là đại tín. Ban đầu có sức tin kế khởi đại nguyện, thì tâm Bồ-đề gọi là sức chí nguyện kế tu hạnh Bồ-tát gọi là sức các gốc lành, ba thứ này là thứ lớp. "Phải biết người đó ở chung với Như lai..." khen ngợi cùng ở chung có hai thứ:

1) Tự hành luận ở chung: lý Nhất thừa là nơi Phật dừng nghỉ, người mở rộng kinh cũng ở trong đó nên nói là ở chung.

2) Hóa tha ở chung: Đức Phật lấy sanh tử làm đêm dài, ứng tích ở trong sanh tử nói kinh cho chúng sinh nghe làm chỗ nghỉ, người này năng nhập lý mở rộng kinh xen dự vào ứng tích gọi là ở chung. "Được đức Như lai lấy tay xoa đầu v.v..." cha mẹ thương nhớ con nên dùng tay xoa đầu, người trì kinh đã là Phật tử lý nên trọng ái. Chú giải kinh rằng: Tay xoa là tiêu biểu người mở rộng pháp được dừng nghỉ, đầu là tiêu biểu kia tu hành cao. Lại giải thích Đức Phật dùng tay trí Nhất thừa xoa đỉnh tâm kia, khuyến họ thọ trì cho nên nói lấy tay xoa đầu.

"Dược vương! Nơi nơi chỗ chỗ..." là nương xứ khen ngợi. Trước nêu ở người thì người tôn trọng, nay nêu tại xứ thì xứ đáng quí. "Chẳng cần để Xá-lợi: Luận Pháp Hoa chép: Kinh này nói đủ ba hạng Phật Bồ-

đề, cho nên trong mười bảy tên có một tên gọi là Vững chắc Xá-lợi, chân như Pháp thân của Như lai ở trong kinh này thường không hoại cho nên không cần an trí thân Xá-lợi." Dược vương! Có rất nhiều người..." là căn cứ hành khen ngợi. Văn chia làm bốn:

1) Pháp.

2) Thí.

3) Hiệp.

4) Giải thích.

Pháp nói hai cặp: Nêu khéo hành và không khéo hành một cặp: Nếu chưa nghe Pháp Hoa bỏ quyền bày thật chưa tinh thông đạo quyền thật thì hành Đạo Bồ-tát còn tự sợ hãi, hoặc nói tiến thành Phật đạo hoặc có thể thoái trụ Nhị thừa cho nên không khéo hành, do được nghe kinh này có một không ba thẳng tiến không thối lui nên gọi là khéo hành. Lại chưa nghe kinh này bỏ quyền bày thật thì chưa hiểu biết hai tuệ không thể hóa vật, không gọi là khéo hành, trái với ở đây gọi là khéo hành. Lại không nghe kinh này nói về thân quyền thân thật thì không nhàm chán sanh tử ưa thích thân Phật cũng là chưa khéo hành, trái với ở đây gọi là khéo hành.

"Có chúng sanh nào..." là nói về gần Bồ-đề không gần Bồ-đề, bản tiếng Phạn đầy đủ, nay dịch lược nên chỉ có gần. "Dược vương! Thí như có người v.v..." nói thí nói, thí đây chỉ có hai ý:

1) Nói cách Phật xa.

2) Cách Phật gần.

Thí như có người: là người cầu Phật đạo. Khát tìm: là tâm chí kia cầu Phật mạnh mẽ như khát đi tìm nước. "Ở nơi gò cao kia soi đào tìm kiếm vẫn thấy đất khô biết rằng nước còn xa": Nay phải tiến lùi luận nghĩa này:

1) Căn cứ trước Pháp Hoa nói về nghĩa cách Phật đạo còn xa.

2) Căn cứ Pháp Hoa tự luận nghĩa xa.

Căn cứ trước Luận Pháp Hoa nghĩa xa có hai:

1) Ở trong Giáo Nhị thừa cầu Phật cách đạo xa, cho nên Đại Phẩm chép: Dùng Kinh Thanh văn cầu Bồ-đề gọi là không xét.

2) Ba tạng về sau các kinh Đại thừa chưa bỏ Nhị thừa, ở trong giáo đó cầu Phật đạo cũng có nghĩa xa, dùng trong giáo này nói về Đại thừa chính cùng Pháp Hoa không khác, chỉ chưa phế bỏ Nhị thừa tức mới hành Bồ-tát còn chưa hiểu rõ quyền thật, lại còn trông mong lo sợ thì tâm cầu Phật không quyết định, căn cứ một bên này thì có cầu Phật xa. "Ra công đào không thôi": là Pháp Hoa sanh Văn tuệ. "Dần thấy đất

ướt”: đối với kinh này sanh tư tuệ. “Lần thấy đến bùn”: kinh này sanh Tư tuệ. “Tâm người ấy quyết định biết rằng nước sẽ gần”: Đã sanh ba tuệ biết nước Phật tánh đã gần.

Hỏi: Vì sao luận Pháp Hoa dùng nước dụ cho Phật tánh ư?

Đáp: Chính nói nước ẩn dưới đất như Phật tánh không nói lên cho nên nước dụ Phật tánh.

Ngài Trúc Đạo Sanh chú giải Kinh Pháp Hoa rằng:

1) Đây là đối với giáo Tiểu thừa cầu Phật cho nên biết cách Phật xa. Theo giáo Pháp Hoa cầu Phật nên cách Phật gần.

2) Căn cứ Kinh Pháp Hoa tự nêu gần Phật xa Phật; nếu bẩm thọ Pháp Hoa chưa sanh Ba tuệ thì cách Phật xa, nếu đã sanh Ba tuệ thì cách Phật gần.

Hỏi: Vì sao căn cứ giáo Pháp Hoa luận về gần xa ư?

Đáp: Chỉ nói một cao nguyên cầu tìm nước có gần xa, chỉ là một pháp Hoa giáo cầu Phật có gần xa. Cao nguyên dụ cho giáo Pháp Hoa, giáo Pháp Hoa đối với Nhị thừa là khó tin nên gọi là cao nguyên. Lại chấp Phật đạo khó đắc làm dụ nên nói ở cao nguyên tìm cầu nước. Xoi đào tìm kiếm: Nghĩa là viết chép thọ trì như xoi đào. Vẫn thấy đất khô cách nước còn xa: Do chưa sanh ba tuệ nên cách Phật xa. Thi công không thôi: là đọc tụng giải thích như nói tu hành thâm cầu Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách nước gần.

“Bồ-tát cũng giống như vậy v.v...” Hiệp thí. Cũng được dựa theo hai nghĩa giải thích:

1) Chưa nghe Pháp Hoa chưa sanh ba tuệ nên cách Phật xa, nếu nghe Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách Phật gần.

2) Tuy nghe Pháp Hoa chưa sanh văn tuệ cũng gọi là chưa nghe nên cách Phật xa, nếu nghe Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách Phật gần. Vì sao? v.v...” là giải thích. Ba Bồ-đề đều thuộc kinh này, kinh này nói về ba Phật Bồ-đề cho nên ba Phật Bồ-đề đều thuộc kinh này, lại ba Phật Bồ-đề đều từ kinh này ra cho nên đều thuộc kinh này. Kinh này mở phương tiện muốn chỉ bày tướng chân thật, mở hai thứ phương tiện chỉ bày hai thứ chân thật, xưa không nói hai thứ là phương tiện cho nên đóng cửa phương tiện, phương tiện thì không được chỉ bày hai thứ chân thật, nay nói hai thứ là đóng cửa phương tiện thì mở cửa phương tiện, mở cửa phương tiện nên được chỉ bày hai thứ là chân thật. “Tạng kinh Pháp Hoa này sâu xa kín vững chắc mầu nhiệm không có người đến được”: hai quyền hai thật ẩn chứa trong kinh này gọi là tạng, sâu kín khó lường gọi là thâm, xưa nay không thay đổi gọi là vững chắc,

kiếm tìm mờ thẳm gọi là kín, thăm thẳm không đến kịp gọi là xa, Thập trú chưa hiểu rõ gọi là không có người đến được. Nay Phật giáo hóa: Vì nghi giải thích, nghi rằng: Nếu không có người đến được thì chúng sanh làm sao được hiểu ư? Vì vậy nên giải thích rằng: Vì giáo hóa Bồ-tát cho nên khai thị khiến được tin hiểu. “Dược vương! Nếu có Bồ-tát v.v...” theo nghĩa được, mất để khen ngợi. “Kinh nghi sợ sệt”: Chẳng phải chỗ đáng sợ làm sợ, do một phen nghe không có ba trái với bổn tình kia là sợ đâu phải Phật nói ư? Cho nên nghi, nếu nói không có ba tức là hủy báng pháp cho nên sợ, hoàn toàn không dám quyết gọi là sợ tâm có lo sợ gọi là sợ. Bồ-tát gọi là tân học, nhị thừa gọi là tăng thượng mạng, nghĩa là hàng Thanh văn tự cho mình đã đầy đủ nên gọi tăng thượng mạn. Do Bồ-tát xưa không nghe nay bỗng nghe không cho mình đã đủ nên gọi là tân học. Lại có văn nầy, tức là đời vị lai có tướng như vậy thì chớ nói cho họ nghe Kinh Pháp Hoa, nên nói giáo Ba thừa cho họ nghe.

“Dược vương! Nếu có thiện nam thiện nữ...” Nêu bày phương pháp mở rộng kinh, văn lại có bốn trường hợp: là phương pháp thỉnh nói. “Người thiện nam thiện nữ đó v.v...” là chỉ bày phương pháp nói. “Nhà Như lai v.v... là giải thích phương pháp nói. “An trú trong đây...” là tổng kết phương pháp nói. Từ bi có công che chở dụ như nhà, nhẫn nhục làm dừng dung mạo san nhuế, ác như áo che xấu, Không là nói an dưỡng tinh thần, như tòa là chỗ an nghỉ của thân, ba môn nầy tức là thứ lớp. Đại bi cứu khổ đại từ ban vui, bởi là nền tảng gieo giống giác ngộ, là bổn ý của việc mở rộng đạo, muốn nói pháp mầu nhiệm nên trước kiến lập tâm này. Cho nên thứ nhất nói vào nhà Như lai, đây là khuyên răn Bồ-tát chớ vì lợi dưỡng danh văn thế lực đồ chúng chỉ khởi từ tâm bi nói pháp cho chúng sinh nghe. Đã ở trong đời ác muốn mở rộng thiện đạo ắt gặp nhiều nạn cần phải nhẫn nhục cho nên kế nói về mặc áo nhẫn nhục, từ bi bên ngoài che, hòa nhẫn bên trong an, nếu không có Không oán trống sáng thì hai hành chẳng thành không do đâu ngộ vật cho nên kế nói ngồi nơi rốt ráo không. “Không biếng nhác nói pháp”: Trên nói ý nghiệp, nay thân miệng nghiệp.

Hỏi: Kinh Tịnh Danh chép: Từ tâm bi là nữ, rốt ráo Không vắng lặng là nhà, Bốn thiền là tòa ngồi cùng nay vì sao khác nhau?

Đáp: hai kinh đều có một nghĩa, kia nói về từ bi có công năng dươn dục có dụng thích hợp hóa độ cho nên dụ như nữ, nay lấy nghĩa công cứu khổ ban vui ở che chở cho nên dụ như nhà. Kia nói về rốt ráo Không thông suốt không hệ lụy có thể chương, không phải gió, mưa pháp cho nên dụ như nhà, Nay nói về ý huyền diệu trùng trùng sợ sệt

có thể xếp vào chỗ an thần nghỉ ngơi cho nên gọi là tòa.

"Dược vương! Bấy giờ ta ở nước khác..." nói về lợi ích để biết giáo sở mở rộng lại thông đạt phương thức mở rộng giáo liền cảm việc tốt đẹp thì gọi là lợi ích, sở dĩ nêu linh thuỵ là sắp khuyên người mở rộng kinh gồm có bốn việc:

1) Sai hóa chúng.

2) Sai thật chúng.

3) Thấy thân Phật.

4) Lại được nhớ pháp.

Sai hóa chúng: cúng dường Pháp Sư, người dẫn dắt thật, quyền hộ Pháp Sư. Sai thật chúng: cũng đủ ba nghĩa: Lại khiến thật chúng được lợi ích. Thường thấy thân Phật: Người mở rộng kinh nếu thường ở trong chánh quán thì thường thấy thân Phật. Cho nên Hoa Nghiêm chép: tất cả pháp không sanh tất cả pháp không diệt, nếu hiểu được như vậy hiểu Chư Phật thường hiện tiền. Chỉ vì người tu hành không thể thường tại trong chánh quán thường thường được thấy thân Phật.

Kệ chia làm ba:

1) một bài nói chung khuyến khích.

2) Mười lăm hàng rưỡi chính tụng văn xuôi.

3) Hai bài kết khen ngợi người nói pháp.

Tụng trên thứ hai văn xuôi có ba đoạn chia làm ba: Bốn hàng tụng khen ngợi pháp, trên khen ngợi pháp có năm, nay chỉ tụng thứ tư nương tu hành khen ngợi, Trong văn xuôi nương tu hành khen ngợi có bốn, pháp, thí, hiệp, giải thích, nay chỉ tụng thí, hiệp có hai. "Quyết rõ pháp Thanh văn:" Xưa chưa bỏ quyền bày thật thì chưa biết Thanh văn, chẳng phải là rốt ráo, nay bỏ quyền bày thật định biết Thanh văn chẳng phải đến tột cùng mới là phương tiện nhập Đại thừa. Nói Kinh vua là: kinh này đối xưa nay quyền thật khai hiệp tự tại cho nên gọi là vua, lại độc nhất vô nhị cũng gọi là vua. "Nếu người nói kinh này..." bốn hàng rưỡi tụng phương pháp mở rộng kinh. "Sau khi ta diệt độ..." bảy hàng tụng cảm nơi linh thuỵ, văn trên có bốn, nay chia làm năm nhưng không có thứ lớp:

1) Ba hàng tụng sai hóa chúng.

2) Một bài rưỡi tụng thấy thân Phật...

3) Nửa bài tụng lại được nhớ pháp.

4) Một bài lặp lại tụng thấy thân Phật.

5) Một bài tụng sai thật chúng.

PHẨM HIỆN THÁP BÁU THỨ MƯỜI MỘT

Phẩm này giải thích khác nhau gồm có ba chép:

1) Đạo Lãng ở Hà Tây v.v... chép: Từ văn này xuống dưới là đoạn lớn thứ hai nói về quả Nhất thừa.

2) Pháp Sư Quang Trạch nói: Phẩm nầy còn thuộc chương trước làm chứng trên nói không sai.

3) Ấn Pháp Sư chép: Phẩm này gồm đủ hai nghĩa: Chứng minh trên nói không dối và vì khai nghĩa thọ mạng ở sau. Nay đồng với ý chứng minh thứ ba trước khai sau mà dùng khai sau làm chánh.

Nói chứng minh trước: Chứng nghĩa trên bỏ quyền bày thật không dối, sở dĩ cần chứng minh ấy:

1) Là dứt tâm nghi, trong chúng còn có tâm nghi, như khi nghe đức Đại Thông Trí Thắng nói cũng có sanh nghi, cho nên nay phải chứng nói đoạn tâm nghi kia.

2) Vì người đã tin được thêm lớn gốc lành khiến không thoái chuyển, như bảy chỗ tám hội trong Hoa Nghiêm nói pháp đã xong Bồ-tát mười phương đến mà làm chứng; kia do Bồ-tát nói nên Bồ-tát đến làm chứng, nay do Phật nói nên Phật đến làm chứng.

Nói khai sau: Kinh này đầu đến cuối hai phần lược có mười việc khác nhau.

1) Hóa chủ khác nhau: Nói phần đầu kinh chỉ dùng một Đức Phật Thích-ca là hóa chủ, nói phần kinh sau thì có nhiều Phật, nghĩa là mười phương Phật phân thân và đức Đa Bảo quá khứ, vì sao? Là vì phần đầu kinh chỉ nêu Pháp sở thừa chưa nói người năng thừa cho nên không cần nhiều Phật, nhóm họp Phật mười phương phân thân là muốn nói lên bổn một tích nhiều, khai mở tháp báu thị hiện ứng diệt chân thật cho nên phần đầu kinh chỉ nói về 1 Đức Phật, phân sau kinh nói nhiều Phật.

2) Nơi nói có tịnh uế khác nhau: Nói phần đầu kinh ở cõi uế, phần sau kinh nói ở cõi tịnh, cho nên Luận Pháp Hoa chép: Thị hiện cõi nước vô thượng cho nên hiện tháp Đa Bảo, Vì sao như vậy? Là vì nói phần đầu kinh chưa nhóm họp phân thân cho nên không biến thành tịnh, nói phần sau kinh đều nhóm họp phân thân do đó biến thành tịnh. lại nói phần trước kinh tuy khai thừa quyền thừa thật còn che lấp thân quyền thân thật, chúng sanh tâm cấu một nửa còn tự chưa tịnh cho nên cõi còn uế, đến phần kinh sau đều che hai quyền đều chia hai thật thì tâm cấu sẽ trừ cho nên cõi nước thanh tịnh.

3) Nơi nói không hữu khác nhau: Nói phần đầu kinh có chỗ ở núi

Linh Sơn, nói phần sau kinh năng hóa sở hóa đều bay lên hư không, vì sao? Vì nói phần Kinh đầu tháp báu chưa hiện chớ nên ở dưới đất nói pháp, phần Kinh sau tháp báu bay lên hư không cho nên trên hư không nói pháp. Lại nói phần kinh đầu chưa nói thân Phật vô sanh diệt, do nói về có sanh diệt nên có chỗ, nói phần sau kinh hiển pháp thân như hư không; phương tiện có sanh diệt cho nên bay lên hư không nói pháp.

4) Đồ chúng khác: Nói phần đầu kinh chúng Bồ-tát ít, nói phần sau kinh chúng thọ đạo nhiều, vì sao? Vì đầu kinh chỉ vì người ba căn Thanh văn chưa chánh vì Bồ-tát cho nên chúng Bồ-tát ít, nói phần sau kinh muốn nói lên đức Thích-ca thành Phật đã lâu; lại nói về Bồ-tát vọt lên xuất hiện chúng nhiều nói lên đức Thích-ca thành Phật đã lâu; lại nói về pháp thân quả đức khiến Bồ-tát tu tập thủ chứng, cho nên nói chúng Bồ-tát nhiều. Lại nói phần đầu kinh có Ba thừa tạp chúng, nói phần sau kinh chỉ có chúng Bồ-tát, vì sao? Vì phần đầu kinh chính hội ba qui nhất cho nên nói chúng Ba thừa, phần sau kinh gom ba đã xong chỉ khiến Bồ-tát tu nhân chứng quả Phật cho nên chỉ có chúng Bồ-tát.

5) Thời tiết khác nhau: Nói phần đầu kinh thời gian ngắn nói phần sau kinh thời gian dài, vì sao? Vì phần đầu kinh chưa nói về Bồ-tát Dũng xuất hỏi han Đức Phật nên thời gian ngắn, phần sau kinh nói về dũng xuất với chúng nhiều hỏi han nên thời gian dài. Lại nói hỏi han thời lâu hiển bày đng xuất chúng nhiều, do dũng xuất chúng nhiều nên nói lên đức Thích-ca thành Phật lâu xa, phần đầu chưa nói nghĩa này cho nên không biện thời gian dài.

6) Xin chủ khác nhau: Nói phần đầu kinh Thanh văn đứng đầu xin, nói phần sau kinh Di-lặc đứng đầu xin, vì sao? Vì nói thừa quyền thừa thật chính là gom ba về một khiến Thanh văn bỏ Tiểu về Đại cho nên Thanh văn đứng đầu xin. Nói phần sau kinh nói về thân quyền thân thật, khiến người tìm tòi học Bồ-tát đắc chứng vô sanh pháp nhẫn của Như lai cho nên Di-lặc đứng đầu xin.

7) Nói pháp có khác: Trên nói pháp sở thừa nay nói nhân năng thừa, nói pháp sở thừa chỉ nói về đức Thích-ca một kỳ giáo môn từ đầu đến cuối, nói pháp thì lược, người năng thừa tự theo quá khứ ban đầu đắc đạo cho đến cuối cùng tất cả các giáo ở kiếp vị lai cho nên nói pháp thì rộng.

8) Lợi ích có khác nhau: Nói quyền thừa thật thừa chỉ khiến Thanh văn bỏ Tiểu về Đại nhập vào Thập tín nghĩa lợi ích nông cạn, lại đắc lợi ít; nói thân quyền, thân thật khiến vô số Bồ-tát được mười hai lợi ích sâu xa lại được lợi nhiều, vì sao? Vì phần đầu kinh chỉ khai thừa quyền

thừa thật còn che thân quyền thân thật cho nên lợi ích thì ít, phần sau kinh đều phế bỏ hai quyền song hiển hai thật cho nên giáo không chút ẩn, lý không mảy may che cho nên người đáng đắc đạo đều lãnh ngộ nên được lợi ích nhiều.

9) Tướng lành có khác nhau: Do phần trước nói lược ba điềm lành cho đến một muôn tám ngàn cõi, phần sau nói rộng tám điềm lành nơi hiện điềm lành rộng nhiều, mỗi phương có bốn trăm muôn ức na do tha nước.

10) Công đức có khác nhau: Trước lược khen ngợi khéo trì kinh, sau nói rộng phước mà so sánh lượng.

Nói phẩm Hiện Bảo Tháp gồm có hai nghĩa:

1) Căn cứ sự mà nói tháp báu từ đất vọt lên đại chúng đều thấy nhân sự mà lập danh.

2) Tháp báu vọt hiện hiển pháp thân vô sanh diệt, phương tiện có sanh diệt, muốn khiến đại chúng do đây ngộ giải cho nên gọi là Hiện Bảo Tháp.

Phẩm khai năm đoạn:

1) Nói tháp báu vọt hiện.

2) Giải thích ý hiện tháp.

3) Nói mở tháp.

4) Hai Đức Phật phân tòa cùng ngồi.

5) Sai người trì kinh, năm hạng này tức là thứ lớp.

Đầu văn phần lớn nói về hai việc hình tiếng, phân nhỏ mười câu khác nhau:

1) Lúc tháp báu xuất hiện.

2) Phương tháp báu xuất hiện.

3) Nói danh tự.

4) Nêu hình lượng.

5) Nói xuất xứ.

6) Biện trụ giữa hư không.

7) Nói sự trang nghiêm.

8) Nói chỗ đến.

9) Trình bày cúng dường.

10) Nói phát ra âm thanh.

“Lúc bấy giờ”: là nói lúc tháp xuất hiện. Có người chép: Ý tháp báu đến vì muốn chứng minh kinh chẳng phải nay mới xuất hiện, lẽ ra trước đã nói rộng. Vì sao biết như vậy? Vì trước phóng quang, động địa nhóm họp người có duyên, hoặc chỉ một người không nhóm họp, thì

duyên chúng sanh thọ đạo không đầy đủ do đó biết được nên sau nói lược trước nói rộng ba phen xin ngay giữa (trung ương) cho đến ngài Phổ Hiền Diệu Âm cũng đều đến trước, do nói lược một châu thì Như lai dừng, nếu nêu việc ấy thì cách bặt văn kinh nghĩa thế không thứ lớp, vì vậy nên đợi huấn xin nói rộng, cho đến phần truyền bá xong mới được nêu bày. Nay nói việc này khó biết, nếu nêu trước thì có hai lỗi:

1) Nói về chứng nói chủ yếu đợi nói kinh rồi, cho nên Kinh Hoa Nghiêm và Phổ Hiền Quán v.v... đều ở sau chứng nói. Nếu ở trước thì không thành nghĩa chứng.

2) Tháp báu vọt hiện là khai thân quyền thân thật, trước chỉ nói thừa quyền thừa thật nên không ứng vọt hiện vì thế biết ở sau xuất hiện. Dù khiến trước xuất hiện cũng chưa được phát ra tiếng ấn chứng, do chưa nói đại tuệ bình đẳng của Pháp Hoa thì do đâu mà được tuyên bố như vậy ư!

Lại căn cứ Phổ hiền Quán cũng sau cùng mới xuất hiện, vì chứng minh cho hành giả tội diệt nên đến, thì biết rõ chứng nói không ở trước. Nay chép: “Lúc bấy giờ” là:

1) Khai pháp thân.

2) Chứng nói.

“Ở trước các Đức Phật”: là nói nơi chốn tháp hiện: Muốn chứng minh Phật nói nên hiện ở trước Phật, muốn chia hai thân Phật cho nên ở trước Phật. “Có tháp bảy báu”: là Nêu danh tự tháp: sở dĩ nêu tháp vọt hiện là gồm có ba nghĩa:

1) Theo luận Pháp Hoa chép: Sở dĩ nêu hiện tháp là thị hiện Như lai Xá-lợi trú trì.

2) Đa Bảo thệ nguyện làm chứng nói không dối.

3) Người Tiểu thừa cho rằng Phật rốt ráo vô thường cho nên xây tháp, nay tháp vọt hiện Phật liền bất diệt, thì biết rằng sanh diệt là phương tiện bất sanh diệt là chân thật, vì nhân duyên này nên nói về hiện tháp. Các kinh khác chỉ nói chứng nói không luống dối không muốn khai thân quyền thân thật nên không dùng tháp làm chứng.

Hỏi: Vì sao phân thân mười phương Phật nhóm họp mà chỉ có một tháp hiện ư?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Vì còn lược, lược là: Đa bảo Như lai thân một thể thị hiện nhiếp lấy tất cả pháp thân Phật.

Cao năm trăm do tuần: Trình bày hình lượng tháp: năm trăm tiêu biểu thân Phật vô sanh diệt, hai trăm năm mươi tiêu biểu ứng tích có sanh diệt, do thật hơn quyền nên tương giao gấp bội một lần. “Từ dưới

đất nổi lên”: Nêu chỗ tháp xuất hiện: Xưa dùng quyền che thật nên quyền giáo như đất, nay phế quyền bày thật như từ đất nổi lên. Lại xưa chấp tích mê bổn, lấy mê chấp làm đất, đây chấp sắp ngã đổ nên như đất nứt ra tháp hiển hiện. “Trú giữa hư không:” Nêu nơi trú: Nêu pháp thân Phật trụ ở thật tướng hư không, như kinh Phổ Hiền Quán chép: Pháp thân trú cõi Thường Tịch Quang. “Các thứ báu vật”: Nêu tháp trang nghiêm: Tiêu biểu pháp thân do các đức tạo thành. “năm ngàn lan can” dụ cho tổng trì rất nhiều. “Ngàn muôn phòng nhà”: Nghĩa là các pháp môn độ người vô lượng. “Vô số cờ phướn”: Nghĩa là sáu thần thông. “Chuỗi ngọc báu rủ xuống”: Là tứ nhiếp pháp. “Muôn ngàn linh báu” là tứ biện tài tám âm. “Bốn mặt phát ra mùi thơm”: Là hương giới xông thơm khắp bốn loài. “Các phướn lộng đều do bảy báu hiệp thành: là nói mỗi đức đều do các đức tạo thành. Cao đến ngang cung trời Tứ Thiên Vương v.v... là nói về chỗ tháp đến: Xưa nói tiêu biểu nói lý tứ đế cùng tận. “Trời ba mươi ba” trời Đao-lợi: là nói về cúng dường tháp: Nêu ba mươi ba tâm Thập địa nội ngoại phàm Thánh đều tôn sùng kính ngưỡng pháp thân.

“Lúc bấy giờ, trong tháp:..” là nói phát ra âm thanh. Trước hiện hình dáng tháp linh cho rằng ý thức không tồn tại nay đại âm đã phát thì biết pháp thân bất diệt. Lại muốn chứng kinh trên nói không dối nên phát ra âm thanh. Đại tuệ bình đẳng: Trí tuệ Như lai không một không ba bặt duyên bặt quán lìa tất cả các bên cao thấp thủ xả đoạn thường, cho nên nói bình đẳng, đây là thể bình đẳng. Mà nói nhân quả quyền thật đều là diệu dụng của Pháp Hoa, trong các dụng chính là nói về quả dụng, chỉ có một quả cho nên quả tuệ bình đẳng, vì sao? Vì là đề là Diệu Pháp chỉ quả Phật là diệu nhân chưa phải là diệu, cho nên chánh dùng quả tuệ làm đại tuệ bình đẳng, trong nhân tùy phần có tuệ cũng tùy phần có bình đẳng. Lặp lại lần nữa hai chữ “đúng thế” là nói về bỏ quyền bày thật hai việc đều không dối.

“Bấy giờ bốn chúng v.v...” là nói ý hiện tháp: Lại chia hai biệt:

1) Nghi hỏi.
2) Phật đáp.

Nghi hỏi có hai:

1) Đại chúng nghi.
2) Đại Nhạo Nói hỏi.

Đại chúng nghi có hai:

1) Nghi có tháp.
2) Nghi phát ra âm thanh. Hỏi cũng có hai, văn dễ biết.

"Lúc đó, Đức Phật bảo v.v..." là nói Phật đáp. Văn có ba:

1) Nói trong nhân đức Đa Bảo thệ nguyện thuận theo hai nghi vấn kia.

2) "Đức Phật kia thành đạo rồi lúc sắp diệt độ v.v..." tức hiển nhân duyên có tháp thuận theo hai nghi vấn kia.

3) Từ "nay tháp của Đa Bảo v.v..." Nói về ngày nay vọt hiện tháp chánh đáp hai vấn đề kia. Đức Phật đáp rằng: Đa Bảo có đại thệ nguyện cho nên làm chứng minh. Thích luận quyển bảy chép: Giải thích về xin Phật rằng: Chư Phật không có người xin liền nhập Niết-bàn, như trong Kinh Pháp Hoa Đức Phật Đa Bảo không có người xin nên liền nhập Niết-bàn sau hóa Thân Phật và tháp bảy báu chứng nói Pháp Hoa đồng thời xuất hiện, cũng như Phật Tu Phiến Đa đệ tử ngài vốn tu hành chưa thành thục bèn xả nhập Niết-bàn lưu lại hóa Phật một kiếp để hóa độ chúng sanh. Tương truyền rằng: Khi Đa Bảo thành đạo không có đại cơ cảm không được nói kinh này mà chọn diệt độ cho nên chỗ nào nói kinh này đều xuất hiện để chứng minh, Thích luận hợp với ý nầy. Kinh nói Bồ-tát lúc có thệ nguyện, là không ngăn cản nhân địa duyên sự phát nguyện, hoặc một phen hóa chúng sanh không có đại căn cơ không nghe kinh này nên phát nguyện này tức nhân quả và kinh luận đều không trái nhau đầy đủ hai nghĩa.

"Lúc bấy giờ, Đại Nhạo Nói v.v..." là nói về mở cửa tháp: Sở dĩ phải mở tháp: là vì tuy tự thân nghe âm thanh, chưa bằng thấy hình sanh tín cho nên phải mở tháp thấy hình thì tin càng vững chắc, đó gọi là mở cửa phương tiện chỉ bày pháp thân chân thật.

Văn chia làm hai:

1) Thảy đều nhóm họp phân thân làm duyên mở tháp.

2) Chánh nêu mở tháp. Sở dĩ đều nhóm họp phân thân là muốn nói bổn một tích nhiều, vì sao? Vì đức Thích-ca cùng Chư Phật với nhau chỉ là phân thân tức biết kia và đây đều chẳng phải thật là Phật, riêng có bổn thống nhất làm pháp thân cùng cực mầu nhiệm cho nên thị hiện tích có tịnh uế v.v... thì biết pháp thân không hai tích thân không một.

Hỏi: vì sao Đức Thích-ca chỉ Phật của cõ tịnh làm phân thân ư?

Đáp: Phật cõi Tịnh mầu nhiệm còn là ứng mà chẳng thật chân, thì hiển đức Thích-ca uế thân đầy khắp là tích mà chẳng phải bổn, do đó đều nhóm họp phân thân Phật ở tịnh độ có ý chỉ sâu xa kia.

Hỏi: Vì sao biết hai Đức Phật chẳng chân thật để hiển bày pháp thân chẳng tịnh chẳng uế thân hư không mới là Phật chân thật ư?

Đáp: Duệ Sư truyện, ngài La-thập giải thích rằng: Phân thân rõ

ràng kia không thật, thì biết hai Đức Phật chẳng chân thật, không hai mới là thật.

Lại nữa lý, thường như vậy chỉ nên thẳng mở tháp báu. Vì sao đều nhóm họp phân thân ư! Cho nên biết mượn nhờ nguyện của đức Đa Bảo muốn hiển rõ bổn không hai, tích không một do đó nhóm họp phân thân. Luận Pháp Hoa chép: Thị hiện vô lượng Phật là thị hiện Phật ở kia đây làm nghiệp vô sai biệt cho nên nói nhóm họp phân thân Phật. Lại chia làm hai:

1) Nêu duyên nhóm họp phân thân Phật.

2) Chánh nêu phân thân Phật nhóm họp.

Hai chương đều có bốn:

1) Thần lực phát dẫn khiến Đại Nhạo Nói hỏi.

2) Đức Phật đáp.

3) Lập lại hỏi.

4) Như lai phát ra ánh sáng triệu tập. Ban đầu dùng thần lực cho nên hỏi. Sắp nói pháp thân đại sự cho nên được danh hiệu Đại nhạo Nói, và gia thêm thần lực rồi sau hỏi. "Phật bảo v.v..." là nói Đức Phật đáp. "Đại Nhạo Nói bạch Phật..." là lặp lại hỏi: Trước muốn thấy Đa Bảo tức muốn biết pháp thân vô sanh diệt ứng thân có sanh diệt, nay muốn thấy phân thân Phật muốn hiểu rõ bổn một tích nhiều. Nghĩa bổn tích vô cùng tận, lược mà luận không ngoài pháp thân vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt và bổn một tích nhiều, cho nên phẩm này từ đầu đến cuối chỉ hiển hai nghĩa ấy. "Lúc bấy giờ Đức Phật phát ra ánh sáng nơi lông trắng giữa chặn mày..." nói về triệu tập phân thân.

Trước bốn chương là nêu lý do xa, nay là lý do gần, căn cứ văn cũng có bốn:

1) Phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương.

2) Trình bày ý Chư Phật khắp mười phương đến.

3) Biến uế thành tịnh.

4) mười phương Phật nhóm họp mở tháp báu.

Đầu văn có hai:

1) Nói ánh sáng chiếu một phương.

2) Nêu chín phương khác.

Sở dĩ phát ra ánh sáng nầy là trên nói lên thừa quyền thừa thật, nay hiển thân quyền thân thật. Xưa hai quyền che hai thật dụ cho đồng bụi dơ mờ tối, nay đều phế hai quyền song chia hai thật, nghĩa đã hiển rõ cho nên dùng ánh sáng lông trắng giữa chặn mày tiêu biểu, trên nêu pháp sở thừa không hai, nay biện pháp thân năng thừa chỉ có một, cho

nên chỉ phóng một ánh sáng, pháp cùng nhân đều là Trung đạo cho nên đều phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày. Đã là Trung đạo tức đều mầu nhiệm cho nên có pháp diệu người diệu. Kế nói về chín phương như văn.

"Lúc đó các Đức Phật ở mười phương..." nói về ý mười phương Phật muốn đến, mà nói muốn thấy đức Thích-ca và đức Đa bảo, do mười phương Phật nhóm họp được có làm hai nghĩa:

1) Đức Thích-ca bổn một tích nhiều.

2) Đức Đa bảo chân thường ứng diệt.

"Lúc bấy giờ cõi Ta bà v.v..." là nói biến thành tịnh:

1) Sở dĩ biến tịnh, đây là thế giới tất đàn vì kế đón khách cho nên trang nghiêm cõi: Thích luận quyển thứ mười chép: Như người mời khách quí thì trang nghiêm chỗ ở, chủ nhà thì trang nghiêm một nhà, chủ nước thì trang nghiêm một nước, vua Chuyển Luân thì trang nghiêm bốn thiên hạ, Phạm vương thì trang nghiêm cõi Tam thiên, Phật là đấng Pháp vương thì trang nghiêm mười phương cõi.

2) Nói chúng sanh chấp tích mê bổn, tâm ứng tịnh nên nêu tịnh độ.

3) Muốn dùng quả y báo hiển quả chánh báo, Chư Phật y quả vốn là uế độ nay lại thanh tịnh, thì biết uế là quyền độ, tịnh là thật độ, muốn hiển bày chánh quả sanh diệt là thân quyền, không sanh diệt là thân thật. Luận Pháp Hoa chép: Nói hiện tất cả cõi Phật thanh tịnh: Thị hiện thế gian sanh ra thiện căn vô lậu sinh ra, chẳng phải thiện căn hữu lậu thế gian sanh ra.

Hỏi: Vì sao ba phen biến cõi nước ư?

Đáp: Nếu một phen biến thì chúng không biết cõi rộng Phật nhiều, nay muốn nói lên cõi rộng Phật nhiều khiến khởi lòng tin cung kính nên ba phen biến. Lại muốn tiêu biểu ba căn uế mà lại được tịnh ngộ, lại tiêu biểu Ba thừa uế đều trừ, hiển Nhất thừa tịnh như tịnh độ. Lại tiêu biểu kia đây vô lượng cõi đồng làm một cõi Phật, kia đây vô lượng thân đồng một pháp thân.

Hỏi: Cũng được phân thân Phật tiêu biểu Ba thừa làm Nhất thừa hay không?

Đáp: Cũng được. Vốn là một Đức Phật chia làm nhiều Phật, vốn là một thừa chia làm ba thừa, nay Đức Phật đã nhóm họp phân thân đều là một Đức Phật cũng hội Ba thừa để qui Nhất thừa.

Văn nói về ba phen biến cõi tức làm ba phần riêng:

1)Văn có hai:

a) Nói biến cõi.

b) Nói về Phật nhóm họp.

“Không có biển cả núi rừng” v.v... Muốn nói đồng thành một pháp tòa khách thọ Phật Bồ-tát. Luận Pháp Hoa chép: Sở dĩ không có uế ấy là thị hiện tất cả cõi Phật bình đẳng thanh tịnh cho nên Đa bảo thị hiện tất cả cõi Phật đồng thể thật tánh. Luận Thập địa chép: một cõi Phật nhiếp tất cả cõi Phật do các cõi Phật đồng thể. “Dời các hàng trời người...” là chúng sanh vô duyên không được nghe.

2) “Lúc đó các Đức Phật đều đem theo một vị Bồ-tát lớn để làm thị giả...” là nói Phật nhóm họp. Chỉ đem theo một vị Bồ-tát đến, gồm có hai nghĩa: Quả Pháp thân không hai, nhân pháp thân cũng một. Lại đem một thị giả đến vì muốn dùng để sai mở tháp, tức tiêu biểu Chư Phật nhóm họp muốn khai dụng một pháp thân cho nên chỉ đem một người đến. “Đều đến dưới cây báu:” Tức muốn lập ra nghĩa pháp thân. “Đều ngồi tòa Sư tử”: nay hiển bày pháp thân không sợ chúng sanh khởi tâm nghi sợ, đồng trên chép: “Nay ta vui không sợ.” Kế hai phen biến cõi như văn dễ biết.

“Bấy giờ ở phương Đông v.v...” Nói mười phương Phật nhóm họp muốn đồng mở tháp. Văn có hai:

1) Tổng kết Phật nhóm họp.

2) Chư Phật muốn đồng mở tháp.

“Lúc đó Chư Phật v.v...” Đức Phật kia cùng muốn mở tháp báu này v.v... Đây nói về Chư Phật đồng muốn mở tháp báu hiện thân Đa Bảo chỉ bày cho Đại chúng khiến biết pháp thân bất diệt, không hẳn như trong Tăng Yết ma dự dục. Lại Kinh Đại Tập quyển hai mươi mốt chép: Phương Nam Đức Phật Kim cương tạng đáp Bồ-tát kia rằng: Đức Thích-ca Mâu-ni ở phương Bắc muốn vì đại chúng nói pháp, vì phá đại mạn sai khiến theo Ta cầu xin, muốn ta nay cho kế. Phương Tây phương Đông cũng đều như vậy giống như Tăng sự dự dục, mười phương Phật tuy đều làm hóa chủ, nhất thời xếp vào Phật sự, cũng được chút ít phần đồng Tăng chỉ không thường như vậy cho nên khác Tăng sự.

“Lúc bấy giờ Đức Phật Thích-ca thấy các vị Phật của mình phân thân....” chính là nói về khai mở tháp. Văn có bốn:

1) Đức Thích-ca thăng lên hư không.

2) Đại chúng đứng dậy.

3) Chánh nêu mở tháp.

4) Đại chúng đồng thấy và khen ngợi cúng dường.

Một và hai đều như văn. “Khi ấy đức Thích-ca dùng ngón tay mở

v.v...” chính là khai mở tháp. Ngón tay phải mở tháp: Tức là dùng trí phương tiện, tiện cho việc nói giáo hóa độ chúng sinh. Phẩm Pháp Giới trong Kinh Hoa Nghiêm: Trưởng Giả An Trú mở tháp Chiên Đàn thấy Phật quá khứ đều không diệt độ tức là nói lên pháp thân vô sanh diệt. Luận Pháp Hoa chép: Phá ba thứ không là người phiền não, nhiễm mạn và điên đảo:

1) Tin các thứ thừa.

2) Tin thế gian Niết-bàn khác nhau.

3) Tin thân kia đầy khác nhau,

Vì đối ba thứ này nhiễm nên nói ba thứ bình đẳng:

1) Thừa bình đẳng: Thọ ký cho Thanh văn chỉ có Đại thừa không có Nhị thừa.

2) Thế gian Niết-bàn bình đẳng: Do Đa Bảo Như lai nhập nơi Niết-bàn và thế gian Niết-bàn kia đây bình đẳng không khác nhau.

3) Thân bình đẳng: Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện thân, tự thân tha thân pháp thân bình đẳng không khác nhau.

“Lúc bấy giờ bốn chúng..:” Nói bốn chúng đồng thấy khen ngợi cúng dường.

“Lúc đó Đức Phật Đa Bảo” v.v...: nói hai Đức Phật cùng ngồi. Văn lại có bốn:

1) Đức Đa Bảo yêu cầu đức Thích-ca đến ngồi.

2) Đức Thích-ca ngồi nửa tòa ấy.

3) Đại chúng đồng thấy nghĩ muốn bay lên hư không.

4) Đức Thích-ca kế đưa đại chúng lên hư không.

Bốn điều này văn dễ biết. Sở dĩ hai Đức Phật đồng ngồi, chính muốn dùng Đa Bảo nói lên Thích-ca. Đa Bảo diệt đã bất diệt, bất diệt thị hiện diệt, đức Thích-ca ở song lâm tuyên bố diệt nghĩa cũng đồng như. Lại Đa Bạo diệt đã bất diệt, bất diệt thị hiện diệt tức nói lên đức Thích-ca bất sanh mà sanh sanh mà bất sanh do Đa Bảo xuất hiện muốn nói lên đức Thích-ca thực vô sanh diệt mà phương tiện sanh diệt cho nên yêu cầu đức Thích-ca cùng ngồi. Sở dĩ Đa Bảo muốn hiển đức Thích-ca chính vì người thọ theo đức Thích-ca giáo hóa chấp đức Thích-ca thật có sanh diệt, nên nêu Đa Bảo dùng hiển Thích-ca, phá bệnh chấp đức Thích-ca sanh diệt, phân thân cũng vậy. Do người thọ theo đức Thích-ca giáo hóa chính cho rằng đức Thích-ca là Phật thật, nên nhóm họp phân thân để nói lên đức Thích-ca, nói về Phật cõi tịnh còn là tích mà chẳng phải bổn thì biết đức Thích-ca là ứng chẳng phải chân. Luận Pháp Hoa chép: hai Đức Phật cùng ngồi là nói lên hóa Phật, báo thân Phật, pháp

thân Phật đều vì thành đại sự, đây là muốn nói lên Chư Phật đồng tâm cùng hiển đại sự cho nên cùng ngồi, đại sự tức là pháp thân.

"Dùng đại âm thanh v.v...:" là sai tìm người mở rộng kinh: Văn có hai:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

Kệ văn lại có hai:

1) Tụng Chư Phật đến.

2) Tụng sai tìm người mở rộng kinh.

Sở dĩ tụng Chư Phật đến ấy là có hai nghĩa:

1) Chúng tuy thấy đức Đa Bảo vọt hiện phân thân Phật nhóm họp ý đều chưa thông suốt cho nên nay giải thích.

2) Sắp muốn sai tìm người mở rộng kinh.

Trước trình bày ý hai Đức Phật đến ý trên cao khuyến khích dưới, giải thích thành ý bảo trì kinh. Đầu văn chia làm hai:

1) Giải thích ý đức Đa Bảo đến.

2) Giải thích phân thân nhóm họp.

Hai Đức Phật đều chia làm ba nghĩa cho nên đến. Giải thích đức Thích-ca có ba:

1) Một bài rưỡi ở trên cao khuyến khích dưới nên đến.

2) Một bài hiển nêu pháp khó gặp nên đến.

3) Một bài kệ nêu bổn nguyện Phật nên đến.

Giải thích thành hai nghĩa trên. "Ta lại phân thân ra v.v...:" Giải thích phân thân nhóm họp cũng có ba ý:

1) Một bài nêu vì nghe pháp nên đến.

2) Nửa bài muốn mở tháp báu hiển chân thường ứng diệt nên đến.

3) Nói đều bỏ cõi đẹp v.v..." Khiến pháp trụ lâu nên đến.

Văn này lại có ba:

1) Một hàng rưỡi nói chung vì pháp trụ lâu nên đến.

2) Năm hàng giải thích vì pháp trụ lâu nên đến.

3) Nửa hàng tổng kết pháp trú lâu cho nên đến.

"Nói với các đại chúng...": Là sai tìm người mở rộng kinh: Tụng đức Phật Đa Bảo nói về đời quá khứ Đức Phật mở rộng kinh Pháp Hoa, tụng phân thân Phật nói về đời hiện tại Đức Phật mở rộng kinh Pháp Hoa, nay sai các Bồ-tát mở rộng kinh tức nói đời vị lai Phật mở rộng kinh, đây tức là nói Chư Phật ba đời cùng mở rộng kinh này.

Hỏi: Vì sao mười phương Phật hiện tại nhóm họp còn quá khứ chỉ

một Đức Phật Đa Bảo ư?

Đáp: Luận Pháp Hoa chép: Dùng lược nhiếp rộng nên chỉ nêu một Đức Phật tức lược nhiếp tất cả Chư Phật.

Lại tụng hai Đức Phật đến tức nói pháp sở mở rộng, nay sai mở rộng kinh tức nói người năng mở rộng, hai Đức Phật đến là nói hai thân chân ứng cho nên có pháp sở mở rộng. Kế nói người năng mở rộng gồm có bốn sai khiến bốn giải thích:

1) Một bài rưỡi chính sai.

2) Hai bài giải thích ý sai khiến.

Nói "phải biết ý nầy" có hai ý:

1) Muốn nói lên Chư Phật truyền bá pháp nên đến.

2) Muốn nói lên chân thường ứng diệt bổn một, tích nhiều. Ý là ở đây cho nên nói "Phải biết ý này."

"Các Phật tử v.v...": một bảo một giải thích: Đầu một bài là bảo, kế bốn hàng giải thích. "Các thiện nam tử này..." một bảo một giải thích: Đầu một bài là bảo, kế mười chín hàng nêu giải thích sáu sự khó, chia làm bảy riêng:

1) Năm hàng nêu nói rộng khó

2) Hai bài nêu ghi chép khó.

3) Hai bài nêu đọc tụng khó.

4) Hai bài nêu vì một người nói khó.

5) Ba hàng nêu hỏi khó.

6) Ba hàng nêu trì khó.

7) Hai bài sau cùng khen ngợi giáo giải thích thành sáu việc khó.

Hỏi: Hiện thấy thế gian trì kinh Pháp Hoa vô lượng vì sao có sáu thứ nạn này?

Đáp: Có sáu hạng người không tin Pháp Hoa:

1) Tham đắm năm dục ưa thích tiểu lạc mà quên đại lạc nên không tin Pháp Hoa.

2) Ngoại đạo chấp đắm các kiến không chịu thọ pháp lìa kiến.

3) Người Tiểu thừa chấp quyền mê thật không tin Nhất thừa, cho nên luận Trí Độ chép: Ngũ Bách bộ nghe rốt ráo Không như bị đao đâm vào tim huống chi nghe có một, không ba.

4) Chấp Kinh này là giáo vô thường, người nghe Pháp Hoa thường, không sanh tin nhận.

5) Chấp Kinh này là ngăn che tướng thường nghe nói hiển rõ thường, không sanh tín nhận.

6) Người có sở đắc chấp trước kinh này quyết định là thường nghe

nói chẳng thường chẳng vô thường không ba không một không y không đắc không sanh tin nhận. Nếu vậy xưa nay nam bắc người tin hiểu ít, kinh xướng rõ sáu việc khó nói không luống dối.

"Các người Thiện nam này v.v...": một bảo một giải thích:

1) Một hàng rưỡi là bảo.

2) Sáu hàng khen ngợi trì kinh lợi ích, giải thích lời bảo trên.

PHẨM ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA THỨ MƯỜI HAI

Sở dĩ có phẩm này là do phẩm Hiện Bảo Tháp đã chứng trước, khai sau đầy đủ hai nghĩa: Nay cũng vậy. Nói thành tựu trước ấy gồm có hai nghĩa:

1) Mục đích xa: Kinh này mở cửa phương tiện chỉ tướng chân thật khai tất cả phương tiện chỉ bày tất cả chân thật. Nhưng phương tiện có hai thứ:

a) Thuận phương tiện nghĩa là Chư Phật Bồ-tát.

b) Trái phương tiện như Điều-đạt Thiện Tinh, trên đây khai thuận phương tiện nghĩa kia đã rồi, như Mãn Từ Tử thật là Bồ-tát phương tiện thị hiện làm Tiểu thừa, đức Thích-ca là quả đức phương tiện thị hiện có sanh diệt.

Nay kế khai trái phương tiện dụng cũng có hai người:

a) Điều-đạt là người trái phương tiện.

b) Long nữ là Súc sanh là trái phương tiện dụng. Cho nên thuận phương tiện chân thật có nhân quả hai người, trái phương tiện dụng có người và hai hạng Súc sanh.

2) Phẩm trên nói về đức Đa Bảo quá khứ tự đến chứng minh Pháp Hoa nay phẩm này đức Thích-ca dẫn Điều-đạt làm chứng minh. Do Điều-đạt đời quá khứ vì ta nói Pháp Hoa nay được thành Phật, cho nên công lực của Pháp Hoa sâu nặng cần phải tin và thọ trì, cho nên trên là dẫn người khác làm chứng nay dẫn tự mình làm chứng do đó hai phẩm nói kế nhau. Lại trên bốn lần sai trì kinh, nay khen ngợi ba lực của kinh giải thích thành bốn lần bảo. Ba lực: Là dẫn Đề-bà-đạt-đa chứng có thành Phật lực, cung rồng chúng nhóm họp chứng minh kinh có lực rộng lớn, Long nữ thành Phật chứng minh có lực nhanh chóng, do chính ở kinh có ba lực nên cần phải tin nhận trì cho nên dẫn ba lực giải thích thành bốn sự khuyên, do đó có phẩm này.

Kế "sanh sau" gồm có bốn nghĩa:

1) Trên dùng Đa Bảo bất diệt thị hiện diệt, nói lên đức Thích-ca phương tiện sanh diệt thật không sanh diệt, nay lại nêu Điều-đạt ví như trên để hiển bày Thích-ca, Điều-đạt chẳng phải ác thị hiện ác cho nên ác là phương tiện thiện là chân thật, giống như hiển bày đức Thích-ca bất sanh diệt thị hiện sanh diệt nên sanh diệt là phương tiện, bất sanh diệt là chân thật. Vì thế trên lấy Phật khác nói lên đức Thích-ca, nay dẫn Bồ-tát khác nói lên đức Thích-ca do đó hai phẩm nối kế nhau.

2) Vì thành tựu nghĩa tin cho nên đến: Như Kinh Niết-bàn Phẩm Sư Tử Hống chép: Vì sao gọi là tin? Tin Như lai rốt ráo bất sanh diệt, tin Đề-bà-đạt-đa không hề phá tăng. Kinh Niết-bàn đã nói hai việc nối kế kinh nay cũng vậy. Cho nên nói phẩm này do trái và thuận đối nhau nên nói có hai phẩm nối kế.

3) Nhưng truyền bá khuyên tin đều là vì người mới học, như người tu hành sâu không nhọc công khuyên, nay vì dắt dẫn người ác tự khinh thân mình không dám học đại pháp, vì vậy nên nay nói Điều-đạt tuy là người ác được nghe Đại thừa thọ ký thành Phật cho nên cần phải học tập.

4) Căn duyên khác nhau hợp thời mà nói do trong chúng nghe phẩm này được ngộ nên ứng căn cơ mà nói.

Đề-bà-đạt-đa là con của vua Hộc Phạn: Đề-bà Hán dịch là Thiên, Đạt Đa dịch là Nhiệt, do khi sanh ông chư thiên tâm nóng bức nên gọi là Thiên Nhiệt. Vì sao? Vì chư thiên biết Đề bà gây ra ba tội nghịch phá hoại Phật pháp, thấy Đề bà lúc mới sanh tâm sanh nóng bức do đó mà đặt tên.

Phẩm này khen ngợi ba lực của kinh chia làm ba đoạn:

1) Lực thành Phật.

2) Lực rộng lớn.

3) Lực nhanh chóng.

Do Đề-bà-đạt-đa nói kinh mới được thành Phật nên kinh có lực thành Phật, do Văn-thù nói kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên chúng sanh đều được ngộ đạo nên khen ngợi Pháp Hoa có lực rộng lớn, Long Nữ nghe kinh hiện thân thành Phật cho nên khen ngợi Kinh này có lực nhanh chóng. Sở dĩ khen ngợi 3 lực của Kinh này vì thành tựu nghĩa khai tìm người mở rộng kinh. Nay từ đầu đặt tên nên gọi là phẩm Đề Bà. Chương đầu có bốn:

1) Nêu việc đời quá khứ của Đề Bà.

2) Kết hợp xưa nay nói về việc đời hiện tại.

3) Vì Đề Bà thọ ký nói về việc đời vị lai.

4) Xưng tán lợi ích của phẩm này. Đầu văn có hai: Trước trường sau kệ tụng.

Văn xuôi lại có ba:

1) Nêu đức Thích-ca trải qua nhiều kiếp cầu kinh.

2) Biện rõ Vị tiên bố thí pháp.

3) Nói Đức Thích-ca báo ân cúng dường.

Văn đầu lại có ba câu:

1) Nêu quá khứ thọ các thân thường cầu Pháp Hoa.

2) "Trong nhiều kiếp..." nói riêng làm Vua cầu đạo vô thượng, ở đây trước nói cầu quả. "Vì muốn đầy đủ..." là nêu tu nhân. Trong tu nhân, ban đầu nói chung muốn viên mãn sáu độ. "Phải siêng tu hành bố thí...:" Là lược nói về đàn độ. Trong đàn độ, đầu tiên là nói về ngoại thí. "Đầu mắt..." là nói nội thí.

3) Lúc đó nhân dân v.v... chánh là nói về cầu kinh Pháp Hoa.

"Lúc bấy giờ có vị tiên..." là nói vị tiên trao pháp. Vua nghe lời vị tiên nói..." Vì pháp cần khổ báo ân cúng dường...

Kệ có bảy hàng rưỡi tụng ba chương trên tức có ba biệt:

1) Hai hàng tụng vua cầu pháp.

2) Hai bài tụng vị tiên trao pháp.

3) Ba hàng rưỡi tụng vua báo ân.

"Đức Phật bảo các Tỳ-kheo..." là kết hợp xưa nay nói về việc đời hiện tại. "Đức Phật bảo bốn chúng..." Vì Đề-bà-đạt-đa thọ ký nêu việc đời vị lai. Đề Bà là bổn Sư của đức Thích-ca nay lại được đức Thích-ca thọ ký, thì biết thầy trò phương tiện không nhất định, trái thuận bình đẳng dụng cũng hợp thời vì chúng sanh. Kinh Tiểu thừa nói về Đề-bà đọa vào Địa ngục Vô gián, sau thành Bích-chi-phật, nhưng nay trong Đại thừa nói về đời vị lai thành Phật và đã tùy duyên trái thuận tức cũng ứng thời đại tiểu. "Hai mươi trung kiếp v.v..." Đại kiếp có ba, tiểu kiếp cũng có ba. Văn Tạp Tâm chỉ nói tiểu kiếp xếp vào trung kiếp. Kinh Thiện Tinh chép: Mười tám tiểu kiếp làm một trung kiếp. "Đức Phật bảo các Tỳ-kheo v.v..." là nói lợi ích nói phẩm này: Sở dĩ nói riêng nghe phẩm này không sanh nghi ngờ là vì trong kinh Tiểu thừa nói về Điều-đạt xúi giục vua giết cha, nếu ông giết vua cha ta sẽ giết Cù Đàm thì có vua mới, Phật mới, thật không vui sướng hay sao! Điều-đạt tự gây ra ba tội nghịch lại bảo người khác tạo tội nghịch thì tội ấy cực ác. Nay bèn nói là bạn lành trong quá khứ vị lai thành Phật người học Tiểu thừa sao không kinh nghi cho nên nói riêng không sanh nghi ngờ. Lại ở nước ngoài các người Tiểu thừa không tin Phương Đẳng đều cho là Điều-đạt nói không tin là đức Thích-ca nói nay khuyên tin Điều-đạt tức là khuyên tin Đại thừa...

"Không đọa vào địa ngục..." Theo Luận Thành Thật nói về bốn luận để trị tám nạn, nay nói một niệm tin kinh Pháp Hoa không nghi phẩm này đầy đủ lìa tám nạn không đọa vào địa ngục lìa nạn ba đường, sanh ở trước các Đức Phật trong mười phương lìa nạn sanh trước Phật sau Phật, thường nghe kinh này lìa nạn thế trí, nếu sanh trong trời người

lìa nạn không nghe, nếu sanh ở trước Phật được hoa sen hóa sanh lìa biên địa nạn trường thọ thiên.

"Bấy giờ ở phương hạ vị Bồ-tát..." Khen ngợi lực kinh rộng lớn: Lại có bảy câu:

1) Trí Tích xin đức Đa Bảo trở về bổn quốc là nguyên nhân phát khởi luận.

2) Đức Phật bảo Trí Tích v.v..." Đức Thích-ca xin dừng lại giây lát.

3) "Lúc bấy giờ Văn-thù v.v..." Nêu Văn-thù đến. Phẩm tựa Văn-thù ở trong hội, phẩm này nói từ cung rồng đến, tức nói theo sự: cũng như Kinh Niết-bàn nói Văn-thù ban đầu tuy ở tòa mà cùng Thuần-đà bỏ đi, cho đến phẩm Đại chúng vấn lại cùng Thuần-đà đến, nay cũng vậy. Phần đầu khai kinh đã xong; hoặc có thể đến cung rồng hóa đạo, nay muốn khen ngợi công năng kinh và hỏi hạnh an vui cho nên lại đến.

Nói theo lý thì: Văn-thù vốn ở núi Linh Thứu mà nay bỗng ở cung rồng, có thể cho là tuy đi mà ở, không đi mà đến.

4) Trí Tích hỏi Văn-thù v.v...: chính là hỏi.

5) "Văn-thù Sư lợi v.v...:" là đáp. Ban đầu nói Văn-thù hóa độ thẳng đến Bồ-tát, "các vị mà xưa vốn Thanh văn..." là nêu giáo hóa họ hồi tiểu nhập đại Bồ-tát.

6) Bấy giờ Trí Tích...:" là nói Trí Tích khen ngợi.

7) "Văn-thù Sư lợi nói v.v....:" Suy tôn công qui về Pháp Hoa tức là khen ngợi lực kinh.

"Trí Tích hỏi Văn-thù v.v...:" là nói Long Nữ thành Phật, là khen ngợi năng lực kinh nhanh chóng cũng có bảy chương:

1) Hỏi.

2) Đáp.

3) Thí dụ nạn vấn.

4) Long nữ đến.

5) Thân Tử nạn vấn.

6) Long Nữ nêu dụ đáp.

7) Nói chúng đương thời ngộ đạo.

"Văn-thù Sư lợi nói...:" Ở trong khoảng sát na phát tâm Bồ-đề được thành Phật. Kinh Già-da Sơn Đỉnh nói về có bốn thứ phát tâm:

1) Sơ phát tâm gọi là nhập sơ địa.

2) Hành phát tâm là Nhị địa đến Thất địa.

3) Bất thoái phát tâm là Bát địa, Cửu địa.

4) Nhất sanh Bổ xứ phát tâm là Thập địa. Long Nữ phát tâm thành

Phật là nghĩa thứ tư. Nhưng Bồ-tát Thập tín cũng có tám tướng thành đạo, vị không thể biết. Lại thích ứng giáo hóa (không nơi chốn) vô phương có thể có bốn trường hợp:

1) Phương tiện chậm: Như mười kiếp ngồi đạo tràng.

2) Phương tiện nhanh: Long Nữ trong sát na thành Phật.

3) Cũng nhanh cũng chậm: Như đức Thích-ca sáu năm hiện rõ hai thứ này.

4) Chẳng chậm chẳng nhanh: Như trong Tịnh độ thành Phật; không luận nhanh chậm.

Lại có bốn trường hợp: 1

) Nam thân thành đạo tức đức Thích-ca.

2) Thân nữ thành Phật, riêng có Kinh nói Đức Phật xuất hiện ở nước người nữ làm thân nữ thành Phật.

3) Vừa nam vừa nữ tức là Long nữ, vốn là nữ biến thành nam.

4) Phi nam phi nữ phi thiên phi nhân, như Tịnh độ thành Phật.

Lại có ba câu:

1) Xuất gia thành Phật như đức Thích-ca.

2) Tại gia thành Phật như luận Trí Độ chép: là Phật Thiên vương, cho nên không cần bát và Ca sa, tức Điều-đạt thành Phật hiệu Phật Thiên vương.

3) Đều chẳng phải. Nghĩa là Tịnh độ Phật.

Lại ba câu:

1) Đồng chân thành Phật tức Long nữ.

2) Phi đồng chân thành Phật tức đức Thích-ca.

3) Đều chẳng phải tức là Phật ở tịnh độ. Sở dĩ khác nhau như vậy là do thể đạo không ngăn ngại nên có dụng vô ngại, thích hợp duyên vô phương ứng lợi ích vô cùng. Nếu vậy thì không nên nghi nói phẩm này chẳng phải Phật nói bởi do tình cuộc có hạn mà giáo hóa vô phương.

“Bồ-tát Trí Tích nói v.v...:” là nói nạn vấn. “Nói luận chưa xong v.v....” Long nữ đến. “Lúc bấy giờ, Xá-lợi-phất...:” là Thân tử nạn vấn. “Lúc bấy giờ Long nữ...:” Nêu dụ đáp chung hai người nạn vấn. “Lúc ấy, ở thế giới Ta bà v.v...” là nói chúng đương thời ngộ đạo được lợi ích.

PHẨM TRÌ THỨ MƯỜI BA

Sở dĩ có phẩm này cũng đầy đủ hai nghĩa:

1) Thành trước.

2) Khai sau.

Nói thành trước: Phẩm Tháp báu kệ văn bốn phen khuyên bảo trì, phẩm Đề-bà-đạt-đa khen ngợi kinh có ba lực cũng là khuyên trì, nay Bồ-tát, Thanh văn nên bảo trì kinh do đó có phẩm này. Nói khai sau tuổi thọ tức là: Do Bồ-tát Thanh văn đều nói về trụ nơi lực nhẫn, sợ xa nghe tuổi thọ tâm sanh nghi sợ nên trái ngăn. Sở dĩ nên bào làm có bốn ý:

1) Muốn trên báo ân Phật.

2) Muốn tăng tiến tự hành.

3) Muốn đem khuyên những chỗ chưa được mở rộng tuyên cũng khiến truyền hóa.

4) Đã là Bồ-tát muốn lợi ích chúng sanh cho nên có phẩm này, vì trì kinh này để giáo hóa vật cho nên gọi là phẩm Trì.

Phẩm chia làm năm:

1) Hai muôn Bồ-tát phát nguyện mở rộng kinh.

2) Năm trăm Thanh văn phát nguyện mở rộng kinh.

3) Hàng Hữu học, Vô học tám ngàn người phát nguyện mở rộng kinh.

4) Các Tỳ-kheo phát nguyện mở rộng kinh.

5) Lập lại bảo Bồ-tát phát nguyện mở rộng kinh.

Căn cứ năm người này có thể chia làm hai:

1) Bốn người là ứng Phật trước sai tự thệ mở rộng kinh.

2) Một người Phật lặp lại sai mở rộng kinh.

Căn cứ trong bốn người thì một người đầu là trực vãng Bồ-tát tự thệ trì kinh, sau Tỳ-kheo Tỳ-kheo ni là Bồ-tát hồi tiểu nhập đại tự thệ mở rộng kinh, lại chia làm ba loại:

1) Các Bồ-tát từ bi sâu dày sức nhẫn rộng lớn có thể ở õi uế mở rộng kinh.

2) Tự ba chúng còn lại tích thị hiện yếu đuối ở Tịnh độ mở rộng kinh.

3) Các Bồ-tát trú nơi Bất thoái địa chung cả tịnh uế hai cõi mở rộng kinh. Đầu tiên chỉ nêu hai người: Dược vương đã truyền bá sở ký, Nhạo Nói năng phát huy dũng tháp cho nên tuyên trì làm đầu. Dược vương truyền bá sở ký: Là truyền bá thừa quyền thừa thật. Nhạo Nói

phát huy dõng pháp: Là khai phát nguyên nhân thân quyền thân thật.

“Lúc đó trong chúng...” Là nói Bồ-tát hồi tiểu nhập đại lại chia làm hai:

1) Tỳ-kheo tự thệ mở rộng kinh.

2) Tỳ-kheo ni tự thệ mở rộng kinh.

Tỳ-kheo lại có hai:

1) Nêu người Vô học tự thệ mở rộng kinh.

2) Nêu hữu Hữu học, Vô học tự thệ mở rộng kinh.

“Lại có bực Hữu học, Vô học v.v...” Kinh Niết-bàn nói tám mươi người, nay nói tám ngàn người hoặc có thể chữ thiên (ngàn) lầm là chữ thập (mười), hoặc có thể riêng có tám mươi. Nhưng kinh đã hợp ba về một đều thành Bồ-tát mà còn nói Thanh văn gồm có ba nghĩa:

1) Vẫn giữ tên cũ.

2) Tuy là ngộ một mà không mất nơi ba, vì sao? Vì vốn phá bệnh chấp ba cho nên nói một, bệnh chấp ba đã trừ một thuốc cũng thôi, chẳng ba chẳng một cho nên năng một năng ba.

3) Tức gọi Bồ-tát xếp vào Thanh văn như trước nói: nay chúng con, thật là Thanh văn dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe.

Thanh văn ở cõi khác mở rộng kinh:

1) Tích thị hiện độn căn, như trước giải thích.

2) Chê cõi này khó hóa độ.

3) Chú giải kinh chép: Bồ-tát ở cõi này Thanh văn ở cõi khác, muốn nói về Nhất thừa đã hiển muôn dòng có thể một, cõi nước không có kia đây, ngộ không có tiểu đại, đại thệ nguyện tuy khác mà thông suốt đại đồng.

“Lúc ấy Di mẫu của Phật...”: Nêu Tỳ-kheo ni mở rộng kinh. Văn có hai: Trước thọ ký kế biện mở rộng kinh. Thọ ký hai Tỳ-kheo ni tức chia làm hai riêng:

1) Xin ký.

2) Thọ ký.

Kinh này từ đầu đến cuối thọ ký có hai:

1) Không xin mà thọ.

2) Xin mà thọ.

Trong xin mà thọ tự có ba thứ:

1) Phát lời xin như Mục-liên v.v...

2) Tâm niệm xin như một ngàn hai trăm người v.v...

3) Hiện tướng xin như Đại Ái Đạo v.v...

“Lúc bấy giờ, Đức Thế tôn...” là nói thọ ký: Thọ ký Tỳ-kheo ni ở

sau cùng.

1) Theo ở trên nói chúng có thứ lớp nên để sau cùng.

2) Chỉ người nữ tội cấu sâu nặng.

3) Muốn dứt sự ganh tỵ của thế gian cho nên thọ ký sau.

Kiều-đàm-di: Kiều-đàm là họ dịch là Nê-thổ, Di là nữ. Kế thọ ký cho Da-thâu-đà-la cũng có hai:

1) Thỉnh ký.

2) Thọ ký.

Lúc ấy bà Ma-ha v.v... là nói phát thệ mở rộng kinh cũng chia làm hai:

1) Lãnh giải vui mừng.

2) Phát thệ mở rộng kinh.

"Bấy giờ đức Thế tôn v.v...: Lặp lại bảo Bồ-tát mở rộng kinh. Văn có hai:

1) Nói mắt thấy.

2) Các Bồ-tát phát thệ mở rộng kinh.

Mắt thấy: Nói lên các Bồ-tát trí tuệ lợi căn xa hiểu ý Phật và ngộ tôn chỉ kinh khiến chúng sinh tin, như Trang Chu chép: tận mắt thấy đạo còn. "Các vị Bồ-tát đó...:" Nêu phát thệ mở rộng kinh. Văn có hai: Trước văn xuôi sau kệ tụng. "Nay Đức Phật im lặng chẳng thấy dạy bảo": Đức Phật tuy khen ngợi Bồ-tát xa ngộ ý Phật mà Bồ-tát khiêm nhường, cho nên nói Phật không dạy bảo. Thầy trò khen ngợi khiêm nhượng hiệp luận đều căn cứ một nghĩa. "Lúc đó các vị Bồ-tát v.v..." Nêu Bồ-tát lại tự tư duy, Phật tuy không nói ta là Bồ-tát, mà pháp nên trên mở rộng dưới lợi ích thoả mãn nguyện để báo ân. "Xa giữ gìn cho": Lâu biết tuổi thọ thường hằng song lâm chẳng phải viễn diệt.

Kệ văn chia làm ba:

1) Một bài nói chung phát nguyện mở rộng kinh.

2) Mười bảy hàng nói riêng phát nguyện mở rộng kinh.

3) Hai bài tổng kết phát nguyện mở rộng kinh.

Trong đoạn thứ hai lại chia làm hai:

1) Nói Bồ-tát nhẫn ác.

2) Nêu nhẫn ác nên vì chúng sinh mở rộng kinh.

Trong nhẫn ác có hai:

1) Nói đại sĩ nhẫn ác.

2) Giải thích lý do khởi ác.

Đầu tiên lại có hai:

1) Một bài nhẫn ba nghiệp ác, như hại do Đề bà ngoại đạo.

2) "Tỳ-kheo trong đời ác..:" là nói nhẫn miệng nghiệp ác.

Lại chia làm hai:

1) Người khởi ác.

2) Chính nói về khởi ác.

Mỗi thứ có hai đoạn: 1) Hai trong người: Người tăng thượng mạn tức nêu người.

2) Hoặc người mặc áo nạp v.v... Nói về nơi chốn, nêu nơi chốn nhiếp tận tất cả mọi người.

"Mà nói như thế này v.v..." Nêu khởi ác cũng có hai:

1) Nói về lời ác chê bai.

2) Là khéo nói lời hủy báng, đều nói về Bồ-tát năng nhẫn. Người ác nói lời hủy báng: Là hủy pháp báng người, hủy pháp là luận nghĩa ngoại đạo, báng người là người tà kiến. Văn chia làm ba:

1) Hai hàng đầu nêu hủy pháp báng người.

2) Thường ở trong đại chúng v.v...:" hai bài cùng chung hủy pháp báng người.

3) Nửa bài nói Bồ-tát năng nhẫn.

Hỏi: Đầu đã nói luận nghĩa ngoại đạo, sao lại nói tự soạn kinh luận điển ư?

Đáp: Đầu nói luận nghĩa ngoại đạo, mà kinh Thập Bát Đại của ngoại đạo lại không có điều này, cho nên nói tự tạo. Nhưng đã chẳng phải nội giáo lý đồng ngoại đạo.

"Bị người đó khinh rằng v.v...": Là khéo nói lời chê bai: Cho nên trong loài người chỉ có nêu nơi chê bai chứ không nêu thiện ác, lại có hai:

1) Nửa bài nêu khởi tâm chê bai.

2) Nửa bài nói năng nhẫn.

"Bị người đó khinh rằng, các người đều là Phật v.v...": Người Tiểu thừa cho rằng người học Đại thừa hiểu rõ các pháp tánh vốn vắng lặng không có hai tướng, liền nói rằng: Nếu chúng sanh và Phật không có hai tướng thì ông lẽ ra là Phật, như người đời chép: Ông học như thế tức liền thành Phật, nói thì năng mà ý thì khinh, do nhẹ nên tâm phát ra lời này nên gọi là lời khinh mạn. "Trong đời ác kiếp trược...": năm hàng rưỡi giải thích ý hủy báng: Người ác sở dĩ hủy báng gồm có hai nghĩa: 1) Ngoại ma xâm nhập vào trong thân người ấy khiến hủy báng có ba hàng. 2) Trong ngu si nên không biết Tiểu thừa là phương tiện nên chấp lấy chê bai Đại thừa, có hai hàng rưỡi. "Các thành ấp làng xóm v.v..." một hàng giải thích Bồ-tát nhẫn ác nên mọi nơi vì chúng sinh mở rộng

kinh. Hai bài sau cùng tổng kết thệ nguyện như văn.

Ngày mồng bảy Niên hiệu Vĩnh Nhân năm thứ ba ở Giao Chung, các người con gái đồng tâm hiệp lực khắc một quyển nghĩa sớ để cầu nguyện cho cha mẹ được giải thoát. Xét rằng ân cha mẹ cao vời vời như núi Thái hơn tám muôn Bích la, đức cha mẹ sâu thẳm như biển xanh 3 ngàn cho nên nói về sự nuôi dưỡng thì khó lường được. Người con gái ở Giang Thủy Quận Ngô là thiếu nữ khuê các nhưng vì báo ân hiếu hạnh biết ý chí của cha mẹ muốn thẳng đến Diệu thừa làm kim chỉ nam vãng sanh cõi An Lạc.

Sa môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 10

PHẨM HẠNH AN LẠC THỨ MƯỜI BỐN

Giải thích Hạnh An Lạc gồm có sáu môn:
1) Ý nghĩa vì sao có phẩm này.
2) Giải thích tên phẩm.
3) Khai hiệp.
4) Thể tướng.
5) Thứ bậc.
6) Đồng và khác.

I. Ý nghĩa: Cũng có hai nghĩa:
1) Thành trước.
2) Khai sau.

- *Thành trước:* có ba ý:

1) Phật dạy Thanh văn gồm có ba việc:

a) Khiến hồi tiểu nhập đại phát tâm Bồ-đề tức ba châu nói ở trên.

b) khiến tu hạnh Bồ-tát tức bốn hạnh an lạc nầy.

c) Khiến đắc quả Phật là văn tuổi thọ phần sau, vì nhân duyên này nên có phẩm này.

2) Diệu Pháp liên hoa gồm có hai thứ:

a) Môn thiện xảo dụng.

b) Môn chân thật thể. Trên phá ba nói một gọi là dụng đối trị, bệnh chấp ba đã bỏ, một thuốc cũng trừ, muốn hiển không một không ba, không hai chánh quán tức thể Diệu Pháp Hoa. Dưới kệ chép: Quán tất cả pháp Không như thật tướng, cũng không hành, không phân biệt thì biết ba, một, hai xả duyên quán đều mất, nay muốn nhiếp dụng quy về thể cho nên có phẩm này.

3) Cuối phẩm Trì chép: Đời ác mở rộng kinh bị hủy nhục chê bai chịu ác khổ não hạng tu hành ít thường lui sụt không thể mở rộng kinh,

vì vậy nên nay nói về an trú trong bốn hạnh thì tuy ở đời ác mà thường được an vui, muốn chỉ bày phương pháp đời mạt pháp mở rộng kinh nên nói phẩm này.

- *Khai sau:* Muốn nói về quả tuổi thọ lâu dài. Cho nên nay nói nhân tuổi thọ lâu dài tức bốn hạnh an lạc.

II. Giải thích tên: giải thích tên bốn hạnh khác nhau, nay theo ngài Trúc Đạo Sanh và chú giải kinh pháp Hoa nói về bốn hạnh:

1) Hạnh vắng lặng.

2) Hạnh không kiêu mạn.

3) Hạnh lìa ganh ghét.

4) Hạnh từ bi.

- *Hạnh vắng lặng:* Không tịch tức là thật tướng các pháp Bát-nhã chánh quán, đã trái với lý thật tướng thì liền có khổ không có vui, tương ưng với lý thì có lạc không có khổ, nay chính nói về nghĩa mở rộng kinh an vui cho nên ban đầu nói hạnh vắng lặng. Tuy bên trong tu không quán, nhưng người mới bắt đầu hành sức quán chưa thành ở trong chúng nói pháp thường cậy vào sự hiểu biết lấn hiếp người nên kế nêu hạnh lìa kiêu mạn. Hễ làm thầy giỏi nếu ỷ hiểu biết xem thường người khác hoặc ghét người hơn mình vì có hiểu biết là điều thường tình, nhưng là đại hoạn cho người mở rộng kinh! Thế nên kế nêu hạnh lìa ganh ghét: Người thông hiểu pháp tuy không kiêu mạn ganh ghét mà chỉ biết người được hóa độ gồm có hai thứ:

1) Cầu đại đạo.

2) Chấp Tiểu thừa, hai hạng người này thường sanh ái nhuế, nếu khởi ái nhuế thì si sử liền theo cho nên người cần học Đại thừa phải khởi từ tâm, đối với hạng phi Bồ-tát nên sanh tâm thương xót, vì vậy nên kế nói hạnh từ bi của Bồ-tát: Nghĩa không hết thì văn phải đầy đủ. Gọi chung là hạnh an lạc: Tức an trú trong bốn pháp thì được an vui cho nên gọi hạnh an lạc. Hạnh: Là trải qua sự tu hành, nghĩa là tâm hành bốn pháp này.

III. Khai hiệp: Khai thành bốn hạnh hiệp chỉ hai môn:

l) Hạnh đầu là trí tuệ ba hạnh sau là công đức, tâm an phước tuệ mở rộng đạo lợi người liền được an vui gọi là phước tuệ một cặp.

2) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài hai lìa môn và đắc.

Đắc có hai thứ đức: Không tịch là trí tuệ, từ bi là công đức, trung gian hai thứ gọi là lìa nên lìa môn cũng có hai:

1) Ly kiêu mạn.

2) Ly ganh ghét. Tức là đắc lìa một cặp.

3) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài hai hành không và hữu: Đầu là không hành, ba thứ còn lại là hữu hành, gọi là không hữu một cặp.

4) Tuy có bốn hạnh mà không ngoài tự hành hóa tha, ba thứ đầu là tự hành, từ bi là hóa tha, gọi là tự hành hóa tha một cặp.

IV. Thể tướng:

Hạnh thứ nhất lấy quán không rốt ráo làm thể, hạnh thứ hai lấy tâm không kiêu mạn làm thể, hạnh thứ ba lấy tâm không ganh ghét làm thể, hạnh thứ tư lấy tâm từ bi làm thể, nhưng bốn hạnh này chỉ có một chánh quán, căn cứ dụng khác nhau nên khai bốn thứ', quán nghĩa thật tướng gọi là hạnh vắng lặng, tức là nghĩa chánh quán đây lìa lỗi tức không kiêu mạn, ganh ghét, tức không quán nầy cứu khổ ban vui nên gọi là từ bi, tâm từ bi chẳng trở ngại rốt ráo Không, rốt ráo Không chẳng ngăn ngại từ bi, tuy hành từ bi mà thường rốt ráo Không, tuy rốt ráo Không mà không xả từ bi; vì vậy nên siêu phàm vượt Thánh gọi là hạnh Bồ-tát cũng là hai đạo Không, Bi. Đại Phẩm nói Bồ-tát trụ trong hai pháp mà không thể hoại được:

1) Biết Không.

2) Không bỏ chúng sanh.

V. Thứ bậc: Từ sơ phát tâm cho đến Phật địa, năm mươi hai địa vị đều đầy đủ bốn hạnh, trong đó tự có thành và chưa thành và nghĩa công dụng, vô công dụng tỏ ngộ và mê muội, cạn, sâu tùy địa vị sai khác, nhưng chánh ý của kinh là kế sức cho người lui mất. Đời mạt pháp mở rộng kinh chịu nhiều khổ não cho nên khiến an trú trong bốn pháp liền được an vui. Địa vị cao trở lên tự đầy đủ bốn hạnh không đợi nói vì vậy nên người phát tâm tự phải y theo phẩm này tự hành hóa tha toạ thiền, tụng kinh, sám hối.

VI. Đồng và khác: Cuối phẩm Pháp Sư nói về ba việc:

1) Vào nhà Như lai.

2) Mặc áo nhẫn nhục.

3) Lấy các pháp Không làm tòa, không đồng với bốn hạnh nghĩa. Trên văn trước nêu hạnh hữu kế biện nơi Không, vì sao? Vì phẩm trên chánh giải thích Pháp Sư, bởi làm Pháp Sư vì chúng sinh nói pháp thích hợp trước hết vận tâm từ bi, nhưng từ tâm bi ở lâu trong sanh tử gặp nhiều hoạn nạn nên phải hành nhẫn, tuy có từ bi nhẫn nhục mà nếu chẳng nhập quán Không thì từ bi nhẫn không thành cho nên kế nói về hạnh Không nên từ hữu nhập không. Phẩm này chính vì đời ác mở rộng kinh chịu nhiều khổ não tâm sanh lui sụt nên trước nói về nhập rốt ráo Không, thì không thấy thân tâm tự tha đều tĩnh lặng liền được an vui

cho nên trước nói hạnh Không. Do đắc không quán nên không sanh khởi kiêu mạn ganh ghét, do đắc không quán nên dẫn dắt thành từ bi, nên trước nêu hạnh Không sau nói hạnh hữu. Lại hai phẩm muốn chỉ bày không, hữu, không hai cho nên trước sau nói xen lẫn. Căn cứ phẩm chia làm hai:

1) Hỏi.

2) Đáp.

- Hỏi có hai: a) Khen ngợi trước. b) Hỏi sau.

- Trong đáp cũng có hai: a) Nói chung tên bốn hạnh. b) Nêu thể bốn hạnh.

An trụ bốn pháp: Tâm an trụ bốn pháp thì không còn khổ, cho nên được an vui gọi là hạnh an lạc: An trú trong hành xứ và gần gũi xứ của Bồ-tát v.v...: Là nói riêng thể của bốn hạnh, lại chia làm bốn:

1) Chánh nêu thể của hành.

2) Khen ngợi giáo.

3) Khuyến tu.

4) Giải thích chung nghĩa an vui.

Căn cứ thể của bốn hạnh lại chia làm bốn: Căn cứ thể của hạnh đầu lại chia làm ba:

1) Chánh nêu thể của hạnh.

2) Bốn hàng rưỡi kệ sau cùng biện tướng an vui, văn đầu tức giải thích hành, văn sau tức giải thích tướng an vui, hành nghĩa là nhân, an vui tức do hành đắc quả.

3) Kệ sau văn xuôi tổng kết hạnh an vui đầu, văn đầu lại có hai: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi lại có hai:

1) Nêu hai chương môn hành xứ, cận xứ.

2) giải Thích-cả hai môn.

Hành xứ: Người tu hành đã nhập lý mà thi hành gọi là hành xứ, tuy chưa nhập lý mà tự gần gũi gọi là cận xứ, hai xứ này gọi là từ đầu đến cuối cho nên hiệp thành một.

Hỏi: Hành xứ đã sâu cận xứ thì cạn, vì sao trước nêu hành xứ sau nói cận xứ ư?

Đáp: Trước nêu hành xứ là nêu tâm sâu tiêu biểu ý chỉ khiến tu tập mà gần gũi.

Hỏi: Căn cứ địa vị như thế nào?

Đáp: Có người chép: Thất địa trở lên đã nhập nơi lý gọi là hành xứ, từ nay lại nhập lý vô sanh dần dần gần gũi gọi là cận xứ.

Nay nói về y luận Trí Độ vô sanh đã có hai xứ hành, cận nghĩa cũng vậy. Nhưng ý của kinh chính vì người mới học nên nêu hai xứ này. Vì đắc vô sanh tương ưng gọi là hành xứ, nếu chưa tương ưng với Bát-nhã khiến người phát tâm dần dần tu tập gần gũi nên gọi là cận xứ. Nếu gần gũi vô sanh thì cùng điên đảo, xa rời liền được an vui, nếu gần gũi với điên đảo, thật tướng xa rời thì chịu khổ não.

"Thế nào gọi là v.v..." Là giải thích hai chương hành xứ, cận xứ chia làm hai riêng: Giải thích chương hành xứ chia làm ba: Nghĩa là nêu, giải thích, tổng kết. "Nếu đại Bồ-tát v.v..." Là giải thích chương. Văn nầy ý bao gồm nhiều, nay dùng bảy nghĩa giải thích: Theo luận Trí Độ nói về hai nhẫn giải thích: Trú nhẫn nhục địa gọi là sanh nhẫn, sau nêu quán không là pháp nhẫn. Luận nói Bồ-tát thực hành sanh nhẫn được vô lượng công đức, thực hành pháp nhẫn đắc vô lượng trí tuệ, sanh nhẫn là các cảnh trái thuận, Bồ-tát năng an nhẫn nơi trái nghịch mà không sân, đối với thuận không tham nên gọi là công đức. Pháp nhẫn không thọ tất cả các pháp biết kia vắng lặng nên đắc trí tuệ. Đây y cứ hai môn không, hữu để phân phước tuệ. Lại sanh không địa vị nông cạn nên gọi là công đức, pháp không đã sâu thọ gọi là trí tuệ. Đây căn cứ hai Không cạn sâu để phân biệt phước tuệ. Lại đều căn cứ hữu môn để nói về hai nhẫn: Nhẫn trái, thuận với chúng sanh gọi là sanh nhẫn, nhẫn các pháp trái thuận của chúng sanh gọi là pháp nhẫn, hai thứ này cũng có cạn sâu. Chúng sanh năm tình chấp không được lại gọi là giả danh cho nên dễ nhẫn, các pháp thuận nghịch là việc thấy nghe hiện tại cho nên khó nhẫn. Do căn cứ nhẫn có sâu cạn để phân biệt phước tuệ, nhưng tự có phước tuệ không hai, không có cạn sâu. Nay căn cứ quán môn thứ bậc nên phân cạn sâu. Đầu văn có bốn trường hợp:

1) Trú nhẫn nhục địa nói chung về ba nghiệp. Nhẫn nhục gọi là địa có hai thứ nghĩa:

a) Không bị duyên bên ngoài lay động nên gọi là địa.

b) Có công năng sanh trưởng như đất, do năng nhẫn các nhục nên được thông hiểu đại pháp. Muôn điều thiện thuận tiện sanh nên gọi tâm nhẫn làm địa. "Hòa diệu khéo thuận": Diệu hòa: Là lời nói không sai lầm, trái với vật gọi là miệng nhẫn. "Mà không gấp bạo:" Tuy dao gậy kề thân mà không vọng động, do không thêm báo nên gọi là thân nhẫn, lại là oai nghi tường tận gọi là không gấp bạo, như kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát nhất tâm an tường. "Tâm cũng chẳng kinh sợ": Lại chỉ chẳng phải thân miệng không gia báo, cũng không khởi một niệm sân gọi là ý nhẫn, lại năng an nơi đồng, khác nên tâm không sợ. "Lại đối với pháp

không có sở hành": Trên nói sanh nhẫn nay là pháp nhẫn.

2) Trên là phương tiện, quán nầy là thể chánh quán, do điều hòa thân miệng rồi sau mới đắc nhập quán thật tướng.

3) Trên nói hạnh Bồ-tát, nay nói giải Bồ-tát.

4) Trú nhẫn nhục địa là tuệ phương tiện, quán Không là tuệ thật.

5) Quán nhẫn nhục địa là hành xứ bên ngoài, quán không là hành xứ bên trong.

6) Trú nhẫn nhục địa rồi sau quán Không, phải trước nói về trong hữu, hành các công đức dùng hữu giúp Không rồi sau mới đắc từ Không ra có, nếu không như vậy thì đọa vào địa ngục.

7) Trú nhẫn nhục địa rồi sau quán Không, muốn phân biệt khác với Da kiến quán không.

Luận Trí Độ chép: Tà kiến không trước gây nghiệp ác rồi sau bác bỏ, nay nói chân không, trước hành thí, giới, nhẫn, thiền rồi mới quán Không. Lại đối với pháp không có sở hành, do trú nhẫn nhục địa điều hòa thân miệng nên được nhập Không, do nhập Không nên không hành tất cả các pháp sanh tử Niết-bàn. "Mà quán tướng như thật của các pháp:" trên không hành pháp điên đảo, nay quán pháp thật tướng. "Cũng chẳng thực hành": Đầu tiên nói chẳng thực hành không thật, kế nói thực hành thật, nay thật không thật tất cả không hành cho nên nói cũng không hành. "Không phân biệt": Cũng không phân biệt hành và không thực hành. Trên nhẫn nhục v.v... tức quán thế đế, quán thật tướng các pháp cho đến không thực hành không phân biệt gọi là quán bậc nhất nghĩa đế, do Chư Phật nói pháp thường y hai đế cho nên Bồ-tát y Phật tu học cũng quán hai đế.

"Kế căn cứ sanh Không, pháp Không giải thích: Từ đầu không hành đến quán thật tướng gọi là pháp không, chẳng hành vô phân biệt gọi là sanh không quán xuất, trong chánh Pháp Hoa phần kệ dưới cũng có ý nầy. Đầu không hành tất cả các pháp tức pháp không, cũng không phân biệt nam nữ gọi là chúng sanh không, trước nói pháp không sau nói sanh không tức là:

1) Nói theo thứ lớp.

2) Người mê hoặc cho rằng có người năng thực hành pháp quán không cho nên lại trừ bỏ quán chủ. Kia luận Trí Độ cũng có nói điều này. Kế căn cứ ba đế giải thích văn nầy: Trụ địa nhẫn nhục đồng gọi là quán thế đế, đối với pháp không có sở hành mà quán thật tướng gọi là quán Chân-đế, cũng chẳng thực hành không phân biệt gọi là phi chân phi tục Trung đạo quán. Không hành: Là không thực hành Chân-đế.

Không phân biệt là: Không phân biệt việc thế đế nên gọi là phi chân phi tục Trung đạo quán. Ba đế này là nghĩa nhân duyên, vì không hai nói hai, hai gọi là hai đế, hai không hai là Trung đạo. Kế căn cứ diệt cảnh trí giải thích: Lại, đối với các pháp không có sở hành cho đến quán các pháp thật tướng nói về duyên tận nơi quán. Nói duyên tận quán: Là tất cả điên đảo là duyên đều tận ở trong chánh quán. "Cũng chẳng thực hành không phân biệt": Là quán tận ở duyên. Do tà duyên đã hết chánh quán cũng dứt, nên duyên quán đều mất cảnh trí đều lặng. Trong kệ sau cũng có ý đây. Đầu nói về sanh không, pháp không gọi là tận duyên, kế kệ nói không đắc các pháp không biết không thấy tức tận quán. Cho nên trong luận Niết-bàn Ngài Tăng Triệu chép: Pháp không có tướng hữu không, Thánh không có trí hữu không. Pháp không có tướng hữu không cho nên ở ngoài vô số, bậc Thánh không có trí hữu không nên ở trong vô tâm, ở ngoài vô số bên trong vô tâm không biết lấy gì nên gượng gọi là chánh quán! "Đó gọi là chỗ hành xứ của Bồ-tát" là tổng kết hành xứ.

"Thế nào gọi là v.v...": kế giải Thích-cận xứ. Văn cũng có hai:

1) Nêu hữu cận xứ.

2) Nêu không cận xứ, cũng trước là hình cận xứ, kế là tâm cận xứ. Xét lúc mới tu hành chọn nơi yên vắng để tĩnh thân, rồi sau tâm định vì gần ở lý.

Hỏi: Trong hành xứ cũng nói về không hữu có gì khác với ở đây hay không?

Đáp: Trước nói về không hữu là sâu, nay nói về không hữu là cạn, cho nên khi mới tu hành có hai quán không hữu có thể noi theo nhu thuận nhẫn của Địa Tiền.

Hành sâu: Cùng có hai quán không, hữu tức đăng Địa trở lên vô sanh nhẫn. Văn có hai:

1) Nói không nên gần gũi.

2) Nói nên gần gũi.

Không nên gần gũi gồm lìa xa mười duyên:

1) Không gần gũi vua chúa gọi là lìa duyên kiêu mạn.

2) Không gần gũi ngoại đạo là lìa duyên tà kiến, người mới tu hành chưa thể quán tà chánh bình đẳng vì thế, không nên gần. Chú giải kinh rằng: Trời đất nơi ngón tay chỉ muôn vật ở con ngựa chạy, cho nên không nên gần ngoại đạo. Lộ Già-da đà xưa gọi là ác giải. Nghịch lộ Già-da đà: Là ác luận. Chú giải kinh rằng: Lộ Già-da đà: ở Trung quốc là lễ nghi danh giáo của Nho mặc. Nghịch lộ-già-da-đà: Như sách, của

Lão Trang theo lệ bặt nhân bỏ thánh. Lại nói Lộ-già-da-đà dịch là thế gian hành. Kinh Chánh Pháp Hoa chép: Tán tựa ca âm. Nghịch Lộ-già-da-đà: Đây gọi là hạnh nghịch thế gian. Kinh Chánh Pháp Hoa chép: kết ngẫu tập tục.

3) Cũng không gần gũi những kẻ chơi hung hiểm...:" Là lìa duyên tán loạn. Na la Hán dịch là lực. Chú giải kinh rằng: là Văn thân huyễn thuật: Văn thân: Là họa vẽ thân, khiến loang lổ

4) "Cũng không gần gũi Chiên đà la..:" là lìa duyên nghiệp ác. Chiên đà, Hán dịch Đáng sợ, cũng dịch là ác. La là họ thấp hèn.

5) Lại không gần gũi hạng người cầu Thanh văn...:" Lìa duyên Tiểu thừa, mới hành Bồ-tát Đại thừa chiếu soi chưa tròn đầy sợ dễ nhiễm pháp Tiểu thừa nên khiến ý hình ngăn cách, hành và ở chớ cùng. "Hoặc có lúc lại đến" thì tùy nghi nói pháp không có lòng mong cầu; nếu có cơ cảm liền vì họ nói pháp, không vì danh lợi không có lòng mong cầu.

6) "Lại Bồ-tát v.v....:" Lìa duyên nhiễm ác: Dưới năm tuổi gọi là gái nhỏ, đến lúc hứa gả lấy chồng gọi là gái trinh, lại nói lập chí không lấy chồng gọi là gái trinh.

7) Lại chẳng gần năm hạng người bất nam: lìa duyên không có ý chí: luật tụng nêu năm pháp: a) sanh ra không khả năng nam. b) Nửa tháng không có khả năng nam. c) Ganh ghét không có khả năng nam. d) Tinh không có khả năng nam. e) Bệnh không có khả năng nam.

Lại nói trời phạt đều biến ra phân nửa. Thiên: Thiên tánh không khả năng. Hình là bị hình phạt. Đô: đều không có căn. Biến: Nữ biến thành nam cũng không có khả năng. Bán: Nửa tháng có thể nửa tháng không thể. Chú giải kinh rằng: a) Vô căn. b) Hai căn. c) Bất định căn. d) Hữu hạn căn. e) Ganh ghét không có khả năng nam.

8) "Chẳng một mình vào nhà người v.v...": Lìa duyên chê bai.

9) "Nếu vì người nữ nói pháp v.v...": Lìa duyên làm người khác sanh ái.

10) "Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa-di ít tuổi" Lìa duyên tự sanh nhiễm ái.

Hỏi: Vì sao không gần gũi mười duyên này ư?

Đáp: Người mới tu hành điên đảo mạnh quán hạnh yếu, bỗng gần gũi duyên phi đạo tiến thì không có công năng cứu giúp, thoái thì có lỗi ái lụy, như chút ít nước nóng đổ vào tảng băng, ngược lại còn giúp thêm đông đặc. Nếu được chánh quán hiện tiền tùy ý gần gũi như thông đạt phi đạo tức là Phật đạo.

Không thấy sự sản nghiệp thì không nhập quán Bát-nhã, luận Nhiếp Đại thừa chép: Bồ-tát có giới thậm thâm, tạo đủ các nghiệp năm nghịch mười ác thì tiến có công cứu giúp, thoái không có lỗi ái nhiễm. Lại Bồ-tát có hai môn:

1) môn Thế giới.

2) môn Đệ nhất nghĩa.

Tất đàn thế giới tùy cõi nước phong tục chê bai tuy là hành sâu mà không được gần gũi. Đệ nhất nghĩa môn, không thấy cận và không cận bốn câu không hành. tuy có hai môn mà không hề có hai thích thời mà động. Thường ưa ngồi thiền v.v...: là nói về chỗ nên gần gũi.

Hỏi: Nhiếp tâm nên ở lại quán ban đầu vì sao ở cuối ư?

Đáp: Do xa lìa các duyên mới được nhiếp tâm do đó nên ở sau, lại xa lìa mười duyên gọi là giới Bồ-tát, thường ưa ngồi thiền gọi là định Bồ-tát, sau nêu quán không tức là trí tuệ.

"Lại nữa v.v...": là nói về "Không" gần gũi xứ. Văn có hai:

1) Thực hành quán đệ nhất nghĩa.

2) Nói về thế đế quán.

Đầu có mười bảy câu, quán tất cả pháp Không là chẳng thấy có. Như thật tướng: Hiển bày Không quán là chân thật. Lại quán tất cả pháp đều như đều là thật tướng. Không điên đảo: chẳng chấp tướng không. Bất động: Không sanh động niệm. Bất thoái: hễ được thì không mất. Bất chuyển: Không bị duyên khác làm lay động. Như hư không: Rốt ráo thanh tịnh, không như Số luận của ngoại đạo chấp hư không. Không có tánh sở hữu: bổn tánh như. Tất cả đường ngôn ngữ đạo dứt: bốn câu chẳng thể giải thích. Không sanh không xuất không khởi: luận Trí Độ chép: Duyên một bên rốt ráo không thể đắc cho nên nói không sanh, nhân một bên không thể đắc gọi là không xuất, quả một bên không thể đắc gọi là không khởi. Lại giải không từ ngoài đến gọi là sanh, không từ trong ra gọi là không xuất, không từ trong ngoài mà hiệp có gọi là không khởi. Không danh không tướng: Ngoài không có danh nên gọi vô danh, trong không có tướng nên gọi là vô tướng, lại lìa mười tướng nên gọi vô tướng. "Thật không có gì": Thật ghi chép không có gì, lại thật biên chép chẳng có chỗ không, cho đến thật biên chép không điên đảo năm câu. "Vô lượng vô biên vô chướng vô ngại": Sáu căn không thể lường nên gọi là vô lượng, lại không rơi vào ba đời nên gọi vô lượng. Lại nói không có lượng, của không hữu nên gọi là vô lượng, biên không thể đắc gọi là vô biên lại không dứt các biên nên gọi là vô biên, tức hữu là không, tức không là hữu, không hữu chẳng hai nên

gọi là vô ngại. Pháp tánh tư như vậy lụy không năng chướng nên gọi là vô chướng. “Chỉ do nhân duyên mà có”: là nói về nhân duyên thế đế quán, trước nêu Chân-đế sau nói thế đế, chỉ bày thật tướng làm gốc, các pháp làm ngọn. Lại trên nói thường ưa ngồi thiền tu nhiếp tâm kia, thì từ hữu nhập không nay từ không xuất hữu. Kinh An lạc chép: Từ hữu nhập không gọi là quán đệ nhất nghĩa, từ không xuất hữu gọi là quán bình đẳng, nhờ hai quán này làm phương tiện đắc nhập quán Trung đạo đệ nhất nghĩa. “Từ điên đảo mà sanh cho nên nói thường lạc: ở trên nói hai đế không hữu tức hiển nghĩa chánh, câu này trình bày duyên mê. Do không biết nhân duyên có nên từ điên đảo sanh chấp có thường lạc, thường lạc thuộc câu trên.

Có người chép: Các pháp thật không có gì từ điên đảo sanh, nên thấy có như mắt bệnh thấy hoa đốm trong hư không. Ngài Quang Trạch chép: Do chấp tướng nhân sanh các pháp cho nên nói từ điên đảo sanh. Có người chép: Điên đảo tức giải thích thành nghĩa nhân duyên trên. Trên nói nhân duyên như kinh Đại Phẩm nói nhân duyên chúng sanh điên đảo cho nên có sáu đường.

Kệ văn chia nhân duyên làm hai:

1) Nêu cả hành xứ, cận xứ.

2) Giải thích hành xứ cận xứ. a) Một bài rưỡi nêu cả hai. b) “Thường xa lìa vua chúa v.v...” là: Giải thích hai môn. Văn xuôi nêu hành xứ cận xứ, mỗi xứ có hai môn không hữu nay kệ chuyển thế nói pháp. Trước hợp giải thích hữu môn hành xứ cận xứ, kế hiệp giải thích không môn hành xứ cận xứ, muốn dùng không hữu hợp thành một loại. Trong giải thích hữu môn có hai: Trước giải thích, kế tổng kết. Căn cứ trong giải thích chỉ giải thích hữu cận xứ, không giải thích hữu hành xứ, gồm có hai nghĩa:

1) Muốn nói lên lìa mười duyên ác đều được làm hành xứ cận xứ tiền phương tiện, lìa mười thứ duyên ác đã dlàm hành, cận phương tiện tức nói lên trước trụ nhẫn nhục địa v.v... cũng chung được cùng hành xứ cận xứ làm phương tiện.

2) Vì muốn tóm lược chỉ nêu cận xứ hữu hành mà thôi!

Hỏi: Vì sao văn xuôi ở trước nói hành xứ, nay kệ trước nói cận xứ?

Đáp: Trong văn xuôi căn cứ nói theo thứ lớp, trước nói hành xứ sâu, kế biện cận xứ cạn, nay y tu hành thứ lớp trước nói cận xứ cạn, sau nói hành xứ sâu. Văn xuôi nói đủ mười duyên, văn kệ không thể phân biệt chỉ lược nên không có thứ mười sanh duyên tự nhiễm ái.

Nói Ba tạng gồm có ba thứ:

1) Ba tạng Tiểu thừa.

2) Đại thừa tự có ba tạng, như luận Nhiếp Đại thừa chép

3) Đại Tiểu hợp luận ba tạng, đó là tạng Thanh văn, tạng Duyên giác tạng Bồ-tát.

Có người chép: Hoa Nghiêm v.v... là Đại thừa tuệ tạng, kinh Quyết định Tỳ ni kinh là Đại thừa Tỳ ni tạng. Trì Địa luận v.v... là Đại thừa A-tỳ-đàm tạng. Nay nói trong kinh Đại thừa tự có ba tạng không nên dẫn luận. Nay nói ba tạng Tiểu thừa: Là muốn lựa phân hai thứ ba tạng còn lại. Tham mê năm món dục cầu hiện tại diệt độ: v.v... Tham đắm năm món dục gọi là người khởi ái, cầu hiện tại diệt độ là người khởi kiến, kiến có thân tâm lao lụy nên cầu mau diệt, đó gọi là hành xứ. Cận xứ: Tổng kết: Có người chép: Nên tổng kết cận xứ. “Lại nói và hành xứ”: đây là hành gần gũi. Sở dĩ nói và hành xứ là dùng hai xứ này. Có người chép: Chỉ nên nói dùng một xứ này mà nói hai xứ tức là hành xứ là thứ nhất, gần gũi xứ là thứ hai cho nên nói hai xứ! Nay nói không đúng, lìa trên mười duyên đắc chung hành xứ, cận xứ phương tiện cho nên gọi là hai xứ.

“Lại cũng chẳng hành theo”: Hợp là tụng hành xứ, cận xứ hai môn nghĩa Không. Văn cũng có hai:

1) Hai hàng rưỡi trước tụng Không hành xứ.

2) Năm hàng rưỡi sau tụng Không gần gũi xứ. Đầu một bài tụng trên nói không hành tức nói nghĩa pháp không. “Pháp thượng trung hạ này...” có người chép: ba tánh Thiện, ác, vô ký làm ba phẩm. Nay nói tức dùng Ba thừa là ba phẩm, lại trời người là hạ, Nhị thừa là trung, Đại thừa là thượng. “Hữu vi hay vô vi”: Hữu vi vô vi cả hai đều xả. “Thiệt và chẳng thiệt pháp”: Trên diệt giáo xưa, câu nay diệt giáo nay, dùng Ba thừa làm quyền, Nhất thừa làm thật, nay đều không hành. “Cũng chẳng phân biệt là nam hay nữ”: Nửa bài tụng trên cũng không phân biệt, kệ trên nói pháp không nay nói sanh không. “Cũng chẳng đắc các pháp cũng chẳng biết chẳng thấy”: Không đắc các pháp diệt mất cảnh, không thấy không biết diệt mất quán, hai nghĩa “Không” tròn đầy cảnh trí đều bặt dứt rõ ràng lý đã cùng khắp. Nửa bài sau tổng kết Không hành xứ: “Tất cả các pháp này” là: Tụng về Không gần gũi xứ. Văn có ba: Một hàng rưỡi nói thể của Không gần gũi xứ. “Điên đảo mà phân biệt...”: hai hàng nói Không gần gũi xứ, tiền phương tiện quán. “Quán tất cả pháp v.v...” hai hàng nói từ phương tiện nhập nơi chánh quán. Ba môn thứ lớp: Trước chỉ thể quán, kế khiến tu tập, tu tập đã thành sau nói

về đắc quán. Lại ban đầu nói được, kế nói về mất, sau lại nêu được.

"Nếu có vị Tỳ-kheo v.v...": bốn hàng rưỡi tụng an vui tức hành quả. Văn chia làm ba:

1) Một hàng rưỡi nêu an vui.

2) Hai hàng rưỡi giải thích an vui.

3) Nửa hàng kết nghĩa an vui.

Hai hàngrưỡi lại chia làm hai:

1) Một hàng nói về nhập định nghĩa là Thánh im lặng.

2) Một bài rưỡi khởi định nói bậc Thánh nói pháp.

"Lại Văn-thù-sư-lợi...": Kết hạnh an vui đầu. "Lại Văn-thù...": là nói hạnh an vui thứ hai. Có người chép: Hạnh thứ hai lấy nói pháp làm thể, tức gọi nói pháp Hạnh an lạc, nhưng pháp là tánh âm thanh thuộc pháp nhập. Nay bất luận điều này chính là lấy tâm động miệng nói năng là thể của hạnh thứ hai. Có người nói hạnh thứ hai miệng không có bốn lỗi làm thể, nay nói về lấy không kiêu mạn làm thể, bởi trong lòng ôm ấp sự kiêu mạn tự đề cao bức hiếp người khác vì vậy nên nói người tốt xấu hay dở.... Muốn mở mang đại đạo thì nên lìa điều đó. Lại kiêu mạn là si sử Bồ-tát không nên khởi sanh; lại chúng sanh đều có nhất thừa đồng có Phật tánh đều sẽ thành Phật không nên kiêu mạn. Như Giới kinh chép: Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành, cũng như Bồ-tát Thường bất khinh không khinh tất cả chúng sanh, thực hiện nghĩa bất khinh này tức là mở rộng Nhất thừa. Văn chia làm ba:

1) Khuyên trú Hạnh an lạc.

2) Nêu thể của hạnh.

3) Nói về quả của hạnh.

"Nếu miệng giảng nói v.v...": Là nêu thể của hạnh. Thể của hạnh có hai:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

- *Văn xuôi* chia làm hai: Trước nêu lìa lỗi làm thể của hạnh, kế nêu tu tập đức làm thể của hạnh. "Không ưa nói lỗi của người và của kinh điển". Nếu nói lỗi của người, người nghe khởi sân không thọ đại đạo, lại nói lỗi người ắt là tâm khinh mạn thì tự sanh phiền não. Không nói lỗi của kinh: Như lai nói pháp cạn sâu tùy căn cơ, cuối cùng cũng trở về một đạo, không được chấp đại trách tiểu chấp tiểu trách đại như Kinh Bách Dụ chép: Có hai đệ tử đấm đánh hai chân tức là việc ấy. "Cũng chẳng khinh mạn các pháp sư khác": Mở rộng Tiểu thừa tức gọi là các pháp sư khác, nên khởi tâm thương xót không nên khinh; lại yếu

kém hơn mình gọi là Pháp sư khác nên tha thứ, bỏ qua, cũng không nên khinh. “Đối với hàng Thanh văn cũng không nói lỗi xấu cũng không gọi tên khen ngợi việc tốt của người đó”: xưng riêng tên nói lỗi của người đó thì họ sanh tâm sân, còn nếu khen ngợi thì làm tăng thêm kiến chấp của người đó chỉ được dùng đại trách chung Tiểu mà thôi!

“Khéo tu như v.v....”: Tu tập đức làm thể của hạnh. “Chỉ dùng Đại thừa vì họ giải thích”: Hoặc như đáp nghĩa Tiểu thừa là phương tiện dẫn dụ giúp họ nhập đại. Cho nên Phẩm Dược Thảo chép: Thường vì Đại thừa mà làm nhân duyên. Kệ tụng hai chương trên chia làm hai: Chỉ chuyển thể nói pháp lại theo gần tụng. Trước sáu hàng rưỡi tụng tu tập đức, kế năm hàng tụng lìa lỗi. Đầu lại có ba phần:

1) Hai hàng rưỡi nêu tịnh trong ngoài vì nói pháp phương tiện.

2) Hai hàng chánh nêu bày phương thức nói pháp.

3) Hai hàng chỉ năng đáp nạn vấn.

Người mở rộng pháp duy chỉ có ba việc này nên trình bày đầy đủ. “Trừ tâm lười biếng trễ v.v...: Tụng trên lìa lỗi; năm hàng có hai cặp: một hàng đầu răn bảo khiến chớ biếng trễ; kế một hàng rưỡi khuyên khiến siêng năng tinh tấn. Không chịu nói là lười biếng, thường đình chỉ là biếng trễ, lại không siêng năng đối với việc là lười biếng, không vững vàng đối với lý là biếng trễ; kế một bài là năng bảo người nói pháp chớ mong cầu ngoại tài; kế một bài rưỡi khuyên trong tâm nhớ pháp. “Sau khi ta diệt độ v.v...”: là nói quả an vui.

Văn chia làm ba:

1) Một hàng nói thể của hạnh trước.

2) Hai hàng nói quả lìa khổ.

3) hai bài nêu đắc quả an vui.

“Lại Văn-thù Sư lợi...”: là nói hạnh thứ ba. Có người chép: Thứ ba gọi là hạnh lìa lỗi, chấp tâm quyết định dứt ác là thể của hạnh. Có người chép: Do ý trừ ba độc là thể của hạnh. Nay lấy lìa ganh ghét làm thể của hạnh. Trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có hai: Nói thể của hạnh sau biện quả của hạnh.

Thể hạnh có hai:

1) Răn dạy.

2) Khuyên.

Răn dạy lại có hai:

1) Răn dạy đối với người không nên khởi lỗi.

2) Răn dạy khiến đối với pháp không nên khởi lỗi. Tật: Là ganh kia nhiều tài của Đố: Là ghét chánh báo của họ, che dấu tự tánh, tình tà

vạy mà thuận thời nghi gọi là siểm (dua nịnh), vì đối người kia mà hiện ra tướng cung phụng gọi là cuống (dối). “Lại cũng không nên hý luận các pháp”: Răn dạy khiến đối với pháp lìa lỗi. “Trong tâm vô ký mà lại ngôn luận gọi là hý luận.

Trung luận chép: Hý luận có hai thứ:

1) Ái luận.

2) Kiến luận.

Nay lìa hai thứ này. Có chỗ cạnh tranh: Răn dạy khiến không nên nghiêng về chấp hữu. Văn kệ của Ngài Cầu-na-bạt-ma chép: Các luận đều khác với ngay thẳng tu hành lý không hai, thiên chấp có thị phi, người thông đạt thì không còn cạnh tranh. “Phải ở nơi tất cả chúng sanh..”: Khuyên khiến tu tập thiện. Không nói nhiều, chẳng nói ít: Nói nhiều thì khởi khinh nhàm, nói ít thì văn lý chưa đủ khiến kia tâm mê muội.

“Văn-thù Sư Lợi v.v....”: Là nói về quả hạnh:

1) Nói lìa đường ác.

2) “Được bạn đồng học tốt v.v...”: Nêu đắc quả thiện. “Kệ văn lại có hai: năm hàng tụng thể hạnh, một bài tụng quả hạnh. Trong năm hàng: Hai bài đầu tụng răn dạy khiến lìa ác, kế ba hàng tụng trên khuyên khiến tu tập thiện.

“Lại Văn-thù Sư Lợi v.v...”: Nêu hạnh từ bi, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có hai:

1) Nêu thể hạnh.

2) Biện quả hạnh.

Thể hạnh có hai: Trước nêu đối với người học Đại thừa nên khởi từ tâm, khiến cho kia chóng ngộ quả Phật, kế nói về đối người học Tiểu thừa nên khởi đại tâm bi muốn bạt dứt mê chấp Tiểu thừa cho họ khiến mau lìa khổ. “Phải nghĩ thế này v.v...”: Nêu việc đáng thương xót. “Chẳng nghe chẳng biết chẳng hay...”: Chấp Tiểu thừa cho là rốt ráo. Ban đầu không hề nghe Tiểu thừa là phương tiện, chẳng những không nghe, ý cũng không biết Tiểu thừa là quyền nói, chẳng những không biết cũng đều không hay. Lại nói không nghe là không có Đại thừa Văn tuệ không biết là không Tư tuệ, không hay là không Tu tuệ. “Chẳng hỏi chẳng tin chẳng hiểu”: Chẳng những chấp tiểu không nghe đối với đại, trú nơi tăng thượng mạn cũng không hỏi han một người học Đại thừa cầu quyền thật, người học Đại thừa dù là người nói cũng không tin nhận, chẳng những không thọ Tiểu thừa đã sâu thẳm mà căn lại còn độn cho nên không thể giải ngộ.

"Văn-thù Sư Lợi...": Nêu quả hạnh, cũng chia làm hai: Trước nêu lìa cõi ác. Kế "Thường được hàng Tỳ-kheo" v.v... là nói đắc quả thiện, đối trên hai hạnh từ bi cho nên có hai quả đắc ly trong đắc quả trước nói về nhân ái, kế "hư không chư thiên"...: là nói chư Thiên ủng hộ.

Hỏi: Trên trời tự có kinh điển, vì sao lại xuống nhân gian nghe pháp ư:

Đáp: luận Trí Độ chép: Đức Phật không nói ở cõi trời có kinh điển, dù cho có cũng chỉ ở Đao-lợi, Đâu-suất, chư thiên đến vì người có ba việc hơn trời:

1) Năng dứt dục.

2) Tri thức mạnh.

3) Tinh tấn.

Trời có hai việc thua người:

1) Dục thiên đắm năm dục.

2) Sắc Vô sắc thiên đắm thiền vị không sánh bằng người nên đến nhân gian nghe pháp. Lại Bồ-tát chư thiên muốn mở rộng pháp lợi ích cho người cho nên xuống nhân gian nghe pháp. Lại muốn trục xuất các ác quỉ để tăng ích hai lực thân tâm cho Pháp Sư vì vậy nên đến.

"Vì sao?" là đoạn lớn thứ hai, kế khen ngợi giáo. Sở dĩ khen ngợi gồm có ba nghĩa:

1) bốn hạnh do kinh mà thành cho nên cần phải khen ngợi.

2) Trên nêu hạnh mở rộng kinh, nay khen ngợi kinh sở mở rộng, nhưng đức Như lai ở đời khéo biết rõ căn cơ chúng sanh nên có lúc nói hay im lặng. Người mở rộng kinh cũng phải biết thời mà động, không được vì nghe kinh phước nhiều gặp người liền nói.

3) Nối kế gần văn trên giải thích thành nghĩa: người ưa thích, trời ủng hộ, Kinh này đã được Chư Phật ba đời giữ gìn ưa nhớ.

Trời người ủng hộ đâu đủ để xưng gọi ư! Văn có ba:

1) Cùng nêu hai nói.

2) Cùng nêu hai dụ.

3) Cùng kết.

Cùng nêu hai: Ban đầu nói về Chư Phật ba đời ủng hộ. "Văn-thù v.v...": là khen ngợi giáo lý mầu nhiệm sâu xa. Ở trong vô lượng cõi cho đến danh tự còn chẳng được nghe.

1) Trong cõi Tiểu thừa không nghe.

2) Trong cõi vô duyên không được nghe.

3) Không tạo tướng (văn) nghe, không tạo tướng câu, không có tướng người nghe, nghe như vậy trong vô lượng cõi rất khó đắc. "Thí

như vua có sức mạnh v.v...”: Nêu hai dụ, chia làm hai riêng. Trước thí dụ xưa chưa được nghe Pháp Hoa, kế dụ nói nay mới được nghe, đều là trước thí dụ, sau hiệp. Vua Chuyển luân dụ cho Phật, Tiểu vương dụ cho bốn ma. “Đem các đạo binh”: là nói tùy căn cơ lập ra giáo khiến vật tu hành hàng phục bốn ma. “Đánh giặc có công...”: là nói về Phật thấy chúng sanh tu hành dứt hoặc gọi là có công xứng căn cơ trao pháp. “Tùy công mà ban thưởng v.v...”: Tùy chỗ tu hành dứt hoặc nhiều ít được các công đức, Trí đoạn là ruộng thiền định là nhà, Niết-bàn hữu dư là làng xóm, Niết-bàn vô dư là thành ấp, tàm quí là y phục, đạo phẩm là châu báu, voi ngựa tôi tớ dụ cho thần thông. Chỉ riêng trên đỉnh búi tóc vua có một viên ngọc này”: Chỉ Phật và Phật mới cùng tận diệu Pháp Nhất thừa. “Các quyến thuộc vua v.v...”: Nghĩa là mười phương Phật và các đại Bồ-tát kinh lạ đức Thích-ca dùng biển lớn Nhất thừa rót vào vũng nước chân trâu của người Nhị thừa, vì chưa có đại căn cơ mà trao truyền đại pháp, theo lý không nên cho, nên gọi là kinh lạ. Hiệp dụ như văn.

“Văn-thù Sư Lợi! Như vua Chuyển luân v.v...” Vì giáo này làm dụ. Công lớn: Đại chướng sắp ngã đại căn cơ sắp động nên vì họ nói Nhất thừa. Luận Pháp Hoa chép: Người thật có công nghe nói Đại thừa mà chấp chẳng phải Đại thừa, đảo chấp như vậy là vì đối trị cho nên nói đem viên ngọc trong búi tóc cho đó. Mười thứ trong vô thượng chép: Muốn thị hiện nói vô thượng nên nói rõ dụ cởi viên ngọc trong búi tóc.

“Văn Thù Sư Lợi v.v...” là cùng kết chia làm hai: Trước tổng kết giáo lý mầu nhiệm sâu xa. Kế “Văn-thù Sư Lợi v.v...” tổng kết Chư Phật ủng hộ.

Kệ có hai:

1) bốn hàng tụng nói về thể của hạnh.

2) Mười hàng rưỡi tụng khen ngợi giáo, không tụng quả hạnh mà để ở đoạn lớn sau tụng. Trong tụng khen ngợi giáo có chín hàng tụng thí dụ, một bài rưỡi tụng kết cả hai, lược không tụng hai khen ngợi. Trên hai thí hai hiệp, nay tổng làm một thí một hiệp có ba hàng tụng thí dụ đầu, một bài tụng thí dụ sau ba hàng rưỡi tụng hợp thí dụ đầu, một bài rưỡi tụng hợp thí dụ sau. “Kinh này là trên hết v.v...” một bài rưỡi tụng hai kết ở trên: nửa hàng tụng khen ngợi giáo lý mầu nhiệm sâu xa, một bài tụng kết Chư Phật ủng hộ.

“Sau khi ta diệt độ v.v...” là đoạn lớn thứ ba: một bài rưỡi khuyên tu bốn hạnh. “Mà nói gần gũi bốn pháp”: Là chưa thể hành bốn pháp thì nên gần gũi. “Người đọc tụng kinh này v.v...” là đoạn lớn thứ tư, giải thích rộng an vui thân cận mà có văn khuyên tu này. Văn có ba:

1) nêu trong tỉnh giác được lợi ích.

2) nêu trong mộng được lợi ích.

3) Tổng kết khen ngợi.

Hỏi: Hiện thấy người đọc tụng Pháp Hoa lo buồn tật bệnh vì sao nói người đọc kinh này thường không buồn não ư?

Đáp: Chúng sanh có năm hạng:

1) Định báo nghiệp.

2) Bất định báo nghiệp, bất định có thể chuyển, định không thể chuyển.

3) Chuyển nặng thành nhẹ, cho nên người đọc kinh nhiều tai hoạ lỗi lầm.

4) Không đúng như lời dạy mà tu hành cho nên bệnh không trừ như không theo phương thuốc.

5) Chúng sanh có tội trong vô lượng kiếp dần dần được giảm nhẹ.

Hỏi: Vì sao nói người đọc kinh này thường không lo buồn?

Đáp: Kinh này chia hai quyền hai thật phù hợp tâm Phật nên được Phật giáo hóa và người ba căn lãnh giải đều rất vui mừng, nên người đọc thường không lo sầu.

"Lại không bị bệnh đau v.v...:" Trước khen ngợi năng trừ tâm bệnh, nay khen ngợi năng trừ thân bệnh. Phẩm Dược Vương chép: Kinh này là thuốc hay cho người bệnh ở cõi Diêm-phù-đề. Vì sao vậy: Vì kinh này từ đầu đến cuối phá ba thứ bệnh:

1) Phàm phu.

2) Tiểu thừa.

3) Bồ-tát.

Thế nên người đọc tụng kinh này thì không bị bệnh đau. "Nhan sắc được trắng sạch": Trên khen ngợi lợi ích của việc xa lìa nay khen ngợi lợi ích của việc được. "Chẳng sanh nhà nghèo cùng": Trên khen ngợi hiện báo được lợi ích, nay khen ngợi sanh báo được lợi ích. Do Nhất thừa đầy đủ muôn đức cho nên người đọc không sanh nghèo cùng do Nhất thừa tôn quý tột cùng nên người đọc không sanh thấp hèn. Lý Nhất thừa ngay thẳng nên người đọc hình thể không xấu xa. "Chúng sanh thường ưa thấy..." ở trên nói lìa quả nay nói được quả. "Dao gậy chẳng đến được v.v..." Trước lìa ác bên trong nay lìa ác bên ngoài. "Dạo đi không sợ sệt...": Trên lìa ác bên trong có ly có đắc nay ngoài lợi ích cũng có đắc ly, trước nêu quả lìa nay nêu quả đắc. "Nếu ở trong chiêm bao v.v...": Nói về trong mộng được lợi ích, so với trước, đây là

hậu báo lợi ích. Phàm có năm giấc chiêm bao:

1) Một bài rưỡi mộng thấy Phật vì chúng nói pháp.

2) Một hàng rưỡi thấy thân mình vì chúng nói pháp.

3) Sáu hàng rưỡi mộng nghe pháp được thọ ký.

4) Một hàng rưỡi mộng thấy tu Đạo Bồ-tát.

5) Năm hàng mộng thấy thành Phật.

Mộng trước là trong nhân được lợi ích dùng bốn phen nói kệ tụng, mộng sau thành Phật là đắc quả đại sự, dùng năm phen nói kệ tụng. Năm giấc mộng này từ cạn đến sâu có thứ lớp: Đầu nêu hành cạn nên chỉ thấy Phật nói pháp, kế giải dần sâu thấy vì người khác nói pháp, kế thấy được thọ ký, kế thấy tu hành, kế thành quả Phật. Luận Trí Độ nói có năm mộng:

1) Khí nóng nhiều nên mộng.

2) Khí lạnh nhiều nên mộng.

3) Khí phong nhiều nên mộng.

4) Thấy nghe nhiều nên mộng.

5) Trời thần cho (báo) mộng, nay là thứ năm.

Luật Tăng Kỳ nói về năm mộng.

1) Thật mộng.

2) Không thật mộng.

3) Mộng không rõ ràng.

4) Mộng trong mộng.

5) Trước tưởng sau mộng, nay là thật mộng.

Sau cùng một bài kệ tổng kết như văn.

PHẨM TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT THỨ MƯỜI LĂM

Sở dĩ có phẩm này là do từ phẩm Hiện Bảo Tháp đến An Lạc Hạnh. Bốn phẩm nói thành trước khai sau, ba phẩm dưới đây chính nói về khai sau, nghĩa là nói thân quyền, thân thật. Phẩm này và phẩm Hiện Bảo Tháp đồng từ đất hiện lên, đều hiển bày Pháp thân Như lai, nhưng Phẩm Hiện Bảo Tháp dùng năng hóa hiển năng hóa, Phẩm Dũng Xuất dùng sở hóa hiển năng hóa. Năng hóa hiển năng hóa: là nói Đa Bảo thật bất diệt mà phương tiện thị hiện diệt để nói lên pháp thân Thích-ca vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt đều nhóm họp phân thân nói về Phật cõi tịnh là ứng chẳng phải chân, để hiển bày Thích-ca là Tích mà chẳng phải bổn nên gọi năng hóa để nói lên năng hóa. Nay nêu sở hóa nói lên năng hóa: Bồ-tát dũng xuất đã nhiều tức hiển rõ đức Thích-ca thành Phật đã lâu xa, nên gọi sở hóa hiển bày năng hóa.

Hỏi: Vì sao nói lên thành Phật lâu ư?

Đáp: Thứ nhất: Chân thân và ứng thân phải đủ hai nghĩa:

1) Pháp thân vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt.

2) Pháp thân chỉ một, ứng thân rất nhiều.

Phẩm trên đã nói lên hai nghĩa này, nhưng chưa biết đức Thích-ca là gần chứng pháp thân hay phải lâu chứng còn chưa nói về một nghĩa này, cho nên dũng xuất chúng nhiều nói lên đức Thích-ca chứng pháp thân đã lâu xa, đủ ba nghĩa này mới tròn đầy. Thứ hai là thế gian chúng sanh gồm có hai nghĩa: Thân và mạng. Thân thì sanh diệt, mạng có đầu cuối, phàm phu đã vậy Nhị thừa cũng.

Bậc chí nhân vượt ngoài bốn trường hợp, nêu ra biểu bách phi chỉ vì trong vô danh tướng vì chúng sanh nên mượn danh tướng nói và là để nói thân cùng mạng. Phẩm trên nói về bổn một tích nhiều, chân thường ứng vô thường tức là nói pháp thân, phẩm này trở đi nói về tuổi thọ Phật. Thân thì không sanh diệt tùy duyên sanh diệt, tuổi thọ thì vô thỉ vô chung mà phương tiện có thỉ chung, nói hai môn này thì quả đức rốt ráo. Cho nên trong luận Niết-bàn ngài Tăng Triệu chép: Sáu đường không gồm nhiếp sự sanh kia, sức gánh vác không vì sự hóa đi thể đó, đây nói về thân vô sanh diệt; theo không thấy dấu cuối, đón chẳng gặp đầu gọi là tuổi thọ vô thỉ chung. Bác bỏ thân mạng phàm phu đã như vậy phá chấp nghĩa nhị thừa cũng vậy.

Lại có Phẩm này: Do phẩm trên nói về Đa Bảo phân thân đều có ba nghĩa như trước đã nói, nay ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi từ đất vọt lên là muốn truyền bá kinh này, vì sao biết như vậy? Vì Phẩm Bảo

Tháp nói về Phật sai trì kinh, nay Bồ-tát ở phương dưới ứng lệnh mà xuất hiện muốn mở rộng kinh. Cho nên kệ Di-lặc nói về Bồ-tát Dũng xuất chép: vì cúng dường Phật và hộ trì kinh này; cho đến phẩm Thần lực ban đầu Bồ-tát Dũng xuất phát thệ mở rộng kinh tức kia chứng minh.

Lại có phẩm này là vì sắp nói tuổi thọ sợ chúng sinh không tin nhận nên trước nói đại chúng nhóm họp chứng minh sau nói không hư đối. Lại trong hội thấy nhiều Bồ-tát từ đất vọt lên sanh tâm ít có thêm lớn phước tuệ cho nên có phẩm này. Lại có phẩm này: là nói lên kinh Pháp Hoa có mười thứ bất tư nghì tức mười thứ diệu nghĩa. Trên đã nói về hóa chủ, cõi nước bất tư nghì rồi, nay kế nêu đồ chúng bất tư nghị. Nói phẩm Dũng xuất gồm có ba nghĩa:

1) Từ sự đặt tên, một ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi từ đất vọt lên nên lấy đó gọi tên phẩm.

2) Gọi giáo xưa là đất, nghĩa là xưa nói cung vua là thật sanh, ở Song lâm là thật diệt tức dùng giáo có thỉ có chung như đất che lấp Phật vô thỉ vô chung, nay phế bỏ giáo thỉ nói chung lên Phật tuổi thọ vô thỉ chung như đất nứt ra vọt lên.

3) Đức Như lai Thọ Lượng lâu dài xưa vì chúng sanh bị phiền não tâm địa che lấp nên không được nói, nay phiền não tâm địa sắp nghiêng đổ nên được nói Như lai Thọ Lượng lâu dài, nhân danh nói nghĩa nên dùng để gọi tên phẩm.

Hỏi: Có người chép: Trước bỏ ba bày một để nói về nhân, việc này rồi, nay nói bỏ gần bày xa để nói về quả là việc như thế nào?

Đáp: ở trên đã nói rồi nay sẽ nói lược. Bỏ ba bày một, khai hai thứ ba hiển hai thứ nhất. Khai hai thứ ba: Nêu xưa ba nhân ba quả đều là phương tiện. Hiển hai thứ nhất: Hiển nay một nhân một quả đều là chân thật. Nếu vậy không được nói bỏ ba bày một để nói về nhân! Lại trước chính bác bỏ quả Nhị thừa chẳng rốt ráo, khen ngợi quả Phật là rốt ráo thì đó chính là nói về nghĩa quả không nên gọi là biện nhân. Lại xét rằng muốn giải thích kinh nên xem xét đề kia, đề xưng Diệu Pháp thì lấy quả làm diệu, nhân hạnh chưa tột cùng thì chẳng phải diệu, nên cần phải chánh là nói quả không được nói về nhân.

Hỏi: Trên đã nói về quả Phật là diệu vì sao gọi là nhân ư?

Đáp: Hiển Phật thừa rốt ráo là quả tức nói lên Nhị thừa chẳng rốt ráo nên thuộc về nhân. Nhị thừa đã là nhân, trời người cũng xa thuộc về nhân, cho nên năm thừa nói trên biện Phật thừa là quả, nhiếp bốn thừa còn lại đều là nhân, do đây văn lý rõ ràng như.

Căn cứ ba phẩm này cũng chia làm bốn chương:

1) Nói về tựa nói.

2) Lược khai thân quyền thân thật động chấp sanh nghi.

3) Chấp động sanh nghi bày tỏ nghi đến xin.

4) Rộng chia ra thân quyền, thân thật, dứt nghi sanh tín.

Phần đầu kinh cách đại tựa gần nên không có tiểu tựa, cách đại truyền bá xa cho nên có tiểu truyền bá, phần sau kinh cách đại tựa xa nên có tiểu tựa, cách đại truyền bá gần nên không có tiểu lưu thông.

Căn cứ trong phần tựa lại chia ba phần:

1) Tựa khai phát.

2) Tựa nghi vấn.

3) Tựa răn dạy và chấp thuận.

- *Tựa khai phát*: Nhân hiện lên Bồ-tát số nhiều mà khai phát nghĩa đức Thích-ca Thành Phật đã lâu.

- *Tựa nghi vấn*: Chưa hiểu ý Bồ-tát hiện ra cho nên hỏi Phật. Tuổi thọ đã là đại sự chúng sinh sanh nghi nên trước phải răn dạy lắng nghe sau mói cho nói. Phần tựa đầu lại có hai:

1) Duyên do xa.

2) Duyên do gần.

Duyên do xa: Nhân Bồ-tát phương khác phát thệ mở rộng kinh nên được nói lên Bồ-tát dưới đất hiện lên được khai tuổi thọ lâu dài của đức Thích-ca. Cho nên, lấy Bồ-tát phương khác làm lý do xa chính là nói các Bồ-tát dưới đất hiện ra làm lý do gần. Trong phần duyên xa có hai:

1) Bồ-tát phương khác xin.

2) Đức Phật ngăn thỉnh.

Trước nói Bồ-tát phương khác xin muốn truyền bá kinh, từ trên phẩm Tháp báu sai người trì kinh nên các Bồ-tát vâng lệnh muốn trì, mà đến phẩm này mới phát ra lời nói là muốn hiển rõ ba vị Thánh cùng khai tuổi thọ.

1) Do Đức Thích-ca sai người trì kinh.

2) Các Bồ-tát đợi đến phẩm này mới vâng lệnh xin trì.

3) Đức Thích-ca ngăn thỉnh cho nên vẫn còn có Bồ-tát từ đất hiện lên để mở bày nghĩa tuổi thọ. Vì thế, phần đầu kinh có đức Thích-ca hiện điềm lành đức Di-lặc sanh nghi: Văn-thù đáp vấn, ba vị Thánh cùng khai thừa quyền, thừa thật, nay cũng ba bậc Thánh cùng khai phát thân quyền, thân thật.

"Lúc đó, Đức Phật bảo đại chúng v.v..." là nói ngăn thỉnh. Trên vâng lệnh trì kinh nay nói không cần trì, hai lời nói dường như trái ngược

mà thật là phù hợp. Do Phật sai trì các Bồ-tát xin trì, cho nên được ngăn thỉnh để thuận tiện nói lên Bồ-tát dưới đất hiện lên khai nghĩa tuổi thọ của Phật, đây chính là trước sau nương nhau mà thành chẳng chống trái nhau. Do đó, văn trước sai trì nên được mở rộng kinh, văn sau ngưng trì cho nên khai tuổi thọ lâu dài đó gọi là mở rộng kinh. Đức Phật ngăn thỉnh gồm có hai câu:

1) Ngăn thỉnh của phương khác.

2) Vì sao? Vì cõi này tự có Bồ-tát để giải thích vì sao dừng xin, phương khác chẳng phải đức Thích-ca hóa nên không được nói lên tuổi thọ của đức Thích-ca vì cho nên ngăn thỉnh. Bồ-tát cõi này đức Thích-ca sở hóa nên được nói lên tuổi thọ của đức Thích-ca vì vậy nói để giải thích. Văn trên nói Bồ-tát ở phương khác là ý do nầy. Mà nói sáu muôn: Nói Bồ-tát sở hóa tự siêu vượt trong sáu đường, được nói lên đức Thích-ca thành Phật lâu xa. Quyến thuộc Bồ-tát có sáu muôn: là ńi về sở hóa quyến thuộc cũng siêu vượt trong sáu đường nay đều thành tựu, đều được hiển Như lai thành Phật đã lâu.

Hỏi: Bồ-tát từ đất hiện lên vì khai tuổi thọ, vì sao nói hộ trì đọc tụng nói rộng kinh này ư?

Đáp: Khai hiển tuổi thọ tức là nói rộng kinh này. Lại có Bồ-tát đến có hai việc trước sau. Trước khai nghĩa tuổi thọ, sau truyền bá kinh này. Cho nên, Dũng xuất nêu sơ khai, Thần lực nói cuối cùng bảo hộ.

“Lúc Phật nói lời đó v.v...” Nêu lý do gần. Văn có hai chương:

1) Nói chung các Bồ-tát hiện lên.

2) Nói riêng bốn đại sĩ hỏi thăm.

Sở dĩ có hai chương này, vì trước hiện lên khai nghĩa tuổi thọ năng hóa tức là giáo môn. Bốn đại sĩ hỏi thăm nói về chúng sanh dễ độ gọi là sở hóa tín nhận, tức từ lâu đã thành Phật chúng sanh từ lâu đã tín nhận, hai loại này là duyên giáo cảm ứng nên phân hai chương. Chương đầu có mười ý đồng hiển nghĩa thành Phật đã lâu:

1) Nói thời gian hiện lên từ đất: Tức nói thời xưa chẳng nói tuổi thọ nay chính là thời kia.

2) “Thế giới Ta bà...”: Nói nơi hiện ra: Xưa dùng giáo gần che giáo xa như đất che Bồ-tát, nay phế bỏ gần, hiển xa dụ đất nứt mà hiện, chỉ đất cõi Ta bà nứt không nói các cõi khác nứt có hai nghĩa:

a) Muốn hiển rõ xưa giáo môn ở cõi Ta bà dùng gầnche xa, nay phế bỏ giáo xưa ở Ta bà nên từ đất này vọt lên.

b) Muốn dùng Thích-ca sở hóa được nói lên tuổi thọ cho nên lại nói về cõi nước của đức Thích-ca.

3) “Mà ở trong đó...”: là nói người hiện ra: Chính là dùng sở hóa được khai hiển năng hóa cho nên nói về người từ đất vọt lên.

Hỏi: Phẩm Tháp báu vì sao năng hóa hiển năng hóa, nay dùng sở hóa hiển năng hóa ư?

Đáp: Phẩm Tháp báu nói về Phật quá khứ đã phương tiện thị hiện diệt mà thật không diệt, nên biết đức Thích-ca cũng vậy, hiện tại phân thân Phật chẳng phải Phật thật thì biết đức Thích-ca cũng. Cho nên, năng hóa hiển năng hóa, nay dùng Bồ-tát số nhiều và điều đã đã thành tựu thì biết đức Thích-ca thành Phật đã lâu.

4) “Các vị Bồ-tát đó v.v...”: Khen ngợi đức của Bồ-tát: Nói về sở hóa đức cao, nói lên năng hóa thành Phật ắt lâu.

5) “Trước đâu đều ở cõi Ta bà v.v...:” Nêu xuất Bồ-tát: Xưa do giáo sanh diệt ngăn che pháp thân hư không vô sanh diệt của Phật nên nói đều ở dưới cõi Ta bà, trú giữa hư không. Nếu không giải thích như thế văn các đại sĩ phân thân ở sáu đường mở rộng đạo lợi người, do đâu mà ở dưới cõi Ta bà này trú ở hư không, cho nên biết phải có chỗ tiêu biểu.

6) “Các vị Bồ-tát đó...:” Nêu ý của Bồ-tát đến: Nghe phẩm Tháp báu sai người trì kinh cho nên đến, muốn khai hiển tuổi thọ và truyền bá kinh này.

7) “Mỗi vị Bồ-tát v.v...:” là nêu số Bồ-tát. sở dĩ là nêu số nhiều ấy, bởi sở hóa số nhiều nói lên việc thành Phật đã lâu. Như thấy học sĩ tích đức số nhiều, thì biết Pháp Sư giảng nói nghĩa đã lâu. Trong đây nêu số đều từ ít đến nhiều, nhưng ban đầu dẫn chủ ít mà quyến thuộc nhiều, sau dẫn chủ nhiều quyến thuộc ít. Thí như lãnh sáu muôn người đến chỉ có một thầy, lãnh năm muôn đệ tử đến thì có hai thầy như vậy chuyển gấp bội.

8) “Các vị Bồ-tát đó...” Nêu kế nghi thức của các Bồ-tát ấy. Đến chỗ Đức Phật Thích-ca Đa bảo: Là muốn nói lên đức Thích-ca đã lâu chứng pháp thân vô sanh diệt, ứng thân có sanh diệt. Đến chỗ phân thân Phật: là muốn nói lên đức Thích-ca đã lâu đắc bổn một tích nhiều. Phẩm Tháp báu nói về Chư Phật đến để nói lên pháp thân, nay biện Bồ-tát từ đất vọt lên muốn hiển rõ tuổi thọ cho nên đến chỗ hai Đức Phật.

9) “Từ lúc các vị Bồ-tát...” Nêu thời gian hỏi thăm: Sở dĩ nói về thời gian lâu xa là muốn nói lên Bồ-tát số nhiều, do Bồ-tát số nhiều cho nên được nói lên Phật thành đạo đã lâu.

10) “Lúc bấy giờ hàng bốn chúng v.v...”: Nói về đại chúng đều thấy: Sức Đại chúng không thể thấy hết nay nhờ uy thần của Phật cho

nên có thể thấy, nêu đại chúng được thấy tiêu biểu nhờ Phật nói thân quyền thật mới được lãnh ngộ.

"Trong chúng Bồ-tát...": là nói riêng bốnvị Bồ-tát hỏi thăm. Chia làm bốn phần:

1) Các Bồ-tát hỏi thăm.

2) Đức Phật đáp.

3) Tùy hỷ.

4) Khen ngợi.

Phần một lại có bốn:

1) Nêu danh: Ở ngoài không hữu nên gọi Thượng hạnh. Vượt qua biên tế đoạn thường gọi là Vô Biên hạnh. Vượt ngoài cấu lụy gọi là Tịnh hạnh. Đạo đầy đủ gọi là An, trí tròn đầy gọi là Lập gọi chung là Hạnh An Lập.

2) "Bốn vị Bồ-tát này v.v...": Là khen ngợi đức: Bồ-tát hiện lên gồm có ba phẩm: Thượng phẩm có bốn người, trung phẩm có sáu muôn, hạ phẩm có vô lượng ngàn muôn ức số.

3) "Ở trước Đại chúng...": Là nghi thức hỏi thăm, đầu tiên ngăn thỉnh giữa nói thầy và trò đều có sáu muôn.

4) "Mà hỏi thăm rằng...:" Chánh thức hỏi thăm. Trước Văn xuôi kế kệ tụng.

Trường thành có hai: Hỏi thăm năng hóa, kế "chỗ đáng độ"..: là hỏi thăm sở hóa. Ít bệnh ít não gồm có ba ý:

1) Vô bệnh vô não.

2) Nhiều bệnh nhiều não.

3) ít bệnh ít não.

Trong ba câu chỉ được một câu. Sở dĩ không được vô bệnh vô não, vì chúng sanh chưa tránh khỏi tật bệnh thì Đức Phật đâu thể vô bệnh vô não? Không được nhiều bệnh nhiều não: nếu chúng sanh đều không từ Nhất thừa hóa độ thì có thể nói là bệnh não nhiều đó. Lại có thọ hóa nên không được nói nhiều chỉ được hỏi ít bệnh ít não.

Hỏi: Ít bệnh ít não có gì sai khác?

Đáp: luận Trí độ chép: Tùy pháp thế tục có hai cách hỏi thăm:

1) Hỏi thăm tâm là ít não.

2) Hỏi thăm thân là ít bệnh. Nếu căn cứ sở hóa giải thục chúng sanh không có cấu kiết sử nên Như lai ít bệnh, chúng sanh thoát nạn lo nguy khổ thì Như lai an vui.

"Lúc bấy giờ đức Thế tôn" v.v... Là kế đáp hai câu hỏi: Trước đáp câu đầu hỏi năng hóa, sau "các chúng sanh ấy v.v..." Là đáp câu hỏi sở

hóa. Văn chia làm hai: đầu nêu Bồ-tát trực vãng dễ có thể hóa độ. Vừa mới thấy thân ta nghe ta nói pháp:” Tức hội Hoa Nghiêm các Bồ-tát v.v... nghe nói Hoa Nghiêm liền nhập tuệ Phật. “Trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa”: là nói về người hồi tiểu nhập đại, đại căn cơ chưa thuần thục từ hội Hoa Nghiêm xong đến trước hội Linh thứu chưa đắc hiển giáo Đại thừa cho nên lược trừ. “Người như vậy” v.v...: Nói về Bồ-tát hồi tiểu nhập đại, đại căn cơ đã thuần thục nay hóa đắc cho nên nói dễ độ, cũng gọi là nhập tuệ Phật cho nên biết Pháp Hoa tức là Hoa Nghiêm, không nên nói Hoa Nghiêm lý sâu Pháp Hoa nghĩa cạn. Nhưng người thẳng đến ban đầu thấy thân Phật liền được lãnh ngộ cho nên Đức Phật không mệt nhọc, người hồi tiểu trải qua hơn bốn mươi năm mới được nhập đạo nên có mệt nhọc, nhưng nay chọn từ đầu đến cuối đều được ngộ nhập đạo gọi chung là dễ hóa không mệt nhọc. Lại chép: mới thấy thân ta thì thấy đức Thích-ca quá khứ lâu xa đã thành Phật tức chỉ Bồ-tát từ dưới đất vọt lên. Đây là nêu bắt đầu từ quá khứ? Nói về người hồi tiểu nhập đại cũng nhập tuệ Phật, tức biện cuối đời nay, duyên từ đầu đến cuối thảy đều được ngộ cho nên nói chúng sanh dễ ngộ. “Bây giờ các vị đại sĩ” v.v...: là nói tùy hỷ: Do năng hóa hai quyền hai thật đã nói lên hai chaúng sở hóa trực vãng và hồi tiểu đều ngộ, đây tức là hoài bảo của đại sĩ cho nên thuận theo mà vui mừng. “Lúc đó đức Thế tôn” v.v...: là nói xưng tán. Muốn nói lên người không ganh ghét được Phật khen ngợi.

“Bấy giờ ngài Di-lặc” v.v...: là đoạn lớn tựa nghi hỏi chia làm hai phần:

1) Di-lặc hỏi Thích-ca.

2) Phân thân làm thị giả hỏi Chư Phật.

Phần đầu lại làm hai:

1) Hoài nghi.

2) Nêu hỏi.

Hoài nghi như văn. “Lúc ấy Di-lặc” v.v...: Là nêu hỏi. Văn xuôi trình bày ý muốn hỏi. Văn kệ là chánh hỏi, chia làm ba:

1) Một hàng nêu xin.

2) Mười ba hàng chánh hỏi.

3) Năm hàng rưỡi kết xin.

Trong chánh hỏi gồm năm việc hỏi chia làm hai phần: Hai hàng đầu có hai nghi vấn. Kế “là từ chốn nào đến”: Chánh hỏi có hai:

1) Hỏi nơi đến.

2) Hỏi thầy trò.

Đầu có hai:

1) Trước hỏi từ đâu đến.

2) Do nhân duyên gì nhóm.

Hỏi ý đến. “Thân lớn đại thần thông” v.v...: Khen ngợi đức Bồ-tát, thành hai việc hỏi trên. “Mỗi mỗi hàng Bồ-tát”..: Có ba việc hỏi: hỏi về thầy trò, văn chia làm hai: chín hàng đầu nêu số Bồ-tát nhiều, kế hai bài chánh hỏi thầy trò. Hai hàng trước là trước hỏi sau khen ngợi đức kia chứa nhóm, nay ba việc hỏi nầy trước trình bày số kia nhiều. Hoặc đức chứa nhóm mà số ít, hoặc đức ít mà số nhiều đều không được hiển rõ nghĩa thành Phật lâu xa, phải đủ hai nghĩa nầy mới được khai nghĩa tuổi thọ. Cho nên trong phần hỏi, ngài Di-lặc đã trình bày đủ.

“Các vị oai đức lớn” v.v... là: Hỏi thầy và trò: một hàng hỏi hạnh cuối cùng thành tựu. “Từ ai bắt đầu phát tâm”: Hỏi kia ban đầu hành. “Xưng vương Phật pháp nào? v.v... là ba câu hỏi hành trung gian, trong ba câu hỏi này hỏi đầy đủ thầy trò. Muốn khai nghĩa tuổi thọ ý hỏi ở thầy, cho nên mỗi mỗi câu hỏi đầu đều nêu hỏi “ai”. Do chánh hiển tuổi thọ của thầy cho nên hỏi thầy. “Các Bồ-tát như vậy”: năm hàng rưỡi kết xin. Văn có hai:

1) Ba hàng rưỡi nêu Di-lặc chưa hiểu cho nên thỉnh hỏi. Nói: bèn không biết một người: Bồ-tát dưới đất vọt lên vì khai tướng pháp thân, pháp thân chẳng phải Thập địa hiểu rõ cho nên nói không biết một người.

2) Hai bài nói chúng xin.

“Khi ấy các vị Phật của đức Thích-ca: v.v... là Chư Phật thị giả nêu hỏi: trước hỏi kế đáp như văn.

“Bấy giờ đức Thích-ca” v.v... là nói răn, hứa, lại chia hai:

1) Khen ngợi hỏi.

2) Răn hứa.

Nói việc lớn ấy: Do đây hỏi được nói lên tuổi thọ quả Phật là việc lớn, lại do đây hỏi thì chúng được mười hai thứ lợi ích lớn, lại do đây hỏi nói rộng tuổi thọ lợi ích đời vị lai vô biên chúng sanh cho nên gọi là việc lớn. Kinh Đại Phẩm chép: Bát-nhã là việc lớn cho nên khởi nghĩa là cứu giúp tất cả chúng sanh. “Các ông phải chung một lòng” v.v... nói răn hứa, trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi trước răn, kế hứa thuận. “Mặc giáp tinh tấn:” Vì nói đại pháp phải tinh tấn cầu chứng “Phát ý bền vững”: Nay nghe nói đại pháp chớ lui sụt. “Đức Như lai nay muốn”: Là hứa chép: Văn có bốn trường hợp: Tuyên bày trí tuệ lực của Chư Phật: Khai thân quyền thân thật, theo lý đều soi thấu suốt gọi là sức trí tuệ,

cho nên văn dưới chép: “Hoặc vì chúng này nên nói tuổi thọ Phật vô lượng, lâu mới thấy Phật vì nói Phật khó gặp. Trí lực của ta như vậy, trí tuệ sáng chói vô lượng cho nên biết rõ trí tuệ Phật sâu xa tức là nói về trí Phật. “Sức thần thông tự tại của Chư Phật: Pháp thân Chư Phật chẳng dài chẳng ngắn mà hiện được dài ngắn thích hóa cho nên nói là sức tự tại thần. Sức sư tử mạnh nhanh của Chư Phật. Sư tử vốn hàng phục nay khởi gọi là bước mạnh nhanh. Mạnh nhanh gồm có ba nghĩa:

1) Muốn trừ đuổi cát bụi.

2) Muốn bày tỏ sự tự tại.

3) Nói lên vô uý.

Nay nói pháp thân vô sanh diệt đầu cuối, phá phàm phu thị thừa đầu cuối chấp sanh diệt dụ đồng trừ bỏ trần cảnh. Xưa dùng quyền giáo che lấp thật, thật thì không nói lên, nay khai thân quyền, thân thật thì nghĩa chân ứng nói lên như nghĩa sư tử thong thả tự tại. Xưa vì duyên không kham nổi, không nói pháp thân chân thật cho nên nói có sợ, nay đại căn cơ đã thuần thục có khả năng nghe nói cho nên vui vô uý, như Sư tử không lo sợ. “Sức uy thế mạnh lớn của Chư Phật” Đã hiển pháp thân thường trú, song thọ vô thường chẳng ai có thể dẹp phá được nên gọi là oai thế mạnh lớn. Lại nay nói pháp thân có công năng diệt hoặc sanh giải, nên gọi là sức oai thế lớn mạnh.

Văn kệ lặp lại và khuyên. “Trí Phật chẳng nghĩ bàn v.v...:” Chẳng dài chẳng ngắn năng thị hiện dài ngắn, tuy thị hiện dài ngắn mà không hề dài ngắn cho nên nói bất tư nghị. Nếu xưa ngắn nay dài sao gọi bất tư nghì! “Rất sâu khó phân biệt v.v...:” Đây nói về pháp thân bặt dứt bốn câu, vượt trăm phi nên văn dưới chép: Phi thật phi hư phi như phi dị, đâu thể lấy thường vô thường v.v... mà phân biệt!

“Khi ấy đức Thế tôn v.v...:” Là lược khai thân quyền thân thật nói động chấp, sanh nghi. Trước là văn xuôi, kế kệ tụng. Văn xuôi lại chia hai phần:

1) Lập lại hỏi.

2) “Chính ta ở cõi Ta bà v.v...:” Trước đáp câu hỏi về thầy trò, sở dĩ trước đáp là vì muốn khai tuổi thọ Phật. “Các vị Bồ-tát đó v.v...” là kế đáp câu hỏi từ đâu đến. “A Dật Đa!...” Đây chẳng phải đáp câu hỏi chỉ giải thích trần ý trú ở phương dưới mà thôi! Phương dưới trụ giữa hư không: Hư không tức là thật tướng pháp thân, Bồ-tát tâm thường dạo chơi nơi thật tướng mà huân tập cho nên thường ở phương dưới cõi ấy trú giữa hư không. Không giải thích như thế thì văn không thể hiểu.

Văn kệ chia làm ba:

1) Một hàng ba câu tụng đáp thứ nhất hỏi về thầy trò.

2) hai bài ba câu tụng đáp thứ hai hỏi từ đâu đến.

3) "Sức chí niệm bền vững" Bốn hàng lặp lại đáp thứ một hỏi về thầy trò, lại chia làm ba phần:

a) Một hàng nêu sở hóa nói về nghĩa đệ tử.

b) Hai hàng chánh nêu năng hóa nói nghĩa thầy.

c) Một hàng kết hai nghĩa năng hóa sở hóa tức thầy và trò.

Hỏi: Kệ trước văn chép: Ta ở thành Già-da ngồi dưới cội Bồ-đề rồi mới giáo hóa đó. Văn sau chép: Ta từ lâu xa đến nay giáo hóa các chúng đó. Văn đầu nói gần, văn sau nói về xa, hai lời trái nghịch nhau làm sao hợp ư?

Đáp: Nay dùng hai nghĩa giải thích:

1) Có nghĩa không hai mà là hai.

2) Có nghĩa hai mà là không hai. Đầu tiên nói thành đạo Già-da tức bởi Già-da là xưa! Vì ngày xa xưa cũng ở thành Già-da thành đạo hóa độ các chúng này tức là từ lâu xa đến ngày nay. Tức không trái với văn sau.

Hỏi: ngày xưa vì sao cũng có thành Già-da ư?

Đáp: Phẩm Tuổi thọ chép: Từ đó đến nay thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa cho nên biết xưa có Ta bà Già-da.

Lại văn dưới chép: Thường ở núi Linh Thứu, Linh Thứu tức là tịnh độ liền không hủy diệt, Già-da lại đồng nghĩa nầy. Trước văn thẳng xướng Già-da thành đạo còn chưa nói về quá khứ kia và hiện tại, sau kệ nói ta từ lâu xa đến thì giải thích trên là quá khứ Già-da. Kế nói hai mà không hai: Tức chỉ gần Già-da xếp vào xa, cũng chỉ xa quá khứ là gần Già-da muốn nói lên gần xa không hai khiến cho chúng sanh huyền ngộ chánh đạo.

Hỏi: Làm sao biết như vậy:

Đáp: Trước nêu năm mươi tiểu kiếp tức là nửa ngày đã là gần xa không hai, nay theo đây có thể biết.

Ngài Trúc Đạo Sanh chép: Nói kia dài tức là Già-da ấy tức chẳng phải Già-da, Già-da đã chẳng phải kia dài đâu riêng gì đó ư? Vậy thì dài ngắn ở đây mất dài ngắn còn tồn tại ư! Bởi vì xưa nói chớ có nghi.

"Lúc bấy giờ ngài Di-lặc v.v..." là nói chấp động, sanh nghi trình bày nghi đến xin. Di-lặc sở dĩ nghi không biết ngày xưa Già-da nên sanh nghi. Trước là văn xuôi kế là kệ tụng. Văn xuôi có hai: Nghi hỏi và xin đáp. Nghi hỏi lại có hai:

1) Hoài nghi.

2) "Liền bạch Phật rằng...:"

Chính là hỏi lại chia làm ba: Pháp, thí, hiệp. Pháp nói lại có hai: Phật thành đạo gần vì sao ở trong thời gian ngắn đó giáo hóa chúng sanh nhanh chóng như vậy. "Chúng đó từ lâu ...:" là nói Bồ-tát tu hành lâu xa không phải mới theo Phật thọ học. "Thí như v.v...:" là nói thí nói, lại có hai: Cha tuổi nhỏ chỉ dụ Phật thành đạo gần, con lớn già dụ cho Bồ-tát tu hành lâu xa. Hiệp thí chia làm ba: Trước nêu thành đạo gần hợp thí dụ cha ít tuổi. "Các đại chúng đó v.v...:" là Hiệp thí dụ con già. "Ngày nay Thế tôn v.v...:" là Hiệp thí dụ cha con già trẻ xen lẫn chỉ dụ.

"Chúng con dầu là tin Phật v.v...:" là nói xin đáp: Lại chia làm hai:

1) Nêu ý xin.

2) "Kính thưa Thế tôn v.v...": Chánh là nói về thỉnh thuyết.

Văn kệ chia làm hai:

1) mười một bài tụng nghi vấn.

2) ba hàng tụng xin nói.

Nghi vấn có ba phần tức tụng pháp, thí, hiệp. Tụng pháp nói có ba:

1) Một bài tụng Đức Phật thành đạo gần.

2) Hai bài rưỡi tụng các Bồ-tát tu hành lâu.

3) Một bài rưỡi nêu xa gần trái nhau xin Phật vì nói. Kế hai bài tụng thí nói cũng có ba: nửa hàng tụng thí dụ cha ít tuổi tức trên là thành đạo gần, một bài tụng con già dụ trên tu hành lâu xa, nửa hàng tụng cha con trái nhau dụ trên thứ ba gần xa trái nhau. Trong hợp thí: Nửa bài đầu hiệp cha ít tuổi, kế ba hàng rưỡi hiệp con già. Trong ba hàng tụng xin chép: hai hàng tụng ý xin, một hàng tụng chánh thỉnh.

PHẨM TUỔI THỌ THỨ MƯỜI SÁU

Giải thích phẩm này có bốn môn:

1) Ý nghĩa có phẩm này.

2) Nghĩa được và mất.

3) Giải thích tên phẩm.

4) Khai hiệp.

I. Ý nghĩa: Sở dĩ có phẩm này là để nói về thân quyền thân thật có bốn chương, nay là chương thứ tư rộng khai thân quyền, thân thật, dứt nghi sanh tín, nhưng phẩm này phần lớn nói về lý giác ngộ bao trùm xưa nay. Văn căn cứ nghĩa rộng ý sâu đến xa xưa, dù chỉ là một chương kinh mà chính thông hợp ý đức Thích-ca từ đầu đến cuối một phen giáo hóa, nếu hiểu được nghĩa kia thì sanh tuệ vô tận, phước vô biên, cũng diệt được vô lượng tội nặng. Ngày xưa có một nhóm người đi trên thuyền bị gió mạnh nhận chìm thuyền, mọi người đều bị chết chìm chỉ còn sót lại một người nương vật được cứu thoát, ban đêm mộng thấy có người đến chép: chỉ mình ông được thoát chết nhờ duyên xưa nghe phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa. Lại dưới phẩm Phân Biệt Công Đức chép: Nói phẩm Thọ Lượng này thời có mười hai thứ lợi ích tám tướng tốt, các kinh khác nói về đắc đạo không hề có nhiều như thế, người giảng tuyên bày nên lưu ý tìm tông chỉ quy về đây.

Hỏi: Vì sao nhanh chóng có công dụng?

Đáp: Quả chánh báo của Chư Phật ba đời và quả y báo của Chư Phật ba đời đều vì khai nghĩa tuổi thọ mà sanh khởi, như Đa bảo vọt hiện tức Phật quá khứ vì khai tuổi thọ cho nên sanh khởi, phân thân Phật tức mười phương Phật hiện tại vì khai tuổi thọ mà nhóm họp, Bồ-tát từ đất hiện lên tức đều là Nhất sanh Bổ xứ nghĩa là Phật đương lai vì tuổi thọ mà hiện, cho nên Phật mười phương ba đời đều vì khai thọ lượng, tức biết tuổi thọ là việc lớn nên có công lực như trên.

Hỏi: Chư Phật ba đời làm sao vì khai thọ lượng?

Đáp: Như phẩm trước giải thích: Phật quá khứ vì khai pháp thân vô sanh diệt ứng thân có sanh diệt nên xuất hiện Phật, hiện tại vì khai pháp thân không hai, ứng thân không một nên đều nhóm họp. Đương lai Phật vì nói lên đức Thích-ca từ lâu đã chứng pháp thân nói về pháp thân vô thủy chung mà phương tiện thị hiện thủy chung cho nên hiện. Chư Phật ba đời vì ba việc nên nhóm họp. Lại biến thành cõi tịnh vì khai tuổi thọ ấy là do quả y báo đã khác xưa tức biết tuổi thọ lâu dài cũng lại khác nhau, đủ như trên giải thích.

Nay nói bỏ quyền bày thật: bỏ ngắn là quyền, bày dài là thật, nhưng tuổi thọ của Như lai thật không có dài ngắn. Vì sao: Vì đã gọi pháp thân thì dùng chánh pháp làm thân, chánh pháp đâu phải ngắn và dài, thường vô thường cho đến năm câu có thể chấp ư! Chỉ tùy thích nghi nên có phương tiện dài ngắn. Xưa chẳng ngắn nói ngắn nay chẳng dài nói dài, chẳng ngắn nói ngắn là muốn cho biết ngắn là ngắn của dài, chẳng dài nói dài là muốn cho ngộ dài là dài của ngắn. Nếu nghe ngắn không biết dài, thì không thành ngắn, nghe dài không biết ngắn thì cũng không thành dài, chướng ngại như thế hành tâm lầm mất ý phương tiện của Phật. Lại sở dĩ xưa nói ngắn nay nêu dài ấy là muốn cho chúng sanh nhân dài ngắn nầy mà ngộ chánh pháp không dài không ngắn! Do ngộ không dài không ngắn nên có dài ngắn phương tiện dụng. Nếu nói xưa ngắn đã chẳng đúng thì nay dài cũng chẳng đúng, nay dài đã đúng thì xưa ngắn cũng đúng. Nhưng chẳng dài chẳng ngắn mà nay do cơ duyên thích hợp khen ngợi là dài nói về nay dài là đúng xưa ngắn là sai. Như kinh Niết-bàn chép: Không thể nói Phật nhất định là hữu vi hay nhất định là vô vi. Nếu người chánh kiến nên nói Như lai nhất định là vô vi. Vì sao? Vì có thể sanh gốc lành cho chúng sanh. Phẩm này so với phẩm Dũng xuất thì dùng sáu cặp để nói:

1) Trên là tựa nói nay là chính là nói.

2) Trên dùng sở hóa Bồ-tát khai năng hóa thọ lượng Phật, nay năng hóa tự khai năng hóa.

3) Trên dùng môn thần thông khai năng hóa, như số Bồ-tát như cát bụi của ngàn thế giới từ đất vọt lên nói lên Thích-ca thành Phật đã lâu gọi là môn thần thông. Phẩm này đối Di-lặc giải thích tuổi thọ của Phật là nói pháp luân hai thứ này đều là hai vật vạt áo, bàn ghế đem con ra ở phẩm Thí dụ.

4) Trên thầm khai thành Phật đã lâu, nay hiển khai tuổi thọ do chấp gần, tình khó đổ nghĩa tuổi thọ lâu khó tin, chỉ bày ngộ vật phải dần dần nên trước mật sau hiển.

5) Phẩm trên nói lược động chấp sanh nghi, nay nói rộng phá chấp bỏ nghi.

6) Trên nói về sở hóa bất tư nghì nay nói về năng hóa bất tư nghì cho nên Luận Pháp Hoa có mười nghĩa vô thượng thì thứ bảy là thị hiện giáo hóa chúng sanh vô thượng cho nên trong đất vọt ra vô lượng Bồ-tát. Và nghĩa thứ tám là thị hiện thành đại Bồ-đề vô thượng cho nên có phẩm Thọ Lượng, tức Luận kia chứng minh.

II. Nghĩa được mất: Giải thích kinh Thọ Lượng này gồm có ba

Sư:

1) Dùng năm thời giáo nói trải qua quá khứ trần sa vị lai gấp bội số trên còn là vô thường cuối cùng trở về tận diệt cho nên trước nói cuối cùng trở về Không nên tuổi thọ Như lai có hạn lượng.

2) Chấp bốn thời giáo nói kinh che lấp tướng nói thường tức che tướng nói thọ vô lượng.

3) Nghĩa bán mãn nói tất cả kinh Đại thừa đều nói về Phật thường nghĩa là hiển rõ Phật thọ vô lượng, nay ban đầu chê bai kinh tội nặng làm người hạ căn, kế vì gây ra lỗi nhỏ làm người trung căn, sau đắc dụng của kinh chưa biết thể của kinh trong ba thứ làm người thượng căn. Nay nói về cần phải biết thể dụng của kinh mới thấy được ý phẩm này. Nói thể: là pháp thân siêu việt bốn câu dứt trăm phi không thể nói thường và vô thường v.v... cho nên phi lượng và vô lượng. Như kinh Hoa Nghiêm chép: Pháp giới phi hữu lượng cũng phi vô lượng, đức Thích-ca siêu việt hữu lượng và vô lượng, pháp giới tức pháp thân. Lại văn dưới nói phi thật phi hư phi như phi dị. Phẩm Như lai trong Trung Quán luận nói: Trong tướng vắng lặng thì bốn câu vô thường vô thường v.v...: Nói dụng: là phi thường phi vô thường, xưa vì chúng sanh nên nói là vô thường cho nên nói các chúng đệ tử Phật còn xả bỏ thân vô thường rõ ràng Phật thọ hữu lượng, nay vì phá phàm phu Nhị thừa chấp Phật thật sanh ở cung vua thật diệt ở Song lâm, cho nên phi thường phi vô thường khen ngợi là thường hiểu rõ Phật thọ vô lượng. Nếu không biết thể dụng đây thì không có mười hai hạng người ngộ đạo, vì sao? Vì chỉ hiểu thường vô thường thì trở thành hai kiến làm sao được ngộ đạo ư!

III. Giải thích tên: Nói Như lai Thọ Lượng: theo Luận Pháp Hoa có ba hạng Như lai.

1) Hóa thân Như lai.

2) Báo thân Như lai.

3) Pháp thân Như lai.

Tuổi thọ cũng có ba thứ:

1) Hóa Phật thọ lượng có đầu có cuối, cho nên làm Nhị thừa có tám tướng thành đạo, ở cung vua hiện sanh ở Song lâm thị diệt.

2) Báo thân Phật thọ lượng có thỉ vô chung cho nên văn dưới chép: Ta xưa hành đạo Bồ-tát đã thành thọ mạng, nay còn chưa tận, do hành nhân đã mãn sơ chứng quả Phật vậy nên nói có thỉ, một phen chứng rồi sau tự nhiên bất diệt cho nên không có tận chung.

3) Pháp thân Phật thọ mạng vốn tự tại bất sanh bất diệt vô thỉ vô chung, phẩm này nói về đầy đủ ba hạng Như lai ba thứ thọ lượng. Nói

về hóa thân thọ lượng gọi là mở cửa phương tiện, nói pháp thân, Báo thân tuổi thọ gọi là hiển nghĩa chân thật cho nên nói phẩm Thọ Lượng. Nay lại giải thích bốn trường hợp:

1) Thật mà chẳng quyền gọi là pháp thân thọ.

2) Quyền mà chẳng thật gọi là hóa thân thọ.

3) Vừa quyền vừa thật gọi là báo thân thọ.

Báo thân tức là ứng thân, ứng thân có hai:

1) Trong ứng tức tương ưng với pháp thân cho nên kinh nói có chỗ gọi là thầy có chỗ gọi là pháp, do pháp thường nên Chư Phật cũng thường.

2) Ngoài ứng tức tương ưng với đại căn cơ tánh cho nên làm đại Bồ-tát ở cõi tịnh độ thành Phật.

3) Trong ứng tức thật chẳng quyền, ngoài ứng tức quyền chẳng thật, cho nên nói vừa quyền vừa thật.

4) Phi quyền phi thật. Ba thật môn trên đều là trong vô danh tướng mà mượn danh tướng nói muốn chochúng sanh nhân danh tướng nầy ngộ vô danh tướng cho nên diệt ba môn trên trở về vắng lặng.

IV. Khai hiệp: Trong các kinh luận nói Phật khai hiệp không nhất định. Tổng khai bốn trường hợp:

1) Bổn tích đều hợp.

2) Bổn tích đều khai.

3) Khai bổn hiệp tích.

4) Khai tích hiệp bổn.

Bổn tích đều hợp hoặc hợp danh một Đức Phật, nghĩa là một Phật bảo trong Ba bảo, hoặc chia làm hai thân. Cho nên nói Phật chân pháp thân cũng như hư không ứng vật hiện hình như trăng trong nước. Đã chỉ có một tích một bổn cũng là bổn tích đều hợp, hoặc chia làm ba mà ba nghĩa không nhất định:

1) Như bảy quyển Kim Quang Minh nói ba đức Phật. a) Pháp. b) Ứng. c) Hóa. Pháp thân là chân, hai thân còn lại là ứng, đây là hiệp chân làm một khai ứng làm hai.

2) Luận Pháp Hoa nêu ba đức Phật: Pháp, báo và hóa, tức khai chân hiệp ứng. Khai chân: Khai pháp, báo thân làm hai; hiệp ứng: Lấy ứng thân làm một, ý đây nói về vốn có nghĩa là pháp thân đáp nghĩa nhân nên gọi là báo, nghĩa ứng vật gọi là ứng.

Kế khai bốn Đức Phật, nghĩa nầy cũng có hai thứ:

1) Kinh Lăng Già nói về bốn Đức Phật:

a) Ứng hóa Phật.

b) Công Đức Phật.

c) Trí tuệ Phật.

d) Như Như Phật.

Kinh kia chép: Đầu tiên là ứng ba thân là chân, đây cũng hiệp ứng khai chân. Trong ba đức Phật công đức và trí tuệ là báo thân Phật, Như Như là pháp thân.

2) Như kinh Kim Quang Minh loại bảy quyển nói bốn trường hợp:

a) Hóa mà chẳng ứng: nghĩa là Đức Phật nhập Niết-bàn rồi vì vật thị hiện rồng quỉ các thân cho nên gọi là hóa, không thị hiện thân Phật nên gọi là chẳng ứng.

b) Ứng mà chẳng hóa: Kinh chép: gọi là thân Địa tiền, giải thích rằng: Bồ-tát Địa tiền thấy thân Phật chính từ trong pháp môn Tam-muội hiện gọi là ứng thân chẳng thuộc về sáu đường chẳng phải hóa.

c) Vừa ứng vừa hóa, Kinh chép: Thân trú Niết-bàn hữu dư. Giải thích rằng: Thanh văn thấy thân Phật, kia thấy hình tướng tốt của Như lai tu thành Phật nên gọi là ứng. Thấy Phật ở trong loài người thọ sanh đồng với người nên gọi là hóa.

d) Phi ứng phi hóa gọi là pháp thân. Trong bốn trường hợp: ba câu trước là ứng một câu sau là chân, cũng là khai ứng hiệp chân.

Chân ứng đều khai: Trong chân chia làm hai: Pháp và báo thân. Trong ứng chia hai: Ứng thân và hóa thân. Theo Kinh Hoa Nghiêm nói về mười Đức Phật:

- Phật không nhiễm trước an trú thế gian thành chánh giác.
- Nguyện Phật y nguyện sanh ra.
- Nghiệp báo Phật tín thành tựu nên các hành đều thành chỉ nói lược nhất tín.
- Trú trì Phật thuận theo thế gian không dứt bặt.
- Niết-bàn Phật chấp diệt độ.
- Pháp giới Phật ở tất cả nơi đều hiện.
- Tâm Phật khéo an trú.
- Tam-muội Phật thành tựu vô lượng công đức không còn chấp trước.
- Tánh Phật khéo quyết định.
- Như ý Phật vì che phủ cùng khắp.

3) Đức Phật nói không nói nghĩa tùy duyên thấy thích hợp thời dụng, nghĩa có thể biết. Nói rộng thân thật có một phẩm rưỡi kinh chia làm năm:

a) Khuyên tín.

b) Chính là nói.

c) Được lợi ích.

d) Xưng tán.

e) So sánh lượng.

Pháp sâu khó thọ, trước phải khuyên tín, khuyên tín đã xong kế vì nói rộng pháp, nói, pháp ứng căn cơ thì chúng đắc đạo nghi trừ lãnh giải cho nên gọi là tánh, người tin hiểu thì phước đức trí tuệ vô biên, cho nên so sánh lượng: khuyên tin chia làm ba:

1) Chánh khuyên tín.

2) Đại chúng thọ ý chỉ.

3) Răn khuyên lắng nghe.

Khuyên tin hiểu: Khuyên người mới tu hành khiến tin, người ngộ sâu khiến hiểu, lại khiến người mới tin cuối cùng được giải. Lại nay nói pháp thân chỉ Phật chứng giải, trừ Phật trở lại đều là tin hiểu. "Lời nói chắc thật của Như lai": là nói lời tin hiểu. Phật tâm thật gọi là thành thật. Nói tuổi thọ sự thật gọi là "chắc". Tự có tâm thật mà sự không thật bốn trường hợp: nay là câu thứ ba cả hai đểu thật. Sở dĩ ba phen khuyên khiến tin: luận Trí Độ quyển một trăm chép: Vì tôn trọng pháp nên ân cần đến ba phen. Lại người thọ pháp có ba căn cho nên ba phen nói. Lại thường pháp của Chư Phật không quá ba, nếu quá ba không thọ nhận tức là người tội nghịch, thần Kim cương tay cầm chày đánh, kế thọ ý chỉ răn khuyên lắng nghe như văn.

"Sức bí mật thần thông của Như lai v.v..." là: Chính là nói văn: Trước văn xuôi kế kệ tụng. Văn xuôi có hai:

1) Nêu quá khứ vô thỉ.

2) Biện vị lai vô chung, chỉ nói về hai thứ này để phá hàng nhị thừa gọi là bắt đầu từ cung vua cuối đến Song thọ cho nên nói về cung vua sanh chẳng phải bắt đầu, song thọ diệt chẳng phải là cuối. Đã nói về bổn thân vô thỉ chung tức nói ứng thân có thỉ chung. Bổn thân vô thỉ chung tức hiển nghĩa chân thật. Ứng thân có thỉ chung tức mở cửa phương tiện. Cho nên chỉ nêu hai thứ này. Sở dĩ trước nêu vô thỉ sau biện vô chung vì phá phàm phu Nhị thừa trước nêu có thỉ sau nói có chung.

Lại giải thích Di-lặc nghi cha ít tuổi, con nhiều tuổi, cho nên trước nói quá khứ lâu xa đã thành Phật mới hóa đắc nhiều người như thế, thì gọi là nghĩa cha già con trẻ khiến đại chúng dứt nghi. Lại nói về quá khứ lâu xa thành Phật hóa độ được một ngàn thế giới số Bồ-tát

nhiều như cát bụi, vị lai vô chung mới độ tất cả chúng sanh trong pháp giới, khiến chúng thọ hóa tâm sanh vui mừng. Hai môn này đều có ba chương: môn đầu ba chương:

1) Nêu quá khứ lâu xa thành Phật nói lên nghĩa chân thật.

2) Giải thích nghi nghĩa mở cửa phương tiện.

3) Tổng kết chánh đáp kia hỏi.

Cho nên trước nói quá khứ lâu xa thành Phật thì chúng do xưa gần nghi nay xa cho nên cần phải giải thích. Giải thích xong mới tổng kết lâu xa thành Phật. Lại ở đầu nói lâu xa thành nói lên nghĩa chân thật, kế giải thích nghi nghĩa là mở cửa phương tiện, hai thứ này đã rõ ràng cho nên phải lặp lại tổng kết.

Chương đầu lại có hai:

1) Nêu chứng pháp thân lâu.

2) Nêu thùy ứng cũng lâu; chứng pháp thân lâu là nói về tự đức đã mãn, thùy ứng lâu nói về đức hóa tha đã viên.

Lại chứng pháp thân lâu phá chấp gần, thùy ứng lâu giải thích chúng nghi. Chứng pháp thân lâu lại chia làm ba:

1) Nói chung sức bí mật thần thông của Như lai.

2) Nói lại chấp tình.

3) Phá cận hiển viễn.

Nay nói thọ lượng Phật cho nên nói Như lai, xưa không hề xưng nói gọi là bí, pháp kín rất sâu nên gọi là mật. Thật dài thị hiện nhân ngắn là thần thông, khiến vật trái bổn trở về nguồn gọi là lực.

“Tất cả thế gian v.v...:” là nói tình chấp, “đều cho rằng” chính là tình chấp. “Đức Thích-ca v.v...” là nói sở chấp. “Nhưng người thiện nam v.v...:” Là phá chấp hiển xa, lại chia bốn phần riêng:

1) Pháp nói.

2) Nêu thí dụ hỏi Di-lặc.

3) Di-lặc phụng đáp.

4) Phật hợp thí chánh nêu thọ lượng lâu xa.

Ban đầu trong pháp nói chính là nói về thành Phật lâu xa.

Hỏi: Là phá cận hiển xa hay khai gần nói về viễn?

Đáp: Phàm có năm nghĩa:

1) Khai gần hiển xa, xưa không nói về gần là phương tiện cho nên phương tiện môn đóng, nay nói về gần là phương tiện thì mở cửa phương tiện. Đã nói về gần là phương tiện thì hiển xa là chân thật.

2) Phế gần lập xa: Xưa lập gần phế xa, nay đối xưa cho nên lập xa phế cận.

3) Che cận khai xa: Như lai gần xa hai thứ giáo môn cũng như hai cánh chim không lìa nhau, chỉ vì duyên cho nên có nay, xưa bốn câu khai che: a) Xưa nay đều che, xưa che xa nay che cận; b) Xưa nay đều khai: Xưa khai gần nay khai xa; c) Xưa che nay khai: Xưa che xa nay khai gần. d) Nay che xưa khai: Nay che gần xưa khai gần.

4) Chỉ cận làm xa: Đây nói gần xa không hai, như Kinh chép: Thân ta nay đây tức là pháp thân. Ngài Triệu Sư chép: Cận xả bỏ thân trượng sáu mà xa cầu pháp thân!

5) Phá cận nói xa: bốn thứ trước là ước về giáo, một môn sau là căn cứ kia tình mê. Nếu đối ở mê tình tức là phá gần bày xa, nếu so với Phật giáo tức là bày xa bỏ gần. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Xuất phát từ cung họ Thích, thành Già-da thành đạo, đây nói về hóa Phật. Từ văn nầy trở đi nói về báo thân Phật.

"Thí như v.v...:" là nói về thí chép: Sở dĩ mượn thí dụ là do lý thường của Phật thậm thâm chẳng thí dụ chẳng rõ cho nên nhờ thí dụ để hiểu. "Bồ-tát Di-lặc v.v... đều bạch Phật v.v...:" Nêu Di-lặc vâng đáp, văn có ba phần: nói giải thích, tổng kết. Trước nói vô lượng, kế ba câu hiển vô lượng, kế nêu phàm phu không biết. "Tất cả Thanh văn v.v..." Nói Nhị thừa không biết. "Chúng con v.v..." Nói Bồ-tát không biết. "Thế tôn..." Là tổng kết. "Thế giới vô biên v.v...:" là nói chỉ có Phật mới biết.

Bấy giờ Đức Phật bảo v.v...: là Hiệp thí chánh hiển thành Phật đã lâu. Theo bản kinh cũ của ngài La-thập dịch ở Trường An không có câu: một trần một kiếp, đời Lương có vị Tăng soạn kinh Pháp Hoa, cảm nơi thần mộng thấy khiến để câu kinh này. Hễ nói về kiếp: Có chỗ gọi là thời, là nêu thời quá khứ lâu dài nên nói số kiếp như cát bụi. Nói A tăng tỳ kiếp: Nói lên số không thể tính, mới thành Phật còn không thể tính biết, một phen chứng vắng lặng đâu có cuối cùng diệt ư! Là muốn nói về quá khứ nói lên đương lai cho nên nói quá khứ không thể tính đếm.

Hỏi: Văn sau chép: Quá khứ vốn hành đạo Bồ-tát tức thời gian tạo thành tuổi thọ, đây thì có bắt đầu vì sao nói không thể tính số?

Đáp: Có hai nghĩa:

1) Nói nghĩa vô thỉ mà thỉ, nhưng nghĩa thỉ lâu dài nên không thể tính số.

2) Muốn hiển nghĩa pháp thân vô thỉ chung nên không thể tính số, nhưng thỉ mà vô thỉ là nghĩa không hai mà hai hai mà không hai. Nghĩa không hai mà hai tức bắt đầu chứng pháp thân nên có thỉ trong ba thân là ứng thân cũng gọi là báo thân cho nên có thỉ, mà chỗ chứng

pháp thân nầythì vô thỉ nên gọi là nghĩa không hai mà hai, nghĩa hai mà không hai tức là chứng pháp thân đã vô thỉ chung, năng chứng cũng vô thỉ chung, dùng năng nói đã cùng tân, nghĩ đã bặt dứt chứng chứng nơi sở chứng, sở chứng đã vô thỉ chung năng chứng cũng vô thỉ chung.

"Từ đó đến nay:" ở trên là nói chứng pháp thân đã lâu, nay nói nghĩa thùy ứng lâu, do chứng pháp thân lâu gọi là tự đức mãn, thùy ứng lâu gọi là đức hóa tha viên. "Thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa..." Thường ở Ta bà là hai thân ứng, hóa. Nói pháp giáo hóa: Là hai thân nói giáo, nói về đức Thích-ca chứng pháp thân đã lâu. Từ khi chứng pháp thân đến nay thích nghi dùng ứng thân đắc ngộ thì thị hiện dùng ứng thân, phải dùng hóa thân đắc ngộ thì thị hiện dùng hóa thân. Tuy thị hiện hai thân mà thật không chỗ ứng, tuy nói tất cả giáo mà thật không hề nói, đây chính là giải thích Di-lặc nghi. Do thùy ứng đã lâu thường ở cõi Ta bà nói pháp giáo hóa nên có ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi tức là cha già con trẻ chẳng phải nghĩa cha trẻ con già, tức là giải thích trên phẩm Dũng xuất chép: Ta ở thế giới Ta bà thành chánh giác mới giáo hóa. Di-lặc nghe Phật nói trên cho là cõi Ta bà nay cho nên sanh nghi, nay đáp nói về cõi Ta bà quá khứ, cho nên giải thích nghi. "Cũng ở trong vô lượng trăm ngàn muôn ức cõi nước làm lợi ích dẫn dắt chúng sanh": lại trên giải thích thời gian dài nay nêu giáo hóa rộng.

"Các người thiện nam v.v..." là nói mở cửa phương tiện: Trên hiển hai thứ chân thật:

1) Nói chứng pháp thân lâu xa nói pháp thân chân thật.

2) Nói thùy ứng đã lâu, nói ứng thân chân thật, nay cũng mở hai thứ phương tiện:

a) Mở nhân phương tiện.

b) Mở quả phương tiện.

Nhân phương tiện: Quá khứ gặp Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký. Quả phương tiện: Thị hiện xuất gia mới được thành Phật. Bày hai thật bỏ hai quyền tất cả cùng tận nghĩa quyền thật. Trước bày hai thật, một là pháp chấp, hai là giải thích nghi. Hiển chứng pháp thân lâu xa, phá chấp gần, hiển thùy ứng lâu giải thích Di-lặc nghi Phẩm Dũng Xuất. Nay khai phương tiện lại giải thích hai nghi, căn cứ mỗi một môn đều chia hai môn: Môn đầu có hai:

1) Lược khai phương tiện lược giải thích nghi.

2) Rộng khai phương tiện giải thích rộng nghi.

Trên nói về chứng pháp thân lâu thùy ứng lâu, Di-lặc nghi cũ đã dứt, nay chúng lại khởi nghi mới. Nghi rằng: Nếu chứng pháp thân lâu

thùy ứng lại lâu là vì sao? Xưa nói Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký kiếp hiền thành đạo, vì vậy nên giải thích rằng: Nơi thời gian giữa đó ta nói Phật Nhiên Đăng là dùng phương tiện để phân biệt, quá khứ lâu xa thành đây là nói thật. Trên tức là hiển nghĩa chân thật nay giải thích chúng nghi nên nói mở cửa phương tiện. Mà nói trung gian (giữa) ấy tức là quá khứ đã thành Phật làm đầu, nay hội Linh Sơn là sau. Trung gian nói Đức Phật Nhiên Đăng. Nhiên Đăng: luận Trí Độ chép: Thái tử khi mới sanh bốn phía đều có ánh sáng giống như đèn nên gọi là Nhiên Đăng, Thái tử về sau tu thành Phật gọi là Phật Nhiên Đăng. Các kinh khác chép: Phật Đĩnh Quang cũng gọi là Nhiên Đăng. Hữu túc gọi là Đăng vô túc gọi là Đĩnh. Lại chép: Đức Phật ấy nhập Niết-bàn, kinh Thuỵ Ứng chép: Bồ-tát hầu hạ Phật Đĩnh Quang đến ngàn Niết-bàn, tức là nói Đức Phật kia nhập Niết-bàn. Đức Nhiên Đăng nói về ở đầu, Niết-bàn nói về ở sau, nói lược hai việc đầu sau.

"Các người thiện nam, v.v..." là nói rộng khai phương tiện, giải thích rộng nghi, không chỉ nêu Nhiên Đăng một tích mà ở đời quá khứ có vô lượng phương tiện cho nên nói giải thích rộng nghi. Trên lược giải thích nghi lược mở cửa phương tiện, nay giải thích rộng nghi rộng mở cửa phương tiện. Lại trên nói thẳng giáo hóa chưa nêu nghi thức hóa cho nên nay nói, lại chia làm ba:

1) Cảm.

2) Ứng.

3) Được lợi ích.

"Nếu có chúng sanh nào đến chỗ ta v.v...:" Căn cơ phát hợp với Phật nên nói là đến tức là cảm. "Ta dùng mắt Phật...:" Là nói ứng. Trong ứng nói về ba luân lợi ích: "Ta dùng mắt Phật quán sát:" Tín v.v... các căn gọi là tha tâm luân. "Tùy chỗ đáng độ:" Là nêu thần thông luân. "Tự nói danh tự chẳng đồng", như phẩm Danh Hiệu trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Hoặc gọi Xá Na hoặc gọi Thích-ca. "Niên kỷ hoặc lớn hoặc nhỏ:" là nói trụ thế lâu mau khác nhau. "Cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết-bàn:" Trên nói đầu tiên là thần thông nay nói sau. Như Kinh Niết-bàn chép: Ta ở cõi Diêm Phù thường thị hiện nhập Niết-bàn. "Lại dùng các trí phương tiện:" là nêu nói pháp luân. Lại trên là thân nghiệp lợi ích chúng sinh, nay miệng nghiệp lợi ích chúng sinh. Lại ba câu này tức là thứ lớp. Danh tự khác nhau, niên kỷ lớn nhỏ gọi là sơ phương tiện, hiện nhập Niết-bàn gọi là hậu phương tiện, nay nói về nói pháp là trung gian phương tiện, giáo hóa thích ứng tuy nhiều cũng đều gồm thâu trong ba thứ này. "Năng khiến chúng sanh sanh tâm vui

mừng:” Nêu được lợi ích. Do ba luân xứng duyên, người thọ nhận được lợi ích nên gọi là vui mừng.

“Các người thiện nam v.v...:” là nói việc hiện tại giải thích nghi, cũng chia làm hai phần: lược và rộng. Nghi rằng: Nếu đã lâu thành Phật vì sao xưa nói mười chín tuổi xuất gia ba mươi tuổi thành đạo. Trên đã nghe chứng pháp thân và thùy ứng lâu, thời chúng nghi đủ hai việc nhân gần, quả gần. Trên nói Nhiên đăng quá khứ tức nghi nhân gần, nay nói hiện tại thành Phật do quả gần nên sanh nghi, lại chia là m bốn ý:

1) Thấy căn cơ.

2) Nói giáo.

3) Bày thật.

4) Bỏ quyền.

Trong thấy căn cơ chép: “Đức mỏng tội nặng:” Không gieo giống Đại thừa không đắc gốc lành gọi là đức mỏng, phiền não đầy đủ nên gọi là tội nặng.

“Vì người đó chép:” là nói về giáo nói. Vì người ưa Tiểu thừa không kham nghe nói chứng pháp thân đã lâu, mà phương tiện thị hiện, nên Phật thật là phàm phu từ phàm thành Phật. “Nhưng ta thật thành Phật đã lâu v.v...: Nói về hiển thật. “Chỉ dùng phương tiện:” Biện khai quyền.

“Các người thiện nam v.v...:” là rộng khai phương tiện giải thích rộng nghi: Hỏi: Trên đã giải thích hai đời nghi xong vì sao nay lại giải thích ư? Đáp: Trên giải thích nghi xa gần, nay giải thích nghi hư thật. Chúng đương thời nghi rằng: Xưa nói gần thành Phật nay nói xa thành Phật, đều là Phật nói tức đều là thật. Xưa nói gần đã quyền nay nói xa cũng quyền, nếu xưa nói gần là quyền nay nói xa là thật thì sao biết xưa nói gần chẳng thật, nay nói xa chẳng quyền, nghi cả hai thuyết xưa nay. Nói đã trái nhau đều là luống dối, vì giải thích nghi này cho nên nói có văn này.

Lại có văn này: Đức Thích-ca đời đời hiện tại làm lợi ích chúng sanh gồm có ba thời:

1) Mới thành đạo.

2) Trung gian nói pháp.

3) Cuối cùng diệt độ.

Trên nêu sơ thành đạo phương tiện đã rồi, nay nêu trung gian lợi ích, văn chia làm hai:

1) Nói tất cả phương tiện.

2) Nói về đều thật không luống dối.

Kinh điển của Như lai nói ra đều vì độ thoát chúng sanh: nêu đại ý Phật nói giáo. Chư Phật nói giáo có hai ý:

1) Các chúng sanh chưa vượt qua biển khổ khiến cho họ vượt qua.

2) Những chúng sanh chưa thoát tập đế khiến cho họ được thoát. Hoặc nói thân mình hoặc nói thân người: Câu trước nói nói chung pháp lợi vật, nay khai riêng hai thứ phương tiện tức là hai luân. Tự nói thân Thích-ca gọi là nói thân mình, nói thân Phật Di Đà gọi là nói thân người: Hoặc chỉ thân mình hoặc chỉ thân người: Trên là nói pháp luân, nay là thần thông luân. Như hiện phân thân Phật v.v... gọi là chỉ thân mình, chỉ Đức Phật A Súc Bệ v.v... gọi là chỉ thân người. Hoặc chỉ việc mình hoặc chỉ việc người: ba phen chỉ ở tịnh độ gọi là chỉ việc mình, chỉ cõi Hương Tích gọi là chỉ việc người. Thân đã có tự tha nói cõi cũng như vậy, so sánh với trên có thể biết. "Các lời nói đều thật chẳng dối: Chính là nói không dối, lại chia hai câu: Trước nói không dối, kế "Vì sao? v.v..." là giải thích không dối gồm có hai ý:

1) Nói ứng lý thật nên nói không dối.

2) Nói thấy sâu căn cơ nên nói không dối. Chứng lý thật gọi là đắc pháp thân, thấy căn cơ thật gọi là khởi ứng hóa thân, vì vậy hiện thần thông, nói pháp đều là thật.

"Đức Như lai đúng như thật thấy biết tướng của ba cõi:" Nói chung tướng thấy biết. Luận Pháp Hoa chép: Tướng ba cõi: là cõichúng sanh tức cõi Niết-bàn, không lìa cõi chúng sanh mà có Như lai tạng. "Không có sanh tử hoặc thoái hoặc xuất:" Giải thích trên như thật thấy biết đối với ba cõi, ba cõi vốn là sanh tử đều trong cõi đó nên trên nói ba cõi, nay kế nói không có sanh tử. Hoặc thoái hoặc xuất: Tử ở đây, sanh kia gọi sanh tử. Câu này chính là nói người phàm phu có đủ trói buộc, trái Đại thừa thoái nhập ba cõi gọi là thoái. Phẩm Thí Dụ chép: Các con trước nhân dạo chơi đến vào nhà này, ba xe các con cùng tranh ruổi chạy tranh nhau ra khỏi nhà lửa, câu này nói chúng sanh, Ba thừa ra vào trong ba cõi cho nên nói thoái xuất, nay trong thật tướng pháp thân đều không có việc như thế, cho nên không có từ trên đoạ xuống dưới gọi là thoái không có từ dưới lên trên gọi là xuất. Pháp Hoa luân chép: Không có sanh tử hoặc thối hoặc xuất: gọi là thường hằng trong sáng không có nghĩa trái lại. "Cũng không ở đời và diệt độ:" ba câu trên nêu không thấy chúng sanh sanh tử, hai câu này nêu không thấy Chư Phật khởi diệt. không thấy trong cung vua mới sanh cho đến tám mươi năm trú thế cho nên nói không thấy ở đời. Cũng không thấy Song lâm diệt

tận cho nên nói không diệt độ. Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Muốn cho chúng sanh sanh thiện vui mừng cho nên hiện sanh ở cung vua, muốn cho chúng sanh sanh thiện luyến mến nên thị hiện Song lâm diệt, Như lai thiệt không ra đời cũng không nhập Niết-bàn, vì sao? Vì pháp thân thường trú đồng nhập pháp tánh. Luận Pháp Hoa chép: Cũng không ở đời và diệt độ: Nghĩa là Như lai tạng thể chân như không tức cõi chúng sanh không lìa cõi chúng sanh. "Phi thật phi hư phi như phi dị:" Người mê hoặc nghe sáu việc trên đều không có liền cho pháp thân là thật hiểu quyết định là thật, cho nên nay nói về phi thật. Đã nghe phi thật là cho là hư giả đồng huyễn mộng cho nên kế biện phi hư. Đã nghe phi thật phi hư liền cho là chân như đồng pháp tánh nên nói phi như, đã nghe phi như liền cho khác với như cho nên nói phi dị, Luận Pháp Hoa chép: Phi thật, phi hư phi như phi dị: Lìa bốn thứ tướng. Có bốn thứ tướng: Là pháp vô thường. Ý đây giải thích thành nghĩa pháp thân thường. "Chẳng như ba cõi mà thấy nơi ba cõi:" Phàm phu thấy ba cõi nên không thấy ba cõi mà không như ba cõi, Như lai thấy ba cõi lại năng thấy ba cõi mà không ba cõi. Cho nên Luận Pháp Hoa chép: Không như ba cõi thấy ở ba cõi: Như lai năng thấy năng chứng pháp thân chân như. Phàm phu không thể thấy cho nên kinh chép: Như lai thấy rõ không lầm lẫn. Lại phàm phu chẳng những không thấy ba cõi mà không ba cõi cũng không thấy không ba cõi mà là ba cõi, tuy chẳng phải ba cõi mà đối chúng sanh rõ ràng là ba cõi. Cho nên Đại phẩm chép: Các pháp vô sở hữu hữu như vậy vô như vậy, việc ấy không biết gọi là vô minh. Như lai đã biết ba cõi mà không ba cõi nên ba cõi tức pháp thân, cũng biết không ba cõi mà là ba cõi: tức pháp thân ở nơi chúng sanh tức thành ba cõi. Phật biết ba cõi mà không ba cõi nên gọi là Ủ hòa Bát-nhã tức biết không ba cõi mà ba cõi nên có Bát-nhã Ủ hòa. Do đó Như lai đầy đủ hai tuệ, phàm phu không biết ba cõi mà không là ba cõi nên không có Bát-nhã, không ba cõi mà là ba cõi thì không có tuệ phương tiện nên phàm phu không có hai tuệ chỉ có đoạn, thường.

"Bởi có chúng sanh có các thứ tánh...:" là nói về thấy pháp thân lý thật cho nên nói không dối, nay nói về thấy chúng sanh căn cơ thật nên nói không dối. Lại ở trên thấy nghĩa ba cõi mà không ba cõi, nên ba cõi là pháp thân, nay thấy không ba cõi mà là ba cõi tức pháp thân nơi chúng sanh thành ba cõi vì vậy nên chúng sanh có các thứ dục. Như kinh Niết-bàn chép: một vị thuốc ấy tùy nơi chốn mà có các vị, tức chứng minh ấy. Trong nhân khó thay đổi gọi là các thứ tánh, chỗ ưa thích khác nhau gọi là các thứ dục, nghiệp hành quá khứ có khác nên

gọi các thứ hạnh, suy tìm biết duyên trước khác nhau nên gọi các thứ nhớ tưởng. Đây là nói từ nặng đến nhẹ, nếu từ nhẹ đến nặng thì chúng sanh nhớ tưởng còn tập hạnh quá khứ khác nhau, lập hạnh khác nhau do dục lạc khác nhau, thật do lâu xa huân tập dục thành tánh. “Muốn làm cho chúng sanh gieo các gốc lành...:” Trên nêu biết căn cơ nay biện ứng căn cơ trao thuốc, nói rộng nên thì tám muôn bốn ngàn bệnh trao tám muôn bốn ngàn thuốc, lược trao bốn tất đàn nên dùng môn thế giới đắc đạo vì nói tất đàn thế giới, cho đến nên dùng môn đệ nhất nghĩa đắc đạo mà nói tất đàn đệ nhất nghĩa. Nhưng mỗi mỗi tất đàn có vô lượng môn, như thế giới tất đàn có vô lượng thế giới. Kinh Hoa Nghiêm chép: mười cõi nước Phật cho đến vô lượng tịnh uế khác nhau, đều là tất đàn vị nhân cũng có vô lượng, như Kinh Niết-bàn nói hơn ba mươi sự tranh luận. Trong đối trị cũng có vô lượng đối trị gọi là có môn đối trị, môn tăng trị, môn chuyển trị, môn tổng trị, đệ nhất tất đàn cũng có vô lượng. Như kinh Tịnh Danh nói hơn ba mươi Bồ-tát nói nhập pháp môn không hai. “Chỗ thành Phật sự không hề tạm bỏ v.v...:” Do căn tánh muôn vàn sai khác giáo môn vô số tổng mà luận là vì khiến chúng sanh ngộ nhập Phật đạo nên nói chỗ thành Phật sự. Từ đầu mới đắc đạo cho đến nay cuối ở núi Linh Sơn và vị lai thường giáo hóa chúng sanh không dứt cho nên nói không hề tạm bỏ. Văn nầy cũng được nói ba đức Phật đều là nghĩa thường: Đầu tiên nêu nhất chứng báo thân vắng lặng vô diệt gọi là báo thân thường, trên nói không có sanh tử cho đến phi thật phi hư mười thứ nghĩa không, tức pháp thân thường. Nay nói về chúng sanh bất tận giáo hóa lợi ích không phế bỏ gọi là hóa thân thường.

“Như vậy từ ta thành Phật đến nay thường trú bất diệt v.v...:” Trên là nói quá khứ không trước, chia làm ba riêng.

1) Nêu chứng Phật đã lâu.

2) Giải thích nghi hiển thành chứng Phật đã lâu, hai môn này đã xong. Nay là thứ ba, tổng kết nghĩa thành Phật từ lâu. Đã nói thường trú bất diệt tức là hiển rõ thường không được nói là che lấp tướng và dùng vô thường giải thích kinh này.

“Các người thiện nam ta vốn hành đạo Bồ-tát v.v...:” là nói vị lai không sau, nhất chứng pháp thân vắng lặng vô diệt, cho nên biết song lâm chẳng phải cuối cùng căn cứ văn cũng có ba:

1) Nói vị lai vô chung.

2) Giải thích nghi.

3) Nói không dối: Trong phần đầu nói hành Đạo Bồ-tát: Đã nói về quả Phật thọ lượng lâu dài phải nói nhân có lâu dài, cho nên trước

nói lên quả dài nay khai nhân dài, nói nhân dài quả dài là hiển nghĩa chân thật, nói nhân ngắn quả ngắn tức mở cửa phương tiện, như trong thừa quyền thừa thật cũng nói về hai thứ này, biện ba nhân ba quả đây là phương tiện, một nhân một quả gọi là chân thật, hành Đạo Bồ-tát tức nhân dài. "Cảm thành thọ mạng:" Thành là thành tựu, tức thọ mạng thành tựu lâu dài. Cho nên kệ dưới chép: thọ mạng vô lượng kiếp lâu xa do tu nghiệp mà đắc. "Nay vẫn chưa hết:" Luận Pháp Hoa gọi là chưa mãn, do cõi chúng sanh chưa tận nên bổn nguyện Phật chưa mãn, chẳng phải là Bồ-tát chưa đầy đủ. Nay văn kinh gọi là chưa tận, y luận giải thích văn nầy vì rõ ràng độ chúng sanh chưa tận, bất luận tuổi thọ Phật chưa tận cho nên cùng với nghĩa Luận Pháp Hoa như nhau. "Lại còn hơn số trên:" Luận Pháp Hoa chép: Tạo thành thọ mạng lại gấp bội số trên, trên nêu bổn nguyện chưa mãn nên Đức Phật không đắc nhập vô dư mãi mãi diệt Niết-bàn, cho nên đem bổn nguyện chưa mãn để giải thích nghĩa thường, bác bỏ người Tiểu thừa cho rằng Phật vô thường mãi mãi nhập vô dư thì đó là trái với bổn nguyện. Nay nêu gấp bội số trên tức là nói tuổi thọ không thể tính số để giải thích thành nghĩa thường, vì nêu đủ hai nghĩa nhân quả để giải thích thường chỉ vì văn kinh vừa nói. Lại người giảng không nói về ý luận cho nên hiệp giải thích. Nói lại gấp bội trên: Trên nói quá khứ không có trước có ba không thể tính số:

1) thế giới không thể tính số.

2) thế giới là cát bụi không thể tính số.

3) Thành Phật lại vượt hơn số này cho nên không thể tính số. Phàm phu, Nhị thừa Bồ-tát còn không biết một số đầu huống chi có thể biết hai số còn lại ư? Nay nói lại gấp bội thì gọi là không thể tính không thể tính là muốn nói lên tuổi thọ của Như lai nên nêu số lượng tiêu biểu, cho nên gọi là thường. Như Kinh Tịnh Danh chép: Thân Phật vô vi không rơi vào các số, như Pháp Sư La-thập truyền cho Tăng Duệ giải thích rằng: Tuổi thọ quyết định chẳng có số. Lại Phổ Hiền Quán chép: Tin đạo nhất thật biết Phật bất diệt đó gọi là sám hối năm tội ghịch mười điều ác. Lại như Luận Pháp Hoa chép: Lại gấp bội số trên: Là thị hiện mạng Như lai là thường, phương tiện nói lên nhiều số, quá số lượng trên không thể tính biết nên dùng các việc suy tìm thì biết hiển rõ Phật là thường.

Hỏi: Vị lai không có sau vì sao gọi là gấp bội ư?

Đáp: Quá khứ có hai thứ:

1) Vô thỉ.

2) Hữu thỉ.

Căn cứ phàm phu Nhị thừa và Bồ-tát không thấy ban đầu kia nên gọi là vô thỉ mà chẳng phải không có ban đầu chứng pháp thân cho nên nói hữu thỉ. Nay nói không có sau, chẳng những phàm phu Nhị thừa Bồ-tát không biết kia sau, lại hễ chứng pháp thân thì rốt ráo không diệt đủ hai nghĩa này nên gọi là gấp bội.

"Nhưng nay chẳng phải thật diệt độ...": là nói giải thích nghi. Trên đã nói bổn nguyện chưa mãn và lại gấp bội số trên rõ ràng đời vị lai không diệt thì chúng nghi chép: Nếu vậy trong phẩm Hiện Bảo Tháp vì sao xướng rằng Như lai không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn và đáp ma vương tự hẹn ba tháng sẽ nhập Niết-bàn, vì giải thích nghi này nên có văn nầy. Trên nói về hiện đời có ba thời lợi ích nay tức thời thứ ba, lại chia làm ba:

1) Khai bất diệt thị hiện diệt.

2) Giải thích.

3) Tổng kết.

Đầu tiên nêu hai môn: "Nhưng nay chẳng thật diệt độ" là nói thật bất diệt. "Mà bèn tuyên bố rằng:" Nói phương tiện thị hiện diệt, vì sao? Là môn giải thích chương. Trong giải thích trước nói không thị hiện diệt thì có tổn không có ích, kế nói thị hiện diệt thì không tổn có ích. "Người đức mỏng không gieo trồng gốc lành": quá khứ không gieo lâu nhân thấy Phật. "nghèo cùng thấp kém": do không gieo trồng gốc lành nên nghèo cùng thấp kém. "Tham đắm năm món dục": Trước nói không thiện nay nói có ác, nghĩa ác tuy nhiều mà không ngoài ái kiến, tham tiếc năm dục gọi là khởi ái. "Sa vào trong lưới nhớ tưởng vọng kiến": Nói khởi kiến. "Nếu thấy Như lai thường còn chẳng mất": Trên trình bày tâm hạnh chúng sanh, nay nói Phật không được không diệt. "Liền sanh tâm buông lung nhàm trễ": Nếu không tuyên bố diệt độ liền có tổn hại, nghe Phật thường còn tâm không tôn trọng là mạn, buông lung năm dục là tứ; "Lại có chúng sanh thường thấy Phật nên buông lung nhàm trễ" nên gọi là nhàn, không siêng tu đạo gọi là trễ nải "Không thể sanh ra ý nghĩ khó gặp gỡ cùng lòng cung kính": Trước biện có tổn ích nay nói vô ích.

"Cho nên đức Như lai dùng phương tiện nói v.v...": là nói tuyên diệt không tổn có ích, Văn có hai:

1) Nêu tuyên bố diệt.

2) Nói chúng sanh được lợi ích.

Trước có ba câu: trước nêu khó gặp. Vì sao? Là giải thích. Chẳng phải Phật không thường hiện mà chỉ chúng sanh chướng nặng không

thấy, nên Phật đối với chúng sanh là khó gặp. “Do việc này nên v.v...”: Nói tổng kết ý khó gặp. “Các chúng sanh đó v.v...”: nói nghe tuyên bố diệt được lợi ích. “Cho nên đức Như lai...” tổng kết ý bất diệt mà thị hiện diệt.

“Lại người thiện nam v.v...”: là nói nghĩa không dối, chia làm ba phần: pháp, thí, và hiệp. Sở dĩ nói về không dối: Là bất diệt tuyên bố diệt dường luống dối gạt cho nên phải nói về nghĩa. Không dối “Pháp của Đức Phật đều như thế”: Có hai nghĩa:

1) Như Kinh Niết-bàn đáp Thuần-đà rằng: Pháp hữu vi đã vậy, pháp Chư Phật cũng vậy. Pháp hữu vi có sanh thì có diệt, Chư Phật do vật cảm nên sanh cảm tận tức ứng diệt, bởi lý thường như vậy, cho nên nói pháp như.

2) Đức Phật tự giải thích tuy thật bất diệ mà vì độ chúng sanh nên phương tiện thị hiện diệt để chúng sanh thật lợi ích, nên gọi là không phải dối gạt. Thí như vị thầy thuốc v.v...: là nói thí chép: Đây dụ cho đại ý nói thẳng cha thật không chết vì trị bệnh cuồng của con nên phương tiện nói chết mà không phải dối gạt.

Đức Phật cũng như vậy, thật ra không diệt vì độ chúng sanh tội nặng nên phương tiện tuyên bố diệt mà không phải dối gạt, không phiền làm thí dụ ba đời lợi ích chúng sanh. Thí dụ này từ đầu đến cuối có mười ba câu

1) Dụ Phật như vị thầy thuốc.
2) Dụ chúng sanh như con.
3) Dụ trước Phật cách thế gian.
4) Dụ chúng sanh khởi hoặc.
5) Dụ sau Phật xuất hiện.
6) Dụ chúng sanh cảm thấy.
7) Dụ ứng vật nói giáo.
8) Dụ lợi căn ngộ trước.
9) Dụ độn căn chưa hiểu rõ.
10) Dụ Như lai thị hiện diệt.
11) Dụ độn căn đắc giải.
12) Dụ Như lai trở về.
l3) Dụ Phật không ối gạt.

Mười ba câu này là thứ lớp sanh khởi.

Hiệp cũng có mười ba câu chia làm ba phần:

1) Bảy câu nói chúng sanh lợi độn căn quá khứ đồng gieo trồng gốc lành, cho đến hiện tại đồng thọ theo lời Phật dạy.

2) Một câu nói chúng sanh lợi căn bắt đầu từ Hoa Nghiêm mới nhóm họp cho đến núi Linh Sơn hội Pháp Hoa nghe Phật nói pháp liền lãnh ngộ thì Phật không cần tuyên bố diệt.

3) Năm câu sau nói chúng sanh độn căn trải qua nghe các giáo còn chưa ngộ giải Phật cần phải tuyên bố diệt mới đắc ngộ.

Sở dĩ chỉ chia hai thứ chúng sanh này: bởi thầy thuốc có hai hạng con:

1) Con không thất tâm.

2) Con mất tâm.

Con không mất tâm đưa thuốc thì uống không cần cha phải thị hiện diệt, con thất tâm tuy đưa thuốc mà không chịu uống cho nên cha thị hiện diệt, cho nên chương trước nói chung lý do hai con, sau nói riêng thọ theo giáo có khó dễ.

Thầy thuốc: lược nói ba loại:

1) Ngoại đạo năm thông.

2) Thanh văn Duyên giác.

3) Chư Phật Bồ-tát.

Ngoại đạo chỉ năng trừ ba không cho chúng sanh rồi trở lại các phiền não bệnh gọi là hạ y. Nhị thừa năng trị bệnh ba cõi gọi là trung y. Chư Phật Bồ-tát năng trị khắp các bệnh trong ngoài ba cõi gọi là thượng y. Lại nữa, bệnh mà ngoại đạo chữa chắc chắn sẽ phát sanh lại cho nên gọi là hạ, Nhị thừa trị bệnh hoặc phát hoặc không phát nên gọi là trung, Chư Phật trị bệnh dứt bặt không phát sanh nên gọi là thượng.

Lại phàm phu Nhị thừa trị bệnh chúng sinh gồm có bốn câu:

1) Bớt không thêm.

2) Thêm không bớt.

3) Cũng thêm cũng bớt.

4) Không thêm không bớt.

Cho nên không gọi là thầy thuốc. Chư Phật trị bệnh chỉ có một câu là chỉ bớt không thêm nên gọi thầy thuốc. Kinh A-hàm chép: Thầy thuốc có bốn đức:

1) Khéo biết bệnh lạnh nóng v.v...

2) Biết bệnh phát khởi.

3) Bệnh sanh rồi khéo biết phương pháp trị.

4) Bệnh lành rồi khiến không tái phát. Đức Phật cũng có đủ bốn đức này nên gọi thầy thuốc.

Luận Pháp Hoa chép: Vì không tu tập công đức nên nói thí dụ thầy thuốc, người này không hề tu bậc nhất thừa gốc lành, nghe nói bậc

nhất thừa trong tâm không nguyện xếp vào bậc nhất, vì đối trị đây nên nói thí dụ thầy thuốc. Luận lại chép: Người này căn chưa thuần thục nên thị hiện Niết-bàn, vì vậy nên Như lai nói thí dụ đây. Lại chép: Muốn thị hiện Niết-bàn vô thượng cho nên nói thí dụ thầy thuốc.

"Trí tuệ sáng suốt": đây là khen ngợi đức giải thích nghĩa thầy thuốc, ở tại tâm là trí tuệ, ở tai là thông minh, tại mắt là sáng suốt. Trí tuệ dụ cho nhất thiết chủng trí, thông minh dụ sáu thông, sáng suốt dụ cho năm nhãn. "Khéo luyện phương thuốc trị các bệnh": Là biết lý do đúng bệnh mà cho thuốc. "Người có nhiều con cái:" ví chúng sanh như con, xưa đã từng thọ hóa nên gọi là con, thọ hóa rồi lại chuyển hóa, thọ sự truyền hóa kia nên gọi là con cái, nhưng chúng sanh trong sáu đường đều có Phật tánh đều là con, chỉ Phật tánh có hai:

1) Chánh nhân.

2) Liễu nhân.

Có đủ duyên chánh gọi là con gần nhưng người chưa thọ theo giáo hóa chưa có liễu nhân gọi là con xa.

"Hoặc mười - hai mươi cho đến số trăm": Hàng thượng căn khó đắc là mười, trung căn hơi dễ gọi là hai mươi, hạ căn chuyển nhiều gọi là số trăm, đây không căn cứ Ba thừa làm ba căn, mà chung xét theo thọ lãnh giáo từ đầu đến cuối có ngộ và không ngộ, chính là căn cứ Bồ-tát ngộ nhập tuệ Phật để chia thành ba căn. Nếu căn cứ phẩm này ý từ đây đến cuối thì ngàn thế giới số Bồ-tát như cát bụi quá khứ đã ngộ đạo gọi là thượng căn, ở đời hiện tại bắt đầu từ Hoa Nghiêm sau cùng là Pháp Hóa người đắc ngộ đạo gọi là trung căn, nếu do tuyên bố diệt vì nói Niết-bàn mà đắc ngộ gọi là hạ căn. Nếu căn cứ hiện tại biện nơi ba căn, thì trước Pháp Hoa Bồ-tát trực vãng đã đắc ngộ gọi là thượng căn, đến hội Pháp Hoa bỏ tiểu về đại gọi là trung căn, cho nên phẩm Dũng Xuất chép: "vừa thấy thân ta nghe nói pháp liền tín nhận nhập tuệ Phật" gọi là thượng căn. "Trừ trước đã tu tập theo Tiểu thừa" nay nghe kinh này cũng nhập tuệ Phật gọi là trung căn. Từ đây trở đi còn chưa đắc đạo nghe tuyên bố diệt vì nói Niết-bàn mới đắc ngộ gọi là hạ căn. ba căn có nhiều môn nay lược chỉ ba hạng này.

"Do có sự duyên đến nước xa khác..." là: Dụ trước Phật cách đời. Chỉ thọ hóa ít không trú lâu nên gọi là đến nước khác. Như Kinh Niết-bàn chép: Nơi đáng độ đều đã độ rồi, các nơi chưa độ nên tạo nhân duyên được độ. Có sự duyên: Cõi này cảm hết các duyên khởi ở cõi khác, Phật hóa các duyên đối với cõi kia duyên gọi là gần, cõi này cảm dứt nên gọi là xa, lại dứt đây ứng kia nên gọi là xa. "Sau lúc đó các

người con...": Là thí dụ chúng sanh khởi hoặc: Lúc sau là: Cách đời sau Phật. "Uống thuốc độc khác". Xưa tập quán đã yếu lại khởi điên đảo, chánh quán gọi là tự, điên đảo là tha. Cho nên Kinh Niết-bàn chép: Cảnh giới mình là bốn niệm xứ, cảnh giới người là năm dục. Tâm khởi điên đảo gọi là uống, làm hại tuệ mạng gọi là thuốc độc. "Thuốc phát sanh mê loạn lăn lộn trên đất": Nhân khởi hoặc thuần thục, gọi là thuốc phát.

Hoặc có hai lực:

1) Mê cảnh chướng trí cho nên tâm mê loạn, lại sắp chết gọi là mê loạn.

2) Cảm sanh tử trôi lăn trong sáu đường như lăn lộn trên đất, thuận giáo đắc Niết-bàn như lên núi cao, trái hóa thọ khổ sanh tử nên gọi là đất. Lại tâm chịu khổ gọi là mê loạn, thân chịu khổ gọi là lăn lộn trên đất.

"Bấy giờ người cha từ nước xa trở về nhà....": là nói thí dụ sau khi Phật xuất khởi. Trước nói chúng sanh độn căn trái hóa khởi hoặc nói chung về nghĩa cả, nay nói sau khi Phật xuất khởi nói chung về nghĩa ứng.

Hỏi: Chúng sanh khởi hoặc trôi lăn trong năm đường như lăn lộn trên đất nhân đâu mà cảm Phật?

Đáp: Khổ cùng cực thì phải quay đầu. Như Kinh Thắng-man chép: Các thứ pháp khổ lạc là cầu Niết-bàn. Lại trong đây nên dùng ba phen hóa, quá khứ lợi ích chúng sinh gọi là một phen xưa hóa. Lăn lộn trên đất trong đây có tùy duyên hóa, nay lại trở về nhà tức tất cánh hóa, xưa duyên hết nên đi, nay cảm thuần thục nên đến, ứng nhập sanh tử hóa vật thì sanh tử là nhà. Như trên chép: Thí như Trưởng giả có một nhà lớn.

"Các con uống thuốc độc hoặc mất bổn tâm, hoặc không mất": Là dụ cho chúng sanh cảm thấy: tập quán Quá khứ nếu lâu tuy khởi điên đảo mà không mất bổn giải gọi là không mất tâm, lập quán chưa lâu điên đảo mạnh thịnh mất bổn giải gọi là mất tâm. Lại từ Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa nghe giáo đắc ngộ gọi là không mất tâm, nghe giáo không ngộ, đợi tuyên bố diệt mới hiểu gọi là mất tâm, đây cũng là khởi hoặc nặng nhẹ, thiện có mạnh yếu nên chia làm hai. "Xa thấy cha về": chính là cảm đức Thích-ca ra đời, chỉ thấy thân trượng sáu thành đạo chưa thấy pháp thân; cách lý còn xa nên gọi là xa. "Đều rất vui mừng quì lạy thăm hỏi trở về an ổn": Lợi là căn độn căn tuy khác mà thấy Phật ra đời, đều đồng vui mừng là ý nghiệp, cung kính quì lạy tức

thân nghiệp, miệng nghiệp khen ngợi gọi là hỏi thăm. Khen ngợi Phật nghĩa là Như lai: luận Trí Độ chép: Phật từ đạo an ổn đến nên gọi là Như lai, nay gọi an ổn trở về, trở về tức là đến. "Chúng con ngu si lầm uống thuốc độc": ở trên nói chúng sanh lợi căn độn căn đồng có căn cơ cảm thấy hình tướng Phật nay nói chúng sanh độn căn lợi căn đồng có căn cơ cảm giáo, căn cứ giải muốn phát, đồng trình bày lỗi xưa cho nên nói ngu si, khởi điên đảo phiền não chẳng phải là bổn ý nên gọi là lầm uống. "Xin cứu lành con lại ban tuổi thọ cho chúng con": Xin Phật nói giáo diệt hoặc gọi là xin cứu con, giáo năng sanh giải gọi là tuổi thọ, xưa từng lãnh giáo đã được sanh giải, chỉ giữa đường trái hóa khởi hoặc mất bổn giải, nay lại xin nói giáo khiến được bổn giải cho nên nói xin ban cho.

Hỏi: Từ xa thấy cha về lại xin ban tuổi thọ, đó là trong cơ duyên nói hay căn cứ sự ư?

Đáp: Đủ có hai nghĩa: Trong căn cơ là nóiviệc này, nói dễ hiểu là căn cứ ở sự, khi Phật mới ra đời trời người đều được vui mừng cho đến Thích Phạm xin xoay bánh xe pháp, như nói xin cứu lành lại ban cho tuổi thọ.

"Cha thấy các con khổ não như vậy": Là thí dụ ứng duyên nói giáo: Trước thí dụ vì duyên thành đạo, đây dụ cho thành đạo về sau xoay bánh xe pháp. Văn có hai câu: Cha thấy con đồng dụ cho Phật thấy căn cơ. "Y theo các kinh phương": là nói về nói giáo. Y Phật giáo quá khứ gọi là y các kinh phương. "Tìm thuốc cỏ tốt": Là giáo tiêu biểu lý, lý năng lành bệnh dụ đồng cỏ thuốc. "Mùi sắc vị ngon": giới dụ cho sắc, định dụ cho hương, tuệ dụ cho vị ngon, ba hạnh tròn đầy gọi là đầy đủ. "Đâm nghiền hòa hiệp": Ban đầu nói Tiểu thừa là đâm, nói trung thừa là nghiền, nói Đại thừa là hiệp. Lại pháp nói là đâm, thí nói là nghiền, hợp thí là hòa hiệp, Như lai nói pháp không ngoài ba thứ này. Lại nói chung là đâm biệt giải thích là nghiền, tổng kết là hiệp, nghi thức nói pháp không ra ngoài nêu giải thích và kết này. Lại cũng thí dụ ba phen xoay bánh xe pháp là đâm nghiền hòa hiệp. "Mà nói rằng": Là khen ngợi giáo. "Các con nên uống": Khuyên đúng như lời dạy mà hành.

"Trong các con những người chẳng mất bổn tâm": là nói thí dụ người lợi căn trước ngộ: Từ Hoa Nghiêm đến Pháp Hoa lãnh giáo được ngộ tức người kia. Ngoài ra những người mất bổn tâm là thí dụ người độn căn chưa liễu ngộ, tức là thí dụ Phật không dối gạt; vì người độn căn nên Phật bất diệt mà tuyên bố diệt độ, cũng tức hiện tại trong ba thời dụ cho thời sau lợi ích chúng sinh. "Thấy cha về tuy cũng vui mừng hỏi

thăm". Nêu người hạ căn chúng sanh thấy Phật ra đời cũng khởi tâm vui kính. "Cầu xin trị bệnh": Cũng có căn cơ cảm giáo nghe nói pháp mầu nhiệm. "Song trao thuốc cho mà không chịu uống": người độn căn tuy lại tìm giáo mà không thể ngộ lý như con mất bổn tâm không chịu uống thuốc". Khí độc thấm vào làm mất bổn tâm": là giải thích không uống thuốc là vì tà hạnh thám vào làm mất chánh giải ở bổn. "Đối với thuốc thơm tốt mà cho là không ngon": Đối với chánh giáo Phật không nhận được vị của lý. "Người cha nghĩ rằng": Thí dụ Như lai thị hiện diệt: Văn có ba:

1) Định muốn tuyên bố diệt.

2) Chánh thức tuyên bố diệt.

3) Là nói chính diệt.

Muốn tuyên bố diệt: Chúng sanh chấp thường không muốn tu đạo, nghĩ muốn cách đời muốn thị hiện vô thường khiến chúng sửa đổi mà ngộ. "Nghĩ thế rồi bảo rằng": Nêu chánh diệt như đức Thích-ca tự hẹn ba tháng, lại như kinh Niết-bàn sớm chiều tuyên bố diệt. Lại như kinh chép: Tuổi ta đã tám mươi, hình thể như chiếc xe hư cũ phải nhập Niết-bàn thôi! "Lương dược tốt này nay để ở đây": Đức Phật tuy cách đời mà lưu lại pháp bất diệt, cho nên mười hai bộ kinh giao phó cho A-nan và Ca-diếp. "Dạy bảo như thế rồi đến nước khác": là nói chánh diệt. "Sai sứ về nói": Chánh nhập Niết-bàn để lại hình Xá-lợi xây tháp thờ, tức là sai sứ.

"Bấy giờ các con...": là nói thí dụ độn căn được hiểu: Thấy Phật Niết-bàn tâm ngộ vô thường liền đắc đạo như uống thuốc lành bệnh: "Người cha nghe các con...": là dụ Như lai trở về nhà: Chúng sanh nghe Phật nhập Niết-bàn liền ngộ hiểu tức thấy pháp thân, biết Phật bất diệt trở lại bổn giáo hóa nên gọi là trở về. "Các người thiện nam v.v...": là thí dụ Phật không dối gạt Phật chép: Ta cũng như vậy: là hợp thí, chỉ có ba ý: ý đầu nêu bất diệt. "Vì chúng sanh": phương tiện thị hiện diệt, "cũng không ai có thể" là nói chẳng dối gạt.

Kệ tụng có hai mươi lăm hàng rưỡi: tụng văn xuôi hai chương. Đầu có hai hàng kệ: Tụng quá khứ vô thỉ, kế có hai mươi ba hàng rưỡi tụng vị lai vô chung. Sở dĩ tụng hai chương này là để hiểu rõ Như lai Thọ Lượng vô thỉ vô chung, bác bỏ Nhị thừa phàm phu cho là nghĩa có thỉ chung. Văn xuôi hai môn mỗi môn đều chia thành ba: Môn đầu có ba:

1) Nói quá khứ vô thỉ.

2) Giải thích nghi.

3) Tổng kết.

Nhưng văn trên đã rộng nay chuyển thế nói pháp lược làm hai ý tụng: hàng kệ đầu tụng chứng pháp thân lâu, kế kệ tụng thùy ứng nói pháp lâu, tức nhiếp chung hết tất cả nghĩa của văn xuôi. “Vì độ chúng sanh v.v...”: Tức tụng chương hai: vị lai vô chung: Trong văn xuôi cũng có ba: Chính là nói vị lai vô chung, kế nêu bất diệt thị hiện diệt để giải thích nghi, kế nêu chẳng dối, nay kệ cũng chỉ chia hai:

1) Tụng bất diệt thị diệt để giải thích nghi.

2) Tụng nghĩa chẳng dối.

Sở dĩ tụng hai thứ này chính vì người chấp giáo cho rằng Phật vô thường, Song lâm diệt tận, nay muốn nói lên Phật thường trú cho nên nói về Phật bất diệt mà phương tiện thị hiện diệt, nhưng bất diệt thị diệt tợ đồng dối gạt, cho nên kế tụng nghĩa không dối. Hai thứ này nói nghĩa vị lai vô chung được rõ ràng nên kệ chỉ tụng hai thứ này. Văn xuôi phần bất diệt thị hiện diệt đã lược, nay chuyển thế rộng tụng, chia làm ba phần:

1) Chín hàng kệ căn cứ Phật hai thân bổn tích nói về nghĩa diệt bất diệt.

2) bốn hàng rưỡi căn cứ hai cõi tịnh uế nói nghĩa diệt bất diệt.

3) Bốn hàng tổng kết thân, cõi nói về cảm thấy khác nhau. Ba thứ này tổng kết hết tất cả các nghĩa, văn xuôi nói không hết nghĩa, kệ rộng trình bày.

Phần đầu chia làm ba:

1) Hai hàng nói diệt bất diệt.

2) Sáu hàng rưỡi giải thích ý diệt bất diệt.

3) Nửa hàng tổng kết nói về diệt bất diệt.

Hai hàng đầu lại chia hai:

1) Căn cứ môn thuyết pháp nói về diệt bất diệt.

2) Căn cứ môn thần thông nói về diệt bất diệt.

Nói pháp hiện thần thông nhiếp nghĩa đã cùng khắp cho nên chỉ nêu hai thứ này. “Chúng thấy ta diệt độ v.v...”: sáu hàng rưỡi nêu được lợi ích giải thích ý diệt bất diệt. Văn chia làm hai:

1) Một hàng nêu thấy Phật diệt độ sanh phước được lợi.

2) Năm hàng rưỡi nêu thấy Phật diệt độ sanh trí tuệ được lợi ích; trong năng hóa tuy có nói pháp thần thông, mà sở hóa được lợi ích không ngoài công đức và trí tuệ cho nên chỉ nêu hai nghĩa này. Nhân trên môn thần thông sanh công đức lợi ích, nhân trên môn thuyết pháp sanh trí tuệ lợi ích. Trên trước nói về nói pháp sau nói thần thông, nay

phải trước nêu trí tuệ sau biện công đức, nhưng vì thế văn nối kế gần trước nói công đức sau nói trí tuệ. Căn cứ trí tuệ được lợi ích trong đó có hai: Hàng đầu nói chúng sanh cảm. Bốn hàng rưỡi sau biện Phật ứng; trong ứng có Ba bảo hiển nghĩa bất diệt: nửa hàng đầu nói hai ngôi báu Phật, Tăng đều xuất nên nói hai ngôi báu bất diệt.

"Ta nói với chúng sanh v.v...": là nói pháp tức pháp bảo là nói về diệt bất diệt. Trong phần tụng nói pháp một bài đầu xét riêng cõi này luận nghĩa diệt bất diệt. Kế một bài rưỡi hiệp cõi kia đây luận diệt bất diệt, kế một bài rưỡi riêng xét phương khác luận diệt bất diệt, nói về diệt bất diệt tuy lại vô cùng mà ba thứ này nhiếp hết. "Sức thần thông như thế...": là nửa bài tổng kết, nói về diệt bất diệt đây đều là thần thông thị hiện mà pháp thân Như lai phi diệt phi bất diệt. "Thường ở núi Linh Thứu v.v...": bốn hàng rưỡi căn cứ hai cõi tịnh uế luận bất diệt. Sở dĩ có chương này vì có hai nghĩa:

1) Giải thích nghi cho nên có. Thời chúng nghi rằng: Hiện thấy thời kiếp hỏa khởi, trời đất ắt cạn kiệt, thân Như lai đâu được thường còn! Nên nay nói cõi có tịnh uế, uế độ bị đốt cháy, tịnh độ không bị diệt, tích thân hiện diệt mà pháp thân thường tồn.

2) Trên luận Như lai hai thân chân ứng hiện quả chánh báo đã rồi, nay kế luận hai cõi tịnh uế biện y báo cõi quả Phật chánh báo thì nghĩa là ứng thân thị hiện diệt mà pháp thân bất diệt, nghĩa y báo thì uế độ tự hủy, tịnh độ không đốt cháy cho nên thân chỉ bổn tích, cõi chỉ tịnh uế, muốn nói nghĩa nầy nên có văn này. Phẩm nầy đã có tịnh độ, nay nói, luận Pháp Hoa giải thích phẩm này có ba thân; nay đối ba thân cũng có ba cõi (độ):

1) Pháp thân dừng nghỉ nơi cõi thật tướng. Phổ Hiền Quán chép: Đức Thích-ca Mâu-ni tên là Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ, Đức Phật kia trú cõi Thường tịch Quang tức pháp thân độ. Kinh Nhân Vương chép: Ba Hiền, mười Thánh trú quả báo chỉ có Đức Phật ở tịnh độ. Kinh An Lạc chép: Cũng lấy Trung đạo đệ nhất nghĩa gọi là cõi pháp thân, nhưng các pháp tướng vắng lặng không thể dùng ngôn ngữ tuyên bày, sao luận thân và không thân, cũng đâu có cõi cũng không phải cõi, chỉ là trong vô danh tướng vì chúng sanh mượn danh tướng nói cho nên nói thân cùng cõi. Tuy khai hai thật thân, cõi mà không hề có hai chỉ căn cứ nghĩa khác nhau nên chia làm hai: Nghĩa năng trụ gọi là chia sở trụ gọi là cõi. Như kinh Kim Quang Minh loại bảy quyển phẩm Tam thân nói đầy đủ có trí như như và cảnh như như, căn cứ nghĩa mà so với cảnh tức là cõi.

2) Báo thân báo độ: nhưng báo thân tức là ứng thân, ứng thân có hai thứ: a) Trong. b) Ngoài.

Trong cùng pháp thân tương ứng gọi là ứng thân, đây cũng thuộc pháp thân cùng pháp thân đồng cõi, Luận Pháp Hoa chép: Tịnh độ ta không hủy mà chúng thấy thiêu hủy tận, tức báo thân Như lai, tịnh độ chân thật thuộc về bậc nhất nghĩa, nên đây tức là cõi báo thân. Nếu ứng ngoài gọi báo thân hóa đại Bồ-tát nơi tịnh độ thành Phật, đây dùng ngọc báu làm tịnh độ, cõi này mới không bị kiếp lửa đốt cháy mà cuối cùng có tận diệt, vì sao? Vì nay khai thân có thường vô thường ba câu:

1) Pháp thân chỉ thường, phi vô thường.

2) Hóa thân chỉ vô thường phi thường.

3) Ứng thân vừa thường vừa vô thường.

Ứng thân bên trong gọi là thường, ứng ngoài gọi là vô thường, thân đã ba thứ cõi cũng theo lệ như. Cõi pháp thân chỉ thường, phi vô thường, hóa thân chỉ vô thường phi thường, cõi ứng thân cũng thường cũng vô thường. Trong cõi ứng thân đây tức là thường, ngoài cõi ứng thân tức đây vô thường. Nếu phân hai cõi tịnh uế thì pháp thân báo thân hai cõi đây là tịnh độ, nhưng cõi hóa thân đây tức bất định hoặc tịnh hoặc uế.

Hỏi: Bồ-tát cũng có ba thân ba cõi phải không?

Đáp: Tùy phần có. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thân tướng Phổ Hiền cũng như hư không, nương vào Như như, không nương vào cõi Phật, Như như tức cõi pháp thân, hai thân còn lại có thể biết.

Hỏi: Các chúng thấy lửa đốt sạch mà tịnh độ không hủy đây là một chất thấy khác, hay là khác chất đồng một chỗ ư?

Đáp: Theo ý ngài La-thập và Luận Pháp Hoa là khác chất đồng chỗ. Nói khác chất: hai chất Tịnh uế độ. Đồng chỗ: Tịnh chất ở chỗ uế, uế chất ở chỗ tịnh, thô diệu đã khác nhau không làm chướng ngại nhau nên văn nầy nói thường ở núi Linh Thứu tức biết tịnh độ ở tại chỗ uế: Kế nêu một chất thấy khác: Nói một chất đây có nhiều môn, nếu luận theo chánh đạo thì không hề có tịnh uế, tùy hai duyên tịnh uế thấy hai cõi tịnh uế. Do đối tịnh uế hai sự thấy nên nói phi tịnh phi uế gọi là một chất nên nói một chất mà có hai sự thấy. Nếu luận theo hai duyên chính nó, một chất thấy khác, thì tự có là một tịnh chất, người phước mỏng tự thấy kia uế, tự có là một uế chất đối người phước đức tự thấy kia tịnh. Tổng luận chất và sự thấy đều có bốn trường hợp: Chất có bốn trường hợp: Tự có một chất khác chỗ, khác chất một chỗ, một chất một chỗ, các chất khác chỗ. một chất khá chỗ: là một chất phi tịnh uế ở chỗ tịnh

uế khác. Khác chất một chỗ: Tịnh uế chất khác nhau ở chung một chỗ phi tịnh uế. Sở dĩ có hai câu này là do các pháp bổn tánh vắng lặng nên gọi một chất, bổn tánh kia vắng lặng mà không lìa tịnh uế nên ở hai chỗ tịnh uế. Tuy có hai chất tịnh uế thường bổn tánh vắng lặng nên gọi hai chất một chỗ. một chất hai chỗ: Tức là chân tế bất động kiến lập các pháp; hai chất một chỗ nghĩa là không hoại, giả danh mà nói thật tướng. một chất một chỗ: Thẳng căn cứ thật tướng mà luận thật tướng. Khác chất khác chỗ: Độ có tịnh uế tại kia đây không đồng.

Sự thấy có bốn trường hợp: một chất một thấy một chất Trung đạo là hàng Bồ-tát nhân Trung đạo đắc chánh quán nên thấy cõi Trung đạo. Khác chất thấy khác. Tịnh uế khác chất tùy hai duyên tịnh uế thấy. một chất thấy khác: một chất phi tịnh uế, ở tịnh uế duyên thấy có tịnh uế. Khác chất một thấy: Hai chất tịnh uế hàng trí giả thấu đạt rõ kia không hai. Kế căn cứ dụng luận bốn trường hợp:

1) Một chất khác chỗ như một tịnh chất thông nơi hai chỗ tịnh uế. Như Thích luận chép: Chất của hương, thành Đàm vô kiệt tức là nơi thành, hương, mà thành hương, ấy ở cõi uế Diêm-phù-đề.

2) Hai chất tịnh uế đồng một chỗ do thô diệu không ngăn ngại nhau.

3) Hai chất hai chỗ: Hai chất tịnh uế ở nơi hai chỗ kia đây.

4) Một chất một chỗ: Như tịnh chất ở nơi chỗ tịnh, uế chất cũng.

Căn cứ thấy luận bốn trường hợp:

1) Tự có một chất một thấy. Đối một chất lại khởi thấy tịnh, uế độ cũng vậy.

2) Hai chất hai thấy, đối hai chất tịnh uế đều khởi tịnh uế hai thấy.

3) một chất hai thấy, chỉ là tịnh chất mà đối hai duyên chỗ thấy khác nhau.

4) hai chất một thấy, tuy có hai chất tịnh uế mà đối với người có phước đức thì chỉ thấy tịnh, người không có phước đức chỉ thấy toàn uế.

"Thường ở núi Linh Thứu...": Có bốn hàng rưỡi văn chia làm bốn trường hợp:

1) Đầu nửa bài nêu thường tại núi Linh Thứu, nêu Phật cùng cõi cả hai bất diệt.

2) Nửa hàng bỗng chúng nghi rằng: "Hiện thấy kiếp lửa thiêu đốt, người và cõi đều không, vì sao được gọi là thường" ư!

3) Hai hàng rưỡi chính nói về cõi tịnh không bị hoại.

4) Một bài tổng kết tịnh độ không bị hủy, chúng sanh thấy lửa.

"Chúng sanh tội đó v.v...": bốn hàng nêu cảm thấy khác nhau cùng kết người và cõi:

1) Hai hàng đầu nêu hai người có tội và phước cảm thấy tịnh uế khác nhau kết thành nghĩa cõi.

2) Hai bài: vì hai duyên nói tuổi thọ Phật dài ngắn thành nghĩa Phật diệt bất diệt. Hai bài kệ này có ba ý: một đầu chính nêu tùy duyên nói dài ngắn, kế nửa hàng khen ngợi trí Phật. Sau nửa hàng nêu nhân xa để giải thích quả dài.

"Các ông người có trí v.v....": Kế tụng văn xuôi nói không dối, văn xuôi có ba: Pháp, thí, hiệp, nay tụng đủ. Kệ đầu tụng pháp nói kế kệ tụng thí nói, bốn hàng kệ sau tụng hợp thí. bốn hàng kệ chia làm bốn:

1) Kệ chánh hợp thí nói về bất diệt thị hiện diệt.

2) Kệ giải thích ý bất diệt thị hiện diệt.

3) Kệ trình bày chung Phật tùy duyên nói tất cả giáo.

4) Kệ nói giáo tiêu biểu lý, tông chỉ trở về thành Phật.

PHẨM PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI BẢY

Phẩm này rộng khai thân quyền thân thật, là phần thứ ba nói về lãnh thọ giáo được lợi ích. Nói phân biệt công đức: Có hai nghĩa:

1) Nghe nói tuổi thọ được lợi ích, Đức Phật đối Di-lặc phân biệt người đắc ngộ công đức cạn sâu có mười hai vị đặt tên theo phẩm đầu.

2) Cuối phẩm này có đoạn lớn truyền bá, rộng phân biệt người trì kinh được công đức nên đặt tên theo đoạn sau, hiệp lại đều từ hai chỗ đặt tên cho nên dùng gọi tên phẩm. Nhưng tên công đức có chung và riêng: Nói riêng là đối trí tuệ để nói công đức, như năm độ có hành là công đức, Bát-nhã chiếu không là trí tuệ, tự có ngộ sâu là trí tuệ, hiểu cạn là công đức. Như kinh Niết-bàn Phẩm Sư Tử Hống chép: Địa tiền là công đức, đăng Địa là trí tuệ. Nói chung là do công tu đắc đều gọi là công đức. Nếu vậy công đức trí tuệ đều là do công tu đắc, đều gọi là công đức.

Nay phẩm này gọi công đức tức là nói chung tên công đức. Văn chia làm hai:

1) Nói được lợi ích.

2) Nói cảm điềm lành, được lợi ích có hai:

a) Người dịch kinh trình bày chung được lợi ích.

b) "Khi đó đức Thế tôn v.v...:" Là trình bày riêng được lợi ích.

Sở dĩ nói riêng được lợi ích là vì các công đức nầy chẳng phải Đức Phật không phân biệt, mà do đại chúng không biết cho nên phải phân biệt. Văn nầy lại chia làm hai:

1) Nêu Đăng địa trở lên thánh Đại thừa được lợi ích.

2) Nói Địa tiền phát tâm Bồ-đề được lợi ích.

Luận Pháp Hoa chép: Phát tâm Bồ-đề lợi ích là địa vị Thập tín, được lợi ích tuy nhiều mà đều thâu nhiếp trong hai thứ này; căn cứ Thánh được lợi ích có mười một vị. Có người chép: sáu vị đầu tức là Bồ-tát lục địa dứt phần đoạn sanh tử của giới nội, năm vị sau là Thất địa trở lên đồng dứt phản dịch sanh tử của ngoại giới, giới nội cách Phật xa chưa nói số lần sanh, giới ngoại cách Phật gần nên nói số sanh. Nay nói việc này khó biết, chỉ dựa theo văn chia làm hai: sáu vị đầu nêu tăng đạo lợi ích, kế năm vị nói tổn sanh lợi ích, tuy có tăng đạo tổn sanh khác nhau đều là từ kém đến hơn xếp vào thứ lớp.

1) Đắc vô sanh pháp nhẫn lợi ích, do nghe tuổi thọ Phật sơ chứng vô sanh, vô sanh là Thánh vị căn bản cho nên nêu trước, theo luận Pháp Hoa lấy Sơ địa làm vô sanh pháp nhẫn.

2) Đắc nghe, trì lợi ích đây là đắc vô sanh pháp nhẫn lại nghe pháp cao quý trì mà không mất, vô sanh tức là phương tiện thật tuệ, nghe trì là thật phương tiện tuệ, thật phương tiện tuệ đã là khéo dụng thì cao quý hơn vô sanh cho nên nêu thứ hai.

3) "Đắc nhạo nói vô ngại biện tài", nghe trì là tự giải, nhạo nói là hóa tha, nghĩa kia chuyển cao quý hơn ở vị thứ ba.

4) Đắc vô lượng triền Đà-la-ni, đối trong pháp môn tròn đầy đầy đủ ẩn hiện vô ngại hơn nhạo nói trước nên thứ tư.

5) Chuyển bất thoái pháp luân, trước tuy đắc triền trì chưa đắc bất thoái, nay đăng bất thoái cho nên hơn trước.

6) Năng chuyển Pháp luân thanh tịnh, trước tuy bất thối còn chưa thanh tịnh nay chứng thanh tịnh nên hơn trước.

Hỏi: Trước một thế giới Phật, sau nói Tam thiên đại thiên thế giới, đây có gì khác nhau?

Đáp: Đại luận Trí Độ chép: mười phương đều như hằng sa Tam thiên đại thiên thế giới gọi là một thế giới. Phật, vì vậy nên ba ngàn cùng một thế giới Phật khác nhau.

Kế nêu "tám đời sẽ đắc Bồ-đề v.v...:" Là nói tổn sanh lợi ích. Có người chép: Từ Thất địa đến Kim cương Tâm thành nghĩa tổn sanh. Vô minh trú địa phiền não chia làm chín phẩm, một phẩm làm duyên một đời nghĩa là kế dứt một phẩm tức tổn một đời, nay Thất địa hạ nhẫn nghe kinh làm duyên đăng Thất địa thượng nhẫn, dứt một phẩm hoặc tổn ở một đời nên nói tám đời sẽ đắc Bồ-đề. Thất địa thượng nhẫn nghe kinh làm duyên, đăng Bát địa hạ nhẫn dứt một phẩm hoặc tốn một đời, bảy đời còn lại tại Bát địa hạ nhẫn nghe kinh làm duyên, tiến đăng Bát địa thượng nhẫn, lại dứt một phẩm hoặc tổn nơi một đời, sáu đời còn lại tại Bát địa thượng nhẫn nghe kinh làm duyên đăng Cửu địa hạ nhẫn, tiến dứt một phẩm lại tổn một đời; còn lại năm đời tại Cửu địa hạ nhẫn nghe kinh làm duyên đăng Cửu địa thượng nhẫn, lại dứt một phẩm tổn một đời, còn lại bốn đời tại trong văn. Từ tám đời cho đến bốn đời, văn kinh còn lược như vậy nên biết, bốn đời tức là Cửu địa thượng nhẫn nghe kinh làm duyên đăng Thập địa hạ nhẫn, dứt một phẩm lại tổn một đời còn lại ba đời; Từ Thập địa hạ nhẫn nghe kinh làm duyên đăng Thập địa thượng nhẫn dứt một phẩm lại tổn một đời còn lại hai đời; Từ Thập địa thượng nhẫn nghe kinh làm duyên đăng Kim cương Tâm dứt một phẩm lại tổn một đời, một đời còn lại đến quả Phật mới dứt hết. Nay cho rằng đây giải thích nghĩa khó rõ không thể trình bày đầy đủ nghĩa được mất. Nay trong kinh luận nói về có hai thứ sanh:

1) Ứng sanh.

2) Thật sanh.

Như luận Trí Độ giải thích phẩm Vãng sanh nêu một đời Bồ-tát và ba đời Bồ-tát đều là ứng sanh, vì sao biết như vậy? Vì Bồ-tát trú Thập địa không nên thọ sanh trời người, mà nay thọ sanh trời người đây là ứng sanh. Nay nói tám đời cho đến một đời, tám đời trải qua thọ sanh trời người cho nên đắc Bồ-đề cho đến thọ sanh cõi Đâu suốt một đời sẽ đắc Bồ-đề vì thế gọi là ứng sanh. Nhưng ứng sanh có nhiều ít tùy duyên nên như vậy và cũng được nói do ngộ lý sâu cạn dứt hoặc nhẹ nặng cho nên ứng sanh có nhiều ít.

Kế nói thật sanh: Như Kinh Nhân Vương khen ngợi công đức Bồ-tát ba mươi đời, một địa có ba đời nghĩa là nhập phần làm sơ sanh, trú phần làm trung sanh, mãn phần làm chung sanh (cuối đời). Nhiếp Đại thừa luận Địa luận đều có ba vị, nếu theo nghĩa nầy nói tám đời, thì vốn là Thất địa cuối đời nghe kinh nên đăng Bát địa mới sanh cho nên còn lại tám đời. Vốn là người Bát địa mới sanh nên đắc nhập Bát địa trú phần bảy đời còn lại, vốn là hàng Bát địa trú phần nghe kinh đắc mãn phần còn lại sáu đời, vốn là Bát địa mãn phần nghe kinh đắc nhập Cửu địa sơ phần còn lại năm đời, vốn là Cửu địa sơ phần nghe kinh đắc nhập trú phần còn lại bốn đời, vốn là trú phần nghe kinh đắc nhập mãn phần còn lại ba đời, vốn là Cửu địa mãn phần nghe kinh đắc nhập Thập địa sơ phần còn lại hai đời, vốn là Thập địa sơ phần nghe kinh đắc nhập trú phần còn lại một đời, vốn là trú phần nghe kinh cho nên đắc nhập Thập địa mãn phần liền ngồi đạo tràng được thành Phật. Vì đây là một cách nói theo thứ lớp ngộ, nếu vượt ngộ thì thời gian giữa không nhất định mà hai đời quyền thật chính là căn cứ thật sanh, do nghe kinh đắc thật lợi ích. Theo luận Pháp Hoa chép: Tám đời cho đến một đời đắc Bồ-đề, đây do Sơ địa lìa phần đoạn sanh tử ba cõi tùy phần năng thấy chân như Phật tánh gọi là đắc Bồ-đề, không phải rốt ráo vô thượng Bồ-đề. Ý nầy là nói vốn là người Địa tiền do sức nghe kinh nên tùy phần sâu cạn, trải qua tám đời thọ phần đoạn sanh tử cho đến một đời thọ phần đoạn sanh tử liền chứng Sơ địa Bồ-đề.

Hỏi: Nghe kinh nói tuổi thọ vì sao đắc vô sanh nhẫn cho đến phát tâm Bồ-đề ư!

Đáp: Nếu y xưa nêu kinh này nói Phật vô thường, không nên đắc vô sanh nhẫn, vì sao? Vì nói vô thường làm sao khiến người ngộ thật tướng ư! Lại Đức Phật đã vô thường chung qui diệt đâu đủ an vui mà phát tâm cầu. Nếu nói kinh này là che lấp tướng thường, đã là che lấp

tướng liền phi liễu nghĩa, làm sao được lợi ích liễu nghĩa ư! Nếu nói kinh này nói về Phật quyết định thường tức là thường kiến, làm sao khiến người đắc vô sanh nhẫn ư! Nay nêu phẩm này nói pháp thân Phật bặt bốn câu siêu bách phi, cho nên trước chép: không có sanh tử hoặc thoái hoặc xuất cho đến phi thật phi hư phi như phi dị tức biết phi thường phi vô thường không dài không ngắn mà dài ngắn hợp duyên thường vô thường khéo léo, chúng đương thời nghe đây nên đắc vô sanh và phát tâm Bồ-đề.

Hỏi: Phật thọ vô lượng mà chúng sanh thọ hữu lượng tự nhiên, đây chính là chúng sanh và Phật có hai kiến, người có hai kiến không có đạo, không có quả làm sao được lợi ích ư?

Đáp: Nếu người hai kiến tức không được lợi ích nay đã ngộ tuổi thọ Phật vô thỉ vô chung bất sanh bất diệt bặt bốn câu siêu bách phi tức rõ thân mình cũng vậy, đây tức ngộ chúng sanh Phật không hai vì vậy nên được lợi ích.

Hỏi: Kinh này chỉ nêu tuổi thọ Phật vô sanh diệt thỉ chung, chỗ nào nói tuổi thọ của chúng sanh cũng vô sanh diệt thỉ chung ư?

Đáp: đây hỏi mà không đọc phẩm Thọ Lượng Kinh Pháp Hoa, Phẩm Tuổi thọ nói Như lai như thật thấy biết, ba cõi không có sanh diệt cho đến phi thật phi hư cho nên biết ba cõi tức là pháp thân, cũng khiến chúng sanh ngộ như thế.

Hỏi: Các kinh khác nói người ngộ đạo ít, giáo nầy vì sao được lợi ích nhiều ư?

Đáp: Kinh này kết hợp đầu đuôi chia hai quyền hai thật tức giáo chẳng chỗ nào không cùng khắp lý đều đầy đủ, người sở ứng đắc đạo hiểu tận kinh này vì vậy nên người ngộ đạo nhiều. Lại Như lai một phen hóa gồm có ba môn:

1) Môn gom tà về chánh.

2) Môn gom khác qui đồng.

3) Môn gom nhân qui quả.

Trước Pháp Hoa chỉ có một môn, kinh đây phần đầu gọi là môn gom khác về đồng, phần sau kinh là nhiếp nhân về quả. Lại kinh này kết hợp đầu đuôi thì đầy đủ ba môn, ba môn gom giáo lý đã khắp nghe thảy đều ngộ đạo. Kế sở hóa của đức Thích-ca gồm có hai loại Phật tử:

1) Người thất tâm.

2) Người không thất tâm.

Người không thất tâm bắt đầu từ Hoa Nghiêm cuối đến Pháp Hoa

nghe giáo đều ngộ, những người thất tâm thì đợi Phật tuyên bố diệt đến khi nói Niết-bàn mới đắc ngộ, nay nói người không thất tâm ứng ngộ đều đã đắc ngộ cho nên người nhập đạo nhiều. Người không thất tâm gồm có hai hạng.

1) Bồ-tát Trực vãng.

2) Hồi tiểu nhập đại, hai hạng người này nghe kinh Pháp Hoa đều được ngộ đạo do đó nhiều.

"Lại có tám thế giới cát bụi v.v...:" là nói người Địa tiền được lợi ích phát tâm Bồ-đề. "Đức Phật nói pháp này...": là nói tướng lành tức hiển lý đã rõ người ngộ đạo chẳng phải một cho nên cảm điềm lành, gồm có tám điềm lành, như văn có nêu.

Hỏi: Trước bỏ ba bày một vì sao không có điềm lành?

Đáp: đầu tiên nói nghĩa một quyền một thật chưa rốt ráo, và ba căn Thanh văn sanh tín còn nông cạn cho nên chưa hiện điềm lành nay khai đủ hai thứ quyền thật người ngộ đạo nhiều cho nên hiện điềm lành. "Khi ấy ngài Di-lặc...": là nói Di-lặc nghi trừ lãnh giải nói kệ khen ngợi.

Kệ có mười chín hàng chia làm bốn phần:

1) Một bài tụng giáo Phật nói.

2) Mười hàng tụng người được lợi ích.

3) Sáu hàng tụng điềm lành.

4) Hai bài khen ngợi Phật.

Trong phần hai lại chia làm ba:

1) Một hàng nói chung được lợi ích.

2) Tám hàng tụng riêng được lợi ích.

3) Một hàng tổng kết khen ngợi.

Tám hàng kệ ấy lại chia hai:

1) Bảy hàng tụng lợi ích đắc Thánh.

2) Một hàng tụng phàm phu phát tâm lợi ích. Trong bảy hàng có ba hàng tụng tăng đạo, ba hàng tụng tổn sanh, một bài tổng kết tụng hai thứ này.

"Lúc bấy giờ, Phật báo" v.v...: là nói so sánh lượng khen ngợi, căn cứ văn có hai:

1) Trường hàng.

2) Kệ tụng.

Văn xuôi có ba:

1) Chính nói về công đức.

2) Chính là so sánh lượng.

3) Tổng kết khen ngợi.

"Nếu có người thiện nam v.v...": là nói so sánh lượng, chỉ nói năm độ không nói Bát-nhã, người tin hiểu tuổi thọ lâu dài, tâm này tức là Bát-nhã không thể lại đem Bát-nhã so sánh Bát-nhã. Lại Bát-nhã tức là nghĩa tuổi thọ Phật chiếu cảnh gọi là bình đẳng đại tuệ. Dụng đại tuệ làm mạng nên gọi là tuệ mạng, tức đây là đại tuệ dùng pháp làm thân nên gọi Pháp thân. Nên biết Bát-nhã tức là tuổi thọ Phật không thể dùng tuổi thọ so sánh tuổi thọ. Kinh Thắng-man nêu đủ sáu độ so sánh đây tức là vô phương tiện Bát-nhã. "Nếu thiện nam tử v.v...": nêu tổng kết khen ngợi, kệ văn chỉ tụng hai chương sau.

Kệ mười bốn hàng tụng so sánh lượng, năm hàng rưỡi tụng tổng kết khen ngợi công đức. Mười bốn hàng đầu chia làm hai:

1) Mười hai hàng tụng riêng năm độ.

2) Hai hàng tụng so sánh lượng.

Mười hai hàng đầu lại chia hai: trước nêu thời gian dài tu hành sâu rộng nói chung năm độ, kế tụng năm độ.

"Lại nữa A Dật Đa...": đoạn lớn thứ ba của kinh kế nói truyền bá, gồm có mười một phẩm rưỡi kinh chia làm hai phần:

1) Bốn phẩm rưỡi nêu khen ngợi truyền bá,

2) Từ phẩm Chúc lụy đến hết kinh là bảy phẩm nói về phó chúc truyền bá, chủ yếu cần phải khen ngợi pháp tốt đẹp người phước tuệ sâu rộng mới được nương tựa khiến thọ hóa mở rộng cho nên chia hai loại này.

Căn cứ phần đầu văn lại có hai chương:

1) Từ văn nầy đến phẩm Bất Khinh ba phẩm rưỡi kinh chính nói về khen ngợi pháp, khen ngợi người.

2) Một phẩm Như lai Thần Lực, Phật thấy chúng sanh hai đời nghe kinh được lợi ích tâm sanh vui mừng hiện thần lực lớn.

Chương đầu lại có hai:

1) Từ đây đến hết phẩm là lược khen ngợi truyền bá.

2) Ba phẩm rộng khen ngợi truyền bá.

Từ đây đến hết phẩm lại chia làm hai:

1) Khen ngợi, công đức của người mở rộng kinh khi Phật tại thế.

2) Khen ngợi công đức của người mở rộng kinh sau khi Phật diệt độ.

Căn cứ đầu lại có ba:

1) Nói công đức Văn tuệ.

2) "Huống chi rộng nghe v.v...": là nói công đức Tư tuệ.

3) “A Dật Đa v.v...”: là nói công đức tu tuệ.

“Và lại sau khi đức Như lai diệt độ... “: là nói công đức của người trì kinh sau khi đức Như lai diệt độ. Trước là văn xuôi sau kệ tụng. Văn xuôi nói về bốn hạng người:

1) Người hạ phẩm có Văn tuệ.

2) Người trung phẩm Tư tuệ.

3) Người thượng phẩm là Tu tuệ.

4) Người thượng thượng phẩm là từ thượng phẩm tách ra thêm một phẩm.

“Huống là người đọc tụng...”: là nói người thứ hai gồm có hai câu:

1) Khen ngợi người trì kinh là người đầu đội Như lai.

2) “A Dật Đa...”: khen ngợi người trì kinh thau nhiếp các công đức.

Văn có bốn trường hợp:

1) Nói chung khen ngợi người trì kinh làm công đức xây tháp tạo chùa.

2) “Tức đem Xá-lợi Phật xây tháp bảy báu...”: là nói riêng công đức xây tháp,v.v... của người trì kinh.

3) “A Dật Đa...”: là nói riêng táccông đức của người trì kinh. “Cho nên ta nói...”: Tổng kết người trì kinh đầy đủ hai thứ công đức đủ cả xây tháp làm chùa.

“Huống lại có người...”: là nói người thượng phẩm Tu tuệ. “Nếu người đọc tụng...”: là nói người thượng thượng phẩm. Kệ văn chỉ tụng ba hạng người không tụng người Văn tuệ thứ nhất.

Kệ có mười một hàng rưỡi tụng về người Tư tuệ, kế ba câu tụng người tu tuệ thượng phẩm. “Chẳng sân chẳng ác miệng...”: là tụng người thượng thượng phẩm tu tuệ.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 11

PHẨM TÙY HỶ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI TÁM

Ba phẩm dưới đây là nói rộng về công đức người trì kinh khuyến khích truyền bá, ba phẩm chia làm ba chương:

1) Phẩm Tùy Hỷ nói về công đức hạ phẩm.

2) Phẩm Pháp Sư nói về năm hạng pháp Sư tức là công đức trung phẩm này.

3) Phẩm Thường Bất Khinh nói về công trì Pháp Hoa được sáu căn thanh tịnh cho đến thành Phật gọi là công đức thượng phẩm.

Căn cứ phần vị:

1) Phẩm đầu Tùy hỷ là nói người sơ phát tâm đến địa vị Thập tín.

2) Người sáu căn thanh tịnh địa vị ba mươi tâm, nên Luận Pháp Hoa chép: Người được sáu căn thanh tịnh là hàng phàm phu nhờ lực của kinh cho nên được căn thắng dụng, chưa nhập Sơ địa mà văn kinh nói là chưa đắc vô lậu cho nên biết đó là người Địa tiền.

3) Phẩm Thường Bất Khinh nói theo tích tức từ nội phàm trở lên đến thành Phật, ba phẩm này gồm nhiếp năm mươi hai địa vị Đại thừa. Năm mươi hai địa vị phàm thánh đều từ trong kinh Pháp Hoa sanh ra cho nên khen ngợi sự thắng dụng của kinh, khuyên chúng sinh truyền bá hành trì.

Sở dĩ có phẩm này vì:

1) Xa trước phẩm Pháp Sư nói đệ tử hai đời nghe kinh tùy hỷ trên tuy nói liền thọ cho ký nhưng chưa nói rộng công đức, nay muốn nói nên có phẩm này.

2) Nếu theo phẩm kế tục sanh thì nghe phẩm Phân Biệt Công Đức trên vui mừng truyền đạt cho nhau nên có phẩm Tùy Hỷ. Cuối phẩm trên nói sau khi Như lai diệt độ nếu nghe kinh này không sanh chê bai

và khởi tâm tùy hỷ nên biết người ấy tin hiểu sâu xa, nay muốn nói công đức kia nên có phẩm này.

4) Muốn nêu kém bày thắng khen ngợi công đức kia khuyên chúng sinh truyền bá hành trì, chỉ im lặng tùy hỷ thì phước đã vô biên huống chi lại viết chép thọ trì đọc tụng v.v... ư?

5) Phẩm trên nêu thọ trì cúng dường kinh này công đức vô lượng. Lại có người không thể viết chép thọ trì lại cho là không có công đức, vì vậy nên nay nói về nếu không thể viết chép thọ trì chỉ khởi tâm tùy hỷ thì phước cũng vô biên. Lại phần truyền bá Kinh này khiến ban đầu nói phẩm tùy hỷ: Kinh này nói về hai quyền hai thật trái với xưa nói những người chấp giáo nghe trái tai, nghịch tâm không thể tín nhận, vậy nên nay nói về công đức tùy hỷ vô biên tức là khuyên tin hiểu.

Hỏi: Vì sao người nghe kinh không nghe tùy hỷ ư?

Đáp: Trong phẩm Hiện Bảo Tháp đã nêu ra sáu người, nay nói về bốn:

1) Người học Tiểu thừa chấp chặt giáo xưa, nghe hai quyền hai thật trái tai nghịch tâm không sanh vui mừng.

2) Chấp Kinh này cũng là vô thường nhân quả vẫn còn chưa rốt ráo, nếu nghe nhân Nhất thừa nói có thật tánh, quả Nhất thừa thường trú bất diệt cũng trái tai nghịch tâm không sanh tín nhận nên không sanh tâm tùy hỷ.

3) Người chấp ngăn che tướng thường nghe kinh này mở cửa phương tiện chỉ bày nói tướng chân thật rốt ráo vô dư liễu nghĩa, cũng trái tai nghịch tâm nên không sanh tùy hỷ.

4) Người có sở đắc chấp chặt quyền là thật, nếu nghe phi quyền phi thật vô y vô đắc cho là đoạn kiến cũng trái tai nghịch tâm không sanh tùy hỷ, cho nên rất khó có người tùy hỷ, và công đức có nhiều như.

Hỏi: Vì sao gọi là tướng tùy hỷ?

Đáp: hai đoạn kinh đều có thể dụng, thể dụng của thừa quyền thừa thật là không ba không một; ngôn ngữ dứt, ý quên gọi là thể, của thừa, xưa vì chúng sinh nói ba, nay phá ba nói một gọi là dụng của thừa. Thể dụng trong thân quyền, thân thật pháp thân phi thường vô thường, mạng không dài không ngắn cũng lời đoạn ý dứt gọi là thể của thân Phật. Xưa vô thường nay thường, xưa ngắn nay dài gọi là dụng của thân, thuận theo thể dụng của hai quyền hai thật mà sanh vui mừng cho nên có tướng tùy hỷ.

Hỏi: Tùy hỷ có bao nhiêu thứ?

Đáp: Lược có hai thứ:

1) Tùy hỷ pháp.

2) Tùy hỷ người.

- Tùy hỷ pháp: Nếu thuận theo kinh này mà sanh vui mừng tức là Kim cương Bát-nhã, tín tâm không nghịch nên gọi là tùy hỷ.

- Tùy theo người trước làm mà sanh vui mừng, như thấy người thọ trì kinh này cho đến giải thích mà sanh vui mừng nên gọi là tùy hỷ người.

Hỏi: Tâm năng tùy hỷ và sự được tùy hỷ hơn kém hế nào?

Đáp: Có bốn trường hợp:

1) Đều không có hơn kém, sở tùy hỷ là vô sở đắc, năng tùy hỷ cũng vô sở đắc.

2) Năng sở đều kém, sở tùy hỷ là có sở đắc, năng tùy hỷ cũng có sở đắc.

3) Sở tùy hỷ hơn, năng tùy hỷ kém: như phàm phu tùy hỷ bậc Thánh gieo trồng gốc lành.

4) Năng tùy hỷ hơn, sở tùy hỷ kém, như bậc Thánh tùy hỷ phàm phu gieo trồng gốc lành.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm nói về có sở đắc tùy hỷ hồi hướng như là ăn tạp độc. Ăn tạp độc: Lúc đầu ăn tuy ngon sau thì hại thân. Có sở đắc tùy hỷ ban đầu cảm báo trời người sau sẽ thọ sanh già bệnh chết ưu bi khổ não nay nói về tùy hỷ những gì?

Đáp: Ý Phật nói về tùy hỷ Pháp Hoa, Pháp Hoa là pháp vô sở đắc tức là Bát-nhã, vì thế so sánh lượng ở phẩm trước nêu năm độ trừ Bát-nhã nên biết là tác vô sở đắc tùy hỷ. Lại nếu có sở đắc tùy hỷ, tức là chiêu cảm quả báo thế gian, làm sao có thể hơn sau tài thí pháp thí ư!

Hỏi: Có tâm năng tùy hỷ có sự được "Sở" tùy hỷ làm sao thành vô sở đắc ư?

Đáp: Đã gọi là năng sở tức là nhân duyên cho nên năng không tự tánh năng, năng gọi là sở năng, sở không có tự tánh sở, sở gọi là năng sở, năng sở như vậy không có tự tánh tức là vắng lặng, nên Trung luận chép: pháp do nhân duyên sở sanh tức là nói tánh vắng lặng. Tịch diệt bởi là năng sở rõ ràng tự nhiên không hề năng sở nên gọi là vắng lặng, vắng lặng rõ ràng tự nhiên mà không mất năng sở, năng sở rõ ràng mà vắng lặng tức là phương tiện thật tuệ, vắng lặng rõ ràng mà năng sở tức là thật tuệ phương tiện, cho nên kinh Đại Phẩm chép: Bồ-tát tùy hỷ dục không rơi vào tâ m, tưởng, thấy ba thứ điên đảo, nên dùng Bát-nhã phương tiện lực.

Hỏi: Hỷ trong Tứ đẳng, hỷ trong Thiền chi, bảygiác chi, năm thọ có gì khác với hỷ ở đây?

Đáp: Hỷ trong bốn vô lượng đẳng là mừng cho người khác mà được vui? Trong Thiền chi là mừng tự mình có được trừ bỏ, trong năm thọ là chung cả mình, người, cấu uế và thanh tịnh; trong bảy giác chi chỉ là vô lậu, đều có khác với hỷ ở phẩm này.

Hỏi: Chỉ tạo vô đắc tùy hỷ hay cũng tạo hữu đắc tùy hỷ ư?

Đáp: Ban đầu hành Bồ-tát chưa kham nổi tu tập quán không đắc, chỉ tác hữu đắc tùy hỷ mà còn hơn người nghe trái tai.

Phẩm chia làm hai: Hỏi và đáp. Hỏi có văn xuôi và kệ. Di-lặc nêu hỏi: Tùy hỷ hồi hướng là pháp môn Bồ-tát nên đại sĩ vì chúng sanh nêu ra câu hỏi. Sở dĩ chính nói sau khi Phật diệt độ: Vì chính đời không gặp Phật nên chúng sanh vọng tìm bờ tự bặt. Phật đáp cũng có hai: Đầu là văn xuôi kế là kệ tụng. Văn xuôi có hai:

1) Chính là nói tùy hỷ công đức, đáp Di-lặc hỏi.

2) Nói rộng về bốn người còn lại sở đắc công đức.

Nêu tạng người tùy hỷ có ba:

1) Thông nêu công đức năm mươi người tùy hỷ.

2) Chọn người thứ năm mươi sau cùng nêu hai thí tài pháp để so sánh lượng.

3) Nói sau so sánh đầu.

Nói đầu càng hơn trước lại chia làm ba:

1) là nói người tùy hỷ.

2) "Nghe kinh này tùy hỷ rồi": là nói nghe pháp tùy hỷ.

3) "Từ trong pháp hội ra đến chỗ khác v.v...:" là nói chuyển giáo, tùy hỷ là tự hành, chuyển giáo là hóa tha.

"Các người đó nghe rồi...:" là nói người tự hành hóa tha. "Người khác nghe rồi v.v...:" là nói người tự hành hóa tha. "Xoay vần như thế đến người thứ năm mươi:" Trên nói lược ba người, nay từ bốn người trở lên đến năm mươi. "A Dật Đa v.v...": là nói so sánh lượng của người thứ năm mươi. Trên thì nói tùy hỷ, nay ở đây nói công đức thì gọi là phẩm nêu ai việc:

1) Tùy hỷ.

2) Công đức.

Lại chia bốn phần:

1) Hứa nói răn bảo lắng nghe.

2) "Nếu bốn trăm muôn ức v.v...": Chính là nói tài pháp thí để hỏi Di-lặc.

3) Di-lặc vâng đáp.

4) Đức Phật so sánh lượng.

Trước nói về tài thí. Nói pháp thí. Trong phần nói về tài thí trước nói ruộng phước, kế nói thí chủ. Nói sáu đường nêu bốn loài, luận Tạp Tâm chép: sáu đường chỉ cho nhiếp chánh sanh không nhiếp trung ấm nhiếp sanh bất tận, nay muốn nhiếp sanh tận, cho nên nói bốn sanh. Trời và địa ngục hoàn toàn hóa sanh, ngạ quỷ có thai hóa sanh, nhân súc sanh đủ bốn loài. Nói sáu đường: khai hiệp khác nhau, hoặc hiệp làm một gọi là phần đoạn sanh tử, hoặc chia làm hai tức hai đường thiện ác, hoặc chia làm ba, có chỗ gọi là ba cõi, lại chia làm năm, y kinh Chánh Pháp Niệm nói Tu-la có hai: Hoặc quỉ hoặc súc sanh nên không có đường riêng. Theo Kinh Già-đà thì Tu-la gồm quỷ, súc sanh và trời thuộc về ba đường nên không có đạo riêng y kinh này thì nói sáu đường. Luận Trí Độ chép: ba thứ địa ngục gọi là lạnh, nóng, đen tối. ba thứ súc sanh là đất, nước, hư không. Ba thứ quỉ: Nga quỉ, quỉ ăn đồ bất tịnh, thần quỉ. Theo các kinh nói hai thứ địa ngục:

1) Chánh địa ngục ở bên biển lớn.

2) Biên địa ngục ở giữa các núi.

Chánh địa ngục có một trăm ba mươi sáu chỗ. Y Kinh Chánh Pháp Niệm chép: Súc sanh có ba mươi bốn ức chủng loại, đủ có tứ sanh tứ thực: Ngạ quỉ có hai:

1) Ở loài người.

2) Ở cõi quỉ.

Diêm-phù-đề xuống dưới năm trăm do tuần là nước của ngạ quỉ, chủng loại riêng có ba mươi sáu. Bắt đầu từ ngạ quỷ thân bị nấu cho đến ngạ quỉ thân bị đốt. Có hình không hình là sáu đường cùng bốn sanh gồm nhiếp nghĩa là một môn nhiếp chúng sanh tức là thú cùng sanh, nay dùng hai môn gồm nhiếp gọi là có hình không hình. Kế là nhiếp ba môn gọi là hữu tưởng vô tưởng phi hữu tưởng, phi vô tưởng; kế bốn môn nhiếp, không chân, hai chân, bốn chân nhiều chân đều là tăng số pháp môn dùng để nhiếp sanh.

"Có người cầu phước...": là nói về thí chủ. "Mà nghĩ rằng...": Nói pháp thí gồm có ba câu:

1) Trước nói ý pháp thí.

2) "Liền nhóm chúng sanh đó v.v...": chính là nói pháp thí.

3) "Đồng thời đều chứng đắc...": Nói được lợi ích. Hai câu trước là pháp thí nay nói ruộng phước.

"Ngài Di-lặc bạch Phật v.v...:" Nói Di-lặc vâng đáp. "Đức Phật

bảo v.v...”: Chính là nói so sánh lượng hai thí: Thời gian dài tu hành sâu rộng sở dĩ không bằng tùy hỷ, vì tài thí là nhân thế gian, pháp thí chỉ đắc Nhị thừa, tùy hỷ siêu phàm vượt Thánh chắc sẽ thành Phật cho nên tùy hỷ là hơn. Như lửa đom đóm trong khắp mười phương không bằng ánh sáng một mặt trời, loài dã can khắp cả đại thiên không bằng một con Sư tử. luận Trí Độ chép: Ba ngàn cỏ cây không bằng một cây Như ý. Lại tội phước từ sự trái và thuận lý sanh thế gian, nhị thừa gốc lành cách xa lý nên phước ít, tùy hỷ cách lý gần nên phước nhiều. Thiện có ba phẩm: Tài thí là nhân thế gian gọi là hạ phẩm, pháp thí khiến đắc Nhị thừa gọi là trung phẩm, tùy hỷ thành Phật gọi là thượng phẩm.

“A Dật Đa! Người thứ năm mươi như v.v...”: là dùng sau so sánh đầu. Có người chép: Người đầu tiên hơn, người sau cùng kém. Người thứ nhất trước nghe Phật nói pháp, kế năm mươi người nghe pháp tùy hỷ tức là năm mươi vị gọi là Thập địa, bốn mươi tâm, người thứ năm mươi là Thập tín sơ tâm, người đầu là Thấp địa tâm cuối cho nên người sau không bằng người đầu. Nay nói về không đúng, nghe kinh hơn kém trước sau bất định, nay tạm theo một cách giải thích là người đầu gần gũi nghe nên phước hơn người sau nghe truyền lại nên phước kém.

Lại “A Dật Đa v.v...:” nói rộng bốn người còn lại: Di-lặc chỉ lược hỏi tùy hỷ, Đức Phật đáp rộng. Luận Trí Độ giải thích trong phẩm Vãng Sanh chép: Thân Tử lược hỏi mà Phật đáp rộng, như người nghèo xin chút ít vật dụng người giàu bố thí nhiều.

Hỏi: Phẩm nêu đủ về công đức năm người vì sao riêng đề phẩm Tùy hỷ?

Đáp: Tùy hỷ là đầu tiên trong năm người cho nên nói nghiêng lệch. lại phẩm này dùng nói riêng danh, phẩm Pháp Sư dưới từ thông thọ xưng hai danh tránh nhau nên nêu xen lẫn.

Người thứ nhất đi đến nghe pháp nên được quả báo sanh lên cõi trời, nếu đến bên cạnh nghe pháp thì rõ ràng được báo phước vô biên. Trong ba phẩm, nếu người hạ phẩm cất chân đi đều có xe voi ngựa đưa đi, người trung phẩm được đi xe bảy báu, người thượng phẩm lên cõi trời. Người thứ hai chỉ chọn phần tòa một bên nên được quả báo ba đời làm vua, nếu đến bên nghe pháp thì phước vô cùng. Người thứ ba chính chọn khuyên người nghe Pháp Hoa được bốn thứ báo:

1) Khuyên người nghe kinh đó chính là bạn lành cho nên sau được báo gặp bạn lành, nên nói cùng Bồ-tát Đà-la-ni sanh chung một chỗ.

2) Nên khuyên người nghe pháp trước người thọ giáo chỉ chốc lát nghe pháp phát sanh trí tuệ sau lại được quả báo trí tuệ, cho nên Kinh

nói lợi căn trí tuệ.

3) Dùng miệng nghiệp khuyên người nghe pháp mầu nhiệm người kia sanh tín chánh giải cho nên miệng không hôi hám được quả báo xinh đẹp khôi ngô.

4) Khuyên người nghe kinh người ấy là bạn lành đời đời thường được thấy Phật nghe pháp tín nhận dạy bảo. Người thứ tư, "huống chi nhất tâm nghe": người ấy phước báo cao quý không thể nói hết.

Kệ có mười tám hàng tụng năm người trước chia làm năm biệt nhưng không thứ lớp: Chín hàng đầu tụng người thứ nhất. Kế năm hàng tụng người thứ tư. Sở dĩ tụng vượt đến người thứ tư là do người thứ tư cùng người đầu đều là nói rộng công đức cho nên tụng một chỗ. Ba người còn lại nói lược nên tụng một chỗ, lại tùy hỷ là vì người khác nói pháp. Thứ tư khuyến người khác nghe pháp đều là vì người khác, nghĩ ý nương nhau thành cho nên tụng một chỗ. Kế hai bài tung người thứ hai, kế một bài tụng người thứ ba, đây đã là đi đến và phân tòa khiến ngồi, nghĩa loại liên tục nên liên kế tụng một hàng, sau tụng người thứ năm. Trước thứ một giải thích văn xuôi có ba, nay chín hàng tụng đủ, một bài rưỡi đầu tụng thứ một. "Người sau cùng v.v..." sáu hàng rưỡi tụng thứ hai nêu hai bố thí so sánh, kế một bài tụng thứ ba nêu sau so sánh đầu.

PHẨM PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC THỨ MƯỜI CHÍN

Sở dĩ có phẩm này là vì:

1) Xa là từ phẩm Pháp Sư mà có, Phẩm Pháp Sư nói lược hai đời đệ tử hai đời Pháp sư, phẩm Tùy Hỷ đã nói rộng công đức hai đời đệ tử, nay kế nói công đức hai đời Pháp sư.

2) Gần từ cuối phẩm Phân Biệt Công Đức nói về ba phẩm người:

a) Hạ phẩm gọi là tùy hỷ người; Phẩm tùy hỷ đã nói rộng công đức kia.

b) Nay kế nói rộng hai phẩm người còn lại cho nên có phẩm này.

c) Trên phẩm Tùy hỷ lẫn lộn nói về hai thứ công đức thế gian xuất thế gian, như nương cung trời và tòa chuyển luân gọi là công đức thế gian, tùy hỷ chuyển giáo sau được thành Phật là công đức xuất thế gian, phẩm này chỉ nêu công đức xuất thế gian, do sáu căn thanh tịnh ở ba cõi không có nên gọi là xuất thế gian. Căn cứ địa vị nói về: Trước là địa vị đệ tử Thập tín, nay là địa vị các sư ba Hiền. Căn cứ người: Phẩm trước nói về năm người, phẩm này cũng nói về năm người.

Phẩm đây nói về Sư mở rộng pháp được công đức sáu căn thanh tịnh để khuyến khích người trì kinh, phẩm chia làm hai:

1) Nói chung năm hạng Pháp Sư đắc sáu ngàn công đức.

2) Biệt giải thích đối thường tinh tấn.

a) Tùy duyên thích nghi.

b) Người này trì kinh rồi đắc quả báo căn thanh tịnh cho nên lại đối.

b) Muốn được tịnh căn ắt phải tinh tấn, nhân danh nói nghĩa cho nên đối. “Sáu ngàn công đức”: Bồ-tát hành thiện không ra ngoài ba nghiệp v.v...: Thân ba miệng bốn ý ba hiệp thành mười thiện: một thiện là đầu chín thiện còn lại trang nghiêm, mười thiện ấy xen lẫn trang nghiêm thành một trăm thiện. Tự hành một trăm thiện dạy người khác hành một trăm thiện, người khen ngợi một trăm thiện, pháp khen ngợi một trăm thiện, hiệp làm bốn trăm thiện. Căn cứ năm hạng Pháp Sư mỗi hạng đều đủ bốn trăm thành hai ngàn thiện, hai ngàn thiện này lại có phẩm thượng trung hạ cho nên thành sáu ngàn. Có người nói Bồ-tát hành Thập thiện, một thiện cũng dùng chín thiện trang nghiêm cho nên thành mười thiện, mười thiện liền thành một trăm thiện, tự hành một trăm thiện dạy người hành một trăm thiện, khen ngợi pháp làm một trăm khen ngợi người làm một trăm hiệp thành bốn trăm, bốn trăm đây có thượng trung hạ phẩm thành một ngàn hai trăm, hàng ba căn trì kinh

dụng thắng đầy đủ đắc ba phẩm nên có một ngàn hai trăm, còn ba căn trì kinh dụng kém chỉ đắc trung hạ hai phẩm nên có tám trăm. Có người chép: Căn cứ một trăm phước mà luận, kinh này có một trăm phước tướng trang nghiêm, phẩm Dược vương trang dụ, thì biết sáu căn đều đầy đủ một trăm phước, mỗi một phước đều có một trăm thiện trang nghiêm thành một ngàn công đức, một căn một ngàn thì thành sáu ngàn. Nhưng ba căn đối với việc mở rộng kinh công đức cao quý thì nhiều, ba thứ còn lại đã kém nên ít. Nói về năm thứ pháp Sư làm nhân cho nên được sáu ngàn công đức. Kinh Phổ Hiền Quán nói về sám hối tội của sáu căn nên được sáu căn thanh tịnh, nhưng sám hối có hai pháp: Đầu tiên đối mười phương sanh thân Phật căn cứ trong sự sám hối tội sáu căn cho nên nói từ vô thỉ đến nay sáu căn tạo tác ba chướng nay đều sám hối. Kế đối với pháp thân Phật y thật tướng sám hối quán sáu căn là nhân duyên sanh xưa nay vắng lặng; đầy đủ hai thứ sám hối nầy nên sáu căn thanh tịnh.

Hỏi: Thực hành hai thứ sám hối này sáu căn mới thanh tịnh vì sao kinh này nói năm hạng Pháp Sư đắc sáu căn thanh tịnh ư?

Đáp: Quán thật tướng của thân sám hối tức là trì kinh nầy cho nên không trái nhau.

"Các người thiện nam tử v.v..." là khai riêng sáu căn thanh tịnh mỗi căn đều có văn xuôi và kệ tụng. Mắt do cha mẹ sanh ra. Luận Pháp Hoa chép: người phàm phu nhờ năng lực kinh nên được dụng căn cao quý chưa nhập Sơ địa, nếu nhập Sơ địa thì bỏ xả thân phần đoạn trong ba cõi thì không dùng mắt của cha mẹ sanh. Ngài Long Thọ phân rõ hai nhẫn cũng vậy. Nhu thuận nhẫn gọi là nhục thân, vô sanh nhẫn tức là pháp thân, cũng gọi là pháp tánh sanh thân. Kinh này nói nhục nhãn là nhu thuận nhẫn.

Hỏi: Mắt chỉ nên thấy sắc vì sao lại nói thấy nghiệp nhân duyên quả báo?

Người Tiểu thừa nói nhục nhãn chỉ thấy sắc pháp, thiên nhãn thông: do thiên nhãn làm phương tiện cho nên phát thiên nhãn trí năng biết các việc sanh tử đời vị lai.

Luận Pháp Hoa chép: Sáu căn thanh tịnh, trong mỗi căn đầy đủ sáu dụng vì vậy gọi là nhãn căn cũng biết nghiệp hành và quả báo.

Hỏi: sáu căn vì sao được dùng lẫn nhau?

Đáp: Ngộ sáu căn tức là thật tướng, thật tướng tức là pháp thân cho nên sáu căn vô ngại, do đó nên được dùng lẫn nhau.

Hỏi: Căn đầy đủ công đức nhiều ít khác nhau vì sao đồng thấy

Tam thiên ư?

Đáp: Như đèn tuy lớn nhỏ đồng chiếu một nhà.

Hỏi: Vì sao chỉ thấy ba ma trời không thấy nhiều ư?

Đáp: luận Trí Độ chép: Ngoài cõi Tam thiên có phong luân trái với nhãn cho nên không thể thấy.

Hỏi: Đã có thể thấy Tam thiên vì sao không gọi là thiên nhãn ư?

Đáp: Vì chẳng tu thiền đắc tịnh sắc nhập vào mắt, lại chẳng sanh báo ở cõi trời kia cho nên không gọi là thiên nhãn.

Hỏi: thiên nhãn của Nhị thừa thấy Tam thiên có gì sái khác với nay?

Đáp: Nhị thừa chỉ thấy cõi nước Tam thiên, nay y thật tướng sám hối và sức trì kinh đắc nhãn căn thấy Chư Phật và Bồ-tát từ đất vọt lên và tháp báu cho nên khác với Nhị thừa.

Hỏi: Phổ Hiền Quán chép: Sám hối tội sáu căn nay nói trì kinh có gì khác nhau không?

Đáp: Nhất thừa tức thật tướng nên trì kinh tức là sám hối, sám hối tức trì kinh.

Núi Di Lâu: Trung hoa gọi là Cao Sơn, lại nói Quang Sơn. Tu-di Sơn: Hán dịch là An minh Sơn cũng gọi là Hảo cao sơn.

Kế giải thích nhĩ căn, văn xuôi chia là ba:

1) Nói chung năm hạng pháp Sư làm nhân.

2) Được một ngàn hai trăm công đức nhĩ căn: là nói quả.

3) Dùng tai thanh tịnh đó: Biệt khen ngợi dụng của nhĩ căn.

Đó là nói về công đức, có ba, câu: câu đầu nói chung Thanh văn. “Tiếng voi v.v...” Là nói riêng tiếng nghe. “Tóm lại...:” Là tổng kết tiếng nghe. “Nói mà không hư nhĩ căn:” Muốn nghe thì tùy ý nghe được tự tại cho nên không hoại. Lại người trì kinh ngộ pháp vắng lặng tuy nghe mà không hề nghe cho nên nói là lại hoại.

Hỏi: Nhĩ làm sao hơn nhãn được một ngàn hai trăm công đức?

Đáp: Người không có mắt thì không chướng ngại tự hành hóa tha, đối với người điếc thiếu hai nghĩa nầy cho nên nhĩ hơn nhãn.

Kế giải thích tỷ căn. Văn xuôi cũng hai: Đầu nêu năm hạng pháp Sư làm nhân, kế nói quả công đức. Trong quả cũng có ba: chung, riêng, kết. Trong riêng có hai: Trước nói ngửi được hương trong ba cõi. Kế “mùi hương Thanh văn” là ngửi nghe mùi hương của người ngoài ba cõi. Trong cõi Dục có hai: Ngửi mùi hương trong loài người, kế mùi cõi trời. Trong loài người có ba: Ngửi mùi phi chúng sanh, kế mùi chúng sanh. “Và cỏ cây v.v...:” Hiệp ngửi hai mùi hương. Trong các tầng trời

cõi Dục cũng có hai mùi hương của chúng sanh và phi chúng sanh, cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng có hai mùi hương, tìm văn dễ biết. Trên nghe tiếng loạn nay không loạn tức xen lẫn hiển. Nói xa nghe mùi, hỏi: Tiểu thừa có ba chép:

1) Luận Bà-sa chép: trong ba căn hiệp biết, đó là tị thiệt thân, trong ba căn lìa biết đó là nhãn nhĩ ý. Tạp Tâm chép: Trong hai căn lý biết, ý không nên lìa hợp.

Luận Thành chép: Nhãn chỉ ly mà không hợp, tị thiệt thân hợp mà không lìa, nhĩ căn vừa hiệp vừa lìa, nghe tiếng bên ngoài là lìa nghe tiếng gọi bên tai là hợp, ý căn chẳng lìa chẳng hợp nay vì sao nói tị xa nghe mùi hương ư?

Đáp: Xưa giải thích: trách nhiệm căn thường dùng thì như ba giải thích trên nay nương theo lực kinh nên tỉ có thể ngửi mùi từ xa. Luận Pháp Hoa chép: một căn đủ sáu dụng mà nói mũi xa nghe mùi hương, đây thì biết cảnh thắng dụng, tị căn biết nên đây ý nói tị căn đã đầy đủ sáu dụng, sao lại không ngửi được mùi xa ư! Bởi Bồ-tát không sáu mà sáu quyền trí khéo dụng, nếu sáu mà không sáu tức không hề dụng, không sáu mà sáu gọi là thật phương tiện, sáu mà không sáu là phương tiện thật, người trì kinh đã ngộ kinh này đầy đủ hai tuệ nên có thể như. Phổ Hiền Quán ý cũng vậy. Biết sáu tức thật tướng nên biết sáu thường không sáu, ngộ thật tướng tức sáu căn nên không sáu mà thường sáu, nên sáu không sáu đều vô ngại, đây là ngộ hữu vô vô ngại. Lại căn cứ trong hữu, sáu căn tự vô ngại có thể một căn làm sáu dụng, sáu căn làm một dụng. Hoa Nghiêm chép: Nhãn nhập Tam-muội nhĩ xuất chánh thọ quán nhãn vô sanh, vô tự tánh, nói không vắng lặng vô sở hữu tức chứng minh kia.

Hỏi: Tỳ-đàm chép: Cõi trên không có hương vị nay vì sao nói ngửi hương ở cõi Phạm ư?

Đáp: Phạm Thế có hương thơm nhỏ nhiệm người Tiểu thừa năng lực yếu không thể biết nên nói không có hương. Đại Sĩ lợi căn không bờ bến nên nói ngửi mùi hương cõi Phạm.

Hỏi: Luận Thành chép: vàng bạc không có hương, Kim cương không có vị vì sao kệ nói tạng báo giấu trong đất nghe mùi biết chỗ nào ư?

Đáp: có người chép: Luận nói không là không có hương thô nay nói nhỏ nhiệm. Có người chép: Đây là chấp thể vật cho nên có hương, chất vàng bạc thì không có mùi hương, như gió không có mầu sắc. Phẩm Quán Âm chép: Nếu phong tùy theo chỗ thổi cho nên được tên nầy, nay

cũng.

Nay nói đồng trên phá nghĩa của Tỳ-đàm, Tiểu thừa độn căn không biết hương trời kia, đại sĩ thì biết. Hoa Tu mạn na Hán dịch Hảo ý hoa. Xa Đề hoa hương Hán dịch Sanh cũng dịch là thật. Ba la la hoa Hán dịch là Trọng. Ba-lợi-chất-đa-la: Ba-lợi Hán dịch là Hộ, Chất-đa-la dịchlà các thứ. Câu bệ đà la: Hán dịch là Đại du hý, địa địa phá. Chiêm bặc hoa hương (mùi bông chiêm bặc): Hán dịch là Hoàng hoa thọ, cũng dịch là Kim sắc hoa.

Trong công đức thiệt căn đắc hai thứ quả: Đắc quả thượng vị nghĩa là các vật thô nhám đến thiệt căn thì đều biến thành thượng vị. Đây có hai nghĩa:

1) Như cõi trời thức ăn dở biến thành thượng vị, như ngạ quỷ thức ăn ngon trái lại thành đồ bất tịnh.

2) Trong cổ họng Phật có suối cam lộ hòa tất cả thức ăn đều thành cam lộ, nay người trì kinh tùy phần cũng có.

Hỏi: Thiệt có thể biết vị dở, vị chưa đến lưỡi thì đều biến thành thượng vị, tai có thể nghe các tiếng xấu vì sao không biến thành tiếng tốt?

Đáp: Đều xen lẫn thông suốt. Tai đã nghe tất cả tiếng hay dở, tốt xấu, lưỡi cũng chọn lọc thông thạo riêng biệt tất cả vị chỉ xen lẫn khen ngợi! Lại nữa, người khác không thể xa nghe tiếng nay khen ngợi sức trì kinh có thể nghe xa các người không đắc thượng vị, khen ngợi người trì kinh sức có thể đắc thượng vị. Lại tiếng không lợi ích cho thân nên không cần biến, vị chánh giúp cho thể chất nên cần phải biến. Trong thức ăn đầy đủ các vị trần, trần đã biến thì thức ăn cứng nếu đụng vào thì cũng thành mềm, cho đến màu đỏ biến thành cơm trắng, nêu một lệ theo nhiều cũng. Lại vị chính lợi thân nên nói về biến, các thứ khác không chính lợi ích nên không nói về biến. “Người đó ở chỗ nào các Đức Phật đều hướng về phía đó nói pháp”: Người này đã trái hoặc hướng đến lý cho nên thường thấy được mặt Phật như chuyển hướng, còn nếu trái lý hướng về hoặc thì không thể thấy Phật, như trái với Phật, đây là giải thích trong thân căn đắc quả thân thanh tịnh: Như trên, tị căn đã xa ngửi mùi, thân căn cũng xa biết xúc chạm, nhưng nay không chọn nghĩa này, chỉ nói về tâm các người bất tịnh nên thân căn bất tịnh, người trì kinh tâm tịnh nên thân tịnh, như A-nan khuôn mặt như gương sáng, sắc tượng già trẻ đều hiện trong đó.

Kệ nói chỉ tự hiểu rõ, là người trì kinh riêng tự hiểu các người khác không trì kinh nên không thấy chỗ Bồ-tát thấy là giải thích trong ý

căn nói nghiêng về sau khi Như lai diệt độ nêu một loại. Nói về ý thanh tịnh đủ đắc bốn biện tài, nghe một câu một kệ gọi là Pháp biện, thông đạt Vô Lượng Nghĩa gọi là Nghĩa biện, năng giảng nói một câu một kệ gọi là Từ biện, mà nói "một tháng bốn tháng. Một năm": mmột tháng là đầu trong mười hai tháng, bốn tháng là một trong bốn thời, một năm là thời cuối cùng, nói lược ba thời đầu, giữa, sau, "Tam Thiên đại thiên thế giới v.v..." là biết căn cơ, tức là Nhạo nói biện tài.

PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH BỒ-TÁT THỨ HAI MƯƠI

Sở dĩ có phẩm này gồm có bảy nghĩa:

1) Ba phẩm nói ba thứ công đức, hai phẩm trên nói hai công đức của phẩm hạ, trung đã rồi, nay kế nói công đức phẩm thượng.

2) Kinh này từ đầu đến cuối nói người tuyên dương trì tụng được ba đời công đức. Phẩm Phân Biệt Công Đức ban đầu nêu mười hai thứ lợi ích nghe kinh ngộ đạo được công đức đời hiện tại. Từ Phẩm Phân Biệt Công Đức đến phẩm Pháp Sư khen ngợi kinh này có thể sanh công đức cho chúng sanh đời vị lai, nay một phẩm nầy khen ngợi kinh có công năng sinh ra công đức chúng sanh đời quá khứ đây đều y cứ khi Phật còn tại thế, ở đây phân ba đời, lực kinh tuy nhiều mà cho không ngoài lợi ích ba đời.

3) Gần tức chứng minh phẩm Pháp Sư cho nên có: Trên tuy nói người trì kinh được sáu căn thanh tịnh mà chưa có việc ấy, nay dẫn đức Thích-ca bổn sanh tự thân chứng nghiệm. Chứng nghiệm: Là chánh chứng nghiệm sau khi Phật diệt độ người trì kinh này được sáu căn thanh tịnh, và khuyên chúng sanh đời vị lai trì kinh.

4) Trên nói quả sáu căn thanh tịnh nay trình bày nhân sáu căn thanh tịnh, muốn được căn tịnh phải như Bồ-tát Thường Bất Khinh nhất tâm nhẫn chịu các sự đánh đập lăng mạ vì chúng sanh mở rộng kinh thì hiện tại thân được các căn thanh tịnh.

5) Muốn nói chúng sanh đều có Phật tánh thành Nhất thừa cho nên nói phẩm này. Tất cả chúng sanh có Phật tánh không có các tánh khác cho nên chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác. Xưa nói kinh Pháp Hoa chỉ nói về người thiện có Phật tánh, kinh Niết-bàn nói người có tâm đều được thành Phật. Nay nêu phẩm này chính là nói người ác có Phật tánh. Phẩm Phương Tiện nêu một chút thiện đều thành Phật đạo thì biết tất cả người có tâm đều có Phật tánh đều thành Phật.

Hỏi: Chúng sanh nầy vì sao là những người ác ư?

Đáp: Tiểu thừa chấp chặt chống trái Đại thừa là người hủy báng Phương Đẳng, lại người chấp Tiểu không tin Đại thừa đối với Đại thừa không tin là người nhất xiển đề tức là người cực ác. Nghĩa có Phật tánh không khác với Niết-bàn.

6) Từ trước đến nay nói nghĩa thọ ký còn tự chưa hết, trên chỉ nói Phật thọ ký chưa nói Bồ-tát thọ ký thì người năng thọ ký chưa hết, trên chỉ thọ ký cho người thiện chưa thọ ký cho người á, do đó người được thọ ký chưa hết. Trên chỉ hiện tại thọ ký chưa nói về sau khi Phật diệt

độ cũng được thọ ký, tức là thời gian chưa hết, nay muốn nói về nghĩa của ba thứ hết cho nên nói phẩm này.

7) Hai phẩm trên kinh đã rộng khen ngợi phước người trì kinh khuyên vật nói về sự tu hành, nay kế rộng trình bày tội chê bai pháp chê bai người khuyên đời vị lai chớ tạo nghiệp ấycho nên nói phẩm nầy.

- Thường Bất Khinh: Tất cả chúng sanh thường có Phật tánh cho nên nói các pháp xưa này tướng tự vắng lặng, Đại sĩ quán được tâm nầy nên thường không khinh vật từ người mà nêu tên. Phẩm chia làm hai: trước văn xuôi kế kệ tụng.

Văn xuôi chia làm ba phần:

1) Nêu hai loại người tin và chê.

2) Dẫn quá khứ cùng chứng hai việc.

3) Cùng khen ngợi tức khen ngợi pháp khen người.

Phần một có hai:

1) Nêu người hủy báng mắc tội: “Bảo ngài Đắc Đại Thế v.v...:” Là nói lên Bồ-tát này biết pháp xưa nay tướng thường vắng lặng có thế lực chánh quán, không bị kết hoặc trói buộc khiến người mở rộng kinh cũng phải học tập. Tức là hiển rõ Thường bất khinh đắc đại nhẫn lực không bị nhục chí do đánh mắng khiến người trì kinh học theo hạnh ấy. “Như trước đã chép:” là cuối phẩm Thí Dụ.

2) Đắc công đức như trước đã nói v.v...: Nói về người trì kinh được phước.

- “Đắc Đại Thế v.v...:” là nói việc quá khứ song chứng. Văn có hai:

1) Nêu lý do.

2) Chính là nói việc Thường bất khinh.

Trong lý do lại có hai:

1) Nói một Đức Phật ra đời.

2) Nói nhiều Đức Phật ra đời.

Đầu có bảy câu:

1) Nêu thời gian.

2) Có Phật hiệu là Oai Âm Vương: là nói hóa chủ.

3) Kiếp tên Ly suy: là Nêu tên kiếp.

4) Nước tên Đại Thành: là Nêu tên nước.

5) Đức Phật Oai Âm Vương kia: là nêu giáo môn. Nhân Ba Bồ-đề nói lục Ba-la-mật. Nhân: Là do. Vì giúp cho chúng sanh đắc Ba Bồ-đề, vì vậy nên Như lai nói sáu độ.

6) “Đắc Đại Thế v.v...:” là nói thọ mạng.

7) "Chánh pháp trú thế v.v..." là Nêu trú thế; "Chánh pháp tượng pháp sau khi diệt hết"... là nói nhiều Phật ra đời. Đầu tiên Đức Phật Oai Âm Vương v.v...: Chính là nói việc Thường Bất Khinh, lại chia hai:

1) Đầu tiên nêu hai người hành nhân.

2) Nêu hai người đắc quả.

Trong hành nhân gồm có năm cặp:

1) Nêu thời gian hành nhân, nghĩa là chánh pháp đã diệt ở trong đời tượng pháp có hai người tin và chê. Sở dĩ chỉ y cứ tượng pháp là muốn khuyên chúng sanh đời tượng pháp trì kinh cũng được các căn thanh tịnh, lại khuyên răn người thời tượng pháp chớ chê bai người chê bai pháp.

2) "Tỳ-kheo tăng thượng mạn..:" cùng nêu hai người: trước nêu người ác, sau nêu người thiện.

3) "Đắc Đại Thế v.v...:" cùng nêu hai người hành nhân: trước nói người thiện hành nhân, đây Bồ-tát dùng ba nghiệp phá bệnh mở rộng kinh: Thân nghiệp lễ bái, miệng nghiệp khen ngợi. Sở dĩ thân cung kính vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là Phật đương lai, nay muốn cung kính vị Phật đương lai cho nên lễ bái, miệng khen ngợi cũng như vậy, do đều có Phật tánh sẽ được thành Phật cho nên khen ngợi Phật đương lai. Thân miệng đã có cung kính khen ngợi thì có trải qua ý nghiệp nên đầy đủ ba nghiệp mở rộng kinh Pháp Hoa. Luật dạy: Tỳ-kheo không lễ bái người thế tục, nay nói lễ bốn chúng ấy là pháp đại tiểu có khác nhau. Như Kinh Niết-bàn chép: Người có hiểu biết pháp hoặc già hoặc trẻ thảy đều cung kính.

Hỏi: Lúc bấy giờ vì sao thực hành việc cung kính khen ngợi mở rộng Nhất thừa ư?

Đáp: Bất Khinh mở rộng kinh gồm có hai việc:

1) Mật nói.

2) Hiển nói.

Hành cung kính khen ngợi tức là thầmnói Nhất thừa, sau đắc nhãn căn thanh tịnh đầy đủ trí tuệ thần thông hiển nói Nhất thừa. Sở dĩ trước mật nói sau hiển nói là vì đời mạt pháp người tăng thượng mạn ác mạnh, thiện yếu không thể nói ngay cho nên đầu chỉ được nói sơ lược qua, trong sơ lược chỉ nói thành Phật gọi là nghĩa hiển thật, chưa được bác bỏ Nhị thừa nên không mở cửa phương tiện.

"Rất kính quí ngài": Là hiển chúng sanh có chánh nhân Phật tánh. Mà nói rất kính là vì đã có Phật tánh tức là Phật đương lai là rất cung kính cho nên nói rất. Lại chúng sanh có Phật tánh có nghĩa thậm thâm

cho nên nói rất kính. Hành đạo Bồ-tát: là nói duyên nhân Phật tánh, tuy có Phật tánh chủ yếu cần phải tu hành mới được thấy. “Sẽ được thành Phật”: là vốn có Phật tánh, nay lại hành nhân đủ nghĩa hai nhân duyên chánh cho nên được thành Phật. Nhưng kinh chép: Tất cả chúng sanh xưa nay là Phật, đối duyên nghĩa là chẳng phải Phật, như Trưởng giả thấy cùng tử là con mình mà cùng tử tự cho là khách chẳng phải con của Trưởng giả, cho nên hiện Phật đối duyên thành “sẽ”. Lại trong đây chưa kham nổi nói chúng sanh xưa nay là Phật chỉ được nói sẽ thành. Sau trong hiển nói mới được nói về Phật pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng tức là Phật. “Trong hàng bốn chúng...:” là nói nhân hạnh của người ác. Tu Bồ-đề không khởi tránh luận với người nay sanh tức giận người cùng là Đại Tiểu thừa khác nhau hợp thời mà khuyên.

“Trải qua nhiều năm như v.v...:” Cùng lặp lại nêu hai người hành nhân, nay trước nói người thiện hành nhân, trước chỉ hành nhân thiện, nay kế nói nhẫn ác. “Lúc nói lời đó:” Là nêu người ác hành nhân. “Chạy tránh đứng xa”..: cùng nói lại hành nhân, trên nói nhẫn lời chê mắng, nay kế nhẫn thân đánh đập. “Do ông thường nói lời đó...:” Là tổng kết tên Thường Bất Khinh, tức nói nghĩa người ác hành nhân.

Hỏi: Thường Bất Khinh mở rộng kinh có gì khác với ba việc ở phẩm Pháp Sư?

Đáp: Thường Bất Khinh đầy đủ ba việc: Có tâm từ bi mới năng hành cung kính khen ngợi tức là vào nhà Như lai, nhẫn nơi sự đánh mắng gọi là mặc áo Như lai. “Rất quí các ông”: Tức là biết các pháp tướng thường vắng lặng gọi là ngồi tòa Như lai.

Trải qua nhiều năm thường làm việc này tức là tâm không biếng nhác. Vì bốn chúng nói pháp lại tức là tứ hạnh an lạc, do biết có Phật tánh, Phật tánh tức là bậc nhất nghĩa Không gọi là hạnh vắng lặng, đã thực hành cung kính khen ngợi thì không kiêu mạn, nhẫn chịu được đánh mắng tức đâu có tâm ganh ghét trải qua nhiều năm nhẫn khổ mở rộng đạo thì đủ đại từ bi cho nên đầy có bốn hạnh. “Vị Tỳ-kheo đó lúc sắp chết..:” là nói hai người đắc quả, trước nói người thiện đắc quả, kế nói người ác đắc quả. Người thiện đắc quả có hai: trước nói đắc quả, kế kết hợp xưa nay. Đắc tám thứ quả:

1) Quả nghe pháp năng trì: Trong đây nói hai mươi ngàn muôn ức bài kệ kinh Pháp Hoa tức kệ thủ lư.

2) “liền được nhãn căn hanh tịnh như trên v.v...:” Tức nói đắc quả các căn thanh tịnh “sáu căn thanh tịnh đó: là nói quả tuổi thọ lâu dài tức đại sĩ ấy đạt pháp không sanh diệt đâu có tâm còn mất, chỉ muốn vì vật

mở rộng kinh cho nên thị hiện có tuổi thọ lâu dài.

4) “Lúc đó các vị tăng thượng mạn v.v...” là nói quả người ác tin phục. “Đại thần thông lực:” Nghĩa là thân thị hiện thần thông lực. “Nhạo nói biện lực:” là miệng nghiệp nói pháp. “Đại thiện tịch lực:” Ý đắc thiền định.

5) “Lại giáo hóa v.v...” là nói người khéo trụ nơi đạo quả.

6) “Sau khi qua đời v.v...” là xả thân được quả Phật.

7) “Ở trong pháp chư Phật” Nêu đắc quả sáu căn thường thanh tịnh không sợ hãi.

Nay nói Thường Bất Khinh đắc quả thứ tám, căn cứ vị có ba:

a) đắc căn thanh tịnh nghĩa là quả nội Ba Hiền phàm.

b) Đắc căn thường thanh tịnh tức đắc Sơ địa trở lên, đắc vô sanh nhẫn liễu ngộ tất cả pháp xưa nay vắng lặng cho nên các căn thường thanh tịnh.

c) Đắc quả Phật địa, trước chưa đắc các căn thanh tịnh thì gọi địa vị Thập tín mà mở rộng kinh nên người này đầy đủ năm mươi hai địa vị hiền Thánh.

8) “Đắc Đại thế v.v...” Nêu quả sẽ được thành Phật. Tám quả không ra ngoài ba báo: bốn quả đầu là hiện báo, kế một quả là sanh báo, ba quả sau là hậu báo.

“Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao?” Là kết hợp xưa nay. Đắc Đại Thế! Thuở đó...: là nói người ác đắc quả cũng chia làm hai:

1) Chính là nói đắc quả.

2) Kết hợp xưa nay.

Trong đắc quả có hai:

1) Đắc quả ác.

2) Đắc quả thiện. Trước đắc quả ác sau đắc quả thiện: Do đánh mắng Thường Bất Khinh nên đắc quả ác sau tin chịu thuận theo nên được quả thiện.

Hỏi: Kinh nói Chư Phật, Bồ-tát không vì chúng sanh gây ranhân duyên phiền não vì sao lễ bái khen ngợi sanh nhân ác ư! Sau khiến bị quả khổ ư?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Bốn chúng tăng thượng mạn ác đã thành tựu, ắt rơi vào địa ngục, nay lễ bái khen ngợi vì tạo nhân ra khỏi địa ngục duyên thành Phật chẳng sanh vào chỗ ác kia. Sở dĩ biết như vậy là do lúc Thường Bất Khinh chưa lễ lạy đã là tăng thượng mạn rồi. Lúc bấy giờ, đã chấp tiểu không tin Đại đó là người hủy báng Phương đẳng.

2) Như vị thầy thuốc ở đời trị bệnh có hai cách:

a) Cho thuốc tốt liền lành bệnh.

b) Cho thuốc đắng lúc đầu tuy không ưa thích mà sau chắc an vui. Chư Phật cũng vậy. Tự có đầu nói diệu pháp tức liền liễu ngộ, tự có ban đầu vì nói pháp tâm kia hủy báng rơi vào địa ngục, sau do điều thiện nầy chắc được giải thoát, nếu không vì nói thì không hy vọng giải thoát.

Hỏi: Phẩm Thí Dụ chép: Người chê bai kinh Pháp Hoa đọa vào ngục A tỳ trải qua vô số kiếp, sao nay chỉ nói ngàn kiếp ư?

Đáp: Bốn chúng nếu trực kế sanh chê bai thì như kia nói, nay nghe Bất Khinh mạnh vì kia nói, tuy hủy báng mà nhờ vào sức này nên chịu khổ thì nhẹ và sau được tin hiểu.

Hỏi: Bất Khinh gọi là hạnh thật hay hạnh quyền ư?

Đáp: Tích đã thọ lượng thì biết đó là hạnh quyền.

“Hết tội đó rồi v.v....:” là nói đắc thiện. “Đắc Đại Thế! Nên biết v.v...:” Là đoạn lớn khen ngợi giáo khuyên tu chia làm hai: trước khen ngợi kế khuyến. Trước khen ngợi giáo: Do năng lực kinh Pháp Hoa nên Thường Bất Khinh được hai thứ lợi ích:

1) Hết các tội kia là năng lực diệt ác.

2) Được sáu căn thanh tịnh cho đến thành Phật gọi là năng lực sanh thiện. Sở hóa bốn chúng cũng được hai lợi ích:

1) Do năng lực kinh chịu khổ nhẹ.

2) Được vượt khỏi địa ngục cho đến Bồ-đề bất thoái. “Vì vậy các Bồ-tát v.v...” là khuyên tu.

Văn kệ không tụng văn xuôi cùng nêu tin, chê chỉ tụng song chứng và khen ngợi khuyên tu, chia làm hai:

Mười lăm hàng rưỡi tụng tụng thứ nhất song chứng, bốn hàng còn lại tụng thứ hai khen ngợi giáo khuyên tu. Song chứng có hai:

1) Nói lý do.

2) Chính là nói việc Thường Bất Khinh, nay tụng đủ. Đầu một bài rưỡi tụng thứ nhất. Sau khi Phật diệt độ là tụng thứ hai.

Văn xuôi có hai:

1) Nói hành nhân.

2) Nói đắc quả, nay tụng đủ.

Trước bốn hàng tụng hai người hành nhân. “Tội Bồ-tát hết rồi v.v...” Mười hàng tụng đắc quả: Đầu năm hàng tụng người thiện đắc quả. “Khi ấy bốn bộ chúng..:” năm hàng tụng người ác đắc quả. Khai thị dạy cho người khiến trụ trong Niết-bàn v.v... “Thường khiến hiểu

biết các pháp từ xưa nay tướng thường vắng lặng gọi đây là Pháp Hoa dạy đắc Niết-bàn. “Trải qua ức muôn kiếp v.v...” Là tụng khen ngợi giáo khuyên tu: hai bài kệ tụng khen ngợi giáo, do chúng sanh gieo giống Trung đạo gốc lành không hai đã thiếu ít, đối người kia vì khó nghe nên Phật cũng khó nói. hai bài tụng khuyến tu: Do khó nghe đã được nghe, khó nói đã được nói, nên kịp thời tu hành chớ sanh nghi.

PHẨM NHƯ LAI THẦN LỰC THỨ HAI MƯƠI MỐT

Môn khen ngợi lưu thông, có hai phần:

1. Ba phẩm trước phẩm này là chính là nói về khen ngợi pháp, khen ngợi người.

2. Nói Như lai hiện thần lực.

Sở dĩ ban đầu khen pháp khen người, sau đó hiện thần lực:

1) Là do trên đã khen pháp khen người, Chư Phật dùng đạo nhãn thấy mười phương hiện tại, vị lai nhiều kiếp, hai đời chúng sanh đều muốn giảng nói hành trì, do gốc lành này dẫn đến thành tựu Phật, cho nên Phật vui mừng hiện thần lực lớn.

2) Trên tuy là khen người khen pháp mà khuyên giảng nói thọ trì chưa hết, nay lại hiện thần lực, lại khen người khen pháp, khuyến khích mở rộng kinh, cho nên đoạn văn sau chép: Thần lực của Chư Phật vô lượng vô biên, dùng thần lực này ở trong vô lượng kiếp mà khen ngợi kinh thì công đức không thể cùng tận, cho nên hành giả phải thọ trì.

3) Thần lực nầy từ kinh này sanh ra, nếu muốn được quả báo ấy thì phải thọ trì kinh này.

4) Kế là nghĩa phẩm trên, trước tuy có dẫn việc quá khứ đắc sáu căn thanh tịnh, mà đại chúng lúc ấy tin chưa rõ ràng nên Như lai hiển bày rộng lên thần lực.

5) Kinh này trước sau gồm có ba hội, hội đầu trên núi Linh Thứu ở cõi uế, nói thừa phương tiện thừa chân thật. Hội thứ hai là ba lần biến cõi nước tám phương thành cõi tịnh để nói thân phương tiện thân chân thật. Hội thứ ba là từ phẩm Thần lực, mười phương thế giới thông đạt vô ngại đồng làm một cõi khiến chúng sanh mười phương đều nghe Pháp Hoa.

Chỗ của ba hội này là từ hẹp đến rộng, đại chúng cũng từ ít đến nhiều, phẩm này chia ra hai phần.

1) Các Bồ-tát nghe khen ngợi pháp khen ngợi người ở các phẩm trước liền phát nguyện mở rộng kinh.

2) Phật thấy các Bồ-tát phát nguyện mở rộng kinh tâm sanh vui mừng nên hiện thần lực lớn.

Các Bồ-tát từ đất vọt lên có hai ý:

1. Vì khai phát tuổi thọ tức bắt đầu từ điều thiện.

2. Phát nguyện truyền bá kinh khiến thiện đến cuối cùng Đại pháp chân chánh thanh tịnh, vì đối với Nhị thừa không ngay thẳng nên gọi là chân, hệ lụy chẳng có gì không hết nên gọi là tịnh, đức không gì không

tròn đầy nên gọi là đại.

"Lúc bấy giờ, đức Thế tôn v.v...", đây là nói phần hiện thần lực, gồm có văn xuôi và kệ tụng văn xuôi chia làm hai, ban đầu là hiện thần lực, sau là khen ngợi pháp và khuyên tu. Phần hiện thần lực lại chia làm hai, ban đầu nói hiện thần lực, sau nói đại chúng lúc ấy thấy thần mà được lợi ích. Phần đầu lại chia ra hai ý, ban đầu nói ở trước đại chúng, sau chính là nói hiện thần lực lớn.

Sở dĩ ở trước đại chúng, là muốn đại chúng được lợi ích, cũng là muốn khen ngợi Phật có thần lực tự tại không có sợ hãi. Nói về hiện thần lực, ở trong ấy hiện năm món thần lực.

1) Hiện tướng lưỡi, biểu hiện nói hai thứ phương tiện, hai thứ chân thật không có luống dối. Luận Pháp Hoa chép: Đưa tướng lưỡi dài rộng là khiến nhớ nghĩ, tức là nhớ nghĩ lời Phật dạy không có luống dối.

2) Phát ra ánh sáng, là nói lên kinh này có thể diệt mê hoặc mà sanh hiểu biết, như ánh sáng xua tan tối tăm, các vật được thấy rõ, lại muốn cho kia đây thấy nhau.

Hỏi: Hai chỗ trước chỉ phóng một ánh sáng nơi hai đầu chân mày, nay vì sao phát ra ánh sáng từ tất cả chân lông mà chiếu khắp cả mười phương?

Đáp: Hai chỗ trên là biểu hiện chỉ có Nhất thừa và pháp thân không hai, cho nên chỉ phát ra một lần ánh sáng. Nay muốn truyền bá kinh này khiến chúng sanh trong hai đời đều được tin hiểu và thọ trì cho nên phát ra tất cả ánh sáng.

Phân thân của Phật cũng hiện ra hai điềm lành, là muốn nói lên cùng một pháp thân mà ứng tích như nhau, cho nên đồng hiện hai điềm lành. Lại nữa, đại chúng thấy nhiều Phật hiện thần lực thì tấm kính tin thêm sâu xa, nếu một vị Phật thì lời nói có thể không thật, nhưng cả Chư Phật mười phương lẽ nào luống dối sao, vì thế đồng hiện tướng lưỡi rộng dài.

"Đầy đủ cả trăm ngàn kiếp", thần lực trong một lúc thì chưa đủ gọi là ít có, đủ tất cả trăm ngàn năm mới là đặc biệt kỳ diệu, cũng là nói lên pháp ở đời lâu cho nên thần lực hiện lâu dài.

Hỏi: Vì sao hoàn nhiếp tướng lưỡi mà không thâu ánh sáng?

Đáp: Biểu hiện việc nói pháp đã xong nên hoàn nhiếp tướng lưỡi, nhưng muốn khiến mười phương được thông suốt, kia đây thấy nhau nên không thâu ánh sáng lại. Kinh Niết-bàn thì biểu hiện chỗ làm đã xong nên thâu ánh sáng.

3&4. "Đồng thời cùng tằng hắng và búng ngón tay": Xưa nói tằng

hắng là biểu hiện nói hai thứ phương tiện, hai thứ chân thật làm thích hợp ý Phật. Luận Pháp Hoa chép: Hiện tiếng tằng hắng là khiến chúng sanh nghe nói kệ, nghe rồi thì đúng như thật tu hành, không có phóng dật. Búng ngón tay là biểu hiện giác ngộ chúng sanh, khiến người tu hành được giác ngộ.

5. Đất rung chuyển là cũng khiến chúng sanh giác ngộ, biết Phật nói pháp lại chỉ bày tướng vô thường khiến mau tu pháp này. Cũng là biểu hiện chúng sanh trong mười phương xa nghe hội này nói kinh Pháp Hoa, tùy hỷ cúng dường, nhờ vào gốc lành mà sau được thành Phật, cho nên đất rung chuyển. Theo ý Luận Pháp Hoa thì tướng lưỡi và tằng hắng là thuộc về điềm lành của miệng nghiệp, phát ra ánh sáng và búng ngón tay là thuộc điềm lành của thân nghiệp, đất rung chuyển là điềm lành của ý nghiệp. Trong văn kinh là nói theo thứ lớp, hai điềm lành trước thuộc về sắc, hai điềm lành kế theo thuộc về tiếng, bốn điềm lành này gọi là điềm lành chánh báo, đất rung chuyển là điềm lành y báo.

Năm điềm lành theo thứ lớp, tướng lưỡi là bậc giáo chủ nói pháp, cho nên hiện trước, nói pháp có dụng diệt hoặc sanh hiểu biết cũng khiến mười phương được thông đạt, kia đây cùng thấy nhau, cho nên kế đến là phát ra ánh sáng. Kia đây đã thấy nhau cho nên tằng hắng khiến được nghe, khiến nghe là khiến giác ngộ cho nên búng ngón tay. Bốn điều này là hiện điềm lành chánh báo đã rồi, kế đến hiện đất rung chuyển là điềm lành y báo.

"Chúng sanh ở trong ấy" là nói chúng sanh mười phương thấy điềm lành, trước có hiện điềm lành hai chỗ là có nhiều lợi ích ở hội này, nay hiện năm thứ thần lực là có nhiều lợi ích cho mười phương, nên nói mười phương đều thấy, ở đây chia làm bốn:

1) Thấy hiện thần lực mà sanh vui mừng.

2) Chư thiên xướng nói khuyến khích tùy hỷ cúng dường, tức câu: "Tức thời chư thiên ở giữa hư không".

3) Nói mười phương thuận theo, tức câu: "Các chúng sanh ấy nghe tiếng nói giữa hư không rồi chắp tay v.v...".

4) Phật lại hiện hai món thần lực, tức câu: "Các vật rải xuống thí như mây nhóm".

Tất cả đều thành màn báu là biểu hiện pháp thân không hai, như phần kinh sau nói. Thông đạt vô ngại như một cõi Phật, là nói lên giáo pháp không khác nhau như phần kinh trước nói, là biểu hiện mười phương đồng ngộ hai điều này.

"Lúc bấy giờ Phật bảo đại chúng bậc Bồ-tát thượng hạnh", đây

là phần khen ngợi pháp và khuyên tu. Trong phần khen ngợi pháp lại chia bốn ý:

1) Tất cả pháp mà Như lai hiện có, tức là phần đầu kinh nói về thừa phương tiện, thừa chân thật.

2) Như lai có tất cả thần lực tự tại, tức là phần sau kinh nói về thân phương tiện, thân chân thật, thích ứng giáo hóa dài hoặc ngắn đó là thần lực tự tại.

3) Như lai có tất cả tạng bí yếu, hai thứ này bao gồm tất cả nghĩa, nên gọi là yếu, pháp mà thuở xưa chưa nói nên gọi là bí.

4) Như lai có tất cả việc sâu xa, thọ ký cho người trong năm thừa thành Phật thì gọi là việc sâu xa. Bốn ý này là theo thứ lớp, lại bao gồm hết ý nghĩa của một bộ kinh. Ý đầu là nói pháp nhân quả của Nhất thừa, thứ hai nói chỗ hiện thần thông của một bộ kinh, thứ ba nói nhân quả thần thông xưa chưa nói nên gọi là bí yếu, thứ tư thì như cách giải thích trên.

"Cho nên các thầy sau khi Như lai diệt độ, phải một lòng thọ trì v.v...", đây là phần khuyến khích. Phần kệ lại chia làm hai:

1) Kệ tụng hiện thần thông.

2) Kệ tụng về khuyên tu.

Trong phần hiện năng lực thần thông chia làm ba phần:

1) Kệ tụng nói vì lợi ích của chúng sanh mười phương trong hiện tại mà hiện thần lực.

2) Hai bài kệ kế chính là nói hiện thần lực.

3) Một bài kệ nói vì lợi ích cho chúng sanh ở đời vị lai nên hiện thần lực.

Vì phó chúc kinh này nên nói về khuyến khích tu, lại chia ra hai phần:

1) Khen ngợi.

2) Khuyên thọ trì.

Phần khen ngợi lại có bảy phần:

1) Hai hàng kệ đầu nói về công đức vô biên.

2) Một hàng kệ rưỡi nói được thấy Chư Phật.

3) Hai hàng kệ nói Chư Phật vui mừng.

4) Một hàng kệ nói không bao lâu sẽ được thành Phật.

5) Một hàng kệ rưỡi nói đắc bốn thứ vô ngại.

6) Một hàng kệ rưỡi nói đắc ý thú của kinh.

7) Một hàng kệ rưỡi nói diệt chướng hoặc sanh giải ngộ.

Người trì kinh Pháp Hoa thì có được bảy quả báo này, đây là phần

khuyên thọ trì, như văn chép: Sau khi ta diệt độ, nên thọ trì kinh này v.v..."

PHẨM CHÚC LỤY THỨ HAI MƯƠI HAI

Trên đây đã nói về khen ngợi truyền bá kinh, nay nói về phó chúc truyền bá.

Hỏi: Tiểu thừa cho rằng Phật mãi vào cõi vô dư, không trở lại giáo hóa chúng sanh nên phải phó chúc. Kinh này nói pháp thân thường còn, có cảm thì có ứng, vì sao lại phải phó chúc?

Đáp: ở đây gồm có ba nhân duyên:

1) Đại chúng lúc ấy nghe Phật ân cần phó chúc thì tâm tôn trọng pháp sâu xa, ai nấy đều muốn thọ trì, giảng nói.

2) Phó chúc cho các Bồ-tát là khiến họ thực hành lợi mình và lợi tha.

3) Bồ-tát có nhân duyên nặng với chúng sanh, cho nên khiến Bồ-tát mở rộng kinh và hóa độ chúng sanh.

Văn nầy chia hai phần:

1) Phẩm này cính là nói về phó chúc.

2) Từ phẩm Dược Vương trở đi là vâng mệnh truyền bá. Nói chữ chúc lụy, chúc là phó chúc, lụy là dựa vào, chúc lụy có hai nghĩa:

1) Phó chúc pháp cho người, nghĩa là phó chúc pháp mầu Đại thừa cho các Bồ-tát.

2) Dùng người phó chúc cho người, đem chúng sanh trong hai đời phó chúc cho Bồ-tát tứ y, như luận Kim cương Bát-nhã phó chúc Bồ-tát căn chưa thành thục cho Bồ-tát căn cơ thành thục, nay là đủ hai nghĩa này.

Luận Trí Độ chép: Bát-nhã chẳng phải là pháp bí mật nên phó chúc cho Thanh văn Pháp Hoa là pháp bí mật nên phó chúc cho Bồ-tát. Luận tự giải thích rằng: Bát-nhã chưa nói La-hán thành Phật, chỉ nói Bồ-tát thành Phật nên lời ấy dễ hiểu Thanh văn có thể thông suốt nên thích hợp phó chúc cho Thanh văn. Pháp Hoa nói A la hán thành Phật đối với giáo xưa là rất sâu, Thanh văn chưa hiểu nên phó chúc cho Bồ-tát, phẩm này có ba phần:

1. Đức Phật phó chúc.

2. Bồ-tát nhận lời phó chúc.

3. Nói việc nói kinh đã xong.

Phần đầu lại chia làm hai ý:

1. Đức Phật xoa đầu phó chúc mà nói hiện thần lực lớn. Có người nói đó là bảy thứ thần lực như phẩm trước nói, nhưng nay không đúng. Đức Thích-ca đưa cánh tay mấy thước đồng thời xoa khắp đảnh vô lượng

Bồ-tát số nhiều như cát bụi của ngàn thế giới, thần lực lớn này không có gì hơn đây.

"Mà nói lời này", trước hiện thần lực lớn nghĩa là ý nghiệp phó chúc, dùng tay xoa đảnh nghĩa là thân nghiệp phó chúc, nay miệng nghiệp phó chúc.

"Khó đắc Bồ-đề", đây là khen ngợi pháp Bồ-đề khó đắc, muốn cho chúng sanh tôn trọng pháp. Kinh này nói về hai phương tiện hai chân thật, nay nói chung Bồ-đề tức là nhất chánh quán, chánh quán là ý tự tại, cho nên gọi là thừa, tức phần đầu của kinh. Có thể làm dài hoặc ngắn thích ứng giáo hóa, gọi là tuổi thọ, tức phần sau của kinh, nay nói chung Bồ-đề tức bao gồm hai phần.

2. Giải thích ý chúc lụy, tức câu: "Vì sao", tức là chỉ bày phương cách truyền bá, gồm có ba cách:

a. Khiến trên học theo Chư Phật.

b. Khiến dưới biết căn tánh chúng sanh.

c. Đủ hai nghĩa này thì chẳng pháp nào không mở rộng, chẳng người nào không lợi ích, đó là báo ân Phật.

Như lai có đủ ba đức bên trong:

1. Có lòng từ bi lớn, thường ưa cứu khổ ban vui.

2. Không có bỏn sẻn, không cất giấu pháp báu, hai thứ này là nghiệp công đức của Phật.

3. Không có sợ sệt, tức nghiệp trí tuệ.

Bên trong đủ ba đức này, bên ngoài ban cho chúng sanh ba thứ trí tuệ, trí tuệ của Phật là tuệ chiếu hữu, trí tuệ của Như lai là tuệ chiếu không. Trí tuệ tự nhiên là tùy ý biết hai thứ không và có, tức là vô công dụng tuệ. Ba thứ tuệ này bao gồm tất tả tuệ, kinh này tuy nói hai quyền hai thật mà ý là ở nhập tuệ Phật. Cho nên nói riêng. "Các ông cũng nên theo học pháp của Như lai", trên là nói bên trong có ba đức, bên ngoài ban ba tuệ nay là khuyên Bồ-tát nên theo học.

"Chớ sanh tâm bỏn sẻn", bỏn sẻn có năm thứ:

1. Bỏn sẻn chỗ ở.

2. Bỏn sẻn nhà.

3. Bỏn sẻn bố thí.

4. Bỏn sẻn khen ngợi.

5. Bỏn sẻn pháp.

Bỏn sẻn pháp thì có bảy lỗi:

1. Đời đời thường mù.

2. Đời đời ngu si.

3. Thường sanh vào nhà kẻ thù.

4. Mất đầu thai làm Thánh.

5. Phật ba đời oán trách.

6. Người lành xa lánh.

7. Không có việc ác nào không gây ra.

Do có bảy tội này nên Đức Phật riêng căn dặn đừng bỏn sẻn. "Ở đời vị lai nếu có người nào v.v...", đây là khiến biết căn tánh chúng sanh, gồm có hai câu:

1. Nếu người có tâm lớn thì nên nói pháp đúng như thật.

2. Nếu có chúng sanh không tin Nhất thừa thì vì họ mà nói giáo pháp Ba thừa.

"Các ông nếu được như thế v.v...", đây là nói nếu có thể học theo hai đức của Phật, biết hai căn cơ chúng sanh để mở rộng pháp lợi người, tức là đã báo ân Phật.

Hỏi: Trong văn chép: "Nếu có chúng sanh không tin nhận thì ở trong pháp khác của Như lai nên chỉ dạy cho họ", nhưng ba tạng Tiểu thừa chẳng phải là sâu mầu, đại pháp tức là Đại thừa, vì sao lại riêng có pháp sâu mầu khác nữa?

Đáp: Phương Đẳng gồm có hai: một là Đại thừa, hai là nhất thừa, các pháp khác tức là Đại thừa.

Hỏi: Vì sao họ tin Đại thừa mà không tin Nhất thừa?

Đáp: Có hai hạng người tin Đại thừa mà không tin Nhất thừa.

1. Là Tiểu thừa tin kinh Đại phẩm. Kinh Đại phẩm tuy là Đại thừa mà chưa phế bỏ Tiểu thừa, cho nên Tiểu thừa tin Đại thừa là pháp Bồ-tát, tin Tiểu thừa tức là pháp Thanh văn.

2. Bồ-tát tân học cũng tin Kinh Đại phẩm, cho rằng Đại phẩm là nói pháp Bồ-tát, nói Đại phẩm là chỗ thực hành của chúng ta, chẳng phải chỗ thực hành của Nhị thừa.

Hỏi: Người Tiểu thừa đã không tin Nhất thừa, vì sao tin Đại thừa là kinh Đại phẩm?

Đáp: Kinh Đại phẩm là thầm khiến xả tiểu, thầm khiến tin đại, như trong phẩm Tín Giải trước mật Đại thừa có hai giáo pháp lợi mình lợi tha, cũng vì Bồ-tát tân học mà nói kinh Đại phẩm, thầm khiến tin một, thầm khiến xả ba.

"Lúc ấy, các vị Bồ-tát nghe Phật nói rồi", đây là nói Bồ-tát nhận lời Phật phó chúc, cũng chia làm hai phần:

1. Bạch Phật nhận lời phó chúc.

2. Ba phen thuận theo ý chỉ.

Trong mỗi văn đều có đủ ba nghiệp nhận lời phó chúc, ban đầu trong tâm vui mừng là ý nghiệp, kế đến là thân nghiệp cung kính, sau cùng là miệng nghiệp thuận theo.

"Lúc bấy giờ, Đức Thích-ca v.v..." đây là nói việc nói kinh đã rồi, chia làm hai phần:

1. Đức Thích-ca khiến các Đức Phật phân thân ở mười phương đến đều trở về bổn quốc.

2. Đại chúng vui mừng.

Hỏi: Vì sao khiến phân thân Chư Phật trở về bổn quốc, riêng tháp Đa Bảo được hoàn như cũ?

Đáp: Có nghi nhiều dễ dứt cho nên khiến phân thân khắp nơi, "hoặc" thường diệt khó phá nên chỉ có Phật Đa Bảo dừng một chỗ. Như cũ tức là khiến đóng tháp lại mà chưa khiến trở về cõi tịnh. "Sau đó đại chúng vui mừng" như văn.

Hỏi: Vì sao lại vui mừng?

Đáp: Từ đầu kinh cho đến phẩm Chúc Lụy là nói Phật có pháp sở thừa, người năng thừa đã rốt ráo, cho nên đại chúng vui mừng. Phẩm Dược Vương sau là nói pháp sở thừa, người năng thừa của Bồ-tát, cho nên phẩm Chúc Lụy ở giữa.

PHẨM DƯỢC VƯƠNG BỒ-TÁT BỔN SỰ THỨ HAI MƯƠI BA

Từ đầy trở xuống là thứ hai, các Bồ-tát đã vâng lời mở rộng kinh cho nên có phẩm Dược Vương và các phẩm sau. Trên đã nói kinh Pháp Hoa, nay nói người thực hành kinh Pháp Hoa có được quả báo để khuyên thọ trì truyền bá. Luận Trí Độ: Bà-nhã có hai môn:

1. Nói pháp là Bát-nhã.

2. Nói vị lai vãng sanh các Bồ-tát đồng với người thực hành Bà-nhã cũng vì đó mà nói Bà-nhã. Pháp Hoa cũng. Trước nay nói pháp là Pháp Hoa, nay nói đức hạnh của các Bồ-tát cũng là nói ở Pháp Hoa, cho nên Pháp Hoa có vô lượng môn khiến chúng sanh ngộ nhập.

Luận Nhập nhị môn giải thích nghĩa Đại thừa có hai ý:

1. Thừa của Chư Phật là bậc đại nhân nên gọi là đại.

2. Thừa của các Bồ-tát như ngài Di-lặc, Văn-thù cũng gọi là đại.

Đủ hai ý này thì ý nghĩa của thừa đã đầy đủ, kinh này nói Nhất thừa cũng như vậy, một là thừa của Chư Phật, hai là thừa của Bồ-tát. Từ đầu kinh cho đến phẩm Thần lực là nói pháp sở thừa và người năng thừa của Phật, chương này đã xong cho nên phó chúc. Từ phẩm này về sau là nói pháp sở thừa và người năng thừa của Bồ-tát, nhưng Ở trên là chia pháp sở thừa và người năng thừa thành hai đoạn, nay là hợp nói chung pháp sở thừa và người năng thừa, có sự khai hợp khác nhau là vì chuyển thế nói pháp.

Căn tánh của chúng sanh kết duyên khác nhau nhau, trên nói giáo hóa là đức Thích-ca kết duyên chúng sanh, việc này đã xong. Nay nói giáo hóa là Bồ-tát kết duyên chúng sanh, cho nên trong mỗi phẩm đều có ngộ đạo chứng nhập.

Kinh Tịnh Danh chép: "Bồ-tát thành Phật sự". Trên là nói Chư Phật thành Phật sự đã rồi, nay nói Bồ-tát thành Phật sự.

Nói thiện tri thức gồm có hai hạng:

1. Chư Phật là thiện tri thức chân thật của chúng sanh, cho nên triệu tập phân thân và Phật Đa Bảo quá khứ.

2. Bồ-tát là thiện tri thức của chúng sanh, cho nên nói rộng về Bồ-tát, như trong phẩm Pháp Giới nói kinh Hoa Nghiêm xong thì đến phần truyền bá. Nói rộng các Bồ-tát tức là Thiện tài chân thiện tri thức, Pháp Hoa tức là Hoa Nghiêm, cho nên nói Pháp Hoa xong trong phần truyền bá cũng nói vô lượng Bồ-tát tuyên dương Nhất thừa, là thiện tri thức chân thật của chúng sanh.

Theo Luận Pháp Hoa thì hợp sáu phẩm sau kể từ phẩm này trở đi

xếp vào bốn chương.

1. Hai phẩm đầu là nói lực khổ hạnh mở rộng kinh, nghĩa là Dược Vương dùng thân mạng và tài vật để báo ân cúng dường, mở rộng kinh lợi người, giáo hóa chúng sanh. Bồ-tát Diệu Âm phân thân khắp sáu đường để mở rộng tuyên Nhất thừa, đây gọi là lực khổ hạnh.

2. Hai phẩm Quan Thế Âm và Đà-la-ni là nói năng lực hộ nạn mở rộng kinh, Quán Âm thì dùng người mà cứu hộ ách nạn, Đà-la-ni thì dùng pháp môn mà cứu hộ tại nạn, đây gọi là năng lực hộ nạn.

3. Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương thị hiện công đức cao quý, nghĩa là hai ngài Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn có công đức cao quý, có thể khiến cho vua cha bỏ tà quy chính, tức là thiện tri thức chân thật của chúng sanh, đây gọi là lực công đức cao quý.

4. Phẩm Phổ Hiền gọi là năng lực hộ pháp, nghĩa là ngài Phổ Hiền dùng thần lực lớn mở rộng kinh này khiến không có các nạn, cũng gọi là năng lực hộ pháp. Bốn chương này là có thứ lớp, năng lực khổ hạnh nghĩa là báo ân cúng dường, truyền bá kinh này, tức trên nói mở rộng đại pháp. Chỉ vì người chịu sự giáo hóa thường có các lưu nạn, người truyền bá phải cứu họ mới có thể thọ pháp, cho nên có chương thứ hai. Sở dĩ dưới cứu độ chúng sanh là do có công đức cao quý, tức là giải thích sự cứu vớt. Sở dĩ có thể mở rộng kinh là nhờ sự ủng hộ pháp, cho nên nêu chương hộ pháp là giải thích sự thành tựu mở rộng kinh, ý truyền bá là ở bốn chương này.

Phẩm này chia làm bốn chương.

1. Ngài Tú Vương Hoa hỏi Phật.
2. Đức Phật trả lời.
3. Đại chúng lúc ấy được lợi ích.
4. Phật Đa Bảo khen ngợi.

Trong phần Tú Vương Hoa hỏi Phật lại chia làm ba:

1. Hỏi chung.
2. Hỏi riêng về hạnh khổ.
3. Cầu Phật giải đáp.

Phật giải đáp gồm có hai ý:

1. Nói về nhân duyên quá khứ của ngài Dược Vương.
2. Khen ngợi giáo hóa người, người là người thực hành pháp, pháp là pháp thành tựu người, tức là một cặp về khen ngợi người khen ngợi pháp. Ý đầu lại chia làm hai:

1. Nói về lý do.
2. Chính là nói việc quá khứ của Dược Vương.

Trong phần lý do gồm có năm việc.

1. Thuở quá khứ có Phật hiệu là Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như lai, đây là nói về bậc hóa chủ.

2. Phật ấy có tám mươi ức Bồ-tát, bảy mươi hai hằng sa chúng Thanh văn, đây nói về chúng đệ tử.

3. Đức Phật sống lâu bốn muôn hai nghìn kiếp, đây là nói về tuổi thọ của Phật.

4. Nước ấy không có người nữ, địa ngục, ngạ quỷ súc sanh, đây nói về cõi nước.

5. Trong nước không có các thứ dơ uế, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, đây nói sự thanh tịnh. "Các cây cách đài bằng một lần tên", một lần tên bằng hai dặm. "Lúc bấy giờ Đức Phật ấy v.v...", đây chính là nói việc quá khứ của ngài Dược Vương, chia làm bốn phần:

1. Nói kinh Pháp Hoa.

2. Nói về chứng ngộ, tức câu: "Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến ưa tu tập khổ hạnh v.v..."

3. Nói về báo ân cúng dường, tức câu: "Đặng Tam-muội rồi lòng vui mừng nghĩ rằng v.v..."

4. Kết hợp việc xưa và nay, tức câu: "Phật bảo Tú Vương Hoa, ý ông nghĩ sao v.v..."

Trong phần báo ân cúng dường lại chia hai phần:

1. Báo ân cúng dường ở thời hiện tại.

2. Báo ân cúng dường lúc chuyển thân, bởi thọ nhận ân sâu nặng cho nên phải báo đáp nhiều đời.

Trong phần đầu lại chia làm hai:

1. Cúng dường tài vật bên ngoài.

2. Cúng dường thân bên trong, là câu: "lúc từ Tam-muội xuất". "Chất thơm Đâu lâu bà, Tất lực ca", ngài La-thập nói các chất này là từ nước Long Thần, ở Trung hoa không có nên không dịch. "Ngài Nhất Thiết Chúng sanh Hỷ Kiến làm việc pháp cúng dường xong v.v...", đây là nói chuyển thân cúng dường, lại chia hai phần:

1. Nói cúng dường lúc Phật còn tại thế.

2. Cúng dường sau khi Phật diệt độ.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Vì vua cha mà nói hai thứ chứng đắc ở Phật rồi báo ân, nói đây để giáo hóa vua cha.

2. Muốn đến chỗ Phật báo ân cúng dường.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Một bài kệ rưỡi nói nghe pháp được lợi ích.

2. Lúc nói kệ xong rồi là nói cúng dường được lợi ích “Chân ca la, Tần bà la, A súc bà, các bài kệ” Có người nói, ban đầu là bài kệ bốn câu, kế đến là bài kệ năm câu, sau là bài kệ bảy câu. Nay nói không đúng, văn nầy là có hai số:

1. Tám trăm ngàn muôn ức, bởi đây là số của cõi này, từ trăm tăng đến ức, từ na do tha trở lên đều là số của nước ngoài dùng, tức từ ức tăng lên nên có số là na do tha, không nên giải thích như trước. Ban đầu nói tám trăm ngàn muôn ức, là bao gồm từ trăm lên đến A súc bà v.v.... như thường gọi ba tăng kỳ. Ở chú thích kinh chép: Bởi đây là số của nước ngoài dùng, như Trung hoa gọi thập ức triệu. Chân Ca la, Pháp Hoa gọi là Hà tác, Tần bà la gọi là Mô Thí, A súc bà gọi là Bất động.

“Đại Vương, nay tôi nên cúng dường Đức Phật”, đây là nói về cúng dường, lại chia ra hai phần.

1. Nói cúng dường lúc Phật còn tại thế, tức như bài kệ nói. Từ đoạn văn này trở về trước là đủ ba nghiệp cúng dường, trước nói nhập Tam-muội rưới các thứ hoa hương là ý nghiệp cúng dường, kế xuất định thiêu thân là thân nghiệp cúng dường, nay nói bài kệ là miệng nghiệp cúng dường. Lại hợp ba nghiệp này làm thành hai cặp: ý nghiệp cúng dường là cúng dường tài vật, đốt thân là cúng dường nội thân. Miệng nghiệp cúng dường cũng có hai, đó là cung kính và khen ngợi, bốn thứ cúng dường này là việc báo ân.

2. Nói cúng dường sau khi Phật diệt độ, tức câu: “Lúc ấy ngài Nhất Thiết Chúng sanh Hỷ Kiến thấy Phật diệt độ”, lại chia làm ba phần:

2.1. Ngài Hỷ Kiến hỏi Đức Phật, tức là đầu mối để Phật nhập Niết-bàn.

2.2. Đức Như lai diệt độ, tức là Phật Nhật Nguyệt nói giờ nhập Niết-bàn đã đến, giờ đến tức là an trụ trong ba đức mà nhập Niết-bàn, giờ diệt độ đến tức là bỏ ứng thân quy về chân thân.

2.3. Chính là nói việc cúng dường, tức lúc ngài Nhất Thiết Chúng sanh thấy Phật diệt độ rồi, lại chia hai:

a. Cúng dường bằng tài vật.

b. Cúng dường bằng nội thân, tức là ngài Nhất Thiết Chúng sanh tự suy nghĩ đem thân cúng dường, lại chia ra năm phần:

b.1. Đốt tay cúng dường.

b.2. Khiến vô số đại chúng được lợi ích.

b.3. Các Bồ-tát và đại chúng sầu khổ.

b.4. Ngài Nhứt Thiết Chúng sanh phát thệ nguyện, thân trở lại như cũ.

b.5. Lúc ấy chiêu cảm các điềm lành.

“Phật bảo Tú Vương Hoa”, đây là nói phần kết xưa và nay, và cũng khuyên người đốt ngón tay cúng dường.

Hỏi: Theo luật kiết giới thì thiêu thân phạm tội Thâu lan giá, thiêu tay đắc tội Đột-cát-la. Vậy Bồ-tát này không phạm tội sao?

Đáp: Đây có thể là Bồ-tát tại gia, không kể vào phạm giới, nếu xuất gia mà thích ứng giáo hóa, như ngài Xá-lợi-phất và Tu Đạt cùng chở một xe mà không phạm tội.

Hỏi: Luận Trì Địa có mười thứ cúng dường, phẩm Dược Vương có đủ chăng?

Đáp: Mười thứ cúng dường gồm có:

1. Thân cúng dường.	6. Người khác làm.
2. Chi đề.	7. Tài vật.
3. Hiện tiền	8. Tâm cao quý.
4. Không hiện tiền	9. Không nhiễm ô.
5. Tự làm	10. Đạo đến mức.

Hai phần cúng dường đầu đều có khác nhau, đối với thân Phật mà cúng dường gọi là thân cúng dường, cúng dường tháp miếu thờ Phật gọi là Chi đề cúng dường. Theo luật Tăng Kỳ thì tháp có Xá-lợi gọi là Tháp bà. không có Xá-lợi gọi là Chi đề.

Luận Trì Địa chép: bất luận là có hay không có Xá-lợi đều gọi là Chi đề. Luận Minh Liễu chép: Chi đề, Hán dịch là Tịnh xứ.

Hai phần cúng dường kế gọi là thời xứ, hiện tiền cúng đường là mặt đối diện trước thân Phật và Chi đề mà cúng dường; không hiện tiền cúng dường là không đối diện trước Phật và Chi đề mà rộng bày cúng dường. Nếu theo sự thì có ba ý, hai ý cúng dường như đã nói, ý thứ ba là cũng hiện tiền không hiện tiền cúng dường, hiện tiền cúng dường Phật và Chi đề và không hiện tiền cúng dường Phật và Chi đề. Ba thứ cúng dường nay đắc ba phẩm công đức, hiện tiền cúng dường được đại đại công đức, không hiện tiền cúng dường được đại đại công đức, do cảnh giới lớn rộng. Hiện tiền, không hiện tiền cúng dường thì được tối đại đại công đức. Hai phần nói về người cúng dường có khác nhau, theo sự thì chia làm ba:

1. Tự mình làm để cúng dường, nghĩa là tự thân cúng dường Phật và Chi đề.

2. Người khác làm để cúng dường, có ít tài vật mà không dám

biếng nhác nên dạy người khác làm để cúng dường.

3. Mình và người đồng cúng dường, tức kia đây xếp vào. Tự mình cúng dường được đại công đức, dạy người khác cúng dường được đại đại công đức, mình và người cùng cúng dường được tối đại đại công đức.

Hai thứ cúng dường thứ bảy và tám thì phân biệt về tâm và sự, đem tài vật của mình cúng dường gọi là tài vật cúng dường, gồm có ba thứ:

1. Tư cụ: là y phục, thức ăn.

2. Cung kính cụ: là dùng hương hoa cúng dường.

3. Trang nghiêm cụ: là tất cả vật báu.

Dùng tâm cao quý cúng dường thì gọi là cao quý cúng dường, tâm cao quý gồm có ba:

1. Chuyên tinh hiểu, tâm khéo hiểu bố thí, dọn bày các món cúng dường.

2. Tâm thuần tịnh tin Phật có đức sâu nặng mà dọn bày cúng dường.

3. Tâm hồi hướng cầu tâm Phật mà dọn bày cúng dường.

Hai thứ cúng dường sau là phân biệt về chỗ thực hành, xa lìa lỗi lầm gọi là không nhiễm ô mà cúng dường, không nhiễm ô có hai thứ:

1. Tâm không nhiễm ô: là xa lìa tất cả lỗi lầm.

2. Tài vật không nhiễm là ô xa lìa tài vật phi pháp. Thực hành cúng dường thuận theo đạo quả thì gọi là cúng dường đạo đến mức. quả Phật là chỗ hướng đến, thực hành cúng dường có thể đến chỗ ấy nên gọi là đạo đến mức.

Kinh Duy Ma gọi là pháp cúng dường, luận Trì Địa gọi là hạnh cúng dường, ở đây có ba thứ:

1. Tài vật cúng dường là đạo đến mức.

2. Tùy hỷ cúng dường là đạo đến mức.

3. Tu hành cúng dường là đạo đến mức.

Đối với Phật đã có đủ mười thứ cúng dường, thì với Pháp với Tăng cũng hơi giống như vậy, Dược Vương cũng có đủ mười thứ cúng dường.

"Nếu có người cúng dường Phật bảy thứ báu" đây là phần khen ngợi giáo pháp chia làm hai phần:

1. Khen ngợi chung toàn bộ kinh.

2. Khen ngợi riêng phẩm Dược Vương.

Phần khen ngợi chung chia làm bốn phần:

1. Khen so sánh lượng.

2. Khen giáo pháp là bậc nhất.

3. Khen kinh có công năng dứt ác.

4. Khen kinh có công năng sanh thiện.

Phần khen giáo pháp gồm có mười thí dụ, từ thí dụ về biển, núi, cho đến Chư Phật, tức là từ thấp đến cao, mười thí dụ thì khác nhau nhau, hợp thành năm cặp là: núi và biển, mặt trăng và mặt trời, cõi người và cõi trời, phàm và Thánh, Phật và Bồ-tát "Kinh này có thể cứu tất cả chúng sanh", đây là khen ngợi kinh công năng dứt ác.

"Nếu có người nghe kinh này v.v...", đây là khen ngợi kinh có công năng sanh điều thiện.

"Nếu có người nghe phẩm Dược Vương v.v...", đây là khen ngợi riêng một phẩm, gồm có bốn phần:

1. Khen ngợi chung nếu nghe phẩm này được vô lượng công đức.

2. Khen ngợi về sanh báo: "như có người nữ nào nghe phẩm này thì sau không còn thọ thân nữ".

Hỏi: Nghe phẩm này thì không còn thọ thân nữ, nghe các phẩm khác thì thọ thân nữ ư?

Đáp: Các phẩm đều không thọ, nhưng nói về sự tương tợ cho nên đặc nói riêng phẩm này, do người nữ thường ưa Thích-các thứ trang nghiêm ởhân mình, nay nói Bồ-tát xả thân, đốt tay là để phá bỏ sự tham đắm kia, do không sanh tham đắm nên xả thân người nữ.

3. Nói về hiện báo, nếu có người nghe kinh này mà tu hành, khi chết liền sanh về cõi An Lạc.

4. Về phó chúc, cũng nói nghe kinh được thành Phật tức là khen ngợi hậu báo nếu người bị bịnh nghe kinh này liền lành bịnh, chẳng già chẳng chết. Có người chép: Nghe kinh Pháp Hoa thì sống đến già mới chết, không có chết yểu. Nay theo luận Trí Độ chép: Không dứt trừ một trăm lẻ tám phiền não thì gọi là bịnh, được nghe kinh rồi, trừ hết phiền não này nên gọi là tiêu diệt. Không già là không khởi sáu mươi hai tà kiến, không mất tuệ mạng thì gọi là không chết. Rơi vào Nhị thừa cũng gọi là chết. Lại nghe kinh này thì biết già, bịnh, chết xưa nay vốn vắng lặng, vì vậy gọi là không già chết.

"Lúc Phật nói phẩm Dược Vương Bồ-tát xong v.v...", đây là nói đại chúng được lợi ích.

"Đức Đa Bảo Như lai ở trong tháp báu v.v...", đây là nói Phật Đa Bảo khen ngợi.

Trước tuy nói đóng cửa tháp mà nay còn khen ngợi, tức là ý nghĩa không diệt mất.

Giữa hạ, năm Ất Mùi, niên hiệu Vĩnh Nhân, từ miền nam Lạc Dương mà đến chùa Đông Đại, nhờ ân mở rộng mà học được tông Tam luận, nay khắc bản kinh Pháp Hoa nghĩa sớ thứ 11, cầu Phật pháp ngày càng sáng rỡ, hơn hai ngàn năm truyền bá không thay đổi.

Sa môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi.

■

PHÁP HOA NGHĨA SỚ

QUYỂN 12

PHẨM DIỆU ÂM BỒ-TÁT THỨ HAI MƯƠI BỐN

Khổ hạnh mở rộng kinh gồm có hai phẩm, nay là phẩm thứ hai, trên nói nghe kinh được lợi ích, dùng thân mạng và tài vật để cúng dường báo ân, nay nói phân thân khắp sáu đường để truyền bá pháp Nhất thừa. Trước là nghiệp công đức, nay là nghiệp trí tuệ, trước chính là tự thực hành, nay thường nói giáo hóa bên ngoài, trên là nói việc quá khứ mở rộng kinh lợi ích chúng sanh, nay nói Bồ-tát hiện đức, truyền bá pháp thêm duyên. Từ phẩm này về sau thường là theo thứ lớp căn duyên, không cần y theo nghĩa sanh khởi.

Nói Diệu Âm: vị Bồ-tát này ở quá khứ đã dùng mười muôn thứ kỹ nhạc để cúng dường Phật, cho nên được âm thanh hay, do đó mà đặt tên. Kinh xưa gọi là Bồ-tát Sư Tử Hống, nay có thể hợp cả hai âm, tức dùng Diệu Âm làm sư tử hống. Lại, chúng sanh ưa nghe gọi là Diệu Âm, âm có thể nói lên lý, hàng phục chúng sanh nên gọi là sư tử hống, phẩm này gồm sáu chương:

1. Phật phát ra ánh sáng gọi Bồ-tát Diệu Âm.
2. Ngài Diệu Âm vâng lời mà đến.
3. Ngài Diệu Âm mở rộng kinh làm khuôn phép.
4. Nói lợi ích của phẩm này.
5. Việc xong ngài Diệu Âm trở về cõi nước mình.
6. Nói lại lợi ích của việc Ngài đến.

Phần Phật phát ra ánh sáng chia làm ba phần:

1. Phật phát ra ánh sáng chiếu khắp người có duyên.
2. Chiếu khắp cõi nước Tịnh Quang.
3. Chiếu soi thân ngài Diệu Âm.

Phần đầu lại chia làm hai ý:

1. Phát ra ánh sáng từ nhục kế.
2. Phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày.

Sở dĩ phóng hai ánh sáng này, là vì diệu lý của Nhất thừa vượt trên đảnh có và không, cho nên phát ra ánh sáng từ nhục kế. Trí tột cùng không nghiêng lệch có thể phát chiếu Trung đạo, cho nên lại phát ra ánh sáng từ giữa hai đầu chân mày. Lại nữa, ánh sáng trên đảnh tiêu biểu Nhất thừa là chỗ mà Thánh chúng tôn trọng ánh sáng từ giữa hai đầu chân mày là nói Nhất thừa không nghiêng lệch lý Trung đạo viên chánh. Phật muốn đem pháp này phó chúc cho ngài Diệu Âm, cho nên phóng hai thứ ánh sáng này để triệu tập. Phẩm trước có nói rằng Pháp Hoa là bậc nhất nên người trì kinh cũng là bậc nhất, nay biểu hiện ngài Diệu Âm có đức hạnh cao nên Phật phát ra ánh sáng trên đảnh; biểu hiện ngài có sự hiểu biết chân chánh cho nên phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày.

Sở dĩ phát ra hai ánh sáng để biểu hiện ngoài Diệu Âm, là muốn đại chúng khởi tâm cung kính sâu xa với vị Bồ-tát này, lãnh thọ giáo pháp mà được lợi ích.

"Qua khỏi số cõi nước có thế giới tên Tịnh Quang v.v...", đây là nói chiếu khắp cõi nước Tịnh Quang.

"Lúc ấy trong cõi nước đó có vị Bồ-tát tên là Diệu Âm", đoạn này nói chiếu soi thân ngài Diệu Âm, chia làm ba phần:

1. Nêu tên.

2. Khen ngợi đức hạnh, là nói vị này từ lâu đã gieo trồng các cội công đức, do có đức cao quý này nên được Phật phát ra ánh sáng gọi đến, phần khen ngợi đức có hai:

a. Khen ngợi nhân quá khứ.

b. Khen ngợi đức hiện tại.

Phần khen ngợi nhân quá khứ lại chia làm hai:

a.1. Trồng các cội công đức.

a.2. Cúng dường gần gũi vô lượng Đức Phật.

Phần khen ngợi đức hiện tại cũng chia hai phần:

b.1. Thành tựu trí tuệ sâu xa

b.2. Chứng đắc các Tam-muội.

Trong phần Tam-muội chia ra hai ý:

1. Nói riêng từng Tam-muội.

2. Tổng kết môn Tam-muội.

"Đắc Tam-muội diệu tràng tướng", nhập Tam-muội này là tối tôn bậc nhất trong các Tam-muội, thí như tướng quân được lá cờ là biểu hiện đại tướng.

"Pháp Hoa Tam-muội", kinh Tam-muội Pháp Hoa chép: Như cây

nở hoa khiến cây đẹp đẽ, đắc Tam-muội này là nở hoa công đức trong các Tam-muội để tự trang nghiêm. Theo ý kinh này giải thích thì đối với Ba thừa, Nhất thừa đều tự tại, dài ngắn cũng vô ngại, nên gọi là Tam-muội Pháp Hoa.

"Tam-muội Tịnh đức", là khiến các Tam-muội được thanh tịnh, như nấu quặng luyện vàng để được vàng ròng.

"Tam-muội Vô duyên", tức là định diệt tận, đắc Tam-muội này thì đối với ba thọ không khởi duyên ba độc.

"Tam-muội Tú Vương hý", đối với các Tam-muội thông đạt tự tại nên gọi là hý. Chẳng phải hý do ái kết.

"Tam-muội Trí ấn": Bát-nhã là trí, tương ứng Tam-muội gọi là ấn, lại như người vào nước an ổn, có ấn mới được vào, không ấn thì không được vào, Bồ-tát đắc Tam-muội này thì sẽ nhập thật tướng.

"Tam-muội Giải nhứt thiết ngữ ngôn", đắc Tam-muội này thì hiểu tiếng của chúng sanh mà vì đó nói pháp.

"Tập nhất thiết trí công đức Tam-muội", Bồ-tát đắc Tam-muội này thì công đức đã đầy đủ.

"Tam-muội Thanh tịnh", như có hạt ngọc báu Như ý làm sạch bụi bám, Tam-muội này làm sạch bụi bám các Tam-muội, bụi phiền não dễ trừ mà bụi Tam-muội khó dứt.

"Tam-muội Thần thông du hý", nhập Tam-muội này có khả năng hiện tám tướng thành đạo.

"Tam-muội Tuệ cự", như cầm đuốc đi đêm không rơi vào chỗ nguy hiểm.

"Tam-muội Trang nghiêm vương", như Hằng hà sa cõi nước đều dùng bảy báu trang nghiêm mà Phật ở trong ấy, đắc Tam-muội này thì nhất thời có thể trang nghiêm các công đức. Lại quán sát trang nghiêm này là "không", chẳng có gì, ở nơi hai trang nghiêm không và có đều được tự tại nên gọi là vương.

"Tam-muội Tịnh quang minh vương", nhập Tam-muội này thì có thể phát ra ánh sáng khiến tâm các chúng sanh được thanh tịnh.

"Tam-muội Tịnh tạng", nhập Tam-muội này có công năng làm thanh tịnh các tạng công đức.

"Tam-muội Bất cộng", đây không thể phân biệt hai thừa.

"Tam-muội Nhật triền", như Thiên tử mặt trời nương vào cung điện mặt trời mà chiếu khắp chúng sanh rồi trở lại như cũ. Xưa gọi Tam-muội Nhật luân.

Tổng kết môn Tam-muội; tức câu: "Được trăm ngàn muôn ức

Hằng hà sa các đại Tam-muội như thế.”

Nói ánh sáng chiếu trên thân ngài Diệu Âm, tức câu: “Ánh sáng của đức Thích-ca soi đến thân vị Bồ-tát đó”.

“Ngài Diệu Âm bạch đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí đây là nói ngài Diệu Âm vâng lời mà đến, lại chia hai ý:

1. Nói ý muốn đến.

2. Nói Ngài từ cõi nước kia đến.

Ý đầu có 10 câu:

1. Nói ngài Diệu Âm hỏi Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí ý muốn đến cõi Ta bà.

2. Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí căn dặn, lại chia làm ba:

a. Nói chung lời căn dặn chớ xem thường nước Ta bà.

b. Giải thích lời căn dặn, tức nói cõi Ta bà thân hình kém nhỏ mà thân ông cao lớn, đó là sự cao quý của cõi tịnh.

c. Tổng kết lời căn dặn, lời nói chớ sanh tâm thấp kém.

Hỏi: Trước có nói phần đầu kinh là nói ở cõi uế, phần sau kinh là nói ở cõi tịnh, lúc ngài Diệu Âm đến chính là dạo đi nơi cõi tịnh, vì sao phải căn dặn?

Đáp: Kinh này trước sau nói về cõi có ba điều khác nhau:

a. Phần đầu kinh là nói ở cõi uế.

b. Phần sau kinh là nói ởcõi tịnh.

c. Từ phẩm Dược vương trở đi là nói tại cõi uế. Làm sao biết? Do khi triệu tập phân thân thì biến thành cõi tịnh, phân thân đã trở về bổn quốc thì cõi tịnh biến trở lại thành uế, lúc ngài Diệu Âm đến chính là dạo đi nơi cõi năm trược cho nên Phật căn dặn.

3. Ngài Diệu Âm vâng lời, tức câu: “Bồ-tát Diệu Âm bạch Phật rằng”, ngài Diệu Âm đã nương Phật lực cho nên đến để mở rộng kinh lợi ích chúng sanh, há lại sanh ý tưởng thấp kém, cho nên vâng lời Phật dạy.

4. “Lúc ấy ngài Diệu Âm v.v...”, đây là nói trước hiện điềm lành là muốn khai phát điều sau. Sở dĩ hiện điềm lành ở cõi này là muốn chúng sanh cõi này sanh tâm tôn kính.

“Hóa thành hoa sen”, tức muốn dùng hoa sen làm tòa ngồi và biểu hiện ngài Diệu âm mở rộng kinh Diệu pháp liên hoa.

“Hóa thành tám muôn bốn nghìn hoa sen báu”, là muốn biểu hiện tám muôn bốn nghìn tòa của Bồ-tát, cũng là biểu hiện tám muôn bốn ngàn pháp tạng đều nhập Nhất thừa diệu pháp hoa.

“Lá bằng bạc trắng”, tức nói lên kinh này có tựa đề là bạch Liên

Hoa, mở ra hai phương tiện, hai chân thật, tức ý nghĩa của tám muôn bốn ngàn pháp tạng đều được minh bạch.

"Đài bằng báu Chân thúc ca", Hán dịch là anh vũ, báu này giống như mỏ của chim Anh vũ mà có màu đỏ.

5. Ngài Văn-thù hỏi lý do điềm lành.

6. Đức Phật trả lời ý hiện điều lành.

7. Ngài Văn-thù hỏi về đức hạnh của Bồ-tát Diệu Âm, ở đây gồm có ba câu hỏi:

a. Hỏi Bồ-tát ấy gieo trồng cội lành gì.

b. Hỏi ngài tu công đức gì, hai câu hỏi này thuộc về nhân quá khứ.

c. Hỏi ngài thực hành Tam-muội gì, câu hỏi này thuộc quả chứng đắc ở hiện tại.

"Cúi xin Đức Thế tôn v.v...", đây là xin Phật cho thấy ngài Diệu Âm.

8. Phật Thích-ca suy cử Phật Đa Bảo nhận lời xin cầu mà chưa trả lời ba câu hỏi trước, đọan sau có Bồ-tát Hoa Đức hỏi lại ba câu ấy Phật mới giải thích. Sở dĩ suy cử Phật Đa Bảo đó là thuận theo việc của thế gian, lễ nghi ở thế gian thì suy tôn người hiền, kính bậc trưởng lão, Đa Bảo là vị Phật thành Phật đã lâu, cho nên Đức Thích-ca suy cử, cũng muốn nói lên đức Đa Bảo không diệt nên có thể hiện hình Diệu Âm.

9. Phật Đa Bảo gọi ngài Diệu Âm đến tức đáp lời xin của ngài Văn-thù.

10. Nói ngài Diệu Âm đến.

Lại chia thành 10 chương:

1. Lúc ấy ngài Diệu Âm ẩn mật ở cõi nước kia.

2. Cùng với tám muôn bốn ngàn Bồ-tát đến cõi Ta bà, tức là cùng quyến thuộc đến.

3. Các nước trải qua 6 điệu rung chuyển, đây là hiện điềm lành.

4. Diện mạo ngài tốt đẹp, tức là khen ngợi ngài Diệu Âm.

"Thân Na La Diên" ngài Chân-đế chép: Na la dịch là người, chữ Diên là sanh bổn. Phạm Vương là tổ phụ của chúng sanh nên gọi là sanh bổn.

Ngài La-thập chép: Lực sĩ cõi trời gọi là na la diên, thân khôi ngô mạnh mẽ, luận Câu xá chép: nắm giữ phong luân của thế giới đại thiên gọi là Na-la-diên, cũng gọi là đại lực.

5. Ngài vào trong đài bảy báu, đây là nói ngài Diệu Âm bay lên hư không mà đến.

"cách đất bằng bảy cây đa la", cây đa la giống như cây Tôn lư ở nước Trung hoa, một cây đa la cách đất bằng bảy thước.

6. Đến rồi cúng dường hỏi thăm Đức Phật, tức là hiện phép tắc của Phật.

7. Bạch Phật rằng Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí hỏi thăm Thế tôn v.v...", tức là nói phụng tuyên Thánh chỉ, đây có ba phần:

a. Hỏi thăm đức Thích-ca.

b. Hỏi chúng sanh có dễ độ chăng.

c Hỏi đức Đa bảo diệt độ từ lâu có đến nghe pháp chăng.

8. Ngài Diệu Âm bạch Phật rằng muốn thấy Phật đa Bảo.

9. Đức Thích-ca nói với Phật Đa Bảo rằng Diệu Âm muốn ra mắt Phật.

10. Phật Đa Bảo khen ngợi ngài Diệu Âm.

Từ chỗ hỏi thăm Đức Phật, đều là nói lên Phật Đa Bảo không diệt độ, bác bỏ sự chấp vô thường của phàm phu Nhị thừa.

"Bấy giờ, Bồ-tát Hoa Đức bạch Phật rằng v.v...", đoạn này nói ngài Diệu Âm mở rộng kinh, chương trước là nói người mở rộng kinh đã rồi, tức là một cặp về người và pháp. Trên là nói quả báo của ngài Diệu Âm, nay là nói nhân đời trước của ngài, tức là một cặp về nhân và quả, đây là nói lên đức hạnh của Ngài Diệu Âm trong hai đời, lại chia làm hai phần:

1. Hỏi đáp về sức thần thông của Ngài Diệu Âm.

2. Hỏi đáp về Tam-muội của Ngài Diệu Âm.

Thần lực là trí tuệ, Tam-muội là định, đây là nói lược về định tuệ của Bồ-tát. Lại nữa, thần lực là quả, Tam-muội là nhân, do nhân Tam-muội nên có thể hiện thần lực. Sở dĩ trước nói quả sau nói nhân, là do ngài Diệu Âm hiện thần lực mà đến nên trước hỏi về thần lực. Hai câu hỏi này của Bồ-tát Hoa Đức là trùng với ba câu hỏi trước của ngài Văn-thù, do ở trên đức Thích-ca chưa trả lời nên nay lặp lại mà hỏi, câu hỏi đầu có hai ý:

1. Hỏi về nhân của thần lực.

2. Hỏi về quả của thần lực, tức nói ngài có thần lực này. Gốc lành và công đức có khác nhau, gốc lành là trước, công đức là sau, cho nên câu hỏi chia làm hai: Trong phần đáp cũng chia làm hai:

1. Trả lời câu hỏi về nhân

2. Trả lời câu hỏi về quả của thần lực.

Trong phần trả lời về nhân lại chia làm hai ý:

1. Trả lời câu hỏi ngài Diệu Âm gieo trồng gốc lành gì, đây chia

ra sáu phần khác nhau.

a. Nói Đức Phật mà ngài Diệu Âm gieo trồng gốc lành.

b. Nói tên nước là nơi để gieo trồng gốc lành

c. Nói tên của kiếp là thời gian gieo trồng gốc lành.

d. Nói ngài Diệu Âm gieo trồng gốc lành.

e. Do nhân duyên này mà đắc quả như thế. Là kết phần trả lời.

f. Kết hợp việc xưa và nay là một người.

2. Trả lời câu hỏi ngài tu công đức gì, tức nói Ngài Diệu Âm đã từng gần gũi cúng dường vô lượng Đức Phật.

"Hoa Đức! Ông chỉ thấy Bồ-tát Diệu Âm thân hình ở tại đây v.v...", đây là trả lời câu hỏi về quả của thần lực, gồm có hai phần:

1. Khen ngợi ngài Diệu Âm mở rộng kinh ở cõi này.

2. Khen ngợi ngài Diệu Âm truyền bá pháp khắp mười phương.

Phần đầu lại có ba nghĩa:

1. Nêu chung mở rộng kinh.

2. Giải thích rộng.

3. Kết lời khen ngợi

"Hoặc hiện thân Phạm Vương v.v...? đây là phần giải thích rộng, chia làm năm loại.

1. Hiện thân trời

2. Hiện thân người

3. Hiện thân tám bộ chúng

4. Cứu độ tám nạn

5. Ở hậu cung biến thành người nữ mà nói kinh này.

Trong phần hiện thân trời có hai cặp đối nhau, Phạm vương và Đế-thích là thuộc ở đầu cõi Dục, cõi Sắc; Tự tại và Đại tự Tại là thuộc ở sau hai cõi trời, bốn vị này là vua, hai vị sau là thần: Thiên đại tướng quân là thần của Phạm Vương ở cõi trời Phạm Phụ, Tỳ-sa-môn là thần của Đế-thích.

Trong phần hiện thân người cũng có hai cặp đối nhau, hai vị đầu là vua tức vua Chuyển luân và Tiểu vương. Hai vị kế là người bề tôi, tức Trưởng giả và cư sĩ. Lại chia làm bốn loại:

1. Bốn loại đầu thuộc thân cao sang

2. Bốn loại kế là người thọ giới Phật.

3. Bốn loại là hiện thân phụ nữ.

4. Hai loại hiện thân đồng chân và sau là hiện thân tám bộ chúng.

"Bao nhiêu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v...", đây là khen ngợi

ngài cứu độ tám nạn. Không nói pháp là bởi tám nạn này có khổ nặng và chướng sâu dày nên chỉ nói cứu vớt.

"Cho đến ở hậu cung biến thành người nữ v.v..." đây là nói cứu độ loại thứ năm.

"Bồ-tát Diệu Âm này có khả năng cứu độ chúng sanh v.v...", đây là tổng kết lời khen ngợi, lại chia hai phần:

1. Khen ngợi chúng giáo hóa có lợi ích.

2. Khen ngợi người có khả năng giáo hóa không có tổn giảm.

"Vị Bồ-tát này dùng trí tuệ soi sáng cõi Ta bà", đây là khen ngợi ngài Diệu Âm mở rộng kinh khắp mười phương, gồm có ba phần:

1. Khen ngợi chung.

2. Khen ngợi riêng.

3. Kết thúc khen ngợi

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Khen ngợi có lợi ích cho chúng sanh ở một cõi.

2. Khen ngợi mở rộng kinh có ích khắp mười phương

Phần khen ngợi riêng cũng chia làm hai: tức từ câu: "Nếu đáng dùng thân..."

1. Hiện các thân hình để độ chúng sanh.

2. Hiện thân diệt độ để độ chúng sanh.

"Bồ-tát Hoa Đức, Diệu Âm trọn nên sức thần thông trí tuệ", đây là tổng kết lời khen ngợi, thần thông là hiện các thân hình, trí tuệ là nói pháp.

Trong một cõi mà hiện rộng các thân phàm phu, trong mười phương lược hiện thân Thánh, đây muốn nói phàm bậc Thánh, rộng lược đều hiện. Trước nói hiện thân phàm phu có năm loại, nay hiện thân Thánh cũng có năm thân: Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật và thân diệt độ.

Hỏi: Trước nói hiện năm loại thân phàm là nói kinh Pháp Hoa, nay sao chỉ gọi là nói pháp?

Đáp: Chữ nói pháp là dùng chung, ở đây muốn dùng cả riêng và chung nên nói như vậy. Trên chính là nói mở rộng kinh Pháp Hoa nên nói Nhất thừa, nếu có chúng sanh không tin pháp Nhứt thừa thì nói pháp năm thừa, cũng như trong phẩm Chúc Lụy Phật khiến Bồ-tát biết căn cơ lớn nhỏ.

Phẩm này nói từ phàm đến Thánh cho nên trước hiện thân phàm, sau hiện thân Thánh, trong phẩm Quán Âm thì trước nói thân Thánh, sau nói thân phàm, tức là từ cao đến thấp. Lại nữa, phẩm Diệu Âm trước

một sau ba, phẩm Quan Âm thì trước ba sau một.

"Bấy giờ Bồ-tátHoa Đức bạch Phật rằng v.v...", đây là hỏi về Tam-muội của ngài Diệu Âm, cũng có trước hỏi sau đáp:

"Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát v.v...", đây là nói đại chúng ở hai cõi đều được lợi ích

"Khi ngài Diệu Âm cúng dường Phật Thích-ca và tháp Phật Đa bảo rồi v.v...", đây là nói việc làm đã rồi, ngài Diệu Âm trở về cõi nước của mình. Đây là cõi uế nên Phật Tịnh Hoa Tú vương Trí có hỏi thăm Phật Thích-ca, kia là cõi tịnh nên Phật Thích-ca không hỏi thăm.

"Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ-tát lai vãng này v.v...", đây là nói lại việc lợi ích lúc Ngài đến.

Hỏi: Thấy Bồ-tát lai vãng, nhưng lấy gì để đắc pháp vô sanh nhẫn?

Đáp: Người lợi căn thì ngộ Bồ-tát không đến mà đến, cho nên đến mà không có chỗ đến, không đi mà đi cho nên đi mà không có chỗ đi, tức nhập thật tướng, cho nên đắc vô sanh.

Hỏi: Vô sanh pháp nhẫn, khắp hiện sắc thân và Pháp Hoa Ba Muội có gì khác nhau?

Đáp: Tâm không chỗ nương giống như hư không, không sanh tâm động niệm nên gọi là Vô sanh pháp nhẫn. Tuy không mà có, tùy ý tự tại hiện thân nơi nơi tức là Tam-muội phổ hiện sắc thân, ba thừa Nhất thừa khai và hợp không có sự mê đắm tức là Tam-muội Pháp Hoa.

PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ MÔN THỨ HAI MƯƠI LĂM

Hai phẩm trên là nói về khổ hạnh mở rộng kinh có nghiệp công đức và nghiệp trí tuệ, có phẩm Dược vương và phẩm Diệu Âm. Nay nói phần hộ nạn mở rộng kinh. Ban đầu nói người hộ nạn mở rộng kinh, sau nói pháp hộ nạn mở rộng kinh cũng gồm có hai phẩm. Lại theo thứ lớp căn duyên, trên hội Linh Sơn có tám muôn bốn ngàn người hợp nghe phẩm Quan Âm mà phát tâm Bồ-đề cho nên nói phẩm này, cõi nước mười phương và chúng sanh có duyên ở đời sau được lợi ích nên nói phẩm này. Phẩm này chia chương đoạn không đều nhau, nay phân thành bốn cặp: nêu lên, giải thích, khen ngợi và lợi ích.

1. Nói về, Quán Âm lấy danh, Phổ môn làm đức, vì thế cùng nêu danh và đức, người cao quý lấy lý có danh có đức, cho nên nêu tên là phẩm Quán Âm Phổ môn.

2. Giải thích, ban đầu hỏi đáp là giải thích tên Quán Thế Âm, sau hỏi đáp là giải thích đức của Quán Thế Âm.

3. Khen ngợi, Bồ-tát Trì Địa khen ngợi rằng nếu nghe danh đức này thì công đức vô biên.

4. Lợi ích, tám muôn bốn ngàn người nghe danh đức này đều phát đạo tâm.

Bốn điều này là theo thứ lớp, trước nói lược sau giải thích rộng, nói và giải thích đã xong thì danh và đức đều hiển sáng cho nên Bồ-tát khen ngợi, khen ngợi xong thì người nghe kính ngưỡng cho nên đều phát đạo tâm. Phần nói rõ gồm có mười cặp ý đối nhau:

1. Nêu người và pháp, Quán Âm là người, Phổ môn là pháp, người và pháp là ý nghĩa nhân duyên, không có người thì không ai điều khiển pháp,,chẳng có pháp thì không thể thành tựu người, cho nên trước nói người điều khiển pháp, sau nói pháp thành tựu người, đây là một cặp về người và pháp.

2. Quán Thế âm tức là pháp thân, khổ môn là ứng thân, trước dùng pháp thân quán xét căn cơ, sau hiện ứng thân để độ sanh, đây là một cặp về chân thân và ứng thân.

3. Quán Âm là ý nghiệp của Bồ-tát, Phổ môn là thân nghiệp và miệng nghiệp, trước dùng ý nghiệp quán xét, sau dùng thân nghiệp hiện thần thông, miệng nghiệp nói pháp, đây là một cặp trong và ngoài.

4. Quán Âm là đại bi cứu khổ, Phổ môn là đại từ ban vui, cho nên phần sau giải thích Quán Âm nghĩa là cứu khổ, Phổ môn là nói lên công

đức ban vui. Chúng sanh sở hóa chỉ có khổ không có vui, Bồ-tát năng hóa có đại từ đại bi, đây là một cặp về từ và bi.

5. Bồ-tát có hai thứ thân, thân Dược Thọ Vương và thân Như ý châu vương, thân Dược Thọ Vương thì gốc rễ, cành, lá, đều trị lành các bệnh, Bồ-tát cũng như vậy, ba nghiệp đều có thể cứu chúng sanh. Thân Như ý châu vương thì như báu ma ni, có thể ban tất cả điều vui, Bồ-tát cũng như vậy, hễ ai thấy nghe đều được lợi ích. Giải thích danh hiệu Quán Thế Âm là khen ngợi thân Dược Thọ Vương, giải thích tên Phổ Môn là nói thân Như ý châu vương, đây là một cặp về hai thân.

6. Giải thích danh hiệu Quán Âm là nói lên nghĩa chúng sanh có cảm, nêu Phổ môn là nói Bồ-tát có ứng, ban đầu cảm chẳng phải không ứng, sau ứng chẳng phải không cảm. Nhưng ban đầu nói ứng để thành cảm, sau nói cảm để thành ứng, đây là một cặp về cảm và ứng.

7. Nêu danh hiệu Quán Âm là khen ngợi Bồ-tát có thể ban sự vui cho chúng sanh ở thế gian, nêu tên Phổ môn là nói lên nghĩa Bồ-tát có thể ban cho chúng sanh sự vui ra đời gian, cho nên đoạn văn trước nói tiêu trừ bảy nạn, tròn đầy hai cầu nguyện, tức ban sự vui thế gian. Sau nói ba mươi ba thân, mười chín lần nói pháp đều được độ, tức ban sự vui xuất thế gian, đây đều là nói chung, chẳng phải nói riêng. Trước ban vui thế gian, sau ban vui xuất thế gian, đây là thứ lớp của pháp môn, tức là một cặp về thế gian, xuất thế gian.

8. Nêu Quán Âm là nói về thần thông, do quán xét âm thanh của chúng sanh tức là thiên nhĩ thông, nói Phổ môn tức thị hiện. Trong sáu thần thông thì có ba thứ là thần thông chẳng phải là thị hiện, đó là thiên nhĩ, thiên nhãn và túc mạng. Ba thứ vừa là thần thông, vừa là thị hiện, đó là tha tâm, thần túc và lậu tận. Lậu tận thì nói pháp, thần túc thì chuyển biến, tha tâm thì biết căn cơ, tức dùng sự khiến người tin nghiệm nên gọi là thị hiện, đây là một cặp về thần thông và thị hiện.

9. Nêu danh hiệu Quán Âm là nói lợi ích thầm, nêu Phổ môn là nói lợi ích hiển, sau hiện thân nói pháp nên gọi là hiển, trước không hiện thân nói pháp mà có thể khiến chúng sanh khỏi ách nạn nên gọi là lợi ích thầm. Bồ-tát cứu chúng sanh không ngoài hai nghĩa hiển và mật, tức là một cặp về mật và hiển.

10. Nêu Quán Âm là nói danh hiệu của Bồ-tát, nói Phổ môn là nói lên đức của Bồ-tát, đây là một cặp về tên và đức.

Phẩm này tuy ý nghĩa có đủ mười cặp mà nay dùng tên và đức làm chính, như kinh Đại Phẩm cũng dùng hai môn để nói Bà-nhã là nói ý nghĩa danh hiệu Bồ-tát và nói chỗ thực hành của Bồ-tát. Ý nghĩa danh

hiệu Bồ-tát là giải thích chữ Bồ-tát Ma-ha-tát, chữ này có Vô Lượng Nghĩa, cho nên lấy đây nói Bà-nhã. Nói chỗ thực hành của Bồ-tát là giải thích khen ngợi Đại thừa, nên lấy đây nói Bà-nhã.

Văn nầy cũng như vây, khen ngợi giải thích ý nghĩa chữ Quán Âm tức là nói Pháp Hoa, khen ngợi giải thích đức của Quán Âm cũng là nói Pháp Hoa.

Hỏi: Đây so với Bà-nhã có gì khác?

Đáp: Bà-nhã giải thích chung ý nghĩa tên và chỗ thực hành. Bồ-tát Ma-ha-tát là chữ chung cho nên giải thích chung tên. Kinh này giải thích chữ Quán Âm là giải thích tên riêng, Bà-nhã giải thích chung chỗ thực hành của các Bồ-tát, kinh này giải thích riêng đức ba mật của Quán Âm. Lại, Bà-nhã là giải thích chung về lợi mình lợi tha, nay chỉ giải thích môn hóa tha. Bà-nhã có đủ hai môn tuệ để giải thích, nay chỉ nói môn phương tiện để giải thích.

Nói danh hiệu Quán Âm, nước ngoài gọi là A-lê-gia-bà-lâu-cát-để-thuế, Hán dịch là Quán Thế Âm, Bồ-tát thì có nhiều tên, nay theo phẩm này trong phần Phật trả lời lần nói lược ba tên; Quán Thế Âm, Quán Thế Ý và Quán Thế Thân. Bậc Thánh thì không có tên, nhưng vì chúng sanh mà đặt tên, là muốn chúng sanh phát sanh ba nghiệp thiện. Đặt tên Quán Thế Âm là khiến chúng sanh xưng tên sanh miệng nghiệp thiện, đặt tên Quán Thế Ý là khiến chúng sanh nhớ nghĩ sanh ý nghiệp thiện, đặt tên Quán Thế Thân là khiến chúng sanh lễ bái cung kính sanh thân nghiệp thiện, do phát sanh đầy đủ ba nghiệp thiện nên đặt ba tên này.

Hỏi: Đã đủ ba tên, sao chỉ gọi là Quán Thế Âm?

Đáp: Ba tên thì đề không thể ghi đầy đủ, cho nên chỉ nêu một tên. Tên Quán Thế ý chỉ sanh ý nghiệp thiện, tên Quán thế thân là sanh thân nghiệp và ý nghiệp thiện, do ý nghĩa sanh thiện bị hạn cục nên không nêu. Nếu miệng nghiệp xưng danh thì phải đầy đủ ba nghiệp, do sanh thiện nhiều cho nên đặt tên Quán Thế âm. Ý nghiệp là nhớ nghĩ, thân nghiệp thì lễ bái, chỉ là lợi mình mà chưa được lợi tha cho nên không đặt hai tên về thân và ý. Miệng xưng Quán Âm thì có đủ cả lợi mình lợi tha cho nên đặt tên Quán Thế âm. Cõi nước Ta bà dùng âm thanh thành Phật sự, ý nghĩa đã hiển rõ nên đặt tên Quán Thế Âm. Các nghĩa khác không đúng nên không gọi. Tên Quán Âm là có hạnh nguyện. Thuở quá khứ gặp Phật Không Vương Quán Thế âm phát nguyện lấy tên Quán Thế Âm, nay y theo nguyện mà đặt tên. Lại nữa, thuở quá khứ Quán Âm ở cõi này thực hành đạo Bồ-tát, do đó được tên gọi Quán Âm, hai

tên kia thiếu hai ý nghĩa này cho nên không nêu. Lại có kinh chép: Bồ-tát Quán Thế Tự Tại, tên này đầy đủ cả ba nghiệp, đối với danh nghĩa là tối thắng. Lại có kinh chép: Bồ-tát Quán Thế Âm, hoặc có thể dịch là không đúng. Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát này trụ trong hành quang minh của pháp môn đại từ, do đó mà đặt tên là Quán Thế Âm. Lại, Bồ-tát này trụ trong Tam-muội Phổ môn quang minh, từ pháp môn sở trụ mà đặt tên. Sau lại chép: Ban sự vô úy, tên này là bao gồm chung, từ công dụng mà xưng tên.

Gọi là Quán Thế Âm: Quán là trí năng quán, Thế âm là cảnh sở quán, hợp trí và cảnh nên đề tên là Quán Thế âm. Quán đủ ba quán, cảnh đủ ba cảnh, đủ ba cảnh tức là chúng sanh phát ra tiếng là ở cổ, lưỡi, răng hòa hợp mà có tiếng, nghĩa là nhân duyên thanh, gọi là thế đế. Nhân duyên sanh pháp tức là tánh vắng lặng gọi là Chân-đế; cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa Trung đạo, tức là phi tục phi chân, Trung đạo đệ nhất nghĩa đế. Một âm thanh mà đầy đủ ba đế, Bồ-tát quán ba đế này tức là ba thứ quán.

Quán là ứng của Bồ-tát, Thế Âm là chiêu cảm của miệng nghiệp chúng sanh, cảm ứng đầy đủ nên đặt tên là Quán Thế Âm.

Hỏi: Vì sao gọi là Thế âm?

Đáp: Vì trong ba thứ thế gian thuộc chúng sanh thế gian.

Sách ngoài chép: Dùng tiếng thành văn gọi đó là âm, Phật pháp không phân biệt âm và thanh, như Tạp Tâm chép: Thanh có ba loại:

1. Do thọ âm thanh bốn đại, gọi là âm thanh chúng sanh

2. Do không thọ âm thanh bốn đại, gọi là âm thanh phi chúng sanh.

3. Do đầy đủ âm thanh, như người hợp với vật bên ngoài cùng phát ra tiếng, như là đánh chuông v.v... Nghĩa Thế âm có thể chung hai loại còn lại trong ba loại thanh này.

Gọi là Phổ môn, Phổ dùng biến khắp làm nghĩa, môn là khai thông không ngưng trệ. Lại môn là pháp môn, như kinh Hoa Nghiêm chép: Quán Âm trụ ở pháp môn đại từ, lại có thể thông đạo khiến chúng sanh ngộ nhập nên gọi là môn. Ý nghĩa chữ Phổ có ba:

1. Tha tâm phổ, nghĩa là không suy nghĩ mà biết cùng tận pháp giới.

2. Thần thông phổ, nghĩa là không động mà thích ứng mười phương hiện tiền.

3. Nói pháp phổ, không lời mà có thể trình bày, tiếng giáo pháp vang khắp tám hướng.

"Bấy giờ ngài Vô Tận Ý,v.v...", đây là giải thích cả hai, trước hỏi đáp về tên ngài Quán Âm, sau là hỏi đáp giải thích đức của Quán Âm. Phần hỏi đáp đầu gồm có hai phần. Phần hỏi có ba câu:

1. Người năng hỏi.

2. Phép tắc hỏi.

3. Chánh hỏi.

Phần đáp cũng có ba câu, người năng hỏi tức là ý nghiệp, phép tắc hỏi là thân nghiệp, chánh hỏi là miệng nghiệp, ba chương hợp lại gồm có mười câu.

"Lúc bấy giờ", đây là nói về thời gian, do trong chúng có tám muôn bốn ngàn người thích ứng được phát tâm, cho nên ứng thời mà hỏi.

"Bồ- Vô tận ý tát", đây là người năng hỏi, gồm có tên riêng và tên chung. Nước ngoài gọi là A Sai mạt, Hán dịch là Vô Tận ý. Kinh Đại Tập chép: Lúc ban đầu phát tâm đã không thể cùng tận, huống chi là trí tuệ, thần thông, từ bi, nói pháp, mà có thể cùng tận hay sao?

Chánh ý mà nói thì chúng sanh vô tận nên lòng đại bi vô cùng, vì thế nói Bồ-tát Vô Tận Ý là tên chung. Kinh Đại Tập chép: Người ấy là Phổ hiền Như lai, Đại sĩ nhất sanh bổ xứ ở thế giới phương Đông, nếu nói theo nguồn gốc thì chính là thầy của Chư Phật mười phương, những người được Ngài hóa độ đều đã thành Phật.

"Liền từ chỗ ngồi đứng dậy v.v..." đây là phép tắc để hỏi, gồm có ba câu:

1. Nói từ chỗ ngồi dưng dậy, Hiếu kinh chép: Tăng tử rời khỏi chỗ ngồi làm lễ thưa rằng; thưa hỏi thì đứng dậy.

2. Vén áo bày vai phải: Sách ngoài chép: lao nhọc mà không vén y, trong giáo pháp khi hỏi đạo thì vén y bày vai, đây là do phong tục không giống nhau. Các nước khác để đầu trần mà làm lễ, Trung hoa thì đội mũ là cung kính.

3. Chấp tay hướng vì Phật, bày vai là biểu hiện thân cung kính, chấp tay là biểu hiện tâm chuyên nhất, như bàn tay vốn là ở hai chỗ nay hợp thành một, tâm vốn theo các duyên nay kiềm chế mà không tán loạn, tâm đã vắng lặng khó thấy, cho nên mượn việc bên ngoài để nói lên tâm bên trong.

"Mà bạch Phật rằng v.v..." đây là phần chánh hỏi, gồm có bốn câu; ban đầu thưa là kiểm soát miệng nghiệp, bạch Thế tôn là chánh thức nói, gồm có ba:

1. "Thế tôn", đây là nêu tôn hiệu, tức là biểu hiện đức của người

năng đáp, nếu không phải đức Thế tôn thì không ai có thể giải thích sự nghi ngờ này, sắp trình bày điều nghi cho nên nêu người chủ giải nghi.

2. "Bồ-tát Quán Thế âm", đây là chỗ nghi về người.

3. "Vì sao?", đây là lời nghi, nhân là nguyên nhân, duyên là dựa vào, vì sao có tên này. Tên gồm có hai thứ là có nhân duyên và không có nhân duyên. Như ngài Xá-lợi-phất do mẹ mà có tên, Ngài Mục-liên do dòng họ, đây là có nhân duyên. Đề La Bà Di thật không ăn dầu mà ép gọi tên là ăn Dầu, đây là không có nhân duyên. Nay là chưa biết tên Quán Thế âm chẳng biết có nhân duyên hay không cho nên hỏi. Có nhân duyên mà đặt tên gồm có bốn thứ:

1. Từ chỗ đến mà đặt tên, như sanh về cõi trời nên gọi là trời.

2. Từ hình tướng mà đặt tên, như thân có tướng lạ, do đó mà đặt tên.

3. Từ lỗi mà đặt tên, như trộm cướp v.v...

4. Từ đức mà đặt tên, như các Hiền Thánh.

Nay chưa biết do vì sao có tên Quán Thế Âm.

Hỏi: Vì sao Vô Tận ý hỏi tên Bồ-tát Quán Thế âm?

Đáp: Ba nghiệp của Bồ-tát đều là lợi duyên, do trong chúng có tám muôn bốn ngàn người thích ứng nghe tên được lợi ích, cho nên ngài Vô Tận Ý hỏi. Cũng muốn chúng sanh khổ não ở đời vị lai nghe tên được thoát khổ cho nên hỏi, cũng muốn nói lên đức của Bồ-tát Quán Thế âm, tức là nói kinh Pháp Hoa, Quán Thế Âm là người năng thừa, đức của ba luân là pháp sở thừa. Hỏi về danh và đức tức đầy đủ cả năng thừa và sở thừa, vì thế nói pháp Nhất thừa.

Hạng người kiêu mạn thường cậy mình mà lăng nhục người khác, nay muốn nói lên ngài Vô Tận Ý không ỷ tôn quý cho nên hỏi về đức hạnh của người. Lại chúng sanh ganh ghét thường che giấu đức của người khác mà lại hay phơi bày chỗ xấu của người khác, pháp của Bồ-tát thì che giấu lỗi và nói lên đức của người khác, đây là khiến chúng sanh bắt chước học theo cho nên hỏi. Lại chỉ bày có điều nghi chưa rõ, tất cả Bồ-tát đều quán xét âm thanh ở thế gian, nay do nhân duyên gì mà chỉ riêng ngài tên Quán Thế âm. Lại Chư Phật ba đời là phát lời nói có hai cách:

1. Tự khai mở, như phẩm đầu Phật từ Tam-muội ra không ai hỏi mà tự nói.

2. Do người khác, tức đợi ngài Vô tận Ý hỏi rồi mới nói.

Phật trả lời có bốn trường hợp:

1. Giải thích danh hiệu Quán Thế âm

2. Khuyên trì danh hiệu.

3. Nói so sánh về công đức trì danh.

4. Tổng kết khen ngợi.

Do hỏi về tên cho nên trước phải giải thích tên, giải thích tên có lợi ích rộng nên khuyên trì danh hiệu. Trì danh hiệu một vị Bồ-tát này có phước đức bằng trì danh hiệu nhiều Bồ-tát cho nên khuyên trì.

Phần đầu lại chia làm ba:

1. Giải thích danh hiệu Quán Thế Âm

2. Giải thích danh hiệu Quán Thế ý

3. Giải thích danh hiệu Quán Thế Thân

Trong mỗi câu đều giải thích trước, sau kết lời khen ngợi, tức ba lần giải thích, ba lần khen ngợi.Vô Tận Ý chỉ hỏi một tên mà Đức Phật trả lời nhiều, tức là hỏi lược mà đáp rộng như trên đã giải thích. Giải thích đầy đủ ba tên là muốn nói lên cảnh sở quán tròn đầy, quán năng chiếu đầy đủ. Cảnh không ngoài ba nghiệp nên chỉ quán ba nghiệp, vì thế lập ba tên, cảnh sở quán có đủ ba nghiệp, mà Bồ-tát năng quán chỉ có ý nghiệp.

Lại lập ba tên là để có chúng sanh xưng danh mà được độ, có chúng sanh riêng không thế nói, nhưng có tâm năng niệm, tự có chúng sinh miệng không thể nói tâm lại tán loạn không thể nhớ nghĩ nhưng dùng thân lễ bái. Chúng sanh thì kiêng cữ khác nhau cho nên phải đặt nhiều tên.

Trong phần giải thích danh hiệu Quán Thế âm thì có hai phần là đáp lược và đáp rộng, trước lược sau rộng là vì giải nghĩa. Trước gọi là đáp chung, sau gọi là đáp riêng; đáp chung tức gọi là cứu hết khổ của chúng sanh trong ba đường sáu đường, đáp riêng tức nói chỉ cứu khổ ở cõi Dục, trong cõi Dục thì thường là cứu loài người bị khổ, trong loài người khổ thì thường là cứu khổ ở Diêm-phù-đề, các phương khác thì không có những nạn vua quan, cướp bóc v.v... Trước đáp chung, sau đáp riêng là muốn nói lên nghĩa cảm ứng đã chu toàn, vì thế chia làm hai.

“Người thiện nam”, kinh Hoa Nghiêm gọi là Phật tử, các kinh khác thường gọi là người thiện nam, do có ý nghĩa nối kế nên gọi là tử, có tài năng gánh vác nên gọi là nam, thực hành có lợi cho người, phù hợp với lý, cảm được điều vui nên gọi là thiện.

“Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh”, đây là chánh đáp lời hỏi, gồm có bốn câu phân thành hai cặp.

1. Chúng sanh chịu các khổ não, đây là duyên cảm. Tức là ý của xưng danh.

2. Nghe Bồ-tát Quán Thế âm này một lòng xưng danh: đây là thể của cảm.

3. Bồ-tát Quán Thế âm tức thời xem xét âm thanh kia.

4. Đều được giải thoát, tức nói ý nghĩa của ứng. Hai điều trước là cảm, hai câu sau là ứng, tức là một cặp cảm và ứng. Hai câu trước là cảm, tức ̂m thanh thế gian, hai câu sau là ứng, tức giải thích ý nghĩa quán. Đủ hai cặp này gọi là Quán Thế âm, để đáp lời hỏi của Vô Tận ý.

"Nếu có vô lượng trăm ngàn muôn ức chúng sanh", đây là nói chúng sanh chịu khổ rất nhiều. Nói chữ ức, Trung hoa dùng muôn muôn làm một ức. Luận Trí Độ chép: ngàn muôn làm một ức, đây do phong tục khác nhau.

"Chịu các khổ, não", đây là nói về sự khổ chẳng phải một loại, khổ là tám khổ, cũng có vô lượng khổ, não là chín não, cũng có vô lượng não.

"Nghe Bồ-tát Quán Thế âm này", đây là nói về xưng danh, tức là thể của cảm, nghĩa là lúc chưa chịu khổ đã từng nghe danh hiệu Bồ-tát, hoặc nghe từ kinh quyển, hoặc từ người truyền lại.

"Nhất tâm xưng danh", nghĩa là ngày nay đang chịu khổ mà cầu cứu xưng danh. Nói nhất tâm là vì giải thích sự nghi vậy, nếu có xưng danh mà không được giải thoát là do không nhất tâm.

"Quán Bồ-tát Thế Âm tức thời xem xét âm thanh kia", đây là nói quán xét căn cơ, tức là ứng duyên. Có người chấp văn này là thuộc ở trên, mà pháp sư Hưng Hoàng lại bổ túc thêm một chữ Bồ-tát Quán Thế Âm. Nay cũng là đủ không mất, nhưng văn này thuộc phần dưới. Làm sao biết? Bởi trên đã nói nghe danh hiệu Quán Thế âm này, lại nói nhất tâm xưng danh, đã nói tên rồi, cho nên câu sau là thuộc phần dưới, nói về ứng của Quán Âm.

"Đều được giải thoát", đây chính là nói về ứng, tức là thoát khỏi khổ.

Hỏi: Vì sao xưng danh có người thoát khổ, có người không thoát khổ?

Đáp: Như trên đã nói, do có nhất tâm và không nhất tâm nên có thoát khổ và không thoát khổ. Có người thoát khổ được lợi ích thì ngài cứu độ, có người thoát khổ không được lợi ích thì Ngài không cứu. Cùng kết duyên với Bồ-tát Quán Âm thì có nhiều ít, duyên mỏng thiện ít nên không thoát khổ, duyên dày thiện nhiều thì được thoát khổ. Nghiệp của chúng sanh thì có nhất định và bất định, bất định thì có thể cứu, nhưng

nhất định thì không thể cứu. Nói chữ định gồm có bốn ý:

1. Tâm gây ra tội nặng, gây ra rồi tâm không hổ thẹn.
2. Che giấu
3. Làm rồi lại làm nữa.
4. Khởi nguyện giúp đỡ.

Vì thế nhất định có quả báo, không thể cứu giúp.

Hỏi: Nếu không thể cứu giúp thì xưng danh không có lợi ích hay sao?

Đáp: Nay tuy không có lợi ích nhưng làm nhân cho đời sau.

“Nếu có người trì tụng danh hiệu”, đây là nói riêng cứu nạn để giải thích danh hiệu Quán Âm, gồm có bảy nạn:

1. Cứu tai nạn về lửa.
2. Cứu tai nạn về nước.
3. Cứu tai nạn về gió bão.
4. Cứu tai nạn về bị hình phạt giết hại.
5. Cứu tai nạn La-sát.
6. Cứu tai nạn bị giam cầm.
7. Cứu tai nạn về cướp bóc.

Đây đều là điều nguy cấp trong các tai nạn, cho nên trình bày sơ lược, ngoài ra còn có tật bịnh, cọp sói, sấm sét, lạc vào đường hiểm, xin xem trong kinh Quán Âm đều có chép đủ. Bảy nạn nầy chia hai ý:

1. Ba loại đầu là nạn về vô tình.
2. Bốn loại sau là nạn về hữu tình.

Hai ý này là bao gồm hết tất cả nạn. Nạn về vô tình thường không thể cứu được cho nên khó tránh khỏi, đoạn sau có nói. Lại nữa, nạn vô tình là ba tai nạn lớn, vừa rộng vừa dài, dài nên có thể đến cõi Tam thiền, rộng nên cả thế giới đại thiên đều hư hoại, vì thế trước nói nạn hữu tình không đúng. Quỷ nạn là: Giả sử đầy cả tam thiên không đến cõi trên. Nạn hữu tình thì ngắn lại hẹp, đoạn sau có nói đến, trong hai nạn này mỗi nạn lại có ba nạn, ba nạn vô tình là lửa, gió, nước, ba nạn hữu tình là mạng, thân, tài vật.

Nạn vô tình có hai thứ theo thứ lớp là:

Từ nhanh đến chậm; theo ba tai thì từ nhỏ đến lớn.

Nạn hữu tình thì từ nặng đến nhẹ cho nên trước nói mạng, sau nói tài vật. Và từ khó đến dễ, tức nạn về mạng khó thoát, nạn tài vật thì dễ thoát. Phần nói về nạn vô tình chia làm hai:

1. Nói cứu ba nạn.
2. Lời kết về danh hiệu Quán Âm.

Trong mỗi nạn ứng có bốn phần:

1. Gặp nạn
2. Xưng danh hiệu
3. Quán xét căn cơ
4. Thoát khỏi tai nạn

Hai câu đầu là giải thích nghĩa Thế âm để nói về cảnh, hai câu sau là giải thích nghĩa quán để nói về trí. Lại hai câu đầu là nói về cảm, hai câu sau nói về ứng, nhưng trước sau cùng hiện khác nhau, nay ăn chia làm bốn:

1. Trì danh hiệu
2. Gặp tai nạn
3. Thoát khỏi nạn
4. Kết thần lực

Hỏi: Trên nói trước gặp nạn sau xưng danh, nay vì sao nói trước trì danh sau gặp nạn?

Đáp: Việc lửa là gấp, nếu thân ở trong lửa mới xưng danh hiệu thì thân đã bị tan rồi, cho nên trước nói trì danh, sau nói gặp nạn. Những việc ứng nghiệm chẳng phải một, như chuyện Hội Khể, Cao Sĩ, Tạ Thuần tự Khánh Chữ. Ngô Quận, Trường Ảnh, Huyền Lăng Đăng v.v... đều chép trong sách Quán Âm Nghiệm Ký, đều nói về việc lửa cháy.

Xưa có người Tây Vực ở trong mái nhà tranh, bỗng gặp người hàng xóm bị cháy nhà. Người Tây Vực này lại ở dưới gió, liền tụng niệm Quán Âm khiến những ngôi nhà ở xung quanh cháy hết mà nhà tranh đó không bị cháy. Bấy giờ có những người trẻ tuổi không tin việc này, mấy đêm liền ném đuốc lửa lên nhà người ấy, ba lần ném thì ba lần đều tắt.

Hỏi: Xưng danh vì sao được thoát nạn lửa?

Đáp: Do thần lực của Bồ-tát khiến lửa tự tắt, hoặc hồi chuyển thế gió khiến lửa không thiêu đốt, hoặc dẫn người nạn ra khỏi chỗ lửa, hoặc rưới mưa khiến lửa tắt, hoặc lửa tự nhiên không thiêu đốt, hoặc dùng vật khác để ngăn lửa, hoặc khiến đắc thiền định, không, Tam-muội tùy theo căn cơ thích hợp.

Hỏi: Vì sao nói dầu nhảy vào lửa lớn, lửa không thể thiêu?

Đáp: Nếu chưa nhảy vào lửa mà xưng danh được thoát, hoặc sẽ cho rằng không có thần lực của Quán Âm, nay nhảy vào lửa mà không đốt cháy thì biết đó là năng lực của Bồ-tát.

Hỏi: Lửa nhỏ cũng có thể thiêu người, vì sao phải nói là lửa lớn?

Đáp: Hoặc có người cho rằng lửa nhỏ không thể thiêu, hoặc cho

rằng do năng lực của cấm chú nên khiến lửa nhỏ không thiêu, nay nói vào lửa lớn không bị thiêu tức biết đó là năng lực của Bồ-tát.

Kế nói về nạn nước có ba ý là gặp nạn, xưng danh hiệu và được chỗ cạn. Hai ý trước là nói về âm thanh ở thế gian để nói về cảm, ý sau là giải thích nghĩa quán để nói về ứng. Nước lớn mới có thể làm hại, nhỏ thì không thể hại, cho nên trước nói lửa gấp, sau nói nước chậm.

Hỏi: Nói nạn lửa thì trước trì danh sau gặp nạn, sao nạn nước thì trước gặp nạn sau trì danh.

Đáp: Chạm lửa thì hại người cho nên trước phải trì danh, nước thì không đúng. Có người trước trì danh sau gặp nạn, có người trước gặp nạn sau xưng danh, cả hai đều được cứu.

"Nếu có trăm ngàn muôn ức chúng sanh", đây là nói về nạn gió bão. Sở dĩ biết gió đây là nạn bởi y theo thứ lớp ba tai là lửa, nước, gió. Do gió thổi ghe thuyền trôi tấp vào cõi nước quỷ La-sát, cho nên lửa có thể đốt là nạn, nước có thể làm chìm là nạn, gió có thể thổi là nạn, văn nầy chia hai phần:

1. Nói âm thanh ở thế gian để nói về cảm.
2. Giải thích ý nghĩa chữ Quán để nói về ứng.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Gặp nạn
2. Xưng danh

Gặp nạn lại chia làm hai phần:

1. Nói chuyện gặp nạn
2. Chánh gặp nạn

"Nếu có vô lượng", tức nói người gặp nạn chẳng phải một người.

"Vì tìm bảy thứ báu", đây là nói nguyên nhân gặp nạn, bảy thứ báu có nhiều chỗ nói khác nhau. Kinh Niết-bàn nói bảy báu là: voi trắng, xe vàng, ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, cư sĩ, chủ binh, đây là bảy thứ báu của vua Chuyển Luân, những người khác không có.

Kinh Hằng Thủy nói thế gian có bảy báu là: Vàng, Bạc, San hô, Ngọc trắng, Xa cừ, Minh nguyệt, ma ni.

Phật pháp cũng có bảy báu là: Bốn quả vị La-hán, Bồ-tát, Bích chi và Phật.

Luận Trí Độ quyển 16 nói về bảy báu là: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, ânhâu.

Kinh này nói vật báu thứ bảy là hổ phách, chân châu chẳng phải nằm trong số bảy báu nên nói câu: các thứ báu.

Phẩm Hiện Tháp báu chép: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, chân

châu, mai khôi. Có kinh chép: chánh báu có bảy thứ, tạp báu có một trăm hai mươi thứ.

"Giả sử gió đen thổi ghe thuyền kia", đây chính là nói gặp nạn. Theo kinh Hoa Nghiêm nói có mười thứ gió, theo kinh Nhân vương nói có năm màu gió, là gió xanh, gió đỏ, gió đen v.v... Luận Thành Thật nói gió không màu sắc, lại nói trong gió hoặc có nhiều xúc mà không hương, hoặc có hương, xúc mà không có sắc vị.

Có người nói sắc gió đen, việc này không đúng, gió nầy làm nhân cho sắc đen, chẳng phải sắc đen. Nay nói gió đen là do trước khi khởi gió thì có mây đen nên nói gió đen nên nói gió đen. Lại nói rằng lúc gió này sắp khởi thì trên biển có khí đen, vì thế lấy đây làm tên. Lại chép: Thổi cát đen trên bờ biển nên gọi là gió đen.

"Thổi ghe thuyền kia", sách chép rằng: từ đất này trở về Tây gọi chữ thuyền, từ đây trở về Đông gọi là ghe.

"Thổi trôi tấp vào nước quỷ La-sát", do sức gió khiến trôi vào nước quỷ, chẳng phải nạn quỷ.

"Trong ấy nếu có người xưng danh hiệu", đây là nói phần xưng danh, như người cùng thuyền vui buồn thì nên đều xưng danh, nhưng nói mỗi người xưng danh là nói lên tâm đồng nhau, nói một người xưng danh mà mọi người thoát nạn, là nói lên Bồ-tát có thần lực lớn.

"Thời các người đó đều được thoát nạn", đây là giải thích nghĩa quán xét để nói về ứng.

"Do nhân duyên này", đây nói về nạn vô tình xong nên tổng kết để đáp lời hỏi trên.

"Nếu lại có người", đây là nói về nạn hữu tình, so với trước là nạn lớn trên đất liền. Sở dĩ trong ba tai nạn không có địa tai mà có địa nạn, đất do chế ngự mà thành nạn, không chế ngự thì chẳng có nạn. Tai thì tùy ý mà khởi, không cần người chế ngự cho nên không có địa tai. Lại cõi Tứ thiền không có tai họa bên trong cho nên bên ngoài không có địa tai, nay có người chế ngự cho nên có địa nạn, so với ở sau là nạn hữu tình. Hợp bốn nạn làm ba phần, như trên đã giải thích. Hai loại đầu nói nạn về thân mạng, do mạng là quan trọng cho nên nói trước, nước, lửa, gió đều là hại mạng, đây kế với văn trên cho nên trước nói nạn về mạng. Trong phần nạn về mạng thì trước là người sau là quỷ, bởi nạn về người thì thấy rõ, nạn về quỷ thì ẩn kín, cho nên nói từ hiển đến ẩn. Lại kế phần nạn lửa, nước, gió, kế nói đến đất, cho nên trước nói người sau nói quỷ.

"Dầu là có người hoặc có tội", đây là nói về thân nạn, xiềng xích

trói buộc thân nên gọi là thân nạn. Bàn nói về ba đời thì đều có tội, mà trong kinh nói hoặc không tội, là do hiện tại không làm nên nói không mà thôi. Kinh chép: Có chín thứ đại hoạnh, cũng do hiện tại không làm nên nói hoạnh. Nếu không tội mà chịu khổ là không nhân mà có quả, thì việc này không đúng.

"Nếu trong cõi Tam thiên đại thiên đầy kẻ cướp bóc", đây là nói về tài vật nạn. Trong kinh nói mang theo nhiều của báu cho nên biết là tài vật nạn, trước giải thích nghĩa Thế Âm để nói về cảm, sau giải thích nghĩa quán để nói về ứng. Phần đầu chia làm hai là gặp nạn và xưng danh hiệu.

"Trong ấy có một người xướng rằng", đây là nói phần xưng danh hiệu, ban đầu là khuyên xưng danh, sau là mọi người vâng lời mà xưng danh. Phần khuyên xưng danh chia làm bốn:

1. Dặn dò
2. Khuyên bảo
3. Giải thích lời dặn
4. Giải thích lời khuyên.

"Các vị phải nhất tâm xưng danh", đây là khuyên bảo

"Vị Bồ-tát đó hay thí pháp vô úy cho chúng sanh", đây là giải thích lời dặn chớ nên sợ sệt. "Nếu các vị xưng danh..." là giải thích lời khuyên.

"Các người buôn nghe rồi", đây là nói vâng lời mà xưng danh.

"Vì xưng danh hiệu ấy", đây là giải thích nghĩa quán xét để nói về ứng.

"Vô tận ý v.v..." trước đã giải thích tên nay là khen ngợi danh đức.

"Nếu có chúng sanh nặng về dâm dục v.v...", đây giải thích về Quán Thế ý.

Trong tâm thường niệm danh hiệu, do quán sát ý nghĩa nên được lìa ba độc, cho nên đây là giải thích Quán Thế Ý,

Hỏi: Vì sao giải thích tên Quán thế Ý mà nói dứt ba độc?

Đáp: Dứt hoặc thì thân miệng cần có ý.

Trên là nói cứu quả khổ nay là cứu nhân khổ, trên là cứu thân nạn, nay là cứu tâm nạn, trên là cứu nạn nhục thân, nay là cứu nạn pháp thân, trên là cứu nạn thế gian, nay là cứu nạn xuất thế gian, trên là cứu nghiệp chướng báo chướng, nay là cứu giúp chướng phiền não, trên là cứu nạn một đời, nay là cứu nạn ba đời, trên là cứu nạn trong loài người, nay là cứu nạn trong ba cõi, trên là người thực hành cạn, nay là người

thực hành sâu, trên là tạm cứu nạn, nay là cứu nạn lâu dài. Văn nầy chia làm hai:

1. Giải thích tên Quán Thế Ý

2. Khen ngợi danh hiệu và khuyên chúng nghĩ rằng nhớ.

Nói cứu ba độc chia làm ba thứ khác nhau là tham, sân, si, trong mỗi câu đều trước giải thích nghĩa thế ý để nói về cảm, sau giải thích nghĩa quán để nói về ứng, như câu: liền được lìa dục.

Hỏi: Niệm Quán Thế âm vì sao lìa được ba độc?

Đáp: Do thường niệm khiến ba độc không khởi lên, thường niệm về thật tướng và pháp thân của Quán Âm tức sanh quán như thật, cho nên được diệt ba độc.

Lại, đây là Tam-muội niệm Phật, Tam-muội niệm Phật thì có thể đối trị tất cả chướng. Lại do thường niệm nên Quán Âm hiện thân vì họ nói pháp khiến ba độc không khởi. Lại do thường niệm nên Quán Âm có thể chuyển cảnh hiện tiền, như cõi trời Tịnh cư che khắp các thể nữ vì là bất tịnh.

"Nếu có người nữ muốn cầu con trai", đây là giải thích tên Quán Thế Thân. Lại trên là cứu nạn có bảy nạn là thân nạn, ba độc là tâm nạn, nay là cứu nạn Vô. Cứu nạn vô gồm có hai thứ, là không có con trai và không có con gái. Trên là đại bi cứu khổ, nay là đại từ ban vui, trên là cùng chúng sanh thực hành quả, nay có thể làm tròn đầy nguyện quả của chúng sanh. Hành có hai hạnh, nguyện cũng có hai nguyện.

Hỏi: Giải thích ba tên có thứ lớp gì?

Đáp: Bảy nạn là khổ nặng cho nên nêu trước, kế nói ba độc làm tâm phiền não, không có con trai con gái là việc cầu mong không gấp nên nói sau cùng.

Hỏi: Vì sao gặp bảy nạn thì xưng danh, có ba độc thì thường niệm, không con trai con gái thì cúng dường lễ bái.

Đáp: bảy nạn là việc gấp, thời gian ngắn không rãnh để lễ bái cúng dường, cũng không kịp để tỉnh tâm nhiếp niệm nên chỉ xưng danh hiệu. Ba độc thì thời gian dài lại khó dứt, phải có đạo đối trị nên thường niệm danh hiệu. Không con trai con gái mà cầu nguyện là khác với hai loại trên nên lễ bái cúng dường. Lại nữa, danh hiệu Quán Âm đầy đủ hạnh nguyện nên ban đầu khiến xưng danh, hai tên khác có hạnh mà không nguyện tức nêu ở sau, trong hai tên này thì ý là gốc, thân là ngọn, lại có thứ lớp, trước là giải thích danh hiệu, sau là khen ngợi danh hiệu.

Hỏi: Không có con trai con gái gá thác sanh làm người cho nên

hiện thân đồng nam đồng nữ, lại nghiệp của mẹ và con tuy là có duyên đời trước mà không quyết định, nay có sức tu phước nên khiến người tốt gá sanh.

Hỏi: Vì sao nói con trai có phước đức trí tuệ, con gái có tướng xinh đẹp?

Đáp: Người nam có một trăm hạnh mà trí là đầu, người nữ có bảy đức thì dung nhan đứng đầu.

Văn này trước nói nghĩa thân thế gian để nói về cảm, sau giải thích nghĩa Quán để nói về ứng.

"Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì", đây giải thích ba danh hiệu đã xong nên kết lời khuyên thọ trì.

"Nếu có người thọ trì danh tự", đây là nói phần công đức trì danh, chia làm bốn phần:

1. Nói sự thực hành trì danh nhiều và hỏi Vô Tận Ý về công đức
2. Đáp lời Thế tôn hỏi
3. Chính là nói về so sánh công đức
4. Kết lời khen ngợi trì danh hiệu.

Sở dĩ có phần này vì lúc ấy đại chúng nghi ngờ rằng:

Thọ trì danh hiệu Quán Thế âm có công đức này, nhưng thọ trì danh hiệu khác có được như vậy không?

Vì thế nói so sánh công đức hơn kém, thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng sa Bồ-tát có công đức bằng với thọ trì một danh hiệu Quán Âm, nhưng trì nhiều danh hiệu thì khó, trì một danh hiệu là dễ, đây muốn giải thích khuyên trì danh hiệu nên so sánh nói công đức. Phật hỏi gồm ba ý:

1. Nói trì nhiều danh hiệu
2. Nói trọn đời cúng dường là thời gian lâu dài.
3. Nói các thứ cúng dường tức cúng dường rộng.

"Phật dạy: nếu có người thọ trì", đây chính là nói về so sánh công đức, lại có hai phần:

1. Nói ba việc về thọ trì danh hiệu Quán Âm là trì danh ít, thời gian ngắn và cúng dường hẹp.
2. Nói về so sánh công đức tức câu: "thời phước của hai người..."

Hỏi: So sánh có bảy loại:

1. Phàm không bằng Thánh, như kinh Đại Phẩm chép: Dạy một người đắc Sơ quả thì hơn dạy người ở cả Diêm-phù-đề thực hành mười điều lành.
2. Ít không bằng nhiều, như người Nhị thừa không bằng Bồ-tát.

3. Cạn không bằng sâu, như thực hành cạn không bằng sâu

4. Nhân không bằng quả, như Bồ-tát không bằng Phật

5. Có sở đắc chẳng bằng không có sở đắc, như sáu độ thế gian không bằng sáu độ xuất thế gian.

6. Ngọn không bằng gốc, như năm độ tuy là không có sở đắc mà cuối cùng không bằng Bà-nhã, bởi Bà-nhã là gốc.

7. Vô duyên không bằng có duyên, như Phật giáo hóa Tu-bạt-đà-la không bằng ngài A nan.

Ở đây thuộc loại so sánh nào?

Đáp: Có người chép: sáu mươi hai ức Bồ-tát là nhân. Quán Âm vị là cổ Phật, tức là nhân không bằng quả. Thử hỏi tất cả nhân đã không bằng quả, chẳng lẽ mươi hai ức Bồ-tát bằng các quả sao?

Có người nói sáu mươi hai ức Bồ-tát là thực hành cạn, Quán Âm là thực hành sâu, thử hỏi: kinh không nói sáu mươi hai ức Bồ-tát là thực hành cạn, Quán Âm là thực hành sâu lại hành cạn không thể bằng sâu thì sao sáu mươi hai ức Bồ-tát lại bằng Quán Âm như văn kinh.

Có người chép: Quán Âm là giáo chủ, sáu mươi hai ức Bồ-tát là Thánh chúng, vì là thính chúng nên không bằng giáo chủ. Nạn rằng: vì là thính chúng nên không bằng, không phải chỉ sáu mươi hai ức không bằng mà tất cả thính chúng cũng không bằng. Nay nói sáu mươi hai ức Bồ-tát và Quán Âm là ngang bằng về địa vị và chỗ thực hành, nhưng nói chỗ không bằng, thì các kinh nói có hai thứ:

1. Bình đẳng, như ngài Diệu Âm được Tam-muội phổ hiện sắc thân, tám muôn bốn ngàn Bồ-tát cũng được như vậy, tức ngài Diệu Âm và Bồ-tát là bình đẳng, cúng dường và trì danh đều bình đẳng không khác.

2. Không bình đẳng, sáu mươi hai ức Bồ-tát thật là ngang bằng với Quán Âm, nay muốn mọi người tôn trọng ngài Quán Âm, nên ở chỗ bình đẳng mà nói không bình đẳng. Cũng như khen ngợi Chư Phật nói kinh, lễ bái Phật Bảo Quang Minh chỉ diệt được tội trong sáu mươi mốt kiếp sanh tử, lễ Phật Câu-lưu Tôn diệt được tội trong vô lượng kiếp.

Kinh Thiên Phật Nhân Duyên chép: Lễ Phật Thường Bảo Tràng Ứng Ni Quang diệt được tội trong bảy trăm muôn a tăng kỳ kiếp, lễ Phật Hoan Hỷ Trang Nghiêm Bảo Vương diệt dược tội trong năm trăm muôn a tăng kỳ kiếp. Đây là chỉ bày môn không bình đẳng cho nên khiến chúng sanh tâm cao thấp, nếu thật bình đẳng mà nói bình đẳng thì chúng sanh không khởi tâm tôn trọng nghiêng về ngài Quán Âm.

Luận Pháp Hoa chép: Thọ trì danh hiệu Quán Âm và thọ trì sáu

mươi hai ức Hằng sa danh hiệu Chư Phật.

Luận chép: Phật đều là Bồ-tát địa Đẳng giác, đã gọi là Đẳng giác, tức là Đẳng giác Phật.

Luận chép: Phước đức bình đẳng có hai nghĩa:

1. Tín lực
2. Biết rốt ráo

Tín lực có hai loại:

1. Cầu thân mình như Quán Âm tự tại không khác, do tin rốt ráo.
2. Sanh tâm cung kính Quán Âm, như Ngài có công đức, ở đây cũng như vậy, rốt ráo mà được.

Biết rốt ráo tức là quyết định biết pháp giới, Pháp giới gọi là pháp tánh, pháp tánh kia nhập Sơ địa, Bồ-tát có khả năng chứng nhập. Tất cả Chư Phật và Bồ-tát đều là bình đẳng thân, bình đẳng thân là pháp thân chân như, cho nên công đức thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa Phật cũng bằng thọ trì danh hiệu ngài Quán Âm. Đại ý luận này nói bình đẳng không hai, nói về môn vô sai khác, ban đầu là tín không hai, sau là ngộ không hai, cùng với sự giải thích trước là không trái nhau.

“Vô tận ý, thọ trì danh hiệu v.v...”, đây là kết lời khen ngợi.

“Bồ-tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng”, đây là giải thích Phổ môn, nói về đức của Quán Âm. Trên tuy là khen ngợi ngài Quán Âm có khả năng cứu khổ ban vui, nhưng không biết lấy gì để cứu độ, vì thế nay giải thích rằng: Mỗi nạn hoặc dùng thân nghiệp thần thông mà cứu độ, hoặc dùng miệng nghiệp nói pháp để cứu độ, hoặc dùng ý nghiệp thầm cứu độ, đây cũng có trước hỏi sau đáp, hỏi có ba ý:

1. Nêu người hỏi
2. Chánh hỏi tức bạch Phật
3. Nói Bồ-tát Quán Thế Âm tức là người để hỏi, cũng có ba câu:

1. Dạo đi trong cõi Ta bà như thế nào, đây là hỏi về thân nghiệp.
2. Vì chúng sanh nói pháp ra sao, đây là hỏi về miệng nghiệp.
3. Năng lực phương tiện như thế nào, đây hỏi về ý nghiệp, “Phật bảo Vô tận Ý v.v...” đây là lời đáp có ba câu:

1. Chánh đáp, nói về đức của ba luân
2. Khuyến khích cúng dường
3. Tổng kết lời khen ngợi.

Ban đầu chính là đáp ba câu hỏi nên nói về đức của ba luân, đã có đức cao quý tức là ruộng phước cho nên phải cúng dường. Nói đức của ba luân tức là thí chủ, nói về cúng dường là nói lên ruộng phước, ruộng phước, thí chủ đã rõ ràng cho nên tổng kết lời khen ngợi.

Phần đầu lại chia làm hai:

1. Nói riêng về thị hiện ba mươi ba thân và mười chín lần nói pháp

2. Tổng kết tất cả thân giáo và phương tiện.

Phần một lại chia làm ba:

1. Phương tiện hiện thân bậc Thánh

2. Phương tiện hiện thân phàm

3. Phương tiện hiện thân phi phàm phu, phi Thánh.

Hiện thân bậc Thánh là nói bậc Thánh Ba thừa, tức ba thân khác nhau, trong mỗi lần đều đáp đủ ba câu hỏi. Vì đó nói pháp tức trả lời về miệng nghiệp, đáng dùng thân gì tức trả lời về ý nghiệp, tức hiện thân ấy đó là trả lời về thân nghiệp. Trên là từ hiển đến ẩn nên nói thân, miệng, ý, nay là từ gốc đến ngọn nên nói ý, thân, miệng, trước là ý nghiệp biết căn cơ, kế là hiện thân và sau là nói pháp.

Hỏi: Kinh này gom ba thừa về một, sao một lại chỉ bày ba thừa?

Đáp: Tuy nói gom ba về một mà không mất ý chia một làm ba, từ đầu kinh đến đây là nói phần chính là nói, nghĩa là gom dụng về thể, cho nên nói gom ba về một. Nay nói về phần truyền bá là từ thể khởi dụng, cho nên ở một nói ba.

Hỏi: Phẩm Diệu Âm có thân Bồ-tát, nay sao không có?

Đáp: Kia không nói nghĩa ba thừa cho nên có thân Bồ-tát, nay muốn nói về ba thừa, thân Bồ-tát là nhiếp nhập Phật thừa cho nên không nói.

Hỏi: Quán Âm là Phật hiện thân hay chẳng phải Phật?

Đáp: Kinh nói khác nhau nhau, kinh Quán Âm Tam-muội chép: Quán Âm thành Phật trước Ta, tên là Chánh Pháp Minh Như lai, ta là đệ tử tu khổ hạnh. Lại chép: Ta và Quán Âm đồng thời thành chánh giác. Kinh Quán Âm Thọ Ký chép: Quán Âm ở chỗ Phật Kim Quang Du Hý mới phát đạo tâm, vua nước ấy tên là Oai đức Vương. Oai đức vương nhập thiền định bỗng có hai đồng tử xuất hiện ở hai bên, vua xuất định hỏi tên họ, hai đồng tử nói bài kệ để đáp. Ban đầu nói đệ nhất nghĩa đáp là không tên, sau nói về thế đế là đáp có tên. Sau khi Phật Di-đà diệt độ, thế giới mãi vang pháp âm không dứt, đêm Đức Phật nhập diệt thì ngài Quán Âm bổ xứ, thế giới đổi tên là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, Phật hiệu là Phổ Quang Công đức Sơn Vương. Đại Thế chí cùng Bổ xứ với Quán Âm, Phật hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương. Phật Kim Quang Sư tử và Phật Di đà đều có ba thừa, hai Phật sau chỉ có thừa Bồ-tát, người nào nghe được danh hiệu hai vị Phật này

thì được chuyển thân nữ, tiêu hết tội sanh tử trong bốn mươi kiếp.

Hỏi: Ngài Quán Âm vì sao lại có duyên ở cõi này?

Đáp: Kinh Hoằng Mãnh Hải Tuệ chép: Xưa ở cõi Diêm-phù-đề có vị vua tên là Thiện Thủ, có năm trăm người con, người thứ nhất tên là Thiện Quang gặp Phật Không Vương Quán Âm mà phát mười nguyện lớn:

1. Nguyện đắc tất cả pháp
2. Nguyện được thuyền Bà-nhã
3. Nguyện gặp gió trí tuệ
4. Nguyện được phương tiện khéo léo
5. Nguyện độ tất cả mọi người
6. Nguyện khiến tất cả vượt khỏi biển khổ.
7. Nguyện được đầy đủ giới định.
8. Nguyện lên núi Niết-bàn.
9. Nguyện gặp nhà vô vi
10. Nguyện đồng tánh thân pháp, đều tôn Quán Âm đại bi làm đầu.

Quán Thế Âm phát nguyện rằng: Nguyện tôi đời sau thành Phật danh hiệu là Quán Thế Âm, nếu người nào xưng danh hiệu tôi ba lần mà tôi không đến cứu thì không được thân sắc mầu nhiệm, người trì nguyện này là thanh tịnh, trang nghiêm, do ngài thực hành đạo Bồ-tát ởcõi này nên gọi là có duyên với ở đây.

Hỏi Trong văn kinh chép: mà vì đó nói pháp, đây là pháp gì?

Đáp: Nói pháp thì không nhất định, gồm có bốn loại:

1. Một thân nói một pháp môn.
2. Một thân nói tất cả pháp môn
3. Tất cả thân nói một pháp môn
4. Tất cả thân nói tất cả pháp môn.

Trong kinh Hoa Nghiêm thiện tri thức chỉ nói một pháp môn, nay ngài Quán Thế Âm hiện tất cả thân nói tất cả pháp môn.

“Người đáng dùng thân Phạm Vương”, đây là nói phương tiện hiện thân phàm phu, lại chia làm ba phần đó là trời, người và các loại. Trời gồm có ba cặp:

1. Hai vị trời đầu ở cõi Dục và cõi Sắc.
2. Hai vị trời sau cùng ở cõi Dục và cõi Sắc.
3. Hai vị thần ở cõi Dục và cõi Sắc.

Tuy có ba cặp mà không ngoài địa vị vua và bề tôi. Có người chép: Thiên đại tướng quân là lực sĩ cõi trời, như loại Kiền-Thát-Bà,

Na-la-diên.

Có người nói loại quỷ thần, như đại tướng Kim Quang Minh, Tán chỉ, đại tướng Tán chỉ thuộc Tỳ-sa-môn, ý này xuất xứ từ kinh Đại Tập.

Có người nói là trời Vi-đà, trời Tỳ Nữu. Trời Tỳ-sa-môn là thiên vương ở phương Bắc, Hán dịch là Đa Văn, thường hộ trì đạo tràng của Phật và thường nghe nói pháp nên gọi là Đa Văn.

"Người đáng dùng thân Tiểu Vương v.v..." đây là nói phương tiện hiện thân người, cũng chia hai phần:

1. Thị hiện thân vua
2. Thị hiện thân bề tôi

Trong phần bề tôi có bốn hạng:

1. Thị hiện thân tài giỏi
2. Thị hiện thân bốn chúng
3. Thị hiện thân phụ nữ
4. Thị hiện thân đồng chân.

Cư sĩ có hai hạng là cư sĩ ở nhà và cư sĩ có tiền tài, như trong văn kinh chép.

Bà-la-môn, Hán dịch là Ngoại ý, cũng dịch là Tịnh Hạnh. Kế đến là thị hiện thân tám bộ chúng.

Hỏi: Vì sao thọ thân rồng, v.v... mà không đắc đạo?

Đáp: Có bốn câu về thừa nhanh giới chậm

1. Thừa chậm giới gấp, sanh ở cõi trời không đắc đạo.
2. Thừa gấp giới chậm, sanh cõi quỷ, rồng mà được đắc đạo.
3. Thừa và giới đều gấp, sanh cõi trời, người, mà được đắc đạo.
4. Thừa và giới đều chậm, sanh ở các cõi không được đắc đạo

"Đáng dùng thân thần Kim cương", đây là thị hiện thân phi phàm phi thánh. Đã là quỷ thần thuộc bốn cõi trời nên gọi là phi thánh, thật là Phật Lâu Chí nên gọi là thân phi phàm. Lâu Chí Hán dịch là Phật Đề khốc, riêng trong nửa kiếp hiền độ chúng sanh.

"Vô Tận Ý v.v...", đây là tổng kết khen ngợi

"Cho nên các ông phải một lòng cúng dường", đây là nói phần khuyên cúng dường, gồm có sáu phần:

1. Khuyến khích cúng dường.
2. Vâng theo lời dạy.
3. Quán Âm không nhận vật cúng dường.
4. Ngài Vô Tận ý lại xin cầu.
5. Phật dạy Quán Âm nhận vật cúng dường.

6. Quán Âm nhận xong lại dâng lên hai Đức Thế tôn.

Hỏi: Vô Tận Ý là Bồ-tát xuất gia, vì sao có chuỗi ngọc anh lạc?

Đáp: Tuy là người xuất gia mà không câu chấp Tiểu thừa, cũng nói rằng đây là Bồ-tát tại gia. Kinh Niết-bàn chép: Nhập chỗ vô cúng, đây là Bồ-tát tại gia ở phương khác, vốn chẳng phải ở cõi Ta ba nên không đem đến cúng. Mà nói pháp thí, tức là bố thí đúng pháp, vì pháp mà bố thí, lại thông đạt tài và pháp chẳng hai.

Quán Âm không thọ nhận là có ba ý:

1. Muốn thí chủ sanh tâm ân cần tôn trọng.
2. Muốn nhường lên hai đức Thế tôn.
3. Chỉ bày hạnh ít muốn biết đủ.

Sau nói Quán Âm thọ nhận là trên để thuận ý chỉ của Phật, dưới thương xót tất cả chúng sanh.

Quán Âm chia vật cúng dường làm hai phần là muốn cho thí chủ được thêm phước đức. Nêu hai đức Thế tôn là chỉ bày sanh diệt bình đẳng không hai, đức Thích-ca hiện tại là trí, Phật Đa Bảo Niết-bàn là đoạn, nói trí và đoạn là ruộng phước. “Vô Tận Ý! Quán Thế Âm có sức thần như thế, trước nói về thí chủ và ruộng phước đã rồi, nay là tổng kết khen ngợi.

“Bấy giờ Bồ-tát Trì Địa”, đây là nói phần cùng khen ngợi, văn chia ba phần:

1. Nói người khen ngợi: Trì Địa tức là địa năng trì, nên gọi là Trì Địa, do vị này được Tam-muội nên lấy đó làm tên.
2. Phép tắc khen ngợi, tức từ chỗ ngồi đứng dậy.
3. Chánh khen ngợi, “tức đến trước Phật bạch rằng”, ngài Trì Địa ngồi cách xa Phật, nay đến gần trước Phật nên nói là trước Phật bạch rằng.

“Phẩm Bồ-tát Quán Thế Âm nghiệp tự tại”, tức trùng với tên ban đầu đã nêu, do ba nghiệp tự tại nên gọi là nghiệp tự tại.

“Phổ môn thị hiện sức thần thông”, tức trùng với đức của ba luân phổ môn.

“Phải biết công đức người này chẳng ít”, đây là chánh khen ngợi.

“Phật nói phẩm Phổ môn này rồi”, đây nói phần lợi ích, đầu tiên nói người được lợi ích.

“Đều phát tâm vô đẳng đẳng”, đây chính là nói được lợi ích. Phật đạo thì không gì so sánh bằng, chỉ có Phật và hật là ngang nhau nên gọi đạo này là vô đẳng đẳng, vì thế gọi Phật là vô đẳng đẳng. Lại nói

rằng: vô đẳng đẳng, Phật có hai nghĩa: dưới có chỗ khác, trên có chỗ bằng nhau, dưới có chỗ khác gọi là vô đẳng, trên có chỗ bằng nhau gọi là vô đẳng đẳng. Do Phật gọi là vô đẳng đẳng, nay phát tâm Phật nên nói rằng: phát tâm Vô đẳng đẳng.

PHẨM ĐÀ-LA-NI THỨ HAI MƯƠI SÁU

Hai phẩm Hộ nạn mở rộng kinh, một là người hộ nạn, như phẩm Quán Âm đã nói, nay muốn nói thần chú là pháp hộ nạn nên có phẩm này, ở trên nói mỗi Bồ-tát đều có mở rộng đạo lợi sanh riêng, phẩm này nói mọi người nói thần chú, nghĩa là có nhiều người cùng mở rộng kinh lợi ích chúng sanh. Nói Pháp Hoa có đủ loại môn, hoặc pháp hoặc người, hoặc hiển, hoặc mật. Như trên nói nhân quả tức đúng theo nói pháp kinh Pháp Hoa, nói đức hạnh của các Bồ-tát tức theo người nói Pháp Hoa, đây đủ cả người và pháp tức là hiển hiện môn nói Pháp Hoa, nay nói thần chú tức là môn bí mật nói Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao biết thần chú là Pháp Hoa?

Đáp: Cuối phẩm chép: Nghe thần chú này đắc Vô sanh nhẫn, há chẳng phải Nhất thừa ư!

Hỏi: Chỉ là một Pháp Hoa sao nói nhiều loại danh tự?

Đáp: Tuy là một kinh Pháp Hoa, mà tùy theo chúng sanh có chỗ ngộ khác nhau, cho nên nói nhiều tên. Như Luận chép: Bà-nhã là một pháp, Phật nói nhiêu thứ tên. Lại chép: Bà-nhã ở tâm Thanh văn gọi là Đạo Phẩm, ở tâm Bồ-tát gọi là Đà-la-ni, ở tâm Phật gọi là Tát-bà nhã, cho nên biết Đà-la-ni tức Bà-nhã, Bà-nhã tức nhất thừa.

Hỏi: Ởtâm Thanh văn sao gọi là Đạo Phẩm? Ở tâm Bồ-tát sao gọi là Đà-la-ni?

Đáp: Luận chép: Đạo Phẩm chỉ là hướng đến Niết-bàn, Thanh văn chỉ chán ghét sanh tử, ưa thích Niết-bàn, cho nên ở tâm Thanh văn gọi là Đạo phẩm, trong pháp Thanh văn không nói Đà-la-ni.

Bồ-tát muốn trì khắp tất cả hạnh, khiến thân không mất, muôn kiếp dạo đi, cho nên ở tâm Bồ-tát gọi là Đà-la-ni. Đà-la-ni thì có vô lượng môn, nay là chú Đà-la-ni, cho nên nêu chung để lấy riêng.

Hỏi: Chú là vật gì?

Đáp: Chư Phật và Bồ-tát nói pháp có hai thứ là hiển rõ và bí mật, chú là pháp bí mật. Như người thế gian có hai thứ pháp là hiển hiện theo tục nên cũng có hai thứ pháp.

Có người chép: Nói về chú không ngoài ba nghĩa:

1. Nói quả cùng cực, đức cao quý, hoặc là nhân muôn hạnh, cho nên khiến người nghe phát tâm.

2. Nói danh tự Ba bảo, hoặc là tên riêng của Chư Phật và Bồ-tát, hoặc tên của quỷ thần có sức mạnh, kêu gọi các tên này khiến Ma-da nghe liền kinh sợ lui sụt.

3. Nói các pháp lý sâu xa vô tướng, khiến người nghe ngộ đạo đắc Vô sanh nhẫn.

Hỏi: Trong các kinh sao không dịch thần chú?

Đáp: Chú là bao gồmhiều lời, ở Trung quốc không có vật nào phỏng theo để ịch, nếu dịch thì không hết nghĩa, lại mất đi lực dụng. Như pháp cấm chú thì ở Trung quốc phải y theo lời chú mà đọc, thì sẽ có thần nghiệm, không được dịch ra tiếng bản xứ mà nói.

Hỏi: Vì sao đắc Đà-la-ni khiến người không quên?

Đáp: Ở đây có sáu ý:

1. Do quá khứ tu tập đã được.

2. Do chú thuật mà được.

3. Do uống thuốc mà được, như là chư tiên.

4. Nhân hiện tại tu tập mà được.

5. Do thiền định mà được.

6. Do thâm nhập thật tướng mà được.

Hỏi: Đà-la-ni và Tam-muội có gì khác nhau?

Đáp: Tam-muội thường dùng định đứng đầu, Đà-la-ni dùng niệm làm chính. Tam-muội chỉ có tâm tương ưng, Đà-la-ni thì hoặc tâm tương ưng, hoặc tâm không tương ưng. Mới tu gọi là Tam-muội, Tu-lâu gọi là tổng trì Đà-la-ni, như tu tập không đổi gọi là tánh. Tam-muội là gốc, Tam-muội hợp với thật tướng, phát sanh công đức gọi là tổng trì, như bình đất dùng lửa nung mới đựng nước được. Tam-muội lúc chuyển thân hoặc có thoái mất, trì chú Đà-la-ni thì không mất.

Hỏi: Tu tập nhân gì mà được trì Đà-la-ni?

Đáp: Có bốn thứ nhân để được trì:

1. Không có ái dục.

2. Không ganh ghét.

3. Bố thí không hối hận.

4. Ưa thích pháp.

Hỏi: Vì sao trì chú trừ được tai họa?

Đáp: Trong tất cả pháp mỗi pháp đều có tăng thượng, như lực nước tăng thượng diệt được lửa, lửa tăng thượng thì khô nước. Nay năng lực thần chú có thể trừ cácđiều ác cũng vậy. Ác có hai loại:

1. Ác hữu tình, như ác quỷ v.v...

2. Ác vô tình, như gió bão, mưa lũ v.v..., các nạn trong nạn ngoài đều được gọi là ác.

Luận Địa trì nói có bốn thứ trì:

1. Pháp trì, là Văn tuệ.

2. Nghĩa trì, là Tư tuệ.

3. Chú trì, do thiền khởi chú là Tu tuệ.

4. Nhẫn trì, là nhập chứng là Hành tuệ.

Về bốn địa vị trí này Luận Địa trì chép: Nghe nghĩa chú người ở ba địa trước thành tựu, chắc chắn bất thoái, đắc trước lúc ấy thì bất định, nhẫn trì khởi tức tự hiểu hành địa, thành tựu Sơ địa. Phẩm này chia làm ba phần:

1. Đối với ngài Dược Vương mà nói kinh có phước đức nhiều.

2. Mọi người nói chú ủng hộ người trì kinh.

3. Đại chúng được lợi ích.

Phần đầu lại chia làm hai, trước hỏi và sau đáp:

Sở dĩ nói kinh có phước đức nhiều là gồm có hai nghĩa.

1. Khiến người ưa thích phước mà trì kinh.

2. Nói trì kinh phước nhiều cho nên kế nói chú để ủng hộ.

"Lúc bấy giờ, Bồ-tát Dược Vương", đoạn này nói về năm người nói chú, Dược Vương và Dõng Thí là hai Bồ-tát, thiên vương Tỳ-sa-môn và thiên vương Trì Quốc là hai vị cõi trời, sau là quỷ thần.

Dược Vương nói chú gồm năm phần:

1. Xin Phật cho nói.

2. Chính là nói chú.

3. Kể về người nói chú này, tức là sáu mươi hai ức hằng sa Phật.

4. Nói lực dụng của chú.

5. Đức Thích-ca khen ngợi.

"Án nhĩ", chú này không thể dịch như trước đã nói, nhưng người đọc tụng nghe chú sẽ hoang mang không hiểu rồi không lưu tâm, nay y theo kinh chánh Pháp Hoa mà dịch nghĩa tương tự, thường là nói vềhật tướng của pháp bí mật.

"Án nhĩ", Hán dịch là Kỳ Dị. "Mạn nhĩ", Hán dịch là Sở Tư. "Ma Nễ", Hán dịch là Ý Niệm. "Ma ma nễ", Hán dịch là Vô Ý. "Chỉ Lệ", dịch là Vĩnh cửu. "Già lê đệ", dịch là sở hành phụng tu. "Xa mế", dịch là tịch nhiên. "Xa lý đa vĩ", dịch là đạm bạc. "Chuyên đế", dịch là Chí mặc. "Mục đế", dịch là giải thoát. Mục đa lý dịch là tế độ. Sa lý dịch là bình đẳng. A vĩ sa lý dịch là vô gia. Tang lý dịch là an hòa. Sa lý dịch là Phổ bình. Xoa duệ dịch là tận. A xoa duệ dịch là vô tận. A kỳ nhị dịch là mạc thoát. Chuyên đế dịch là Huyền mặc, Xa lý dịch là đạm nhiên. Đà-la-ni dịch là tổng trì. A lư dà Bà-sa ky đá tỳ xoa nhị, dịch là quán sát. Nễ tỳ thế dịch là quang diệu. A tiện đa la nễ lý thế, dịch là có chỗ nương dựa bên trong. A đàn dá ba lệ thâu địa, dịch là rốt ráo thanh tịnh. Âu cứu

lệ dịch là không có hầm hố. Mâu cứu lệ dịch là không có cao thấp. A la lệ, dịch là không có hồi chuyển. Ba la đệ dịch là chỗ châu toàn. Thủ ca sai dịch là mắt thanh tịnh. A ba ma ba lý dịch là Đẳng vô sở đẳng.

Phật đà tỳ kiết lợi diệt đế, dịch là giác đã vượt qua. Đạt-ma-ba-lợi-sai-đế, dịch là quán sát pháp. Tăng-già-niết-cù-sa-ni, dịch là hợp chúng. Bà-xá-bà-xá thâu địa dịch là vô âm. Mạn-đá-lã-dịch là sự nói về ràng. Mạn-đá-la-xoa-dạ-đa, dịch là mà nhớ dừng đủ. Bưu-lâu-đa dịch là tận trừ tiết hạn. Bưu-lâu-đa-kiêu-xá lược dịch là tuyên dương âm hưởng. Ác-xoa-lã-dịch là hiểu rõ các tiếng. Ác-xoa-dã-đa-dã dịch là hiểu văn tự. A-ma-lư dịch là không có cùng tận. A-ma-nhã dịch là mãi không có thế lực. Na đa dạ dịch là không hề nhớ nghĩ gì.

Kế nói ngài Dõng Thí Nói chú chia làm ba phần:

1. Nói ý nghĩa nói chú.

2. Chính là nói chú.

3. Nói về người nói chú, là hằng sa Đức Phật. “La-sát”, Hán dịch là đáng sợ. Kiết giá dịch là quỷ khởi thi. Cưu-bàn-trà, dịch là quỷ chán ghét cũng gọi là quỷ Đông qua (quả dưa), Phú-đơn-na dịch là quỷ khởi bịnh.

“Tọa lệ”, dịch là sáng chói. Ma ha tọa lệ dịch là ánh sáng lớn. Ức chỉ dịch là sáng rực. Mục chỉ dịch là giảng nói. A lê dịch là thuận đến. A la bà đệ dịch là phú chương. Niết lệ đệ dịch là vui vẻ. Niết lệ đa bà đệ, dịch là thích thú. Y trí nĩ dịch là dừng lại. Vị trí nĩ dịch là lập chế. Chỉ trí nĩ dịch là mãi trụ. Niết lệ trì nĩ dịch là không hợp. Niết lệ đa bà đệ dịch là không nhóm hợp.

Kế nói Tỳ-sa-môn nói chú cũng có ba phần:

1. Nói ý nói chú.

2. Chính là nói chú.

3. Kết luận ý nói chú, lại phát thệ nguyện ủng hộ.

“A lê”, dịch là phú hữu. Na lê dịch là điều hý. Nâu na lê dịch là vô lý. A na lư dịch là vô lượng. Na lý dịch là vô phú. Câu na lý dịch là hà phú.

Thiên Vương Trì Quốc nói chú cũng có ba phần:

1. Nói ý nói chú.

2. Chính là nói chú.

3. Nói về người nói chú, tức bốn mươi hai ức Đức Phật. “A-dà-nễ-dà-nễ”, dịch là vô số. Cù-lợi dịch là hữu số. Càn-đà-lợi dịch là diệu hắc. Chiên-đà-lệ dịch là trì hương. Ma-đăng-kỳ dịch là hung chú thường cầu lê dịch là đại thể. Phù lâu sa nỉ dịch là thiên khí thuận thuật. Át-để

dịch là bạo ngôn chí hữu.

La-sát nữ nói chú gồm bốn phần:

1. Nói ý nói chú.

2. Chính là nói chú.

3. Phát thệ ủng hộ người trì chú.

4. Đức Phật khen ngợi.

Các La-sát tên là: Lam-Bà, Hán dịch là trói buộc. Tỳ-Lam-Bà dịch là lìa trói buộc. Khúc-xỉ dịch là thí tích. Hoa-Xỉ dịch là thí hoa. Hắc-Xỉ dịch là thí hắc. Đa Phát. Dịch là bị phát. Vô-Yếm-Túc dịch là vô trước. Trì-anh-lạc dịch là Trì-hoa. Cao Đế dịch là Hà-sở. Đoạt nhất thiết chúng sanh tinh khí, trong tâm chúng sanh có bảy giọt nước lớn, lấy một giọt hai giọt khiến người đau đầu, lấy ba giọt khiến tâm người mê loạn, lấy bốn, năm giọt thì chết.

La-sát nữ nói chú rằng: “Y đề lý”, Hán dịch là ư thị. Y đề dẫn dịch là ở kia. Y đề lý dịch là ở đó. A đề lý dịch là ở dân. Y đề lý dịch là cùng cực. Nê-lý dịch là vô ngã. Nê-lý dịch là không có tôi. Nê-lý dịch là vô thân. Nê-lý dịch là không có chỗ. Nê-lý dịch là đều đồng. Lâu hê dịch là đã sanh khởi. Lâu hê dịch là đã sanh. Lâu hê dịch là dã thành. Lâu hê dịch là không trụ. Đa hê dịch là nhi lập. Đa hê dịch là cũng trụ. Đa hê dịch là than thở. Đâu hê dịch là cũng không. Đâu hê dịch là tiêu trừ bịnh đầu không được hại thêm.

“Tỳ đà la” Hán dịch là quỷ sắc xanh, Kiền Đà dịch là quỷ sắc đỏ. Ô ma lặc già dịch là quỷ ăn tinh khí của người, cũng gọi là đại sát. A bạt ma la dịch là quỷ hình ảnh không áo giáp, kinh chú thích là quỷ chuyển gân.

“Như nhánh cây A-lê”, nhánh cây này rơi xuống đất thì gẫy thành bảy đoạn, dụ cho ai làm não loạn người nói pháp thì đầu vỡ thành bảy phần. Chánh Pháp Hoa dịch là “gãy cây hoa lê”.

PHẨM DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỔN SỰ THỨ HAI MƯƠI BẢY

Theo luận là phần thứ ba nói về năng lực công đức tốt đẹp thời quá khứ, có thể xoay chuyển tà kiến của cha khiến cha phát tâm mà được thọ ký, tức là năng lực thiện tri thức mở rộng kinh Pháp Hoa; ngoài ra còn thuật lại ngài Dược Vương mở rộng kinh ở phẩm này. Trong phần truyền bá của kinh Pháp Hoa có bốn chỗ nói về ngài Dược Vương.

1. Phẩm Pháp Sư, Phật nhân nói với Dược Vương để bảo tám muôn đại sĩ, nói đệ tử trong hai đời, pháp sư trong hai đời là khen người, khen pháp. Chỉ bày phương pháp Mở rộng kinh.

2. Phẩm Dược Vương, nói về duyên quá khứ của ngài Dược Vương, do kinh Pháp Hoa mà được ngộ sau đó dùng thân mạng và tài vật để cúng dường báo ân, đây là nói hoằng pháp lợi người.

3. Phẩm Đà-la-ni, nói về công đức trì kinh, ngài Dược Vương nói chú ủng hộ pháp sư.

4. Phẩm này khen ngợi Dược Vương là thiện tri thức của chúng sanh, có khả năng làm cho vua cha bỏ tà về chánh, được thọ ký thành Phật.

Phần thứ hai và thứ tư là nói về việc quá khứ của ngài Dược Vương, phần thứ nhất và thứ ba là nói việc hiện tại của ngài Dược Vương.

Sở dĩ nói riêng việc trong hai đời của ngài Dược Vương, là do ngài có nhân duyên nhiều đối với kinh Pháp Hoa, cho nên chủ trì nói về truyền bá cũng là thích hợp căn duyên. Đúng ra là nói phẩm Dược Vương bổn sự, nhưng tránh trùng tên phẩm trên nên đặt tên theo người được giáo hóa cho nên nói là phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương bổn sự, Sở dĩ vua Diệu Trang Nghiêm và Tịnh Tạng Tịnh Nhãn làm cha con với nhau, do đời quá khứ có bốn người đồng học vào trong núi tu đạo. Một người vào thành thị khất thực để cung cấp cho ba người, giữa đường gặp vị vua vinh hoa giàu sang bèn nghĩ rằng: Trong lúc chưa đắc đạo nên hưởng sự vui hấp dẫn này không phải là sung sướng sao? Sau đó ba người đắc đạo còn một người làm vua, ba người muốn độ thoát vị vua mà tự nghĩ rằng: Sự thân ái trong thiên hạ không gì bằng vợ con, vì thế một người làm vợ, hai người làm con để cùng giáo hóa nàh vua, do nhân duyên ấy mà đời nay quyến thuộc với nhau, phẩm chia hai phần:

1. Nói về lý do.

2. Chính là nói việc quá khứ.

Phần đầu lại chia làm năm đoạn:

1. Nói thời gian quá khứ, tức vô lượng A Tăng kỳ kiếp.
2. Nói về hóa chủ, tức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí.
3. Nói về cõi nước, tức tên Quang Minh Trang Nghiêm.
4. Nói tên kiếp ấy, tức là Hỷ Kiến.
5. Nói tên cha và con, như trong văn dễ biết.

"Lúc bấy giờ, Đức Phật kia", đây chính là nói việc quá khứ, gồm có hai phần:

1. Hai con giáo hóa cha khiến bỏ tà về chánh, phát sanh tâm tin.
2. Hai con giáo hóa cha khiến thấy Phật nghe pháp, được sự ngộ giải.

Thiện tri thức chỉ có hai năng lực này, nhờ hai năng lực này mà sanh hai luân. Ban đầu con dùng thần thông luân giáo hóa cha khiến sanh tín, sau là Phật dùng nói pháp luân giáo hóa nhà vua khiến được ngộ. Lại nữa, giáo hóa cha sanh tín là Bồ-tát làm thiện tri thức cho chúng sanh, giáo hóa hàn vua khiến được ngộ là Phật làm thiện tri thức chân thật của chúng sinh.

Chương đầu gồm có mười câu:

1. Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí nói kinh.
2. Hai người con khuyên mẹ đến gặp Phật.
3. Mẹ khuyên hai con giáo hóa vua cha.
4. Hai con tự than chốn mình sanh.
5. Mẹ khiến các con nên nghĩ thương ha.
6. Hai con giáo hóa cha.
7. Vua cha nhận sự giáo hóa.
8. Vua cha bằng lòng đi đến chỗ Phật.
9. Hai con cầu xin xuất gia.
10. Mẹ bằng lòng cho con xuất gia, đọc văn kinh sẽ biết.

"Bấy giờ hai người con thưa cha mẹ rằng v.v...", đây là nói giáo hóa vua cha khiến được ngộ giải, chia làm mười chương:

1. Khuyên cha mẹ cùng đến chỗ Phật.
2. Cha mẹ nhận lời đến chỗ Phật, tức vua Diệu Trang Nghiêm cùng các quan, phu nhân Tịnh Đức cùng các thể nữ đồng đến chỗ Phật.
3. Đức Phật nói pháp cho vua nghe, chỉ dạy cho được lợi ích.
4. Vua nghe pháp được ngộ giải.
5. Đức Phật Vân Lôi Âm Tú Vương Hoa Trí thọ ký cho nhà vua.
6. Vua cùng quyến thuộc xuất gia được lợi ích, và vua khen ngợi hai người con là thiện tri thức.

7. Đức Phật thuật lại lời khen ngợi hai người con.

8. Vua Diệu Trang Nghiêm khen Phật xong làm lễ mà ra, đây chia làm bốn trường hợp:

a. Khen Phật.

b. Khen pháp.

c. Phát nguyện không sanh tâm ác.

d. Lạy Phật mà ra.

9. Kết hợp việc xưa và nay, tức nhà vua là Bồ-tát Hoa Đức, phu nhân là Bồ-tát Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng, hai người con là Bồ-tát Dược Vương, Dược Thượng, tất cả đều đang ở trước Phật.

10. Đại chúng nghe phẩm nầy rồi liền đắc đạo, tức "pháp nhãn thanh tịnh"

Pháp nhãn thanh tịnh có hai thứ:

1. Tiểu thừa là Sơ quả.

2. Đại thừa là Sơ địa.

Đây là khó biết, nhưng các kinh thường nói pháp nhãn thanh tịnh là Tiểu thừa, mà nghe Đại thừa ngộ quả Tiểu thừa, là do người độn căn tuy nghe pháp Đại thừa mà không có phương tiện khéo léo cho nên chỉ chứng quả Tiểu thừa.

Chứng quả Tiểu thừa gồm có hai dạng:

1. Vốn là người học Đại thừa, nhưng nghe nói Đại thừa lại thoái tâm nên chứng quả Tiểu thừa, như sáu mươi Bồ-tát trong kinh Đại phẩm.

2. Vốn là người học Tiểu thừa, khi nghe nói Đại thừa thì chứng quả Tiểu thừa.

PHẨM PHỔ HIỀN KHUYẾN PHÁT THỨ HAI MƯƠI TÁM

Luận Pháp Hoa chép: Phẩm này là phần thứ tư nói về hộ pháp truyền bá, cho nên đoạn văn sau chép: "Con nay dùng sức thần thông giữ gìn kinh này sau khi Như lai diệt độ, làm cho lưu thông rộng khắp chẳng để ứt mất", câu này đủ làm chứng. Lại nữa, lúc ấy đại chúng đáng nghe nói việc ngài Phổ Hiền đắc đạo nên có phẩm này. Lại, thực hành Nhất thừa tức thực hành hạnh Phổ Hiền, cho nên ngài Phổ Hiền đến khuyến phát. Người trì tụng kinh này đã là thực hành hạnh Phố Hiền, hạnh tương ưng với Phổ Hiền, tức cảm được ngài Phổ Hiền đến dạy cách sám hối sáu căn thanh tịnh, thấy được Chư Phật mười phương và diệt năm tội nghịch, mười điều ác..., như kinh Phổ Hiền có nói.

Kinh Hoa Nghiêm có bảy chỗ tám hội thì ngài Phổ Hiền, Văn-thù là thiện ở trước, trong phần truyền bá ở phẩm Nhập Pháp Giới thì hai vị Bồ-tát này là thiện ở sau. Sở dĩ hai vị Bồ-tát là thiện trước sau của kinh ấy, bởi hạnh Phổ Hiền là rốt ráo, nguyện Văn-thù là đầy đủ, cho nên Phổ Hiền nói lên hạnh đầy đủ, Văn-thù là nói lên nguyện tròn đầy. Vì thế đối với các Bồ-tát là rốt ráo đầy đủ, nói lên Hoa Nghiêm là pháp môn tròn đầy. Nay nói kinh Pháp Hoa cũng nói ngài Văn-thù khai mở ở đầu, ngài Phổ Hiền truyền bá ở sau, cũng nói lên Pháp Hoa là pháp môn rốt ráo.

Sở dĩ hai kinh đều nói hai vị Bồ-tát này, là muốn nói lên Hoa Nghiêm tức là Pháp Hoa, vì Bồ-tát trực vãng nói khiến nhập tuệ Phật nên gọi là Hoa Nghiêm; vì bỏ tiểu nhập đại Bồ-tát nói khiến nhập tuệ Phật nên gọi là Pháp Hoa. Nhưng con người thì căn tánh có lợi độn, thời gian thì có trước sau, cho nên tên của hai giáo có khác biệt, nhưng nói về bình đẳng đại tuệ thanh tịnh thì một đạo không có khác nhau, vì thế hai kinh đều nói về hai vị Bồ-tát này.

Phổ Hiền, tiếng Phạm là Ba mạn đa bát đà la. Ba mạn đa, Hán dịch là Phổ, bát đà la dịch là Hiền, cũng gọi là Biến Cát. Biến là Phổ, Cát là Hiền. Sở dĩ nói Phổ Hiền, bởi vị này có các pháp môn, như Quán Âm gọi tên chung là pháp môn từ bi. Nay gọi là pháp môn phổ biến, chữ Phổ có hai nghĩa.

1. Pháp thân phổ biến tất cả nơi, cho nên gồmchung pháp thân Phật trong ba đời đều là pháp thân Phổ Hiền, như kinh Hoa Nghiêm chép: Thân tướng Phổ Hiền cũng như hư không, y theo như như mà không y theo cõi Phật.

2. Ứng thân phổ, phổ ứng khắp mười phương mà làm tất cả phương tiện, cho nên ứng thân mười phương Chư Phật ba đời đều là Phổ Hiền ứng thân đều là Phổ Hiền ứng dụng, cho nên luận Trí Độ chép: không thể nói trú xứ của Phổ Hiền, nếu muốn nói tức là trụ trong tất cả thế giới.

Chú thích kinh rằng: Giáo hóa cùng khắp nên gọi là Phổ, kề cận sát bậc Thánh nên gọi là Hiền, khuyến là khích lệ, phát là phát khởi. Dùng các việc cao quý để khuyến khích người phát khởi tâm trì kinh gọi là khuyến phát. Theo đoạn văn sau thì Phổ Hiền dùng bảy việc khuyến phát:

1. Hỏi bốn pháp để khuyến phát.
2. Hiện tướng lành để khuyến phát.
3. Nói thần chú để khuyến phát.
4. Dùng thần lực truyền bá kinh để khuyến phát.
5. Khen ngợi trì kinh để khuyến phát.
6. Nói quả báo trì kinh để khuyến phát.
7. Ủng hộ pháp để khuyến phát.

Phẩm này chia làm năm đoạn:

1. Ngài Phổ Hiền đến hỏi Phật sau khi Như lai diệt độ làm thế nào có thể được kinh Pháp Hoa.
2. Đức Phật trả lời phải thành tựu bốn pháp.
3. Phổ Hiền phát nguyện ủng hộ người trì kinh, giữ gìn Pháp Hoa.
4. Đức Phật khen ngợi.
5. Chúng lúc ấy được ngộ đạo.

Đoạn đầu lại chia năm phần:

1. Nói ngài Phổ Hiền từ phương khác đến.
2. Hiện thần lực.
3. Quyến thuộc hiện thần lực.
4. Đến Ta bà rồi tôn trọng cung kính Phật.
5. Chính thức hỏi Phật.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm chép: Thân tướng Phổ Hiền cũng như hư không, y theo như như mà không y theo cõi Phật, nay vì sao nói từ phương Đông đến?

Đáp: Kinh Tịnh Danh khen thân Phật rằng: không ở một phương, cũng không lìa một phương nào, do lìa ba cõi nên nói không ở tại phương, chẳng có cảm nào không ứng nên nói không lìa phương. Nay do cảm ở phương Đông nên thấy ở phương Đông, nếu cảm ở phương Tây thì thấy

ở phương Tây. Sở dĩ có đến đi, là do Hoa Nghiêm nói về pháp thân, kinh này nói về thị hiện, cho nên không trái nhau.

Kinh Phổ Hiền Quán chép: Thân Phổ Hiền vô lượng vô biên, muốn đến cõi này thì nhập thần thông tự tại rút thân khiến nhỏ lại, cho nên từ phương Đông mà đến phương Tây.

"Các nước đi qua khắp đều rung chuyển", đây là hiển bày năng lực thần thông.

"Lại cùng vô số các đại chúng", đây là cùng quyến thuộc đều hiện thần thông.

"Đến núi Kỳ Xà quật ở cõi Ta bà", đây là đến rồi tu pháp cung kính.

"Bạch Phật rằng", đây là hỏi Phật. Ban đầu nói lý do đến, nói cúi mong đức Thế tôn là ý xin hỏi, làm sao được kinh Pháp Hoa này, đây là nói giải ngộ tức là được.

"Phật bảo Bồ-tát Phổ Hiền", đây là Phật trả lời, gồm có ba câu, đó là nêu lên, giải thích và kết ý. Trong phần giải thích là giải thích là nói về bốn pháp:

1. Bên ngoài được các Đức Phật hộ niệm: hộ là khiến điều ác không xâm hại, niệm là khiến gốc lành thành tựu.

2. Bên trong trồng các cội công đức: ban đầu phát khởi một niệm không hai, chánh quán là cội của các điều thiện, do đắc quán hạnh này tương ưng với Phật nên được Phật hộ niệm.

3. Vào trong nhóm chánh định, nhóm có ba thứ:

a. Nhóm tà định là sẽ vào địa ngục.

b. Nhóm chánh định, là sẽ được giải thoát.

c. Trung gian giữa hai nhóm gọi là nhóm bất định. Nói về địa vị thì xưa giải thích là nội phàm phu tánh chủng Bồ-tát đắc sanh không giải, gọi là nhóm định, nay là tâm thứ sáu trong Thập tín tức Bất thoái, cũng gọi là nhập nhóm định.

4. Phát tâm cứu tất cả chúng sanh, như Kim Cáng Bát-nhã nói về bốn thứ tâm:

a. Tâm rộng lớn:do độ khắp chúng sanh.

b. Tâm bậc nhất: do cùng chúng sanh vui đại Niết-bàn.

c. Tâm thường: do thường không lìa tâm này.

d. Tâm không điên đảo: do biết chúng sanh xưa nay thường vắng lặng.

Phật trả lời bốn pháp là có thứ lớp, ban đầu là duyên bên ngoài, kế là nhân bên trong, nghĩa là một cặp về nhân và duyên. Pháp thứ ba

nói về địa vị, thứ tư về thực hành, nghĩa là một cặp về địa vị và thực hành.

"Bấy giờ ngài Phổ Hiền", đây nói ngài Phổ Hiền phát nguyện giữ gìn, văn gồm hai phần:

1. Ngài Phổ Hiền che chở người để khuyến phát.
2. Giữ gìn pháp để khuyến phát.

Trong phần che chở người lại chia làm hai:

1. Nói rộng các việc khuyến phát.
2. Kết thúc lời khuyên trì kinh.

Phần đầu lại chia làm bốn đoạn:

1. Che chở nạn khuyến phát.
2. Hiện thân sanh thiện khuyến phát.
3. Khen ngợi tự thực hành khuyến phát.
4. Nêu quả báo khuyến phát.

Bốn phần này là nói lược nhân thực hành diệt ác sanh thiện được quả báo để khuyến phát.

Ban đầu nói che chở nạn như trừ các tai họa khiến được an ổn, người trì kinh hoặc đi hoặc đứng v.v..., ngài Phổ Hiền đều cỡi voi trắng đến đó hiện thân để an ủi và cúng dường, tức là hiện thân sanh thiện khuyến phát.

Trong đây gồm có ba cảm ba ứng:

1. Do đọc tụng Pháp Hoa nên cảm được ngài Phổ Hiền hiện thân đến an ủi tâm người đó và cúng dường kinh pháp.

2. Do suy nghĩ kinh này mà cảm được ngài Phổ Hiền đến trao cho văn cú, khiến được lợi ích tổng trì.

3. Dạy người ấy thực hành pháp, tức giải thích nghĩa cảm được thấy ngài Phổ Hiền nói ở trên.

Ban đầu do nhân đọc tụng kinh Pháp Hoa nên thấy ngài Phổ Hiền đến. Luận Trí Độ chép: Có vị Tỳ-kheo đọc kinh Pháp Hoa, một vị vua thấy một người sắc vàng cỡi voi trắng đến đứng trước người ấy mà nghe kinh Pháp Hoa.

Sở dĩ cỡi voi trắng 6 ngà là có hai nghĩa:

1. Nói nghi thức của Bồ-tát.

2. Muốn dùng thú linh thiêng để hàng phục ma độc. Kinh Phổ Hiền Quán chép: Sáu ngà là biểu hiện sáu độ, bốn chân là biểu hiện bốn như ý túc, bảy chi vững trên đất là biểu hiện bảy chi.

Kinh chép: Người cõi Diêm-phù-đề có ba chướng sâu nặng nên Bồ-tát dùng năng lực trí tuệ hóa cưỡi voi trắng, voi có sáu ngà, bảy chi

vững trên đất, dưới bảy chi sanh ra bảy hoa sen, sắc voi trắng tinh, pha lê hay núi tuyết cũng không sánh bằng, thân voi dài bốn trăm năm mươi do tuần, cao bốn trăm do tuần, trên đầu sáu ngà có sáu ao nước, trong mỗi ao có bốn hoa sen, trong mỗi hoa sen có một ngọc nữ, trong tay hóa ra năm thứ không hầu, có năm trăm thứ nhạc khí cùng làm quyến thuộc với không hầu. Trước mũi voi có hoa, trong hoa có hóa Phật và hóa Bồ-tát, phát ra ánh sáng sắc vàng chiếu trên đảnh voi và hóa thành đài vàng. Trên đầu voi có ba người hóa hiện, một người cầm kim luân, một người cầm hạt châu ma ni và một người cầm chày Kim cương. Khi đưa chày lên thì voi nổi lên giữa hư không cách đất bảy thước và hiện ra ấn văn, trong ấn văn có ngàn căm, đầy đủ cả vành, trục, trong mỗi vành xe có một hoa sen, trên hoa sen lại có một voi hóa hiện, như vậy đưa chân lên bỏ chân xuống sanh ra bảy ngàn voi để làm quyến thuộc. Tùy theo voi lớn đi mà hóa Phật phát ra ánh sáng cho đến trên lưng voi hóa thành cái yên bằng vàng, bốn mặt có bảy cột báu làm thành đài vàng, trong đài có hoa bảy báu, trăm thứ báu làm tua, có ngọc ma ni lớn làm đài, ngài Phổ Hiền ngồi trên ấy, thân màu ngọc trắng có năm mươi thứ ánh sáng, trong mỗi ánh sáng có năm mươi màu sắc làm thành ánh sáng trên đảnh, các lỗ chân lông nơi thân đều phát ra ánh sáng vàng, trên đầu ánh sáng vàng có vô lượng hóa Phật và hóa Bồ-tát, trời mưa hoa báu trước chân voi đi, voi liền mở miệng có các ngọc nữ đàn ca múa hát, âm thanh ấy thanh tao ca ngợi đạo nhất thừa, mọi người thấy rồi liền vui mừng đảnh lễ, như trong kinh phổ Hiền Quán nói rộng.

"Nếu người ấy ngồi", đây nói lúc ngồi suy nghĩ kinh nầy thì ngài Phổ Hiền đến.

"Triền Đà-la-ni", được tổng trì này nên biết hết pháp của Chư Phật và Bồ-tát trong mười phương nói, đều có thể nhớ nghĩ, do hiểu một pháp môn là hiểu tất cả nên gọi là triền.

"Pháp âm phương tiện Đà-la-ni", là hiểu tất cả môn phương tiện của Chư Phật, như người thừa.

"Thế tôn! Nếu đời sau trong năm trăm năm đời vẩn đục", đây là chỉ bày pháp thực hành, theo kinh Phổ Hiền Quán thì pháp thực hành có năm bậc:

1. Trong hai mươi mốt ngày thì thấy ngài Phổ Hiền đến.
2. Trong bốn mươi chín ngày thấy ngài Phổ Hiền đến.
3. Trong một đời được thấy.
4. Trong hai đời được thấy.
5. Trong ba đời mới được thấy.

Nay chỉ nói bậc đầu tiên tức hai mươi mốt ngày là có thể thấy.

Hỏi: Tu phương pháp gì?

Đáp: Nay theo kinh Phổ Hiền Quán nói lược sáu pháp:

1. Tại chỗ tĩnh lặng, trang nghiêm đạo tràng, đốt hương, rải hoa v.v...

2. Tắm gội trong thân mặc áo sạch sẽ.

3. Sáu thời lễ bái Phật mười phương, pháp thân Phật trùm khắp mọi nơi chốn, ứng thân Phật ở cõi tịnh, hóa thân Phật ở cõi uế. Sáu thời dốc lòng lễ bái, đối trước Phật mười phương và ngài Phổ Hiền mà sám hối tội lỗi sáu căn, từ vô thỉ đến nay trong mỗi căn đều sanh ra sáuthứ phiền não, thấy sắc đẹp mà sanh tham, thấy sắc xấu mà nổi sân, thấy sắc không đẹp không xấu mà khởi si, thấy sắc khởi đoạn, thường, thành các tà kiến ngoại đạo, thấy có và không rơi vào nhị thừa, thấy sắc mà khởi tâm có sở đắc thành ra chướng phiền não. Do khởi sáu thứ phiền não này mà khởi nghiệp kết, không thể ra khỏi sanh, già, bịnh, chết, ưu bi khổ não, chướng ngại tâm Bồ-đề, chướng ngại đạo Bồ-tát và cả quả Phật. Một căn đã như vậy, năm căn kia cũng như vậy, do đây mà tự quở trách khởi tâm xấu hổ sâu xa, đối với mỗi căn và ba lỗi nên tự trình bày trước Phật mười phương và ngài Phổ Hiền, xin Chư Phật Bồ-tát từ bi kế nhận lời sám hối, và xin tất cả chúng sanh trong sáu đường nhận lời sám hối này.

4. Ở chỗ yên tĩnh mà xin Phật Thích-ca làm hòa thượng, ngài Văn-thù làm A Xà-lê, ngài Di-lặc làm giáo thọ sư, ba vị này là Phật ba đời, Thích-ca là Phật hiện tại, Văn-thù là Phật quá khứ, Di-lặc là Phật vị lai, cho nên xin ba vị thầy. Kế đến xin Phật mười phương làm chứng, Bồ-tát mười phương làm bạn lành, xin ngài Phổ Hiền làm vị sám hối chủ. Ở trước sáu vị thầy này mà tự thọ ba pháp quy y, thọ xong tự thọ ba giới: Từ thân này cho đến đời vị lai thề dứt tất cả việc ác, từ thân này cho đến hết đời vị lai thề tu tất cả thiện, từ thân này cho đến hết đời vị lai thề độ tất cả chúng sanh. Ba pháp quy y và ba giới này là bao gồm hết tất cả pháp.

5. Ngày đêm đọc tụng kinh điển Đại thừa.

6. Ngồi ngay thẳng suy nghĩ pháp bậc nhất nghĩa không sâu xa, thấu hiểu sáu căn như huyễn như mộng từ nhân duyên mà sanh, nhân duyên sanh tức là tướng vắng lặng, tướng vắng lặng tức là thật tướng, thật tướng tức là pháp thân. Lúc quán như vậy thì niệm niệm thấy pháp thân Phật mười phương và Bồ-tát Phổ Hiền, trong khoảng búng ngón tay mà có thể diệt tội sanh tử trongtrăm muôn ức A tăng kỳ kiếp.

Hỏi: Trước nói rằng sau năm trăm năm, nay nói rằng đời sau, sau năm trăm năm thì có gì khác?

Đáp: Thời chánh pháp có năm trăm năm, thời tượng pháp có một ngàn năm, vậy đoạn văn trước là nói khi chánh pháp diệt bắt đầu vào năm trăm năm thời tượng pháp. Đoạn văn ở đây là năm trăm năm sau trong thời tượng pháp, tức là hai lần sau cho nên nói đời sau, sau năm trăm năm.

Ngài Phổ Hiền nói thần chú để khuyến phát: "A đàn địa", Hán dịch là vô ngã. Đàn đà bà địa, dịch là trừ ngã. Đàn đà bà đế, dịch là phương tiện. Đàn đà cưu xá lệ, dịch là tân nhân hòa trừ. Đàn đà tu đà lệ, dịch là rất mềm mại. Tu đà lệ dịch là mềm yếu. Tu đà la bà để dịch là cú kiến. Phật đà ba châuyên nể, dịch là Chư Phật hồi. Tát-bà Đà-la-ni a bà đa ni, dịch là chư tổng trì. Tát-bà Bà-sa a bà đa ni, dịch là hành chúng nói. Tu a bà đa ni, dịch là cái hồi chuyển. Tăng già bà lý xoa ni, dịch là tận tập hội. Tăng già niết Già-đà ni, dịch là trừ các đường. A tăng kỳ dịch là vô ương số. Tăng già bà dà địa, dịch là kế chư cú. Đế lệ A noạ tăng già đâu lược, dịch là thế. A la đế ba la đế dịch là số lượng ba đời. Tát-bà tăng già tam ma địa già-lan địa, dịch là vượt hữu vi. Tát-bà đạt ma tu ba lợi sát đế, dịch là học các pháp. Tát-bà tát đoả lâu đà kiêu xá lược nâu già địa, dịch là hiểu âm thanh chúng sanh. Tân a tỳ kiết lợi địa đế, dịch là sư tử vui đùa.

"Nếu kinh Pháp Hoa lưu hành", đây là nói tự thực hành khuyến phát.

"Nếu chỉ biên chép", đây nêu quả báo tốt để khuyến phát.

"Cho nên người trí phải một lòng", đây là lời kết thúc khuyến phát.

"Bấy giờ đức Thích-ca", đây là nói đức Thích-ca khen ngợi, gồm có hai đoạn:

1. Khen ngợi người che chở giữ gìn kinh.
2. Khen ngợi người thọ trì đọc tụng.

Đầu tiên khen ngợi người che chở có hai việc:

1. Khen ngợi giữ gìn người đọc tụng.
2. Khen ngợi giữ gìn pháp, tức có thể thực hành nguyện thần thông để giữ gìn kinh này.

"Phổ Hiền, nếu có người thọ trì đọc tụng", đây là khen ngợi người được giữ gìn, gồm có năm phần:

1. Được Phật hộ niệm.
2. Xa lìa các việc ác.

3. Đời sau có quả báo gặp Phật.
4. Hiện tại có quả báo.
5. Kết lời khen ngợi.
"Lúc Phật nói phẩm Phổ Hiền khuyến phát này".
Phần này nói đại chúng được lợi ích gồm hai đoạn:
1. Nói được lợi ích.
2. Đại chúng vui mừng làm lễ mà lui ra.

Từ niên hiệu Vĩnh Nhân năm đầu, cho đến năm thứ ba, trước sau gồm ba năm mà in xong tập Pháp Hoa nghĩa sớ mười hai quyển.

Theo lời giảng của tông sư Trừng Thiền mà trộm thảo luận, do đây nhóm hợp các sớ cũ khắp hai miền Nam Bắc, san định lại để lựa chọn, lượt bớt những lời mới hoặc văn chữ lộn xộn, cũng như văn từ lầm lẫn, giả như có bản đời Tống, thì đâu có lời văn thêm thắt điểm tô như vậy? Còn e rằng trí ngu muội tầm thường mà toan xét văn của bậc anh hiền, nghe tiếng ngài Mã Minh, Long Thọ mở rộng kinh điển ở Ngũ Thiên, quán tám bất chánh riêng sáng rỡ ở Chấn Lãnh, Đề Bà, La-hầu tuôn mưa pháp ở ba quốc, mà nay đợi hoa pháp mầu hưng thạnh ở Kim Lăng, từ đó để hàng phục Nho gia mà chuyên mở rộng tông này. Những miền xa xôi tuy là quen với giáo pháp này nhưng thời đại thuộc Mạt pháp, mong cầu không có người, muốn biên chép không có chỗ.

Than ôi! Từ thuở xưa Thiên Hoàng chế ngự vũ trụ cho đến thời đại ngày nay là hơn bảy trăm năm nối nhau, chỉ truyền cương yếu của tông mà sắp lẫn lộn trong ba luận, chương sớ không khắc in một bản.

Tố Khánh tôi may mắn gặp nạn, gặp Đại thừa, hổ thẹn nghe điều khó, nghe mở rộng tông phong tợ như trên đảnh núi tuyết. Kẻ sĩ vì nửa bài kệ mà quên thân, cũng như Hương thành Tát đỏa cầu Bát-nhã, chảy máu mà mong được kết duyên sớm, đồng chí huynh đệ đạo, tục sớm cỡi xe mầu nhiệm Đại thừa chẳng phải một chẳng phải ba, mau đến nơi thành báu chẳng gần chẳng xa. Quyển này là do nữ đàn việt Thanh Nguyên phát tâm. Lại nghịch tu mà hiển như, diệu lý mà thông đạt đến ân bảy đời, mình và người, cùng chúng sanh trong ba cõi đâu có khác nhau! Khai phát sự phá tà hiển chánh, mà siêu phàm nhập Thánh.

Sa môn Đô Can Duyên
Tố Khánh kính ghi ghi lời bạt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 121

PHÁP HOA DU Ý

SỐ 1722

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1722

PHÁP HOA DU Ý

Hồ Cát Tạng biên soạn

TỰA MỞ ĐỀ

Nghe rằng: Bậc Vô Thượng Điều Ngự Nhất Thiết Chủng Trí bên trong soi sáng Ba minh, bên ngoài lưu bố bảy biện tài , chứa nhóm tư chất vô hạn phương hóa thích ứng vô lường, thảy đều thể gom đạo lý không ai chẳng hợp cơ. Còn Kinh Diệu pháp Liên Hoa, là lời cách ngôn cùng lý tột tánh, cực thuyết rốt ráo vô dư, lý rất sâu xa thống nhiếp yếu chỉ các kinh , văn bàn ý chỉ khéo léo mầu nhiệm, là chỗ của ba Thánh ngợi khen, nơi bốn nương cung kính.

Xưa bậc Tiên Nhân, trong vườn rậm chưa soi chiếu ngọc ma-ni này, nay ở núi Linh-thứu mới rưới nước cam-lộ này. Bởi do chí nguyện Tiểu thừa trước nên phương tiện sớm cho xe dê, xe nai, sau tâm Đại thừa phát mới có xe trâu trắng. Đây thật là lời minh huấn cho Bồ-tát, là khuôn phép mầu nhiệm chốn đạo tràng. Văn kinh tuy có bảy nghĩa chia làm hai chương, một là mở cửa phương tiện, hai là làm rõ nghĩa chân thật. Mở cửa phương tiện là mở ra hai thứ phương tiện, làm rõ nghĩa chân thật là làm rõ hai thứ chân thật. Mượn ba xe để ngoài cửa dẫn dụ bọn trẻ mê chơi giỡn, lập hóa thành ở giữa đường để đón rước chúng mỏi mệt gọi là thừa phương tiện . Đều vì đàn con của mình mà ban cho xe lớn, biết chúng đã nghỉ ngơi cùng nhau đến đảo châu báu gọi là thừa chân thật . Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký, thành đạo tại thành Già-da, đản sinh trong cung Vua, nhập Niết-bàn ở xứ Song-lâm gọi là thân phương tiện. Ngài Dật đa không biết ngọn nguồn, kẻ cùng học

chẳng lường chung cuộc, sáu đường không nhiếp độ chúng sinh đó, sức gánh vác chẳng hóa được thể kia gọi là thân chân thật. Hai môn đã là phương tiện, vì thế lời thô, hai thứ gồm chung gọi là chân thật, nên gọi đó là "diệu". Hễ mượn một để phá ba, ba trừ mà một xả. Mượn dài để bác bỏ ngắn, ngắn dứt thì dài cũng quên, cho nên ngôn ngữ cùng tột, suy nghĩ dứt bặt, đâu có thật đâu có quyền? Bổn tánh vắng lặng, chẳng ai mở, chẳng ai che!

Do đó lý vượt ngòai lời, tạm gọi là "Diệu". Lấy vật làm khuôn phép thì gọi đó là "Pháp", đạo mầu biểu tượng giả dụ hoa sen. Cái gọi là kinh thì sự mầu nhiệm làm rõ không lời, vắng lặng xưa nay chẳng đổi, thể đáng để vì chẳng mà lau chùi nên gọi là kinh.

Có mười môn nghĩa huyền diệu của kinh Pháp Hoa có chia ra mười môn:

1. Môn Ý nghĩa nói kinh này.
2. Môn Tông chỉ.
3. Môn Giải thích tên đề Kinh.
4. Môn Nói về ý giáo của Kinh này
5. Môn Hiển và Mật
6. Môn ba thừa và nhất thừa
7. Môn Công dụng
8. Mở rộng kinh
9. Môn Bộ đảng
10. Môn Duyên khởi

I. Môn ý nghĩa nói kinh này: Hỏi Phật vì sao nói kinh Diệu pháp Liên Hoa này? Chư Phật khi vô sự và vì nhân duyên nhỏ thì chẳng bao giờ các ngài tự phát ngôn, nay có nhân duyên lớn lao như thế nào mà Phật nói kinh này?

Đáp: Kinh Diệu pháp Liên Hoa, ý nghĩa vô lượng, cái gọi là nhân duyên cũng chẳng phải một, nay lược nêu cương yếu chai thành mười môn.

- *Một là:* Muốn nói các hạnh Bồ-tát cho các Bồ-tát tu hành nên nói kinh này.

Hỏi: Bắt đầu từ gom Hoa Nghiêm đến cuối cùng trước gom kinh Pháp Hoa nhóm hợp hơn bốn mươi năm, các kinh Đại thừa đã nói hạnh Bồ-tát, nay vì sao lại nói kinh này?

Đáp: Có hai thứ Bồ-tát:

1. Bồ-tát thẳng đến
2. Bồ-tát bỏ Tiểu thừa, về Đại thừa.

Từ trước đến nay vì các Bồ-tát thẳng đến mà nói hạnh Bồ-tát. Nay muốn nói hạnh Bồ-tát cho các Bồ-tát bỏ tiểu về Đại nên nói kinh này.

Làm sao biết được ban đầu từ gom Hoa Nghiêm đến sau cùng trước gom Pháp hoa là Bồ-tát thẳng đến, còn nay là Bồ-tát bỏ Tiểu về Đại?

Trong phẩm Dũng Xuất chép: Các chúng sinh mới thấy thân ta nghe lời ta nói liền tin nhận nhập vào trí tuệ Phật, trừ những người trước kia đã tu tập học theo hạnh Tiểu thừa. Những người như vậy nay ta cũng giúp cho họ nghe được kinh này nhập vào trí tuệ Phật. Đã gọi là mới thấy thân ta, tức là thấy Đức Phật Lô Xá Na đạo tràng vắng lặng. Nghe ta thuyết pháp nghĩa là giáo pháp Hoa Nghiêm. Do đó biết từ xưa đến nay là vì Bồ tát thẳng đến nói Hạnh Bồ-tát. Trừ những người đã tu tập và học theo hạnh Tiểu thừa cho nên biết trước đó chưa nói Hạnh Bồ-tát cho Nhị thừa nghe. Những người như vậy nay ta cũng khiến cho họ nghe được kinh này nhập vào trí tuệ Phật cho nên biết nay vì người bỏ Tiểu về Đại mà nói hạnh Bồ-tát.

Hỏi: Vì sao Văn kinh chỉ y theo vào hai hạng người?

Đáp: Ban đầu nêu việc làm vì người Đại thừa là khởi đầu, sau nêu giáo pháp cho Tiểu thừa là chung cuộc, thì chặng giữa của một đời giáo hóa có thể biết.

Hỏi: Vì sao trước vì Bồ-tát thẳng đến sau mới vì người bỏ Tiểu về Đại?

Đáp: Các Bồ-tát thẳng đến thực hành Phật đạo đã lâu được phước đức lợi căn nên cho nói họ nghe trước. Còn người bỏ Tiểu về Đại không tu hành Phật đạo phược mỏng độn căn nên sau mới cho nói họ nghe.

Phẩm Phương Tiện chép: Có Phật tử tâm thanh tịnh mền mỏng cũng lợi căn vô lượng, ở chỗ Chư Phật tu hành đạo sâu xa mầu nhiệm, vì các Phật tử này mà nói kinh Đại thừa. Người độn căn ưa pháp Tiểu thừa tham đắm sinh tử, đối với vô lượng Chư Phật không tu hành đạo thâm diệu bị các khổ não loạn nói cho họ nghe kinh Niết-bàn. Cho đến nay chính là thời kỳ quyết định nói Đại thừa. Nên biết Bồ-tát lợi căn trước nghe đại đạo, Thanh văn kém cỏi sau mới vào được trí tuệ Phật, đã chứng được rõ ràng lý kia.

- *Hai là:* Muốn nhận lời thỉnh của Phạm Vương nên nói kinh này.

Hỏi: Thuở xưa các giáo như Bà Nhã giáo... đã nói nhận lời thỉnh của Phạm Vương cho nên đâu có khác với nay?

Đáp: Thỉnh có hai thời, đáp cũng có hai cách. Hai thời thỉnh: Là Ban đầu thỉnh nói nhất thừa cội gốc nhất thừa, sau thỉnh nói giáo pháp

cành nhánh ba thừa. Đáp cũng có hai thời: từ xưa đến nay nhận lời thỉnh nói giáo pháp ba thừa, nay mới đáp ứng được lời thỉnh đó nói pháp luân cội gốc nhất thừa. Vì vậy nay nói nhận lời thỉnh là khác với xưa , nói đầy đủ như trong phẩm Phương Tiện và Luận Trí Độ quyển đầu .

- *Ba là:* Muốn nói Chư Phật ba đời mười phương hai trí quyền thật giúp nhau thành tựu nên nói kinh này, nhưng tâm Phật không hề có quyền và thật, thì đâu có ba và một ư! Cho nên trong ngoài đều sâu xa, duyên quán đều vắng lặng. Nhưng trong cái không có danh tướng giả nói có danh tướng. Muốn xuất hiện ở nơi chúng sanh nên tạm gọi là quyền thật cho nên có sự giúp nhau thành tựu. Chẳng phải thật thì không lấy gì để nói quyền, chẳng phải quyền thì không lấy gì để nói thật, thật có công năng khởi quyền, quyền có tác dụng giúp thật. Cho nên văn kinh chép: "Đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba," nghĩa là từ thật khởi quyền, "Ta lập phương tiện này để khiến chúng sinh được nhập vào trí tuệ Phật" tức dùng quyền để thông suốt thật. Chỉ vì người bẩm thọ giáo pháp hoặc chấp quyền bỏ thật, hoặc chấp thật bỏ quyền. Người chấp quyền bỏ thật thì xưa nay chấp ba thừa giáo không thể ngộ nhập nhất thật, người chấp thật bỏ quyền tức Bồ tát theo nhất thừa Pháp Hoa nghe đạo lý chỉ một không có ba thừa bèn chấp lý nhất thừa mà mất dụng ba thừa. Như Pháp Hoa luận giải thích phẩm Dược Thảo Dụ rằng: Vì trị bịnh cho Bồ-tát nên có phẩm này, tuy cùng sanh trưởng trên một mảnh đất, với một trận mưa xuống mà cây cỏ đều có sự thấm nhuần khác nhau. Đây là nói lý mặc dù là một mà tùy duyên có ba, đâu được chấp một mà mất dụng của ba? Thuở xưa người bẩm thọ ba thừa giáo đã mất thật cũng mất luôn quyền, người chấp nhất thừa giáo đã mất quyền kia cũng mất thật. Hai hạng người này đều mất hai trí quyền thật của Như lai, đều trụ nơi đoạn thường luống dối điên đảo. Muốn phá duyên xưa, nay đều mất, khiến cho biết được Như lai hai trí quyền thật giúp nhau thành tựu. Đã biết hai trí thì liền nhập vào trí tuệ Phật, đồng trở về một đạo nên nói kinh này.

- *Bốn là*: Muốn nói ba pháp môn thanh tịnh do đó nói kinh này. Nhưng bản tánh của chúng sinh vắng lặng không hề dơ sạch. Tuy chẳng phải dơ sạch nhưng đối với chúng sinh điên đảo thì trở thành dơ, chỉ vì nhơ này chồng chất chúng sinh không thể liền trừ sạch ngay được, Chư Phật Bồ-tát lần lần ra khỏi. Cho nên có mở ra giáo pháp ba tịnh.

1. Dùng năm giới, mười điều thiện thanh tịnh ba đường
2. Nói Nhị thừa để làm thanh tịnh ba cõi
3. Nói một đạo để thanh tịnh Nhị thừa

Do ba đường là khổ nặng, ba cõi là khổ vừa, biến dịch là khổ nhẹ, nói ba môn để tịnh ba cấu kia. Ba cấu đã diệt thì ba thanh tịnh cũng mất cho nên nói kinh này. Nhưng nói ba tịnh là để dứt ba cấu, nếu ba cấu không còn thì ba tịnh cũng dứt, ngộ rõ các pháp bổn tánh tịch nhiên không hề cấu tịnh, mới vào tuệ Phật thẳng đến đạo tràng.

- *Năm là:* Muốn nói ba môn đưa pháp nên nói kinh này, nói chung các Thánh rũ lòng từ dạy kẻ phàm phu có ba môn:

1. Môn đưa tà về chánh
2. Môn dị về đồng
3. Môn đưa nhân về quả

Môn đưa tà về chánh là trước khi Đức Thích-ca chưa xuất thế gồm có hai tà là tại gia khởi ái chúng sinh và xuất gia khởi các chấp ngoại đạo. Hai thứ này trái với chánh đạo nên gọi là tà. Phẩm Phương tiện chép: Do nhân duyên các dục đầy đủ nên phải chịu các khổ độc, tức là hạng người khởi ái, vào rừng rậm tà kiến chấp có chấp không, nghĩa là các ngoại đạo kiến chấp . Cho đến Phẩm Thí Dụ chép: Khởi ái ví như trùng độc kia, các chấp dụ đồng ác quỷ. Đức Như lai ra đời đưa hai tà đó về chánh năm thừa. Trong hai hạng người này hoặc có, hoặc không nghe phi pháp thì dùng gốc lành cõi trời, người mà thành tựu. Người căn tánh ba thừa, thì dùng pháp ba thừa nhiếp lấy, cho nên nói đưa hai tà kia về chánh năm thừa.

Nói về môn đưa khác về đồng . Nếu người bẩm thọ giáo pháp nghe ba thừa xưa mà liền ngộ nhất đạo thì chẳng cần lại nói giáo Pháp Hoa. Nhưng người độn căn tuy xả hai tà lại đối với năm thừa chấp có khác nhau, nay muốn đưa năm môn khác nhau này đồng quy nhất thừa gọi là môn đưa khác về đồng. Nói đưa nhân về quả tức là đưa năm thừa khác nhau ở trước đồng quy nhất thừa chỉ là nhân hạnh, nay vì muốn cho tu nhân chứng quả nên nói Chân thân và Ứng thân của Như lai gọi là môn đưa nhân về quả.

Trước khi nói kinh Pháp Hoa chỉ có môn ban đầu, kinh này đã dung gom giáo hóa một đời đầy đủ ba môn. Nhưng nói ý nghĩa của ba môn này là muốn hiểu thông suốt đạo vắng lặng vốn không lời, khiến thấu đạt lý huyền ngộ mà nghĩa diệu cực này không hề có tà chánh, cho đến chẳng lẽ là nhân quả hay sao! Vì vậy ba môn này chẳng giáo mà không thu, chẳng lý nào không nhiếp, như hư không bao trùm muôn tượng, như biển cả dung nạp trăm sông.

- *Sáu là:* Muốn nói ba thứ nhất thừa nên nói kinh này. Một là nhất thừa cội gốc , hai là giáo pháp cành nhánh, ba là gom ngọn về gốc.

Pháp luân Cội gốc nghĩa là lúc Phật mới thành đạo trong gom Hoa Nghiêm thuần vì Bồ-tát mở ra pháp môn nhân nhất thừa, quả nhất thừa gọi là giáo cội gốc. Nhưng kẻ phước mỏng độn căn không thể nghe nổi pháp môn này nên đối với một Phật thừa phân biệt nói ba gọi là giáo pháp cành nhánh. Hơn bốn mươi năm nói giáo pháp ba thừa rèn luyện tâm chúng sinh, đến nay kinh Pháp Hoa mới đươc gom ba thừa về nhất đạo, tức là giáo pháp gom nhánh.

Hỏi: Văn kinh này chỗ nào có nói về ba luân? Trong phẩm Tín giải chép: Trưởng giả ngồi ghế sư tử, quuyến thuộc vây quanh, báu vật bày ra tức chỉ cho giáo pháp cội gốc của Hoa Nghiêm. Gọi con không được bèn âm thầm sai hai người lại cởi bỏ châu báu, y phục tốt đẹp mặc áo xấu dơ nghĩa là ẩn một nói ba tức là giáo pháp cành nhánh. Như Trưởng giả giàu có biết con có ý chí thấp kém yếu hèn, muốn điều phục tâm con bèn dạy trí lớn gọi là giáo pháp đưa nhánh về gốc.

Lại phẩm Thí Dụ chép: Như ông Trưởng giả kia mặc dù thân tay có sức lực mà không thể dùng được, chỉ dùng phương tiện an ủi khuyên răn gắng cứu các con thoát nạn nhà lửa, rồi sau đều ban cho xe châu báu lớn. Câu đầu nghĩa là ẩn cội gốc, câu kế là khởi cành nhánh, câu sau là đưa nhánh về gốc, tức là chứng minh ba luân rõ ràng.

Hỏi: Ban đầu nói cội gốc sau nói đưa nhánh về gốc, hai môn này khác nhau thế nào? Xưa các sư phương Nam phương Bắc đều nói Hoa Nghiêm là giáo pháp rốt ráo, Pháp Hoa là thuyết chưa rõ ràng nay nói không đúng. Kinh này nói ban đầu dạy nhất thừa cứu con không được sau nói nhất thừa cứu con mới được, được và chưa được chính là ý nghĩa khác nhau, mà trước sau lý nhất thừa chẳng khác. Nếu sau nói nhất thừa cứu con mới được là giáo pháp bất liễu nghĩa, thì ban đầu nói nhất thừa cứu con không được cũng là giáo pháp bất liễu nghĩa. Nếu ban đầu cứu con không được bèn là giáo bất liễu nghĩa, thì Chư Phật ra đời là muốn dùng pháp bất liễu nghĩa để giáo hóa chúng sinh, trái với bổn ý Chư Phật tổn thương ân tình cha con. Nay nói kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm có đồng có khác, đồng là vì một đạo thanh tịnh đại tuệ bình đẳng . Theo phẩm Dũng Xuất chép: “Các chúng sinh mới thấy thân ta nghe ta nói pháp liền tin nhận, nhập vào trí tuệ Phật trừ những người trước kia đã tu tập học hạnh tiểu thừa. Những người như vậy nay ta cũng khiến cho họ được nghe kinh này vào trí tuệ Phật,” tuệ Phật tức là đại tuệ bình đẳng, nên biết kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm đồng gọi là đại tuệ bình đẳng. Còn khác nhau giữa hai kinh thì nói sơ lược có năm thứ khác nhau:

1. Vị hóa chủ, kinh Hoa Nghiêm vị hóa chủ hiệu Lô xá na, còn vị hóa chủ kinh Pháp Hoa là đức Thích-ca. Kinh Hoa Nghiêm một vị Phật thuyết pháp, kinh Pháp Hoa thì nhóm hợp các phân thân Chư Phật, kinh Hoa Nghiêm thì Bồ-tát nói còn kinh Pháp Hoa thì Phật tự nói.

2. Chúng đệ tử: Kinh Hoa Nghiêm nói pháp cho hàng Bồ-tát thẳng đến, còn kinh Pháp Hoa nói cho những bỏ Tiểu về Đại. Kinh Hoa Nghiêm chỉ nói cho Bồ-tát , Pháp Hoa nói chung vì cho người năm thừa. Kinh Hoa Nghiêm nói ngay cho Bồ-tát còn kinh Pháp Hoa nói dần dần cho Bồ-tát.

3. Thời gian: Kinh Hoa Nghiêm ban đầu nói nhất thừa, Pháp hoa cuối cùng nói rốt ráo.

4. Giáo môn: Giáo pháp Hoa Nghiêm nói thẳng nhất thừa đại đạo bình đẳng , không phá trừ bài bác. Kinh này (Pháp Hoa) phá cố chấp của người ba thừa, rồi sau mới được trở về nhất thừa cùng tột.

5. Chỗ khác nhau, kinh Hoa Nghiêm nói bảy chỗ tám gom, kinh Pháp Hoa nói một chỗ một gom.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa cũng có nhiều chỗ nhiều gom chăng? Đồng ở núi Linh-thứu nên chỉ có một chỗ nhưng y cứ trước sau kinh gồm có ba thời tịnh uế . Phần đầu kinh nói ở cõi uế, phẩm Hiện Bảo tháp đến hết phẩm Chúc lụy là phần thứ hai kinh nói ở cõi tịnh. Một phẩm Thần Lực lập chung cả mười phương thành một cõi nói ở cõi tịnh và cõi uế. Bắt đầu từ phẩm Dược Vương đến cuối phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát lại nói ở cõi uế .

Hỏi: Ba thứ nhất thừa theo kinh Pháp Hoa thì có mấy loại? Một thời Hoa Nghiêm là cội gốc nhất thừa, từ sau kinh Hoa Nghiêm đến trước kinh Pháp Hoa là giáo pháp cành nhánh, kinh này thuộc về giáo pháp đưa nhánh về gốc. Nhưng kinh Pháp Hoa kết thúc giáo hóa một đời bao gồm đốn tiệm thì đầy đủ cả ba luân, nhưng ba luân này đều là trong không có danh tướng vì chúng sinh giả nói danh tướng, đạo vốn vắng lặng không hề có ba cũng đều là ba, không có chỗ y chỉ.

- *Bảy là:* Muốn giải thích hai điều nghi cho người Thanh văn và Bồ-tát nên nói kinh này. Thanh văn có hai thứ nghi:

Nghi xưa, như ngài Thân Tử chép: “Chúng con đồng vào pháp tánh, vì sao đức Như lai cứu độ bằng pháp Tiểu thừa , muốn hỏi Thế Tôn là mất, hay không mất, hơn bốn mươi năm thường ôm mối nghi này gọi là nghi xưa.

Như nói rằng ban đầu nghe lời Phật dạy trong tâm rất nghi sợ tức là nghi mới.

Nghi xưa của Bồ-tát: Thuở trước bẩm thọ giáo pháp ba thừa đã chấp đạo lý có ba, hoặc nghi lui xuống địa Nhị thừa , hoặc nghi tinh tấn tu hành thành Phật đạo. Nghi hiện nay là nghi Phật nói pháp nay và xưa trái nhau. Thuở xưa nói có ba nay không nên nói có một, nay biện có một thì xưa không nên nói ba, hai người Tiểu thừa Đại thừa nghe nói kinh này cả hai mối nghi đều dứt. Phẩm Phương Tiện chép: Bồ-tát nghe pháp này lưới nghi đều đã dứt trừ, một ngàn hai trăm vị A-la-hán cũng sẽ được thành Phật.

Hỏi: Có văn nào chứng minh Thanh văn có nghi xưa nay, còn nghi xưa nay của Bồ-tát xuất xứ từ văn nào? Trong ba lần thỉnh của ngài Thân Tử chép: các Bồ-tát Cầu Phật số nhiều có tám muôn muốn nghe đạo đầy đủ, phải biết Bồ-tát cũng có nghi.

Hỏi: Tám muôn vị Đại sĩ đều là Bồ-tát pháp thân đâu thể có nghi này?

Đáp: Ngài Thân Tử thực hành phương tiện dắt dẫn người chân thật, Bồ-tát pháp thân phù hợp đồng với tân học nên không có lỗi.

Hỏi: Điều nghi của Bồ-tát và Thanh văn có gì khác nhau?

Đáp: Người Thanh văn tự cho là rốt ráo nghe chẳng phải rốt ráo, vì vậy mà sinh tâm nghi, Bồ-tát không có điều nghi này mà chỉ có hai thứ nghi trên cho nên khác nhau. Hỏi: Giải thích nghi có lợi ích gì? Đáp: Nếu không giải thích điều nghi thì người Thanh văn không tinh tấn tu đạo Bồ-tát sẽ có đường lui sụt. Nay mở cửa Phương tiện chỉ bày tướng chân thật để giải thích nghi cho người Đại Tiểu thừa, thì Bồ-tát không có đường lui sụt, Thanh văn có sự tinh tấn tu đạo, do đó Phật nói kinh này có lợi ích rất lớn.

- *Tám là*: Muốn nói pháp Trung đạo nên nói kinh này. Vì sao biết? Vì Hai châu thuyết pháp ban đầu đều phát ra ánh sáng trắng giữa hai đầu chân mày, phát ra ánh sáng giữa hai đầu chân mày trên không tới đảnh dưới không tới chân tiêu biểu hai chu thuyết đều nói pháp Trung đạo. Châu đầu nói Nhất đạo thanh tịnh, nhất đạo thanh tịnh tức là Trung đạo. Châu kế nói một pháp thân, một pháp thân cũng là Trung đạo. Nhưng pháp thân lại không có hai, tùy theo nghĩa đặt tên, vì vậy biết hai chu đều nói Trung đạo.

Vì sao nói Trung đạo? Vì đạo không hề có một bên và chánh giữa, chỉ vì đối trị bệnh thiên lệch thuở xưa nên nói Trung đạo. Vì sao? Vì đức Như lai thuở xưa nói năm thừa vì làm rõ chẳng phải năm, đã không có năm cũng đều là năm thừa, bổn tánh tịch nhiên không chỗ nương tựa gọi là Trung đạo, Trung đạo tức là pháp mầu. Chỉ vì những

người thọ theo giáo pháp trước đây nghe Phật nói năm thừa bèn khởi kiến giải năm thừa khác nhau nên rơi vào các bên. Người bẩm thọ thừa trời, người rơi vào bên sinh tử , người cầu thừaThanh văn, Duyên giác roi vào bên Niết-bàn. Người học Tam tạng giáo rơi vào bên tiểu, người học Đại thừa rơi vào bên đại, cho đến thuở xưa bẩm thọ năm thừa khác nhau, rơi vào bên dị. Nay nghe nhất thừa kiến giải nhất thừa lại rơi vào bên nhất, nay muốn phá các bên này khiến tâm không có chỗ chấp trước, tức là kinh Diệu pháp Liên Hoa nên gọi là Trung đạo.

- *Chín là*: Muốn làm rõ Tam-muội niệm Phật cho các vị Bồ-tát nên nói kinh này. Vì từ trước đến nay không hề hiển đầy đủ thân chân thật, thân phương tiện. Phàm phu nhị thừa và Bồ-tát mới tu hành còn chưa biết Phật, cho nên không hiểu niệm Phật cũng không hiểu lễ Phật, chỉ vì người có tâm sở đắc niệm Phật, liền niệm có sở đắc rồi không niệm Phật chấp, có tâm sở đắc lễ Phật, đó là lễ có sở đắc cũng không lễ Phật. Không lễ không niệm thì Phật chẳng phải thầy họ, họ chẳng phải đệ tử Phật. Nay đã khai mở thân phương tiện thân chân thật mới hiểu lễ niệm, mới gọi là đệ tử của thầy.

Hỏi: Duyên xưa vì sao nói chưa biết Phật?

Đáp: Thuở xưa chấp tuy nhiều nhưng không ngoài ba thứ:

1. Không biết bổn một mà tích nhiều

2. Không biết bổn không sinh diệt ứng có sinh diệt.

3. Không biết Đức Thích-ca chứng pháp thân từ lâu xa chẳng phải mới thành Phật ở thành Già-da.

Vì đối trị ba bệnh này nên Phật chỉ dạy ba giáo môn:

1. Khắp nhóm hợp phân thân thị hiện bổn một tích nhiều, nói Phật Thích-ca và Phật cõi tịnh đều là ứng tích, chẳng phải tịnh uế này chính là pháp thân, vì vậy pháp thân không hai tích thân chẳng phải một. Nếu chấp ứng thân chẳng phải một, pháp thân không hai cũng chưa tránh khỏi hai kiến chấp. Có tâm sở đắc tức là bất động mà ứng hóa hiện tiền mười phương. Đã bất động mà ứng, tuy ứng mà thường vắng lặng, cho nên ứng thân này tức là pháp thân. Như kinh Niết-bàn chép thân hiện nay của ta là pháp thân thường vắng lặng mà ứng, vì không mất ứng thân nên không hai mà hai. Chia ra bổn tích là hai mà không hai, chưa khởi hai thân.

2. Là khai mở tháp và chia tòa sinh diệt làm rõ lẫn nhau. Đức Đa Bảo diệt đã bất diệt cho nên hiển rõ Đức Thích-ca. tuy sinh mà bất sinh, bất sinh không diệt gọi là pháp thân, phương tiện xướng diệt gọi là ứng dụng. Nếu lại nói pháp thân tự bất sinh bất diệt, ứng thân tự sinh diệt,

lại thành hai kiến chấp sinh diệt và không sinh diệt. Nay nói sinh trong cung vua, sinh mà không khởi, diệt nơi Song thọ, diệt mà không mất. Cho nên sinh diệt rõ ràng không hề khởi, diệt, sinh diệt rõ ràng cho nên ứng dụng, không hề khởi, diệt gọi là pháp thân.

3. Thành Phật từ quá khứ lâu xa, vị lai bất diệt gọi là pháp thân. Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký, thành đạo ở Già-da gọi là thân phương tiện.

Hỏi: Đức Thích-ca chứng pháp thân đã lâu, pháp thân có lâu mau chăng?

Đáp: Vì pháp thân không có lâu mau, nên biết ngộ cũng không có lâu mau, sở dĩ như vậy vì ngộ vốn ngộ nơi Pháp thân. Pháp thân đã không có lâu mau thì biết ngộ cũng không có nhanh chậm. Như vậy thì Đức Thích-ca ngộ từ lâu mà thật ra không lâu, nên biết nay ngộ mau cũng không có mau, ngộ lâu xa cũng không có lâu xa, biết lâu, mau không hai, không hai mà hai, không mất xưa nay.

Hỏi: Lý do gì chỉ nói ba nghĩa này? Chính ứng thân Đức Thích-ca phải đủ ba nghĩa này, ban đầu nói pháp thân không hai tích thân chẳng phải một, chưa biết thân không hai ấy là có sinh diệt hay không sinh diệt? Cho nên kế là nói pháp thân không sinh diệt, ứng thân có sinh diệt, tuy nói pháp thân không sinh diệt ứng thân có sinh diệt, mà chẳng biết Đức Thích-ca mới chứng pháp thân hay đã chứng pháp thân từ lâu rồi, vì vậy thứ ba là nói nghĩa lâu mau. Tất cả Chư Phật phần nhiều đầy đủ hai nghĩa trước, Đức Thích-ca thì có đủ ba nghĩa này.

Hỏi: Ba thân làm sao nói về quyền thật? Pháp thân chỉ có thật, chẳng phải quyền, hóa thân chỉ có quyền mà chẳng phải thật, ứng thân có hai nghĩa:

1. Bên trong tương ưng với pháp thân gọi là ứng thân. Pháp thân đã thường nên ứng thân cũng thường. Đây tức là ứng thân là thật chẳng phải quyền, Kinh Niết-bàn chép: Điều mà Chư Phật tôn làm bậc Thầy chính là pháp, vì pháp là thường nên Chư Phật, cũng thường.

2. Bên ngoài tương ưng với đại cơ ở cõi tịnh thành Phật nên gọi là ứng thân, vì vậy ứng thân là quyền chẳng phải thật. Kinh Kim Quang Minh quyển bảy chép: Hai thân ứng hóa, là giả danh có chẳng phải chân thật, niệm niệm sinh diệt nên gọi là vô thường, thì chứng minh được nghĩa ấy. Đã biết ba nghĩa thì biết Phật cho nên nay Tam-muội niệm Phật gấp bội lại tăng thêm lợi ích tại hợp cả ba thứ này dùng làm hai nghĩa. Hai nghĩa trước do nói thân quyền thật, một nghĩa sau là nói tuổi thọ quyền thật. Kinh Niết-bàn cũng nói sống lâu và thân Kim

cương sở dĩ chỉ nói hai thân này vì chúng sinh chỉ có thân hình và tuổi thọ, nay thuận theo cũng nói hai nghĩa này.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm nói thế nào là niệm Phật? Vì không nhớ, đã không nhớ làm sao niệm Phật?

Đáp: Rõ chúng sinh và Phật xưa nay không hai, tức không thấy Phật là sở niệm chúng sinh là năng niệm, các duyên trong ngoài đều quên, quán sát cả hai vắng lặng nên gọi là không nhớ. Hỏi: Trong kinh Đại phẩm có thể có văn này, kinh này chỗ nào nói về pháp niệm Phật này? Theo phẩm Thọ Lượng thì Đức Như lai thấy biết như thật tướng trong ba cõi, không có sinh tử hoặc thoái hoặc xuất, cũng không có tại thế và diệt độ, chẳng thật chẳng hư chẳng như chẳng khác, không như ba cõi mà thấy ba cõi. Ba cõi tức là chúng sinh, vì vậy biết chúng sinh và Phật không hai, đâu có nghĩa năng niệm sở niệm! Trung Luận thì nói sinh tử Niết-bàn không có hai bờ, nghĩa chúng sinh pháp thân cũng như vậy, đây chính là đại tông kinh luận quyết phải y theo đây, mà lễ thật niệm Phật.

- *Mười là*: Muốn vì chúng sinh trong mười phương hiện tại và vị lai phân biệt đúng như thật tội phước quả báo nên nói kinh này. Như khi nói ra một lời chê bai pháp và chê bai người trì kinh thì mắc tội báo rất lớn, một niệm tùy hỷ thì được phước vô biên. Vì sao? Vì hễ nói về tội phước là từ sự trái nghịch mà phù hợp với lý sinh. Kinh này đã nói thật lý, cho nên tin thì phước nhiều chê bai thì tội nặng. Một bổn sớ xưa nói nhân duyên kinh này rất rộng nay chỉ nói lược mười môn.

II. Môn thứ hai nói về môn Tông chỉ: Từ xưa đến nay nói tông chỉ và thể, hoặc nói đồng hoặc nói khác. Nói khác là dùng giáo làm thể lấy lý làm tông, nên kinh Niết-bàn có văn giải thích bảy điều thiện là biết pháp biết nghĩa: Biết pháp là biết mười hai bộ kinh, biết nghĩa là biết lý mà giáo biểu hiện, nên dùng giáo năng biểu làm thể của kinh, lý sở biểu dùng làm tông của kinh. Nói tông thể là một, lý sở biểu đã là tông chỉ, văn năng thuyên lại giải thích về tông chỉ, nên tông thể không hai. Nay nói đồng và dị tùy thời dùng, mục đích là đắc ngộ nghĩa không nhất định. Thuở xưa gom tụ biên soạn giải thích tông chỉ kinh Pháp Hoa có mười ba nhà, nay nói lược tức ở thế gian thịnh hành có ba thuyết:

1. Dùng nhân của muôn điều thiện làm tông của kinh này, sở dĩ như vậy là vì văn kinh này tuy có bảy điều cốt yếu mà tông chỉ về nhất thừa, nhất thừa tức là nhân, cho nên thừa lấy vận chuyển làm nghĩa , người vận chuyển thực hành từ nhân đến quả, đến quả thì lại không tiến tới, quả đây chẳng phải thừa. Như kinh Đại phẩm chép: thừa này từ

ba cõi ra đến trụ trong Tát bà nhã. Theo Luận Trí Độ giải thích lời này chép: Thừa đến Bồ đề đổi tên thành chủng trí, nên biết thừa làm nhân. Kinh Thắng-man chép: Trên quả Phật càng không nói pháp sự nhất thừa thì biết quả chẳng phải thừa.

Hỏi: Kinh này phần đầu nói về nhân môn, sau nói về quả môn. Vì sao chỉ dùng nhân thừa làm tông?

Đáp: Chương sau nói quả để thành tựu nhân trước, do nhân thực hành nhất thừa được quả thọ lượng nên nói quả thành tựu nhân dùng nhân làm tông.

2. Có người chép: Kinh này dùng quả làm tông, sở dĩ như vậy vì muốn biết tông kinh nên xem đề kinh. Đề kinh chép: Pháp mầu nghĩa là Như lai dùng linh trí làm thể, các chất cặn bả bị đào thải bụi trần này đều sạch hết gọi diệu, động vì vật làm thành phép tắc nên gọi là pháp. Từ vị nhân đến nay thô pháp chưa cùng tận không được gọi là diệu, đã dùng quả đức làm pháp mầu, tức là dùng quả đức làm tông kinh, do đó Đức Thích-ca dùng huyền âm ban đầu khen ngợi Phật trí rất sâu xa, Đức Đa Bảo khen ngợi thiện xưng đại tuệ bình đẳng tức là chứng minh nghĩa ấy.

3. Có người nói kinh này dùng cả nhân quả nhất thừa làm tông, cho nên phần đầu nói rõ về nhân nhất thừa, chương sau nói về quả nhất thừa, mượn hoa sen làm dụ, hoa này không có thì thôi, hễ có thì hoa và hạt đều có chung, kinh này không nói thì thôi, nói thì có nhân quả đều bàn.

Hỏi: Nay điều được nói là giống với xưa hay khác với xưa?

Đáp: Nay xét chung kinh luận, nên chia làm bốn câu không đồng: Một là phá mà không chấp, hai là chấp mà không phá, ba là vừa chấp vừa phá, và bốn là không chấp không phá. Nói phá mà không chấp nay không đồng với xưa cũng không khác xưa, sở dĩ như vậy, vì tìm cầu nghĩa trên không thành hoặc không thể đồng với kia, hoặc không thể khác với kia. Tìm các nghĩa trên đã không thể được, thì luận cái gì là đồng khác?

Hỏi: Thế nào là tìm nghĩa trên không thành?

Đáp: Nay dùng ba ý để suy ra, thì biết nghĩa trước kia liền mất.

1. Nhiếp chung ba sư không đưa ra nhân quả mà chánh quán luận phần lớn phá nhân quả của mười nhà cho nên tất cả nhân quả không thành. Nay lược nêu vài môn để chỉ bày tướng không thành: Ba sư đã dùng muôn điều thiện làm nhân, thọ lượng làm quả, làm nhân muôn hạnh bên trong có quả thọ lượng hay không ? Nếu có quả thọ lượng thì

nhân không có khả năng sinh quả, quả không đáp lại dụng của nhân. Nếu nhân của muôn hạnh không có quả thọ lượng, thì dù tu muôn hạnh nhưng cuối cùng không sinh quả. Nếu nhân muôn hạnh không có quả mà sinh quả thì muôn điều ác cũng không có quả Phật và cũng nên sinh quả Phật!

Kinh Đại Phẩm chép: Nếu nói trong nhân có quả, trong nhân không có quả vừa có vừa không, chẳng phải có chẳng phải không, người như vậy tức là chê bai Phật pháp tăng hệ thuộc cảnh ma là quyến thuộc của ma, đâu phải là nghĩa nhất thừa nhân quả? Còn trong nhân có quả, trong nhân không có quả, vừa có vừa không chẳng phải có chẳng phải không, có là Tăng-khư Vệ-thế Sư, Cần Sa Bà, Nhã đề tử ngoại đạo chẳng phải Phật pháp. Lại nữa, tu muôn hạnh làm nhân, thọ lượng làm quả, nhân của muôn hạnh là đối đãi với quả khởi mà diệt hay không đối đãi với quả mà diệt? Nếu đối đãi với quả khởi mà diệt thì gọi là thường, nếu không đối đãi với quả khởi mà diệt thì gọi là đoạn, đã là đoạn thường thì không thành nhân quả, làm sao mà thành tông của kinh này? Đã là đoạn thường thì chướng nhất thừa pháp mầu, sao dùng pháp chướng ngại làm tông! Lại, nếu nói một niệm thiện nối tiếp đến thành quả Phật thì niệm diệt rồi mà tiếp tục hay không diệt mà tiếp tục? Nếu niệm diệt rồi mà có tiếp tục thì có năng (chủ thể) tiếp tục, không có sở (khách thể) tiếp tục. Nếu niệm không diệt mà tiếp tục thì có sở tiếp tục mà không có năng tiếp tục, vậy làm sao liên tục đến khi thành quả Phật được! Dùng kinh luận để suy ra điều này đều không có nhân quả này thì cùng với cái gì là đồng khác!

2. Nếu có nhân quả này, kia liền cho rằng đạo lý có nhân quả này thì thành có sở đắc. Kinh chép: "Có sở đắc thì không có đạo, không có quả" lấy gì làm tông? Lại có sở đắc kinh nói bất động bất xuất đều chẳng phải nghĩa thừa, làm sao dùng làm tông kinh! Kinh Niết-bàn nói có sở đắc gọi là vô minh, đâu thể dùng vô minh làm bình đẳng đại tuệ tông kinh sao? Có sở đắc gọi là hai mươi lăm cõi, vì sao dùng hai mươi lăm cõi làm tông của các đức kinh.

Hỏi: Kinh Đại Phẩm và kinh Niết-bàn tự có thể luận có đắc không đắc, theo kinh Pháp Hoa thì chỉ cúi đầu, chắp tay làm một việc thiện nhỏ thảy đều thành Phật đạo. Đâu thể chọn thiện có sở đắc chẳng phải nhất thừa? Đắc và vô đắc vì là chỉ quy của các kinh, sâu xa của pháp quán bậc Thánh , nói về cội gốc của đắc thất là chỉ bày thiên chánh của Phật giáo, há Kinh Pháp hoa này không bao gồm! Lại tức là văn kinh này tự nói đắc và vô đắc. Nay văn lược nêu ba đoạn trong kinh chép:

1. Khai tông tức nói "Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sinh khiến lìa các chấp trước."

2. Sau phần lưu thông ngài Phú lâu na khen ngợi Phật: Lạ thay! Đức Thế tôn dùng trí tuệ phương tiện nhổ sạch các tham đắm cho chúng sinh." Các thứ tham đắm là chấp tiểu chấp đại chấp ba chấp một, cho nên biết kinh này chính nói về vô sở đắc. Lại nói đầy đủ về nghĩa vắng lặng. Như chép: Pháp ấy không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng; các pháp từ xưa tới nay tướng thường tự vắng lặng. Tướng vắng lặng tức là tên khác của thật tướng vô đắc. Không nên nói kinh này nói có sở đắc.

3. Tức là dùng văn kinh này để trách, nếu nói thừa là nhân thì nghĩa đó không đúng. Nay giảng Pháp Hoa nên dùng Pháp Hoa làm chứng, kinh Pháp Hoa nói ba xe một xe đều là quả. Phẩm Thí Dụ chép: "Nay ba xe đều để ở ngoài cửa" tức là quả đức ngoài ba cõi làm xe, nên văn dưới hợp thí chép: Đều dùng quả đức, nêu Niết-bàn hợp với xe dê, nêu trí tuệ tự nhiên hợp với xe hươu, nêu quả Phật bốn trí đức hợp với xe trâu, nêu quả đức đại Niết-bàn hợp với xe lớn. Vì vậy chép: Đều dùng Như lai diệt độ mà diệt độ." Lại nêu các đức của quả Phật để hợp đại xa nên nói cùng giải thoát của Chư Phật gọi là đồng ban cho xe lớn; tức biết ba xe một xe đều là quả thừa chẳng phải nhân thừa. Kinh này gọi là pháp mầu, pháp mầu là quả Phật, đức không gì chẳng đầy đủ, lụy không gì chẳng hết, cho nên gọi là diệu. Nhân đức chưa đầy, lụy vẫn chưa hết thì không gọi là Diệu, thế nên dùng quả làm chánh tông, nhân chẳng phải chánh tông.

Kế đến phá thứ hai: Nếu chỉ dùng quả Phật làm thừa thì đây cũng không đúng. Các con cầu xin xe Phật liền ban cho xe, các con được xe tức là các con đắc quả. Do đó nói thừa là xe báu thẳng đến đạo tràng, tức là biết dùng nhân làm thừa đâu chẳng phải là thừa? Lại kinh Đại phẩm... đều nói thừa là nghĩa nhân, đâu được riêng dùng quả làm thừa? Kế là phá thuyết thứ ba nhân quả làm tông là cũng không đúng. Kinh này từ đầu đến trước sau bàn quả đức rất nhiều, nay dẫn chứng sơ lược ba điều:

1. Khai tông nói lược khen trí tuệ Phật rất sâu

2. Nói rộng về mở bày tri kiến Phật

3. Đức Đa bảo chứng minh khen ngợi đại tuệ bình đẳng. Nên biết phần đầu từ đầu đến cuối đều bàn nhiều về quả đức chẳng phải nói nhân. Do các nghĩa này mà tìm lời giải thích của ba nhà trên đều không thành, cho nên không thể cùng họ có đồng và khác.

Vì sao trước phải phá các chấp trước tiên? Nếu có nhân quả đồng thấy tức là có sở đắc, có sở đắc gọi là Thô không gọi là Diệu, có sở đắc gọi là phi pháp không gọi là pháp. Có sở đắc tức là bất tịnh đắm nhiễm chẳng phải hoa sen. Nay dứt các chấp nhân quả là vô sở đắc, vô sở đắc gọi là diệu Pháp Liên Hoa cho nên là tông kinh.

Hỏi: Làm sao biết được dứt kiến chấp có sở đắc tức là "Diệu Pháp Liên Hoa"?

Đáp: Nay lược dẫn chứng ba điều:

1. Luận Chánh quán chép: từ phẩm nhân duyên đến đây suy tìm các pháp hữu cũng không, vô cũng không , vừa hữu vừa vô cũng không, chẳng phải có chẳng phải vô cũng không gọi là như pháp tánh thật tế Niết-bàn. Cho nên biết cầu nhân quả có sở đắc không thể được tức là pháp mầu.

2. Luận Pháp Hoa giải thích phẩm Phương Tiện rằng: "Ta dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sinh giúp họ lìa bỏ các chấp trước, chấp trước có bốn thứ: Một là chấp trước giới nghĩa là mê đắm ba cõi, hai là chấp trước địa nghĩa là địa cõi Dục , cho đến địa diệt tận định , ba là phần chấp đắm nghĩa là tại gia chấp trước năm dục, xuất gia chấp đắm danh lợi, bốn là chấp trước thừa nghĩa là mê đắm Tiểu thừa, mê đắm Đại thừa. Cho nên biết có sở trước không gọi là Diệu pháp, vô sở trước tức là tông kinh.

3. Bài tựa Bách luận của ngài Tăng Triệu chép: Vắng vẻ vậy mà không gửi gắm vào lý, tự thể khéo gom , thản nhiên chẳng y cứ nơi sự mà chẳng mất chân, sự biến đổi của đạo gốc mê đắm ở đây, nên biết tâm vô sở đắc tức là pháp mầu làm tông kinh này.

Thứ hai chấp lấy mà không phá: Phải phá sạch tâm chấp đoạn thường có sở đắc từ trước nay rốt ráo không còn sót, rồi mới nói được. Phật dùng phương tiện nhân duyên giả danh. Nếu chúng sinh đáng nghe nhân làm tông được ngộ thì nói nhân, cho họ nghe, đáng nghe quả làm tông được ngộ thì nói quả, cho họ nghe, đáng nghe cả nhân lẫn quả làm tông được ngộ thì nói nhân quả cho họ nghe. Chư Phật Bồ-tát Ba đời , nói kinh soạn luận mục đích là lấy chúng sinh đắc ngộ làm chánh tông chứ giáo pháp không nhất định. Làm sao biết như vậy? Dẫn sáu chứng cứ:

1. Văn kinh-thù vấn chép: Mười tám bộ luận và hai bổn đều từ kinh đại thừa lưu xuất, không có đúng cũng không sai, ta nói chưa tứng có khởi.

2. Theo kinh Đại Tập thì dù có năm bộ không đồng n đều không

ngăn ngại pháp giới và Đại Niết-bàn của Như lai.

3. Theo luận Nhiếp đại thừa thì Chư Phật chỉ lấy sự lợi ích làm nhất định nên giáo pháp không nhất định.

4. Theo luận Trí Độ thì sáu nhà giải thích, luận chủ Bát nhã không phán xét đúng sai, do đều lưu xuất ra từ kim khẩu của Phật đều có thể khai đạo thường lợi ích cho chúng sinh, đều là chánh kinh.

5. Trung luận phẩm Quán pháp trong chép: "Các pháp không có tướng quyết định, Chư Phật có vô lượng phương tiện. Hoặc nói tất cả thật hoặc nói tất cả không thật, cũng thật cũng chẳng thật, chẳng thật chẳng phải chẳng thật, bốn câu thảy đều được đạo, đều là Phật pháp.

6. Tam Tạng Cầu Na Bạc na có để lại văn kệ :

"Các luận có nhiều mối
Lý Tu hành không hai
Thiên chấp có đúng sai
Người đạt không tranh luận"

Cho nên biết hợp duyên thích nghi giáo không có nhất định.

Thứ ba vừa lập vừa phá, ba thứ như nhân quả tuy xuất xứ từ văn kinh nhưng chẳng phải y chánh, cho nên phải phá. Nói lập tức nay một phen đối với ba sư đã nói, kinh này dùng Trung đạo phi nhân phi quả làm thể, nhân quả v.v... là đại dụng của kinh. Hỏi: Nhân quả đồng là dụng, chẳng phải nhân quả là thể, điều này xuất xứ từ văn nào? Đáp: Theo phẩm Phương Tiện chép: Nghĩa chủng chủng tánh tướng và quả báo lớn như vậy, kệ tụng này nói pháp nhân quả trước. Bài kệ kế là nói pháp không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng, tức nói nghĩa chẳng phải nhân quả, nên biết dùng phi nhân quả làm thể, nhân quả v.v.. là dụng. Nhân quả phi nhân quả đã như thế, thì ba, một, gần, xa, quyền thật cũng như vậy. Chẳng phải ba chẳng phải một làm thể, ba-một làm dụng, chẳng gần chẳng xa làm thể, gần xa làm dụng, chẳng phải quyền chẳng phải thật làm thể, quyền thật làm dụng. Nhưng nghĩa ở các sư khác chỉ được dụng của kinh mà không biết thể của kinh, đã không được thể làm sao nói được dụng? Nếu được dụng thì nghĩa dụng không thành, hoặc chấp nhân là thừa thì bác bỏ quả, chấp quả là thừa thì phá nhân, chấp cả nhân lẫn quả thì mất dụng cả nhân quả. Mà kinh này trước sau đầy đủ bốn câu nói về nghĩa thừa:

1. Nhân thừa chẳng phải quả thừa tức là các con nương xe bàu này mà thẳng đến đạo tràng.

2. Quả thừa chẳng phải nhân thừa cho nên nói Phật tự trụ đại thừa như pháp sở đắc định tuệ lực trang nghiêm dùng đây độ chúng sinh.

3. Dụng cả nhân quả làm thừa tức bao gồm cả hai câu trước.

4. Phi nhân phi quả làm thừa nghĩa là pháp không thể chỉ bày, tướng ngôn từ vắng lặng.

Hỏi: Thừa là nghĩa vận chuyển lưu xuất, chẳng phải nhân chẳng phải thế nào là thừa?

Đáp: Vì nói phi nhân phi quả khiến chúng sinh ra khỏi bốn câu vượt ngoài bách phi, nên gọi là có nghĩa chân thật vận chuyển lưu xuất. Lại kinh nói Phật tánh có năm tên; trong năm tên đó có tên gọi là nhất thừa, mà kinh đã nói Phật tánh phi nhân quả, nhất thừa há không được phi nhân quả hay sao! Tuy có ba câu, bốn câu làm dụng của Đại thừa, mà câu thứ tư là thể của thừa. Cho nên nói ba câu trên là về phi nhân phi quả, câu thứ tư cũng do phi nhân phi quả nên có nhân quả đồng dụng.

Hỏi: Các vị xưa ai dùng phi nhân phi quả làm thể của kinh? Chú giải kinh Pháp Hoa tìm tòi tra cứu có tám sư: Giang Tả có An, Lâm, Nhất, Viễn, Hà Hữu Thập, Triệu, Dung, Hằng, tám vị chủ yếu giảng nói và biên soạn bài tựa kinh. Vì vậy nói ra khỏi nhà lửa cầu xin xe đâu có tiểu, đâu có đại; diệt hóa thành đến đảo châu báu ai gần ai xa. Giáo pháp tiêu biểu ngưng tụ nơi ba-một, quả mầu nhiệm vượt ngoài thân trượng sáu!

Thứ tư chẳng phá chẳng lập nhưng thật ra không hề có nghĩa ba nhà đáng phá, cũng không hề có nghĩa hiện nay đáng thành lập. Nếu có phá hữu thì lập tức có thể dùng ngôn ngữ diễn bày, sao gọi là tướng các pháp vắng lặng không thể dùng ngôn thuyết! Luận Niết-bàn của ngài Tăng Triệu chép: Ngài Tu bồ đề không nói mà làm rõ đạo, Thích Phạm bặt nghe mà mưa hoa. Đức Thích-ca đóng thất ở Ma-kiệt-đề, ngài Tịnh Danh ngậm miệng ở Tỳ-gia-ly. Cho nên im lặng đâu thể nói không biện luận ư! Nói chỗ không thể nói tức là tướng ngôn từ vắng lặng của kinh Pháp Hoa, vắng lặng đâu có phá lập mà được tồn tại ư? Nếu có thể như thế mà chiếu soi thấu đạt thì đó là tông chỉ của kinh Pháp Hoa. Bốn câu này cũng là đại tông của kinh luận, là diệu thuật khai đạo trừ bệnh, quyết phải tìm tòi để thông suốt các nghĩa.

III. Môn thứ ba là giải thích đề mục kinh lại chia làm bảy ý:

1. Ý nghĩa của sự đặt tên
2. Đặt tên khác nhau
3. Chuyển, bất chuyển
4. Đầy đủ nghĩa nhiều và ít
5. Trước sau

6. Phiên dịch

7. Giải thích tên gọi

1. Ý nghĩa đặt tên: Kinh Niết-bàn nói Đê La Bà Di thật ra không ăn dầu mà gượng gọi là ăn dầu. Niết-bàn cũng vậy, thật không có danh tướng mà gượng nói có danh tướng, Niết-bàn là tên khác của Pháp Hoa. Niết-bàn đã không có danh tướng gượng nói danh tướng, Pháp Hoa cũng không có danh tướng gượng nói có danh tướng. Sở dĩ gượng nói danh tướng, vì muốn cho chúng sinh nhờ danh để ngộ lý nhờ lý khởi tu hành nương tu hành được giải thoát.

2. Đặt tên không đồng: Các kinh hoặc Phật tự đặt tên, hoặc đợi đệ tử hỏi rồi mới đặt tên, hoặc trong phẩm tựa trước đầu đề đặt tên, hoặc trong lúc đang thuyết mới bắt đầu đặt tên, hoặc hễ nói bất cứ môt nghĩa nào liền đặt tên, hoặc nói xong một bộ kinh sau cùng mới đặt tên, hoặc trong một bộ kinh chỉ nêu một đề mục, hoặc trong một bộ kinh đặt nhiều tên, hoặc có nhiều bộ kinh mà chỉ đặt một tên, hoặc có một bộ kinh không đặt tên riêng. Đặt tên không đồng lược có năm cặp mười nghĩa, được trình bày đầy đủ như kinh Tịnh Danh huyền nghĩa. Hiện nay kinh Pháp Hoa trong lúc Phật đang nói pháp tự đặt tên, nếu y theo Phật thì kinh chỉ lập đặt tên, hoặc theo luận Pháp Hoa nói một bộ trước, sau có mười bảy tên như kia đã nói đầy đủ.

3. Chuyển và không chuyển: Tất cả kinh Phật đặt tên có hai dạng. Một là tên kinh xưa nay không chuyển đổi. Hai là tùy Phật xuất thế mà tên có sự thay đổi. Như kinh Niết-bàn chép: hoặc gọi là Pháp cảnh, hoặc gọi Cam lồ, Cổ... Kinh Pháp Hoa hiện nay trong hai thứ đó là tên xưa nay không chuyển đổi. Cho nên Phật Đại Thông Trí Thắng, đức Oai Âm Vương, hai muôn đức Nhật Nguyệt Đăng Minh và Đức Thích-ca đã nói đều gọi là Diệu pháp Liên Hoa. sở dĩ có chuyển không chuyển, vì tùy nghi không đồng, hợp thời mà nói.

4. Đầy đủ nghĩa nhiều ít: Các kinh đặt tên nhiều ít không nhất định, hoặc một nghĩa đặt tên, hoặc hai nghĩa đặt tên, hoặc ba nghĩa nêu tên. Một nghĩa đặt tên là hoặc chỉ người chỉ pháp, chỉ xứ, chỉ thời, chỉ sự, chỉ dụ. Chỉ người như loại Đề-bà-đạt-đa... chỉ pháp như kinh Niết-bàn, chỉ xứ như kinh "Lăng già", Hán dịch là Độ xứ. Chỉ thời tức Kinh thời phi thời, chỉ sự nghĩa là kinh "cây khô", chỉ dụ là kinh "Kim Quang Minh". Hai nghĩa đặt tên hoặc nêu cả pháp và dụ như "Diệu pháp Liên Hoa, hoặc nêu cả người pháp như kinh "Duy ma cật Bất Tư Nghị Giải Thoát". Ba nghĩa đặt tên như kinh "Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện", Thắng-man là tên người, Sư tử hống là tên dụ, nhất

thừa đại phương tiện là tên pháp.

5. Trước và sau: Theo bổn tiếng Phạm ở Thiên Trúc thì trước đều không có đề mục, chỉ nói là Tất-đàm, Hán dịch là Hảo pháp cũng gọi là Thành tựu, đặt tên đều ở cuối kinh. Mà sau này để ở đầu Kinh vì người dịch kinh theo pháp nước Chấn Đán (Trung Quốc). Vì muốn do danh tự không đồng mà biết được bộ loại khác nhau.

6. Phiên dịch: Theo bản tiếng Phạn là Tát Đạt Ma Phân Đà lợi Tu-đa-la, còn ngài Trúc Pháp-hộ dịch Tát là Chánh, nên gọi là Kinh Chánh Pháp Hoa . Theo ngài La-thập đời Tấn dịch chữ Tát là diệu nên gọi là kinh Diệu pháp Liên Hoa . Theo ngài Kính Sơn Tuệ Viễn dùng hai nghĩa trước lại thêm hai tên là Chân pháp, Hảo pháp. Nay cho rằng đề mục ở Thiên Trúc bao gồm đủ các nghĩa, người dịch kinh theo đó chọn lấy một nghĩa, cho nên mỗi người dịch đều có khác.

Nói đầy đủ bao gồm nhiều nghĩa nhưng chỗ hành đạo của Chư Phật không hề có tà chánh, vì đối trị hai tà nội ngoại nên đặt tên là Chánh.

a) Chín mươi sáu pháp ngoại đạo nói gọi là tà, pháp Như lai nói là chánh. Cho nên đối tà của dị đạo kia mà gọi Phật đạo là chánh.

b) Xưa kia chấp năm thừa khác nhau trái với nhất đạo gọi là tà, Vì sao? Vì đạo còn chẳng có hai, đâu được có năm nên chấp năm khác nhau trái với nhất đạo gọi là tà. Do đối hai tà kia nên nói chỗ hành đạo của Phật gọi là chánh pháp. Nói Pháp mầu là đạo tu hành của Chư Phật không hề có thô diệu, vì đối hai thô nên ngợi khen là diệu. Một là pháp của ngoại đạo nói có danh tự mà không có ý nghĩa là pháp kém cỏi cạn cợt gọi là thô. Còn pháp xuất thế có văn tự có ý nghĩa gọi là diệu. Hai là đối với thô của năm thừa nên khen Phật thừa là diệu. Năm thừa là nói về phương tiện nên xưng là thô, nhất thừa là pháp chân thật gọi là diệu. Chân pháp cũng có hai nghĩa: một là pháp của ngoại đạo gọi là ngụy, sở hành của Chư Phật gọi là chân như. Kinh Niết-bàn chép: Những điều luống dối dối trá của ngoại đạo gọi là không có chân đế nên nói Phật pháp có chân đế. Đối với ngụy của năm thừa nên nói chân của nhất thừa. Phẩm Phương tiện chép: “Chỉ có một sự thật này ngoài ra có hai thì chẳng phải chân,” hai còn chẳng phải chân huống chi năm thừa mà thật có sao? Nói hảo pháp (pháp lành tốt) cũng có hai: Một là đối với ngoại đạo tà kiến gọi là ác pháp, pháp chánh kiến của Phật gọi là hảo pháp. Kinh Niết-bàn chép: Người cầu Nhị thừa gọi là bất thiện, người cầu đại thừa gọi là thiện, thiện tức là hảo pháp.

Hỏi: nhất thừa giáo khởi chỉ nên đối với năm thừa kia sao cũng

đối ngoại đạo ư?

Đáp: Vì Niết-bàn giáo chính là bài xích ba vị Tỳ kheo tu mà lại chọn ngoại đạo, ngoại đạo không có chân đế và trộm lấy lý thường hằng của Phật. Nay nói Phật pháp là diệu há không đối ngoại đạo chẳng phải diệu và thô của năm thừa sao?

Hỏi: Đã đầy đủ bốn tên, vì sao riêng gọi là diệu?

Đáp: Có ba nghĩa: Một là kinh có văn nói diệu mà không gọi là chánh, như nói pháp ta mầu nhiệm khó nghĩ bàn, là thừa mầu nhiệm thanh tịnh bậc nhất tức là chứng minh điều đó! Hai là diệu có nghĩa tinh khiết mầu nhiệm sâu xa nên đặt tên là diệu. Lại do pháp mầu nhiệm của ta phàm phu Nhị thừa và người mới hành Bồ-tát không thể suy lường được. Nếu nói rằng pháp của ta chân chánh khó suy nghĩ nghĩa lý thì cách nói không khéo léo đối với nghĩa không tiện lợi. Ba là căn cứ nơi nghĩa suy luận, phàm chánh đối hình cong mà nhận tên, diệu do đối thô được tên, thích hợp cho chín mươi sáu pháp là tà, pháp năm thừa của Như lai là chánh, do đó chánh tại pháp năm thừa. Năm thừa tuy chánh, chánh mà còn thô, chỉ có pháp nhất thừa mới gọi là diệu, cho nên diệu chủ yếu nói nghĩa nhất. Không được nói ngoại đạo là thô năm thừa là diệu, cũng không được nói rằng năm thừa là tà nhất thừa là chánh. Pháp ngoại đạo, pháp Phật cũng như ngọc và đá, năm thừa nhất thừa đồng đều là ngọc, nhưng ngọc có tinh và thô, vì thế năm thừa là thô, nhất thừa là diệu.

7. Giải thích tên: Nay giải pháp của Đạt ma thì giải thích nghĩa diệu, văn kinh này tuy có bảy trục chính mà tông về nhất thừa, nên pháp nhất thừa là diệu. Phẩm Thí dụ nói Thừa ấy mầu nhiệm thanh tịnh bật nhất, ở thế gian không thừa nào hơn" bài kệ này đối với thô của bốn thừa khen Phật thừa là diệu, nữa bài kệ trên đối với thô Nhị thừa khen Phật thừa là diệu, nữa bài kệ dưới đối với thô của thừa trời, người khen Phật thừa là diệu, thừa này gọi là Phật thừa, thanh tịnh mầu nhiệm là khen Phật thừa. Do đức đều viêm mãn gọi là mầu nhiệm, hệ lụy đều hết sạch gọi là thanh tịnh. Luận về lụy tức còn gọi là thô, đối với thô đã hết thì các đức đều đầy đủ, lụy hết đức đầy đủ gọi là diệu. Lụy đều hết sạch không thể là có, đức đều đầy đủ không thể nói không, chẳng có chẳng không là pháp Trung đạo nên gọi là diệu, đồng với nghĩa không và bất không trong kinh Đại Niết-bàn. Do không nên chẳng có hai mươi lăm cõi, chẳng thể nói có, có-thường-lạc-ngã-tịnh chẳng thể nói không. nhất thừa và Đại Niết-bàn không khác nhau.

Phẩm Thí dụ chép: Đại Niết-bàn hợp cả xe lớn, rằng: "Không

để cho có người được diệt độ riêng đều dùng diệt độ của Như lai mà diệt độ” cho người đó tức chứng minh được điều đó. Phẩm Phương tiện chép: “Chỉ có một Phật thừa ngoài ra không có thừa nào khác hoặc hai hoặc ba. Tức biết gọi nhất thừa là đối với hai thừa, ba thừa mà nói. Do Nhị thừa lụy còn chưa hết đức vẫn chưa viên, nghe kinh Niết-bàn nói người Nhị thừa chỉ thấy không mà chẳng thấy bất không, cho nên không thực hành Trung đạo không được gọi là bậc nhất.

Chư Phật Như lai đức không gì chẳng viên mãn, lụy đều đã hết, thấy đầy đủ nghĩa không và bất không, thực hành Trung đạo nên gọi là bậc nhất. Đối với thế gian không thừa nào hơn, trời, người là thế gian, thừa thế gian thì chẳng phải diệu, vì vậy nói với thế gian chẳng có thừa nào hơn. Giải thích chung bài kệ đã xong, nay kế giải thích riêng văn kệ.

Gây ra mười nghiệp ác, quả báo chiêu cảm trong ba đường gọi là thô, giữ năm giới được phước báo làm người tức nhân thừa là diệu. Nhân thừa vui ít khổ nhiều gọi là thô, mười điều thiện cảm được thân cõi trời vì khổ ít vui nhiều nên thiên thừa là diệu. Trời, người chưa tránh khỏi sinh già bệnh chết nên gọi là thô. Thanh văn thừa được ra khỏi ba cõi nên gọi là diệu, Thanh văn phước ít độn căn gọi là thô, Duyên giác phước dày lợi căn gọi là diệu, Thanh văn Duyên giác lụy còn chưa hết đức vẫn chưa viên nên gọi là thô, chỉ có Phật thừa đức đều viên mãn tất cả lụy đều sạch nên gọi là diệu.

Hỏi: Nay nói nhất thừa là diệu khác với xưa ở chỗ nào?

Đáp: Giải thích kinh này có ba thuyết:

1. Kinh này tuy nói về nhân nhất thừa vẫn còn cảm quả vô thường, do đó văn kinh chép: “Quá khứ số kiếp như cát bụi vị lai lại gấp bội số trên.” Phẩm Dược thảo Dụ chép: “Rốt ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng cuối cùng trở về Không; tức cuối cùng khô thân diệt trí nhập vô dư Niết-bàn, cho nên vẫn còn vô thường, đến Đại Niết-bàn mới nói rõ nghĩa thường trụ. Đã là vô thường thì lẽ ra là thô. Nhưng đối với các kinh trước chưa nói về quá khứ, nhiều hơn cát bụi, vị lai lại gấp bội số trên, do dó khen kinh này là diệu. Nếu so với Niết-bàn giáo thì vẫn là thô.

2. Giải thích kinh này đã biện nghĩa thường vẫn chưa được rõ ràng, chỉ là che tướng nói thường. Vì sao? Vì kinh này chưa trừ tám đảo không nói bốn đức, chỉ nói tuổi thọ vô cùng nên là che tướng nói thường, đến giáo Niết-bàn mới hiển rõ nói về thường.

3. Từ giáo tiểu thừa thì nói vô thường che tướng thuyết, tất cả kinh điển Đại thừa đều là thường trụ hiển rõ vô dư. Nay bình luận chung ba

thuyết này, ban đầu giải thích hàng hạ căn, kế là giải thích người trung căn, ba giải thích người thượng căn. Vì sao? Vì giải thích đầu là chê pháp quá sâu nên là hạng hạ căn, giải thích kế là bác bỏ tiểu thừa, bình phẩm nhẹ gọi là hạng trung căn, sau mới nói rốt ráo mà cố chấp thành mê nên gọi là người thượng căn, ở đâu đều y theo có sở đắc tự chai ra ba phẩm vị.

Hỏi: Ban đầu giải thích vì sao nói chê pháp quá cao xa?

Nay dùng văn bốn chỗ để trình bày, thì biết chê pháp quá sâu xa. Một là dùng giáo pháp trước kinh Pháp Hoa là khó, hai là dùng chánh văn kinh Pháp Hoa để trách, ba là theo các thuyết cũ của Quan Hà, bốn là dùng nghĩa suy ra là khó. Giáo pháp trước kinh Pháp Hoa. Các kinh Đại Thừa, Tiểu Thừa, Bát-nhã và Tịnh Danh, Phẩm Thường Đề trong kinh Đại Phẩm chép: “Sắc thân của Chư Phật có khứ lai còn pháp thân không có khứ lai.”

Theo luận Kim cương Bát-nhã nói thể của ba thân khác nhau nên lìa ba thân gọi là Như lai, nên biết Như lai chẳng phải pháp hữu vi, thân tức là thường trụ. Theo phẩm Phương Tiện trong Kinh Tịnh Danh chép: Thân này đáng nhàm lìa phải ưa thích pháp thân. Vì chê thân sinh tử vô thường tức khen ngợi pháp thân thường trụ. Nên giáo buộc phải dẫn đến thành lập pháp quán ưa thích và nhàm chán. Nếu pháp thân đổi lại là sinh diệt vô thường thì cũng đáng nhàm bỏ thì đâu có ưa thích? Nên giáo buộc dẫn đến quán ưa thích và nhàm chán sẽ không thành tựu. Phẩm Đệ tử chép: Pháp thân vô lậu vì các lậu đã hết,” đây là nói không có nhân vô thường, pháp thân vô vi không rơi vào các số, đây là nói quả Phật vô vi thường trụ.

Xét kinh Bát-nhã, Tịnh Danh là giáo trước Pháp Hoa còn nói về thường trụ, kinh Pháp Hoa ở sau hai kinh chẳng lẽ là vô thường sao! Kế là dùng văn kinh Pháp Hoa để phá: Phẩm Phương Tiện chép: Tuy ta nói Niết-bàn là cũng chẳng phải chân diệt. Các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng” văn nay nói xưa nay đại, tiểu chân ngụy của hai diệt. Xưa tiểu thừa chẳng phải diệt độ chân thật, nay Đại thừa diệt độ là chân thật, xưa tiểu Niết-bàn chẳng phải Niết-bàn chân thật, nay đại Niết-bàn là chân Niết-bàn. Như vậy tức xưa tiểu thừa thường chẳng phải chân thường, nay đại thừa thường là chân thường. Phẩm Thí dụ chép: Chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát kỳ thật chưa được tất cả giải thoát. Người Thanh văn chỉ đoạn tứ trụ gọi là lìa luống dối, chưa đoạn vô minh trụ địa, tức giáo nay nói đoạn đủ năm trụ địa mới là tất cả giải thoát. Như vậy, người tiểu thừa hai nhân sinh tử chưa phá đổ gọi là vô

thường. Như lai ngũ trụ địa đều hết nên là thường trụ. Cho nên, phẩm Thọ Lượng chép: Tuổi thọ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thường trụ không diệt, văn chép: rất nhiều không thể kể ra hết được.

Hỏi: Nếu kinh này đã nói thường trụ vì sao phẩm Thọ Lượng lại nói gấp bội hơn số trên?

Đáp: Luận Pháp Hoa nói lại gấp bội hơn số trên Như lai thị hiện tuổi thọ thường hằng không thể cùng tận, thì biết văn này nói nghĩa chẳng phải vô thường. Theo Quan Hà giải thích xưa của: Quan trung Tăng Duệ thọ trực tiếp Kinh Pháp hoa từ ngài La-thập có soạn lời tựa giải thích kinh chép: Phân thân là nói lí không thật, thọ lượng nhất định chẳng phải số lường tính. Phân thân nói không thật kia là Đức Thích-ca cùng Chư Phật đều chỉ là phân thân thì biết đều chẳng phải Phật thật. Phật thật nghĩa là pháp thân mầu nhiệm của Như lai. Thọ lượng nhất định chẳng phải số lường tính thọ ấy không thể tính đếm. Đây nói Như lai tuổi thọ không rơi vào các số, là thường trụ đồng nghĩa sâu xavới luận Pháp Hoa, lại nghĩa đó đồng với kinh Tịnh Danh nói thân Phật vô vi không rơi vào các số .

Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây soạn Pháp Hoa Sớ giải thích phẩm "Hiện bảo tháp trong kinh Pháp Hoa " chép: Pháp thân lý thường trụ không có nghĩa còn mất, phẩm Thọ Lượng nói Như lai thọ lượng đồng như hư không. Tất cả thế gian chỉ có thân và mạng, nay tùy theo thế pháp cũng nói hai thứ này. Do đó đoạn trước nói pháp thân thường sau nói thọ không diệt, không khác với kinh Niết-bàn trước nói sống lâu sau nói thân Kim cương.

Thứ tư dùng nghĩa là khó, gồm có mười nghĩa:

1. Kinh này tuy nói Nhân quả mà nghĩa diệu ở quả, nhân chưa viên mãn cùng tột thì vẫn chưa diệu, như quả Phật còn vô thường, vô thường thì khổ. Vô thường đã khổ thì vô ngã bất tịnh chính là thô pháp sao gọi là diệu?

2. Trong kinh chép: Vì một đại sự nhân duyên nên Phật xuất hiện ở đời, đâu thể chấp nhận trước sau dùng pháp vô thường thô không liễu nghĩa để hóa độ chúng sanh ư? Điều này trái với ân tình cha con, làm tổn thường bổn ý của Phật.

3. Trước nói nhất thừa khác với xưa nói ba thừa, sau nói thường trụ khác với xưa nói vô thường, do vì một thừa khác với ba thừa xưa, được dùng nhất thừa làm thuốc phá trừ bệnh ba thừa, do thường khác vô thường xưa, cũng được dùng thường trụ làm thuốc phá trừ bệnh vô thường cho nên có hai nghĩa trị. Nếu nay vẫn còn vô thường chỉ có dùng

một phá ba, không có dùng thường phá vô thường, cho nên tri bệnh chưa viên mãn hiển lý không đầy đủ.

4. Nếu nhất thừa khác ba thừa mà quả nhất thừa vẫn là vô thường, thì trở lại đồng khác xưa, cuối cùng ba thừa này không phải một thừa giáo đều không nghĩa hai đối trị.

5. Nếu nay một mà khác xưa ba mà vô thường vẫn đồng với xưa thì nhân khác quả, quả Thanh văn đồng La-hán đều là phi nghĩa.

6. Văn trước nói Thân tử làm chủ thỉnh mà ngài Thân Tử là cùng tột dị chấp trong người Tiểu thừa, cho nên nói nhất thừa khiến bỏ Tiểu về Đại vỏ khác về đồng, thì Đại có nghĩa là tiếp nhận tiểu, tiểu có lý ưa đại, tức phần đầu kinh giáo phù hợp căn cơ, phần sau kinh Di-lặc làm chủ thỉnh, Di-lặc là nhân vị cùng tột lý vô thường. Nếu nói quả Phật vẫn là vô thường thì quả không có lý tiếp nhân, nhân không có nghĩa ưa thích quả tức cơ giáo trái nhau vậy.

7. Theo Bồ tát Thiên Thân giải thích phẩm Thọ Lượng nói về ba thân Phật: Ở thành Già-da thành Phật là hóa thân, từ lâu đã được thân Phật tuổi thọ vô lượng là báo thân, không có sinh tử, hoặc thoái hoặc xuất phi thật phi hư phi như phi dị là pháp thân. Đã đầy đủ ba thân chẳng lẽ không phải thường trụ!

8. Phẩm Bồ-tát trong kinh Niết-bàn chép: Tám ngàn vị Thanh văn trong kinh Pháp Hoa được thọ ký riêng thành quả chắc lớn. Như mùa Thu thâu hoạch mùa Đông cất chứa, lại chẳng cần làm, cho nên biết kinh Pháp Hoa hiện rõ ràng rốt ráo, há chẳng phải nói thường sao!

9. Hai muôn vị Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa rồi liền nhập Niết-bàn, phải biết nói pháp liễu nghĩa đã xong, sau mới nhập diệt. Nếu chưa nói pháp liễu nghĩa thì Phật không được diệt độ.

10. Nếu nói phẩm đề Như lai thọ lượng liền vô thường, thì có bốn câu này:

a) Vô lượng nói vô lượng như kinh Niết-bàn chép: Chỉ có Phật mới thấy Phật có tuổi thọ vô lượng.

b) Hữu lượng nói hữu lượng, như Đức Phật Thích-ca tám mươi tuổi.

c) Hữu lượng nói vô lượng, như Phật Vô Lượng Thọ.

d) Vô lượng nói hữu lượng như kinh Kim Quang Minh cho đến kinh này. Cũng như kinh Hoa Nghiêm chép: Cảnh giới sâu xa của đức Như lai lượng đó sánh bằng hư không. Kế là phá thuyết thứ hai nghĩa là kinh này che tướng nói thường, đó cũng không đúng. Mười nghĩa trên đây nói thường rất rõ ràng, không nên vọng cho rằng che tướng nói

thường.

Lại, Kinh này mở hai môn phương tiện để làm rõ hai nghĩa chân thật. Hai cửa phương tiện là thừa phương tiện và thân phương tiện. Làm rõ hai nghĩa chân thật nghĩa là thừa chân thật và thân chân thật. Thừa phương tiện nghĩa là ba nhân ba quả, thừa chân thật là một nhân một quả. Thân phương tiện là thân sinh diệt vô thường, thân chân thật là thân không sinh diệt thường trụ.

Nếu vẫn là che tướng thì cửa phương tiện chưa mở, tướng chân thật chưa làm rõ.

Hỏi: Nếu kinh này đã hiển rõ thường vì sao dùng kinh Niết-bàn để nói lại?

Đáp: Các kinh nói nghĩa đều có đại tông. Kinh Pháp Hoa nói rộng về nhất thừa, lược biện nghĩa thường. Kinh Niết-bàn rộng nói về thường trụ nói lược về nhất thừa, vì sao? Vì kinh Pháp Hoa đã nói đạo lý chỉ có một thì biết chỉ một Phật tánh. Đã nói tuổi thọ vô tận thì biết là thường, không cần nói. Chỉ những người độn căn nghe nhất thừa của Pháp Hoa mà không ngộ nên Niết bàn, nói rộng về Phật tánh giải thích thành nhất thừa, nói nhiều về nghĩa thường giải thích thành tuổi thọ lâu xa mới được liễu ngộ.

Hỏi: Vì sao biết được kinh Niết-bàn là nói cho người độn căn? Vì kinh này nói con có hai hạng: Một là con không mất bổn tâm, hai là con bị mất bổn tâm. Từ kinh Hoa Nghiêm đến kinh Pháp Hoa là những đứa con không mất bổn tâm nghe nói đều được ngộ, không cần nói kinh Niết-bàn. Những người con đã thất tâm vì hơi độc thấm sâu vào làm mất bổn tâm, cho nên nghe nói kinh Pháp Hoa không ngộ bèn tuyên bố diệt nói thường mới hiểu được. Hai hạng người này từ khi có nói kinh Pháp Hoa đã ngộ, nghe nói kinh Niết-bàn thì sự hiểu biết càng tăng thêm. Lại có chúng sinh không nghe kinh Pháp Hoa mà trực tiếp nghe kinh Niết-bàn thì được ngộ.

Tương truyền luận Bảo tánh nói kinh Đại Phẩm đều nói cho Bồ-tát lợi căn, kinh Pháp Hoa nói cho người trung căn, kinh Niết-bàn nói cho người hạ căn. Lại dù đồng là Bát-nhã mà Bát-nhã có vô lượng bộ, tuy đồng nói thường mà nói thường đâu có ảnh hưởng gì cũng có nhiều bộ. Như Kim Quang Minh loại bảy quyển kinh đã nói rõ về thường trụ, có thể không nói lại kinh Niết-bàn được chăng?

Kế đến phá ý thứ ba, kinh này đã nói về thường trụ, ngôn ngữ này lẽ ra không chọn. Song nay chỉ dùng chánh đạo so chiếu còn chưa rốt ráo, nếu chấp thường trụ thì chấp sinh tử đoạn diệt. Đây chính là hai

chấp đoạn thường trái tổn Trung đạo, cho nên Phẩm Thành Trung Luận hoại trong chép: Nếu có pháp sở thọ thì rơi vào đoạn thường, nên biết pháp sở thọ hoặc thường hoặc vô thường. Do đó biết có sở đắc chấp trước đều rơi vài hai chấp đoạn thường, đã rơi vài đoạn thường thì chẳng phải là Phật cũng không gọi là diệu.

Có người ngoài hỏi: Có pháp sở thọ không rơi vào đoạn thường, vì nhân quả nối tiếp nên không đoạn cũng không thường. Ngài Long thọ

Đáp: Niết-bàn diệt nối tiếp, thời là đoạn diệt. Đây là nói đắc Đại Niết-bàn diệt nối tiếp sinh tử vì vậy là đoạn diệt, đắc Đại Niết-bàn thường trụ thì là chấp thường trụ. Kinh cũng chép: Kiến sinh tử vô thường gọi là đoạn kiến, kiến Niết-bàn thường gọi là thường kiến. Nên biết chấp đoạn thường thì rơi vào hai kiến chẳng phải Phật chẳng phải diệu.

Hỏi: Nếu ba giải thích Phật đều không thành, nay vì sao nói Phật là Diệu?

Đáp: Theo Trung Luận của ngài Long Thọ thì phẩm Như lai nói nhiều về pháp thân phá mười hai thứ kiến chấp: Ban đầu có bốn câu nói về không và hữu chẳng phải Phật, hoặc nói Phật là thế đế hữu, hoặc nói Phật là chân đế không. Hoặc nói Phật thuộc đủ hai đế không-hữu , hoặc nói Phật phi không phi hữu ra ngoài hai đế. Bốn kiến chấp như thế đều chẳng phải pháp thân. Bốn câu Không hữu đã chẳng phải pháp thân, bốn câu thường vô thường , bốn câu biên vô biên nghĩa cũng như vậy.

Có người ngoại đạo hỏi: Nếu có mười hai chấp đều chẳng phải Phật, lẽ ra không có Phật sao? Luận Chủ đáp: Người tà kiến sâu dầy thì nói không có Như lai nên biết chẳng phải không có Phật. Lại hỏi: Phật nếu chẳng phải không có thì nên có? Luận chủ đáp Đức Như lai tướng vắng lặng, phân biệt có cũng chẳng phải Phật. Họ lại hỏi: Nếu Phật chẳng phải có chẳng phải không vì sao vận tâm quán thân Phật? Luận chủ đáp: Trong tánh không như vậy, suy nghĩ cũng không thể được, vì vậy biết có chút ít muốn dựa vào tâm thì trái tổn Phật. Nếu vậy thì đâu thể dùng cho kiến chấp thường trụ là Phật?

Hỏi: Do Trung Luận nói rộng ra để đối phó tà thuyết ngoại đạo mà thôi, chẳng hay kinh Pháp Hoa nói tướng Phật thế nào?

Đáp: Trung Luận chép: Tướng vắng lặng của Như lai nếu phân biệt là có cũng chẳng phải Phật. Kinh Pháp Hoa chép: Tướng các pháp vắng lặng không thể dùng ngôn thuyết, Luận Chủ còn dẫn tướng vắng lặng nói ở kinh Pháp Hoa để nói về pháp thân Luận đã nói Pháp thân nằm ngoài bốn câu, kinh này há không dứt trăm phi hay sao! Cho nên

phẩm Thọ Lượng nói lược pháp thân đầy đủ mười không, nghĩa là không như ba cõi mà thấy ba cõi, không có sinh tử hoặc thoái hoặc xuất, cũng không tại thế và diệt độ. Chẳng phải thật chẳng phải hư, chẳng phải như chẳng phải dị, nhưng Phật năng thừa đã chẳng phải thường chẳng phải vô thường thì pháp sở thừa cũng chẳng phải thường chẳng phải vô thường, pháp sở thừa cũng chẳng phải ba chẳng phải một. Chỉ vì đối xưa là ba nên gượng khen là một. Vì đối xưa nghĩa là Phật vô thường nên giả nói thường. Nói một nói là thường gọi là dụng diệu. Chẳng phải thường chẳng phải vô thường không ba không một tướng ngôn từ vắng lặng gọi là thể diệu.

Hỏi: Đã lấy Phật thừa làm diệu thì một sự giáo hóa từ đầu đến cuối đều nói về Phật cũng được là diệu chăng?

Đáp: Một đời giáo hóa của Đức Phật trước sau nói có năm thứ:

1. Cội gốc diệu nghĩa là gom Hoa Nghiêm nói nhân quả nhất thừa, pháp thân rốt ráo. Nên văn kia chép: Muốn cho chúng sinh sinh tâm vui mừng theo điều thiện, cho nên thị hiện sinh trong cung vua. Muốn cho chúng sinh sinh tâm luyến mến vì vậy thị hiện vắng lặng nơi Song thọ. Đức Như lai thật ra không ra đời cũng chẳng nhập Niết-bàn, vì sao? Vì pháp thân thường trụ đồng với pháp giới .

2. Cành nhánh diệu đối với nhất Phật thừa chia ra nói thành ba. Hai trong ba gọi là thô, Phật thừa là cao quý do đó gọi là Diệu.

Kinh này nói chỉ vì một sự thật ngoài ra có hai thời chẳng phải thật.

3. Đưa nhánh về gốc diệu tức là trong kinh này đã nói về Phật thừa rốt ráo viên mãn, vì vậy gọi là diệu.

4. Tuyệt đãi diệu ba thứ diệu trên đều là đối với thô mà nói diệu, chưa phải hảo diệu. Nhưng diệu thứ tư chẳng phải thô chẳng phải diệu, không biết lấy ngôn từ gì diễn đạt khen ngợi sự diệu, đó nên nói tuyệt đãi diệu.

Hỏi: Trong Kinh chỗ nào có văn nói về tuyệt đãi diệu này?

Đáp: Trong kinh Niết-bàn nói đối với khổ nói vui, vui lại thành khổ, chẳng phải khổ chẳng phải vui mới là vui lớn.

Lại nói rằng không do Tiểu thừa Niết-bàn gọi là Đại Niết-bàn. Nên trong Luận Trí Độ chép: Mười tám không là tướng đãi không, riêng Không chẳng phải tướng đãi không, đã có hai không đãi bất đãi, sao không có hai diệu đãi, bất đãi. Lại nói ngài Tuệ Quán ở đạo tràng học sĩ La-thập soạn lời tựa Pháp Hoa rằng: Gọi là diệu mà thể dứt tinh thô, nương Pháp Hoa giảng nói ít đạo nhiệm mầu giông như tiêu biểu.

Ngài làm tụng rằng:

"Pháp ấy không thể bày
Tướng ngôn từ vắng lặng
Nên Nhị thừa dứt lo
Bổ xứ bặt dứt mong".

Ngài soạn: Lời tựa xong đưa cho ngài La-thập xem, ngài La-thập khen rằng:

Này người "Thiện nam! Nếu tự không vào sâu kinh tạng, thì không thể nào nói được như thế?

Không thể làm thuyết như thế?

Lại chú giải kinh Pháp Hoa rằng:

Chẳng phải ba chẳng phải một tướng cùng tận là Diệu, chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ mà chung cho muôn vật là pháp. Nên biết tuyệt đãi giải thích Diệu cũng là tông chỉ cũ của Ngài Quan Hà .

5. Không có thô diệu: tức là pháp môn Tịnh Độ, cho nên Bồ-tát Hương Tích chép: Cõi ta không có danh từ Thanh văn, Bích-chi-Phật, tức không có thô, chỉ có đại Bồ-tát thanh tịnh, gọi là có Diệu.

Luận Trí Độ chép: Thế giơi bảy báu thuần là các đại Bồ-tát, cũng là việc ấy. Năm thứ diệu này, theo thứ lớp lại nhiếp hết tất cả giáo môn hai cõi tịnh về ba đời Chư Phật ở mười phương.

Hỏi: Đã biết kinh này chính là nói về quả diệu thì cũng được nói về nhân diệu chăng?

Đáp: Có người nói kinh này nói nhân nhưng chưa nói về Phật tánh, chỉ nói muôn điều thiện làm duyên nhân thành Phật, vì đối lại với nhân của ba thừa ở trước cho nên, gọi là diệu. Nếu hướng về Niết-bàn ở sau nói chánh nhân Phật tánh thì chưa phải là Diệu. Nay tìm thấy mười văn nghĩa, không đồng với giải thích này:

1. Đại thừa nếu có ba thì có ba tánh, đã là đạo lý chỉ có một Phật thừa, cho nên chỉ có một Phật tánh.

2. Nếu nói kinh này chỉ nói người thiện có Phật tánh người ác không có Phật tánh, khác với kinh Niết-bàn thì Bồ-tát Thường Bất Khinh thấy bốn chúng là người ác tăng thượng mạn chép: "Ta không khinh các ông, các ông hành đạo Bồ-tát chắc chắn sẽ thành Phật".

Luận Pháp Hoa: Giải thích: Chỉ bày tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên đều sẽ thành Phật, do đó xét biết chẳng phải chỉ người thiện mới có Phật tánh. Lại văn khuyên tin trong phẩm Thí Dụ chép: "Nếu các ông có thể tin nhận lời này thì tất cả sẽ được thành Phật đạo".

Phần này nói tất cả thành Phật đâu loại trừ người ác!

3. Nếu kinh này chỉ có tên nhất thừa cho nên không hiểu rõ Phật tánh, thì do chưa biết một pháp có nhiều tên, nên sinh ra hiểu lầm này.

Trong kinh Niết-bàn chép: Phật tánh có năm tên.

Nhất thừa là một trong năm thừa, lại nói Phật tánh vừa là một, vừa chẳng phải một. Thế nào là một? Vì tất cả chúng sinh đồng một thừa cho nên là một. Thế nào là chẳng phải một? Chẳng phải số pháp, thì biết Phật tánh vừa nhất thừa đều là tên khác.

4. Dẫn ví dụ giải thích: Nếu nói kinh này không nói về Phật tánh, tức là chưa nói Phật tánh thì trong kinh Niết-bàn, kinh Hoa Nghiêm không có tên gọi tám Thức, cũng không nói đến biến dịch sinh tử, tức kinh Niết-bàn, kinh Hoa Nghiêm chưa nói tám Thức và hai thứ sinh tử!

5. Luận Bảo Tánh chép: Kinh Rốt ráo nhất thừa nói có Như-lai-tạng và Tam Bảo không khác nhau, kinh này nói cứu cánh nhất thừa, thì biết cũng nói về Như-lai-tạng (thức thứ tám), nên trong phẩm Tín Giải chép: "Ông không bị ngã phân biệt thì các ông sẽ có phần bảo tàng tri kiến của Như lai," tức câu này làm chứng.

6. Phẩm Tứ Đế trong Trung Luận chép: Tuy siêng năng tin tấn tu hành đạo Bồ-đềmà nếu trước không có Phật tánh thì không bao giờ được thành Phật. Trong văn xuôi giải thích: Như sắt không có tánh vàng, tuy có rèn luyện cũng không bao giờ thành vàng. Như kinh này không nói Phật tánh, thì dù tu muôn điều thiện cũng không được thành Phật.

7. Ngài Thiên Thân nói Kim cương, Bát-nhã còn đã nói về Phật tánh, huống chi là Pháp Hoa?

8. Kinh Niết-bàn dẫn Ma-ha Bát-nhã rằng: Ngã vô ngã không có hai tướng. Đây là nói chúng sinh vô ngã và Phật tánh chân ngã không hề khác nhau, mà trong Đại phẩm đã nói Phật tánh, huống gì là Pháp Hoa.

9. Hễ thấy Phật tánh mới được thân thường. Trong phẩm Thọ Lượng còn nói về "Thường", đâu thể kinh này không nói về Phật tánh!

10. Lời nói của người khó nương theo, lời bậc Thánh nên tin.

Ngài Thiên Thân nói về Pháp Hoa có bảy chỗ nói Phật tánh:

1. Phẩm Phương Tiện chép: Chỉ có Phật và Phật mới có thể biết rốt ráo hết thật tướng các pháp.

Trung Luận chép: Thật tướng các pháp nghĩa là thể pháp thân Như-lai-tạng bất biến, và giải thích phẩm Pháp Sư: "Biết cách nước Phật tánh không xa," xét qua mười nghĩa trên, thì biết kinh này đã nói về Phật tánh, tức do pháp môn rốt ráo gọi là nhân diệu.

Kế là giải thích từ Liên Hoa, kinh chép: Pháp Không danh tướng

nhưng vì chúng sinh nên tạm nói danh tướng, muốn khiến chúng sinh nhân danh tướng đây, ngộ lý không danh tướng. Bởi đây là đại tông để thiết lập giáo là bổn ý của các bậc Thánh, nên đối với không danh tướng tạm nói danh tướng. Như kinh Đại phẩm chép: Tất cả chúng sinh đều là hành trong danh tướng, nay muốn dứt danh tướng kia, nên mượn danh tướng để ngộ không danh tướng. Nói chung: Pháp mầu cùng Liên Hoa đều là danh tướng. Kinh này chép: Nói kinh Đại thừa tên Diệu pháp Liên Hoa, đây là theo riêng nói. Diệu pháp này không danh mà là danh, Liên hoa vô tướng mà là tướng, cho nên tựa đề pháp đều nêu, danh tướng đều bày. Xưa chép: Ở nước ngoài gọi là Phân-đà-lợi, Hán dịch là Liên Hoa, nay nói Phân-đà-lợi chưa hẳn dịch là Liên Hoa (Hoa sen).

Kinh Niết-bàn chép: Liên Hoa trong cõi người, hoa Phân-đà-lợi trong cõi người", đã đưa ra hai thứ dường như có khác. Nay cho rằng Liên Hoa là tên chung Phân-đà-lợi là tên riêng. Vì sao biết như vậy? Nay dẫn năm điều chứng minh:

1. Trong kinh Niết-bàn ngài Ca-diếp hỏi: Làm sao ở đời vẩn đục mà không ô nhiệm như hoa sen? Đức Phật nêu đủ bốn loại hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi để trả lời tức biết hoa sen chỉ chung cả bốn loại hoa.

2. Kinh Đại phẩm có đoạn văn nói về bốn hoa ở nước ngoài. Đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi. Kinh này có văn nói cõi này có bốn loại hoa, đó là từ hoa sen xanh đến hoa sen trắng.

3. Trong kinh Địa Ngục chép: Địa ngục Ưu-bát-la hình giống như hoa sen xanh, địa ngục Ba-đầu-ma hình dạng giống như hoa sen đỏ, địa ngục Câu-vật-đầu hình dạng giống như hoa sen vàng, địa ngục Phân-đà-lợi hình dạng giống hoa sen trắng.

4. Kinh Bi Hoa có nói bốn loại hoa, hoa Phân-đà-lợi là hoa sen trắng.

5.Theo pháp Hiển Truyện và chư Tăng ở Thiên Trúc đều nói hoa Phân-đà-lợi là hoa sen trắng, nên biết hoa sen là chỉ chung, hoa sen trắng là chỉ riêng.

Lại hoa này gồm có ba thời:

1. Khi chưa nở tên là Quật-ma-la

2. Khi nở sắp rụng tên là Ca-ma-la.

3. Thời ở giữa phát triển đủ gọi là Phân-đà-lợi. Tức biết hoa Phân-đà-lợi là một màu trong bốn màu. Một thời trong ba thời. Dùng thời ở

giữa phát triển tươi tốt sáng rỡ đầy đủ trắng tươi rõ ràng, để ví dụ cho kinh này.

Hỏi: Ở trong kinh Pháp Hoa có văn này không?

Đáp: Bồ-tát Diệu Âm vì mở rộng kinh Pháp Hoa, nên đến cõi Ta-bà này hóa thành tám muôn bốn ngàn, các hoa sen báu, bạc trắng bằng vàng ở cõi Diêm-phù-đề , lá bằng bạc trắng tua bằng , Kim cương đài bằng báu Chân thúc Ca , tức biết hoa sen trắng này dùng tám muôn bốn ngàn pháp tạng đều nhiếp vào kinh Pháp Hoa, nay thị hiện muốn hoằng kinh Bạch Liên Hoa, nên trước thị hiện hình ảnh hoa sen trắng.

Hỏi: Trong Luận Trí Độ chép: Trong các thứ hoa trên đất liền , hoa Tu-mạn-na là bậc nhất. Trong các thứ hoa mọc dưới nước, hoa sen xanh là tối thượng. Nay vì sao nêu hoa sen trắng làm dụ?

Đáp: Hình tướng của hoa sen xanh thì tươi đẹp nên thí dụ như mắt của Đức Như lai, hoa sen trắng sánh với nghĩa cao quý, nên dụ cho kinh này. Vì sao? Vì muốn nói kinh này nghĩa rất rõ ràng, thích hợp dùng hoa sen trắng làm dụ. Vả lại, kinh này có hai chương hiện điềm lành đều nói về màu trắng.

Chương đầu phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, mở cửa Phương tiện nhất thừa làm rõ nghĩa chân thật nhất thừa. Kế đến là phẩm Hiện Bảo Tháp. Đầu tiên là phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chặn mày, muốn tiểu biểu khai thân phương tiện làm rõ nghĩa thân chân thật. Do kinh này này mở ra hai cửa phương tiện chỉ bày hai nghĩa chân thật rất rõ ràng nên nêu hoa trắng làm dụ.

Màu trắng là màu chính trong các màu, nói nhất thừa là gốc của ba thừa, nên đối với một này nói thành ba, nói ba mà thành một, khiến trở về nhất thừa. Pháp thân đối với ứng tích nói là ứng dụng vì giúp cho ngộ được pháp thân, nên chương đầu dùng nhất thừa làm gốc, đoạn kế dùng pháp thân làm gốc. Vì để hiển rõ hai nghĩa cội gốc, nên lấy màu sắc cội gốc đặt tên.

3. Cưỡi xe lớn, xe lớn tức là trâu trắng, trâu trắng dụ cho đại tuệ bình đẳng, không có cấu uế hữu lậu nên so sánh với màu trắng. Văn kinh này tuy có bảy tông cội gốc về đại tuệ, nên nêu trâu trắng làm dụ.

Hỏi: Vô lậu xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Trong phẩm Phương tiện chép: Đức Phật bảo ngài Xá lợi phất pháp vô lậu sâu xa mầu nhiệm không thể nghĩ bàn chỉ có ta mới biết tướng đây, mười phương Phật cũng như vậy.

4. Cho đến Bồ-tát Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà che chở người

lưu thông pháp, cũng hiển bày rõ đức của pháp mà Bồ tát nương vào chẳng đức nào không viên mãn, phiền não đều dứt hết nên cỡi voi đầu đàn trắng sáu ngà đến vậy.

Hỏi: Trong bốn thời vì sao không mượn hai thời khác làm dụ?

Đáp: Thời Quật-ma-la hoa cũng chưa nở hình tướng chưa nhiệm mầu là dụ xưa nay các giáo pháp chưa mở cửa phương tiện nên chưa hiển nghĩa chân thật, nên không được dụ với kinh này. Thời Ca-ma-la hoa đã sắp tàn hình tướng đẹp hủy hoại là dụ sau Pháp Hoa giáo pháp đã mở cửa phương tiện, đã làm rõ nghĩa chân thật, cũng không được dụ với kinh này. Chỉ có Phân-đà-lợi ở trong thời hưng thạnh hình tướng khả ái dụ cho kinh này, là chánh mở cửa phương tiện, chánh hiển nghĩa chân thật mầu nhiệm bậc nhất. Hoa có ba thời, dụ giáo pháp cũng có ba thứ, nên phẩm Pháp sư chép: Đã nói nay nói sẽ nói trong đó kinh Pháp Hoa này rất là bậc nhất.

Hỏi: Vì sao nêu hoa sen làm dụ?

Đáp: Lược có ba nghĩa: Lìa, hợp và biến.

Nói lìa lại có ba nghĩa:

1. Hoa này không có thì thôi, hễ có thì hoa hạt đồng thời có. Kinh này không nói thì thôi, nói thì nhân quả đều nói , nên dùng hoa sen để dụ cho nhân quả.

2. Do hoa nở nên hạt hiện, do ngôn giáo nên lý hiển, nên dùng hoa sen làm dụ về lý giáo. Do đó kinh chép: Nghĩa ấy thâm sâu lời kia hay khéo.

3. Hoa chưa nở thì hạt chưa hiện, hoa nở thì hạt mới hiện, chưa mở cửa Phương tiện thì tướng chân thật chưa hiển, mở cửa Phương tiện thì tướng chân thật mới hiển, nên dùng hoa nở để dụ mở cửa Phương tiện, hạt hiện thì dụ cho tướng chân thật hiển.

Về hợp thí dụ, nói tóm lược thì có mười nghĩa:

1. Hoa này từ hạt giống mà sinh, dụ cho nhất thừa chắc chắn có chủng tánh ấy. Bài tụng chép:

"Đấng Lưỡng túc trời người ,
Biết pháp thường vô tánh
Giống Phật từ duyên khởi
Thế nên nói nhất thừa".

2. Hoa này từ tế đến thô, dụ cho Phật thừa lần lần tăng trưởng. Tụng rằng:

"Chứa nhóm dần công đức
Đầy đủ tâm đại bi

Với các người như thế
Đều đã thành Phật đạo”.

3. Hoa này tăng trưởng đầy đủ thì lên khỏi mặt nước bùn dơ. Dụ cho đức của Phật đều viên mãn, sự trói buộc đều dứt hết ra khỏi nước bùn dơ sinh tử. Tụng rằng:

“Như lai đã xa lìa
Nhà lửa cháy ba cõi
Ở chỗ yên vắng lặng
Chốn rừng sâu hoang dã”.

4. Hoa này tuy ra khỏi nước bùn dơ mà không bỏ nước bùn dơ, là dụ cho Phật tuy ra khỏi ngoài bốn dòng mà không bỏ ba cõi. Tụng rằng:

“Lúc ấy ở ngoài cửa
Trưởng giả đứng sợ trông
Kinh hãi vào nhà lửa
Mới cứu giúp được con”.

5. Hoa này mầu nhiệm tinh khiết bậc nhất, như Đức Phật ở trong năm thừa là bậc nhất. Tụng rằng:

“Thừa đây rất mầu nhiệm
Là thanh tịnh bậc nhất
Đối các pháp thế gian
Không pháp nào hơn được”.

6. Hoa này được phàm Thánh khen ngợi yêu thích, Phật thừa cũng vậy, được thế gian xuất thế gian, phàm Thánh khen ngợi yêu kính. Tụng rằng:

“Pháp do Phật nói ra
Thích hợp nói chúng sinh
Ai cũng đều khen ngợi
Cúng dường và lễ bái.

7. Đài và lá của hoa này đầy đủ, dụ Phật thừa muôn đức đều viên mãn. Tụng rằng:

“Vô lượng muôn ngàn số
Các lực và giải thoát
Thiền định và trí tuệ
Các pháp khác của Phật”.

8. Hoa này Chư Phật Bồ-tát ngồi trên ấy, Đại thừa cũng vậy, vì Chư Phật Bồ-tát trụ trong đó. Tụng rằng:

“Phật tự trụ Đại thừa

Như pháp Ngài sở đắc
Sức Định tuệ trang nghiêm
Dùng đó độ chúng sinh".

9. Hoa này nở đúng thời, là dụ cho pháp nhất thừa ẩn hiển có thời, ngày xưa thì ẩn, ngày nay thì hiển, tụng rằng:

"Sở dĩ không hề nói
Vì giờ nói chưa đến
Nay chính là đúng giờ
Quyết định nói Đại thừa".

10. Lúc kiếp mới thành, đại Phạm Thiên Vương ngồi tòa hoa sen, làm cha của tất cả chúng sinh. Diệu pháp Liên Hoa cũng là cội gốc của Chư Phật ba đời . Phẩm Dược Sư chép: "Như Đại Phạm Thiên Vương là cha của tất cả thế gian". Kinh này cũng vậy. là cha của cả Hiền Thánh bậc Học, Vô học và người phát tâm Bồ-tát.

Kinh Phổ Hiền Quán chép: "Kinh Phương Đẳng là mắt của Chư Phật, Chư Phật nhờ đó đắc đủ năm thứ mắt, ba thứ thân của Phật từ kinh Phương Đẳng phát sinh, là đại pháp ấn, ấn xuất biểu Niết-bàn hải, cho nên kinh Phương Đẳng sinh ba thân. Do Phương Đẳng nên tỏ ngộ thật tướng, dứt các phiền não, vì dứt các phiền não nên pháp thân hiện, pháp thân hiện nên có ứng thân, có ứng thân nên có hóa thân, có hóa thân nói mười hai bộ kinh, nói mười hai bộ kinh nên có Pháp Bảo, có Pháp Bảo nên có Tăng Bảo, nên có Tam Bảo, nên có ba thiện đạo ở thế gian. Thế nên biết Pháp Hoa là gốc của thế gian và xuất thế gian.

Hỏi: Luận Pháp Hoa giải thích thế nào?

Đáp: Luận chép: Do Phật thừa ra khỏi nước, nhơ đục của Nhị thừa, dụ như hoa sen. Lại nói hoa này Chư Phật Bồ-tát ngồi trên ấy, thì kinh này cũng vì họ mà dạy bảo người Nhị thừa thô thiển cùng đắc nhất thừa, cùng với Chư Phật Bồ-tát ngồi tòa Diệu pháp Liên Hoa, nên mượn hoa sen làm dụ, cũng là hai nghĩa trong mười nghĩa.

Nói về dụ khắp: Kinh Đại Tập chép: "cọng là Từ bi, lá là trí tuệ, Tam-muội làm tua, nở là giải thoát ".

Bồ-tát Phong Vương hái vị cam lồ, thế nên ta lễ Diệu pháp Liên Hoa.

IV. Môn nói về ý giáo: Năm thời giáo ở phương Nam, bốn tông luận ở đất Bắc không có văn làm tổn nghĩa. Xưa đã nói rõ, nay lược qua không nói lại. Kinh Niết bàn chép: Bốn sanh nhiễu loạn, bởi ôm lỗi luống dối, lăng xăng trong sáu đường thật vì cố chấp vũng nhơ, nên biết ngược dòng sanh tử lấy nguồn làm nơi bám víu, vượt hẳn đến bờ kia,

dùng vô đắc làm cội gốc, nhưng lụy căn chẳng phải một, nên pháp môn dứt điên đảo thành nhiều môn. Hoặc trước sau dùng pháp Đại, trước sau dùng pháp Tiểu, hoặc trước Tiểu sau Đại, trước Đại sau Tiểu, hoặc bên trong Đại Tiểu đều bày đồng loạt, hoặc vô lượng thời chỉ nói một pháp, hoặc nói pháp khác mà trước sau đều khác, hoặc nói pháp đồng mà trước sau là khác, bởi căn cơ ngộ chẳng phải một nên giáo hóa thích hợp vô phương không thể hạn cuộc dùng năm thời giới hạn bốn giáo.

Nói đầu cuối đều là pháp Đại thừa: Như kinh Niết-bàn chép: Khi ta mới thành Phật đạo đã có Bồ-tát đến hỏi nghĩa này không khác nhau với lời hỏi của ông , nên biết sau nói kinh Niết-bàn ban đầu cũng nói giáo này.

Trước sau đều Tiểu. Như Luận Trí Độ chép: Từ lúc mới chuyển nhất thừa đến đại Niết-bàn kết tập làm bốn thời A-hàm, tức từ việc ấy.

Ban đầu Tiểu sau Đại. Ban đầu ở vườn Nai nói pháp Tiểu Thừa, ở núi Linh-thứu trở đi nói rõ về đại pháp.

Ban đầu Đại sau Tiểu. Là ngồi dưới cội Bồ đề ban đầu nói kinh Hoa Nghiêm, sau đến vườn Nai mới nói tiểu giáo. Nói một thời đều nói Đại Tiểu. Như trong Luận Trí Độ chép: Làm rõ giáo môn tức ở vườn Ba-la-nại nói pháp Đại Tiểu, pháp bí mật thì ở Song lâm nói rõ Đại Tiểu. Nói vô lượng thời nói rõ một pháp. Như Luận Trí Độ chép: Bát-nhã chẳng phải một tòa một thời mà nói. Nói pháp khác mà trước sau không đồng. Như Luận Trí Độ chép: “Ngài Tu Bồ Đề nghe kinh Pháp Hoa nói tất cả thành Phật, lại nghe Bát-nhã nói Bồ-tát có lui sụt, nên nay hỏi Bồ-tát này là nhất định hay không tất định, Pháp Hoa Bát-nhã là pháp khác, mà Bát-nhã hoặc có trước Pháp Hoa, hoặc có sau Pháp Hoa, nên trước sau không đồng.

Hỏi: Làm sao biết được Pháp Hoa nói trước?

Đáp: Trong Luận Trí Độ giải thích: Có ba trăm Ty-kheo cởi y dâng lên Phật : Có người chép: Trong mười hai năm chưa chế giới, tức biết Bát-nhã đã nói vào mười hai năm trước, kinh Pháp Hoa sau khi thành đạo hơn bốn mươi năm mới nói.

Hơn nữa trong phẩm Tín Giải chép: Nói giao phó của cải rồi sau cha con mới đoàn tụ, cũng là Bát-nhã có trước Pháp Hoa có sau, mà trước lại dẫn chứng văn của phẩm Tất Định thì Pháp Hoa có trước Bát-nhã có sau. Nói pháp đồng mà trước sau khác.

Như năm thời đồng là pháp Bát-nhã, nhưng trong kinh Nhân Vương chép: Hai mươi chín năm nói bốn thứ Bát-nhã, năm thứ ba mươi

nói Nhân Vương, Bát-nhã.

Như vậy các việc không thể trình bày đủ, nêu lược tám điều để chỉ cho biết Thánh giáo là Vô phương, không nên hạn cuộc vào nghĩa năm thời và bốn tông.

Hỏi: Như ông thì Đại Tiểu không có chia cạn sâu lẫn lộn, vì sao được luận nói hai tạng kinh Thanh văn Bồ-tát chia ra Đại Tiểu hai thứ thừa?

Đáp: Giáo pháp của Phật tuy giống như cát bụi nên nay dùng hai nghĩa xét qua tức bao gồm hết các việc.

1. Đến hàng tiểu cơ nói giáo gọi là Tiểu Thừa, đến hàng Đại cơ nói giáo là Đại thừa, mà sau khi Đức Phật diệt độ, người kết tập pháp tạng, xếp tất cả thời Đức Phật nói Tiểu giáo vào Thanh văn Tạng, tất cả thời nói Đại thừa gọi là Tạng Bồ-tát , thì nghĩa Đại Tiểu phân ra giáo pháp có cạn sâu khác nhau.

Hỏi: Vì sao biết được chỉ có hai tạng?

Đáp: Trung Luận chép: Trước ở trong pháp của Thanh văn nói mười hai nhân duyên về sau vì đã tu tập hạnh có thể kham nhận pháp sâu nên, dùng pháp Đại thừa nói tướng nhân duyên.

Luận Trí Độ chép: Ngài A-nan, ngài Ca-diếp kết tập ba tạng. Ngài Di-lặc, A-nan, Văn-thù kết tập tạng Đại thừa.

Luận Địa Trì chép: Mười hai bộ kinh gọi là Thanh văn Tạng, kinh Phương Đẳng gọi là Bồ-tát Tạng. Mà Đại phẩm, Tư ích, Pháp Hoa, Niết-bàn, bốn bộ kinh này đều đối với tiểu xưa mà so sánh khen ngợi đại ngày nay, thì biết một đời giáo hóa trước sau đều nói hai giáo Đại Tiểu .

Hỏi: Kinh này nói chỉ có một Phật thừa, vì sao nói lặp hai bộ Đại Tiểu?

Đáp: Đức Như lai vì hai duyên Đại Tiểu mà nói hai giáo Đại Tiểu, tuy nói hai giáo mà cuối cùng để hiển bày nhất thừa.

Phẩm Dược Thảo Dụ chép: “Đối với tất cả pháp dùng trí phương tiện mà giảng nói, trí phương tiện đã nói pháp đều đến địa nhất thiết trí.” Nên biết giáo không khác tiêu biểu duyên không ngộ khác, nhưng đối với khác nên nói rõkhông khác, với khác đã không có thì không khác cũng dứt, nên chép: Pháp này không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng. Nếu chấp chặt Đại Tiểu hai tạng và cố chấp chỉ nhất thừa, thì đây đều thành hai chấp một và khác, chưa ngộ xưa nay vắng lặng, là chẳng phải người học Phật pháp.

Hỏi: Trong kinh Pháp Hoa trước sau có bao nhiêu loại giáo?

Đáp: Hoặc một giáo, hai giáo, ba giáo, bốn giáo cho đến mười giáo.

Nói một giáo: Tất cả đều là giáo nhất thừa. Như phẩm Dược Thảo Dụ chép: Đối với tất cả pháp dùng trí phương tiện mà giảng nói, pháp đã nói đều đến nhất thiết trí địa, vì lý sở biểu đã không hai, nêngiáo năng biểu cùng đồng.

Nói hai giáo: Là hai thừa Đại Tiểu như trước đã nói.

Nói ba giáo: là pháp luân căn bản, giáo cành nhánh và đưa nhánh về gốc, như trước đã nói.

Nói bốn giáo: Văn kệ trong phẩm Phương Tiện nói về bốn giáo, đó là bốn điều nhu:

1. Dùng thừa trời, người điều nhu khiến lìa ba đường.

2. Dùng Nhị thừa điều nhu khiến lìa ba cõi, hai điều nhu này khiến lìa hoặc nội giới.

3. Dùng tự giáo điều nhu khiến người Nhị thừa được từ miệng nói đại pháp để tự biết giáo điều phục tâm.

4. Dùng tha giáo điều nhu, nghĩa là Chư Phật Bồ-tát vì họ nói đại pháp khiến đổi tiểu vào đại, hai giáo này khiến họ lìa hoặc Tiểu Thừa vượt ra ba cõi.

Bốn thứ này điều nhu người Nhị thừa được vào nhất thừa, là phương tiện của nhất thừa. Nên trong phẩm Tín Giải chép: Như Trưởng giả giàu có dùng sức phương tiện điều phục tâm nó rồi mới cho trí lớn.

Nói mười giáo:

1. Đốn giáo: Nghĩa là khi mới thành đạo liền dùng Đốn Giáo Giáo Đại thừa hóa cùng tử, nhưng căn tánh chưa nhận nổi, thế nên ngừng giáo hóa.

2. Tiệm Giáo: Nghĩa là từ khi nói thừa trời, người cho đến Pháp Hoa đều là tiệm nói Đại thừa. Song Đốn giáo chính là hóa độ Bồ-tát thẳng đến, tu Tiệm giáo thì hóa độ bỏ Tiểu về Đại.

Y theo Tiệm giáo lại chia ra hai thứ:

1. Giáo Thế gian : Tức thừa trời, người , ví như rưới nước lạnh vào mặt.

2. Giáo Xuất thế gian : Đến vườn Nai nói giáo Nhị thừa, cuối cùng là Pháp Hoa.

Giáo xuất thế gian lại có hai thứ:

1. Tiểu Thừa giáo.

2. Giáo Đại thừa.

Ban đầu đến vườn Lộc uyển thuyết giáo Tiểu thừa, từ Bát-nhã trở

đi gọi là Giáo Đại thừa. Trong Giáo Đại thừa lại có hai thứ:

1. Tự nói Đại thừa, tức Đại phẩm giao phó tài vật nên nói việc này.

2. Vì căn cơ khác mà giáo: các Phương Đẳng giáo Từ Đại phẩm về sau , Chư Phật và Bồ-tát vì người Tiểu thừa mà nói Đại thừa. Hai thứ giáo này gọi là Thầm nói Đại thừa, đến Pháp Hoa gọi là hiển giáo đại pháp cho người tu Tiểu thừa.

Năm cặp mười giáo này đều hiện có trong văn phẩm Tín Giải.

Hỏi: Đại phẩm... chỉ là Tiệm nói Đại thừa cũng là Đốn giáo hay sao?

Đáp: Gồm có bốn câu:

1. Đốn mà chẳng phải Tiệm, lúc mới thành đạo vì các Bồ-tát nói giáo Hoa Nghiêm.

2. Tiệm mà chẳng phải Đốn, nghĩa là trời, người và người của giáo Nhị thừa .

3. Cũng Tiệm cũng Đốn, tức là giáo của Đại Phẩm. Vì Bồ-tát nói Đại Phẩm, Đại Phẩm đối với Bồ-tát là Đốn, vì trong Đại Phẩm nói đủ tất cả pháp Đại thừa.

Phẩm Tín Giải chép: Đức Phật dạy chúng ta nói Đạo Tối Thượng Thừa, người nào tu tập pháp này sẽ được thành Phật, nên gọi là Đốn, mà sai người Tiểu thừa nói về pháp Đại thừa, là vì phương tiện nhập nhất thừa, đối với người Tiểu thừa gọi là Tiệm.

4. Chẳng phải Tiệm chẳng phải Đốn: Ba câu trên đều là giáo môn. Nhờ giáo môn này mà hiển bày đạo vô ngôn, không thể bàn luận về Tiệm Đốn ấy.

V. Nói môn hiển Mật lại chia ra bốn pháp:

1. Căn cứ chung các kinh luận nói hiển mật.

2. Nêu riêng Đại phẩm đối với Pháp Hoa nói về hiển mật.

3. Căn cứ Pháp Hoa bên trong tự luận hiển mật.

4. Phân biệt. Nói chung kinh luận hiển mật, là nói sự giáo hóa một đời gồm có bốn môn:

1. Bồ-tát Hiển giáo không thầm giáo hóa Thanh văn, tức giáo Hoa Nghiêm. Người đại cơ đã thuần thục cho nên hiển giáo đó. Ít khả năng chưa thể kham nhận không nên giáo hóa mật, nên bày ra đồ quý báu chính là tông thân. Cùng Tử ngã lăn ra đất nên chưa thể trao châu báu.

2. Thanh văn Hiển giáo không thầm giáo hóa Bồ-tát, tức là ba Tạng giáo. Dẫn dụ dắt về chính là vì người Nhị thừa, lại sai người khác tức không mật hóa Bồ-tát.

3. Bồ-tát Hiển giáo , mật hóa Thanh văn tức giáo Bát-nhã. Cõi nghiêm tịnh hóa người chánh là giáo đại sĩ, giao phó tài mạng nói mật hóa tiểu tâm.

4. Bồ-tát Hiển giáo hiển hóa Thanh văn tức giáo Pháp Hoa.

Đại sĩ trừ nghi nên là Bồ-tát hiển giáo, La-hán thành Phật tức hiển hóa Thanh văn, bốn môn này tức là thứ lớp. Ba câu thuộc về Bồ-tát tạng, hiển giáo Thanh văn không mật hóa Bồ-tát thuộc về ba tạng giáo. Nhưng Đại phẩm Hoa Nghiêm và dùng ba tạng đương giáo nói về nghĩa chỉ có một lối. Pháp Hoa kết gom trước sau này cho nên đầy đủ bốn môn.

Hỏi: Nếu Hoa Nghiêm chỉ hiển giáo Bồ-tát không mật hóa Thanh văn, thì chỉ nên nói về Đại pháp, vì sao cũng nói Tiểu thừa? Như phẩm Hiền Thủ chép: hoặc nói Tiểu thừa của Thanh văn, hoặc nói môn Trung Thừa của Duyên giác, hoặc nói Đại thừa môn Vô Thượng, cho đến phẩm Tánh Khởi trong đó nói đủ giáo của năm thừa. Vì sao ?

Đáp: Vì bàn về giáo hóa một lại có bốn môn chánh phụ:

1. Chánh hiển bày chân thật phụ mở ra phương tiện là giáo Hoa Nghiêm. Vì các Bồ-tát nói nhân quả rốt ráo nên chánh là hiển bày chân thật. Phàm làm Bồ-tát ắt phải giáo hóa chúng sinh, cũng khiến đại sĩ biết ba thừa là quyền, nên phụ mở ra phương tiện.

2. Chánh đóng phương tiện chánh ẩn chân thật, tức ba Tạng giáo vậy. Không nói ba thừa là quyền nên chánh là đóng cửa phương tiện, không làm rõ chỉ có một thừa cho nên chánh ẩn chân thật.

3. Chánh là hiển bày chân thật, phụ đóng phương tiện thì các giáo Bát-nhã nói rõ rốt ráo Đại thừa nên chánh hiển bày chân thật, chưa khai ba thừa là quyền nên phụ đóng phương tiện.

4. Chánh khai phương tiện, chánh hiển bày chân thật, tức là giáo của Pháp Hoa, để hiển rõ ba thừa là quyền nên chánh là mở phương tiện, nói rõ chỉ có nhất thừa nên chánh hiển bày là chân thật.

Hỏi: Pháp Hoa nói ba thừa là quyền, có thể hiển bày nhất thừa là chân thật. Trong Đại phẩm chưa hiển bày ba thừa là quyền, làm sao hiển được nhất thừa là chân thật?

Đáp: Pháp Hoa đối với quyền hiển thật, Đại Phẩm nói rõ Nhị thừa là kém Đại thừa là hơn, nên cho rằng Đại thừa làm chân thật.

Hỏi: Văn nào nói về được Pháp Hoa và Đại phẩm đã nói là chân thật?

Đáp: Phẩm Tín Giải chép: Tất cả Tất cả tạng bí mật của Chư Phật kia chỉ vì Bồ-tát nói sự thật kia mà không vì ta nói chân thật đây, cho

nên biết Đại phẩm đã hiển bày chân thật. Lại Đại phẩm tự vì Bồ-tát mà nói, hiển Phật thừa là chân thật, chưa vì Thanh văn nói Phật thừa, không nói rõ ba thừa là phương tiện, Pháp Hoa chánh là vì người Thanh văn nói Phật thừa là chân thật nên mở ra ba thừa là phương tiện.

Hỏi: Nếu Đại phẩm nói Tiểu thừa là kém Đại thừa là hơn tên đã hiển bày chân thật, giáo của ba tạng cũng nói rõ Nhị thừa là kém Đại thừa là hơn, lẽ ra cũng đã hiển Phật thừa là chân thật?

Đáp: Đại phẩm... giáo chánh nói rõ Đại thừa, phụ nói đến Tiểu thừa, cho nên chánh hiển bày chân thật. Giáo của ba tạng chánh nói Tiểu thừa phụ nói đến Phật thừa, nên không chánh hiển bày chân thật. Lại giáo trong Đại phẩm nói rõ đầy đủ Phật thừa nên chánh hiển bày chân thật.

Giáo của ba tạng tuy nói rõ Phật thừa còn là lời nó ẩn ý, cho nên không chánh hiển bày chân thật. Vì sao biết như vậy? Như ba tạng giáo nói Vương cung thật sinh ở Song lâm thật diệt trừ phàm đắc Thánh thành đạo ở Thọ Vương.

Cho nên trong Pháp Hoa chép: Trưởng giả bỏ y phục châu báu mặc áo thô xấu, dùng phương tiện này được gần người con. Đây là trong ba tạng giáo Phật nói rõ phương tiện, nên biết rõ Tiểu giáo tuy hiển bày Phật thừa là cao quý nhưng vẫn hiển bày chân thật. Đây là bốn môn có chánh và phụ, ba câu thuộc về tạng Bồ-tát . Chánh đóng phương tiện chánh ẩn chân thật thuộc tạng Thanh văn . Các Kinh đương giáo nói rõ nghĩa chỉ có một môn, Pháp Hoa kết gom trước sau đầy đủ bốn câu, đây đều là một đường, dựa theo y phẩm Tín Giải mà phân xét, các kinh có văn khác cũng có nghĩa riêng .

Hai là: Đại phẩm đối với Pháp Hoa nói về hiển mật.

Hỏi: Luận Trí Độ quyển thứ một trăm nói “Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật nên phó chúc cho Thanh văn. Pháp Hoa là pháp bí mật nên phó chúc cho Bồ-tát. Vì sao gọi là bí mật?

Đáp: Bí mật không bí mật có hai môn:

1. Dùng Đại thừa làm bí mật, Tiểu thừa chẳng phải bí mật, Đại thừa rất sâu xa không vọng truyền trao nên gọi là bí mật, Tiểu thừa thiển cận có thể tùy nghi mà nói nên không phải bí mật.

Như Luận Trí Độ chép: Làm rõ giáo trong đó nói La-hán dứt phiền não được thanh tịnh, Bồ-tát chưa dứt phiền não nên không thanh tịnh, trong pháp bí mật nói các Bồ-tát đắc Vô Sinh nhẫn đủ sáu món thần thông vượt trên người Nhị thừa nên Bồ-tát thanh tịnh. Đây tức Tiểu thừa thiển cận nên không phải bí mật, Đại thừa rất sâu xa nên gọi là bí

mật.

2. Y theo Đại thừa lại có bí mật, không bí mật. Như trong Đại Luận quyển thứ một trăm chép: Bát-nhã không nói La-hán thành Phật nên không phải bí mật, trong Pháp Hoa nói La-hán thành Phật cho nên là bí mật.

Hỏi: Trong Pháp Hoa nói La-hán thành Phật, vì sao là bí mật? Trong Bát-nhã không nói La-hán thành Phật, vì sao không phải bí mật?

Đáp: Pháp Hoa nói La-hán thành Phật nghĩa rất sâu khó hiểu cho nên là bí mật, Bát-nhã nói Bồ-tát thành Phật nghĩa ấy dễ hiểu nên không phải mật. Nên trong Luận Trí Độ chép: La-hán thành Phật đến thời Phật mới hiểu. Luận nghĩa rất sâu tức chánh có thể luận về việc khác. Ngài Long Thọ đã chép: Chưa hiểu đến thời Phật mới hiểu, nên biết La-hán thành Phật, nghĩa ấy rất sâu khó hiểu. Phẩm hiện bịnh trong kinh Niết-bàn có kệ rằng:

"Như Phật đã nói A-la-hán
Tất cả đều sẽ đến Niết-bàn.
Hành xứ của Phật sâu như thế
Phàm phu thấp kém không thể biết".

Cho nên biết La-hán thành Phật là khó hiểu.

Hỏi: La-hán thành Phật vì sao khó hiểu?

Đáp: So với giáo xưa mà nói thì gọi là khó hiểu, do giáo xưa nói La-hán phiền não đã hết không sinh trở lại, như bỏ võ trấu vô minh cho nên trong nhân đời sau không sinh trở lại. Nay giáo hiểu rõ La-hán thành Phật, nên đối với giáo xưa gọi là khó hiểu.

Hỏi: Giáo xưa đối với ai là khó hiểu?

Đáp: Chánh đối với người Thanh văn là khó hiểu.

Cho nên Luận chép: Thầy thuốc giỏi (Đại thừa) có thể dùng chất độc làm thuốc. Thầy thuốc dở (Tiểu thừa) không thể dùng chất độc để làm thuốc, Bồ-tát có thể hiểu người Nhị thừa thành Phật, như dụng độc làm thuốc. Cho nên trong kinh Pháp Hoa phó chúc cho Bồ-tát. Thanh văn chỉ hiểu được Bồ-tát thành Phật, như hiểu dụng thuốc làm thuốc. Kinh Bát-nhã phó chúc người Thanh văn mà không giải rõ người Nhị thừa thành Phật, như không hiểu dụng độc làm thuốc. Trong kinh Pháp Hoa không phó chúc cho người Thanh văn, nên Pháp Hoa đối với người Thanh văn là khó hiểu.

Hỏi: Kinh Bát-nhã chỉ nói Bồ-tát thành Phật, chưa nói người Nhị thừa thành Phật, tức giáo Bát-nhã kém, kinh Pháp Hoa nói rõ Bồ-tát

thành Phật lại người Nhị thừa cũng thành Phật, tức kinh Pháp Hoa hơn, sao biết được như vậy? Vì Luận Trí Độ phẩm Thích Vấn Thừa nêu mười đại kinh. Kinh Pháp Vân, kinh Đại Vân, kinh Pháp Hoa, trong các kinh như vậy thì Bát-nhã là nhất, đã khen ngợi là nhất, thì Pháp Hoa là kém, tức thứ lớp trái nhau, làm sao hiểu được?

Đáp: Pháp Hoa, Bát-nhã đều có hơn kém lẫn nhau . Nếu vì người Thanh văn nói Nhị thừa thành Phật, thì Pháp Hoa hơn Bát-nhã kém. Nếu vì hàng Bồ-tát nói thật tuệ, phương tiện thì Bát-nhã hơn Pháp Hoa kém. Vì sao? Vì Kinh Bát-nhã sáu mươi sáu phẩm nói về thật tuệ, từ phẩm Vô Tận trở đi hai mươi bốn phẩm nói Phương tiện tuệ. Hai tuệ đây là cha mẹ pháp thân của Chư Phật mười phương ba đời. Nên trong kinh Tịnh Danh chép: Trí độ Bồ-tát là mẹ, phương tiện là cha, tất cả các đạo sư đều từ đây sinh. Đã nói rộng cha mẹ pháp thân, nên ở trong tất cả kinh Phương Đẳng rất là sâu lớn, kinh khác không chính nói nghĩa này, nên không bì kịp Bát-nhã. Lại Bát-nhã nói rộng rõ thật tướng, nên ở trong các kinh là sâu lớn lớn, sở dĩ như vậy là vì người ba thừa đắc đạo cho đến dứt hoặc, sám hối tội nặng, ba nghĩa này đều nương thật tướng, mà Bát-nhã chính nói rộng thật tướng, nên ba nghĩa được thành, kinh khác không chính nói rõ thật, tướng nên thua kém Bát-nhã. Vì thế hai kinh đều có hơn kém lẫn nhau . Cho nên Ngài Long Thọ trước sau chỉ có hai văn hai giải thích ý này.

Hỏi: Giải thích ý này xuất xứ từ đâu?

Đáp: Từ bài tựa Tiểu Phẩm của Pháp sư Tăng Duệ chép: hai kinh Bát-nhã, Pháp hoa đều có nghĩa hơn kém. Lẫn nhau Pháp Hoa là gương vốn dùng để ngưng chiếu, Bát-nhã thấu ngọn để hiểu lý xa; hiểu lý xa là hướng đến đạo Bồ-tát, gương ngưng chiếu vốn kết thúc cuối cùng, tuy cuối cùng mà không dứt, nên trở về đường hẹp hoang vắng có dấu vết ngôi Tam Bảo. Tuệ quyền không khéo thì rối loạn lăng xăng, mê hoặc rẽ theo lối khác. Bởi thế. Pháp Hoa, Bát-nhã đối đãi nhau để hẹn phần kết thúc. Phương tiện, thật tuệ thông suốt thành một để luận về chỗ tận cùng, lý cùng tánh tận để khéo nói muôn hạnh cho nên thật tuệ chẳng bằng chiếu, lấy Đại thừa nói về chân, hóa giải vốn không có ba thừa, cho nên chiếu không bằng thật. Chiếu là Bát-nhã, thật thì ở Pháp Hoa, nên đều có hơn kém nhau .

Hỏi: Nếu hai kinh có hơn kém nhau, vì sao Luận Trí Độ nói Pháp hoa là tên gọi khác của Bát-nhã?

Đáp: Bát-nhã, Pháp Hoa đồng là đại tuệ bình đẳng chánh quán, hiển đạo không khác nên nói Pháp Hoa là tên gọi khác của Bát-nhã. Vì

thế Luận chép: Bát-nhã là một pháp mà Đức Phật nói nhiều thứ tên, tùy theo năng lực của chúng sinh vì họ đặt tên khác. Nay chỉ y theo giáo vì người nên có khác nhau. Giáo Bát-nhã nói Bồ-tát thẳng đến thành Phật, giáo Pháp Hoa nói bỏ Tiểu về Đại Bồ-tát thành Phật, tuy người không đồng mà thành Phật không khác. Như ông Trưởng giả có nhà lớn và bảy món châu báu trước sau không khác. Nhưng lúc giao phó tài mạng chưa được nói cùng tử là con của Trưởng giả. Khi phó chúc gia nghiệp mới được gom thiên tánh ấy để giao phó cho con.

Hỏi: Trong Bát-nhã chưa nói Nhị thừa thành Phật, có được gọi là giáo bất liễu nghĩa hay không?

Đáp: Bát-nhã nói Bồ tát thành Phật, việc này rõ ràng. Lúc ấy, căn cơ Đại thừa chưa thuần thục nên không được nói Nhị thừa thành Phật, nếu nói theo một chiều , cũng được gọi là bất liễu nghĩa.

Hỏi: Như vậy Luận sao được giải thích phẩm Tất Định rằng: Ngài Tu bồ đề nghe kinh Pháp Hoa hiểu được tất cả đều thành Phật, lại nghe Bát-nhã nói Bồ-tát có lui sụt. Thế nên nay hỏi Phật là tất định hay là không tất định? Đây là ý xét hỏi sự đồng khác của hai kinh.

Đức Phật đáp: Bồ-tát tất định, tất định là tất định thành Phật. Đã nói rõ tất định thành Phật, thì chỉ có một Phật thừa, không lui sụt làm Thanh văn thì hiển rõ không có hai thừa, ý này nói rõ Bát-nhã đồng với giáo Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao nói Bát-nhã chưa nói Nhị thừa thành Phật?

Đáp: Trước đã nói chung, Bát-nhã chẳng phải một thời một tòa mà nói, phần đầu chưa nói Nhị thừa thành Phật, nên khác với Pháp Hoa. Phần sau nói Bồ-tát không lui sụt tức tức nói lên có một không có hai thừa, rất đồng với Pháp Hoa , nên không trái nhau.

Ba là căn cứ Pháp Hoa tự luận hiển mật.

Hỏi: Nếu Pháp Hoa hiển giáo Bồ-tát, hiển hóa người Nhị thừa, thì Pháp Hoa là giáo rõ ràng, trước sau không nên chỉ tướng mà nói. Như vậy phẩm Hóa Thành nói ba ngàn điểm mực vẫn là vị Vương Tử Sa-di. Phẩm Thọ Lượng chép: Năm trăm muôn ức a-tăng-kỳ thế giới tán nhỏ làm cát bụi, từ thành Phật đến nay lại vượt hơn số đó, thì Thọ Lượng Đức Phật là lời nói rõ ràng. Mười sáu vị vương tử là che tướng mà nói, sao lại cho rằng một bộ đều là hiển giáo?

Đáp: Hễ lập giáo ẩn hiển phải có sửa đổi trước sau. Nay y theo một bộ kinh phần lớn có bốn lối:

1. Che mà không khai.
2. Vừa che vừa khai.

3. Khai mà không che.

4. Không khai không che.

Che mà không khai là một phẩm nói điềm lành cũng hưng khởi xe pháp mầu sắp để chuyển mà chưa hiểu rõ hai quyền, cũng ẩn hai thật: là che mà không khai. Cũng khai cũng che. Là bắt đầu từ phẩm Phương Tiện, cuối cùng đến hết phẩm Pháp sư nói về thừa quyền thừa thật, đó gọi là cũng khai, mà còn ẩn thân quyền thân thật, nên gọi là cũng che. Cho nên ba ngàn điểm mực bắt đầu khai, bắt đầu khai bắt đầu kết duyên, mười sáu vị Sa-di kia cũng là bắt đầu nên ẩn thành Phật. Khai mà không che, tức phần kinh sau. Đều bỏ hai quyền đều hiển hai thật, giáo không mảy may ẩn lý không chút mơ hồ dẫn đến thành tựu mười hai lợi ích sâu dày, hiện tám điềm lành. Không khai không che là mượn một để phá ba, trừ ba rồi bỏ một, nhờ dài mà bác bỏ ngắn, ngắn dứt dài cũng mất, cho nên cùng tận ngôn từ, dứt bặt nghĩ suy, đâu có thật quyền mà chính là bổn tánh vắng lặng, làm gì có khai che lý, vượt ngoài ngôn ngữ tạm gọi là với pháp mầu đạo huyền giông như tiêu biểu nên giả dụ là hoa sen .

Bốn là: Phân biệt hiển mật.

Hỏi: Tiểu thừa cũng là thầm nói nhất thừa chăng?

Đáp: Phật nói Tiểu thừa ý ngộ ở Đại thừa, nên nói Tiểu thừa cũng là thầm nói nhất thừa.

Hỏi: Tiểu thừa căn cứ văn nào được thầm nói nhất thừa?

Đáp: Như nói hàng ba thừa đồng được nhân vô ngã đồng, dứt phiền não đồng vào Vô dư, tức là thầm nói ba thừa đồng về một đạo.

Hỏi: Trong Đại phẩm nói chỉ có giáo phó tài vật, là thầm nói nhất thừa, còn có nghĩa nào khác không?

Đáp: Trong kinh Đại phẩm nói người ba thừa đồng là một như đồng nhập pháp tánh, tức là thầm nói ba thừa đồng nhập vào nhất thừa.

Hỏi: Hiển nói nhất thừa vì người nào?

Đáp: Vì ba hạng người:

1. Thanh văn căn tánh Bất định khiến vào nhất thừa.

2. Vì Thanh văn đã luyện định căn tánh khiến cho nhập vào nhất thừa.

3. Vì Bồ-tát thẳng đến khiến cho họ biết có một thừa không có ba thừa chỉ có tiến mà không có lui.

VI. Nói về nghĩa ba và một. Kinh này trước sau luận về ba thừa và nhất thừa chia, gom gồm có mười môn:

1. Bỏ ba bày một

2. Gom ba về một
3. Bỏ ba lập một
4. Phá ba nói một
5. Che ba bày một
6. Trước ba nói một
7. Trong ba nói một
8. Sau ba nói một
9. Dứt ba nói một
10. Không ba biện một

Bỏ ba bày một, là xưa chia ra ba thừa là phương tiện, chỉ bày nay nhất thừa là chân thật, nên nói bỏ ba bày một.

Gom ba về một. Là gom ba thừa kia về nhất Phật thừa, nên nói sở hành của các ông là đạo Bồ-tát.

Bỏ ba lập một. Là bỏ ba giáo xưa lập nhất thừa nay, nên nói trong các Bồ-tát, ngay thẳng bỏ phương tiệnc chỉ nói đạo vô thượng.

Phá ba nói một. Là phá tính chấp ba thừa khác nhau để nói đạo nhất thừa. Văn kinh chép: Chỉ có pháp nhất thừa không có ba.

Che ba bày một. Đức Như lai ứng phó hai duyên ba và một thường có giáo của ba và một, xưa dùng ba, che một, nay thì dùng một che ba.

Ba thừa trước nói rõ một thừa. Chưa đến vườn Lộc uyển trước nói ba thừa, vắng lặng đạo tràng rồi nói rõ giáo nhất thật, nghĩa là nói ba thừa trước, rồi nói một thừa.

Trong ba thừa nói về một thừa. Bắt đầu đến vườn Nai nói ba thừa Phật thừa thứ nhất, Duyên giác thứ hai, Thanh văn thứ ba, nghĩa là trong ba nói một.

Sau ba thừa nói một thừa. Sau ba thừa giáo môn Pháp Hoa để gom ba thừa kia đồng về một đạo, nghĩa là sau ba thừa nói một.

Dứt ba nói một, như không nói thế giới, ngoài thì không nói không chỉ bày, trong thì không suy nghĩ không biết, cho nên không nói một và ba, tức lấy đây thành Phật sự nên lại là một nên nói dứt một.

Không có ba thừa nói một thừa. Như Bồ-tát Hương Tích nói cõi kia không có danh từ Nhị thừa nghĩa là không có ba nói một, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, gọi là có một vậy. Năm thứ trước y cứ nghĩa mà luận một, năm thứ sau y theo thời xứ văn trước không đồng giáo môn có khác nhau, nên chia ra có năm.

Hỏi: Sao gọi là gom ba về một?

Đáp: Muốn biết gom ba về một, trước phải biết chia một thành ba.

Chia một thành ba. Xưa chỉ nhân Đại thừa nói thành quả rốt ráo của Tiểu thừa, nay chỉ quả rốt ráo của Tiểu thừa, tức là nhân Đại thừa, nên nói gom ba về một.

Hỏi: Người Tiểu thừa gọi là rốt ráo, đây là mê nhân hay là mê quả?

Đáp: Thực sự là nhân Đại mà cho là quả Tiểu nên thuộc về mê nhân.

Hỏi: Một và ba có mười câu này, xa gần cũng có mười môn phải không?

Đáp: Như văn sớ trong phẩm Thọ Lượng đã nói.

Hỏi: Nay nói nhất thừa là một trong ba thừa hay ngoài ba thừa có một thừa?

Đáp: Kinh này trước sau có đủ hai nghĩa:

Thứ nhất, Cũng là một trong ba, vì sao? Vì Phật nói năm thừa là thâu nhiếp hết nghĩa thừa, thừa trời, người thì nhiếp về thế gian thừa, ba thừa thuộc về thừa xuất thế gian, như vậy thì nhất thừa cũng là Phật thừa trong ba thừa. Cho nên văn chép: Trong cõi Phật mười phương, chỉ có pháp nhất thừa không hai cũng không ba, ở đây dùng một, hai, ba làm số đếm, dùng nhất thừa làm một, Duyên giác là hai, Thanh văn là ba, thì biết nhất thừa cũng là một trong ba. Lại văn nói chỉ dùng nhất thừa vì chúng sinh nói pháp, lại không có thừa khác hoặc hai hoặc ba. Đây là nói dùng Phật thừa là một, Thanh văn Duyên giác là hai vì thừa khác nên văn sau chép: "Lại sai người khác" thì biết người khác thuộc về Nhị thừa. Đã nói không có thừa khác thì không có Duyên giác thứ hai Thanh văn thứ ba, nên biết Phật thừa cũng là một trong ba, văn này nêu bày rất nhiều không nêu nghi ngờ.

Thứ hai, Nhất thừa chẳng phải một trong ba như trong phẩm Tín Giải chép: Trưởng giả dùng năng lực phương tiện thầm sai hai người, tức dùng Nhị thừa làm phương tiện, bỏ y phục châu báu mặc áo thô xấu, phương tiện gần gủi người con bảo nên siêng làm, tức Phật thừa cũng là phương tiện, thì biết ba thừa đều là phương tiện. Nay nói rõ nhất thừa là chân thật, nên biết nhất thừa chẳng phải là Phật thừa trong ba thừa.

Hỏi: Vì sao nói nhất thừa là Phật thừa trong ba thừa, lại vì sao nói nhất thừa chẳng phải là Phật thừa trong ba thừa?

Đáp: Muốn nói ba thừa đều thuộc về thừa xuất thế gian, đối với phương tiện của Nhị thừa nói rõ Phật thừa là chân thật, nên văn chép: Chỉ có một sự thật này hai thứ khác chẳng phải chân, nên nói nhất thừa là một trong ba thừa. Căn cứ trong Phật thừa lại tự khai Chân thân, Ứng

thân, xưa vì người Nhị thừa Phật nói thân phương tiện nên Phật thừa là thân phương tiện, tức lấy giáo nay nói thân Phật là chân thật, thừa chân thật khác phương tiện Phật. Như Trưởng giả ngồi ghế sư tử khác với Trưởng giả mặc áo thô xấu. Do xét theo hai giáo xưa nay mà nói Phật có quyền thật không đồng, thế nên nhất thừa chẳng phải một trong ba thừa.

Hỏi: Từ đầu đến cuối kinh này hoặc nói Phật dùng năng lực phương tiện chỉ bày dùng giáo ba thừa tức ba thừa đều là phương tiện. Lại nói chỉ có một sự thật, ngoài một sự thật này chẳng phải chân thật, đây là hai môn phương tiện, hai văn trái nhau, lấy gì thông gom?

Đáp: Hai văn này là một nghĩa không trái nhau. Đối với một Phật thừa phương tiện nói ba. Kế nói nhất thừa là chân thật Nhị thừa là phương tiện, như trong tay người thật có một quả phương tiện nói ba quả. Xét theo thứ lớp một quả là thật, hai quả kia là phương tiện. Cho nên nói ba thừa, hai thừa đều là phương tiện, vẫn là một nghĩa không trái nhau.

Hỏi: Vì gom ba về một, hay gom hai về một?

Đáp: Đây cũng là một nghĩa. Trong Luận Trí Độ chép: Đối với nhất Phật thừa chia làm ba phần, như người phân một đấu gạo thành ba phần, cũng được hợp ba phần thành một phần, cũng được gom hai phần về một phần, gom hai gom ba cũng là một nghĩa không trái nhau.

VII. Nói về công dụng.

Hỏi: Vì sao thọ trì đọc tụng chi chép: giải thích cúng dường cung kính tôn trọng khen ngợi, tiêu dứt chướng lụy bên trong điềm lành hiện bên ngoài?

Đáp: Xưa có Pháp sư Tăng Bật ở Thiên Trúc chép: Kinh này có ba nghĩa cho nên hơn các kinh khác.

1. Các kinh không diệt ba thành một, kinh này mất ba còn một.

2. Người trì: Hiện thời được sáu căn thanh tịnh.

3. Ngài Phổ Hiền và các Bồ-tát cỡi voi trắng sáu ngà đến hộ trì người hoằng thông pháp nên chướng lụy bên trong tiêu dứt điềm lành hiện bên ngoài. Nay nói không ngừng có ba việc này đây. Kinh này là thật thể của các kinh, là tàng bí mật của Chư Phật, giải thích Đại Tiểu bao gồm hết xưa và nay, lý rất sâu xa vượt ngoài bốn câu, có mười việc kỳ đặc vượt ngoài các kinh.

Nói mười việc là:

Thứ nhất, Hóa chủ không thể nghĩ bàn, kinh khác hoặc Phật Thích-ca tự nói hoặc bốn Đức Phật cùng bàn, còn như Pháp Hoa mười phương

phân thân đều đến pháp gom, ba đời Đẳng giác đồng đến núi Thứu, vì thế văn chép: Mỗi phương có bốn trăm muôn ức na do tha cõi nước Chư Phật Như lai khắp đủ trong ấy. Như vậy Chư Phật mười phương thảy đều đến nhóm hợp ngồi ở tám phương, đây gọi là đức Phật hiện tại nhóm hợp, Đức Phật Đa Bảo xuất hiện gọi là Đức Phật quá khứ nhóm hợp, hiện tại có Phật mười phương, thời quá khứ chỉ nói Phật Đa Bảo. Luận Pháp Hoa chép: Đây là dùng sơ lược để nhiếp rộng, nói về dụng của một Đức Phật, thu nhiếp dụng của tất cả Chư Phật quá khứ, tức cùng hiện tại rộng lược mà hiện lẫn nhau, các đại Bồ-tát đều gom hợp ở Linh Sơn, nghĩa là Phật đương lai nhóm hợp. Do Đẳng giác ba đời đồng đến Linh Sơn, các kinh Đại Tiểu chưa có kết tập đầy đủ như thế, nên nói là hóa chủ không thể nghĩ bàn.

Thứ hai, Đồ chúng không thể nghĩ bàn, các thế giới ở tám phương mỗi một phương có bốn trăm muôn ức na do tha cõi nước Chư Phật đều đem theo thị giả đến. Lại phương dưới có số Bồ tát nhiều như cát bụi của ngàn thế giới từ đất vọt lên đầy khắp hư không, cho đến cung rồng Sa Kiệt không thể nghĩ bàn, các Đại sĩ nhóm họp ở núi Linh-thứu. Dù chúng thọ giáo ở vườn Nai, chim làm khách nghe kinh ở vườn cây cũng chưa nhiều như thế, nên nói đồ chúng không thể nghĩ bàn.

Thứ ba, Cõi nước không thể nghĩ bàn, linh tháp từ đất hiện lên khắp nơi nhóm hợp phân thân ba lần biến, tám phương đồng làm Tịnh Độ. Cho đến Phẩm Thần Lực chép: Lúc ấy, các thế giới ở mười phương thông suốt vô ngại như một cõi Phật, đến như các vị tiên ở trong phương vườn cách đây rất xa các lực sĩ bên sông cách đây cũng xa, đó là xứ sở không thể nghĩ bàn.

Thứ tư, Giáo môn không thể nghĩ bàn như Hoa Nghiêm Phương Quảng có mười muôn bài kệ. Kinh Ma-ha Bát-nhã số cũng đồng như thế, các kinh như thế còn cho là nhiều, còn như Đức Đại Thông Trí Thắng đã nói hằng hà sa bài kệ. Đức Phật Oai Âm Vương đã nói hai mươi ngàn muôn ức na do tha bài kệ, sở dĩ nói nhiều văn ấy, là ý muốn làm rõ nghĩa rộng kia, đó gọi là giáo môn không thể nghĩ bàn.

Thứ năm, Thời gian không thể nghĩ bàn. Đức Phật Đăng Minh nói kinh này suốt sáu mươi tiểu kiếp, Đức Phật Đại Thông nói suốt tám ngàn kiếp, Bồ-tát Diệu quang nói mười tiểu kiếp, mười sáu Sa Di nói tám muôn bốn ngàn kiếp, Đức Phật Thích-ca lúc bấy giờ các Đại Sĩ từ đất hiện lên thăm hỏi trong thời gian năm mươi tiểu kiếp, khi nói kinh này không thể suy lường. Cho nên nói kinh thời gian dài, cũng là nói rõ văn nhiều, nghĩa rộng, đây là thời gian không thể nghĩ bàn.

Thứ sáu Thần lực không thể nghĩ bàn. Khi sắp khai nói Bát-nhã, Đức Thế Tôn xuất hiện riêng điềm lành, muốn đỉnh trống vàng, bốn đơn vị cùng hiện điềm lành, chưa bằng kinh này mười phương phân thân cùng hiện bảy món thần lực đủ trăm ngàn ức năm rồi sau mới nhiếp thọ đó, đây là thần lực không thể nghĩ bàn.

Thứ bảy là Lợi ích không thể nghĩ bàn. Như trong phẩm Phân biệt Công Đức chép: Nghe kinh được mười hai lợi ích, ban đầu từ vô lượng hằng hà sa Bồ-tát ngộ vô sinh nhẫn, sau cùng thì xó số chúng sinh trong các thế giới nhiều như cát bụi của các thế giới tám phương phát tâm Bồ đề, như Điều đạt, Dược Vương, Diệu Âm, Quán Âm, Đà-la-ni, Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự, Phổ Hiền khuyến phát trình bày tám phẩm đắc đạo không thể nói hết, nghĩa là lợi ích không thể nghĩ bàn.

Từ đầu đến sau khen ngợi pháp và người có công đức vô lượng.

Thứ tám là công đức không thể nghĩ bàn). Như phẩm Tùy Hỷ đã chép: Người thứ năm mươi nghe một bài kệ tùy hỷ chuyển giáo, còn hơn bố thí bốn trăm muôn ức a-tăng-kỳ thế giới, chúng sinh sáu đường tất cả lạc cụ và khiến được quả A-la-hán, đây là công đức không thể nghĩ bàn.

Thứ chín là nói thừa quyền thừa thật không thể nghĩ bàn. Như Ba tạng giáo chỉ có nói về Tiểu thừa, các kinh Bát-nhã chỉ nói Đại thừa, chưa bằng Pháp Hoa nói thật về gốc, vắng lặng đường khác, khai một gom ba dung hợp giải thích Đại Tiểu, khiến cho dê nai không có, dứt phiền lụy cưỡi xe, trâu trắng có công thẳng tiến. Đây là thừa quyền, thừa thật không thể nghĩ bàn.

Thứ mười. Là Thân quyền thân thật không thể nghĩ bàn, kinh khác chỉ nói sinh thân Pháp thân, hoặc nói ba thân. Đến như Đức Phật Đa Bảo xuất hiện chỉ bày chân thường ứng diệt, phân thân khắp nơi nhóm hợp nói lên bổn một tích nhiều, gồm bỏ gần bày xa bao trùm xưa nay, khiến ngộ ứng cảm khó kỳ hẹn, biết dài ngắn không hai, khiến tâm Bồ đề vững chắc, mạnh mẽ niệm Phật Tam-muội gấp bội lại tăng thêm lợi ích. Đây là thân quyền thân thật không thể nghĩ bàn. Hai ý sau đều là đại tông của một kinh, tức để nói về tám ý trước, sở dĩ tám ý trước không thể nghĩ bàn là vì kinh này khai đủ hai quyền chỉ bày hai thật.

VIII. Nói về phương pháp hoằng kinh.

Hỏi: Xét thấy Như lai ra đời khéo léo giáo hóa người, Bồ-tát có bốn y mầu nhiệm khéo mở rộng kinh pháp, đời sau phàm phu làm thế nào hoằng kinh?

Đáp: Trong Phẩm Pháp sư chép: Sau khi Phật diệt độ nếu có người

thiện nam người thiện nữ nào muốn nói kinh này, phải an trụ trong ba pháp:

1. Vào nhà Như lai
2. Mặc áo Như lai
3. Ngồi tòa Như lai

Vào nhà Như lai là tâm đại từ đại bi. Y Như lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục; tòa Như lai là tất cả pháp không. Đầy đủ ba pháp này rồi sau tâm không biếng nhác vì bốn chúng nói pháp. Đức Phật đưa ra bốn phép tắc mầu nhiệm, thích hợp có thể nương theo đó, như từ bi có công dụng che chở, dụ như nhà. Nhu hòa nhẫn có công dụng ngăn che dụ như y, lý Không có thể để an tâm, làm tòa, rõ ràng ba môn này có thứ lớp. Cũng như đại bi cứu khổ đại từ ban vui. Đo đó là nhân lớn gieo trồng giống giác ngộ, là bốn ý của việc mở rộng đạo, muốn nói pháp mầu trước phải lập tâm này, nên thứ nhất nói rõ vào nhà Như lai. Đã ở đời cực ác muốn mở rộng đạo thiện cùng tột, ắt gặp nhiều chướng nạn, phải thích nghi nhẫn chịu, nên tiếp thứ hai nói rõ mặc y Như lai. Tuy có từ bi che bên ngoài, hòa nhẫn an vui bên trong, mà chẳng có quán Không rõ suốt thì hai hành kia không thành, do đâu mà tỏ ngộ chúng sanh, thứ ba là nói ngồi tòa Như lai. Bên trong đủ ba tâm, bên ngoài siêng năng nói pháp, thì đạo không đâu không hưng thạnh người không đâu không được lợi ích, cho nên khiến an trụ ba pháp mở rộng kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao khởi tâm từ bi gọi là vào nhà Như lai?

Đáp: Phẩm Thí Dụ chép: Ta cũng như vậy, là bậc tôn trọng của các Thánh là cha của thế gian, tất cả chúng sinh đều là con ta, thì biết kinh này, nói rõ đạo cha con, cha thì có vui không khổ, con thì có khổ không vui. Nay lòng đại bi cứu khổ cho con, đại từ ban vui cho con, khiến tất cả chúng sinh đều thành Phật, nên nói kinh Pháp Hoa.

Đời mạt pháp Pháp sư thay Phật mở rộng kinh, cũng phải học hạnh Phật, cho nên từ bi gọi là nhà Như lai. Nếu vì lợi dưỡng, thế lực, danh tiếng hơn người mà giảng thuyết, thì không cứu khổ ban vui được, trái với ân tình cha con, chẳng phải mở rộng đạo Phật thừa.

Hỏi: Vì sao tâm nhu hòa nhẫn nhục gọi là mặc áo Như lai?

Đáp: Thí như trẻ con chưa có hiểu biết và bị quỷ dữ nhiễu loạn như hủy nhục cha, cha rất thương xót, lại hết lòng chữa bệnh cho con không khởi tâm sân, kinh này nói đạo cha con, tất cả chúng sinh sức quán chưa thành bị phiền não nhiễu loạn. Nếu hủy nhục Phật, Phật rất thương xót, dùng thuốc Pháp Hoa nhiệm mầu, hết lòng cứu chữa, không sinh sân hận. Đời sau Pháp sư thay Phật mở rộng kinh, cũng nên học đức

hòa nhẫn của Phật, nếu khởi sân hận lại trái với hạnh Phật, chẳng phải mở rộng Phật đạo. Chonên nhu hòa nhẫn gọi là y Như lai.

Hỏi: Phẩm Pháp sư nói kinh Pháp Hoa này, Đức Như lai hiện ở đời còn bị nhiều oán hận ganh ghét, huống gì sau khi Phật đã diệt độ. Vì sao khi nói kinh này phần nhiều gặp nạn?

Đáp: Người đời chép: thuốc hay thì đắng miệng, lời tốt thì trái tai, kinh này phế bỏ chấp năm thừa khác nhau lập huyền tông nhất thừa cùng tột, cho nên chê phàm trách Thánh bỏ đại phá tiểu, chỉ loài thiên ma là trùng độc, nói ngoại đạo là ác quỷ, chê bai chấp tiểu là nghèo khổ, khuất phục Bồ-tát là tân học nên thiên ma ghét nghe, ngoại đạo chói tai, Nhị thừa run sợ, Bồ-tát khép nép, những chúng như thế ưa làm khó, thế gian nhiều lời ghanh ghét, nay nói phẩm này đâu thể dối gạt? Lại tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay, phần nhiều gây ra mười nghiệp ác , ít người có nhân trời, người, gây ra nhân trời, người, còn người mong cầu Nhị thừa lại càng hiếm. Người học Phật đạo lại càng khó được. Vì sao? Vì hoặc không khởi phàm kiến, Thánh kiến, bỏ tâm tiểu , phát tâm đại, gieo trồng gốc lành Trung đạo, rồi sau mới được nghe nhất thừa cực giáo. Nhưng chúng sinh đều có các chướng của phàm, Thánh, đại, tiểu, nghe nói nhất thừa không thể tin nhận nên ưa làm khó người mở rộng Kinh.

Hỏi: Vì sao biết tất cả pháp Không gọi là ngồi tòa Như lai?

Đáp: Quán không rốt ráo là để thành tựu hai hành và nói về tông chỉ chính của việc mở rộng kinh. Thành tựu hai hành tuy có từ bi, mà nếu chẳng có không quán, thì thấy có chúng sinh, chúng sinh thành duyên gọi là phàm phu từ. Nếu chẳng có quán Không thì thấy có các pháp thành ở pháp duyên, thành Nhị thừa tư, vì thế biết tất cả pháp Không, chẳng thấy có chúng sinh cho đến các pháp, mà khởi từ gọi là Vô duyên từ, tức là Như lai từ, cho nên dùng quán không rốt ráo để thành hạnh từ bi.

Nếu chẳng có quán Không mà khởi nhẫn, thì không thành

Vô Sinh nhẫn, cũng chẳng phải pháp nhẫn, do quán không rốt ráo mà khởi nhẫn, thì thành Vô Sinh Nhẫn cho đến pháp nhẫn, nên hòa nhẫn đây là Như lai nhẫn gọi là y Như lai .

Kế nói rõ quán không rốt ráo là mở mang đại tông của kinh. Nếu chẳng có quán Không thì phá ba mà chấp một, thô hoặc dù bỏ nhưng nhiễm vi tế sinh, do có không quán tuy tâm phá ba mà không nhiễm một gọi là vô sở đắc.

Lại trong phẩm Dược Thảo Dụ nói tướng Niết Bàn rốt ráo thương

lạc ngã tịnh cuối cùng trở về Không, tức biết Không là thể của các pháp. Xưa nói năm thừa là từ thể khởi dụng, nay gom năm thành một thì nhiếp dụng trở về thể, nên nói rốt cuộc về Không,là thể của các pháp. Nay đã mở rộng pháp thì phải biết thể ấy, biết thể thì biết dụng, thể dụng đầy đủ mới có thể mở rộng kinh. Lại còn nói rõ ba pháp. Hễ làm Pháp sư phải đủ ba việc:

1. Vào giảng đường
2. Mặc pháp phục
3. Lên tòa cao

Nếu không có từ bi thì không vào giảng đường, tâm không hòa nhẫn thì không mặc pháp phục. Nếu chẳng có quán Không thì không lên tòa cao, nếu thiếu ba việc này thì đâu thể mở rộng kinh. Nói pháp đã đủ ba việc này, thọ trì đọc tụng vv... nhẫn đến bốn oai nghi ba nghiệp đều phải an trụ ba việc này, đều hợp với ba môn này để làm hai nghĩa thành mười hạng Pháp sư:

1. Từ bi, nhẫn nhục gọi là hạnh, quán Không rốt ráo là giải, nghĩa là Giải Hạnh Pháp sư. Nếu có giải mà không hạnh, có hạnh mà không giải, không hạnh không giải, có hạnh có giải, thì ba thứ trước có thể làm đệ tử, một loại sau mới là Pháp sư.

2. Từ nhẫn là phước đức. Quán Không là trí tuệ là Phước tuệ Pháp sư. Thế nên trong kinh chép: Đủ hai món trang nghiêm có thể hỏi có thể đáp.

3. Kinh Đại Phẩm chép: trụ ở hai pháp mà không thể hoại:

- Biết tất cả pháp không
- Không bỏ tất cả chúng sinh.

Nếu thấy có chúng sinh mà chẳng biết các pháp Không, thì rơi vào bên hữu, bị ma phá hoại. Nếu biết các pháp bên Không mà bỏ chúng sinh thì rơi vào bên Không, cũng bị ma làm hai. Nay đủ hai pháp, thì xa lìa hai bên thường hành Trung đạo, thì ma không thể hại, có thể ở đời sau vì chúng sanh mở rộng kinh, nghĩa là Pháp sư khó hại.

4. Trong kinh Tịnh Danh chép: Thí như chiến thắng kẻ thù mới gọi là dũng, cũng vậy trừ sạch già bịnh chết là tâm Bồ-tát, do tu quán Không đó gọi là tự hành, từ bi hòa nhẫn đó gọi là hóa tha, đủ tự hành hóa tha gọi là Pháp sư hùng dũng.

5. Biết các pháp Không vượt qua địa phàm phu, đầy đủ từ nhẫn vượt qua cảnh Nhị thừa, chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh Hiền Thánh, là hạnh Bồ-tát gọi là Pháp sư đạo hạnh.

6. Trong kinh Đại phẩm chép: Bồ-tát trụ ở hai Đế cho chúng sinh

nói pháp, nghe thường hành từ bi nhẫn trụ ở Thế đế, biết không rốt ráo trụ ở nghĩa bậc nhất, do nương hai đế vì chúng sanh mở rộng kinh, nên nói không luống dối, gọi là Pháp sư thành đế.

7. Luận Trí Độ chép: Hiểu bốn Tất-đàn thì biết mười hai bộ kinh, tám muôn bốn ngàn pháp tạng không trái nhau. Nay thường hành từ nhẫn gọi là ba Tất-đàn, biết Không rốt ráo là bậc nhất nghĩa là bậc nhất nghĩa Tất-đàn, vì chúng sinh mở rộng kinh thì biết tất cả giáo không chống trái nhau, gọi là Pháp sư vô tránh.

8. Tức kinh này chép: "Lại thấy Phật tử định tuệ đầy đủ, dùng vô lượng dụ giảng pháp cho chúng sanh nghe". Thường hành từ bi nhẫn gọi là định, biết Không rốt ráo gọi là tuệ, do đầy đủ định tuệ vì chúng sinh mở rộng kinh, gọi là Pháp sư đầy đủ.

9. Kinh này chép: "Lại thấy tâm Phật tử không chấp trước, dùng diệu tuệ đây mà cầu Phật đạo". Do quán Không rốt ráo nên chẳng chấp sinh tử, thường hành từ bi nên không trụ Niết-bàn, đối với sinh tử Niết-bàn tâm không chấp trước, gọi là Pháp sư không chấp trước.

10. Luận Nhiếp Đại thừa chép: "Biết các pháp không gọi là Bồ-tát, thường hành từ nhẫn là Ma-ha Tát, gọi là Pháp sư Bồ-tát Ma-ha-tát.

Lại phẩm An Lạc chép: Nói về bốn hạnh cũng chỉ bày phép tắc mở rộng kinh, đủ như văn sớ thuật lại .

IX. Nói bộ bổn không đồng: Kinh này có hai bản mới và cũ. Bản cũ gọi là Chánh Pháp Hoa. Ở Đôn Hoàng có Sa-môn Trúc Pháp Hộ vào niên hiệu Thái Khang năm thứ bảy đời Tấn, hoặc có người nói ngày mười tháng tám năm thứ mười dịch ra kinh này truyền trao cho Ưu-bà-tắc nhiếp Thừa Viễn. Ngày hai tháng chín dịch xong, Trương Sĩ Minh, Trương Trung Chính biên chép. Bổn mới tên là Diệu pháp Liên Hoa. ngài La-thập dịch ra ở chùa Đại Trường An vào ngày sáu tháng hai niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ mười, Diêu Hưng đời Ngụy Tần, cũng nói vào ngày hai mươi ba tháng tư năm thứ năm niên hiệu Hoằng Thỉ ở vườn Tiêu Diêu dịch ra, tức thời Tấn An Đế, hai Pháp sư Quán và Duệ đều chép: Hoằng Thỉ Năm thứ tám niên hiệu tập họp, các Sa-môn nghĩa học ở bốn phương hơn hai ngàn vị dịch ra kinh này.

Pháp sư Duệ chép: Lúc ấy nghe nhận lãnh hiểu có hơn tám trăm vị tăng, đều là các bậc hiếm có xuất chúng anh tài một thời ở các phương đến. Nay nói mười năm phiên dịch chữ là sai lầm. Ngài La-thập đến Trường An vào ngày hai mươi tháng hai niên hiệu Hoằng Thỉ năm thứ ba đời Tần. Ngày năm tháng giêng niên hiệu Hoằng Thỉ thứ tư đến

dịch kinh, cuối ngày hai mươi tháng tám niên hiệu Hoằng Thỉ thứ tám ở Trường An, dịch xong, lẽ ra chẳng phải năm thứ mười dịch lại kinh.

Lại có vị Tăng ở nước Hồ tên Chi Khương Ngụy Cam Lộ năm đầu ở Giao Châu dịch ra sáu quyển, tên là kinh Pháp Hoa Tam-muội. Lại có Sa-môn Chi Đạo Lương vào triều đại Thái Khang đời Tần năm đầu sao dịch thành năm quyển, tên là kinh Phương Đẳng Pháp Hoa. Hai bổn đây ở phương Nam không có, chỉ có kinh Pháp Hoa Tam-muội loại một quyển. Lại có kinh Tát-đàm một quyển Phân-đà-lợi, nên tìm riêng ở mục lục kinh. Nhưng đời Tấn có trước sau, xưa có ở Giang Hữu gọi là Tây Tấn, kinh này còn ở nước ngoài từ đây không có vua qua Giang Tả xưng là Đông Tấn. Đến niên hiệu Nghĩa Hy đời Tấn An Đế, kinh này mới qua Giang Tả, nhưng kinh này qua Giang Tả gần ba trăm năm.

X. Giảng nói lý do của kinh. Kinh đã có hai bổn, ban đầu giảng cũng có hai vị. Ở đất Hán do ngài Trúc Pháp Hộ làm đầu tiên. Ngài Trúc Pháp Hộ vào ngày hai mươi hiệu tháng tám Vĩnh Hy năm đầu , có Tỳ kheo Luật Sư Bỉnh Na ở Lạc Dương soạn kinh Chánh Pháp Hoa xong, cùng bàn luận với ngài Pháp Hộ liên quan đến lời dạy xưa giảng ra nghĩa sâu. Vào ngày mười bốn tháng chín ở chùa Đông Ngưu lập bày đàn tràng gom giảng kinh này xong, ngày đêm chẳng ai không vui mừng. Kế là bản mới dịch Diệu pháp Liên Hoa, sau khi dịch xong, có Pháp sư Đạo Dung ở Trường An giảng bản mới này, chia thành chín triệt, người bấy giờ gọi là Cửu Triệt Pháp sư. Từ đó về sau người biên soạn, giảng, nói nhiều không thể kể hết.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 121

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

SỐ 1723
(QUYỂN 1 →10)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1723

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Sa-môn Khuy Cơ soạn tại chùa Đại Từ Ân

QUYỂN 1

PHẦN ĐẦU

Nghe rằng: bậc Đại giác tùy theo căn cơ của muôn vật mà quyền biến ra đời giảng nói pháp chân thừa. Nắm điều then chốt mà diệu ứng để chúng sanh được khai ngộ. Chấn tích lên núi Dung mà soi sáng cả Đại thiên. Bay qua biển cả mà đến bờ tám muôn, giăng mây từ khắp chúng sanh, gội mưa pháp thấm gần xa. Từ đó làm cho muôn hoa tươi tốt nhuần khắp cả cỏ cây. Nhưng vì ấu nhi mệt mỏi nơi đường xa hiểm nạn nên Đức Thế tôn mới dẫn dụ lập ra hóa thành. Vì con trẻ ham chơi nên đấng cha lành lập ra ba xe để dẫn dụ ra khỏi nhà lửa. Do đó, Thánh Hậu Thập Quân, tháo hạt ngọc trên búi tóc, kiến y Vương Bát Đế mà trao tay thuốc mầu. Muốn lấy loài rong biển thì phải đặt lờ, sâu xa ngoài cả trăm tông. Đem rồng Thất địa (Long nữ) mà vinh chín phần, dùng mũ năm thừa mà độc chiếm thiên cổ, thật là to lớn. Nêu ra nhất thật bao gồm cả thái hư, rung lưỡng quyền mà di lưu cả muôn tượng. Há dùng sức nhỏ mà leo được lên chốn diệu chỉ cao sâu hay sao?

- Trước hết gọi là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là nắm chỗ diệu cực để mở mang. Đầu tiên là phẩm tựa đó là nêu ra cảnh lớn lao, hiển biệt mục mà lập dị, giải thích pháp bao gồm việc nắm giữ quy tắc. Nêu điềm lành mà gọi là Diệu. Hoa gồm thì tú phát. Tổng kết các nét đẹp mà nêu

gương sen. Thể nghiệp cùng trình bày ra, pháp và dụ đều nêu. Nơi chốn đã rõ ràng đầy đủ, noi theo mà xa lìa chấp trước. Kinh nghĩa là thường là pháp, là nhiếp là quán. Thường là đạo quý của trăm vua. Pháp là đức phạm của thiên diệp. Nhiếp là nhóm họp diệu lý về đây. Quán là chế ngự dung thông khiến cho xa lìa bến khổ sanh tử , cuối cùng được lên bờ giác. Bài tựa là nêu lý do đầu tiên. Trình bày nguyên nhân khởi giáo, tạo tiền đề giảng nói pháp về sau.

Phẩm nghĩa là loại, cũng có nghĩa là biệt. Phân biệt huyền chỉ mà khác loại. Chấn u thuyên để phân biệt. Đệ nghĩa là thứ là cư. Nhất nghĩa là tột cùng cực, đứng đầu . Kinh có hai mươi tám phẩm, điều quán chân tông. Phẩm này nêu ra đầu tiên, nên gọi là thứ nhất.

- Kinh chép: “Tôi nghe như vậy”

- Khen rằng: Đầu tiên giải thích văn kinh. Lược có chia ra sáu môn.

1) Nêu ý khởi kinh
2) Nêu tôn chỉ bộ kinh.
3) Giải thích được tên kinh phẩm như vậy.
4) Hiển bày sự phế lập của kinh phẩm.
5) Nêu thứ lớp phẩm kinh.
6) Giải thích bổn văn kinh.

PHẦN I: Nêu ý kinh khởi là: Lược có năm nghĩa:

1) Đáp nhân thỉnh.
2) Phá nghi chấp
3) Nêu thọ ký hành trì.
4) Lợi ích từ nay về sau.
5) Hiển bày thời cơ.

Trong phần đáp lại nhân thỉnh cầu có hai:

1) Đáp nhân
2) Đáp thỉnh.

Đáp về nhân có sáu: Hành nhân, Nguyện nhân, Cầu nhân, Trì nhân, Tướng nhân và Thuyết nhân.

quả Phật chẳng phải thành tựu từ sự luống dối mà phải là do nghiệp hành mới được. Hành không một mình tự khởi phải có nguyện giúp sanh. Hạnh nguyện tuy là tự khởi mà vô duyên không thể riêng mình hiểu được. Dù gặp duyên mà vì cầu trân trọng chẳng phải chợt vậy mà quả thành, cần phải do sự thọ trì tu học mới có thể đắc quả. Quả đã viên thành thì sẽ bày ứng vật, biểu hiện sự sâu mầu của tông kinh. Trước là

hiện nhân tướng Đại thừa. Tướng đại thừa đã rõ ràng thì lý bày nói. Cho nên nêu sự ra đời xuất hiện của Phật là một đại sự. Do đây mà trả lời về nhân có đủ sáu nghĩa này:

Đáp về hành nhân là: Trong phẩm Phương Tiện y theo mà luận giải thích có tám nghĩa sâu xa: Phật từng gần gũi trăm ngàn muôn ức vô số Chư Phật. Hành trì tất cả vô lượng đạo pháp của Chư Phật, mạnh mẽ tinh tấn tiếng tâm đồn khắp, thành tựu pháp sâu xa không hề có. Pháp khó hiểu đó Như lai có thể biết, tùy theo chỗ nói mà ý đường khó hiểu. Đây là điều mà Thanh văn, Bích-chi-Phật không thể biết được. Tám điều sâu xa đó là:

1) Thọ trì đọc tụng.

2) Tu hành.

3) Quả hành.

4) Tâm Tăng trưởng công đức .

5) Tâm khóai diệu sự.

6) Vô thượng.

7) Nhập

8) Không cùng chỗ làm của Thanh văn, Bích-chi-Phật trụ giữ. Trong kinh chỉ nêu ra có sáu mà không có điều thứ sáu và thứ tám... đến phần dưới sẽ biết: Đạo pháp của Chư Phật đã hành trì rốt ráo. Hành trì đầy đủ nhân Nhất thừa chủng trí, mới thành quả Phật. Cho nên nay đáp về nhân pháp mầu này là để khuyên tu nhân hành.

- Đáp về nguyện nhân là: Trong phẩm Phương Tiện chép: “Xá-lợi-phất lắng nghe: - Ta vốn lập thệ nguyện, muốn khiến cho tất cả chúng sanh giống như ta không khác. Như sở nguyện của ta trước kia nay đã đầy đủ . Hóa độ tất cả chúng sanh khiến cho nhập vào Phật đạo.” Phẩm Thọ Lượng chép: “Mỗi khi làm điều gì thì phải nghĩ làm cho chúng sanh nhập vào Phật đạo, mau thành tựu thân Phật . Hoặc từ nơi nhân xưa kia, hoặc quả vị bây giờ thảy đều phát nguyện muốn chúng sanh cũng được như thân ta được nhập vào Phật đạo, cho nên đáp lại bổn nguyện mà nói kinh này. Cũng khiến cho chúng sanh phát hạnh nguyện này, hạnh nguyện hợp nhau nên Phật ra đời.

Đáp về cầu nhân: Trong phẩm Thiên Thọ chép: Ta ở trong đời quá khứ cầu kinh Pháp Hoa không hề biếng nhác, trong nhiều kiếp thường làm vua, cầu đại Bồ-đề, không hề lui sụt. Ta đánh trống tuyên bố khắp bốn phương. Bấy giờ có vị Tiên đến bạch với vua rằng: Ta có kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu không trái ý ta thì ta sẽ nói cho nghe.

Vua nghe vị Tiên nói thì vui mừng vô cùng, liền theo vị Tiên hầu hạ các thứ cần dùng. Cho đến đem thân làm giường tòa, thân tâm không hề mỏi mệt, kính thờ vị Tiên như thế suốt cả ngàn năm, vì muốn cầu pháp mà không để cho thiếu sót. Nhà vua khi ấy chính là thân ta bây giờ, vị Tiên ấy này là Đề-bà-đạt-đa. Vì nguyện hạnh quá khứ của Phật tuy thành mà do duyên hội thường chú trọng ở kinh này, với bạn lành thường chuyên việc cầu thỉnh. Cho nên nay Phật giảng nói để cho chúng sanh chú trọng tìm cầu.

Đáp về trì nhân: Trong tám pháp sâu xa ở trước, thì pháp thứ nhất là Phật thường gần gũi ngàn muôn ức vô số Chư Phật để thọ trì đọc tụng nghĩa sâu xa. Đầu tiên là y theo Bồ-tát hầu hạ năm Hằng sa Phật. Thứ hai là y theo Bồ-tát hầu hạ sáu hằng sa Phật. Thứ ba là y theo Bồ-tát hầu hạ bảy hằng sa Phật. Thứ tư là y theo Bồ tát hầu hạ tám Hằng sa Phật, gặp nhiều bạn lành thọ trì lâu dài.

Lại vào thời quá khứ Phật Thích-ca Như lai từng làm Bồ-tát Thường Bất Khinh . Sau khi Phật Oai Âm Vương diệt độ hành hạnh bất khinh. Lúc sắp qua đời chợt nghe trên hư không nói kinh Pháp Hoa gồm hai mươi ngàn muôn ức bài kệ và đều có thể thọ trì, liền chứng được sáu căn thanh tịnh như trên, và sau đó tăng tuổi thọ lên hai trăm muôn ức na-do-tha tuổi. Bồ-tát nói rộng kinh này, sau khi qua đời gặp hai ngàn ức Đức Phật đồng hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh, thường thọ trì kinh này. Do nhân duyên ấy, lại gặp hai ngàn ức Phật đồng hiệu Vân Tự Tại Đăng Vương cũng trong giáo pháp của các Đức Phật này, thọ trì kinh này. Thường giữ gìn sáu căn thanh tịnh như trên. Thường Bất Khinh đó nay chính là thân ta. Vì trước kia thường trì kinh này, nay nói ra để khuyên chúng sanh thường thọ trì.

Đáp về tướng nhân là: Đã thành Phật rồi thì sẽ nói kinh này. Trước vì Bồ-tát mà nói kinh Vô Lượng Nghĩa, kế là nhập vào Tam-muội Vô Lượng Nghĩa Xứ . Trời rải bốn thứ hoa như mưa, đất rung chuyển sáu cách, bốn chúng chiêm ngưỡng, tám bộ vui mừng. Phật phát ra ánh sáng để cho những người ở xa trông thấy rồi sanh nghi. Ngài Di-lặc hỏi và Văn-thù đáp rằng: Như tôi, nghĩ thì nay Đức Thế tôn muốn nói pháp lớn, mưa pháp lớn, thổi loa pháp lớn, đánh trống pháp lớn, diễn nghĩa pháp lớn. Tôi ở đời quá khứ đã từng thấy điềm lành này, phát ra ánh sáng rồi, Phật sẽ nói Đại pháp. Cho đến thuyết rộng ra. Hôm nay Đức Như lai sẽ nói kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa. Chư Phật ba đời khi sắp nói kinh này, trước cũng hiện ra các tướng lớn ấy, không giống như các kinh khác. Các bộ kinh khác đầu tiên không hiện ra điềm

lành này. Vì tướng phi thường nên phải nói ra, vì sắp nói kinh này, nên trước hiện điềm lành lớn này.

Đáp về thuyết nhân: Văn dưới nói: Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên nên xuất hiện ra nơi đời. Chỉ giáo hóa Bồ-tát, không có đệ tử Thanh Văn, cuối cùng tất cả đều chứng đắc Nhất thiết chủng trí. Cho nên Chư Phật ba đời thành đạo cuối cùng chỉ nói pháp Nhất thừa, đều mong cầu phương tiện ở trong nhân. Sự tu học tuy đầy đủ mà không hề giảng nói. Nay thời cơ đã đến không thể để trôi qua như vậy. Cho nên hướng về nhân đời trước mà giảng nói kinh Diệu Pháp này. Ý nghĩa như trên, trong kinh nói cũng rất nhiều, vì sợ rộng, nghe nhiều sanh chán nên chỉ tóm tắt.

Sau là đáp thỉnh: Như trong kinh nói: Khi Bồ-tát mới sanh ra liền đi bảy bước phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp mười phương, nhìn khắp bốn phía mà nói kệ như tiếng rống sư tử:

Ta thai sanh đã hết
Đây là thân cuối cùng
Nay được đạo giải thoát
Rộng độ các chúng sanh.

Vừa phát nguyện như thế rồi thì thân dần dần lớn lên, khi trưởng thành đi khắp bốn cửa thành thấy các việc già bịnh chết và hình tướng Sa-môn. Bồ-tát hỏi biết rồi muốn rời bỏ quyến thuộc cầu quả Vô thượng. Trong đêm đó quán thấy trong hậu cung các hậu phi thể nữ nằm ngủ chẳng khác gì thây chết thật là nhàm chán liền bảo Sa-nặc thắng ngựa Kiền-trắc, chư thiên nâng chân ngựa vượt thành vào lúc nửa đêm. Đi khoảng mười bốn do-tuần, đến chỗ vị Tiên Bạt-già-bà ở trong rừng. Thái tử cầm dao cắt tóc, đổi y phục diệu báu lấy tấm áo cỏ. Rồi bảo Sa-nặc về thưa lại với các vị ấy. Bồ-tát tu tập ở chỗ sáu vị giáo chủ ngoại đạo bên bờ sông Ni-liên. Vì muốn hàng phục các vị ấy nên trải qua sáu năm tu khổ hạnh cuyên cần hơn tất cả. Mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, sau đó biết đây chẳng phải chánh pháp nên lại uống sữa, thọ nhận cỏ cát tường rồi đến dưới cây Bồ-đề, ngồi tòa Kim cương, dùng năng lực trí tuệ hàng phục ma quân, chứng Đại Bồ-đề, ra khỏi hẳn ba cõi. Bấy giờ vị đứng đầu Tam thiên đại thiên thế giới và các trời khác đều đến chỗ Phật cầu thỉnh xoay bánh xe pháp. Hóa Phật khen ngợi khuyên nên quyền nói pháp. Bấy giờ vì căn cơ chưa thuần thục nên tạm nói phương tiện mà chưa thuyết pháp thật . Nay vừa hợp với lời thỉnh của ngài Thu tử v.v... mà nói nương cảnh quyền thật. Ngài Văn-thù thỉnh nói nương hành an vui. Ngài Di-lặc v.v... thỉnh nói quả thân chân thân ứng. Cho

nên văn kinh ở dưới nói: "Ta mới ngồi đạo tràng, quán cây và kinh hành, trong hai mươi mốt ngày thường suy nghĩ việc ấy, cho đến nghĩ về Chư Phật quá khứ thực hành năng lực phương tiện. Ta nay đắc đạo cũng nên nói ba thừa. Lúc đang suy nghĩ, thì Chư Phật mười phương đều hiện tiếng Phạm âm để an ủi ta: Lành thay! Phật Thích-ca, tùy theo tất cả Chư Phật mà dùng năng lực phương tiện. Do phương tiện này mà lại giảng nói ba thừa. Nay căn cơ của chúng sanh đã thích nghi thuần thục. Các ngài Xá-lợi-phất... cầu thỉnh Phật nói lý chân tông, hiển bày đạo nhất thật này. Cho nên trong kinh nói rằng: Ông đã ân cần ba lần thỉnh, nay ta đâu thể không nói!

Trong phẩm An vui Hạnh, ngài Văn-thù phát lời thỉnh, Đức Thế-tôn nói rộng bốn hạnh an vui. Trong phẩm Thọ Lượng cũng giống như thế. Ngài Di-lặc ba lần thỉnh. Phật bảo: Các ông nên tin hiểu lời nói thành thật của Như lai. Vì đã trải qua ba lần khuyên tin, nên nay mới nói thân chân, thân ứng. Cho nên đáp lại lời thỉnh cầu mà nói pháp Hoa.

- Trong phá chấp nghi có hai: 1) Phá nghi; 2) Phá chấp.

1. Phá nghi: Từ khi Phật thành đạo chỉ thọ ký cho các Bồ-tát đắc đạo Bồ-đề, không nói Thanh văn sẽ đắc quả Phật . Các Thanh văn nghi ngờ mình không bao giờ thành Phật. Do đó mà ngài Xá-lợi-phất thương cảm mình và các Thanh Văn không có vô lượng tri kiến của Như lai, cho đến nói rộng... Mà nay nghe Phật nói pháp không hề nghe, không hề có, dứt hết các điều nghi hối. Các vị tiểu Bồ-tát xưa kia nghe pháp Đại thừa, cũng nghi là Bồ-tát mới có đạo Bồ-đề, còn Thanh văn không có. Hoặc các vị Tiểu Bồ-tát tánh Bất định nghi mình cũng không có đạo quả Bồ-đề Phật. Do đó mà ba thừa đều có lưới nghi, thế nên trong kinh nói rằng:

Thanh văn và Bồ-tát
Nghe ta nói pháp rồi
Dù chỉ một bài kệ
Đều thành Phật không nghi.
Lại nói: Các người cầu ba thừa
Nếu có sự nghi hối.
Phật sẽ dứt trừ cho.
Hết sạch không còn sót.
Lại nói: Bồ-tát nghe pháp này
Lưới nghi đều đã trừ.
Ngàn hai trăm La-hán
Cũng đều sẽ thành Phật.

Trong đây nói phá nghi cũng gồm cả phá trừ niệm hối hận. Hối hận trước đây tu Tiểu thừa không được thành Phật nay nghe nói được thành Phật nên hối hận được dứt bỏ. Biết tiểu chính là nhân của Đại, nghi thì chung cả ba thừa mà hối chỉ có Tiểu thừa, tức nêu rộng mà thu nhiếp hẹp. Chỉ nói phá nghi mà không nói trừ hối, ở quyển sau sẽ giải thích sự khác nhau. Vì để phá trừ nghi hoặc của đại chúng, nên Phật nói kinh này.

2. Phá chấp: Thanh văn có hai hạng:

- Chủng tánh quyết định. Khi chứng quả Thanh văn, chắc chắn nhập Vô dư, thân khôi trí diệt. Cho nên trong kinh nói: Người khác có gốc lành đến Niết-bàn thì tận. Gốc lành của Bồ-tát thì không như thế.

Đã lui sụt tâm rồi lại phát tâm Bồ-đề: Loại trước là định tánh, sau là tánh bất định . Nhưng trong luận Du-già và luận Pháp Hoa nói Thanh văn có bốn:

a. Quyết định chủng tánh, cũng gọi là hướng đến vắng lặng (Niết bàn).

b. Tăng thượng mạn: Đây là hàng phàm phu đắc Bốn thiền, gọi là A-la-hán.

c. lui sụt rồi lại phát tâm Bồ-đề: Cũng gọi là chủng tánh Bất định. Vả lại trong hội Pháp Hoa được thọ ký, gọi các người Thanh văn là thoái tâm Bồ-đề, Ngài Xá-lợi-phất cũng thuộc loại này. Nên trong kinh Phật nói: “Xá-lợi-phất! Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, nay ông đều quên hết, mà còn tự cho mình đã diệt độ.” Trong kinh Ưu-bà-tắc nói: “Xá-lợi-phất tu đạo Đại thừa, trải qua sáu mươi kiếp do nhân thí mắt nên đạo hạnh khó thành mà thoái tâm cầu tiểu quả. Ngài Thu Tử cũng nói: Ta nhiều đời đã từng thọ hóa với Phật .

Phẩm Hóa Thành Dụ chép: Mười sáu vị Vương tử trong quá khứ mới kết duyên giáo hóa chúng sanh. Do đó mà gọi là thoái Tâm Bồ-đề. Chẳng phải những vị Bất định tánh đều thuộc loại thoái tâm. Cũng có vị trước kia chưa cầu Đại thừa, nay từ Tiểu quả hướng cầu Đại thừa gọi là bất định tánh.

d. Ứng hóa: Ứng hóa chẳng phải thật. Luận Nhiếp Đại Thừa chép:

- Chư Phật và các đại Bồ-tát hóa thị hiện làm Thanh văn để dẫn dắt Thanh văn hướng về Đại thừa các vị như Phú-lâu-na v.v... đều thuộc loại này.

- Luận Pháp Hoa chép: Trong hội Pháp Hoa này chỉ có hai hạng Thanh văn được thọ ký. Đó là thoái tâm và Ứng hóa, còn hạng hướng

đến vắng lặng và tăng thượng mạn, thì Phật không thọ ký, vì người căn tánh chưa thuần thục; Bồ-tát thì thọ ký cho. Tuy cũng nói chung là: Các ông thực hành đạo Bồ-tát sẽ thành Phật mà luận giải thích: thọ ký là để cho phát tâm.

Thoái tâm Bồ-đề chính là căn cơ thuần thục, nên Phật nói Nhất thừa chính là để phá trừ chấp của họ. Ứng hóa Thanh văn chẳng phải thật không có chấp để phá thị hiện tướng có thể như thế. Người tăng thượng mạn đã là phàm phu căn hiện tại chưa thuần thục, nên Phật không thọ ký.

- Bồ-tát thọ ký cho: Như Ngài Thường Bất Khinh vì có đủ nhân thọ ký, khiến tin là có Phật tánh. Lại dần dần phát tâm tu đại hạnh.

Người hướng đến vắng lặng tức đã không có căn tánh Đại thừa, làm sao nói căn cơ thuần thục hay không thuần thục, cho được, nên nói họ không có đại tánh, căn lành chưa thuần thục nên Phật không thọ ký. Bồ-tát thọ ký cho là đầy đủ nhân lý tánh, dần dần tin pháp Đại thừa không còn ngu đối với pháp, chẳng phải căn tánh chưa thuần thục, sau có thể sẽ thuần thục. Cho nên không phải thọ ký cho Bồ tát là khiến họ phát tâm hướng về quả Bồ-đề Đại thừa.

Nói sẽ thành Phật, là vì tâm nguyện của Bồ-tát nên Phật dùng phương hiện hóa độ họ khiến cho sanh ý tin. Như kinh Bát-nhã chép: Ta đều khiến cho chúng sanh nhập Niết-bàn Vô dư nhưng chẳng phải đều nhập hết. Bồ-tát được thọ ký hướng đến vắng lặng cũng vậy. Nếu chấp "hướng đến vắng lặng" này đồng với tăng thượng mạn thì chẳng những không được gọi là hướng đến vắng lặng, mà lại rất trái với giáo nghĩa. Không nên lầm lẫn. Vì Thanh văn hướng đến vắng lặng và tăng thượng mạn hợp chung lại mà nói: Chủ ý phiên dịch nghĩa căn tánh chưa thuần thục khiến cho họ phát tâm. Nghĩa chánh thì nên nói "người hướng vắng lặng" thì căn tánh chưa thuần thục, nên Phật không thọ ký. Bồ-tát thọ ký cho khiến họ phát tâm tin hiểu Đại thừa. Người tăng thượng mạn vì căn tánh chưa thuần thục nên Phật không thọ ký cho. Bồ tát được thọ ký để hướng về tâm đại thừa nên hướng vắng lặng thì sau này cũng đắc quả thành Phật. Ý này trái với kinh Niết-bàn đã nói. Bồ-tát cũng có hai: Một là đốn ngộ, hai là tiệm ngộ.

Tiệm ngộ có hai nghĩa:

1) Là từ quả Nhị thừa, phát tâm hướng cầu Đại thừa thì gọi là tiệm ngộ. Do số chúng sanh ít hoặc hoàn toàn không có. Nếu từ người nhị phàm mà quy về Đại thừa tức là thuộc về đốn ngộ, vì không hề chứng quả Nhị thừa, số sanh còn nhiều nên không gọi là Tiệm ngộ. Cho nên

trong kinh Niết-bàn chép: Chỉ nói tám muôn kiếp của bậc Thánh mà không nói: “Kiếp số hồi tâm của phàm phu.

2) Từ trong hội mà phát tâm nhị thừa, từng tu hạnh nhị thừa , lại quy về Đại thừa nên gọi là tiệm ngộ. Vì tánh Nhị thừa đầy đủ nên tu hạnh ấy. Nghe suy tư rồi ngộ giải cũng gọi là ngộ, cần gì phải chứng ngộ. Huống chi người cũng có số sanh ít. Nghĩa là đã định sanh tức khi sự sanh này cho đến một lần tu thuận phần quyết trạch. Trong kinh chỉ y theo kiếp định nên chỉ nói bậc Thánh, đâu có ảnh hưởng phàm phu hay có số sanh ít tức là Kinh này nói lý Nhất thừa. Trong luận tuy nói vì người Nhị thừa Thanh văn mà nói là thoái tâm, ứng hóa, trong khi một hội Pháp Hoa chính chỉ vì người thoái tâm Bồ-đề, cũng nói cả ứng hóa. Ngài Mãn Từ Tử cũng ở trong hội. Nếu theo Nhiếp luận hợp lấy mười nghĩa mà nói Nhất thừa, thì nghĩa gồm cả ba lý cũng không sai, tức quyết định chủng tánh không còn ngu pháp, chủng tánh bất định hồi tâm hướng cầu pháp Đại thừa, người ứng hóa thì thị hiện được thọ ký. Tuy cũng có thể nói về hai hạng Bồ-tát đốn tiệm nhưng chánh tông chỉ vì người. Cho nên, kinh nói: “Bồ-tát nghe pháp này lưới nghi đều xé toang đối với nghĩa thì gồm đốn ngộ mà lý thì chưa rõ ràng. Trong mười nghĩa của Nhiếp Luận giải thích về Nhất thừa rằng: Vì dẫn nhiếp một loại căn cơ và gìn giữ các căn cơ chúng sanh khác. Do chủng tánh bất định mà Chư Phật nói Nhất thừa. Nói dẫn nhiếp một loại tức Thanh văn lui sụt tâm Bồ-đề. Gìn giữ các căn cơ khác tức là Bồ tát tiệm ngộ lui sụt tâm Bồ-đề trụ quả Thanh văn, chấp quả Tiểu thừa tự cho là rốt ráo. Ngài Xá-lợi-phất nói: Ta đã trừ hết tà kiến, chứng được pháp không. Bấy giờ tâm tự cho là được đến chỗ diệt độ.”

Ca-diếp cũng nói: “Phật vì muốn chúng ta vượt ra khỏi ba cõi, đắc chứng được Niết-bàn. Đối với pháp Bồ-tát tâm không sanh một niệm ưa thích”. Đây đều ý nói do xưa chấp trước cảnh Tiểu thừa. Như Nhiếp luận chép: Rèn luyện ba thứ tâm, Dứt trừ bốn chỗ chướng. Duyên pháp nghĩa làm cảnh.

Bốn chỗ là:

1) Nhị thừa tác ý.

2) Chư nghi lìa nghi.

3) Đối với pháp được nghe và suy nghĩ cho rằng: Ta có thể như thế, ngoài ra không thể như thế.

4) Đối với bộ xương cho đến Bồ-đề chấp trước phân biệt.

- Nhị thừa tác ý là: Chấp vào quả nhị thừa là tột cùng. Vì muốn dứt chấp trên mà nói kinh nầy. Bồ-tát tiệm ngộ chấp Bồ-đề chỉ có Phật

chứng bản thân mình không có phần, muốn sanh tâm lui sụt trở lại Nhị thừa. Vì vậy mà Phật muốn các vị nhậm trì pháp này để không lui sụt. Lại các hàng Đốn ngộ tiểu Bồ-tát, chấp người đã theo Đại thừa tu hành là có thể thành Phật, đã trụ Thanh văn thì không thể thành Phật. Nay phá chấp này để nói lên Nhị thừa chẳng phải tột cùng, người trụ Nhị thừa cũng được thành Phật, cho nên nói kinh này. Do đây mà trong Nhiếp luận đoạn bốn chỗ nói: Thứ nhất là Nhị thừa tác ý, thứ hai là nói: "Ta có khả năng như vậy, ngoài ra không thể được vậy. Tức hai loại này là nghi các nghi được lìa ở trước

Nói về thọ ký hành trì có hai nghĩa:

1) Nói ký là Phật từ khi thành đạo chưa thọ ký đạo Bồ-đề cho Thanh văn. Nay thọ ký cho họ cho nên nói kinh này. Trong kinh có nói: Ta lập phương tiện để cho chúng sanh thể nhập tuệ Phật, không hề nói các ông sẽ được Phật đạo. Sở dĩ không hề nói vì lúc nói chưa đến. Nay chính đã phải lúc, nên Phật quyết định nói Đại thừa."

Lại ngài Ca-diếp nói: Nay chúng ta tuổi tác đã cao. Phật giáo hóa các Bồ-tát đắc pháp A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, không hề sanh một niệm ưu thích. Chúng ta nay đối trước Phật nghe thọ ký cho Thanh văn đắc quả Chánh đẳng Chánh giác. Tâm liền vui mừng được điều không hề có.

Lại nói: Hoặc nói Tu-đa-la, Già-đà, và Bổn sự, Bổn sanh, Vị Tằng Hữu. Cũng nói nhân duyên, thí dụ, cũng kỳ dạ Ưu-ba-đề-xá-ly. Chỉ vì Thanh văn mà nói chín bộ này. Không nói Thọ Ký, Phương Quảng, Tự Thuyết. Vì trước đây không hề thọ ký, nay lại thọ ký nên gọi là kinh.

2) Nêu rõ hành là: Nay nói hành Nhất thừa của Bồ tát . Nhất thừa chính là hạnh của Bồ-tát cho nên trong kinh nói: "Có Phật tự tâm thanh tịnh mềm mỏng cũng rất lợi căn. Ở trong vô lượng Chư Phật hành đạo sâu mầu. Phật vì họ mà nói kinh Đại thừa này. Lại nói Thanh văn cũng như Bồ-tát, nghe ta nói pháp cho đến thọ trì một bài kệ đều thành Phật không còn nghi ngờ."

Lại nói: "Xá-lợi-phất! Chư Phật Như lai, chỉ giáo hóa Bồ-tát, các vị có làm điều gì thường vì một việc, phải do tu phước tuệ mà soi chiếu có, không. Tìm trong giáo giải thích lý nhiệm mầu rốt ráo mà hiểu chân thật khởi ngộ Nhất thừa. Lại tạm nói Nhất thừa có nhân có quả. Nhân tức là Thất địa bốn hạnh Bồ-tát, dưới tùy theo sở ứng mà thích nghi đủ. Quả là quả vị Phật Bồ-đề Niết-bàn trong ba thân này đều nhiếp cả.

Lại ba lần chuyển Phật chỉ nói về Nhất thừa, nói cảnh Nhất thừa. Phẩm An vui Hạnh nói hành Nhất thừa. Phẩm Thọ Lượng nói quả Nhất

thừa, nói cảnh muốn phát tâm Thanh văn nói hành khiến cho tu Bồ-tát hạnh, nhờ đó mới có công đức quả Phật . Như vậy vì muốn nói Bồ-tát hạnh nên Phật nói kinh Pháp Hoa.

Trong lợi ích nay và sau có hai phần:

1) Lợi nay:

Trong hội Pháp Hoa có cả chúng phàm Thánh nên nghe kinh Pháp Hoa mà được lợi ích. Đây có hai: Lợi ích được thọ ký quả, và lợi ích hiện tại chứng.

- Lợi ích được thọ ký qua, tức là vì ba căn cơ Đức Thế tôn ba lần chuyển nói nghĩa Nhất thừa. Hội ở hai thừa phá chấp hai thừa, vì người lợi căn lợi ích hiện tại. Từ phẩm Phương tiện cho đến phẩm Thí Dụ. Ngài Thu Tử được thọ ký, khiến cho tám bộ đều vui mừng. Đó là lần chuyển thứ nhất.

- Chánh kinh: Chư Phật vì một việc nhân duyên lớn nên xuất hiện ở đời. Hoặc nói Chư Phật dùng năng lực phương tiện đối với pháp Nhất thừa phân biệt nói thành ba. Thế nên trong phẩm Thí Dụ, ngài Xá-lợi-phất nghe nói pháp rồi càng sanh lòng tín hiểu lãnh hội, thuật lại việc thành tựu với Phật rồi liền được thọ ký. Trong phẩm Thí Dụ, Xá-lợi-phất thỉnh Phật nói pháp Thí dụ, với các phẩm Tín Giải, Dược Thảo Dụ, phẩm Thọ Ký là lần chuyển thứ hai. Phẩm Thí Dụ chép: "Như lai cũng giống như thế, là cha lành của tất cả chúng sanh" hoặc nói: Tôn giả Xá-lợi-phất vì nhân duyên này nên biết Chư Phật dùng các lực phương tiện đối với Nhất thừa phân biệt nói thành ba. Ngài Đại Ca-diếp nghe nói như vậy rồi, ở trong phẩm Tín Giải mới sanh lãnh ngộ. Trong phẩm Dược Thảo Dụ Phật thuật lại thành tựu. Trong phẩm Thọ Ký, Phật liền thọ ký do bốn đại đệ tử là đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-chiên-diên, và Đại Mục-kiền-liên.

Từ phẩm Hóa Thành Dụ năm trăm đệ tử được thọ ký, đến phẩm Thọ Học Vô Học nhân ký, là lần chuyển thứ ba. Trong phẩm Hóa Thành Dụ, đầu tiên nói về việc Đức Phật Đại Thông Trí Thắng , để cho đại chúng nhớ lại.

Lại nói: "Này các Tỳ-kheo! Nếu Như lai tự biết khi Niết-bàn đến." Hoặc nói: Chỉ là Như lai dùng năng lực phương tiện đối với một Phật thừa phân biệt nói thành ba. Ngài Phú-lâu-na nghe nói như thế rồi nên trong phẩm Thọ Ký Phật thọ ký cho năm trăm vị đệ tử càng sanh lãnh giải. Phật thuật lại việc thành tựu rồi nên năm trăm vị đệ tử và chúng Học, Vô học đều được thọ ký. Tức là làm lợi ích cho chúng Thanh văn bấy giờ. Kinh có sáu nơi để thị hiện thọ ký.

a) Biệt ký: Ngài Xá-lợi-phất và bốn vị đại Thanh văn tri thức, danh hiệu khác nhau nên nói là Biệt ký.

b) Đồng ký: Ngài Phú-lâu-na và năm trăm vị, một ngàn hai trăm vị, đồng một tên và đồng thời thọ ký.

c) Hậu Ký: Chúng Hữu học, Vô học, không phải chúng tri thức, cùng đồng một hiệu, trong các vị hạ căn thời sau được thọ ký.

d) Vô Oán ký: Nói lên Như lai không có oán ghét nên, thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa.

e) Thông hành ký: Thị hiện thân nữ, dù ở tại gia xuất gia tu Bồ-tát hạnh cũng đều chứng quả Phật . Nên Phật thọ ký cho Tỳ-kheo ni và Thiên nữ. Năm pháp thọ ký trên là lợi ích thời ấy đều do Như lai thọ ký.

f) Cụ nhân ký: Bồ-tát Thường Bất Khinh lễ bái khen ngợi rằng: Tôi không dám khinh quý Ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật, nói lên chúng sanh đều có Phật tánh. Đây là một loại Bồ-tát thọ ký cho, nói lợi ích vãng thời. Ba phần đầu và thứ năm là lợi từ nghe Pháp Hoa được thọ ký, hai loại còn lại được thọ ký không phải do nghe kinh. Năm thứ thọ ký trước đều gọi là lợi ích ngày nay, tức là lợi ích được thọ ký quả. Nhưng các Thanh văn được thọ ký về sau, còn thọ biến dịch sanh tử, còn về nghĩa thể, tướng trạng... phần sau sẽ nói.

- Lợi ích hiện tại chứng: Lại có nhiều loại, như trong phẩm Đề-bà-đạt-đa, tuy Long nữ từ cung rồng xuất hiện thành đạo đều do Pháp Hoa, nhưng không phải lợi ích từ hội Linh Sơn, nên lược qua không nói. Chỉ có khi Long nữ thành đạo nói pháp. Bấy giờ chúng Bồ-tát, Thanh văn, tám bộ trời rồng người và chẳng phải người ở thế giới Ta-bà, từ xa đều thấy Long nữ kia thành Phật. Khắp vì chúng trời người trong pháp hội nói pháp. Tâm các vị rất vui mừng đều cùng kính lễ từ xa. Có vô lượng chúng sanh nghe pháp ngộ giải rồi đắc đạo không còn lui sụt. Có vô lượng chúng sanh được thọ ký thành đạo. Thế giới Vô cấu sáu lần rung chuyển. Ba ngàn chúng sanh ở thế giới Ta-bà trụ địa lui sụt. Ba ngàn chúng sanh phát tâm Bồ-đề mà được thọ ký. Hợp với lợi ích bốn quả vị này. Phẩm Phân Biệt Công Đức có mười một vị đắc chứng.

Vị phát tâm: Phật nói: Lúc Như lai thọ lượng lâu dài, có sáu trăm tám mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sanh đắc vô sanh pháp nhẫn. Có ngàn muôn vị Đại Bồ-tát đắc môn văn trì Đà-la-ni. Lại Đại Bồ-tát số nhiều như bụi nhỏ của một thế giới đắc Nhạo thuyết biện tài, Đại Bồ-tát số nhiều như bụi nhỏ của một thế giới đắc trăm ngàn muôn ức vô lượng Triền Đà-la-ni. Tam thiên đại thiên thế giới vi trần số Đại

Bồ-tát có thể xoay bánh xe pháp không còn lui sụt. Hai ngàn cõi nước vi trần số Đại Bồ-tát có thể xoay bánh xa pháp thanh tịnh. Có Tiểu thiên cõi nước vi trần số Đại Bồ-tát đắc được tám sanh.

Bốn tứ thiên hạ đương đắc bốn sanh, ba tứ thiên hạ đương đắc ba sanh, hai tứ thiên hạ đương đắc hai sanh, và một tứ thiên hạ vi trần số Đại Bồ-tát nhất sanh sẽ đắc quả A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Lại có tám thế giới vi trần số chúng sanh đều tâm phát A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề như nói tám muôn bốn ngàn Bồ-tát ở trong phẩm Dược Vương, đắc Đà-la-ni hiểu được ngôn ngữ của tất cả chúng sanh. Trong phẩm Diệu Âm nói có tám muôn bốn ngàn vị đắc Tam-muội Hiện nhất thiết sắc thân. Bốn muôn hai ngàn thiên tử đắc vô sanh pháp nhẫn. Hoa Đức Bồ-tát đắc Tam-muội Pháp Hoa. Nói phẩm Quan Âm có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề. Nói phẩm Đà-la-ni có sáu muôn tám ngàn người đắc vô sanh pháp nhẫn. Nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương bổn sự có tám muôn bốn ngàn người xa lìa hết bụi nhỏ đắc pháp nhẫn thanh tịnh. Nói phẩm Phổ Hiền Khuyến Phát, có Hằng hà sa đẳng vô lượng vô biên Bồ-tát đắc trăm muôn Triền Đà-la-ni. Có Tam thiên đại thiên thế giới vi trần đẳng Bồ-tát hành đạo Phổ Hiền. Trong năm thọ ký trước, thọ ký sẽ thành Phật. Hai mươi lăm loại này là nhân vị hiện chứng đều là lợi ích hiện nay mà nói kinh Pháp Hoa.

2) Lợi ích về sau: Rời khỏi hội về sau đều do kinh Pháp Hoa mà được công đức đều là lợi ích về sau. Phẩm Tùy Hỷ Công Đức nói: Năm mươi người khi nghe kinh Pháp Hoa đều tùy hỷ thì công đức, hơn cả bố thí bốn trăm muôn ức na-do-tha, tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh các loại vàng bạc bảy báu, lại hơn nữa, khiến cho đắc quả A-la-hán. Nếu đi đến phòng tăng trong khoảnh khắc nghe kinh Pháp Hoa, thì đời đời được cưỡi các xe bảy báu xe voi ngựa cho đến nghe pháp ở cõi trời. Nếu lại chia chỗ ngồi để cho người khác nghe, thì đời đời được ngồi ở chỗ Phạm vương và Đế-thích. Nếu khuyên người đến nghe Pháp Hoa, thì đời đời thường sinh một chỗ với Bồ-tát Đà-la-ni, không hề bị câm ngọng, cho đến tương lai gặp Phật nghe pháp tin nhận lời Phật dạy. Phẩm Pháp Sư Công Đức chép: “Như người Thiện nam! Người Thiện nữ thọ trì kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc hoặc tụng, hoặc giảng nói hoặc ghi chép, thì mắt người này sẽ được tám trăm công đức tai được. Một ngàn hai trăm công đức mũi được, tám trăm công đức lưỡi được. Một ngàn hai trăm công đức thân được, tám trăm công đức ý được, một ngàn hai trăm công đức . Các công đức ở sáu căn như thế đều được thanh

tịnh.” Cho đến phẩm Phổ Hiền chép: “Nếu đời sau có người thọ trì đọc tụng kinh này thì người này không còn tham đắm y phục, giường ghế, thức uống ăn và các vật dụng nuôi sống khác, mọi sở nguyện đạt được đều không luống dối, ở trong hiện đời lại được phước báu.” Thế nên trong kinh Di Giáo nói: Người đáng được độ đều đã độ hết, người chưa được độ đều đã làm nhân duyên để được độ.” Do đây mà nói kinh này, cho đời sau làm được lợi ích lớn. Đó gọi là vì lợi ích mai sau mà Phật nói kinh này.

Nói về hiển thời cơ có hai: Một là hiển thời, hai là hiển cơ.

Hiển thời: Chư Phật nói giáo, đều lược có hai loại. Một là đốn, hai là tiệm. Đốn là chỉ cho các bậc đại cơ. Đốn là từ phàm phu để cầu Phật đạo. Như trong kinh Thắng man nói về Nhất thừa, Nhất thừa là quyền, bốn thừa là thật. Tiệm tức là căn cơ của kia từ nhỏ cho đến lớn. Trong kinh này nói về Nhất thừa, Nhất thừa là thật Nhị thừa là quyền, nên phần nhiều từ Nhị thừa để cầu Phật đạo, phần nhiều thuộc về Đại thừa tiệm giáo. Các sư xưa giải thích rằng: Giáo có năm thời:

- Thời thứ nhất là từ lúc Phật mới thành đạo vì năm trăm người đi buôn, chỉ nói ba quy năm giới cấm, mười điều thiện nhân quả ở thế gian, tức là kinh năm giới bổn hạnh, vì chưa có pháp khí gốc lành xuất thế.

- Thời thứ hai: Phật thành đạo sau hai mươi mốt ngày, trong mười hai năm chỉ nói giáo ba thừa hành “Hữu”, chưa vì thuyết “không”. Tức là các kinh Tiểu thừa như A-hàm.

- Thời thứ ba: Sau khi Phật thành đạo trong ba mươi năm, nói ba thừa đồng hành không giáo, tức là các kinh: Duy-ma, Tư Ích, Đại Phẩm.

- Thời thứ tư: Phật thành đạo trong vòng bốn mươi năm, có nói Nhất thừa, nhưng vẫn chưa giảng nói về Phật tánh thật tướng thường trụ một cách rõ ràng, còn nói về quả Phật vô thường, cho là chân thật. Tức là các kinh Pháp Hoa, vô Lượng Nghĩa. Vì từ trước chưa nói nghĩa Nhất thừa, nên trong đây còn chưa giảng nói Phật tánh thường trụ một cách rõ ràng .

- Thời thứ năm: Trong rừng Song lâm, Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thường trụ. Tức nói các kinh: Niết-bàn, Đại Bi v.v... Xem qua thì có thể như vậy mà lý thì không như vậy. Nghĩa là kinh nói năm trăm người đi buôn trước khi thọ năm giới phải sám hối các tội ngũ nghịch thập ác báng pháp, đắc bốn đại bổn tịnh, năm ấm bổn tịnh, lục trần bổn tịnh, ngã của ta bổn tịnh. Tức là đắc bất khởi pháp nhẫn. Ba

trăm người đi buôn đắc nhu thuận nhẫn. Hai trăm người đi buôn đắc quả Tu-đà-hoàn. Bốn thiên vương đắc nhu thuận nhẫn. Ba trăm Long vương đắc Tín nhẫn, còn lại các vị Trời người đều phát vô thượng đạo ý. Mười ức Trời người đều thực hành mười điều thiện của Bồ-tát. Tức là: Trưởng giả diệt khổ đắc ba cõi bất khởi pháp nhẫn. Tức từ Sơ địa đến Bát địa.

- Lại trong kinh Phổ Diệu chép: Tuần lễ thứ hai năm trăm người đi buôn dâng cháo mật cúng dường Phật. Phật liền thọ ký. Các ông ở đời sau được thành Phật hiệu là Tề Thành. Vì sao chỉ nó đệ nhất chỉ là giáo Thế gian. Nhưng vì ngày nay còn chưa rõ ràng nói hàng ba thừa đồng chỗ quán đế. Cho nên chưa gọi là xoay bánh xe. Đến khi có năm Tỳ-kheo thì mới gọi là xoay bánh xe.

Kế đến nói thời thứ hai trong mười hai năm chỉ nói "hữu giáo". Giác ái hỏi rằng: Sau khi thành đạo năm năm Phật nói Đại Bát-nhã chính là nói thật tướng. Lại năm thứ bảy vì tám vị Bồ-tát nói kinh Ban Chu Tam-muội, chính là nói năm ấm chúng sanh vốn không. Lại đến năm thứ chín nói kinh Ương-quật-ma-la Tam-muội. Trong năm thứ mười nói kinh Như lai Tạng, đều nói rõ lý Phật tánh Niết-bàn sâu xa. Lại kể rằng: Kinh Phổ Diệu cũng nói Bồ-tát hạnh, cũng thọ ký người đi buôn thành Phật. Lúc Phật mới thành đạo đã nói Đại thừa. Lại lúc thành đạo khoảng mười bốn ngày nói kinh Thập Địa. Lại kinh Đại Bát-nhã chép: Phật tại vườn Lộc giả, xoay bánh xe tứ đế, có vô lượng chúng sanh phát tâm Thanh văn, vô lượng chúng sanh phát tâm Độc giác. Vô lượng chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-Tam-miệu-Tam-bồ-đề, hành lục Ba-la-mật. Vô lượng Bồ-tát đắc vô sanh pháp nhẫn, trụ ở Sơ địa Nhị địa, Tam địa... cho đến Thập địa. Có vô lượng Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ đều đồng thành Phật. Vì sao lại nói vào thời thứ hai chỉ nói ba thừa hữu giáo. Như thế đủ biết một trận mưa cây cỏ thấm nhuần không đồng. Không thể nói Phật giáo là có trước sau. Nay nương vào nghĩa xưa tạm phá hai thời, ba thời, còn lại cũng phá như vậy. Chỉ sợ văn rườm rà nên lược bớt không nói. Nếu theo Kinh mới, thì Đại thừa Đốn giáo chỉ có một thời, cùng với một đại cơ mà không khởi theo tiểu cơ. Giáo bao trùm chỉ có một, cho nên dần dần đại giáo mới có ba thời. Trong kinh Giải Sâu kín Phật vì Bồ-tát Thắng Nghĩa Sanh , y theo ba tánh mà nói ba vô tánh, đều là Biến kế sở chấp. Bồ-tát Thắng Nghĩa sanh lãnh giải sâu xa, liền nói rộng các kinh: Thế Gian Tỳ Thấp Phược Dược Tạp Thái Thơ, Địa Thục Tô Hư Không, và các Thí Dụ rồi. Đức Thế tôn ngợi khen là khéo giảng nói. Thắng Nghĩa Sanh bạch rằng:

- Phật ở vào thời thứ nhất, ở cõi vị Tiên Ba-la-tư-đà, rơi đọa vào

trong rừng Thi lộc, chỉ vì phát tâm tu Thanh văn thừa, tức là dùng tướng Bốn đế xoay bánh xe chánh pháp. Tuy là pháp rất đặc biệt ít có ở thế gian không ai có thể xoay được, nhưng lúc ấy sự xoay bánh xe này còn có pháp vượt hơn, còn có chỗ chấp thọ là chưa rõ nghĩa là các tranh luận về chỗ đặt chân. Đức Thế tôn khi xưa vào thời thứ hai, vì những người phát tâm tu Đại thừa, nương vào tất cả pháp đều không có tự tánh, vô sanh, vô diệt, tự tánh xưa nay vắng lặng Niết-bàn, dùng tướng ẩn mật mà xoay bánh xe chánh pháp. Tùy càng đặc biệt càng ít có, mà lúc ấy sự xoay bánh xe này cũng là có chỗ chấp thọ. Còn chưa rõ nghĩa, cũng có các tranh luận về chỗ đặt chân. Trong thời thứ ba, Đức Thế tôn vì tất cả chúng sanh phát tâm hướng Đại thừa, y theo tất cả pháp đều không có tự tánh, vô sanh, vô diệt, xưa nay tự tánh Niết-bàn vắng lặng, không có tánh tự tánh, dùng hiển liễu tướng xoay bánh xe chánh pháp. Là pháp đặc biệt ít có bậc nhất là đức Thế tôn xoay bánh xe vô thượng, không có chỗ chấp thọ, là liễu nghĩa chân thật , chẳng phải là các tranh luận về chỗ đặt chân. Theo văn kinh này thì kinh A-hàm là thời thứ nhất, thầm nói chung về hữu mà không nói hữu ấy có tính gì? Kinh Đại Bát-nhã v.v... là thời thứ hai, thầm nói chung về không, chẳng nói không cũng không có tánh gì?

- Kinh Hoa Nghiêm v.v... là thời thứ ba. Nói về hữu, hữu y tha, viên thành. Cũng nói rõ thuyết không, không chỗ chấp tánh. Vậy nên trong kinh Thiện Giới chép: Hữu vi, vô vi đều gọi là hữu. Ngã và ngã sở đều là không.

- Kinh Kim Quang Minh cũng nói ba pháp luân, đó là chuyển, chiếu, trì. Chuyển pháp Tứ đế, dùng không chiếu hữu, phi hữu phi không đều có thể gìn giữ. Kinh Niết-bàn cũng nói: Đầu tiên có y sư (thầy thuốc) bảo người uống sữa. Do chỉ uống sữa nên trong nước nhiều người chết. Sau có một thầy thuốc khác nói sữa là độc tố khuyên mọi người không nên uống. Sau đó vua có bịnh hỏi thầy thuốc nên uống gì. Thầy thuốc bảo hòa thuốc với sữa. Vua nổi giận hỏi: Trước kia ngươi nói sữa là độc dược, sao nay lại bảo đem hòa thuốc với sữa uống.

Thầy thuốc đáp: Trước vì chỉ uống sữa nên nhiều người chết. Vì chỉ thường uống một chất như thế nên nói là chất độc, vì sợ người không bỏ được mới nói vậy để cho bỏ. Xét theo lý thật thì có bịnh nên uống, bị bịnh lại không nên uống. Vua bịnh này thì nên pha thuốc với sữa uống mới thích hợp.

Phật nói: Pháp của ta cũng giống như vậy. Kinh Pháp Hoa cũng chép: Khi chúng con diệt được bên trong tự cho là đủ, chỉ hiểu việc này

mà không hiểu việc khác, đây là thời giáo ban đầu. Nếu chúng con nghe cõi Phật thanh tịnh giáo hóa chúng sanh đều không ưa thích. Đây là thời giáo thứ hai. Phật cũng như thế hiện ra các việc ít có, biết chúng ưa pháp nhỏ, nên dùng năng lực phương tiện điều phục tâm rồi mới dạy cho trí lớn. Hôm nay chúng ta được điều không hề có, chẳng phải là điều mong cầu trước kia mà nay tự được. Đây là thời giáo thứ ba. Cũng đồng với ba thời giáo như Kim Quang Minh, Giải Sâu kín, v.v... Nếu dùng căn cơ thiên viên thích nghi tiệm thứ thì giáo chỉ có ba thời chẳng phải là một hay năm thời... thì không đáng khó vì một trận mưa khắp thấm nhuần cả ba loại cỏ khác nhau. Giáo chỉ có một thì căn cơ đốn ngộ chứng chỉ một quả. Nghĩa là nương vào lý này thì không có giáo ba thời. Nếu căn cơ theo thứ lớp thành tựu tức từ Đại cơ theo Tiểu cơ sanh giáo thì nhất định có ba, là do ứng cơ mà nói. Dùng lý hội giáo thì gọi là một trận mưa. Đem giáo ứng căn cơ thì nói pháp ba thừa. Hoặc ba hoặc một lý vẫn không trái nhau. Kinh này ba lần nói Nhất thừa, phần nhiều bao gồm Thanh văn. Trước nói Bát-nhã đã dạy về “Không”, phá trừ bịnh “Hữu”, chúng Thanh văn đã tín hiểu rồi không còn ngu pháp. Nay nói thời thứ ba là để cho họ trở về một hướng cũng hóa độ người đốn ngộ nhờ đây được phát tâm đến trong phần lưu thông chứng đạt vô sanh vậy. Như trước nói đây cũng chung cho đốn giáo, thế nên biết một trận mưa, sự lợi ích đều khác nhau. Vì để hiển bày giáo lý chân thật của thời thứ ba, cho nên nói kinh này.

Hiển cơ: Theo kinh Niết-bàn chép: Chỉ có một căn cơ. Tiếng rống Sư tử là nói sự quyết định. Tất cả đều có Phật tánh. Lại nói chúng sanh cũng giống như vậy, thảy đều có tâm. Hễ người nào có tâm đều đắc quả Chánh đẳng chánh giác. Kinh này cũng nói: Trong cõi Phật mười phương chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ khi Phật dùng phương tiện nói. Chỉ giáo hóa Bồ-tát, không có đệ tử Thanh văn... Nếu Thanh văn hoặc Bồ-tát nghe ta nói pháp thì đều thành Phật.” Theo đây nói thì chỉ có một tánh Đại thừa. Kinh này đã nói Nhất thừa tức bao gồm căn tánh Đại thừa kia. Nhưng tánh có hai:

1) Lý tánh như kinh Thắng man nói Như lai tạng.

2) Hành tánh như kinh Lăng-già nói Như lai tạng.

Tánh trước đều có mà tánh sau hoặc là không, nói có Như lai tạng mà không nói thành Phật. Theo kinh Thiện Giới, và luận Địa Trì chỉ nói có hai trường hợp:

1) Có chủng tánh

2) Không có chủng tánh.

Kinh luận nói tánh chủng tánh là pháp vô thỉ như vậy, sáu chỗ thù thắng xoay vần nối nhau. Đây là dựa theo hành tánh mà có chủng tánh.

Không có chủng tánh là người không có chủng tánh. Tuy có phát tâm siêng năng tinh tấn, nhưng không bao giờ đắc Vô thượng Bồ-đề, mà chỉ thành tựu gốc lành trời người tức là không có chủng tánh. Kinh luận này y theo người có chủng. Không phải người không có chủng tánh tức dựa vào hành tánh mà nói có, không. Phần nhiều văn dưới đều nương vào hành tánh mà nói lý tánh đều có khắp, nhưng dựa vào có chủng tánh chẳng phải không có hơn, kém khác nhau.

Nhiếp luận của ngài Thiên Thân cũng chép:

- Thượng thừa hạ thừa có khác nhau, Thanh văn, Bồ-tát đều có chia ra ba tạng. Lại những nơi khác đều nói trong mười lực Như lai có trí lực thượng, hạ căn. Đây tức là Bồ-tát tạng Thượng thừa thu nhiếp Thượng căn. Cho nên dựa vào có thì chẳng phải không, dựa vào khác thì chẳng phải đồng, vì thế dùng chung mà y cứ riêng. Kinh này lại nói: Vì người cầu Thanh văn mà Phật nói pháp Tứ đế. Vì người cầu Duyên giác mà nói pháp mười hai nhân duyên. Vì người cầu Bồ-tát mà nói sáu pháp Ba-la-mật, kinh này nói Nhất thừa, tức là vì người cầu Bồ-tát mà nói sáu pháp Ba-la-mật. Trong phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương có tám muôn bốn ngàn người xa lìa bụi nhỏ, cũng có thể nói bên cạnh đó người Thanh văn cũng có lợi ích. Có, không đều là phân biệt của Đại Tiểu thừa. Dựa vào đồng chẳng phải khác dùng riêng mà nhiếp chung. Kinh Niết-bàn chép: Ví như người bịnh có ba loại:

1) Gặp thầy thuốc hay không gặp thầy thuốc, quyết định có thể hết bịnh, tức Bồ-tát.

2) Gặp thì sửa, không gặp không hết bịnh, tức là Nhị thừa.

3) Gặp hay không gặp quyết định cũng không hết bịnh là Nhất xiển đề.

Kinh này cũng nói: Luân vương, Thích, Phạm là cỏ thuốc nhỏ. Thanh văn, Duyên giác là cỏ thuốc vừa. Bồ-tát Đại tiểu là cỏ thuốc lớn. Thứ lớp tùy nghịch cũng đồng với kinh Niết-bàn. Nay kinh này chỉ bao gồm người có tánh Bồ-tát. Trước tuy làm Thanh văn, nhưng sau là Bồ-tát. Lại cũng có thể nói có cả Thanh văn như trước đã nói dựa vào có chẳng phải không mà chung riêng khác loại.

Lại trong Đại Bát-nhã, Bồ-tát Thiện Dũng mãnh nói: cúi mong Đức Thế tôn! Thương xót chúng con mà giảng nói cảnh trí đầy đủ của Như lai. Nếu có hữu tình giống như Thanh văn thừa có tánh quyết định,

nghe pháp này rồi có thể chứng đắc địa vô lậu của thừa mình. Đối với Độc giác thừa tánh quyết định, nghe pháp này rồi mau nương vào chính thừa mình mà được xa lìa. Người có tánh quyết định Vô thượng thừa nghe pháp rồi mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Nếu có hữu tình tuy chưa và đã nhập vào chánh tánh ly sanh, mà đối với ba thừa tánh bất định đó, nghe pháp này rồi đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các luận tuy nói Thánh vị mà cũng có hồi tâm. Nay nói không thọ được biến dịch sanh tử vì hồi tâm. Nói chưa nhập vào chánh tánh ly sanh, kinh này bao gồm người Đại thừa định tánh, Thanh văn định tánh và bất định tánh, như trước đã có dẫn ra.

Lại trong kinh Thắng man chép: Ví như mặt đất có bốn gánh nặng: Một là Đại hải, hai các ngọn núi, ba là cây cỏ, bốn là chúng sanh. Người Thiện nam nhiếp thọ chánh pháp cũng như thế. Có thể gánh vác bốn nhiệm vụ nặng nề, đó là đối với chúng sanh lìa Thiện tri thức không nghe phi pháp thì dùng gốc lành trời người mà thành tựu họ. Người cầu Thanh văn thì trao cho Thanh văn thừa. Cầu Duyên giác thì trao cho Duyên giác thừa. Cầu Đại thừa thì trao cho Đại thừa. Đây có thể là hạng tánh Đại thừa và Thanh văn không phải hai loại tánh còn lại. Y theo có chủng tánh chẳng phải không có, mà chung riêng khác loại hiện tại, tương lai không có.

Kinh Lăng-già chép: Phật bảo Đại Tuệ: Có năm loại tánh chứng pháp:

1) Tánh của Thanh văn thừa.

2) Tánh của Bích-chi-phật thừa.

3) Tánh của lai thừa.

4) Tánh của Bất định thừa.

5) Là Vô tánh, đó là nhất xiển đề.

Đây có hai loại:

1) Là thiêu đốt tất cả gốc lành. Tức chê bai Bồ-tát tạng.

2) Là thương xót tất cả chúng sanh thành Phật nguyện độ hết tất cả chúng sanh. Đó là Bồ-tát. Nếu chúng sanh không nhập Niết-bàn, ta cũng không nhập.

Đại Tuệ bạch rằng: Vì sao cả hai thường không nhập Niết-bàn.

- Phật bảo: Bồ-tát thường không nhập Niết-bàn. Chẳng phải vì thiêu đốt tất cả căn lành. Vì biết các pháp xưa nay vốn là Niết-bàn, nên không lìa bỏ chúng sanh. Kinh này bao gồm chúng Thanh văn và tánh của thừa Như lai, tánh của thừa bất định, và hàng Bồ-tát Đại bi trong

nhất xiển đề. Chẳng phải vì tánh Độc giác và người dứt gốc lành, nên có, không chủng tánh đều nói chung, riêng đều khác loại. Hiện dứt mà cuối cùng không dứt. Lại nữa, luận Đại Trang Nghiêm nói: Có năm loại tánh: Bốn loại đầu giống như kinh Lăng-già nói. Loại thứ năm có hai: Một là thời biên, hai là tất cánh. Thời biên tức là tạm thời. Tất cánh là không có nhân kinh này bao gồm bốn loại trước, ngoại trừ Độc giác và tánh thứ năm. Nương vào có và không, cho nên thành, không thành. Thông biệt khác loại.

Kinh Du-già lại nói có năm thứ tánh: Bốn loại trước đồng như trước, loại thứ năm chỉ gọi là vô chủng tánh, kinh này bao gồm kinh đồng với luận trang nghiêm nói. Nếu lấy Nhất thừa làm tông, thì chỉ lấy tánh Bồ-tát mà không vì căn tánh Thanh văn. Một trận mưa gội nhuần cả ba thứ cỏ khác nhau. Có thể vì chúng Thanh văn như trong kinh Du-già nói. Đạo Vô gián có thể xa lìa trần, đạo giải thoát có thể xa lìa hết cấu, chứng được thắng trí này thì gọi là pháp nhãn tịnh. Tức đắc quả Dự lưu kiến đế. Cho nên biết không phải nói Nhất thừa cũng bao gồm căn cơ Thanh văn. Kinh hội đã có nên thông suốt như thế. Vì thích nghi căn cơ nên Phật nói kinh này.

PHẦN II: Là nói tông chỉ bộ kinh: Ở đây các vị Tiên đức, phán chung kinh luận có bốn tông:

1) Lập tánh tông: Là luận Tạp tâm. Lập ra ngũ tụ pháp có thể tánh.

2) Phá tánh tông: Là luận Thành Thật , phá pháp hữu, thể, chỉ có tướng hữu.

3) Phá tướng tông: Là Bát-nhã... phá tướng trạng của pháp cũng thành không.

4) Hiển thật tông: Là Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa... hiển bày đạo nghĩa trung đạo chân thật. Kinh này chính là nằm trong tông thứ tư.

Lại trong kinh luận xưa về tôn chỉ có rất nhiều. Bốn bộ A-hàm cũ và luật Tăng-kỳ, là nghĩa của Đại chúng bộ. Tam Di Đế luận là nghĩa của Thượng tọa bộ, Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm. Phạm võng, Lục thập nhị kiến là nghĩa của chánh lượng bộ. Luật Tứ Phần là của tạng bộ. Các bộ kinh luận này thuộc về Tông nào. Nhưng văn kinh-thù Vấn và luận Tông Luân nói Tiểu thừa có hai mươi bộ là: Đại chúng bộ, Nhất Thuyết bộ, Thuyết Xuất Thế bộ, Kê Dẫn bộ. Đa Văn bộ, Thuyết Giả bộ, Chế Đa Sơn bộ. Tây Sơn Trụ bộ, Bắc Sơn Trụ bộ. Thuyết Nhất Thiết Hữu

bộ, Tuyết Chuyển bộ. Độc Tử bộ, Pháp Thượng bộ, Hiền Vi bộ, Chánh Lượng bộ, Mật Lâm Sơn bộ, Hóa Địa bộ, Pháp Tạng bộ, Ẩm Quang bộ, Kinh Lượng bộ, hợp với hai pháp Đại thừa thành hai mươi hai tông. Nay y theo văn phán giáo thì giáo chỉ có ba: Nếu lấy loại y theo tông, thì tông có tám. Ba giáo là:

1) Đa thuyết hữu tông. Các bộ A-hàm v.v... là nghĩa Tiểu thừa. Tuy nói nhiều về hữu mà chẳng trái với không.

2) Đa thuyết không tông: Trung luận Bách luận, luận Thập nhị môn, Bát-nhã v.v... Tuy nói nhiều về không mà cũng chẳng trái với hữu.

3) Phi không phi hữu tông: Kinh Hoa Nghiêm, Sâu kín, Pháp Hoa v.v... nói hữu vi vô vi đều gọi là hữu.

Ngã và ngã sở đều gọi là không. Ba giáo này như văn trước. Tông có tám là:

1) Ngã pháp câu hữu, như Độc tử bộ v.v...

2) Hữu pháp vô ngã: như Tát-bà-đa v.v...

3) Pháp vô khứ lai: như Đại chúng bộ...

4) Hiện thông giả thật: như Thuyết giả bộ.

5) Tục vọng chân thật: như Thuyết Xuất thế bộ v.v...

6) Chư pháp đản danh: như Thuyết Nhất bộ v.v...

7) Thắng nghĩa đều không: như Kinh Bát-nhã v.v... Trung, bách luận của ngài Long Thọ.

8) Ứng lý viên thật: Đây là các bộ Pháp Hoa, các thuyết trung đạo giáo của ngài Vô Trước nghĩa của luận Thành thật nghĩa kinh bộ sư y cứ. Tức là Hiện Thông giả thật thứ tư. Tuy nghĩa có khác nhau mà hợp lại có hai mươi hai. Theo lý thì hoàn toàn sai, chẳng có gì ngoài tám điều trên. Nhưng kinh Pháp Hoa chép:

- Như lai dùng một lời mà giảng nói vô biên biều khế kinh.

Kinh Vô Cấu Xứng chép: Phật dùng một âm thanh mà giảng nói pháp. Chúng sanh tùy loại đều được liễu ngộ.

- Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Ta thành đạo đến nay hơn bốn mươi năm, thường nói các pháp bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, không đây, không kia, không đắc, không mất. Tất cả đều vô tướng, nhưng do sự ngộ liễu của chúng sanh không đồng nêu đắc quả có khác.

Kinh Pháp Hoa cũng chép: Một trận mưa gội nhuần cỏ cây sanh trưởng không đồng.

- Kinh Ưu-bà-tắc giới chép: Ba con đường qua sông, cạn sâu đều khác nhau.

Nhiếp luận cũng nói: Như trống trời, Mạt-ni, không suy nghĩ mà thành ra tự sự. Cho nên biết các giáo nghĩa vốn không khác nhau. Do căn cơ không đồng, nên chia ra giáo nghĩa Đại Tiểu đốn tiệm. Kinh này tạm đương là giáo tiệm đại thừa. Đây là nương vào việc hóa dụ Thanh văn mà quy về Đại thừa nên gọi là Tiệm. Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự nói tám muôn bốn ngàn người được xa lìa bụi nhơ, đắc pháp nhãn thanh tịnh, tức là sơ quả.

Trong phẩm Thọ Lượng chép: số chúng sanh phát tâm như cát bụi của tám thế giới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong phẩm Phổ Môn, có tám muôn bốn ngàn chúng sanh đều phát tâm Chánh vô đẳng Chánh Giác Vô thượng, tức có thể thành đốn giáo. Cho nên biết đốn tiệm không có giáo môn riêng, mà chỉ tùy cơ chia ra, nên ở đây chung cả hai. Hai giáo bán mãn. Mãn tông thâu nhiếp. Sanh không pháp không thông nhiếp cả hai giáo. Hữu tác, vô tác xuyên suốt cả hai môn. Thế tục, Thắng Nghĩa tùy theo cảm ứng mà chia làm hai. Tuy biết là chung nghĩa chỉ tông như thế mà tùy riêng nêu ra Nhất thừa chính là Tông. Vì thế văn dưới nói: Nay kinh này chỉ nói Nhất thừa, mà xưa ở trước Bồ tát chê trách Thanh văn chỉ ưa thích pháp tiểu thừa nhưng thật ra Phật nói pháp Đại thừa để giáo hóa các đệ tử. Cho nên ở đây lấy Nhất thừa làm tông. Nghĩa Nhất thừa đến phần vì một đại sự nhân duyên ở trong phẩm Phương tiện, sẽ phân biệt rõ.

PHẦN III: là giải thích được tên kinh phẩm : Đề mục của kinh là: kinh Diệu Pháp Liên Hoa . Tiếng Phạm: Tát-đạt-ma Bôn-trà-lợi-ca Tố-đát-lãm.

Chữ Tát nghĩa là chánh Diệu nên Ngài Pháp Hộ dịch là chánh Pháp Hoa; ngài La-thập dịch là Diệu Pháp Liên Hoa. Đạt-ma là pháp. Bôn-trà-lợi-ca là Bạch Liên Hoa. Bên Tây Vực gọi Hoa sen trắng là Bôn-trà-lợi-ca. Cho nên trong kinh này mới nói: Bốn sắc hoa sen là xanh, vàng, đỏ, trắng. Gọi là Uất-bát-la hoa, Câu-mưu-đà hoa, Bát-đặc-ma hoa, Bôn-trà-lợi hoa. Như thứ lớp kết hợp Chữ Liên là phù-cừ. Hoa là hoa mỹ. Tố-đát-lãm là kinh. Theo nghĩa nên gọi là: kinh Diệu Pháp Bạch Liên Hoa, cho nên trong văn dưới nói: Phật phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng, xe thì dùng trâu trắng. Màu trắng là màu căn bản trong các màu. Nhất thừa là thừa căn bản của các thừa. Trong bản tiếng Phạm không phân biệt chữ bạch, nên gọi chung là Liên Hoa. Nhưng trong kinh này, Xá-lợi-phất ba lần thỉnh người xấu ác rời khỏi chỗ ngồi. Sau đó Phật mới nói, ý chỉ Nhất thừa sâu xa, phần nhiều nương vào lý trí nhân

quả để gọi là Pháp Hoa, khai tri kiến Phật. Cả hai đều khen ngợi hiển lý, trí hai thân pháp, báo hai loại Vô thượng khiến sanh ưa thích hướng đến chỉ cho biết tri kiến Phật là lý pháp thân. Chỉ cho biết là đồng với Phật để chứng. Ngộ tri kiến Phật là trí báo thân, khuyên người tu ngộ. Ba loại trên đây, khen ngợi nói rõ quả của Phật hai thân pháp báo. Hai lý trí Niết-bàn Bồ-đề đã xong. Nhập tri kiến Phật là hai nhân này. Hành nhân Nhất thừa, hướng về cực quả. Cho nên đồng ban cho xe trâu là nhân Nhất thừa được như thừa ấy cùng với các con, kiếp số ngày đêm tự tại du hý chính là nhân thừa. Trừ bỏ hóa thành dắt đến đảo châu báu đó là quả Nhất thừa. Kinh Đại Niết-bàn gọi là đảo châu báu. Đây cùng ba loại trung biên Vô thượng, cũng không trái nhau. Giáo năng thuyên gọi là quyền phương tiện trí tuệ sở thuyên gọi là thừa chân thật. Trong thừa chân thật muốn Nhị thừa hành nhân đến quả nên nói nhân quả gọi là Pháp Hoa. Vì thế luận này giải thích phẩm Phương tiện rằng: Từ đây trở xuống là nói về tướng nhân quả. Do đó mà nói hành quả Nhất thừa gọi là Pháp Hoa. Nếu theo luận giải kinh Vô Lượng Nghĩa có mười bảy tên gọi, thì tên gọi thứ mười sáu gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Liên Hoa có hai nghĩa:

1) Nghĩa lên khỏi mặt nước: Theo lý sở thuyên là ra khỏi dòng nước vẩn đục của Nhị thừa.

2) Nghĩa mở bày: Dùng ngôn giáo cao quý mà mở bày chân lý. Nghĩa trước là lý diệu, nghĩa sau là giáo diệu... Lại trong các tên gọi thì tên gọi thứ mười bốn, cũng gọi là Nhất thừa, cho nên biết Pháp Hoa cũng có cả giáo và lý, Phật muốn các Bồ-tát quán xét căn cơ trao đạo, nên nói và giáo lý, chính gọi là Vô Lượng Nghĩa. Ngoài ra cũng gọi là Pháp Hoa, như phẩm Phương Tiện chép: "Trí tuệ Chư Phật sâu xa vô lượng, môn trí tuệ này khó hiểu khó vào," Luận tự giải thích rằng: Có hai nghĩa sâu xa:

1) Là chứng sâu xa: Nghĩa là chỗ chứng trí tuệ của Phật.

2) A-hàm sâu xa: Nghĩa là môn trí tuệ, tức giải thích giáo kia. Muốn rũ bỏ Nhị thừa khiến sanh tâm kinh nghi. Từ định vô Lượng Nghĩa xứ mà khởi, ban đầu dùng giáo lý gọi là Pháp Hoa. Xét chung các văn kinh, y theo vào thật pháp mà nói thì giáo lý hạnh quả cũng là Nhất thừa, đều gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu pháp giáo, lý như trước đã nói. Hành diệu pháp đó: Trong luận giải thích nhập Phật tri kiến nói rằng:

- Khiến chứng địa không lui sụt, thị hiện cùng vô lượng trí nghiệp. Đây chính là nhân thừa của quả Phật. Trong phẩm Thí Dụ chép: Thân

tay ta có sức, nên dùng tay áo bàn ghế mà ra khỏi nhà.

Lại nói: Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp.

Lại nói: Ta tuy ở trong cửa của ngôi nhà lửa thiêu đốt này mà an ổn được ra khỏi. Nhân hành của Đại thừa gọi là cửa, chính là nơi sở hành.

Nhân bi trí của Nhị thừa, dẫn dụ gọi là tay áo bàn ghế, tùy nghi mà ra. Trên nói ba thừa còn ở nhà phần đoạn ba cõi, nên chưa có từ ngữ cho xe.

Lại nói: Được xe như thế, để cho các con, ngày đêm kiếp số thường được dạo chơi. Cho các Thanh văn và Bồ-tát cưỡi xe báu này, thẳng đến đạo tràng. Vậy đủ biết nhân hạnh vô lậu ra khỏi nhà lửa thế gian là Nhất thừa, tự tại không ràng buộc không có chỗ nương cầu. Nên trong phẩm Phương tiện chép: Hành trì hết vô lượng Đạo pháp của Chư Phật.

Luận chép: Tu hành sâu xa, cho nên biết tu hành quả Phật năng thành cũng gọi là Pháp Hoa.

- Quả Diệu pháp là: Luận giải thích khai thị ngộ nói là nghĩa vô thượng, nghĩa nhân đồng, nghĩa bất tri. Tức là Niết-bàn, Bồ-đề quả Phật. Văn kinh dưới nói: Tướng các pháp vắng lặng không thể dùng lời mà giảng nói. Cho nên biết quả Phật chân lý cũng gọi là Nhất thừa. Lại chép: Vì nói trí tuệ Phật, nên Chư Phật xuất hiện ở đời. Cho nên biết quả Phật chánh trí cũng gọi là Nhất thừa. Do đây mà gọi chung là Đại thừa giáo lý hạnh quả đều có đức của hoa sen là khỏi dòng nước đục Nhị thừa. Giáo có thể phơi bày ra công năng của diệu lý. Lý có năng lực đưa lên khỏi nước. Hành có nhân mở bày hướng đến tướng quả. Quả có kết trái là năng của nhân. Cho nên pháp nhờ dụ mà rõ, sự mầu nhiệm do chấp trước hiển lộ. Cho nên mượn hoa hạt Bôn-trà-lợi ví cho nhân quả Tát-đạt-ma. Pháp đã bao gồm bốn nghĩa. Hoa cũng bao gồm bốn đức. Pháp có bốn nghĩa là khế hợp chỗ vi mật của bí tạng (là Giáo); Hòa huyền chỉ u cơ (là Lý), thành tựu nghĩa sâu xa thượng thừa (là Hành), viên mãn chân tông chí giác (là Quả). Đẹp mà không cạn kiệt thì gọi là diệu.

Bốn nghĩa của hoa là: Cánh nở ra thì thấy sen, so sánh giáo để vượt lên giác ngộ. Hoa sen vươn lên từ ao linh là dụ cho lý vượt lên các loài sen nhỏ. Nếu hoa nở mà đắc quả là thí dụ cho nhân nghiêm mà quả mãn. Nêu hạt kết là căn bản hoa hiển bày trí Phật là nguồn gốc thừa. Thế nên mượn hoa sen dẫn dụ là có nguyên nhân. Y theo lý này mà nói bốn pháp như hoa cũng là ứng là thắng. Nhưng xét ý kinh tuy có đủ bốn

mà ý phẩm Phương Tiện nêu giáo quyền ngày trước nói là ba, nay trong hội này lý thật chỉ có một. Phật đắc pháp sâu xa khó hiểu. Có chỗ nói ý đường khó biết. Cho nên dùng trí Phật dẫn dụ Nhị thừa. Hai pháp: Giáo, lý để dụ cho hoa sen. Dứt bỏ Nhị thừa kia đạt đến chân thánh là đồng giữ Nhất thừa, khiến cho những kẻ giả Thánh phải rời chỗ ngồi bỏ đi. Ba lần thỉnh sau đó mới cho là chánh nói một việc nhân duyên lớn làm chánh thể Pháp Hoa. Tức lấy hành quả để làm Pháp Hoa, khai thị ngộ làm quả, nhập để làm nhân hạnh, nên Vô Lượng Nghĩa là giải thích hoa sen vươn lên khỏi nước có hai nghĩa:

1) Không thể hiểu rõ đốn ngộ tánh Bồ-tát ra khỏi Nhị thừa.

2) Dụ cho Thanh văn nhập vào chúng, nương vào giáo kia để quán lý Nhất thừa mà thành ra tiệm ngộ. Cũng như Bồ-tát thường ngồi trên tòa sen, bên vì Nhị thừa mà nói cả giáo lý, hoặc kinh Vô Lượng Nghĩa vì Bồ-tát mà giảng nói. Đối với tánh chúng sanh, muốn nói vô lượng, là để khiến cho Bồ-tát đem hai pháp giáo và lý để hóa độ căn cơ chúng sanh. Cho nên trong luận giải có mười bảy tên gọi chỉ dùng hai pháp giáo lý để giải nghĩa Liên Hoa. Kinh này là để hóa độ Nhị thừa phát tâm cầu học Đại thừa. Chỉ lấy hai pháp: Hạnh, quả để gọi hoa sen. Lại kinh này vì hóa độ Nhị thừa trở về Đại thừa, để họ biết giáo quyền, lập ra ba mà lý thể chỉ là một, phát tâm tu hành cuối cùng thành quả Phật. Vậy nên giáo lý hành quả đều gọi là hoa sen. Giáo hành đều khai mở, lý quả cùng lên khỏi nước. Trong mười bảy tên gọi ở dưới sẽ phân biệt rõ ràng. Nếu chỉ lấy chân như làm thể diệu pháp Nhất thừa thì hai nghĩa lên khỏi nước, mở bày của hoa sen thành ra thí dụ rộng mà pháp lại hẹp, lý hẳn là không đúng, huống chi trong luận giải thích tên gọi chẳng phải giải thích theo đây, pháp tức là diệu, là hoa của sen. Hai Giải thích là trì nghiệp thích, y chủ thích như thứ lớp cũng có thể được. Diệu của đại pháp là y chủ thích. Diệu pháp này như hoa sen cũng là trì nghiệp thích. Nay ở đây không muốn giải thích riêng hoa sen, nên không giải thích trái nhau. Nếu lý là Diệu, thì kinh chỉ là giáo. Nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa tức là y chủ thích. Diệu pháp là giáo, kinh cũng là giáo. Nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa là Trì nghiệp thích. Nếu Diệu pháp là lý, kinh cũng là lý. Nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng là Trì nghiệp thích. Diệu pháp là giáo, kinh là lý, cũng là y chủ thích. Nương vào nghĩa thuận thể, nhân trong xứ, báo xuất thế. Y nhân y pháp. Y pháp y dụ, lấy đó làm tên như trong Tông luận nói. Nghĩa trong phẩm Tựa v.v... như âm huấn.

PHẦN IV: Nêu tên các phẩm kinh. Kinh có hai mươi tám phẩm là: Phẩm Tựa, phẩm Phương tiện, phẩm Thí Dụ, Tín Giải, Dược Thảo

Dụ, Thọ Ký, Hóa Thành Dụ, Ngũ Bá Đệ Tử Thọ Ký, Thọ Học Vô Học Nhân Ký, Pháp Sư, hiện Bảo Tháp, Đề-bà-đạt-đa, Khuyến Trì, An vui Hạnh, Tùng Địa Dũng Xuất, Như lai Thọ Lượng, Phân Biệt Công Đức, Tùy Hỷ Công Đức, Pháp Sư Công Đức, Thường Bất Khinh Bồ-tát, Như lai Thần Lực, Chúc Lụy, Dược Vương Bồ-tát Bổn Sự, Diệu Âm Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, Đà-la-ni, Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự, Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát. Các phẩm này gồm có bốn nhóm:

1) Một nghĩa làm tên thì có mười lăm phẩm.

2) Hai nghĩa làm tên có mười phẩm.

3) Ba nghĩa làm tên có một phẩm.

4) Bất định làm tên có hai phẩm:

- *Một nghĩa làm tên có mười lăm phẩm* lại chia làm bốn:

a. Từ pháp làm tên có bốn: Phẩm Phương tiện, Tín Giải, phẩm Trì, và Đà-la-ni.

b. Lấy dụ làm tên có ba: Phẩm Thí Dụ, Dược Thảo Dụ, Hóa Thành Dụ.

c. Từ người làm tên có bốn: Phẩm Pháp Sư, Đề-bà-đạt-đa, Thường Bất Khinh Bồ-tát, và Diệu Âm Bồ-tát. Còn phẩm Pháp sư là có Thầy của pháp tức từ người mà đặt tên. Pháp tức là thầy, lấy pháp làm thầy từ pháp mà đặt tên tùy theo đều được.

d. Từ Sự đặt tên có bốn: Phẩm Tựa, Thọ Ký, Tùng Địa Dũng Xuất, và Chúc Lụy.

- *Hai nghĩa làm tên có mười*. Trong đó lại chia làm ba:

a. Từ người và pháp đặt tên có tám: Phẩm Thọ Học Vô Học Nhân Ký, Như lai Thọ Lượng, Pháp Sư Công Đức, Như lai Thần Lực, Dược Vương Bồ-tát Bổn Sự, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự và Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

b. Lấy năng sở làm tên có một là phẩm Phân Biệt Công Đức.

c. Lấy nhân quả làm tên có một: là Phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

- *Ba nghĩa làm tên có mộ*t: là phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký. Ngũ Bách là Số. Đệ tử là người. Thọ ký là sự (việc) nên thành ba nghĩa.

- *Bất định làm tên có hai*: Phẩm An vui hạnh, và hiện Bảo Tháp; nghĩa an vui có cả nhân và quả. Nghĩa của kiến là có cả thấy và hiện.

An vui ở nhân, thấy là hiện, tức là một nghĩa đặt tên, hoặc ở quả thấy là thấy tức hai nghĩa đặt tên, suy nghĩ theo đây có thể hiểu nghĩa bất định. Vả lại, theo loại chung mà nói về sự đặt tên, còn cụ thể tên gọi

đến từng phẩm sẽ giải thích.

- ***Phần V***: Là nêu sự phế lập của phẩm kinh: Xét căn bản kinh này là từ thời Tần Diêu Hưng. Ngài Cưu-ma-la-thập dịch hai mươi bảy phẩm, không có phẩm Đề-bà-đạt-đa. Sa-môn Đạo Tuệ ghi trong Tông Tề lục rằng: Trước có ngài Thích Pháp Hiến ở chùa Định Lâm đến nước Vu Diền được bản kinh Phạn có một phẩm này. Sa-môn Pháp Ý ở chùa Ngõa Quan vào tháng mười hai niên hiệu Vĩnh Minh năm thứ tám đời Tề, dịch ra phẩm này, nhưng chưa xếp vào bộ kinh Pháp Hoa. Đến cuối đời Lương có Sa-môn Câu-na-la-đà ở nước Ưu-thiền-ni ở Tây Thiên-trúc. Câu-na-la-đà dịch là Gia Y, cũng âm là Bà-la-mạt-đà, dịch là Chân-đế. Ngài dịch ra phẩm này, bèn xếp vào sau phẩm "Hiện Bảo Tháp".

Lại có Sa-môn Trúc Pháp Hộ ở Đôn hoàng vào đời Tấn Vũ dịch chánh Pháp Hoa, cũng xếp phẩm Đề-bà-đạt-đa sau phẩm Hiện Bảo Tháp. Bản của ngài La-thập thì không có. Xưa giải thích rằng: Ở Tây Vức phần nhiều không có phẩm này. Ở phương Đông lại có. La-thập ở tại nước Quy Tư dịch nên không có phẩm này. Nếu vậy thì ngài Pháp Hiến ở nước Vu-điền sao lại có được phẩm này. Nước Vu-điền cũng ở tại phương Đông. Lại có lời giải: Phẩm Hiện Bảo Tháp ra mệnh lệnh trì mà phẩm Trì vâng mệnh gọi là thế văn nói nhau, mà xen giữa phẩm Đề-bà-đạt-đa thì thế văn thưa, cách. Ngài La-thập sợ người sau mê hoặc nhiều nên lược bớt. Như vậy thì bỏ phần chân văn đều do ngài La-thập lược bỏ bớt.

Ngài Thích Đạo An vì thấy người dịch kinh phần nhiều lược bớt nên ngài soạn bài "Ngũ Thất Tam Bất Dị" nói rằng: Các vị La-hán cùng đua nhau kiết tập như thế, phàm phu đời mạt pháp bình bình nên như thế, ý sửa ngàn đời mà bày nói, đồng hạ mạt tục của trăm vua, há không thương xót sao! Cho nên, phẩm Thiên Thọ bản Phạn văn đều có. Lại nữa, phẩm Thiên Thọ hiển bày nghĩa xem trọng pháp làm căn bản, thế lực của kinh lớn từ cung rồng hiện lên. Trải qua uy lực của Long nữ mau thành Đạo nghiệp khen ngợi khuyên người. Sau phẩm này sao không có phẩm Trì! Nhưng biết các bản kinh Phạn đều có, mà bản của ngài La-thập lại thiếu là tùy theo bản dịch mà không có phẩm này. Đã chẳng thể lấy việc Đông Tây mà phán định thì cũng không thể đem nghĩa vượt qua bỏ bớt. Chỉ là bổn của ngài La-thập bị thất thoát vì các nước biên địa thường hay thất lạc. Lại phẩm Chúc Lụy trong kinh này đặt sau phẩm Thần Lực. Người xưa có giải thích rằng: Ngài La-thập khéo được ý kinh, cho nên không đặt ở cuối kinh mà đặt ở trước. Vì

trong phẩm Chúc Lụy khiến các phân thân của Phật đều trở về nước mình. Nếu đặt phẩm này ở cuối kinh thì đến khi nói kinh xong mới khiến các phân thân đều trở về nước mình, tức cõi này vẫn còn thanh tịnh thì khi Diệu Âm đến việc này vì sao được khuyên là chớ thấy cõi này mà sanh tư tưởng cho là thấp kém! Lại từ phương dưới vọt lên cùng cúi đầu đảnh lễ phân thân thì Ngài Diệu Âm ở phương Đông không nên một mình đảnh lễ Tháp Đa Bảo. Ngài Quán Âm vâng mệnh dâng châu, không nên dâng làm hai phần. Phân thân Chư Phật vì sao bỏ qua mà không thể nương nhờ. Lại trong phẩm Chúc Lụy đã nói việc phó chúc. Phẩm Dược Vương lãnh nhận mở mang truyền bá chánh pháp, theo đây mà suy ra thì không nên đặt ở sau. Cho nên ngài La-thập mới đặt ở trước, ở trên tuy nói như vậy mà xét về chỉ đường thì lý có tám điều trái:

1) Các bản kinh trái nhau. Đời Tấn ngài Trúc Pháp hộ dịch là chánh Pháp Hoa. Đời tùy có hai ngài Khuất-đa và Cúc-đa dịch là Thiêm Pháp Hoa. Phẩm Chúc Lụy đều đặt cuối kinh.

2) Luận Kinh, và trái nhau. Trong Luận Pháp Hoa nói về năng lực tu hành lược có bảy loại:

a) Trì lực: Phẩm Pháp Sư, phẩm An vui Hạnh, phẩm Khuyến Trì đều thị hiện.

b) Thuyết lực: Thị hiện trong phẩm Thần Lực.

c) Hành khổ hạnh lực: Thị hiện phẩm Dược Vương.

d) Giáo hóa chúng sanh hành khổ hạnh lực. Thị hiện ở phẩm Diệu Âm.

e) Hộ trì các nạn của chúng sanh. Thị hiện phẩm Quán Âm, phẩm Đà-la-ni.

f) Công đức thù thắng lực: Thị hiện phẩm, Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự.

g) Hộ pháp lực: Thị hiện phẩm Phổ Hiền Bồ-tát và phẩm cuối. Đã nói thị hiện Hộ pháp lực ở phẩm Phổ Hiền và phẩm cuối tức là biết phẩm Chúc Lụy đặt ở cuối kinh. Nếu không như vậy thì sau phẩm Phổ Hiền còn có phẩm gì nữa? Lại sau phẩm Thần Lực tức là nói Dược Vương. Các phẩm khác đều y theo thứ lớp. Vậy nên biết phẩm Chúc Lụy phải để cuối kinh.

3) Các giáo khác nhau: Các kinh khác phần Chúc lụy đều đặt ở sau kinh. Vì sao kinh này lại đặt trước?

4) Hai việc trái ngược: Nếu khiến cho phân thân Phật trở về nước mình cõi này liền trở về uế, thì khi Diệu Âm đến nên có lời khuyên và

trong phẩm Chúc Lụy cũng khiến cho Tháp đa Bảo trở về, mà vì sao ngài Quan Âm còn dâng chuỗi ngọc chia ra làm hai?

5) Hai mệnh lệnh không đồng nhau: Nếu phân thân và tháp Đa Bảo đều khiến trở về nước mình. Vì sao phân thân liền trở về, mà tháp Phật Đa Bảo còn ở đó? Nếu nói do mệnh lệnh tháp Đa Bảo hoàn như cũ chỉ là đóng cửa tháp lại thì như vậy vì sao chánh Pháp Hoa nói có thể về nước mình?

6) Tháp không hoàn xứ: Lại phân thân Chư Phật. Đức Thích-ca nói đi tức nói trở về , còn tháp Phật Đa Bảo đến cuối kinh lại không trở về.

7) Tịnh uế khác nhau: Lại vì Diệu Âm được khuyên khi đến Ta-bà, chẳng phải cõi Tịnh, do đó biết các phân thân đều đã trở về nước mình. Ngày phân thân Phật nhóm hợp lại vì sao lại bảo thị giả, tay cầm hoa sen cùng đi đến Linh Sơn. Lúc cầm hoa rải trên Phật liền biến thành Tịnh độ. Các núi đều ẩn mất chỉ còn thông suốt là cõi Phật, năm đường cũng mất. Vì sao có việc đến Linh Sơn cầm hoa rải Phật. Lại ngài Văn-thù, từ hải hội sẽ đến trong đây, dự tại Linh Sơn, chợt có hoa hiện ra.

8) Sự vui mừng trái với thường tình . Lại trong phẩm Chúc Lụy khiến cho phân thân Phật trở về, lúc tháp không đi. Nếu chẳng phải cuối kinh mới có phẩm Chúc Lụy thì các chúng A-tu-la đều rất vui mừng là quá sớm, không vì nghe pháp bảo mà sanh vui mừng, mà bởi thấy Phật khách vì vui mừng an ủi sâu xa mà thành ra quái lạ! Nhưng vì trước phóng ra thần lực hiện ra cõi Tịnh, Do cõi này tạp uế, sợ ngài Diệu Âm chê bai nước mình này, cho nên khuyên răn, chẳng phải khi Diệu Âm đến, phân thân đã trở về. Mà cõi này chỉ uế như tuy từ cõi tịnh thấy lại núi Linh sơn, biến đổi không chỉ thấy tịnh mà gồm thấy cõi uế. Trên thấy dưới vì sao lại không được, hai vị Phật cùng ngồi, Bồ-tát liền đến đảnh lễ. Quán Thế Âm dâng chuỗi châu báu cho hai vị hóa chủ. Y này riêng không chung với các vị Phật khác. Chỉ như trong phẩm Thiên Thọ, ngài Văn-thù từ cung rồng trở về, chỉ nên làm lễ hai vị Phật trong tháp là đủ, vì lúc này phân thân Phật chưa trở về nước mình mà Ngài Văn-thù lúc ấy không lễ phân thân, đủ thấy sự trở về, dâng châu có ý riêng sao được xét là ý chung trở về. Cho nên phẩm Chúc Lụy phải ở cuối kinh, vui mừng vâng hành cùng các vị ở các cõi khác. Lại trong phẩm Phổ Môn, bổn này vốn không có phần tụng, hoặc có là do người sau bổ sung. Người thế gian thường nghi: Nếu là Phật nói vì sao dùng kệ nói: “Thế tôn diệu tướng đủ kệ đáp. Vô tận ý. Đây chính là các nhà kết tập kinh về sau mới làm kệ. Như trong kinh Thắng man chép: Phát

sanh ý niệm này khi đó Phật hiện ở trên hư không . Từ kệ đó nương theo bèn làm kệ đặt ở sau. Vì văn xuôi ngắn không tiện, lý này cũng nên thông. Lại có người nghi: Như Phật nói vì sao lại dùng kệ nói: Chú trớ các thuốc độc, trở về người ám hại. Lẽ nào Phật nói lại đi hại người! Ngày trước cũng có người mê hoặc từng hỏi Tiên sư nghĩa này: Từ âm Diệu đại vân." Đại sư tra cứu bảo văn Phạm thấy đầy đủ kệ này chánh gọi là "Mai-đát-lặc-da Mạt-na", nên dịch là tứ ý chứ không phải từ âm, vì thế nhất định có kệ tụng. Lại có kệ tụng cũng không sai chính vì thích nghi, điều phục. Như thợ săn khéo bắt được gấu, như thầy thuốc khéo dùng lại thuốc. Đầu tiên tuy có tổn hại mà sau thì được lợi ích, chẳng phải ban đầu làm lợi mà sau lại tổn. Có kệ tụng đã không trái với Tông chỉ, nếu không có cũng không trái lý. Lại tùy thời mà thêm vào trong kinh. Bồ-tát Trang Nghiêm Tràng hỏi Vô Tận Ý: Quán Âm vì sao có tên gọi như thế? Bồ-tát Vô Tận Ý quán xét nguyện ý trong quá khứ của Quan Âm, mới dùng kệ đáp Bồ-tát Trang Nghiêm Tràng. Như vậy vì sao dùng kệ nói:

Thế tôn diệu tướng đủ
Nay tôi lại hỏi kia...
Đấng đầy đủ diệu tướng
Kệ đáp Vô Tận Ý.

Văn đã trái ngược, nên biết là sai sót. Lại trong phẩm Dược Thảo Dụ thêm nữa phần sau. Luận giải thích hai thí dụ phá chấp thừa nhất. Kia nói thừa đồng, lấy mặt trời làm dụ, hai kinh chánh pháp, diệu pháp đều không có. Luận lại không giải bốn điều theo và ba nghịch. Có sai lầm cách chung không thuận để thành lý. Kinh kia lại đặt phẩm Đà-la-ni ở sau phẩm Thần Lực, như vậy là trái thứ lớp với hai bản kinh và luận. Lại nói hai phẩm Phú-lâu-na và Pháp Sư đầu tiên đều có thoát chút ít. Đã không thành văn lý khó y theo đó để làm tin. Lại nói: Văn gồm có hai mươi bảy phẩm, tức nhập phẩm Thiên Thọ vào phẩm Bảo Tháp thành một. Bốn bản trái ba thật là không thể.

PHẦN VI: Nêu thứ lớp các phẩm kinh: Hễ muốn nói pháp trước là để cảnh tỉnh chúng sanh. Cơ duyên thuận hòa thì mới có thể ứng vật mà tuyên dương. Từng bước dần nói nên đầu tiên là phẩm Tựa. Phẩm tựa lần lượt nêu ra chánh tông. Đại chúng đã nhóm họp mà chưa rảnh trình bày Tông giáo để huấn dụ. Pháp nói Nhất thừa là thật. Lược khai hai vận làm quyền. Nói một thật mà dẫn lối trở về. Hiển bày hai quyền mà khiến tích kia trở lại dấu vết. Trí thông thiện xảo, diệu ứng với bậc

thượng căn. Giảng nói thần lực, đạt đến chỗ lý suy xét, nên kế có phẩm Phương tiện. Bậc Thượng căn lãnh hội, Phật lại việc thành tựu mới có thọ ký ứng với lãnh thuật và phẩm Thọ ký. Vì, Thu Tử riêng lãnh hội không thể một mình tỏ ngộ, nên văn lãnh thuật thọ ký ít lược nên phẩm Thí dụ bắt đầu nêu sự lãnh thuật và thọ ký. Hạng trung căn tuy là nghe pháp mà vẫn chưa hiểu, phải dùng thí dụ để dẫn giải, nên có phẩm Thí Dụ. Bậc trí giả nhân thí dụ này mà lãnh ngộ trí tuệ tùy sanh, nên có phẩm Tín Giải. Tuy ít tín hiểu mà còn chưa biết sâu xa, vì để phá nghi tình thành tựu lại ý trên, mà có phẩm Dược Thảo Dụ. Bốn đại Thanh văn đã lãnh ngộ hiểu sâu và thọ ký đắc quả nên có phẩm Thọ Ký. Căn tánh thượng, trung tuy có phát sanh tín giải, mà chúng hạ căn còn không ngộ tướng, phải mượn lời nói chắc chắn ưa thích trợ giúp, huấn dụ trịnh trọng, nói mới kết duyên trong quá khứ biết thấu suốt tâm người, thuật lại sự đắc nhập Niết-bàn của chúng xưa kia vốn chẳng phải chân thật, khiến cho trở về đảo châu báu, hướng tới Đại Niết-bàn. Do đây mà kế có phẩm Hóa Thành Dụ. Người đức cao trọng vọng nghe nói liền hiểu nên có tin hiểu và tâm thêm thanh tịnh, bởi ba lần lãnh hội; văn nói lược cũng không rộng nên không phát sanh phẩm riêng.

Trước nêu tướng cao danh tương quả, nên có phẩm Ngũ Bách Đệ Tử Thọ Ký. Kẻ hạ căn tạm thời cũng thông đạt, vì có Phật thọ ký nên có phẩm: Thọ Học Vô Học Nhân Ký. Ba căn cùng tỏ ngộ, thuyết lợi đã chu toàn, để chuẩn bị cho đời sâu xa cùng chung khuôn phép nên khen người và khen pháp khiến cho truyền rộng đại nghĩa, nên có phẩm Pháp Sư. Nương vào pháp tu học hoặc pháp, hoặc người có thể làm khuôn phép, nên phá tiểu chấp để thành Đại đạo, lãnh hội ý chỉ quyền để thể nhập chân tông. Người tin học đã ít có, người quy sùng cũng ít, nên tháp Đa Bảo hiện ra phân thân Đức Phật nhóm họp ân cần khuyên thời thường tin rõ, chứng minh cho lời Phật nói chẳng sai, nên có phẩm Hiện Bảo tháp. Tuy Phật khác nói chứng tin kinh này, mà chưa hiển bày tự đức Thế tôn khuyên người quy ngưỡng nên nêu thân làm vua vì quý trọng kinh này, hầu hạ kẻ oán thù kia vì để cầu pháp, cũng để làm rõ uy lực kinh rộng lớn độ chúng cung rồng rất nhiều, pháp lực mau thành, hóa độ Long nữ thành đạo. Vì thế có phẩm Đề-bà-đạt-đa. Đã hiện tự tha đều là bảo trọng, uy lực lớn, công dụng mau chóng, ân cần khuyên người nghe kinh, Bồ-tát đều thọ giáo và nguyện hành trì cho nên có phẩm Trì. Nếu y theo luận Bổn gọi là phẩm Khuyến Trì, Kinh này không có chữ Khuyến. Do khuyên trước rồi hành trì sau nên gọi là Khuyến trì, lý cũng không sai. Việc hành pháp đời sau thường vượt qua phép tắc, nay chỉ

bày đầy đủ phương thức khiến dễ dàng cho sự giảng nói truyền bá tuyên dương. Pháp đã dễ hành thì tự xa lìa mọi điều thương tổn, nên có phẩm An vui Hạnh. Tám Hằng sa Bồ-tát nghe Diệu đạo nguyện muốn thọ trì, lúc ấy Phật không cho phép, nói rằng cõi này đã có người mở rộng hành trì, bèn có sáu muôn hằng hà sa Bồ-tát từ lâu đã xa lìa sự thương tổn trước nguyện mở rộng giảng nói. Lúc khuyên phát hội thì nhóm chúng nhiều nên có phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, đại chúng thấy dưới đất vọt lên cho là biến hóa chứ chẳng phải thật, vì cha trẻ mà con già nghi ngờ chẳng phải Phật Thích-ca hóa độ, nên nay nói rằng: Ta thành đạo đã lâu chúng hóa độ phải nên chẳng ít; vì giải mối nghi này nên có phẩm "Như lai Thọ Lượng". Báo thân Phật hiện tuổi thọ dài lâu, thể Pháp thân cũng là phương tiện giảng nói, nên biết Đức Như lai từ xưa nay chất thể chỉ là ứng hóa . Đức của Phật sâu xa, mầu nhiệm. Người nghe tin đã nhiều, lợi ích càng rộng, công đức vô lượng, nay muốn chúng biết việc lợi ích ấy không đồng, nên có phẩm "Phân Biệt Công Đức". Lợi ích từ chỗ tùy thời, nghi tuy đã nói đầy đủ, mà người có khả năng tùy hỷ theo phước cũng không nhỏ, nên có phẩm "Tùy Hỷ Công Đức". Người bên cạnh tùy hỷ được phước nhiều, chính bản thân mở rộng công đức ấy càng tăng gấp bội nên có phẩm "Pháp Sư Công Đức". Người Pháp sư trì kinh chắc chắn sẽ thành Phật, thì người chê Pháp sư tội ấy vô biên, dẫn chứng bản thân, nên có phẩm "Thường Bất Khinh Bồ tát". Đức Như lai khuyên nói việc phước đều nhiều, lại e rằng chúng sanh nghi cho là Phật nói suông, nên muốn hiển bày lời nói của Phật là không dối gạt, đâu thể nào lừa dối chúng sanh; từ thần lực chỉ bày nên có phẩm "Như lai Thần Lực". Bồ tát Dược Vương khi xưa bỏ mạng để trì kinh, nói duyên trước mà khuyên chúng hội này cần nên cố gắng, vì thế có phẩm "Dược Vương Bổn Sự". Lưu hành chánh pháp cõi đây kia đều là chung. Dược Vương vì ở cõi này ra sức giảng nói, nên có Bồ tát Diệu Âm từ phương khác đến cũng phát tâm truyền trao, vì thế có phẩm "Diệu Âm Bồ-tát". Chúng sanh trì kinh hay gặp nhiều chướng nạn, phải nhờ chỉ khắp các pháp môn, nên với tâm đại bi cứu hộ mà có phẩm "Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn". Tuy có niệm Quán Âm nhờ người cứu nạn mà chưa trì chú đón nhận thêm oai lực pháp, sự uy linh mới rộng lớn, trì kinh mới dễ được cứu giúp, nên có phẩm Đà-la-ni. Năng lực trì kinh không phân biệt oán thân, phước đức trải qua thường giúp sanh nơi tốt đẹp; vì muốn nói xưa nay không khác để khuyên mở mang truyền bá ý chỉ diệu pháp, nên có phẩm "Diệu Trang Nghiêm Vương Bổn Sự". Tuy cõi này, cõi khác đều có mở rộng kinh này, mà chưa có khuyến khích ở

hai cõi này , nên có phẩm "Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến Phát". Khen ngợi, khuyến khích đã khắp, sự hóa duyên đã xong, lại ân cần trao cho, lưu thông ở đời lâu xa, nên có phẩm "Chúc Lụy".

Đây là y theo Chánh Pháp Hoa và luận, tức phẩm Chúc Lụy ở cuối kinh, mà thứ lớp giải thích. Nếu xếp ở sau phẩm Như lai Thần Lực, e nhân tình hiểu lệch lạc, chưa khế hợp con đường chung.

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 1

PHẦN CUỐI

Thứ sáu là giải thích Bổn văn kinh:

Xưa pháp sư Tuân có nói: Hai mươi tám phẩm chia ra làm hai: Một phẩm đầu nói lý do khởi hóa của Như lai, do đó mà có phẩm Tựa. Hai mươi bảy phẩm còn lại là nói về chánh hóa. Phẩm Tựa trình bày lý do đầu tiên của bộ kinh. Phần chánh hóa nói từ đầu đến cuối bộ kinh đều đem lại lợi ích. Sư Cát Tạng nói: Một phẩm đầu gọi là phần Tựa. Mười lăm phẩm rưỡi kế là Chánh tông, tức là đến cuối phần kệ bắt đầu so sánh lượng của phẩm Phân biệt Công Đức nói về thừa quyền, thừa thật, thân quyền, thân thật là chánh tông. Ngài Thu Tử ba lần thỉnh là nêu thừa quyền thừa, thật. Ngài Di-lặc ba lần thỉnh là nói Thân quyền, thật. Bài tụng văn xuôi thứ hai là nghe thọ lượng, mà tín hiểu thì công đức không có hạn lượng trở xuống mười một phẩm rưỡi gọi là phần Lưu thông.

Pháp sư Tịnh nói: Phẩm đầu gọi là phần Tựa, mười chín phẩm kế là chánh tông. Từ phẩm Thần lực xuống có tám phẩm gọi là phần lưu thông. Tuy có phân chia ở đây mà không giải thích lý do. Nay có hai phần giải thích. Phẩm đầu là phẩm Tựa. Tám phẩm kế là chánh tông, chánh nói Nhất thừa thọ ký cho ba căn. Phần căn bản đều được lợi ích, giáo hóa người Nhị thừa kia ra khỏi dòng nước đục. Kinh nói: Nay kinh này chỉ nói Nhất thừa, mà Bồ-tát trước chê trách Thanh văn là ưa thích pháp Tiểu thừa, nhưng Phật thật sự dùng Đại thừa để giáo hóa họ.

Lại trong phẩm Đề-bà-đạt-đa, Bồ-tát Trí Tích bạch với Phật Đa Bảo hãy trở về nước mình, nên biết việc xong rồi mới thỉnh trở về, là nêu rõ biết Phật nói Nhất thừa, chính là tông chỉ bộ kinh. Nếu chánh tông không là thuyết Nhất thừa, chỉ đạt chỗ lợi ích đều là chánh tông

thì Trong phẩm Phổ Hiền có vô lượng Bồ-tát đắc Đà-la-ni, số Bồ-tát nhiều như cát bụi của ba ngàn thế giới thực hành đạo Phổ Hiền cũng không nói Nhất thừa mà được lợi ích, đều ứng với chánh tông. Nếu vậy thì Tuân Sư xưa chính là chỉ nam.

Lại sự chưa rõ, vì sao Trí Tích giữa dừng lại thỉnh trở về!

Hoặc giải thích thứ hai là tám phẩm rưỡi tức gồm nửa phẩm Pháp sư là chánh tông. Vì đầu phẩm Pháp sư, thọ hiện tòa khác, phàm Thánh thấy nghe đều tùy hỷ, nên được thọ ký Bồ-đề, phẩm Trì tuy thọ hiện tòa thọ ký cho Tỳ-kheo ni, mà nhờ thỉnh trì kinh nên Phật thuận tiện thọ ký vẫn nói các việc trước rồi thọ ký chung lại không nói về Nhất thừa, nên chẳng phải chánh tông. Mười chín phẩm còn lại đều gọi là lưu thông. Khen ngợi, chứng minh, thọ nhận, truyền trao khiến hành trì. Hoặc phần tựa đầu như trước đã nói không có khác nhau. Từ phẩm Phương tiện trở xuống phẩm Trì gồm có mười hai phẩm, nói về cảnh Nhất thừa. Phẩm An vui Hạnh, và phẩm Tùng địa Dũng Xuất hai phẩm này, nói về hạnh Nhất thừa, phẩm Như lai thọ lượng cho đến phẩm Thường Bất Khinh, gồm năm phẩm này nói về quả Nhất thừa. Nói cảnh là để biết quyền thật của thừa, khuyên nên bỏ quyền mà giữ thật. Thanh văn ngộ lý này nên được thọ ký nói hạnh để biết nhân đúng, sai khuyên nên học đúng bỏ sai. Người Học do đây, từ đất vọt lên nói quả khiến cho biết thân chân hóa. Chứng được quả nhân, khuyên biết rõ hóa thân mà cầu chứng chân thân, dần dần được hai vị thắng đức nhân quả. Bồ-tát biết điều này mà tu hành chứng đạo, hiển bày đủ thắng đức do nhân quả mà thành. Từ phẩm Thần lực trở xuống đều gọi là phần Lưu thông. Đây chỉ rõ tướng phó chúc, lãnh thọ hành trì, do đó mà đến phần dưới sẽ giải thích.

Luận chép: Phẩm Tựa có bảy thứ thành tựu. Thành tựu nghĩa là đầy đủ viên mãn. Ý muốn nói là trong phẩm Tựa có đầy đủ bảy nghĩa, bảy nghĩa viên mãn này các kinh khác đều không có.

1) Phần Tựa thành tựu: Ban đầu nói lý do chung đầy đủ, như nói núi thành viên mãn nói lên hơn những vật khác nên gọi riêng là phần Tựa. Thật ra cả bảy phần đều là phần tựa.

2) Chúng thành tựu: Tức câu “cùng chúng đại Tỳ-kheo” trở xuống: Một là số, hai là hạnh, ba là nhiếp công đức, bốn là uy nghi, như pháp mà trụ trong sự thù thắng viên mãn hơn các kinh khác.

3) Như lai khi muốn nói pháp tức gọi là đến thành tựu”, tức câu: Vì các Bồ-tát mà nói kinh Đại thừa... Trước là nói kinh Vô Lượng Nghĩa, có đủ mười bảy tên thắng diệu hơn các kinh khác.

4) Sở y nói pháp; tức thuận theo uy nghi trụ thành tựu. Tức câu:

"Phật nói kinh này rồi, liền ngồi kiết già..., là nương vào định, khí, chúng sanh thế gian, loại pháp này các kinh khác không có.

5) Nương vào nói nhân thành tựu: "Bấy giờ Phật phát ra ánh sáng từ giữa hai đầu chân mày..., thấy các việc năng chiêu, chiếu cảnh, sở chiếu đều sanh tâm ít có, các kinh khác đều không có việc này.

6) Chúng sanh hiện tiền muốn nghe pháp thành tựu: "Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc khởi niệm nghĩ rằng:"... Tuy hỏi một người mà nhiều người muốn nghe đều sanh tâm ít có, các kinh khác đều không có.

7) Văn-thù-sư-lợi đáp thành tựu. Dùng trí túc mạng hiện thấy được tướng nhân quả ở quá khứ, thành tựu mười việc như hiện ra trước mặt, nên năng đáp, các kinh khác không có.

Hai phần đầu là phần tựa chung. Năm phần sau là tựa riêng, phần tựa chung có năm:

1) Hiển bày chung nghĩa đã nghe.

2) Thời nói giáo.

3) Chủ nói giáo.

4) Nơi hóa độ.

5) Các căn cơ.

Đây xếp vào chúng thành tựu, tức phần tựa chung chỉ có bốn. "Tôi nghe như vầy là phần đầu". Vì khiến cho sanh tin nên nói việc này "đã nghe". Luận vốn chỉ nói về hai thành tựu của tựa. Một là thành, hai là núi. Đây là hai nơi thù thắng, riêng biệt so với kinh khác. Cho nên riêng nói, còn thời nghe và Phật không khác các kinh, tuy kinh đây có nói đủ mà không nêu riêng giải thích nghĩa "thù thắng" "Tôi nghe như vầy..." dùng ba môn để phân biệt. Một là lý do nói, hai là nguyên nhân lập, ba là chánh giải thích văn. Nói lý do là. Như phần lớn các kinh đều nói về bổn duyên. Lúc Phật sắc nhập Niết-bàn, bảo ai còn nghi ngờ thì hỏi. Các ngài Ưu-ba-ly, A-nậu-lâu-đà nói A-nan thỉnh Phật bốn việc.

1) Sau khi Phật diệt độ rồi, các Tỳ-kheo nương ai làm thầy.

2) Nương vào đâu mà trụ.

3) Tỳ-kheo có tánh xấu trị phạt thế nào.

4) Tất cả các bộ kinh ở đầu nên đặt lời gì.

Phật dạy: Sau khi ta diệt độ các thầy nên lấy Ba-la-đề-mộc-xoa (giới) làm bậc Đại sư, nương vào giới mà hành trì, nương vào bốn niệm xứ mà trụ để an tâm. Tỳ-kheo tánh ác thì dùng phạm đàn mà trị. Phạm đàn là im lặng không dùng đánh mắng, chỉ im lặng mà trục xuất. Tất cả kinh ở đầu nên đặt "Tôi nghe như vầy". Về sau ngài A-nan kiết tập đều y theo lời Phật dạy. Rộng trình bày các lý do đều như kinh nói.

Lý do lập: Là khiến cho chúng sanh sanh tâm tín thuận.

Luận Trí Độ chép: Tôi nghe như vầy là để sanh tín . Tín nhận vâng làm là sanh trí. Tín là năng nhập, trí là năng độ. Tín là nền tảng đầu tiên để nhập pháp. Trí là huyền thuật rốt ráo. Tín là thuận lý của lời nói. Thuận thì đạo thầy trò thành tựu. Do tín nên nghe pháp mà thuận theo. Do thuận nên việc nói nghe cả thầy trò cùng kiến lập. Tín này giải thích lược có mười nghĩa:

1) Nhân đầu tiên hướng đến cực quả. Theo kinh Nhân vương..., thì Tín là nhân đầu tiên đến Thánh vị, nên trong bốn mươi tâm lấy Tín làm đầu. Đầu tiên phát khởi tâm đại Bồ-đề, phải đầy đủ mười đức mà sanh khởi ba diệu quán. Tâm đại Bồ-đề lấy gốc lành làm tự thể, lấy bạn lành làm duyên, lấy sự không lui sụt để sách tấn. Gốc lành là tín, tinh tấn, niệm, định, tuệ. Cho nên luận Nhiếp Đại Thừa chép: Thanh tịnh sắc tăng thượng tâm vững chắc thắng tiến. Đó chính là giai đoạn sơ tu trong vô số ba đại kiếp của Bồ-tát.

2) Nền tảng bước dần vào đế lý: Các kinh luận đều nói, sắp nhập vào Thánh vị cần có tín căn, tín lực. Có tín căn thì muôn điều thiện do đó mà sanh ra. Có tín lực nên bốn ma không thể làm cho khuất phục. Nhờ đó, kinh mới nói đã có thể sanh tín.

3) Thông chứng tịnh diệu chân: Có thể vượt qua đường ác, lìa nhân thấp kém, nên nhập Thánh vị rồi thì chứng bốn niềm tin bất hoại tín. Tin Tam bảo nên có thể vượt qua đường ác. Do tin giới nên lìa nhân thấp kém. Nên luận cũng nói có tín hiện quán.

4) Nương vào Hỷ để đạt đức: Luận Tỳ-bà-sa nói: Tín là đưa tay ăn pháp vị. Người học pháp Phật như rồng voi lớn. Dùng tín làm tay, dùng xả làm răng. Dùng niệm làm cổ, dùng tuệ làm đầu, ở hai vai gom góp pháp thiện . Loài voi ăn uống đều dùng mũi làm tay. Cho nên người học Phật pháp đầu tiên phải sanh lòng tin.

5) Là sự gá thai của bảy Thánh tài: Pháp tài là đầu tiên nên người học là người đi buôn lớn vốn y cứ pháp bảo, giáo để lời được Thánh tài. Cho nên đầu tiên phải sanh tín.

Trong LuậnHiển Dương chép: Bảy thánh tài là: Tín, giới, văn, xả, tuệ, tàm quý. Tín là pháp đầu tiên vậy.

6) Thuần làm nhân gốc thiện, là gốc pháp lành.

Luận Du-già chép: Dục là căn bản, do tác ý sanh, xúc nhóm họp khởi, chỗ thọ dẫn nhiếp, làm định tăng thượng, tuệ trên hết, giải thoát bền chắc và là biên cuối, cần phải ra khỏi. Dục là cội gốc, khởi lên hy vọng, do tác ý sanh nên thường cảnh giác, xúc nhóm họp khởi nên điều

hòa tâm, tâm sở đối với thắng duyên, do thọ dẫn nhiếp, nên chú tâm lãnh thọ, định là tăng trưởng nên tâm nhỏ nhiệm tĩnh lặng, là tuệ trên hết nên chọn thiện ác, làm giải thoát vững chắc nên dứt mọi trói buộc, vá là biên cuối phải ra khỏi, giác đạo viên mãn. Tín là chỗ nương của dục, nên đầu tiên phải khởi tín.

7) Như tay khỏe mở cửa căn cơ; như tay tiếp giáo.

Luận Câu-xá chép: "Cứu chúng sanh ra khỏi... liền sanh tử." Lại ở sau trình bày chánh tông là tay của Phật giáo. Lời tựa khiến cho sanh tín làm tay của chúng sanh. Hai tay tiếp nhau cứu vớt chúng sanh lên khỏi bùn nhơ.

Lại trong luận Trí Độ chép: Như người có tay đến núi báu tùy ý mà lấy. Nếu người không có tay thì không lấy được. Người có tín tâm vào núi báu Phật đắc cđường ác quả. Nếu không có tín tâm, tuy hiểu văn nghĩa, mà chẳng được gì.

8) Là hạt châu trong sáng ở dưới nước tâm khiến cho tâm thanh tịnh.

Luận Thành Duy Thức chép: Tin như viên ngọc dưới nước có thể khiến làm trong nước đục. Có thể trị tâm tánh vẫn đục bất tín.

9) Tư lương để kiến lập tên đạo:

Tuyên Ni có nói ba điều: Binh, thực, tín thì tín không thể bỏ. Từ xưa đến nay đều có người chết không tin không được. Như xe lớn không có thanh ngang, xe nhỏ không có thắng. Người mà vô tín bất tri thì cũng vậy.

10) Giữ sự trung thành thông minh.

Kinh Xuân Thu nói: "Nếu có đức tin rõ ràng cỏ mọc chỗ ao rừng rậm rạp, rau ở nơi sum suê ẩn tảo, thì có thể dâng cúng quỷ thần, cảm thấy xấu hổ với công vương. Huống chi là quân tử kết lòng tín hiếu giữa hai nước!"

Mười nghĩa này, tám nghĩa đầu nương vào chân hai nghĩa sau nương vào tục. Cho nên trong kinh phải để chữ như thị ở đầu. Nghĩa là kinh này tự thân mình nghe Phật nói không hề thêm bớt. Là để chúng sanh khởi tâm tin ưa thuận theo tu học.

Chánh giải thích câu này, theo luận Phật Địa chép:

Nói như thị là nương vào bốn nghĩa mà chuyển.

1) Nương vào thí dụ, như có thuyết nói giàu sang như thế, như Tỳ Sa-môn, pháp đã truyền, nghe như thế, như lời Phật nói, nhất định không khác. Nhất định là nhân lợi lạc phương tiện. Hoặc nói như ta xưa từng nghe câu văn như thế.

2) Nương vào giáo hối: Nương vào giáo mà dạy bảo. Như có thuyết nói: Các thầy nên đọc tụng kinh luận như thế. Chữ như thị trong đây là nói: Xà là lời giáo hối của Phật. Gần là giáo hối của người truyền pháp. Hoặc bảo với chúng bấy giờ: Như thế hãy lắng nghe... điều tôi trước đã nghe.

3) Nương vào hỏi đáp: Nghĩa là nếu có người hỏi ông: Xưa nhất định ông nghe như thế sao?

Đáp rằng: Đúng vậy tôi nghe như thế.

4) Nương vào lời hứa khả: Như có thuyết nói rằng: Ta sẽ vì ông mà suy nghĩ như thế, mà làm như thế, mà nói như thế.

Nghĩa là lúc kiết tập, các Bồ-tát đều thỉnh rằng: Như những gì ông nghe thì nên nói như thế , truyền pháp Bồ tát nên hứa khả rằng: Nên nói như thế, như tôi đã nghe. Hoặc tin có thể nói việc đúng như thế. Nghĩa là pháp này xưa tôi nghe Phật nói như thế, giống điều tôi sẽ nói nhất định là không khác. Do bốn nghĩa này nên các bộ kinh đều đặt bốn chữ "Tôi nghe như vầy" ở đầu.

Ba Tạng Chân -đế nói: Luật có nói rõ . Ngài A-nan khi thăng tòa kiết tập pháp tạng, thân có đầy đủ tướng tốt như Chư Phật khi bước xuống tòa thì thân hình trở lại như cũ. Tìm trong "Tập tạng truyện" cũng nói như thế. Chúng sanh có ba điều nghi:

1) Nghi Phật có lòng đại bi từ cõi Niết-bàn trở lại đây giảng nói diệu pháp.

2) Nghi có Phật từ phương khác đến cõi này nói pháp.

3) Nghi ngài A-nan chuyển thân thành Phật, vì đại chúng nói pháp.

Nay hiển nói pháp như thế, là xưa kia tôi hầu Phật chính tôi đã từng nghe, chẳng phải Phật lại khởi từ phương khác đến, chuyển thân thành Phật. Vì để trừ các nghi này nên ở đầu mỗi bộ kinh đều nói bốn chữ: "Tôi nghe như vầy", để làm duyên kiết tập như trong "Tạng chương thuyết chú Pháp Hoa nói": Như thị là điềm lành cảm ứng . Vì thuận theo căn cơ mà đặt tên. Thị là không đâu mà không đặt tên gọi. Chúng sanh đều lấy làm cảm. Như lai lấy thuận cơ làm ứng. Người truyền kinh là muốn hiển bày tên của giáo pháp xuất từ cảm ứng. Lập ngôn như thế, Chú Vô Lượng Nghĩa chép: Đến cõi người nói pháp chỉ là nêu rõ cái Như, chỉ Như làm thị nên nói là như thế.

- Ngài Dao công nói: Vì lìa năm sự chê bai nên gọi là như thị.

1) "Như thế" Kinh này lìa chê bai chấp "hữu" tăng ích.

2) "Như thế" Kinh này lìa chê bai chấp không tổn giảm.

3) "Như thế" Kinh này lìa chê bai chấp cũng có cũng không trái nhau.

4) "Như thế" Kinh này lìa chê bai chấp phi hữu phi vô, ngu si.

5) "Như thế" Kinh này lìa chê bai chấp phi phi hữu phi phi vô, hý luận.

Ngài Quang Trạch nói: Như thị: Là sắp truyền điều được nghe nên ở đầu một bộ kinh. Một bộ kinh như thế, chính tôi được nghe từ Phật. Tức ý nói. Tôi nghe, đó là nghĩa thông suốt .

- Lương Vũ Đế nói: Như thị nghĩa là như thế, như thế, đúng lời Phật nói nên nói như thế.

- Ba Tạng Trường Nhĩ nói: Như thị đó có ba nghĩa:

1) Y theo Phật: Ba đời Chư Phật cùng nói không khác gọi là Như. Vì đồng nói nên gọi là Thị.

2) Y theo Pháp: Thật tướng các pháp xưa nay không khác, nên gọi là Như. Vì như mà nói nên gọi là Thị.

3) Y theo Tăng: Vì ngài A-nan so với bổn giáo của Phật, sự truyền đạt không khác nên gọi là Như, xa lìa mãi mãi lầm lỗi nên gọi là Thị. Do đây mà đồng nói, xứng lý không sai lầm, sự truyền không khác, nên bộ kinh này đáng tin. Trên hợp lại thành mười lăm cách giải thích:

- Nói Tôi nghe truyền pháp Bồ tát, tự nêu ra bản thân này nói pháp như thế là chính được nghe từ Phật. Cho nên nói là Tôi nghe. Chẳng phải Tôi là nhất định thuộc về một người.

Ngã nghĩa là vay mượn các uẩn của thế tục, nhưng ngã có ba:

1) Vọng chấp ngã. Nghĩa là các ngoại đạo càn chấp vào ngã.

2) Giả lập ngã: Là lạc, tịnh ngã, thường của Đại Niết-bàn. Trừ người Nhị thừa điên đảo miễn cưỡng lập ra.

3) Ngã lưu hành ở thế gian: Nghĩa là thế gian cùng truyền ngã từ trời trao, Tế tự trao v.v... Nay người truyền pháp thuận theo thế gian mà chỉ tự xưng ngã, không đồng như hai ngã trước. Tức là không có đại ngã của ngã.

Hỏi: Chư Phật nói pháp vốn trừ ngã chấp. Vì sao không gọi là vô ngã mà nói là ngã văn (Tôi nghe).

Đáp: Có bốn nghĩa:

1) Để nói dễ dàng: Nếu nói vô ngã thì chung cả giới uẩn xứ, biết nói ai đây.

2) Thuận theo thế gian.

3) Trừ sợ hãi vô ngã: Nói vô ngã thì lấy ai tu học.

4) Có tự tha nhiễm tịnh, nhân quả, sự nghiệp. Cho nên gọi là

ngã.

Hỏi: nếu thế Tại sao không xưng là A-nan mà xưng là ngã?

Đáp: Có ba nghĩa:

1) Nói lên không trái thế tục, tông dù hiển chân mà lời không trái thế tục. Lý tuy hiển diệu mà lời không trái với thô. Đây ý muốn hiển bày Chân-đế không lìa thế tục.

2) Ngã: Là nghĩa chủ tể tự tại.

Trong Tập Pháp Truyện chép: Có ba A-nan

a. A-nan-đà Hán dịch là Khánh Hỷ, trì tạng Thanh văn.

b. A-nan-bạt-đà Hán dịch là Hỷ Hiền, trì tạng Độc giác.

c. A-nan-già-la Hán dịch là Hỷ Hải, trì tạng Bồ-tát . Chỉ là một người, tùy theo đức mà tên cókhác. Do đó mà A-nan còn gọi là Đa Văn, Đa Trì, tức nghe tích tập.

Tam tuệ đầy đủ, văn nghĩa cùng trì. Đối với giáo lý ba Tạng tổng trì tự tại. Nếu xưng tên gọi tuy thuận với chánh lý mà không được tự tại đối với các pháp. Cho nên, nói ngã không gọi tên A-nan.

3) Ngã là nghĩa đích thân. Như thế gian cùng nói tôi thấy, tôi nghe. Đây sẽ là đích thân chứng minh. Nếu nói A-nan nghe, hoặc chẳng phải tự thân nghe Phật mà do người khác truyền thọ lại. Nay nói lên tự thân nghe Đức Thế tôn giảng nói, không phải truyền nghe. Vì muốn phá lưới nghi cho người nên không xưng tên, mà chỉ gọi tôi nghe. Nghe là từ nhĩ căn phát ra thức nghe rồi thọ lời nói. Nay phế bỏ tai nghe riêng mà theo cái tôi chung, nên gọi là Tôi nghe. Tuy nương vào Đại thừa, căn, thức tâm sở đối cảnh hòa hợp nên gọi là nghe, nhưng trong năm nghĩa của căn thù thắng ở thức, nên căn gọi là nghe. Nghĩa của năm căn đó là: Ý, phát, thuộc, trợ, như căn. Như căn là: Căn có sáng tối, thức cũng có sáng tối. Nếu chỉ nghe âm thanh thì chỉ ở tai. Đã duyên vào danh nghĩa thì liền ở ý. Cho nên luận Du-già chép: Nghe là tỷ lượng, nhĩ căn gọi là nghe. Đích thân nghe âm thanh, cùng ý làm cửa thì ý mới nghe. Lấy cả hai làm cửa huân tập lại với nhau. Do nghe mà thành nên gọi chung là nghe. Bỏ tai nghe riêng, ý gọi chung là tôi nghe.

- Hỏi: Khánh Hỷ lúc ấy cũng thấy, hay biết lời Phật nói. Vì sao chỉ nói tôi nghe mà không nói là tôi thấy.

- Đáp: Có ba nghĩa:

1) Muốn chứng lý sâu, trước phải nghe pháp. Danh... là giải thích nghĩa, chẳng phải sắc...

2) Thế giới này dùng âm thanh để làm Phật sự. Âm thanh làm sở y nên gọi là hữu.

3) Ít chứng Bồ-đề nên phải nghe để huân tập. Do nghe rồi huân tập mà thành tựu xuất thế. Do đây, kinh này đầu tiên không nói: Tôi thấy, hay, biết mà chỉ nói là tôi nghe. Theo sự thật thì lúc ấy cũng thấy Phật nói. Các cõi nước khác dùng ánh sáng làm Phật sự, nên có thể nói thấy... Trong nghĩa này nên phát sanh phân biệt.

Hỏi: Vì Phật nói pháp mà nói: Tôi có thể nghe hay vì Phật không nói cũng nói tôi nghe?

Đáp: Có hai giải thích.

a. Như chúng cung rồng nói: Phật chỉ có ba pháp: Nghĩa là Đại định, Trí và Bi. Xa lìa các hý luận không hề nói pháp, mà do bổn nguyện duyên lực từ bi của Phật. Nên giải thích: Văn nghĩa tướng sanh trong thức phân biệt của chúng sanh, tướng văn nghĩa này tuy chính nó dựa vào căn lành của bản thân khởi, mà duyên mạnh gọi là Phật nói. Do năng lực nhĩ căn và tự ý chuyển biến nên gọi là tôi nghe để làm thể tánh. Cho nên trong Vô Tánh nói: Tùy trong thức của người nghe trong tám thời, nói thẳng hay không thẳng đều nhóm họp hiển hiện, vì là thể tánh. Kia tự bắt bẻ rằng: Nếu như vậy làm sao Bồ-tát nói được? Luận kia ban đầu nói trước Bạt-già-phạm, đã có thể khéo nhập vào Bồ-tát Đại thừa . Vì hiển bày thể đại của Đại thừa nên nói phẩm Nhiếp Đại thừa. Vì vấn nạn này mà luận lại tự đáp: Vì Đại thừa kia tăng thượng sanh nên nói như vậy. Ví như cõi trời thì tăng thượng lực, khiến cho ở trong mộng có được luận chú.

Kinh cũng nói: Từ đầu tiên thành đạo cho đến lúc Niết-bàn, trong khoảng thời gian đó không nói một chữ, như mẹ cắn ngón tay, con biết là gọi.

b. Thân phát ra ánh sáng nói pháp. Thân Phật đầy đủ cả uẩn xứ giới v.v... Do lìa phân biệt mà không có hý luận đâu thể không nói pháp gọi là không hý luận. Nghĩa là người nghe có đầy đủ gốc lành bổn nguyện duyên lực. Văn nghĩa cùng sanh ở trong thức của Như lai. Văn nghĩa này được gốc lành lợi tha của Phật khởi ra, nên gọi là Phật nói. Người nghe dựa vào thức, tuy không thân đắc. Nhưng tợ như tướng phần kia mà hiển hiện, nên nói là Tôi nghe. Theo ngài Thế Thân nói: Các thức nối tiếp mà có khác nhau, để cho các nối tiếp khác thì thức khác nhau sanh ra. Kia đây làm tăng thượng duyên lẫn nhau. Do đây kinh nói: Pháp ta nói như nắm lá trong tay pháp chưa nói thì nhiều như lá trong rừng. Như ngọc Mạt-ni, trống trời vô tư mà tạo tác. Trong đây hai giải thích này tùy theo hai văn kia mà giải thích lẫn nhau. Nêu biết nói: “Tôi nghe như vầy” là ý tránh việc tăng giảm lỗi lầm khác phần . Nghĩa

là pháp như thế. Tôi nghe từ Phật chẳng phải từ người khác lần lượt nói bày. Là khả năng có thể của người nghe, là có những điều nghe đều lìa các lỗi lầm thêm, bớt khác nhau. Chẳng phải như kẻ phu không có khả năng nghe, những điều nghe không thể thoát khỏi nghĩa có thêm, bớt, khác nhau. Lúc kiết tập pháp truyền giáo của Phật tức là nương theo giáo pháp của Như lai, nên phần nhiều nói: Như thế vì muốn cho chúng sanh cung kính tin nhận nên nói pháp như vậy, tôi nghe từ Phật nói. Văn nghĩa quyết định không có sự tăng bớt. Cho nên người nghe ứng với người chính thức đã nghe như lý mà suy nghĩ, siêng năng tu học.

- Chánh kinh: Một thời.

- Huyền tán: Là thời phần nói giáo thứ hai.

Ở đây có hai nghĩa:

1) Đấng Pháp Vương từ khi bắt đầu khởi hóa các căn cơ đều nhóm họp, việc nghe nói xong gọi chung là nhất thời.

2) Người nói, người nghe cùng hội ngộ thời phần không riêng biệt, nên nói nhất thời. Vì thời của cơ cảm, ứng hóa không có phân biệt. Đầu tiên y theo theo sát-na nối tiếp không có giai đoạn nói và nghe cho đến rốt ráo tạm gọi là nhất thời. Đây có hai giải thích:

a. Thời đạo lý. Hai bên nói nghe chỉ lúc hiện tại. Năm uẩn các hành sanh diệt trong từng sát-na . Tức hiện pháp này có nghĩa đáp lại trước dẫn đến sau, tức sở đáp tạm gọi là quá khứ, vì được dẫn nên tạm gọi là vị lai, đối với hai loại này nói là hiện tại. Nghĩa là ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại này đều giả lập trong pháp hiện tại. Tức các pháp năm ấm của người nói, nghe, sát-na sanh diệt trước sau đều nối tiếp, kế đến rốt ráo giả lập trong ba đời, Gọi chung là nhất thời, chẳng phải là nhất thời sanh diệt.

b. Thời Duy thức: Hai bên nói nghe dựa trên thức tâm thành tướng trạng ba thời mà khởi. Thật là hiện tại tùy tâm phần hạng mà biến thành các việc dài ngắn, nối tiếp đến cuối hoàn tất, gọi chung là nhất thời. Như trong mộng thấy cho là có nhiều đời, thức dậy biết chỉ tâm biến hiện không phải cảnh thật.

Người nghe tâm biến chuyển ba đời cũng vậy, chỉ có ý duyên là bất tương ưng hành uẩn, thuộc pháp giới, pháp xứ. Đây nói nhất thời tức là: Một là không định y cứ sát-na. Hai là không định y cứ nối tiếp. Ba thì không định y cứ là bốn thời, sáu thời, tám thời, mười hai thời. Bốn thì không y cứ năm tháng thời gian sau khi Đức Phật thành đạo. Đó gọi là nhất thời. Chỉ là người nghe căn cơ thuần thục chiêu cảm mà Phật nói cho nghe. Người nói vì lòng từ bi ứng với căn cơ mà nói. Việc nói nghe

xong thì gọi là nhất thời.

- Không y cứ sát-na: Người nghe pháp căn khí hoặc chậm lụt; thời gian nói tuy ngắn, mà thế gian nghe để hiểu lại dài. Hoặc người nói lâu mà người nghe cũng lâu. Trong một sát-na cũng chưa thể hiểu nên chẳng dựa theo sát-na.

Không có y cứ nối tiếp là do người năng thuyết được Đà-la-ni, nói một chữ thì tất cả nghĩa đều rõ ràng. Hoặc người hay nghe đắc ý, nhĩ thanh tịnh khi nghe một chữ đều hiểu tất cả. Cho nên chẳng phải nối tiếp. Do ở trong một hội, người nghe căn cơ có lợi có độn, thần lực của Như lai hoặc kéo dài niệm ngắn thành kiếp dài lâu. Hoặc rút nhiều kiếp thành thời gian ngắn, cũng không nhất định, chỉ là căn cứ chung nói và nghe đến rốt ráo gọi là nhất thời.

Không y cứ thuộc bốn thời, sáu thời, tám thời, mười hai thời: Một ngày một tháng chiếu khắp cả thiên hạ. Dài ngắn, nóng lạnh, gần xa, ngày đêm, các phương đều không nhất định. Thường thì hai thiên hạ cùng khởi dụng. Lại trừ cõi này trở xuống, thì trên các cõi trời, không có bốn thời và tám thời. Nếu Kinh căn cứ theo cõi trên, các phương lưu thông, như nói bốn thời v.v... thì sự lưu hành không khắp.

Không y cứ thời gian năm tháng sau khi Phật thành đạo. Phàm Thánh trong ba thừa đều thấy báo thân hóa thân của Phật. Năm tháng dài ngắn sự thành đạo đến nay sự thành đạo đến nay gần xa đều không đồng. Kinh định ra ba thừa phàm Thánh cùng nghe, nên không phân biệt ngày tháng bao nhiêu sau khi Phật thành đạo. Nhưng trong kinh có nói thời gian nối tiếp. Kinh này nói: Phật nói Kinh Pháp Hoa suốt sáu mươi tiểu kiếp, tức sự nối tiếp thế gian. Có thuyết nói bốn thời: Tức Kinh Niết-bàn Phật nói ngày mười lăm tháng hai. Có thuyết nói sáu thời, tám thời, mười hai thời, tức trong kinh Niết-bàn nói vào sáng sớm lúc Phật xỉa răng. Kinh Kim Cương Bát-nhã nói: Ăn cơm xong thâu y bát, rửa chân, trải tòa ngồi, là lúc đúng ngọ.

Kinh Thượng Sanh chép: Đầu hôm thì toàn thân phát ra ánh sáng.

Kinh Di Giáo nói: Giữa đêm thì tịch nhiên không tiếng động.

Có thuyết nói về năm tháng thời gian sau khi Phật thành đạo. Kinh Thập Địa chép: Trong tuần thứ hai Phật ở tại cung Thiên Vương Hóa Tự Tại, trong điện Ma-ni Bảo Tạng nói kinh Hoa Nghiêm.

- Lại kinh Pháp Hoa chép: Tuần thứ ba, sau khi suy nghĩ rồi, Phật đến thành Ba la nại xoay bánh xe Tứ đế.

- Kinh Vô Lượng Nghĩa chép: Ta thành đạo đã hơn bốn mươi năm,

tuy là có nói mà tùy theo địa phương khu vực hóa độ, chúng sanh thấy nghe kiết tập.

Nói như thế, vẫn chưa phải thời nói pháp nêu chung ban đầu, nên gọi chung là một thời.

Hỏi: Trong xứ có tịnh uế, tùy theo căn cơ quyết định xứ nói, trong thế gian có phàm Thánh khác nhau. Vì sao không nói riêng?

Đáp: Nói xứ nêu tịnh uế. Tịnh uế có thể nhất định biết. Thuyết thời có dài ngắn, Thánh phàm không thể y cứ. Trong một hội căn cơ thích nghi có lợi, độn. Thời ngắn thời dài làm sao mà đánh giá, cho nên xứ có thể nói nhất định mà thời chỉ gọi chung là nhất thời.

- Kinh Phật khen rằng: Nói về giáo chủ.

- Tiếng Phạm là Phật-đà, Hán dịch lược là Phật, là người đứng đầu trong những người có tuệ, Đời Đường dịch là Giác. Giác có ba nghĩa:

1) Tự Giác, Vượt hơn phàm phu, phàm phu không thể tự Giác.

2) Giác tha: Vượt Hơn Nhị thừa, vì kia không thể giác ngộ cho người.

3) Giác hạnh viên mãn: Vượt hơn Bồ-tát, Bồ-tát tuy tu tự giác, giác tha mà thực hành chưa viên mãn.

Luận Phật Địa chép: Đầy đủ Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí. Có thể giác ngộ và khai ngộ cho chúng hữu tình. Như tỉnh giấc mộng, như hoa sen nở, nên gọi là Phật.

- Nhất thiết trí: Trí có thể khai ngộ, như trí biết đang mộng. Quán ở nơi không trí, lý trí, chân trí, vô phân biệt trí, như là sở hữu. Nói theo tướng chung là trí đắc do dứt phiền não chướng Nhất thiết chủng trí: Giác hữu tình trí trừ hết, như hoa sen nở. Quán ở nơi hữu trí, sự trí, tục trí, hậu sở đắc trí, tận sở hữu. Nói theo tướng chung là trí đắc do dứt sở tri chướng.

Xét theo các bản kinh tiếng Phạm đều gọi Bổn Sư là Bạc-già-phạm, Phật giáo an trí dùng lời này bao gồm các đức, chủ ý người phiên dịch còn muốn rút gọn lại, để Lược tùy theo các phương sanh thiện nên gọi là Phật.

- Hỏi: Trong ba thân này thì thuộc về thân nào?

- Đáp: Tùy theo nơi chốn, căn cơ, ứng theo Thanh văn mà làm hóa thân Phật. Theo văn, theo khí chất (khả năng), giáo hóa Bồ-tát mà hiện báo thân, vì chúng sanh cảm ở Phật có căn, loại khác nhau nên ứng hiện cả báo thân hóa thân.

Vương Thành, Linh Thứu, kiếp hết, lửa đốt. Ngài Thu Tử nghe kinh, tức là hóa Phật. Cõi Phật an ổn, tuổi thọ lâu dài, ngài Văn-thù

trong đó, tức là báo thân, Ứng hóa chẳng phải thân Phật chân thật, cũng chẳng phải nói pháp thân, thúc đẩy công trở về bổn tức là pháp thân vậy. Thế nên kinh xưng tán công đức Đại thừa, Phật trụ ở pháp giới tạng là thuyết pháp thân kinh Phật Địa trụ vào Bảo Hoa Vương thập bát viên mãn, là nói Báo thân thuyết Vương Thành trong kinh này, tức là nói Hóa thân Phật nói. Nói theo lý thật thì ra chung cả ba thân Phật, ứng vật hiện thân thì không nhất định là một. Trong kinh Lăng-già chép: Ba thân Phật nói pháp đều khác nhau, mà đều là nói pháp. Do đây Cù-sư-la trưởng giả nhìn ba thước mà phát tâm, năm trăm vị Bà-la-môn thấy thân tro mà khởi lòng tín. Bồ-tát có vô biên thân khắp cùng pháp giới mà có dư. Trụ vào phàm phu tiểu Thánh quán thân Phật trượng sáu mà không tận. Nay hiển bày chủ tôn giáo tùy theo quyết định sự thù thắng. Đầu tiên nêu giáo chủ là để cho sanh tâm vui mừng.

- Kinh: Phật trụ tại thành Vương xá trong núi Kỳ-xà-quật.

- Khen rằng: Nơi Phật hóa độ. Du hành giáo hóa, dừng ở gọi là trụ. Trụ là nơi an ổn, là du hóa dừng lại một nơi. Dừng ở núi, du hóa ở thành. Phật nương nơi đây để làm chỗ an ổn du hóa. Người xưa do đây mà giải thích nghĩa trụ ở Thánh, Thiên, Phạm, Phật... Trụ tên tuy đồng mà ý nghĩa hoàn toàn khác. Nói nghĩa sâu kín, chốn ở u tịch, không hề có chút nghĩa thuộc về tâm. Đây chỉ là phô trương suy diễn đối với chữ trụ kinh này tuy tên đồng mà lý khác, đây là điều không thể.

- Tiếng Phạm là: Củ-xa-yết-la Bổ-la thành, đời Đường dịch là Thượng Mao Thành , trung tâm nước Ma-kiệt-đà các vị vua xưa đều đóng đô ở đây. Nơi đây mọc nhiều cỏ mao cát tường rất đẹp, do đó mà đặt tên. Núi cao bao bọc bốn phía làm vách bên ngoài. Phía Tây thông với một con đường nhỏ, phía Bắc dựa vào cửa núi, phía Đông tây dài, phía Nam bắc lại hẹp. Chu vi hơn một trăm năm mươi dặm. Chu vi nội cung là bốn mươi dặm. Trên các con đường đến kinh thành có trồng cây Yết-ni-ca, nở đầy hoa lạ, thơm ngát, rực rỡ màu vàng, những tháng cuối xuân cả khu rừng đều ánh một màu vàng. Ngoài cửa Bắc cung thành có ngọn tháp là nơi mà Đề-bà-đạt-đa kết bạn thân với vua Vị Sanh Oán (A-xà-thế). Vua thả voi say hộ tài ra muốn hại Như lai. Như lai đưa tay chỉ năm ngón thẳng xuất hiện năm con sư tử. Voi say liền sợ hãi khuất phục. Phía Đông bắc có một ngọn tháp, là nơi ngài Xá-lợi-phất gặp Tỳ-kheo Mã Thắng, chứng được sơ quả. Cách đó không xa về hướng Bắc có cái bụng sâu rộng là nhà của Lợi-cúc-đa, Hán dịch là Thắng Mật. Người này đào hố để lửa, dâng thức ăn có thuốc độc để hại Phật. Nơi cung thành hướng Đông bắc đi khoảng mười bốn, mười lăm dặm đến

núi Cô-tất-đà-la-củ-sất. Đời Đường dịch là Thứu phong cũng dịch là Thứu đài. Tiếp giáp phía Bắc núi, nhô lên đặc biệt, là nơi trú ngụ của chim Thứu lại giống như cái đài cao. Không gian tuyệt đẹp màu sắc rực rỡ khí hậu ấm áp. Sau khi Phật thành đạo trong năm mươi năm, thường trụ ở núi này để nói pháp mầu. Xưa dịch là núi Kỳ-xà-quật, cũng gọi là núi Linh thứu. Chim Thứu ở đây thường ăn xác chết, gọi núi Linh thứu là tạm lược.

Vua Tần-bà-sa-la vì muốn nghe pháp nên sai người lát đá làm thềm từ chân núi, bề ngang đến đỉnh núi, rộng hơn mười thước, dài năm mươi dặm. Trên đường lên có hai ngọn tháp:

1) Gọi là hạ thừa. Tức khi vua đến đây thẳng đường mà tiến.

2) Gọi là thoái phàm: Là nơi người phàm không đồng đến.

Trên đỉnh núi này hướng Đông tây thì dài, hướng Nam bắc thì hẹp. Đi về hướng Tây có ngôi Tinh xá bằng đất. Cao rộng lạ kỳ, cửa nằm hướng Đông. Khi Như lai tại thế thường nói pháp ở đây. Ngày nay khắc tượng nói pháp, hình lượng cũng bằng thân Như lai. Phía Đông Tinh xá có tảng đá dài, Phật đi kinh hành ở đây. Bên có tảng đá to cao một trượng bốn mươi lăm. Chu vi hơn ba mươi thước, đây là nơi Thiên Thọ xô đá từ xa làm chân Phật chảy máu. Dưới sườn núi phía Nam có ngôi tháp. Phật nói kinh Pháp Hoa ở đây. Đi hơn một dặm từ cửa Bắc sơn thành thì đến vườn Trúc Ca-lan-đà, phía Đông vườn có ngôi tháp. Vua A-xà-thế xây tháp xá-lợi cúng dường ở đây. Từ vườn Trúc lâm đi về hướng Tây nam khoảng năm, sáu dặm, ngay hướng Nam của núi trong cách vườn Trúc lâm có ngôi nhà lớn bằng đá là nơi ngài Đại Ca-diếp kiết tập pháp tạng. Phía Bắc vườn Trúc lâm khoảng hơn hai trăm bước thì đến ao Ca-lan-đà. Cách ao hai ba dặm theo hướng Tây bắc thì đến thành Cát-la-xà Kết-lợi-sất, Hán dịch là Vương xá. Bên ngoài thành đã đổ nát không còn dấu vết, bên trong thành nền đất vẫn còn. Mặt chu vi hai mươi dặm có cửa. Đầu tiên vua Tần-bà-ta-la đóng đô tại thành Thượng mao. Nhà cửa bằng phiên nứa nên nhiều lần bị hỏa hoạn. Một nhà bị thì xung quanh cũng lây nạn. Vì ở không yên nên dân chúng oán than.

Vua nói: Vì ta không có đức nên dân tình gặp nạn, phải tu nhân gì để dân được an ổn?

Các quan thưa: Đại vương dùng đức giáo hhóa dân chúng không nghiêm. Xin chế ra nghiêm pháp để trị kẻ phạm tội. Nếu có người phạm thì đem bỏ vào rừng lạnh rừng lạnh là nơi bỏ thây người chết. Tục gọi là nơi bất tường, tuyệt chẳng ai lui tới cũng như thây chết bị bỏ. Nếu đem

họ tới đó họ sẽ xấu hổ mà trở nên nhiếp cẩn. Vua y theo lời tâu liền ban hành nghiêm lịnh. Khi đó trong cung vua có hỏa hoạn. Vua nói: Ta phải đi. Bèn dạy Thái tử giám xét việc nước, còn vua đến ở rừng lạnh. Vua Phệ-xá-ly nghe tin liền dấy binh sang chinh phạt. Vua bèn cho xây thành ở đây. Vì nhà của Tiên vương ở đây nên gọi là Thành Vương xá. Có thuyết nói vua A-xà-thế lên ngôi sau đó mới xây dựng thành này. Đến thời vua Vô-ưu dời đô về Ba-sất-ly, thành Vương xá thí cho Bà-la-môn nên trong thành không có phàm dân, chỉ có Bà-la-môn, cùng với cả ngàn nhà vậy. Người xưa có nói Sơn thành là thành Vương xá, có chín ức nhà. Hoặc nói đặt ngàn vị vua ở đây, đều là sai lầm. Kinh đô đã ở tại Vương xá. Phật trụ trên Thứu phong. Thành, núi hai bên đều rõ ràng; hai hóa tự tha lợi lạc cả tăng tục. Luận nói phẩm Tựa thành tựu thì pháp môn này nói lên hai nghĩa Thành tựu:

1) Là trên hết trong tất cả pháp môn. Như thành Vương xá cao lớn tốt đẹp hơn các thành xá khác. Thành là trung tâm của nước Ma-kiệt-đà. Là chỗ đóng đô của vua cõi người, tiêu biểu Nhất thừa là trung đạo của ba thừa. Là cảnh của Pháp vương, an trụ thành tốt đẹp hơn các thành khác, cho nên kinh này cũng hơn các kinh khác.

2) Là nói lên công đức thành tựu tự tại. Như núi Kỳ-xà-quật hơn tất cả núi. Đây là nói lên giáo pháp cao quý. Thành Câu-tô-ma đã là Sơn thành, gần với Vương xá chính là có nhiều núi. Núi này rất cao lớn mà lộ rõ, nói lên cho pháp cao xa vượt hơn Nhị thừa. Tự tại uy nghi công đức đều đầy đủ. Hoặc như nói thành cao đẹp hơn các thành khác không có vật tốt đẹp nào mà không vượt hơn, pháp thù thắng hơn các pháp thì không có đức cao nào mà không. Núi thù thắng hơn các núi khác vì là nơi dừng ở của một loại chim lành, pháp thù thắng hơn các pháp vì là chỗ dừng chân du hóa của bậc Thượng nhân.

Lại nói: Diệu là dụ chung cả giáo và lý. Hoặc giáo diệu như ngôi thành bao gồm cả diệu lý. Lý cao như núi, vượt khỏi Nhị thừa. Cho nên kinh này ở thành Vương xá, trên núi Linh thứu là có chỗ tiêu biểu. Bát-nhã thông cả năm cửa. Xá-vệ phì nhiêu bốn đức. Cho nên Phật thường ở đây mà không đến nơi khác. Vàng sanh ra nước đẹp, Đông tục lưu truyền. Sông Đề có vàng, đất Tây Vực đều như thế! Sanh tử như dòng sông không bao giờ cạn. Niết-bàn như vàng nên đáng quí trọng. Trong dòng sông mà có vàng, là tiêu biểu cho trong dòng sanh tử có đức viên tịch. Cho nên Phật ở bên dòng sông A-lợi-la-bạt-đề nói kinh Niết-bàn. Mỗi pháp đều có tiêu biểu cho nguyên nhân xa gần. Xưa nói kinh này gồm ở bốn chỗ. Đầu tiên ở tại núi Linh thứu, hai là pháp vọt lên không,

ba là Phật nhóm họp Tịnh độ, bốn là trong phẩm Chúc lụy, phân thân Phật trở về nước mình ở cõi uế trược. Nay giải thích xứ có ba mà nói kinh chỉ ở hai nơi. Xứ có ba: Không trở lại cõi uế. Tức phẩm Chúc Lụy ở sau phân thân Phật mới trở về. Cho đến cuối kinh đều chỉ cõi Tịnh, lại trở về cõi uế nói kinh xong.

Tịnh uế chỉ có hai:

a. Đầu tiên ở núi Linh sơn thuộc cõi uế trược.

b. Phân thân Phật nhóm họp, Phật biến ra cõi Tịnh, cùng tháp Phật vọt lên hư không tức là xứ có ba. Nói kinh chỉ có hai: Đầu tiên mở hội Linh sơn trên mặt đất, vì chúng Nhị thừa giảng nói Nhất thừa. Sau đó tháp Phật bay lên hư không, phân thân Phật nhóm họp lại, Thích-ca cùng Phật Đa Bảo ngồi chung một tòa, khuyên tin kinh này. Đến cuối kinh Phật khiến phân thân đều trở về. Nói kinh xong Phật mới trở xuống mặt đất. Về sau không nói kinh Pháp Hoa nữa. Cho nên biết nơi thuyết chỉ có hai. Nay nêu ra nơi sáng lập hội nên nói núi và thành. Nói trụ là nơi giáo hóa, Phật nói là hóa thân, muốn cho cả ba thừa cùng ưa thích. Đây là nói lên lòng từ bi sâu xa của Phật thừa và thân đều mầu nhiệm, có thể giáo hóa cõi uế này. Nếu nêu ra báo thân Phật và hiển bày cõi Tịnh, e chúng Nhị thừa nghi ngờ cho là không phải phần mình thì không tu hành. Do đây mà Phật chỉ hiển bày hóa thân và cõi uế.

- Kinh: Cùng chúng Đại Tỳ-kheo một muôn hai ngàn vị.

- Khen rằng: Trong bảy thành tựu. Từ phần thứ hai trở xuống là chúng thành tựu vậy. Chúng thành tựu thì lấy năm môn để giải thích:

1. Làm rõ ý của chúng
2. Làm rõ quyền thật.
3. Định số nhiều, ít
4. Nói về thứ lớp.
5. Y theo luận mà giải thích.

I. Làm rõ ý chúng có ba nghĩa:

1. Chứng tín: Nêu có chúng nghe giúp A-nan thành tựu, nghe pháp có thể tin. Chúng nghi ngờ ba điều:

a. Nghi A-nan tự bàn luận.

b. Nghi từ người khác nói lại cho nghe.

c. Nghi người khác nói.

Nay hiển bày đồng nghe, chứng minh kinh đáng tin cậy.

- Luận Trí độ chép: Có ba thời là thời thuyết, xứ thuyết và người khiến cho sanh tin.

2. Hiển đức: Như các vị trời vây quanh Đế-thích, Phạm chúng vây

quanh Phạm thiên vương. Nay nói các Thánh vây quanh Đấng pháp vương.

3. Khởi lập thỉnh: Là phương thức lợi lạc chúng sanh hẳn là thích ứng sự mong muốn; thứ lớp nói ra, nhân trước quả sau. Thân là thể của quả. Hành là tánh của nhân. Thừa là sở học. Dưới phẩm Phương tiện Ngài Thu tử ba lần thỉnh Phật, vì nói bỏ quyền lấy thật; nên hiển bày khiến bỏ quyền, theo cảnh thật. Phẩm An vui hạnh ngài Văn-thù cố thỉnh, chính là nói hạnh bỏ quyền theo thật. Trong phẩm Thọ lượng ngài Di-lặc ba lần thỉnh. Đức Phật vì nói thân quyền, thật thật, nên hiển bày bỏ quyền lấy quả thật, trải qua nhân duyên khiến dứt trừ pháp kiêu mạn. Nếu không nhờ thỉnh, ý chính khó sanh nên các Thanh văn thỉnh cảnh Nhất thừa chính là hợp với căn ngộ của họ. Bồ-tát thỉnh hành và quả, khen ngợi chứng nhân cũng là lợi ích cho mình.

4. Vì đương cơ: thoái Tâm Bồ-đề là ba căn lãnh hội: Ba lần nói Nhất thừa, Bồ-tát lãnh ngộ Phật nói thọ lượng v.v... Tùy theo loài mà được lợi ích. Phàm phu Thanh văn xa lìa hết bụi nhơ phát tâm Bồ-đề. Chư Thánh hồi tâm hướng đến Đại thừa, phàm phu Bồ-tát lưới nghi đều được xé toang chứng chân đạt Thánh. Bậc Thánh Bồ-tát đắc vô sanh pháp nhẫn, sẽ chứng quả Bồ-đề. Cho nên vì ba căn cơ mà nói pháp mầu này.

5. Dẫn nhiếp: Chúng Đương thời nhóm họp là để dẫn chứng thời khác sanh phát tâm. Kinh đã trình bày đầy đủ, để dẫn dắt chúng sanh phát ý thời nay. Nếu không có bạn lành thì tịnh tín không sanh.

Luận Phật Địa chép: Nêu Bồ-tát là giúp cho viên mãn; chúng trời rồng là quyến thuộc viên mãn. Cõi Tịnh còn vậy huống chi là cõi uế! Năm nghĩa trên đều là ý nghĩa của việc có chúng nghe.

II. Nói về quyền thật: Như luận Phật Địa nói về một xứ hóa thân Phật. Chúng Thanh văn trong cõi tịnh uế là thật, Bồ-tát là quyền. Trong cõi báo thân, Bồ-tát là thật, Thanh văn là quyền. Nay đây hóa thân, báo thân đều có, tùy ứng hai thật hai quyền. Đầu tiên nói hóa thân Phật ở Linh thứu. Bồ-tát trong đó là quyền. Chúng sanh thấy ở nơi kiếp tận cõi Tịnh thường an ổn, tuổi thọ vẫn vô biên. Báo thân báo độ chúng Thanh văn trong đó đều không thật, huống chi là Phật Đa Bảo, phân thân Phật đều là hóa hiện. Y theo đây mà biết báo, hóa, quyền, thật, lý đều rõ ràng. Trong luận đã nói có hóa Thanh văn, là Mãn Từ Tử, ngoài ra là các hóa chúng, Phật Đa Bảo, phân thân v.v...

III. Định số nhiều ít: Đầu tiên có mười lăm chúng:

1. Chúng đại đức cao danh.

2. Chúng đại đức vô danh.
3. Chúng chư ni tôn trọng.
4. Chúng chư ni nội quyến .
5. Chúng Thánh đức khó nghĩ bàn.
6. Chúng Đế-thích chư thiên.
7. Chúng Ba quang Bốn vương.
8. Hai Chúng Tự tại .
9. Chúng chư thiên cõi Sắc.
10. Chúng rồng.
11. Chúng Khẩn-na-la.
12. Chúng Càn-thát-bà vương
13. Chúng A-tu-la.
14. Chúng Ca-lâu-la.
15. Chúng vua cõi người.

Lại có sáu chúng:

1. Đa Bảo.
2. Phân thân.
3. Cung rồng.
4. Dưới đất vọt lên.
5. Diệu Âm.
6. Phổ Hiền.

Hai loại Chúng này. Nghe pháp, chứng pháp, hành pháp và trì pháp. Nói pháp, hộ pháp đều có khác nhau.

Trong đây có sáu môn khác:

1) Ba thừa không có Độc giác. Độc giác ra đời phần nhiều vào thời không có Phật. Giáo pháp tuy bao gồm cả họ mà lúc ấy không thành quả, nên trong hội này không có. Trong kinh Nhân vương có nêu đầy đủ điều này. Văn dưới cũng trình bày có cầu quả vị này.

2) Trong ba cõi không nêu chúng ở cõi Vô sắc. Ánh sáng soi chiếu người có duyên đến đây nghe pháp, cõi ấy ánh sáng không chiếu đến, căn cơ chúng sanh cũng không thuần thục nên không đến hội. Kinh Nhân Vương cũng có nêu điều này.

3) Chúng năm đường không có Địa ngục: Ánh sáng tuy chiếu đến cõi này nhưng chúng vô duyên không thể đến. Đến có hai nghĩa:

a. Ánh sáng chiếu đến.

b. Có duyên đến.

Cõi Địa ngục ánh sáng chiếu đến mà người vô duyên không đến, không có sắc sáng đều là tướng che. Nhất thừa tiến tu phải mượn thân

dễ yên ổn. Địa ngục vì khổ sở ép ngặt không yên để tu tập. Kinh Đà-la-ni vốn dứt các khổ, uy lực đến cùng, địa ngục cũng có thể đến. Kinh này tiến thiện, chúng địa ngục không dễ yên ổn nên không thể đến. Vậy nên ánh sáng chiếu là khiến chúng sanh thấy sanh nhàm chán phát tâm Bồ-đề mà dứt hết khổ nạn.

4) Bốn chúng. Không có chúng Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di. Trong phần oai nghi thành tựu ở dưới có nêu đầy đủ.

5) tám bộ. Không có Da-xoa và Ma-hầu-la-già. Ở dưới cũng nêu đầy đủ.

6) Nói hai vua không có Vua Chuyển luân, chỉ có tiểu vương. Ở dưới cũng nêu đủ.

IV Nói về thứ lớp

1) Chúng đầu tiên có bốn:

a. Chúng Thanh văn

b. Chúng Bồ-tát

c. Chúng tám bộ

d. Chúng các vua.

Hoặc nội hộ, ngoại hộ là thứ lớp. Trong nội hộ thì nêu thứ lớp Thanh văn, Bồ-tát. Trong Thanh văn thì nêu thứ lớp Tăng ni. Trong Tăng thứ lớp có danh, vô danh. Trong Ni có thứ lớp tôn trọng quyến thuộc. Trong ngoại hộ có thứ lớp tám bộ, nhân vương. Trong tám bộ có thứ lớp phi thiên, thiên. Trong cõi thiên có thứ lớp địa cư, không, cư. Trong Địa cư có Đế-thích, quan thần thứ lớp. Trong Không cư có thứ lớp thiền chủ, phi thiền chủ.

2) Thứ lớp chúng sau: Chúng chứng pháp, chúng khai tháp, chúng đi qua làm lợi ích rộng lớn, chúng trì pháp vô biên, chúng phương khác hành pháp, chúng phương khác khuyên trì.

Trong chúng đầu tiên Thanh văn nói trước Bồ-tát nói sau. Tức là theo Phật Địa luận tuy có giải thích mà nay có bốn giải thích sau:

a. Hình tướng không đồng, người Thanh văn xuất gia hình tướng đồng với Chư Phật. Bồ-tát thì không như vậy.

b. Nơi có gần xa: Thanh văn gần Phật, Bồ-tát lại xa.

c. Giới đức có khác: Thanh văn xuất gia trì giới xuất gia. Bồ-tát tùy theo loại hóa độ chúng sanh nên không như vậy.

d. Làm cho Bồ-tát xả tâm kiêu mạn đối với Thanh văn. Nhưng kinh Hoa Nghiêm, kinh Ma-già-la, kinh Cự-lâu Vương, kinh Hòa Hưu, kinh Đại Ngũ Trược đều nêu Bồ-tát trước, Thanh văn sau là y cứ đức Đại, Tiểu thừa mà nói trước sau.

V. Theo luận giải thích: Trong chúng thành tựu có bốn ý: Một là số, hai là hạnh, ba là nhiếp công đức, bốn là uy nghi như pháp trụ. Số thành tựu nghĩa là đại chúng vô số. Nói chung là vô số mà các luận đều có nêu nghĩa riêng , là một muôn hai ngàn vị v.v...

Trong hạnh thành tựu có bốn ý:

1. Các Thanh văn tu hạnh Tiểu thừa nương hành khất thực tự sống gọi là Tỳ-kheo.

2. Bồ-tát tu hạnh Đại thừa, cầu giác ngộ lợi lạc hữu tình. Lấy Bồ-đề Tát-đỏa làm mức đến.

3. Bồ-tát dùng năng lực thần thông tùy thời mà thị hiện, có khả năng tu hành Đại thừa, như mười sáu vị Bạt-đà-bà-la v.v... đầy đủ việc bất tư nghì của Bồ-tát. Do bất định mà có thể thị hiện ra hình thù bốn chúng như Ưu-bà-tắc v.v... nói cho Bồ-tát nghe.

4. Người xuất gia uy nghi nhất định không đồng với Bồ-tát. Do sự nhất định này mà gọi là Tỳ-kheo.

Trong nhiếp công đức thành tựu là kinh nói mười sáu câu khen ngợi chúng đức; mười ba câu khen đức hạnh Bồ-tát. Nhưng trong luận này không nêu riêng vì nghĩa văn kinh đã rõ.

Thành tựu uy nghi như pháp trụ là:

- Chánh kinh: "Bấy giờ bốn chúng vây quanh Đức Thế tôn." Đây là nói uy nghi cung kính của bốn chúng đi nhiễu Phật nghe pháp mà trụ tướng. Các vị tuy lễ Phật cũng là uy nghi chẳng phải tướng nghe pháp, cho nên ở đây không nói.

Trong mười lăm chúng đó hợp lại thành ba loại. Chúng Bồ-tát Thanh văn có đủ bốn thành tựu. Hữu học, Vô học và Tỳ-kheo ni có đủ ba thành tựu không khen ngợi đức. Các trời đủ hai thành tựu không có hạnh và đức. Luận nói trong chúng thành tựu, gồm có bốn thành tựu, không nói mỗi việc đều có đủ bốn loại. Nhưng kinh nói trong chúng thành tựu có hai đoạn. Đoạn đầu nói riêng mười lăm chúng. Đoạn sau nói về uy nghi. Trong đoạn đầu lại có hai ý:

1) Nêu riêng chúng

2) Nói chúng lễ Phật rồi lui về ngồi một phía.

Trong mười lăm chúng lại chia làm hai:

1. Nói chúng nội hộ.

2. Nói chúng ngoại hộ.

Chúng nội hộ có hai: Thanh văn và Bồ-tát.

Chúng Thanh văn có hai: Tỳ-kheo và chúng ni.

Trong Tỳ-kheo có hai: Bậc cao đức nói tiếng và Đại đức không

nổi tiếng.

Trong phần nói bậc cao đức nổi tiếng lại có ba ý:

1. Nêu lên số loại.

2., Khen ngợi công đức.

3. Nêu tên.

Nêu số loại có hai thành tựu là số và hạnh. Chữ “Dữ” là cùng, gồm, và... Ngài Long Thọ giải thích: Nhất xứ nhất thời, nhất tâm, nhất giới, nhất kiến, nhất đạo, đồng giải thoát đạo gọi là cộng (cùng).

- Đại Tỳ-kheo: Trong Luận Trí độ chép: “Đại giải thích có ba nghĩa. Tối đại trong các chúng, phá dứt đại chướng, bậc đại nhân cung kính.” Ngài Chân-đế giải thích có ba:

1. Thắng đại là bậc trên hết ở trong chúng hữu Học, Vô học.

2. Thể đại. Công đức trí tuệ lớn rộng.

3. Số đại, là một muôn hai ngàn người.

Nay hợp lại làm sáu:

Một là, số đại.

Hai là, ly đại tức dứt đại chướng.

Ba là, vị đại tức đại A-la-hán.

Bốn là, đức đại như trong kinh nói.

Năm là, danh đại tức tiếng tăm vang xa.

Sáu là, thức đại, đại nhân là tri thức của đại chúng.

Âm Phạm là Bí sô âm lầm là Tỳ-kheo do đủ năm nghĩa nên không dịch ra:

Một là Bố ma lúc mới xuất gia cung ma bị rung chuyển.

Hai là Khất sĩ: Đã xuất gia rồi, khất thực nuôi sống.

Ba là Tịnh trì giới, dần dần nhập vào số Tăng tương ưng với trì giới.

Bốn là Tịnh mạng đã thọ, đắc giới khởi lên ba nghiệp, vì không còn tham phát, không nương vào tham tà mà nuôi sống.

Năm là Phá ác: Nương vào Thánh đạo dần dần dứt hết phiền não.

Chúng có nghĩa là tăng, lý sự cùng hòa hợp thì gọi là chúng.

Ba vị trở lên được gọi là Tăng.

Kinh: “Đều là A-la-hán... Tâm được tự tại.”

- Khen ngợi: đây là khen ngợi công đức. Kinh có sáu câu: Bản dịch mới và luận cũ có mười sáu câu: Đều gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, được chân tự tại.

Luận chép: Tâm được tự tại, tâm (thiện) khéo giải thoát, tuệ giải

thoát. Luận chép: Khéo đắc tâm tuệ giải thoát, như điều phục ngựa thông minh.

Luận chép: Tâm khéo điều phục cũng như rồng lớn, các việc đã làm đều xong, nói xong là trút bỏ các gánh nặng, mau được lợi ích cho mình. Trừ hết hữu kiết giải thoát chánh tri. Luận chép: Khéo đắc chánh trí, tâm được giải thoát cho đến tâm tự tại, rốt ráo bậc nhất. Luận có ba cách giải thích:

1. Thượng thượng khởi.
2. Tướng chung riêng.
3. Nhiếp lấy sự.

Thượng thượng khởi: Do câu trên mà có được câu dưới. Hoặc do câu dưới mà câu trên mới khởi. Khởi chẳng phải là duy nhất gọi là thượng thượng khởi. Luận dùng câu thứ hai để giải thích câu đầu là: “Các lậu đã hết” nên gọi là A-la-hán.” Tức luận nói đã dứt hẳn hết giặc phiền não nên gọi là A-la-hán.

Lậu có năm cách phân biệt.

1. Giải thích tên chung. Các luận gọi là phiền não hiện hành khiến tâm liên tục phân tán không dứt nên gọi là lậu. Như vật dơ nhà quá bẩn thật đáng chán ghét, là nơi ô nhiễm, thương tổn, rộng chê trách lỗi lầm đó nên lấy tên lậu. Đây chỉ hiện hành không lấy phiền não làm hạt giống. Y theo vào sự thật thì thông loại.

2. Nêu danh, lậu có ba loại: Một là dục lậu, hai là hữu lậu, ba là vô minh lậu.

3. Nêu thể: Kiến đạo ở dục giới có bốn mươi phiền não. Tứ đế mỗi đế đều có mười. Cùng tu đạo có sáu là: Tham, sân, mạn, vô minh, thân kiến, và biên kiến. Trong đây trừ năm vô minh, còn lại bốn mươi mốt căn bản phiền não và gồm hai mươi tùy hoặc phẫn, hận... đều gọi là dục lậu. Cõi Sắc, Vô sắc vì không còn sân, mỗi cõi có bốn mươi mốt, trong đó trừ năm si, hợp lại thành bảy mươi hai căn bản phiền não, cùng với siểm, cuống của cõi Sắc và kiêu của hai cõi. Hợp bốn tiểu tùy hoặc, mười sáu đại tùy phiền não gọi là hữu lậu. ba cõi hợp lại có mười lăm vô minh gọi là vô minh lậu.

4. Ly hợp phế lập: Dục chỉ có ở tán địa, hữu lậu địa, có ở cả năm đường, đầy đủ bốnsanh địa. Bất bạn lành phú vô ký là hai tánh hoặc địa, nên lập riêng một dục lậu. Cõi trên đều định, ở cả vô lậu địa, một cõi, một sanh, một tánh phiền não. Do đây mà hợp thành một hữu lậu. Sức vô minh tăng thì chung cả tương ưng, bất cộng là sở y của hai lậu trước. Vì đầy đủ mười một việc thù thắng. Cho nên lìa các hoặc lập.

5. Từ chỗ có được tên: Tuy biết tất cả phiền não trong ba cõi mà tương ứng cõi đó gọi là hữu lậu. Lậu là lậu trong ba hữu. Phiền não cõi dưới thường duyên với dục khởi lên, nên tùy theo nghĩa trội mà đặt tên. Gọi là dục lậu. Các hoặc ở cõi trên không có nghĩa nổi trội riêng nên dùng căn bản đặt tên gọi là vô minh lậu. Vô minh không lấy pháp khác để làm tên, mà nói tướng tự hành gọi là vô minh lậu.

Lậu này chẳng phải một nên gọi là các. Nhưng theo Du-già thì có giải thích khác sợ văn rườm rà nên thôi.

Dùng câu thứ tư để giải thích câu thứ hai: Vì được thật tự tại nên các lậu đã hết, do chứng thật vô vi mà các lậu tự tại, nên nói các lậu đã hết. Dùng câu thứ hai, thứ ba để giải thích câu thứ tư: Vì dứt hết phiền não nên gọi là được thật tự tại.

Hết nghĩa là các lậu đã hết, vô phiền não là không còn phiền não. Do không còn hiện chủng hoặc nên đắc thật được tự tại hoàn toàn. Cũng có bổn nói: Vì không còn phiền não nên nói được tự tại hoàn toàn, mà không phải câu: Các lậu đã hết, chỉ có câu thứ ba giải thích câu thứ tư. Lại dùng câu thứ năm thứ sáu giải thích câu thứ tư: "Vì khéo được tâm giải thoát, đắc tuệ giải thoát," gọi là được thật tự tại. Vì lìa chướng định nên nói tâm giải thoát. Lìa chướng tánh nên gọi là tuệ giải thoát. Lại lìa thể vô minh, tham ái... nên gọi là tuệ giải thoát... Tâm tương ưng kia được lìa sự trói buộc gọi là tâm giải thoát. Do lìa hai điều này mà chứng được pháp vô vi, được tự tại hoàn toàn. Dùng câu hai giải thích câu ba tức xa lìa năng kiến, sở kiến nên gọi là không còn phiền não. Thể phiền não chỉ giữ hạt giống. Xa năng kiến là lìa sự ràng buộc tương ưng. Lìa sở kiến là xa lìa trói buộc sở duyên. Vì lìa hai phược của các lậu hiện hành nên gọi là không còn phiền não. Hoặc giải thích riêng: Năng kiến là tâm chấp ngã. Sở kiến là ngã sở chấp. Do không có tâm năng chấp ngã kiến, tướng sở chấp ngã nên tình không hiện, gọi là lìa hai kiến. Trước các lậu đã hết là nói chung không còn phiền não. Đây không còn phiền não là nêu riêng không còn ngã kiến. Ngã kiến là căn bản để các lậu sanh trưởng. Cho nên giải thích không trái.

Dùng câu năm câu sáu giải thích câu thứ bảy rằng: Vì khéo đắc tâm tuệ giải thoát, nên gọi là tâm khéo điều phục, Cũng như ngựa tốt thì tánh điều thuận, dùng câu thứ chín, thứ mười để giải thích câu tám: Cũng như rồng lớn, đi trên đường xấu, như trên đường bằng phẳng không còn chướng ngại ràng buộc, việc nên làm đã làm, nơi đáng đến đã đến. Cho nên Tân kinh chép: "Các việc phải làm đã làm xong", nên như rồng lớn. Do đã thực hành Đạo đế đã sống với Diệt đế cho nên như

rồng. Như uy đức của rồng, tuy đi trên con đường sanh tử hiểm trở mà như đi trên đất bằng, không hề bị chướng ngại ràng buộc. Không bị nạn sanh tử, vì nhân quả sanh tử đều đã hết, diệt đế đạo đế đã mãn. Luận giải thích riêng câu thứ chín là: Việc nên làm thì làm rồng lớn trong cõi người đã đối trị hàng phục kẻ thù phiền não. Vì đạo đế đã viên mãn, nên năng hàng phục tập đế kẻ thù phiền não. Luận lại giải thích câu thứ chín là: Việc làm đã xong, không còn làm nữa, như việc tương ưng đã hoàn thành. Khổ đế đã hết, diệt đế đã viên mãn, dùng câu thứ chín thứ mười giải thích câu thứ mười một rằng: Lìa bỏ các gánh nặng. Việc làm đã làm, đã xong, gánh nặng đời sau đã trút bỏ, do diệt Đạo đế đã viên mãn liền xả các pháp sanh tử, của thân sau, gọi là trút bỏ gánh nặng. Dùng câu mười một giải thích câu mười hai rằng: Mau đắc lợi mình đó. Bỏ hết gánh nặng chứng quả Niết-bàn, liền lấy Niết-bàn để làm cho mình. Dùng câu mười hai giải thích câu mười ba rằng: Diệt hết các hữu kết: Đã được lợi mình lại đoạn hết nhân phiền não. Vì phiền não là nhân của sanh tử nên gọi là hữu kiết, là kiết của tam hữu vậy. Đã đắc Niết-bàn lợi mình, nên có thể dứt hết kết sử trong ba cõi. Nhân của sanh tử có thể hòa hợp với khổ, có thể ràng buộc nên gọi là kết. Ở đây có chín loại là ái kiết, nhuế kiết, mạn kiết, vô minh kiết, nghi kiết, kiến kiết, thủ kiết, tật kiết, xan kiết. Do chín kiết này thường hiện khởi, làm tổn não mình và người với lấy khổ đương lai, nên càng lập riêng tên kết, tăng thêm sự thiên lập làm kiết.

Dùng câu thứ hai để giải thích câu mười bốn rằng: Chánh trí giải thoát là các lậu đã hết. Vì các lậu tậnnên chánh trí năng chứng đạo giải thoát vô vi, gọi là Trí giải thoát.

Riêng giải thích câu mười lăm rằng: Dốc lòng tự tại là trí khéo vượt qua kiến đạo, tu đạo; tâm trụ ở kiến, tu đạo chưa được tự tại vẫn còn hoặc. Do thành tựu các câu ở trên cho đến đạt đạo vô học, dứt tất cả hoặc, tâm đắc quả vị tự tại.

Dùng câu mười bốn giải thích câu mười sáu: Rốt ráo thứ nhất là khéo đắc chánh trí, tâm được giải thoát, khéo đắc thần thông, Tam-muội vô tránh và các công đức, thành tựu quả vị Thanh văn đến bờ giải thoát.

Y theo văn trên chỉ có ba câu, dùng dưới giải thích trên gọi là thượng khởi. Nghĩa là dùng câu thứ hai giải thích câu đầu. Dùng câu thứ tư giải thích câu thứ hai. Dùng câu thứ mười, thứ chín giải thích câu thứ tám, câu dưới vì sở khởi gọi là khởi, trên liền khởi gọi là thượng khởi, hoặc năng khởi gọi là khởi, khởi lên trên gọi là thượng khởi. Loại này

chẳng phải một nên gọi là thượng thượng khởi. Y theo luận thì chỉ có bảy câu dùng bên trên giải thích câu dưới gọi là thượng khởi. Nghĩa là dùng câu thứ hai giải thích câu ba. Dùng câu năm câu sáu để giải thích câu thứ bảy. Dùng câu chín câu mười để giải thích câu mười một. Dùng câu mười một giải thích câu mười hai. Dùng câu mười hai giải thích câu mười ba, dùng câu mười ba giải thích câu mười bốn. Câu mười bốn giải thích câu mười sáu. Đây là vì năng khởi gọi là khởi, ở trên khởi gọi là thượng khởi. Loại này chẳng phải là một nên gọi là thượng thượng khởi.

Y theo luận chỉ có câu ba là giải thích riêng. Nghĩa là câu chín câu mười câu mười lăm hoặc câu thứ ba cũng là giải thích riêng. Có hai câu không giải thích là câu năm và câu sáu. Có một câu dùng câu trên giải thích câu dưới, cũng dùng câu dưới giải thích câu trên. Đó là câu thứ tư. Tóm lại có bài tụng:

Dưới giải trên có ba.
Trên giải dưới có bảy.
Ba đơn, hai không giải
Một thông trên dưới.

Hoặc trên giải thích dưới có sáu, bốn đơn giải thích, hai không giải thích. Nay theo văn kinh , trong mười sáu câu, chỉ chung sáu. Dưới giải thích trên có một câu, là dùng câu: “Các lậu đã hết” giải thích câu đầu “Đều là A-la-hán.” Dùng trên giải thích dưới có hai câu: Nghĩa là câu: “Các lậu đã hết giải thích câu “Không còn phiền não”, và “Mau được lợi mình” giải thích câu “Dứt hết hữu kiết.” Các câu khác nên tự giải thích.

“Lậu” như trước giải thích, chỉ dùng tất cả phiền não hiện hành. Các lậu này đã hết nên gọi là A-la-hán. Nghĩa là các việc đã làm xong, dứt trừ hẳn giặc phiền não, khéo giải A-la-hán nên vào Thập địa gọi là A-la-hán.

- Không còn phiền não: Luận gọi là xa lìa năng kiến, sở kiến, nên gọi là không còn phiền não. Hạt giống phiền não gọi là phiền não. Đây có thể do đều lìa hai phược hiện hành tương ưng sở duyên. Các lậu đều tận, không còn hạt giống phiền não để đoạn lại, nên gọi là xa lìa năng kiến sở kiến, hoặc tổng các lậu đã hết, các biệt chấp cũng mất nên xa lìa năng và sở kiến. Hạt giống đoạn thì không còn sanh lại. Do đoạn các pháp lưu chuyển sanh tử nên gọi là bỏ gánh nặng, nên có thể chứng quả Niết-bàn, lợi mình. Nghĩa là đắc quả Niết-bàn Hữu dư lợi ích, dứt hẳn chín kiết phiền não làm nhân trong ba hữu. Do trên nói lậu tận trở

xuống bốn câu dưới mà vị A-la-hán kia, khéo vượt qua kiến đạo, tu đạo trí nên đắc tâm tự tại. Lìa chướng sự, tánh, tám giải thoát viên mãn cũng được gọi là tâm đắc tự tại. Văn đã thiếu một ít không thể giải thích thứ lớp theo luận, chỉ có thể luận chung nghĩa lớn giải thích văn kinh; các trí giả nên tự hiểu rõ.

- Thứ hai nói về tướng chung riêng Câu “đều là bậc A-la-hán” là tướng chung, mười lăm câu còn lại là tướng riêng, A-la-hán gọi chung là nghĩa ứng. Ứng có mười lăm nghĩa từ câu “các lậu đã hết” trở xuống.

1) Ứng thọ sự cúng dường ẩm thực và người cung kính. Tức các lậu đã hết có thể làm phước điền cho chúng sanh.

2) Ứng dẫn đại chúng mà giáo hóa tất cả. Vì dứt hết phiền não không màng danh lợi.

3) Ứng vào trong xóm làng thành ấp, được tự tại hoàn toàn không bị cảnh dục mê hoặc.

4) Ứng hàng phục ngoại đạo, tâm khéo giải thoát, đầy đủ trí tuệ, biện tài.

5) Ứng dùng trí tuệ bén nhạy quán sát các pháp. Tuệ khéo giải thoát hiểu rõ các pháp.

6) Ứng nói pháp không mau, chậm . Như pháp tương ưng thì không sanh mỏi mệt. Như điều phục ngực hay, khéo xưng với tâm.

7) Ứng chỗ vắng vẻ tĩnh tọa, các thứ vật dụng trợ sanh như ẩm thực y phục, không chứa để, thường thiểu dục tri túc. Cũng như rồng lớn lìa xa chỗ ồn náo.

8) Ứng với hoàn toàn thực hành hạnh lành, không mê đắm các thiền, các việc phải làm đã làm, thường tinh tấn tu niệm.

9) Ứng thực hành hạnh Thánh, không, việc phải làm đã làm, ngã và ngã sở đều phi hữu.

10) Ứng thực hành hạnh Thánh vô tướng, bỏ mọi gánh nặng, quán sát lý Diệt.

11) Ứng thực hành hạnh Thánh vô nguyện, mau được lợi mình không mong sanh tử.

12) Ứng hàng phục Thiền định thế gian, tịnh tâm không sanh đắm vị của hai cõi : Dứt hết các kiết hữu cho đến không sanh vị ái với thiền của hai cõi.

13) Ứng khởi các công đức thần thông cao siêu, chánh trí giải thoát. Giải thoát nghĩa là thần thông.

14) Ứng đạt đến công đức Đệ nhất nghĩa, dốc lòng tự tại, chứng pháp vô vi.

15) Ứng biết như thật, chúng đồng sanh được các công đức. Vì lợi ích tất cả chúng sanh làm Đệ nhất rốt ráo. Đem pháp Ba-la-mật-đa Thanh văn, rộng độ chúng sanh khiến cùng được công đức lợi ích như mình. Ứng thứ tám là tu hành không dứt, thứ mười hai là không chấp trước thiền, đây là hai ý riêng. Lại sợ văn rườm rà sanh chán, nên lược phần tướng hệ thuộc, mà ý nghĩa trong đó theo sự giải thích trên có thể biết, nói về ứng có bài kệ rằng:

"Thọ, dẫn, vào, hàng phục
Trung, tĩnh, hành, thiện hạnh.
Không, vô tướng, vô nguyện
Phục, khởi, đến, thật biết."

Sáu câu trong kinh chỉ có câu thứ nhất trong mười lăm câu là xứng đáng nhận diệu cúng. Câu hai ứng dẫn đại chúng giáo hóa.

Câu mười một ứng thực hành hành Thánh vô nguyện. Câu mười hai ứng hàng phục thiền tịnh tâm của thế gian. Câu mười bốn ứng đạt đến Đệ nhất nghĩa, thứ lớp năm câu này là phối hợp với năm câu dưới trong kinh mà câu đầu là nêu chung quả A-la-hán.

Thứ ba là nhiếp lấy sự: Dùng mười lăm câu nhiếp lấy mười công đức, vì chỉ rõ hiện có thể nói quả và không thể nói quả. Ý ở đây nói mười lăm câu này thâu nhiếp mười công đức sự là nói A-la-hán chứng đắc hữu vi nên có thể nói quả, đắc vô vi không thể nói quả vì Hữu tướng, vô tướng thô tế đều khác, dưới đây tùy theo ứng mà phối hợp.

1. Nhiếp lấy đắc công đức có hai câu nghĩa là: "Các lậu đã hết và không còn phiền não, "hai hoặc Phược và tùy miên , này nếu hiện hữu thì không thể nhiếp lấy công đức.

2. Nhiếp lấy các công đức có ba câu: Nghĩa là: "Được tự tại, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát." Trong ba câu này, câu "được tự tại hoàn toàn" là công đức hàng phục thế gian. Tâm thế gian không được tự tại, thường bị các hoặc nhiễu loạn, do được tự tại nên xa lìa hẳn hoặc nhiễu loạn.

Hai câu: "Tâm khéo giải thoát tuệ khéo giải thoát", là công đức hàng phục bậc học xuất thế gian, vì bậc Hữu học chưa được lìa hai phược.

3) Nhiếp lấy công đức không trái nghịch có một câu: Nghĩa là tâm khéo điều phục, thuận theo giáo hạnh của Như lai. Giống như ngựa giỏi khéo thuận theo tâm người.

4) Nhiếp lấy công đức cao quý có một câu: "Cũng như rồng lớn có đại uy linh thần lực viên mãn nên ví như rồng.

5) Nhiếp lấy công đức cao quý của các việc nên làm, có một câu: "Việc nên làm đã làm." Việc ấy nên làm là y theo pháp cung kính cúng dường, tôn trọng Đức Như lai, chẳng phải cúng dường tài vật gọi là việc nên làm, mà chính là thực hành pháp cúng dường là việc nên làm. Những vị kia đều đã thực hành pháp Đạo đế này thực hành cúng dường Phật .

6) Nhiếp lấy công đức đầy đủ, có một câu: Việc phải làm đã làm xong " đầy đủ học địa, các sở học ở Địa đều đầy đủ nên đắc Diệt đế đầy đủ.

7) Nhiếp lấy công đức vượt qua có ba câu: "Buông bỏ các gánh nặng, mau được lợi mình, dứt hết các kiết Hữu. Câu đầu vượt qua ái, gánh nặng sanh tử chẳng qua là do tham ái nay đã vượt qua. Câu kế là vượt qua sự mong cầu nuôi sống, cung kính cúng dường. Các mong cầu cung kính cúng dường đều vì giúp cho sanh mạng, nay được lợi mình đã chứng Niết-bàn vượt qua tà mạng cầu lợi dưỡng. Câu sau là vượt qua cõi trên, dưới. Đã vượt qua học địa mà kiết hữu là chín kiết nay đã qua địa hữu học, tức vượt qua cõi trên dưới, nên dứt hết các kiết hữu.

8) Nhiếp lấy công đức thượng thượng, có một câu: "Chánh trí giải thoát." Giải thoát là quả vô vi, là quả vị trên hết trong các công đức.

9) Nhiếp lấy công đức thích ứng làm lợi ích chúng sanh, có một câu: "Dốc lòng tự tại và từ nội tâm lìa các ràng buộc"; cho nên nhiếp lấy làm lợi ích chúng sanh.

10) Nhiếp lấy công đức thượng thủ có một câu: "Rốt ráo bậc nhất" nghĩa là Ba-la-mật-đa Thanh văn kham đạt đến bờ kia hơn hẳn. Các thứ độn căn khác, nên có bài tụng rằng:

Hai câu đầu nhiếp lấy
Kế ba nhiếp các đức
Thuận, thắng, đều đầy đủ.
Như kế phối bốn câu
Ba câu gọi nhiếp qua
Qua ái mạng hai cõi
Thượng thượng, lợi, thượng thủ.
Đều một gọi nhiếp đức.

Sáu câu trong kinh này chỉ nhiếp lấy ba trong mười đức:

Một là nhiếp lấy công đức có hai câu: "Các lậu đã hết, không còn phiền não."

Hai là nhiếp lấy công đức vượt qua có hai câu nghĩa là: "Mau được lợi mình hết các hữu kết vượt qua mong cầu tà mạng và tà ở hai

cõi.

Ba là nhiếp lấy công đức thích ứng làm lợi ích chúng sanh có một câu. Nghĩa là dốc lòng tự tại, A-la-hán, là chung, sở dĩ không lấy, chỉ mười lăm câu dưới là nhiếp công đức. Trong Thành Duy Thức, nói A-la-hán có ba : Ứng đã trừ giặc phiền não ứng thọ sự cúng dường thế gian, và ứng không còn chịu sanh tử phần đoạn . Nếu giải thích theo cách thượng thượng khởi thì không còn sanh tử phần đoạn nên diệt trừ hẳn phiền não. Nếu theo tướng chung riêng thì nhiếp ứng nhận sự cúng dường tốt đẹp, nếu nhiếp lấy sự chẳng phải ba nhiếp kia, ba nhiếp kia chỉ y cứ theo nghĩa quyết định mà nói. Tất cả bậc A-la-hán không qua ba loại này.

- Môn nhiếp sự: Chỉ do có câu giải thoát đến bờ kia mà được thành.

- Lại môn thượng thượng khởi dứt hẳn phiền não

- Môn tướng chung riêng: Xứng đáng nhận cúng dường.

Môn nhiếp sự: Không có sanh tử phần đoạn, phối hợp với tông nghĩa, phi lý nhất định như thế.

Kinh bản tân dịch chép: trừ A-nan-đà ở địa vị Hữu học, trong đây văn lược.

- Kinh: “Tên là .... Na-đề Ca-diếp.”

- Khen rằng: Đây là phần nêu tên các bậc cao đức nổi tiếng:

1) Nêu tên riêng.

2) Kết danh cao.

Trong hai mươi mốt vị này. Hoặc nêu theo xuất gia trước sau làm thự tự,

Kinh Báo Ân chép: Đầu tiên Phật độ cho năm vị. Kế là độ cho môn đồ của Da-xá gồm năm mươi vị. Kế là độ thầy trò Ưu-lâu-tần-loa năm trăm vị. Sau đó độ thầy trò Già-da ba trăm vị. Kế độ cho thầy trò Na-đề hai trăm vị kế là thầy trò Thu Tử một trăm vị, rồi thầy trò Mục-liên một trăm vị. Hợp lại thành một ngàn hai trăm năm mươi vị.

Hoặc có khi nêu hạnh đức lớn nhỏ làm thứ lớp. Như ngài Ca-diếp thì nêu thứ hai. Ngài Xá-lợi-phất ở trước ngài, Ca-chiên-diên. Tùy ứng chứ không nhất định. Phẩm Đệ tử trong kinh Vô Cấu Xứng thì lấy đức nêu thứ lớp. Sai đi thăm bịnh thì phải nhờ trí tuệ biện tài mới có thể đối đáp.

Trong kinh Thập Nhị Do chép: Hai năm sau khi thành đạo Phật độ năm vị Tỳ-kheo. Năm thứ ba hóa độ cho ba anh em Ca-diếp, năm thứ năm độ cho Mục-kiền-liên. Vì cơ nghi không đồng nên các bộ kiết tập

kinh tụng có khác. Kinh Vô Lượng Thọ chép: Hiểu rõ được bổn tế, tức A Nhã Kiều Trần Như. Tiếng Phạm là A-nhã-đa Kiều-trần-na. Kiều-trần là một họ của Bà-la-môn, Na là tiếng nam. A-nhã-đa là nghĩa là giải, người ngộ giải đầu tiên. Trong kinh Nhân quả nói đầy đủ lý do độ bốn vị Kiều-trần-na, Ưu-lâu-tần-loa, Già-da, và Na-đề. Vì sau khi Thái tử vượt thành xuất gia, vua bèn ra lịnh cho năm người thân tộc nội ngoại theo bảo vệ Thái tử. Năm người tranh luận nhau về sự tu khổ hạnh lầm lạc cho đó là Đạo chân thực. Thái tử thúc liễm thân tâm theo các ngoại đạo tu hạnh khổ làm lạc, trải qua các hạnh đó đều chẳng phải phương pháp tu đúng, liền bỏ pháp tu này, uống sữa, ngồi cỏ cát tường, thành đạo dưới cội Bồ-đề. Sau đó Phật đến vườn Nai độ cho năm vị này. Khi vừa xoay bánh xe, Phật hỏi hiểu chưa? Trong năm vị có Trần-na thưa trước: Con nay đã hiểu. Trời Tịnh Cư cũng nói hiểu. Do đó mà được gọi là Giải. Họ Kiều-trần vẫn là số nhiều, dùng chữ giải để nêu danh. Na là nam, nói nam để phân biệt với nữ, nên lại gọi là Na. Kinh Bát-nhã gọi là Giải Kiều-trần-như.

Tiếng Phạm là Ma-ha-Ca-diếp-ba. Ma-ha nghĩa là lớn. Ca-diếp-ba là họ. Hán dịch là Ẩm Quang là họ Bà-la-môn.

Thời Thượng cổ có vị vị Tiên thân có ánh sáng lấn át cả ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Thân Ca-diếp cũng có ánh sáng che cả ánh sáng vầng nhật nguyệt, nên gọi là Ẩm Quang. Ngài là con của vị Trưởng giả giàu có, bỏ hết tài vật của cải xuất gia tu đại hạnh, thiểu dục tri túc, thực hành hạnh Đầu đà là bậc đại nhân tri thức nên gọi là Đại Ca-diếp để phân biệt với các vị họ Ca-diếp khác. Như kinh Nhân Quả quyển ba và Di-lặc Sớ có nêu đầy đủ nguyên nhân của hai họ trên. Ba anh em Ca-diếp đều tên là Ẩm Quang. Tiếng Phạm là Ô-lư-tần-loa dịch Ưu-lâu là sai. Hán dịch là Mộc Qua. Vì trên ngực vị này có một vết sẹo nổi lên giống như trái mộc qua. Lại trong ao có con rồng tên là Mộc qua. Do đó lấy tên này.

Già-da là tên núi, tức núi Tượng Đầu, cũng dịch là Thành, thành này gần ngọn núi này, nên gọi là Thành Già-da. Tiếng Phạm là Nại-địa-ca, hán âm Na-đề là sai. Đây là tên một dòng sông. Kinh chánh Pháp Hoa nói Thượng thời, Tượng, Giang là ba vị Ca-diếp.

Nhưng kinh Nhân Quả nói: Ba vị này tu đạo gần bên bờ sông. Phật dùng thần thông hóa độ họ vào Phật pháp. Nói Đại Ca-diếp là vì trên ngực có vết sẹo mộc qua, hoặc từ ao rồng. Ca-diếp thứ hai là từ núi đặt tên, thứ ba là từ sông đặt tên.

- Chánh Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến Kiếp Tân Na”.

- Huyền Tán: Tiếng Phạm là Xá-lợi-phất-đát-la. Hán dịch âm Xá-lợi-phất là sai. Xá-lợi dịch là Thu, tức như chim Bá thiệt cũng là Xuân Anh. Phất-đát-la dịch là Tử. Vì mẹ có tài hùng biện như chim Thu, Xá-lợi-phất là con của bà, dùng mẹ nêu rõ nên gọi là Thu Tử.

Lại nói: Quá khứ là người thợ gốm, gặp Phật Thích-ca phát nguyện làm đệ tử. Chẳng phải nay mới vậy, mà cũng hợp với nguyện xưa. Lại gọi là Ưu-ba-đề-xá, vì giỏi luận nghị nên gọi như thế.

- Tiếng Phạm là Ma-ha Một-đặc-già-la, hán âm Đại Mục-kiền-liên là sai. Hán dịch là Đại Thái Thúc Thị.

Thời thượng cổ có vị Tiên ở trên núi vắng vẻ, thường hái rau đậu để ăn, do đó mà lấy làm họ. Đây là họ mẹ của Tôn giả, Ngài đắc đại thần thông, để phân biệt với người họ này nên gọi là họ Đại Thái Thúc. Theo tên cha vốn là Câu-lợi-ca, hán âm là Câu-cúc-đa, trước kia âm Câu-luật-đà là sai.

Kinh Đại Bát-nhã chép: Ngài Xá-lợi-tử và họ Đại Thái Thúc, đây là hai nhân duyên như trong Di-lặc sớ chép.

Tiếng Phạm là Ma-ha-ca-đa-diễn-na Hán âm Ca-chiên-diên là sai.

Kinh Đại Bát-nhã chép: Đại Ca-na-diễn-na, Hán dịch là Đại Tiển Thế Chủng nam. Tiển Thế Chủng là họ Bà-la-môn.

Thời thượng cổ có nhiều vị Tiên tu trong núi lâu năm, rấu tóc rất dài, không có cắt. Theo pháp Bà-la-môn là ô thế phát (tóc tai dơ bẩn). vị Tiên có hai người con, đều đến thăm cha. Người con nhỏ liền cắt tóc cho các vị Tiên. Các tiên chú nguyện cho sau sẽ trở thành bậc tiên quý. Bấy giờ mọi người đều gọi người này là Tiễn Phát.

Thân Tôn giả có uy đức đặc tôn của nam tử. Để phân biệt với họ khác nên gọi là Đại Tiển dịch chủng nam. Lại bên Tây Vức cũng có người lấy họ mẹ, nay nêu vị này lấy họ cha nên đặt tên Nam. Xưa dịch là Thằng Phiến. Người mẹ vì thương con nên không chịu cải giá, như dây buộc quạt, nên gọi là Thằng Phiến. Ngài Chân-đế dịch là Tư Thắng, đều là không đúng.

- Tiếng Phạm là A-nê-luật-đà, Hán dịch là Vô Diệt, là em họ của Phật, dịch A-nậu-lầu-đà là sai.

Kiếp-tân-na hán dịch là Phòng Túc. Vì Phật ngủ chung một phòng với ông, hóa thành vị Tỳ-kheo nói pháp cho nghe. Do đó mà đắc đạo, nên dịch là Phòng Túc, hoặc dịch là Phòng Tinh. Vì khi sao phòng hiện thì sanh ra nên gọi là Phòng Tinh.

- Chánh Kinh: "Kiều-phạm-ba-đề........ Ma-ha-câu-hy-la."

- Huyền Tán: Tiếng Phạm là Cấp phòng Bát-để. Hán dịch là Ngưu Tướng. Hán dịch âm Kiều-phạm-ba-đề là sai.

Vào thời quá khứ do nhặt một ít lúa bị rơi xuống đất mà phải trải qua năm trăm đời làm trâu để đền trả cho người. Nay tuy được thân người vẫn còn mang tướng trâu , nhai cỏ, nên còn gọi là Ngưu Tướng Tỳ-kheo.

Tiếng Phạm là Hiệt-ly-phạt-đa, Hán dịch là Thất Tinh, là một ngôi sao ở phương Bắc. Vì cha mẹ cầu tự mà sanh được ngài nên lấy đó đặt tên. Hán Dịch âm Ly-bà-đa là sai. Có bản dịch là Giả Hòa Hợp. Tức trong Luận Trí độ nói việc hai con quỷ ăn thịt người.

- Tiếng Phạm là Tất-lan-đà-phiệt-tha. Hán dịch là Dư Tập, Hán dịch âm Tất-lăng-già-bà-tha là sai, vị này trong năm trăm đời làm Bà-la-môn tánh xấu lời nói thô tháo. Nay tuy đắc quả mà tập khí vẫn còn, như mắng vị thần sông Hằng, nên gọi là Dư Tập.

- Tiếng Phạm là Bạt-củ-la. Hán dịch là Thiện Dung, hán dịch âm Bạt-câu-la là sai.

Sau khi Phật Tỳ-bà-thi nhập diệt, có một Tỳ-kheo bị bịnh đau đầu. Bấy giờ Thiện Dung là một người nghèo cúng dường trái Ha-lê-lặc cho Tỳ-kheo bịnh, Tỳ-kheo ăn xong bịnh liền khỏi. Do cúng thuốc mà trong chín mươi mốt kiếp sanh vào cõi trời người thọ phước đức vui sướng. Nay sanh trong nhà Bà-la-môn, mẹ mất sớm. Người mẹ sau đã tìm cách giết ông năm lần mà không chết. Về sau xuất gia đắc quả A-la-hán, cho tới khi tám mươi tuổi không hề bị nhức đầu. Mắt không nhìn người nữ, cũng không vào chùa Ni. Không từng nói pháp cho người nữ một câu nào. Sau vua Vô Ưu xây tháp cúng dường, biết vị này thiểu dục nên cúng cho một đồng tiền. Nhưng tháp hất đồng tiền ra đất không nhận. Mới biết hạnh thiểu dục của người. Trong Phó Pháp Tạng Truyện cũng có nói việc này.

- Tiếng Phạm: Ma-ha-câu-sắt-sĩ-la. Hán dịch là Đại Tất, Tất Cái, Hán dịch âm Câu-hy-la là sai. Vị này là cậu của ngài Xá-lợi-phất. Nhờ luận nghị với Phật, giác ngộ đắc quả, như trong luật có nói.

- Chánh kinh: “Nan-đà cho đếnLa-hầu-la.”

- Huyền Tán: Tiếng Phạm Nan-đà dịch là Hỷ. Vốn là người chăn trâu. Nhờ hỏi, Phật mà biết: Người chăn trâu có mười một việc, biết Phật có Nhất thiết trí. Được đắc quả A-la-hán là người thông minh âm thanh thật tuyệt diệu.

Tiếng Phạm là Tôn-đạt-la Nan-đà. Hán dịch là Diễm Hỷ, dịch âm Tôn-đà-la là sai. Diễm là tên người vợ, có nhan sắc rất xinh đẹp khó ai

sánh bằng. Hỷ là tên Ngài để phân biệt với Ngài Nan-đà chăn trâu ở trước nên gọi là Diễm Hỷ là sự vui mừng tốt đẹp. Đây là em bà con với Phật, thân cao một trượng năm thước hai tấc. Khi Phật đến Thành cũ ở hai ngày độ cho là chỗ sanh của Đại Thắng sanh chủ.

Tiếng Phạm: là Bổ-thứ-nô-mai-đát-lợi-duệ-ni-phất Đát-la. Hán dịch là Mãn Từ Tử, dịch Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử là sai. Mãn là tên. Từ là họ mẹ. Mãn Tôn giả này là con của Từ Nữ. Hoặc Mãn và Từ đều là tên mẹ, gọi là Mãn Từ Tử.

- Tiếng Phạm: là Tô-bổ-để hán dịch là Thiện Hiện, xưa âm là Tu-bồ-đề, dịch Thiện-kiết là sai.

- Tiếng Phạm là A-nan-đà, hán dịch là Khánh Hỷ. Nếu gọi A-nan, dịch là Vui mừng, là sai. Khi Thế tôn thành đạo thì họ hàng nội ngoại đều mừng vui, lúc đó Ngài mới sanh ra nên đặt tên Hỷ.

- Tiếng Phạm là La-hộ-la Hán dịch là Chấp Nhật (che mặt trời). Xưa âm là La-hầu-la dịch Chướng tế là sai. Trong chín vị này: Ma-ha-ca-diếp, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nậu-lâu-đà, Phú-lâu-na, Di-đa-la-ni-tử, Tu-bồ-đề, A-nan, và La-hầu-la... như trong kinh Vô Cấu Xứng, sớ phẩm Thanh văn, quyển ba, quyển tư. Có nói đầy đủ nguyên nhân sợ văn rườm rà nên không kể hết ra đây.

- Chánh Kinh: "Như Thị cho đến Đại A-la-hán v.v..."

- Huyền Tán: Kết luận bậc cao đức nổi tiếng.

Luận chép: Chư Vương, Vương Tử, Đại Thần, nhân dân, Đế-thích, Phạm thiên vương v.v... đều là tri thức. Lại Thanh văn, Bồ-tát, Phật... đều là bậc Thắng trí vì đều khéo biết.

Gọi mọi người đều biết đầu tiên là giải thích sự sang, hèn mà đại chúng được biết, sau là giải thích bậc Thánh đại tiểu mà chúng biết. Trong kinh Vô Cấu Xứng nói đều là tất cả chúng đối với họ đều biết gồm, đủ hai nghĩa này. Nêu ra hai mươi mốt vị để so sánh với nhiều người khác, nên gọi là vân vân. Đều gọi là đại, Luận tự giải thích: Tâm được tự tại đến bờ kia nói "đẳng" là gọi chung các vị A-la-hán, và đẳng không phải A-la-hán, vì A-nan-đà chỉ là sơ quả.

- Chánh Kinh: "Lại có hai ngàn vị hữu học vô học".

- Huyền Tán: Phần hai nói về các đại đức vô danh. Ba thứ Giới, định, tuệ chính là thể của hữu học. Người đang tiến hướng tu tập thì gọi là Hữu học. Tiến đến viên mãn dừng nghỉ tu tập thì gọi Vô học, chỉ lấy pháp vô lậu làm thể.

- Chánh Kinh: "Ma-ha Ba-xà-bà-đề .... sáu ngàn vị."

- Huyền Tán: Phần ba: là Tôn trọng các chúng ni. Tiếng Phạm

là Ma-ha Bát-thích-xà-phệ-để, dịch là Đại Thắng sanh chủ. Phật có ba người mẹ đây là tiểu mẫu. Đại mẫu sanh ra Phật, bảy ngày thì mất. Vì ni sư này nuôi dưỡng Phật, và là chị em của mẹ Phật nên gọi là Di mẫu. Đại Thắng sanh chủ vốn là tên của Phạm vương. Vì tất cả chúng sanh đều là con của Phạm vương, do đó mà đặt tên đó.

Lại tất cả đệ tử Phật đều gọi là Đại sanh. Thánh chúng ba thừa gọi là Thắng sanh. Do bà nuôi dưỡng Phật nên gọi là Đại Thắng sanh. Chủ của Đại Thắng sanh thì gọi là Đại Thắng sanh chủ. Tuy từ việc kia mà gọi tên, nhưng cũng từ nghĩa mà được. Xưa dịch là Ba-xà-ba-đề, dịch Đại Ái Đạo là sai. Nhân duyên độ bà như trong Luật có nói.

- Chánh Kinh: "Mẹ của La-hầu-la cho đến cũng cùng quyến thuộc."

- Huyền Tán: Phần tự là nói về các Ni chúng nội quyến thuộc.

- Tiếng Phạm: là Da-đường-đạt-la. Hán dịch là Trì-dự, Da-thâu-đà-la là sai. Vì bà hình dung xinh đẹp xa gần đều biết. Sanh và nuôi dưỡng La-hầu-la, hàng trời người đều ca ngợi nên gọi là Trì Dự. Dự là tiếng khen ngợi. Tương truyền: Là Càn-thát-bà nữ. Sanh con là lạc thần, sanh con gái là ngọc nữ. Nếu gọi là ngọc nữ vì sao lại có con lại sau khi Phật xuất gia, cha mẹ bà muốn con trở về rõ ràng chẳng phải ngọc nữ. Các kinh Vị Tằng Hữu, Tu-đạt-noa, Thụy Ứng đều cho rằng La-hầu là con của Cù-di. Phật có ba vị phu nhân: Một là Cù-di, hai là Da-thâu, ba là Lộc-dã. Mỗi bà đều có hai muôn thể nữ. Cù-di không con là ngọc nữ. Kinh ấy lấy trưởng mẫu đặt tên, cũng không quá đáng.

- Lại trong kinh nói Phật có ba người con:

1) Thiện tinh.

2) Ưu-bà-ma-da.

3) La-hầu.

Cho nên, kinh Niết-bàn chép: "Tỳ-kheo Thiện Tinh là con một vị Bồ-tát tại gia." Hai đoàn Ni chúng trên đều được xuất gia. Đạo hạnh lâu thành, ít nghe pháp mầu. Người có duyên đều đến quyến thuộc cùng hội.

- Tăng Giác Ấn - chùa Pháp Long
- Bắt đầu viết từ ngày mùng 8 tháng 2 niên hiệu Bảo An thứ ba (Đinh Dậu)

■

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2

PHẦN ĐẦU

Chánh Kinh: “Bậc đại Bồ-tát tám muôn vị. Huyền Là phần năm nêu chúng Thánh đức khó nghĩ bàn, Văn có ba phần:

1. Nêu các loại học số.
2. Khen đức.
3. Nêu tên.

Phần đầu: Tiếng Phạm là Bồ-đề Tát-đỏa-ma-ha-tát-đỏa, nói lược là Đại Bồ-tát.

Bồ-tát tu hành lược có hai môn:

Một là tự lợi lấy đại trí làm đầu.

Hai là lợi tha, lấy đại bi làm trước.

Bồ-đề nghĩa là giác, là quả mong cầu của trí. Tát-đỏa nghĩa là hữu tình, là chỗ độ sanh của tâm từ bi. Nương theo lời hoằng nguyện nên gọi là Bồ-tát, lấy hai việc này làm cảnh gọi là Bồ tát, đây là hữu tài thích.

Lại , Giác là quả mong cầu. Hữu tình là tự thân; hữu tình cầu Tam-bồ-đề, nên gọi là Bồ-tát.

Hoặc Bồ-đề là quả mong cầu. Tát-đỏa nghĩa là mạnh mẽ, không sợ xứ, thời cầu đại Bồ-đề mà có chí có khả năng gọi là Bồ-tát. Cả hai đều là y chủ giải thích.

Lại Bồ-đề tức là Bát-nhã. Tát-đỏa nghĩa là phương tiện. Hai pháp như thế có thể làm lợi lạc cho tất cả hữu tình, nên gọi là Bồ-tát. Cũng gọi là Bồ-đề cũng gọi là Tát-đỏa, hoặc giải thích đầu tiên đều là theo trì nghiệp thích. Ma-ha nghĩa là Đại (lớn). Tát-đỏa nghĩa như trước. Bồ-tát ở đây chỉ cho hàng Bát địa trở lên. Vì để phân biệt với Tiểu thừa ở trên và Nhị thừa nên gọi là Ma-ha-tát.

Luận Bát-nhã của Vô trước chép: Các Bồ-tát có bảy thứ "Đại". Ở đây "Đại chúng sanh" gọi là Ma-ha-tát-đỏa. Như trong Bồ-tát Địa nói, đến chương Đại thừa ở sau sẽ nêu riêng đầy đủ.

- Chánh Kinh: "Đều không còn lui sụt đối với quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề không lui sụt.

- Huyền tán: Từ đây xuống là phần thứ hai khen đức. Có mười ba câu: Luận theo hai môn giải thích.

1. Chi trên, chi dưới.

2. Nhiếp lấy sự.

Chi có nghĩa là phần. Phần chi trên là Tướng chung. Phần chi dưới là Tướng riêng cho nên Luận chép: "Nên biết A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề không lui sụt" đó là Tướng chung, các phần còn lại là Tướng riêng.

Đây nói Tướng chung: Thể của Vô thượng Chánh giác tức là quả vị Phật, gồm có năm pháp. Nghĩa là Tịnh pháp giới và bốn phẩm trí tâm. Luận Kim Cương Bát-nhã của Vô Trước chép: A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là nói về Bồ-đề và đạo Bồ-đề. A-nậu-đa-la là nói về tự Tướng Bồ-đề, là Tướng giải thoát. Tam-miệu Tam-bồ-đề: Chỉ rõ Bồ-đề là tướng bình đẳng của người, vì pháp Bồ-đề nên đắc trí "Phật này".

Đại Luận Trí độ chép: Trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã.

Bồ-tát địa chép: Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Vậy nên chữ A nghĩa là Vô. Nậu-đa-la nghĩa là Thượng. Tam là chánh. Chữ Miệu dịch là Đẳng. Lại Tam nghĩa là chánh. Bồ-đề là giác, tức nghĩa là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở đây có bốn thứ giác:

1. Vô thượng giác là gọi chung: Tức nói Bồ-đề là pháp giới thanh tịnh.

2. Chánh giác để phân biệt với tà giác của ngoại đạo.

3. Đẳng giác: Để phân biệt với Nhị thừa chỉ hiểu được sanh không, giác thiên lệch.

4. Cũng gọi là Chánh giác: Để phân biệt với Bồ-tát. Vì sự giác ngộ của Bồ-tát chưa đầy đủ nên quả vị chưa phải là Chánh giác.

Đây là nói về Bồ-tát đạo, tức bốn phẩm trí. Một chữ Giác ở dưới quán thông cả bốn giác trên. Một chữ Giác này đầy đủ cả ba giác kia, tất cả đều chẳng ngoài đây, dụ cho nghĩa vượt khắp. Chân lý đã giác ngộ gọi là Vô thượng giác. Nhưng trong kinh luận thường nói chân lý là thể của Vô thượng Bồ-đề, là nói theo căn bổn. Nay lấy cả hai Lý và Trí của quả vị Phật đều gọi là Vô thượng Bồ-đề. Đối với hai quả này đều không lui sụt. Sao gọi là không lui sụt? Do đầy đủ mười nhân không lui

sụt như nói phần dưới, nên đối với quả Phật có khả năng không lui sụt quyết định sẽ chứng quả Phật, niệm niệm tiến tu gọi là không lui sụt. Thoái nghĩa là mất. Chuyển là động. Từ Bát địa trở lên, tùy ý vận dụng tiến tu ở quả Đại Bồ-đề, tu tập không lui sụt, không có phiền não, lại không bị các tướng hữu công dụng khuấy động, nên gọi là không lui sụt. Do đây Bát địa còn gọi là Bất động địa, các tướng dụng phiền não không thể khuấy động.

Nghĩa lui sụt có bốn:

1) Tín lui sụt: Thứ sáu trong Thập tín gọi là tâm lui sụt. Từ đây về sau không còn lui sụt sanh tà kiến.

2) Vị lui sụt: Thứ bảy trong thập trụ là vị lui sụt. Từ đây về sau không còn lui sụt nhập vào người Nhị thừa.

3) Chứng lui sụt: Từ hàng Sơ địa trở lên mới gọi là lui sụt, pháp được chứng đắc không bị thoái mất.

4) Hành lui sụt: Từ Bát địa trở địa trở lên là bất động địa. Đều có thể tu các pháp hữu vi, vô vi. Nay, các Bồ-tát này đều đã chứng bát địa trở lên. Nói: "Ở nơi quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không lui sụt," tức quyết định sẽ chứng đắc, nên lui sụt không phải là nghĩa không chuyển.

Lại nghĩa lui sụt có hai:

Một là: lui sụt pháp đã đắc: Sơ địa tức pháp đắc.

Hai là: lui sụt pháp chưa đắc: Tức bát địa mới đắc.

Vô thượng Chánh giác là pháp chưa đắc. Từ Bát địa trở lên mới có thể không lui sụt. Tâm mong cầu Chánh giác, tiến tới không bị lay chuyển, tùy vận dụng trong dòng pháp chuyển, gọi là không lui sụt. lui sụt ở đây tức là không chuyển.

- Chánh Kinh: "Đều đắc Đà-la-ni... chuyển nói pháp luân, không lui sụt.

- Huyền Tán: Phần chi khác ở dưới có mười hai câu. Chia mười loại thị hiện ra làm hai: Chín câu đầu nói tự lợi, một câu sau nói lợi tha.

Chín câu đầu chia làm hai: Tám câu nói về đức hữu vi. Một câu nói về đức vô vị. Tám câu đầu lại chia làm hai: Năm câu nói về phước tuệ, ba câu nói bi trí.

Năm câu phước tuệ lại chia làm hai: Ba câu trước là nội hành, hai câu sau là thiện duyên.

Nội hành lại có ba:

1) Huân tu tự lợi.

2) Lợi tha.

3) Lợi pháp.

Trong phần thiện duyên cũng có hai:

1) Gặp duyên tu hành.

2) Khen ngợi sự tốt đẹp và trừ nghi.

Ba câu nói bi trí: Một câu đầu là từ bi, hai câu sau là trí tuệ.

Trong đây có ba câu: Một là: Trụ nghe pháp không lui sụt nghĩa là câu "đều đắc Đà-la-ni".

Đà-la-ni Hán dịch là tổng trì. Nghĩa Tổng trì có hai: 1) Nhiếp; 2) Tán.

Nhiếp là trì. Ở đây chính là văn trì. Nghe ở văn nghĩa, nhậm trì không quên nghĩa là năng trì điều được nghe, đó gọi là nhiếp. Nghe tức là tổng trì, là thể của niệm tuệ .

Kinh Thập địa nói: Bồ-tát từ Bát địa trở lên, đối với tất cả pháp đều có thể kham nhận, suy nghĩ, thọ trì.

Luận ấy giải thích rằng: Kham nhận là văn tuệ, suy nghĩ là tư tuệ, trì là tu tuệ, trong một Tu tuệ mà chia làm ba dụng.

Tán có nghĩa là thí ở đây có bốn loại:

1) Pháp.

2) Nghĩa.

3) Năng đắc của nhẫn Bồ-tát .

4) Minh chú.

Thí cho chúng sanh. Trong đây có hai loại:

1) Năng trì: Tức là văn trì.

2) Sở trì: Gồm bốn loại còn lại.

Lại chia ra làm hai:

1) Tự lợi văn trì v.v...

2) Bốn loại pháp nghĩa... là nhân quả khác nhau.

Hai là Nhạo thuyết không lui sụt: Nghĩa là nhạo thuyết biện tài. Biện tài tức là bốn biện, bảy biện mà ưa nói. Tứ biện là bốn vô ngại giải.

1. Pháp vô ngại giải.

2. Nghĩa vô ngại giải.

Hai pháp nghĩa là lần lượt hiểu giải giáo lý trí tuệ không bị đuối lý.

3. Từ vô ngại giải: Tức là giải thích ngôn âm các phương trí không đuối lý.

4. Biện thuyết vô ngại giải: Tức là dùng thất biện tài nói pháp, trí không vướng đọng.

Bảy biện là:

1) Tiệp biện: Biện luận nhanh, khi cần nói thì nói, nói không trùng lấp.

2) Tấn biện: Nói lưu loát không đuối lý, như nước sông cuồn cuộn chảy.

3) Ứng biện: Nói hợp thời cơ không thêm không bớt.

4) Không sơ ý biện luận sai. Phàm khi nói các khế kinh không lầm theo tà thuyết.

5) Biện luận không dứt: Nói liên tục cho đến cuối không hết ý.

6) Những lời giảng nói đều có ý nghĩa dồi dào, mỗi câu mỗi lời đều có nhiều sự lý.

7) Biện luận nghĩa mầu nhiệm vượt hơn tất cả nghĩa thế gian sâu xa đầy đủ như sấm sét nổ lúc trời trong sáng, từ xa nghe rõ năm thứ tiếng.

Bốn vô ngại giải có giải thích trong phẩm Phương Tiện, thường dùng trí hậu đắc và trí chánh thể làm thể. Vì ngại duyên khởi lên.

Ba là: Nói không lui sụt: Nghĩa là chuyển nói pháp luân không lui sụt.

Pháp luân là pháp sở thuyết, thường nói pháp không lui sụt này. Nghĩa là chuyển như bốn vị trước, hai loại pháp không lui sụt nên gọi là chuyển bất pháp bất chuyển.

Lại nữa, kinh Di-lặc Sở Vấn có nói: Thuyết tự phần công đức gọi là Xoay bánh xe lui sụt.

Thuyết ngoại phần công đức thì gọi là xoay bánh xe bất chuyển.

Lại nói trí gọi là lui sụt. Nói phúc gọi là bất chuyển; lại nói Bát-nhã là bất chuyển, phương tiện gọi là bất chuyển; lại sự hữu vi là bất chuyển, gọi lý Vô vi gọi là bất chuyển. pháp này như bánh xe lăn nên gọi là pháp luân. Luân có ba nghĩa:

Một là viên mãn, nghĩa là tám chánh đạo v.v... Trục xe, vành xe, căm xe đều viên mãn.

Hai là nghĩa bất định: Phật từ lúc kiến đạo, chuyển sanh Tu đạo, từ tu đạo sau sanh vô học đạo. Tự đắc đạo rồi lại người nói pháp, cho an trí Thánh đạo ở trong thân chúng sanh. Như vậy lần lượt khiến cho người đắc quả Thánh rồi, lại nói pháp cho người nghe. Vì bánh xe thí dụ bất định nên gọi là luân.

Ba là nghĩa phá hoại, bọ ngựa có thể bị bánh xe nghiền nát.

Thánh đạo ở trong tâm có công năng phá hoại phiền não, phá phiền não chưa phục, trấn áp phiền não đã phục như xe báu của vua. Cho nên dụ như bánh xe.

Bánh xe Pháp có năm:

1. Luân tự tánh: Là trạch pháp giác chi, chánh kiến ...

2. Pháp luân nhân: Có thể sanh ra các Thánh đạo như Giáo, văn, tư v.v...

3. Luân quyến thuộc: Thánh đạo giúp đỡ các pháp như năm uẩn.

4. Cảnh pháp luân: Lý tứ đế... là sở duyên của Thánh đạo.

5. Quả pháp luân: Nhờ đạo mà chứng Niết-bàn, Bồ-đề, chuyển là nói. Pháp đã gọi là luân, thuyết cũng gọi là chuyển. Nay tùy theo sở ứng nói Bát địa trở về hành năm pháp luân của vị lui sụt này, nên gọi là chuyển. Lại năm thể này tức là bốn pháp: Giáo, lý, hạnh, quả đều gọi là pháp luân. Chuyển nghĩa là động, là hiển, là vận, là khởi. Động tuyên ngôn giáo, hiển dương diệu lý. Vận Thánh đạo ở tiếng trước mà khởi chân trí ở nói sau, phá trừ hết chướng não nên gọi là Xoay bánh xe. Trong phẩm Phương tiện có nói đầy đủ.

- Chánh Kinh: "Cúng dường vô lượng... ngợi khen...

- Huyền Tán: Có ba câu: Hai câu đầu hợp thành "Y chỉ thiện tri thức không lui sụt của câu thứ tư. Cúng dường vô lượng Chư Phật, đối với các Đức Phật trồng các cội công đức". Luận gọi là "Trồng các gốc lành". Vì nghiệp thân tâm của mình nương vào sắc thân thu nhiếp. Bồ-tát tu hành chẳng qua từ thân tâm. Nay nêu ra nghiệp thù thắng của sắc thân cúng dường Chư Phật, để trồng sâu các gốc đức nhiếp lấy, tất cả các nghiệp thiện của tâm mình. Cúng dường có mười loại như Bồ-tát địa nói:

1. Hiện tiền cúng dường: là cúng dường trước tất cả Tam bảo, Xá lợi, Phật, và Tháp...

2. Không hiện tiền cúng dường: Đối với các tháp Phật khác đều tưởng niệm Phật bình đẳng, tu sửa lễ nghi cúng dường không hiện tiền.

3. Hiện tiền không hiện tiền cúng dường: Khi đối trước tháp Phật... lại nghĩ: Pháp tánh bình đẳng của một tháp Phật là pháp tánh bình đẳng của tất cả tháp Chư Phật ba đời mười phương. Cúng dường một tháp Phật, tức là cúng dường tháp Chư Phật ba đời mười phương, đó là tu cúng dường hiện tiền không hiện tiền.

4. Đối với các đối tượng như thế chỉ tự cúng dường.

5. Hoặc khởi tâm từ bi, tùy sức, của cải bố thí cho người nghèo khổ, nguyện cho họ được an vui, cũng khiến người khác cúng dường.

6. Đều cúng dường: Tự mình đã làm lại khuyên người khác thực hành pháp cúng dường này.

7. Tài, kính cúng dường: Dâng các loại hương hoa cung kính. Cho

đến đem các thứ như báu quý sửa soạn của cải cung kính cúng dường.

8. Cúng dường rộng lớn: Tức là đem của cải, sữ cung kính lâu ngày, nhiều điều tốt đẹp cho đến tịnh niệm hồi hướng quả Bồ-đề. Tự mình quyên góp xin được tài vật của người, phát nguyện tưởng hóa thành trăm ngàn thân, cung kính lễ bái. Mỗi hóa thân xuất ra trăm ngàn cánh tay rải các hương hoa, phát ra trăm ngàn âm thanh ca hát, xưng tán công đức. Lại xuất ra vật cụ trang nghiêm để cúng dường. Trong châu Thiệm bộ cho đến cõi nước mười phương đều tùy hỷ cúng dường. Tuy ít có dụng công mà phát tâm cúng dường rộng lớn vô biên.

9. Cúng dường vô nhiễm: Không đem các vật khinh mạn dối trá bất tịnh buông lung, mà tu vô nhiễm cúng dường.

10. Chánh hạnh cúng dường: Nếu tu bốn Vô lượng trong khoảnh khắc. Cho đến tu ít thời tín nhẫn là nói pháp tánh chân như, khởi tâm vô tướng vô phân biệt trụ, tức là Bồ-tát giữ gìn tịnh giới. Cho đến tu hành bốn nhiếp sự, tu chánh hạnh cúng dường, nên nghĩ đây là trên hết tối diệu, tức cúng dường gấp trăm ngàn muôn lần cúng dường hơn trước không thể ví dụ. Lúc tu cúng dường nên nghĩ: Như lai là ruộng phước lớn có đầy đủ đại ân đức, là bậc tối tôn khó gặp trong chúng hữu tình, là bậc xuất chúng duy nhất làm y chỉ. Phật đã như vậy, đối với Pháp, Tăng cũng như vậy. Như trong u Tám quyển thượng có nói.

Chữ chúng có cả hai âm bình và khứ.

Dứt tất cả nghi không lui sụt: Là câu thứ năm "Thường được Chư Phật khen ngợi.

Do chư Bồ-tát từ hàng Bát địa trở lên, cho đến dứt hết các nghi lý sự. Hai nghi phiền não, sở tri đều dứt. Cho nên ở quả vị Bát địa gọi là địa Quyết định. Cho đến thường được Chư Phật khen ngợi, hoặc do Phật khen ngợi có thể đoạn các nghi. Nghi Bồ tát trụ ở ngôi vị nào? Chứng đắc gì? Nay nói rõ quả thượng vị và chỗ đắc chứng, nên dứt hết các nghi.

- Chánh Kinh : "Đem lòng từ tu thân cho đến bờ kia".

- Huyền Tán: Trong đây có bốn câu.

Câu thứ sáu: Là vì việc gì mà nói pháp kia, đây nhập vào các việc kia không lui sụt. Nghĩa là đem lòng từ tu thân.

Luận chép: Đem tâm đại từ bi mà tu thân tâm. Ở đây giải thích lý do các Bồ tát vì việc gì; ngoài vì người nói pháp, bên trong chứng đắc các pháp, dùng pháp đại từ bi huân tu vào thân tâm, cứu khổ ban vui. Nói về hai lợi hành trì chỉ vì lòng từ bi đều có ba như phần dưới có nói.

Câu thứ bảy: Vào cảnh giới nhất thiết trí như thật không lui sụt:

Nghĩa là “khéo nhập vào Phật tuệ”. Ở đây nói diên đảo thì nên nói: Nhập vào cảnh giới như thật Nhất thiết trí không lui sụt, tức là nhập vào trí quán chiếu, cùng câu thứ chín ở dưới có khác nhau. Nếu nương vào luận văn thì không khác.

Câu thứ tám: Y ngã không, pháp không không lui sụt. Thông đạt được đại trí, đạt được hai ngã vô trí.

Câu thứ chín: Nhập vào cảnh giới như thật không lui sụt. Đạt đến chỗ Phật tánh tận cùng ở bờ kia.

- Chánh Kinh: “Danh tiếng vang khắp cho đến trăm ngàn chúng sanh”.

- Huyền Tán: Ở đây có hai câu, họp lại thành một.

Câu thứ mười: Chỗ làm nên làm gìn giữ không lui sụt. Danh tiếng vang khắp vô lượng thế giới. Có thể gìn giữ Phật pháp không để mất. Chúng sanh nghe tiếng đều tín hướng tu học. Hóa độ vô số trăm ngàn chúng sanh, nên gọi là nên làm việc phải làm. Việc Bồ-tát nên làm là làm lợi lạc cho chúng sanh.

Phần trên là nói chi trên chi dưới. Phần dưới là nói nhiếp lấy sự. Luận có hai giải thích.

Luận về nhiếp sự: Là nhiếp lấy các việc công đức. Đầu tiên giải thích chỉ cho biết hiện các Bồ tát trụ ở địa thanh tịnh nào? Nhân vào các phương tiện nào? Ở trong các cảnh giới nào mà làm điều nên làm? Đây là nêu chung, luận dưới nhắc lại giải thích trong mười ba câu, chia ra làm ba. Ở trong câu một nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không lui sụt, là trụ vào cảnh giới thanh tịnh nào?

Kế là có mười câu là nhân thuộc phương tiện nào? Hai câu sau là trong cảnh giới nào để làm việc nên làm.

Luận nhắc lại trong giải thích chỉ giải thích hai câu đầu nêu, không giải thích câu thứ ba.

Địa thanh tịnh là ba địa từ Bát địa trở lên. Vì hành vô tướng vắng lặng thanh tịnh, trong đây dùng lý vô tướng tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ba địa sau đều ở nơi hành vô tướng, nhậm vận vắng lặng lìa chướng được thanh tịnh, gọi là không lui sụt. chẳng phải là lui sụt với các cấu nhiễm hữu tướng.

Câu thứ hai là nhân vào phương tiện nào? Có bốn loại:

1. Nhiếp lấy pháp mầu phương tiện. Nhậm trì pháp mầu dùng lực nhạo thuyết vì người mà nói pháp. Đây nhiếp cả ba câu.

Nhậm trì diệu pháp là đều đắc Đà-la-ni. Do đắc diệu pháp văn trì nhậm trì khiến không để xa lìa, trụ vào tự tâm không quên, nên gọi là

nhậm trì. Dùng lực nhạo thuyết là nhạo thuyết biện tài.

Nói người nghe là xoay bánh xe không lui sụt đây là vì người nói pháp không lui sụt.

2. Nhiếp lấy thiện tri thức phương tiện: Vì nương vào thiện tri thức làm những việc nên làm. Đây nhiếp ba câu. Vì nương vào thiện tri thức là cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật.

Làm những việc nên làm: Đối với Chư Phật gieo trồng các gốc công đức. Gốc đức tức là gốc lành, là điều nên làm. Do đây thường được Chư Phật khen ngợi.

3. Nhiếp lấy phương tiện chúng sanh. Vì không xả bỏ chúng sanh. Đây là nhiếp một câu, dùng lòng từ tu thân. Do lòng từ bi huân tập thân tâm, không xa lìa chúng sanh, thường hay cứu độ.

4. Nhiếp lấy trí phương tiện: Giáo hóa chúng sanh để cho họ thâm nhập vào trí kia. Đây là nhiếp ba câu. "Khéo thâm nhập vào tuệ Phật, thông đạt đại trí, đến nơi bờ kia." Do tự có ba trí mà có thể khiến cho chúng sanh nhiếp giữ lấy ba trí. Tự thành tựu ba trí: là các chúng sanh nhiếp giữ lấy nhân của ba trí.

Trí đầu tiên là trí biết như thật, là trí tự lợi. Trí kế tiếp là trí tri sự, trí lợi tha. Trí sau là trí chân lý , trí thật tánh . Trong luận chỉ giải thích hai câu đầu này, không giải thích ở cảnh giới nào mà làm việc nên làm. Đây là nhiếp hai câu. "Tiếng tăm vang xa khắp vô lượng thế giới" là các cảnh giới nào? "Năng độ vô số trăm ngàn chúng sanh" là việc nên làm. Do Bồ-tát có đủ ba trí này nên tiếng tăm vang xa khắp các thế giới mười phương. Có thể ở trong vô lượng thế giới này, độ trăm ngàn chúng sanh làm những việc cần làm. Độ chúng sanh là việc nên làm của Bồ-tát. Câu đầu nói xong, kế là câu thứ hai.

Lại có nhiếp lấy sự, là nói hiện trong các địa, nhiếp lấy các công đức thù thắng, không đồng công đức Nhị thừa. Thế nên hai câu này là nêu chung, ở dưới có giải thích riêng. Hai câu là:

1. Nói hiện trong các địa.

2. Nhiếp lấy công đức cao quý không đồng với công đức của Nhị thừa. Vậy nên trong mười ba câu, bốn câu đầu là nói hiện ở các địa. Chín câu sau là nhiếp lấy công đức cao quý.

Bốn câu đầu là nói hiện trong các địa là:

Câu một là nói Bồ-đề Vô thượng không lui sụt, là Bát địa, kế hai câu là Cửu địa. Câu ba là Thập địa. Thế nên trong luận giải thích nói hiện trong các địa: Bát địa trí vô công dụng không đồng địa trên, dưới. Không đồng địa dưới là: Công dụng địa dưới hành không thể động.

Không đồng địa trên là: Địa trên vô tướng hành không thể động, là tự nhiên mà hành. Địa trên là hành hạnh vô tướng thù thắng. Địa dưới là hành hạnh công dụng yếu kém. Trong Duy thức giải thích Bất động địa là: Tướng dụng phiền não không thể động; Luận này giải thích là không lui sụt. Nghĩa là công dụng bất động, hành Vô tướng bất động, nhậm vận tiến tu cùng chứng Không, Hữu, không bị hai làm động gọi là không lui sụt. Ở trong Cửu địa đắc Thắng tấn môn Đà-la-ni, đầy đủ bốn vô ngại giải thoát, tự tại. Cửu địa đắc Văn trì đầy đủ thì gọi là thắng tiến. Đầy đủ thất biện vì người mà nói pháp. Trước ở tam địa tuy đắc được Văn trì vẫn còn chưa viên mãn. Nay nói vị viên mãn ở thập địa, xoay bánh xe không lui sụt, được thọ vị thật như Chuyển luân vương. Vì địa thứ tám, thứ chín, thứ mười đồng chỉ rõ hiện trong các địa, nên luận tự kết rằng: Chín câu dưới nhiếp lấy công đức. Ba địa trên cũng đều đắc được.

Giải thích nhiếp lấy công đức thù thắng: Chỉ rõ hiện nương vào pháp nào? Nương vào tâm nào, nương vào trí gì? Nương vào cảnh giới gì mà hành trì? Nương vào đâu mà có thể làm xong? Đây có năm câu: Luận câu đầu là nêu ra, trở xuống tự giải thích riêng: Nương vào pháp nào là nhiếp lấy ba câu.

“Cúng dường vô lượng trăm ngàn Chư Phật. Ở chỗ Chư Phật trồng các gốc công đức. Thường được Chư Phật khen ngợi công đức. Luận nói nương theo vào thiện tri thức.

Nương vào tâm nào là nhiếp một câu: “Đem đức từ tu thân.” Luận chép: Ta nương vào tâm độ chúng sanh mà giáo hóa làm lợi ích rốt ráo cho tất cả chúng sanh. Các Bồ-tát thực hành đều nói tâm ta vì độ chúng sanh, hay nói ta dựa vào tâm chúng sanh, bởi rốt ráo có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Nương vào trí nào nhiếp lấy ba câu. “Khéo nhập vào Phật tuệ, thông đạt đại trí, đến nơi bờ kia.” Luận chép: Nương vào ba loại trí:

Một là thọ ký mật trí: Là trí vì chúng sanh mà nói nghĩa sâu kín. Ký là giải thích cho nghĩa ký biệt, tức là câu khéo nhập Phật tuệ.

Hai là thông trí: Là trí dùng đại thần thông làm lợi ích chúng sanh, tức là câu thông đạt đại trí.”

Ba là chân thật trí: Là trí chứng đắc chân như, tức câu “đến nơi bờ kia.” Bờ kia chính là chân lý. Có thể đến là nghĩa trí chứng đắc.

Nương vào cảnh giới nào mà hành trì: Là một câu: “Danh tiếng vang khắp cả vô lượng thế giới. Các thế giới có hai:

1- Khí thế gian.

2- Hữu tình thế gian.

Đều là cảnh giới tu hành của Bồ-tát.

Nương vào đâu mà có thể làm xong là câu: "Có thể độ vô số trăm ngàn chúng sanh," Bồ-tát đem ba trí ở trong cõi kia mà có thể làm các việc gì? Nghĩa là có thể độ chúng sanh. Tùy theo sự phối hợp riêng biệt ở hai câu sau. Mà Luận chính giải thích: Nương vào cảnh giới nào mà hành trì. Nương vào đâu mà có thể làm, tức là nhiếp cả ba trí. Ý văn nói là: Dùng ba trí ở trong các cảnh giới có thể làm các việc lợi ích cho chúng sanh. Nói nhiếp ba loại trí, ở Hán dịch ý nói lược không đầy đủ. Ý cũng ắt như vậy.

- Chánh kinh: "Tên của các vị đó là... Bồ-tát Đắc Đại Thế."

- Huyền tán: Trở xuống nêu tên có hai phần: Trước kể ra, sau kết. Hợp lại có mười tám vị Bồ-tát, đều lấy nguyện hạnh để làm tên, chia ra làm bảy ý đối. Ba vị đầu ở đây là đối với ý nghĩa: "Cứu khổ cho vui". Mạn-thù-thất-lợi dịch là Diệu-kiết-tường: Ban vui cho chúng sanh là ở thế giới Thường hỷ ở Bắc phương của Đức Phật Vui mừng Tạng Ma Ni Bảo Tích, chúng sanh nghe tên vị Phật này có thể diệt các bốn tội trọng.

Lại nói: Thời quá khứ là Phật Long Chủng Thượng Trí Tôn Vương, cũng nói tương lai sẽ thành Phật.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Ở núi Ngũ đài Thanh lương, cùng có một muôn vị Bồ-tát. Bồ-tát A-phược-lô-chỉ-đế-thấp-phiệt-la-da dịch là Quán Tự Tại: Quán ba nghiệp quy y mà cứu khổ chúng sanh, Hán dịch âm lược là Quán Âm.

Kinh Quán Thế Âm thọ ký nói: Sau khi Phật Di-đà diệt độ, tiếp đến Ngài sẽ thành Phật, tên là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương. Phật này diệt độ rồi, đến Bồ-tát Đại Thế Chí sẽ thành Phật, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương

Bồ tát Đắc Đại Thế: Những nơi Ngài đến thế giới rung chuyển có uy lực lớn, chúng sanh gặp Ngài tự nhiên dứt hết khổ, được vui thù thắng, có hai công năng như trước.

- Chánh kinh: "Thường tinh tấn Bồ-tát... đến Bồ-tát."

- Huyền tán: Đây là đối với ý nghĩa tự lợi, lợi tha, của hai Bồ tát thường tinh tấn tu hành làm cho chúng sanh được lợi ích, không biết chán mệt.

- Chánh kinh: "Bảo Chưởng... đến Bồ-tát."

- Huyền tán: Ba vị Bồ tát này đối với đối với ý nghĩa cứu giúp người nghèo khổ. Bồ tát Bảo Chưởng cứu chúng sanh nghèo khổ, trong

tay xuất ra của báu.

Bồ tát Dược Vương làm cây thuốc lớn, làm vua cứu trị các bệnh tật. Một Bồ tát Dõng Thí có thể thông hai việc trên. Mạnh mẽ bố thí tiền của và thuốc men, tức đều thu nhiếp hai thứ trên.

- Chánh kinh: “Bảo Nguyệt... đến Bồ-tát.”

- Huyền tán: Ba vị này là đối với ý nghĩa dẫn dắt, ánh sáng phá trừ tối tăm. Bảo Nguyệt dẫn dắt trí sáng như mặt trăng lại soi sáng. Ánh sáng mặt trăng phá hết si ám, giống như Nguyệt quang, Mãn nguyệt có thể làm hai việc trên.

- Chánh kinh: “Đại lực... đến Bồ-tát.”

- Huyền tán: Hai vị này là đối với ý nghĩa hai thần thông lớn, nhỏ. Do thể hiện thần thông là để cảnh tỉnh người có duyên khiến họ cùng phát tâm. Có thể làm rung chuyển trăm ngàn thế giới nên gọi là Đại lực. Có thể làm rung chuyển vô số thế giới nên gọi là Vô lượng lực.

- Chánh kinh: “Việt ba cõi... Bồ-tát.”

- Huyền tán: Đây là hai vị Bồ tát đối với ý nghĩa lìa nhiễm, tiến thiện vượt qua ba cõi, hai cõi lìa nhiễm. Việt là nghĩa lìa vượt qua. Bồ-tát Bạt-đà-bà-la dịch là Hiền Hộ, là bảo hộ giữ gìn thiện pháp không để cho mất.

- Chánh kinh: “Di-lặc... Bồ-tát.”

- Tán rằng: Đây là ba vị Bồ tát đối với ý nghĩa thế gian, xuất thế gian.

Di-lặc họ là Từ là cứu khổ sanh tử thế gian. Bồ tát Đạo sư, Bảo Tích là dẫn dắt đến bờ xuất thế. Bảo Tích dẫn dắt đến đạo quả Bồ-đề, tức Bồ-đề pháp bảo tích góp để cho chúng sanh. Đạo sư là đại Đạo sư dẫn dắt đến quả Niết-bàn viên tịch. Cho nên ba vị này hợp thành riêng để bảy ý nghĩa đối.

- Kinh: “Các vị Bồ tát như thế... cho đến tám muôn người đều hội.”

- Huyền tán: Đây là phần kết.

Triệu Công nói: Các Bồ-tát này đều là vô sanh thân. Vô sanh thân nghĩa không có chỗ nào không sanh nên gọi là vô sanh. Vì vô sanh cho nên đóng cửa ba cõi, không có chỗ nào không sanh nên thị hiện hình trong lục đạo.

- Kinh: “Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân... cho đến hai muôn thiên tử đều hội.”

- Huyền tán: Phần trên là năm chúng nội bộ. Phần dưới là mười chúng ngoại hộ. Trong đây nhân, phi nhân là hai. Trong phi nhân, có

thiên phi, thiên là hai. Trong cõi Trời: Dục giới, Cõi Sắc là hai.

Dục giới có ba:

1. Đế-thích.
2. Tứ Vương.
3. Tự Tại.

Hoặc nói Địa cư, Không cư là hai. Trong Địa cư có Đế-thích, Tứ Vương là hai. Đây là phần đầu (Đế-thích).

Tiếng Phạm là: Thích-ca Đề-bà-nhân-đạt-la. Thích-ca là họ, Hán dịch là Năng, là Đề-bà thiên, là Nhân Đạt-la-đế vậy. Chánh nói: Năng Thiên Đế, Thích Đề Hoàn nhơn, dịch là Thiên Đế-thích đều là nói ngược sai. Vị trời này trụ ở đỉnh núi Diệu cao là Đế chủ của ba mươi ba cõi trời. Quá khứ gọi là Kiều-thi-ca dịch là Kiển Nhi, hoặc A-ma-bạt-đà dịch là Vô độc hại tức là nước Ma-kiệt-đà. Đây là nơi Đế-thích tu nhân trong quá khứ nên dụng làm tên nước. Nước kia xưa là xứ Chí cam lồ, tức từ kiếp sơ Đế-thích cùng đấu chiến với A-tu-la. Từ núi này xuất ra dòng sữa, đắc cam lồ dẫn đến nơi đây, nhân đó mà lấy tên. Thuở xưa Đế-thích có ba mươi hai người đồng làm bạn, có phu nhân Thiện Pháp, phu nhân Viên Sanh, phu nhân Vui mừng, phu nhân Thiết Chi, cùng tu thắng nghiệp. Cho nên sanh lên cõi trời, có Thiện pháp đường, cây Viên sanh, vườn Vui mừng, người nữ A-tu-la, phu nhân Thiết Chí. Các nhân duyên này như trong sớ Tông luận có nói.

- Chánh kinh: “Lại có Nguyệt thiên tử... cho đến cùng với một muôn thiên tử .”

- Huyền tán: Đây là Tứ vương chúng (chúng của bốn thiên vương). Tam quang là thuộc về Bốn thiên vương, không có ở cõi trời khác. Có kinh nói Quan Âm tên là Bảo Ý làm Nhật thiên tử, tức là Bảo Quang này. Đại Thế Chí tên là Bảo cát Tường làm Nguyệt thiên tử, tức Minh Nguyệt Thiên tử. Hư không tạng tên Bảo quang làm Tinh thiên tử. Đây là Phổ Hương. Nhật cung do Hỏa tinh, làm đường kính dài năm mươi mốt du-thiện-na. Nguyệt cung do Thủy tinh làm đường kính dài năm mươi du-thiện-na. Tinh cũng do Thủy tinh làm lớn nhấtlà mười tám, cho đến nhỏ bằng bốn câu-lô-xá; một câu-lô-xá dài hơn ba dặm. Các ngôi sao này ở trên hư không vây quanh bốn châu. Bốn đại thiên vương gồm: phương Đông trì quốc, phương Nam tăng trưởng, phương Tây Xú mục, phương Bắc đa văn, đều ở lưng chừng tầng thứ tư của núi Diệu cao. Cũng trụ ở đỉnh núi Thất kim. Tam Quang Tử Thiên cách mặt đất khoảng bốn muôn du-thiện-na. Về hình tướng thọ lượng, như các nơi khác đã nói.

- Chánh kinh: "Trời tự tại tử... cho đến ba muôn thiên tử đều hội."

- Huyền tán: Không cư như trời, Dạ-ma thiên, Đổ-sử-đa thiên gọi là Trời tự tại tử. Cõi trời này đắc được dị thục quả tùy ý khởi niệm hơn hai cõi trời dưới. Hai cõi trời dưới, như quả dựa vào cây mà được, nay tùy ý muốn mà được, nên gọi là Tự tại. Lạc biến hóa thiên, Tha hóa trời tự tại gọi là Thiên trời tự tại tử, không lạc ở dị thục quả, mà lạc tự mình, lạc người khác biến làm công cụ lạc mà thọ dụng nên gọi là Đại tự tại. Lại giải thích Tha hóa thiên chủ gọi là Trời tự tại, chủ tứ thiền gọi là Trời Đại tự tại. Lại Trời tự tại là thần của Đế-thích. Đại Trời tự tại là thầy của Đế-thích. Như hai giải thích sau không có bốn, Không cư thiên, Trời Dục Dục.

- Chánh kinh: "Chủ thế giới Ta-bà... đến hai muôn thiên tử đều hội.

- Huyền tán: Trời Cõi Sắc này, Tiếng Phạm là Sách-ha, dịch là Kham nhẫn, chư Bồ-tát lúc thực hành lợi lạc, phần nhiều đều bị các khổ nạn kẻ thù ép ngặt, phải chịu đựng lao nhọc chịu do đó đặt tên, Hán dịch âm Ta-bà là sai. Các cõi Sơ thiền lớn nhỏ bằng ở Dục giới một Tứ thiên hạ, một ngàn Sơ thiền mới bằng Nhị thiền. Nhị thiền ở đảnh hỏa tai. Một ngàn Nhị thiền mới bằng Tam thiền. Tam thiền là đảnh hỏa tai. Một ngàn tam thiền mới bằng Tứ thiền. Tứ thiền là đảnh phong tai, cho đến tam thiên đại thiên thế giới, gọi là thế giới Ta-bà. Chủ thế giới Ta-bà là Đại phạm vương tức chủ Tứ thiền. Tiếng Phạm gọi Phạm ma, Hán dịch là Vắng lặng, Thanh tịnh, Thanh khiết, cũng gọi là Phạm khiết. Nay chỉ nói Phạm là lược vậy.

Thi khí là ở đảnh hỏa tai tức chủ Sơ thiền ở đỉnh nhọn hỏa tai.

Quang minh là chủ Nhị thiền, gồm Tiểu Quang, Vô lượng quang, Cực quang, chủ của Tịnh thiên là chủ Tam thiền. Nhưng kinh Đại Bát-nhã quyển năm trăm bảy mươi nói: Chủ cõi Kham nhẫn là Trì Kế phạm vương. Thi khí là Đảnh Kế. Tức là nói Trì Kế Phạm vương là chủ cõi Kham nhẫn, biệt danh của Phạm vương, Quang minh là thiền chủ khác.

- Kinh: "Có tám vị long vương... quyến thuộc đều hội."

- Huyền tán: Trở xuống nói rõ chúng phi thiên có năm: Đầu tiên là loài rồng:

1. Tên là Hỷ;

2. Tên là Hiền Hỷ. Đây là hai huynh đệ. Loài rồng này thiên thích ứng với nhân tâm, làm cho mưa gió điều hòa không phá hoại đất đai.

Rồng Hỷ là làm cho người vui, rồng sau tánh hiền khiến mọi người vui, nên do đó mà gọi tên.

3. Sa-dà-la là loài rồng ở biển mặn.

4. Hòa tu cát, Hán dịch là Cửu đầu, ở quanh núi Diệu cao, ăn các loài rồng nhỏ.

5. Đức-xoa-ca, dịch là Đa thiệt, là có nhiều lưỡi. Hoặc vì ưa nói nên gọi là Đa thiệt.

6. A-na-bà-đạt-đa, Hán dịch là Vô Nhiệt Não. Rồng ở trong ao Vô nhiệt não, lìa xa ba thứ nóng bức:

a) Không bị cát nóng thiêu đốt.

b) Không bị gió thổi y làm lộ hình.

c) Không bị loài chim cánh vàng ăn thịt.

Không có ba điều sanh nhiệt não này gọi là Vô nhiệt não.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Đại Địa Bồ-tát làm loài rồng trong ao này, giăng mây đại bi che hết tất cả chúng sanh. Tu pháp môn lìa khổ mà được tự tại. Từ vảy của rồng chảy ra các dòng nước ngày đêm không cạn cứu độ các loài hữu tình trong châu Thiệm bộ .

7. Ma-na-tư, Hán dịch là Từ tâm.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Trước khi làm mưa thì giăng mây che kín bảy ngày, đợi các việc ở nhân gian xong rồi mới mua, nên gọi là từ tâm.

8. Ưu-bát-la, Hán dịch là hoa sen hồng, Rồng ở trong ao sen này nên lấy đó đặt tên.

- Chánh kinh: “Có bốn Khẩn-na-la... cho đến cùng quyến thuộc đều hội.”

- Huyền tán: Tiếng Phạm là Khẩn-nại-lạc, Hán dịch là Ca thần, Hán dịch âm Khẩn-na-la là sai vậy. Đầu tiên ca pháp Tứ đế, Kế Ca Duyên khởi, sau ca Lục độ, rồi đến Nhất thừa. Hoặc ba loại đầu tiên ca về giáo hạnh của ba thừa. Sau đó ca lý quả của Nhất thừa, nên gọi là Trì pháp. Hoặc ca giáo lý Nhất thừa , hạnh quả lần lượt như thế. Hoặc tùy theo Phật nói pháp trong một hội mà tuyên ca. như âm nhạc thế gian ca ngợi công đức của vua.

- Chánh kinh: “Có bốn vua Càn-thát-bà... cho đến cùng với quyến thuộc.”

- Huyền tán: Nhạc âm trái với năm hiếu.

Tiếng Phạm là Mạt-nô-thị-nhược táp-phược-La, Hán dịch là Khả ý âm (âm nhạc vừa ý). Cũng gọi là như ý âm. Nhạc là để làm cho người yêu thích. Trong Chánh pháp hoa chép:

1. Gọi là Nhu nhuyến thiên tử.

2. Gọi là Hòa âm thiên tử.

Tiếng Phạm là Kiền-thát-phược, Hán dịch là Tầm Hương Hành, tức vị thần tấu nhạc, Hán dịch âm Kiền-thát-phược là sai. Bên Tây Vực do đây gọi tán nhạc là Kiền-thát-phược, chuyên tìm khí hương làm nhạc cầu xin. Trong âm nhạc có hai loại:

1) Loại không ti, trúc tức loại khánh trống.

2) Loại bằng ti, trúc, tức là tiêu địch.

Không phải loại ty trúc loại dưới gọi là nhạc, loại trên là nhạc âm. Loại dưới ty trúc là mỹ, loại trên là mỹ âm. Hoặc đồng với âm khúc ca thần ở trước.

- Chánh kinh: "Có bốn A-tu-la vương cho đến cùng với quyến thuộc".

- Huyền tán: Tiếng Phạm là A-tố-lạc, Hán dịch là Phi thiên. Tố lạc là tên khác của trời. Nói A nghĩa là chẳng phải. Vì nhiều dối trá khác việc làm của trời nên gọi là phi thiên. Như người bất nhân cũng gọi là phi nhân.

Luận Du-già Phật Địa chép: Là thuộc về đường trời. Tạp tâm nói thuộc đường quỷ. Pháp Niệm kinh Chánh là nói là đường quỷ súc. Kinh Du-già nói ba đường quỷ, súc sanh và thiên. Có thuyết nói La-hầu-a-tu-la là con của Sư tử, thuộc loài súc sanh. Nay nương vào Đại thừa Du-già làm chánh. Ở đây có năm loại:

1. Cực nhược: Ở trong núi non đất đai cõi người. Tức nay trong núi Tây phương có hang rất lớn và sâu, phần nhiều là cung của phi thiên. Bốn loại bên dưới theo kinh Thập địa nói.

2. Là ở dưới phía Bắc núi Diệu cao có cung La-hầu dưới biển lớn hai muôn một ngàn do-tuần.

3. Dưới hai muôn một ngàn do-tuần có cung Dũng kiện.

4. Dưới hai muôn một ngàn do-tuần có cung Hoa man.

5. Dưới hai muôn một ngàn do-tuần có cung Tỳ-ma-chất-đa-la.

Theo đây thì sâu xuống tám muôn bốn ngàn do-tuần là ở núi Tu-di. Như vậy là trái với kinh Khởi thế. Kinh này nói Đông, Tây núi Tu-di cách ngoài một ngàn do-tuần có cung Tỳ-ma-chất-đa, ngang rộng tám muôn do-tuần, có thành bảy lớp là xóm làng riêng, cũng lại không.

La-hầu, Hán dịch là Chấp nhật. Lúc trời và A-tu-la đánh nhau, đem bốn thiên vương ra cùng chiến đấu. Nhật nguyệt thiên tử phóng ra ánh sáng cực mạnh bắn vào mắt Tu-la. Đây là tên nhọn của loài phi thiên nên dùng tay che khuất ánh sáng của mặt trời. Cho nên nói là

chấp nhật. Đây là A-tu-la thứ tư nên biết .

Đầu tiên nêu A-tu-la Bà-trĩ, xưa dịch là Bi phược (bị ràng buộc). Trước quân của phi thiên bị trời bắt. Nói đúng là Bạt-trĩ-ca, Hán dịch là Đoàn viên, nghĩa trong chánh pháp hoa là trên hết, tức tương đương Dũng kiện. Kế đến là Chấp nhật sau cùng chư Thiên giao đấu. Lúc này có lực rất mạnh mẽ, Bạt-đà-phược đây không phải bị trói buộc.

Khư-la-khiên-đà: Khư khiên đều thuộc khứ thanh, chữ Đà là bình thanh.

Xưa dịch là Quảng kiên phược, có hình mạo rất to lớn. Kế là giải thích về Dũng kiện, sau cùng là Hoa man.

Tiếng Phạm là Phệ-ma-chất-đát-lợi, Hán dịch là Ỷ họa, vẽ các hoa văn trên thân. Hoặc gọi là Bảo cẩm (gấm báu) dùng làm mũ đội. Ở Hán dịch Tỳ-ma-chất-đa-la là sai. Đây là cha mẹ lớn nhất của trời Đế-thích, cha là Xá-chi. Nhân duyên này có nói trong sớ Tông luận.

- Kinh: "Bốn Ca-lâu-la vương... cho đến cùng với quyến thuộc ".

- Huyền tán: Tiếng Phạm là Yết-lộ-trà, Hán dịch là Diệu sí điểu. Chim này màu sắc cánh rất đêp không chỉ màu vàng. Xưa dịch là Ca-lâu-ca, dịch. Kim sí điểu là sai.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: Phật bảo các Tỳ-kheo có bốn loài chim Diệu Xí tức sanh từ trứng, thai, ẩm ướt và hóa. Có bốn loài rồng cũng sanh trong bốn loại: noãn, thai, thấp, hóa.

Tỳ-kheo nên biết! Như loài chim noãn sanh lúc muốn ăn loài rồng, từ trên cây Thiết xoa nhảy xuống biển, chim này dùng cánh rẽ nước làm hai rồi bắt lấy rồng nở ra từ trứng mà ăn. Nếu muốn ăn các loài rồng từ sanh khác thì chim sẽ mất mạng. Như thế chim thuộc loài thai sanh chỉ ăn hai loại rồng thai và trứng. Loài chim thấp sanh chỉ ăn ba loại rồng trước, nếu ăn loài hóa sanh sẽ bị mất mạng. Loài chim từ thấp sanh có thể ăn rồng từ bốn loại sanh, nếu loài rồng quy y Phật thì chim không thể ăn. Vì sao? Vì Như lai thường hành trì bốn tâm vô lượng, Từ, Bi, Hỷ Xả bốn tâm này có đại thế lực, đại mạnh mẽ, không thể làm cản trở phá hoại, nên chim cánh vàng không thể ăn. Vậy nên các Tỳ-kheo nên hành trì bốn tâm: Từ, bi, hỷ, xả. Nay nói theo thứ lớp thì là loài chim bốn sanh cũng nói người có uy đức lớn, các rồng rất sợ nên uy đức rất rộng lớn. Thân chim lớn hai cánh dang ra cách ba trăm ba mươi sáu muôn dặm, bụng no đầy, dưới cổ có hạt châu như ý.

- Chánh kinh: "Con bà Vi-đề-hy cho đến cùng với quyến thuộc.

- Huyền tán: Đây là chúng nhân vương. Vì Phật nói pháp tại thành Vương-xá này nên nêu riêng .

Tiếng Phạm là Phệ-đề-sất-phất-đát-đa, xưa dịch là Suy nghĩ tử, nay dịch chữ Phệ có nghĩa là Thắng. Đề-sát là thân, tức gọi là Đông Tỳ-đề-ha. Tỳ-đề-ha là gọi người nam, Tỳ-đề-sất gọi người nữ. Đây là tên núi, cũng là tên vị thần trong núi kia. Do từ vị thần xin con nên lấy đó đặt tên, dịch âm Vi-đề-hy là sai.

Tiếng Phạm là A-đổ-đa-thiết-chuyết-lộ, dịch là Vị sanh oán, dịch A-xà-thế là sai. Vì kết oán trước khi sanh ra cũng gọi là Chiết chỉ (gẫy ngón tay). Do tạo gây ra nghịch, sau đó nghe kinh Tiểu thừa sám hối rồi còn bị đọa vào địa ngục Vô gián. Về sau đắc quả Độc giác.

Kinh Niết-bàn chép: Vua A-xà-thế không gặp Kỳ-bà trong bảy ngày tới sẽ đọa địa ngục. Nghe kinh Đại thừa sám hối rồi thì không đọa địa ngục.

Lại có kinh nói: Sau khi sám hối đắc Nhu thuận nhẫn. Lấy theo tên mẹ nên gọi là vua A-xà-thế con bà Vi-đề-hy. Trong kinh Niết-bàn cũng nói rõ việc này.

- Chánh kinh: "Các chúng lễ chân Phật rồi lui ra ngồi một nơi."

- Huyền tán: Trong phần nêu tên chúng, tiếp nói về nghi thức. Thể hiện sự tôn kính tình thâm nên ai cũng lễ xuống chân Phật, mới ngồi sang một bên cầu thọ chánh pháp.

- Chánh kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn... cho đến tôn trọng khen ngợi."

- Huyền tán: Trong phần chúng thành tựu văn chia làm hai đoạn: Phần một là nêu chúng. Phần này nói rõ uy nghi ở chỗ Phật. Luận giải về chúng thành tựu có bốn: Phần trên đã giải thích ba, đây là phần thứ tư. Nói bốn chúng. Xưa nói: Ma, Phạm, Sa môn Bà-la-môn. Đây nói trội hơn hai cõi trời Sắc và Dục giới, trong nhân gian là đứng đầu. Cho nên Sư trí Khải nói:

1) Chúng ảnh hưởng thì ngồi im lặng tại chỗ.

2) Chúng phát giáo như ngài Xá-lợi-phất, Di-lặc thì ba lần thỉnh.

3) Là chúng đương cơ thọ giáo được ngộ giải.

4) Chúng kết duyên lúc ấy chưa ngộ giải mà kết nhân duyên về sau.

Lại có bốn chúng: Thanh văn, Bồ-tát cùng hai chúng khách, cựu. Sớ của người xưa có nhiều nghĩa. Nhưng sau đây văn dưới xét thấy có chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di là bốn chúng. Đi giáp vòng gọi là vây. Ngồi giáp vòng gọi là nhiễu quanh. Dâng tài hạnh gọi là cúng, nhiếp cả vật dụng gọi là dưỡng, nghiêm cẩn gọi là cung, kính ngưỡng gọi là kính. Rất kính là tôn. Tôn kính sâu là trọng, đúng lý luận

tốt gọi là Tán, gặp việc nêu đức gọi là khen ngợi. Luận giải có bốn :

1) Chúng vây quanh.

2) Trước sau.

3) Cúng dường cung kính.

4) Tôn trọng khen ngợi.

Trong luận nói cũng đồng như trong kinh này, mà thiếu nghĩa "trước sau." Nay y theo nên nói. "Bấy giờ Đức Thế tôn bốn chúng trước sau vây quanh, cúng dường cung kính tôn trọng". Trong văn khen ngợi mới có đầy đủ.

Nói trước sau đó là các chúng đều nhìn thấy Phật nói pháp. Tức mặt hướng ra trước mà không xoay ra sau, tức so với mỗi mỗi người đều có trước sau, mà không phải nói phương vị trước sau.

- Chánh kinh: "Vì các Bồ-tát... cho đến Phật sở hộ niệm."

- Huyền tán: Đây là phần thứ ba... nói Như lai nói pháp... tức thời chí thành tựu. Lược có ba nghĩa:

1. Nương vào người, trước vì Bồ-tát nói kinh Đại thừa, tên là Vô Lượng Nghĩa. Sau mới nói cho chúng Thanh văn nghe pháp Nhất thừa.

2. Nương vào lợi, trước đem giáo lý Nhất thừa lợi tha giáo hóa Bồ-tát căn trí đã thuần thục. Sau đem quả Nhất thừa tự lợi mới hóa độ người Thanh văn sơ căn hồi tâm.

3. Nương vào pháp, trước nói về thể của pháp, sau nói về công năng. Cho nên lúc chưa nói kinh Pháp Hoa, Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa trước, gọi là "Thời chí".

"Kinh Đại thừa:" Đây là câu nói chung, còn lại là riêng.

Thập nhị môn luận định nghĩa Đại thừa có sáu.

1) Ra khỏi Nhị thừa.

2) Thừa này có thể dẫn đến Phật Đại thừa.

3) Sở thừa của Phật.

4) Có thể diệt đại khổ, đem lại lợi lạc lớn.

5) Sở thừa của các vị Đại sĩ Quán Âm...

6) Có thể thấu rõ hết tận cùng các pháp.

Nhiếp Đại thừa nói: Cũng thừa cũng đại nên gọi là Đại thừa, tức là muôn hạnh vậy. Hoặc nương theo tánh Đại nên gọi là Đại thừa, tức chân như là nghĩa nương theo vận chuyển. Luận Bát-nhã Kim Cương Vô Trước nói: Bảy loại đại tên tuy có ít sai khác, mà nghĩa đồng với thứ mười một của đối pháp. Đối pháp nói tức tánh thừa này do cùng tương ưng với bảy loại đại tánh, nên gọi là Đại thừa.

1) Tánh cảnh đại: Đem Bồ-tát đạo duyên với trăm ngàn giáo lý

làm sở duyên, cho nên gọi kia là pháp đại.

2) Tánh hành đại: Đầy đủ cả hai lợi nên gọi là tâm đại.

3) Tánh trí đại: Rõ được hai vô ngã nên kia gọi là Tín giải đại.

4) Tánh tinh tấn đại: Tu tập các hạnh khó hành trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Cho nên kia gọi là Tịnh tâm đại.

5) Tánh phương tiện thiện xảo đại: Do đầy đủ trí bi, không trụ vào sanh tử, Niết-bàn, kia gọi là tư lương đại.

6) Tánh chứng đắc đại: Thành tựu các pháp: Thập lực, Tứ vô úy cùng các công đức. Kia gọi là quả báo đại.

7) Tánh nghiệp đại: Tận cùng sanh tử, biên kiến lập Phật sự. Cho nên gọi là Đại thừa. Kia gọi là thời đại. Thể căn bản của thừa tức là lý chân như. Là vô tướng. Đây đồng với kinh Thắng-man.

Kinh Thắng-man nói: "Thừa tức là Đại thừa. Đại thừa là Phật tánh. Phật tánh chính là cảnh giới Niết-bàn. "Cuối cùng thì thông cả muôn hạnh lý, cũng thừa cũng đại. Thể của bảy tánh đại thì thông nơi pháp hữu vi. Đến chương Nhất thừa, sẽ biện minh đủ, đầy đủ là câu nói chung. Ba câu: "Vô Lượng Nghĩa..." Là nói pháp Đại thừa là tên riêng của kinh. Chánh Pháp hoa nói chỉ có hai câu. Luận viết lại thì có mười bảy tên. Đúng hợp với luận văn nên nói: Vì chư Bồ-tát mà nói kinh Đại thừa gọi là: Vô Lượng Nghĩa, Trên hết kinh điển, Đại thừa Phương Quảng, Giáo Bồ-tát pháp, Phật sở hộ niệm, Chư Phật Bí pháp, Chư Phật đức tạng, Chư Phật mật xứ, Năng sanh Chư Phật, Chư Phật Đạo tràng, Chư Phật pháp luân, Bền chắc xá-lợi, Thiện phương tiện, Tuyên thuyết xảo Nhất thừa, Đệ nhất nghĩa xứ, Diệu Pháp Liên Hoa, Trên hết pháp môn.

Luận mười bảy tên như sau:

1) Vô Lượng Nghĩa: Là thành tựu danh tự, nghĩa. Đem pháp môn này để nói cảnh giới. Pháp rất sâu xa, màu nhiệm. Cảnh giới ấy tức là cảnh giới trên hết của Phật. Năng thuyên giáo pháp, thuyết nghĩa kia, giáo cũng vô lượng. Do đấy, giáo danh tự và nghĩa sở thuyên đều gọi là vô lượng.

Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Vì tánh dục của chúng sanh vô lượng, nên pháp Phật nói cũng vô lượng. Vì pháp vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng. Nghĩa vô lượng là từ một pháp mà sanh ra. Một pháp đó tức là vô tướng. Như thế không tướng, không tướng và bất tướng, không có tướng bất tướng gọi là thật tướng. Đại Bồ-tát an trụ vào chân thật tướng như thế rồi, phát tâm từ bi, rõ thật không vọng, ở nơi chúng sanh thật có cứu khổ; khổ dứt rồi lại vì chúng nói pháp khiến cho thọ nhận khóai lạc.

Thiện nam tử! Bồ-tát nếu tu một pháp môn Vô Lượng Nghĩa như thế thì chắc chắn mau thành quả Vô thượng Bồ-đề.

Thiện nam tử! Ví như một hạt giống có thể sanh ra trăm ngàn muôn hạt giống. Trong trăm ngàn hạt giống đó mỗi mỗi lại sanh ra trăm ngàn muôn số. Lần lượt như thế cho đến vô số, vô lượng. Kinh điển này cũng lại như thế. Từ một pháp sanh ra trăm ngàn nghĩa. Trong trăm ngàn nghĩa mỗi nghĩa lại sanh ra trăm ngàn muôn số! Như thế lần lượt nghĩa đến vô lượng vô biên. Thế nên kinh này gọi là Vô Lượng Nghĩa. Luận không chỉ lấy giáo lý sở sanh đó gọi là vô lượng mà thể của vô lượng tức cảnh chân trí. Thể là năng thành tựu, là thành tựu danh tự, nghĩa kia.

2) Kinh điển trên hết: Đây là diệu tạng trên hết trong Ba Tạng.

3) Phương quảng Đại thừa: Pháp môn Đại thừa vô lượng, tùy theo pháp của căn cơ của chúng sanh Đại thừa. Vì thế kinh này có đầy đủ trụ trì thành tựu.

4) Giáo Bồ-tát pháp: Vì hóa độ căn cơ thuần thục của Bồ-tát, tùy theo pháp khí của họ mà có thể thành tựu, không hóa độ người Nhị thừa.

5) Phật sở hộ niệm: Nương vào Phật thì có, nương vào pháp khác thì không.

6) Chư Phật Bí pháp: Pháp rất sâu xa này chỉ có Phật mới biết. bí nghĩa là tạng.

7) Chư Phật Đức tạng: Là kho tàng thiền định công đức của Phật, ở trong kinh này.

8) Chư Phật Mật xứ: Như căn cơ chưa thuần thục, chẳng phải là pháp khí, thì không cho.

9) Năng sanh Chư Phật: Nghe pháp môn này có thể thành tựu báo thân hóa thân Bồ-đề.

10) Chư Phật đạo tràng: Pháp môn này có thể thành Vô thượng Bồ-đề. Chẳng phải ở các bộ kinh khác, có thể hiển bày pháp thân trí của Chư Phật.

11) Chư Phật pháp luân: Diệt trừ hết si ám.

12) Xá-lợi bền chắc: Pháp thân công đức ba đời của Chư Phật. Bộ kinh này nêu đầy đủ không bị hoại.

13) Phương tiện khéo léo: Nương vào pháp môn này được thành Phật rồi, lại vì chúng sanh nói pháp năm thừa trời người.. thành tựu trí tuệ Phật khéo dùng các phương tiện.

14) Giảng nói Nhất thừa: Chỉ rõ thể rốt ráo Vô thượng Bồ-đề của

Như lai. Nhị thừa chẳng phải là rốt ráo.

15) Đệ nhất nghĩa xứ: Pháp môn này tức là trụ xứ Pháp thân rốt ráo của Như lai. Pháp thân của Phật gọi là Đệ nhất nghĩa. Trụ xứ của pháp thân này gọi là Đệ nhất nghĩa xứ.

16) Diệu Pháp Liên Hoa: Luận giải thích có hai nghĩa:

a. Nghĩa ra khỏi mặt nước. Dùng nghĩa Sở thuyên đặt tên Hoa.

b. Nghĩa hoa nở: Dùng giáo Năng thuyên đặt tên Hoa, tức là chứng trí rất sâu, A-hàm rất sâu.

Nghĩa ra khỏi mặt nước có hai ý:

a. Nghĩa ra khỏi nước không thể cùng tận: Ra khỏi xa lìa nước nhơ đục Tiểu thừa. Đây là nói về thể của hoa. Bồ-tát đốn ngộ tánh xa lìa nước đục mà tánh thể của pháp là thường nên không thể tận. Đây nói về lý tánh Nhất thừa, ra khỏi Nhị thừa, nên gọi là ra khỏi nước.

b. Lại có nghĩa Hoa sen ra khỏi nước bùn nhơ. Dụ cho các Thanh văn vào ngồi ở trong đại chúng của Như lai. Như các Bồ-tát, ngồi trên hoa sen nghe thuyết Vô thượng trí tuệ, cảnh giới thanh tịnh, chứng Như lai mật tạng.

Ý đây nói là: Bồ-tát ngồi trên hoa sen nghe thuyết cảnh giới Vô thượng trí tuệ, có thể chứng đắc mật tạng sâu xa của Như lai. Các Thanh văn hồi tâm rồi, được vào ngồi ở trong đại chúng, cũng như Bồ-tát ngồi trên trong hoa sen nghe thuyết cảnh tuệ, cũng chứng đắc mật tạng. Trước đã giải thích về thể ra của Bồ-tát đốn ngộ, đây giải thích về dụng ra của hàng tiệm ngộ về sau. Kinh này chính dùng giáo lý để hóa độ các Bồ-tát, mà bên cạnh đó cũng hóa độ Nhị thừa, nên có nghĩa này.

Nghĩa hoa nở là chúng sanh trong pháp Đại thừa khởi tưởng như người chơi vơi trên triền núi, tâm yếu hèn nên không thể sanh lòng tin, nay khai thị pháp thân tịnh diệu của Như lai khiến cho sanh tâm tịnh tín.

17) Pháp môn trên hết: Vì để nhiếp thành tựu. Nhiếp thành tựu đó là nhiếp giữ vô lượng danh cú tự thân, các kệ: Tần-bà-la, A-siểm-bà v.v.... Đây là căn bản để nhiếp tất cả danh cú tự nghĩa. Cho nên gọi là trên hết.

Đây chính là sở thuyên, là pháp môn trên hết của năng sở thuyên khác. Năng thuyên cũng là pháp môn của năng thuyên sở thuyên khác. Do nhiếp tất cả danh cú tự nghĩa. Cho nên Tần-bà-sa-la là số mười tám trong năm mươi hai số của Tiểu thừa. A-siểm-bà là số thứ hai mươi, đây là số bài kệ tụng trong các kinh Đại thừa. Kinh này đều năng nhiếp nên gọi là pháp môn, tức là hai mươi ngàn muôn ức bài kệ. Luận nói trong

mười bảy câu, đây là câu chung còn lại là câu riêng. Kinh này chỉ có ba là:

1. Thể dụng của Vô Lượng Nghĩa là cao siêu.

2. Giáo pháp Bồ-tát hóa độ căn cơ thuần thục.

3. Được Phật che chở, nương vào Phật mà có.

Ba nghĩa này trội hôn nên nêu ra.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Nghĩa và tên thứ mười sáu gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Nay nói kinh Vô Lượng Nghĩa xong, Phật nhập vào Vô Tam muội Lượng Nghĩa xứ, từ Tam muội khởi ra mới nói kinh này, cũng gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Hai tên đâu có khác?

Đáp: Có năm cách giải thích:

1. Gọi Liên hoa là có hai thời mà được tên: Như thời hoa sen chưa ra khỏi nước mà tánh đã ra khỏi nước cũng gọi là Liên hoa. Kinh kia cũng vậy. Nói tánh trí tuệ kia có thể xuất ra từ nước, tánh có thể khai mở mà khi ấy vẫn chưa hóa độ Nhị thừa hướng đến Nhất thừa. Nay kinh này chính là hóa độ Nhị thừa nhập vào giai vị Đại thừa, vượt ra khỏi Nhị thừa, như hoa sen ra khỏi nước rồi cũng gọi là hoa sen còn. Kinh đó chính gọi là Vô Lượng Nghĩa. Bên cạnh đó cũng mượn gọi là Diệu Pháp Liên Hoa chính là hợp với Bồ-tát, song song đó cũng khiến cho Thanh văn nghe tin hiểu không ngu ở pháp, sau đó mới hóa độ nhập. Kinh này chính gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, song song đó cũng gọi là Vô Lượng Nghĩa. Chính là để giáo hóa Thanh văn nhập vào Nhất thừa, tuy thời vị có khác nhưng thể tánh không hai. Cho nên sắp nói kinh này Phật trước nhập vào Tam muội Vô Lượng Nghĩa xứ .

2. Gọi kinh Vô Lượng Nghĩa là Pháp hoa, cùng với danh thể của kinh này không hai. Lúc đó chỉ giáo hóa Bồ-tát, chưa có hướng Nhị thừa quy về Nhất thừa. Nói giáo lý nương vào chân như diệu lý chính gọi là Vô Lượng Nghĩa, cũng gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, là lúc này hóa độ Nhị thừa hướng về Nhất thừa. Nói có thể nương vào hạnh quả, chính gọi là Diệu Pháp Liên Hoa, như lúc ra khỏi nước mà song song đó, cũng gọi là Vô Lượng Nghĩa.

3. Kinh kia y theo vào thể trí tuệ cũng gọi là Pháp hoa, kinh này ước về công năng trí tuệ mà gọi là Pháp hoa. Hội hai để quy về một.

4. Vì kinh kia dung giáo lý gọi là Liên hoa. Bồ-tát đã tu nhân Nhất thừa, hướng đến quả Nhất thừa, không vì nói hạnh, quả Nhất thừa gọi là Pháp hoa. Do chỉ là giáo lý, không biết ứng theo bệnh cho thuốc, chỉ nói giáo lý gọi là Pháp hoa. Nay trong hội này người Nhị thừa chưa có thể được ứng bệnh cho thuốc, nên không vì nói giáo lý Liên hoa, chỉ vì

kia nói hai loại hạnh quả gọi là Liên hoa, khiến cho chúng Thanh văn hướng đến vào Nhất thừa hạnh quả. Thế nên kinh dưới nói: Ngồi xe báu này, thẳng đến Đạo tràng, làm nhân hạnh, chỉ đem tri kiến của Phật khai ngộ cho chúng sanh đồng quả với Liên hoa.

Lại trong khai thị ngộ nhập, luận tự giải thích: Khai nghĩa Vô thượng. Thị nghĩa đồng. Ngộ nghĩa bất tri. Nhập nghĩa là khiến cho nhập vào không lui sụt địa. Ba nghĩa trước là quả. Một nghĩa sau là nhân. Kinh Thắng-man cũng vậy, chỉ nói nhân quả Nhất thừa gọi là Nhất thừa.

5. Kinh ấy dùng hai thứ giáo lý là Liên hoa. Kinh này đối với giáo lý hạnh quả của Nhị thừa đều gọi là Liên hoa, có nghĩa khắp đủ như trước đã nói. Ba nghĩa trước giải thích kinh kia đây đồng thể. Hai nghĩa sau giải thích kinh này rộng, kinh kia hẹp. Do nghĩa này nên kinh Vô Lượng Nghĩa, dùng hai nghĩa gọi là vô lượng: một là pháp, hai là nghĩa. Luận nói thành tựu danh, tự, nghĩa. Danh tự có nghĩa là giáo pháp. Nghĩa là sở thuyên. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Vì tánh dục chúng sanh vô lượng nên pháp cũng vô lượng. Pháp vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng. Nghĩa vô lượng đó từ một pháp mà sanh ra một pháp đó tức là vô tướng. Nhưng nay bộ kinh này tuy đầu tiên là khen ngợi giáo lý mà văn sau phần nhiều dùng hạnh quả gọi là Liên hoa. Thật thể trên dưới các nơi trong văn kinh, cũng thông cả giáo lý hạnh quả. Phần sau giải là thiện. Pháp hoa đã như vậy, Nhất thừa cũng như vậy. Y theo đây nên biết.

- Chánh kinh: “Phật nói kinh này rồi... thâm tâm bất động.”

- Huyền tán: Văn dưới là phần sở y nói pháp uy nghi thuận theo trụ thành tựu.

Trụ là y chỉ chỗ an ổn. Nay nương vào an xứ nói pháp, nương vào oai nghi, thuận theo vào quy tắc để nói pháp. Đây chính là nói nương vào chỗ nói pháp, thuận theo oai nghi mà thành tựu.

Phật nói kinh Vô Lượng Nghĩa xong thì ngồi kiết già. Đây là nói lên chỗ trí thâm lý mới có thể nói pháp. Như trước nói kinh Bát nhã trụ niệm trước mặt rồi sau khởi nói. Ngồi có hai tướng:

1. Ngồi hàng phục, để chân trái lên chân mặt.

2. Cát tường tọa, để chân mặt lên chân trái.

Nay sẽ nói pháp thì ngồi cát tường. Gia là chồng lên, tức ngồi giao chân chồng lên nhau có thuyết nói chữ già. Không biết xuất xứ từ đâu, ở đây nói nương vào để dừng yên ở những gì là uy nghi phép tắc mà nói pháp. Nay nương vào ba loại uy nghi phép tắc:

1. Nương vào Tam muội mà thành tựu, nên nhập vào Tam muội

thân tâm bất động.

2. Nương vào khí thế gian, trời tuôn rải bốn loại hoa như mưa, đất sáu phen rung chuyển.

3. Nương vào chúng sanh thế gian, tám bộ bốn chúng đều vui mừng.

Nhập định chứng chân, để khởi thông suốt, nhắc nhở vật, chúng sanh hoan nghinh, nên đây chia ra làm ba. Không chỉ có an tọa mới gọi là uy nghi. Tiếng Phạm là Tam-ma-địa, dịch là Đẳng trì, là bình đẳng trì tâm mà đạt đến cảnh, tức là định vậy. Nói Tam muội là sai. Quán lý vô tướng Định gọi là Tam muội Vô Lượng Nghĩa xứ . Xứ là xứ sở. Vô Lượng Nghĩa là các nghĩa Vô Lượng Nghĩa mà giáo lý đã nêu bày. Nhờ chân lý sanh ra nên nói chân lý gọi là xứ.

Luận giải: Nương vào Tam muội mà thành tựu thì có hai nghĩa:

1. Thành tựu năng lực tự tại thân tâm bất động. Nghĩa là nếu không nhập Tam muội thì có phân biệt dao động. Ở đây không thể chứng nói tự tại. Nay nhập vào Tam muội, thân tâm trở nên bất động, lìa hết mọi sự phân biệt dao động. Đối với pháp thuận tiện có được khả năng chứng nói tự tại. Cho nên nói là: Thành tựu tự tại lực thân tâm bất động.

2. Lìa tất cả chướng, tùy theo lực mà tự tại: Nhập Tam muội lìa các chướng định, thuận theo nơi pháp mà chứng, nói tự tại. Nếu có chướng định thì đối với chứng và thuyết không tự tại.

Luận tiếp giải thích riêng về năng lực tự tại trước có hai:

1. Thuận theo chúng sanh không thấy đối trị mà nhiếp lấy giác Bồ-đề phần pháp. Nghĩa là: Chúng sanh không thể nhậm vận thấy đạo vô lậu đối trị, mà suy nghĩ giác mới được. Nay Phật cũng vậy, thuận theo chúng sanh không thể nhậm vận thấy đạo đối trị. Nay cũng nhập định để suy nghĩ nhiếp lấy, giác quán sát đạo Bồ-đề phần vô lậu để đối trị.

2. Là đối trị phiền não chấp chặt từ thời vô thỉ đến nay. Giải thích tùy theo năng lực tự tại, thì phiền não chấp chặt nghĩa là có phân biệt dao động. Phân biệt dao động nên tâm khởi ra thị phi. Tâm thị phi khởi nên hoặc ái, giận phát sanh. Hoặc Ái, nhuế sanh thì khởi ra các nghiệp. Nghiệp khởi thì bị các khổ buộc ràng. Nay để đối trị tâm phân biệt chấp chặt dao động này, cho nên nhập Tam muội, lìa hoặc chấp chặt. Luận lại giải thích: Do nhập định nên có khả năng chấn động cả thế giới, và biết việc quá khứ từ vô lượng vô biên kiếp. Nếu không nhập định thì thần biến không khởi, không thể biết việc quá khứ mà thị hiện tướng vậy.

Hỏi: Phật chẳng lúc nào không định tâm, đi đứng thường ở trong định. Không khởi diệt định mà hiện ra uy nghi, đâu cần nay phải nhập định.

Đáp: Có mười nghĩa:

1. Nhập, xuất tùy theo duyên mà động, tĩnh lợi ích chúng sanh.

2. Nếu không nhập định thì không thể phát ra ánh sáng hiện ra điềm lành. Nếu không nhập định thì e rằng chẳng phải tướng tốt của Phật.

3. Lúc muốn nói pháp thị hiện xét rõ căn cơ.

4. Vì muốn hiển bày pháp thù diệu nên nhập định, quán khiến chúng tôn trọng.

5. Nêu rõ tuệ tức là do chứng lý nhập định, mới có thể khởi. Thầy làm mẫu mực cho hậu học khiến cho tu định tuệ.

6. Thị hiện định tuệ đầy đủ, nói pháp thị hiện tuệ viên mãn. Nhập định hiển rõ định viên mãn.

7. Làm khuôn phép cho đời mạt pháp, khi nói pháp cần trước tâm phải tự tĩnh.

8. Thị hiện ra tướng thông minh khéo suy nghĩ, cũng khiến cho người khác phải xét rõ sự việc chân thật.

9. Nhập định hiện điềm lành để phát khởi ba lời hỏi đáp. Nếu không vậy thì không có những lời hỏi của ngài Di-lặc.

10. Hiển thị ra tam mật, nhập định là ý mật, phát ra ánh sáng là thân mật, nói pháp là ngữ mật. Kệ Tụng: Tóm tắc mười nghĩa này như sau:

Tùy, thụy, thẩm, diệu, sư
Mãn, vị, tư, vấn, mật.

Hỏi: Lúc sắp nói pháp hoa, sao cần phải nhập định Vô Lượng Nghĩa, nguyên nhân gì không nhập vào Pháp hoa Tam muội?

Đáp: Như khi sắp thuyết Bát-nhã trước cũng phải nhập định để có thể quyết đoán. Kinh nói: Ngay thân chánh nguyện trụ niệm đối diện, sau mới nói kinh. Ở đây trước cũng nhập vào Vô Lượng Nghĩa Tam muội như thế, sau mới nói pháp hoa. Vì thể Pháp hoa tức là Vô Lượng Nghĩa. Pháp hoa Tam muội tức là Vô Lượng Nghĩa Tam muội. Kinh Vô Lượng Nghĩa là Bồ-tát thuyết. Diệu Pháp Liên Hoa vì Thanh văn thuyết. Kinh Vô Lượng Nghĩa bàn về thể xuất sanh ra Vô Lượng Nghĩa. Kinh Pháp hoa luận về công năng có thể xuất ra Nhị thừa. Thể năng tuy khác mà thật sự không hai. cho nên trước khi nói pháp hoa phải nhập vào Vô Lượng Nghĩa Tam muội. Văn dưới cũng nói có ngộ Pháp hoa

Tam muội, mà không nói ngộ Vô Lượng Nghĩa Tam muội. Chỉ là tùy theo căn cơ mà cần thiết độ vật. Thích nghi theo phương tiện xảo dụng khéo sanh. Tên tuy có hai mà thể thật không khác. Lại vì giáo lý hạnh quả khác, như trước đã nói. Lại trước quán sát thể chân như của pháp, sau nói công năng nhân quả tức Pháp hoa.

- Chánh kinh: "Bấy giờ trời mưa... và các đại chúng".

- Huyền tán: Dưới nói khí thế gian có hai: Một là hoa tuôn rải như mưa; Hai là quả đất rung chuyển.

Nay nói rải hoa như mưa:

- Mạn-đà-la dịch là Thích ý (vừa ý), vì người nhìn thấy tâm rất vui thích

- Mạn-thù-sa, Hán dịch là Nhu nhuyễn. Thể của hoa là rất mềm mại cũng khiến cho người thấy lìa hết ba nghiệp cương chiếu khóang.

- Ma-ha dịch là đại. Theo kinh bản tâm dịch gọi là: Hoa Thích ý. Hoa đại thích ý hoa nhu nhuyến hoa, đại nhu nhuyến. Bốn loại hoa lần lượt như thế là ý muốn nói pháp làm vui tâm người, điều hòa được ba nghiệp. Cũng có thuyết nói: Trời mưa làm âm vu, hoa có năm đức.

1. Che lấp sự xấu ác. Nói lên khi nghe pháp rồi thì bao nhiêu cấu chướng tiêu tan.

2. Nghiêm tịnh cõi nước: Ý nói nghe pháp rồi như các pháp lành trang sức thân. Cho nên kinh ở dưới nói: Mà thế giới này thảy đều trang nghiêm thanh tịnh.

3. Nở ra tươi đẹp, thấy đài sen: Nói lên Phật muốn khai xiển Nhất thừa.

4. Sau hoa kết trái: Biểu hiện sau khi nghe kinh rồi thì đắc Bồ-đề.

5. Hương thơm bay xa người ngửi thấy đều vui mừng. Nói lên nội đức đầy đủ, danh vang khắp mười phương. Chúng sanh nghe thấy đều kính mến. Chỉ có mưa hoa này mà không phải hoa khác là nói lên nghe kinh này rồi phát tâm vui mừng xa lìa tâm chấp Nhị thừa bền chắc. Lại chuẩn bị khai giáo lý hạnh quả Nhất thừa là chân thật, cũng khai bốn pháp Nhị thừa để làm quyền tích. Nói mưa bốn hoa cũng ý nói độ tứ sanh, hưng khởi tứ niệm trụ, tu tứ chánh cần, đắc tứ thần túc, hành tứ pháp tích, chứng lý tứ đế, cắt đứt bốn lưu, đoạn bốn ràng buộc, bỏ đi bốn ách, đắc tứ diệu trí, ngộ tứ Niết-bàn, chứng được bốn đức. Mưa bốn hoa này không thêm không bớt, đem rải lên Phật để bày tỏ cúng dường, nói lên cho bốn việc của Phật đã xong cho đến khắp dùng che chở chúng sanh, chỉ rõ cho chúng biết cũng sẽ thành tựu bốn việc này.

- Chánh kinh: “Sáu loại rung chuyển khắp thế giới Phật”.

- Huyền tán: Phật Thích-ca vua cả Tam thiên đại thiên gọi đó là thế giới Phật. Các thế giới này đều rung chuyển, nên nói khắp thế giới Phật, đều rung động, đây gọi là xứ động.

Tụng ở dưới nói: Mà ở thế giới này có sáu thứ rung chuyển”. Cho nên biết chỉ là động thế giới của Phật. Thích-ca không phải là mười phương thế giới, hoặc nói rung chuyển bằng phạm vi Phật phát ra ánh sáng. Không như thế thì làm sao phóng ánh sáng thì rộng khắp, rung chuyển thì nhỏ hẹp!

Văn tụng dưới là y theo vào gần chỉ rõ hóa độ ở thế giới này tức bỏ quyền dựa vào thật. Nếu nương vào lời giải đầu tiên thì chỉ có thế giới này động, tức bỏ quyền lấy thật vậy. Chấn có nghĩa là động là khởi dậy vậy. Sáu rung chuyển có ba ý: Trường A-hàm nói:

1. Sáu thời động: Là Bồ tát nhập thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, xoay bánh xe, nhập Niết-bàn. Ở đây nói thời động là thời xoay bánh xe.

2. Sáu phương động: Kinh Đại Bát-nhã quyển thứ tám nói: Nghĩa là Đông hiện thì Tây chìm, Tây hiện thì Đông ẩn. Nam nổi Bắc chìm, Bắc hiện thì Nam ẩn. Giữa hiện thì bên chìm, bên nổi thì giữa chim. Nay động hoặc chính là nghĩa này.

3. Sáu tướng động: Kinh Đại Bát-nhã nói: Đó là: Động, dõng, chấn, kích, hống, bộc lắc lư không yên là động, đất như vẩy cá lồi lõm là dõng. Hoặc sáu phương hiện ra biến mất là dõng. Ẩn khuất mà có âm thanh là chấn. Xưa dịch nói là từ dưới bay lên cao là khởi, nay nói ra, đập và kích. Gây ra tiếng vang là hống. Xưa gọi sanh ra giác ngộ thì gọi là Giác. Nay nói phát ra tiếng kêu kinh dị là bộc. Sáu rung chuyển này mỗi đều tướng có ba gọi chung là mười tám tướng động.

Kinh Bát-nhã nói: Gọi là động, đẳng động, đẳng cực động. Cho đến bộc, đẳng bộc, đẳng cực bộc. Như vậy rung chuyển ít gọi là động. Các nơi chung động gọi là đẳng động, khắp nơi nghiêng động lớn gọi là đẳng cực động. Các tướng khác đều y theo đó. Nay gọi chung là sáu động, chỉ là một rung chuyển trong mười tám biến.

Kinh Thắng Tư Duy Phạm thiên nói có bảy nhân:

1. Làm cho các ma sợ hãi.

2. Giúp cho chúng lúc ấy không khởi tán tâm.

3. Người buông lung tự giác ngộ.

4. Khiến cho nhớ nghĩ pháp tướng.

5. Khiến quán sát nơi nói pháp.

6. Khiến người thành tựu giải thoát.

7. Khiến thuận theo để hỏi nghĩa chân chính. Nay cũng có thể như vậy nên thị hiện tướng động.

- Chánh kinh: “Bấy giờ trong hội...nhất tâm quán Phật”.

- Huyền tán: Chúng sanh thế gian ở hội này có bốn.

1. Bốn chúng.

2. Tám bộ.

3. Hai vương.

4. Chúng kết vui mừng.

Tiếng Phạm gọi Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca. Ô-ba dịch là Cận. Ca là sự. Sách là nam. Tư là nữ. Đây chỉ cho nam nữ tại gia thành tựu giới, có thể gần gũi hầu hạ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, nên gọi là cận sự nam, cận sự nữ. Xưa dịch là Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, dịch thanh tín nam, thanh tín nữ là sai.

Dạ xoa Hán dịch là Dũng kiện. Bay lên hư không, đi trên mặt đất giống như La-sát. La-sát gọi là Bạo ác, cũng dịch là Khả úy, đó đều là dịch âm sai. Chánh văn Tiếng Phạm là Dược-xoa, La-sát-bà.

Tiếng Phạm là Mạc-hô-lạc-già, dịch là Đại phúc (bụng lớn). Các loài trăn rắn đi bằng bụng, dịch Ma-hầu-la-già là sai. Phần khác như trước đã nói.

Vua Chuyển luân có bốn: Tụng nơi kinh Nhân vương nói: Bồ-tát phát đại tâm tu thập thiện, dài lâu ở biển khổ luân trong ba cõi, phẩm trung hạ thiện là Túc tán vương, Thập thiện thượng phẩm là Thiết luân vương. Tập chủng Đồng luân cai quản nhị thiên hạ, chủng tánh Ngân luân cai quản tam thiên hạ. Đạo chủng Kiên Đức chuyển luân vương cai quản. Thất bảo Kim quang tứ thiên hạ. Đây cùng ba loại tánh của kinh khác có khác nhau, cũng khác với Kim luân vị của kinh Thập địa. Tương ưng hợp để giải thích kinh Vương pháp niệm quyển hai nói: Kinh Du-già quyển bốn nói rộng các tướng nghiệp quả. Tùy theo chỗ ứng mà cảnh được các vật tứ luân thất bảo như kim, ngân, đồng, thiết mà lấy đó hóa độ. Thấy được sự ly kỳ của thần biến không hề có. Phát tâm thù thắng vì đạo sâu xa nên, chắp tay vui mừng, lắng tình lóng nghe nên nói là nhất tâm, quán Phật mong được nghe lời vàng.

- Chánh kinh chép: “Bấy giờ Phật phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày”.

- Huyền tán: Phần thứ năm, y chỉ nhân nói thành tựu. Luận giải thích có hai:

1. Hiện cho đại chúng thấy các việc dị tướng bất khả tư nghì. Như

lai nói cho chúng con nói, lòng khát ngưỡng muốn nghe mà sanh tâm ít có, gọi là y chỉ nhân thuyết thành tựu, cho nên Phật phát ra ánh sáng thị hiện các việc trong thế giới. Hễ Phật nói pháp là vì muốn cứu độ chúng sanh; sanh phát tâm mong cầu, khát ngưỡng đó gọi là nhân để thuyết. Đây Phật sắp nói pháp, tức làm nhân y chỉ do đó chúng sanh tâm mong cầu, khát ngưỡng Phật vì nói pháp. Phật phát ra ánh sáng xa chiếu hiện các dị tướng khó biết. Đại chúng xem thấy bèn khởi chánh niệm nghĩ Phật sẽ nói pháp, lòng mong cầu được nghe. Đã sanh tâm mong cầu ít có, kế đến thì Phật vì đó mà nói pháp. Cho nên khi phát ra ánh sáng có thể khiến cho chúng sanh sanh tâm khát ngưỡng, nên gọi đó là nhân nói pháp.

2. Trước thị hiện các việc bên ngoài như đất rung chuyển sáu cách. Sau đó thị hiện pháp nội chứng sâu kín của pháp môn này. Cho nên trước hiện ra các việc thần thông bên ngoài nói lên Phật nói pháp môn này là do có nội chứng pháp sâu kín. Lại do có nội chứng sâu kín nên ngoài hiện ra thần biến. Thần biến đã đến chỗ rực rỡ rõ ràng là biểu hiện Phật sẽ nói pháp sở chứng, nên gọi là nhân nói pháp. Tuy trước đã mưa hoa, rung chuyển mặt đất mà chưa đạt đến chỗ thù tuyệt, nay phóng ánh sáng lại càng thêm hiếm có, do nội chứng sâu kín, nên ngoài hiện cũng khó nghĩ bàn. Do là nhân nói pháp mà nêu riêng ra điềm lành này. Ở trong đây có ba điều:

1. Phát ra ánh sáng.
2. Chiếu soiCảnh .
3. Chổ thấy.

Đây nói về phần thứ nhất.

Mi là vẻ đẹp của đầu mặt, nói lên pháp Phật nói là Đại thừa cao siêu tốt đẹp, gian là nghĩa là ở chính giữa, biểu hiện cho pháp trung đạo. Bạch là màu căn bản của các màu sắc, nói rõ pháp này là nguồn gốc của ba thừa. Cho nên Phật dùng hoa sen trắng, trâu trắng để cưỡi.

Hào là chỉ cho sự lông dài, cũng có khi gọi là lông rất nhỏ. Trong kinh Quán Phật Tam muội Hải quyển một chép: Khi còn là Thái tử sợi lông này duỗi dài ra năm thước. Khi kinh hành dưới cây lông dài một trượng bốn thước năm tấc, khi thành Phật thì dài một trượng năm thước. Cóhiện ra mười cạnh, trong ngoài đều thấy trong suốt, thả dài ra thì xoắn tròn, thu vào như trăng mùa thu đầy đặn, màu sắc rõ ràng rực rỡ như ngọc tuyết kha, quanh tròn cở bằng ba tấc. Phát ra ánh sáng có bảy nghĩa:

1. Khiến cho chúng sanh tịnh tâm biết đây là bậc cao quý.

2. Phá hết si ám ngu muội và buông lung.

3. Có thể dẫn đạo xuất thế.

4. Nói lên bên trong phát ra trí sáng.

5. Cứu các khổ do phát ra ánh sáng chiếu sáng mà các khổ được dứt trừ.

6. Cảnh tỉnh chúng sanh. Do thấy ánh sáng mà người có duyên tìm đến.

7. Khiến nhàm chán cảnh sắc. Chúng sanh đắm chìm trong cảnh sanh tử lâu ngày, nay thấy Phật phát ra ánh sáng, bèn nhàm chán mọi sắc màu sanh tử, cho nên Phật phát ra ánh sáng. Khi Phật Niết-bàn phóng bốn ánh quang minh trước mặt. Chúng sanh cõi trời nâng thân Phật lên mà tung đầy ánh sắc vàng. Nay từ giữa hai đầy chân mày Phật phát ra ánh sáng trắng, mỗi thứ đều có biểu thị .

Nói về thần cảnh trí thông thì có mười tám biến:

1. Rung chuyển.

2. Chói sáng.

3. Đầy khắp.

4. Thị hiện.

5. Chuyển biến.

6. Qua lại.

7. Cuốn lại.

8. Duỗi ra.

9. Các loài voi nhập vào thân.

10. Đồng loại thì đi vào một đường.

11. Ẩn.

12. Hiện.

13. Việc làm tự tại.

14. Chế ngự thần thông người khác.

15. Thi thố biện tài.

16. Có khả năng lập bày sự nhớ nghĩ.

17. Lập bày sự an vui.

18. Phóng ánh sáng rộng lớn.

Tuôn rải bốn thứ hoa như Mưa đó là nghĩa thần biến tự tại, đất rung chuyển sáu cách là nghĩa thần biến rung chuyển. Ở đây phát ra ánh sáng minh là nghĩa thần biến đầy khắp, thấy sáu loài chúng sanh là nghĩa thần biến thị hiện. Phẩm Thần lực ở dưới sẽ nói đầy đủ.

- Chánh kinh: “Chiếu sáng ở phương Đông... đến cõi trời A-ca-ni-sất”.

- Huyền tán: Là nói về chiếu cảnh thứ hai. Một thế giới đó là một cõi tam thiên. Chiếu khắp một muôn tám ngàn thế giới Phật. Đây nói chỉ chiếu sang ở phương Đông là vì ở Tây Vức cho phương Đông là trên hết. Nói lên kinh Pháp hoa chỉ đến với căn cơ Đại thừa Phật tánh mà không các căn tánh khác. Cho nên không chiếu nơi khác. Ví như khi mặt trời xuất hiện, trước là chiếu từ trên cao. Mặt trời Phật cũng vậy, trước chiếu soi căn cơ thuần thục, nên nêu ra cõi Đông phương, là có biểu hiện vậy. Trong Chánh Pháp hoa cũng nói chiếu sáng ở Đông phương, mà không chiếu các cõi khác.

Một muôn là nêu số tròn đủ, tám ngàn là số không đủ, tiêu biểu sự đầy đủ của pháp Nhất thừa chân thật, nói rõ pháp Nhị thừa là quyền tích không đủ.

Lại muôn là nói lên muôn đức của đảo châu báu Niết-bàn. Tám chỉ cho bát chánh Bồ-đề biểu tượng là xe trâu. Do hai thể này đều là Nhất thừa, mà Kinh này sẽ giảng nói, kinh này có thể đến, người nghe đều viên thành. Cho nên chỉ chiếu như vậy mà không thêm không bớt. Ở dưới chiếu sáng cõi địa ngục, nói lên cho những nơi có khổ đau đều được cứu. Trên đến cõi trời là khuyên người vui sướng cũng phải cầu đạo Nhất thừa. Lòng từ bi của Phật rộng khắp những người có duyên đều được chiếu đến. Chúng sanh ở địa ngục tuy không đến hội không có tâm dung dự cũng được chiếu soi mà dứt trừ khổ hoạn.

Tiếng Phạm là A-tỳ, Hán dịch là Vô gián. Địa ngục Vô gián lànơi thấp nhất trong tám địa ngục. Chúng sanh thọ khổ không dứt nên gọi là Vô gián.

Tiếng Phạm là Nại-lạc-ca, Hán dịch là Khổ khí. Cũng gọi là bất khả lạc, cũng gọi là phi pháp hành xứ, tạo hành xử phi pháp, ở khắp mọi nơi; nay nói địa ngục là từ nơi chỗ lớn, gốc vậy.

Tiếng Phạm là A-ca-nê-sất-đề, Hán dịch là Chất ngại rốt ráo. A-ca nghĩa là chất ngại, Nê-sất-đề có nghĩa là rốt ráo, Hán dịch âm A-ca-ni là sai.

Trời Sắc rốt ráo là tột đỉnh của cõi chúng sanh hữu tình, nơi ánh sáng có thể đến mà không chiếu sáng ở cõi Vô sắc, vì đây không có xứ. Chữ Phỉ có nghĩa là không vậy. Phương bên thì chiếu một muôn tám ngàn cõi, phương trên dưới bao quát năm đường đều đủ khắp. Sự rung chuyển chỉ ở thế giới này, riêng cảnh tỉnh người có duyên. Phát ra ánh sáng tới một muôn tám ngàn cõi là hiển minh sự quyền thực. Cũng như ánh sáng chiếu soi cả năm đường đều thấm nhuần duyên, mà tập hợp nghe kinh, chỉ có bốn đường (bốn loài chúng sanh).

- Kinh: "Ở thế giới này... cho đến sáu loài chúng sanh".

- Huyền tán: Đây nói chỗ ánh sáng chiếu đến có bảy:

1. Sáu đường.
2. Phật.
3. Pháp.
4. Bốn chúng.
5. Bồ-tát.
6. Phật nhập Niết-bàn.
7. Xây tháp thờ.

Bảy nơi này lại chia làm ba:

1. Thấy sanh tư đắm chìm.
2. Thấy Tam bảo xuất hiện.
3. Thấy sau khi Phật diệt độ lại hành hóa .

Muốn cho chúng sanh ưa thích và nhàm chán để phát tâm. Chúng sanh đắm chìm sáu đường sanh tử được chia làm sáu môn.

1. Giải thích tên gọi.
2. Nêu thể.
3. Khai hợp.
4. Xứ sở.
5. Tuổi Thọ.
6. Tướng nhân quả.

Giải thích tên gọi: Sáu là tên số. Đường là nơi hướng về, nơi hướng về của năm ấm giả hợp đã khởi lên nghiệp phiền não. Lập dùng tên đường theo số để giải thích vậy.

Kinh Địa trì chép: Thọ dụng tự nhiên gọi là trời.

Luận Câu-xá nói: Thần dụng tự tại sáng sạch gọi là trời.

Kinh Niết-bàn chép: Vì nhiều suy nghĩ nên gọi là người.

Trong Tạp tâm nói: Ý vắng lặng nên gọi là người. Lại nói: Vì theo người khác xin, lại thường đói lo sợ thường suy nghĩ nên gọi là ngạ quỷ.

Luận Câu-xá nói: Vì đi ngang nên gọi là bàng sanh. Hoặc gọi súc sanh. Súc có nghĩa là nuôi dưỡng, là công cụ giúp đỡ con người, là loài được người nuôi dưỡng.

Tiếng Phạm là Nại-lạc-ca, Hán dịch là Khổ khí, như trước đã giải thích.

Na-lạc-ca dịch là Ác. Người gây tội ác sanh làm khổ khí nên gọi là khổ khí. Không có tên địa ngục và xứ sở bất định chẳng phải chỉ có ở đất.

Kinh Địa trì chép: Khổ ở địa ngục tăng dần lên thật đáng chán.

Tạp tâm cũng nói: Vì không thể vui sướng nên gọi là địa ngục.

Tiếng Phạm là A-tố-lạc, Hán dịch là phi thiên trước đã giải thích.

- Nêu thể: Sáu đường đều lấy Dị thục thức thứ tám mà làm tự thể, thuộc tánh vô phú vô ký. Cho nên trong Duy thức nói: Thức thứ tám này là Giới. Thú là nơi căn bản để lập ra sự sanh. Lại nói thức này có đủ: Thể của Giới, đường, sanh, không cần chấp riêng thật có mạng căn. Lại hữu tình lưu chuyển trong năm đường, bốn sanh, vậy thể của đường sanh này tức là Dị thục thức.

Khai hợp là Sáu đường tổng lại làm một, nghĩa là một kỳ hạn sanh tử. Kế đến khai làm hai là Thiện đường, ác đường, phân đoạn sanh tử, biến dị sanh tử. Hoặc khai ra làm ba là ba cõi. Hoặc khai làm bốn là tứ sanh, bốn hữu. Bốn hữu là: một là sanh hữu, hai là bổn hữu, ba là tử hữu, bốn là trung hữu. Và bốn loại sanh tử nghĩa là phương tiện sanh tử, nhân duyên sanh tử, hữu hữu sanh tử, và vô hữu sanh tử.

Hoặc chai làm năm là năm đường trừ A-tố-lạc. Hoặc khai làm sáu. Như văn kinh này nói sáu đường. Tạp tâm nói phi thiên thuộc quỷ đường. Luận Du-già nói Phật địa thuộc thiên đường. Kinh chánh pháp niệm thì nói A-tố-lạc thuộc đường quỷ và súc sanh .

Kinh Già-đà nói thuộc, đường quỷ, súc sanh và trời. Nay nương vào Đại thừa chỉ thuộc về đường trời. Theo Du-già lấy Phật địa làm chánh, thì việc làm của phi thiên phần nhiều dối trá không thật, không đồng như các chư Thiên hành sự ngay thẳng nên gọi là phi thiên. Như người bất nhân gọi là phi nhân, không nói là phi quỷ phi súc sanh. Nay kinh này tách ra nên làm Sáu đường. Hoặc khai là bảy, nghĩa là thất hữu, năm đường và nghiệp hữu, trung hữu. Hoặc khai ra làm chín là cửu hữu hoặc cửu hữu tình cư. Hoặc khai làm hai mươi lăm hữu, như phần dưới sẽ nói. Các phần khác như trong bài tụng "Nhà lửa" quyển thứ hai kinh này có giải thích. Trong kinh Du-già, Chánh pháp niệm cũng nêu ra đầy đủ. Đây nói chúng sanh trong sáu đường một muôn tám ngàn cõi ở đây đều có thể thấy.

- Chánh kinh: "Lại thấy cõi kia cho đến tu hành đắc đạo".

- Huyền tán: Ở đây nói Tam bảo xuất hiện có ba: Phật, Pháp và Tăng.

Tăng có hai: Một là Thanh văn. Hai là Bồ-tát.

Thanh văn có bốn chúng. Luận nói người tu hành chưa đắc Thánh quả. Người đắc đạo đã đắc Thánh quả. Trong bốn chúng có hai loại này. Do mắt thấy thân Phật, tai nghe pháp, đồng thời thấy rõ chúng kia theo

Phật tu hành.

- Chánh kinh: "Lại thấy các Bồ-tát cho đến tu hành Bồ-tát đạo".

- Huyền tán: Đây là nói về Bồ-tát vậy. Nhân duyên có nghĩa là nguyên nhân. Nghĩa là Bồ tát vì cầu ra khỏi sanh tử, mau chứng quả Phật mà thành tựu chúng sanh. Vì nhân duyên này mà tu Bồ-tát đạo. Hoặc vì muốn nghiêm tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sanh, tu Bồ-đề phần, hành Bồ-tát đạo. Hoặc vì Tu bốn nhiếp, Lục độ hành Bồ-tát đạo, các thứ nhân duyên, như thế.

Tín giải: Tin và hiểu. Trụ vị Địa tiền chưa đắc Thánh quả.

Tướng mạo là tướng oai nghi của ba nghiệp. Hành Bồ-tát phải có oai nghi tướng mạo. Trụ vào Thập địa rồi thì đắc đạo quả. Do các nhân duyên hành đạo Bồ-tát nên nhập vào hai ngôi vị.

Lại nhân duyên đó là bên ngoài gặp được duyên lành bạn tốt.

Thiện tri thức là nhân duyên lớn. Tín giải, tướng mạo là nội tu hành. Trong nội tu hành thì hành trì nội tâm gọi là tín giải. Hành về thân ngữ gọi là tướng mạo, tâm quán diệu lý gọi là tín giải. Xả đầu mắt tay chân... gọi là tướng mạo.

Hành Bồ-tát đạo: Luận nói là nương vào bốn nhiếp pháp làm phương tiện nhiếp hóa chúng sanh. Tín giải tướng mạo đều là hành Bồ-tát đạo.

Bốn nhiếp pháp:

1. Bố thí (sau sẽ giải thích)

2. Ái ngữ: Thường nói lời vui vẻ, chân thật, đúng pháp, không cau có, luôn mỉm cười trước khi nói, hoặc nói lời an ủi người khi gặp việc buồn phiền ôn hòa nhã nhặn mà không tự cao. Nói chuyện Phật pháp lợi ích. Đối với kẻ thù thì khởi ý thanh tịnh. Với người quá si mê thì dứt trừ nghi ngờ, đối với ruộng phước chân thật thì không có ác hạnh lừa dối không có hiềm giận mà tu hạnh ái ngữ khó hành, muốn trừ chướng cái cho họ mà vì nói... người có tâm điều hòa thiện pháp thì nói pháp Chân-đế, người nhiều buông lung thì dạy cho xa lìa. Người nghi hoặc thì đàm nói quyết trạch rõ ràng. Nương vào tứ tịnh ngữ mà khởi ra tám Thánh ngữ.

3. Lợi hành: Do ái ngữ mà trước nêu ra chánh lý, tùy theo sở học mà khởi lòng thương xót vô nhiễm khuyến dẫn, điều phục, an xứ, kiến lập, có thể khiến được tài lợi ích trong hiện tại. Sau đó làm lợi cho người xuất gia, đều được lợi ích xa lìa ái dục, được khinh an giải thoát. Đối với người thân gần bạn ác chưa trồng gốc lành, chấp vào của cải ngôi vị, rất đỗi buông lung rất sâu, hoặc ngoại đạo tà kiến phỉ báng chánh đạo,

thường sanh ra các nghiệp thập ác bát triền, đối với tất cả người này đều khai giải khởi tâm đại bi. Tuy thọ đại khổ mà tâm không lao nhọc, càng sanh vui mừng. Tuy ở nơi ngôi vị tài của tối nhất mà luôn hạ mình như kẻ nô bộc. Như Chiên-đà-la, như hiếu tử v.v... không nhiễm không dối trá, mà khởi tâm chân thật thương xót, vĩnh viễn không lui sụt.

4. Đồng sự: Vì đây là nghĩa lợi. Hoặc khuyên người khác học cũng tự mình tu học. Dạy cho người biết rồi thì cùng tu đồng sự, giữ gốc lành bền chắc không sanh lui sụt. Dạy người làm như vậy nghĩ như vậy thì ta nhất định có lợi lạc. Vì người theo đó mà hành trì. Nếu không như vậy sẽ bị người nói: Ông đã không tốt, sao lại dạy tôi. Như vậy cần phải hành trì trước. Bồ-tát hành lợi tha tuy có vô lượng, nhưng nêu ra tứnhiếp này để nhiếp tất cả hạnh, nên không nêu pháp khác. Chương nghĩa như trong Vô cấu xưng số quyển hai có nói.

- Kinh: “Lại thấy Chư Phật... khởi tháp bảy báu.”

- Huyền tán: Đây thấy sự hành hóa sau khi Phật diệt độ. Có hai:

1. Nhập diệt.

2. Khởi tháp.

Tiếng Phạm là Ba-lợi-nê-phược-nam, Hán dịch là Viên tịch. Tức là nghĩa viên tịch, thể là viên mãn, Hán dịch âm Niết-bàn là sai. Niết-bàn lấy lục môn để phân biệt:

1. Thể.

2. Danh.

3. Đắc thời.

4. Đắc nhân.

5. Năng chướng.

6. Nhập ý.

Thể của Niết-bàn có bốn:

1. Tự tánh thanh tịnh Niết-bàn.

2. Hữu dư y Niết-bàn.

3. Vô dư y Niết-bàn.

4. Vô trụ xứ Niết-bàn.

Bốn thể này tức là Đại bát Niết-bàn. Có ba:

1. Tổng thể của cả bốn thứ Niết-bàn này đều là một chân như. Chân như có đủ cả ba mới thành Niết-bàn. Có thể sanh ra viên giác thì gọi là Ma-ha Bát-nhã, là thể giác tánh. Ở thân Nhị thừa, không sanh viên giác, chẳng phải là giác tánh thì không gọi là Bát-nhã,

Đại Luận Trí độ chép: Thuyết trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã.

Hoa nghiêm nói: Tâm tự tánh thanh tịnh cũng gọi là Vô sư trí.

2. Xuất ra sở tri chướng gọi là pháp thân.

Kinh Thắng-man nói: Tại triền gọi là Như lai Tạng. Xuất triền (ra khỏi ràng buộc) gọi là pháp thân. Các hành Nhị thừa không gọi là pháp thân nên chẳng phải là nơi y chỉ của pháp công đức.

3. Xa lìa hết các sự khổ của nhị tử nên gọi là giải thoát. Trong người Nhị thừa tuy đã dứt sanh tử phần đoạn , nhị phược mà không được giải thoát viên mãn. Nhưng người Nhị thừa cũng đắc chút ít giải thoát này, ba thừa cùng ngồi tòa giải thoát. Do đây Nhị thừa cũng gọi là đắc giải thoát Niết-bàn, nhưng chẳng phải là Đại Niết-bàn, và nghĩa giải thoát không đầy đủ. Lại theo kinh Niết-bàn quyển hai nói phải có ba việc đầy đủ thì mới gọi là nhập vào Đại Niết-bàn; Bát nhã có thể chứng trí hai không. Pháp thân tức là hai lý sở chứng . Giải thoát tức là từ trí chứng lý. Khi hết chướng thì sở đắc được nhờ trạch diệt. Thể như ba điểm của chữ y, Niết-bàn cũng vậy, do trí chứng pháp thân mà đắc trạch diệt. Pháp thân là gốc nương vào đó có hai, như chữ y hai điểm ở trên và một điểm ở dưới. Riêng không thành ba việc rõ ràng là có biệt thể, lúc khác thời lý cũng không thành. Ba việc Niết-bàn là không phải một không khác, đều phải đồng thời đắc mới gọi là nhập Niết-bàn hàng dọc không thành thì Bát nhã là phẩm cuối, giải thoát phẩm giữa và Pháp thân ở phẩm trước. Ba pháp cùng thời thì đắc ba phẩm. Đây cũng không thành. Đứng từ trên xuống gọi là tung (dọc). Trước, sau ở bên thì gọi là hoành (ngang). Nếu ba thể riêng trước sau cùng chứng lý thì cũng không thành. Do khởi đại trí mà chứng lý pháp thân, lìa trói buộc mà được giải thoát. Ba việc không phải một không khácgọi là nhập Đại Niết-bàn, chẳng phải như người Nhị thừa chấp ba thể riêng mà có ba phẩm đó. Đắc riêng trước sau, hoặc cùng thời đắc mà thành nhập Niết-bàn. Các thể biệt xuất khác và giải thích danh nghĩa như trong Duy thức sao quyển mười có nói. Nay nói Đức Phật kia thị hiện nhập vào vô dư, chẳng phải nhập vào Đại Niết-bàn. Trước tiên thành Phật rồi sau mới đắc. Người đáng độ nay đã độ rồi nên nhập vào Niết-bàn. Người hưa được độ cũng tạo nhân duyên được độ. Cho nên xây bảo tháp để cúng dường xá-lợi. Tiếng Phạm là Thiết-lợi-la thể, dịch âm xá-lợi là sai. Tốt-đổ-ba dịch là Cao hiển, dịch tháp là sai.

Lại luận về bản khoa chiếu cảnh như văn dưới nói: Nương vào khí thế gian, ở bên chiếu sáng một muôn tám ngàn, dọc chiếu hai cõi dưới. Nói thế gian là thấy sáu loại chúng sanh. Số chủng chủng là dưới nói ..., hiện đủ loại có thể thấy được, tức ngoài chỗ thấy năm thứ. Xét các loại thấy trong đây, Luận chia ra làm bốn nghĩa:

1) Là ăn: Nghĩa là thấy Phật giúp cho thêm lớn nghĩa, nhậm trì là ăn. Nhưng dù trợ giúp tăng trưởng thiện pháp thù thắng của chúng sanh. Nhậm, trì gốc lành mà không hoại nên Phật gọi là ăn. Lại nói thị hiện y chỉ vào đó mà trụ là ăn. nếu vậy Bồ tát Bát địa trở lên đối với cũng nói thị hiện trụ thực, cũng giống như nghĩa trên. Lại nghĩa thọ dụng có nghĩa là thực. Thọ dụng pháp lạc gọi là thực.

2) Là nghe pháp: Như tên gọi là có thể biết.

3) Là tu hành: Nghĩa là bốn chúng tu hành đắc đạo và Bồ-tát thực hành đạo Bồ-tát.

4) Lạc: Nghĩa là thấy Phật nhập diệt. Sanh diệt diệt rồi, kia lấy vắng lặng làm an vui. Lại vui có năm:

1. Vui Tự tánh.
2. Vui Nhân.
3. Vui Khổ đối trị.
4. Vui Thọ đoạn.
5. Vui Vô não hại.

Ở đây lại có bốn:

1. Ra khỏi.
2. Xa lìa.
3. Vắng lặng.
4. Giác pháp.

Đây là bốn pháp vắng lặng lạc sau khi nhập Niết-bàn.

Thị hiện đủ các loại thấy là: Ở đây hiển bày các tháp báu vô số Hằng hà sa để thấy. Lại thấy các việc này nên gọi là số lượng các việc thấy. Các việc này trong tụng dưới có nói. Nhập Niết-bàn rồi xây tháp bảy báu. Tháp báu cao đẹp năm ngàn do-tuần. Lại để thuật lại bảy chỗ thấy rằng: Chúng sanh ở trong sáu đường có đầy đủ phiền não khác nhau. Từ Phật trở xuống có đủ sáu sự đầy đủ, là đầy đủ có Phật, pháp, đệ tử khác nhau và thị hiện Tam bảo khác nhau; đệ tử lại có các thừa khác nhau; Thanh văn, Bồ-tát Nhị thừa khác nhau. Tức trong cõi thanh tịnh có thế giới có Phật, thấy Tam bảo gọi là có Phật. Có thế giới mà không thấy có Phật nhập Niết-bàn, rồi xây tháp thờ thì gọi là không có Phật.

Viết xong vào ngày 19 tháng 10 niên hiệu Bảo an thứ ba, tại chùa Hưng Phước.

Bản của Viên như phòng, tại Chùa Pháp long, vị tăng Pháp Ấn vì muốn chánh pháp cửu trụ nêu biên soạn.

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 2

PHẦN CUỐI

- Chánh kinh: "Bấy giờ ngài Di-lặc... mà có điềm lành này."

- Huyền tán: Đoạn văn thứ sáu nói đại chúng hiện tiền muốn nghe pháp thành tựu, đoạn văn này có ba:

1. Di-lặc thị hiện sự hoài nghi.
2. Mọi người thật sanh tâm nghi ngờ.
3. Nêu hai ý của ngài Từ Thị, phát hỏi: Nhân trước đạo hạnh của ngài Từ Thị đầy đủ nên làm chủ. Do đó thành tựu ở hiện đời, gặp được nhân duyên tốt đẹp. Chẳng là thấy ánh sáng mà không biết, quán Đẳng trì mà không rõ hay sao? Nhưng Bồ-tát lại thị hiện tướng không biết để thưa hỏi mà cảnh tỉnh chúng sanh. Cho nên nói: Di-lặc thị hiện tướng hoài nghi. Vì căn địa của mọi người cạn thấp, không lường biết được các điềm lành của bậc Đại thánh, nhìn thấy tướng ngoài vì sanh nghi nên nói mọi người thật sanh tâm nghi hoặc. Ngài Di-lặc hiệp hai ý tự, tha mà hỏi ngài Văn-thù. Nêu dẫn nguyên nhân trước nên làm đoạn thứ ba, trong phần đầu có bốn:

1. Nói điềm lành nêu dẫn nhân gì?
2. Nêu sự kỳ lạ hỏi đáp.
3. Nêu công thượng đức.
4. Hạ mình mới trình bày.

Đây là đoạn văn đầu.

Diệu dụng vô phương gọi là thần. Thần thông chuyển khác gọi là biến. Bên ngoài ứng với các sự vật, đặt tên là điềm lành. Điềm lành tức là niềm tin, là phù hợp với ứng. Đây hỏi phát ra ánh sáng có phù hợp với ứng gì, do đó mà nói nhân này để hỏi.

- Kinh: "Nay Đức Thế tôn cho đến ai có thể đáp".

- Huyền tán: Đây nêu sự kỳ lạ này hỏi ai, ai đáp.

Nói thuận theo vào uy nghi trụ để làm nguyên nhân hỏi. Nhập Tam muội, lý sâu của Tam muội, gọi là Bất khả tư nghì, làm mưa hoa rung chuyển mặt đất nên nói hiện ra việc ít có.

Hiện ra các việc mưa hoa, động địa, phát ra ánh sáng, chiếu soi từ xa, ngoài ứng với căn cơ sự vật đều gọi là thần biến, tức thuộc về thuật lại điềm lành nêu dẫn nguyên nhân. Chỉ nhập vào Tam muội nên gọi là việc ít có.

Ai có thể đáp: Là hỏi thăm xem ai là người đáp.

- Kinh: "Lại nghĩ cho đến ta nay nên hỏi."

- Huyền tán: Nêu các vị có công đức trên hết như Văn-thù-sư-lợi...

Nay ta nên hỏi đó là tự khiêm nhưng rồi mới trình bày. Đạo quả của ngài Văn-thù-sư-lợi thành tựu đã lâu rồi. Ở đây thị hiện ra nhân cuối nối tiếp ngôi vị Pháp vương của Phật, chỉ cò Ngài được gọi là Pháp vương tử. Vì Ngài đã từng gần gũi gặp được nhiều duyên tốt, cúng dường Chư Phật, trồng sâu gốc đức. Tiến tài tiến hạnh gọi là cúng dường. Văn-thù-sư-lợi trụ vào y thứ tư, cúng dường tám Hằng sa Phật. Cùng ba y trước hợp thành hai mươi sáu Hằng hà sa Phật, chắc chắn thấy tướng ít có này. Ngài Di-lặc tự khiêm tốn nói nay ta nên hỏi. Luận chép:

Hỏi ở một người mà nhiều người muốn nghe, sanh tâm ít có. Cho nên chỉ hỏi Văn-thù-sư-lợi. Tâm chúng sanh phần nhiều chưa hiểu nên xuất phát nhiều người nghi, người hiểu chẳng nhiều nên đáp chỉ có một người.

Luận chép: Thị hiện Phật và đệ tử cùng nhau thuận theo, pháp chứng thuyết... đều không trái nhau vì hiện ra nhân tướng lớn. Tướng lớn là nói diệu pháp. Nhân nghĩa là thần biến. Nay hiện ra điềm lành làm nhân của thuyết. Lại tướng lớn đó tức là hiện ra điềm lành. Điềm lành tức là nhân pháp sở thuyết làm nhân. Lại nhân là nguyên nhân.

Hỏi: Hiện ra các nguyên nhân tướng lớn thần biến, vì sao chỉ hỏi ngài Văn-thù mà không hỏi người khác?

Đáp: Có hai pháp nên nêu ngài Văn-thù:

1. Hiện thấy các pháp, Văn-thù chứng biết được các pháp.

2. Lìa các nhân duyên mà tự tâm thành tựu pháp kia. Nghĩa là Văn-thù-sư-lợi lìa hết các mô phỏng và xa hết sự so sánh và các nhân duyên nghe từ người, cho nên nêu ngài. Chỉ cho biết hiện các điềm lành là chỉ cho chúng biết hiện ra các việc kia kia. Vì việc không phải một

nên nói kia. Như việc ấy hiện ra chìm đắm trụ diệt, thấy chúng sanh trong sáu đường hiện tại chìm đắm trong sanh tử kia gọi là hiện tại chìm đắm, thấy Phật pháp, bốn chúng, cùng chư Bồ-tát. Hiện tại trụ ở kia nên gọi là hiện trụ. Thấy Phật nhập Niết-bàn, và xây tháp thờ. Hiện tại nhập Niết-bàn, nên gọi là hiện diệt, thấy bảy việc mà đều thu nhiếp hết. Trụ chính là hiện tại, diệt không chìm đắm. Nhập Niết-bàn và việc xây tháp thờ gọi là diệt sự chìm đắm. Năm việc còn lại gọi là hiện trụ.

Luận cho rằng ngài Văn-thù có thể ghi nhận việc kia, nên mới hỏi Ngài. Văn-thù-sư-lợi đã tạo tác thành tựu, mà các nhân quả thành tựu, đó được tạo tác các pháp sở tu, có hai thứ:

1. Phước đức.

2. Trí tuệ: Tức nội đức đều đầy đủ, nhân thành tựu là Nhất thiết trí thành tựu, duyên các việc phát ra ánh sáng, mưa hoa, động đất, tức ngoại đức đầy đủ, giải thích lại nhân là tướng. Nghĩa là hiện ra các điềm lành này là nhân. Quả đó gọi là Đại pháp. Ngoài nhân Văn-thù đã đầy đủ, nội đức lại viên tròn. Cho nên biết Phật cũng nói quả pháp diệu , do đó suy ra mà hỏi.

- Kinh: "Bấy giờ Tỳ-kheo... đến.... Nay nên hỏi ai."

- Huyền tán: Mọi người thật sự sanh tâm nghi ngờ, là vì Phật phóng ánh sáng, nói lại nhân duyên phát ra ánh sáng. Tướng thần thông, trong oai nghi lại có mưa hoa động đất. Tướng ngoài mọi người đều thấy, cho nên nói lại việc đó sanh ra nghi. Phật nhập định mọi người chẳng biết cho nên không hỏi. Vì những căn cơ, người, địa vị ở bậc hạ không thể lường thể biết được sự nhập định của Phật. Đã không biết Phật nhập định nào, cũng như dựa vào đâu để sanh nghi, cho nên không hỏi việc này.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Di-lặc... Văn-thù-sư-lợi nói."

- Tán là: Đoạn thứ ba dưới cùng nêu hai ý, là nguyên nhân trước hỏi. Đây có hai phần:

1. Văn xuôi.

2. Trùng tụng.

Văn xuôi có hai: Phần đầu này cùng trình bày hai ý.

- Chánh kinh: "Vì nhân duyên gì... cõi nước trang nghiêm."

- Huyền tán: Phần sau nêu nguyên nhân, trước khi hỏi, mà có phần nói chung về điềm lành này. Tướng thần thông là nói trong oai nghi của Phật có mưa hoa, động địa phát ra ánh sáng v.v... là nói nguyên nhân. Ngài Di-lặc vì mình và người nên hỏi. Thấy ngoại tướng mà cùng đồng như thế. Chỉ nói lại điềm lành để sanh chứng mà không hỏi nhập

định. Ngoại nhân không nghi ngờ việc nhập định, nên Tụng dưới cũng không nói nhập định.

Đều thấy cõi Phật kia trang nghiêm: Trong luận thì giải thích tổng quát ý kinh nói: Cõi nước của các Phật đó, là chỉ cho biết hiện có các pháp khác nhau trong cõi kia. Thị hiện để hóa độ bốn chúng, chúng sanh sáu đường. Hiện ra cõi uế và cõi nước tịnh diệu, không có trụ xứ chúng sanh phiền não. Vì hóa độ các Bồ-tát Thập địa mà hiện ra cõi Tịnh độ. Ở cõi Tịnh kia là bậc thượng thủ, tức là các Bồ-tát dựa vào Phật mà trụ. Phật tự tại ở trong hai cõi Tịnh và uế. Nói lại văn trước, nên trong phần chỗ thấy trước nói Phật là bậc thượng thủ. Phàm có trùng tụng thuật lại vì có mười lý do:

1. Hai căn lợi độn.
2. Hai chúng trước sau.
3. Hai thứ vui thẳng, và không thẳng.
4. Hai giải thích khó dễ.
5. Hai tùy chân tục.
6. Hai phần giữ, bỏ. (Văn xuôi giữ thiện, tụng văn xả ác).
7. Hai quy tắc nêu ra và giải thích. (Văn xuôi nêu ra, văn tụng giải thích.)
8. Trí, biện sai khác. (Văn xuôi nói trí vô tận, văn tụng biện minh vô tận).
9. Giải trì sai khác (Văn xuôi là pháp giải, văn tụng là pháp trì).
10. Thuyết hành lưỡng biệt (Văn xuôi vui cho người nói, văn Tụng vui cho người hành trì).

Tụng mười điều này như sau:

Lợi độn và trước sau
Thẳng cong khó chân tục
Lấy bỏ và nêu thích
Trí biện giải thuyết hành.

Văn xuôi và Trùng tụng có sáu nghĩa không đồng:

Rộng lược hoặc có không
Hợp ly và trước sau
Văn chất và ẩn hiện
Cong thẳng khác nhau.

Cho đến văn dưới mỗi việc sẽ nói rõ.

- Chánh kinh: “Bấy giờ, ngài Di-lặc cho đến ánh sáng rực rỡ cùng chiếu”.

- Huyền tán: Tiếng Phạm là Già-đà, Hán dịch là Tụng. Tụng là

Mỹ là Ca, ở trong văn tụng câu văn dùng mỹ từ, trau chuốt nên nói Ca Tụng. Lược dịch kệ là không đúng. Kệ này là tụng cầu lửa, nếu hướng đến giải thích thể nghĩa, thì kém hơn danh cú, hoặc làm nương tựa thì không bằng văn cú âm thanh, nên trong trăm pháp không lập riêng. Nhưng ở trên âm thanh lấy nghĩa xoay vần làm thể, tức danh cú văn lại không có tánh riêng không giống bài tụng Tiểu thừa thì nương vào văn và văn sĩ. Đây chính là tụng trong ba mươi hai chữ Thất-lư-ca. Gồm có sáu mươi hai bài tụng chia làm hai:

Năm mươi bốn bài tụng các điềm lành, ở trước; tám bài tụng sau, phần chánh hỏi.

Trong phần đầu lại có ba: Một hàng đầu nói nhân phát ra ánh sáng chiếu soi trước khi tụng.

2. Ba bài tụng kế tụng trong uy nghi như mưa hoa, mặt đất rung chuyển.

3. Năm mươi bài tụng sau nói các cảnh chiếu sáng hiện ra ở trong nhân.

Đây nói về phần đầu. Tụng trước phát ra ánh sáng, tụng sau mưa hoa. Trong sáu sự bất đồng thì có trước sau bất đồng, do thuận tiện ở văn.

- Chánh kinh: Mưa hoa Mạn-đà-la cho đến cõi đất đều trang nghiêm thanh tịnh."

- Huyền tán: Ba hàng tụng dưới, tụng ba việc trong oai nghi. Một hàng tụng rưỡi nói về rải hoa như mưa. Nửa hàng kế là tụng về động địa. Một hàng tụng bốn chúng vui mừng. Đây tụng rải hoa như mưa, không tụng nhập định vì tự biết không hỏi, chúng cũng không nghi.

Phần Văn xuôi nói về bốn loại hoa, tụng này có hai vì hợp lý không đồng, hoa này là hương chiên-đàn, khi gió thổi thì tựa như hương xích bạch đàn bay rất xa người nghe vui sanh lòng vui mừng, "mặt đất thảy đều trang nghiêm thanh tịnh," cũng như phần Văn xuôi nói không khác nhau.

- Kinh: "Mà thế giới này cho đến được điều không hề có."

- Huyền tán: Hai câu tụng đầu tụng về động đất. Một hàng tụng sau tụng bốn chúng vui mừng.

- Kinh: "Từ giữa hai đầu chân mày phóng ra ánh ánh sáng cho trên đến trời Hữu đảnh.

- Huyền tán: Năm mươi bài tụng dưới là nói về chiếu cảnh, giới hạn chỗ thấy, ở đây chia làm hai:

1. Một hàng rưỡi tụng về chiếu cảnh.

2. Bốn mươi tám hàng rưỡi sau là tụng về chỗ thấy. Đây là tụng khí thế giới, tức là chiếu cảnh . “Đều như màu vàng ròng,” hiển bày nghĩa đáng tôn trọng. Ánh sáng chỉ sắc trắng tiêu biểu Nhất thừa là căn bản. Chỗ chiếu sắc vàng tiêu biểu Nhất thừa đáng tôn trọng. Hoặc thị hiện tướng cõi tịnh của các cõi Phật, khiến làm nhân ngoại quả của Nhất thừa, cho nên nói như sắc vàng. Trong phần tụng dưới, nên biết trong tụng ngài Văn-thù ở dưới cũng hiện ra cõi Tịnh, hoặc sợi lông giữa hai đầu chân mày tuy trắng mà ánh sáng thì màu vàng.

- Kinh: “Trong các thế giới... ở đây đều thấy.”

- Huyền tán: Bốn mươi tám hàng rưỡi tụng thấy sáu việc. Không tụng việc nhập diệt. Đây văn chia ra làm sáu:

1. Một hàng rưỡi tụng chúng sanh sáu đường.

2. Nửa hàng kế là tụng về thấy Phật.

3. Sáu hàng rưỡi tiếp tụng về việc nghe pháp.

4. Một hàng rưỡi tụng về bốn chúng.

5. Ba mươi mốt hàng kế tụng về hành đạo Bồ-tát. Bảy hàng tụng sau tụng sau khi Phật diệt độ thì khởi xây tháp.

Phần một: Nói chúng sanh ở trong thế gian đầy đủ các phiền não sai khác sanh tử là tổng nêu chung hoặc, nghiệp, khổ. Nơi hướng đến là khác nhau tức là quả sáu đường, hoặc quả của nơi hướng đến thể là sanh tử. Vì nghiệp, phiền não, giả hợp là hữu tình tức chủ thể (năng) hướng đến. Cho nên kinh tự giải thích: “Nghiệp duyên lành và dữ, chịu báo có tốt xấu. Chịu báu tốt xấu là quả nơi hướng đến. Nghiệp duyên thiện ác làm nhân năng hướng đến. Do thiện nghiệp làm nhân dị thục, các nghiệp tham, sân, si làm nhuận duyên mà thọ báo tốt ở trời người. Trời người là quả báo tốt, nơi chúng sanh làm thiện hướng về. Do ác nghiệp làm dị thục nhân, các nghiệp tham làm nhuận duyên nên thọ tổng báo trong ba đường ác. Ba đường ác là báo chung xấu nơi chúng sanh làm ác hướng về, gọi là nơi hướng đến, ở đây đều thấy. Trung hữu, nghiệp phiền não gọi là chủ thể hướng đến. Ngoại khí thế gian là công cụ giúp để hướng đến, trong dị thục quả gọi là nơi hướng đến. Như có bài tụng rằng:

Thú về rừng rậm
Chim về hư không
Thánh về Niết-bàn
Pháp về phân biệt.

Tức lấy nơi trở về làm nơi hướng đến.

Giả hợp thành hữu tình vì đường thiện ác là nơi sanh tử hướng đến.

Trong luận nói đầy đủ sự thanh tịnh khác nhau, tức là số đủ loại.

Phần hai: Kinh: "Lại thấy Chư Phật, Thánh chủ, sư tử."

- Huyền tán: Nửa hàng tụng này nói thấy Phật. Sư tử chỉ cho Thánh chúa. Thánh chúa chính là Chư Phật, là câu dưới để giải thích câu trên. Tự tại vô úy nên gọi là sư tử. Thấu suốt chân tục gọi là Thánh chúa. Chúa của Thánh chúng tức là Chư Phật.

Phần ba: Chánh kinh: "Giảng nói kinh điển... đến Phật đạo thanh tịnh."

- Huyền tán: Sáu hàng tụng rưỡi này tụng về nghe pháp. Đoạn này chia làm hai:

1. Ba hàng rưỡi tụng về nghe bốn biện.
2. Ba hàng tụng sau nghe pháp ba thừa.

- Ba hàng rưỡi đầu gồm: Nửa hàng đầu nghe nghĩa vô ngại. Một hàng kế nghe pháp vô ngại. Một hàng tụng nghe từ vô ngại. Một hàng tụng nghe biện tài vô ngại. Nghĩa sâu nên gọi là mầu nhiệm. Thượng thừa gọi là đệ nhất nghĩa vô ngại giải. Dạy lìa cấu nhiễm gọi là thanh tịnh. Khéo thuận tâm người gọi là nhu nhuyễn, là pháp vô ngại giải . Khế lý gọi là sâu mầu ứng cơ gọi là thích nghe. Diệu thuận theo các phương gọi là "đều ở thế giới mình", là từ vô ngại giải vậy. Dùng các loại nhân duyên "là đạo lý của pháp. Dùng vô lượng dụ để thí dụ. Về pháp dụ đều khai lược có hai nghĩa:

1. Để soi rõ Phật pháp.
2. Khai ngộ chúng sanh là biện tài vô ngại giải.

- Ba hàng sau, Chánh Kinh: "Như người gặp khổ cho đến... nói cho nghe tịnh đạo".

- Huyền tán: Đây là tụng nghe ba thừa: Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, như thứ lớp nêu ra ba hàng tụng:

Phần bốn: Chánh Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến nay sẽ nói lược ra."

- Huyền tán: Một hàng tụng nói về thấy bốn chúng, nhân kết phần trước nói thấy bốn chúng kia tu hành đắc đạo các tướng trạng rất nhiều. "Thấy nghe dường thế đó" là kết phần trước thấy. "Và nghìn ức việc khác" là thấy bốn chúng. Nay kinh này chánh tông nói về nhất thừa. Không thể nêu ra đầy đủ sự hành trì của bốn chúng khác, là nói chúng số nhiều. "Nay tôi nói lược ra" trên nói Thanh văn, phần dưới nói Bồ-tát. Tức sự khác nhau giữa của các thừa.

Phần năm: Chánh kinh: "Tôi thấy cõi kia... cho đến cầu Phật đạo."

- Huyền tán: Ba mươi mốt hàng rưỡi tụng hành Bồ-tát đạo, chia làm ba đoạn. Một hàng tụng đầu tụng về các pháp nhân duyên. Kế mười bảy hàng tụng về tướng mạo. Mười ba hàng rưỡi sau tụng về tín giải. Trong phần Văn xuôi trước đem nội hành ngoại duyên mà nói thứ bậc từ phàm đến Thánh. Nay trước tiên tụng ngoại duyên, sau nói về tự hành. Tự hành thì lấy sự hơn kém làm trước sau. Tướng mạo đó là tạp tu hữu lậu, Thập địa vô lậu, Thứ lớp tu sáu Ba-la-mật. Tín hiểu chỉ tu hữu lậu. Nếu loạn tu thì không phải thứ lớp. Hơn kém đã khác nên phân biệt có trước sau. Nhưng tu lục độ lược có ba vị. Kiến đạo từ sơ kiếp về trước, ở trong nhất hành chỉ tu một hạnh, loạn tu hữu lậu tức là tín hiểu này. Từ sơ địa đến mãn thất địa tu tất cả hạnh trong nhất hạnh trong kiếp thứ hai. Cả hai pháp hữu lậu vô lậu đều là tạp tu. Từ Bát địa đến mãn Thập địa tu tất cả hạnh trong tất cả hạnh ở kiếp thứ ba thuần tu vô lậu. Tu hai kiếp sau tức là tướng mạo này. Kinh Thập địa nói: Sơ địa hành bố thí... cho đến Thập địa tu Trí độ, với các độ khác tùy lực tùy phần mà chẳng có độ nào không tu tập. Thế nên tướng mạo ở đây tức là Thập địa tu. Có thứ lớp cho nên hành trì rộng lớn. Tín hiểu tức là từ kiến đạo về trước, sự hành trì không hơn cho nên nói loạn tu là nghĩa nhân duyên ở tụng này.

Hằng sa Bồ-tát: Tiếng Phạm là Căng-già, dịch lược là Hằng, là không đúng, là tên một vị thần sông. Trong kinh thường dùng Hằng hà sa làm thí dụ. Từ ao Vô Nhiệt não chảy ra bốn con sông lớn. Đây là một trong bốn con sông lớn đó.

1. Là do ở đây cát nhiều.

2. Là người đời cùng cho nước này là phước, xuống đó tắm gội tội lỗi diệt hết, bất tử sanh lên trời.

3. Là dù trải qua kiếp hoại mà tên gọi vẫn thường định.

4. Phật nhiều lần đến bên bờ sông này giảng nói pháp mầu.

5. Mọi người cùng tin theo nên thường lấy đây làm thí dụ. Nhưng chỉ lấy nơi bắt nguồn từ cửa khẩu vuông vức bốn mươi dặm cát, lấy đó làm dụ.

Đoạn hai: Chánh kinh: “Hoặc có người hành thí... cho đến cầu trí tuệ Phật.”

- Huyền tán: Mười bảy hàng tụng về tướng mạo, trong đây chia làm hai:

1. Mười lăm hàng đầu tụng về pháp lục độ.

2. Hai hàng tụng tu tập viên thành hai lợi ích.

Hai hàng tụng sau là nói tám thứ gió bất động, ba tâm bi cứu

chúng sanh.

Trong tụng lục độ chia ra làm sáu: Sáu hàng tụng về thí. Kế đến là hai hàng tụng về giới. Kế là một hàng tụng nhẫn. Kế là một hàng tụng về cần. Kế là hai hàng tụng về định. Phần sau là ba hàng về tuệ. Phần thí có ba: Bốn hàng đầu nói ngoại tài, một hàng kế nói nội tài, ngoại tài, một ngoại tài sau nói nội tài.

Trong bốn nội tài,ngoại tài: Thí bảy báu, bát trân, thí thành tựu độ, thí tạp vật.

Trong bảy báu thì:

1. Là vàng, trong văn nói vàng có năm mầu, màu vàng là chính.

2. Bạc.

3. San hô là đá có màu hồng nhẹ, vân giống hình cây.

4. Chân châu tức xích chân châu. Luận Phật Địa chép: Màu đỏ từ trùng xuất ra. Hoặc thể châu màu đỏ nên gọi là xích trân châu.

5. Ma-ni: Như ý thần châu. Không phải lưu ly nên chai châu này có hai.

6. Xa cừ: Tiếng Phạm là Mâu-sa-lạc-yết-bà, chính giữa màu trắng xanh.

7. Mã não: Tiếng Phạm là Át-thấp-ma-yết-bà, Hán dịch là chữ Tạng. Hoặc dịch Thai tạng, có nghĩa là bền chắc. Màu như mã não, do đây mà đặt tên. Vì là loại báu nên đặt tên từ chữ ngọc.

Hoặc như loại đá nên dùng thạch đặt tên. Bảy báu này không đồng tùy theo địa phương xem trọng. Kế tụng nói về tám trân:

1. Kim Cương.

2. Chư trân, thuộc loại đế thanh đại thanh.

3. Nô: thời xưa các tội nhân làm nô dịch cho quan, vào hàng thấp kém cũng là nô.

4. Tỳ: nữ nô gọi là tỳ.

5. Xe: là gọi chung các loại xe. Do Hạ-hầu-thì hề trọng làm ra. xưa âm là cư. Nói hành cho nên ở người. Nay là nhà xe. Nói hành là nơi ở như nhà.

6. Thừa: Theo lễ nhà Chu, thì Thừa, nghĩa là có thể chuyên chở, là các loại xe ngựa, voi.

7. Xe kéo trang hoàng vật báu , có người phu kéo ở trước.

Thời xưa bậc khanh đại phu đều đi xe này. Từ đời Hán về sau, thiên tử mới đi xe. Cho nên xe của vua, hoàng hậu gọi là liễn (xe kéo). Dùng tám báu trang sức, thuyết văn gọi là xe hưng.

Lại xe không bánh thì gọi là Hưng. Thừa là chuyên chở.

Dùng các thứ báu trang sức nên gọi là bảo sức.

Kế một hàng tụng nói bố thí thành tựu độ. Trong Thành Duy thức chép: Đầy đủ bảy nhiếp thọ mới thành ra tướng độ, thiếu một thì không thành, ứng với bài tụng chép:

An trụ và y chỉ
Ý lạc và sự nghiệp
Công xảo hướng thanh tịnh
Độ thành do bảy này.

Trong đây chỉ nêu một để hướng về đạo Bồ-đề. Sáu pháp khác theo đây có thể biết. "Nguyện đắc Nhất Phật thừa, bậc nhất trong ba cõi tức là ý hồi hướng.

Một hàng tụng về tạp vật: Gọi Tứ âm Tức người xưa dùng bốn ngựa kéo một xe có thể chạy theo? Phòng dùng bốn ngựa kéo gọi là thiên tứ, nên nay người bắt chước. Xưa Hoàng đế cùng vua Xí-vưu chiến đấu ở đồng Trác lộc, thường có mây kim chi ngọc diệp năm mầu che phía trên vua có hình bông hoa, do đây mà làm ra lọng bằng hoa. Y theo vào thật lý mà giải thích: Ở bên Tây vực khí hậu nóng, người ta phần nhiều cầm dù để trang sức gọi là sức. Màn che trên xe gọi là hiển. Xe bốn ngựa ở bên có lan can, trên có lọng hoa, che màn trang sức, dùng để bố thí.

Trên bốn hàng nói về ngoại tài, kế một hàng nói về nội ngoại tài. Tự thân gọi là nội tài. Vợ con là ngoại tài. Kế một hàng chỉ có nội tài đem bố thí mà lòng vui mừng. Bố thí có năm tướng: Là dốc lòng và tín tâm, tùy thời, tự tay bố thí, như pháp hành trì, xả vật. Đó gọi là năm loại bố thí, tức là thứ tư trong bảy nhiếp thọ, sự nghiệp không nên thí cũng có năm: Bất tịnh và não hại chúng sanh không nên thí cũng như các vật làm hoại tịnh tâm của người. Như vậy thì trong năm tướng đều như pháp mà thí. Thí có năm lợi: Là thân gần, thường thích thấy , tôn kính, được tiếng tốt. Lại làm nhân về sau nên gọi là lợi của sự thí thiện. Những việc trên đây đều như kinh phát tâm Bồ-đề có nói. Trong pháp thí này nên khởi ra bốn trí.

1. Nếu có của cải mà tâm không thích thí thì khởi lên trí giác ngộ.

2. Không của cải mà tâm không thích thí thì khởi lên nhẫn khởi thí.

3. Có của cải tâm ý vui vẻ mà không thích thí thì khởi lên tri đảo trí.

4. Ưa quả thế gian mà hành thí thì khởi lên bất kiên trí. Thí để

không còn tham và để người kia khởi lên ba nghiệp làm tánh, như trong Bồ-tát địa có nói.

- Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến mà mặc pháp phục".

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng về giới.

Giới có ba loại:

1. Giới luật nghi tức giới bảy chúng đều thọ trì.

2. Nhiếp thiện pháp giới. Là tu tất cả thiện pháp của ba thừa.

3. Nhiêu ích hữu tình giới: Tức lợi ích chúng hữu tình muôn hạnh tam nghiệp.

Kinh Thắng-man nói: Pháp Tỳ-ni-ba-la-đề-mộc-xoa, người xuất gia thọ cụ túc giới vì đó mà nói Đại thừa.

Trong Bồ-tát địa chép: Giới luật nghi đó là xả bỏ ngôi vị Luân vương như bỏ lá cỏ để xuất gia thọ giới cụ túc, đều gọi là giới luật nghi. Cho nên điều ở đây nói chính là luật nghi vậy. Cần phải có giới luật nghi làm căn bản thì mới có hai giới sau. Nếu phá luật nghi thì ba giới đều xả. Thế nên trong bốn pháp Ba-la-di đều là giới luật nghi. Đây nói đầu tiên xuất gia rồi mới thọ giới cụ túc. Do đây mà đầu tiên nói về giới luật nghi. Có bổn nói phi pháp phục là mặc pháp phục. Âm phi nghĩa trái lại bày ra giữ gìn. Địa phương nói phi là tán. Nay thì gọi là bị pháp phục. Bị có nghĩa là da bên ngoài! Pháp phục nghĩa là mang, đeo nên là âm (vị) Sự xuất gia rộng lớn dụ như hư không. Ở tại gia chật hẹp như địa ngục. Cho nên nói người xuất gia trì giới có năm điều lợi:

1) Phật Mười phương che chở.

2) Khi chết tâm vui vẻ.

3) Được người trì giới làm bạn thân.

4) Công đức tròm đầy.

5) Đời đời thường đắc giới thành tựu tánh giới.

Luận Trí độ chép: Giới là cái bình đức, đây là lợi thứ tư.

Tụng:

Che chở khi chết vui.
Bạn giới công đức đầy
Sanh thường giới thành tánh
Đó là năm loại giới.

- Chánh kinh: "Hoặc thấy Bồ-tát... thích tụng kinh điển".

- Huyền tán: Đây là một hàng tụng về nhẫn: Đại Tụng kinh điển suy nghĩ pháp nghĩa quán đế pháp nhẫn, nêu điều khó nói riêng là nhiếp cả hai nhẫn là nhẫn chịu đựng oán hại, an thọ khổ nhẫn.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát... cho đến... suy nghĩ Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là một hàng tụng về chuyên cần. Ở đây có cả hai pháp nhiếp thiện và mặc pháp phục. Lược không có chúng sanh tinh tấn lợi lạc. Tinh tấn có năm: Là mặc giáp, gia hạnh, không dưới, không thoái, không đủ tức có thế lực, có chuyên cần, có dõng lực, bền chắc, không bỏ pháp thiện mà trong kinh nói. Đầu tiên phát khởi tâm dõng mạnh lợi lạc gọi là mặc giáp. Kế là khởi tâm bền chắc mạnh mẽ thì mới gọi là gia hành. Kế đến là chứng đắc chẳng tự khinh mình, cũng không yếu hèn thì gọi là không dưới. Kế là có thể chịu đựng các khổ nóng lạnh, với việc thiện kém... không sanh tâm vui đủ gọi là không thoái. Kế đến là có thể chứng nhập vào các đế hiện quán..., thích cầu công đức trội hơn về sau, gọi là không đủ. Người Nhị thừa rốt ráo vui nơi đại đạo Bồ-đề. Chư Phật rốt ráo vui nơi lợi lạc chúng sanh. Cho nên tên gọi đầu tiên là mặc giáp. Bốn nghĩa sau gọi là nhiếp thiện. Trong đây hợp lại gọi là mạnh mẽ tinh tấn.

- Chánh kinh: "Thấy ly dục... cho đến... khen ngợi các bậc Pháp vương".

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng định, lìa chỗ ồn náo thường ở nơi trống vắng. Do an trú nơi tĩnh lặng, suy nghĩ nên tu thiền định sâu, dẫn phát tĩnh lự, cho nên đắc ngũ thần thông. Do sự tĩnh lự, đã làm xong nên khen ngợi các bậc Pháp vương. Cả ba pháp này do lìa dục mà có.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến nghe rồi đều thọ trì."

- Huyền tán: Một hàng tụng về tuệ, tức gia hạnh trí. Vì diệu đạt thật tướng cho nên trí tuệ sâu xa. Âm nhạc không hoại nên chí bền chắc.

Lại suy nghĩ xa xôi cho nên trí sâu, không thôi nghỉ nên chí bền chắc. Lại thêm công thưa hỏi, nghe đều có thể trì.

- Chánh kinh: "Lại thấy Phật tử cho đến mà đánh lên trống pháp".

- Huyền tán: "Đây là hai hàng tụng về hai trí. Định tuệ đầy đủ là đắc hai trí viên mãn (căn bản trí, hậu đắc trí). Trong hậu đắc trí dùng thí dụ để giảng pháp. Giảng pháp có bốn ý:

1. Vui thích nói pháp.

2. Hóa độ các Bồ-tát mà không hóa độ người Nhị thừa.

3. Phá trừ mười ma.

4. Đánh trống pháp. Đánh trống pháp là bỏ quyền bày thật.

Ma-la dịch là phá hoại, gọi tắt là Ma. Ba-tỳ-dạ hán dịch là ác, Hán dịch âm Ba tuần là sai. Trong Tạp tạng, Phật nói ma quân có mười, nay làm Tụng rằng:

Dục ưu sầu, đói khát.
Ái, ngủ nghỉ, lo sợ
Nghi, độc và danh lợi
Tự cao khinh mạn kia.
Ma quân là như thế
Tất cả không thể phá
Trí ta tên dao định
Phá bình ném xuống nước.

Hoặc dùng chánh trí để kích chân như, dùng hậu trí để kích tục lý. Nói pháp phát ra âm hưởng, khiến cho chúng được nghe. Nhưng bố thí chỉ nói lợi tha, tuệ có cả hai lợi. Trong đây sáu độ này đều có đủ hai lợi. Trong bốn pháp chỉ nói tự lợi, lược không nói lợi tha. Thật ra chẳng phải không có.

- Chánh kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến... không cho là vui".

- Huyền tán: Hai hàng tụng dưới nói về tám thứ gió thổi bất động ba tâm bi tiếp vật.

Tám thứ gió bất động này, chữ yên âm là yên, nghĩa là an là nghỉ. Có thuyết nói là Yến. Yến nhàn, cũng có nghĩa là yên lặng.

Tám thứ gió:

1. Lợi.
2. Xuy.
3. Hủy.
4. Dự (tiếng khen).
5. Xưng.
6. Cơ (chê).
7. Khổ.
8. Là lạc.

Nay ở đây chỉ nêu có bốn. Sanh hỷ, được tiền tài, danh vị lợi lộc. Được khen ngợi trước mặt gọi là dự (vui) khen sau lưng thì gọi là xưng. Thích vui gọi là lạc. Trong bốn pháp này Bồ-tát không lấy đó làm vui. Nói cung kính là nghĩa thông suốt.

Dịch bốn điều: Xuy, dự, cơ, khổ cũng là không sanh ưu, thân tâm tịch nhiên, ngôn ngữ tịch lặng lìa xa tám thứ gió, như trong kinh Du-già phẩm thứ hai có giải.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến khiến nhập vào Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là tụng ba tâm bi tiếp vật. Bi nghĩa là cứu khổ, hữu tình duyên thì bi duyên hữu tình khởi. Hành thì có nhiều loại. Sanh thì cũng vô cùng, chỉ nêu một hạng cứu chúng sanh khổ nặng. Cho nên

nói: Phát ra ánh sáng cứu khổ ở cõi địa ngục. Hai tâm bi còn lại là pháp và vô duyên bi y theo đây cũng thành tựu. Phần dưới sẽ nói đầy đủ rõ ràng.

- Kinh: "Lại thấy Phật tử cho đến cần cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Mười ba hàng rưỡi tụng về sự hành đạo của tín hiểu hàng địa tiền phàm phu.

Lục độ loạn tu tức là sáu.

Một hàng tụng về cần.
Một hàng tụng về giới.
Một hàng rưỡi tụng về nhẫn.
Hai hàng tụng về định.
Năm hàng tụng về thí.
Ba hàng tụng về tuệ.

Ăn uống, đúng lượng, ít ngủ nghỉ. Đầu hôm gần sáng giác ngộ pháp Du-già là cần tức siêng năng.

Kinh Di giáo cũng nói: Đầu hôm gần sáng cũng chớ phế bỏ, nửa đêm tụng kinh để tự tiêu dứt phiền não. Không vì nhân duyên ngủ nghỉ, để một đời trôi qua mà không được gì.

Từng thử nghĩa là tạm lấy. Nay không tạm lấy nên nói là không hề. Kinh hành trong rừng, ở bên Tây vực đất ẩm thấp, phải chồng gạch lên làm đường đi, nghỉ ngơi, ăn uống, tụng kinh, như dệt lụa con thoi qua lại, nên gọi là kinh hành. Đây là để sách tấn khuyên tu bốn chánh đoạn là: Đối với pháp ác bất thiện đã sanh tu luật nghi dứt, pháp bất thiện ác chưa sanh, tu đoạn dứt. Pháp thiện đã sanh, tu phòng hộ dứt. Đối với pháp thiện chưa sanh thì tu tập dứt, để cầu Phật đạo. Cho nên, trong kinh Hoa nghiêm nói:

Phật tử khéo lắng nghe
Ta nói nghĩa như thật
Hoặc là mau ra khỏi
Hoặc là khó giải thoát.
Nếu muốn cầu trừ diệt
Vô lượng các tội ác
Nên trong bất cứ lúc nào
Mạnh mẽ đại tinh tấn.
Cũng như chút ít lửa
Củi ướt thì làm tắt
Ở trong giáo Phật pháp
Biếng nhác cũng như vậy.

Cũng như người dùi lửa
Chưa đỏ đã vội nghỉ
Thế lửa liền theo mất
Biếng nhác cũng như vậy.
Cũng như ngọc tắt lửa
Lìa duyên mà tìm lửa
Thì không bao giờ được
Biếng nhác cũng như vậy.
Cũng như mặt trời sáng
Nhắm mắt cầu thấy sắc
Đối với giáo pháp Phật
Biếng nhác cũng như vậy.

Do tâm phát tinh tấn ban đầu là hơn hết. Tin là chỗ nương của dục. Dục là chỗ nương của tinh tấn. Cho nên ở đây chỉ lấy tinh tấn làm đầu. Tín là dục y. Dục là tinh tấn y. Ở đây lấy tinh tấn làm đầu. Trong Thập tín tâm thì sau Tín là tinh tấn.

- Kinh: "Thấy người đủ giới cho đến để vì cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là một hàng tụng về giới. Ba nghiệp oai nghi thường không thiếu bớt. Chớ khinh điều lỗi nhỏ cho là không hại, giọt nước tuy nhỏ mà dần đầy chậu lớn, nên thấy sợ sâu xa và hổ thẹn. Tịnh như hạt ngọc báu:

1. Trong ngoài không có dấu vết.
2. Giới đức đầy đủ viên mãn.
3. Uy quang chiếu sáng .
4. Mọi người đều yêu mến.

Do đây mà hột nga châu bị buộc vào cỏ, xả bỏ thân, nhạn rơi biết trước việc, rồng sanh dưới cây y lan. Bình tùy theo ý muốn, cho nên phải lấy luật nghi làm gốc.

- Kinh: "Lại thấy Phật tử cho đến vì cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Một hàng rưỡi tụng về chịu đựng sự oán hại. Được ít cho là nhiều gọi là Tăng thượng mạn. Cậy vào dòng họ, sắc lực, thông minh, giàu có, đạo đức, tiếng tăm hơn người tỏ ra khinh mạn đánh mắng. Bồ-tát dùng năm thứ quán có thể nhẫn cả.

1. Tưởng thân thuộc.
2. Tưởng chỉ có pháp.
3. Tưởng có khổ.
4. Tưởng vô thường.
5. Tưởng nhiếp thọ.

Bài tụng:

Nên quán kẻ hại kia
Thân thuộc, chỉ có pháp
Có khổ và vô thường
Nhiếp thọ cho nên nhẫn.

Trên đây là nêu sơ lược, đồng thời rộng như trong U tán, sợ dài dòng nên không thuật lại.

- Kinh: "Lại thấy Bồ-tát cho đến vì cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng về định. Có bốn điều xa lìa:

1. Hý: Các hí luận phân biệt.
2. Sất: Là lời đùa giỡn.
3. Lìa sự ngu si.
4. Lìa quyến thuộc xấu ác.

Không lìa thì có hai:

1. Trái với điều xa lìa thứ tư tức gần gũi duyên lành.
2. Nhất tâm trừ loạn, trái với ba điều trước. Cho nên trong kinh Di giáo chép: "Các Tỳ-kheo! Nên xa lìa nơi ồn ào, ở riêng chỗ vắng lặng suy nghĩ dứt trừ căn bản khổ, nếu thích ở chốn đông người, thì bị các khổ não.

- Chánh kinh: "Hoặc thấy Bồ-tát cho đến cầu Vô thượng đạo".

- Huyền tán: Đây là năm hàng tụng về thí. Chia làm ba: Ba hàng đầu tụng nói về thí tứ sự. Một hàng tụng kế là thí thượng diệu. Một hàng cuối là ý lạc thí.

Tứ sự: Ẩm thực, thuốc thang, y phục, ngọa cụ. Chữ Hào không phải ngũ cốc mà ăn, các loại rau quả ngon làm thức ăn.

Thiện có nghĩa là ăn đầy đủ. Nay các thứ vật ngon cũng gọi là trân thiện. Thế tục giải thích hào thiện là ăn thịt. Nay cho là không đúng. Bồ-tát thiết lễ cúng dường Phật thì gọi là thiện.

Chiên-đàn cũng gọi là Ngưu đầu chiên-đàn. Hắc là loại chiên-đàn màu tía. Bạch là chiên-đàn màu trắng. Trong thượng diệu thí thì cúng dường cha mẹ bệnh, Pháp sư, Bồ-tát thân cuối cùng. Nếu cúng dường cho người chưa chứng quả Thánh thì thí quả cũng vô lượng.

Lại nói: Nếu giữ giới đầy đủ tuy có già yếu mà có thể giảng nói lợi lạc cho nhiều người, như cúng dường Phật, bậc Đại sư, thọ lời nói thiện thì cũng tương tợ như vậy.

Vườn rừng đẹp thanh tịnh thì: Trong lạc thí có sáu ý:

1. Rộng lớn.
2. Không nhàm chán.

3. Vui mừng.
4. Ân đức.
5. Vô nhiễm.
6. Tốt lành.
Trong Tụng có ba:
1. Vui mừng.
2. Không nhàm chán.
3. Tốt lành.

Tức là cầu Vô thượng đạo. Trước nói cúng dường tứ sự tức là nghĩa rộng lớn. Mang ân nghĩa trước kia nên gọi là ân đức thí. Ba thời không hối hận, không bị nhiễm tạp nên gọi là vô nhiễm thí. Thực ẩm thí đủ cả pháp thực, không rơi vào kiếp nạn đói khát; đem y dược thí đầy đủ pháp dược không bị các bệnh; thí y phục được y bảy báu, đầy đủ tức nhu hòa thiện thuận. Đầy đủ hổ thẹn, đem thí ngọa cụ nên đầy đủ trợ duyên, sanh vào nhà từ bi vắng lặng. Đem vườn rừng thí nên trụ vào vườn giác Tổng trì, và được rừng pháp vô lậu, thí hoa được bảy giác, thí quả mà đắc bốn Thánh quả, ao tắm thí nên được ao bát giải xả cấu.

- Kinh: "Hoặc có Bồ-tát cho đến cầu đạo Vô thượng."

- Huyền tán: Đây là ba hàng tụng tuệ. Một hàng đầu là hậu đắc trí, vì pháp thí vô tận. Kinh Ca-diếp nói: "Như hằng sa thế giới ở trong đó đầy đủ châu báu, thí cho các Như lai, không bằng đem pháp thí. Thí vật báu tuy phước nhiều nhưng không bằng một pháp thí. Một bài kệ phước còn thù thắng huống chi là nhiều. Thật khó nghĩ bàn.

Kế nói một hàng về trí chứng vô tướng, hai tướng là phân biệt , không có hai tướng tức là pháp môn không hai ở các kinh khác. Như ba hàng kia giống như nói nghĩa không hai. Ở Địa tiền học tạo hữu tướng vô tướng, lợi tha tự lợi, tức hành Nhị trí. Một gia hạnh sau là cầu chánh đạo.

Giáo Âm là chỉ dạy chỉ bảo.

Chiếu Âm tức chỉ bảo dẫn dắt. Vì tối tăm mà thành tựu việc, tức phạm sai lầm, dùng giáo chỉ rõ khiến cho rõ có thể hiểu. Lại có bản ghi là Giáo chiêu. Chữ giáo không có âm bình. Chữ chiêu nghĩa là dụ tiến (khuyên dụ tiến lên).

Chánh Kinh: "Văn-thù-sư-lợi cho đến bông kia đang xòe nở".

- Huyền tán: Đoạn thứ sáu có bảy hàng tụng, về sự xây tháp. Đoạn này có hai:

Một hàng đầu tụng cúng dường xá-lợi. Sáu hàng tụng sau nói về xây tháp cúng dường.

Sáu hàng sau phân ba: Ba hàng tụng đầu trang nghiêm việc xây tháp. Một hàng tiếp tụng về tám bộ cúng dường. Hai hàng tụng sau nói sự thù thắng xây tháp.

Lại bảy hàng tụng này cũng chia làm hai: Năm hàng đầu tụng phần Văn xuôi trên. Hai hàng sau tụng kết sự xây tháp cao quý. Phần một lại chia làm hai: Bốn hàng tụng đầu là Bồ tát cúng dường. Một hàng sau là tám bộ cúng dường. Bồ tát cúng dường cũng có hai:

1. Một hàng tụng cúng dường xá-lợi.
2. Ba hàng tụng sau là xây tháp.

Y theo văn tụng này thì Văn xuôi nói về cúng dường xá-lợi, xây tháp bảy báu.

- Kinh: “Lại thấy Phật tử cho đến linh báu hòa vang.”

- Huyền tán: Đây ba hàng tụng về xây tháp. Một tụng về số, một tụng về lượng, một tụng về nghiêm sức.

Trong Bồ-tát địa chép: Như sau khi Phật diệt, xây một hay nhiều tháp cúng dường, sẽ được quả phước đức vô lượng. Được đại phước Phạm trong vô số đại kiếp không đọa vào đường ác, cũng đạt được tư lương của Vô thượng Bồ-đề.

Tiếng Phạm là Du-thiện-na có nghĩa là hạn lượng, Hán dịch âm do-tuần là sai.

Trong Câu-xá luận chép:

Cực nhỏ, nhỏ, vàng, nước
Thỏ, dê, trâu, khích trần
Chấy, rận, lúa, lóng tay
Mỗi sau tăng bảy lần.
Hai (mươi) bốn khủyu tay
Bốn khủyu một cung lượng
Năm trăm câu-lư-xá
Tám du-thiện-na này.

Đây là hơn mười sáu dặm, nếu theo kinh khác là bốn mươi dặm. Chữ túng âm là chiều dọc, chiều rộng. Xưa viết là Tùng. Trong thiết vận chỉ có ba chữ: Túng, Tung, Tũng, có bổn ghi chữ Tùng không biết xuất xứ từ đâu . Tục giải thích Nam Bắc gọi là tung. Đông Tây là hoành. Lộ có nghĩa là không che. Mạn nghĩa là che. Nói chỗ trang nghiêm hoặc lộ hoặc che. Trong phẩm Bảo tháp có giải thích đầy đủ. Đây nói lượng bảo tháp ở báo độ. Tức nhìn từ vị trí trên cao. Nếu không vậy, châu này há là đặt nhiêu tháp! Có chỗ nói Mạn mạc. Che ở bên gọi là Duy, trên gọi là mạc- Mạc là nghĩa che. Lộ đồng với úp lại mà bày ra.

Linh báu hòa vang là âm thanh điều hòa.

- Chánh kinh: "Chư Thiên, long thần cho đến thường vì cúng dường".

- Huyền tán: Đây nói cúng dường tám bộ.

- Kinh: Văn-thù-sư-lợi cho đến hoa khai nở.

- Huyền tán: Đây là hai hàng tụng kết xây tháp thù thắng. Do xây tháp mà cõi nước lạ đẹp. Tháp cao nghiêm có trang sức các thứ báu. Như cây thọ vương nở hoa ở vườn trời Đế-thích, uy nghiêm, tốt đẹp chẳng thể sánh ví chói sáng các rừng cây nên lấy đó làm thí dụ.

- Kinh: "Phật phóng một ánh sáng... chiếu vô lượng cõi nước".

- Huyền tán: Phần tụng lớn thứ hai có tám hàng. Chia hai: Bốn hàng tụng đầu nhắc lại điềm lạ để hỏi. Bốn hàng sau tụng nêu các sự thỉnh đáp. Phần một lại có hai: Hai hàng tụng đầu tụng lại hai việc xa gần. Hai hàng tụng sau nêu thấy hai sự mà hỏi. Hai tụng đầu tụng lại sự thấy gần, hàng tụng sau tụngsự thấy xa.

- Chánh kinh: "Chúng con thấy điều này... phóng ánh sáng".

- Huyền tán: Hai hàng tụng này nêu thấy hai việc. Hàng tụng đầu hỏi hai việc thấy của mình và chúng. Hàng tụng sau nêu các việc thấy kia. Ý nghi ngờ việc phát ra ánh sáng là gì? Người thấy vui vẻ hỏi, vì việc không hề có thấy, xin nhân giả đáp cho.

- Kinh: "Phật tử... giảng nói ánh sáng này".

- Huyền tán: Nêu việc thỉnh đáp, chia ra làm bốn: Một hàng đầu tụng ứng thời nêu thỉnh đáp. Hàng tụng kế nêu việc thỉnh đáp. Một hàng kế nêu việc rất lớn. Hàng tụng cuối chính là thỉnh ngài Văn-thù đáp.

- Bốn chúng vui mừng mong được nghe thắng đạo, xin quyết nghi khiến hoan hỉ. Nay chính là đúng thời hễ người nói pháp thì phải hợp căn cơ.

- Kinh: "Phật ngồi tại Đạo tràng cho đến Đây chẳng phải duyên nhỏ".

- Huyền tán: Hàng tụng đầu nêu hai việc thỉnh đáp. Một là diệu pháp, hai là thọ ký. Hàng tụng tiếp nêu việc rất lớn. Thấy Phật và cõi Tịnh chẳng phải là duyên nhỏ.

- Kinh: "Văn-thù nên biết... cho đến vì nói các pháp nào?"

- Huyền tán: Chính là thỉnh ngài Văn- thù đáp: Chỉ nhìn thấy nhân giả, mong ngài sẽ trả lời. Trước hỏi đáp cùng nhìn nhau, đây chỉ nhìn một ngài Văn-thù mong giải quyết các điều nghi của chúng.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Văn-thù... và các đại sĩ".

- Huyền tán: Phần thứ bảy ở dưới nêu lời đáp thành tựu của ngài

Văn-thù-sư-lợi. Luận chép: “Ngài Văn- thù dùng Túc mạng trí thấy mười thứ tướng nhân quả của quá khứ, như hiện ra trước mặt cho nên có thể đáp, chẳng phải là hư cấu, suy đoán trả lời.”.

Luận chép: Tướng Nhân là ngài Văn-thù tự thấy thân mình tu hành các hạnh ở các cõi Phật kia. Nhân lúc ấy, thời nay là nhân hạnh Bồ-đề.

Tướng quả là tự thể sở y của quá khứ. Luận: Văn-thù tự thấy thân mình là Pháp sư Diệu Quang ở đời quá khứ. Đã nghe Đức Phật kia giảng nói pháp này. Nay nói lại cho chúng sanh nghe. Đó là quả quá khứ đời trước.

Quả là tự thể sở y, chẳng phải quả của nhân sở kiến. Nhân kia là quả vô lượng sanh nhân trong đời quá khứ. Phần lớn chia ra làm ba:

1. Nêu tên nói chung.
2. Chánh đáp lời đã nêu.
3. Có hai bài tụng nêu lời Phật nói.

Đây là phần đầu:

- Kinh: “Nầy người Thiện nam như ta suy nghĩ cho đến giảng nói nghĩa đại pháp ”.

- Huyền tán: Chánh đáp lời đã hỏi. Nhưng nương vào luận bổn. Trong phần đáp này thành tựu mười việc:

- Thứ nhất: Nhân hiện thấy nghĩa đại, tức là đoạn văn này.

- Thứ hai: “Các người thiện nam, ta ở trong đời quá khứ... “là nhân hiện thấy văn tự chương cú ý nghĩa rất sâu.

- Thứ ba: “Chư thiện nam tử... như quá khứ vô lượng vô biên” nhân hiện thấy ít có.

- Thứ tư: “Lại có Phật cũng tên là Nhật Nguyệt Đăng Minh...” nhân hiện thấy thắng diệu.

- Thứ năm: “ Sau cùng lúc Phật chưa xuất gia... “là nhân hiện thấy việc thọ dụng đại.

- Thứ sáu: “Sau khi Phật diệt độ, Bồ-tát Diệu Quang trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa”. Nhân hiện thấy hiện ra nhân nhiếp lấy Chư Phật xoay bánh xe.

- Thứ bảy: Tám Vương tử của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh đều là pháp Sư. Từ Diệu Quang trở xuống là nhân hiện thấy pháp luân của Như lai là khéo chắc thật.

- Thứ tám: “Các vương tử cúng dường vô lượng...” là nhân hiện thấy khả năng tiến nhập.

- Thứ chín: Cuối cùng thành Phật, hiệu là Nhiên Đăng, là nhân

hiện thấy sự nhớ nghĩ.

- Thứ mười: "Di-lặc nên biết! Bấy giờ Bồ-tát Diệu Quang v.v..." là nhân hiện thấy tự thân các sự tuần hoàn. Nhân là nguyên nhân tức ngài Văn-thù dùng. Hiện lượng trí thấy các sự chứng minh đó là nhân, rồi đáp lời ngài Di-lặc cho nên nói là nhân. Hoặc mười việc này phần nhiều là đời trước làm, là nhân của bây giờ, cho nên gọi là nhân. Trong mười nhân này chia chung làm năm cặp :

Một là cặp nghĩa giáo.
Hai là cặp hy thắng .
Ba là cặp chuyển từ .
Bốn là cặp kiên tiến .
Năm là cặp tha tự .

Mười tướng này trong kinh thứ lớp nên biết. Trong đây chia chung thành bốn.

1) Chỉ rõ tướng thọ lượng để đáp.
2) Nêu việc xưa mà thành nay để đáp.
3) Chỉ bày các việc khác mà đáp.
4) Xưa nay tức nhau.

Hai tướng đầu, một tướng cuối như thứ lớp trong văn. Một tướng giữa là gồm bảy nhân nêu bày các việc khác nhau.

Nói chỉ rõ tướng thọ lượng để đáp:

Duy là suy nghĩ, là nghỉ, là mưu tính. Thốn là xét kỹ.

Luận gọi là nhân hiện thấy nghĩa đại thành tựu.

Nghĩa là nghĩa lý, là đối với nguyên nhân thành tựu tám thứ nghĩa lý đại.

Tám nghĩa đại, trong kinh có nói năm câu. Trong luận thì có tám câu. Nên nói muốn nói pháp lớn, tuôn mưa pháp vũ lớn, đánh trống pháp lớn, không đoạn trống pháp lớn, dựng cờ pháp lớn, đốt đuốc pháp lớn, thổi loa pháp lớn, giảng nghĩa pháp lớn. Trong luận phần thứ bảy mới nói bất đoạn đại pháp cổ. Nay lấy nghĩa suy ra cho nên nói phần thứ tư cũng không trái ngược luận nói nghi đó là dứt nghi. Tức muốn nói pháp lớn, muốn phá nghi trước trụ ở vị ngoại phàm khiến cho tiến tu. Đã đoạn nghi rồi thì làm cho trí thân thêm lớn thuần thục, tức rước mưa đại pháp. Trước trụ vào nội phàm mà không còn nghi ngờ. Thấm nhuần thiện nảy mầm khiến nhập Thánh vị mà muốn tăng thêm điều thiện. Ý của luận này trên dưới nối liền, nối tiếp khởi lên vì giải thích văn kinh, dưới đều y theo đây.

Luận nói: Căn thục: Là nói hai cảnh giới bí mật. Nghĩa là hai cảnh

giới bí mật của Thanh văn, và Bồ-tát. Có hai câu chỉ rõ tức đánh trống pháp lớn, không đoạn trống pháp lớn. Vì từ xa nghe nên lần lượt kết hợp lại. Tức là nay chia Thanh văn thừa xưa là cảnh giới quyền mật, chỉ rõ nay nói Bồ-tát thừa là cảnh giới thật mật gọi là hai cảnh giới mật. Khiến cho căn thuần thục đó là bỏ quyền giữ thật. Nên trong Luận chép: Nhập cảnh giới mật, là khiến cho tiến lên giữ lấy nghĩa thanh tịnh thượng thượng. Dựng cờ pháp lớn là lập ra diệu trí Bồ-đề rất cao xa. Cũng như đối với cờ lọng do biết quyền thật mà có bỏ có lấy. Hành hạnh Đại thừa, đắc trí Bồ-đề lìa hết chướng tịnh. Luận nói về nghĩa thượng thượng thanh tịnh tiến thủ, là tiến lấy tất cả trí hiện có. Đốt đèn pháp lớn là đã đắc chân trí kiến lập Bồ-đề. Vì chiếu soi chân cảnh nên chứng được Niết-bàn. Như đuốc chiếu sáng mọi vật.

Luận chép: Dùng tất cả trí hiện thấy là vì tất cả kiến lập danh tự, chương, cú, nghĩa. Thổi loa pháp lớn là đắc chân cảnh tức cần phải nói giáo nghĩa. Giáo giảng thích tất cả pháp, nên gọi là tất cả pháp kiến lập danh tự. Như thế gian lấy đây làm vui, từ quả vị ban đầu khó khăn, đến cuối cùng hoàn tất nên thổi loa lên. Nay quả vị đã viên mãn, vì người nói pháp thì cũng như vậy. Cho nên trong kinh Niết-bàn nói thổi lên là biết đến thời. Luận nói kiến lập nghĩa danh tự, chương cú là khiến cho nhập và bất khả thuyết, chứng trí xoay bánh xe. Giảng nói nghĩa pháp lớn, thuyết ở giáo đó là khiến cho, thích ứng độ nhập vào chứng trí, thành tựu xoay bánh xe, trừ hết phiền não. Trong tám câu này chia ra làm bốn cặp.

1) Cặp phá tiến thiện .

2) Cặp Khai quyền hiển thật .

3) Cặp Đắc trí chứng chân .

4) Cặp nói pháp lợi sanh .

Xoay vần như thế gọi là pháp luân, tự mình chứng quả, lại giúp cho chúng hữu tình chứng được chân trí của bậc Thánh, phá diệt phiền não. Luận đã đan xen tiếp nối giải thích rõ ý kinh, cho nên tướng này nương theo tướng kia đối để giải thích ý. Tìm hiểu lý do thì kinh có năm câu tức chỉ có hai cặp rưỡi. Có phá ác tiến thiện, nói pháp lợi sanh, khai quyền nhất môn, ngoài ra là hiển thật, đắc trí chứng chân. Văn đối đều thiếu, lại không theo thứ lớp, độc giả nên biết.

- Kinh: “Các người thiện nam cho đến liền nói pháp lớn”.

- Huyền tán: Nhân hiện thấy thế gian nghe văn tự, chương cú ý rất sâu xa. Ở đây nói đại giáo nên giáo là danh tự, chương cú, hí luận của thế gian. Ý có nghĩa là ý so sánh, là lý do nói giáo. Tức là nêu việc xưa

thành đáp việc ngày nay. Văn này có ba:

1. Nêu quá khứ.

2. Kết thành việc ngày nay.

3. Giải thích ý, ở đây là phần một

- Kinh: "Vì thế nên biết cho đến cũng giống như thế."

- Huyền tán: Đây là phần kết thành tựu việc ngày nay.

- Kinh: "Muốn khiến chúng sanh cho đến nên hiện ra điềm lành này".

- Huyền tán: Đây giải thích ý đó. Phát ra ánh sáng là ý gì? Là muốn cho người nghe biết pháp khó tin. Xưa nói hai thừa chân thật, nay nói nhất thừa là thật để người xả bỏ những điều quá cũ và giữ cái mới bây giờ. Do đó mà nói khó tín. Không chỉ có lòng tin mới khó mà nghĩa lý cũng khó.

- Kinh: "Các người thiện nam cho đến a-tăng-kỳ kiếp".

- Huyền tán: Phần dưới này có tám nhân, chung lại thành hai văn:

1. Văn xuôi.

2. Kệ tụng.

Văn Văn xuôi chia làm hai:

1) Bảy nhân nêu ra bảy việc riêng mà trả lời.

2) Một nhân đáp việc xưa nay tức nhau.

Phần một lại chia làm ba:

1. Đáp khen ngợi việc ít có.

2. Một đáp sự thắng diệu về sau.

3. Năm phần dựa theo nêu việc đồng.

Đầu tiên khen ngợi việc ít có để đáp. Luận gọi là nhân hiện thấy ít có. Trong vô lượng thời không thể đắc, đây có bốn ý:

1. Khen ngợi việc lâu xa ít có.

2. Khen ngợi danh hiệu Phật ít có.

3. Khen ngợi việc thắng diệu ít có.

4. Khen ngợi đáp lợi ích chúng sanh ít có.

Ở đây nói ý thứ nhất.

Luận chép: Bất khả tư nghì bất khả xưng, bất khả lượng. Thị hiện trải qua a-tăng-kỳ kiếp cũng không thể đắc. Tiếng Phạm là a-tăng-xí-da, Hán dịch âm a-tăng-kỳ là sai, Hán dịch âm nghĩa là vô số.

Trong Câu-xá luận chép: Trong số năm mươi hai từ một đến mười cho đến cực số thì gọi là a-tăng-kỳ. Vốn là số sáu mươi, tám số kia bị thất truyền. Trong kinh Hoa nghiêm nói một trăm hai mươi số. Đây là

một trăm mười hai số.

Kiếp-lạp-ba gọi tắt là kiếp, Hán dịch là phân biệt. Nghĩa là phân biệt thời phần.

Bất khả tư nghì là cảnh vượt quá tình chấp. Bất khả xưng là vượt qua cảnh ngôn ngữ. Bất khả lượng là cảnh vượt qua tính lường thí dụ. Nay kinh gọi vô lượng đó là vượt qua sự tính toán thí dụ. Vô biên là quá thời phần. Bất tư nghì là quá phần tình chấp cũng đồng như Bát-nhã vượt qua bốn phần.

Trong Bồ-tát Địa nói kiếp có hai loại:

1. Số ngày đêm năm tháng.

2. A-tăng-kỳ kiếp.

Trong Du-già lại nói: Hoặc một lần tăng giảm là một kiếp. Nghĩa là trải qua các nạn đói khát bệnh dịch đao binh. Hoặc có hai mươi kiếp là một kiếp. Nghĩa là trời chúng có chỗ nói bốn mươi kiếp là một kiếp, là trời Phạm phụ . Hoặc sáu mươi này là một kiếp là trời đại Phạm. Hoặc tám mươi kiếp đây là một là kiếp hỏa tai. Số ở trời Thiểu quang bằng tuổi thọ ở đây hai kiếp, hoặc là bảy kiếp hỏa mới là một kiếp thủy tai. Gọi là Cực quang tịnh thiên, hoặc tám kiếp hỏa. Một bảy kiếp thủy tai mới là một kiếp phong tai , gọi là Biến tịnh thiên. Số này cho đến bất khả số là một a-tăng-kỳ. Phàm kinh này nói ba đại a-tăng-kỳ kiếp tu nhân mới đắc quả Phật. Cùng ở kiếp Hiền gồm có mười loại kiếp sai khác. Trong Cổ nhiếp luận hoặc Địa tiền chia ra làm ba. Trong Thập địa, mỗi địa lại chia làm ba. Hợp thành ba mươi ba a-tăng-kỳ kiếp. Từ Thất địa về trước là tiểu. Địa tám, chín, mười là trung. Địa tiền là đại. Tuy có các kiếp này mà lượng khác nhau. Nay nương vào một hội Pháp Hoa của luận, này Phật nói các kiếp phần nhiều nương vào năm loại: Một là ngày, hai là đêm, ba là tháng, bốn là giờ, năm là năm. Nay nương vào vô lượng vô biên bất khả tư nghì a-tăng-kỳ, chẳng phải là các đại kiếp khác. Vì muốn hiển bày vô số đại kiếp của Chư Phật lúc lưu xuất ra ngài Văn-thù thấy rất lớn.

- Kinh: "Bấy giờ có Phật cho đến Phật Thế tôn".

- Huyền tán: Đây khen ngợi danh hiệu Phật ít có. Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên riêng. Như lai là tên chung. Nhật là mặt trời có hai công năng: Một là dẫn đường, hai là thành tựu. Nguyệt là mặt trăng có hai công năng: Một là trừ nóng bức, hai là mát mẻ. Đăng là đèn có hai công năng: Một là xua tan bóng tối, hai là truyền ánh sáng. Đây là ý nói Phật dẫn đại chúng từ bờ mê đến bến giác, thành thục căn khí, trừ hết các phiền não nóng bức , được cảnh mát mẻ Niết-bàn. Phá trừ hẳn

ngu si, giáo hóa chúng sanh truyền thừa pháp tạng. Đây là tiêu biểu cho tên riêng ít có.

Luận Du-già quyển tám mươi ba giải thích mười hiệu là:

1. Như lai.
2. Ứng.
3. Chánh đẳng giác.
4. Minh hạnh viên mãn.
5. Thiện thệ.
6. Thế gian giải.
7. Vô thượng trượng phu Điều ngự sĩ.
8. Trời người sư.
9. Phật.
10. Bạc-già-phạm.

Như lai là danh hiệu đầu tổng giới thiệu chín danh hiệu sau.

Kinh Niết-bàn chép: Như giảng nói kinh pháp mà quá khứ Chư Phật, sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười một pháp không, cho đến quả Bồ-đề. Cho nên nói là Như lai. Nay Phật Thích-ca, như Chư Phật quá khứ cũng theo các pháp tu sáu Ba-la-mật, quán lý mười một không cho đến quả Bồ-đề, nên nói Như lai. Ở đây tức Báo thân Phật.

Kinh Bát-nhã chép: Như lai là không từ đâu đến cũng không đi về đâu, gọi là Như lai, tức là pháp thân Phật.

Luận Thành Thật chép: Thừa đạo như thật mà lai thành Chánh giác (nương vào đạo như thật mà thành Chánh giác, nên gọi là Như lai: Nghĩa tuy lược mà chẳng phải là tông nghĩa này. Luận nói Ứng chánh đẳng giác, nghĩa là giải thoát hẳn tất cả các chướng hoặc phiền não và chướng sở tri, nên A-la-hán Hán dịch là Ứng.

Thành Duy thức nói: Ứng đã phá trừ hẳn giặc phiền não, ứng không còn phần đoạn sanh tử, ứng thọ diệu cúng dường. Như trước bổn luận đã giải thích kinh có mười lăm nghĩa tức theo Du-già và kinh này. Chỉ lấy nghĩa phá hoại giặc phiền não nên gọi là A-la-hán. Dứt trừ hẳn sở tri chướng thì gọi là Chánh đẳng Chánh giác. Thế nên trong kinh Du-già nói: A-la-hán là Cộng đức. Chánh đẳng Chánh giác là Bất cộng đức. Xưa dịch là Chánh biến tri, tức là Chánh giác Đẳng giác, Chánh đẳng giác. Như thứ lớp để phân biệt với ba loại: Ngoại đạo, Tiểu thừa, và Bồ-tát.

Minh hạnh viên mãn tức là minh hạnh túc. Minh nghĩa là ba minh.

1. Túc trụ tùy niệm trí minh.

2. Sanh tử trí minh.

3. Lậu tận trí minh.

Hạnh là hạnh Giá, hạnh Hành. Hạnh hành nghĩa là thanh tịnh ba nghiệp hiện hành chánh mạng.

Lại bốn thứ: Tăng thượng, tâm pháp, hiện pháp, lạc trụ là trụ hành. Hai loại này cũng thuộc hạnh Hành. Thầm giữ căn môn là hạnh Già. Hai hạnh này và tam minh đều viên mãn. Do đây mà Như lai hiển bày ra ba bất hộ, không quên mất pháp. Do không tạo lỗi, đắc Tịnh lự thế gian ngăn tu khổ hạnh. Do đây mà không tạo lỗi thì ba nghiệp thanh tịnh. Tức là Tam bất hộ thầm giữ gìn căn môn. Không quên mất pháp mà đắc Tịnh lự thế gian, hiện pháp lạc trụ ngăn tu khổ hạnh. Cho nên nói "Minh hạnh viên mãn".

Thiện Thệ tức là trong đêm dài sanh tử tu đầy đủ tất cả công đức tự lợi, lợi tha. Thệ có nghĩa là đến. Nghĩa là sau khi thành tựu quả Bồ-đề rồi ở trong đêm dài sanh tử có đầy đủ tất cả hai công đức mà khéo đến, đó hành sự giáo hóa nên gọi là Thiện thệ. Thế gian giải là khéo thông suốt tất cả hữu tình và khí thế gian.

Do có túc trụ trí và sanh tử trí mà ngộ nhập tất cả hữu tình thế gian, các bờ mé dựa vào trước có sau, dựa vào tất cả thời, mà có tám muôn bốn ngàn hạnh khác nhau. Tức biết ba cõi chúng sanh tâm hành đều khác nhau, và khéo rõ biết các cõi thế gian vô lượng vô biên mười phương trải qua các kiếp thành hoại. Lại đối với các pháp tự tánh của thế gian, nhân duyên, ái vị, lỗi lầm ra khỏi những nơi đến hành hóa đều khéo rõ biết. Nghĩa là biết được qủa tự tánh và nhân nhân duyên. Đây là câu tổng còn lại bốn câu dùng pháp Tứ đế phối theo mà hiểu.

Vô thượng trượng phu Điều ngự sĩ. Xưa dịch là Vô thượng sĩ Điều ngự Trượng phu. Trí không có gì bằng, nên không có gì vượt qua nên gọi gọi là Vô thượng. Ở trong hiện pháp thân Phật đầy đủ các tướng hảo gọi là đại trượng phu. Lại phần nhiều điều phục chế ngự vô lượng trượng phu là bậc trên hết, tôn quý đệ nhất. Do đây mà để phía sau. Xưa dịch là Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu.

Trời người sư: Vì trời người có thể giải nghĩa pháp sâu xa, siêng tu chánh hạnh nên có năng lực. Các loài khác không có khả năng như thế cho nên không nêu lên làm Sư (Thầy).

Nói Phật tức Phật-đà: Là bậc đã hoàn tất đoạn hết thảy phiền não sở tri, cùng tập khí hiện Đẳng Chánh giác, chứng đắc Vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác tức đầy đủ nhị trí, tự giác và giác tha.

Bạc-già-phạm xưa dịch là Thế tôn, thản nhiên an tọa trên tòa Bồ-

đề nhiệm mầu, nhậm vận diệt trừ hết tất cả ma quân, có thế lực lớn để phá bốn ma, như bài tụng trong Phật địa luận có nói:

Tự tại, xí thạnh và đoan nghiêm
Danh xưng, cát tường và tôn quý
Đầy đủ cả sáu nghĩa như thế
Nên biết tên chung là Bạc-già.

Bạc-già là tiếng Phạm. Phạn là đầy đủ đức. Hoặc có người dùng tiếng Bạc-già là tự có nghĩa có thể phá trừ bốn ma, và phải đầy đủ sáu đức:

1. Là nghĩa tự tại, không lệ thuộc các phiền não.

2. Nghĩa lừng lẫy dùng lửa trí tôi luyện.

3. Nghĩa trang nghiêm ba mươi hai tướng.

4. Nghĩa danh xưng: Thắng danh của Phật chẳng ai không biết.

5. Nghĩa cát tường: Thường khởi phương tiện làm lợi lạc hữu tình.

6. Nghĩa tôn quý: Thế gian, xuất thế gian đều tôn trọng.

Nay nói Thế tôn là thiếu năm nghĩa trước vậy.

- Kinh: "Giảng nói chánh pháp... tướng phạm hạnh".

- Huyền tán: Khen ngợi pháp thắng diệu ít có. Phẩm tám mươi ba nói đầy đủ mười đức.

1. Sơ thiện: Nghĩa là lắng nghe rồi sanh tâm vui mừng.

2. Trung thiện: Lúc tu hành không có ngại khổ, xa lìa hai bên, nương theo trung đạo.

3. Hậu thiện: Rốt ráo tột cùng là xa lìa cấu nhiễm và tất cả sự rốt ráo đều lấy ly dục làm bờ mé sau cùng. Pháp tánh lìa cấu nên người học cũng lìa cấu. Do đó màtu hành rốt ráo, đắc quả lìa cấu cho nên Luận Trí độ chép: Khen ngợi việc bố thí là sơ thiện. Khen ngợi trì giới là Trung thiện. Khen ngợi hai quả báo sanh về cõi trời, cõi Tịnh, gọi là hậu thiện. Lại nói: Thanh văn, Độc giác, Đại thừa là ba thiện. Kinh Bảo tích nói: Biết khổ dứt tập thì gọi là sơ thiện, tu chánh đạo thì gọi trung thiện. chứng diệu gọi là hậu thiện. Đây cũng gọi là sơ, trung, hậu thiện của Thanh văn. Nếu không xả Tâm Bồ-đề, không niệm hạ thừa, hồi hướng Nhất thiết trí thì gọi là Bồ-tát sơ trung hậu thiện. Nay nương theo Du-già làm chánh.

4. Văn khéo. Kinh nói: Lời lẽ khéo mầu. Nghĩa là khéo ràng buộc danh thân v.v... và dùng tám ngữ đều đầy đủ viên mãn.

5. Nghĩa mầu: Kinh nói là nghĩa ấy sâu xa, nghĩa là có thể dẫn phát làm lợi ích an vui.

6. Thuần nhất: Kinh nói: Thuần túy duy nhất không xen lẫn. Nghĩa là không chung với ngoại đạo. Chỉ có Phật pháp.

7. Viên mãn: Kinh nói: Đầy đủ. Vì vô hạn lượng nên thuộc về tối thắng tôn thắng. Nghĩa này dồi dào mà lại thắng diệu. Nên gọi là tròn đầy.

8. Thanh tịnh: Nghĩa là tự tánh giải thoát, cho nên nương vào một sát-na mà giải thoát tự thể. Hoặc là pháp tự tánh giải thoát.

9. Trong sáng: Là giải thoát nối tiếp, nhiều sát-na cũng gọi là giải thoát. Hoặc người học cũng gọi là giải thoát.

10. Phạm hạnh: Là tám chi Thánh đạo , diệt đế gọi là Phạm. Đạo đế gọi là hạnh, làm nhân cho diệt . Đầy đủ bát đạo này gọi là tướng phạm hạnh. Nên biết đạo này do bốn loại diệu tướng. Thuần nhất đó là: Nghĩa thứ sáu, bảy, tám, chín tức là thuần nhất. Không tạp, đầy đủ thanh bạch trong tướng phạm hạnh. Còn lại như văn có thể hiểu. Theo nghĩa như thế phối hợp như thế cũng giống như Tân văn nói vậy.

- Kinh: "Vì cầu Thanh văn... thành Nhất thiết chủng trí."

- Huyền tán: Khen ngợi sanh lợi ích ít có.

- Có Phật ra đời chỉ thuyết một pháp hoặc không nói pháp. Nay nói ba thừa, nên nói là ít có. Ứng là nghĩa hưng khởi, ở chứng, ứng đương cơ, ứng khế lí. Tùy theo căn khí mà nói pháp. Khế ứng với căn pháp tướng nên nói như vậy. Căn tánh chúng sanh có thượng trung hạ. Tổng biết nhân quả tứ đế nhiễm tịnh. Do thấp kém nên gọi là đắc Thanh văn. Tổng biết nhân quả mười hai nhân duyên sanh tử là hơi trội hơn gọi đắc Duyên giác. Có thể hành nhị lợi, tướng chung riêng đều biết, tu lục độ, rốt ráo thành Phật thì gọi là Bồ-tát, sẽ thành tựu chủng trí. Bích-chi-ca Phật-đà, Hán dịch là Độc giác, gọi tắt là Bích-chi-phật.

- Kinh: "Lại có Phật... họ là Phả-la-đọa".

- Huyền tán: Phần thứ hai nói rõ về hậu thắng diệu để đáp. Luận gọi là hiện thấy nhân thắng diệu. Vì Chư Phật, Bồ-tát tự thị hiện ra danh tánh thọ dụng thù thắng nên gọi là thắng diệu. Trong văn có tứ diệu, trong đây thì có hai:

1. Là đồng diệu.

2. Là tánh đồng diệu.

Phả-la-đọa: là một họ trong mười tám họ của Bà-la-môn.

- Kinh: "Di-lặc nên biết... sơ trung hậu thiện".

- Huyền tán: Phần này có hai diệu: Một là đồng hiệu diệu. Hai là pháp đồng diệu. Lược nói có ba thiện mà gồm thâu cả bảy đức.

- Kinh: "Thân tối hậu của Phật... có tám vương tử".

- Huyền tán: Đoạn thứ ba này dựa theo trình bày việc đồng để đáp. Có năm nhân:

1. Nhân thọ dụng đại.
2. Nhân nhiếp lấy Chư Phật, xoay bánh xe.
3. Nhân Như lai pháp luân thiện bền chắc, chân thật.
4. Nhân năng tiến nhập.
5. Nhân nhớ nghĩ.

Ở trong đây có hai: Một phần đầu Phật ở đại đạo tràng nói pháp.

Bốn phần sau là nhân hành hóa sau khi Phật diệt độ.

Nhân thọ dụng: Luận chép: Lúc ấy, vương tử thọ lạc thắng diệu, mỗi vị đều xả bỏ mà đi xuất gia. Lại đại chúng kia lúc ấy chấp nhận không sanh tâm nhàm mỏi. Đây giải thích là nhân thọ dụng. Do đại ý trong văn có hai thọ dụng:

1) Tại gia thọ dục lạc.
2) Xuất gia thọ pháp lạc.

Văn này có bốn:

1. Nói tướng đồng với nay.
2. Tuyên bố diệt khác tức.
3. Thành Phật thọ ký.
4. Thị hiện nhập Niết-bàn. Thị hiện tướng đồng với nay có sáu. Không có phần tựu đầu thành tựu. Sáu pháp còn lại đồng với việc ở phẩm tựa này. Phần thứ nhất giống với phần chúng thành tựu ngày nay. Phần thứ hai nói Nhật Nguyệt Đăng Minh trở xuống đồng với thời thành tựu ngày nay. Đoạn thứ ba thì giống với uy nghi thành tựu ngày nay.

Đoạn thứ tư: Bấy giờ Đức Như lai phóng ánh sáng từ giữa hai đầu chân mày đồng với phần thuyết nhân thành tựu ngày nay.

Đoạn thứ năm: Di-lặc nên biết... Bây giờ trong hội có hai mươi ức Bồ-tát cũng như nay muốn nghe thành tựu.

Đoạn thứ sáu: Có Bồ-tát tên là Diệu Quang, nay là phần đáp thành tựu. Trong phần đồng với chúng thành tựu có hai:

1. Thế tục.
2. Xuất gia.

Ở thế tục có ba:

1. Nêu việc có con.
2- Nêu tám tên gọi.
3. Nói Vua hóa độ.

Đây nói phần đầu: Pháp nhĩ như thế trước phải có con, sau mới xuất gia. Vì hàng phục sự thọ lạc ở thế gian nên thị hiện cho thấy sự

dục lạc không đáng quý, nói lên Đức Phật có đầy đủ các đức của trượng phu.

- Kinh: “Một tên Hữu ý cho đến tám tên là Pháp ý”.

- Huyền tán: Đây là lược nêu tám tên chia làm bốn cặp:

1. Cặp Đại trí đại bi .

2. Cặp Liễu hữu liễu không.

3. Cặp Tiến thiện phá ác.

4. Cặp Đạt ngụy biết chân.

- Kinh: “Tám vị vương tử cho đến mỗi vị thống lãnh bốn thiên hạ”.

- Huyền tán: Đây là nói vua hóa độ. Không một thế giới nào có hai vị luân vương. Vì sao nay lại nói lược mỗi vị lãnh xuất bốn thiên hạ. Nay giải thích tám người con nối nhau thống lãnh , chẳng phải là cùng lúc.

Nhưng theo nghĩa chung thì vào thời kiếp giảm Phật ra đời, kiếp tăng thì Vua Chuyển luân ra đời. Làm sao vì Phật kia có con mà làm Chuyển luân vương”. Đây là ứng với nối tiếp vua chuyển luân làm vua ở bốn châu thiên hạ. Như Phật Thích-ca làm Vua Kim luân , không phải chánh đã thọ ký, kiếp giảm dần. Do đây mà dần tăng lên tám muôn tuổi thì Nhương Khư mới xuất hiện. Đến kiếp thứ mười giảm thì Phật Di-lặc ra đời. Bậc luân vương tuổi thọ lâu dài cho nên gặp Phật Di-lặc. Hoặc Báo thân Phật và Hóa thân Phật khác nhau. Báo Phật chưa hẳn ở kiếp giảm xuất hiện. Có thể làm chuyển luân và có con. Diệu Quang hóa độ tám người con tu hành bền chắc đạo Bồ-đề đắc quả Bát địa. Cho nên biết rằng Báo thân Phật cũng là Bồ-tát. Trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa vì Bồ-tát đã xong, kế vì Thanh văn sau nói pháp hoa. Như Phật Cổ Âm Vương, A-di-đà Phật đều có vợ con.

- Chánh kinh: “Các vương tử... đến... cũng theo vua cha xuất gia”.

- Huyền tán: Phần này nói về xuất gia có ba:

1. Hình tướng tùy theo bạn chân thật.

2. Hành xuất trong trần gian.

3. Gặp được duyên lành, tu phước tuệ bền chắc.

Đây nói về phần đầu: Bỏ ngôi vị luân vương như người giàu cởi bỏ giày dép, hướng đến xuất gia như người nghèo gặp của báu, khóang đạt không nương tựa, từ bỏ ràng buộc.

- Kinh: “Phát ý Đại thừa cho đến đều làm Pháp sư”.

- Huyền tán: Hành xuất trong cõi trần. Đã phát đại tâm, thường siêng năng giữ giới. Có thể giảng nói diệu lý đều làm Pháp sư. Phát

tâm là trụ định. Phạm hạnh là giữ giới. Pháp sư là bậc đầy đủ trí tuệ Ba Tạng.

- Kinh: "Đã trồng nhiều gốc lành đối với ngàn muôn vị Phật".
- Huyền tán: Được gặp duyên lành, tu phước tuệ bền chắc.
- Kinh: "Lúc ấy Nhật nguyệt cho đến Phật sở hộ niệm".
- Huyền tán: Thứ hai là nói giống thời thành tựu nay.

Hễ nói Pháp hoa thì trước nói kinh Vô Lượng Nghĩa, nên gọi là thời đến, thị hiện vì Bồ-tát mà nói pháp.

- Kinh: "Nói kinh này rồi cho đến thân tâm bất động".
- Huyền tán: Phần thứ ba là đồng với uy nghi thành tựu ngày nay. Có ba:

1. Phật nhập định.
2. Khí thế gian.
3. Hữu tình thế gian.

Đây nói phần đầu.

- Kinh: "Bấy giờ trời mưa cho đến sáu thứ rung chuyển".
- Huyền tán: Đây là nói về khí thế gian.
- Kinh: Bấy giờ ở trong hội cho đến nhất tâm quán Phật.
- Huyền tán: Là nói về hữu tình thế gian.
- Kinh: "Bấy giờ Như lai cho đến là cõi nước của Chư Phật".
- Huyền tán: Phần thứ tư đồng với nhân nói thành tựu. Có ba:

1. Phát ra ánh sáng.
2. Chiếu cảnh.
3. Chỗ thấy.

Như chỗ thấy ở đây chính là cõi Phật.

- Kinh: "Di-lặc nên biết cho đến thích muốn nghe pháp".
- Tán Thứ năm là thành tựu muốn nghe pháp. Có hai:

1. Thích muốn nghe pháp
2. Muốn biết nhân duyên phát ra ánh sáng.

Đây nói phần đầu:

Hỏi: Vì sao Đức Phật Thích-ca phát ra ánh sáng hiện điềm lành. Bốn chúng sanh nghi, thích nghe pháp, biết nhân duyên Phật phóng ánh sáng. Phật Đăng Minh nói pháp là nói Bồ-tát không giống như ngày nay.

Đáp: Đây là nương vào bổn vị nói chung bốn chúng. Phật kia nói phát tâm đều gọi là Bồ-tát. Lại đây nêu ra hạng thấp kém nên chỉ nói bốn chúng. Kia nêu thắng chúng, cho nên nói là Bồ-tát. Như bài tụng ở dưới nói: "Lúc này bốn bộ chúng... cho đến... vì nhân duyên gì". Do đây

mà biết rõ ràng. Lại trong kinh nói tám người con là chúng thành tựu tức nói người trên hết. Lại kia thật là Bồ-tát. Hóa độ thì nói bốn chúng là báo thân hóa độ. Đây thật là bốn chúng tức hóa thân hóa độ.

- Kinh: "Các Bồ-tát cho đến vì nhân duyên gì".

- Huyền tán: Muốn biết nhân duyên phát ra ánh sáng, suy tìm người đáp.

- Kinh: Bấy giờ có Bồ-tát... tám trăm chúng đệ tử.

- Huyền tán: Thứ sáu đồng với đáp thành tựu ngày nay. Có bốn:

1. Quyến thuộc truyền đăng.
2. Do đó nói ra kinh này.
3. Thời gian dài ngắn.
4. Đại chúng an vui

- Kinh: "Bấy giờ Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cho đến được Phật che chở".

- Huyền tán: Phần hai do đó nói kinh này.

Phật Thích-ca nói kinh Pháp hoa là do ngài Di-lặc hỏi, ngài Văn-thù đáp, Phật Đăng Minh nói pháp hoa là do đại chúng muốn nghe. Diệu Quang đáp lời, cho nên trong bài tụng nói: Phật xuất Tam muội khen Diệu Quang khiến vui mừng tức là. Phật nhân ngài Diệu Quang mà nói kinh Pháp hoa.

Lại Phật Thích-ca nay hóa độ bốn chúng thích nghe Phật. Do ngài Xá-lợi mới nói. Phật Đăng Minh xưa hóa độ Bồ-tát muốn nghe do ngài Diệu Quang mới nói. Nay Phật xuất định ra chính là bảo với Xá-lợi-phất. Trong chúng Thanh văn, tùy theo trí tuệ sâu xa, tương ứng với Phật.

Phật kia xuất định liền bảo với ngài Diệu Quang. Trong chúng Bồ-tát tùy theo trí tuệ sâu xa mà với tương ứng Phật. Đây là Thanh văn, kia là Bồ-tát, mà kinh Diệu Pháp Liên Hoa đó cũng gọi là: "Giáo Bồ-tát pháp được Phật che chở", Danh tự này không khác với kinh Vô Lượng Nghĩa. Nhưng lấy nghĩa thể, lợi ích cho căn cơ đốn và tiệm. Chỗ mong cầu có khác việc hóa thân báo thân cũng khác. Không gọi là Vô Lượng Nghĩa như trước đã có giải thích. Nhưng Phật kia thị hiện hóa độ các Thanh văn cũng không sai. Hoặc nói hóa thân thật sự hóa độ Thanh văn, nói các sự khác cao siêu tức là nói báo thân Phật, cũng không sai vậy.

- Kinh: "Sáu mươi Tiểu kiếp... khoảng thế gian một bữa ăn.

- Huyền tán: Thứ ba là nói thời gian dài ngắn.

Luận giải: Đã dùng ngày tháng làm năm làm kiếp, cho nên gọi

là Tiểu. Không thể riêng sanh phân biệt, chỉ là Phật quán căn cơ thuần thục, thích ứng chúng sanh thời gian dài, chúng ưa thích tình sâu cũng có thể thích nghe lâu, tâm rất ưa thích pháp, nên gọi là như khoảng bữa ăn. Như thế tục xem đánh cờ, hoặc nhấc búa bửa củi liền nát.

- Kinh: "Bấy giờ trong chúng cho đến mà sanh lười biếng".

- Huyền tán: Thứ tư nói về đại chúng an vui. Thọ trì thiền duyệt pháp thực mà sanh an vui. Tận trừ nghiệp buộc thô năng sao có thể sanh ra lười biếng.

Lười biếng cũng có nghĩa mỏi mệt.

- Kinh: "Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh... Vô dư Niết-bàn".

- Huyền tán: Trên đến nay hợp thì hiện đồng với nay. Đây là phần thứ hai, xướng diệt liền khác Chư Phật nhập diệt không giống như người Nhị thừa. Thị hiện đồng như vậy là nói nhập vào cõi Vô dư. Chỗ ứng hóa đã xong, cho nên ttìm cách xướng diệt độ. Sa-môn có nghĩa là Tức (dừng). Vì đã đắc pháp nên tạm dứng yên, cũng gọi là dứt ác. Chánh gọi là Thật-la-ma-noa, hoặc Thật-ma-na-noa, dịch là công lao, nghĩa là việc tu đạo có nhiều công lao. Bà-la-môn có nghĩa là Tịnh hạnh.

- Kinh: "Bấy giờ có Bồ-tát... liền thọ ký."

- Huyền tán: Thứ ba, thành Phật thọ ký. Có hai: Nêu tên là Thọ kí

Cùng làm các điều thiện nên gọi là Đức tạng.

- Kinh: "Bảo chư Tỳ-kheo... Tam Phật-đà."

- Tán Đây là phần thọ ký vậy.

Đa-đà có nghĩa là Như. A-già độ là nghĩa Lai. A-la-ha có nghĩa là ứng. Tam có nghĩa là chánh. Mạo có nghĩa là đẳng.

Lại tam có nghĩa là chánh. Phật-đà có nghĩa là Giác. Tức là Như lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Trong mười hiệu là ba hiệu đầu.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Phật bảo Tỳ-kheo. Chư Phật ra đời ắt có năm việc:

1. Xoay bánh xe.
2. Độ cha mẹ.
3. Người vô tín lập ra tín địa.
4. Chưa phát ý Bồ-tát. Khiến phát
5. Được thọ kí làm Phật tương lai.

Trong đây cũng vậy. Ba hiệu của Phật phần nhiều nương vào ba đức: Đoạn đức, ân đức, trí đức.

- Kinh: Phật thọ ký rồi... nhập vào Vô dư Niết-bàn.

- Huyền tán: Phần thứ tư là thị hiện nhập Niết-bàn. Vì sao nhập

diệt phải giữa đêm. Là ở trong đêm sanh tử chứng đắc vắng lặng, như kinh Niết-bàn nói.

- Kinh: “Sau khi Phật diệt độ... vì người giảng nói.”

- Huyền tán: Trên hợp là nhân thọ dụng đại khi Phật tại thế giảng nói, nay trở xuống nói bốn nhân hành hóa sau khi Phật diệt độ, có bốn, đây chính là nhân nhiếp lấy xoay bánh xe của Chư Phật.

Luận chép: Sau khi Phật diệt độ trong vô lượng thời mà thuyết. Giáo hóa khiến cho tâm chúng sanh bền chắc, liền nhập vào Bát địa. Bền chắc nghĩa là lui sụt. Nếu không như thế thì sao ngày nay thành Phật hoặc nhập vào Sơ địa, đắc tín bất hoại nên gọi là bền chắc.

- Kinh: “Chư vương tử... đều thành Phật đạo”.

- Huyền tán: Phần thứ tư là nhân năng tiến nhập.

Luận: Các vị vương tử kia đắc quả Đại Bồ-đề. Cúng dường là tu tài pháp, Chư Phật là duyên lành được gặp, cần có duyên lành mới tu sâu diệu hạnh thành quả vị Phật.

- Kinh: “Vị thành Phật cuối cùng tên là Nhiên Đăng.”

- Huyền tán: Nhân nhớ nghĩ thứ tư.

Luận chép: vì người nói pháp để cho họ đạt được lợi ích. Văn chia làm hai:

1. Tám vị vương tử thành Phật.
2. Tám trăm đệ tử thành Phật.

Đây nói phần đầu.

Theo lý lẽ ra văn này thuộc phần nhân tiến nhập trước. Nhưng vì riêng nói việc thành Phật, nên là hợp nhập ở đây.

- Kinh: “Tám trăm đệ tử... tên là Cầu Danh.”

- Huyền tán: Nói tám trăm đệ tử thành Phật. Có hai:

1. Nhân nhiễm.
2. Nhân Tịnh.

Trong diệu nghiệp không thuần, ngoài tham nhiều tiếng khen, nên gọi là Cầu danh.

Luận: Bồ tát ấy tên Cầu Danh là thị hiện biết rõ quá khứ. Nếu không như thế thành ra khiển trách lỗi người.

- Kinh: “Người này cũng vì... tôn trọng khen ngợi.”

- Huyền tán: Đây nói về nhân, tịnh gieo trồng cả phước và tuệ được gặp duyên tốt, tu tập ba nghiệp, cúng dường tài pháp. Thân cung kính ý thì tôn trọng, ngữ thì khen ngợi. Luận chép: Gieo trồng căn lành lại thị hiện đắc đầy đủ pháp vị.

- Kinh: “Di-lặc nên biết... là thân Ngài đó.

- Huyền tán: Trên đáp về việc đồng. Dưới đáp về việc tức xưa là nay. Tự thân đã đạt đến sự nhân. Luận chép: Vì tự thân ngài Văn-thù thọ lạc thắng diệu. Trong đây có hai: Một là người, hai là pháp.

- Kinh: "Nay thấy điềm lành này... Phật sở hộ niệm."

- Huyền tán: Đây là phần đáp tổng kết.

- Kinh: "Bấy giờ ngài Văn-thù-sư-lợi... khiến thể nhập vào trí tuệ Phật."

- Huyền tán: Dưới có bốn mươi ba bài tụng. Tụng phần nêu bày sự riêng xưa tức nay, không tụng hai nhân đầu. Phần tiếp có hai hàng tụng không nhập vào trong lời đáp, phần thứ ba là khuyên chúng cần nên biết, chẳng phải tụng nghĩa trước. Do đây mà lại chia ra làm hai:

1. Bốn mươi bài tụng đầu nêu rõ các sự riêng.
2. Ba bài tụng sau tụng việc xưa tức nay.

Phần Văn xuôi nêu sự riêng có bảy nhân, chia làm ba. Nay không tụng. Tiếp lại nêu nhân thắng diệu của Chư Phật. Cho nên tụng sáu nhân, nhưng chia ra làm hai: Hai hàng tụng đầu tụng về tán dương điều ít có. Ba mươi tám hàng tụng sau tụng về trình bày sự đồng. Trong phần tán dương điều có cũng có bốn: Hai câu đầu tụng thời, hai câu kế tụng danh, một câu tụng pháp, ba câu sau tụng sanh sự lợi ích.

- Kinh: "Lúc Phật chưa xuất gia... Phật muốn nói Pháp Hoa".

- Huyền tán: Ba mươi bài tụng trình bày việc đồng sự, trong đây có năm nhân chia ra làm hai:

Hai mươi chín hàng tụng đầu tụng nhân thọ dụng đại khi Phật tại thế tuyên dương.

Chín hàng sau tụng bốn nhân còn lại, hành hóa sau khi Phật nhập diệt. Trong phần đầu hai mươi chín hàng lại chia làm bốn đoạn:

Hai mươi hàng rưỡi nêu tướng đồng như bây giờ. Bốn hàng kế là tụng xướng diệt liền khác. Hai hàng rưỡi tiếp tụng đương lai, được thọ thành Phật. Hai hàng tụng cuối tụng hiện nhập Niết-bàn.

Trong hai mươi hàng rưỡi tụng đầu lại chia làm sáu:

1. Một hàng chúng thành.
2. Một hàng thời thành.
3. Hai hàng rưỡi tụng uy nghi thành.
4. Mười hàng rưỡi tụng nhân thuyết thành.
5. Một hàng rưỡi tụng muốn nghe thành.
6. Bốn hàng cuối tụng đáp thành.

Đây nói về phần đầu.

Hai câu trên là tụng về thế tục. Hai câu sau là tụng xuất gia.

- Kinh: "Phật nói kinh Đại thừa... mà rộng phân biệt."

- Huyền tán: Tụng thời thành tựu.

- Kinh: "Phật nói kinh này rồi... tên kinh là Vô Lượng Nghĩa."

- Huyền tán: Hai hàng rưỡi tụng. Trong phần oai nghi thành có hai: Một hàng tụng nhập định. Một hàng rưỡi tụng khí thế gian và hữu tình thế gian.

- Kinh: "Trời mưa hoa Mạn-đà... tức thời đại rung chuyển."

- Huyền tán: Tụng khí thế gian và hữu tình thế gian. Trong đây lại có năm: nhập định, mưa hoa, tạo âm nhạc, cúng dường, động địa.

Đây cùng với văn Trường hành trước sau có không rộng lược không đồng.

"Tất cả cõi Phật tức thời có sự rung chuyển lớn!" Cũng chỉ có cõi Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh bị rung chuyển, không phải cả mười phương. Trước đây nói: Mà cõi này sáu phen rung chuyển." Nay ở nước của Phật Đăng Minh tất cả đều rung chuyển. Báo thân hóa thân chẳng phải một nên nói Chư Phật.

- Kinh: "Phật phát ra ánh sáng giữa chặn mày... một muôn tám ngàn cõi Phật."

- Huyền tán: Mười hàng tụng rưỡi nói về nhân thuyết thành tựu. Có ba: Hai câu phát ra ánh sáng. Hai câu chiếu cảnh. Chín hàng tụng rưỡi tụng như chỗ thấy nay là Chư Phật cõi nước. Đây nói hai tụng đầu.

- Kinh: "Từ câu: Bày nghiệp báo sanh tử của tất cả chúng sanh," trở xuống.

- Huyền tán: Chín hàng tụng rưỡi: Như chỗ nay thấy có năm:

1. Nửa hàng tụng đầu tụng chúng sanh sáu đường.

2. Ba hàng tụng thấy Phật.

3. Một hàng tụng nghe pháp.

4. Một hàng tụng thấy bốn chúng.

5. Bốn hàng tụng thấy Bồ-tát, không tụng lúc Phật nhập diệt xây tháp.

Chữ xứ là qủa báo nơi đến, là nơi nghiệp nhân trở về. Hoặc xứ còn gọi là đạo lý. Do nhân thiện mà cảm quả báo thiện. Nhân ác cảm quả, ác là có đạo lý đúng. Hoặc xứ còn gọi là xứ sở là nơi thọ báo thiện ác.

- Kinh: "Có thấy cõi nước Chư Phật... do đây mà Phật phát ra ánh sáng."

- Huyền tán: Ba hàng tụng thấy Phật, chia làm ba:

1. Thấy cõi Tịnh.

2. Thấy cúng dường.

3. Chánh thấy Phật.

Phật Thích-ca phóng ánh sáng đều như sắc vàng. Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thì màu sắc như lưu ly, pha lê. Vì muốn hiển bày giáo pháp Đại thừa thuần nhất nên chỉ có sắc vàng. Các công đức đều đầy đủ nên đủ loại màu sắc, cùng chiếu sáng.

Tiếng Phạm là Phệ lưu ly, dịch lược là lưu ly, có nhiều màu sắc.

Phả-chi-ca, dịch là Thủy tinh. Cũng gọi là thủy ngọc, hoặc gọi là bạch châu, dịch pha lê là sai. Luận Trí độ chép: Lấy ra từ trong hang động núi, qua một ngàn năm tuyết phủ hóa thành pha lê". Ở Tây vực đất khô nóng không có tuyết, sao lại có vật hóa thành pha lê. Đây là chỉ cho một loại đá, nơi nơi đều có.

- Kinh: "Và thấy các trời người... đoan nghiêm thật mầu nhiệm".

- Huyền tán: Trong hai hàng tụng này hàng đầu thấy cúng dường, hàng sau thấy Phật.

- Kinh: "Như trong tịnh lưu ly... giảng nói nghĩa sâu mầu".

- Huyền tán: Đây nói nghe pháp.

Phật phát ra ánh sáng chiếu sáng, hoặc các sắc ánh sáng chiếu Phật. Ở phương này từ xa trông thấy trong suốt như lưu ly hiện ra thân tượng vàng nói pháp.

- Kinh: Mỗi mỗi cõi Phật cõi nước... đều thấy đại chúng kia".

- Huyền tán: Đây nói nhìn thấy bốn chúng.

- Kinh: "Hoặc nhìn thấy chư Tỳ-kheo... nói pháp cầu Phật đạo".

- Huyền tán: Bốn hàng tụng này là thấy Bồ-tát. Các loại nhân duyên, tín giải, tướng mạo, hành Bồ-tát đạo chỉ tụng tín giải và loạn tu hành. Một hàng tụng về cần, giới dục là để nói về tại gia xuất gia đều hành Bồ-tát hạnh. Cho nên nói Tỳ-kheo hoặc xưng là Bồ-tát, tinh tấn sách tấn. Giới là căn bổn của học, nên phải học đầu tiên. Một hàng tụng thí, nhẫn. Nói thí, nhẫn chẳng phải một mà có nhiều loại. Một hàng tụng về thiền định, một hàng tụng về trí tuệ.

- Kinh: "Bấy giờ bốn bộ chúng.... Là vì nhân duyên gì?

- Huyền tán: Một hàng rưỡi tụng phần thứ năm muốn nghe thành tựu. Trong văn văn xuôi nói có hai mươi ức Bồ-tát thích nghe pháp. Đây nói bốn bộ chúng, tức cùng hiện rõ. Trước y theo phát tâm. Đây nói chưa phát tâm.

- Kinh: " Đấng, Trời, Người tôn phụng... chỉ ông chứng biết".

- Huyền tán: Là đáp thành tựu. Văn văn xuôi nói bốn nhân; văn này có hai: Hai hàng tụng này là nói nguyên nhân nói kinh này. Hai

hàng tụng sau là nói thời gian dài ngắn. Lược không có truyền đăng quyến thuộc, đại chúng an vui. Chữ thích là nghĩa gần, mới đầu. Vừa từ định khởi dậy có thể dẫn dắt chúng sanh đến quả vị Bồ-đề. Dùng trí tuệ xuất thế chiếu đạt cả chân tục thì gọi là thế gian nhãn (mắt thế gian).

- Kinh: "Thế tôn đã ngợi khen... đều có thể thọ trì.

- Huyền tán: Nói thời gian dài ngắn.

- Kinh: "Phật nói kinh Pháp Hoa... sẽ vào cõi Niết-bàn.

- Huyền tán: Tụng trên chỉ các sự tương đồng bây giờ, bốn bài tụng dưới là tụng phần hai: Xướng diệt liền khác (dị). Chia làm ba: Hai hàng tụng về xướng diệt. Một hàng tụng khuyên sở hóa. Một hàng tụng về đại chúng bi não. Hóa duyên đã xong, nay liền nói nhập diệt.

- Kinh: "Ông nhất tâm tinh tấn... ức kiếp một lần gặp".

- Huyền tán: Đây khuyên chúng sanh được hóa. Tinh tấn là căn bản của pháp xuất thế. Buông lung là nguồn gốc của sanh tử. Lý cần phải tu đoạn. Huống chi đến ức kiếp mới gặp Chư Phật. Nay đã được gặp, lại không tu đoạn sao? Cho nên trong kinh nói:

- Vui thay! Phật ra đời.
Vui thay! Diễn chánh pháp.
Vui thay! Tăng hòa hợp.
Vui thay! Đồng tiến tu.

- Kinh: "Các con của Phật thảy... Phật sao diệt độ mau".

- Huyền tán: Nói sự bi não của đại chúng.

- Thế gian trở thành trống vắng, chúng sanh hết phước nên sanh bi não.

- Kinh: "Thánh Chủ Pháp Vương... Các ông chớ lo sợ."

- Huyền tán: Hai hàng rưỡi tụng thọ ký đời vị lai sẽ thành Phật. Có hai: Một hàng tụng khuyên chớ lo buồn, vì có Phật đương lai có thể nương vào tu tập. Nói việc đồng nhập diệt là thật thường lạc. Một hàng rưỡi cuối tụng về sự thọ ký.

- Kinh: "Đêm ấy, Phật diệt độ... để cầu đạo vô thượng".

- Huyền tán: Hai hàng tụng thị hiện nhập Niết-bàn hàng đầu hiện nhập Niết bàn. Một hàng sau thấy mất vị thầy thuốc, tinh tấn mộ đạo.

- Kinh: "Trải qua Diệu Quang ấy... nói rộng kinh Pháp Hoa."

- Huyền tán: Hai mươi chín hàng tụng trên là tụng nhân được thọ dụng đại Phật ở tại thế, dưới đây có chín hàng tụng, tụng bốn nhân còn lại nói sự hành hóa sau khi diệt độ. Đây chia làm bốn: Một hàng đầu tụng nhiếp lấy nhân xoay bánh xe của Chư Phật. Một hàng tụng nhân thiện, bền vững xoay bánh xe của Như lai. Một hàng tụng nhân có thể

tiến nhập. Sáu hàng tụng sau là nhân nhớ nghĩ (ghi nhớ).

- Kinh: "Tám vị Vương tử... rõ thấy vô số Phật."

- Huyền tán: Đây là phần thứ hai nói về nhân khéo léo bền vững, chân thật xoay bánh xe của Như lai. Nếu nương vào Tiểu thừa thì ở trong tam vô số kiếp trở về trước gặp các vị Phật: Thắng Quan, Nhiên Đăng, Bảo Kế. Thuở sơ kiếp Thích-ca Mâu-ni gặp Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, sau đó gặp bảy muôn năm ngàn vị Phật. Đầu kiếp thứ hai gặp Phật Bảo Kế, lại gặp bảy muôn sáu ngàn vị Phật. Đầu kiếp thứ ba gặp Phật Nhiên Đăng, lại gặp bảy muôn bảy ngàn vị Phật. Kiếp thứ ba tu đủ một trăm kiếp tu hạnh nghiệp tướng hảo. Đầu tiên gặp Phật Thắng Quan, tức là Phật Tỳ-bà-thi. Do quỳ xuống chân Phật khen ngợi mà vượt qua chín kiếp. Cho nên trong kinh thường nói chín mươi mốt kiếp thuở quá khứ có Phật Tỳ-bà-thi. Nếu nương vào Đại thừa, thì phần thứ tư nương vào sự cúng dường Bồ-tát, tám hằng hà sa Chư Phật, nay mới hiểu nghĩa mười sáu phần của Niết-bàn, xưa nay đều nói ở trong Thập Địa. Nay cũng chưa nhất định chỉ nói tám hằng hà sa, hà tất phải là địa thứ mười. Ngài Chân-đế giải thích:

- Kiếp đầu gặp năm hằng sa Phật. Kiếp thứ hai gặp sáu hằng. Kiếp thứ ba gặp bảy hằng hà sa Chư Phật. Cho nên nay nói là đắc nhập vào Bát địa, vẫn nói thấy vô số Chư Phật.

- Kinh: "Cúng dường Chư Phật rồi.... việc thứ lớp thọ ký."

- Huyền tán: Đây là phần thứ ba nói nhân năng tiến nhập, sau đó thành tựu quả Phật.

- Kinh: "Đức Phật cuối sau hết... độ thoát vô lượng chúng."

- Huyền tán: Đây có sáu hàng tụng về nhân nhớ nghĩ. Đây chia làm hai:

Một hàng tụng nhớ về tám vị Vương tử, năm hàng tụng sau là nhớ về tám trăm đệ tử.

- Kinh: "Là Diệu Quang Pháp Sư .... gọi tên là Cầu danh."

- Huyền tán: Hai hàng rưỡi đầu là tụng về nhân ức nhiễm. Hai hàng rưỡi sau là tụng nhân ức tịnh. Đây nói phần đầu, trong năm hàng nhớ tám trăm đệ tử.

- Quí trọng tánh tộc, cho là tôn quý, yêu thích sự lợi dưỡng cho đó là điều trước tiên. Sự tu tập phần nhiều phế bỏ nên gọi là Cầu Danh.

Đầy đủ sáu lỗi như trong văn có thể biết. Giải là mỏi mệt, lạn là lười biếng, mạn là đọa. Thứ hai tham đắm đã được. Thứ ba là cầu lợi danh chưa được. Tộc nghĩa là loại. Thời Chu Lễ thì bốn lữ là tộc. Trịnh thì gọi trăm nhà là tộc.

- Kinh: “Cũng làm các nghiệp thiện cho đến số không có hạn lượng.”

- Huyền tán: Tụng nhân tịnh có hai: Năm câu đầu là nhớ năm nhân tịnh, năm câu sau là nhớ hai quả tịnh.

- Kinh: “Đức Phật kia diệt độ cho đến nay thời chính là Ta.”

- Huyền tán: Bốn mươi bài tụng trên là tụng nêu bày việc riêng. Ba hàng tụng dưới là tụng xưa tức nay có ba: Một hàng đầu tụng về người. Hàng kế tụng về pháp. Hàng sau tụng về kết thành.

- Kinh: “Ta thấy Phật Đăng Minh cho đến muốn nói kinh Pháp Hoa.”

- Huyền tán: Đây tức là pháp.

- Kinh: Tướng nay như điềm xưa cho đến giúp bày nghĩa Thật tướng.”

- Huyền tán: Đây là phần kết thành. Phật phát ra ánh sáng để cảnh tỉnh người có duyên tu tập. Đại chúng thấy điềm lành này càng sanh lòng khát ngưỡng, Phật khởi lên thần thông ở đây là nói lên pháp này không dối. Hiển bày sự tu chứng sâu kín nên gọi là phát ra ánh sáng trợ giúp nghĩa thật tướng.

- Kinh: “Các người nay nên biết cho đến đầy đủ người cầu đạo.”

- Huyền tán: Bốn mươi ba bài tụng trên là tụng lại phần văn xuôi. Hai bài tụng dưới là phần thứ ba trong đại văn khuyên chúng nên biết, Phật nói pháp hôm nay là có hai: Một hàng tụng nêu Phật nói mưa pháp phát sanh mầm đạo khiến tinh tấn tu thiện. Hàng tụng sau nêu Phật nói pháp khiến cho người cầu đạo nghi hoặc đều trừ diệt, đoạn hết điều ác.

- Kinh: “Các người cầu ba thừa cho đến khiến hết không còn sót”.

- Huyền tán: Đây là dứt nghi. Hai hàng tụng này kết thúc Phật tuôn mưa pháp lớn, nói pháp lớn.

Viết xong, vào Mùng 4 Tháng 4 Niên hiệu Bảo An năm thứ ba ngày

Tăng Giác Ấn tại chùa Pháp Long.

- Di điểm xong (sửa) vào Ngày 2 Tháng 10 đồng năm tại Chùa Hưng Phước.

- Tăng Giác Ấn ở chùa Pháp Long vì muốn chánh pháp trụ lâu mà làm tả điểm, có thể lấy đây làm kim chỉ nam v.v....

■

HUYỀN TÁN KINH PHÁP MẦU LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẦN ĐẦU

PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Lược chia ra ba môn:
1) Vì sao có phẩm này.
2) Giải thích tên phẩm.
3) Nêu ra thể của phẩm.

Về ý nghĩa vì sao có phẩm này có ba:

1. Y vào tám phẩm làm Chánh tông. Hoa sen có hai đức là lên khỏi mặt nước và nở bày tức Pháp mầu có đầy đủ hai công năng của quả tốt đẹp là hạnh trang trong cung kính.

Lại trong kinh nói: Nay kinh này chỉ nói pháp Nhất thừa. Cho nên dùng để phá hai, hội hai trở về Nhất thừa làm chánh chủ ý của kinh Pháp Hoa. Cho nên, ba lần nói pháp hợp với ba căn cơ. Phẩm này là lần đầu tiên nói pháp Nhất thừa để lợi ích cho Thu Tử (Xá-lợi-phất). Ngài Thu Tử là bậc thượng căn đầu tiên lãnh ngộ nói trong phẩm Thí dụ. Phật vì ông mà thuật lại việc thành tựu để thọ ký. Cho đến vì Thu tử nói kệ xong đó là lần chuyển thứ nhất. Trong phẩm Thí dụ ngài Xá-lợi-phất thỉnh rằng: "Nay con không còn nghi hối": Từ đây trở xuống Phật nói thí dụ để làm lợi ích cho hàng trung căn. Bốn người trung căn ấy tín hiểu. Phật nói phẩm Dược Thảo Dụ thuật lại sự thành tựu, thọ ký cho họ. Đây là lần chuyển thứ hai.

Trong phẩm Hóa Thành Dụ nói đến kết duyên từ xưa và Hóa thành là không thật, đây vì lợi ích người hạ căn. Mãn Từ Tử lãnh giải rồi. Phật ấn chứng thuật lại xong, liền thọ ký cho năm trăm vị Hữu học, Vô học. Đây là lần chuyển thứ ba, trở xuống phần dưới lại không nói Nhất thừa

nhưng chỉ nói Nhất thừa là tự thể của Pháp Hoa. Nay đại chúng nhóm họp hòa kính và đủ duyên rồi, căn khí đã phù hợp chính là lúc có thể trình bày tông pháp. Vả lại nói pháp Nhất thừa làm lợi lạc cho người thượng căn. Do đây mà phẩm Phương Tiện xếp sau phẩm Tựa.

2. Trong phần căn cứ mười chín phẩm làm chánh tông, từ phẩm Phương Tiện trở xuống có mười hai phẩm nói về cảnh Nhất thừa. Phẩm An lạc, Dũng Xuất nói về hạnh Nhất thừa. Phẩm Như lai Thọ Lượng đến phẩm Thường Bất khinh, cả năm phẩm này lại nói về quả Nhất thừa. Nói cảnh để biết rõ cảnh quyền thật khuyên nên bỏ quyền mà giữ lấy thật. Người thanh văn ngộ cảnh này mà được thọ ký.

Trong đây chia làm ba: Tám phẩm đầu chính là nói về quyền thật, ba căn cơ đều được thọ ký, ba phẩm kế là khen ngợi người và pháp, khuyên nên kính mến hành trì. Một Phẩm Trì ở sau vâng mệnh bỏ quyền trì thật hành thật pháp. Tám phẩm đầu này không khác với ý trước. Cho nên sau phẩm Tựa là phẩm Phương Tiện.

3. Luận chép: Từ đây trở xuống chỉ rõ hiện nói tướng nhân quả. Ý này ở liền sau phẩm Tựa. Nói rõ tông chỉ kinh nói là tướng trạng, thể tướng, nhân quả. Trong đây có ba ý giải thích:

a) Nói trí tuệ của Chư Phật là quả. Năng thuyên trí tuệ là giáo môn gọi là nhân. Như cửa là nơi để bước vào nhà. Vậy thì giáo là nơi hiển lý. Hoa sen chỉ nói hai nghĩa nhân quả, cho nên tức là trí thuyên.

b) Ba lần thỉnh rồi sau nói một đại sự: Khai, thị, ngộ, nhập, ba điều trước là quả, một điều sau là nhân, chính là tông chỉ Nhất thừa. Đầu tiên là nêu môn ý trí . Ngài Thu Tử phát nghi nên cố thỉnh Phật nói pháp Nhất thừa. Hai nghĩa Hoa sen tuy giải là kinh Vô Lượng Nghĩa. Quả đẹp nhân khai, đây cũng chưa bao gồm lý chung. Do đây nên nói mở bày ngộ nhập là quả và nhân.

c) Đầu tiên nói trí và môn. Môn là nhân trí là quả. Mở bày ngộ là ba quả, nhập là nhân, giáo lý hạnh quả đều là Pháp Hoa, khiến biết xưa kia giáo hành phương tiện nói thành ba. Nay nói thể thừa lý quả chỉ là một. Nghe giáo Ba thừa mà hiểu lý Nhất thừa. Thật hành nhân Ba thừa mà chứng quả Nhất thừa. Đó là ý Pháp Hoa. Như trước đã giải thích, phẩm này nói đủ tông nêu kinh tông nhân cho quả nên phẩm Phương tiện kế sau phẩm Tựa

Giải thích danh từ: Phương tiện là phương liên, khứ thanh là Tiện.

Phật trí có hai: Trí chân thật và trí phương tiện.

- Trí chân thật có hai: Thật pháp và Thật trí. Thật pháp có hai:

Một là thể thật nghĩa là hữu vi vô vi.

Hai là chân thật, nghĩa là chân như diệu lý. Thật trí cũng có hai:.

Một là như thể thật trí, tức là quán thể thật vô lậu chân trí. Đối với trí phàm vọng không biết gọi là thật trí tức hai trí căn bản và hậu đắc đều có.

Hai là chứng trí chân thật chỉ có trí chánh thể. Đây có năm cặp:

1. Đối với biết vọng gọi là thật trí.

2. Đối với biết việc gọi thật trí.

3. Đối tỏ tướng gọi là thật trí.

4. Đối trí thuyên gọi là thật trí.

Bốn thứ thật trí này đều chỉ quán về chân trí thứ tư còn bốn sở đối theo thứ lớp đều là bốn trí thế tục.

5. Đối trị quyền trí gọi là thật trí. Nghĩa là lý trí Nhất thừa, đối với biết hai quyền trí. Đây y vào chứng trí, lấy chân trí thứ tư để đối với ba tục trí sau. Nếu y vào hướng nhập trí thì lấy chân trí thứ ba đối với tục trí thứ ba.

Về trí phương tiện có ba hoặc bốn.

1. Tiến tới phương tiện. Nghĩa là trí bảy phương tiện trước kiến đạo tiến đến hướng quả gọi là phương tiện. Sở học có phép tắc nên gọi là phương, tùy theo vị tu thuận thích nghi gọi là tiện.

2. Lập ra phương tiện. Nghĩa là phương tiện khéo léo Ba-la-mật. Diệu dụng hậu trí, năng hành hai lợi nên gọi là phương tiện. Đoạn này có ba:

a. Giáo hạnh phương tiện: Ngôn âm có phép tắc gọi là Phương, bẩm giáo được an ổn gọi là tiện.

b. Chứng hành phương tiện: Lý Không ngay thẳng gọi là phương. Trí thuận chánh lý gọi là tiện.

c. Bất trụ phương tiện: Từ chân nhập tục gọi là phương: Tự tha đều lợi là tiện. Cả ba pháp này đều là lập ra phương tiện thứ hai.

d. Tập thành phương tiện: Các pháp đồng thể, xảo tướng tập thành, nên gọi là phương tiện. Vả lại chân như có đầy đủ Hằng sa Phật pháp. Lấy trí làm môn, lấy thức làm môn đều nhiếp tất cả.

Trong Bồ-tát Địa chép: Pháp này khéo léo thành, gọi là phương tiện.

Mười Địa nói: Chung, đồng, thành, biệt dị, hoại. Lấy chung đối với biệt mà làm phương tiện vậy. Bao gồm có phép tắc gọi là phương, dùng ít dung nạp nhiều gọi là tiện.

- Quyền xảo phương tiện: Thật không có việc này, vì ứng vật

quyền biến hiện ra nên gọi là phương tiện. Nghĩa là dùng ba nghiệp làm phương tiện mà giáo hóa. Đây đối với thật trí gọi là phương tiện. Lợi vật phép tắc là Phương, tùy thối cứu độ gọi là tiện. Thể này xuất xứ từ trong phần lập ra phương tiện lại không có nghĩa riêng, nên thể chỉ có ba:

Nay đây giải thích có ba:

1) Hiển hạ phương tiện chỉ dẫn dắt chúng sanh.

2) Hiển thượng phương tiện, chỉ hiện hiển bày lý sâu mầu.

3) Hiển chung khắp phương tiện ở thượng hạ.

- Hiển hạ phương tiện, kinh này phần dưới có nói. Cõi Phật Mười phương chỉ có một pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba. Trừ Phật phương tiện nói.

Lại nói: Chánh ngay bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng , tức là quyền xảo phương tiện trong bốn phương tiện. Đây có ba:

1. Thân phương tiện cầm đồ hốt phân mặc áo thô rách ở Già-da thành đạo.

2. Ngữ phương tiện: Văn dưới nói chín bộ pháp này của ta nhập vào Đại thừa làm căn bản. Lại hướng về Ba-la-nại xoay bánh xe pháp bốn đế v.v...

3. Ý phương tiện: Văn kinh dưới nói: Xét nghĩ các Phật quá khư thật hành năng lực phương tiện. Nay ta đắc đạo cũng nên nói pháp Ba thừa. Trên đồng với Chư Phật, dưới thuận với hữu tình.

Kinh Phật Địa chép: Phật dùng trí thành sở tác khởi ba nghiệp giáo hóa chúng sanh, cũng đồng với ý này. Theo như ở đây giải thích rằng. Lập ra đáng làm phép tắc gọi là phương, khéo thuận cơ nghi gọi là tiện. Luận Vãng sanh chép: Ngay thẳng gọi là phương. Ngoài đã xong làm tiện thì phương là phương thuật. Tiện là ẩn chứa sự thuận tiện, phương của tiện là phương tiện.

- Hiển trên gọi là phương tiện: Vô Cấu Xưng gọi là có phương tiện cho nên mở ra. Không có phương tiện nên trói buộc. Kinh này giải thích: Ta lập ra phương tiện ấy, khiến cho chúng sanh nhập vào trí tuệ Phật. Chư Phật đều dùng vô lượng phương tiện độ thoát chúng sanh, nhập vào trí vô lậu của Phật. Đầu tiên lập ra phương tiện, sau hiển rõ Phật trí. Tức lập ra phương tiện trong bốn phương tiện. Lý diệu đáng làm phép tắc gọi là phương, xảo dụng năng hiển gọi là tiện. Ý nghĩa thì sâu xa mà lời thì xảo diệu, tiện thông giáo lý, tiện của phương thì gọi là phương tiện.

- Thông suốt phương tiện trên dưới.

Kinh dưới Đại chúng nghi nói: Vì sao Đức Thế Tôn hết lời khen

ngợi phương tiện mà nói là: Chỗ đắc pháp của Phật sâu xa khó hiểu, ngôn ngữ ý thú khó biết. Phương tiện là chung, hai câu dưới là riêng, chỗ đắc pháp của Phật là nói rõ trên. Nay nói nhất thật, ngôn ngữ ý thú là hiển hạ phương tiện, nêu rõ ba quyền xưa. Lại nói Phật đều biết lý ấy, đã dùng các phương tiện thí dụ ngôn từ phương tiện khiến tất cả chúng sanh đều vui mừng, tiếp dưới mà hiển bày trên, cả hai đều dụng thông, tức mười hai thứ phương tiện khéo léo Ba-la-mật-đa, tùy ứng mà phối nhiếp.

Phương là pháp tắc thống nhiếp nhân tình. Tiện là lý thích nghi cần cứu giúp muôn vật. Phương là phương pháp, phép tắc. Tiện là cần thuận tiện thích nghi. Tình là hữu tình. Cơ là cơ yếu. Phương pháp thống nhiếp cơ tình, cơ nghi gọi là phương, thông suốt người và pháp, vật là nhân vật. Lý là đạo lý. Đem đạo lý cần thích nghi làm lợi ích cho nhân vật gọi là tiện. Lợi người ích pháp. Ý này nói là quy tắc lợi người ích pháp, nên gọi là phương tiện. Vừa phương vừa tiện nên gọi là Phương tiện. Do nghĩa này suy ra mà chung cả ba giải thích. Ba thứ đó hợp lại là mười hai thứ phương tiện khéo léo Ba-la-mật-đa tùy ứng mà phối nhiếp. Luận Du-già quyển bốn mươi lăm nói có mười hai thứ. Sáu thứ đầu y vào nội tu chứng. Sáu thứ sau y vào ngoại thành thục. Sáu nội tu chứng là: Bi tâm thương xót, biết rõ các hành, ưa thích diệu trí Phật, không bỏ sanh tử, luân hồi không nhiễm, mạnh mẽ tinh tấn. Sáu thứ ngoài là: Khiến thật hành ít thiện như bố thí mà cảm quả vô lượng. Khiến thật hành ít lực như giới, v.v... mà dẫn đại gốc lành. Người ghét Thánh giáo, thì trừ sự nhuế não kia, người trụ trung đạo giúp họ hướng nhập. Người đã hướng nhập thì khiến cho thành thục. Người đã thành thục thì khiến cho giải thoát. Trong đây phương tiện tiếp dưới là thành thật sáu thứ ngoài, hiển trên là sáu thứ thành thục nội chứng, thông hợp cả trong ngoài là mười hai thứ. Trong mười hai thứ vì thành bốn thứ sau lại tu sáu thứ phương tiện khéo léo:

Một là thuận theo hội thông: Sắp vì chúng sanh nói pháp, trước hiện thân, ngữ tốt đẹp, mềm mỏng khả ái, khiến cho sanh ái kính, khởi ưa thích pháp, rồi dần vì nói. Chúng sanh không hiểu pháp không mật ý ngôn giáo. Tất cả các pháp vô tánh vô sự vô sanh và diệt như huyễn như mộng v.v... như lý hòa hội. Các kinh kia không nói thể của tất cả pháp đều là vô sở hữu, chỉ vô sở chấp thì mới có thể nói tự tánh. Căn cứ vào Bậc nhất nghĩa chẳng phải tự tánh đó. Tánh sự đã vô sở hữu thì hữu đâu có sanh diệt! Lại như huyễn mộng thì chẳng như hiển hiện ra. Lại chẳng phải việc kia là vô sở hữu, nên nói như huyễn để cho người biết rõ.

Hai là cùng lập khế ước: Thấy có người đến cầu, trước cùng lập ra khế ước, khiến cho người biết được ân đức, trì tịnh giới cung kính cúng dường, sau đó mới cho họ.

Ba là khác phần ý thích: Cùng lập khế ước rồi mà người kia không mau hành trì, vì ý lợi ích. Trước hứa mà không cho, vì trước kết làm bạn thân, thuận theo mà giáo hóa họ. Người kia không theo tu học thì hiện tướng nổi giận. Họ làm trái ngược, thì giả như không tùy theo làm ích. Những tướng này là lúc quyền biến, ngoài hiện tướng xả bỏ, chẳng phải bên trong ý ưa thích, hoặc không vì cứu giúp.

Bốn là ép buộc làm: Có năng lực tự tại. Đối với thân thuộc có thể dạy bảo. Với người hủy giới không biết ân đức. Hoặc người bị khiển trích đuổi đi, dứt hết các sở cầu, cũng làm cho họ biết tu tập.

Năm là thi ân báo ân. Với người mình từng chịu ân đức trước kia, mong giúp họ tu thiện để báo đáp. Đó gọi là Đại báo ân.

Sáu là rốt ráo thanh tịnh: Đạo quả tròn đầy rồi thì trụ vào cõi trời Tri túc... cho đến hạ sanh thành Chánh giác, khiến cho người sanh tâm ưa thích mà vãng sanh tùy dưới đây, thỉnh xoay bánh xe pháp rộng vì lợi ích khắp. Đây cũng tức là thuận theo hội thông trong sáu phương tiện. Hội Ba thừa xưa là quyền, thông Nhất thật nay để quyết trạch. Trong Duy thức lại nói có hai thứ:

a, Cứu giúp phương tiện khéo léo cứu đo, tức sáu thứ ngoài.

b, Hồi hướng phương tiện. Khéo léo tức là sáu thứ nội chủng. Tùy sự thích ứng đều thuộc phương tiện này.

- Nêu ra thể tánh: Phương tiện là lấy trí tuệ làm tánh Vô phân biệt trí nội chứng cảnh chân. Trong hậu đắc trí vì lợi tha nói pháp, năng khởi diệu dụng phương tiện, lấy hậu đắc trí làm tánh. Trong Duy thức nói năm pháp Ba-la-mật-đa sau đều lấy hậu đắc trí làm tánh, tánh năng, sở thuyên mỗi đều khác nhau, do nơi trí mà hiển bày, nên nay từ căn bản lấy trí làm tánh.

Phần dưới giải thích bổn văn: Trong chu thứ nhất có bốn phần:

1. Đức Thế Tôn hiểu dụ.
2. Ngài Thu Tử lãnh hội.
3. Như lai nói pháp thành tựu.
4. Phật thọ ký cho.

Giống như văn nói trung căn, hạ căn cũng có bốn: Trong bốn phần này thì đầu tiên là phẩm Phương tiện. Ba phần sau đều ở trong phẩm Thí dụ. Trong lời hiểu dụ của Phật, luận phán làm năm:

1. Khen ngợi pháp thắng diệu, “Ta từ khi thành Phật” v.v... trở

xuống.

2. Khen ngợi công đức Pháp sư tức từ câu: “Bấy giờ trong chúng bậc A-la-hán các lậu đã hết.”

3. Đại chúng định nghi, từ câu: “Phật bảo Xá-lợi-phất: Thôi thôi không nên nói nữa. Nếu nói việc ấy thì tất cả thế gian đều sẽ kinh nghi...”

4. Định ký: “Xá-lợi-phất Chư Phật xuất hiện ở cõi đời có năm thứ vẩn đục này”...

5. Phần dứt nghi; pháp là thầy Chư Phật. Người do pháp mà thành tựu công đức. Người là năng hiển, pháp nhờ người mà được mở mang truyền bá.

Đầu tiên khen ngợi pháp mầu, sau khen ngợi sự thù thắng của người. Các Thanh văn lấy việc tự sở chứng để làm chắc chắn, nghe khen ngợi pháp nói nên có nghi sanh. Cho nên có phần định nghi. Tâm Phật vì trước đã chắc chắn rồi, nên nói “thôi đừng cố thỉnh” khiến cho người xấu phải rời chỗ ngồi bỏ đi. Đã vậy, lại giải thích rõ ràng nghĩa đó nên có phần định ký. Mọi người trong chúng nghe nghĩa nói trước kia lại có người nghi. Phật liền giải thích lại. Cho nên có phần dứt nghi, bèn thành năm phần: Hoặc chia ra làm hai. Phần đầu khen ngợi pháp và sư mầu nhiệm, chúng bèn nghi sanh; phần sau Phật lại chắc chắn thọ ký giải thích, chúng vẫn còn nghi, nên Phật giải thích lại nghi này, nên chia làm hai. Nay trong phẩm này chia làm bốn: Phần đầu là trước sâu xa, xướng báo để cảnh tỉnh, quán sát tâm chúng sanh, kế bốn chúng kinh nghi, phát khởi lời thỉnh của Thân tử. Thứ ba là khai ra thật tướng này mà khởi lên quyền môn. Bốn là khuyên phát hỷ tâm khiến ưa thích thành Phật, như ba hàng tụng ở cuối phẩm này nói.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến đều không thể biết ”.

- Tán: Hai nghĩa sâu xa là trước xướng cảnh báo, và tâm quán sát tâm chúng sanh. Trong văn có hai:

Văn xuôi và Trùng tụng.

Văn xuôi có hai:

1. Khen ngợi pháp mầu đã chứng đã nói:

2. “Ta từ khi thành đạo...” khen ngợi thân Như lai năng chứng năng nói pháp sư thắng diệu.

Trong phần đầu có hai:

1. Nêu chung phần thắng diệu.

2. Tức câu: “Vì sao” trở xuống là giải thích sự thắng diệu này.

Trong phần một lại có hai:

1. Nói về sự tự tại, theo định mà khởi,

2. Bảo với Thu Tử.

Chính là trình bày những điều sẽ nói. An là nghĩa thong thả. Tường là xét kỹ. Luận chép: Dùng trí như thật quán từ Tam-muội an tường mà khởi. Xuất định rồi bảo Xá-lợi-phất: Như lai thị hiện đắc lực tự tại. Như lai nhập vào định không ai có thể đánh thức. Quán vô lượng nghĩa xứ định gọi là như thật trí quán. Định của Phật rất cao siêu, nhập rồi người khác không thể đánh thức Phật khiến cho từ định mà khởi. Nếu không phải Phật xuất định, thì người khác không thể khiến xuất định, cho nên tự mình từ định khởi ra.

Lại hiển bày Phật ở trong định ra vào tùy ý tự tại. Tức là do hai nghĩa mà xuất định. Tuy là Tam-muội vô lượng nghĩa xứ mà phần nhiều là Tứ thiền có công đức thù thắng.

Phật không nói với người khác mà chỉ nói với Xá-lợi-phất đó là tùy theo trí tuệ sâu xa mà tương ưng với Như lai.

Nghĩa là ngài Xá-lợi-phất ở trong các thanh văn là bậc thượng , là người có trí tuệ lợi căn, một lần nghe qua thì sâu giải ngộ nhập trước tiên. Khi Phật nói pháp thì ứng hợp căn cơ. Do trí tuệ Phật rất là bậc nhất căn và pháp phù hợpnên gọi là tương ứng.

Tương ưng nghĩa là thuận theo, chẳng phải trí tuệ tương tợ gọi là tương ưng. Căn hợp Phật pháp gọi là tương ưng, cho nên không nói với Bồ-tát.

Luận có năm nghĩa:

1. Những việc làm của chúng Thanh văn, kinh Pháp mầu Liên Hoa là Phật nói cho thanh văn nghe. Việc làm của Thanh văn là xả bỏ pháp thứcền thừa mà chẳng phải việc Bồ-tát.

2. Vì các Thanh văn hồi hướng quả Đại Bồ-đề. Khiến họ phát tâm hướng đến quả Đại thừa.

3. Đây là hộ trì tâm e sợ yếu đối của Thanh văn. Nếu Phật nói cho hàng Bồ-tát, thì Thanh văn cho pháp Nhất thừa này mình không dự phần, tâm sanh khiếp sợ không thể tiến tu. Nay bảo Thanh văn để họ dứt trừ ý này: "Các ông phải dứt trừ tâm yếu đối".

4. Khiến cho người khác khéo tư duy là khiến cho Thanh văn khác khéo suy nghĩ. Ngài Xá-lợi-phất đã được thấm nhuần lời Phật bảo, chúng ta là đồng hạng với Xá-lợi-phất cũng nên được phật bảo, mà sanh lòng kính tin sâu khởi tâm tu học.

5. Vì các Thanh văn không khởi tâm các việc làm đã xong. Xưa Thanh văn cho rằng quả diệt đã đắc được là đã tròn đủ. Nay Phật khen

ngợi pháp mầu nói những việc mà họ không biết, khiến cho bỏ tiểu tâm.

Bồ-tát đối với năm việc hoàn toàn không tương ưng, cho nên tuy là lợi căn, mà Phật không chánh thức bảo, bảo riêng thì không hợp chung. Bảo người Ba thừa vì có nghi hối tức là khiến đều dứt trừ nghi. Chánh thức bảo là hàng tánh bất định và những người khác tùy ý hành trì. Pháp được khen ngợi lược có hai thứ:

1) Trí tuệ.

2) Trí tuệ môn.

Cho nên luận chép là có hai nghĩa rất sâu:

1. Chứng sâu xa là trí tuệ.

2. A-hàm sâu xa là môn trí tuệ.

Trí tuệ môn là giáo năng thuyên. Trí tuệ sâu xa là lý sở thuyên.

Tiếng Phạm là: A-cấp-ma Hán dịch là Giáo, hoặc dịch là Truyền. Từ thời thượng cổ Chư Phật truyền đến bây giờ. Nghĩa sâu xa này có cả giáo và lý. Nhưng lý là chính được gọi sâu xa, môn sâu gọi là "khó thấy, khó biết v.v...

Nhị thừa không biết cũng có cả hai pháp này, ngoài ra thuộc riêng hai pháp giáo và lý ý luận như thế.

Luận chép: Trí tuệ là nghĩa. Nhất thiết chủng , Nhất thiết chủng trí. Trí của người Nhất thiết trí gọi là trí Nhất thiết trí thể chung cả tánh tướng gọi là Nhất thiết chủng, tức quả vị Phật Niết-bàn, Bồ-đề. Hoặc Nhất thiết trí đó là Vô phân biệt trí. Lại nói trí đó là Hậu đắc trí. Nghĩa đó là cảnh. Tức là cảnh trí của Nhất thiết trí, nên gọi là trí Nhất thiết trí. Thế nào gọi là Nhất thiết trí, nghĩa là Nhất thiết chủng, tức như không như hữu, hữu vi vô vi, hữu lậu vô lậu, như giáo như lý thì gọi là Nhất thiết chủng. Chủng nghĩa là chủng loại. Pháp thể chủng loại rất nhiều chẳng phải một, nhiếp hết tất cả gọi là Nhất thiết chủng, nghĩa là Nhất thiết chủng này là cảnh của Nhất thiết trí. Tức cảnh nhất thiết chủng này gọi là trí tuệ sở thuyên. Nay dùng lý bao trùm cả thì trí tuệ có năm, nhiếp hết tất cả pháp mới gọi là Nhất thiết chủng.

1. Tánh trí tuệ: Nghĩa là chân như. Cho nên kinh ở dưới nói: Chỉ có Phật rốt ráo biết hết thật tướng các pháp". Luận tự giải thích: Tánh Như lai Tạng làm thể, khuấy động pháp thành tựu người. Chỗ thành tựu của người là trí tuệ, cho nên dẫn văn dưới để chứng minh.

2. Tướng trí tuệ: Tức là năng quán vô lậu chánh thể. Hai trí Hậu đắc làm thể. Dưới nói các trí phương tiện kiến đều đã đầy đủ. Tư duy cùng tận cùng với ước lượng cũng không thể suy lường được Phật trí.

3. Bạn trí tuệ: Là trần sa muôn đức công đức hữu vi. Dưới nói: “Tri kiến Như lai rộng lớn sâu xa, có lực vô lượng vô ngại, vô sở úy đều đầy đủ tất cả”.

4. Nhân trí tuệ: Là nghĩa giáo năng thuyên và muôn hạnh. Ở dưới nói: “Trí tuệ môn khó hiểu khó vào”. Luận chép là A-hàm sâu xa. Lại luận dẫn trong văn kinh chép: Như lai có thể nói tất cả pháp, bằng đủ loại ngôn từ. Lại nói: Trọn hành trì vô lượng đạo pháp của Chư Phật”.

5. Cảnh trí tuệ: Nghĩa là cảnh như không như hữu, chân đế, tục đế hữu vi, vô vi. Kinh nói: Như thị Tướng, như thị Tánh”. Nay nói trí tuệ môn đã là phương tiện, thì giáo năng thuyên sâu nên lý sở thuyên cũng sâu. Tức bốn tuệ còn lại nghĩa tuy có thể vậy, nhưng đều nương theo các giáo, trong năm pháp sâu xa này, phần nhiều chỉ lấy tuệ tánh chân như làm thể, dùng A-hàm sâu xa tức là ba giáo xưa. Chứng sâu xa tức là thể Nhất thừa. Vô thượng sâu xa là đại Bồ-đề. Thế nên trong kinh Thắng-man nói: “Thể Nhất thừa chỉ là chân như”. Tức là Đảo châu báu trong phẩm Hóa thành. Nay trong kinh này y vào thắng tuệ chân thật chỉ lấy tánh trí, tướng trí làm thể. Bồ-đề, Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề. Trí và trí xứ đều gọi là Bát-nhã, vì nhiếp tất cả. Nhà lửa xe trâu tức là tướng trí. Nói xe trâu riêng mà cùng là một. Đảo châu báu xưa đã có tức là trí tánh. Chúng cùng giữ lấy, thị hiện ngộ nhập tri kiến tức là hai vậy. Do đây mà có ba tự thành khác. Dưới nói: Một đại sự nhân duyên, tức là hai trí tuệ này nhân như quả. Nghĩa là trí tuệ này là chân lý Nhất thừa. Trí tuệ môn đó là ba thừa quyền giáo. Nêu chung hai giáo lý quyền thật riêng biệt lý giáo, là muốn cho người Nhị thừa hành nhân chứng quả mà bỏ quyền giữ thật. Cho nên trong kinh Thắng-man nói: Do kinh này bốn trí rốt ráo đắc Niết-bàn Nhị thừa... là phương tiện của Phật. Muốn họ xả bỏ Nhị thừa quyền mà giữ Nhất thừa thật.

Chứng pháp sâu xa, luận chép có hai nghĩa: Một là thể diệu, hai là ít có hiểu.

Thể diệu là: Luận chép chứng sâu xa có năm thứ.

Khó hiểu: Luận chép lại sự sâu xa đó tất cả người thanh văn, Bích-chi-phật không thể biết được. Năm pháp sâu xa này xưa nay chỉ y vào chân như mà giải:

1. Nghĩa sâu, nghĩa sai khác.
2. Thể sâu tự thể tánh.
3. Nội chứng sâu chánh trí, nội chứng trí khác không được.
4. Y chỉ sâu pháp giới, pháp đánh căn bản của Chư Phật.
5. Vô thượng sâu thể tối thắng. Nghĩa là Đại Bồ-đề tức là quả Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác sở chứng . Nếu kiêm quán chiếu tánh trí, tướng trí hợp lại gọi là năm chứng nghĩa.

Sâu xa là ý nghĩa rất sâu xa, là dụng của chánh trí như. Thể sâu xa nghĩa là chân như, là bổn tánh của pháp. Nội chứng sâu xa là hiển rõ lại chánh trí. Bên trong sâu xa thì gọi là sâu. Y chỉ sâu đó là hiển rõ lại chân như, là căn bản của tất cả đức nên gọi là sâu.

Vô thượng sâu là Đại Bồ-đề. Đại Bồ-đề là quả chứng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề của Như lai. Trong luận Kim cương Bát-nhã của ngài Vô Trước có nói: Vô thượng Bồ-đề là lý pháp thân. Tam-miệm-tam-bồ-đề là báo thân trí. Đây tức là hai thứ chung hiển này. Thể vượt qua tất cả cho nên gọi là sâu. Đây chính là bổn ý. Nếu chung nghĩa mà giải thích, hoặc tùy theo sở ứng, sở thuyên bốn tuệ đều có bốn sâu: Nghĩa, thể, chứng, y. Hoặc bốn pháp trí tuệ là: Tướng, tánh, bạn, cảnh. Như thế lần lượt nêu ra bốn thứ sâu xa. Chỉ Vô thượng sâu xa tại nơi quả Bồ-đề là chủ của các đức. Lại không phải thí dụ để thí dụ, suy nghĩ để suy nghĩ được gọi là sâu xa. Phần trên giải thích nghĩa sâu xa chỉ ở trí tuệ mà không thông tuệ môn. Y theo luận mà giải tuệ môn cũng có năm: Luận gọi là câu chung A-hàm sâu xa, tức là năm việc ít có. Vô lượng là trí tánh, trí tướng, trí bạn, trí cảnh. Thể biến dụng khắp, đức đầy đủ, pháp rộng lớn, như hư không không có hạn lượng, đức số vô cùng, chung cuộc ắt cũng vô tận, nên gọi là vô lượng. Nay chỉ nói tánh trí, tương trí, hai thứ có nghĩa vô lượng mà thể, đức, tác dụng đều là đầy đủ vô hạn vô cùng tận. Môn trí tuệ đó rất sâu cũng có hai nghĩa: Một là thể diệu, hai là ít có hiểu.

Thể diệu đó, luận dẫn trong kinh nói: Trí tuệ môn đó là ít có thấy, khó biết, khó giác, khó hiểu, khó nhập, đầy đủ năm nghĩa khó này.

- Khó hiểu là: Người Nhị thừa không biết:

Một là do nghĩa trí sâu xa, cho nên môn đó là ít có thấy.

Hai là do thể trí sâu xa, nên môn đó khó biết.

Ba là do trí nội chứng sâu xa, nên môn đó khó biết.

Bốn là do trí y chỉ sâu xa, nên môn đó khó hiểu.

Năm là do trí Vô thượng sâu xa, cho nên môn đó khó nhập. Dùng giáo năm nghĩa khó mà phối hợp riêng năm thứ trí tuệ sâu xa. Lại tuệ có hai: Một là phàm, hai là Thánh. Phàm có hai trí: Một là Hiện trí, hai là Tỷ trí. Hiện trí của phàm không biết gọi là ít có thấy. Tỷ trí không biết gọi là ít có giác. Thánh trí có hai: Một là hữu lậu, hai là vô lậu. Trí hữu lậu thế tục bất liễu gọi là ít có biết. Vô lậu trí có hai: Một là Căn bản, hai là Hậu đắc. Đầu tiên vì vô lậu trí không biết nên gọi là ít có

hiểu. Hậu vô lậu trí không biết gọi là ít có nhập. Nhập đó nghĩa là chứng giải. Nay trong kinh này chỉ có hai: Vô lậu trí không biết cho nên khó hiểu khó nhập. Chung hiển bày khó liễu hai thứ chứng, giáo nên nói: "Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể biết, chỉ Phật mới biết. Nay Phật sở dĩ khen ngợi hai nghĩa rất sâu, luận tự giải thích: Vì các đại chúng sanh tâm tôn trọng rốt ráo muốn nghe Như lai nói pháp, vì làm nguyên nhân gần cho sắp đến đây Phật sẽ nói pháp chân thật Nhất thừa mà Phật sở đắc, thật là sâu xa khó hiểu. Khen ngợi trí rất sâu, để làm rõ sự khen ngợi vá nói ý thú khó hiểu. Ở văn dưới và làm nguyên nhân gần nói Nhị thừa là quyền phương tiện. Trước khen ngợi pháp môn sâu mầu khiến người phát tâm hi vọng được nghe. Nếu không như thế, chỉ nên khen ngợi trí tuệ sâu xa, gồm muôn đức để thành tựu quả Phật .

- Kinh: "Vì Sao?... ý thú khó hiểu.

- Tán: Phần này giải thích nghĩa A-hàm sâu xa ở trước. Trong đây có hai: Một là chứng, hai là hiển.

Vì sao? Vì Pháp Phật sở đắc gọi là giải thoát. Ba thừa đều giải thoát, Nhị thừa cũng được nói giáo phương tiện tức cũng đã y vào đó mà học. Như thế vì sao nay nói hai thứ Nhị thừa này là không biết không thấy?

Đây dẫn ra ý này là trí tuệ của Phật, Nhị thừa chưa đắc được để gọi là sâu xa. Trí tuệ môn mà Nhị thừa đã được, đâu gọi là sâu xa! Nói Nhị thừa không biết, hoặc dựa vào giải thích đầu tiên. Vì sao? Vì sở đắc giải thoát của hàng Ba thừa tuy đồng mà Bát-nhã, pháp thân tướng, tánh trí tuệ, họ đều chưa đắc, ông nhất định không biết; lại trí tuệ môn kia họ cũng chưa rõ. Ở dưới đây chỉ giải thích tám loại sâu xa A-hàm. Muốn hiển bày Nhị thừa còn không thể biết sự sâu xa của giáo, huống chi trí tuệ của Phật là y vào phần thứ hai mà giải thích. Vì sao? Trước đã nêu giáo môn sâu xa đó, nay sẽ nói đầy đủ rõ ràng. Do đó mà từ phần này trở xuống chỉ hiển bày giáo lý sâu xa. Luận nhắc lại trong kinh có tám câu, nay văn này chỉ nói sáu câu. Y theo luận thì nên nói: "Phật từng gần gũi trăm ngàn muôn ức vô số Chư Phật, trọn tu vô lượng đạo, pháp của Chư Phật, mạnh mẽ tinh tấn danh tiếng vang khắp thành tựu pháp sâu xa chưa từng có, pháp khó hiểu đó Như lai có thể biết, tùy nghi mà nói, ý thú khó hiểu. Tất cả người thanh văn Bích-chi-phật không thể biết được". Tức thêm vào câu thứ sáu trong kinh này câu: "Pháp khó hiểu đó Như lai đều có thể biết. "Và cho vào trong câu thứ tám nói: " Tất cả người thanh văn, Bích-chi-phật đều không thể biết", thành ra tám nghĩa sâu xa.

- Câu thứ nhất nói: "Phật từng gần gũi trăm ngàn muôn đức vô lượng Chư Phật" tức là thọ trì đọc tụng nghĩa sâu xa. Đây là nói về Đức Thế Tôn trải qua ba đại kiếp cúng dường hai mươi sáu hằng hà sa Chư Phật. Ở chỗ các cõi Phật kia thọ trì đọc tụng pháp môn này. Gọi là sâu xa, chẳng phải như người Nhị thừa đơn giản liền hiểu được cho nên gọi là sâu xa.

- Câu thứ hai nói: "Hành trì đạo pháp vô lượng của Chư Phật" tức là tu hành sâu xa. Phước trí hai lợi đạo hành của Chư Phật đều hành trì. Chẳng phải như người Nhị thừa lược gọi tu nhân, gọi là sâu xa, mà các thừa dưới y theo đây đều biết.

- Câu thứ ba: "Mạnh mẽ tinh tấn": Quả hành sâu xa, quả là quả chắc chắn. Tinh thuần mạnh mẽ kham chịu sự mệt nhọc, việc làm đều thành tựu nên gọi là quả chắc chắn. Hoặc do tinh tấn mà việc làm khéo thành, nay đạt được quả thắng diệu gọi là quả sâu xa. Như nghe một câu kệ, nữa bài kệ mạnh mẽ gieo mình vào lửa, xả thân sáu năm khổ hạnh bước chân bảy ngày kiêng chân lên, chẳng phải là không có sự chuyên tinh siêng nhọc mà được.

- Câu thứ tư: "Danh tiếng vang khắp: Tâm thêm lớn công đức sâu xa. Do danh tiếng vang xa, phàm Thánh đều nghe biết, còn cố gắng bản thân siêng năng lại thêm tu đoạn. Công đức tự tâm lại càng thêm lớn. Hoặc danh tiếng vang xa mọi người đều nghe, đều là tâm thêm lớn công đức. Tất cả mọi người đều nghe biết nên gọi là sâu xa.

- Câu thứ năm: "Thành tựu pháp sâu xa chưa từng có:" Tâm vui sự mầu nhiệm sâu xa. Do thành tựu pháp là sự vui thắng diệu chưa từng có. Tâm năng thành cũng làm cho vui mầu nhiệm. Tâm vui mầu nhiệm nói nên giáo khó biết.

- Câu thứ sáu: Pháp khó hiểu đó: Như lai có thể biết tức là pháp Vô thượng sâu xa. Do pháp thật khó hiểu mà Như lai có thể biết, nên pháp môn này trở thành vô thượng. Hoặc thể của pháp khó hiểu tức là vô thượng, chỉ Phật mới có thể biết nên gọi là sâu xa.

- Câu thứ bảy: "Tùy nghi mà nói ý thú khó hiểu". Nhập sâu xa tức ý thú văn chương văn tự khó đắc. Phật tự trụ, trì, nhập giải ý này, không giống như ngoại đạo, tự thân không hiểu làm sao giải thích cho người khác hiểu. Nói pháp nhân duyên nghĩa rất sâu xa. Nhập có hai nghĩa: Một là ít có nhập giải chỉ Phật tự giải; hai là tùy nghi mà nói khiến cho người nhập vào pháp ấy. Ý thú khó hiểu đó gọi là sâu xa.

- Câu thứ tám: "Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật không thể biết: Là sở tác sâu xa của Phật không đồng với Thanh văn, Bích-chi-phật, đã

hành trì, giữ gìn; không đồng sở tác nội lợi, ngoại lợi của họ, nên gọi là sâu xa. Trên đây là chung nói do gần gũi Chư Phật mà thọ trì, đọc tụng, tu hành, mà quả quyết thêm lớn công đức tâm chứng sự vui nhiệm màu, thành tựu pháp Vô thượng, nên tùy nghi nói, khó thể được hiểu, người Nhị thừa không hiểu trí tuệ môn ấy nên gọi là pháp sâu xa khó hiểu khó nhập. Huống chi trí tuệ Phật chẳng phải là sâu xa sao?

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến... các thứ Thí dụ”.

- Tán: Trên khen ngợi pháp Phật nói và chứng đắc đều thắng diệu. Phần dưới khen ngợi Như lai bậc Pháp sư năng chứng, năng nói đều thắng diệu, theo luận chép lại kinh, thứ lớp phần dưới nên nói: “Vì sao? Xá-lợi-phất! Chư Phật Như lai tự tại nói nhân thành tựu. Xá-lợi-phất! Như lai thành tựu các thứ phương tiện, các thứ tri kiến, các thứ niệm quán, các thứ ngôn từ. “Câu trên đây là chung, câu dưới giải thích câu trên nói: “Xá-lợi-phất! Ta từ khi thành Phật đến nay, ở trong các nơi, đều giảng rộng nói ngôn giáo dùng vô số phương tiện dẫn dắt chúng sanh, khiến cho họ xa lìa mọi sự chấp trước”.

Ý này lần lượt nói: Do thân Như lai đối với lý tự chứng được thành tựu tự tại mà nói nhân tròn đầy. Do đó mà nay nói trí tuệ sở chứng và môn trí tuệ. Cả hai đều sâu xa. Vì sao gọi là nói nhân thành tựu? Nghĩa là các thứ phương tiện, các thứ tri kiến, các thứ niệm quán, các thứ ngôn từ, ba pháp đầu ở đây hợp lại gọi là nhân duyên, là đạo lý nhân duyên. Ngôn từ gọi là thí dụ, vì ngôn từ nói nhiều đến thí dụ. Y theo luận giải thích kinh thì từ câu “Các thứ thí dụ” trở lên gọi là câu chung. Rộng nêu ở dưới gọi là câu riêng. Lần lượt thích luận có ba cách giải thích: Đầu tiên luận tự giải thích riêng bốn câu đầu; kế Luận lấy các câu dưới của kinh hai lần phối hợp bốn câu này, cuối cùng là hai phen phối hợp. Giải thích đầu tiên có ba nghĩa:

Một là nói về xứ nêu nghĩa câu thứ tư, nói rõ Nhất xứ. Lần đầu giải thích riêng: Như lai thành tựu bốn thứ công đức, có thể hóa độ chúng sanh:

I. Xưa thành tựu: Nghĩa là Phật dùng các thứ phương tiện từ cung trời Đâu-suất hạ sanh... cho đến thị hiện nhập Niết-bàn. Thường qua lại mười phương mà hóa độ khó nghĩ bàn. Bát tướng thành đạo làm lợi ích chúng sanh, dụng trí khéo léo nên gọi là phương tiện.

Bát tướng là: Trong kinh Đại Bát-nhã quyển năm trăm sáu mươi tám chép:

1. Bồ-tát cung trời Đâu-suất hạ sanh vào thai mẹ.
2. Tuổi nhỏ.

3. Trưởng thành.
4. Khổ hạnh.
5. Thành đạo.
6. Hàng ma.
7. Xoay bánh xe pháp.
8. Nhập Niết-bàn.

Vì sao thị hiện tám tướng? Kinh nói: Bấy giờ Thiên Vương Tối Thắng lại bạch Phật rằng: Vì sao Bồ-tát hành sâu Bát-nhã? Vì sao độ chúng hữu tình thị hiện các tướng?

Phật bảo Tối Thắng: Tướng sâu xa Bát-nhã là không thể đắc. Tướng các Bồ-tát cũng không thể đắc, chỉ nhờ vào uy lực phương tiện khéo léo, vì chúng hữu tình thị hiện từ tướng nhập thai cho đến hóa ra các tướng Niết-bàn. Các vị trời chấp thường cho là không có sự đọa lạc, nên Bồ-tát phá chấp này mà thị hiện nhập thai, để cho các vị trời kia khởi lên ý niệm vô thường. Bậc tối thắng ở trong thế gian đối với dục vô nhiễm, còn có sự đọa lạc, huống chi chúng chư thiên mà lại được chấp thường sao! Thế nên chớ có buông lung mà càng thêm tinh tấn siêng năng, buộc niệm tu đạo. Như thấy mặt trời còn có lúc lặn , tức biết ánh sáng đom đóm há được dài lâu!

Lại có chư thiên buông lung chấp vào lạc thú không tu chánh pháp, buông tình vui chơi. Tuy ở cung trời chung với Bồ-tát mà không đến lễ bái, không thưa hỏi thọ pháp. Có vị nghĩ rằng: Hôm nay thọ vui, ngày mai đến Bồ-tát sẽ học pháp yếu, lại còn bảo nhau: “Ta và Bồ-tát thường ở đây tu hành, làm gì mà vội!” Cho nên, Bồ-tát như cứu lửa cháy đầu, phá tâm buông lung kia mà thị hiện sự đọa lạc, thị hiện như thế có hai nhân duyên:

1. Để chư thiên lìa tâm buông lung.
2. Để cho các hữu tình đều được thấy Phật... như thế thị hiện cho đến tướng thứ tám. Lại , có các trời người thích nghe pháp viên tịch. Bồ-tát vì họ thị hiện vào Niết-bàn. Trong Nhiếp luận Đại Thừa quyển chín nói có khác chút ít . Trong kinh Hoa Nghiêm thị hiện mười tướng đều nói rộng như thế.

II. Giáo hóa thành tựu: Nghĩa là thị hiện các nhân nhiễm tịnh, các thứ tri kiến. Do đầy đủ tri kiến ở trong hóa thân, nên thị hiện ra tất cả nhân tập nhiễm có thể vời lấy quả khổ. Tất cả nhân đạo tịnh có thể chứng diệt. Hoặc thị hiện các pháp đạo lý nhiễm tịnh. Nhân là nguyên nhân là nghĩa đạo lý. Trước có thể hiện thân, ở trong thân này thị hiện các pháp đạo lý nhiễm tịnh. Luận ở dưới giải thích điều này có khác với

câu thứ tư , đây y chứng vào pháp, kia y vào nói pháp.

III. Công đức rốt ráo thành tựu: Nghĩa là các thứ niệm quán. Lấy việc nói pháp kia mà thành tựu nhân duyên tương ưng đúng pháp. Ý này nói là vì nói các pháp niệm quán. Niệm quán kia Phật đều đã thành tựu như pháp nhân duyên nói, xưa nay đều tương ưng. Nói tương ưng đó là khế ước chứng nghĩa.

IV. Nói thành tựu: Nghĩa là các thứ ngôn từ. Lấy bốn vô ngại y vào chỗ nào? Danh tự chương cú là gì? Tùy theo những gì? Chúng sanh năng thọ pháp gì mà vì họ nói? Dựa vào chỗ nào tức những gì là nghĩa? Là nghĩa vô ngại giải. Những gì là danh tự chương cú, là Pháp vô ngại giải. Tùy theo những gì là tùy theo ngôn ngữ chúng sanh các địa phương, mà nói pháp. Tức Từ vô ngại giải chúng sanh. Thọ pháp gì là nói căn khí chúng sanh có thể thọ, Phật liền nói pháp, là Biện tài vô ngại giải.

Trong bốn thành tựu này thì thứ nhất là hóa thân Phật có khả năng khởi tám tướng thành đạo. Thứ hai: Thị hiện các pháp đạo lý nhiễm tịnh. Thứ ba: Như pháp đã nói Phật đều rốt ráo chứng đắc. Thứ tư đầy đủ bốn vô ngại. Do Phật là vị Pháp sư có đầy đủ bốn thứ nên nói nhân thành tựu thành thắng diệu, pháp nói đó cũng thắng diệu. Luận giải thích bốn câu rồi, kế lại giải sự sai khác về câu thứ hai, câu thứ tư: Giáo hóa thành tựu là y theo chứng pháp. Nói thành tựu là y vào sự nói pháp. Y vào sở chứng đạo lý nhiễm tịnh của khổ tập diệt đạo thứ lớp vì người mà nói, gọi là Giáo hóa thành tựu thứ hai. Y vào pháp nói mà nói. Nghĩa pháp từ biện theo thứ lớp vì người nói gọi là nói thành tựu thứ tư thì không loạn vậy.

Hoặc bốn thứ trước, câu thứ nhất là đức của hóa thân. Câu thứ hai là báo thân đức. Câu thứ ba là pháp thân đức. Câu thứ tư là Bốn biện đầy đủ. Do ba thân bốn biện đầy đủ này nên có thể khởi nói. Ba thân đầy đủ nên trí tuệ sâu xa. Bốn biện đầy đủ nên tuệ môn sâu xa, nhân duyên này tức là ba thứ tri kiến phương tiện, niệm quán. Thí dụ là các thứ ngôn từ.

- Kinh: “Rộng nói ngôn giáo cho đến xa lìa chấp trước”.

- Tán: Trên y vào luận văn một lần giải thích chung bốn câu xong. Luận lại câu thứ hai dùng các câu dưới phối hợp với bốn câu này:

- Đây là phối hợp với câu thứ nhất nói: Dùng các thứ phương tiện.

- Câu kế nói: “vì sao? Phương tiện tri kiến Ba-la-mật” của Như lai đều đã đầy đủ là phối với câu thứ hai “các thứ tri kiến”. Kế đến: “Ngài

Xá-lợi-phất cho đến tri kiến của Như lai cho đến giải thoát Tam-muội" là phối với câu thứ ba c các thứ niệm quán.

Kế câu "Sâu nhập vô cùng cho đến xưa nay rốt ráo"... là phối với câu thứ tư "các thứ ngôn từ." Luận tuy lấy văn kinh dưới riêng phối hợp bốn câu chung ở phần trên nhưng đầu tiên hai lần giải thích ba câu trên rồi. Lại hai lần này giải thích một câu sau. Văn luận kia rất dài vừa lại khó hiểu thích, lẽ ra dựa vào kinh mà đọc, lần đầu trong đây nên giải thích:

- Lại có nghĩa các thứ phương tiện, tức là chỉ cho thấy các lỗi của tà pháp ngoại đạo và các công đức chánh pháp của Chư Phật. Như trong kinh Phật bảo Xá-lợi-phất: Ta từ thành đạo đến nay, nói rộng ngôn giáo dùng vô số phương tiện dìu dắt chúng sanh, chấp trước khiến cho được hiểu thoát. Văn tuy có chịu ít khác mà đại ý cũng đồng. Giải thích câu vô số phương tiện, lại có bốn lần:

1. Phương tiện: Dùng phương tiện để khiến nhập các thiện pháp.
2. Dứt các nghi.
3. Khiến nhập vào thắng trí tăng thượng .
4. Y theo bốn nhiếp pháp, nhiếp lấy chúng sanh giúp cho được hiểu thoát.

Trong sáu điều giải thích này là để bỏ tà về chánh tiến thiện phá ác, tự nhập vào Thánh trí và khiến cho người giải thoát. Thứ lớp phối hợp là: "Dùng phương tiện này dẫn dắt tất cả chúng sanh để họ lìa hết chấp trước. Trước là chấp bổn, ái nhiễm sanh tử căn bản. Luận chép các chấp trước đó là chấp vào những chỗ kia. Hoặc chấp cõi, chấp địa, chấp phần, chấp thừa.

- Chấp cõi là chấp ba cõi. Chấp địa là chấp: Giới, thủ, Tam muội từ Sơ thiền định địa cho đến Phi tưởng, Phi phi tưởng, định Diệt tận . Tức là thứ lớp lấy chín định làm địa. Giới thủ, kiến thủ, chấp Tam muội này gọi là chấp trước địa.

- Chấp phần là chấp vào phần tại gia đã đồng loại mà gây ra các nghiệp tà kiến.

- Chấp xuất gia phần: Là chấp danh tiếng lợi dưỡng có thể khởi ra các thứ giác sát phiền não. Chấp thừa là chấp vào Thanh văn thừa, thích tu theo tiểu giới để cầu bốn quả. Chấp ở nơi Đại thừa là chấp sự cung kính cúng dường lợi dưỡng. Do chấp mà phân biệt quán sát các pháp tướng, cho đến phân biệt Phật địa.

- Kinh: "Vì sao? Cho đến đều đã đầy đủ."

- Tán: Đây là câu thứ hai: Luận lần đầu nói: Lại các thứ tri kiến

đó là tự thân thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn cho thanh văn Bồ-tát. Như trong kinh nói: Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như lai, làm phương tiện đạt đến bờ kia, người đến bờ kia rồi thì vượt hơn tất cả các chúng Bồ-tát. Văn có ít không đồng nghĩa mà ý không khác.

- Tri kiến đó là thể của hai trí chân, tục. Căn bản trí gọi là Tri. Hậu đắc trí là kiến, phương tiện là diệu dụng phương tiện khéo léo của trí này. Do tự thành tựu cảnh giới bất tư nghì mà đầy đủ tri kiến, cùng chúng Thanh văn gọi là phương tiện.

- Ba-la-mật nghĩa là đến bờ kia. Nói Phật thành tựu thể của hai thắng trí, có công năng thành tựu cảnh giới không thể nghĩ bàn. Đã đến bờ kia là vượt hơn tất cả. Do đầy đủ phương tiện diệu dụng của hai trí, lại có thể làm cho người khác đến được bờ kia. Cũng đem cảnh giới tri kiến không thể nghĩ bàn này cho các thanh văn Bồ-tát.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến Tam muội giải thoát".

- Tán: Đây là câu thứ ba: Luận lần đầu nói:

Lại nói các thứ niệm quán. Như kinh nói: "Xá-lợi-phất! Tri kiến của Như lai, rộng lớn sâu xa vô chướng vô ngại, lực vô sở úy, bất cộng pháp, căn, lực, Bồ-đề phần, thiền định giải thoát Tam-muội, Tam-ma-bạt-đề, đều đã đầy đủ." Văn ý phần lớn đồng, ít có khác nhau. Nay nói tri kiến. Rộng có nghĩa là vô biên, lớn là Vô thượng, sau là ít có lường, xa là dài lâu vô cùng đến tận vị lai.

Trên đây chính là câu nêu chung các đức. Dùng hai trí làm tánh nên gọi là tri kiến.

Lại các đức này cũng thuộc về quyến thuộc của hai trí nên gọi là tri kiến. Từ "Vô lượng trở xuống..." là các câu nói riêng về đức. Y theo văn kinh thì vô lượng là bốn vô lượng, tức luận chép lại kinh là "không có chướng ngại." Vô ngại là bốn vô ngại giải. Lực là mười lực. Vô sở úy là bốn vô sở úy, luận bổn nhắc lại trong kinh là: Bất cộng pháp, mười tám pháp bất cộng. Căn nghĩa là ngũ căn, lực là ngũ lực. Bồ-đề phần gồm ba mươi bảy pháp. Bốn thứ trên đây, trong kinh vốn không có mà nói Thiền tức là tứ tĩnh lự trong cõi Sắc. Định là Bốn định cõi vô sắc. Giải thoát là tám giải thoát. Tam muội là tam Tam muội. Tam-ma-bạt-đề nghĩa là cửu Đẳng chí, loại này trong bổn kinh vốn cũng không có. Luận nhắc lại trong kinh có mười ba môn. Nay trong kinh này gồm có tám môn công đức gọi là niệm quán. Thể tức là tuệ giải đã nói, cho nên không thể giải thêm. Nghĩa môn mỗi loại nên tóm tắt phân biệt như sau. Bốn vô lượng dùng năm môn để phân biệt: Một là nêu danh, hai là giải thích danh, ba là nói về về hành tướng, bốn là nêu thể tánh, năm là nói

về sự khác nhau.

- Nêu danh là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng.

- Giải thích danh là: Một là duyên vô lượng cảnh, duyên tất cả hữu tình khởi ra bốn pháp này; hai là khởi vô lượng hạnh, hành giải cũng thật rộng lớn; ba là cảm vô lượng quả, được phước phạm lớn mà thành tựu Như lai. Danh là vô lượng. Bốn là nêu ra số để giải thích.

- Nói về hành tướng đó là pháp giới hữu tình, chung có ba thứ: Một là không khổ không lạc, không điên đảo cho lạc thì gọi là Từ lấy vô sân làm thể; hai là có khổ thì cứu khổ gọi là Bi lấy không hại làm thể; ba là có lạc thì giúp thêm hỷ gọi là hỷ lấy gốc lành không ghét làm thể. Lại đối với không khổ không vui mà khởi lìa tưởng si với có khổ khởi lìa tưởng sân, với có lạc thì khởi lìa tưởng tham. Bình đẳng muốn chúng sanh lìa các ác gọi là xả, khiến cho xả ác lấy khéo xả làm thể.

- Nêu ra thể tánh gần lại có ba pháp: Đó là vô sân, bất hại và xả. Thể của không ganh ghét là không sân, không phân biệt pháp.

- Nói về về sai khác, mỗi pháp này có ba:

1) Hữu tình duyên mà tạo ra hữu tình tưởng.

2) Pháp duyên không thấy hữu tình chỉ tác pháp tưởng.

3) Là vô duyên. Lại đối với các pháp lìa tâm phân biệt, tưởng là chân như . Cho nên gọi là vô duyên. Hoặc pháp vô lượng, duyên với các giáo pháp. Trong ba pháp này, đầu tiên là với ngoại đạo, kế là cùng Nhị thừa, sau cùng chỉ có Bồ-tát. Ba pháp đầu là an vui, một pháp sau là lợi ích, cảm quả có thể biết. Sai khác với đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả có , nghĩa là đây chỉ do thật quán, chỉ Phật khởi. Duyên vào ba cõi mà sanh ra, đều có với vô si . Đây có cả giả thật, có cả phàm Thánh mà khởi lên. Duyên vào giới bất định, chẳng phải là vô si đều có.

- Bốn vô ngại giải phân biệt giải thích theo ba cách: Một là nêu danh, hai là nói về tướng, ba là nêu ra thể.

- Nêu danh là: Một là Pháp vô ngại giải, hai là Nghĩa vô ngại giải, ba là Từ vô ngại giải, bốn là Biện tài vô ngại giải.

- Nói về tướng Pháp là văn giáo danh cú năng thuyên. Nghĩa là các pháp đế lý chân tục sở thuyên. Từ là tiếng nói của các nơi. Biện tài gồm có bảy thứ. Duyên bốn vô ngại này trí không bị vướng mắc, gọi là vô ngại giải. Có nhiều định nghĩa khác nhau như trong Bồ-tát Quyết Trạch Địa và Mười Địa luận có nói.

- Nêu ra thể: Bốn thứ này lấy hậu đắc trí vô lậu làm thể, chẳng phải chứng chân. Nghĩa vô ngại giải cũng có cả chánh trí. Sơ địa đắc từng phần. Cửu địa nhậm vận lìa chướng viên thành thì quả Phật đầy

đủ.

- Mười lực tóm tắt phân biệt theo năm cách: Một là nói về danh; hai là nêu thể; ba là hành tướng; bốn là thứ lớp; năm là các môn.

- Nói về danh có hai: Một là nêu danh, hai là giải thích danh.

Một là phi xứ trí lực.

Hai là Tự nghiệp trí lực. Kinh Đại Bát-nhã quyển năm mươi ba gọi là Nghiệp dị thục trí lực.

Ba là Tĩnh lự giải thoát, Đẳng trì, Đẳng chí trí lực. Lại gọi là Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí tạp nhiễm thanh tịnh trí lực.

Bốn là Căn thắng liệt trí lực.

Năm là Chủng chủng thắng giải trí lực.

Sáu là Chủng chủng giới trí lực.

Bảy là Biến thú hành trí lực, Kinh Đại Bát nhã gọi là Biến hành trí lực.

Tám là Túc trụ tùy niệm trí lực.

Chín là Sanh tử trí lực.

Mười là Lậu tận trí lực.

Giải thích danh: Trước giải thích chung, sau là giải thích chi tiết.

Gọi chung là lực thì có khả năng phá trừ kẻ thù, không thể bị khuất phục. Du-già Bồ-tát Địa quyển bốn mươi chín và năm mươi và Quyết Trạch năm mươi bảy. kinh Bồ-tát Tạng quyển năm, Luận Hiển Dương quyển tư. Đối pháp thứ mười bốn, kinh Đại Bát-nhã đều giải thích tướng này, cùng tương ưng với tất cả công năng lợi lạc chúng hữu tình. Cuối cùng khuất phục tất cả ma oán, có đại uy lực nên nói tên là lực. Vì thế dùng uy thế có thể khuất phục những việc ít có khuất phục gọi là lực. Đối pháp gọi là khéo hàng phục chúng ma, khéo hỏi luận ghi nhớ. Cho nên gọi là Mười lực. Mười có nghĩa là số, lực dụng khác nhau, nên có mười thứ gọi là Mười lực. Y theo sáu cách giải thích, đây là giải thích theo số.

Giải thích tên riêng là: Nhân quả tương đương gọi là xứ! Nếu không tương đương thì gọi là phi xứ. Cho nên trong Du-già chép: Quả tịnh bất tịnh chẳng phải không bình đẳng, như nhân như thật chuyển đó gọi là xứ. Xứ nghĩa là kiến lập. Nương vào nghĩa mà khởi nghĩa, có thể kiến lập quả, là vì nhập năng khởi ở quả pháp. Nhân đặt tên xứ nhân bất bình đẳng đều trái ngược với trên nên gọi là phi xứ. Đối với hai thứ này, Nhất thiết trí không vướng trí thanh tịnh, trí lìa tăng thượng mạn gọi là trí. Lực nghĩa như trước. Mỗi pháp đều tự tạo ra ba đời ba nghiệp. Hoặc thuận theo hiện thọ, hoặc thuận theo sanh thọ, thuận theo

hậu thọ, bất định thọ gọi là tự nghiệp. Ở đây chánh tri gọi là tự nghiệp trí lực. Đây ở trong nghiệp dị thục thiện ác mà sanh ra trí giải. Cũng gọi nghiệp dị thục trí lực.

Tĩnh lự là bốn tĩnh lự. Giải thoát là tám giải thoát. Đẳng trì là Nhất thiết hữu tâm định. Đẳng chí là định Nhất thiết hữu tâm vô tâm. Ở đây chánh tri gọi là Tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí trí lực. Các định này có cả hữu lậu vô lậu thêm gọi là. Căn tạp nhiễm thanh tịnh tức là năm căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ.

Đây nhuần nhuyễn từ hạng trung đến thượng, gọi là hơn, kém. Chánh tri này gọi là căn thắng liệt trí lực. Hoặc từ tha tín làm trước. Hoặc quán các pháp làm trước, thành tựu nhuần nhuyễn từ hạng trung đến thượng. Ái lạc thắng giải gọi là các thứ thắng giải. Ở đây chánh tri gọi là các thứ thắng giải trí lực. Hoặc rộng kiến lập các thứ tánh. Hoặc Nhất thừa, hoặc Ba thừa, hoặc Bốn thừa hoặc Năm thừa. Hoặc tham sân si đẳng phần hành, đẳng, cho đến hữu tình tám mươi ngàn hành gọi là các thứ giới. Giới là tánh, ở đây chánh tri gọi là các thứ giới trí lực. Hoặc là ở trong các đường môn như thế thuận theo theo chánh hạnh. Như người tham hành tu quán bất tịnh gọi là Biến thú hành (hành hướng khắp). Hoặc hướng đến hành của tất cả năm đường, hoặc các hành phẩm loại, dị kiến của các ngoại đạo Sa-môn Bà-la-môn. Hoặc thế giới này thế giới khác vô tội hướng đến hành gọi là Biến thú hành. Ở đây Chánh biến tri gọi là Biến thú hành trí lực. Có thể hành biến hành ở các đường. Cũng gọi là Biến hành hành. Hoặc ở trong các thứ hữu tình, thì bốn phương danh tự giả thiết an lập các phẩm loại khác nhau. Tùy theo tự thể sở hữu trước kia mà có nói cú bát ngôn:

Một là như thị danh (tên như thế)

Hai là sanh loại.

Ba là chủng tánh.

Bốn là uống ăn.

Năm là thọ khổ vui.

Sáu là sống lâu.

Bảy là tồn tại lâu ở đời.

Tám bờ mé tuổi thọ.

Trong tám loại này tùy niệm lược là sáu hành, mỗi mỗi hành có vô lượng loại của đời sống trước, nay tùy niệm lại.

Lược làm sáu hành là: Một là giả danh kêu gọi; hai là các sắc loại Sát-đế-lợi sai khác; ba là cha mẹ; bốn là khuôn phép uống ăn; năm là hưng suy; sáu là tuổi thọ .

Các thứ túc trú này là cảnh quá khứ ở đời trước, đối với các cảnh này mà khởi ra tùy niệm, niệm đều có trí hành. Gọi là túc trụ tùy niệm trí lực. Các thứ hữu tình lúc sắp qua đời gọi là thời chết, trụ trung hữu gọi là thời sanh. Ở trong cõi thiện ác lúc sống lúc chết đều có thể chánh tri gọi là trí lực sanh tử.

Tất cả các pháp lậu và tùy miên vô dư đều dứt hẳn gọi là lậu tận. Ở đây chánh tri gọi là lậu tận trí lực. Trí là thể lực là tác dụng. Nhưng trí tức là lực càng không có tánh riêng. Túc trụ trong tùy niệm này mà tương ưng với trí lực. Đây là giải thích gần. Từ xứ phi xứ tối sơ khác, cho đến lậu tận là cảnh sở quán. Trí lực là trí năng quán, xứ phi xứ cho đến trí lực lậu tận, đều là y chủ thích, túc trụ là cảnh. Trí lực tùy niệm tương ưng là năng quán, đây cũng là y chủ mà giải thích.

Nêu thể: Phần Quyết trạch năm mươi bảy chép: Phật có đủ tri căn tuệ căn làm thể.

Luận Đối pháp chép: Hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm sở tương ưng kia.

Bồ-tát Địa nói: Cả năm căn là tự tánh của lực. Tuy văn ba kinh nói không đồng nhưng thể có năm:

1) Thể tối thắng: Trong phần quyết trạch, Phật có đủ tri căn tuệ căn làm tánh.

2) Thể dẫn sanh: Đối pháp nói hoặc định hoặc tuệ.

3) Thể khắc thật: Trong Bồ-tát Địa nói năm căn làm tánh. Do tuệ cao siêu lại nói tuệ mười lực là tự tánh cho nên chỉ nói các trí lực Xứ phi xứ... Không nói tín lực, tinh tấn lực v.v... Y vào đây tức đã hợp với văn quyết trạch.

4) Thể tương ưng: Đối pháp lại nói và các tâm tâm sở tương ưng kia lấy bốn uẩn làm tánh.

5) Thể quyến thuộc: năm uẩn làm tánh Định cộng đạo cộng vô lậu sắc v.v... giúp đỡ làm thể. Đây tuy không có văn mà lý hẳn đúng như vậy.

Vì ngăn các cấu uế phạm giới giúp cho dứt trừ oán tặc, ba phân biệt như trong sớ Vô Cấu Xưng quyển hai có nói.

Bốn vô sở úy thì dùng năm môn phân biệt: Một là nói về danh; hai là nêu thể; ba là hành tướng; bốn là thứ lớp; năm là các môn. Cũng như kinh Bồ-tát quyển năm, Đại Bát-nhã quyển năm mươi ba, kinh Hiển Dương quyển bốn, Du-già quyển năm mươi, Đối pháp thứcển mười bốn, có nói:

- Nói về danh có hai: Một là nêu danh; hai là giải thích danh.

Nêu danh là:

1) Chánh đẳng giác vô úy.

2) Lậu tận vô úy.

3) Chướng pháp vô úy.

4) Xuất khổ đạo vô úy

Giải thích danh có hai: Chung và riêng.

Chung gồm có bốn tức Số danh. Vô sở úy là ở bốn xứ này, có thể biết rõ thản nhiên không sợ. Tâm không yếu đối, không nghi lo, không kinh sợ nên gọi là vô úy.

Riêng là: Các pháp Chánh giác, các pháp Đẳng giác, gọi là Chánh đẳng giác. Các chứng lậu phiền não hiện hành đều dứt trừ nên gọi là Lậu tận. Nói pháp chướng ngại, nhiễm ắt bị chướng, cho nên nói là chướng pháp. Nói đạo xuất ly: Các bậc Thánh tu tập, chắc chắn ra khỏi khổ, nên gọi là đạo xuất khổ.

Trong bốn nghĩa này đều đắc vô sở úy tức đều là y chủ thích.

- Nêu thể tánh: Trong phẩm Quyết trạch năm mươi bảy chép: Tín, tấn, niệm, định, tuệ và đầy đủ trí căn làm tánh.

Đối Pháp chép: Hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm sở tương ưng kia.

Lại chép: Hoặc khởi tác dụng hậu đắc trí làm tánh. Hoặc trụ vào tự tánh chánh trí làm thể. Thể này có năm mà căn cứ vào hai trí thù thắng làm thể, phát khởi xuất định tuệ làm thể, nói về năm căn thật làm thể, bốn uẩn tương ưng làm tánh. Năm uẩn quyến thuộc làm thể. Hành tướng là như trong kinh nói: Đức Thế Tôn tự xưng là ngã là Chánh đẳng giác. Hoặc có Sa-môn, hoặc chẳng phải Sa-môn từ phương khác đến. Phật đều hết lòng an ủi nói: Có an lạc không? Đi khất thật được không?

Đây có người hỏi: Nói Chánh Đẳng Giác tức không có điều gì chưa biết, nay hỏi người khác sao lại trái ngược? Với câu hỏi này, ta nên hiểu đúng, vì không có lí do hỏi Phật đắc an ổn trụ, không sợ, không hãi, xưng là ta ở địa vị Đại tiên. Vì sao Đức Phật nói như thế? Vì để nhiếp thọ người đến để cho họ phát tâm, nghe Phật thăm hỏi an ủi mà phát đạo tâm. Muốn cho người xét rõ sự việc là: Phật biết rõ mà vẫn hỏi huống chi là không biết. Cũng là để cho người sau lấy đó làm khuôn phép, thấy người đến phát tâm nên Phật mới dẫn dắt như vậy, chẳng phải Phật không biết mà vẫn gọi là Đẳng giác.

Lại như trong kinh nói: Sau khi Ta các lậu đã hết, Thiên thọ hành động các việc ác, Phật thường quở trách, Chấp Nhật điều thuận mà

Phật thường nói lời mềm mỏng. Có người vặn hỏi: Nói Đức Phật đã lậu tận, các phiền não đã hết, sao còn quở trách Thiên thọ và nói mềm mỏng với Chấp Nhật. Tham sân chưa dứt, sao lậu có thể hết? Sao lại trái ngược vậy?

- Trong vấn nạn này, hiểu rõ ràng là không nguyên nhân nói Phật đắc an ổn trụ, không sợ hãi, tự xưng là ta ở nơi tôn vị Đại Tiên. Thiên thọ như ngựa chứng độc mạnh mới được thuần phục, nếu không trách mắng thì ngược lại nói Ta sợ. Chấp Nhật như voi tuệ tùy theo tâm người, nên Phật dùng lời mềm mỏng để điều phục. Chẳng phải là Phật có tham sân và lậu không tận.

Lại như trong kinh nói: Phật vì chúng đệ tử mà nói pháp chướng ngại, nhiễm ắt là chướng, lại không nói ngăn quả vị Dự lưu, Nhất lai có vợ con v.v... Bèn có hỏi: Nhiễm tất là việc có vợ con làm chướng Thánh đạo? Với câu hỏi này Ta nên chánh kiến không có lý do nói Phật ở nơi quả vị đại tiên an ổn không lo sợ. Vì tà hạnh làm chướng các Thánh đạo. Có vợ con làm chướng con đường lìa dục. Hai quả đầu chưa lìa dục, tánh giới lâu xa mới thành, cho nên trừ được tà hạnh, không đoạn vợ con, ở đây có gì sai! Cho nên các nhiễm pháp chẳng phải là không chướng.

Lại như trong kinh nói: Ta vì chúng đệ tử nói đạo xuất ly, các Thánh tu tập chắc chắn xuất li, chắc chắn thông đạt. Lại có Ca-lưu-đà-di Vô học bị vùi trong hầm phân loại, Ương-quật-ma-la vào Ngục lửa thiêu thân, bèn có người hỏi: Thánh đạo tu hành lâu ngày mong lìa sự khổ. Bậc Vô học đã trở lại chịu khổ thì đâu dùng Tu đạo làm gì. Vì sao lại trái ngược. Với vấn nạn này, ta nên chánh kiến, không có lý do gì nói Phật an ổn ở ngôi vị đại tiên không sợ hãi. Thật sự đắc Vô học thì quả khổ nhất định hết. Vì hiện ra nhân, tất là có khổ báo. Do bậc Thánh này thị hiện tướng khổ, để khởi giáo hóa về sau. Hoặc là khổ dị thục, bậc Vô học không thọ tận ác nghiệp, có thọ khổ ắt là chướng quả không thành tựu Vô học. Kia nói bậc Vô học thọ khổ đó, là hiện ở nơi Hữu học còn chưa lìa dục, vì chắc chắn thành Vô học, nên được đồng tên. Hoặc như đắc thần thông chẳng phải là không trở lại. Vì thế gian cũng đắc năm thông. Hoặc bậc Vô học ấy, khổ chẳng phải là do nghiệp chiêu lấy. Các khổ dị thục ắt đã xuất ly. Như kinh Niết-bàn quyển hai mươi chín giải thích nghiệp ở ba thời, đến quả vị Vô học, không còn thọ ác nghiệp. Nói chưa nhập Thánh vị gọi là định nghiệp, khi nhập vào Thánh rồi thì không gọi là Định nghiệp. Như vậy thì đắc quả A-la-hán, nhất định là không còn quả khổ .

Hai đức còn lại, thiền định và giải thoát như trong sớ Vô Cấu Xưng, quyển hai chép: Thiền là bốn Tĩnh lự cõi sắc. Nghĩa là sơ thiền Tĩnh lự có tầm, tứ. Nhị thiền lìa tầm tư có hỷ. Tam thiền lìa hỷ có lạc. Tứ thiến lìa hỷ lạc, xả niệm thanh tịnh. Định là bốn định cõi vô sắc. Đó là Không xứ, Thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Giải thoát là tám giải thoát, dùng ba cách phân biệt: Một là nêu tên gọi, hai là hiển bày hành tướng, ba là nêu thể tánh.

- Nêu danh tự là: Theo Du-già quyển mười hai, mười lăm và bảy mươi ba, Nhiếp sự phần thứ tư: Đối pháp thứcển mười ba, Hiển Dương thứ bốn, thứ hai và hai mươi. Kinh Bồ-tát Tạng quyển thứ tư nói:

Một là quán hữu sắc các sắc giải thoát.

Hai là nội vô sắc tưởng, quán các sắc bên ngoài giải thoát.

Ba là Tịnh giải thoát thân tác chứng trụ đầy đủ.

Bốn là không vô biên xứ giải thoát.

Năm là Thức vô biên xứ giải thoát.

Sáu là Vô sở hữu xứ giải thoát.

Bảy là Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.

Tám là định Diệt thọ tưởng giải thoát thân tác chứng trụ đầy đủ. Nói về hành tướng, trong Câu-xá quyển hai mươi chín chép: Bên trong có tưởng sắc, ngoại quán các sắc là sơ giải thoát. Bên trong chưa hàng phục thấy sắc tưởng, ngoài quán các sắc bất tịnh gọi là quán sắc ngoài. Nay thì không như vậy. Y theo văn Đối pháp thì đầu tiên tu nghiệp là thân tuy ở cõi dục mà đã lìa dục của cõi Dục, chưa y vào vô sắc định để hàng phục trừ thấy sắc tưởng chưa lìa dục cõi sắc. Nếu tập nghiệp đã lâu lìa Cõi sắc, dục thấy sắc tưởng, an lập hiện tiền, mà quán tất cả các sắc trong ngoài đều có ở cõi dục làm ánh sáng tưởng. Do ba pháp giải thoát trước mà dẫn phát các Thắng xứ, Biến xứ. Tức là quán ít nhiều các sắc thuộc về thắng xứ mà làm ánh sáng tưởng. Bởi trừ biến hóa chướng nên làm ánh sáng tưởng. Không trừ tham dục thì không thật hành tưởng bất tịnh. Luận Du-già chỉ nói: Chưa đắc Vô sắc định, chưa lìa nhiễm cõi sắc, quán sắc bên ngoài là sơ giải thoát, tức chỉ y vào sơ nghiệp mà nói. Cho nên trong Câu-xá luận, phần giải thoát thứ hai nói: Bên trong đã trừ kiến (thấy) là sắc tưởng, chỉ quán cảnh ngoài mà làm bất tịnh gọi là: Trong không có sắc tưởng, quán các sắc ngoài. Kinh Đại thừa thì không vậy. Y theo đối pháp thì nói: Tập nghiệp lâu ngày, đã y vào Vô sắc định mà hàng phục thấy là sắc tưởng. Đầu tiên tập nghiệp thì thấy là tưởng vô sắc an lập hiện tiền, mà quán sắc ngoài tác động vào tưởng ít nhiều. Không đồng như ở trong sơ quán trong ngoài sắc đều làm

ánh sáng tưởng, chưa tự tại. Nay ở đây chỉ quán ít nhiều mà đã lìa dục sắc thì gọi là quán sắc ngoài. Đã lìa nhiễm nên gọi là bên ngoài. Quán tâm từ từ vượt lên, nên dần dần lược quán. Du-già chép: Lại không tư duy tưởng minh tướng của sắc kia. Chỉ ở nơi sắc ngoài mà tạo ra thắng giải, tức là quán ít nhiều mà không làm tưởng ánh sáng, hoặc ở nơi xứ này đã được lìa dục, nói sắc kia là ngoại. Cho nên chỉ quán sắc đã lìa nhiễm thì gọi đó là ngoại. Lại do giải thoát đầu quán sắc không nói là ngoại, bên trong có sắc cũng không nói là nội, mà duyên chung các sắc căn trần trong ngoài làm tưởng ánh sáng. Cho nên giải thoát thứ hai này bên trong có sắc có căn. Người kia quán sắc ngoài chỉ là quán ít nhiều ngoại trần không duyên căn mà vẫn tạo tưởng ít nhiều. Trong Du-già lại nói: Định trong cõi vô sắc không hiện ra trước. Đây là nói về quán sắc ngoài, không y vào định vô sắc. Định vô sắc không thể duyên vào sắc ngoài. Hoặc đã lìa dục cõi sắc không y vào định vô sắc mà phục trừ sắc tưởng, chỉ y vào định cõi sắc, thấy đó là tưởng vô sắc mà hiện tiền cho nên nói thế. Hai giải thoát trên, đầu tiên là thật hành tưởng ánh sáng, sau là thật hành tưởng ít nhiều, trước rộng sau hẹp, cả hai quán đều có khác. Hiển dương phần thứ hai mươi nói: Hai giải thoát này, trừ biến hóa chướng, ở trong sự biến hóa mà được tự tại. Cho nên biến hóa đã thông hữu của bốn tĩnh lự. Hai giải thoát đầu tiên, đều nương vào bốn tĩnh lự, giải thoát đầu thật hành tưởng nhiều vì dựa vào Sơ, Nhị định, có chỉ ở căn bản địa, không phải, cận phần địa. Kia ưa thích hướng tu mà không có quả chung. Đây chấp nhận mới dự tu có chung quả. Không đồng như hai tĩnh lự đầu trong Câu-xá luận chép: Có thể trừ bỏ Dục giới mà trong sơ tĩnh lự có tham hiển sắc, nên quán bất tịnh.

Giải thoát Thứ ba theo Câu-xá luận chép: Thanh tịnh cùng chuyển, làm chuyển hành tướng ánh sáng thanh tịnh theo. Chỉ có tĩnh lự thứ tư là lìa tám tai hoạn, tâm lắng tịnh. Các địa khác tuy có giải thoát tương tợ, mà không kiến lập, chẳng phải tăng thượng. Nay trong Đại thừa cho: Như có một đã đắc xả niệm, tròn đầy trong sạch. Lấy đây mà nương vào tu tập thì tròn đầy Thánh hạnh thanh tịnh. Các sắc tịnh bất tịnh bên trong đã được lần lượt đối nhau tưởng, lần lượt tướng theo tưởng chuyển nhập vào một vị tưởng. Đó là hành tướng giải thoát thứ ba. Nghĩa là đối các tịnh sắc ở trong sắc khác, gọi là bất tịnh, chẳng phải không có tướng đối đãi. Nếu chỉ thấy một thứ tịnh và bất tịnh cả hai giác không, có tức gọi là sơ tưởng.

Lại đối với tánh tịnh, bất tịnh mà tùy nhập vào, đối với bất tịnh thì tánh tịnh tùy nhập, bởi trong lớp da mỏng che đậy mà chung nói. Ở

trong tịnh hiện có ba mươi sáu vật bất tịnh. Tưởng thứ hai lần lượt như thế. Chung tất cả sắc hợp lại thành tưởng một vị giải thanh tịnh. Đó là tưởng thứ ba, mới là thành tựu, chỉ có Tĩnh lự thứ tư là có xả, niệm thanh tịnh.

Luận chép: Vượt qua các khổ vui tất cả mọi sự động loạn đã vắng lặng, như người thợ khéo mài ngọc. Các địa khác không như thế mà chỉ có địa thứ tư. Đây cũng là bên trong không có sắc tưởng mà quán sắc ngoài. Do trước đã nói nên nay lược không luận.

Kế là bốn giải thoát vô sắc. Trong Câu-xá luận chép: Lấy định thiện bốn vô sắc làm tánh, chẳng phải nhiễm vô ký. Đã giải thoát rồi, cũng chẳng phải tánh tán thiện kém yếu cận phần giải thoát đạo cũng được gọi là giải thoát, Vô gián thì không như vậy. Vì sở duyên địa dưới. Người kia cần phải trái với địa dưới mới là giải thoát. Cho nên thường nói Căn bản còn cận phần thì chẳng phải hoàn toàn. Nay nói Đại thừa đều đã lìa dục tự địa, muốn y vào tự căn bản địa mà quán lại cảnh tự địa, tư duy thắng giải khiến cho hoặc chướng càng xa hơn, dẫn sanh ra thắng đức. Nghĩa là như có một pháp ở Không xứ kia đã được lìa dục, tức ở Không xứ mà tư duy thắng giải. Đó gọi là hành tướng giải thoát Không xứ. Ở cõi Thức xứ kia đã được xa lìa dục, tức là ở nơi thức tư duy thắng giải. Đó gọi là hành tướng giải thoát Thức xứ. Đối với chỗ Vô hữu xứ đã được lìa dục, tức đối với thức vô biên xứ, tư duy thắng giải. Đó gọi là hành tướng giải thoát vô sở hữu xứ. Hai tên Không, Thức dùng hành tướng sở duyên tự địa đặt tên. Vô sở hữu xứ lấy thức vô hữu làm tên tự địa. Cho nên thức đều tư duy thắng giải. Ở trong địa hữu đảnh đã được lìa nhiễm càng không ở chỗ khác mà tạo thắng giải. Cho đến khắp ở xứ có thể sanh tưởng, tức đối với xứ ấy mà tạo thắng giải. Vô sở hữu xứ gọi là xứ có thể sanh tưởng. Nay duyên vào tâm, tâm sở vô sở hữu này mà gọi là phi tưởng phi phi tưởng xứ. Cho nên khắp các xứ này mà tư duy thắng giải đến dưới sẽ biết. Trên đây nói việc lìa nhiễm, là nói theo Vô học, cho nên luận Du-già chép: Bảy giải thoát trước là đối với đã giải thoát mà sanh thắng giải. Thân chứng là đắc. Nếu y vào Duy thức thì có hai sư nói:

1) Phục sơ định trở lên thì nhiễm được Diệt định.

2) Phục định thứ tư trở lên thì nhiễm được Diệt định. Từ vô sở hữu trở xuống thì nhiễm có thể hàng phục, để dẫn sanh ra thắng đức mà chướng hoặc xa lìa. Định địa Hữu đảnh chưa thể hàng phục. Cho nên trong Du-già quyển mười hai chép: Hai giải thoát Không và Thức, có nói nói lìa nhiễm tự địa. Hai địa trên không nói lìa nhiễm tự địa. Bậc

Hữu học Vô học rõ ràng là lược nói. Chỉ ở nơi căn bản cũng chẳng phải cận phần. Giải thoát Diệt tận Đại Tiểu đều nói: Tức là diệt tận định mà không có hành tướng xả tưởng thọ. Nhưng lúc sắp nhập có hai hành tướng. Nghĩa là y vào phi tưởng phi phi tưởng xứ vô tưởng giới tưởng. Đầu tiên tu, lâu ngày thuần thục thì cả hai đều nhập minh.

- Về thể tánh: Trong luận Câu-xá chép: Ba giải thoát trước là ba tánh vô tham, tánh năm ấm quyến thuộc. Bốn giải thoát kế lấy, bốn định thiện Vô Sắc làm tánh. Thứ tám là diệt định tánh. Trong kinh Đại thừa quyển bảy mươi ba giải thích năm pháp là: Thế gian xuất thế gian lấy chánh trí làm thể.

Hữu lậu vì phân biệt nên chánh trí thế gian làm thể, vô lậu vì vô phân biệt trí và hậu đắc trí nên chỉ lấy tuệ làm tánh. Duyên vào cảnh sắc phi sắc và chân như mà lìa hết các định chướng dẫn sanh ra thắng đức, pháp khác chẳng có. Nếu thể tương ưng bảy giải thoát đầu thì dùng tứ uẩn làm tánh, năm uẩn quyến thuộc làm tánh. Nên Đối Pháp nói: Hoặc định hoặc tuệ và các tâm tâm sở tương ưng kia; trong cõi vô sắc chấp có định đạo vô biểu sắc. Giải thoát thứ tám lấy công năng tâm nhàm chán trên hạt giống hai mươi tám pháp làm thể, tức thuộc bất tương ứng hành uẩn.

Tam-muội là Tiếng Phạn Hán dịch là Đẳng trì, tức ba Đẳng trì: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Nghĩa này đến dưới sẽ giải thích. Bát-nhã quyển năm mươi ba chép: Ba cảnh đều cùng đều duyên Không. Nhưng y vào luận dẫn từ kinh ra thì lại có năm đức, sơ văn rườm rà nên không nêu ra đây.

Luận giải thoát lập lại ba câu trên, tức lần thứ hai giải thích rằng:

- Lại câu thứ nhất nói thành tựu có thể giáo hóa chúng sanh nương vào thiện tri thức. Nghĩa là dẫn dắt chúng sanh có tánh Bồ-đề, có thể hóa độ người chưa phát tâm, khiến cho họ nương vào bạn lành lìa hết chấp trước gọi là phương tiện dẫn dắt chúng sanh.

- Câu thứ hai là thành tựu chúng sanh căn tánh đã thuần thục, khiến họ được hiểu thoát. Nghĩa là khiến cho người đã phát tâm tu hành lâu dài được hiểu thoát, gọi đó là phương tiện tri kiến Ba-la-mật.

- Câu thứ ba là thành tựu: Lực, gia, tự tại thanh tịnh hàng phục. Nghĩa là Phật bên trong đã thành tựu các công đức, bên ngoài đã dứt trừ các phiền não: uẩn, tử, thiên ma, gọi là năng lực, các thiền định... đều là nơi đức Thế Tôn tạm trú gọi là nhà. Do lực tự tại nên có thể hàng phục. Do nhà tự tại nên có thể làm thanh tịnh các chướng hoặc, lại do an

trụ trong thiền định làm nhà, mà được nghiệp thần thông tự tại. Do đây mà thành tựu lực vô lượng vô ngại. Có thể thanh tịnh các hoặc chướng hàng phục chúng ngoại đạo, nên nói "Tri kiến của Như lai rộng lớn sâu xa. Y vào luận bổn giải thích lập lại ba câu trên trong kinh đã xong, kế là dùng bảy câu dưới giải thích thứ tư ở trên rằng: "Các thứ ngôn từ..." Cũng có hai lần giải thích đầu tiên phối hợp trong văn kinh, sau đó giải thích lại.

- Kinh: "Vào sâu không hạn mức cho đến pháp chưa từng có".

- Tán: Dùng bảy câu giải thích nói ngôn từ ở câu thứ tư bên trên. Kinh này chỉ có năm câu đầu, thiếu câu sáu, câu bảy, xem văn sẽ rõ.

Luận chép câu thứ tư là nói thành tựu có bảy loại. Đây là các thứ thành tựu ở câu đầu: Các pháp vị tằng hữu, lý, sự, không, hữu, thế, xuất thế gian đều sâu nhập, mênh mông không bờ bến nên có thể khởi" các thứ ngôn từ...".

- Kinh: Xá-lợi-phất cho đến Tâm chúng đều vui mừng.

- Tán: Đây là câu thứ hai: Luận chép: Ngôn ngữ thành tựu: Phật đắc năm thứ âm thanh hay cho nói pháp. Trong luận Đại Trí Độ chép: Năm thứ âm thanh từ miệng Phật phát ra:

1) Rất sâu như sấm.

2) Âm thanh trong trẻo, người từ xa nghe được đều vui mừng hoan lạc.

3) Nhập tâm yêu kính.

4) Rõ ràng dể hiểu.

5) Người nghe không nhàm chán, có thể biện luận các nghĩa hữu lậu vô lậu. Rất sâu như sấm tức câu: "Các thứ phân biệt các pháp."

Rõ ràng dễ hiểu tức câu: "Khéo nói các pháp"; nói các pháp là chung cả câu, phân biệt các pháp ở trên. Khởi lòng từ bi hết lòng giảng nói khiến cho người nghe không hề nhàm chán, tức câu "dùng lời lẽ êm dịu", tiếng trong suốt vang xa người nghe được đều vui mừng, nhập tâm yêu kính là câu: "Có thể làm vui lòng chúng", ba câu đầu mỗi câu đều có một loại âm thanh, một câu sau có hai.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến không cần nói lại."

- Tán: Đây là câu thứ ba. Luận gọi là tướng thành tựu. Nhưng luận nêu lại văn kinh, không có câu: "Tóm lại trở xuống là nói Phật sẽ thành tựu" ở văn trên, mà chỉ bắt đầu từ "Thôi! Đừng nói nữa" trở xuống.

Luận chép: Chúng sanh có pháp khí, tâm chúng sanh đã tròn đầy nên gọi là tướng thành tựu. Pháp khí có hai: Một là thật, hai là giả.

Thật là ngài Xá-lợi-phất...

Giả là những người tăng thượng mạn. Đối với chúng sanh thật là pháp khí, tức tâm Thánh đã đầy đủ, tâm ưa thích Pháp mầu, Phật nói: “Thôi!” Là để cho họ mời thỉnh. Nay Phật nói: “Thôi!” là không cần nói pháp vì sao? Đối với chúng sanh giả có pháp khí, tự cho rằng tâm Thánh đã tròn đầy, tâm chẳng ưa pháp mầu, mà ở tòa còn chưa đi, nên Phật hiện tướng nói “Thôi!” khiến họ bỏ đi. Các pháp giải thoát ta đã đắc xong, còn có pháp nào nữa, nên Phật thôi không nói ư? Cho nên gọi là tướng. Như người ở thế gian cùng nhóm họp một chỗ. Khi nói cũng có người thích nghe, người không thích nghe, thì dù có nói, nay thôi không cần nói đâu có ích gì! Nói thôi chẳng qua để cho người thích nghe mời thỉnh, còn người không thích thì động bỏ đi. Nay vì người thật có pháp khí trước, khiến họ hỏi pháp Nhất thừa, nên gọi là Tướng.

- Kinh: “Vì sao? Cho đến pháp khó hiểu”.

- Tán: Đây là câu thứ tư. Luận gọi là kham thành tựu, vì vốn không có lời diễn đạt cho tất cả chúng sanh đáng hóa độ biết Như lai thành tựu công đức ít có, có khả năng nói pháp. Nghĩa là Xá-lợi-phất... là người gốc lành thành thục: Gọi là chúng sanh đáng hóa đo, biết rõ Phật thành tựu công đức khó hiểu ít có bậc nhất, có thể nói pháp đó.

- Kinh: “Chỉ Phật cùng Phật cho đến thật tướng các pháp.

- Tán: Đây là câu thứ năm.

- Luận gọi: là Thành tựu vô lượng nói không thể hết.

- Thật tướng nghĩa là thể Pháp thân Như lai tạng, tánh bất biến. Trí Phật biết đủ, biết thể của thật tướng này tận đến nguồn đáy nên gọi là cứu tận, không chỉ thành tựu muôn đức hữu vi mà Phật muôn đức vô vi, cũng cùng tận. Cho nên nói là vô lượng chủng thành tựu, nói không thể hết. Kinh này bỏ qua câu thứ sáu là giác thể thành tựu. Như lai có thể biết tất cả pháp Phật, tự chứng đắc. Thiếu câu thứ bảy: Cũng thuận theo ý chúng sanh mà nói tức tu hành pháp thành tựu, Như lai có thể nói tất cả pháp tức kinh này nói các pháp tướng như thế. Câu thứ bảy này nói các pháp, các tướng hiện thấy, không gì Phật không thấy.

Trên là lần đầu Luận giải bảy câu đối với câu thứ tư: “Các thứ ngôn từ” ở kinh. Luận giải lần thứ hai, hợp lại dùng bảy câu giải thích lại câu “Các thứ ngôn từ” Được phối hợp như sau.

- Thứ nhất nói các thứ pháp môn, nhiếp lấy tất cả chúng sanh nhập vào Phật pháp, phối hợp với câu sâu nhập không cùng tận.

- Thứ hai khiến không trụ tán loạn, là để giáo hóa chúng sanh khiến không tán loạn, chuyên tâm trụ vào cảnh ít có muốn nghe. Phối với câu “khởi các thứ phân biệt các pháp”.

- Thứ ba là khiến giữ lấy: Khiến cho người căn tánh thuần thục hỏi pháp Nhất thừa, phối hợp với câu : " Thôi không cần nói nữa!"

- Thứ tư là khiến được hiểu thoát, người căn tánh thuần thục đều được hiểu thoát. Phối hợp với câu: "Phật thành tựu pháp khó hiểu.

- Thứ năm là khiến người tu hành thành tựu pháp đối trị, khiến người tu hành đắc pháp đối trị, đến tận bờ mé chân thật là phối hợp với câu: "Thấu tột tướng chân thật của các pháp".

- Thứ sáu khiến người tu hành tiến đến thành tựu: Người tu hành tiến đến thành tựu đắc trí diệu tịnh, do đây Như lai biết rõ tất cả pháp.

- Thứ bảy, đắc pháp tu hành không còn lui mất, là khiến cho kia tu hành tròn đầy. Lại vì người mà nói không mất lợi ích. Cho nên Phật có thể nói tất cả pháp yếu. Do Phật thành tựu bảy pháp yếu này rồi giáo hóa chúng sanh dần dần tùy nhập mà tu tập. Dùng luận để phối hợp bảy câu văn kinh trên.

Kết nối cùng khởi như lý nên biết. Bốn câu đầu là trụ quyền, hai câu kế là trụ thật, một câu sau là ngoại hóa. Vì sao phối hợp câu ba ở kinh rằng: Phương tiện tri kiến niệm quán làm giải thích lần thứ ba.

Vì luận chép: Lại cùng giáo hóa thành tựu nghĩa là vào chứng pháp cho nên thứ lớp nói như thế. Tức dùng phương tiện để cho chúng sanh có thể hóa độ mà căn cơ chưa thuần thục khiến nương vào bạn lành, nói tri kiến để là đối với chúng sanh đã thuần thục khiến cho được hiểu thoát. Niệm quán đó là giải thoát chúng sanh khiến cho tất cả được thành tựu lực gia và các công đức. Ở đây y theo thứ lớp chứng pháp mà nói giáo hóa độ chúng sanh. Vì sao phối văn kinh nói: Các thứ ngôn từ" với bảy câu là lần thứ ba giải thích.

Vì Luận chép y vào nói pháp mà nói. Thứ lớp như thế mà nói như trước, sợ văn nhiều, nên không thuật lại. Vì thế luận chép: Lại cùng thành tựu giáo hóa là y vào chứng pháp. Lại nói thành tựu tức là y vào pháp. Hai thứ pháp này như đã nói ở trước.

Luận chép y vào hai pháp này là có thứ lớp gì?

Vì dựa vào đó mà được tu hành. Hỏi: Chứng và nói theo thứ lớp nương vào tu hành ư? Tức là câu văn trước của luận, lập lại nói là nêu biết. Nghĩa là trước luận chép, nay lập lại nói ba loai phương tiện, tri kiến, niệm quán, dựa vào bảy câu nói: "Các thứ ngôn từ theo thứ lớp. Dựa vào nói thứ lớp nên có thứ lớp như thế. Nói đã như thế, y vào đó tu học thì chứng thứ lớp, kết nghĩa phần trước. Khuyên người học nên biết. Hoặc đây là chọn lọc lần đầu giản định thích riêng bốn câu. Trong đó câu hai là giáo hóa thành tựu, câu thứ tư là nói thành tựu, tức hai thứ

sai khác.

- Kinh: "Gọi là các pháp cho đến rốt ráo" v.v...

- Tán: Là nói câu thứ bảy.

- Pháp của Phật nói dựa là vào chứng mà nói. Cho nên luận dẫn trong kinh ra có năm câu: Là các pháp nào? Thế nào là pháp? Pháp là tương tợ gì? Tướng pháp thế nào? Thể pháp thế nào? Luận có bốn giải thích:

Thứ nhất y theo việc bỏ quyền lấy thật thừa mà giải thích. Đầu tiên nói Ba thừa là pháp gì? Kế đến mỗi một thừa đều khởi ra mỗi mỗi sự nói. Tức thế nào là pháp. Kế là y vào Ba thừa môn mà tu hành thanh tịnh gọi là tương tợ pháp gì? Kế đến là nói Ba thừa chỉ có một tướng, cho nên gọi là tướng pháp thế nào? Sau rốt ráo chỉ là một Phật thừa mà không có tự thể Nhị thừa. Cho nên nói thể pháp là thế nào?

Thứ hai y vào lần lượt huấn thị giải thích pháp, các pháp nào nghĩa là hữu vi và vô vi. Thế nào là pháp tức là nhân duyên và phi nhân duyên. Dùng nhân duyên sanh mà giải thích pháp hữu vi, phi nhân duyên sanh mà giải thích pháp vô vi. Pháp tương tợ gì nghĩa là pháp thường, vô thường, dùng thường giải thích phi nhân duyên sanh. Vô thường giải thích nhân duyên sanh. Tướng pháp thế nào tức là ba pháp tướng sanh... ba pháp tướng bất sanh cho đến Lấy pháp hữu sanh giải thích nghĩa vô thường trước. Dùng bất sanh ... giải thích thường. Thể pháp thế nào? Pháp năm ấm, phi năm ấm. Năm ấm tức là sanh ..., phi ấm là phi sanh cho đến.

Thứ ba giải thích chỉ ba câu cuối: chỉ y vào hữu vi mà giải thích. Hai câu đầu trong đây không khác ở trước, nên không giải thích. Luận chép pháp tương tợ gì? Nghĩa là pháp vô thường, hữu vi, nhân duyên. Tướng pháp thế nào? Nghĩa là các pháp tướng có thể thấy. Thể pháp thế nào? Nghĩa là năng thủ sở thủ của năm ấm. Năm ấm là thể khổ tập, cũng là đạo đế. Như luận đã giải thích.

Thứ tư là dựa vào pháp dụng nói pháp mà nói. Những pháp gì, nghĩa là dùng danh cú tự thân mà nói. Thế nào là pháp, tức dựa vào pháp Như lai đã nói mà nói. Pháp tương tợ gì là năng giáo hóa những chúng sanh đáng được giáo hóa, tướng pháp thế nào, là dựa vào âm thanh nhận lấy, tức là khiến cho người nghe, dựa vào âm thanh mà nhận lấy pháp sở thuyên. Thể pháp thế nào, là tạm gọi thể pháp tướng. Tuy khiến nương vào âm thanh nhận lấy pháp sở thuyên mà pháp tánh lìa lời nói, Sở thuyên là tạm gọi thể pháp chứ chẳng phải gọi pháp thật. Nếu không khiến nương vào văn thì liền sanh chấp trước. Nhưng ở văn

kinh vì sợ người không hiểu, các nhà phiên dịch lại y vào thứ hai là lần lượt chỉ bày mà giải thích pháp, nhưng ít, không thứ lớp, lấy nghĩa đối chiếu thì không trái với Thánh giáo. Nếu làm giải thích nghĩa riêng tức vì nhân tình chẳng phải Thánh giáo. “Tướng như vậy, tánh như vậy,” hợp lại thành câu thứ nhất hỏi những pháp gì? Tướng là hữu vi, tánh là vô vi. “Thể như vậy” là câu thứ năm. Hỏi thể pháp thế nào? Nghĩa là năm uẩn, phi năm uẩn, hợp lại mà thành văn. Lực như vậy, tác như vậy, hợp lại thành câu thứ ba hỏi pháp tương tợ gì? Lực là pháp thường. Pháp thường có lực năng. Tác là pháp vô thường là có tạo tác. Nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, hợp lại thành câu thứ hai hỏi pháp thế nào? Là pháp nhân duyên. Trong quả báo hữu vi là pháp do nhân duyên sanh. Vô vi là pháp do phi nhân duyên sanh. Vì nghĩa kiến lập quả nên gọi là nhân, vì nghĩa thành tựu báo nên gọi là duyên. gần với nghĩa được quả nên gọi là nhân, xa với nghĩa được quả nên gọi là duyên. Bốn quả gọi là quả. Dị thục là báo. “ Trước sau như vậy “ là câu thứ tư hỏi pháp tướng thế nào? Ba tướng pháp sanh... là sau là thể là sự. Ba tướng như bất sanh... là trước, thể là lý. “Rốt ráo... là giải thích lại lý là trước là pháp tánh rốt ráo .

Luận bổn nêu lại văn kinh lại có năm câu hỏi như trên, Phật lại dùng những câu hỏi này để làm rõ năm nghĩa trước, không có lý khác.

■

HUYỀN TÁN
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

PHẦN CUỐI

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến không thể suy lường".

- Tán: Từ câu này xuống hai mươi mốt hàng tụng chia ra làm hai:

1. Mười bảy hàng rưỡi đầu là tụng hai pháp mầu trước.

2. Ba hàng rưỡi tụng sau khuyên phát tín tâm nêu rõ nay nói thật.

Trong phần một lại có hai:

a. Hai hàng tụng chung hai diệu.

b. Mười lăm hàng rưỡi là tụng riêng hai diệu.

Hàng tụng đầu tiên khen ngợi chung Pháp sư diệu. Một hàng tụng sau khen ngợi chung về pháp mầu, khen ngợi chung thân Phật, công đức thành tựu và pháp thể mầu nhiệm.

- Kinh: "Vốn từ vô số Phật cho đến khó thấy khó hiểu được".

- Tán: Từ đây trở xuống gồm mười lăm hàng rưỡi tụng chi tiết về hai diệu. Ở đây chia làm hai: Mười bốn hàng đầu tụng về pháp mầu. Một hàng rưỡi tụng Pháp sư diệu. Mười bốn hàng lại chia ra năm:

1) Một hàng tụng về hai sự sâu xa đọc tụng, và tu hành.

2) Một hàng tụng về ba sự sâu xa của quả hành, tâm thêm lớn công đức, tâm ưa thích mầu nhiệm.

3) Một hàng tụng về vô thượng sâu xa.

4) Một hàng rưỡi tụng về sâu nhập sâu xa.

5) Chín hàng rưỡi tụng trụ trì sâu xa không chung với Nhị thừa .

một hàng đầu, văn tụng không nêu, chỉ tụng chung tám nghĩa sâu xa. "Vốn từ vô số Phật" mà thọ trì, đọc tụng sâu xa. Tu hành pháp sâu xa đầy đủ. Do hai hành trì này nên trí tuệ môn "khó thấy khó hiểu".

- Kinh: "Trong vô lượng ức kiếp cho đến Ta đều đã thấy biết".

- Tán: Một hàng tụng nói ba sự sâu xa: Quả hành, thêm lớn công đức, và tâm ưa thích sự mầu nhiệm. Do tinh tấn mạnh mẽ trong vô lượng kiếp hành trì cđường ác này, mà quả hạnh sâu xa, tiếng tốt đồn xa, tức tâm công đức thêm lớn, tại đạo tràng đắc quả tức ta đều thấy biết. Cho nên, gọi là Tâm ưa thích nhiệm mầu rất sâu, pháp rất sâu xa ít có đều thành tựu.

- Kinh: "Quả báo lớn như thế cho đến có thể biết việc này".

- Tán: Một hàng tụng vô thượng sâu xa. Tánh là đạo lý. Tướng là sự nghĩa. Trước bỏ qua văn này, nay văn Tụng có nói pháp khó hiểu Như lai đều biết.

- Kinh: "Pháp không thể mở bày cho đến Tín lực vững chắc".

- Tán: Một hàng rưỡi tụng nói, nhập sâu xa. Sâu xa là pháp danh tự chương cú mà Phật đã nói. Ý khó đắc cho nên khó hiểu, nên rất khó vào hiểu, tức vì người, lại Phật tự trụ trì trong pháp sâu xa đó gọi là nhập. Không đồng với ngoại đạo tuy nói các pháp, nhưng không thể tự thể nhập. Do Như lai nói về lý nhân duyên, chỉ Phật tự nhập, mà không ai biết được, ý thú khó hiểu nên gọi là nhập sâu xa.

Luận chép: Phật tự trụ trì không đồng với ngoại đạo. Nói pháp nhân duyên rất sâu xa. Kinh này nói: "Pháp không thể mở bày". Tướng ngôn từ vắng lặng, đạo lý nhân duyên vắng lặng sự nói năng các thứ chúng sanh không thể hiểu được, ngoại trừ các chư Bồ-tát có tín lực vững chắc. Từ Sơ địa trở lên chứng bốn thứ chứng tịnh. Tín Phật, Pháp, Tăng, Giới có thể tin pháp mầu mà chưa viên chứng hai diệu như thế. Cho nên phần dưới đây nói: Bồ-tát không lui sụt cũng không thể biết. Không thể biết là không thể viên chứng, chẳng phải là không tin biết. Tuy trước kiến đạo so với cũng biết mà chẳng phải chứng tín, cũng không vững chắc cho nên không nói.

- Kinh: "Chúng đệ tử Chư Phật cho đến cũng lại chẳng hiểu được".

- Tán: Chín hàng rưỡi tụng sự trụ trì sâu xa không chung với việc làm của Nhị thừa. Trong đây chia làm ba:

Bốn hàng đầu tụng về Thanh văn không biết.

Hai hàng tụng về Bích-chi- Phật không biết.

Ba hàng rưỡi tụng Bồ-tát không biết.

Trong văn xuôi chỉ nói Nhị thừa không biết để hiển rõ điều này nên cũng nói Bồ-tát không biết. Thanh văn không biết cũng chia làm ba: Một hàng rưỡi tụng chung tất cả Thanh văn không biết. Một hàng

riêng tụng đều là hàng Thu Tử lợi căn cũng không biết. Một hàng rưỡi là nói riêng đều như lợi căn Thu Tử cùng đệ tử khác cùng suy lường cũng không biết. Một hàng rưỡi đầu tụng chung: Từng gần gũi bạn lành, các lậu đều dứt, trụ vào A-la-hán, ở thân cuối cùng có đủ ba đức mà trí tuệ năng lực cũng không thể biết được.

- Kinh: "Giả sử đầy thế gian cho đến không lường được Phật trí.

- Tán: Một hàng nói dù cho thế gian người nào cũng đều như ngài Thu Tử, là người lợi căn bậc nhất, hết lòng tư duy cùng suy lường cũng không thể hiểu, không biết Phật trí. Cho nên trí tuệ môn khó hiểu khó nhập.

- Kinh: "Chánh khiến đủ mười phương cho đến lại không thể biết".

- Tán: Một hàng rưỡi tụng nói: Người lợi căn trong mười phương đều như Thu Tử cùng chúng đệ tử khác của Phật, cũng đầy mười phương cùng suy lường cũng không thể biết.

- Kinh: "Bích-chi-Phật Lợi trí chẳng thể biết chút phần".

- Tán: Hai hàng tụng Bích-chi-phật không biết. Bích-chi là lợi căn so với Thanh văn . Lân giác cũng là lợi căn so với Bộ hành cũng đều không biết. Nếu chưa nhập vào Thiện quyết trạch phần Thanh văn mà làm Độc giác liền thành Lân giác Nhập vào quyết trạch phần rồi sau thật hành, đều thành bộ hành. Trong phần giải thoát, lúc chưa chắc chắn sanh có thể thành Lân giác, nên sanh số nhiều. Đã nhất định sanh thì cũng thành Bộ hành mà sanh số ít.

- Kinh: "Bồ-tát mới phát tâm cho đến không thể biết Phật trí."

- Tán: Ba hàng rưỡi tụng Bồ-tát không biết. Đây là hai hàng rưỡi đầu tụng phàm Thánh không biết. Hàng Bồ tát mới phát tâm có sáu đức:

1. Gần gũi.
2. Đạt nghĩa.
3. Khéo nói.
4. Số chúng.
5. Nhất tâm.
6. Thời gian lâu.

Bồ tát mới phát tâm có sáu đức cũng không thể biết trí tuệ Phật.

Sát là Tiếng Phạn gọi đủ là Sát-đa-la. Hán dịch là điền, điển thổ. Có khi dịch là quốc, có khi dịch là độ.

- Kinh: "Bồ-tát Không lui sụt cho đến cũng không thể biết".

- Tán: Một hàng sau tụng về Thượng thánh không biết, tức bậc

Thánh địa thượng. Hai hàng rưỡi trước tụng nói từ Thất địa trở xuống không biết. Sơ địa trở lên cũng gọi là mới phát tâm, vì chứng phát mười thứ tâm. Một hàng sau này tụng từ Bát địa trở lên không biết, cũng gọi là Bất thối. Phần môn sâu xa trước có tám loại. Nay trong phần thứ tám lại khen ngợi Phật trí, nêu rõ trí sâu cho nên môn này cũng sâu. Hoặc trong mười bốn hàng tụng rưỡi pháp mầu, thì sáu hàng đầu tụng khen ngợi trí môn diệu, y theo lựa chọn trước đã phối. Trong đó một hàng rưỡi cuối tụng sâu xa không chung. Tám hàng tiếp là tụng khen ngợi trí sâu. Người Ba thừa không biết trí tuệ Phật. Y theo nghĩa của bài tụng thì có thể biết.

- Kinh: "Lại bảo Xá-lợi-phất cho đến mười phương Phật cũng vậy".

- Tán: Đây là một hàng rưỡi tụng: Khen ngợi chung pháp sư khéo léo , không có tụng riêng.

- Kinh: "Xá-lợi-phất nên biết cho đến cần nên nói chân thật".

- Tán: Ba hàng rưỡi dưới tụng khuyên phát tín tâm. Nêu rõ nay nói thật. Trong đây chia làm hai: Một hàng rưỡi đầu tụng: Chỉ bảo Xá-lợi-phất! Hiển bày nói sự thật. Hai hàng tụng sau: Bảo khắp Nhị thừa, nói rõ trước là phương tiện. Một hàng rưỡi đầu, ông đã chưa chứng pháp của ta nói, đối với pháp ta nói phải sanh tín tâm.

- Kinh: "Bảo các chúng Thanh văn cho đến dẫn chúng khiến được ra."

- Tán: Hai hàng tụng nói về bảo khắp Nhị thừa, chia làm hai:

Hàng đầu bảo khắp được đến Niết-bàn. Hàng sau hiển bày ý Phật hóa dùng Ba thừa. Do nơi nơi chấp trước vào giới địa, cho nên dẫn dắt để họ ra khỏi. Lại nói Ba thừa lý chỉ có một: Hội này chỉ có cực quả Thanh văn, Duyên giác không có, cho nên nói và cầu Duyên giác thừa. Thanh văn thì không như vậy.

- Kinh:"Lúc này trong đại chúng cho đến Đều nghĩ".

- Tán: Đoạn thứ hai nói bốn chúng kinh nghi, nên phát động ngài Xá-lợi thỉnh. Đây có ba lần thỉnh, Phật bảo "thôi" cũng ba lần. Thôi đều ở trước thỉnh đều ở sau.

Luận giải thích ba lần thôi. Lần đầu tiên thôi là tướng, khiến người hỏi pháp Nhất thừa, lần thứ hai thôi là khiến cho đại chúng truy tìm cảnh sâu xa mà khát ngưỡng muốn nghe pháp, lần thứ ba thôi là để cho người xấu lui khỏi chỗ ngồi (đến phần sau sẽ nói).

- Lại trong ba lần thỉnh, đầu tiên hợp nghi của mình và người nên thỉnh. Kế là trình bày vì đại chúng, ở cõi Phật khác đã gieo trồng nhân

duyên nên thỉnh. Lần thỉnh thứ ba là nói mình và người đã theo Phật từ khi giáo hóa đến nay có thể nghe pháp nên thỉnh.

Luận chia theo năm đoạn thì từ đây trở xuống là phần thứ ba đại chúng định nghi. Từ chỉ tự chứng tâm sanh chắc chắn. Đối với lời Phật nói bèn sanh nghi, hoặc dựa sự kinh nghi phát động đến ngài Thu tử thỉnh phật, thỉnh có ba lần, văn theo đó nói ba đoạn. Lần đầu tiên thôi thuộc về xướng pháp Nhất thừa ở trước lần thứ hai thôi, thuộc trong văn thỉnh này.

Lần thỉnh đầu chia làm hai:

1) Đại chúng nghi

2) Ngài Xá-lợi-thỉnh.

Luận chép phần thứ ba định nghi có ba: Từ đây trở xuống chỉ rõ ba thứ nghĩa.

- Một là nghi chắc chắn.
- Hai là nghi nghĩa.
- Ba là y vào sự gì nghi.

Hai nghĩa đầu nghi ở trong đại chúng. Y vào sự gì nghi là ngài Thu Tử nghi. Đại chúng nghi có hai: Đầu tiên nêu chúng nghi. Sau giải bày ý nghi.

- Kinh: “Nay Thế Tôn... không thể hiểu kịp...”
- Tán: Dưới trình bày ý nghi có hai:

1) Nhắc lại lý do nghi.

Đây là nói lại lý do nghi lời Phật nói ở trước. “Pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu và thuật lại. Phật trước nói trí tuệ của Chư Phật rất sâu vô lượng, có ngôn nói ý thú của Phật khó biết thuật lại Phật trước nói, trí tuệ môn khó hiểu, khó vào. Hai chỗ sâu xa này nên người Nhị thừa không thể biết. Câu đầu làm rõ phần trên, câu sau kế ở dưới, hợp lại gọi là phương tiện. Ý nghĩa vì sao Phật lại khen ngợi pháp này?

- Kinh: “Phật nói một nghĩa giải thoát cho đến là nơi nghĩa hướng đến”
- Tán: Phần này trình bày quyết định nghi: Nghĩa là đến Niết-bàn trở lên gọi là nghĩa chắc chắn. Đối với tự sở chứng quả pháp hữu vi vô vi, chắc chắn từ lâu đã không còn nghi, mà nay không biết nơi nghĩa ấy hướng về đâu? Đó gọi là nghi nghĩa. Nghĩa là trước nói pháp của Phật chứng rất sâu khó hiểu, có ngôn nói ý thú khó biết. Đối với pháp này nay không biết nghĩa Phật nói ấy và ý nghĩa ấy hướng về đâu? Thì sao sao nói tông chỉ hướng đến thế nào? Nên gọi là nghi nghĩa. Ý nghi: Như nói giải thoát ta đã đắc, giải thoát đó, lại nói là ít có biết ý nói pháp gì?

Vì thế luận chép nghi nghĩa chắc chắn, tức là có Thanh văn phương tiện chứng, đắc pháp sâu xa, khởi tâm chắc chắn, đối với đạo Thanh văn đắc phương tiện và chứng Niết-bàn. Cho nên thị hiện hai pháp hữu vi vô vi như vậy.

Như trong kinh nói: "Bấy giờ trong đại chúng... cho đến cho đến cũng đắc pháp này mà đến bờ Niết-bàn". Nói hai pháp là phương tiện và chứng Niết-bàn. Phương tiện là hữu vi có thể chứng sanh không trí đạo. Niết-bàn là vô vi chứng không lý. Với hai pháp này, năng đắc, năng tu và đắc được chắc chắn.

Vì thế, luận chép nghi nghĩa đó thì người thanh văn Bích-chi-phật không thể biết, cho nên sanh nghi. Như kinh nói: Mà nay không biết nghĩa ấy hướng về đâu?.

- Kinh: "Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến pháp khó hiểu".

- Tán: Đây là ngài Thu Tử thỉnh. Trong đây có hai: Phần văn xuôi và kệ tụng, văn xuôi có hai: Trước nghi, sau thỉnh

Trước nghi: Theo luận đây là nghĩa y vào sự gì nghi? Như lai nói Thanh văn giải thoát cũng không khác ta. Ba thừa đều ngồi cùng tòa giải thoát, do đó sanh nghi. Sanh nghi ở nhân. Nhân là nguyên nhân. Như lai vì sao giảng nói cảnh giới sâu xa, trước nói sâu xa, sau nói sâu xa, không đồng Thanh văn, Thanh văn và Phật chỗ giải thoát đã đồng đẳng, vì sao lại không đồng. Trừ đây ra thì pháp khác nhau là gì? Nguyên nhân gì mà sanh nghi hoặc điều này? Kinh Niết-bàn nói nghi có ba việc: Ma-ha Bát-nhã, giải thoát, pháp thân. Giải thoát tuy đồng mà Bát-nhã, Pháp thân tức là thể quả Nhất thừa tánh tướng trí tuệ của Phật, những thứ này Thanh văn chưa đắc, bốn chúng không hiểu, cho nên sanh nghi. Như kinh nói: "Lúc này, Xá-lợi-phất cho đến cho đến mà nói kệ" Nhân gì là nguyên nhân đạo lý gì? Duyên gì là lý do duyên sự gì? Phương tiện thứ nhất của Phật". Đây là câu chung trở xuống hiển riêng "sâu xa mầu nhiệm" là trí tuệ Phật. Pháp khó hiểu là trí tuệ môn; nghi lại hai diệu trước mà nghi đây là loại pháp chấp, nhiếp dị thục sanh.

- Kinh: "Con từ xưa đến nay cho đến pháp khó hiểu".

- Tán: Nhắc lại lời thỉnh quyết nghi. Từ chưa từng nghe, bốn chúng sanh nghi: Cúi Xin Phật nói rộng .

- Kinh: "Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến pháp bất khả tư nghì"...

- Tán: Trong mười một hàng tụng chia làm bốn: Ba hàng rưỡi đầu tụng trong lời trước khen ngợi Chư Phật dùng phương tiện thứ nhất, pháp sâu xa mầu nhiệm khó hiểu.

Ba hàng tụng kế tụng về bốn chúng đều có nghi. Một hàng tụng rưỡi kế tụng: Con từ xưa đến nay chưa nghe là tự nghi.

Ba hàng cuối thỉnh: "Cúi xin nguyện Thế Tôn giảng nói việc này."

Ba hàng rưỡi đầu chia làm ba:

Một hàng rưỡi tụng lời Phật tự bảo. Tri kiến của Như lai rộng lớn sâu xa, vô lượng vô ngại... là đấng Pháp sư mầu nhiệm cho đến Một hàng tụng pháp mầu Phật chứng đắc khó biết khó hiểu. Một hàng hợp tụng khen ngợi pháp và Pháp sư diệu.

Không hỏi mà Phật tự nói. Bậc Đại Thánh tuệ nhật: Trí tuệ của Phật dụ như mặt trời. Kinh Niết-bàn chép: Ví như mặt trời khi mới mọc, ánh sáng rất rực rỡ, đã có thể tự chiếu mà còn dứt trừ hết tăm tối. Hai lợi của Phật cũng như thế. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Mặt trời xuất hiện có bốn việc:

1. Khi mặt trời ló dạng thì tất cả tăm tối đều tan biến.
2. Nông dân làm việc.
3. Trăm loại chim hót vang.
4. Trẻ con kêu khóc.

Phật bảo các Tỳ-kheo: Lúc mặt trời mọc bóng tối đều xua tan là: Dụ cho Phật ra đời dứt hết sự si ám, chiếu soi tất cả.

- Nông dân đi làm: Là Nhân dân cùng ra đồng làm. Đây là dụ cho sự tùy thời của đàn việt thí chủ, cung cấp y phục thức uống ăn, giường ghế, thuốc thang .

- Muôn chim hót vang là dụ cho các Pháp sư có đức độ cao có thể nói pháp mầu nhiệm cho bốn chúng nghe.

- Trẻ con kêu khóc: Dụ cho ma chướng, thấy Phật ra đời tâm thật lo sợ áo não. Như trong kinh có bài kệ khen Phật:

Như lai sắc vàng như núi chúa
Như mặt trời hiện chiếu thế gian
Cứu giúp chúng sanh đêm khổ dài
Nay con đảnh lễ Vua ba cõi.

Do đó mà khen ngợi Phật là Tuệ nhật. "Lâu mới nói pháp này", là nói Phật thành đạo nhiều năm mà không hề bày nói. Nay mới nói ra, nên gọi là lâu. Trên đây là nêu hai câu: Một hàng dưới tụng trước Phật nói các thứ niệm quán.

- Kinh: "Pháp chứng ở đạo tràng cho đến cũng không ai hỏi được".

- Tán: Nửa hàng trên tụng Phật trước nói pháp chứng đắc quả Bồ-

đề Niết-bàn, trí tuệ sâu xa khó hiểu. Nửa hàng dưới tụng trước Phật nói pháp ấy khó hiểu, trí tuệ môn rất sâu. Người Nhị thừa không biết nên không thể hỏi.

- Kinh: "Không hỏi mà tự nói cho đến các Đức Phật chứng được".

- Tán: Nửa hàng trên hợp tụng khen ngợi hai diệu.

Không hỏi mà tự nói là: Phật xuất định liền nói pháp. Thứ ba là nói pháp mầu. Câu thứ tư nói pháp sư khéo léo.

- Kinh: "Các La-hán vô lậu cho đến xin Phật nói cho nghe."

- Tán: Ba hàng tụng nói nghi của bốn chúng có hai:

Một hàng đầu tụng Thanh văn Hữu học Vô học nghi.

Hai hàng tụng nói Duyên giác và các chúng xin Phật nói.

Nghi dụ cho lưới vây khó thoát ra được.

- Do dự: Do dự theo nói văn Lũng tây nói: Giống như chó sói, tánh chó sói hay nghi ngờ con người nên người không chắc chắn thì gọi là do dự. Bộ Nhĩ Nhã nói: Như con Hoẫn giỏi leo cây.

- Kinh: "Đối với chúng Thanh văn cho đến vì là đạo Phật làm".

- Tán: Tụng này là phần tự nghi. Đắc trí từ trước là quả pháp, hay là nhân đạo . Nếu là quả thì sở đắc đã đầy đủ. Nay vì sao lại khen ngợi. Nếu là nhân đó lại càng muốn hướng đến cầu nhân mà thành tựu. Trước nói các người tự sở đắc của mình sanh tâm chắc chắn đối với lời Phật nói lại nghi ngờ. Nay Thu Tử không có nghĩa chắc chắn, mà ngay sở đắc của mình cũng sanh nghi ngờ. Lại trước chưa nghe, đối với mình còn có chắc chắn, nay suy nghĩ lại sở đắc của mình, cũng có sanh nghi, cho nên không trái ngược.

- Kinh: "Từ miệng Phật sanh ra cho đến muốn nghe pháp đầy đủ."

- Tán: Tụng lời thỉnh Phật nói, chia làm hai:

- Một hàng tụng lời thỉnh cầu của chúng đệ tử Thanh văn.

- Hai hàng tụng về các chúng khác thỉnh cầu, đây là phần đầu.

Bẩm thọ lời dạy của Phật, Thánh đạo mới khởi giáo pháp từ miệng Phật nói ra, nên nói từ miệng Phật sanh, để phân biệt với bào Thai là do tinh huyết tạo ra.

- Kinh: "Chư thiên rồng quỷ thần cho đến muốn nghe pháp đầy đủ".

- Tán: Hai hàng cuối tụng về các chúng khác thỉnh.

Cõi này Phật xuất hiện nên không có Vua chuyển luân, vì thế nói: Vua chuyển luân các nước đến, đạo đầy đủ là lý Đại thừa.

- Kinh: “Bấy giờ Phật bảo cho đến đều sẽ kinh nghi.”

- Tán: Đoạn thứ hai có hai ý: Phật nói thôi và Xá-lợi-phất lại thỉnh.

Luận này trở xuống giải thích phần định ký. Ghi nhận khác nhau, ghi rõ ràng nghĩa riêng biệt sâu kín, gọi là Ký biệt, tức là trong mười hai bộ kinh gọi là kinh Ký biệt. Kinh Ký biệt có ba thứ:

1. Ghi nhận sự khác nhau về lỗi lầm công đức của các đệ tử đã trải qua trong quá khứ.

2. Thọ ký riêng cho các Đại nhân thành Phật.

3. Là ghi nhận rõ ràng, nghĩa riêng biệt sâu kín. Trong chương nói mười hai phần giáo bên dưới có nói đủ. Đây tức là kinh Ký biệt.

Luận chép: Dưới đây dựa vào bốn việc mà nói:

1. Tâm chắc chắn.

2. Nhân thọ ký.

3. Thủ thọ ký.

4. Cho thọ ký.

Tâm chắc chắn là tâm Phật xưa nay đã có sự chắc chắn vì người. Do đây mà có lời nói sau khi Phật bảo thôi. Vì thế, lấy tâm chắc chắn mà luận không phối thuộc kinh, chung cho ý văn dưới.

Luận chép: Tâm chắc chắn là gì? Đã sanh tâm kinh sợ thì khiến cho dứt kinh sợ. Vì lợi ích có hai thứ người, cho nên Như lai có tâm chắc chắn.

Kinh sợ có năm nghĩa:

1) Sợ tổn hoại: Từ chỗ nghe nói cho đó là thật, chê bai cho là không có Đại thừa mà nói: Như lai nói quả rốt ráo Niết-bàn của A-la-hán, cuối cùng thì ta đã đạt Niết-bàn như thế. cho nên A-la-hán không nhập Niết-bàn. Đây tức là chủng tánh Thanh văn. Thanh văn là do nghe âm thanh giáo hóa của Phật tu rồi chứng thật quả rốt ráo. Ta cuối cùng đã đạt đến Niết-bàn như thế. Quả đã rốt ráo nên chê bai cho là không có Đại thừa, không thể nghe nay vì nói Đại thừa. Nếu nghe thì pháp đã tu đó không phải là rốt ráo, liền sanh kinh sợ, hoài nghi A-la-hán cuối cùng không nhập Niết-bàn, tức trái với đạo, nghi ngờ sanh nên sợ bị tổn hại.

2) Kinh sợ nhiều việc: Vì chúng sanh sanh tâm Đại thừa như là. Trong vô lượng vô biên kiếp ta thật hành hạnh Bồ-tát, chịu khổ lâu xa. Rồi khởi tâm kinh sợ chỉ giữ thừa khác. Nghĩa là Bồ tát Địa tiền tánh bất định, trụ trong Đại thừa, trải qua nhiều kiếp hành Bồ-tát đạo gọi là nhiều việc, sợ kia khởi tâm lui sụt qua thừa khác. Nay Phật nói cho họ

nghe để tâm không lui sụt.

3) Kinh sợ điên đảo: Phân biệt các pháp ngã ngã sở thân kiến bất thiện. Nghĩa là căn chưa thuần thục định tánh phàm phu. Vì phiền não rất nặng nên không thể nói cho họ nghe. Nếu nói thì họ cùng sanh phiền não, điên đảo kinh sợ.

4) Kinh sợ hối hận: Nghĩa là nếu vì nói: "Đại đức Xá-lợi-phất! Ta không nên chứng Tiểu thừa như thế, và tự dừng Tiểu thừa mà hướng về Đại thừa." Tức là tâm kinh sợ hối hận.

5) Kinh sợ lừa dối: Nghĩa là nếu nói cho người tăng thượng mạn nghe thì họ sẽ bảo rằng: Vì sao Như lai lừa dối chúng ta tự cho là đạo đã đạt đến quả vị vô dư tròn đầy.

Thanh văn có hai: Định tánh và Tánh bất định.

Phàm phu có hai: Chưa đắc cho là đắc và còn đủ phiền não.

Bồ-tát có hai: Thoái vị và Không lui sụt vị.

Thanh văn Định tánh tức là lo sợ tổn hại. Thanh văn Tánh bất định là lo sợ hối hận, chưa đắc cho là đắc tức phàm phu lo sợ lừa dối. Phàm phu đầy dẫy phiền não tức là điên đảo lo sợ. Bồ-tát Thoái vị tức là lo sợ nhiều việc. Không lui sụt vị Bồ-tát thì không nằm trong năm thứ trên. Bỏ quyền lấy thật, ưa hướng về quả vị Phật, mới nói cho họ nghe Nhất thừa. Đây nói Nhất thừa thì không hợp căn khí vậy. Luận chép: Chính là làm lợi ích cho hai hạng người.

Như lai có tâm chắc chắn: Nghĩa là nhiều việc và hối. Lợi ích cho người hối hận là dẫn xếp họ vào một loại. Lợi người nhiều việc là tùy giữ các thừa khác, cho nên nay nói thôi và sau lại chính nói. Tâm Phật trước đã định vì hai người còn người khác không khác phải chính. Tức trong mười nghĩa nói hai nghĩa đầu của Nhất thừa. Quán ý văn này có nhiều việc. Một loại không nói là có kinh sợ. Nói tức là không kinh sợ, bốn thứ khác thì nói tức là có kinh sợ, không nói thì không sợ. Cho nên luận chép chung đã sanh kinh sợ thì phải dứt trừ kinh sợ, do đó mà thọ ký.

Như kinh nói: Thôi, thôi! Không, cần nói nữa cho đến trời người đều sẽ kinh sợ: Tức trở xuống là văn hai lần thôi. Là nguyên nhân ứng với hai nghĩa vì người nghe người không kham làm người nghe rời chỗ ngồi, cho nên gọi là nhân. Nhân thọ ký đều sanh kinh sợ. Có ba nghĩa:

1) Khiến cho đại chúng suy tìm cảnh giới sâu xa.

2) Khiến cho đại chúng sanh tâm tôn trọng cuối cùng muốn nghe.

Trên đây là ứng với hai nghĩa vì người nghe.

3) Khiến cho người tăng thượng mạn rời khỏi chỗ ngồi mà đi.

Tức là không thể làm người nghethì rời chỗ ngồi. Đây là Phật bảo thôi lần thứ hai. Nhưng ứng với hai nghĩa vì người nghe, lần thôi thứ ba mới vì người không thể nghe pháp rời chỗ ngồi. Lấy việc thọ ký như trong kinh. “Bấy giờ Đức Thế Tôn...” là lời hứa của Phật có thể nhiếp thọ, hứa sẽ nói cho đại chúng nghe.

Cho thọ ký là như trong kinh Phật bảo: “Xá-lợi-phất! cho đến” chính vì giải thích kinh Nhất thừa. Trong bốn Định ký thì tâm chắc chắn ban đầu là nguyên nhân dừng và nói. Kế đến, nhân thọ ký chỉ là nguyên nhân thôi sự thỉnh. Thủ ký là hứa giải thích, cho ký là chánh thức trình bày. Nay nói kinh nghi là ứng với người nghe. Kinh sợ nghi ngờ, suy tìm pháp sâu , tôn trọng người muốn nghe.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến cúi xin Phật nói.”

- Tán: Lần thỉnh thứ hai.

- Luận chép: Chỉ chúng sanh nay đã được vô lượng Phật quá khứ giáo hóa, đầu là văn xuôi, sau là kệ tụng. Phần văn xuôi có hai: Một là thỉnh chung; hai là có khả năng nghe. Đây là phần thỉnh.

- Kinh: “Vì sao cho đến tức hay kính tin được.”

- Tán: đây là phần có khả năng nghe Phật nói, có ba nhân:

1) Gặp duyên lành từng thấy Chư Phật.

2) Tánh thông minh các căn lanh lợi

3) Hiểu biết chân nghĩa. Trí tuệ thông suốt cho nên tin nghe.

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến có thể kính tin.”

- Tán: Bài tụng này có thể biết.

- Kinh: “Phật lại bảo Xá-lợi-phất thôi đi cho đến sẽ rơi vào hầm lớn.”

- Tán: Đoạn thứ ba. Đầu tiên thôi. Sau lại thỉnh. Trong phần thôi có hai: Văn xuôi và kệ tụng, đây là nói phần đầu.

Vì người không có khả năng nghe nên rời chỗ ngồi, lại sợ người tăng thượng mạn đắc Thế bậc nhất, bốn tĩnh lự, liền cho là đắc quả A-la-hán, rồi họ sanh phỉ báng mà đọa địa ngục nên gọi là hầm lớn. Đây đều là phàm phu rơi vào hầm lớn chẳng phải bậc Thánh Hữu học.

Luận Du-già chép: Tất cả bậc Thánh biết quả mình đắc, không tự cho rằng sẽ đắc quả vị Thánh sau mà tăng thượng mạn cho nên không có tà kiến, lại không gây nghiệp đọa vào địa ngục. Cho nên trong các luận có nói các Tỳ-kheo tăng thượng mạn, đắc Thế bậc nhất và bốn Tĩnh lự sau khi mạng chung do chê bai sự giải thoát sanh khởi tà kiến nên đọa vào địa ngục, chính là loại này.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến nghe sẽ không kính tin.”

- Tán: Pháp mầu khó hiểu. Người ngu nghe khởi sanh chê bai. Vì không kính tin nên sợ bị đọa hầm lớn.

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến. nhiều sự lợi ích.”

- Tán: Lần thỉnh thứ ba.

Phần đầu văn xuôi, phần sau kệ tụng.

Văn xuôi có hai: Thỉnh chung và có khả năng nghe.

Ngài Thu Tử lợi căn tự biết túc mạng. Cũng có thể biết người khác ở quá khứ đã theo Phật Thích-ca và từng được giáo hóa. Căn cơ thành tựu đạo đầy đủ, thì sẽ nghe có thể tin. Tin sanh tử đêm dài đã an ổn lợi ích, cho nên nay thỉnh Phật nói.

- Kinh: “Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất cho đến.. rũ lòng phân biệt nói.”

- Tán: Từ đây trở xuống gồm bốn hàng tụng, chia làm ba:

- Một hàng tụng đầu tự xưng là trưởng tử để thỉnh. Phật quyết nghi.

- Một hàng rưỡi tụng... trình bày chúng đã từ lâu theo Phật nên thỉnh.

- Một hàng tụng rưỡi: Trình bày mình và người nghe pháp được ngộ giải liền sanh vui mừng để thỉnh nói. Phật là bậc tôn kính trong tất cả chúng sanh hai chân, nhiều chân, không chân. Nay nói loại tôn quý hai chân. Trong ba thứ, loài hai chân là tôn quý có thể nhập đạo, nghĩa là loại trời, người. Phật cũng hai chân nên nói là Đấng Lưỡng Túc. Ngài Xá-lợi-phất là bậc nhất trong chúng Thanh văn nên nói là Trưởng tử.

- Kinh: “Vô lượng chúng cho đến muốn thọ lời Phật nói”.

- Tán: Một hàng rưỡi tụng v.v... là trình bày chúng từ lâu được Phật giáo hóa, nhân duyên xưa nay đã thuần thục, nên thỉnh Phật nói pháp.

- Kinh: “Chúng con nghi... thì sanh tâm rất vui mừng”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng mình và người nghe pháp đều vui mừng, để thỉnh Phật nói.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến phân biệt giải thích”.

- Tán: Luận trong phần định ký của đoạn thứ tứ. Từ đây trở xuống là phần thủ thọ ký thứ ba. Phật hứa nhiếp thọ mà vì họ nói pháp. Cho nên trong luận chép Thủ thọ ký là vì ngài Xá-lợi-phất muốn được thọ ký. Như kinh Phật bảo Xá-lợi-phất: Ông đã ba lần thỉnh chẳng lẽ không nói, tức Phật hứa nhiếp thọ.

Nếu y vào tự khoa, thì đoạn thứ ba chia ra thật tướng này, khởi lên quyền môn kia. Trong đây có hai:

1) Nói về nhị ký.

2) Năm trược.

Phần dưới mới phá bốn nghi. Nhị ký có hai: Trong thủ ký có hai:

a) Phật hứa nhiếp thọ.

b) Người ác rời khỏi chỗ ngồi.

Ở đây nói phần đầu:

Trong Bồ-tát Địa chép: Hễ người nghe pháp, lãnh tiếng tiếp xúc tai, gột rửa nhiếp trì (lắng nghe).

Trong Trí luận cũng nói: Người nghe nhìn thẳng như đang đói khát, nhất tâm sâu nhập ngữ nghĩa. Tâm bi hỷ hớn hở nghe pháp. Người như thế thì hãy nói cho họ nghe. Ngau thẳng suy xét là vì nếu không căn dặn chúng sanh để họ lắng nghe xem xét thì sợ tâm không định, tuệ giải không sanh, cho nên Phật căn dặn lắng nghe.

- Kinh: "Lúc nói lời này... lễ Phật thoái lui".

- Tán: Chúng người xấu thối lui: Có bốn phần:

Một là nói việc bỏ đi.

Hai là Phật không ngăn cản.

Ba là Phật vui vẻ dạy bảo.

Bốn là ngài Xá-lợi-phất kính vâng.

Phần một lại có hai: Nêu và giải thích.

Đây là nói nêu:

- Kinh: "vì sao? cho đến nên không ở lại".

- Tán: Giải thích nguyên nhân bỏ đi.

Đây là tự dẫn chứng rằng: Có năm điều khó được:

1) Được thân người là ít có.

2) Sanh ở giữa nước là ít có.

3) Đầy đủ các căn là ít có.

4) Gặp Phật ra đời là ít có.

5) Nghe chánh pháp là ít có.

Năm ngàn chúng đệ tử đã có đủ bốn điều khó trên. Vì sao khi Phật sắp nói pháp mầu lại bỏ đi? Việc bỏ đi này là có lý do gì? Nay giải thích có hai ý:

1) Gốc tội sâu nặng

2) Có tâm tăng thượng mạn.

Bối nghĩa là bọn. Tội nghĩa là đáng chê, đáng trách, đáng sợ, đáng chán. Hoặc nhân hoặc quả đều chê bai, chán ghét gọi là tội. Nếu theo Tiểu thừa thì tội này rất nhiều, nặng thì có ba:

1) Phiền não chướng

2) Nghiệp chướng.

3) Dị thục chướng.

Tất cả phiền não gồm có hai thứ:

1) Thường khởi gọi là cần.

2) Khởi mạnh mẽ gọi là lợi, chia làm bốn câu:

a. Cần mà không lợi.

b. Lợi mà không cần.

c. vừa cần vừa lợi.

d. Không cần không lợi.

Nay lấy câu đầu và câu thứ ba gọi là phiền não chướng.

Ngũ vô gián nghiệp gọi là nghiệp chướng.

Ba đường tám nạn là dị thục chướng.

Ba chướng này chướng nhập Thánh đạo nên gọi là tội nặng.

Nay theo Đại thừa thì chướng có hai thứ:

1) Phiền não chướng.

2) Sở tri chướng.

Sở tri chướng là thích ứng theo nó mà chướng nhập vào Thánh vị Đại thừa. Phiền não chướng thích ứng theo nó mà chương nhập Ba thừa Thánh vị.

Theo luận Phật Địa thì phiền não chướng có ba:

1) Một trăm hai mươi tám phiền não và tùy phiền não.

2) Là chỗ phát nghiệp.

3) Chỗ đắc quả.

Ý này là nói chung phẩm loại kia gọi là chướng, chẳng phải y cứ vào trọng .

Theo Đại Bát-nhã, thì trọng chướng có bốn:

1) Phiền não chướng.

2) Nghiệp chướng.

3) Dị thục chướng.

4) Pháp chướng.

Phiền não chướng là: Một trăm hai mươi tám căn bản phiền não. Và các đẳng lưu tùy phiền não. Thích ứng theo nó mà làm chướng Thánh đạo đều là chướng này. Nghiệp chướng là: Theo kinh Tát-già-ni Càn Tử thì có năm thứ nghịch:

1) Phá tháp hoại chùa. Đốt kinh tượng trộm cắp và dùng vật Tam bảo.

2) Chê bai pháp Ba thừa cho là không phải pháp Thánh. Chướng ngại lưu nạn che giấu điều ác.

3) Đối với tất cả người xuất gia, hoặc người có giới, không giới, giữ giới, phá giới đều đánh mắng quở trách. Nói lỗi của họ, giam cầm vào lao ngục. Hoặc ép buộc họ cởi cà sa hoàn tục, bắt phục dịch sai khiến, làm cho họ mạng căn bị cắt đứt. Kinh Đại Tập chép: Lỗi hại một Tỳ-kheo phá giới còn hơn tội làm muôn ức thân Phật chảy máu.

4) Giết hại cha mẹ, làm thân Phật, A-la-hán chảy máu, phá hòa hiệp tăng.

5) Sanh đại tà kiến, chê bai nói không có nhân quả, thường hành trì các nghiệp bất thiện.

Năm thứ này chỉ có trong Đại thừa gọi là nghiệp chướng năm tội nghịch.

Cũng có nói nói bảy tội, chẳng qua cũng từ năm tội này.

Sở dĩ không nói là dị thục chướng: Nghĩa là quả dị thục hay làm chướng ngại Thánh đạo. Tức ba đường ác, tám vô hạ (gián) v.v... Vì nạn sanh ra trước Phật sau Phật nên nói là trước pháp, sau pháp, là trước sau Phật pháp không người đắc quả Thánh.

Pháp chướng là: Ở đời trước làm chướng ngại việc thiện của người, tạo ra các pháp nghiệp, sanh vào trong đời này không được nghe pháp, chánh pháp thiếu xót nghĩa là thuộc hai quả Tăng thượng, Đẳng lưu trong năm quả .

Gốc tội sâu nặng là cảm pháp nghiệp thiếu kém. Vì gốc tội nên hiện đời không nghe pháp, vì là thể của tội nên là chướng thứ tư.

- Mạn Ngọc Thiên nói là khi thường, không sợ, ngạo mạn. Lấy sự lừa dối làm gốc, chậm rãi, cậy mình ép bức người khác, tự cao.

- Trong luận Du-già nói Mạn có bảy thứ: Một là mạn; hai là quá mạn; ba là mạn quá mạn; bốn là ngã mạn; năm là tăng thượng mạn; sáu là ty mạn; bảy là tà mạn.

1) Mạn đối với người thấp hèn mà cho là mình hơn hoặc cho là bằng người.

2) Quá mạn: Đối với người bằng mình cho là mình hơn, hoặc với người hơn cho là mình bằng .

3) Mạn quá mạn: Với người hơn cho là mình hơn.

4) Ngã mạn: Cậy thế chấp ngã đề cao mình.

5) Tăng thượng mạn: Mình ít đức mà cho là nhiều.

6) Ty mạn: Người hơn mình nhiều, chấp mình kém người khác ít.

7) Tà mạn: Hoàn toàn không có đức mà cho là có đức.

Nay nói tăng thượng mạn, tức phần thứ năm đã thật là ít đức, cho là mình nhiều đức độ, đắc thiền định Niết-bàn thế gian. Cho nên chưa

đắc nhiều cho là nhiều đức. Chưa chứng cho là đã chứng. Đắc cho là đạo hữu vi. Chứng cho là diệt vô vi, đây là tướng tăng thượng mạn. Chẳng phải hoàn toàn chưa đắc mà nay cho là đắc. Nếu không như vậy, thì chẳng phải tướng tăng thượng mạn, chính là tà mạn thứ bảy. Nếu có hai lực phiền não chướng và chướng pháp trước, nên không thể có khả năng nghe pháp.

Hỏi: Bọn năm ngàn người đã không thể nghe pháp, vì sao mắt nhìn thấy hào quang Phật tỏa chiếu, tai nghe lời diệu xướng, thấy hoa trời và an nhiên nhìn đất rung chuyển mà không kinh sợ?

Đáp: Phật phóng quang động địa chưa đủ làm thay đổi tâm hèn kén. Diễn pháp mầu nói việc ít có thật trái với thiển ý. Nghe lời hỏi đáp trong bài tựa làm bước đầu dẫn đến Đại thừa và nhân nghe trình bày sâu xa của nội tông Đại thừa, lại càng thêm mê hoặc thêm chê bai cho nên ở đây Phật bảo bẻ hết cành lá, quét sạch tấm cám.

- Kinh: "Thế Tôn mặc nhiên im lặng mà không ngăn cản".

- Tán: Phần hai không ngăn cản.

Mặc có nghĩa là im lặng.

Các bộ luận đều nói có hai chắc chắn mà Phật lực không trái:

Một là thọ dị thục chắc chắn

Hai là tác nghiệp chắc chắn.

Với người vì tội căn sâu nặng Phật dùng chắc chắn chịu quả, người tăng thượng mạn. Phật chắc chắn tác nghiệp. Do đó mà năm ngàn vị này rời chỗ ngồi đi ra. Phật tuy có thần lực cũng không ngăn họ được, lại vì để họ đi mà không rơi vào địa ngục, không thể ngăn, khiến họ phải khởi nghiệp nặng. Những vị kia nếu phát tâm thì định nghiệp có thể chuyển. Tâm họ không đổi nên Phật lực không ngăn được.

- Kinh: "Bấy giờ Phật bảo cho đến nên vì ông mà nói".

- Tán: Phần ba Phật vui vẻ dạy bảo.

Gió kinh động rơi hạt lép, sương rụng hạt chắc vẫn còn. Phật hứa nói đã làm kinh tâm người. Chấn uy thần khiến họ phải bỏ đi. Cho nên bỏ ra cành lá là tốt. Xướng người trinh thật trụ lại mà hứa nói. Cành lá dụ cho người khinh bạc hư sơ. Sự thuần trong vững chắc nên dụ là hạt chắc .

- Kinh: "Xá-lợi-phất nói cho đến nguyện ưa muốn nghe".

- Tán: Phần bốn là kính vâng.

Nguyện vui là ý ít giải. Muốn nghe cũng là tâm mong muốn nghe.

- Kinh: "Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến thời một lần hiện".

- Tán: Phần này cho thọ ký vì họ giải thích. Luận có sáu:

1. Người chưa nghe khiến cho nghe.

2. Là nói. “Xá-lợi-phất! Chư Phật tùy nghi nói...”

3. Nương vào nghĩa gì? cho đến “Vì sao? Vì Chư Phật Thế Tôn chỉ một đại sự nhân duyên cho đến”

4. Là khiến cho trụ: “Xá-lợi-phất! Như lai dùng một Phật thừa nên vì chúng sanh nói pháp”.

5. Là y vào pháp. “Xá-lợi-phất! Tất cả Chư Phật mười phương cũng như vậy...”

6. Ngăn: “Xá-lợi-phất! Trong các thế giới ở mười phương còn không có hai thừa.” Chưa nghe khiến cho nghe, là khen ngợi pháp ít có, hiển bày khiến được nghe.

- Nói là nói pháp sở nói, ý nói việc ít có biết.

- Y vào nghĩa gì? Là người chưa nghe khiến cho nghe và dùng phương tiện nói. Nương vào nghĩa gì là nương vào pháp rất sâu khó hiểu do Phật chứng đắc.

- Trụ là khiến yên trụ pháp Nhất thừa là pháp mà Chư Phật ba đời mười phương đã cùng làm tức là phép tắc, khuông mẫu.

- Đầu tiên là tùy theo thời nghi mà nói: Ý muốn về lâu sau, chúng sanh vẫn giữ hạt giống trí tuệ Phật.

- Ngăn là ngăn phá hai chấp, ngăn cho hai thừa là chân thật, để khen ngợi pháp ít có. Người chưa nghe khiến cho nghe có ba ý:

1) Khen ngợi sự ít có.

2) Nêu thí dụ.

3) Khuyến tín.

Đây là nói hai phần đầu. Điều này nếu thường nói, không có người trí nào không thích. Thời nghi là cảngười trí ngu cùng ưa.

Tiếng Phạn gọi là Ô-đàm-bát-la, Hán dịch là Thụy ứng. Khi Kim luân ra đời thì biển lớn giảm ít. Khi Kim Luân xuất hiện thì hoa Bát-la mới trổ hoa, ứng vào việc ngụ thế của Kim luân, nên gọi là hoa Thụy ứng. Đây là nói pháp luân vương của kinh Pháp Hoa ra đời thì biển sanh tử giảm bớt. Đạo Nhất thừa hiển bày mới giảng nói. Cho nên lấy đây làm thí dụ mà khen ngợi Phật pháp ít có. Ngài Thu Tử từ thời vãng kiếp từng có pháp chưa nghe, nay muốn nghe nên hết lòng khát ngưỡng.

- Kinh: “Xá-lợi-phất! cho đến nói không luống dối”.

- Tán: Đây là phẩn khuyên tin. Vì trí hiểu còn giới hạn, nên chưa thể chứng đạt. Cho nên đây nêu pháp không luống dối để khuyên người tin.

- Kinh: “Xá-lợi-phất!.. ý thú khó hiểu.”

- Tán: Đoạn thứ hai nói Phật nói có hai: Nêu ra và giải thích.

- Kinh: “Vì sao? Là có thể biết”.

- Tán: Đây là phần giải thích trên đã nêu.

- Luận giải thích các thứ nhân duyên: Nghĩa là pháp ba thừa. Pháp ba thừa kia chỉ là danh tự chương cú nói không có thật nghĩa. Vì ý thật nghĩa kia không thể nói, Ý trong đây nói: Ta dùng phương tiện mà nói pháp Ba thừa. Pháp đây chỉ có danh tự chương cú không phân biệt ba thể mà tùy nghi nói ba. Người Nhị thừa không thể suy lường có thể hiểu, chỉ Phật mới có thể biết. Đây là nêu phần trí môn khó hiểu ở trước. Thật nghĩa Ba thừa tức là chân như, là không thể nói. Nói nương vào đâu tức là chỉ cho trí tuệ Phật.

- Kinh: “Vì sao? cho đến xuất hiện ở đời”.

- Tán: Văn thứ ba là y theo nghĩa gì? Có hai: Nêu và giải thích rộng.

Đây là nói phần đầu. Do văn trước mà mượn dẫn chứng rõ. Vì sao nói ngôn từ khó hiểu chỉ có Phật mới hiểu? Y theo nghĩa gì mà nói như thế?

Các Phật Thế Tôn là bao gồm các Phật mười phương ba đời “Chỉ vì một đại sự nhân duyên...”

Sự vật nghĩa là sự, thể sự. Đạo lý tùy ứng cũng đều đắc. Vì đại sự nhân duyên này mà xuất hiện ở đời, tự xưng đức hiệu, rộng làm lợi ích chúng sanh. Nếu như không như vậy thì nhập diệt như Nhị thừa. Do đại sự này, cho nên tùy nghi nói, ý thú khó biết.

- Kinh: “Xá-lợi-phất... xuất hiện ở đời”.

- Tán: Giải thích rộng có hai:

1) Hiển bày riêng

2) Giải thích ý

- Hiển bày riêng có ba:

1) Trình bày

2) Giải thích

3) Kết

- Kinh: “Chư Phật Thế Tôn cho đến xuất hiện ở đời.”

- Tán: Đây là phần giải thích. - Thể của việc lớn tức là tri kiến. Chư Phật xuất hiện ở đời vì đại sự này. Có bốn nghĩa là: Khai, thị, ngộ, nhập. Luận chép: Một đại sự đó là nương vào bốn thứ nghĩa nên biết.

Phật tri kiến: Như lai có thể chứng biết như thật nghĩa kia. Đây có ba giải thích

Giải thích thứ nhất: Pháp tánh chân như gọi là như thật, tánh chân thật của pháp tức là sở chứng. Nghĩa lý cảnh giới đều gọi là nghĩa. Thể chánh trí gọi là năng chứng, biết được nghĩa lý, chứng cảnh chân thật, tức năng chứng chánh trí và sở chứng chân như cả hai năng, sở tri kiến đều gọi là tri kiến. Như làm tánh của tri kiến. Trí là dụng của tri kiến, tánh tướng tri kiến đều gọi là tri kiến.

Luận Bát-nhã của ngài Vô Trước nói: Vô thượng Bồ-đề là pháp thân, Chánh Đẳng Bồ-đề là báo thân, như kinh Giải Sâu Mật nói: Bồ-đề. Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề.

- Luận Trí Độ chép: Trí và Trí xứ đều gọi là Bát-nhã. Hoặc trí là trí chánh thể. Kiến là hậu đắc trí, là hai, là dụng. Năng chiếu hai cảnh chân tục. Hai bổn tánh này tức là chân như hợp lại gọi là tri kiến. Đem tánh hợp tướng thì gọi là tri kiến. Vì muốn người Nhị thừa cầu chủng trí.

Kinh Thắng-man nói: Nhất thừa tức là Phật thừa. Phật thừa là Đại thừa Nhiếp Đại thừa nói: Vừa đại vừa thừa nên gọi là Đại thừa là muôn hạnh. Hoặc nương vào đại tánh nên gọi Đại thừa, là chân như. Cho nên biết Quả Phật Nhất thừa, thể có cả lý và trí. Khế ước với tông nghĩa này thì nhà lửa xe trâu ý ở trí dụng. Nói xe trâu là sở tác của ngã. Đường hiểm, đảo châu báu ý ở trí tánh. Xưng hóa tạo thành thì chẳng phải đảo châu báu. Hợp cả hai này lại gọi là tri kiến.

- Luận này chép: Gồm có bốn pháp:

Khai: Là nghĩa Vô thượng, trừ Nhất thiết trí, không còn có việc khác.

Nhất thiết trí đó là Phật vậy. Lại nói trí đó là căn bản trí và hậu đắc trí. Hai trí này là dụng, tánh của hai trí này tức là chân như. Hoặc dụng hoặc tánh gọi chung là trí.

Trí của bậc Nhất thiết trí thì gọi là trí Nhất thiết trí lại Nhất thiết trí là căn bản trí.

Lại nói trí là hậu đắc trí. Nêu hai trí này là nhiếp ở diệu lý trí tánh chân như. Lại Nhất thiết trí là Bồ-đề trí dụng.

- Lại nói trí là trí tánh Niết-bàn, hai thứ Như lai tạng. Nay nói lên hai trí này đều là Vô thượng. Khen ngợi thù thắng cho người vui mừng. Nhưng thể Bồ-đề này là hạt giống bổn hữu hữu vi. Huân tập học rộng là do tu mà sanh trưởng, thể tức là bốn trí.

Kinh Lăng-già chép: Thức A-lê-da gọi là Không Như lai tạng. Huân tập đầy đủ pháp vô lậu nên gọi là Bất Không Như lai Tạng. Tạng thức hữu lậu là luống dối không thật, cho nên gọi là không, năng chứa

tất cả hạt giống vô lậu gọi là Như lai tạng.

Thể của hạt giống bốn trí là vô lậu chẳng phải là pháp luống dối. Do gần gũi bạn lành huân tập học rộng dần dần sanh trưởng, sẽ thành bốn trí. Nhân của trí gọi là Bất Không Như lai Tạng. Tạng là hàm tàng, nghĩa là nhân tánh. Dụ như trồng cây sanh trưởng tròn đầy thể tánh của Niết-bàn này là vô vi. Xưa nay sẵn có tự tánh thanh tịnh. Về sau gặp Bạn lành thì dứt chướng hiển bày tuy là một chân như mà gặp duyên thì chứng riêng nên gọi là bốn thứ Niết-bàn.

Kinh Thắng-man nói: Có hai thứ Như lai Tạng không trí: Nghĩa là hoặc lìa hoặc thoát, hoặc đoạn hoặc dị. Tất cả phiền não tạng cũng không lìa không thoát. Không đoạn không dị. Bất tư nghì Như lai tạng phiền não hữu lậu luống dối không thật, có thểche lấp Như lai, gọi là không Như lai tạng. Thể của Niết-bàn vô lậu là vô vi, chẳng phải là pháp luống dối. Do gần thiện duyên mà dứt các phiền não. dần dần trí khởi thì phương tiện sẽ hiển chứng gọi là Niết-bàn. Thể tánh chẳng phải là không, do không mà hiển bày ra vì là tánh không ở vị trí phiền não che lấp nên gọi là Bất Không Như lai tạng. Tạng có nghĩa là che giấu tánh nhân, cho nên ở vị trí phiền não bị trói buộc gọi là Như lai tạng. Lúc ra khỏi phiền não thì gọi là pháp thân. Tức pháp thân này do không mà hiển bày. Vì bổn tánh vốn là không nên gọi là không Như lai tạng. Như ngọn đao Đề-da đào được vật báu mà được biết đến.

Thức A-lại-da và các phiền não gọi là Như lai tạng kinh Niết-bàn nói chưa đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Pháp thiện bất thiện đều gọi là pháp tánh.

- Kinh Vô Cấu xưng chép: Chủng tánh của thân giả: Bảy thức trụ, tham dục, sân nhuế, ngu si, mười một nghiệp bất thiện đạo làm Như lai chủng, văn chẳng phải nói một, tức trước Bồ-đề gọi là báo thân. Báo thân thì tu sanh, pháp thân thì tu hiển. Pháp thân chứng thì nhân chứng. Báo thân sanh thì nhân sanh.

Tạng trước có bốn:

1) Năng hàm tàng: Tạng nghĩa là thức A-lại-da như kho tạng.

2) Năng sanh đức tạng: Nghĩa là hạt giống báo thân, như hạt giống, lúa...

3) Năng phú tạng: Tạng nghĩa là phiền não như đất che vật

4) Năng hiển đức tạng: Tạng nghĩa pháp thân Phật tánh như kim tánh (tánh vàng), tức nói theo vị trí đại.

Đoạn sở tri chướng thì chứng được báo thân Phật Bồ-đề tròn đầy. Dứt phiền não chướng chứng được pháp thân Phật, Niết-bàn tròn đầy.

Chư Phật ra đời là muốn chúng sanh dứt sở tri chướng và chỗ phát nghiệp cùng quả sở đắc. Tất cả đều hết viên chứng Bồ-đề mở ra tướng tri kiến khiến được thanh tịnh. Chướng hết, trí viên thì gọi là thanh tịnh. Vì muốn chúng sanh dứt trừ phiền não chướng và chỗ phát nghiệp quả sở đắc. Tất cả đều tận viên chứng Niết-bàn, khai tánh tri kiến, khiến được thanh tịnh. Chướng tận, lý hiển thì gọi là thanh tịnh. Duyên vào tri kiến này nên ra khỏi thế gian.

1) Khai: Nghĩa là hiển chứng xuất sanh sanh ra Bồ đề hiển chứng Niết-bàn. Trừ hai việc này thì không có gì cao quý hơn, hai pháp đó gọi là Vô thượng.

2) Thị nghĩa là đồng. Vì pháp thân Ba thừa của Chư Phật, Bích-chi-phật, Thanh văn đều bình đẳng. Pháp thân bình đẳng đó là pháp thân, Phật tánh không có sai khác. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Thí như sữa trâu có các màu sắc và đem sữa đó đặt vào một chỗ, màu sắc sữa vẫn không khác. Phật tánh không vậy. Chúng sanh chủng loại tuy không đồng, mà Phật tánh không khác nhau. Ý này nói là pháp thân Ba thừa vốn là bình đẳng. Chúng sanh không biết nên không chịu tu hành để chứng pháp thân tròn đầy. Chư Phật ra đời là muốn chỉ cho chúng sanh tánh của tri kiến này. Ba thừa đều bình đẳng không hai, đồng chứng tròn đầy để thành tựu pháp thân.

3) Ngộ có nghĩa là không biết. Vì tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật không biết chỗ chân thật. Không biết chỗ chân thật là không biết rốt ráo chỉ có một Phật thừa. Như có người đến nhà bạn thân uống rượu say rồi nằm, lấy hạt ngọc vô giá buộc vào áo trong. Người kia lúc đầu không biết, sau giác ngộ rồi mới biết. Ý này nói là: Nhị thừa không biết thể rốt ráo duy nhất chỉ một Phật thừa, thể tức là Bồ-đề bốn trí, cho nên không tu báo thân tròn đầy. Phật ra đời là muốn cho chúng sanh giác ngộ pháp rốt ráo chỉ có một Phật thừa Bồ-đề trí, khiến cho tu mà sanh trưởng. Ba thứ trên là khai để cùng hiển bày pháp thân, báo thân, khen ngợi sự thù thắng của quả Niết-bàn, Bồ-đề Vô thượng để cho người ưa thích. Thị là phân biệt rõ pháp thân Ba thừa Niết-bàn vốn không hai mà có tu chứng. Ngộ là riêng chỉ rõ báo thân Bồ-đề rốt ráo bậc nhất hạt giống vốn có khiến tu hành sanh quả. Cùng nêu trí đức đoạn đức ở trong quả. Đã chứng hai pháp này làm lợi lạc chúng sanh, ứng với vật hiện hình. Ứng cơ mà nói pháp. Tức là hóa thân và thân tha thọ dụng là ân đức.

4) Nhập: Là địa vị khiến cho chứng đắc không lui sụt. Thị hiện cùng vô lượng nghiệp trí. Ba pháp trên là chung, riêng tuy rõ quả Phật Vô thượng, đồng thù thắng mà chưa biết làm thế nào để chứng đắc. Nay

nói nhân năng chứng năng đắc, cho nên gọi là nhập. Y vào luận này này thì từ Sơ địa trở lên gọi là địa Bất thối. Thể dụng của trí Nhất thiết trí, trong quả vị Phật thật lớn thể dụng đại gọi là Vô lượng trí. Nghiệp là nhân. Phật vì đó mà nói từ Sơ địa trở lên có thể đắc nhân Nhất thiết trí của quả Phật gọi là nhập. Đức Phật nói nhân này là muốn cho người Nhị thừa Hữu học, Vô học và trước sơ địa chứng sơ địa trở lên đến Không lui sụt. Nhập vào biến dị sanh tu chủng trí nhân, quán sát trí tánh nhập hai quả vị Phật.

Bốn ý này nói: Phật xuất hiện ở đời là muốn chúng sanh dứt hết hai chướng, khai tri kiến Niết-bàn Bồ-đề Phật khiến chứng thanh tịnh. Khen ngợi hai pháp vô thượng để chúng sanh ưa thích. Mở bày pháp thân đồng có là khiến cho tu chứng. Ngộ chỗ bất trí chỉ có một trí Phật thừa khiến cho chúng sanh tu hành. Đã hiển bày thể tánh cao quý của Bồ-đề Niết-bàn Quả Phật và nói nhân đó cho người hướng nhập, là nói Phật xuất hiện ở đời để nói pháp Nhất thừa, hoặc quả hoặc nhân. Khiến chúng sanh tu nhân chứng quả, đều thành quả Phật, không vì việc gì khác.

Trước khen ngợi trí tuệ và môn trí tuệ tức là lý giáo của Nhất thừa. Nay nói hạnh quả, nên biết đó là nói chung về bốn pháp Nhất thừa gọi là Pháp Hoa. Hoặc bất thối là từ Bát địa trở lên thì hành bất thối. Các luận đều nói là thọ sanh tử biến dịch. Tuy Nhị thừa hồi tâm nhưng chưa liền đến bờ giác kia. Ba thừa đều đồng là hậu chắc chắn, ra khỏi sanh tử phần đoạn nhập vào sanh tử biến dịch.

Lại Nhị thừa đó là phiền não bất thối. Trải qua ba đại kiếp đều gọi là bất thối địa. Lại Nhất thừa là tu hành Nhất thừa, hoặc là tín, vị, chứng, hạnh. Nay ở trong đây đều khiến cho thể nhập, cùng gọi là bất thối. Hoặc thật thể của nhân quả Nhất thừa là trước nói trí tuệ và trí tuệ môn của Phật tức trước nói Ba thừa là quyền giáo khiến cho Nhị thừa xả quyền giữ thật hành nhân Nhất thừa, hướng đến quả Nhất thừa, đây chính là bổn ý.

Trên nói về nhân quả chung riêng để giải thích bốn thứ: Y theo đây trở xuống văn dưới nói thì trong pháp Phật ba đời không nói phần đầu là khai, chỉ nói: Thị, ngộ, nhập, vì thế biết chỉ nên nói như thế là tốt. Thị ngộ nêu riêng hai quả đã xong. Không cần nêu ra. Nêu ra nhân quả này là nhiếp tất cả pháp muôn đức hữu vi vô vi của Phật. Phần pháp nói ở phẩm Phương tiện này nói Nhất thừa chỉ vì người thượng căn. Do đây mà biện chung hoặc nhân hoặc quả Bồ-đề Niết-bàn để làm Nhất thừa. Phẩm Thí dụ thì vì người trung căn nên chỉ nói ngộ. Xe trâu là trí

đức Nhất thừa Bồ-đề. Do mê nhân trí mà không mê lý nhân, lý quả trí. Phẩm Hóa Thành Dụ là vì người hạ căn nên chỉ nói về thị. Đảo châu báu là Đoạn đức Niết-bàn Nhất thừa. Do mê lý quả mà không mê trí quả, trí của lý nhân. Mỗi pháp đều tùy theo sở nghi mà dứt chướng kia, khiến cho tiến nhập mà nói riêng Nhất thừa. Hoặc vì trung, hạ căn mà nói hai pháp lý trí nhân quả, rõ ràng khiến cho hiểu, chỉ có phẩm này là nói chung về nhân quả giác, tịch Nhất thừa, lý nghĩa đầy đủ, cho nên luận này giải thích đầy đủ phẩm này, các phẩm khác chỉ giải thích chung, đại ý thì không khác đây. Nếu hiểu rõ phẩm này là hiểu toàn bộ kinh. Nhưng xét văn dưới thì xe trâu ở quả, tức Bồ-đề, văn dưới chỉ nói trí ở trong nhân. Ba thừa cưỡi nhân này thẳng đến đạo tràng.

Lại lý tuy vậy mà trong các kinh luận thường nói trí tuệ lý tánh Niết-bàn cho là Nhất thừa, Nhất thừa là căn bản nên như Vô Lượng Nghĩa.

Giải thích thứ hai: Nay bốn nghĩa này đều dựa vào thể của pháp thân trí tuệ Phật tánh để làm Nhất thừa. Kinh Niết-bàn chép: Đại sự đó chính là Phật tánh.

Lại rốt ráo có hai:

1) Trang nghiêm rốt ráo.

2) Rốt ráo rốt ráo.

Trang nghiêm rốt ráo nghĩa là sáu Ba-la-mật.

Rốt ráo rốt ráo: Là tất cả chúng sanh sở đắc Nhất thừa. Nhất thừa tức là Phật tánh. Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đều có Nhất thừa. Vì vô minh che lấp nên không thể nhận biết được.

Cho nên biết Phật tánh tức là tri kiến, tức là Nhất thừa. Nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đó tức là khai. Chỉ bày phân biệt gọi là Thị. Đây là pháp Phật tánh, là tánh của báo thân Phật, là tánh nhân, tánh duyên, tánh lý, tánh hành, tánh của người gốc lành, người bất gốc lành... các tánh này gọi là Thị, cho nên kinh Niết-bàn chép: "Như trong nhà cô gái nghèo có nhiều kho vàng ròng. Trong nhà mọi người đều không biết. Lúc này có một người khéo biết phương tiện vừa đến, mới bảo nhà ấy đào lấy vàng lên, người nữ trông thấy lòng rất vui mừng, sanh tâm kính mến tôn trọng người này.

Người Thiện nam! Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh không thể biết được. Như kho vàng kia cô gái nghèo kia không thể biết.

Người Thiện nam! Nay ta chỉ khắp cho tất cả chúng sanh biết mình có Phật tánh. Người khéo dùng phương tiện đó tức là Như lai. Cô

gái nghèo là vô lượng chúng sanh, kho vàng rồng ấy là Phật tánh. Phật dùng đủ loại phương tiện phân biệt để chúng sanh hiểu, gọi đó là ngộ. Khuyên vật khởi tu để chứng nhập nên gọi là nhập. Nếu nương vào giải thích này, thì trong phẩm Thí dụ nói: “Xe trâu đều cho, Ta vì các con mà tạo” bèn trở thành trái với nghĩa này.

Giải thích thứ ba: Ba thứ trước là y theo ba việc Quả Phật Đại bát Niết-bàn mà giải thích. Kinh Niết-bàn quyển hai chép: Ta nay nên khiến cho tất cả chúng sanh, vì Phật tử bốn bộ chúng, thảy đều an trú trong bí mật tạng. Ta cũng an trú trong đó mà nhập Niết-bàn. Sao gọi là tạng bí mật. Như ba điểm của chữ y, để ngang không thành chữ y, dọc cũng không thành, như ba mắt trên mặt Ma-hê-thủ-la, mới thành chữ y, ba điểm nếu riêng biệt cũng không thành. Ta cũng thế, pháp giải thoát chẳng phải Niết-bàn. Thân Như lai cũng chẳng phải Niết-bàn. Ma-ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp đều khác cũng chẳng phải Niết-bàn.

Nay ta an trú vào ba pháp như thế là vì chúng sanh cho nên gọi là nhập Niết-bàn, như chữ y ở đời. Trong đây ý nói là: Tiếng Phạn chữ y trên có hai điểm, dưới một điểm, tợ như chữ phẩm để ngược. Để ngang như có chứng trước sau, để dọc như có ba cấp bậc, tức chữ y có ngang dọc, đều không phải, để riêng cũng chẳng phải chữ y. Nếu cả ba hòa hợp không dọc không ngang cũng không cách biệt. Hòa hợp ba điểm không phải một, không phải khác. Như ba mắt trên mặt trời Đại Tự Tại. Trên trán một, dưới mỗi bên chân mày có một. Phật nhập Niết-bàn cũng giống như thế.

Ma-ha Bát-nhã là trí năng chứng, thân Như lai là pháp thân sở chứng. Giải thoát là do trí năng chứng mà chứng lý pháp thân sở chứng. Hai chướng đã diệt hết thì hai sanh tử (phần đoạn, biến dịch) thân hữu đời vị lai không còn tiếp tục, cũng không còn bị trói buộc, mà tam gọi là trạch diệt, tức là giải thoát.

Trong kinh Tạp Tập chép: Diệt đế có ba: Hoặc năng diệt, hoặc sở diệt, hoặc diệt tánh, tức là ba đại Niết-bàn này, Niết-bàn ở trên là năng chứng đạo, như con mắt ở trên trán, pháp thân, giải thoát đều ở dưới là sở chứng nên dụ cho hai mắt ở dưới chân mày. Dùng trí chứng lý để sau đó hoặc khổ thân sau đều dứt trừ không sanh nên gọi là nhập Niết-bàn, là Phật an trụ vào tạng bí mật, không đồng trí liễu sanh không của Nhị thừa, chẳng phải là lý đại tuệ. Chỉ vì lý sanh không vô ngã không gọi là pháp thân. Tuy được phần ít hoặc chủng sanh tử phần đoạn không sanh, tạm trạch diệt mà không được diệt tận tập khí và tri chướng, sanh tử

phần đoạn biến dịch chứng quả giải thoát cao quý. Như dọc như ngang chẳng phải là đại Niết-bàn. Thân tan trí diệt kia gọi là nhập. Không hiện thân trí sao có thể gọi là đại. Phật không như thế nên gọi là đại, xưng là tạng bí mật.

Người xưa giải thích, chỉ y vào chân như để làm ba việc gọi là Đại Niết-bàn, thì không có nghĩa nhập. Thường trú bất hoại vì lợi ích chúng sanh mà dùng trí chứng chơn, giải thoát hết hoặc khổ thì mới gọi là nhập. Đây chính là ý Phật, không giống như Nhị thừa nói không có thân trí mới gọi là nhập, nên Phật tự nói: Cũng như các loài quạ, chim, diều hâu vào hẳn Niết-bàn.

Nay giải thích sau đây khéo thuận theo kinh đọc tụng sẽ tự biết .

Ma-ha Bát-nhã là khai tri kiến Phật cho nên trong luận chép: Trừ trí Nhất thiết trí thì không có việc gì khác, Nhất thiết trí đó là chứng vào trí hai không. Lại nói người trí chứng các hữu trí trí, Tối thắng diệu này gọi là vô thượng thì không có gì hơn.

Pháp thân chính là thị tri kiến Phật. Luận chép: Ba thừa đều bình đẳng, pháp thân Phật tánh đều không khác nhau.

Giải thoát là ngộ tri kiến Phật, hai chướng đều dứt, hai sanh tử cũng diệt đó là chân giải thoát. Người Nhị thừa chỉ dứt được một chướng và một sanh tử vô dư, mà không biết như thế. Cho nên luận chép: Nhị thừa không biết được chỗ chân thật , do đó phải khiến cho kia tỏ ngộ.

Ba việc trên tức là chứng nhập đại Niết-bàn. Đây là có nhân mà nói nghĩa nhập, nên luận chép: Nhập là chỉ rõ hiện không lui sụt địa, cùng vô lượng trí nghiệp, Phật ra đời là muốn cho chúng hữu tình trong Ba thừa tu nghiệp không lui sụt địa, an trú vào kho Bí mật, nhập đại Niết-bàn không vì việc khác. Đây cùng danh tự Niết-bàn thể khác mà tánh không khác. Tất cả đều muốn hành nhân chứng nhập quả vị Phật. Nếu giải thích theo đây đã khế ước với nghĩa Hóa thành hướng đến đảo châu báu, còn hợp với trong nhà lửa cưỡi xe trâu đi.

Thể đức của Nhất thừa đã gọi là Đại bát Niết-bàn. Hai thân pháp, thân báo thân chánh giác cùng Viên tịch, mỗi thân nhiếp chung đều đầy đủ, cũng gì mà không chỉ trích? Nay ba giải thích trên chỉ nói trí tuệ sở thuyên là Nhất thừa, giáo môn năng thuyên tức thứ lớp như trước nói. Tùy nghi mà nói, ý thú khó hiểu.

Lại dùng hoa sen để dụ cho Pháp mầu. Đây là nói việc khai mở nhân. Quả tốt đẹp cũng không sai trái. Nhưng kinh Thắng-man và văn kinh phần nhiều nói chân lý cho là Nhất thừa, căn bản của thừa, thật ra có cả hai thứ. Đối với nghĩa thì bao gồm hết mở bày ngộ: Cả ba đều nói

về quả Nhất thừa . còn “nhập” thì nói nhân thừa của Phật Nhân thừa tuy có cả ba vô số kiếp, nay chỉ nêu sau kiếp thứ hai. Luận chép: Khiến chứng không lui sụt vị. Cho nên trong kinh Lăng-già, Mười Địa chia làm ba thứ ý sanh thân, như trong chương khác nói.

Lại phẩm sau nói: Người thanh văn, Duyên giác, Không lui sụt, Bồ-tát cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng.

Kinh Thắng-man nói: Vô minh vì duyên với nghiệp nhân vô lậu. Có ba thứ ý sanh thân là Bồ-tát Đại Lực , Bích-chi-phật quả A-la-hán. Từ Sơ địa trở xuống thì vẫn còn ở trong phần đoạn sanh tử mà chưa ra khỏi nhà lửa. Còn ở trong cửa nên vẫn bị thiêu đốt, không thể gọi là nhất thừa. Hoặc sau Bát địa gọi là Không lui sụt địa. Luận Du-già chép: Sau Bát địa là ý sanh thân, đắc chắc chắn.

Hỏi: Người Nhị thừa quả vị Vô học xe hươu, dê còn ở phần đoạn, nên vẫn còn trong cửa, như tiểu Bồ-tát lẽ ra không ra nhà lửa?

Đáp: Nói phần đoạn chính là chưa ra khỏi nhà lửa, nương vào nơi khác, đắc hẳn quả Niết-bàn thì gọi là ra khỏi cửa, không đồng như ở kia.

Hỏi: Vì sao nói hai người con đi xe trâu, xe hươu, dê thì gọi là ra khỏi nhà lửa. Còn con lớn đi xe trâu tức Bồ-tát đi xe ngưu thì chưa ra khỏi nhà lửa?

Đáp: Người Nhị thừa hoặc nghiệp đã dứt nên nói là ra khỏi nhà lửa. Bồ tát ở kiếp sơ thì hoặc vẫn còn thì sao gọi là ra khỏi. Lại quả thất địa phần đoạn đã hết một đời sanh trở lại đây cũng gọi là ra khỏi. Nhị thừa cũng đồng như vậy. Trở xuống, không phải vì còn sanh nhiều nên như hạng Hữu học. Vậy khi ra khỏi nhà lửa mới lên xe trâu. Nhưng trong văn kinh này, trong phần sơ khai nêu chung về pháp cao siêu đắc quả thanh tịnh. Ba phần sau thì biệt hiển nên lược không nói.

Kinh: “Xá-lợi-phất! cho đến xuất hiện ở đời” là phần kết.

Kinh: “Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến thị ngộ chúng sanh”.

- Tán: Đây là giải thích phần trước, nói vì sao có ý này. Thân chúng sanh sẽ là có Phật tánh, cho nên việc giáo hóa chỉ là giáo hóa Bồ-tát. Những gì đã làm đều vì việc này, chỉ dùng tri kiến Phật để khai ngộ chúng sanh. Luận lần thứ hai giải thích ba phần: Thị, ngộ, nhập nói: Thị là vì hàng Bồ-tát có nghi nên khiến cho biết tu hành như thật... Nghĩa là có Bồ-tát nghi ngờ không có Phật tánh, nên không chịu tu hành. Nay Phật thị hiện để giáo hóa chúng Bồ-tát đó để các vị biết là trong Ba thừa đều có Phật tánh. Để dứt trừ nghi kia mà tu hành như thật.

Lại ngộ nhập đó là người chưa phát tâm Bồ-đề khiến cho họ phát tâm, đâu giải thích nghĩa ngộ. Người đã phát tâm khiến nhập vào pháp đạo. Đây là giải thích nghĩa nhập, nói nhân quả hết.

Lại giải thích ngộ nhập: Ngộ là khiến cho chúng sanh ngoại đạo giác ngộ, nhập là đắc quả Thanh văn nhập đại Bồ-đề, bỏ tà về chánh, bỏ quyền lấy thật.

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

PHẦN ĐẦU

Nghĩa Nhất thừa chính là tông của bộ kinh, nay tóm lược chia ra năm môn:

1) Nêu thể tánh.
2) Giải thích danh tự.
3) Nói về ý nói.
4) Nói về sự khác nhau.
5) Nói về hỏi đáp.

I. Thể tánh lược có ba thứ:

a. Thể bao gồm.
b. Thể tùy theo thù thắng.
c. Thể chân thật thể.

Thể bao gồm là: Tất cả vô lậu hoặc là chủng hoặc là hiện. Hữu vi, vô vi, hoặc nhân hoặc quả, căn bản, phương tiện có thể thành tựu, đức của Phật đều gọi là Nhất thừa. Nhất thừa tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Vô thượng thừa. Cho nên kinh Thắng-man chép: Nhất thừa tức là Đại thừa. Trong luận này nói khai là nghĩa Vô thượng.

Nói theo luận Trung Biên thì phẩm Vô thượng thừa có ba Vô thượng:

1. Chánh hạnh vô thượng: Trong Mười độ tùy tu khác nhau có sáu chánh hạnh.
2. Sở duyên vô thượng có mười hai thứ sở duyên.
3. Tu chứng vô thượng: Nghĩa là trong chủng tánh tu chứng có mười thứ tu chứng, nhiếp chung tất cả các cảnh hạnh quả vốn có của Bồ tát. Cho nên trong kinh Thắng-man nói: A-la-hán và Bích-chi-phật vẫn còn lo sợ, còn quy y. Từ trí không rốt ráo thì gọi là hướng cõi Niết-

bàn.

Lại nói chánh pháp trụ, chánh pháp diệt, Ba-la-đề-mộc-xoa, Tỳ-ni, xuất gia, thọ Cụ túc. Sáu pháp này là nói vì Đại thừa . Cho nên biết là tất cả phương tiện căn bản, tất cả vô lậu hoặc chủng hoặc hiện. Hữu vi vô vi hoặc nhân hoặc quả, đều thành đức của Phật nên gọi là Nhất thừa. Ba thứ ý sanh thân đều xếp vào sơ địa.

- Thể tùy theo thù thắng: Đây có sáu thứ:

1. Nhiếp sự về lý. Trong kinh Niết-bàn Thắng-man thường gọi Phật tánh pháp thân chân lý là Nhất thừa. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Nhất thừa tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Phật thừa. Phật thừa đó là cảnh giới Niết-bàn. Lại nói trong Hằng sa kiếp hành sáu Ba-la-mật, không bằng người nghe rồi thọ trì đọc tụng cho đến chấp trì kinh quyển. Huống chi có người vì người khác nói rộng kinh này, dùng hạnh hữu vi so với thừa vô vi.

Kinh Niết bàn chép: Nhất thừa là Phật tánh. Đây là diệt Hóa thành mà đến Đảo châu báu, chỉ gọi pháp thân chân như bình đẳng là Nhất thừa.

2. Lôi kéo trí khác trở về trí: Cũng lấy chân trí mà gọi là Nhất thừa.

Văn trên nói là: Phương tiện tri kiến đều đầy đủ. Các Bồ-tát bất thối số như Hằng sa cùng nhất tâm tư duy cần cầu cũng không thể đo lường trí Phật thể của trí phần nhiều là thể chánh, hậu đắc. Nếu ở nhân vị thì trí kém thức mạnh. Ở quả vị thí trí mạnh thức kém.

3. Ẩn yếu kém theo cao siêu: Kinh nói: Vì trí tuệ Phật nên Chư Phật xuất hiện ở đời, chỉ một sự thật này, hai thứ còn lại không phải thật. Đó là pháp trụ, pháp vị, tướng thế gian thường trụ. Ở đạo tràng biết rồi, Đạo sư phương tiện nói. Trong phẩm Phân biệt công đức chép: Có người vì đạo Vô thượng chánh đẳng Bồ đề thật hành năm pháp Ba-la-mật, không bằng có người một niệm sanh tín, công đức sở đắc không thể thí dụ được. Do vì hai thứ lý trí của quả vị Phật gọi là Nhất thừa. Bổn hữu của lý là ngưng đọng. Lìa hết trói buộc thì gọi là Niết-bàn. Trí chiếu mới sanh ra quả viên mãn gọi là Chánh giác. Đó là cội nguồn của trí đức, diệu bổn của Tam minh. Cho nên nói Phật vì tri kiến mà xuất hiện ở đời. Dùng hai lý trí làm thể Nhất thừa, trí tánh trí tướng hợp lại gọi là trí.

4. Hai vận dụng rộng: Chỉ lấy nhân trí mà gọi là Nhất thừa, như trong thí dụ nhà lửa, cùng các chúng Thanh văn Bồ-tát cưỡi xe báu này mà thẳng đến đạo tràng, chỉ có nhân lành.

5. Thù thắng vượt ra thể phân đoạn: Chung ở nhân quả mà ra khỏi sanh tử phần đoạn , tất cả lý trí để làm Nhất thừa. Trong bốn nghĩa khai, thị, ngộ, nhập thì ba nghĩa trước là hai quả, một nghĩa sau là hai nhân, như trước đã nói, nên lượt qua không nói.

Kinh Thắng-man cũng chép: Như thủ làm duyên nghiệp Hữu lậu làm tiếp nối hữu sau mà sanh ra tam hữu. Như thế vô minh tập địa làm duyên, nghiệp vô lậu làm nhân thì có A-la-hán, Độc giác Bồ tát đã được tự tại ba thứ ý sanh thân. Cho nên mà sanh ra. Vậy ý sanh thân là thừa của sở thừa gọi là trong nhân có hai. Trong nhiếp Đại thừa thì muôn hạnh chân như đều gọi là Đại thừa.

6. Dẫn nhiếp cao siêu: Vì nói bày hai ý yếu chỉ gọi là Nhất thừa. Giáo là tùy theo vật mà lập ra ý thú nhiệm màu khó biết. Lý thì mượn trí thể sâu xa chẳng thể lường. Thế nên đầu phẩm Phương tiện gọi trí tuệ sở thuyên và giáo môn năng thuyên là Nhất thừa. Trong kinh Vô Lượng Nghĩa có mười bảy tên gọi thì tên gọi thứ mười bốn gọi là Nhất thừa. Do đây mà hoa sen, luận chép có hai nghĩa:

Một là thể lên khỏi mặt nước.

Hai là khai nở.

Trí tuệ dụ đầu và tuệ môn dụ sau, nếu chỉ lấy chân như làm Nhất thừa vươn ra khỏi mặt nước thì mất đi công năng thứ hai là khai nở. Nhưng hoa sen ở đây có đủ bốn nghĩa, vì sao pháp chỉ có hai thứ.

Thể chân thật: Căn bản Đại thừa giáo lý hành, quả và năng nhập phương tiện Đại thừa, bốn pháp đều gọi là Nhất thừa. Vì đều có công năng vận tải.

Giáo Căn bản là: Đầu phẩm này nói: “Môn Trí tuệ đó khó hiểu khó nhập”. Luận này giải thích: A-hàm sâu xa, lấy nghĩa hoa nở để dụ cho pháp mầu. Kinh dưới cũng nói kinh Pháp Hoa chứa nghĩa sâu xa, bền chắc. Trong Nhiếp Đại Thừa nói: Là kinh A-tỳ-đạt-ma Đại Thừa v.v...

Phương tiện giáo là: Cuối phẩm này nói: Hoặc gọi là Tu-đa-la, Già-đà, Bổn sự bổn sanh, vị tằng hữu. Cũng gọi là nhân duyên thí dụ và Kỳ-dạ, Ưu-bà-đề-xá kinh, chín bộ pháp này của ta đều thể nhập vào Đại thừa làm gốc. Thuận theo chúng sanh nói vì thế nói kinh này. Kinh Thắng-man cũng nói: “Chánh pháp trụ là Đại thừa, nên nói sáu xứ này: Tam Tạng Tiểu thừa đều là đại phương tiện”.

Căn bản lý: Là pháp tánh chân như, các hạnh như sáu độ... nương theo chân lý này mà có chỗ đến, nên gọi là Đại thừa. Trong kinh này chép: “Trí tuệ của Chư Phật sâu xa vô lượng”. Văn dưới cũng nói là

“pháp trụ, pháp vị, tướng thế gian thường trụ; nơi đạo tràng biết rồi Đạo sư phương tiện nói.” luận này chép: Niệm quán là người Đại thừa quán, pháp vô ngã pháp giới chân như bình đẳng cho nên vô tánh, cũng nói là hoặc nương vào đại tánh nên gọi là Đại thừa. Luận Biện Trung Biên chép: Pháp giới chân như gọi là Vô thượng sở duyên.

Phương tiện lý: Là lý bốn đế. Nhị thừa sở quán đều là lý phương tiện. Kinh Thắng-man chép: Thanh văn biết hữu tác bốn đế. Phật biết vô tác Bốn đế. Kinh Niết-bàn cũng nói Thanh văn hữu khổ hữu đế mà không có thật. Bồ-tát thì có đầy đủ. Luận này cũng nói: Niệm quán là Thanh văn quán người vô ngã. Do hai lý này đều là lý.

Căn bản hành Nhất thừa là: Sáu độ... Bồ-tát muôn hạnh. Bồ-tát Địa chép: Thất địa tu bốn hạnh Bồ-tát. Phẩm An lạc hạnh đều là Bồ-tát hạnh. Lại nói thừa là xe báu thẳng đến đạo tràng, tức là hành Đại thừa.

Nhiếp Đại thừa chép: Vừa thừa vừa đại nên gọi là Đại thừa.

Biện Trung Biên chep: Mười Ba-la-mật là chánh hạnh Vô thượng.

Phương tiện hành: Kinh Thắng-man cũng nói chánh pháp trụ vì Đại thừa mà nói. Theo Tam Tạng giáo thì tiến thiện diệt ác tu hạnh vô lậu đều gọi là hành Đại thừa.

Luận Pháp Hoa chép: Phương tiện là Thanh văn quán ấm, giới, nhập, nhàm khổ và xa lìa khổ. Bồ-tát tu sáu độ bốn nhiếp, hai lợi hành. Do hai hạnh này đều gọi là Nhất thừa.

Căn bản quả: Thân Phật sẵn có Bồ-tát Niết-bàn. Tức là hai thân pháp báo đã nói ở trước và hai kiến lý trí.

Kinh chép: “Nói trí tuệ Phật, cho nên Phật xuất hiện ở đời, chỉ một sự thật này, hai khác đều chẳng phải chân thật.” Lại nói: “Pháp trụ, pháp vị, tướng thế gian thường trụ. Ở đạo tràng biết rồi Đạo sư phương tiện chép.” Lại trong phẩm Thọ lượng chép: “Pháp, báo, hóa thân đều là quả Nhất thừa.” Biện Trung Biên nói trong mười pháp tu chứng, thứ bảy là Tịnh độ, thứ chín là cõi Phật, thứ mười là thị hiện Bồ-đề.

Quả Phương tiện đó là Niết-bàn, Bồ-đề của Nhị thừa. Kinh này nói: Sở hành của các ông là Bồ-tát đạo. Xe dê, xe hươu là vì người cầu xe trâu để ra khỏi nhà lửa, nên phương tiện đưa cho. Hóa thành ở giữa đường là nơi nghỉ ngơi để đến Đảo châu báu, do đó mà nói. Chỉ có một mà không có thừa nào khác.

Kinh Thắng-man cũng nói: Bốn trí Thanh văn, Duyên giác không rốt ráo thì gọi là hướng đến cõi Niết bàn. Nói được nơi nghỉ ngơi là dùng

bốn trí rốt ráo mà đắc Niết-bàn. Đó là phương tiện của Phật. Quả Nhị thừa cũng là Nhất thừa. Do người đốn ngộ chánh là học căn bản giáo, lý, hạnh, quả. Gồm vì hàng phục giáo hóa người Nhị thừa: Nên cũng học các phương tiện giáo lý, hạnh quả. Đây là hàng tiệm ngộ mới học cho phương tiện rồi sau đó hồi tâm mới học căn bản, pháp sở học đồng vào trước sau hoàn toàn khác nhau. Cho nên biết chỉ có hai thứ Phật tánh, hai nhân lý trí, vô lậu hiện, chủng, hữu vi, vô vi, căn bản, phương tiện, tất cả giáo lý hạnh quả có thể thành Quả Phật đều là thể Nhất thừa. Hơn nữa, còn lấy các công đức hữu lậu Địa tiền và Mười địa, mà làm Nhất thừa vì không trái với Chánh lý. Luận Kinh Pháp Hoa và các bộ giáo lý khác, tùy nương vào một môn trong ba thứ thể này, mà nêu ra thể, chưa hẳn phải nhiếp hết. Nếu y vào giải thích trên bao gồm chung các văn kinh không đâu mà không cùng tận. Nhưng thể tánh này gồm có năm môn:

1. Thuyên chỉ phân biệt chung cả giáo và lý.
2. Nhân quả phân biệt chung cả hạnh và quả.
3. Trí phước phân biệt chung phước và trí.
4. Giác tịch phân biệt chung Diệt, Đạo đế Bồ-đề Niết-bàn.
5. Nhị lợi phân biệt chung cả tự lợi lợi tha. Đây nói Nhất thừa nên có nghĩa thông suốt. Nếu nói Phật thừa thì đề cao quả mà thủ nhiếp nhân. Nếu nói Bồ-tát thừa thì nêu nhân nhiếp quả; xưa danh không thông mà nghĩa bao gồm có. Lại do hành giả tu tập hai trí chánh thể, hậu đắc, quán hai lý sanh không, pháp không, dứt hai chướng phiền não, sở tri, dứt hai sanh tử phần đoạn, biến dịch, chứng được hai quả Bồ-đề, Niết-bàn, tròn đầy đắc hai diệt: Vô dư, vô trụ, hành hai lợi: Tự lợi, lợi tha, đó gọi là quả mãn. Dứt hai chướng thuộc về tập đế, dứt hai sanh tử thuộc về khổ đế, tu hai trí, chứng Bồ-đề thuộc về Đạo đế, quán hai lý đắc hai diệt, chứng Niết-bàn là sở nhiếp của diệt đe. Sở hành nhị lợi nhiếp cả diệt đạo đế. Hợp diệt đạo này gọi là Nhất thừa. Cho nên Luận này giải thích ở trong giá là: Không Nhị thừa đó là không có Niết-bàn của Nhị thừa. chỉ có Phật mới chứng đại Bồ-đề. Rốt ráo đầy đủ tất cả trí tuệ gọi là Đại Niết-bàn, chỉ một Phật thừa. Kinh Bát-nhã thì lấy ba việc vô minh là Ma-ha Bát-nhã pháp thân, giải thoát gọi là Đại Niết-bàn. Cho nên Nhất thừa lấy nhị đế làm thể.

II. Giải thích danh tự: Thừa có nghĩa vận chuyển. Cho nên trong Quảng Nhã gọi là Thừa giá (cưỡi).

Chu Lễ nói: Thừa là chuyển chở, chuyên chở hành giả đến bờ kia. Cho nên kinh này nói: Cưỡi xe báu này thẳng đến đạo tràng. Nhiếp luận

cũng nói: Sáu độ muôn hạnh vừa là thừa vừa là đại. Pháp tánh chân như là sở thừa đại tánh. Sự, lý đều có thể vận chuyển hành giả, tự vận chuyển mình và người khác đến bờ kia là thừa.

Hỏi: Nhân hành có thể vận chuyển đến quả vị thì gọi là thừa. Quả Phật tự vận chuyển nghỉ ngơi, lẽ ra chẳng phải thể của thừa ấy.

Đáp: Có năm nghĩa:

1. Vận chuyển nên gọi là thừa. Trong nhân có hai nghĩa vận chuyển đến quả, và rộng vận chuyển người khác. Do đây cũng gọi là thừa.

2. Là thể, năng, có cả hai nghĩa vận. Năng thể đều gọi là thừa. Trong quả thể có năng chẳng phải không có năng cũng thuộc về thừa. Như cắt thì gọi là dao có công năng cắt tức thuộc về dao, không cần phải thấy việc cắt có công năng không phải là dao. Thể năng quả đức của Phật đều có hai nghĩa vận chuyển. Chẳng cần phải rộng dùng mới gọi là thừa.

3. Nhị thừa tự mình vận chuyển ít còn gọi là thừa. Huống chi quả Phật vận chuyển nhiều người đâu lý nào chẳng thuộc về thừa.

4. Trong nhân thì trí và lý đều vận chuyển cả hai dụng đều cao quý nên gọi là thừa. Trong quả thì trí và lý do tu mà thành do chủng loại của thừa mà cũng thuộc về.

5. Trong nhân hai nghĩa vận chuyển thường tăng tiến, tác dụng hiện hành cao siêu được gọi là thừa. Trong quả tự vận chuyển đến tận đời vị lai khiến người khác cùng tăng tiến được gọi là thừa.

Bốn nghĩa đầu tùy theo người mà không chánh đáp. Một nghĩa sau tùy theo mình mà chánh đáp. Cho nên Đối pháp luận chép: Tự tha cùng có lợi, mà làm sở y. Nhất thừa có ba nghĩa:

1. Chọn riêng nên gọi là nhất.

2. Phá sự phân biệt nên gọi là nhất.

3. Hội biệt nên gọi là nhất.

Chọn riêng gọi là nhất, trước kia nói ba bây giờ nói một. Cho nên biết lý sở thuyên là nhất mà là Thật. Giáo năng thuyên là hai tức gọi là quyền. Không phân biệt hai lý vì là rốt ráo. Vô ngã, giải thoát tuy đều bình đẳng, nhưng đạt đến Quả Phật mới gọi là rất rốt ráo lý sở thuyên của Phật trí gọi là nhất, chẳng phân biệt, ba chỉ không có hai cùng cực.

Luận giải thích là: Không có hai thừa đó là không có hai thể Niết-bàn. Nhưng trong kinh Phật nói: Ta lập ra phương tiện khiến được nhập vào trí Phật .

Lại nói: Ở trong nhà lửa trưởng giả hứa cho ba xe. Sau khi ra khỏi

cửa đưa xe trâu. Lại nói: Làm người hốt phân trải qua hai mươi năm, giả danh làm con. Cho nên người Nhị thừa chính là nhân đứa con thuộc về đích thật sau được giao gia sản. Lại dùng quả nhất, phân biệt với nhân ba. Tức có hai phân biệt:

1. Vì lý chọn giáo.

2. Vì quả chọn nhân tức nói: "Sở hành của các ông là đạo Bồ-tát".

Vì Phá phân biệt nên gọi là nhất. Người Nhị thừa không biết Nhị thừa đó là phương tiện, nên chấp quả Nhị thừa cho là thật rốt ráo. Nay nói Niết-bàn Nhị thừa chỉ là Hóa thành, nói Bồ-đề của Nhị thừa chỉ là xe hươu, xe dê phương tiện quyền giáo lập ra, chẳng phải là quả sở đắc sở chứng, Bồ-đề Niết-bàn rốt ráo chân thật cao quý. Phá tình chấp kia có hai quả rốt ráo, cho nên nói là nhất. Tức trong kinh nói: "Người cầu Ba thừa có lưới hoài nghi ". Phật dạy họ trừ diệt khiến không còn nghi ngờ. Ngài Thu Tử cũng nói: "Vì chúng con không hiểu Phật tùy nghi dùng phương tiện nói pháp. Đầu tiên nghe pháp Phật liền tin nhận, cho đến nay đã dứt hết nghi hối!"

Ngài Ca-diếp cũng nói: "Chúng con hôm nay đã đắc Niết-bàn, chứng pháp Bồ-tát, không còn tâm thích nghe pháp khác".

Nhiếp Luận cũng nói: Người Nhị thừa tác ý dứt trừ bốn chướng, tức là chấp vào đây. Luận này này quyển cuối cũng chép: Phẩm Phương tiện thị hiện có năm phần, phá hai nêu một, không nói phá cả ba. Hoặc có thuyết nói: Phá cả ba chấp chứ chẳng phải chỉ phá hai. Như Tát-bà-đa chấp vào hóa thân Phật cho là Phật thật. Nay nói vì hóa thân, cho nên phá cả ba chấp. Giải thích này cũng không đúng. Kinh Pháp Hoa chỉ lấy phần sở tu sở đắc Nhất thừa làm tông. Cùng phá thừa kia để quy về Nhất thừa. Chẳng phải lấy một thân sở tri làm tông, cùng phá thân kia để nhập vào một thân, lại không chấp vào hóa thân kia là cùng tột mà cầu, càng không hướng cầu thân khác. Nay phá chấp đó để hướng cầu về một thân nên chỉ phá chấp Nhị thừa mà không phá chấp hai thân khác.

Cũng có nói giải thích: Xưa nghe nói ba, chấp ba đều là tột cùng. Nay nói một tột cùng là để phá chấp ba. Đây là từ Bồ-tát Địa tiền khởi lên. Nếu phá chấp Đại thừa lại nói là Nhất thừa, càng tăng thêm bịnh chấp sao gọi là phá. Lại khi chưa ra khỏi nhà lửa thì hứa cho xe trâu, cũng là phá Đại thừa, sau khi ra khỏi nhà, thì cho xe gì? Nếu nói cho xe trâu trắng mà bỏ xe trâu vàng cũ thì nên bỏ đốn học tiệm, tướng nhân hành của trâu trắng trâu vàng đâu có khác, vì đã trở về loại trâu cũ, là

nói không thể phá Đại. Nếu chấp một là rốt ráo không trái với hướng đại, thì đâu cần phá. Vì chấp Nhị thừa là cùng cực không hướng về Đại thừa, cho nên phải phá. Nếu tùy theo vị đắc liền chấp làm rốt ráo, chưa thấy hướng về Đại thừa, tức trong nhân có chấp này. Dù cho Trưởng giả hứa cho mà cũng phá, tức nên phá vô cùng. Do đây chỉ phá chấp Nhị thừa là rốt ráo. Lại chẳng phải phá chấp bốn thừa làm rốt ráo. Vì không có chủng tánh nói thừa trời, người , giải thích có bốn thừa mà không chấp là cùng cực, chấp hai thừa là cùng cực thì không khác với phá hai thừa trên, tức là người không chấp thừa trời, người là cùng cực. Người chấp thừa trời, người không hiểu thừa, hiểu thừa thì không chấp. Nếu một đối với bốn, mà một là năng lực phương tiện nên phá chấp một thừa mà quy về bốn thừa. Cũng chẳng phải phá năm. Chấp thừa bất định là đồng chấp cả ba vậy. Do đây mà kinh Thắng-man chỉ nói A-la-hán, Bích-chi-phật có lo sợ, có quy y. Nói đắc bốn trí và Niết-bàn đó là Phật phương tiện mà nói. Kinh này cũng nói chỉ một sự thật này, hai thứ còn lại chẳng phải thật. Thầm sai hai người và nơi nghỉ nói là hai. Dê hươu chẳng phải thật nên không nói; nói ba là từ hơn đến kém. Phật thừa là thứ nhất, Độc giác là thứ hai. Thanh văn thứ ba. Không có thứ hai Độc giác và thứ ba Thanh văn, chẳng phải không có thể rốt ráo Đại thừa trong Ba thừa. Xét trong bổn văn Phạn nói không có thứ hai thứ ba. Nay dịch lược không hai cũng không ba.

Có người hỏi: Kinh nói Biệt thể Tam bảo, không phá biệt thể mà quy về nhất thể. Vì sao phá Nhị thừa mà quy về Nhất thừa? Đây cũng không đúng. Nếu chấp biệt thể Tam bảo làm rốt ráo, cũng đồng là phá, hoặc thể biệt tướng Tam bảo cũng không có ba rốt ráo. Tuy như vậy mà cũng không cầu trụ vào biệt thể. Nhưng có thể hội biết thể nhập vào đồng thể, rộng như trong kinh nói chẳng phải Tông quyền thật. Vì hội biệt cho nên gọi là nhất, giáo lý hạnh quả đều có căn bản và dùng phương tiện. Hội tiệm ngộ là trước người Nhị thừa tu thành đắc giáo lý, hành quả làm Đại phương tiện thừa vào luận này thì từ sơ địa trở lên đã lìa hết phần đoạn sanh tử. Từ kiến đạo trở xuống thì giáo lý hạnh quả là nhân căn bản của không lui sụt địa. Chung hợp hết các văn thì hội về một có bốn:

1. Hội giáo: Kinh Vô Cấu Xứng chép: Phật dùng một âm thanh giảng nói pháp, chúng sanh nơi nơi đều tùy theo đó mà hiểu, phần dưới kinh này nói:

Một cơn mưa gội nhuần, ba cỏ hai cây sanh trưởng không đồng. Đây hội giáo đồng mà căn cơ có khác. Ba thừa chấp giáo có riêng có

khắp.

2. Hội lý: Luận Bảo Tánh chép: Như ba loài thú là ngựa, voi và thỏ bơi qua sông. Tánh sông vốn không khác mà có sâu cạn. Lại kinh dưới có nói: Ví như ở vùng cao nguyên phải đục đá để lấy nước. Nếu thấy đất khô thì biết nước còn xa. Nếu thấy đất ẩm thì biết cách nước không xa. Nếu thấy bùn thì biết có nước đã rất gần. Tánh nước không khác mà được nước có khác. Đây hội lý đồng mà chứng có khác. Ba thừa chứng lý có viên có khuyết.

3. Hội hành. Ngài Thu Tử tự nói pháp rốt ráo là đạo sở hành. Phật cũng nói: Ta lập bày phương tiện, khiến được nhập vào trí tuệ Phật.

Kinh Thắng-man chép: Sáu xứ này là Đại thừa.

Thế nên biết tuy hành đồng mà tu có khác. Ba thừa tu hành có hoàn toàn, có từng phần.

4. Hội quả: Kinh này nói nơi nghỉ có hai: Giữa đường lập ra hóa thành, rồi từ đó đưa đến đảo châu báu mới là chỗ rốt ráo. Vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa. Quyền biến mà lập ra xe dê xe hươu, sau cùng thì cho xe trâu.

Kinh Thắng-man cũng chép: Bốn trí của Thanh văn, Duyên giác là không rốt ráo gọi là hương cõi Niết-bàn. Tức hội cả Bồ-đề Niết-bàn của Nhị thừa, hoặc trí hoặc lý mà quy về Nhất thừa, cho nên biết quả đồng mà chứng có khác. Ba thừa lấy quả thì có trước có sau. Tuy y vào các giáo hội chung bốn nghĩa này, nhưng trong kinh Pháp Hoa hiển hội giáo lý, mà thầm hội hành quả. Hội giáo ly, tức trước đã nêu trí tuệ Chư Phật và trí tuệ môn. Một trận mưa thấm nhuần tức hội giáo. Xe trâu, Đảo châu báu là hội lý. Đây dùng tên sở thuyên, gọi đây làm lý mà chẳng cần chân như. Muốn hiển bày pháp sở đắc sâu xa khó hiểu. Có chỗ nói ý thú khó biết chỗ đắc pháp đạo tràng không thể thưa hỏi. Ý của ta khó thể suy lường cũng không ai có thể hỏi được. Đây là nêu kinh Pháp Hoa mở cửa phương tiện, hiển bày tướng chân thật. Tức là Pháp là Hoa khai mở đẹp hiện ra. Mật cũng đồng thông hội hai thứ hành quả. “Ta lập ra phương tiện là để chúng sanh đắc nhập Phật tuệ, gỡi xe báu này, thẳng đến đạo tràng tức là hội hành. Trong đây lập ra hóa thành để đến đảo châu báu là hội quả. Do đó mà trong kinh Thắng-man hiển hội hành quả, Lục xứ chính là vì Đại thừa mà nói, chính là hội hành. Nhị thừa bốn trí chẳng phải là rốt ráo nên gọi là hướng đến cõi, Niết bàn tức là hội quả. Kinh Thắng-man thì chánh nói nhân quả Nhất thừa. Hội rõ về hành quả mà hội thầm về giáo lý. Kinh Pháp Hoa chánh là hiển bày: Xưa quyền mà nay thật, nên hiển hội giáo lý, khiến cho tu chứng mật

hội hành quả. Do đây Nhất thừa căn cứ ở thật, mà thông hội cả giáo lý hành quả để giải thích chung các văn đối với lý. Cho nên nói hội biệt là nhất. Kinh này chính là nêu nhân quả Nhất thừa làm thể chân thừa, giáo là phương tiện, cho nên không trái ngược. Nay tuy nghĩa ít chưa động đến biển trí, như người ngu hơi biết cũng là tuyệt ở xưa nay. Vậy người trí thức sâu rộng nên tự hiểu rõ.

Trong ba nghĩa thì hai nghĩa đầu giải thích chung về định tánh, tánh bất định. Một nghĩa sau thường y vào tánh bất định .

Đại thừa Vô thượng tuy cũng là Nhất thừa, nhưng không phải điều kinh cần muốn nói nên lược không nói.

III. Nói ý nói theo: Nhiếp Đại thừa nói

Vì dẫn nhiếp một loại
Và nhậm trì còn lại
Do chủng tánh bất định
Chư Phật nói Nhất thừa
Pháp, vô ngã, giải thoát
... Nên chủng tánh khác nhau
Đắc hai ý lạc hóa
Rốt ráo nói Nhất thừa.

Mười nhân trong đây:

1) Dẫn nhiếp một loại chủng tánh bất định của Thanh văn Độc giác, khiến cho nương về Đại thừa nhập Niết-bàn. Cho nên hội Pháp Hoa phần nhiều nói pháp Nhất thừa cho những vị này.

Trong luận Pháp Hoa thì nói: Tâm lui sụt rồi lại phát Bồ-đề tâm do vì các ngài như Thu Tử trước kia đều cầu Đại thừa rồi lui sụt tâm tu tiểu quả, nên gọi là: Thoái rồi lại phát tâm chẳng phải là hạng chủng tánh bất định đều thoái rồi lại phát tâm, nên đây gọi là chủng tánh bất định.

2) Là nhậm trì pháp còn lại. Bất định chủng tánh, tức Bồ-tát Địa tiền Lục trụ trở xuống còn là thoái vị, sợ ở sự tinh tấn của Đại thừa lại hoại, lui sụt dựa vào Nhị thừa mà tám Niết-bàn. Cho nên kinh này nói: Bồ-tát nghe pháp thì lưới nghi đều trừ. Luận này cũng nói: Như lai vì hai thứ người mà giải thích. Hai thứ này đều là chủng tánh bất định. Vì hai thứ này nên Phật nói Nhất thừa.

3) Pháp đẳng: Hành thừa tuy khác mà hướng đến chân như không khác nhau. Cho nên trong luận Pháp Hoa nói cũng đồng với kinh này.

4) Vô ngã: Nếu có Bổ-đặc-già-la chân thật , có thể có thừa khác nhau. Ta đã không khác, nên nói Nhất thừa.

5) Giải thoát: Ba thừa cùng ở trong chướng phiền não mà được hiểu thoát, giải thoát không có sai khác.

6) Tánh khác nhau: Chủng tánh bất định trong Nhị thừa có khác nhau. Thân Thanh văn này có đầy đủ chủng tánh Thanh văn và Phật. Do có tánh này cho nên nói Nhất thừa.

7) Phật cũng đồng tự thể ý lạc với chúng hữu tình. Nói ta tức là kia. Kia tức là ta. Ta đã thành Phật, kia cũng thành Phật.

8) Nhị thừa cũng đồng tự thể ý lạc với Chư Phật. Cùng tên Bồ-tát mà thọ ký riêng. Nghĩa là Phật ở trong hội này cho Nhị thừa thọ ký riêng. Vì giúp cho họ nhiếp được ý lạc như thế. Chúng ta và Phật bình đẳng không hai. Lại trong hội này có các Bồ-tát cùng đồng gọi như họ. Một khi Phật nói thì bao gồm cả hai lợi ích. Nghĩa là Nhị thừa đắc được tự thể ý lạc đồng như Phật. Và các Bồ-tát được thọ ký .

9) Hóa: Như Thế Tôn nói "Tỳ-kheo các thầy, ta nhớ xưa kia, vô lượng trăm ngàn kiếp, y vào thừa Thanh văn mà nhập Niết-bàn. Nói vì sao đã thành Phật, sau lại nương vào Nhị thừa mà đắc nhập Niết-bàn.

Tức vì điều phục giáo hóa Thanh văn. Chư Phật Bồ-tát tự hóa thân mình đồng Thanh văn kia. Ở trong cõi Vô dư y hiện ra nhập Niết-bàn, trải qua trăm ngàn kiếp đam mê rượu vắng lặng nằm say sưa . Sau từ hội kia khởi hiện mà được Phật thọ ký, khiến cho Nhị thừa chủng tánh bất định rõ được bổn tâm và nghĩ rằng: Khi xưa các bậc Trưởng lão nhập Niết bàn, nay đều trở lại khởi hiện nhận vật trao ký, huống chi nay chúng ta không mong cầu quả Phật mà muốn nhập Niết bàn ư! Nay trong hội, các ngài Phú-lâu-na... tức là loại Thanh văn bất định này. lại Pháp Hoa luận chép: Vì giáo hóa Thanh văn mà Phật thọ ký, tức hạng này. Thế nên, cũng vì hàng phục Nhị thừa ngạo mạn. Ta cũng đắc Niết bàn của các thầy, như Kinh Lăng Già nói rộng : A-la-hán nhập Vô dư Niết-bàn, trải qua trăm ngàn kiếp, mê say vị thiền định. Sau đó tỉnh dậy mới phát đại tâm. Đều là chỗ hóa tác của Phật và Bồ-tát. Nếu không như vậy, thật là đã nhập vào vô dư Niết-bàn, thân trí đều tận diệt. Sau từ Vô dư mà khởi sanh pháp nào? Cho nên biết là hóa.

10) Rốt ráo: Do vượt qua Nhị thừa này, ngoài ra không có thừa khác hơn. Nương vào lý rốt ráo thì là thù thắng nhất, cho nên nói là nhất. Nay nương trong hội này, mà luận chỉ có hai hạng người, được thọ ký riêng: Một là tánh bất định; hai là ứng hóa.

Tánh bất định tức là phần ít của nhân thứ nhất, hai và tám nói trên, Ứng hóa tức là nghĩa thứ chín và phần ít khác nói về Nhất thừa, chẳng phải hoàn toàn bác bỏ họ là không có định tánh. Cho nên đối với

người này là mật ý nói Nhất thừa.

Kinh Giải Sâu Mật chép: Tướng, sanh, thắng nghĩa vô tự tánh: Ta đều đã hiển bày như thế . Nếu không biết mật ý này của Phật bèn hoại mất chánh đạo, không thể đến đạo Nhất thừa. Ở trong đây lập ra Nhất thừa chẳng phải là tánh hữu tình không có sai khác, mà đối với định, bất định hữu tánh, vô tánh hợp lại nói là một. Cho nên, kinh Niết-bàn cũng chép: Nhất thừa, nhất đạo, người bốn quả Thánh đều được thành Phật. Nếu không hiểu ý của ta chỉ nên như thế nói là tốt rồi! Nay mười nghĩa nhân này nói: Luận Hiển dương nói sáu nghĩa, luận Trang Nghiêm nói tám nghĩa, đều không ngoài mười nghĩa này, nên không trình bày ở đây.

IV. Nói rõ sự khác nhau

Kinh này nói Nhất thừa có tướng sai khác với trong kinh Thắng-man, Niết-bàn đã nói. Kinh này có cả lý, trí, Kinh kia thì chỉ Phật tánh. Đây chỉ nhiếp nhập, kia có cả súc sanh. Đây chỉ hữu tánh, kia có vô tánh. Đây chỉ tánh bất định, kia có định tánh. Đây nói nhiều về giáo lý. Kia nói nhiều về hành quả. Đây nói Nhất thừa là thật, Nhị thừa là quyền. Kia nói Nhất thừa là quyền, Bốn thừa là thật. Cho nên trong kinh Thắng-man nói: Nếu Như lai tùy ý muốn kia mà phương tiện nói, chỉ có Nhất thừa không có thừa nào khác v.v... thì có khác với kinh Vô Lượng nghĩa luận chép về Nhất thừa như trong phần giải thích danh tự đã giải thích rộng tướng sai khác ấy, và phần hỏi đáp thứ năm có luận đầy đủ một chương riêng, nay không cần nói đây.

- Kinh: Xá-lợi-phất cho đến Hoặc hai hoặc ba.

- Tán: Đây là phần cho ký, khiến cho trụ vào Nhất thừa, lấy Nhất thừa này vì đại chúng nói pháp, đều không phải Thanh văn thứ ba, Độc giác thứ hai. Từ hơn đến kém đều theo thứ lớp, không lấy việc tu tập cạn sâu khó dễ mà làm thứ lớp, cho nên trong kinh này ở phần thứ nhất có nói: Có hai pháp khác chẳng phải là thật; chu thứ hai nói: Thầm sai hai người; châu thứ ba nói: Vì nơi tạm nghỉ cho nên nói hai không nói là ba, cho nên biết không phải đều không Ba thừa. Chỉ ứng với nghĩa đã nói như ở đây. Hội giáo lý hạnh quả sở tu kia làm nhân đại thừa hiện tại, khuyên trú vào Đại thừa.

- Kinh: “Xá-lợ-phất cho đến pháp cũng như thế.”

- Tán: Từ đây trở xuống là nương pháp nói Phật Thích-ca nương theo quy tắc nói pháp của tất cả Chư Phật. Ban đầu nói pháp phương tiện sau nói pháp chân thật, khuyên kia sanh tín, dẫn việc đã thành tựu của Phật khác. Trong đại văn có ba: Đầu tiên nói pháp thức của mười

phương Chư Phật như thế. Kế là nói pháp thức của Chư Phật ba đời như thế. Sau nói Ta do quy tắc này, nên nói pháp cũng như thế.

Tuy lìa ba đời, càng không có mười phương, lìa mười phương, thì không có ba đời. Vì ngang dọc có khác nên chia ra có khác nhau. Trong Nhiếp Đại Thừa nói: chúng hữu tình trong cõi người là vô số lượng. Niệm niệm đều cho chúng sanh chứng Chánh đẳng Chánh giác, thế không nên chịu thoái chí. Do đây mà Chư Phật hiện tại ở mười phương cũng đồng một, pháp thức

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến một Phật thừa cho đến"

- Tán: Nói pháp thức của ba đời Chư Phật, có hai:

1. Nói riêng về pháp thức ba đời.

2. Kết: Những việc làm đều đồng.

Phần một có ba: Quá khứ; Vị lai; Hiện tại. Trong ba đời, mỗi đời đều có nói hai phần:

a. Pháp thức nói pháp của Phật đều đồng.

b. Chúng sanh được độ đắc đạo đều đồng.

Phần này nói về pháp thức quá Chư Phật của khứ là đồng. Đầu tiên lấy các thứ nhân duyên làm phương tiện nói pháp, vì là sau để được một Phật thừa. Cho nên trong Luận này chép: Phương tiện là quán: Ấm, giới, nhập, chán khổ lìa khổ trong Tiểu thừa mà được hiểu thoát.

Trong Đại thừa các pháp Ba-la-mật, bốn nhiếp pháp, các pháp đối trị giữ lợi ích cho tự thân tha thân.

Nhân duyên đó là ở trong luận này có sáu nghĩa. Trong nghĩa thứ hai giải thích như đã nói ở phần trước.

- Các thứ nhân duyên: Là pháp Ba thừa. Pháp Ba thừa này, chỉ theo văn tự danh cú mà nói chứ không có thật nghĩa. Vì thật nghĩa kia không thể nói. Ví như lấy từ bò, lấy sữa làm thành tô lạc bỏ sống, bỏ chín, cho đến đề hồ là loại tốt nhất. Tiểu thừa như sữa. Đại thừa là đề hồ. Đây là dụ cho Đại thừa vô thượng. Chư Thanh văn cũng đồng như Đại thừa vô thượng Thanh văn đồng đó là thị hiện tánh đồng của pháp thân Chư Phật. Phàm phu, Thanh văn, Bích-chi-phật, pháp thân cùng bình đẳng không sai khác. Cho nên ở đây thí dụ thị hiện. Ý đây nói là: Phàm phu như trâu. Thanh văn như sữa, Bích-chi-phật như lạc, Tiểu Bồ-tát như bỏ sống. Đại Bồ-tát như bỏ chín, Phật là đề hồ là vị bậc nhất. Phật thừa cũng vậy. Ví như cùng lấy ra từ bò là tánh sữa mà thay đổi lần lần tăng lên cho đến thành đề hồ. Vậy nên từ phàm phu cho đến thành Phật, tướng mạo đều có sai khác, nhưng thể tánh vốn bình đẳng không hai. Nay trong văn kinh này chỉ nêu ra ba câu đây. Luận này giải thích

văn kinh lại có niệm quán. Niệm quán đó ở trong Tiểu thừa là nhân vô ngã v.v... Trong Đại thừa là chân như, pháp giới, thật tế, nhân vô ngã, pháp vô ngã v.v... Trong kinh này lấy phương tiện: Nhân duyên, thí dụ, ngôn từ làm thứ lớp. Luận này giải thích kinh thì lấy: Thí dụ, nhân duyên, niệm quán, phương tiện làm thứ lớp. Nay dẫn ra giải thích, với luận không đồng người học nên hiểu hết.

- Kinh: " Các chúng sanh ấy cho đến Nhất thiết chủng trí".

- Tán: Đây là nói về thời quá khứ đã độ chúng sanh đắc đạo đều giống nay. Ban đầu tuy nói vì Nhị thừa mà sau cùng thì nói tất cả đều thành Phật, đắc Nhất thiết chủng trí. Nhất thiết chủng trí tức là Phật chánh trí. Chủng trí riêng biết tất cả pháp, chánh trí tức là xe trâu.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến một Phật thừa".

- Tán: Đây nói pháp thức của Phật vị lai cũng giống như xưa nay.

- Kinh: "Các chúng sanh này cho đến Nhất thiết chủng trí".

- Tán: Đây nói vị lai độ chúng sanh đắc đạo, đều giống xưa nay.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến. một Phật thừa".

- Tán: Nói pháp thức Chư Phật hiện tại giống như xưa và mai sau.

- Nhiêu ích đó là lợi ích. An vui thì cho vui, cứu khổ thì cho vui, cho trí, cho phước, cho quả thế gian xuất thế gian, cho tiểu quả, đại quả, thứ lớp như thế mà phối hợp.

- Kinh: "Các chúng sanh cho đến. Nhất thiết chủng trí".

- Tán: Đây nói chúng sanh hiện tại đắc đạo đều giống như xưa và sau.

- Kinh: "Xá-lợi-phất... nhập đạo tri kiến Phật".

- Tán: Đây là kết thúc các việc làm cho chúng sanh đã rốt ráo. Chỉ vì Bồ-tát sẽ thành Phật, trụ vào nhân phát tâm mà khởi tu các hạnh, đều đồng hướng về đại thừa nên đều gọi các pháp mà Bồ-tát, làm đều vì Nhất thừa. Dùng tri kiến Phật chỉ cho chúng sanh giác ngộ chúng sanh kia, là muốn chúng sanh nhập tri kiến Phật. Văn kinh không khai vì lấy nghĩa chung nghĩa chỉ bày như trước luận nay không giải thích. Lại giải thích ngộ là khiến cho chúng sanh ngoại đạo sanh giác ngộ bỏ tà về chánh. Lại giải thích nhập là khiến đắc quả Thanh văn nhập quả đại Bồ-đề mà hồi tiểu hướng đại.

Theo luận này thì: Lần một giải thích khai nghĩa vô thượng. Lần hai giải thích thị chỉ cho thấy đồng cho người có nghi tu hành. Lần ba giải thích ngộ nghĩa không biết để người chưa phát tâm khiến cho phát tâm, người ngoại đạo được giác ngộ. Lần tư giải thích nhập là vào quả

vị bất thối. Người đã phát tâm khiến cho nhập vào pháp, người đắc Thanh văn thì thể nhập vào đại Bồ-đề. Lại theo văn mà giải thích: Lần một hợp với chánh giải thích một đại sự nhân duyên. Lần hai hợp với văn kết nghĩa đại sự. Lần ba hợp với văn nói Phật nương theo các pháp thức của Chư Phật. Luận văn phần nhiều dựa vào văn nói đại sự mà giải thích về lý cũng không sai.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến Nhất thiết chủng trí."

- Tán: Ở đây nói: Ta do pháp thức này nên cũng như thế. Chỉ có Phật có các thứ trí lực thắng giải nên biết rõ các ưa muốn của chúng sanh. Phật có Biến thú hành trí lực nên biết sâu tâm chúng sanh mê Đắm nghĩa là ưa chấp trước pháp tu hành, hoặc do hữu tình ưa muốn khởi lên vui đắm. Tức nêu ra sự chấp trước của chúng sanh ở khắp nơi. Cho nên đều là trí lực thắng giải mà Phật biết. Phật Có chủng chủng giới trí lực nên biết rõ bổn tánh đó, tức đã biết các pháp giới thích tu của chủng tánh bất định nên ban đầu nói Ba thừa là phương tiện, nay nói Nhất thừa là rốt ráo, đều vì vì chúng sanh đắc một Phật thừa Nhất thiết chủng trí. Văn trên đều nói đắc một Phật thừa Nhất thiết chủng trí, cho nên biết chủng trí tức là Phật thừa.

- Kinh: "Xá-lợi-phất... Huống chi có ba."

- Tán: Đây là phần ngăn thứ sáu: Còn không có Độc giác thừa thứ hai, huống chi là Thanh văn thừa thứ ba. Do kinh này nói hạng xe dê, xe hươu vì cầu xe trâu mà ra khỏi nhà lửa, cho nên chỉ nói phá hai mà không nói phá xe trâu. Đây không có Niết-bàn Nhị thừa rốt ráo.

Luận chép không có Nhị thừa đó là không có Nhị thừa Niết-bàn. chỉ có Phật là chứng đại Niết-bàn. Rốt ráo đầy đủ tất cả trí tuệ nên gọi là Đại Niết-bàn. Nghĩa thể của ba việc đều đã đầy đủ. Nhị thừa thì không như thế, chỉ mượn trạch diệt mà không có pháp thân đại trí. Chẳng có Đại Niết-bàn của Thanh văn Duyên giác mà chỉ có một Phật thừa.

Một Phật thừa đó là nương vào bốn thứ nghĩa, như trước đã nói. Luận thì dùng sáu nghĩa trong phần thọ ký phối hợp như trước đã nói. Pháp gì cho đến thể pháp là gì? Gồm năm nghĩa. Những pháp gì là nghĩa thứ nhất trước nói: Người chưa nghe khiến cho nghe, đem pháp chưa từng có khiến cho người nghe. Pháp đó thế nào là nghĩa thứ hai. Trước nói: Đầu tiên dùng các phương tiện thí dụ ngôn từ để nói pháp. Tương tợ pháp nào đó là trước phần thứ ba y vào nghĩa gì; chỉ vì một đại sự. Tướng pháp nào là pháp thứ tư khiến cho trụ vào Nhất thừa. Tùy theo căn khí chúng sanh mà có Phật tánh, khiến trụ vào Phật pháp. Thể

pháp là gì? Tức nghĩa ngăn thứ sáu, ngăn không có hai thể, chỉ một thể Nhất thừa. Tức là pháp thân bình đẳng của Chư Phật Như lai. Nhân quả Ba thừa, quán hạnh không đồng, có thể có sai khác. Nay nói ngăn đó là ngăn không có thể của hai thứ pháp thân. Pháp thân chân như của Ba thừa đều đồng không phải không có thể Nhị thừa, hay tất cả đều không có lấy nghĩa lý này suy ra thì có thể hiểu. Nêu không vậy thì luận văn hơi ẩn ý khó hiểu. Chỉ không có nghĩa thứ năm là pháp thức của Chư Phật. Dùng năm nghĩa lần lượt nêu ra thì có thể hiểu.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến. Mạng trược”:

- Tán: Y cứ đoạn thứ ba khai ra thật tướng này và mở ra quyền môn kia.

Trong đó có hai: Phần trên giải thích hai phần thọ ký là cho và lấy. Hai đoạn dưới là phá bốn thứ nghi luận nêu ra năm phần, thì phần thứ năm là dứt nghi. Luận chép bốn thứ nghi: Một là nói lúc nào; hai là làm sao biết tăng thượng mạn; ba là vì sao kham nói; bốn là vì sao không thành nói dối. Đây là phá nghi đầu tiên. Luận chép: Chư Phật vào thời nào mà khởi ra phương tiện nói pháp. Nghĩa là Phật ở trong thời nào. Đầu tiên là nói Nhị thừa quyền, sau là nói Nhất thừa thật. Trong đây có hai lời đáp: Đầu là nêu năm vẩn đục. Sau nói rõ lý do. Đây nói phần đầu. Nghĩa năm vẩn đục là lấy năm môn để phân biệt:

1. Giải thích danh.
2. Nêu thể.
3. Đối trị.
4. Phế lập.
5. Nhiếp nhau.

- *Giải thích danh là*: Trược nghĩa là tạp uế. Như ăn đồ dơ uế thấp hèn đáng bẩn gọi là trược. Đây ý nói là: Vào thời kiếp tăng, tam tai dần dần nhẹ bớt phiền não cũng nhẹ. Chúng sanh ác kiến cũng ít, mạng căn tăng tuổi thọ, dần dần hướng đến tốt hơn, vì đều là tốt đẹp đáng vui thì gọi là thanh. Chúng sanh không có khổ nên hóa Phật không ra đời. Khi hóa Phật ra đời là đến thời kiếp giảm tiểu tai dần hưng khởi, phiền não thêm dày. Chúng sanh làm điều ác nhiễm tà kiến dần mạnh lên, mạng căn dần dần giảm làm các việc ác xấu mà không chán nên gọi là trược. Năm là giải thích theo số, còn giải thích tên khác là trì nghiệp thích. Hoặc dùng riêng để phân biệt với chung, cũng là y chủ thích.

- *Nêu thể là:* Luận Địa Trì chép: Người đời nay phần nhiều đều đoản mệnh, cao lắm là một trăm tuổi. Đó gọi là mạng trược. Đây dùng bổn thức mà nói tức là hạt giống, do nghiệp khởi dẫn ra công năng khác

nhau mà làm thể của mạng căn. Lực của thiện nghiệp yếu nên mạng căn đoản số. Đó là do nghiệp sát sanh chiêu cảm nên.

Nếu chúng sanh không nghĩ đến cha mẹ, không nghĩ đến Sa-môn, Bà-la-môn và tông tộc tôn trưởng, không tu nghĩa lý. Không lo không sợ quả báo nghiệp ác đời nay đời sau. Không tu tuệ trí, không làm công đức không tu trai pháp, không trì cấm giới. Đó gọi là hữu tình trược. Tuy thức thứ tám gọi là hữu tình, Mà nay nói do gần với duyên ác bên ngoài, cho nên năm uẩn giả đó là làm ác không thiện thì gọi là hữu tình trược. Hợp lấy thức thứ tám và năm uẩn làm tánh. Nếu chúng sanh này thêm tham phi pháp, hoặc đem đao kiếm, gậy gộc cho người, tranh tụng đấu loạn dua nịnh nói dối, nhiếp thọ tà pháp và các nghiệp bất thiện. Khác thì gọi là phiền não trược. Ngoài năm kiến ra thì tất cả các phiền não tùy phiền não khác đều là thể của phiền não trược. Các việc tham phi pháp, đưa dao cho người... Dẫn đến hành động giết hại, hoặc tiếc rẻ tài vật mà chỉ bỏ đao gậy, nhân đó mà gây ra nhiễu loạn tranh đấu, cho đến các việc bất thiện khác, chung nhiếp tất cả phiền não tùy phiền não. Do tánh thường huân tập mà gặp cảnh ác, gây nên phiền não sâu trọng. Nếu ở đời pháp hoại diệt, dần bước sang thời tượng pháp thì tà pháp chuyển sanh. Đó gọi là kiến trược. Đây dùng năm kiến làm thể tánh, phần nhiều gần ngoại đạo ác kiến thường sanh ra. Nếu gặp thời đói khát tật bịnh, đao binh nổi lên thì gọi là kiếp trược. Đây dùng sắc uẩn tứ trần làm thể. Hoặc thông năm uẩn, vẫn lấy bất tương ưng làm thể. Y vào bốn năm uẩn mà kiến lập, phiền não thêm lớn, ác nghiệp sâu nặng, liền chiêu quả lấy ác, tam tai liền phát sanh. Đối trị là tùy theo tướng mà nói pháp đối trị. Trong Trí Độ luận có lập ra bốn tất đàn, là tông Tất đàn .

1. Thế giới tất đàn.
2. Mỗi mỗi vị nhân tất đàn.
3. Đối trị tất đàn.
4. Bậc nhất nghĩa đế tất đàn.

- Chúng sanh ở kiếp trược dùng thế giới Tất đàn để trị. Phân biệt rõ thế gian, chúng sanh ở thế gian đều là hư huyễn. Nhàm chán tu đạo xa lìa hẳn. Mạng trược thì dùng mỗi mỗi vị nhân tất đàn để trị. Phân biệt biết rõ con người do tu thiện nghiệp mà được, tu trì tịnh giới, hành bất sát mà mạng sống thêm lớn. Hoặc vì người Ba thừa đều nói pháp tự thừa, khiến đắc quả tự thừa Niết-bàn, trừ hết sanh tử trong đời mạng trược. Phiền não trược, kiến trược thì dùng đối trị tất đàn để trị. Tu tập tùy ứng với đạo đối trị, làm cho không còn khởi lên. Do Tam tất đàn phá

trừ được năm vẩn đục, nhập vào Bậc nhất nghĩa, chứng hội chân tông.

- *Nói về phế lập:* Vì sao chỉ lập năm vẩn đục mà không có thêm bớt.

Đáp: Chúng sanh có hai:

a. Ác hạnh: Nghĩa là hạng bạch y tại gia.

b. Tà hạnh: Là người xuất gia ngoại đạo. Người tại gia không có trí tuệ khi phiền não thêm lớn thì gọi là phiền não trược. Ngoại đạo hiểu tà, lãng phí tìm cầu nên xếp vào kiến trược. Lại độn hoặc là phiền não trược, các lợi hoặc gọi là kiến trược . Do hai nhân này nên ly hợp không đồng, lại chia ra hai trược. Hợp hai nội quả gọi là chúng sanh trược, chúng sanh ác. Hợp hai quả bên ngoài gọi là kiếp trược, đầy đủ các ác khí. Kiếp có nghĩa là thời phần. Thời không có thời riêng mà dựa vào pháp làm rõ nên kiếp trược dùng ác khí làm thể. Chúng sanh ác này quả bên ngoài , tuy được nói là chung của hai quả trược, mà chưa nêu ra thể chành của quả ác là gì. Nay hiển bày căn bản cho nên lập ra mạng căn. Hoặc quả của điều ác bên trong gọi là mạng trược, quả của điều ác nên ngoài gọi là kiếp trược. Nhân quả ác này do ai mà có, nghĩa là do chúng sanh ác nên gọi là chúng sanh trược.

Do y cứ vào năm trược này mà tăng thêm hành tướng. Vì khiến cho người sanh nhàm chán cho nên nói riêng có năm.

Hỏi: Vì sao hoặc khổ gọi là chướng, nay tách ra làm trược, nghiệp cũng thuộc về chướng vì sao không xếp vào trược?

Đáp: Chướng là nghĩa phá cả ba đều làm trở ngại, vì trở ngại Thánh đạo. Trược nghĩa là dơ uế, nghiệp có nghĩa trược rất yếu nên không xếp vào trược. Lại trong kiếp đao binh cũng chính là nghiệp trược. Kiếp trược rất rộng, nên từ nghĩa rộng mà đặt tên, chỗ lập cũng không hẹp.

- *Về nhiếp nhau:* thì trong kinh Tát-già-ni-càn-tử lập có mười hai trược:

1. Thị hiện kiếp trược.
2. Thị hiện thời vẩn đục.
3. Thị hiện chúng sanh trược.
4. Thị hiện phiền não trược.
5. Thị hiện mạng trược.
6. Thị hiện ba thừa sai khác trược.
7. Thị hiện cõi nước bất tịnh trược.
8. Thị hiện chúng sanh khó giáo hóa trược.
9. Thị hiện nói các thứ phiền não trược.

10. Thị hiện ngoại đạo loạn trược.

11. Thị hiện ma trược.

12. Thị hiện ma nghiệp trược.

Người Thiện nam! Cõi nước của Chư Phật, đều là công đức xuất thế trang nghiêm, thanh tịnh đầy đủ, không có các trược, như các lỗi lầm ấy, đều là phương tiện thị hiện của Chư Phật. Vì lợi ích chúng sanh mà chỉ nói thị hiện biết nghiệp v.v... cũng có thể xếp vào trược. Mười hai trược này chỉ có trong Đại thừa. Tùy Phật hóa độ hai pháp hơn kém, thị hiện mà lập ra có khai hợp khác nhau. Năm trược đầy đủ căn cứ vào tướng uế độ mà tăng thêm nghĩa tức thông cả đại Tiểu thừa đều có. Kiếp và thời tức là kiếp trược. Chúng sanh và chúng sanh khó hóa độ tức là chúng sanh trược, phiền não và nói các thứ phiền não tức là phiền não trược. Mạng tức là mạng trược. Ngoại đạo loạn tức là kiến trược. Tám trược này là năm trược. Bốn thứ còn lại là ba thừa sai khác, cõi nước bất tịnh, ma và ma nghiệp chẳng thuộc trong năm vẩn đục. Năm vẩn đục căn cứ ở nghĩa mạnh, chỉ thật sự là tạp nhiễm. Mười hai trược là thông ở năng hóa năng chướng là Phật thị hiện. Nếu y theo kinh Tỳ-ni Mẫu thì trong năm trược không có kiến trược mà lập ra nghiệp trược. Nếu theo kinh kia thì phiền não và nghiệp mỗi thứ đều có riêng một. trong đó quả chia làm ba:

1. Thể chánh báo gọi là mạng trược.
2. Thể nội báo là chúng sanh trược.
3. Thể của quả bên ngoài là kiếp trược.

Chương y cứ vào loại thì đồng hợp lập thành ba chướng,hoặc cùng với pháp chướng. Trược y cứ vào nghĩa nhơ uế, hoặc hợp hoặc là khai, tùy theo căn cơ mà khác nhau. Khiến chúng sanh nhàm chán sợ hãi, không thể làm khó để hỏi. Luận thập địa quyển một nói: Thanh tịnh nghĩa là không trược. Trược có sáu thứ, lìa các trược này thì được thanh tịnh.

1. Trược Bất dục
2. Trược Uy nghi .
3. Trược năm cái.
4. Dị tưởng trược - khởi tâm ganh ghét, tâm phá hoại.
5. Trược không đủ công đức: Vì gốc lành kém thiếu, nên trong kinh kia (Pháp Hoa) chép : Tâm không thích trụ.
6. Trược Si : Nghĩa là ngu si. Đây chỉ căn cứ vào hành trược, không chung y vào các pháp.

Có sáu pháp để đối trị là lìa biếng nhác, nghiêm, tịnh, vững chắc,

đầy đủ công đức, đầy đủ trí. Sáu pháp này đối trị nên lập ra sáu trước, không cần hòa hợp. Ngoài ra ở chương khác nói rõ, không nói tiếp đây.

Pháp nhĩ như vậy, Phật ra đời sẽ vào thời năm vẩn đục, cho nên nói Chư Phật ra đời vào cõi đời có năm thứ vẩn đục.

Hỏi: Vì sao Phật Di-lặc đến khi con người thọ tám muôn tuổi mới sanh ra? Phật Thích-ca ra đời vào kiếp thọ một trăm tuổi?

Đáp: Vì nguyện lực khác nhau mà đều ở trong đời trược đều hóa chúng Ba thừa. Trước quyền sau thật, cũng đều là hóa thân. Nếu báo thân và hóa thân Phật không hóa độ chúng Nhị thừa, trước quyền sau thật, thì chưa hẳn thời vẩn đục Phật mới ra đời. Nếu hóa độ Nhị thừa trước quyền sau thật ắt phải ra trong thời vẩn đục để chúng sanh ác khó giáo hóa dần dần nhập vào chánh đạo.

Đây nói trước nghĩa là vào trong kiếp giảm, dần dần phát sanh năm điều này tức gọi là thời vẩn đục. Cho nên Phật Di-lặc. Bắt đầu giảm tám muôn dần dần hướng về năm vẩn đục thì Phật mới ra đời. Thế nên không cần phải đợi khi tuổi thọ giảm còn ba mươi, hai mươi hay còn mười tuổi, kiếp nạn tiểu tai nổi lên thì mới gọi là kiếp trược. Cho nên trong các luận chép: Vào đời kiếp giảm thì Phật ra đời. Kiếp tăng thì vua thánh Chuyển luân ra đời.

Hỏi: Nếu kiếp giảm thì Phật ra đời, kiếp tăng thì Vua chuyển luân ra đời, thì sao Nhượng Khư và Phật Di-lặc cùng ra đời. Lại khi Phật không xuất gia nên làm luân vương, tám vương tử của Nhật Nguyệt Đăng Minh thống lãnh cả bốn thiên hạ.

Đáp: Kiếp tăng thì Nhượng Khư ra đời, vì tuổi thọ lâu dài nên được gặp Phật Di-lặc chẳng phải Phật Di-lặc ra đời vào kiếp không giảm. Lại Phật không xuất gia nên ở ngôi vị Kim luân, chẳng phải nhất định làm. Tám vương tử của Phật Đăng Minh nghĩa cũng đồng như vậy, kia là báo thân nên nghĩa này không sai. Đây là nói kim luân tức khi kiếp tăng mới ra đời, Ngân, Đồng, Thiết Luân Vương ra đời cũng không nhất định. Vì thế mà vua Vô Ưu ra đời một trăm năm sau khi Phật nhập diệt làm Thiết Luân .

- Kinh: “Như Thế Xá-lợi-phất cho đến phân biệt nói là ba”.

- Tán: Giải thích vì sao Phật ra đời trong kiếp có năm vẩn đục.

Nhắc lại năm vẩn đục đã nói ở trước, nên nói là “như thế”. “Lúc kiếp trược loạn” là nêu lại kiếp trược có các nạn đói khát, binh đao, tật bịnh xảy ra, “chúng sanh nhơ nặng” là nhắc lại chúng sanh trược. Cấu là sáu nhơ. Thân tâm ô nhiễm bất tịnh thì gọi là cấu. Tăng cường nan

phá gọi là nặng. Sáu cấu là: Hại, hận, não, siểm, cuống và kiêu. Ở hữu tình ưa thích làm tổn não thì gọi là hại. Do giận rồi kết oán không bỏ thì gọi là hận. Đã nhớ lại việc ác xưa, gặp hiện tại trái duyên tâm lại hung hãn, nói lời hung dữ nguyền rủa gọi là não. Ba điều này lấy sân làm thể. Vì dáng mạo lừa người, hoặc che giấu lỗi mình, hoặc để lấy ý nghĩa khác, giả tạo oai nghi khác thường dua vậy gọi là siểm. Vì muốn được lợi danh giả vờ, hiện tướng mạo như có đức ngụy trá dối gạt người thì gọi là Cuống. Nghĩa là tâm toan tính điều khác, phần nhiều hiện điều không thật tự mình tà mạng. Đây dùng hai pháp tham si làm thể. Đối với những việc thành tựu, sanh sâu tâm đắm nhiễm , ngạo mạn thì gọi là kiêu. Đây dùng tham làm thể. Do chúng sanh nhiễm lục cấu sâu nặng, nên không biết Sa-môn, không tu pháp thiện , gọi là chúng sanh trược, tham lam ganh ghét tức phiền não trược, tham đắm vào tài pháp đã có mà không thí xả gọi là xan (keo lận). Đối với điều chưa đắc được và có đầy đủ lại ham muốn thì gọi là tham, san tuy là do tham điều được hay chưa được mà nhiễm phân biệt, nên chia thành ra hai: quay cuồng danh lợi mình, không chịu người khác vinh dự, ôm lòng ganh ghét phiền hoặc gọi là ganh ghét. Trong nói văn ngọc thiên chép: Hại người hiền gọi là tật, hại sắc gọi là đố.

- Thành tựu các căn bất thiện là: Căn bất thiện có ba: Là tham, sân si. Do đầy đủ hai nghĩa mà lập ra bất gốc lành.

1. Là căn bản phiền não năng sanh ra pháp khác, phân biệt các tùy, hoặc không được lập.

2. Các lỗi sâu rộng của khắp sáu thức, mạn nghi kiến thì không gọi là bất gốc lành, chỉ ý là thì có. Do đầy đủ hai nghĩa này mà có ba tên gọi bất gốc lành.

Căn có nghĩa là sanh ra, sanh ra duyên ác, cũng tức là phiền não trược. Chỉ nói ba trược mà không nói kiến, mạng trược, là vì kiếp trược nhiếp cả mạng trược do thời đao binh tật bịnh nên mạng sống phần nhiều ngắn ngủi, phiền não trược nhiếp, kiến trược và nêu ra căn bản phiền não bất gốc lành nhiếp tất cả phiền não. Do vào thời này trời, người giảm ít mà đường ác tăng nhiều. Chúng sanh khó đem pháp Đại thừa mà giáo hóa họ được. Nên phải dùng trí phương tiện đem một Phật thừa phân biệt nói thành ba để họ dần dần thể nhập. Thế nên trong kinh nói chỉ khen ngợi Phật thừa, chúng sanh dứt khổ không thể tín thọ, cho nên phương tiện nói.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến chẳng phải là Bích-chi-phật.

- Tán: Phần này giải thích nghi thứ hai: Như lai đã không vì người

tăng thượng mạn mà nói. Sao biết kia là tăng thượng mạn. Trong văn nói có ba:

1. Chẳng phải là tướng Thánh Nhị thừa chân thật.

2. Nêu tướng tăng thượng mạn.

3. Kết thành tựu tướng hai Thánh chân thật.

Đây nói phần đầu:

Người thanh văn, Bích-chi là bậc chân Thánh hướng tịch. Nếu gặp Phật thì đều không còn mê pháp. Vì tánh bất định nên có thể hồi tâm. Bất luận gần xa đều có thể nghe biết việc Phật giáo hóa Bồ-tát . Tự cho là nhị Thánh thật mà được gặp Phật, đều không nghe biết việc giáo hóa Bồ-tát, thì chẳng phải là đệ tử Phật, cũng chẳng phải là nhị Thánh chân thật.

- Kinh: "Lại Xá-lợi-phất cho đến đều là người tăng thượng mạn".

- Tán: Đây nói về tướng tăng thượng mạn, phàm phu đắc tứ thiền, chưa ra khỏi nhiễm trong tam giới, tự cho là nhị Thánh chân thật là thân A-la-hán cuối cùng được Niết-bàn rốt ráo, tâm không cầu chánh giác, không tín hướng. Đó là tăng thượng mạn.

- Kinh: "Vì sao cho đến không có việc ấy".

- Tán: Đây là phần kết thành tựu tượng hai Thánh.

- Chỉ là bậc chân Thánh mà gặp được ta là hướng tịch. Phần nhiều là người không ngu pháp. Tuy không thể thật hành mà nghe cũng tin. Chủng tánh bất định, lý tín tu học gọi là nhị Thánh chân thật . Nếu người này không tin thì không có việc ấy, chẳng phải đạo lý. Người hướng đến vắng lặng không thể chứng nhập. Đầu tiên còn chưa tin nên gọi là tổn hại sợ sệt, trở lại đạo sanh nghi sau sẽ sanh tin nhận không còn ngu pháp. Cho nên đây kết luận rằng người kia không tin Nhất thừa thì không có việc ấy.

- Kinh: "Sau khi Phật diệt độ hiện tiền không có Phật."

- Tán: Giải thích nghi thứ ba: Làm sao có thể nói, nghĩa là có nghi là: Nghe Phật nói pháp mà khởi tâm phỉ báng. Vì sao Như lai không thành tựu cho không thể nói pháp cho người? Ý này nói là: Cũng có hai Thánh chân thật và hướng vắng lặng, mà người ngu nghe pháp khởi tâm chê bai, cũng không nghe biết việc giáo hóa Bồ-tát. Tức Thế Tôn không thể hóa độ. Vì sao Phật không thành tựu không thể nói pháp cho người? Đã thành không kham nói pháp cho người, trái lại kết rằng: Vì sao Đức Thế Tôn có thể vì chúng sanh mà nói pháp, mà xưng là chủng trí?

Cho nên Phật đáp: Trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không có Phật. Tuy sự thật hướng tịch mà gặp Phật, phần nhiều không còn ngu pháp, đều nghe biết việc giáo hóa Bồ-tát. Nếu không gặp ta mà thú hướng vắng lặng, có ngu đối với pháp nên không thể biết được chỉ giáo hóa Bồ-tát. Văn này có ba:

1. Nêu
2. Giải thích
3. Kết thành.

Đây là nói phần đầu.

- Kinh: "Vì sao? cho đến người ấy khó được"

Tán: Đây là giải thích phần nêu trước. Sau khi ta diệt độ, vì người không có duyên lành, khéo dùng phương tiện dẫn dụ, các người thú hướng tịch diệt thì phần nhiều ngu đối với pháp, đối với các kinh này thọ trì giải nghĩa là ít có đạt được, không hiểu ý, cho nên sau khi ta diệt độ có nhị Thánh chân thật không nghe không biết chỉ giáo hóa Bồ-tát.

- Kinh: "Nếu gặp Phật khác cho đến liền tỏ ngộ".

- Tán: Đây là phần kết thành tựu ở nghĩa trước. Người ngu pháp này sau khi Ta diệt độ, lại gặp Phật khác dùng phương tiện nói pháp hóa độ, đối với pháp này liền được liễu ngộ cũng có thể biết việc chỉ giáo hóa Bồ-tát. Nếu không gặp Phật thì không biết. Cho nên nay chẳng phải Phật không kham nổi nói pháp cho họ.

Luận Du-già chép: Nếu đã kiến lập thức A-lợi-da, nương vào cõi vô sắc, thì cũng nhập diệt định. Tin có Tàng thức không dứt bặt. Hoặc nghi này chẳng phải nghi thú hướng tịch diệt, mà chính là nghi tăng thượng mạn. Đã không hóa độ được thì vì sao nói Đức Thế Tôn không thành tựu không thể nói pháp cho người. Đây giải thích: Ta còn tại thế thì hóa độ được, trừ khi ta diệt độ thì không.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến chỉ một Phật thừa".

- Tán: Phần dưới đây giải thích nghi thứ tư. Trước nói Ba thừa, nay nói là một. Nay nói pháp khác vì sao lại nói lời Đức Thế Tôn không có luống dối cho nên Phật nói:

- Ta đã chứng giải, ông hoàn toàn không biết. Hành vị chưa đến thì chỉ nên nhất tâm tin lời ta nói. Ông phát tâm thì trước phải có niềm tin. A-la-hán hồi tâm phải trải qua hai muôn kiếp. Đầu tiên cho đến ba đại A-tăng-kỳ kiếp chứng địa vị sơ tín tâm. Chỉ nên tin chớ sanh nghi ngờ. Lời Phật không dối, lý chỉ có Nhất thừa. Chủng tánh Bất định cuối cùng thành tựu quả trí, cũng chỉ có một thừa mà không có hai thừa. Luận Bát-nhã nói: Phật nói bốn việc không có luống dối là: Bồ-đề,

thọ ký, Tiểu thừa, Đại thừa. Ở đây chính là Đại thừa và thọ ký thành ra không có luống dối. Phẩm này phần đầu khen ngợi pháp mầu nhiệm và Pháp sư mầu nhiệm. Đã có phần định nghi, ở phần định ký có bốn nghi này. Nghi đầu tiên sanh ở phần thọ ký. Ở thời nào nói phương tiện trước, sau nói lý chân thật. Nghi thứ hai sanh ở phần nhận lời thọ ký. Có người tăng thượng từ chỗ ngồi bỏ đi. Vì sao biết như vậy? Nếu dựa vào giải thích đầu thì nghi thứ ba sanh ở nhân thọ ký, tâm Phật vốn đã định vì hai hạng người mà nói không vì kẻ ngu pháp, nên sanh từ nghi này. Vì sao có khả năng nói? Nếu y theo giải thích sau thì cũng được thọ ký thượng sanh. Nghi thứ tư đối với tất cả thượng sanh. Sơ nói, hậu nói đều là trái ngược, nói vì sao lại không thành nói dối.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế Tôn cho đến Ưu-bà-di chẳng tín."

- Tán: Dưới có một trăm hai mươi mốt hàng tụng. Ba hàng tụng sau xếp vào đoạn thứ tư khuyến phát hỷ tâm khiến cho biết việc thành Phật. Tức một trăm mười tám bài tụng, tụng phần thứ ba của văn xuôi trước khai ra thật tướng này mà mở ra quyền môn kia. Ở đây chia làm hai: Một trăm mười lăm hàng đầu tụng hai việc thọ ký trước, ba hàng tụng sau tụng phá bốn nghi. Trong phần đầu lại chia làm hai, bốn hàng đầu nhận lấy ký khiến người ác bỏ đi. Một trăm mười một hàng sau tụng thọ ký cho. Trong bốn hàng đầu: Một hàng trước tụng tăng thượng mạn. Ba hàng sau tụng tội căn sâu nặng, bốn hàng thứ lớp tụng: Mạn, phạm, phú, chướng. Đây là hàng tụng về mạn: Người xuất gia lấy việc chứng đạo làm đầu. Chứng ít cho là nhiều. Thường khởi tăng thượng mạn, nam tử ở thế gian phần nhiều hay chấp trước ngã, cao tâm tự thị nên sanh ra ngã mạn. Người Nữ thế tục phần nhiều lại tự ty không nương vào thắng đạo. Số ít thì chấp việc thuận theo bè bạn, nên cũng ôm lòng chẳng tín.

- Kinh: "Bốn chúng như thế cho đến đối với giới có thiếu sót".

- Tán: Hàng tụng về phạm giới trong ba hàng tụng gốc tội sâu nặng: Là phạm giới, phú tội, pháp chướng riêng biệt. Đây nói về phạm giới, phạm ít thì khuyết, phạm nhiều thì lậu là đáng chê trách; phá hoại giới là khuyết, hoại kiến là lậu. Hoặc khi phiền não lậu khởi lên mà vẫn không kiến giác, tự thị cống cao. Trong giới đã nói: Trừ kẻ tăng thượng mạn tự cho là đã chứng Thánh, mới phạm trọng tội, nên tội này càng thêm tội. Không là Thi la thì không thanh tịnh, nên Tam-muội không thể nhiếp hiện tiền. Nay nói phạm giới tức là nói tướng chung, không phạm biết tướng phạm.

- Kinh: "Yêu tiếc giữ lợi mình cho đến uy đức Phật phải đi."

- Tán: Phú tội: Trong ngọc có vết là hà. Ngoài ngọc có vết là tỳ. Người phạm giới cũng vậy. Thế gian chê bai như tỳ, bên trong tạo tội như hà lỗi thân ngữ như Tỳ, tức là khuyết vậy. Phạm giá tội gọi là Tỳ, Như ngoài ngọc có vết nên gọi là Tỳ. Người đối với pháp có bệnh phiền não như ngọc có tỳ vết, dụ như pháp họp lại mà nói. Tỳ đó là bị bịnh cho nên hộ tiếc mà không bày tỏ, che lỗi mình gọi là tào là rất nặng nề. Võ ngoài của gạo gọi là khang nhẹ, nên vô dụng. Không những trí nhỏ mà còn trái pháp tự hành vì uy lực của Phật nên mới bỏ đi, sợ họ nghe pháp mầu sẽ chê bai mà thêm tội. Đối với họ việc nghe pháp này không lợi ích nên Phật dùng uy lực để họ bỏ đi.

- Kinh: "Người này ít phước đức cho đến. chỉ có các chân thật".

- Tán: Là pháp chướng. Xưa tạo hết pháp nghiệp, pháp chướng ở thân, không kham nổi nghe pháp, nên nói là ít.

- Kinh: "Xá-lợi-phất khéo lắng nghe cho đến vì chúng sanh mà nói..."

- Tán: Đoạn thứ hai một trăm mười một hàng tụng thọ ký cho . Ở văn xuôi có sáu nay cũng chia làm sáu:

1. Sáu hàng tụng về nói.
2. Bảy hàng rưỡi tụng khiến trụ.
3. Một hàng rưỡi là tụng về ngăn.
4. Mười tám hàng rưỡi tụng y vào những nghĩa gì?
5. Bảy mươi hàng rưỡi tụng về y pháp.
6. Bảy hàng cuối tụng về người chưa nghe khiến cho nghe.

Trong sáu pháp khác nhau trước sau khác nhau. Cho nên tụng rằng: Sáu nói, bảy rưỡi trụ, tiếp một rưỡi tụng ngăn, mười tám rưỡi những gì, bảy mươi và bảy rưỡi.

Trong sáu hàng đầu chia làm hai: Bốn hàng rưỡi đầu tụng giải thích lý do trong kinh. Một hàng rưỡi sau tụng phần tùy nghi nói, ý thú khó hiểu ở phần nêu trước. Bốn hàng đầu lại chia làm ba:

- Một hàng tụng vô số phương tiện.
- Hai hàng tụng các thứ nhân duyên thí dụ, ngôn từ tức là thí dụ, nhân duyên, niệm quán, phương tiện.
- Một hàng rưỡi tụng giảng nói các pháp.

Trong phần văn xuôi trước nêu Chư Phật tùy nghi mà nói. Trong giải thích rằng: Ta dùng vô số phương tiện. Nay tụng giải thích: Pháp sở đắc của Chư Phật có vô lượng phương tiện lực, tức trước và sau đều rõ ràng, tự tha cùng nói đủ cũng không trái ngược.

- Kinh: "Tâm của chúng sanh nghỉ cho đến khiến tất cả vui

mừng.”

- Tán: Tụng các pháp nhân duyên. Trong đây có hai: Hàng đầu tụng biết căn cơ, hàng sau tụng nhân duyên thí dụ. Biết tâm nhớ nghỉ và đạo hành của chúng sanh là biến hành trí lực. Các dục là các thứ thắng giải trí lực. Các tánh là các thứ giới trí lực.

Nghiệp thiện ác đời trước là xứ phi xứ và tự nghiệp trí lực. Nói Phật có năm trí lực các thứ niệm quán là có thể biết năm thứ chúng sanh này. Dùng các phương tiện ngôn từ thí dụ nhân duyên để nói pháp đều khiến vui mừng. Giải thích nguyên nhân các ngôn từ nói ở trước.

- Kinh: “Hoặc nói Tu-đa-la... cho đến Kinh Ưu-ba-đề-xá.”

- Tán: Một hàng rưỡi tụng: Giảng nói các pháp. Y vào các nơi mà nói thứ lớp mười hai bộ kinh.

Một là Khế kinh, kinh gọi là Tu-đa-la.

Hai là Ứng tụng, kinh gọi là Kỳ-dạ.

Ba là Ký biệt, trong kinh này không có.

Bốn là Phúng tụng, kinh gọi là Già-đà.

Năm là Tự nói, kinh này không có.

Sáu là Duyên khởi, kinh gọi là Nhân duyên.

Bảy là Thí dụ.

Tám là Bổn sự.

Chín là Bổn sanh, ba tên đều đồng như kinh đây.

Mười là Phương quảng, kinh này không có.

Mười một là Hy pháp, kinh gọi là Vị tằng hữu.

Mười hai là Luận nghị, kinh gọi là Ưu-ba-đề-xá kinh.

Trong nghĩa này lấy ba môn để phân biệt: Một là biện về tướng; hai là giải thích danh; ba là phân biệt.

Nói về tướng là: Trong Khế kinh có hai tướng: Một là tướng chung, hai là tướng riêng.

Kinh Niết bàn chép: Từ “Tôi nghe như vầy đến vui mừng vâng làm”. Tất cả đó gọi là Tu-đa-la. Nhiếp cả mười hai bộ gọi là tướng chung. Dùng giáo xuyên suốt lý và nhiếp chúng sanh, cho nên trong luận Đối pháp nói: Nghĩa là dùng văn xuôi kết nối lược nói những nghĩa đáng nói thì gọi là Khế kinh, đây chỉ có văn xuôi gọi là tướng riêng. Kệ tụng bèn chẳng thuộc về Khế kinh riêng. Ứng tụng có hai tướng: Một là lợi ích cho phần sau, hai là hiển rõ trước chưa liễu nghĩa. Luận đối pháp... chép: Trong các kinh hoặc ở giữa hoặc ở sau dùng tụng tụng lại nghĩa văn xuôi trước nên gọi là lợi ích về sau.

Lại nói kinh không rõ nghĩa, lại dùng bài tụng để giải thích. Văn

xuôi tuy nói nghĩa mà chưa rõ nên gọi là hiển rõ chưa liễu ở nghĩa trước. Kinh Niết-bàn chỉ nói một trong các nghĩa đầu. Ký biệt có ba tướng:

1) Thọ ký nhân quả sanh tử của đệ tử.

2) Thọ ký rõ ràng về nghĩa sâu mật.

3) Thọ ký Bồ-tát đương lai thành Phật.

Đối pháp Luận chép: Nơi ấy các Thánh đệ tử đã chấm dứt ở thời quá khứ, thọ ký vì công đức, lỗi lầm riêng biệt, và nơi sanh sai khác. Đây là thọ ký nhân quả sanh tử của chúng đệ tử.

Lại nói: Trong kinh Liễu Nghĩa nói tên ký biệt. Ghi nhận riêng khai mở chỉ cho thấy nghĩa sâu kín. Tức đây rõ ràng thọ ký nghĩa sâu kín này. Vì vậy trong Luận này chép thọ ký có bốn: Tâm chắc chắn, nhân, lấy và cho thọ ký v.v...

Kinh Niết-bàn chép: Như lai thọ ký cho các Đại nhân : "A-dật-đa ở đời vị lai có vua tên là Nhương Khư, ông ở trong thời này thành Phật, tên là Di-lặc". Đó là kinh Ký Biệt. Đây là thọ ký thành Phật đương lai.

- Tướng Phúng tụng: Trong Luận Hiển Dương nói trong các kinh chẳng phải chỉ văn xuôi là nói thẳng. Nhưng dùng một câu mà kết thành. Hoặc lấy hai câu, ba câu, bốn năm sau câu mà nói, đều là phúng tụng. Tướng Tự nói: Du-già chép: Kinh đó không nói việc thỉnh, mà Phật vì muốn chánh pháp trụ đời lâu dài. Vì chánh giáo trụ lâu nên không ai thỉnh mà Phật vẫn nói, đều gọi là tự nói. Duyên khởi có ba tướng.

1. Do thỉnh mà nói.

2. Do phạm mà chế giới

3. Do sự mà nói pháp.

Luận Đối Pháp nói: Nhân duyên là do thỉnh mà nói.

Lại có nhân duyên mà chế lập ra học xứ, tức hai nghĩa đầu gọi là duyên khởi.

Kinh Niết-bàn chép: Như nguyên nhân căn bản trong các kinh kệ, như nước Xá-vệ có một người giăng lưới bắt chim, được rồi liền thả ra.

Đức Thế Tôn biết nhân duyên trước sau nên nói kệ rằng:

Chớ khinh lỗi nhỏ
Cho là không tội
Giọt nước tuy nhỏ
Dần đầy chậu lớn.

Đó gọi là duyên khởi. Tức là phần nhân sự nói pháp thứ ba.

- Tướng thí dụ: Luận Du-già chép: Trong kinh luật có nêu thí dụ để nói các pháp.

- Tướng Bổn sự là: Luận Du-già chép: Trừ nói các việc bổn sanh của Phật thì nói các việc hoặc của người hoặc của pháp ở đời trước.

Kinh Niết-bàn chép: Chỉ nói các pháp đã qua như Phật ra đời nói pháp thì gọi là Giới kinh. Câu-lâu-tần Phật thì gọi là Cam-lồ-cổ. Câu-na-hàm Mâu-ni Phật thì gọi là pháp kính. Thời Phật Ca-diếp thì gọi là phân biệt không không nói về người xưa mà căn cứ sự thật chung.

Tướng Bổn sanh là: Luận Hiển dương nói nghĩa là ở trong đó giảng nói đời quá khứ của Đức Thế Tôn, mỗi mỗi phương sở kia hoặc sanh hoặc tử, hành Bồ-tát hạnh làm những hạnh khó làm, gọi là Bổn sanh. Trong kinh Niết-bàn chỉ nói thân đời trước của Bồ-tát mà không nói các hạnh làm xưa của Bồ-tát. Như làm nai làm gấu làm chồn làm thỏ... cho đến làm kim sí điểu.

Phương Quảng có hai tướng:

1) Nói Bồ-tát đạo.

2) Pháp rộng nhiều. Thật là cao lớn nên thời dài xa. Trong Thanh văn cũng nói Phương Quảng. Nay nói hai nghĩa đầy đủ trong Niết-bàn làm chánh:

- Tướng Hy pháp: Trong các kinh giảng nói các công đức cộng, bất cộng chủ Phật, Thánh đệ tử, bát bộ chúng vốn có các pháp khác thường đặc biệt tối thắng khác, đó là Hy pháp. Trong kinh Niết-bàn chỉ nói các sự về Phật, như Phật khi mới sanh ra liền đi bảy bước, phát ra ánh sáng chiếu soi khắp mười phương. Khỉ vượn dâng mật, chó trắng đến nghe pháp. Ma biến thành trâu xanh đi qua bát gạch, khiến xúc chạm nhau mà không làm thương tổn. Chỉ nói các việc ít có của đệ tử và không phải đệ tử, nên gọi là Hy pháp.

Luận nghị có hai tướng:

1. Phật tự nói.

2. Đệ tử nói.

Luận Du-già nói các kinh điển là Ma-đát-lý-ca. Tất cả kinh liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-lý-ca. Nghĩa là Đức Thế Tôn rộng phân biệt các pháp tướng. Lại như Thánh đệ tử đã thấy dấu tích chân thật, y vào tự sở chứng không đảo điên phân biệt thể tánh các pháp. Đây cũng gọi là Ma-đát-lý-ca. Cũng gọi là A-tỳ-đạt-ma. Nay đây tạm dẫn văn bao gồm nghĩa mười hai bộ kinh trên. Ngoài ra còn các giáo chuyên nói... sợ văn nhiều nên không nói tiếp đây.

Giải thích tên gọi: Trước giải thích tên chung . Các vị tiên đức dịch ra làm mười hai bộ kinh. Bộ bao gồm hai nghĩa:

Bộ trật và bộ loại. Đây là bộ loại vì nghĩa loại mười hai bộ có sai

khác. Người xưa nghi nói mười hai bộ trật kinh (pho kinh). Do đây mà Đạo sĩ nói ba mươi sáu bộ. Học trò Lão Trang mỗi bộ làm riêng một bộ. Nay nói mười hai phần giáo, phần là phần đoạn. Văn nghĩa sai khác có mười hai phần đoạn. Lại nói kinh đó là lạm nói Khế kinh. Nay dịch là: Giáo có mười hai gọi chung lại không còn lạm dụng nhau. Đây là đời số thích .

Giải thích tên. Gồm có ba thứ: Ứng tụng, Phúng tụng, Tự nói, Duyên khởi, Hy pháp, Phương quảng. Sáu tên này chỉ y vào chủ mà giải thích. Nên trùng thuật lại cho đến nói rộng về lý. Một loại luận nghị chỉ là trì nghiệp giải thích. Thể của luận tức là nghị. Hoặc phúng tụng cũng là trì nghiệp thích. Có khi phúng, có khi tụng, không đồng ứng tụng. Bài tụng kia là giáo. Tụng này là đọc, nói: Năm tên gọi gồm Khế kinh, Ký biệt, Thí dụ, Bổn sự, Bổn sanh thông cả hai giải thích là Trì nghiệp và Y chủ. Năng khế tức là kinh, khế lý của kinh, cho đến bổn thể tức là sanh, sanh của đời trước. Sai khác có hai: Thể khác nhau,và Giáo khác nhau. Thể khác nhau đó là trong ứng, tụng nhất định không có phúng tụng. Trong phúng tụng nhất định không có ứng tụng. Trước sau khác nhau nên đơn, kép cũng khác nhau. Trong Bổn sự nhất định không có bổn sanh. Trong bổn sanh nhất định không có bổn sự. Thầy trò đều khác nhau, bốn bộ này chỉ đầy đủ mười một, tám bộ khác thì đầy đủ cả mười hai, tùy nó thích ứng mà có các tướng sai khác trước nói. Kinh Niết-bàn chép: “Từ như thị cho đến. cuối cùng là phụng hành” đều là Tu-đa-la, nên thông cả mười hai, tướng riêng thành không có, chỉ lấy văn xuôi làm Khế kinh, hai thứ kệ bèn chẳng phải, còn lại bảy giáo đều đủ cả mười hai. Y theo đây có thể biết. Trong ứng tụng có đầy đủ cả mười một là phẩm Thí dụ nói: “Xá-lợi-phất đời sau thành Phật Phổ Trí, tôn hiệu là Hoa Quang, độ vô lượng chúng sanh,” tức là có Ứng tụng ký biệt vậy. Trong Ứng tụng cũng có tự nói, phẩm Phương tiện nói: “Bậc Thế hùng không lường. Chư thiên và thế nhân cùng tất cả chúng sanh đều không thể biết được Phật.” Tức là Ứng tụng của tự nói vậy. Trong Ứng tụng cũng có duyên khởi, phẩm Phương tiện nói: “Xá-lợi-phất lắng nghe! Pháp sở đắc của Chư Phật thì vô lượng, dùng phương tiện lực mà vì chúng sanh nói” pháp, là Ứng tụng của nhân duyên, tức vì ngài Thu Tử thỉnh mà Phật nói pháp. Trong Ứng tụng cũng có thí dụ: “Ví như trưởng giả có ngôi nhà lớn. Nhà này đã lâu đời, mà lại hư nát v.v...”. Đây là Ứng tụng có phần Thí dụ. Trong Ứng tụng cũng có Bổn sự, phẩm Tựa nói: “Sau khi Phật kia diệt độ, người biếng nhác đó là ông, Diệu Quang pháp sư nay chính là thân ta”. Đây tức là Ứng tụng

của Bổn sự vậy. Trong Ứng tụng cũng có Bổn sanh, phẩm Thường Bất Khinh nói: "Thường Bất Khinh kia nay là thân ta." Đây tức là Ứng tụng của Bổn sanh. "Trong Ứng tụng cũng có Phương quảng, phẩm Phương tiện nói: Trong mười phương Cõi nước, chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật Phương Tiện nói," tức là Ứng tụng của Phương quảng. Trong Ứng tụng cũng có Hy pháp. Phẩm Hóa thành nói: "Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trải qua mười kiếp ngồi tại đạo tràng. Phật pháp không hiện tiền, không thể thành Phật đạo," tức là Ứng tụng của Hy pháp. Trong Ứng tụng cũng có luận nghị. Phẩm Thọ lượng nói: "Chúng sanh đã tin phục, ý mềm mỏng ngay thẳng, nhất tâm muốn thấy Phật không tiếc cả thân mạng. Bấy giờ ta và chúng tăng đều ra khỏi núi Linh thứu. Ta bây giờ nói với chúng sanh là ta thường ở lại đời mà không diệt, dùng lực phương tiện, nên hiện ra diệt hay không diệt." Đây tức là Ứng tụng của luận nghị. Còn ba giáo khác đều có đủ cả mười một, y theo đây nên biết.

Nhưng trong kinh này có đủ mười hai phần, một bộ đều là tướng chung của Khế kinh. Trùng tuyên lại nghĩa này đều là Ứng tụng. Thỉnh Phật vì thọ ký, giải thích chỗ nghĩa sâu. Trong phẩm Hóa thành, thì Phạm thiên ở phương Đông dùng kệ tụng:

"Thế Tôn thật ít có.
Khó có thể gặp được.
Đủ vô lượng công đức
Đều cứu hộ tất cả v.v..."

Đều là phúng tụng. Đầu phẩm Phương tiện, tức là phần tự nói. Bài kệ trước nói: Không ai hỏi mà Phật tự nói, khen ngợi đạo sở hành. Ngài Thu Tử ba lần thỉnh, Di-lặc ba lần thỉnh... chỗ nói về quyền thật đều là duyên khởi. Trong phẩm Thí dụ đều dùng Thí dụ nói việc quá khứ của chúng đệ tử, đây là bổn sự. Tự nói việc quá khứ của Phật là bổn sanh. Nói Nhất thừa xứ là Phương quảng. Nói hiện thần thông xứ là Hy pháp. Trong phẩm Thọ lượng, Phật nói tướng của ba thân có thể gọi là luận nghị.

- Giáo khác nhau là:

1) Đại có đủ mà tiểu thì có chín. Tức là văn kinh này. Tiểu thừa chỉ không có ba phần: Thọ ký, tự nói, và Phương quảng, mà không chướng ngại Đại thừa có mười hai phần.

2) Tiểu có đủ mà đại có chín. Kinh Niết-bàn quyển ba nói: Hộ trì Đại thừa là thọ trì chín bộ. Đại thừa trừ ra nhân duyên, thí dụ, luận nghị mà không chướng ngại Tiểu thừa có mười hai phần.

3) Đại có đủ mà tiểu có mười một: Du-già quyển ba mươi tám nói: Một phần Phương quảng chỉ ở tạng Bồ-tát, các phần khác có tạng Thanh văn.

4) Đại một mà tiểu mười một: Du-già quyển tám mươi lăm nói, trừ một phần Phương quảng, các phần khác gọi là Thanh văn thừa, tương ưng với Khế kinh.

Vì sao văn này nói Đại có đủ mà tiểu có chín. Y vào phần thọ ký đệ tử thành Phật gọi là thọ ký, nói Thanh văn không có vì trước chưa cầu đại Bồ-đề. Cũng như đưa của báu cho người ngu thì người ngu liền cười. Thanh văn nghe Phật thọ ký cũng vậy, cho nên nói là không, chẳng phải thọ ký, các việc sanh tử đã qua của các đệ tử cũng không. Lại Thanh văn thừa phần nhiều nghe pháp nông cạn, nếu không đợi thỉnh mà nói thì tâm kiêu mạn của họ liền phát sanh. Nói không có tự nói mà thật ra cũng có.

Lại thanh văn chỉ chứng tiểu quả mà không đắc Chánh giác, lý không đến chỗ tột cùng hành không rộng lớn. Nói không có Phương quảng, thật ra cũng có, chánh pháp Phương quảng mà trình bày rộng . Thế nên trong bài tụng này chỉ vì Thanh văn mà nói chín bộ, lý thông cả mười hai.

Trong kinh Niết-bàn nói Tiểu có đủ mà Đại có chín: Do phạm mà chế giới gọi là nhân duyên, Bồ-tát không phạm nên lược nói không có. Chẳng phải là không có nhân thỉnh, nhân sự duyên khởi mà Phật nói pháp. Phàm nói thí dụ so sánh để khai mở cho người rung căn, hạ căn. Còn ngài Thu Tử là người lợi căn thượng phẩm, phần nhiều còn không đợi thí dụ, huống chi là Bồ-tát. Phần nhiều không đợi nên nói là không. Theo lý cũng có.

Lại Đại Bồ-tát tánh đều là lợi căn, nêu tông liền hiểu, không đợi hỏi thỉnh, mới sanh tuệ tâm. Nói không có luận nghị, lý thật chẳng phải không có. Lại người hộ pháp phần nhiều tụng tạng Tố-đát-lãm. Duyên khởi, thí dụ phần nhiều là tạng điều phục. Luận nghị phần nhiều thuộc tạng Đối pháp. Cho nên nói đại chỉ có chín. Theo lý là chẳng phải không đủ mười hai. Du-già quyển ba mươi tám chép: Đại có đủ Tiểu chỉ có mười một. Tiểu thừa cũng thọ ký cho đệ tử và không đợi thỉnh mà Phật vì lòng từ bi nói pháp. Đây có đủ phần ký biệt và tự nói, cho nên có mười một phần. Không có Phương quảng đó là không cầu Chánh giác, vì nói lý thô thiển nên không có, mà thật cũng có.

Du-già quyển tám mươi lăm, văn không khác với trước. Nhưng lấy mười một mà nói là Thanh văn. Đối với Phương quảng mà nói là

Bồ-tát, chẳng phải trong tạng Bồ-tát không có mười một nghĩa kia. Đều là tùy theo một nghĩa riêng biệt mà nói số không đồng. Lý thật thì hai tạng Thanh văn Bồ-tát đều có đầy đủ mười hai phần. Nay tùy theo cần thiết, lại lược ra phân biệt. Ngoài ra, nghĩa giải thích rộng như trong chương nên biết.

- Kinh: "Căn độn ưa pháp nhỏ cho đến vì đó nói Niết-bàn."

- Tán: Một hàng rưỡi tụng lại phần: Tùy cơ nghi nói, ý thú khó hiểu ở văn xuôi trước.

Lược nói thì có năm nghĩa:

1, Độn căn khó ngộ.

2, Thích tiểu sợ đại.

3, Đam mê sanh tử, không mong ra khỏi.

4, Gặp duyên không tu.

5, Hiện tự tại nhiều khổ ép ngặt.

Do năm nghĩa này mà Phật nói Niết-bàn. Vì độn căn nên đắm trong sanh tử. Tuy có gặp Phật đã từng được hóa độ, mà không hành đạo Đại thừa sâu mầu. Do làm ác nên lại chịu khổ. Vì khuyên học xa lìa khổ nên đầu tiên Phật nói Niết-bàn của Nhị thừa.

Cho nên phẩm Tín giải chép: Đầu tiên gặp Phật, thoái dòng sanh tử, sau hóa độ Nhị thừa, cũng đồng như thế.

- Kinh: "Ta lập ra phương tiện cho đến sẽ được thành Phật đạo."

- Tán: Phần thứ hai có bảy hàng rưỡi tụng, thứ tư của văn xuôi là khiến cho trụ. Trong đây chia làm bốn:

- Một hàng tụng là nêu

- Một hàng giải thích.

- Bốn hàng rưỡi tụng ở hội này.

- Một hàng khuyên trụ.

Đây nói phần đầu: Trước lập hai quyền để khiến cho rốt ráo, nhập vào tuệ Phật , trụ pháp Nhất thừa.

- Kinh: "Sở dĩ chưa từng nói cho đến chắc chắn nói Đại thừa."

- Tán: Đây một hàng giải thích hội nêu ra ở trước "Ông căn tánh chưa thuần thục, chưa ngộ Đại thừa, nên không thể nói . Nay ông căn tánh thật đã thuần thục chính là phải lúc nên nói ra".

Cũng như phẩm Hóa thành chép "Các Tỳ-kheo! Nếu Như lai tự biết khi Niết-bàn đến. Chúng lại thanh tịnh, lòng tín hiểu vững chắc, hiểu rõ pháp không, nhập sâu thiền định. Liền nhóm họp chúng Bồ-tát và Thanh văn lại để nói kinh này. Thế gian không có hai thừa mà được diệt độ, chỉ một Phật thừa mà được diệt độ thôi."

- Kinh: “Chín bộ pháp này của ta cho đến vì thế nói này”.

- Tán: Đây là bốn hàng tụng rưỡi về hội. Trong chia làm ba:

- Một hàng tụng tiểu pháp chẳng phải là chân, nói đại thừa làm gốc.

- Một hàng rưỡi tụng đại pháp thắng diệu vì người thù thắng mà nói.

- Hai hàng tụng kết thành tựu người, pháp thắng diệu, khuyên bỏ người pháp không diệu. Đây nói về phần đầu. Vì thuận theo sơ cơ mà nói chín bộ này, vì nhập vào đại thừa làm gốc, chẳng phải là rốt ráo, nên nói là trụ Đại thừa.

- Kinh: “Có Phật tử tâm tịnh... vì nói kinh Đại thừa.”

- Tán: Nói kinh Đại thừa thắng diệu là vì người thù thắng mà nói. Khuyên bỏ pháp yếu, chớ thành người ác, tất cả hàng Bồ-tát đốn ngộ tiệm ngộ đều là Phật tử. Đều có năm đức:

Một là tâm tịnh. Chuyên cầu trí tuệ Đại thừa của Phật. Chẳng phải ưa thích thấp kém chỉ trừ hai chướng.

Hai là mềm mỏng: Tâm nhẫn nại chịu khó, có thể làm đại nghiệp, tinh cần không dứt.

Ba là lợi căn: Tánh phần nhiều thích cứu khổ ban vui cho người. Tất cả đều bình đẳng nghe pháp mau ngộ nhập.

Bốn là vô lượng: Từng gặp duyên lành, ở chỗ Chư Phật mà rèn luyện bản thân.

Năm là hành đạo sâu mầu, đều tu phước tuệ, khuôn báu giác chân.

Kinh phát Bồ-đề tâm nói đầy đủ mười pháp có thể phát tâm Bồ-đề.

1. Gần gũi bạn lành.
2. Cúng dường Chư Phật.
3. Tu tập gốc lành.
4. Chí cầu thắng pháp.
5. Tâm thường mềm mỏng.
6. Gặp khổ chịu đựng được.
7. Từ bi thuần hậu.
8. Sâu tâm bình đẳng.
9. Yêu thích Đại thừa.
10. Cầu trí tuệ Phật.

Mười pháp này đều nhiếp năm đức trên:

- Tâm tịnh nhiếp hai câu: yêu thích Đại thừa, cầu trí tuệ Phật.

- Mềm mỏng nhiếp hai câu: Tâm thường mềm mỏng, gặp khổ chịu đựng được.

- Lợi căn nhiếp hai câu: Từ bi thuần hậu, sâu tâm bình đẳng.

- Chỗ vô lượng Phật nhiếp hai câu: gần gũi bạn lành, cúng dường Chư Phật.

- Hành sâu mầu thông nhiếp hai câu: Tu tập gốc lành, chí cầu thắng pháp.

Có đầy đủ năm đức này mới thành tựu mười pháp, mới vì họ mà nói Đại thừa khiến cho phát hướng tiến đạo.

- Kinh: "Ta thọ ký người như thế cho đến vì nói Đại thừa".

- Tán: Kết thành hai pháp thắng diệu khuyên bỏ hai không phải diệu.

Thọ ký người năm đức đời sau thành Phật. Dùng thâm tâm niệm Phật mà tu trì tịnh giới.

Niệm Phật có hai:

1) Ngữ niệm.

2) Tâm niệm.

Hoặc tâm duyên vào việc Phật mà nguyện cầu mong thành. Trí niệm lý thân, cầu chứng diệt chướng. Định tuệ đã vậy lại trì tịnh giới, thành tựu ba học, nên Phật thọ ký. Các pháp này do nghe mà thuận tâm Phật, cho nên vui mừng, Phật biết rõ tâm chúng nên nói cho nghe pháp Đại thừa.

- Kinh: "Thanh văn hoặc Bồ-tát cho đến đều thành Phật không còn nghi".

- Tán: Đây khuyên nên trụ. Khen ngợi lợi ích nghe pháp, khuyên trụ vào Đại thừa.

- Kinh: "Trong cõi Phật mười phương cho đến dẫn dắt chúng sanh.

- Tán: Đây là phần thứ ba một hàng rưỡi tụng về nghĩa thứ sáu nói ngăn văn xuôi không hai đó là không có Độc giác thừa thứ hai, không ba là không có Thanh văn thừa thứ ba. Từ hơn đến kém Phật thừa là đầu. Đây căn cứ vào chân lý mà không có hai cực thừa, trừ phương tiện mà nói. Trong phương tiện nói có ba. Mượn ba tên để dẫn dắt chúng sanh. Mượn dụ xe dê xe hươu để đưa chúng sanh ra khỏi nhà lửa, chẳng phải thật có hai. Vì muốn độ chúng sanh nên đây nói hai thừa. Niết-bàn Bồ-đề đều không có thật thể, cùng gọi là giả danh. Nhưng Niết-bàn có thể chứng mà phược được dứt trừ. Chủng trí không thành vì không giác nên hóa thành nên vào để tạm dứt khổ. Có tên xe hươu xe dê mà không

bước lên.

Hỏi: Ba việc gọi là Đại Bát, chỉ đắc giải thoát mà nói nhập vào thành. Nhị không trí là xe trâu, chỉ đắc sanh trí mà lên xe dê xe hươu?

Đáp: Giải thoát dứt các khổ mới gọi là vào Hóa thành. Hai thừa không có chủng trí nên không lên xe dê xe hươu. Lại Nhị thừa giải thoát đồng nghĩa dứt khổ, kia cũng phần đắc nên cùng được gọi vào thành chủng loại chân trí, chỉ có Phật là viên thành. Tuy cũng phân đắc mà không gọi là lên xe; về lý thật, sự không có khác nhau. Lại nhân quả hoặc chướng kia đều trừ. Giải thoát hóa thành mà gọi là tạm vào. Nhân quả trí chướng kia không diệt, thì hai xe chủng trí không nói là lên.

- Kinh: "Nói trí tuệ Phật cho đến cứu giúp chúng sanh".

- Tán: Phần thứ tư có mười tám hàng rưỡi tụng nghĩa thứ ba của văn xuôi, y vào nghĩa gì? Trong chia làm hai:

- Một hàng rưỡi nêu một đại sự.

Mười bảy hàng tụng mở bày ngộ nhập.

Trí tuệ Phật như trước nói họp lại có năm thứ: Ở đây thường nói hai pháp Quả Phật. Bồ-đề, Niết-bàn, trí tánh, tuệ dụng hợp lại gọi là trí tuệ. Hoặc chỉ có chân trí mà không lấy chân như. Phật ra đời vì nhất Phật tuệ khiến chúng sanh ưa thích chỉ đây là một thật, là cực quả rốt ráo, vô thượng thắng diệu. Thể của Nhị thừa chẳng phải là chân cực, rốt ráo thắng diệu. Cho nên trong văn dưới dùng năm độ trước để so sánh với kinh này, không nói Bát-nhã. Cuối cùng không dùng Tiểu thừa để độ sanh. Hoặc một việc này phần nhiều nói trí tánh. Trong kinh Niết-bàn nói, Sư tử rống nói. Phật tánh tức là không, không tức là trí tuệ. Do đây mà trí tánh cũng gọi là trí tuệ. Nay phần nhiều dùng giải thích đầu làm chánh. Nhị thừa không có nên đã nói hai pháp còn lại chẳng phải chân. Thế nên biết không phải là phá tam mà là gom ba về một.

- Kinh: "Phật tự trụ vào Đại thừa cho đến dùng đó để độ sanh...".

- Tán: Mười bảy hàng dưới tụng mở bày ngộ nhập. Trong đây chia làm bốn:

Một hàng đầu tụng về khai, năm hàng tụng về ngộ, một hàng tụng nhập, mười hàng tụng thị.

Đại thừa hợp với chân lý chánh trí. Giả là nơi thân Phật hằng ở yên trong Niết-bàn Bồ-đề này nên gọi là trụ. Trụ có nghĩa là nơi nương tựa an vui, sở đắc chỉ là chân lý pháp thân. Hoặc Đại thừa đó chỉ lấy chân lý, chánh trí chứng hội chân lý gọi là trụ. Vì pháp thân muôn đức này đầy đủ đức tánh chân thật. Cho nên báo thân Phật như chân lý pháp thân Phật chứng, lại dùng vô lượng định tuệ để trang nghiêm. Định tức

là phước. Tuệ tức là trí, nhiếp trì hết tất cả công đức hữu vi. Trong sâu tận đến chân lý, Niết-bàn đã tròn đầy, chân trí bèn sanh, phước tuệ trang nghiêm đầy đủ. Bồ-đề công đức cũng đầy đủ tròn đầy. Cho nên dùng hai pháp khai ở chúng sanh nên gọi là độ. Hiển bày hai thể tánh là Vô thượng khiến người sanh lòng ưa thích.

- Kinh: "Tự chứng đạo vô thượng cho đến. Việc này là không thể..."

- Tán: Có năm hàng tụng về ngộ chia làm ba phần:

Một hàng rưỡi tụng bình về đẳng.

Hai hàng rưỡi tụng về đức cao quý.

Một hàng về ngộ.

Vô thượng đạo là chánh trí là thắng, tức nói thông suốt cả hai nơi.

Vô thượng Đại thừa là chân lý cao siêu. Đều bình đẳng không có năng nhận, sở nhận không có tự tha ta và vật khác nhau. Lại Đại thừa tức vô thượng đạo là vận dụng tốt đẹp. Phật đã chứng lý trí đều bình đẳng thì đâu còn phân biệt có hai là tự, tha, vật và ta? Nội trí nếu không bình đẳng, tự giữ Đại thừa. Ngoại trí không bình đẳng để người giữ Tiểu thừa, thì rơi vào pháp bỏn sẻn . Hoặc tham cầu danh lợi chưa dứt. Đâu gọi là chứng đắc Chánh giác, Đại thừa vận dụng tất cả, đây là không thể được!

- Kinh: "Nếu người tin quy Phật... mà riêng không kinh sợ."

- Tán: Hai hàng rưỡi tụng nói lên thắng đức. Có hai:

- Một hàng tụng rưỡi nói về bên trong lìa nhiễm, không có đức sợ hãi.

- Một hàng sau tụng: Ngoài hiện trang nghiêm, nói về công đức của thật pháp.

Như người mới tin Phật là sơ phát tâm, quy y Phật rồi sau tu chánh hạnh, Như lai không vì sự khinh bạc chê bai mà không trao Đại thừa thuần hóa Tiểu thừa, cũng không vì lừa dối họ đầu tiên nói cho đại sau không cho. Vì sao? Vì Phật không tham tiếc Đại thừa lừa dối mà không cho. Cũng không có tâm ganh ghét sợ người chứng Đại thừa mà dối gạt. Do dứt hết ác trong tất cả pháp. Ác là phiền não nghiệp khổ, pháp ác sanh tử đã dứt trừ hẳn. Đã không có các việc như trên mà chánh trí tròn đầy. Cho nên trong mười phương đều không còn sợ mà làm tiếng sư tử rống. Ta là bậc Nhất thiết trí, Nhất thiết kiến, bình đẳng hóa. Nếu có các việc ác trên thì trí chưa cùng, quả chưa viên. Làm sao trong mười phương có thể làm tiếng rống vô úy. Thế nên người thế tục có nói: Cha

nghe con khỏe mạnh, hận là không giết thân. Bên ngoài vì sao lẫn tiếc, nên không tham ganh.

- Kinh: "Ta dùng tướng trang nghiêm thân cho đến vì nói ấn thật tướng."

- Tán: Hiện ngoài trang nghiêm, nói đức của pháp thật. Hình hài tướng tốt, thân tướng trang nghiêm. Thân sáng trí sáng lại cùng chiếu sáng, chiếu sáng khí thế gian và chúng sanh. Do đây mà mọi người đều tôn kính, gọi ta là Thế gian giải. Nếu bên trong có nhiễm thì ngoài không có tướng này. Ngoài hiện tướng này, rõ ràng trong không nhiễm, nên nay ta nói thật tướng ấn. Thật tướng ấn là lý Đại thừa hai không. Dùng lý ấn này mà ấn Đại giáo. Đại giáo chắc chắn cao siêu, thật chẳng phải quyền, như trong Tiểu thừa nói ba pháp ấn, ấn định giáo pháp.

- Kinh: "Xá-lợi-phất nên biết cho đến như ta đây không khác."

- Tán: Đây là hàng tụng về ngộ.

Ông nên như ta ngộ rõ những điều không biết về Đại thừa chân trí. Ta xưa lập thệ nguyện, khiến cho tất cả chúng sanh không khác với ta . Nguyện khiến cho giác ngộ, nguyện dùng tín, dục, thắng giải làm tánh.

- Kinh: "Như Ta xưa đã nguyện cho đến đều khiến nhập Phật đạo."

- Tán: Đây là một hàng tụng về nhập. Nay quả đã mãn theo như tâm nguyện xưa kia, nên hóa độ chúng sanh nhập vào Phật đạo. Đạo là nghĩa nhân, khiến nhập vào Bát địa hoặc nhân của Sơ địa trở lên địa vị không lui sụt .

- Kinh: "Như ta gặp chúng sanh cho đến mê hoặc không thọ giáo..."

- Tán: Đây trở xuống mười hàng tụng, nói về thị. Chia làm hai:

Tám hàng đầu tụng về thị khác nhau ban đầu.

Hai hàng tụng về Thị sau trở lại đồng.

Tám hàng đầu lại có ba:

- Một hàng tụng về ý khác nhau.

Sáu hàng tụng về tướng khác nhau.

Một bài tụng về kết khác nhau.

Như dạy chúng sanh đều dùng Đại thừa. Người trí có thể như vậy. Người ngu vô trí thì lầm học, loạn hành, tâm mê không tin, sanh nghi hoặc phỉ báng, trở lại cùng tăng ác hạnh không thể lãnh thọ, ví như thuyền lật ở cao trở thành mắc cạn. Do đây trở lại làm tăng thêm lỗi người ngu. Cho nên, không thể chỉ dùng pháp Đại thừa dẫn hóa cho họ

được.

Kinh: “Ta biết chúng sanh này cho đến Si ái nên sanh não...”

- Tán: Trở xuống sáu hàng tụng về Thị tướng khác nhau. Trong đây chia làm hai:

- Một hàng tụng đầu là nói vì không có thiện, mà có ác nên khác nhau.

Năm hàng sau giải thích nghĩa trên cho nên khác nhau.

“Chưa từng tu gốc lành”, tức là gốc lành phương tiện xuất thế. Từ vô thỉ tuy có khởi mà phần nhiều tối kém, chỉ sanh đắc thiện mà không có nhân vô lậu. Do chấp vào năm cảnh, chấp chặt không bỏ. Lấy đây làm duyên si liền phát nghiệp, ái liền nhuận sanh. Do đó mà tất cả khổ não của sanh già bịnh chết càng thêm lớn. Do không có phương tiện thiện bổn xuất thế, lấy hai nghiệp si ái làm nhân cho mình, chấp vào cảnh ngũ dục không chịu buông bỏ. Phát nghiệp vô minh phần nhiều do mê trong mà ra, nhuận sanh tham ái, phần nhiều duyên năm dục mà sanh. Nay căn cứ vào dục giới phát nghiệp vô minh mà nói chung, trùng ở một chỗ.

- Kinh: “Bởi các dục nhân duyên cho đến. Đời đời thường thêm lớn.

- Tán: Năm hàng tụng giải thích vì có ác không thiện nên không đồng. Trong đây có hai:

Bốn hàng tụng đầu vì có ác nên khác nhau.

Một hàng tụng sau vì không thiện nên khác nhau.

Bốn hàng đầu lại có hai:

Một hàng rưỡi: Do đắm vào ngũ dục tục trần nên khác nhau.

Hai hàng rưỡi tụng cầu tà xuất ly, học hạnh lầm loạn nên khác nhau. Do tham dục cho nên thuần khởi ra nghiệp bất thiện, đọa vào đường ác. Do tạp nghiệp nên luân hồi trong lục thú thọ đủ các khổ não. Tứ sanh sanh trưởng thảy đều có nghiệp. Ba khổ, tám khổ, năm khổ ép buộc. Đây là chỉ nói một đời hiện khổ. Cho nên nói thọ thai hình nhỏ, đời đời thường thêm lớn. Nhỏ nghĩa là yếu, thai là thai tạng. Bất tịnh ràng buộc bên trong thật đáng chán ghét sự sanh nhỏ yếu kém.

Luận Du-già chép: Lúc mới thọ sanh vốn ở thân trung hữu. Thân trung hữu dài nhất thì bảy ngày mạng chung. Nhiều nhất là không qua bốn mươi chín ngày trụ. Người gây ra nghiệp ác thì thân trung hữu như ánh lửa chớp trong đêm tối. Người làm nghiệp lành như chiếc áo trắng sáng hoặc đêm trong sáng. Tùy theo nơi sẽ sanh trụ mà sẽ thấy đồng loại và nơi sẽ sanh ra không bị ngăn ngại . Gây ra nghiệp ác thì mắt thấy

điều bất tịnh cúi xuống mà đi. Người được sanh cõi trời thì ngược mắt lên trên. Sanh xuống cõi người thì hướng bên mà đi. Nếu tạo bất luật nghi thì đọa vào địa ngục thấy đồng loại xưa, ưa thích vượt chạy bên bị níu kéo lại. Cảnh ngạ quỉ bàng sanh cũng vậy. Còn các tạp nghiệp khác thì tùy theo nghiệp thiện ác sanh trưởng về nơi nào, ở đó cha mẹ tùy người nam hay người nữ mà sanh ra buồn vui. Tùy chỗ sẽ sanh mà bám lấy di thể của cha mẹ lúc mê mờ thì bị câu ngại, trong bảy ngày đó gọi là Yết thích lam. Đây gọi là tạp uế, cha mẹ bất tịnh cùng hòa hợp lẫn lộn. Thật là nhàm chán xấu xa gọi là uế. Nếu đã đọng thành chất lỏng bên trong thì trong mười bốn ngày gọi là Át-bộ-đàm, đây gọi là bào, hình dáng như hạt đậu bao bọc, bên trong như lạc chưa thành thịt. Trong hai mươi mốt ngày gọi là bế hộ, đây gọi là ngưng kết, cũng như cục huyết đặc.

Người Tây Tạng gọi huyết là bế hộ. Nếu đã thành cục thịt nhưng vẫn mềm thì trong hai mươi tám ngày gọi là kiện nam, Hán dịch là ngưng hậu, vì dần kết dày thêm. Nếu đã cứng dày thì ít chịu xúc chạm trong ba mươi lăm ngày gọi là Bát-la-xa-khư, đây gọi là hình vị, cũng như Nê đoàn (cục bùn). Năm phần tướng nối liền thân và tứ chi. Ở trong gió hướng ngoại tạo lấy hình tướng sai khác của sanh căn. Tức cục thịt trước kia thêm lớn các chi phần mà hiện ra tướng. Trong tuần thứ sáu gọi là phát mao trảo vị, sanh ra tóc lông. Tuần thứ bảy gọi là cụ căn vị, năm căn đầy đủ hiện ra rõ ràng. Đến đây cho tới khi thai tròn ba tháng, mọi thứ đều thành tựu. Nếu không thêm bớt, như thế trải qua ba mươi tám tuần thai bắt đầu tròn đầy. Sau đó bốn ngày đầu thai nhi hướng xuống dưới, hai chân hướng lên, bao thai xé ra, cửa sanh ép buộc, các sự đau lúc này càng dữ dội. Hoặc do nghiệp trước người mẹ ăn tro muối làm cho tóc tai con thưa thớt. Hoặc người mẹ ăn đồ nóng, khiến con có sắc đen hoặc đỏ khi sanh ra. Mẹ ăn đồ lạnh hoặc gần nhà lạnh con phần nhiều trắng bệch. Mẹ dâm dục thì con bị ghẻ lỡ. Mẹ ưa nhảy nhót uy nghi không ngay thẳng thì con tứ chi khuyết giảm. Nam thì ở hông phải dựa vào xương sống hướng ra xương sống, nữ ở hông trái dựa từ bụng hướng ra bụng. Tùy theo cha mẹ sanh ái nhiễm, đầu tiên bám theo chất bất tịnh của cha mẹ cho là thân mình, sau dùng bất tịnh của mẹ để nuôi lớn. Hiện duyên đã như vậy cho nên nghiệp bất thiện, trăm điều ác cảm lấy ba mươi sáu vật bất tịnh làm thể, thân ác như thế không đáng ưa thích, trôi lăn không cùng, gọi là đời đời thêm lớn.

- Kinh: "Người đức mỏng ít phước cho đến Tâm siểm khúc không thật.

- Tán: Đây là hai hàng tụng về cầu tà xuất ly, học hạnh lầm loạn cho nên không đồng, một hàng rưỡi tụng về khởi ra tà kiến thân biên thành sáu mươi hai kiến, một hàng tụng sau do khởi kiến giới thủ mà hoặc nghiệp sanh ra. Hoặc hàng tụng đầu chung khởi ra cả năm kiến, một hàng rưỡi sau tụng khởi riêng về năm kiến. Chúng sanh kia từ đời vô thủy đến nay vì đức mỏng phước ít nên chịu thống khổ ép buộc. Tuy muốn thoát ra mà không hiểu rõ tà chánh, lầm rơi vào chỗ ngoại đạo không có chánh kiến. Học hành sai lầm nên gọi là tà kiến. Năm kiến đều là tà kiến. Đây dựa và khoa sau, không phải cần bác bỏ không có mới là tà kiến. Phiền não tà kiến làm câu ngại chúng sanh, khó thoát ra khỏi không thể giải thoát nên gọi là như rừng dày đặc. Đây là kiến chung sau là nói hiển riêng. Hoặc có hoặc không v.v... ở đây có hai giải thích. Ý vào khoa sau thì tứ kiến trong năm kiến là hữu nên đều chấp vào hữu. Tà kiến chấp là không, nên phần thường bác bỏ không. Đây là hiển bày các thứ phiền não. Nếu dựa vào khoa đầu thì rừng tà kiến dày đặc là tà kiến bác bỏ không. Nếu có thì chấp vào thân sau của ta là có tức thường kiến. Nếu không thì chấp hậu thân là không tức đoạn kiến. Hai chấp này gọi là biên kiến là thủ thân kiến, kiến thủ, giới thủ. Do sáu mươi hai kiến dùng tà kiến biên kiến làm tự thể nên nêu riêng. Lấy hai kiến khác làm quyến thuộc. Nương vào thân kiến lấy làm căn bản.

Thế nào là sáu mươi hai kiến, tụng rằng:

Hai bốn tám mươi kiếp
Kiến sanh tử nghiêng thường
Phạm đại chủng tâm khác
Hý phẫn nhuế một phần
Có sắc có biên thảy
Các sanh tử tưởng địa
Một thứ tiểu vô lượng
Thuần vui đều có tưởng
Tức hữu sắc biên thày
Sanh vô tưởng đều không
Người trời dục, cõi sắc
Bốn vô sắc đoạn diệt
Chết ở trời vô tưởng
Tầm tứ chấp không nhân.
Nhớ trên dưới bàng đều.
Kiếp hoại có biên thảy.
Sợ vô tri hành siểm

Ôm ưu não kiểu loạn
Người dục thiên dục lạc.
Niết-bàn bốn tĩnh lự.

Các kiến hoặc này, trải qua từ nhiều đời quá khứ nhiếp đến tận cùng vị lai và trải qua đời hiện tại nay chung cả ở hai cõi mà xếp vào biến một phần. Còn bốn mươi bốn phần khác đều xếp vào kiến hậu tế. Sáu mươi hai kiến này các kinh luận đều nói thuộc về hai biên là biên kiến, tà kiến. Bao nhiêu kiến thuộc về biên kiến trong bốn hữu đều có một phần mà thành ra mười sáu. Vô tưởng thì đều chẳng phải tám, bảy đoạn đều là biên kiến. Tức hai thứ vô nhân kia thì tà kiến biên kiến loạn đều có bốn, năm kiến Niết-bàn luận đều thuộc về tà kiến. Do chấp thần ngã mà khởi ra ngã kiến, khởi ra như thế mà thành sáu mươi hai kiến. Sau đó khởi ra các pháp kiến thủ chấp kiến là thắng là nhân, lại khởi ra các giới chấp thủ chấp giới v.v... là nhân là thắng. Chấp vào các pháp dối này không chịu buông bỏ. Ngã man tự thị, khoe khoang cống cao mà xem thường người khác. Với thầy thì dua nịnh khen ngợi lấy lòng để cầu danh lợi như vậy tâm làm sao hội nhập thật. Tham dục chấp tà như vậy làm sao có thể kham việc giáo hóa người, giữ gìn Đại pháp.

- Kinh: "Trong ngàn muôn ức kiếp cho đến người như thế khó độ.

- Tán: Một hàng tụng không thiện nên khác nhau.

Người thiện đều tu bốn hạnh gần gũi.

1) Gần gũi bạn lành.

2) Lắng nghe chánh pháp.

3) Như lý tư duy.

4) Đúng như lời dạy tu hành.

Những người ác này trải qua trăm muôn ức kiếp không nghe tên Phật, thì làm sao gần gũi được tất cả bạn lành, đã không thấy Phật cũng không nghe pháp. Đã không có văn tuệ là nhân đầu tiên nhập pháp thì tư duy tu tập lý cũng không đắc được. Người như thế thật là ít có độ, làm sao đầu tiên tức giáo Đại thừa!

- Kinh: "Vì thế Xá-lợi-phất cho đến chỉ cho đó Niết-bàn..."

- Tán: Đây là phần kết khác nhau. Do như thế mà Phật lập ra phương tiện. Đầu tiên mở bày Niết-bàn, khiến cho dứt khổ.

- Kinh: "Ta tuy nói Niết-bàn... Mở bày pháp ba thừa ."

- Tán: Ở trên nói đầu tiên khác nhau hai bài tụng này mở bày sau khiến cho đồng, khuyên bỏ thân giải thoát mà giữ lấy pháp thân Phật. Chỗ nói về Niết-bàn Nhị thừa cũng như Hóa thành không phải diệt thật.

Pháp từ vô thỉ tánh thể vốn thường tịch, tức tự tánh thanh tịnh Niết-bàn. Tánh ly ngôn từ, pháp chẳng phải ngày nay mới có. Như Đảo châu báu mới chình là diệt thật. Diệt thật đã vậy, cho nên hành đạo rồi đến đời vị lai chứng pháp bổn tánh diệt này mà thành tựu Phật đạo. Trí tuệ của ta khéo dùng phương tiện. Đầu tiên chia ra hai quyền sau chỉ một thật. Gọi chung là mở bày pháp ba thừa.

■

HUYỀN TÁN KINH PHÁP MẦU LIÊN HOA

QUYỂN 4

PHẦN CUỐI

- Kinh: “Tất cả chư Thế Tôn cho đến chỉ một không hai thừa...”.

- Tán: Phần thứ năm, bảy mươi hàng rưỡi tụng nghĩa thứ năm y pháp của văn xuôi trên. Đây chia ra ba phần nhỏ:

- Một hàng rưỡi tụng về pháp của Chư Phật mười phương.
- Ba mươi tám hàng rưỡi tụng pháp của Chư Phật ba đời.
- Ba mươi hàng rưỡi tụng “chúng ta cũng như thế”.

Đã nói chỉ một thừa không có hai thừa, vì sao nói phá ba để về một.

- Kinh: “Quá khứ vô số kiếp cho đến Số nhiều không thể lường”

- Tán: Trở xuống ba mươi tám hàng rưỡi là tụng pháp của Chư Phật ba đời.

Trong đây chia làm ba: Hai mươi bảy hàng rưỡi đầu tụng về quá khứ, sáu hàng rưỡi kế tụng về vị lai, bốn hàng rưỡi cuối tụng về hiện tại.

Hai mươi bảy hàng rưỡi lại chia hai: Bốn hàng rưỡi tụng về Phật nói pháp đầu quyền sau thật. Hai mươi ba hàng sau tụng chúng sanh nghe pháp đều rốt ráo đắc Nhất thiết chủng trí.

Bốn hàng rưỡi đầu nói có bốn ý:

- Phật nhiều.
- Khai quyền.
- Hiển thật.
- Giải thích ý khai quyền hiển thật ở đây là ý đầu.

- Kinh: “Như thế các Thế Tôn cho đến giảng nói các pháp tướng”.

- Tán: Đầu tiên là khai quyền.

- Kinh: “Các Đức Thế Tôn ấy cho đến Khiến nhập vào Phật đạo”.

- Tán: Hiển bày về thật.

- Kinh: “Lại các đại Thánh chủ cho đến giúp hiển đệ nhất nghĩa.”

- Tán: Giải thích nghĩa bỏ quyền bày thật. Biết chúng sanh chưa thể tu học ngay Nhất thừa giáo biết căn, dục nên đầu tiên dùng quyền phương tiện để giúp hiển bày Nhất thừa, sau khiến cho nhập vào thật. Lại căn tánh Bồ-tát có hai: Một là tánh bất định; hai là định tánh. Tánh bất định thì trước quyền sau thật, mở rộng pháp Nhất thừa. Hai hàng tụng trước và định tánh nói về đốn giáo Nhất thừa. Hàng tụng này nghĩa là biết tâm chúng sanh tâm tánh đốn ngộ dùng phương tiện khác mà không từ quyền đến thật để giúp hiển Nhất thừa. Nhất thừa đó là Bậc nhất nghĩa chân như, ban đầu Ba thừa sau nói một Phật thừa là phương tiện quyền thật, đốn nói Nhất thừa nên gọi là phương tiện khác.

- Kinh: “Nếu có các chúng sanh cho đến đều đã thành Phật đạo”.

- Tán: Trở xuống hai mươi ba hàng tụng về chúng sanh nghe pháp rốt ráo đều đắc Nhất thiết chủng trí: có ba: Hai hàng tụng đầu là Phật ở đời; hai mươi hàng kế là tụng sau khi Phật diệt độ; một hàng cuối là kết.

- Phàm gặp Phật nghe pháp, tu sáu độ bốn nhiếp, vô lượng v.v... gọi là các thứ phước đức. Tu nhân Phật hành Bồ-tát hạnh, nên đều đã thành đạo.

- Kinh: “Các Phật diệt độ rồi... đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Hai mươi hàng tụng, sau khi Phật diệt độ. Đây chia làm năm: Một hàng tụng từ tâm; bốn hàng rưỡi tụng xây tháp; sáu hàng rưỡi tụng về xây tượng; bảy hàng tụng cúng dường; một hàng tụng khen Phật. Có thiện mà cương cường chẳng phải Bồ-tát. Tâm mềm mỏng chẳng phải thiện cũng chẳng phải là Bồ-tát, cần thiện mà nhu nhuyễn mới là tâm Bồ-tát. Thuận với lý, làm lợi ích chúng sanh rất mềm mỏng nên đã thành Phật đạo, gieo trồng nhân Phật. Văn sau lại y cứ vào Phật diệt độ, sau hành các hạnh khó nên là biệt hạnh, chẳng phải Phật tại thế làm các hành này, cũng chẳng phải nhân Phật ở đời mà dễ tu. Y theo sáu độ trên thì hành sau khi Phật diệt độ là hành chung, nên cũng thành Phật đạo.

- Kinh: “Các Phật diệt độ rồi cho đến Trang nghiêm các tháp.”

- Tán: Bốn hàng rưỡi tụng xây tháp mà thành Phật. Đây chia làm hai: Bốn hàng đầu tụng xây tháp, nửa hàng sau tụng kết.

Bài đầu chia làm ba: Hai hàng đầu tụng xây tháp, số nhiều là chỉ tám trân nghiêm chỉnh: Một hàng tụng lấy chín vật làm tháp. Một hàng tụng sau cho đến chơi giỡn là lấy vật kém làm tháp.

Trong luận Phật Địa nói bảy báu không có mai khôi, nhưng lưu ly khác với các thứ châu báu. Châu là xích chân châu. Nay nếu dùng lưu ly làm chân châu tức là bảy báu. Nếu không thì thành ra tám báu. Lưu ly và chân châu có khác, pha lê phần nhiều là mầu trắng hồng, xa cừ thì xanh trắng. Mã não có nhiều màu, hoặc thuần trắng hoặc thuần xanh vàng, hoặc nhiều màu ở giữa. Mai khôi thì màu đỏ. Trong nói văn nói lửa cũng đồng với châu. Đá đẹp gọi là mai, tròn thì gọi là khôi. Các thứ khác cũng có thể biết. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm Phật bảo Tỳ-kheo. Nay ta sẽ nói bốn thứ phước được sanh lên cõi trời phạm:

1. Nếu có người thiện nam tín tâm chưa từng xây tháp mà có thể xây tháp.

2. Tu sửa chùa.

3. Hòa hợp Thánh chúng.

4. Khi Phật mới thành đạo, các trời, người thỉnh xoay bánh xe pháp. Đó gọi là bốn thứ phước được sanh lên cõi trời phạm.

Tỳ-kheo bạch Phật:

Phước Phạm lượng bao nhiêu? Phật bảo: Gom hết phước đức vốn có của bốn thiên hạ và sáu tầng trời Lục dục, cũng không bằng phước của một Phạm Vương. Cho nên khuyên xây tháp để đắc được Bồ-đề.

- Kinh: “Hoặc có xây miếu đá cho đến gạch ngói đến bùn đất.”

- Tán: Đây là hàng tụng dùng chín vật làm tháp. Miếu đá là nhà thờ Phật làm bằng đá. Xưa gọi là Chi-đề. Nay gọi là Chế-đa, Hán dịch là Linh miếu, lẽ ra gọi là Miếu tức Miếu mạo. Trong Bạch Hổ Thông Ngọc Thiên chép: Tôn mạo của các vị Tiên Tổ ở tại đó nên gọi là Miếu. Gỗ cây mật là loại cây rừng có hương. Trong Thiết Vận gọi là ốt. Ngọc Thiên gọi là Mật giống như cây hòe, hương thơm rất mạnh, chặt để năm năm mới dùng. Nếu nghiền thành hương thì thật lâu mùi thơm mới bay ra.

- Kinh: “Nếu ở chỗ hoang vắng cho đến Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Bốn câu đầu tụng lấy vật xấu làm tháp, hai câu sau kết luận.

Luận chép: Gom cát làm tháp Phật cũng thành Phật đạo. Nghĩa là người phát tâm Bồ-đề thực hành Bồ-tát hạnh, làm những vật bằng gốc lành thì có thể chứng Bồ-đề. Chẳng phải như phàm phu và Thanh văn

chủng tánh chắc chắn là sở đắc của người chưa phát tâm Bồ-đề. Như thế từ văn trên cho đến cuối nói vẫy tay, cúi đầu... cũng đều như vậy.

- Kinh: “Nếu như người vì Phật cho đến Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Sáu hàng rưỡi tụng về tạo tượng Phật. Trong đây chia hai: Năm hàng tụng nói tạo tượng một hàng rưỡi tụng là kết.

Năm hàng đầu chia làm bốn: Một hàng tụng về điêu khắc tượng, hai hàng tụng về dùng mười vật trang sức, một hàng tụng về vẽ tượng Phật, một hàng tụng về vui vẻ làm.

Nói làm tượng Phật chẳng phải làm tượng khác, nên nói vì Phật. Vì cầu thành Phật, vì tâm kính Phật, nên gọi là vì Phật. Lại nói vì Phật mà tạo ra các bức tượng, vì muốn trang nghiêm Phật nên gọi là vì Phật. Như kinh Công Đức Tạo Tượng nói có mười một thứ quả:

1) Đời đời sanh ra mắt trong sáng , gương mặt khôi ngô, xinh đẹp.

2) Sanh ở chỗ không có điều ác.

3) Thường sanh vào nhà giàu sang.

4) Thân sáng đẹp như kim sắc.

5) Thường được đồ châu báu quý giá.

6) Sanh vào nhà hiền thiện.

7) Đời sau làm vua hoặc trong dòng tôn quý nhất của vua.

8) Làm Kim luân hóa vương.

9) Làm Phạm thiên tuổi thọ một kiếp.

10) Không theo đường ác.

11) Trong đời sau, lại tôn trọng Tam bảo.

Thích cầm đồ vật mầu nhiệm, lại tạo ra công đức.

- Kinh: Hoặc do bảy báu thành cho đến Đều đã thành Phật đạo.

- Tán: Đây là hai hàng tụng về dùng mười vật trạng sức để tạo tượng.

- Kinh: “Họa vẽ tạo Phật tướng... Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Đây là hàng tụng về họa Phật.

- Kinh: “Những hạng người như thế cho đến Độ thoát vô lượng chúng.”

- Tán: Đây là phần kết.

Người có đầy đủ tâm đại bi, hễ khi làm việc thiện thì có tâm từ bi mới thành tựu đến bờ kia, nên nói thành Phật.

- Kinh: “Như người nơi tháp miếu cho đến Kính tâm mà cúng dường.”

- Tán: Có bảy hàng tụng nói pháp cúng dường, phần này có hai:

1. Năm hàng rưỡi tụng về cúng dường.

2. Một hàng rưỡi tụng về kết.

Trong phần một có năm:

- Một hàng tụng về bốn vật cúng dường.

Một hàng rưỡi tụng về âm nhạc cúng dường.

Một hàng tụng về ca nhạc cúng dường.

Một hàng tụng về hoa cúng dường.

Một hàng tụng thân nghiệp hành kính cúng dường, đây là phần đầu.

Kinh Phát Tâm Bồ-đề chép: Nếu dâng hoa cúng dường thì được hoa bảy giác. Đem hương cúng dường thì được hương năm phần pháp thân. Dùng phướn cúng dường thì đắc Đà-la-ni, chuyển được điều ác. Dùng long báu cúng dường thì được bốn vô lượng che chở chúng sanh.

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói mỗi thứ được mười đức.

- Kinh: "Hoặc sai người trổi nhạc cho đến đều mang ra cúng dường."

- Tán: Đây là dùng âm nhạc để cúng dường. Trong Thuyết văn chung là năm thanh tám âm. Trong lễ ký nói Vi Thích Vũ Mao gọi là nhạc. Trịnh Huyền nói Bát âm khắc giai gọi là nhạc, là cổ động, là tiếng kêu, hễ xuất âm thì gọi là cổ, nay dùng cây bọc da vang tiếng tức là tiếng kêu. Giác là khúc hình giống như sừng. Cụ là loa.

Trong kinh Niết bàn chép: Thổi loa biết thời là loại ống sáo. Ngọc thiên thì dùng ống sáo thổi, lại gọi là tiêu. Địch gồm có bảy lỗ, quen gọi là trực. Kính như cái linh mà lớn hơn. Trong ngọc thiên gọi là Tiểu chính.

Trong quân pháp mười trường thì cầm nạo năm người là một ngũ.

Năm ngũ là hai mươi lăm người là lưỡng (hai), Lưỡng Tư Mã thì cầm đạt.

Trong kinh Phát Bồ-đề Tâm nói:

- Âm nhạc, nữ sắc không đem cúng dường vì làm loạn chúng sanh, nay đem cúng dường Phật thì không trái. Như trong Kim tạng có âm nhạc cúng dường.

- Kinh: "Hoặc dùng tâm vui mừng cho đến Đều đã thành Phật đạo."

- Tán: Đây dùng ca xướng để cúng dường nên đắc phạm âm thanh Đại sĩ. Tiếng Phạn gọi là Bà trắc, Hán dịch là khen ngợi. Trần tư lên núi Ngư nghe Nham Tụ tụng kinh, âm thanh vang xa ra ngoài hang động.

Ông bèn nghĩ: Âm thanh này nên chế ra phạm bối.

Cho nên nay quen gọi là Ngư phạm, ngầm hợp với ba khế bảy thanh ở Tây Vực, âm thanh lại vang rất xa.

- Kinh: Nếu người tâm tán loạn cho đến dần thấy vô số Phật.

- Tán: Đây dùng hoa để cúng dường. Vì sao lại khác với cúng hoa ở bốn việc trước? Vì chuyên thiện tâm, đây dùng tán tâm, cho nên không trái, lược nói là cúng dường vẽ tượng, cúng dường tượng khác cũng được.

- Kinh: “Hoặc có người lễ bái cho đến Hoặc chỉ hơi cúi đầu...”

- Tán: Đây là nói thực hành thân nghiệp cúng dường. Trên dùng ca xướng là ngữ nghiệp có thể phát tâm tức là ý nghiệp. Ngoài ra đều là cúng dường ngoại tài thực, hành ba nghiệp cúng dường.

- Kinh: “Lấy đây cúng dường tượng cho đến như củi hết lửa tắt.”

- Tán: Kết thực thành tựu việc cúng dường.

- Kinh: “Nếu người tâm tán loạn cho đến. Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Ở đây khen Phật thành Phật tạm nêu ra một lần khen ngợi, còn được thành Phật huống chi là nhiều lần xưng, như kinh Dược Vương Dược Thượng chép:

- Ta thường khen ngợi năm mươi ba danh hiệu Phật, nay được thành Phật tức là việc này.

- Kinh: “Đối các Phật quá khứ cho đến Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Tụng nói: Chúng sanh nghe pháp đắc chủng trí, đây phần kết thành Phật đạo thứ ba.

- Kinh: “Các Thế Tôn vị lai cho đến cũng phương tiện nói pháp.”

- Tán: Sáu hàng tụng rưỡi tụng về pháp vị lai, chia ra làm hai:

a. Ba hàng rưỡi đầu nêu ra đồng với nay nói.

b. Ba hàng tụng sau giải thích lại nghĩa trước.

Trong phần đầu có ba ý:

- Một hàng tụng đồng là phương tiện trước.

- Một hàng rưỡi nêu sau thành tựu nói pháp thật.

- Một hàng giải thích lý do trước.

- Kinh: “Tất cả chư Như lai... chẳng ai không thành Phật.”

- Tán: Đây tụng, nêu sau thành nói pháp thật. Nay người nghe pháp đều được thành Phật. Phật và chúng sanh hợp lại nói.

- Kinh: “Các Phật vốn thệ nguyện cho đến Cũng đồng đắc đạo này.”

- Tán: Giải thích lý do trước là do bổn nguyện.

- Kinh: “Các Thế Tôn vị lai cho đến thật vì Nhất thừa.

- Tán: Ba hàng tụng sau giải thích lại nghĩa trước. Có hai: Một hàng tụng nói phương tiện đều là Nhất thừa; hai hàng tụng sau nói: Ngộ ba tánh các pháp hướng về cho nên như thế.

- Kinh: Các Phật lưỡng túc tôn cho đến Đạo sư phương tiện nói.”

- Tán: Ngộ được ba tánh, các pháp đều quy hướng về. Cho nên đầu tiên nói quyền, sau mới nói Nhất thừa. Diệu lý chân như thể tánh vốn thường trụ. Phật có thể chứng biết. Biến kế sở chấp sanh ra ngã pháp, thể tánh vốn là không. Phật chứng lý vô ngã, cho nên cũng biết đây chẳng phải là phàm chấp luống dối, hạt giống Phật do duyên mà khởi lên, hạt giống báo Phật y tha vô lậu do duyên mà sanh ra. Từ duyên mà khởi ra nhân tu tập. Do chứng chân lý mà dứt tâm năng chấp nhiễm phần y tha, biết sở chấp là không. Từ nhân duyên y tha của phần tịnh mà tu hạt giống Phật đó là Nhất thừa. Vì sao Nhất thừa lại hiển rõ thường pháp tức là viên thành thật? Vì pháp trụ vị pháp đó là chân như trụ trong các pháp. Thể tánh thường có gọi là pháp trụ, pháp thì có nhiễm tịnh, lìa nhiễm được tịnh, phân vị rõ ràng gọi là vị pháp. Tướng là bổn thể thể tánh thế gian. Tức là thật tánh thường trụ chân như, là thể của Nhất thừa. Ngồi trong tòa đạo tràng Kim cương, biết tánh bản thể của các pháp rồi, ở trong pháp không có danh tướng đó, đấng Đạo sư phương tiện dùng danh tướng nói trong tất cả pháp lược có hai thứ: Một là không hai là hữu. Không thì chẳng có khác nhau lập chung một tánh gọi là Biến kế sở chấp. Hữu pháp có sai khác chia ra hai: Thường và vô thường.

Thường gọi là tánh viên thành thật. Vô thường là tánh y tha khởi.

Tánh y tha khởi lại chia ra làm hai: Hữu lậu và Vô lậu.

Hữu lậu làm tánh y tha khởi. Vô lậu làm tánh viên thành thật. Nay dựa vào trước nói vô thường là y tha. Y tha hữu lậu cần phải trừ đoạn. Trong đó chỉ giữ tịnh phần y tha vô lậu vô thường, rốt ráo mãn vị mà thành tựu Bồ-đề. Cho nên nói Hạt giống Phật từ duyên mà khởi lên. Ý hiển bày năng chứng lý vô ngã thường trụ pháp tánh chân như, bèn có rõ biết hai ngã là không. Nương theo bạn lành mà tu tập trí tuệ. Từ pháp duyên khởi mà Bồ-đề giác tròn đầy, vì chứng diệu lý chân như Nhất thừa. Diệu lý tức là pháp trụ vị pháp, tướng thế gian thường trụ.

Kinh Đại Bát Niết-bàn chép: “Phật ở trong đạo tràng đã chứng biết rồi, nay vì chúng sanh dùng phương tiện nói khiến cho ưa thích tu chứng. Nay y tha này tức là Bồ-đề. Viên thành tức là Niết-bàn, họp thành nhất thừa. Viên thành cao quý nên gọi là Nhất thừa. Do dứt hữu

lậu tánh y tha khởi dứt trừ Biến kế sở chấp mà chứng hai quả này. Bởi rõ được y tha tánh sở chấp cho nên đầu tiên Phật nói A-hàm, kế đến nói Bát-nhã. Thuần là giáo hữu, không gọi là phương tiện. Nay cả ba đều nói nên gọi là chân thật. Nghĩa của ba tánh như trong chương khác có nói:

- Kinh: "Trời, người người cúng dường cho đến Cũng nói pháp như thế."

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng rưỡi, là tụng về hiện tại, lại chia làm ba: Một hàng rưỡi là nêu; một hàng bỏ quyền bày thật; hai hàng nói về ý, đây là phần đầu.

- Kinh: "Biết vắng lặng bậc nhất cho đến Thật sự vì Nhất thừa".

- Tán: Đầu tiên này bỏ quyền, sau lại nói thật.

- Kinh: "Biết các hạnh chúng sanh cho đến Tùy ứng nói phương tiện".

- Tán: Đây ý nêu đầu tiên dùng quyền sau nói thật.

- Các hạnh chúng sanh là câu hành tướng chung của tâm. Phần dưới là câu nói chi tiết hoặc là thắng giải, tâm sở niệm đó là Biến thú hành. Nghiệp lực là tự nghiệp. Dục lực nghĩa là thắng giải. Tánh lực là các thứ giới. Tinh tấn lực là xứ phi xứ v.v... Hoặc tinh tấn cho đến. thể tức là tánh lực. Vì thể chủng tánh tức là ngũ căn, chữ lực ở dưới quán thông ở trên. Căn lợi độn đó là căn hơn, kém đó. Phật có trí lực này nên có thể biết, cho nên đầu tiên nói quyền, sau trở lại nói thật. Phật trong đời vị lai do ngộ ba tánh. Hiện tại nay Phật biết được tâm chúng sanh. Cả hai bày rõ lẫn nhau nên đầu tiên lập bày phương tiện, sau mới nói chân thật.

- Kinh: "Nay ta cũng như thế cho đến Đều khiến được vui mừng."

- Tán: Ba mươi hàng rưỡi tụng nói ta cũng như thế là đồng với trước đức Thích-ca. Chia làm hai: Hai hàng tụng đầu là nêu ra, hai mươi tám hàng rưỡi tụng rộng giải thích.

Đầu tiên là tụng nay thật, sau là tụng quyền trước kia, đều khiến vui mừng dẫn nhập vào đạo.

- Kinh: "Xá-lợi-phất nên biết cho đến nghèo cùng không phước đức..."

- Tán: Đây là phần rộng giải thích, chia làm hai: Hai mươi mốthàng rưỡi tụng đầu tiên dùng ba thừa phương tiện dẫn dụ, tức trong văn xuôi nói: Biết tất cả chúng sanh có các thứ tâm ưa muốn chấp trước sâu xa, tùy theo bổn tánh chúng sanh mà dùng các thứ năng lực phương tiện

nhân duyên thí dụ ngôn từ mà vì nói pháp. Phần sau có bảy hàng tụng nói nay chân thật. Tức trong văn xuôi nói: Như thế nói đều vì đắc Nhất thiết chủng trí Nhất Phật thừa. Tức là tụng nghĩa đầu quyền sau thật. Hai mươi mốt hàng rưỡi đầu làm bốn phần: Ba hàng rưỡi đầu thấy các nguy nan ở nơi chúng sanh. Ba hàng kế tụng về suy nghĩ cứu không thể được, mười một hàng rưỡi tụng thỉnh cầu Phật lập bày phương tiện, ba hàng rưỡi tụng chánh nói Ba thừa giáo hóa. Trong phần đầu có hai:

Một hàng tụng không có thiện. Hai hàng rưỡi tụng có ác.

Kinh Bát nhã nói Phật có năm:

1. Mắt thịt: Chẳng phải do tu định sanh ra mà do bốn đại tạo. Hoặc trưởng, dưỡng hoặc là dị thục, tịnh sắc làm tánh.

2. Mắt trời: Đoạn ở chướng định do tu tập khởi lên, chỉ là trưởng dưỡng. Do tứ đại tạo ra, lấy tịnh sắc làm tánh.

3. Mắt pháp: Quán sự có tuệ.

4. Mắt tuệ: Quán lý tuệ không.

5. Mắt Phật: do chứa nhóm mà quả viên thành.

Lấy bốn cái trước làm thể, ngài Long Thọ giải thích: Như bốn dòng sông lớn lưu chảy đến thiên trì gọi chung là Đại hải. Như thế bốn thứ mắt lưu đến Quả Phật thông gọi là Mắt Phật, hai nhãn đầu thể sắc, hai nhãn tiếp thể trí. Một nhãn sau cùng thông cả hai. Lại nói người có mắt thịt, trời có mắt trời, Nhị thừa có mắt tuệ, Bồ-tát có mắt pháp Phật có Mắt Phật. Do đây mà nói là năm. Du-già quyển mười bốn nói có ba nhãn:

1. Mắt thịt: Năng chiếu sắc hiển bày không chướng ngại.

2. Mắt trời: Năng chiếu sắc ẩn hiện có chướng và không chướng.

3. Mắt tuệ: Năng chiếu tất cả loại hoặc sắc phi sắc.

Mắt pháp thuộc thể tuệ hợp với tuệ là một, không đồng với cảnh sắc nhãn có ẩn hiện. Cho nên lược qua không nói. Mắt Phật tức là bốn thứ mắt trước. Hoặc nói về nhân chẳng phải quả nên cũng không nói. Kinh Hoa Nghiêm nói có mười thứ nhãn:

1) Mắt thịt: Thấy tất cả sắc.

2) Mắt trời: Thấy chư chúng sanh các căn khác nhau.

3) Mắt tuệ: Thấy chư chúng sanh các căn khác nhau.

4) Mắt pháp: Thấy Bậc nhất nghĩa của tất cả pháp.

5) Mắt Phật: Thấy mười lực của Phật.

6) Mắt trí: Phân biệt, biết rõ tất cả pháp.

7) Ánh sáng nhãn: Thấy ánh ánh sáng của tất cả Phật.

8) Xuất sanh tử nhãn: Mắt ra khỏi sanh tử thấy pháp Niết-bàn.

9) Vô ngại nhãn: Thấy tất cả pháp không có chướng ngại.

10) Mắt trùm khắp: Thấy pháp môn bình đẳng trong pháp giới.

Trong mười nghĩa này nghĩa thứ nhất đây là nghĩa thứ nhất thấy các sắc của năm nhãn trước, thứ hai ở đây là nghĩa thứ hai ở trước, nghĩa thứ ba, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ chín ở đây là mắt pháp ở trước, thứ tư thứ tám ở đây là mắt tuệ trước, thấy được chân đế. Hoặc thứ tư, thứ tám, thứ chín ở đây là mắt tuệ trước đều thấy lý. Thứ mười mắt trùm khắp là Mắt Phật trước, khắp thấy tánh bình đẳng trong pháp giới.

- Dùng Mắt Phật quán đó là trong năm thứ mắt dùng Mắt Phật quán Mắt Phật trong nghĩa mười thứ thì không thấy chúng sanh mà thấy mười lực. Sáu đường chúng sanh từ vô thỉ không tu hai nhân phước tuệ, chưa đạt được bảy Thánh tài và bảy pháp tài trời, người. Nghĩa là thí giới, nhẫn, cần, định, tuệ, phương tiện nên nói không phước tuệ.

- Kinh: "Vào sanh tử hiểm nạn cho đến Vô minh không thể thấy".

- Tán: Hai hàng rưỡi tụng về có ác. Đây có hai phần:

- Một hàng tụng rưỡi: Hiện khổ đắm chìm, phiền não thêm lớn.

- Một hàng tụng sau cầu xuất yếu mà hành tà hành. Thế gian loài trâu mao do tự yêu thích đuôi mình, giữ gìn đuôi. Người tham đuôi bèn giết nó. Chúng sanh cũng vậy, tham đắm năm dục giấu để thân mình, bèn do tham ái mà tự làm hủy hoại, rồi đọa vào đường ác. Có bổn nói: Tự che không phải nghĩa tự hoại. Như trâu mao mến đuôi, che lấp tâm chúng dẫn đến bỏ mạng. Chúng sanh cũng vậy. Tham ái che đậy tâm. Có bổn nói là miêu (mèo) nhưng không biết xuất xứ từ đâu.

- Kinh: Không cầu đại thế Phật cho đến lấy khổ muốn bỏ khổ.

- Tán: Vì cầu xuất ly mà hành tà hạnh. Phật có uy thế thần thông và dùng trí tuệ dứt trừ hết khổ mà không cầu hướng trái lại rơi vào lưới kiến chấp của ngoại đạo kiến, thân hành khổ hạnh để xả khổ sanh tử. Đây là chưa thể. Cho nên trải qua sáu năm khổ hạnh ngày ăn hạt mè còn không chứng được Bồ-đề. Ngồi nằm trên cỏ gai làm sao đắc đạo quả. Như chó đuổi theo cục đất, bị đất ném lại càng nhiều, đâu đồng như sư tử đuổi theo người.

- Kinh: "Vì tất cả chúng sanh cho đến Mà khởi tâm đại bi".

- Tán: Ba hàng tụng suy nghĩ cứu không được. Lại chia làm ba: Nửa hàng suy nghĩ khởi nhân hành. Một hàng tụng đắc quả rồi suy nghĩ. Một hàng rưỡi suy nghĩ cứu không được. Thấy chúng sanh có hai duyên này bèn khởi tâm từ bi, phát tâm tu hành suy nghĩ sẽ cứu.

- Kinh: "Ta xưa ngồi đạo tràng... suy nghĩ việc như thế.

- Tán: Đắc quả rồi Phật lại nghĩ.

Phật thành đạo rồi kinh hành dưới gốc cây. Quán cây vui mừng đạo của mình viên thành. Kinh hành tư duy vì lợi ích chúng sanh. Lại quán cây mà tâm ngưng nơi diệu lý. Kinh hành suy tưởng hóa độ chúng sanh. Lại quán cây tưởng che chở tứ sanh. Kinh hành tư duy thí phước tuệ. Các kinh nói sau khi Phật thành đạo rồi nói pháp về thời gian mỗi mỗi không đồng. Đây nói hai mươi mốt ngày, luật Di-sa-tắt Tam-muội nói bảy ngày, cũng đồng với kinh Mười Địa, bảy ngày không nói pháp là biểu hiện tự thọ pháp lạc, vì muốn chúng sanh tăng sự ái kính. Luật và Tát-bà đa truyện nói bốn mươi hai ngày Phật mới nói pháp. Các Phạm thiên đến thỉnh. Các vị Kiều-trần-như căn cơ mới thuần thục. Lại có nói nói: Sau hạ an cư Phật mới độ năm người. Kinh Mười nhị. Do nói sau thành đạo hai năm Phật mới độ năm người.

Luận Trí Độ chép: Nói năm hoặc mười tuần Phật không nói pháp đây đều là do các bộ nghi kiến không đồng, chưa thể hòa hợp.

Nhưng nay giải thích: Đại thừa lấy Pháp Hoa làm chánh. Đây nói thông hành pháp luân bốn đế cho nên nói là hai mươi mốt ngày. Nếu chỉ nói pháp luân Đại thừa thì luận Mười địa nói là đúng, vì ngày thứ mười bốn Phật nói Mười Địa.

- Kinh: Trí lực ta đã được... Làm sao mà độ được.

- Tán: Suy nghĩ cứu không được. Đây có bốn nguyên nhân:

- Pháp sâu xa khó hiểu.

- Căn độn khó cứu.

- Đắm trước lạc thú khó bỏ. Làm sao có thể độ.

- Si ám khó ngộ.

- Kinh: "Bây giờ các Phạm vương cho đến Thỉnh ta xoay bánh xe pháp"

- Tán: Mười một hàng tụng rưỡi: Thỉnh Phật suy nghĩ lại mà lập phương tiện. Đây có bốn:

- Hai hàng đầu tụng các vị trời thỉnh nói pháp.

- Ba hàng tụng: Thị hiện tướng tư duy.

- Bốn hàng rưỡi giáo hóa gặp duyên tốt: Hai hàng tụng sau suy nghĩ nên tùy theo mà quyền dẫn dụ. Phần đầu nói Trời Đại tự tại, cõi sắc thiên thỉnh. Nay đối với pháp Ba thừa vốn như thế, nên nói pháp đều đợi thỉnh.

Trí Độ luận chép: Bấy giờ trời Tịnh Cư Thiên khuyên Thái tử xuất gia. Tứ thiên vương dâng bát. Đế Thích dâng bảo tọa, Phạm vương thỉnh

xoay bánh xe pháp. Đầu tiên Phật không hứa, Phạm vương nói có ba căn nên lại càng cầu thỉnh ân cần. Phật mới ưng thuận, trước nói pháp Ba thừa. Thắng thiên vương trong Bát-nhã nói: Tứ thiên vương dâng Bát. Thiên Đế Thích cúng tòa. Phật liền thọ lấy. Các vị Thiên vương thấy Phật thọ thì đều phát thắng tâm. Nhưng văn kinh dưới nói: Đức Phật Đại Thông Trí Thắng chỉ có nói Phạm vương thỉnh. Đây nói thông cả chư thiên, nên tiêu biểu một vị trời tối thắng, không phải không có các vị trời khác vậy.

- Kinh: "Ta liền tự tư duy... Mau nhập vào Niết-bàn".

- Tán: Ba hàng tụng chỉ về tướng tư duy: Hai hàng đầu tụng nói pháp Đại thừa thì chúng sanh có tổn hại. Một hàng sau nói cả Ba thừa, chúng sanh có lợi ích.

Vì các chúng sanh ở thế tục hiện đều trong cảnh khổ, người xuất tục lại càng tu khổ hạnh, không rảnh tin liền pháp Đại thừa. Nếu vì họ nói, trái lại sanh lòng chê bai, nghi hoặc phá hoại, thoát sanh bất tín mà đọa vào đường ác. Người thế tục lại đắm chìm trong cảnh khổ không tin sự xuất gia nên phá pháp không tin. Đã có sự tổn hại đó nên Phật thà không nói pháp mà mau nhập Niết-bàn! Đâu thể lại gây tổn hại cho chúng sanh! Đây đồng với Đại Trí độ luận chép suy nghĩ đầu của Phật

- Kinh: "Tìm nhớ quá khứ Phật cho đến Cũng nên nói Ba thừa."

- Tán: Nên nói pháp Ba thừa, chúng sanh sẽ có ích lợi cũng đồng với Chư Phật ở quá khứ.

Đây cũng giống như trong Trí Độ luận, nói thỉnh lần thứ hai rồi Phật mới hứa.

- Kinh: Lúc Phật nghĩ như thế... Mà dùng phương tiện lực..."

- Tán: Có bốn hàng tụng rưỡi. Hóa độ gặp duyên lành có ba phần: Một hàng rưỡi Phật hiện tại tán dương. Nửa hàng kế khuyên đồng như Chư Phật. Hai hàng sau dẫn bản thân làm chứng đầu tiên nói quyền, sau nêu pháp thật.

Mười phương Phật hiện ra khen ngợi Phật Thích Ca, xưng là Thiện (tốt). Khen là bậc nhất sư đắc pháp vô thượng. Khuyên nên tùy theo Chư Phật mà nói pháp thứcền trước rồi sau mới nói pháp thật.

Thích-ca tánh là năng. Mâu-ni hiệu là Tịch. Nay văn này lược nói như lời dạy bảo. Pháp "như vậy" tùy hỷ đều gọi là Thiện tai!

- Kinh: "Chúng ta cũng đều đắc... Phân biệt nói ba thừa..."

- Tán: Hai hàng tụng rưỡi dẫn bản thân làm chứng. Sau nói pháp thật, trước nói pháp thứcền. Chia ba phần: Một hàng tụng bản thân làm chứng; một hàng tụng giải thích lý do; nửa hàng tụng kết trở về pháp

chân thật. Đây dẫn việc đã qua, ngay thời đầu các Đức Phật đều nói pháp Ba thừa.

- Kinh: "Thiểu trí ưa pháp nhỏ... chỉ vì giáo Bồ-tát."

- Tán: Đây giải thích lý do và kết trở pháp chân thật. Vì người bất định nên mới bắt đầu ở chúng phàm phu trí nhỏ vui pháp Tiểu thừa mà không cầu ý Đại thừa, không tin tự mình có thể làm Phật. Đầu tiên nói Ba thừa, tuy ban đầu nói quyền mà sau tất là chân thật. Đây chỉ giáo hóa chúng Bồ-tát.

- Kinh: "Xá-lợi-phất nên biết cho đến. Ta cũng thuận làm theo".

- Tán: Hai hàng tụng: Nghĩ nên theo quyền mà dẫn dụ. Gồm có:

Một hàng tụng nghe các Phật, khen ngợi kính trọng.

Một hàng tụng suy nghĩ nên thuận theo hạnh của Chư Phật.

Có bổn gọi là "Xưng Nam mô Chư Phật" ứng vui mừng xưng làm chánh. Chánh gọi là Nạp-mộ. Cũng gọi là Nạp-mạc, Hán dịch là kính lễ. Hoặc nói là Bạn Đàm, hoặc gọi là Bạn Đề. Đây gọi là lễ bái. Cựu dịch Hòa Nam là sai.

- Kinh: "Lại nghĩ như thế này cho đến. Ta cũng thuận làm theo".

- Tán: Đây là thuận theo hạnh của Chư Phật. Đã gặp duyên lành khuyên ta nên quyền hóa. Phật tư duy chúng sanh nơi kiếp trược, cũng nên thuận theo hạnh kia.

- Kinh: "Tư duy việc này rồi cho đến. Vì năm Tỳ-kheo nói..."

- Tán: Ba hàng tụng rưỡi chánh nói pháp Ba thừa. Nói về giáo hóa chia làm ba phần:

- Một hàng tụng rưỡi nói việc quyền hóa.

- Một hàng tụng Tam bảo hưng khởi

- Một hàng tụng hội thành tựa xưa và nay. Tiếng Phạn là Ba-la-ni-tư, Hán dịch Ba-la-nại là sai. Nước này nằm ở Trung Ấn Độ. Xưa nơi này có hai bày nai, mỗi bầy hơn năm trăm con. Phật làm Nai đầu đàn của một bầy. Đề-bà-đạt-đa làm vua một bầy. Bấy giờ vua nước này đi ngao du sơn trạch Bồ-tát Nai đầu đàn trước đã xin với vua: Đại vương săn bắn ở cánh rừng này, dùng tên độc giết hết bầy nai này, đem thịt về để lâu hư thúi sẽ không ăn được. Vậy để chúng tôi mỗi ngày đến nạp thịt cho vua một con. Vua có thịt mới dùng mà mạng bày nai này khéo dài và sanh trưởng thêm ra.

Vua nghe nói phải, liền lui trở về cung. Hai bầy vui theo thứ lớp đi nạp thịt. Trong bầy của Đề-bà có con nai mẹ đang mang thai đến lúc phải chịu chết, nên đến thưa với Nai đầu đàn: Thân tôi chịu chết, nhưng đứa con trong bụng chưa đến lúc. Xin Đại vương cho thay thế để tôi

sanh nở xong sẽ đi.

Nai đầu đàn nổi giận: Ai không biết bảo trọng mạng sống mà chịu thay ngươi? Lộc mẹ than: Vua ta bất nhân sẽ chết bất đắc kỳ tử?

- Rồi chạy nhanh đến thưa với Bồ-tát. Bồ-tát Nai đầu đàn nói: Thương thay từ mẫu, ta sẽ thay thế ngươi.

Nai đầu đàn bèn đi đến cung vua. Người trên đường truyền nhau nói: Nai đầu đàn hôm nay đi vào thành. Nhân dân sĩ thứ cùng kéo ra xem. Vua nghe cũng nghĩ là không thật. Khi người giữ cửa vào thưa lại vua mới tin. Vua hỏi: Nai đầu đàn sau lại đến đây?

Nai đầu đàn thưa: Có nai mẹ đến lúc phải đi nạp thịt, nhưng thương đứa con còn mang trong bụng nên không nỡ đi. Nên tôi thế mạng đến đây.

Vua nghe than: Như ta là người mà không có lòng từ dưỡng như loài nai.

Rồi vua truyền lệnh tha cho bầy nai không đến nạp thịt nữa. Nhân đây mà gọi khu này là Lộc uyển (Lộc dã).

Thái tử Tát-pha-kiệt-tha-tát-đà sau khi vượt thành trở về liền vào rừng ẩn tu, quên thân cầu đạo. Vua Tịnh Phạn nói với ba vị tộc gia và hai người bên họ cậu: Con ta đã thành đạt tất cả mà bỏ nhà đi tu học, một mình ở chốn rừng sâu, núi hiểm. Nay các người nên đi theo hầu hạ Thái tử tiến thoái thế nào. Trong dòng họ là anh em cô cậu chú bác ngoài cũng là đạo quân thần đó thôi. Năm người bèn tuân lịnh vua theo Thái tử. Nhân đó mà cần cầu đạo xuất ly. Mỗi bên tự nói: Phàm người tu đạo thì khổ chứng hay lạc chứng?

Hai người kia nói: An lạc là đạo.

Ba người nói: Cần khổ là đạo.

Hai bên tranh luận vẫn không rõ ràng, lúc này Thái tử tư duy đến lý vì hàng phục khổ hạnh của ngoại đạo nên ngày ăn mè để duy trì thân. Hai người kia trông thấy nói với nhau:

- Sở hành của Thái tử chẳng phải là pháp chân thật để đạt đạo, phải cần có sự an lạc mới tu chứng được. Còn sự lao khổ này chẳng phải là pháp của ta. Nói rồi hai vị bỏ đi chỗ khác mà tư duy quả chứng quả. Thái tử trải qua sáu năm tu khổ hạnh mà chưa chứng quả Bồ-đề. Sau đó Ngài xả bỏ tu khổ hạnh, uống sữa thiền định quán xét và chứng quả. Ba người còn lại nghe nói than: Công tu gần thành nay đã thoái tâm, sáu năm khổ hạnh trong một ngày liền mất. Thế rồi họ cũng bỏ đi. Bấy giờ Thái tử đến tắm rửa bên dòng sông Ni liên, rồi tọa thiền dưới cội Bồ-đề, thành Chánh đẳng giác hiệu là Trời, người Sư. Ngài ngồi

tịch mạc an nhiên chỉ quán xét việc độ sanh. Như lai nghĩ đến ông Uất-đầu-lam-phất trước kia đã chứng phi tưởng định có thể thọ pháp ta. Chư thiên trong không trung cất tiếng bảo: Uất-đầu-lam-tử đã mạng chung cách nay bảy ngày rồi.

Như lai than thở vì sao lại không gặp, để nghe pháp mầu. Lại quán xét có A-lam-ca-lam đã đắc định vô sở hữu xứ có thể thọ lý pháp.

Chư Thiên lại nói: Vị này đã mạng chung trải qua năm ngày. Như lai lại than thở. Sau đó quán xem ai nên thọ giáo, chỉ thấy năm người ở vườn Lộc giả là có thể dẫn đạo. Thề là Phật rời khỏi cội Bồ-đề đi đến vườn Lộc dã, uy nghi của Như lai thật là vắng lặng thần quang chiếu sáng rực rỡ, an nhiên tự tại đi đến trước năm vị kia, năm vị từ xa trông thấy Như lai, cùng nói với nhau: Thái tử kia Thánh quả đã không tu chứng, tâm lại trái ngược. Nay tìm đến đây vậy chúng ta nên im lặng chớ nên nghinh tiếp lễ lạy khi Phật đi đến gần thì thần lực uy nghi của Ngài làm kinh động muôn vật năm vị kia liền đứng dậy lễ bái chào hỏi hầu hạ như nghi thức. Như lai dần dần dẫn dụ mở bày diệu lý, tương truyền như kinh điển.

Năm người:

1. Kiều-trần-như.
2. Mười lực Ca-diếp.
3. Át-ty còn gọi là Mã Thắng Tỳ-kheo.
4. Bạt-đề.
5. Ma-ha Nam-câu-lợi (nên xem trong luận Bà-sa).

Vì sao chỉ có năm người? Có nói nói thời Phật Ca-diếp bạn đồng học chín người, bốn người lợi căn đã đắc đạo trước, năm người độn căn đến nay mới ngộ, nguyện gặp Phật Thích-ca ra đời tu hành đắc đạo.

Lại có kinh nói Phật Thích-ca trong thời quá khứ từng làm thân con cá lớn, nguyện cho người ăn thịt ta trước sẽ độ trước. Năm người ăn trước nên phải độ trước.

Lại kinh nói: Sáu người từng cúng dường Phật. Năm người lấy hoa lúa cúng dường. Một người đợi chín. Năm người ngộ trước còn một người ở sau. Tức là Tu-bạt-đà-la. Cũng tức là năm dạ xoa ăn thịt Từ Lực Vương vậy. Trong năm vị thì Trần Như đắc sơ quả, bốn vị kia tại nơi bốn gốc lành đến đầu mùa hạ mới đắc đạo. Trong Tây Vức ký ghi: Hạ an cư xong mới đắc đạo. Pháp tướng vắng lặng tức là chân như. Không thể dùng lời tuyên vì tánh ly ngôn. Pháp vốn không có danh tướng lấy danh tướng nói gọi là phương tiện lực. Phật đến Ba-la-nại vì năm người mà nói pháp.

- Kinh: “Là tên xoay bánh xe pháp cho đến.. Pháp tăng tên sai khác”

- Tán: Tam bảo liền hưng khởi.

Nghĩa pháp luân này lược dùng năm môn để phân biệt:

1) Nêu thể.

2) Giải thích danh.

3) Chuyển tướng.

4) Sai khác.

5) Ba thừa.

- *Nêu thể là*: Câu-xá luận quyển hai mươi bốn nói: Nói họ Sa-môn, cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Phạm luân, vì là chân phạm chuyển. Ở trong đó chỉ kiến đạo nên gọi là pháp luân. Do vận hành nhanh giống như luân, hoặc có đầy đủ trục vành. Tức ở trong đây là y vào kiến đạo. Đức Thế Tôn có chỗ nói gọi là pháp luân. Như xe ở thế gian có tướng đi mau, bậc kiến đạo cũng giống như thế nên gọi là pháp luân. Nghĩa là đạo kiến đế đi nhanh. Có thủ xả, hàng phục những chưa phục, trấn những đã phục, chuyển cả trên dưới. Đầy đủ năm tướng này, tợ như bánh xe thế gian chuyển.

Thế nên trong Hiển Tông nói: Như Thánh vương luân trước thủ sau xả. Bậc kiến đạo cũng vậy. Xả thì gồm cảnh khổ... thủ thì gồm tập v.v... Đây là ý hiển bày: Thấy lý bốn đế, tất không cùng thời. Như Thánh luân vương hàng phục những chưa phục. Tôn giả Diệu Âm nói: Như xe thế gian có bánh xe vành xe v.v... Bát Thánh đạo tợ như căm nên gọi là luân. Nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh cần, chánh niệm tợ như căm bánh xe. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng tợ như trục xe. Chánh định như là vành xe, nên gọi là pháp luân. Đâu hẳn biết pháp luân chỉ bậc kiến đạo? Kiều-trần-như v.v... khi kiến đạo sanh gọi là xoay bánh xe pháp. Luận chủ Thiên Thân, y vào Kinh bộ tông để phá Tát-bà-đa: “Hành tướng của tam chuyển chẳng phải chỉ có bậc kiến đạo”. Như vậy tại sao có thể nói chỉ có kiến đạo mới đặt tên là pháp luân? Vì thế, chỉ nên là ba lần chuyển mười hai hành tướng. Có pháp môn gọi là pháp luân, có thể ứng với Chánh lý. Sao gọi là chuyển? Do pháp môn này từ người khác tiếp nối khiến giải nghĩa ra. Hoặc các Thánh đạo đều gọi là pháp luân. Ở trong sanh thân của người được giáo hóa mà chuyển. Tiếp nối từ người khác mà khi kiến đạo sanh đã bắt đầu. Chuyển thì gọi là đã chuyển. Đây có giải thích: Đầu tiên nói kiến đạo gọi là pháp luân, chẳng phải là nghĩa chánh nghĩa Tát-bà-đa. Trong Tạp Tâm cũng trình bày không là nghĩa chánh, nói: Thích-ca Mâu-ni

nói kiến đạo nhanh chóng thì gọi là pháp luân.

Luận Câu-xá nói: Hoặc các Thánh đạo đều là pháp luân.

Đây là bổn ý của Tát-bà-đa, cho nên trong Hiển Tông nói bổn ý của Tỳ-bà-sa, chung gọi tất cả Thánh đạo đều gọi là pháp luân. Vì nói tam chuyển nhiếp tam đạo. Ở sự tương tục khác khi kiến đạo sanh đã đi đến sơ chuyển, nên gọi là đã chuyển. Chẳng phải chỉ có kiến đạo lấy bát Thánh đạo mà riêng gọi là pháp luân. Ngài Diệu-âm nói chẳng phải là nghĩa chánh. Trong Thành Thật luận chép: Sơ chuyển sanh ra văn tuệ. Đệ nhị chuyển sanh ra tư tuệ. Đệ tam chuyển sanh ra tu tuệ. Cũng không có mười hai hành tướng, chỉ có một Không hành. Nay theo Đại thừa chung xét trong các văn kinh có năm:

1. Tự tánh của luân là trạch pháp giác chi: Chánh kiến, chánh trí v.v... Du-già quyển chín mươi lăm nói: Cho các pháp chánh kiến cho đến mà thành tựu tánh, cho nên gọi là pháp luân. Tam chuyển tự tha thông cả Kiến, Tu, Vô học đạo. Mắt tuệ của các Thánh có thể diệt trừ phiền não nên gọi là luân. Câu-xá cũng nói: Tất cả Thánh đạo gọi là pháp luân. Hoặc thể chỉ lấy Bát thánh đạo đầy đủ cả trục, bánh, vành xe, chánh kiến, chánh tư duy thì gọi là trục xe, là căn bản vậy.

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là vành xe, do trục mà có. Chánh niệm, chánh cần, chánh định gọi là bánh. Nhiếp cả các ghi chép luận khác, không đồng như Tiểu thừa. Bát Thánh đạo này là biệt tướng tu hành. Tuy ở tại tu đạo, mà Thể thật là thông với kiến đạo Vô học khác. Nếu không vậy, Thế Tôn nên không có “Bát thánh đạo”.

2. Nhân của Pháp luân: Là năng sanh các giáo Văn, Tư, Tu của Thánh đạo về sau v.v... Kinh Vô Lượng Nghĩa quyển mười bảy cũng gọi là pháp luân. Trong các kinh luận chép giáo pháp của Phật gọi là pháp luân.

Luận Câu-xá cũng nói: Đây tức là tam chuyển mười hai hành tướng sở hữu pháp môn gọi là pháp luân.

Du-già cũng nói: Ba lần mười hai hành tướng, gọi là đắc phương tiện sở đắc, trước nhân cho sau, hợp làm quả nhân, cho nên gọi là phương tiện.

Lại nói: Ba lần chính là chuyển kiến, tu, Vô học tùy theo thứ lớp. Trí, kiến, hiện quán gọi là phương tiện.

3. Quyến thuộc Luân: Nghĩa là chư Thánh đạo trợ bạn với năm ấm.

Luận Du-già chép: Ái, giới của Thánh và tín v.v... là pháp trợ quán thêm rõ. Trợ đạo trừ hoặc chẳng phải là chánh đoạn.

4. Cảnh Pháp luân: Nghĩa là bốn thánh đế, tam tánh, mười hai nhân duyên.

- Du-già lại nói là đắc sở đắc.

Cảnh sở duyên nghĩa là bốn thánh đế. Kinh này cũng nói Đức Đại Thông Trí Thắng chuyển mười hai nhân duyên.

- Kinh Giải Sâu Mật nói: Y vào liễu tướng nói tam vô tánh đều y vào Biến kế sở chấp gọi là pháp luân.

5. Quả pháp luân: Du-già lại nói là đắc sở đắc đó nghĩa là đại Bồ-đề.

Văn sau lại nói chỗ nhiếp thọ của bốn quả Sa-môn. Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề, như Vô thượng Bồ-đề của chư Như lai là quả pháp luân.

Du-già lại nói: Ba lần mười hai hành tướng là phương tiện đắc sở đắc.

Lại nói: Tam chu chánh chuyển là kiến, tu, Vô học tùy theo thứ lớp đó mà nói. Trí, kiến hiện quán gọi là đắc phương tiện. Cho nên Bồ-đề Niết-bàn gọi là quả sở đắc. Nhưng năm thể này chẳng qua bốn thứ: Giáo, lý, hạnh và quả.

- Giải thích danh:

1) Gọi là phạm luân: Như lai Ứng Cúng là tiếng Phạn tăng. Từ Phạm chuyển nên cũng gọi là Phạm luân.

2) Gọi là pháp luân: Pháp nghĩa là quỹ trì, tánh từ các pháp chánh kiến cho đến mà thành. Luân có bốn nghĩa: Một là nghĩa tròn đầy, đầy đủ cả trục, vành, bánh, hoặc thể dụng của trạch pháp giác v.v... đầy đủ gọi là luân. Hai là nghĩa nghiền nát. Bốn chủng pháp này hoặc phục, hoặc đoạn, hoặc trợ, hoặc phiền não chánh chưa đoạn, đều có thể nghiền nát. Ba là trấn át: Đã hàng phục phiền não lại có thế lực đẩy xa chúng. bốn là bất định: Từ tự kiến đến tự tu. Từ tự tu đến tự Vô học. Từ Vô học trí phát ra ngôn giáo. Người khác từ ngôn giáo hiểu nơi đế lý. Người khác từ đế lý khởi lên chánh hạnh. Người khác từ chánh hạnh mà khởi lên quả trí. Lần lượt như thế lại vì người khác nói như Vua chuyển luân sở hữu, luân báu, có thể hàng phục ác phiền não chưa phục. Có thể trấn các phiền não đã hàng phục.

Luận Du-già chép: Nên biết Đức Thế Tôn chuyển pháp mình hiểu thắng đến A-nhã Kiều-trần-như. Đây lại tùy chuyển đến các thân khác. Chia lại lần lượt tùy chuyển thẳng đến thân khác, vì nghĩa lần lượt này nên gọi là chuyển, pháp tức là luân, tức trì nghiệp giải thích, chuyển là động là hiển, là vận, là khởi: Động giảng nói ngôn giáo, hiển dương giáo

lý. Vận Thánh đạo ở âm thanh trước, khởi chân trí ở ngôn sau, xoay tròn nghiền nát chướng não thì gọi là xoay bánh xe pháp. Sở chuyển tức là pháp luân là chuyển của pháp luân, hai cách giải thích này đều được.

- *Chuyển tướng là:* Chín mươi lăm nói do năm thứ tướng xoay bánh xe pháp: "Nên biết" gọi là thiện xoay bánh xe pháp:

1. Thế Tôn khi làm Bồ-tát, đây được làm cảnh giới sở duyên để chứng đắc.

2. Làm phương tiện chứng đắc.

3. Chứng đắc từ những pháp nên đắc.

4. Đã chứng đắc dưới cội Bồ-đề rồi, người khác lại tiếp nối khiến cho tự chứng phát sanh càng sâu xa, tin hiểu.

5. Đối với người khác chứng, càng sanh tâm tin hiểu sâu.

Ý này chung gọi là tướng giáo hóa của hóa thân lúc tự chứng quả, khiến cho các chúng Thanh văn cũng có sở chứng, không y vào báo thân Bồ-tát mà thành nghĩa. Hoặc cũng y vào nghĩa chuyển của Bồ-tát thật. Tóm lại y vào rốt ráo trước sau mà tạo luận, không y vào một hội đủ thành được tam chuyển. Cảnh sở duyên đó là bốn thánh đế. Nương vào an lập đế, không phải an lập đế, là nương vào tam tánh mà điều thuộc về Bốn đế vậy. Đắc phương tiện là với bốn thánh đế này, ba lần chánh chuyển mười hai tướng trí. Trí này từ ba lần chuyển tướng pháp luân, làm nhân đắc vô thượng Bồ-đề. Lần đầu tiên chuyển nghĩa là Bồ-tát xưa kia lúc nhập hiện quán, như thật biết rõ đó, là khổ Thánh đế cho đến rộng nói là đạo Thánh đế, đối với các đế này, có hiện lượng Thánh trí có thể đoạn kiến đạo phiền não sở đoạn. Lúc này gọi là chân Thánh mắt tuệ. Tức đây do nương đời quá khứ, vị lai, hiện tại mà có sai khác. Như thế lần lượt gọi là Trí, minh, giác. Đây nói một trí là chung gọi mắt pháp, có ba hành tướng là trí, minh, giác. Chẳng phải ở trong một đế mà biệt khởi ra bốn trí. Do chân kiến đạo chỉ trong một sát-na. Không đồng biệt quán thượng hạ của Tiểu thừa. Dựa vào sự tuyên giải chứng diệt mà nói thông ba đời, chẳng phải nói diệt đế thông các cõi hữu của ba đời.

Lần thứ hai chuyển là bậc Hữu học dùng diệu tuệ ấy mà như thật thông đạt. Về sau còn có việc phải làm. Tức là: Nên biết những pháp khổ đế chưa biết, nên dứt trừ vĩnh viễn các tập đế chưa đoạn, nên chứng diệt đế chưa chứng nên tu tập đạo đế chưa tu. Như thế cũng có bốn thứ hành tướng, như trước đã nói.

Lần thứ ba chuyển: Bậc Vô học đã đắc tận trí vô sanh trí. Nói: "Chỗ nên làm ta đã làm". Nghĩa là: Ta đã biết khổ đế chưa biết cho

đến rộng nói. Ta đã tu tập đạo đế chưa tu... cũng có bốn hành như trước đã nói.

- *Sự sai khác này là*: Bốn thứ hành tướng của hai lần chuyển đầu là chân Thánh mắt tuệ của bậc Hữu học. Lần chuyển cuối cùng là chân Thánh mắt tuệ của Vô học. Xem văn này ý nói lần thứ nhất là kiến đạo trở về trước tức ngôi vị gia hạnh trí. Tuy biết bốn đế mà chỉ là chuyển nhân cũng không phải chẳng phải chánh chuyển vì chưa diệt hết phiền não. Do đây vị trí chỉ thuộc về năng chuyển tăng lực làm tổn hại phiền não. Nhập vào trong kiến đạo, thật sự đạo Vô gián mới chánh là chuyển, là chánh đoạn hoặc. Đạo giải thoát đó và tướng kiến đạo cũng gọi là sơ chuyển. Tuy không đoạn hoặc, đoạn thô trọng, trấn giữ những phiền não đã hàng phục, mà cũng chẳng phải là biệt tri tướng Bốn đế. Ở tu đạo sau này, đối trước các hoặc chưa đoạn, bèn khởi hành tương ưng biến tri, đó chính là tướng chuyển, chánh khởi chân trí, cho đến Kim cương tâm, đoạn các phiền não, cũng thuộc chuyển này mà khởi lên biệt hành tướng. Chỉ là muốn hướng đến đạo của Thánh đoạn hoặc nên chiết phục chánh đoạn đều gọi là chuyển. Đến như đạo giải thoát, Vô học về sau khởi trí biết. Ta đã làm những việc nên làm sau không còn đoạn nữa, chỉ trấn giữ phiền não đã phục, không hàng phục những phiền não chưa phục. Nhưng trước khi kiến đạo tuy có đạo hàng phục mà không gọi là chuyển vì chẳng phải vô lậu. Trước không có vô lậu cho nên không đồng tu, Bồ-tát như thế tự làm ba chuyển. Sơ chuyển tại kiến đạo gọi là ấn tướng chuyển. Kế đến chuyển tại tu đạo gọi là ứng tu chuyển. Sau đó chuyển tại đạo Vô học gọi là đã tác chuyển. Khi mỗi mỗi chuyển nơi mỗi mỗi đế sanh bốn hành tướng, ba lần chuyển luận theo chiều dọc thành ra mười hai tướng. Bốn đế như thế hợp thành bốn mươi tám, mà chẳng qua mười hai tướng này. Vì luận theo số nên gọi chung là ba lần chuyển mười hai hành tướng.

Luận Câu-xá cũng nói: Nhãn, trí, minh, giác biệt quán đế. Luận dùng pháp nhẫn, pháp trí, loại nhẫn, loại trí... lần lượt bốn pháp như thế. Nếu theo giải thích này mà đối với tám đế quán ở mỗi mỗi đế bèn không có bốn hành tướng. Hoặc là nhẫn, trí mỗi mỗi đều đầy đủ bốn hành tướng. Chiếu cảnh rõ ràng gọi là nhẫn. Đối trị vô tri gọi là trí. Đối trị vô minh gọi là minh. Đối trị tà giác gọi là giác, không đồng nơi đây.

- Đắc từ những pháp nên đắc: Nghĩa là đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, là cùng đắc quả Bồ-đề Niết-bàn. Trước làm nhân cho sau, đạo vô gián trước làm nhân của đạo giải thoát. Đây nói Bồ tát tự ba lần

chuyển quả pháp luân. Hoặc nói pháp thân Niết-bàn chân lý gọi là Bồ-đề vô thượng. Bồ tát khởi lên trí của Bồ-đề quả vị Vô học, báo thân đã làm mà chứng pháp thân.

Luận Câu-xá nói: “Đều không có Phật xoay bánh xe pháp và người khác tiếp nối, chỉ là khiến cho tự chứng sanh tín giải.” Nghĩa là: Như Trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như, nghe chánh pháp từ Đức Như lai rồi, đầu tiên ngộ bốn pháp Thánh đế rồi đáp lời Phật hỏi: Con đã hiểu pháp; từ đây về sau các hành tướng rốt ráo như trước đã nói. Cả năm vị đều đắc quả A-la-hán sanh xứ giải thoát. Đây là nói tự thân Đức Thế Tôn đắc đạo. Lại vì người khác ba lần xoay bánh xe pháp cũng đồng như Câu-xá luận chép ba lần tuần tự chuyển bốn thánh đế. Nghĩa là: “Đây là khổ cho đến đây là đạo”. Đó gọi là sơ chuyển. Nghĩa là: Đây là khổ nên biến tri cho đến đây nên tu tập, là lần hai chuyển. Đây là khổ đã biến tri cho đến đây đã tu tập là lần thứ ba chuyển. Như thế nêu rõ cả ba là kiến đạo, tu đạo, Vô học đạo.

Đây là Phật vì chúng sanh khác mà ba lần xoay bánh xe pháp. Đầu tiên gọi là thị tướng, là mở bày tướng bốn đế. Kế đến là khuyến tu, khuyên tu đế hạnh. Sau là tác chứng, là tác chứng minh tri tròn đầy bốn đế.

Do Tôn giả Kiều-trần-như đầu tiên giác ngộ nhập vào kiến đạo rồi, Phật hỏi ông: Ông đã hiểu chưa?

Ông đáp đã hiểu. Sau lần xoay bánh xe pháp thứ hai thứ ba bèn đắc quả A-la-hán, phát sanh trí xứ giải thoát chứng đắc quả vô vi. Đó gọi là chuyển ở tại thân khác, mà đối với sở chứng của Phật càng sanh sâu tín giải.

Khiến cho người khác ở sở chứng của họ khởi sanh lòng tín giải. Như Trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như khởi ra tâm thế gian nên nói: Con đã hiểu pháp. Như lai biết ông đã khởi tâm thế gian nên bảo: A-nhã Kiều-trần-như đã chứng pháp của ta.

Địa thần biết nên đã cất tiếng truyền đi. Trong giây lát những lời kia lần lượt chuyển đến Phạm thế.

Tâm thế gian là tâm duyên sự. Chẳng cần phải tán tâm. Trong phần thứ tư, Phật chuyển Thánh đạo ở trong thân năm người kia, đối với sự chứng đắc của Phật càng sanh lòng tín giải. Thứ năm là khiến các địa thần biết A-nhã Kiều-trần-như đã chứng mà càng sanh sâu lòng tin hiểu.

Sai khác là: Tuy chuyển bốn đế, mà pháp tướng không khác. Người Ba thừa, mỗi mỗi đều chứng quả, người tánh Thanh văn đã ở

trong ba đời hoặc sáu mươi kiếp. Trước đã tu tập rồi, nghe Phật nói pháp, y vào uẩn, giới, xứ chứng lý bốn đế, gọi đó là pháp luân Thanh văn. Người tánh Độc giác đã, ở trong bốn đời hoặc trăm kiếp, trước đã tu tập nay nghe Phật nói pháp, y vào mười hai duyên khởi, tu chứng bốn đế gọi là pháp luân Độc giác.

Người tánh Bồ-tát đã ở trong một đại A-tăng-kỳ kiếp, trước tu tập rồi nghe Phật nói pháp. Y vào tam tánh, bình đẳng chứng lý Bốn đế gọi Bồ-tát pháp luân. Nếu không như vậy thì Ba thừa đều quán bốn đế, đồng thời chứng Thánh. Đâu có khác nhau? Đại Bát-nhã nói: Thế Tôn đầu tiên ở nơi nước Ba-la-nại khi xoay bánh xe pháp Bốn đế, có vô lượng chúng sanh phát tâm Thanh văn, tu chứng quả Thanh văn. Có vô lượng chúng sanh phát tâm Độc giác, có vô lượng chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng quả sơ địa, nhị địa, tam địa cho đến một đời đắc quả Bồ-đề. Cho nên biết trong vườn Lộc giả Phật chuyển Ba thừa đều chung hành pháp luân. Nếu không như vậy thì tuần lễ thứ hai đã nói Mười Địa. Vì sao không gọi là xoay bánh xe pháp. Kia chẳng phải là đồng sở tu của Ba thừa, nên không cùng gọi là xoay bánh xe pháp. Nhưng thật thì, thân khác ba thời trí đều khởi. Cũng có kinh giải chúng sanh mà chứng quả thì gọi là tam chuyển, như các ông Kiều-trần-như v.v... Một thời Phật ở tại vườn Lộc giả... các vị theo thứ lớp đắc được tam quả này, gọi là Tam chuyển.

Kinh Vô Cấu Xứng nói: Tam xoay bánh xe pháp ở trong đại thiên. Sự luân chuyển đó có thể tịch, bổn tánh tịch. Pháp trí ít có chúng trời, người đã chứng. Tam bảo thời ấy hiện thế gian, tức như kinh này nói bèn có tiếng Niết-bàn, cùng với A-la-hán, tên pháp Tăng sai khác, tức Tam bảo xuất hiện. Phật là Phật bảo, Niết-bàn và ngôn ngữ, quả pháp giáo pháp gọi là pháp bảo. A-nhã... là tên của Tăng bảo. A-la-hán là các ngài Kiều-trần-như.

Lại nói Tăng là bốn vị Hữu học cùng trụ. Trí năng chứng, sở chứng lí tức là hành lý pháp bảo. Bốn pháp đã đầy đủ, cùng Phật và Tăng là năng hóa, sở hóa đã có thể xuất hiện, hợp lại gọi là Tam bảo xuất hiện ở thế gian.

- *Ba thừa là:* Phật, Bồ-tát, đều vì Thanh văn nói pháp, khiến cho người đắc trí đoạn hoặc, thì có thể gọi là xoay bánh xe pháp. Độc giác thì không như vậy, kinh Niết-bàn chép: Duyên giác nói pháp không thể khiến người đắc Noãn pháp... Do vì Thanh văn... không biết thuốc, bịnh, không cùng Thanh văn xoay bánh xe pháp theo lý cũng không sai.

- Kinh: "Xá-lợi-phất nên biết cho đến Phương tiện chỗ nói

pháp...”

- Tán: Có bảy hàng tụng. Nay nói về chân thật, tụng như thế đều vì đắc Nhất thiết chủng trí. Trong đây chia làm bốn:

- Hai hàng tụng đầu nói gốc lành thuần thục điđến gặp Phật.

- Một hàng tụng nghĩ đến chúng sanh nên độ.

-Ba hàng tụng chánh nói về pháp chân thật.

Một bài kết thành tựu pháp nghi.

“Ta thấy trước tiên là dùng quyền pháp để độ”. Đây ý nói từng ở chỗ Phật đã nghe quyền giáo. Vì gốc lành đã đến nên nay lại gặp Phật, cho nên, văn trên nói chúng sanh ở trong hội gặp được Phật. Cũng từng gặp được Phật Thích-ca. Nay gọi chung là Chư Phật.

- Kinh: “Ta liền nghĩ như thế cho đến Nay chánh là phải thời...”

- Tán: Nghĩ chúng sanh nên độ, là vì nói Phật tuệ khiến chúng sanh tu tập. Nay căn đã thuần thục đâu được không giáo hóa.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết... Không thể tin là pháp.”

- Tán: Đây là ba hàng tụng chánh nói về pháp chân thật. Đây chia làm hai:

Một hàng đầu tụng độn căn không kham thọ.

Hai hàng tụng sau nói lợi căn có thể thọ.

Có năm lỗi không thể thọ Đại thừa:

1. Độn căn nghe pháp không hiểu. Hoặc như A-điên-để-ca.

2. Người tiểu trí tuy thông minh, mà tình kiến không rộng, hoặc người hướng cầu tịch.

3. Chấp tướng nghĩa là khởi chấp hai tướng không, Hữu học lầm hành loạn, hoặc hạt giống bất định. Chấp có chẳng phải là không, vì gốc lành chưa thuần thục.

4. Kiêu căn... cậy mình nhiều việc. Các vị phú quý đắm trong buông lung. Hoặc căn chưa thuần thục phàm phu bẩm tánh buông lung...

5. Kẻ kiêu mạn cậy mình hiếp người như năm ngàn vị hoặc người đầy đủ bảy loại mạn phiền não..., không thể tin Đại thừa, nên không trao cho.

- Kinh: “Nay ta vui không sợ cho đến Tất cũng sẽ làm Phật.”

- Tán: Đây nói việc có thể trao pháp Đại thừa. Hàng đầu tụng bỏ quyền lấy thật. Hàng tụng sau trừ nghị.

Thọ ký đắc vui mừng đó là hỷ vô lượng, không ganh ghét chúng sanh làm việc Phật sự. Vô úy là nghĩa chắc chắn làm tiếng rống sư tử là lý chắc chắn. Ở trong Bồ-tát là trước đối với người hơn. Người Nhị thừa

phát tâm đều là Bồ-tát. Y vào lý chân thật mà nói đạo Nhất thừa thì gọi là ngay thẳng. Không tùy căn cơ quyền giáo nói có ba thừa gọi là xả phương tiện. Chỉ nói đạo vô thượng Nhất thừa. Tức nay nói chẳng thể một đạo mà không có pháp khác. Hàng Địa tiền đốn ngộ Bồ-tát nghi riêng mình đắc Bồ-đề, Thanh văn không có phần; Bồ-tát chủng tánh bất định nghi ở Quả Phật mình cũng không có phần, muốn thoái hướng quả Tiểu thừa. Nay nghe pháp này các nghi đều trừ. Hiện tiền các vị danh cao có một ngàn hai trăm Tỳ-kheo Thanh văn, nghi không thể làm Phật. Nay Phật vì họ nói thảy đều sẽ làm Phật. Kinh Niết-bàn do đây nói: "Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp cho đến Bích-chi mười ngàn kiếp mới đến sơ phát tâm Mười tín. Quả vị này tu hành rất là độn chậm, không bằng những vị mới tu Bồ-tát hạnh. Đây căn cứ vào bất định, chẳng phải như Nhị thừa nhất định sẽ làm Phật. Kinh Niết-bàn quyển ba mươi bốn nói: "Ta ở trong một thời có thể nói một nói, một thừa, một đạo, một hành, một duyên, có thể vì chúng sanh mà tác đại vắng lặng, vĩnh viễn dứt trừ tất cả kiết phược, khổ khổ và khổ nhân, khiến cho tất cả chúng sanh đạt đến nhất hữu. Hàng đệ tử không hiểu ý ta, ở trong đại chúng xướng nói: Như lai nói Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán đều thành Phật đạo."

- Kinh: "Như Chư Phật ba đời cho đến. Nói pháp không phân biệt".

- Tán: Kết phần thành tựu pháp nghi. Thể diệu lý của Đại thừa là không phân biệt. Ba thừa cũng thành Phật không khác, cho nên nói như vậy.

- Kinh: "Chư Phật ra đời cho đến. Người này cũng là ít có."

- Tán: Đoạn thứ sáu có bảy hàng tụng. Nghĩa thứ nhất ở văn xuôi người chưa nghe khiến cho nghe. Chia làm bốn:

- Hai hàng tụng pháp nói bốn việc ít có.
- Hai hàng rưỡi tụng thí dụ rõ hai việc ít có.
- Một hàng rưỡi khuyên tin.
- Một hàng tán kết.

Đây nói phần I: Bốn việc khó là:

1. Phật xuất hiện thật là ít có (hiếm có).
2. Nói pháp này là ít có.
3. Nghe pháp này là ít có.
4. Người năng nghe pháp này là ít có.

Phật xuất hiện ít có như một ngàn vị Phật thời kiếp hiền. Nay kiếp trụ thứ chín đã nói bốn vị Phật ra đời. Đến kiếp thứ mười Phật Di-lặc sẽ ra đời.

Đến kiếp mười lăm có chín trăm chín mươi bốn Phật ra đời. Từ đây đến thời kiếp hoại Phật Cốt-lô-chi độc vương một kiếp. Trải qua mười hai kiếp sau mới có kiếp Tinh Tú. Trong một ngàn vị Phật thì vị Phật đầu tiên là: Phật Tịnh Quang Xưng Vương. Ba trăm kiếp sau không có Phật. Cho nên nói Phật ít có, như thời Phật Ca-diếp trụ mạng bảy ngày không nói pháp này. Và nay Thích-ca thành Phật đã hơn bốn mươi năm mới nói kinh này, nên nói là ít có. Thường ở chỗ tám nạn, không thể cùng Phật tương phùng, nên nói khó nghe pháp ít có. Tuy gặp Phật ra đời mà chỉ nghe Tiểu thừa không nghe Đại thừa nên nói nghe được là ít có.

- Kinh: "Thí như hoa Ưu-đàm cho đến. Hơn cả hoa Ưu-đàm.

- Tán: Thí dụ rõ hai pháp ít có.

Một hàng tụng pháp xuất ít có.

Một hàng rưỡi tụng nghe khen ngợih là ít có.

Nghe pháp và khen ngợi hơn hoa Ưu-đàm. Hành chân pháp hạnh là cúng dường Chư Phật ba đời. Tự nghe và bảo người khác nghe hợp lại gọi là nghe pháp.

Vui mừng nghe gọi là vui mừng. Khen ngợi gọi là tán (chúc mừng khen ngợi). Hành trì bốn thứ này đều gọi là chơn hành.

- Kinh: "Các ông chớ có nghi... không đệ tử Thanh văn."

- Tán: Khuyên tin chớ nghi ngờ.

- Kinh: "Các ông Xá-lợi-phất... Bí yếu của Chư Phật."

- Tán: Kết luận khen ngợi sự sâu mầu.

- Kinh: "Vì ác thế năm vẩn đục cho đến Trọn không cầu Phật đạo..."

- Tán: Đoạn lớn thứ hai này có ba hàng tụng, tụng phá bốn nghi chia ra làm ba.

- Một hàng đầu: Phật thời nào xuất hiện hóa độ chúng Ba thừa? Phật xuất hiện ở cõi đời năm vẩn đục. Một hàng tụng: Vì sao biết tăng thượng mạn? "Như đệ tử ta tự nói A-la-hán không tin pháp này, không có việc như thế". Một hàng tụng vì sao có khả năng nói? Trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không có Phật.

- Kinh: "Người ác đời vị lai... Phá pháp đọa đường ác".

- Tán: Một hàng tụng giải thích vì sao biết tăng thượng mạn. Người Ác đời sau không tin pháp này phần nhiều là tăng thượng mạn. Không chỉ tăng thượng mạn mà các ác nhân khác cũng không thể tín. Phật đối với người ngã mạn ở trên đã nói về tướng, sau khi Phật diệt độ rồi khó mà biết được, cho nên nêu riêng ở đây.

- Kinh: "Người tàm quý thanh tịnh cho đến Rộng khen đạo Nhất thừa."

- Tán: Tụng giải thích vì sao có khả năng nói là. Có đủ bốn đức:

1. Tôn trọng bậc hiền thiện xét lại tự thân, hổ thẹn tội lỗi.

2. Khinh thường việc bạo ác. Lại nhìn lại thế gian xấu hổ tội lỗi.

3. Thanh tịnh trong ngoài không thiếu. Xa lìa danh lợi trần thế.

4. Chí cầu Phật đạo, không mong cầu pháp Nhị thừa Thanh văn. Có thể tin kinh này không còn ngu pháp, bèn có thể nói pháp cho người nghe. Nếu người ngu gặp Phật khác ra đời, nhất định sẽ đắc pháp Nhất thừa.

- Kinh: "Xá-lợi-phất nên biết... Tự biết sẽ thành Phật".

- Tán: Ba hàng tụng này là đoạn tụng hạng người thứ tư, khuyến phát tâm Bồ-đề ưa thích thành Phật.

Một hàng rưỡi tụng về Phật pháp đều không học, không hiểu một hàng rưỡi sau là tụng về khuyên biết sanh vui mừng cầu thành Phật. Như văn có thể hiểu.

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

PHẦN ĐẦU

PHẨM THÍ DỤ

Có chia ra ba môn :

1. Trình bày vì sao có phẩm này.
2. Giải thích tên phẩm.
3. Giải thích về phương nạn

Trình bày vì sao có phần này: Có hai

1) Ngài Thu Tử là bậc thượng căn nghe pháp nói đã giác ngộ. Bốn vị tánh trung căn phải nhờ vào thí dụ so sánh mới ngộ. Trên đã hóa độ thượng căn, dưới muốn giác ngộ hạng trung căn nên có phẩm này.

2) Luận chép: Từ đây trở xuống chúng sanh có đủ bảy thứ phiền não, nên nói bảy thí dụ để đối trị bảy thứ tăng thượng mạn và ba thứ người nhiễm mạn không có phiền não, tức nhiễm mạn kiến, giải thoát Tam-muội. Vì đối trị đây nói ba bình đẳng.

Lại nói ngoài là phần kinh còn lại nói rõ mười nghĩa Vô thượng, ý này còn nêu chung hết hai mươi sáu phẩm, hiểu cả ba nghĩa này. Nêu bảy thí dụ trong bảy phẩm: Một là ví dụ nhà lửa trong phẩm này. Hai là dụ gã cùng tử trong phẩm Tín hiểu. Ba là dụ mây mưa trong phẩm Dược thảo dụ. Bốn là dụ hóa thành trong phẩm Hóa thành dụ. Năm là dụ cột hạt ngọc trong phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký. Sáu là dụ cởi hạt ngọc trong búi tóc của phẩm An Lạc Hạnh. Bảy là dụ thầy thuốc trong phẩm Thọ lượng. Tùy theo thứ lớp của mỗi phẩm.

Ba bình đẳng có chín phẩm:

1. Phẩm Thí dụ.
2. Phẩm Thọ ký.
3. Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký.

4. Phẩm Thọ học vô học nhân ký.
5. Phẩm Pháp sư.
6. Phẩm trì.
7. Phẩm Đề-bà-đạt-đa.
8. Phẩm Thường bất khinh.
9. Phẩm Hiện bảo tháp.

Tám phẩm đầu đều có thọ ký, nói thừa đầu tiên bình đẳng. Một phẩm Hiện bảo tháp sau hợp nói pháp Niết-bàn, sanh tử và hai thứ thân bình đẳng.

Trong mười nghĩa Vô thượng có hai mươi mốt phẩm, chín Vô thượng đầu có bảy phẩm:

1. Dược thảo dụ
2. Hóa thành. Đây có Vô thượng thứ hai, thứ ba.
3. Ngũ bá đệ tử thọ ký.
4. Hiện bảo tháp.
5. An lạc hạnh.
6. Dũng xuất.
7. Thọ lượng ở đây có hai vô thượng thứ tám và thứ chín.

Trong bảy phẩm trên thì trừ phẩm thứ hai, thứ bảy, còn năm phẩm mỗi, phẩm là một Vô thượng. Phần kinh còn lại là Vô thượng thứ mười. Nghĩa là mười bốn phẩm đều là Vô thượng thứ mười, trong đó có hai lực:

1. Pháp lực.
2. Tu hành.

Lực pháp lực có ba phẩm:

1. Phân biệt công đức.
2. Tùy hỷ công đức.
3. Pháp sư công đức.

Trong năng lực tu hành lại có bảy năng lực, hợp trong mười một phẩm.

1. Trì lực có ba phẩm là Pháp sư, An lạc hạnh, và Khuyến trì.
2. Nói lực có một phẩm là Như Lai thần lực.
3. Hành khổ hạnh lực có một phẩm Dược vương.
4. Giáo hóa chúng sanh hành khổ hành lực cũng một phẩm là Diệu âm.
5. Hộ chúng sanh các nạn lực có hai phẩm là Quán Âm phổ môn và Đà-la-ni.
6. Công đức thắng lực có một phẩm là Diệu trang nghiêm vương

bổn sự.

7. Hộ pháp lực có hai phẩm là Phổ Hiền và Chúc Lụy.

Mười Vô thượng sau là bảy dụ đầu. Ba bình đẳng còn lại gọi là còn lại ở trên. Cho nên trong luận này giải về bảy dụ ba bình đẳng đã nói: Tu-đa-la còn lại là nói nghĩa Vô thượng. Vô thượng thứ mười là còn lại của chín thứ Vô thượng ở trên gọi là còn lại bên dưới. Cho nên luận này giải thích nghĩa Vô thượng thứ mười rằng: Mười là thắng diệu lực Vô thượng phần kinh còn lại nói hai nghĩa còn lại.

1. Là văn còn lại điều chưa hề nói.

2. Nghĩa còn lại này trước tuy đã nói mà chưa hết, đối chiếu nghĩa trên lại có khác, nên nói là nghĩa còn sót lại.

Nay sợ văn rườm ra nên lược qua không nói. Trở xuống trong phẩm sau mỗi đều giải thích sơ lược. Bảy phẩm là: Dược thảo, Hóa thành, Ngũ bá đệ tử, Hiện bảo tháp, Phẩm trì, An lạc hạnh, Thọ lượng. Hoặc văn hoặc nghĩa đều trùng nói lại. Bảy dụ đó nghĩa là phàm phu hữu học là có phiền não, có bảy thứ tăng thượng nhiễm mạn, để đối trị đây mà nói bảy thí dụ này. Như chấp vào hóa thành cho là thành, thật sự tức là mong cầu Tam-ma-bạt-đề thế gian là diệt chân thật, chấp vô học đã đủ không mong cầu nữa. Người Nhị thừa vô học gọi là người không có phiền não. Có ba thứ pháp chấp nhiễm mạn, tức các pháp kiến, Tam-muội, giải thoát mà vọng chấp cho là Nhị thừa, tuy không gọi là nhiễm mà hồi tâm rồi thì gọi là Bồ-tát. Vì pháp chấp nhiễm nên Bồ tát này gọi là nhiễm, không có phiền não mạn. Luận nghĩa ngược lại, ý cũng như thế. Nghĩa Vô thượng ở trong Đại thừa có thể nói là có, các thừa khác thì không. Do đây mà Ba thừa nói có khác nhau, giáo lý hạnh quả đều có khác. Luận dẫn lời Phật nói: “Không lìa thân ta là nghĩa Vô thượng.” Trong Nhị thừa không nói nghĩa này nên không thể hiểu. Do đây, Vô thượng tức là giáo, lý, hạnh qủa nhất Nhất thừa. Tùy theo thích ứng mà phối hợp các phẩm. Bảy thứ chúng sanh có đầy đủ phiền não. Thứ nhất là người cầu thế lực khởi lên điên đảo bậc nhất, cầu công đức tăng thượng mạn. Vì phiền não lừng lẫy ở thế gian mà cầu cảnh đẹp quả báo trời người. Vì hạng này nói thí dụ nhà lửa. Được giàu sang tự tại thì gọi là thế lực. Nghĩa là phàm phu cầu diệu cảnh trời người này. Ngoại quả cùng nội quả báo. Không biết là phiền não như lửa cháy dữ dội. Vì đây mà nói dụ nhà lửa. Thế lực phiền não của trời người thiêu đốt như nhà lửa. Thế tôn này nói có hai xe: Tức đối người có hàng gốc lành Tam muội Bồ-đề thế gian mượn tạm giải cứu để cho ra khỏi nhà lửa. Sau đó dần dần dắt dẫn vào Niết-bàn Đại thừa. Cho nên luận nói người

thứ nhất là hạng gốc lành Tam muội công đức ở thế gian, dùng phương tiện khiến họ ưa thích, sau đó dẫn nhập Niết-bàn. Trong đây không nói trong đạo giải thoát. Chánh chứng sanh không trạch diệt, chân trí gọi là Tam muội thế gian. Tạm giải cứu đây là xe nai xe hươu chẳng phải là thể của xe. Từ quán kia về sau nhập định thế gian quán các sở chứng trước đã dùng. Tâm thô cho nên không thấy chánh trí và sanh không như, bèn thấy hoặc nghiệp, khổ sau không sanh, tâm liền biến chuyển, thành tưởng giải thoát Niết-bàn. Chánh trí sở chứng căn bản trong quán mà đắc trạch diệt. Ở dưới gọi là hóa thành mà không nói mượn quán sở biến ra thành, nên không dứt khổ. Nay nói thời sau ở giai vị hậu đắc trí mà năng biến tưởng giải, gọi là gốc lành Tam muội của thế gian, khinh an, ưa thích các thứ công đức tạm gọi là xe dê xe hươu, tạm gọi là chủng trí, cho chúng "dạo chơi" sau đó, hóa độ Nhất thừa mới khiến nhập Phật Đại Niết-bàn, đến địa vị Phật. Có thể nhập vào xe trâu, tức là nhị trí, tức là Bồ-đề. Chỗ nhập của Niết-bàn tức là Đảo châu báu. Hóa thành là dụ cho người Nhị thừa chấp vào hoặc khổ kia không sanh nên cho là Niết-bàn. Lý thật Niết-bàn trung đạo giải thoát là chánh trí chứng. Cho nên nói nhập hóa thành, các người đi buôn đều mỏi mệt. Các trí trước sau đều không rõ được tất cả pháp. Thật chẳng phải là chủng trí. Nói xe dê, xe hươu có tên mà không thấy bước lên. Nói gốc lành Tam muội thế gian này là cho để dạo chơi. Nhị thừa chấp vào đây cho là hai xe, thật chẳng phải là thể của xe. Như Nhị thừa là nơi sẽ khởi lên bốn điên đảo. Chánh quán thì không như vậy. Sau mới tưởng giải thoát duyên này mà khởi chấp. Hóa thành cũng vậy. Nay vì đối trị mà cầu người thế lực, điên đảo cầu công đức tăng thượng mạn. Nói thí dụ xe này cho nên có phẩm này. Các nghĩa khác đều giải thích trong phẩm.

Giải thích tên phẩm: Thí là so sánh là giống loại như. Trong Ngọc Thiên chép: So sánh giống như lấy tướng làm rõ, dụ là mở bày cho rõ. Lại nói làm rõ để can ngăn. Nay nêu cận tích thế gian so sánh với chỗ thâm sâu của xuất thế, để mở bày những điều chưa nói dùng làm rõ những điều còn mê trước. Làm rõ thí của dụ gọi là phẩm Thí dụ. Hoặc thí tức là dụ nên gọi là phẩm Thí dụ.

Giải thích sự chướng ngại:

1. Hỏi: Ở đây dùng thí dụ để hiểu lý gọi là phẩm Thí dụ, trước dùng thẳng pháp làm rõ lẽ ra gọi là phẩm Pháp?

Đáp: Lí trước sau nêu, thật ra cũng nên như thế. Đặt tên phẩm khác nhau đâu nói hết được lý do. Chỉ vì phương tiện trong phần pháp nói là nghĩa riêng, còn thí dụ trong nghĩa so sánh là tên chung. Chung,

riêng đã khác thì được gọi là theo riêng, chưa thể cùng nêu.

2. Hỏi: Vì sao bảy dụ chỉ ở đây là có tên phẩm thí dụ những dụ khác thì có tên khác.

Đáp: Dụ tuy có bảy mà đây là đầu tiên. Tuy nêu tên chung mà cũng là tên khác, các phẩm khác không thể chỉ gọi là thí dụ.

3. Hỏi: Hạng trung căn lãnh, ký, nêu riêng Tín hiểu. Hàng thượng căn được thọ ký theo lý lẽ ra có phẩm riêng. Vì sao đầu phẩm này nói về sự thọ, ký của ngài Thu Tử?

Đáp: Hàng trung căn, được thọ ký văn rộng nghĩa dài, cho nên khai riêng. Thu Tử không như vậy nên dựa vào phẩm này nói. Lại nữa, nhân ngài Thu Tử được thọ ký mà khải thỉnh, Phật mới trình bày thí dụ so sánh. Cho nên dựa vào đầu phẩm này mà nói về được thọ ký.

- Kinh: "Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến được điều chưa hề có cho đến"

- Tán: Phẩm này đại văn chi làm hai:

1. Ngài Thu Tử nghe pháp lãnh hội vui mừng thuật lại mình thành tựu được thọ ký.

2. Sau Phật rộng dùng thí dụ hóa độ hạng trung căn.

Văn đầu thuộc châu thứ nhất pháp nói trước nói về Nhất thừa. Châu đầu có bốn, trong phần pháp nói ở trên đã nói rồi, từ đây trở xuống là châu thứ hai ngài Thu Tử nghe pháp lãnh giải tự trách rồi sanh tâm vui mừng, trong đây có hai phần: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi chia làm hai:

1. Nghe pháp vui mừng.

2. Giải thích lý do vui mừng.

Theo thế tục giải thích thì gọi là dũng khiêu (kiểng chân lên mà nhảy), chỉ sự vui mừng cực độ. Nghe được chân đạo khởi lên quyền pháp cho nên hớn hở vui mừng tức vừa ý mong cầu vui mừng. Đây biểu thị phát đại tâm nên liền đứng dậy. Tâm khế hợp với lời Phật nói nên chấp tay nhất tâm vì thỉnh lợi ích, chiêm ngưỡng tôn nhan bày tỏ bổn hoài của mình cho nên nói bạch Phật.

Tiếng pháp tức là ngôn giáo Đại thừa, từng chưa nghe được điều chưa hề có. Lại do ba nghĩa mà vui mừng:

1. Nghe Phật nói pháp tâm an như biển. Biết Phật không phải ma cho nên vui mừng.

2. Nghe pháp nhất thật ngày nay mà hiểu pháp ba quyền ngày trước. Ba là do một mà có cho nên vui mừng.

3. Nghe Phật nói pháp nói một ngàn hai trăm vị La-hán cũng sẽ

thành Phật, cho nên vui mừng.

- Kinh: “Vì sao cho đến vô lượng tri kiến.”

- Tán: Giải thích lý do vui mừng. Có bốn:

1. Vì mất đại pháp nên than thở.
2. Ở bậc Tiểu thừa mà khởi vui mừng.
3. Vui mừng vì nay nghe pháp mà não buồn hết.
4. Biết Phật tử mà đạo thành.

Đây nói phần đầu.

Dự là nhập là then chốt. Ngọc Thiên nói: trước dự làm, bị là dự là sớm, thiết vận nói nếu dệt làm dự (bộ tượng), lễ ra viết dự (bộ hiệt), nhĩ nhã viết Dự bộ Hiệt, đãi và dữ. Cổ văn là dữ. Tả truyện chép: Công phải là dữ.

Cảm thương là kích động, than thở. Xưa nghe Bồ-tát được các việc thọ ký như thế mà ta không được dự vào. Xưa nghe Phật thọ ký mà không được thọ ký, cho nên cảm thương than thở mình mất đi năm thứ tri kiến của Như Lai. Hoặc mất trí tánh, tri kiến trí tướng của Như Lai.

- Kinh: “Thế tôn! Con thường ở chỗ một mình cho đến mà tế độ.”

- Tán: Ở bậc Tiểu thừa mà khởi lời than. Có hai: Đầu tiên than trụ ở tiểu. Sau tự trách thân.

Thường tức là hằng. Mỗi có nghĩa là sác, là thường, chẳng phải từ nhất định, nhập nghĩa là chứng, pháp tánh là vô ngã chân như. Những người kia cùng chứng, ta cùng Bồ tát đều có thể chứng nhập Vô ngã chân như. Vì sao Như Lai chỉ dùng Tiểu thừa mà được độ thoát. Hoặc tánh gọi thể. Đồng nhập vào thể Phật pháp.

- Kinh: “Lỗi của chúng con chẳng phải là của Thế tôn “

- Tán: Đây là lời tự trách mình. Có ba: Đầu tiên nêu ra, kế là giải thích, sau là thành tựu ở đây nói phần đầu.

Cửu là lỗi là tội. Người làm việc trái ngược thì gọi là lỗi.

- Kinh:”Vì sao cho đến mà được độ thoát.”

- Tán: Đây giải thích lý do.

Sở nhân là nhân hạnh thành tựu Đại Bồ-đề. Nghĩa là bốn hạnh Bồ tát ở Thất địa.

1. Bồ-đề phần;
2. Ba-la-mật;
3. Các thần thông;
4. Thành tựu hữu tình.

Cho nên ngài Ca-diếp nói: Đối với pháp Bồ-tát, du hý thần thông,

tịnh cõi nước Phật thành tựu chúng sanh mà tâm không ưa thích, thế nên nhân Chánh giác tức là bốn hạnh này.

Đãi nghĩa là trông mong theo, khao khát, hi vọng, ngài Thu tử nói: Nếu chúng con mong đợi, khao khát, hi vọng nhân Chánh giác Vô thượng thì Phật chắc chắn dùng pháp Đại thừa mà thấy chúng con để độ thoát, chỉ cho chúng con ở trong nhân Đại thừa mà không sanh lòng mong cầu cho nên Phật không dùng pháp Đại thừa để cứu thoát. Hoặc nhân nghĩa là tâm Bồ-đề lược có ba:

1- Nhàm chán xa lìa pháp hữu vi.

2- Cầu Bồ-đề.

3- Rất nghĩ nhớ chúng sanh.

Tức là trụ như thế, tu hành như thế, là hàng phục tâm như thế.

- Kinh: "Nhưng chúng con cho đến suy nghĩ chứng lấy lấy ."

- Tán: Đây là thành tựu lời tự trách. Nhưng do chúng con không hiểu phương tiện của Phật, tùy nghi mà nói các pháp. Đầu tiên nghe liền tin liền thọ trì suy nghĩ chứng lấy, cho nên Phật không dùng pháp Đại thừa để độ. Đây là do lỗi của chúng con.

- Kinh: "Thế tôn cho đến rất được an ổn.

- Tán: Hôm nay nghe pháp vui mừng dứt hết phiền não.

Khắc nghĩa là chuyên. Từ xưa đến nay tu Tiểu thừa chuyên tự hối hận trách mình không cầu Đại thừa. Lại nghi mình không có phần đắc Bồ đề nên không sanh ưa thích tiến tới. Hoặc tự thân đã được giải thoát không khác với Phật, nghe Phật nay nói pháp tự đắc rất sâu khó hiểu. Người Nhị thừa không tỏ ngộ nghi Phật là ma. Nay nghe nói về nhất thật Ba thừa biết xưa tu Tiểu là nhân của Đại cho nên hối hận đoạn dứt, biết mình cũng có phần Bồ-đề thành Phật, đắc giải thoát trước là phương tiện của Phật, vì thế nghi cũng đoạn dứt, tâm khai ý giải thân ý thư thái, an nhiên. Đã không nghi hối nên rất an ổn, có nghi hối thì thân tâm thường không an ổn làm sao được thư thái, an nhiên ?

Hỏi: Nghi sanh ra phân biệt. Nhập Kiến liền dứt trừ. Hối phần nhiều có ưu. Lìa dục liền xả, sao ngài Xá-lợi-phất đến châu thứ hai mới trừ.

Đáp: Phiền não Nghi thì Dự lưu đã hết phiền não là bạn với hối, lìa dục đã dứt. Nay loại pháp chấp dị thục sanh nghi như A-la-hán nghi bôn Mặc diệm, nghi ở sự ác tác dị thục sanh nghi gọi là hối chưa rõ ràng ở lý. Thể của ác tác này tức là gốc lành quý (tàm quý), khinh chống lại sự bạo ác. Hoặc là nhàm chán. Tức một phần của tuệ gồm có vô tham. Cũng tức là tâm tâm sở tỉnh sát, chỉ vì hối thì tánh tướng sẽ thô động.

Lìa dục xả, lìa dục có hối chắc chắn là ác tác, nói tên hối là từ quả đặt tên, đâu có lìa dục rồi mà không nhàm chán ác!

- Kinh: “Ngày nay mới biết cho đến được pháp phần của Phật”.

- Tán: Biết là Phật tử mà đạo thành.

Du-già quyển tám mươi bốn có sáu câu: “Nghĩa là Đại sự tử từ bụng Phật sanh ra, từ miệng Phật sanh ra từ pháp Phật hóa, từ Phật được hóa sanh, đắc pháp phần bình đẳng”. Kinh Thắng-man chép: Được của còn lại của Phật, đây có bốn câu.

Luận Du-già giải thích: Đầu tiên là câu chung. Năm nghĩa sau là câu riêng. Từ bụng sanh ra là để phân biệt con dị sanh thấp kém. Đắc trí tuệ Thánh đạo từ bụng Phật đích thân sanh ra. Chẳng phải như phàm phu là con nuôi của Phật. Tất cả chúng sanh đều là Phật tử. Nếu không đích thân sanh thì không phải từ bụng Phật sanh ra. Từ Phật pháp sanh ra, mới thật là chân sanh. Lại Nhị thừa chẳng phải từ mẹ sanh con mà như người hèn hạ sanh con. Nên kinh dưới nói: Nếu như con ta, Bồ-tát Sơ địa sanh vào nhà Như Lai mà chứng pháp giới, đó là con từ mẹ sanh ra. trước chẳng phải từ mẹ sanh ra thì gọi là không phải từ bụng sanh. Nay phát đại tâm, sẽ thành Bồ tát trong pháp giới nói chung là từ bụng sanh.

Từ miệng Phật sanh ra đó là từ pháp âm của Phật nói mà sanh ra. thể tức là văn tuệ, duyên với giáo mà sanh ra.

Từ pháp Phật sanh: Như lý tác ý từ chỗ tùy pháp hành pháp mà sanh. Thể thuộc về hai Tư và Tu tuệ lý, duyên với giáo tùy thích ứng sanh. Phật pháp sở hóa đó là từ pháp thân hiển bày mà lập pháp tương tợ.

Pháp thân lộ là hai nhân phước tuệ của Bồ-tát. Ta cũng như thế. Từhai nhân đó mà thành lập ra, pháp thân có hai: Hai nghĩa Tiểu thừa Đại thừa đều khác nhau. Đắc các pháp phần cho đến đó là thọ dụng pháp tương tợ tài bảo pháp vô lậu. Pháp là pháp bảo. Hoặc là bảy Thánh tài là tín, giới, văn, xả tuệ, tàm quý v.v... phần là dự phần là phần loại. Chư Phật Bồ-tát có thể dùng pháp tài, nay con cũng vậy, cùng tương tợ kia cũng đắc thọ dụng các phần khác của pháp bảo vô lậu. Tùy theo thích ứng như vị nhị thừa so với phàm phu đã dạy là một lớp, thật là Phật tử. Nay làm Bồ-tát so với vị Nhị thừa lại dạy là một lớp, bình đẳng thật là Phật tử có thể như lý mà giải thích. Kia lại giải thích: Các câu nói như thế là nói lên tăng thượng sanh tròn đầy và pháp tương tợ như cha, sanh tròn đầy. Trong năm câu sau thì ba câu trước là tăng thượng tròn đầy. Hai câu sau pháp tương tợ như cha sanh ra tròn đầy. Tăng thượng sanh

ra tự thể thắng sanh.

Pháp tương tợ như cha sanh ra là mặc di thể của cha, dùng gia tài của cha đều là tương tợ. Trong tăng thượng sanh thì câu đầu là ngăn ngừa lỗi. Chánh trí từ bụng Phật sanh ra, ngăn ở trong thế gian sanh vào bào thai xấu ác.

Câu thứ hai là ngăn sanh ra từ tinh huyết bất tịnh. Từ miệng Phật sanh ra chẳng phải lấy tinh huyết làm tự thể.

Câu thứ ba là ngăn dục tham chẳng phải từ chánh pháp sanh ra. phàm phu do từ giúp nhuận của dục tham mà sanh ra, chẳng phải sanh ra từ chánh pháp.

Câu thứ tư là hiển pháp tương tợ tự thể. Từ pháp thân lộ mà được thành lập nối dõi tự thể. Pháp thân thù thắng, như nối tiếp chủng tánh Bà-la-môn thành lập sự tôn quý.

Câu thứ năm: Thọ dụng pháp tương tợ. Thọ dụng pháp tài của Phật vô lậu như thọ dụng tài sản cha mẹ ở đời. Trong đây có bốn điều liên quan đến câu thứ hai. Hợp hóa và sanh chung thành một câu. Xưa trụ vào quyền chẳng phải chân Phật từ. Nay cầu vị thật mới là từ bụng Phật sanh. Đây là đại ý của văn kinh này.

Nhiếp Luận chép: Chẳng phải Nhị thừa là con của gái vô trí thấp kém. Lại có nghĩa rằng: Riêng phối hợp bốn đoạn trên lãnh hội bốn nghĩa: Khai, thị, ngộ, nhập ở trước. Như tiếp tìm hiểu kỹ thì thấy về lý chưa hẳn như thế!

- Kinh: “Bấy giờ Xá-lợi-phất cho đến lưới nghi đều đã trừ.”

- Tán: Hai mươi lăm hàng tụng rưỡi, chia làm hai:

1. Hai hàng rưỡi tụng nêu ra.

2. Hai mươi ba hàng tụng giải thích.

Phần một lại chia hai: Một hàng nêu ra được điều chưa hề có tâm vui mừng dứt nghi.

Một hàng rưỡi giải thích được điều chưa hề có, nói ưu hối hết. Xưa nghi tự thân mình không thể thành Phật. Nay nghe được thành Phật nên nghi trừ. Nghi làm tổn hại chúng sanh khó thể xa lìa nên thí dụ là lưới nghi.

- Kinh: Xưa nay nhờ Phật dạy cho đến nghe cũng trừ ưu não”

- Tán: Giải thích: Đắc điều chưa hề có, rõ ưu hối hết, có từ xưa đến nay nhờ Phật giáo hóa. Nghĩa là trụ Tiểu thừa mà không được Đại thừa. Cho nên, ưu hối. Nghe Phật nói kinh này ngày nay mới biết là mình không mất pháp Đại thừa. Do đây mà hối hết, pháp âm Phật ít có, diệu dụng có thể trừ hết phiền chướng ưu não của chúng sanh. Con tuy

lậu tận mà nay nghe pháp cũng hàng phục pháp chấp ưu não. Ưu ở đây là lo không thành Phật.

1. Tức là lo (ưu) pháp chấp, lìa dục không bỏ. Như Tất-lan-đà-phiệt-mắng lời thô ác huân tập pháp chấp không bỏ. Đồng như nghi hối trước tùy ứng cũng vậy.

2. Thật là ưu đó: Tức ác tác đều có nhàm chán xả thọ. Vì tên ưu nói hoặc là thiện căn ưu , vô ký thuộc loại pháp chấp, lìa dục không bỏ. Ưu tương ưng với não. Não tức là ưu hối chẳng phải phiền não.

- Kinh: "Con ở trong hang núi, cho đến sao lại tự khi mình" cho đến

- Tán: Các tụng này giải thích phần trước, chia ra làm bốn:

Hai hàng tụng rưỡi đối với Tiểu thừa mà than thân.

- Năm bài rưỡi tụng mất Đại pháp mà khởi trách.

- Mười bốn hàng kế là tụng vui mừng nghe pháp mà hết não.

- Một hàng sau tụng biết là Phật tử mà đạo thành. Cùng với Văn xuôi trước thì trước sau khác nhau.

Trong phần đầu có hai: Một hàng tụng rưỡi tụng về than ở vị Tiểu thừa. Một hàng sau tụng việc đã than. Đây là phần đầu.

Ô hô là lời than thở. "Sao lại tự khi mình"; là khinh thường. Than mình tiểu trí trụ chứng tiểu quả, không cầu vị Đại. Cho là mình không có phần nên gọi là tự khinh.

- Kinh: "Chúng ta cũng Phật tử cho đến giảng nói Vô thượng đạo."

- Tán: Một hàng tụng việc đã than. Pháp vô lậu là pháp tánh chân như. Nhập nghĩa là chứng, lý tuy đồng chứng đều gọi là Phật tử. Vô trí có thể tương lai thành Phật vì chúng sanh mà giảng nói chánh đạo Đại thừa.

- Kinh: "Sắc vàng ba mươi hai tướng sắc vàng cho đến mà không được việc này cho đến"

- Tán: Năm hàng rưỡi tụng than thở vì mất Đại pháp, chia làm hai:

- Ba hàng rưỡi tụng chỗ mất Đại pháp.

- Hai hàng tụng sau tự than thở.

Trong phần đầu lại có hai: Hai hàng tụng đức trang nghiêm trong ngoài. Một hàng rưỡi sau tụng về đức danh lợi cao rộng. Trong hai hàng tụng về đức lại chia làm hai: Một hàng tụng đầy đủ tướng đức hàng phục ma. Một hàng sau tụng đầy đủ đức bất cộng .

Ba mươi hai tướng sắc vàng là: Thân Phật màu vàng tía sắc vàng.

Ba mươi hai tướng đó là theo kinh Đại Niết-bàn quyển ba trăm tám mươi mốt.

Phật bảo Thiện Hiện: Thế nào là ba mươi hai tướng của Như Lai.

1. Dưới chân có tướng bằng phẳng, khéo léo an trụ giống như đáy hộp. Đất tuy cao thấp mà chân vẫn tùy theo đó mà bước lên thản nhiên an lành.

2. Dưới chân Thế tôn có hình bánh xe ngàn căm, các tướng vành trục đều đầy đủ.

3. Tay chân Phật đều mềm mại, như Đô-la-miên hơn hẳn tất cả.

4. Tay chân Thế tôn ở giữa các ngón, đều có mạn lưới như chim nhạn. Các đường sắc vàng giao nhau xớ văn như là hình lụa.

5. Tay chân Thế tôn có các ngón thon dài đầy đủ rất đáng ưa thích.

6. Gót chân Như Lai rộng dài tròn đầy. Cùng mu bàn chân đầy đặn hơn hữu tình khác.

7. Mu bàn chân cao lên đầy đặn, mềm mỏng tốt đẹp gót tương xứng.

8. Hai bắp vế tròn đầy, như của nai đầu đàn tiên Ế-ni-da.

9. Hai tay dài quá gối.

10. Âm tướng ẩn kín, như long mã, như voi đầu đàn.

11. Các lỗ chân lông thường ánh ra sắc sanh, trên mỗi lỗ đều có một sợi lông mềm mại xoay về bên phải.

12. Tóc lông thẳng đứng uốn về bên phải, mềm mỏng màu sanh biếc, toàn thân sắc vàng người thấy đều yêu thích.

13. Da mỏng mịn, các nước dơ không bám vào.

14. Da thân đều màu sắc vàng ròng, ánh sáng tỏa chiếu sáng diệu như đài vàng, đầy đủ các thứ báu trang nghiêm, rất thích nhìn.

15. Hai chân hai tay cổ và hai vai đều đầy đặn.

16. Vai cổ tròn đầy đặc biệt.

17. Hai nách đầy đặn.

18. Dung nghi đẹp đẽ trang nghiêm.

19. Thân tướng trang nghiêm cao lớn.

20. Thể tướng rộng dài cân đối, vùng quanh thân tròn đầy như Nặc-cù-đà.

21. Oai nghiêm như sư tử đầu đàn.

22. Ánh sáng thường phát ra từ khuôn mặt chiếu xa một tầm.

23. Răng đủ bốn mươi cái bằng đều sạch, khít khao, chắc chắn và trắng như tuyết kha.

24. Bốn răng cửa sạch trắng đều nhọn.

25. Nước bọt có mùi thượng vị, dẫn thẳng tới cổ họng làm cho gân cốt trong cơ thể đều có mùi thượng vị. Các bệnh gió nhiệt không thể xâm nhập.

26. Lưỡi rộng mỏng, sạch, dài có thể che trùm khuôn mặt đến tận mí tóc. Lời nói hòa nhã, tùy chúng nhiều ít đều được nghe như nhau.

27. Giọng nói trong trẽo vang xa như trống trời, lời lẽ nhỏ nhẹ như giọng Tần-già.

28. Mí mắt như trâu đầu đàn, màu sanh biếc ngay thẳng không lẫn lộn.

29. Tròng mắt sanh trong sáng, phân minh rõ ràng

30. Mặt tròn như trăng đầy, tướng lông rõ sạch như cung tên của Thiên đế.

31. Giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng, mềm mại xoay về bên phải, phát ra ánh sáng trong sạch hơn cả tuyết kha.

32. Trên đỉnh đầu có cục thịt nổi cao lên như lọng trời.

Thiện Hiện! Đó là ba mươi hai tướng của Thế tôn.

Y theo văn kinh nói kệ chung rằng:

Vòng lưới hoa văn nhuyễn
Mu bàn chân đầy đặn
Chân lông đẹp nhuận trơn
Da bảy báu vai đầy.
Bàn chân rộng bằng phẳng
Răng đủ như sư tử
Răng, vị, lưỡi, âm, mi

Mắt có hào tướng che. Nếu theo Du già thì khác với ở đây, trong Du-già là nói nghiệp của nhân, sợ văn rườm rà nên thôi, như văn ấy nêu nói:

Gót chân tròn bằng đầy
Màng lưới, vế không lớn
Thế thân trên ánh sáng
Sanh xương vàng bảy chỗ
Vai sư tử bằng thẳng
Răng đủ không hở trống
Hàm rộng, vị trong trẻo
Tướng đảnh như trâu chúa.

Đây đều là lấy chỗ nương của mắt, tai, bốn căn của thân nam và thệit căn làm thể. Mười lực giải thoát như trước đã giải thích. Ngài Thu

tử tự than đồng chung một pháp Phật mà không được việc này.

- Kinh: "Tám mươi loại diệu tốt cho đến mà ta đều đã mất."

- Tán: Tốt đẹp đầy đủ bất cộng đức. Tám mươi tướng đẹp.

Kinh Bát-nhã chép: Phật bảo Thiện Hiện: Thế nào là tám mươi vẻ đẹp ứng Chánh Đẳng giác của Như Lai? Này Thiện Hiện! Đó là:

1. Móng tay thon dài, mỏng bóng như hoa đồng đỏ.

2. Ngón tay ngón chân thon thẳng, dài mềm mại, xương không nổi lên.

3. Tay chân xứng nhau, các ngón khi khép lại đầy kín.

4. Tay chân sáng bóng tươi hồng như hoa sen.

5. Xương cốt chắc chắn ẩn sâu không hiện.

6. Hai mắt cá ẩn.

7. Bước đi thẳng tới trước, khoan thai oai nghi như rồng, voi đầu đàn.

8. Bước đi uy nghiêm ngay thẳng như sư tử vương.

9. Bước vững vàng như trâu đầu đàn.

10. Đi đứng nằm ngồi uyển chuyển thanh nhã như ngỗng đầu đàn.

11. Quay nhìn đều bên phải như rồng voi nhấc mình khi di chuyển.

12. Các khớp tay chân đều đặn tròn đẹp.

13. Đốt xương liền lạc như rồng cuộn.

14. Đầu gối tròn đầy, khéo an bố chắc chắn tròn đầy.

15. Chỗ kín có hoa văn uy thế diệu hảo tròn đầy thanh tịnh.

16. Các chi thân tròn mềm sạch tịnh, không bám bụi trần.

17. Thân hình mạnh khoẻ không yếu đuối.

18. Các chi cứng rắn đầy đặn, khéo phụ thuộc nhau.

19. Các chi an định, không thô động, tròn đầy không hư hoại.

20. Thân như vị tiên vương, toàn thân đoan trang sáng sạch.

21. Ánh sáng bao quanh thân thường chiếu sáng, khi đi thường tự chiếu sáng.

22. Bụng vuông vắn, không thiếu sót, các tướng trang nghiêm, mềm mại.

23. Rún xoay bên phải, sâu xuống lại tròn đẹp thanh tịnh.

24. Rún đầy không lõm không lồi, vòng quanh rất đẹp.

25. Da thịt không ghẻ lở.

26. Bàn tay mềm mại, lòng bàn chân bằng phẳng.

27. Chỉ tay sâu dài, rõ ràng.

28. Môi đỏ thắm bóng mềm. Như trái tần-bà, trên dưới xứng nhau.

29. Mặt không dài không ngắn, không lớn không nhỏ, trang nghiêm vừa vặn.

30. Lưỡi rộng dài mềm mỏng. Như mầu đồng đỏ

31. Âm thanh oai dũng, trong suốt vang xa, như voi đầu đàn rống.

32. Âm vận tốt đẹp như tiếng vang từ hang sâu.

33. Sống mũi cao thẳng, lỗ kín.

34. Răng ngay thẳng đều đặn trắng bóng.

35. Răng trắng sáng, tròn bén.

36. Mắt tròng đen trắng rõ ràng.

37. Tướng mắt dài rộng, giống như cánh hoa sen sanh.

38. Lông mi trên dưới ngay thẳng, khít khao không bạc.

39. Hai chân mày dài nhuyễn mịn, không bạc.

40. Hai mi sanh biếc như màu lưu ly.

41. Hai chân mày xa mắt và cong như trăng lưỡi liềm.

42. Vành tai rộng lớn, trái tai dày thòng xuống.

43. Hai vành tai bằng nhau, không khuyết tật.

44. Dung nghi khiến người nhìn thấy đều sanh lòng kính mến.

45. Trán rộng bằng phẳng, hình dáng đẹp đẽ.

46. Nửa trên thân ròn đầy như sư tử đầu đàn, oai nghiêm không gì so sánh.

47. Tóc dài đen sanh, dày không bạc.

48. Tóc thơm thanh khiết, nhuyễn bóng xoay về bên phải.

49. Tóc suôn không rối, cũng không đan nhau.

50. Tóc cứng, không bị dứt rụng.

51. Tóc trơn bóng bụi bặm không dính.

52. Thân hình đầy đặn vững chắc, hơn Na-la-diên

53. Thân cao lớn ngay thẳng.

54. Các khiếu thanh tịnh tròn đẹp.

55. Có sức mạnh hơn người.

56. Thân tướng ai cũng thích nhìn.

57. Mắt như trăng tròn mùa thu.

58. Dung mạo thư thái, khi nói không ngoái nhìn ra sau.

59. Da mặt trơn láng không vết nhăn.

60. Nước da sạch sẽ không mùi hôi bẩn.

61. Các lỗ chân lông thoảng ra hương thơm.

62. Miệng tỏa mùi hương thanh khiết.

63. Thân tướng đầy đặn đẹp đẽ.

64. Lông trên mình sạch sẽ sanh biếc như khổng tước.

65. Pháp âm tùy chúng ẩn hiện không sai.

66. Tướng trên đỉnh không ai nhìn thấy.

67. Đường khu ốc trên ngón tay chân đều rõ ràng .

68. Lúc đi chân cách đất, bốn ngón tay mà hiện dấu chân.

69. Tự giữ gìn không nhờ người che chở.

70. Uy đức bao trùm tất cả. Người ác nhìn thấy đều vui mừng. Người bị làm sợ hãi được an ổn.

71. Âm thanh tùy theo chúng hữu tình. Không cao không thấp, ý hòa nhã vui vẻ nói.

72. Chỉ dùng một âm ngữ nói pháp mà tất cả chúng hữu tình đều lãnh hội.

73. Âm thanh vừa với sự tiếp nhận của mỗi người.

74. Nói pháp đều tùy theo thứ lớp, không nói lời bất thiện.

75. Quán xét các loài hữu tình mà khen việc thiện, chê việc xấu mà không có yêu ghét.

76. Làm việc gì Phật cũng trước quán sát rồi mới làm khuôn phép đầy đủ để người biết sự thiện tịnh.

77. Tướng tốt của Phật, tất cả hữu tình không thể thấy hết.

78. Xương đỉnh cứng chắc tròn đầy.

79. Dung nhan thường trẻ trung không già.

80. Tay chân và trước ngực đều có tướng tốt xoay vần, có đường hoa văn, sắc loại màu son.

Thiện Hiện! Đó là tám mươi tướng tốt. Như Lai đắc quả Chánh đẳng Chánh giác thành tựu tám mươi vẻ đẹp này. Thân tướng Như Lai tỏa sáng chiếu khắp thế giới tam thiên chẳng nơi nào không sáng. Nếu khi tác ý thì chiếu khắp vô lượng vô biên vô số thế giới. Nhưng vì lòng từ bi thương xót chúng hữu tình, nên Phật thu nhiếp ánh sáng ở trên mặt, chiếu xa một tầm. Nếu tỏa sáng ra cả thân thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng không còn tác dụng, chúng sanh sẽ không còn biết ngày đêm năm tháng giờ giấc, không thể thành tựu các công việc. Âm thanh của Phật vận dụng có thể vang xa khắp Tam thiên Đại thiên thế giới. Nếu tác ý thì sẽ biến khắp cả vô lượng vô biên vô số thế giới. Nhưng vì muốn lợi lạc chúng hữu tình. Nên tùy theo lượng mà không thêm không bớt. Thiện Hiện! Công đức như thế lợi ích rất cao quý, khi Ta còn hành đạo Bồ-tát, tu Bát-nhã ba-la-mật đã thành tựu được việc này. Nay tướng tốt đã trang nghiêm tròn đầy. Tất cả chúng hữu tình đều khen ngợi vui mừng được an lạc lợi ích thù thắng. Này Thiện Hiện! Như thế Đại Bồ-

tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa. Có thể dùng hai thứ tài pháp bố thí cho tất cả chúng hữu tình. Thật là pháp rất ít có. Ba mươi hai tướng do hành trì năm thứ tu:

1. Phát tâm.
2. Thời gian dài.
3. Không gián cách.
4. Ân trọng.
5. Cảm đắc quả Vô dư.

Như luận Du-già quyển ba mươi bảy chép: Mười tám pháp Bất cộng dùng năm môn để phân biệt:

1. Danh;
2. Thể;
3. Hành tướng;
4. Khác nhau;
5. Các môn.

Danh là:

1. Thân không lầm lỗi.
2. Không nói lời hung bạo.
3. Không có các tưởng.
4. Không có tâm bất định.
5. Không quên mất niệm.
6. Không bất trạch xả.
7. Dục vô giảm.
8. Niệm vô giảm.
9. Tinh tấn vô giảm.
10. Định vô giảm.
11. Tuệ vô giảm.
12. Giải thoát vô giảm.
13. Thân nghiệp thực hành theo trí tuệ .
14. Ngữ nghiệp thực hành theo trí tuệ .
15. Ý nghiệp thực hành theo trí tuệ .
16. Biết đời quá khứ, không trước không trở ngại.
17. Biết đời vị lai không mê đắm, không trở ngại.
18. Biết đời hiện tại không mê đắm, không trở ngại.

Đây là dùng tám pháp: Tư, tưởng, dục, thắng giải, niệm, định, tuệ, cần làm thể. Trong sớ Vô cấu xưng quyển thứ hai giải thích rõ ràng. Người Nhị thừa không có pháp bất cộng .

Luận chép: Hai bài kệ trên nói về nghĩa gì? Xá-lợi-phất tự trách

mình không gặp chư Phật. Không đến chỗ Phật nghe pháp. Không cung kính cúng dường chư Phật, không làm việc lợi ích chúng sanh, chưa đắc được pháp đã lui sụt, thế nên Xá-lợi-phất tự trách thân mình.

Trên là giải thích ý tự quở trách. Ở dưới là nói tự nhắc lại giải thích ý tự trách và văn kinh tụng. Hợp cả hai lại giải thích thì có tám câu. Trong đó năm câu giải thích lời tự trách. Ba câu còn lại giải thích nghĩa kinh tụng.

Không thấy: Là không thấy tướng bậc Đại nhân Chư Phật Như Lai mà sanh tâm cung kính cúng dường. Tự quở trách không tu nhân Đại thừa, nên không thể thấy tướng của chư Phật, để cung kính cúng dường.

Không đến: Là chỉ rõ năng lực giáo hóa chúng sanh ở hiện tại của Phật, có khả năng hóa độ chúng sanh, mà con không đến chỗ Phật. Hai câu trên là giải thích lời tự trách.

Ánh sáng sắc vàng là thấy tự thân dị thân của Phật đắc vô lượng công đức. Đây là giải thích trong kinh nói sắc vàng: Do thấy Phật, nên thân con đối với thân khác được vô lượng công đức quả.

Nghe là có khả năng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Đây là giải thích lời tự trách không nghe nói . Nếu nghe thì có thể làm các việc lợi sanh.

Lực: Là có chúng sanh nghi y theo mười lực dứt nghi. Đây giải thích trong văn kinh nói Thập lực cúng dường là nói về lực giáo hóa chúng sanh. Đây giải thích lời tự trách không cúng dường chư Phật. Phật có thể hóa độ chúng sanh, chúng con nên cúng dường, mà xưa vì sao không cúng dường.

Mười tám pháp bất cộng: Xa lìa các chướng ngại. Đây giải thích nghĩa mười tám pháp bất cộng trong hàng tụng.

Cung kính: Sanh vô lượng phước đức. Y theo lời Như Lai dạy mà được giải thoát, chứng đắc các pháp người, pháp vô ngã bình đẳng. Đây giải thích phần tự trách nói không cung kính. Nếu cung kính thì sanh ra vô lượng phước đức, chứng pháp bình đẳng. Cho nên tự trách từ xưa đến nay chưa đắc pháp này, nên đối với pháp này sanh tâm lui sụt. Đó gọi là mất đại pháp mà khởi lời than trách.

- Kinh: "Con ở nơi kinh hành cho đến chính con tự khinh dối"

- Tán: Danh lợi đức cao rộng, tự xem thường mình nên thường suy nghĩ đã mất đi công đức này của Phật mà không dám cầu Đại thừa. Tự lừa dối mình nên cho đắc Tiểu thừa là đủ.

- Kinh: "Con thường trong ngày đêm cho đến suy xét việc như

thế.”

- Tán: Nói tự khởi trách than.

Hàng tụng đầu: “Muốn hỏi Phật, là mất Đại thừa hay không ?”

Hàng tụng sau giải thích nghi: “Con thường thấy Phật, chỉ khen ngợi Bồ tát” mà không khen con, vì thế nghi phát sanh nên suy xét việc này.

- Kinh: “Nay nghe tiếng Đức Phật nói cho đến khiến chúng đến đạo tràng cho đến”

- Tán: Đây trở xuống mười bốn hàng, tụng về vui mừng, nay nghe pháp liền dứt hết lo buồn. Trong đây chia làm hai: Mười hai hàng rưỡi đầu tụng về dứt nghi hối. Một hàng rưỡi tụng rất được an ổn. Phần đầu lại có hai:

- Năm hàng tụng hối hận xưa đã hết.

- Bảy hàng rưỡi sau là tụng về nghi bây giờ chẳng còn.

Năm hàng đầu lại có hai: Một hàng nêu lý do dứt hối. Bốn hàng sau chính là nói việc dứt trừ.

Do nghe âm thanh Phật tùy nghi nói pháp, ý thú khó biết, vô lậu khó nghĩ bàn, sở đắc khó giải. Khiến cho chúng Nhị thừa bỏ giáo tùy nghi, đạt đến pháp sâu mầu mà Phật đã chứng đắc ở đạo tràng, nên hối đã dứt gọi là vô lậu.

- Kinh: “Con xưa chấp tà kiến cho đến được chứng pháp không cho đến”

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng là dứt hối.

Chia làm hai: Một hàng rưỡi là nói việc bỏ tà về chánh. Hai hàng rưỡi là nói nay biết Tiểu để hướng Đại.

Trong Bổn sự nói: Ngoại đạo San-xà-da thống lãnh một trăm môn đồ, sau quy y Phật xuất gia tu chứng lý nhân không đắc quả A-la-hán, xưng là thầy Phạm chí. Gọi đó là bỏ tà đắc chứng được pháp không.

- Kinh: Bấy giờ tâm tự như cho đến chẳng phải thật diệt độ cho đến”

- Tán: Trở xuống hai hàng rưỡi tụng là nói nay biết Tiểu để hướng Đại. Chia làm hai:

- Một hàng tụng biết Tiểu.

- Một hàng rưỡi biết Đại thật.

Xưa không biết cho là thật diệt độ.

- Kinh: “Nếu lúc được thành Phật cho đến hết hẳn không còn”.

- Tán: Biết đại là thật diệt độ. Khi đắc quả thành Phật, trong đầy đủ các tướng tốt, ngoài được chúng sanh quy kính, mới xa lìa hai thứ

sanh tử, lại không còn hữu lậu. Cho nên biết Đại thừa là chân thật diệt.

- Kinh: "Phật ở trong đại chúng cho đến nghi hối đều đã trừ."

- Tán: Trở xuống bảy hàng rưỡi tụng "Nghi nay đã hết". Chia làm hai: Một hàng tụng tổng kết hối ở trước đã hết, là lý do để dứt nghi sau. Sáu hàng rưỡi chính giải thích về dứt nghi.

- Kinh: "Trước nghe Phật nói pháp... cho là ma làm ra!"

- Tán: Sáu hàng tụng rưỡi chính giải thích về dứt nghi. Lại chia làm hai:

Một hàng đầu tụng nêu lý do sanh nghi.

Năm hàng tụng rưỡi chính giải thích dứt nghi. Xưa Phật nói Ba thừa cho đến chúng con đã được rồi". Nay nói là một thừa cùng xưa nói trái ngược. Nói pháp con sở đắc chẳng phải là thật quả diệt. Cho nên trong tâm kinh nghi, cho Phật là ma làm não loạn lòng ta. Nghi này đối với sự thì gọi là dị thục sanh, không nghi ở lý nên không phải là phiền não. Hoặc ưu trước cùng với, nghi khởi, chẳng phải ngài Thu Tử còn ưu tư nghi ngờ.

- Kinh: "Phật dùng các thứ duyên cho đến cho là ma làm ra"

- Tán: Năm hàng tụng rưỡi, giải thích nghi hết. Có bốn phần:

- Một hàng tụng Phật khéo nói, an tâm, nên dứt đoạn.

- Hai hàng tụng nói Phật ba đời cùng nói phương tiện, nên dứt đoạn.

- Một hàng tụng giải thích Phật nói đồng, nên dứt đoạn.

- Một hàng tụng rưỡi biết Phật khác nhau với ma, nên dứt đoạn.

Phật nói có hai: Một là pháp nói. Hai là dụ nói.

Các thứ duyên là đạo lý pháp nói. Các thứ thí dụ là nói so sánh. Ngoài hiện ra hai lời khéo léo này để nói pháp. Bên trong an ổn vững chắc bất động như biển, cho nên dứt nghi. Dùng ngôn từ không khéo lý là dụ trái với tông. Tâm có dao động, trí mê chân cảnh, trong ngoài có trở ngại nghi ngờ khó dứt trừ. Nay thì không đúng, cho nên dứt đoạn.

- Kinh: "Phật nói thời quá khứ cho đến Giảng nói pháp như thế."

- Tán: Ở Đây nói chư Phật ba đời đồng nói phương tiện, cho nên dứt đoạn.

Hàng đầu tụng về Phật quá khứ, hàng sau tụng về Phật vị lai và hiện tại. Đầu tiên nói phương tiện, sau mới nói chân thật. Tức là lãnh hội Chư Phật ba đời đồng nói như trước. Chúng nghe nói đạo trái xưa nên khởi nghi. Các bậc Thánh cùng có phương pháp ấy nên nay dứt nghi .

- Kinh: “Như nay Đức Thế tôn cho đến Cũng dùng phương tiện nói.”

- Tán: Đây giải thích các Phật nói, đồng nhau cho nên dứt đoạn. Từ khi sanh và xuất gia là thân phương tiện. Đắc đạo là ý phương tiện. Xoay bánh xe là ngữ phương tiện. Đầu tiên nói Ba thừa đồng với Chư Phật ba đời đã dạy, cho nên nói cũng dùng phương tiện mà nói pháp. Ba nghiệp trái ngược khiến cho khởi nghi. Sắc tâm cùng thuận nên nghi dứt. Lại đầu cuối trái ngược thì nghi liền khởi. Trước sau nói thuận, cho nên dứt nghi.

- Kinh: Thế tôn nói thật đạo cho đến Cho là ma làm ra.”

- Tán: Biết đạo tích của Phật và ma khác nhau, cho nên nghi dứt, ma thì nói trái với chân lý, cho nên nghi khởi. Phật nói thuận diệu lý nên dứt nghi.

- Kinh: “Nghe tiếng Phật mềm mỏng cho đến An trụ trong thật trí.”

- Tán: Một hàng rưỡi này hợp thành mười bốn hàng tụng nói nay ưa nghe pháp mà diệt ưu não: Mười hai hàng rưỡi tụng trên là đã dứt nghi hối. Một hàng rưỡi tụng này nói rất được an ổn. Đem lòng từ bi tiếp dẫn nên nói lời mềm mỏng, như chớp ẩn giấu sấm để nói lý diệu huyền nên gọi là thâm viễn (xa xôi), như tiếng Ca-lăng đáng yêu thích nên nói là rất mầu nhiệm, lìa danh lợi cùng các việc tạp uế, nói nghĩa Nhất thừa nên gọi là diễn xướng pháp thanh tịnh. Sướng có là tùy thích nghĩa xa, nghĩa rõ. Tâm đã vui mừng, nghi hối dứt hẳn tâm xưa ở quyền, nay trí trụ ở thật. Thật nghĩa là Nhất thừa. Nay là chỗ cầu chứng, quyền là xưa vì Nhị thừa mà dùng phương tiện.

- Kinh: “Ta chắc chắn thành Phật cho đến giáo hóa các Bồ-tát.”

- Tán: Đây là hàng tụng thứ tư: Biết là Phật tử nên đạo thành. Nay ta là Phật tử sẽ thành Bồ-tát, từ ngôn giáo Đại thừa của Phật sanh ra. Đã tu nhân đại thì chắc chắn sẽ thành Phật. Ngoài được trời người cung kính có thể xoay bánh xe Vô thượng. Rốt ráo chỉ nói Nhất thừa nên có thể giáo hóa Bồ-tát.

- Kinh: “Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến theo ta thọ học.”

- Tan: Từ châu thứ nhất trở xuống đến châu thứ ba là lời Như Lai thuật lại thành tựu. Cũng như trong phẩm Dược Thảo Dụ Trùng thuật lại thành tựu. Ở đây chia làm ba: Đầu tiên trình bày việc gặp Phật trước kia. Kế là thuật lại việc gặp gỡ bây giờ. Sau là y theo trước mà nói thật.

Đây là phần đầu. “Từng ở chỗ hai muôn ức Đức Phật thường dùng

đạo Vô thượng giáo hóa cho các thầy".

Trong giới kinh Ưu-ba-tắc chép: Xá-lợi-phất từng có sáu mươi kiếp thực hành Bồ-tát đạo. Có Bà-la-môn đến xin mắt, Thu Tử bèn cho. Người kia vứt đôi mắt xuống đất rồi đạp lên, mắng chửi rồi bỏ đi. Ngài Thu Tử hối hận liền tâm lui sụt Đại thừa. Đây là nói hai muôn Phật sở dĩ làm bạn lành thường giáo hóa Đại thừa. Thu Tử lúc ấy cũng được Phật giáo hóa.

- Kinh: "Ta dùng phương tiện... sanh trong pháp ta."

- Tán: Đây thuật lại việc gặp Phật bây giờ. Sau khi lui sụt đại tâm. Phật biết ông sợ pháp đại, tình chấp vào tiểu quả, nên giáo hóa Thanh văn khiến cho chứng pháp vô học, tạm dẫn dụ gọi đó là phương tiện, để chứng lý sanh không khởi trí vô lậu, trụ vào Phật pháp nên gọi là trong pháp ta. Từ trong pháp Phật sanh ra như thế mới gọi là sanh chân thật.

Vả lại như Thu Tử tánh lui sụt là tánh Đại thừa gần sanh ra mà thuần thục còn xa, cho nên người sơ phát tâm Đại thừa giữa đường lui sụt. Hàng Tiểu tánh thừa gần thuần thục mà còn xa lại sanh tánh Đại, nên giữa đường phát tâm Tiểu thừa mà chứng tiểu quả. Đầu tiên dạy ý Đại thừa để chứng nhân thật người giữa đường cầu chứng tiểu quả thì vì khiến bỏ dần phương tiện.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến đã đắc diệt độ."

- Tán: Lại khiến y theo trước kia mà giữ thật. Đây chia hai:

1. Phát khởi ý thật. Vì tu quyền mà quên thật.

2. Làm cho nhớ lại bổn tâm. Nói Pháp Hoa nhắc lại căn bổn. "Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo", là nêu ra ý thật. "Nay ông đều quên mà cho là đã được diệt độ." Vì tu quyền mà quên thật chưa chứng quả Thanh văn trước, chưa đắc trí vô lậu túc mạng. Tuy trải qua sáu mươi kiếp luyện căn đắc trí vô lậu túc mạng của Thanh văn, biết đã gần đạo. Xưa từng tu Đại thừa nhưng nay ông đều quên, nên cho sở đắc là thật diệt độ, mà không chịu tiến tu".

Trong phần chỉnh ở quyển trước có nói: Đời đời đã từng thọ hóa với Phật. Nay nói quên, trong đây có bốn lời giải:

1. Là tự nhớ theo Phật tu Tiểu thừa, còn Phật nói Đại thừa thì đều quên mất.

2. Phật đầu tiên dạy Đại thừa, nay đều quên mất. Tự nhớ giữa đường được giáo hóa học theo Tiểu thừa.

3. Ngài Thu Tử nhớ mà người khác không nhớ. Nay nhờ Thu tử nhớ để nói với người khác, nên nói đều quên.

4. Trước nói Phật che chở cho nên nhớ. Nay bàn về tự tâm mình

nên quên, cũng không trái nhau.

- Kinh "Ta nay lại muốn cho đến Phật hộ niệm."

- Tán: Khiến nhớ lại bổn tâm mà Phật nói kinh Pháp Hoa để phục hồi bổn nguyện của chúng. Đầu tiên hóa độ tiểu căn hướng đại gọi là vì Thanh văn mà nói kinh Đại thừa Diệu pháp liên hoa. Sau khi đã hồi tâm thì gọi là giáo pháp Bồ-tát Phật sở hộ niệm. Cho nên biết Diệu pháp liên hoa ngoài ra cũng gọi là tên khác Vô lượng nghĩa, nhưng công năng thể tánh có khác, đối cơ hiển lý có khác, nên chia làm hai kinh đó thôi, như trong quyển đầu có nói.

- Kinh: "Xá-lợi-phất... đạo sở hành."

- Tán: Là đoạn thứ tư trong châu thứ nhất Phật vì thọ ký Thu tư. Đây có hai:

1. Thọ ký.
2. Trời người cúng dường khen ngợi hồi hướng.

Thọ ký có hai phần:

1. Nói việc thọ ký.
2. Một hàng tụng kết lại khiến cho đại chúng vui mừng.

Văn đầu lại có hai:

1. Thọ ký nhân .
2. Thọ ký quả .

Trong phần đầu lại có bốn:

1. Thời gian trải qua vô biên kiếp.
2. Ngoài gặp duyên lành, gặp được biết bao vị Phật.
3. Phụng trì chánh pháp.
4. Hành đầy đủ lợi sanh.

Phải nhân hành mãn quả mới viên thành. Chưa nhập vào thập tín còn cách hai muôn kiếp. Huống chi khi mới khởi tâm thì thời gian rất xa. Thế nên ở phần một này trước nói về nhiều kiếp mới được gặp Phật, mới thể nhập vào đại kiếp tu trì chánh pháp.

- Kinh: "Sẽ được thành Phật cho đến Phật Thế tôn".

- Tán: Nói về quả ký. Có hai:

1. Văn xuôi.
2. Kệ Tụng.

Văn xuôi có sáu:

1. Đức bên trong tròn đầy thành tựu.
2. Cõi nước bên ngoài trang nghiêm.
3. Nói pháp đồng như ngày nay.
4. Kiếp tên Dị tức.

5. Phụ giúp hơn kém.

6. Pháp trụ lâu mau.

Mắt thấy trời mưa hoa, Phật phát ra ánh sáng. Tai nghe kinh Pháp Hoa ánh sáng trí.

Lại bên ngoài thì lãnh hội bí pháp, bên trong phát ra trí quang, do hai nghĩa này mà gọi là Hoa Quang. Hễ ghi nhận Phật danh lý không y cứ một. Lại như Phật Thích-ca, Di-lặc do thấy Phật kia mà cho là tên. Thu Tử đầu tiên mượn sự thấy nghe mà đặt tên. Trong Luận Trí độ chép: Ba trăm Tỳ-kheo cởi y dâng lên Phật, đưa tay ra làm tướng, nên được ghi là Đại tướng Như Lai. Lại có ngàn vị Thiên tử thấy cõi nước Phật trang nghiêm vương. Lại trong phẩm Thiệt tướng kia có mười muôn ức người thấy mười phương Bồ-tát đến dâng hoa cúng dường, phát tâm mà được Phật thọ ký là Phật Giác Hoa. Kiếp tên là Hoa Tích. Các thứ như vậy không thể y cứ một. Hoặc đây do lúc đầu gặp Phật, sau khi gặp duyên này phù hợp với bổn nguyện.

Thọ ký lược chia làm sáu môn :

1. Lý do thọ ký.

2. Ai có thể thọ ký(năng thọ kí).

3. Ai được thọ ký. (sở thọ kí)

4. Thọ ký khác nhau.

5. Giải thích chướng ngại.

6. Thanh văn dị loại.

Lý do thọ ký lược có năm nghĩa:

1. Luận chép: Vì sanh tâm Thanh văn chắc chắn, nên chẳng thành tựu pháp tánh, chẳng phải đã chứng đắc nhị không pháp tánh, mà vì thọ ký, khiến sanh tâm chắc chắn hướng về Đại thừa nên Phật vì thọ kí.

2. Luận chép: Hiển bày tánh pháp thân bình đẳng của Phật; hữu vi có khác nên nói Ba thừa. Chân lý đã đồng thì pháp thân không khác.

3. Trừ tâm Bồ-tát lâu nay đã nghi Thanh văn không được thọ kí thành Phật, nay nghe thọ ký nên nghi lâu kia cũng hết.

4. Ưa thích thành Phật, vì thấy việc thọ ký này, vui vì từ nay sẽ hành trì nhân thành Phật.

5. Là lí do nói Nhất thừa, mười nghĩa tức là lý do thọ ký ở đây. Nói về năng thọ ký, trong đây có ba ý:

a. Là nói sở y.

b. Là thể thọ ký.

c. Là dụng thọ kí.

Sở y là nói người có thể thọ ký, tức là Phật. trong kinh có sáu chỗ

thọ kí, thì năm là Phật thọ kí và một là Bồ tát thọ ký (Phẩm Thường bất khinh) Như Lai năm chỗ thọ ký là: Biệt ký. Đồng ký. Hậu ký. Vô oán ký và Thông hành ký.

Bồ-tát ký gọi là thọ ký nhân đầy đủ. Như trong phẩm Thường bất khinh nói về lễ bái khen ngợi bạch: Ta không khinh các thầy, các thầy đều sẽ thành Phật, tức chỉ rõ tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Thọ ký danh hiệu Phật vị lai chỉ có Phật, chư Thánh không thể biết được tên danh hiệu cõi nước của chư Phật vị lai. Người dưới không thể biết việc người trên. Nếu biết hết thì Bồ-tát cũng thọ ký được, vì cũng đầy đủ nhân Phật tánh. Kinh này đã như vậy, việc thọ ký trong các bộ kinh khác cũng không qua hai bậc này.

Thể thọ ký là hậu đắc trí, thế tục trí. Dụng thọ kí là ngôn giáo, chỉ có tha thọ dụng biến hóa thân. Trong năm uẩn thì tùy theo thích ứng mà làm thể, Thập địa Bồ-tát, Ba thừa đều khác nhau.

Nói về sở thọ ký có hai:

1. Sở y.

2. Thể tánh.

Sở y tức là người được thọ ký. Luận nói có sáu nơi nói lên.

1. Là biệt ký cho bốn vị đại Thanh văn các ngài Xá-lợi-phất, Ca-diếp mọi người đều biết, danh hiệu khác nhau nên thọ ký cho riêng.

2. Đồng thọ ký cho các ngài Phú-lâu-na cùng năm trăm vị, một ngàn hai trăm vị v.v... cùng một danh hiệu, cùng thời thọ ký.

3. Hậu ký: Học vô học v.v... cùng đồng một hiệu. Tuy cũng hạ căn nhưng chúng không biết, nên thọ ký cho.

4. Vô oán ký: Thọ ký cho Bồ-đề Đạt-đa, nói về là Như Lai không có kẻ thù.

5. Thông hành ký: Cùng Tỳ-kheo ni và thiên nữ đều được thọ ký. Nói về ra thân người nữ, tại gia, xuất gia tu Bồ-tát hạnh, đều chứng quả Phật.

6. Đầy đủ nhân ký: Nói lên chúng sanh đều có Phật tánh.

Sáu pháp thọ ký này, thì Biệt ký ở trong phẩm Thí dụ và phẩm Thọ ký. Đồng ký ở trong phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký. Hậu ký thì ở trong phẩm Thọ học vô học nhân ký. Vô oán ký trong phẩm Đề-bà-đạt-đa. Thông hành ký trong phẩm Pháp sư và phẩm Trì. Đầy đủ nhân ký thì trong phẩm Thường bất khinh.

Theo lý mà suy ra thì dị sanh chưa có phát tâm và sau khi phát tâm, Nhị thừa bất định tánh, cùng các Bồ-tát bốn thứ người này đều gọi là sở thọ ký. Một hội Pháp Hoa là hóa độ xả quyền mà thành tựu thực,

không vì Thập địa Bồ-tát mà thọ ký. Luận về việc xưa, có người chưa phát tâm trước được thọ ký đầy đủ nhân riêng chỉ có phàm phu phát tâm rồi tâm, sau đó chỉ nghe Pháp Hoa thì không có một ai mà không thành Phật, và thọ ký cho Nhị thừa bất định tánh cũng không khác. Nhân thể tức là gốc lành vô lậu có cả hiện và chủng. Từ nhân được quả thể có cả năm uẩn, phần nhiều là hóa thân và tha thọ dụng thân, tức là hiển bày từ bi cho nên tạo ra đức tánh cao, có khác nhau nên có hóa chúng, các sự ký biệt bên dưới sẽ nói lên đầy đủ. Thọ ký khác nhau là: Kinh Thủ lăng nghiêm Phật bảo Kiên Ý Bồ-tát. Thọ ký gồm có bốn thứ: Có người chưa phát tâm mà thọ ký cho. Có người vừa phát tâm liền thọ ký. Có mật thọ ký. Có đắc vô sanh pháp nhẫn mà hiện tiền thọ ký. Bốn loại này, chỉ có Như Lai có thể biết. Trong kinh Bảo vân cũng nói như thế. Kinh Du-già quyển bốn mươi sáu nói lược do sáu tướng mong cầu các Như Lai đối với quả Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thọ ký riêng. Sáu tướng là:

1. An trụ chủng tánh cho người chưa phát tâm.
2. Ngôi vị đã phát tâm.
3. Vị hiện tiền.
4. Vị không hiện tiền.

Bốn tướng này đồng như trong kinh Lăng nghiêm. Mật ký kia tức đây là ở mật xứ không hiện tiền. Hoặc đắc vô sanh pháp nhẫn kia là hiện tiền đây. Người chưa đắc là không hiện tiền. Hoặc thân chỗ ngồi gọi là hiện tiền, thân không ở chỗ ngồi là không hiện tiền. Trong phần đồng ký ở quyển thứ tư dưới có người không có trong hội này.

5. Phật sai truyền ký: Có định thời hạn nghĩa là những người trong hội lúc này sẽ chứng Vô thượng Bồ-đề.

6. Không định thời hạn là không giảng nói thời hạn chắc chắn mà thọ ký. Nay ngài Xá-lợi-phất ở trong các tướng hai, ba, và sáu. Đã phát đại tâm, hiện trụ trước Phật không nhất định thời hạn.

Kinh Niết-bàn chép: Tu-đà-hoàn thì tám muôn kiếp mới đến thành Phật. Cho đến A-la-hán hai muôn kiếp. Bích-chi-phật một muôn. Nói đến (đáo) là đến quả vị Chánh đẳng Chánh giác. Nên biết kinh này nói kiếp là đến sơ tâm thập tín, mới vào sơ kiếp. Bồ-tát Địa chép: Lần hồi tu hành không bằng sơ tâm tu hạnh Bồ-tát, đắm trong vị vắng lặng thật là sâu nặng. Do đây nên nói quá vô lượng kiếp mới cúng dường biết bao ngàn muôn ức Phật hành Bồ-tát đạo. Có ba chắc chắn:

1. Chủng tánh định: Gặp duyên liền có thể chứng Chánh giác.
2. Phát tâm định: Phát đại tâm rồi thì không lui sụt.

3. Bất hư hành định: Đắc tự tại rồi, làm lợi ích chúng hữu tình, quyết không luống qua.

Đầu tiên ở Địa tiền, phát tâm Bồ-đề trong năm thứ Bồ-đề.

Kế đến là sơ địa chứng phát tâm.

Cuối cùng là ở Bát địa.

Nay y theo chủng tánh đầu nên thọ ký cho .

Giải thích các chướng nạn là: Luận nói Thanh văn kia là thật thành Phật, cho nên thọ ký riêng. Vì không thành Phật mà cùng thọ ký.

Nếu thật thành Phật thì vì sao Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp tu tập vô lượng công đức. Nếu không thành Phật thì sao lại thọ ký luống dối. Ý này muốn hỏi. Nếu Thanh văn chỉ trụ vào trăm kiếp luyện căn tu hạnh Thanh văn, thì thật được thành Phật và được thọ ký. Bồ-tát vì sao ở trong vô lượng kiếp, tu tập vô lượng công đức mới thành Bồ-đề Phật. Tu một ít nhân đã có thể thành Phật đó, nếu Thanh văn tu ít nhân mà không thành Phật, thì sao nay phải thọ ký luống dối?

Luận tự đáp:

Người Thanh văn được thọ ký đó là đắc tâm chắc chắn chẳng phải thành tựu pháp tánh. Ý này nói là: Nay Thanh văn đắc tâm chắc chắn thành Phật, tiến tu diệu hạnh, chẳng phải đã chứng hội nhập, thành tựu chân lý pháp tánh nhị không mà thọ ký cho. Luận lại giải thích: Như Lai y theo Ba thừa bình đẳng mà nói pháp Nhất thừa. Vì pháp thân Như Lai và pháp thân Thanh văn kia không khác. Cho thọ ký chẳng phải là có đầy đủ công đức tu hành, cho nên thọ ký cho.

Thập địa Bồ-tát thành tựu pháp cho nên công đức đầy đủ, các Thanh văn thì công đức chưa đầy đủ. Vì thế, Bồ-tát tu vô lượng kiếp mới đắc Bồ-đề. Thanh văn chưa tu vô lượng công đức, chỉ khiến được tâm chắc chắn thành Phật, nên thọ ký cho.

Hỏi: Thanh văn vô học thì vĩnh viễn đoạn hậu hữu. Vì sao lại thọ ký trải qua ba đại kiếp sẽ được Bồ-đề?

Đáp: Trong luận Hiển dương chép: Y theo thân biến hóa chẳng phải là thân nghiệp qủa, nên không trái lý.

Thành Duy thức chép: là tên khác của sanh tử biến dịch . Ý này nói: Trước chưa phát tâm thì thân hiện có hạn. Do sau khi thọ ký phát đại thệ nguyện cầu đại Bồ-đề sau đó độ chúng hữu tình, bèn nhập vào bờ mé vô lậu thắng định, nhờ việc làm xưa mà cảm thân nghiệp nay, khiến cho nhiều đời cho quả không dứt. Từ quả này trợ giúp nghiệp, lại do vô lậu trợ giúp, lần lần chuyển từ dị thục thô cũ thành mầu nhiệm. Về sau, sự nhỏ nhiệm càng rộng lớn, thù diệu khác với xưa cũng như là

biến hóa. Do biến dịch này khác với lúc trước nên gọi là sanh tử biến dịch , thường giúp sức thêm lớn cho đến thành Phật. Bởi vì, phần đoạn sanh tử kia tuy đã đoạn vĩnh viễn, như nói đã qua ba trăm do-tuần rồi hóa làm một thành mà biến dịch chưa hết, nên lại nói còn hai trăm do-tuần nữa mới đến Đảo châu báu. Phần đoạn sanh tử tuy đã đoạn tận, nhưng thọ biến dịch sanh tử cho đến thành Phật. Thanh văn hướng về tịch diệt thì không có việc này. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Vô minh trụ địa là duyên, nghiệp vô lậu là nhân. Có A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát Đại lực ba thứ ý sanh thân. Điều này có nói đầy đủ trong các chương của Du-già Phật địa và Duy thức.

Thanh văn loại khác: Luận nói Thanh văn có bốn:

1. Chắc chắn.
2. Tăng thượng mạn.
3. Lui sụt tâm Bồ-đề.
4. Ứng hóa.

Như Lai thọ ký cho hai hạng người là ứng hóa và người lui sụt tâm Bồ-đề. Trừ người chắc chắn và tăng thượng mạn vì căn chưa thuần thục nên Như Lai không thọ ký. Bồ-tát thọ ký cho đó là phương tiện khiến cho phát tâm, như Thường bất khinh thọ ký. Đây nói chưa thuần thục đó là hạng tăng thượng mạn có thể được. Hạng người hướng về tịch diệt cuối cùng không thuần thục sao nói là chưa? Vì chưa có nghĩa là không. Theo lý chính xác nên nói người hướng về vắng lặng không mê mờ pháp, mà tín căn chưa thuần thục nên Phật không thọ ký, không thọ ký rõ ràng đời sau thành Phật. Bồ-tát thọ ký cho là bao gồm biệt ký có lý Phật tánh, phương tiện để họ phát tâm tin Đại thừa. Người tăng thượng mạn tin hướng đến màcăn chưa thuần thục. Phật cũng không thọ kí rõ ràng riêng việc thành Phật ở đương lai. Bồ-tát cũng vì bao gồm biệt ký, phương tiện để họ phát tâm tin hướng. Nay hợp lại thành văn nói: Căn chưa thuần thục, không phải người hướng cầu vắng lặng tương lai cũng được thành Phật.

Luận Trang Nghiêm chép: Gốc lành của người khác, khi Niết-bàn hết, còn gốc lành của Bồ-tát không như vậy. Trong kinh Niết-bàn chép: người Tu-đà-hoàn cho đến đều được thành Phật gọi là không giải được ý ta. Cho nên biết người hướng tịch thì nhất định không thành Phật.

Hạng ứng hóa Thanh văn có người nói như ngài Xá-lợi-phất. Bốn đại Thanh văn là hạng thượng căn, năm trăm đệ tử là trung căn, người học vô học là hạ căn. Nay giải thích không như. Đầu kinh Hoa nghiêm nói ngài Xá-lợi-phất là ứng hóa. Sau ở phẩm Nhập pháp giới, Ngài

Xá-lợi-phất dẫn sáu ngàn đệ tử từ trong phòng đi ra, Văn-thù-sư-lợi nói cho họ nghe mười pháp, bèn phát tâm Bồ-đề. Tức trong đây được thọ ký thì chẳng phải là ứng hóa. Một mình Ngài Xá-lợi-phất là Thanh văn thượng căn . Bốn đại Thanh văn là trung căn, năm trăm đệ tử là hạ căn. Xét theo kinh dưới nói Phú-lâu-na là người ứng hóa trong hội Pháp Hoa này, Như trong mười nghĩa Nhất thừa của nghiệp luận giải thích ứng hóa, cũng đồng như kinh Lăng-già. Thanh văn nhiều kiếp nhập Niết-bàn uống rượu Tam muội say sưa nằm ngủ, sau từ định tỉnh dậy phát tâm hướng về đại. Đó chính là chư Phật Bồ-tát hóa thành để dẫn dắt chúng sanh khác.

- Kinh: Nước tên Ly-cấu cho đến trời người rất đông."

- Tán: Phần hai nói bên ngoài cõi nước trang nghiêm, hóa thành cõi tịnh. Văn có mười nghĩa. Trong đây có năm:

1. Nước tên Ly-cấu là cõi thuần thiện, không chiêu cảm sáu cấu.

2. Người ở cõi nước đó tâm bình đẳng, lìa hết cao mạn. Đối với hai thứ hơn kém không sợ hãi không khinh thường, lìa tâm siểm mạn.

3. Tịnh uế: Cõi này vì tâm chúng sanh tô điểm thanh tịnh nên cõi Phật tịnh.

4. Là nơi an lành yên ổn, đầy vui sướng không có nạn sát đạo, các việc binh đao, bệnh tật, đánh mắng, đói khát...

5. Trời người thiện ác lừng lẫy: Do bên ngoài không có bạn ác tri thức, phiền não phân biệt tất cả , không hiện hành nên không có đường ác, nên trời người rất đông.

- Kinh: "Đất bằng Lưu lý cho đến thường có hoa quả."

- Tán: Văn này có năm:

6. Là lưu ly tô điểm làm đất, tâm không lầm lỗi.

7. Mặt đất có tám giao lộ: Tu bát trai giới và bát Thánh đạo. Đông Tây có bốn, Nam Bắc có bốn nên gọi là tám đường giao thông. Hoặc Đông Tây có tám, Nam Bắc cũng tám. Từ một phương mà đặt tên, hoặc con đường của tám phương nên nói tám đường giao thông .

8. Đường trang nghiêm bằng dây vàng là đạo hạnh sở cảm của bốn tổng trì.

9. Rừng cây bảy báu thành hàng, là tu bảy thánh tài trì bảy chi giới.

10. Thường có hoa quả, thường tu bảy giác, tám giải thoát, Nhân đó mà thêm lớn.

- Kinh: "Hoa Quang Như Lai cho đến giáo hóa chúng sanh."

- Tán: Phần ba nói pháp đồng, nay có hai:

1. Là nói đồng với nay.

2. Giải thích vì sao?

Ở đây nói phần một. Vì đồng với nay cho nên gọi là "cũng dùng, tuy chẳng phải đời ác, cũng chẳng phải cõi uế đã nói thanh tịnh tức rõ là hóa cõi tịnh.

Nói thanh tịnh là nói hóa Tịnh độ.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến nói pháp Ba thừa"

- Tán: Đây giải thích lý do.

Y cứ vào thật pháp thì Phật Thích-ca cũng do bổn nguyện. Nay ẩn nguyện lực, chỉ xuất hiện ra đời ác. Muốn nói chư Phật hành lợi bất đồng. Ta ra đời ác vì muốn giáo hóa chúng sanh, đầu tiên thì dùng phương tiện, sau dùng chân thật, cho nên lấy Ba thừa. Hoa Quang Như Lai nguyện ý đều giúp khắp. Cho nên chỉ xưng bổn nguyện như thế. Muốn chúng sanh biết ở thời Đức Phật kia, không có chúng sanh tội ác phát nguyện sanh về đó. Thuận theo bổn nguyện tập điều phục Nhị thừa nên nói pháp Ba thừa chẳng phải hóa độ chúng sanh ác, đầu tiên quyền biến sau nói thật.

- Kinh: "Kiếp ấy gọi là cho đến là Đại bảo".

- Tán: Phần thứ tư nói, tên kiếp có khác nhau. đầu tiên là nêu, sau giải thích.

- Kinh "Các Bồ-tát kia cho đến không thể biết."

- Tán: Thứ năm là phụ giúp hơn kém. Có hai:

1. Giải thích riêng về đức.

2. Tổng kết.

Trong văn đầu có mười. Đây có một đức là cácThánh khó lường như gỗ chiên-đàn, vườn chiên-đàn.

- Kinh: "Nếu lúc muốn đi cho đến đều đã trồng cội đức từ lâu ".

- Tán: Đây có hai đức: Một là điềm lành thích ứng đầy đủ, có chín hoa thanh tịnh thường nâng đỡ tâm.

Luận Hiển dương quyển ba chép: Chín thứ thanh tịnh:

1. Giới tịnh.

2. Tâm tịnh.

3. Kiến tịnh.

4. Độ nghi tịnh.

5. Đạo phi đạo trí kiến tịnh.

6. Hành tri kiến tịnh.

7. Hành đoạn tri kiến tịnh.

8. Vô duyên vắng lặng tịnh.

9. Cõi nước tịnh.

Bảy tịnh trước tức là bảy tịnh hoa, như đã nói.

Ba là Diệu nhân gieo trồng rất lâu chẳng phải mới phát tâm, mà gốc lành thuần thục.

- Kinh: "Trong vô lượng trăm ngàn cho đến chỗ xưng tán."

- Tán: Đây có hai đức.

Bốn là xưa gặp thiện duyên mà phát đại nguyện.

Năm là danh tiếng bay xa mọi người đều biết.

- Kinh: "Thường tu Phật tuệ cho đến các pháp môn."

- Tán: Ở đây có ba đức.

Sáu là thường cầu Phật trí, mong cầu đại giác.

Bảy là ngoại hóa lâu xa thành tựu, đầy đủ đức từ bi.

Tám là bên trong quán xét đầy đủ việc này không có mê lầm, là môn giáo của pháp nghĩa , hoặc môn nghĩa pháp giáo, hai cách giải thích này đều được.

- Kinh: "Ngay thẳng không tà ngụy, chí niệm vững chắc."

- Tán: Ở đây có hai đức.

Một là tánh thuần thục không kiêu ngạo, không lừa dối.

Hai là tâm siêng năng không thối hạnh vị cao.

Tâm ngay thẳng là đạo tràng, chỗ chất trực phiền não không làm xao động nên chí niệm vững chắc.

- Kinh: "Bồ-tát như thế đầy đủ trong nước đó".

- Tán: Ở đây là tổng kết giải thích .

- Kinh: "Xá-lợi-phất... thọ tám tiểu kiếp".

- Tán: Thứ sáu là pháp trụ lâu mau. Có bốn:

1. Tuổi thọ của Phật.
2. Tuổi thọ chúng sanh.
3. Trao cho Phật đương lai thọ ký.
4. Thọ ký tượng pháp chánh pháp.

Ở đây nói hai phần đầu .

Chúng sanh của Phật Thích-ca bạc phước ít tuệ, tuổi thọ Phật ngắn chúng sanh tuổi thọ dài. lưu lại phần thứ năm cho đệ tử vị lai chúng sanh được Đức Hoa Quang Như Lai hóa độ, chúng sanh phước tuệ tự tu không nhờ Phật cho, nên Phật tuổi thọ dài, chúng sanh lại ngắn. Lại chúng sanh của đức Thích Ca phước mỏng không cảm được Phật nên tuổi thọ Phật ngắn, chúng sanh của Hoa Quang nhiều phước có cảm ứng nên Phật tuổi thọ dài cảm với Phật hóa.

- Kinh: "Hoa Quang Như Lai cho đến thọ ký Tam Bồ-đề."

- Tán: Phần thứ ba trao cho Phật đương lai thọ ký:

1. Ký thời.
2. Chánh ký.
3. Cõi nước.

Đây nói phần một.

Quá mười hai kiếp đó là tuổi thọ Phật đầy đủ kiếp mới được thọ ký, tinh tấn thành tựu gọi là Kiên mãn.

- Kinh: "Bảo các Tỳ-kheo cho đến Tam-miệu Tam Phật-đà.

- Tán: Đây chánh nói về thọ ký. Hoa túc là hoa báu nâng chân.

Do nghe Pháp Hoa làm nhân thành tựu quả Phật tròn đầy, nên gọi là Hoa túc. Do nghe Pháp Hoa thực hành hạnh an lạc nên gọi là An hạnh. Có nói nói an nhiên từ từ mà đi gọi là an hạnh. Đây không khéo giải thích, có Phật nào mà sợ hãi, lúng túng bước đi.

Đây là Đa-đà A-già-độ Như Lai, La-a-la-ha là ưng, là Tam-miệu Tam Phật-đà là Chánh đẳng giác.

Kinh tên dịch gọi là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Xưa dịch là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

- Kinh: "Cõi nước Phật đó cũng giống như vậy."

- Tán: Đây nói về cõi nước. Cũng như cõi nước của Hoa Quang, do thành hành Pháp Hoa mà chiêu cảm được.

- Kinh:"Xá-lợi-phất... ba mươi hai tiểu kiếp."

- Tán: Phần thứ tư thọ ký thời chánh pháp tượng pháp, như thời chánh pháp của Phật gồm có ba: Giáo, hạnh, chứng cả ba đều có đầy đủ. Thời tượng pháp chỉ có giáo, hạnh mà không chứng quả. Còn đời mạt pháp, chỉ có giáo mà hạnh, chứng đều không, việc thọ giáo, hành, hạnh, chứng quả đều khác nhau, cho nên chánh pháp của Phật Thích-ca ngắn mà tượng pháp thì dài. Nếu không độ cho người nữ, chánh pháp tượng pháp đều một ngàn năm. Do độ cho người nữ mà chánh pháp giảm phân nửa. Nay cõi Hoa quang chánh pháp tượng pháp đều bằng. Tuy có Ba thừa phần nhiều là Bồ-tát mà gọi là Đại Bảo. Tuy có bốn chúng, người nữ trì giới nên chánh pháp không bớt.

- Kinh: "Bấy giờ Đức Thế tôn cho đến sẽ độ vô lượng chúng".

- Tán: Trở xuống mười một hàng rưỡi tụng, chia làm hai:

1. Mười hàng rưỡi tụng phần thọ ký trước.
2. Một hàng sau là phần thứ hai trong thọ ký, nên tổng kết khiến vui mừng. Nhân thọ ký trước có bốn, quả ký có sáu. Nay chia chung làm ba: Một hàng đầu tụng phần quả ký nên nội đức trang nghiêm.

Một hàng kế tụng về nhân ký. Tám hàng rưỡi tụng bốn nghĩa quả

ký.

Phổ trí là Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí, đầy đủ cả hai.

- Kinh: “Cúng dường vô lượng Phật cho đến Chứng quả Vô thượng đạo.”

- Tán: Đây tụng nhân ký. Có hai:

1. Gặp duyên lành.

2. Đầy đủ đạo Bồ-tát.

Chấp cũng có thời. Quá vô lượng kiếp, nhập vào trong hàng tụng sau đây chỉ có hai.

- Kinh: “Quá vô lượng kiếp rồi cho đến Thường có hoa quả hạt.”

- Tán: Tụng về quả ký. Bốn nghĩa chia làm bốn. Nửa hàng tụng tên kiếp là Tức Dị. Một hàng rưỡi tụng cõi ngoài Trang Nghiêm. Hai hàng tụng đầu phụ giúp hơn kém. Bốn hàng rưỡi tụng tuổi thọ Phật dài ngắn. Không tụng nói pháp đồng như nay. Đây nói hai phần đầu.

Cõi ngoại trang nghiêm có sáu:

1. Danh;

2. Tịnh;

3. Địa;

4. Giới;

5. Cây;

6. Hoa quả.

Không tụng bốn thứ còn lại.

- Kinh: Các Bồ-tát nước kia cho đến Phật Hoa Quang hóa độ”.

- Tán: Đây là phần phụ giúp hơn kém. Có bốn:

1. Bất thoái.

2. Ngoại hóa.

3. Gặp bạn lành.

4. Gieo trồng nhân mầu.

Không tụng sáu phần còn lại.

- Kinh: “Phật lúc làm vương tử cho đến Tuổi thọ tám tiểu kiếp.”

- Tán: Bốn hàng rưỡi tụng Phật tuổi thọ dài ngắn có bốn: Một hàng rưỡi tụng tuổi thọ của Phật. Nửa hàng tụng tuổi thọ của người. Một hàng rưỡi tụng thời gian chánh pháp tượng pháp, giống nhau. Tụng Xá-lợi lưu hành, không tụng thọ ký, mà thêm cúng dường xá-lợi.

Đây là hai phần đầu. Trong đây nên nói: Thân cuối cùng của Phật làm vương tử, bỏ nước bỏ vinh hoa đi xuất gia tu hành thành đạo. Văn nói ngược là: Trước nói vương tử bỏ nước bỏ vinh hoa, sau mới nói hậu thân tu hành thành Phật đạo. Hoặc ý văn đều nói ở trong vô lượng sanh

thân làm vương tử, bỏ nước bỏ vinh hoa, thân cuối cùng mới thành Phật đạo.

- Kinh: “Sau khi Phật diệt độ cho đến Tượng pháp ba mươi hai.”

- Tán: Tụng thời gian của chánh pháp tượng pháp. Ngày đêm năm tháng là kiếp.

- Kinh: “Xá-lợi rộng lưu bố cho đến việc này đều như thế.”

- Tán: Tụng Xá-lợi lưu hành khắp và tụng kết lại.

- Kinh: “Lưỡng túc Thế tôn này cho đến Tuyên ưng tự vui mừng.”

- Tán: Đây là đoạn thứ hai kết hội khiến cho vui mừng. Hóa độ tâm kia chắc chắn khiến cầu quả Phật .

Luận loại. Cũng gọi là đủ, phối hợp loại. Nói lưỡng túc là tôn quý, không loại nào không phối hợp.

- Kinh: “Bấy giờ bốn bộ chúng... đem cúng dường Phật.”

- Tán: Trong phần thọ ký. Đoạn thứ hai chư thiên cúng dường khen ngợi hồi hướng. Trong đây có hai:

1) Bốn chúng tám bộ cúng dường.

2) Chư thiên cúng dường, khen ngợi. Đoạn đầu tiên biểu nhờ ơn Phật như được y của Phật che chở. Cũng trên là tiêu biểu cho khi thành quả Phật được người nói pháp che chở chúng sanh. Cho nên dùng y cúng dường. Văn dưới nói: Người trì kinh này được Phật dùng y che chở.

- Kinh: “Thích Đề Hoàn Nhân cho đến cúng dường Phật.”

- Tán: Chư thiên khen ngợi cúng dường có hai: Trước cúng dường sau khen ngợi. Phần cúng lại có hai:

1) Y cúng dường hoa .

2) Cúng dường Kỹ nhạc .

Y hoa cúng có hai:

1) Cúng dường.

2) Linh tướng hiện ra.

Đây nói phần cúng dường. Dâng hoa cúng dường là tiêu biểu cho việc nghe Pháp Hoa sẽ thành Phật đạo.

- Kinh: “Y trời tung lên cho đến mà tự xoay chuyển.”

- Tán: Đây là linh tướng, trụ trong hư không đó là hiển bày việc nghe Pháp Hoa vượt ngoài bốn loài sanh, tâm diệu lý lắng đọng. Hồi chuyển là trở lại ba cõi vì lòng từ bi thương xót chúng sanh.

- Kinh: “Các kỷ nhạc trời cho đến các hoa trời tuôn rải như mưa.”

- Tán: Đây là chư thiên dùng kỹ nhạc cúng dường. Nghe tiếng

pháp mà ngộ đạo nên trỗi âm nhạc. Đây tiêu biểu cho việc tu nhân đắc quả mãn, cho nên hoa tuôn rải như mưa.

- Kinh: "Mà nói rằng cho đến bánh xe pháp lớn nhất."

- Tán: Khen ngợi có hai:

1) Văn xuôi.

2) Kệ tụng.

Trong đây chỉ nêu lại hai thời pháp luân. Để so sánh đại tiểu, đối với tánh bất định , quyền thật cùng có. Căn cứ vào thật cũng là so sánh với không giáo của Bát-nhã. Đây vì trung đạo gọi là bánh xe pháp lớn nhất.

- Kinh: "Bấy giờ các Thiên tử cho đến.. ít có người năng tín."

- Tán: Sáu hàng tụng rưỡi chia làm bốn:

- Hai hàng tụng đầu nêu việc xưa nói Tiểu thừa, nay nói Đại thừa.

- Một hàng rưỡi khen ngợi pháp thắng diệu mà tùy hỷ.

Hai hàng tụng là nói người khác rõ tự thành Phật sanh lòng vui mừng.

Một hàng hồi hướng.

Năm nhóm: Tiếng Phạm là Bát-già-tắc-kiến-đà, dịch là năm ấm. Đầy đủ nghĩa mười một loại chứa nhóm gọi là uẩn.

Nay gọi là nhóm, nhóm nghĩa là tụ. Hoặc gọi là năm ấm, đều sai với chánh văn theo tam khoa thì pháp năm uẩn là để nói về tứ đế. Cho nên biết đầu tiên nêu quyền nay đây hội đủ bỏ quyền thành tựu pháp thật khó giải. Nói: "Ít người tin được." Vì pháp ấy sâu mầu quyền thật trái nhau theo Đại Bát-nhã nói thì khi Phật nơi xoay bánh xe cả ba thừa đều nhập đạo. Nay căn cứ vào hiển tướng chỉ để độ Thanh Văn. Cho nên, nói năm chúng để nói pháp quyền. Sâu xa là bí tạng Đại thừa sâu mầu.

- Kinh: "Chúng ta từ xưa nay cho đến đều tùy hỷ."

- Tán: Khen ngợi pháp thắng diệu, sanh sau tùy hỷ. Tùy là thuận theo, giáo pháp Phật mà thực hành.

- Kinh: "Đại trí Xá-lợi-phất cho đến phương tiện tùy nghi nói."

- Tán: Nêu người khác, nói tự thành Phật sanh vui Phật thọ ký cho người khác thành Phật, rõ ràng chúng ta cũng được, cho nên biết Phật pháp thật không thể nghĩ bàn, Phật dùng phương tiện tùy nghi để cho ta hiểu rõ.

- Kinh: "Ta có được phước đức cho đến đều hồi hướng Phật đạo".

- Tán: Hồi hướng Phật đạo, thành tựu pháp cúng dường Ba-la-mật. Tức là phương tiện trí khéo léo.

■

HUYỀN TÁN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 5

PHẦN CUỐI

- Kinh: “Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất cho đến Thọ ký Tam Bồ-đề.”

- Tán: Phần trên là châu thứ nhất pháp nói quyền thật hóa độ người thượng căn xong. Từ đây trở xuống là châu thứ hai dụ nói về quyền thật hóa độ người trung căn. Đại văn chia làm bốn:

1) Phật dùng thí dụ để hóa độ.
2) Trong phẩm Tín hiểu, người trung căn lãnh ngộ.
3) Phẩm Dược thảo dụ, Phật nói lại việc thành tựu.
4) Phẩm Thọ ký là thọ ký cho người.

Người thượng căn thông minh không cần trình bày nhiều. Hạ căn ba lần nghe pháp không cần nói rộng, cho nên việc hóa độ người trung văn nghĩa đều nhiều.

Văn đầu có hai:

1) Ngài Thu Tử thỉnh.
2) Phật nói lợi ích.

Ngài Thu Tử tuy hiểu mà nay lại thỉnh cầu nữa, lược có ba lý do:

1) Vì lợi ích đồng loại.
2) Hạnh lợi tha.
3) Thuận theo sự giáo hóa của Phật.

Trước: Là pháp nói rồi lại ba lần hết lòng thỉnh. Nay hiểu rồi thì giải thích. Văn Thu Tử thỉnh chia làm ba: Đầu tiên trình bày tự quyết, kế là thuật lại nghi của người, sau đó chánh cầu thỉnh.

- Kinh: “Là một ngàn hai trăm vị cho đến đều rơi vào nghi hoặc.”

- Tán: Ở đây thuật lại việc nghi của người khác, vì là dụng vậy. Kiến chấp có, không là biên kiến. Y theo ngã kiến sanh nên chấp lấy

tà kiến. Biên kiến tà kiến này nhiếp cả sáu mươi hai, kiến ngoại đạo khởi lên. Nay hiển bày y theo lời nói bỏ tà về chánh. Cho nên nay nói riêng .

Lại v.v... là ngoài ba kiến chấp còn các phiền não đều là chỗ phát nghiệp. Phật xưa từng nói: Pháp của ta có thể lìa hiện tiền sở kiến của sanh già bịnh chết mà được rốt ráo Niết-bàn. Do muốn dứt quả thì trước phải dứt nhân. Các người ấy dựa vào lời Phật dạy này mà lìa nhân khổ ngã kiến đã xong, chắc chắn biết khổ đương lai không còn sanh lại, chứng quả Niết-bàn cho là đã được quyết định. Nay lại nghe Phật nói khiến bỏ quyền giữ thật, đều rơi vào nghi hoặc mà khởi lên nghĩa nghi. Những vị kia đều không thể biết mình sẽ thành Phật. Không biết sở chứng trước đắc pháp gì? Là pháp rốt ráo hay đạo sở hành; lại vì đã đồng dùng lời Phật nói, đã dứt nhân khổ, thì quả không sanh.

- Kinh: "Lành thay! Đức Thế tôn cho đến khiến lìa nghi hối."

- Tán: Đây chính là phần thỉnh.

Nghĩa nhân duyên có hai:

1) Lý do.

2) Đạo lý.

Nay thỉnh Đức Thế tôn thuật lại lý do này.

- Kinh: "Bấy giờ Phật bảo cho đến giáo hóa Bồ-tát."

- Tán: Phật nói lợi ích, đại văn chia ra làm ba:

1) Tổng lược yếu chỉ. Đáp là lý do hứa nói.

2) Xá-lợi-phất như Quốc thành thôn ấp, trở xuống chánh là nói pháp dụ khiến người khai ngộ. Trong bài kệ sau nói: Phật bảo Xá-lợi-phất: "Các thầy đều là con ta. Ta là cha của các thầy."

Đây là khuyên tin kinh này, vui sẽ đắc trí Phật. Phần đầu lại chia làm hai:

1) Nói Phật đã nói, tóm lược yếu chỉ đáp.

2) Sau lại trình bày lý do hứa nói .

Đây là nói phần đầu.

Đầu tiên nói phương tiện là tạm quả chân thật. Trước hóa độ Thanh văn là nhân của Bồ-tát. Tức trong phẩm Phương tiện chép: Biết chúng sanh có các thứ ham muốn. Tùy theo bổn tánh của chúng dùng các phương tiện mà vì nói pháp. Như thế đều là đã được Nhất thiết chủng trí của Phật thừa. Tức xưa nói quyền nay nói thật. Lý do là để hóa độ Bồ-tát, do đây mà nói là giải thích lý do, cho nên gọi là tóm lược yếu chỉ mà đáp".

- Kinh: "Nhưng Xá-lợi-phất cho đến dùng thí dụ để hiểu."

- Tán: Đây là nói lý do hứa nói. Nhiên (nhưng) có nghĩa là như thị (như thế).

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến tuổi đã già yếu.”

- Tán: Đoạn thứ hai chính là nói về pháp dụ khiến cho khai ngộ. Đầu tiên là văn xuôi.

Văn xuôi, sau là kệ tụng.

Văn xuôi có ba:

1) Trình bày thí dụ.

2) Hợp nói.

3) Kết luận đáp.

Vì nhân duyên ấy cho nên biết chư Phật dùng năng lực phương tiện hóa độ . Trong thí dụ có hai:

1) Thí dụ xưa là quyền.

2) Thí dụ pháp thật ngày nay, tức từ câu: Lúc này các người con thưa với cha: “Cha trước có hứa cho cho đến.”.

Thí dụ nói pháp quyền có bốn phần:

1) Dục Phật có trong ba cõi.

2) Từ câu “Người trong đó rất đông” trở xuống là thí dụ năm đường nguy ách.

3) Từ câu “Trưởng giả thấy lửa lớn” trở xuống là thí dụ lập quyền phương tiện.

4) Từ câu “Lúc ấy các người con nghe cha nói” trở xuống là thí dụ dựa vào nói lập phương tiện.

Phần đầu lại có sáu:

1) Xứ sở

2) Chủ nhà

3) Già yếu

4) Sản nghiệp

5) Tướng nhà

6) Cửa đường.

Trong đây lại có ba: Xóm ấp, xóm làng, tức là xứ sở. Đã nói ba thừa, nên biết là hóa Phật. Hóa Phật chỉ là vua của cõi nước tam thiên. Nước lớn mà rộng là dụ cho cõi Đại thiên. Ấp rộng vừa là kế dụ cho thế giới trung thiên. Xóm làng rất nhỏ là dụ tiểu thiên thế giới. Từ đại trung tiểu thứ lớp mà dụ như thế. Trong Quảng Nhã nói: Xóm làng là nơi ở, là đông người nhóm hợp lại ở. Lại cũng có nghĩa là đình là viện. Có đại trưởng giả đó là chủ nhà. Trong dụ dưới nói trừ các sự hỏi đáp thì có tám trưởng giả.

Năm dụ đầu là hóa thân ra các con ở trong nhà, ba dụ sau là hóa thân và thân tha thọ dụng . Các con trong Ba thừa cùng ra khỏi nhà lửa. Dụ hỏi đáp ở dưới có năm trưởng giả đều hợp dụ hóa thân và thân tha thọ dụng .

Như Trưởng giả ở thế gian có ba thứ:

1) Có thể bẩm thừa trưởng giả các việc bình quân. Biết rõ các pháp khéo dứt thị phi dụ cho. Phật từ bi, và trí tuệ đều tròn đẹp mà giải quyết lưới nghi.

2) Là bậc trưởng giả lớn tuổi đáng kính. Ở trong thành ấp tôn uy chẳng ai sánh bằng; dụ cho Phật đạo cao hơn các Thánh thần thông không ai bì kịp.

3) Là bậc Trưởng giả có thể gần gũi, nhờ giúp, tức giúp cho mình đầy đủ tùy sức cần dùng. Đây dụ cho phước trí của Phật đều đầy đủ lợi lạc bình đẳng. Trí đức, đoạn đức, ân đức thí dụ đều như thứ lớp.

Nói tuổi già suy đây là già yếu. Suy còn là già suy. Chữ Mại là từ lâu xa trở về dụ cho Phật từ lâu tu trí kiến quả Thánh tròn đầy thuần thục. Thành đạo từ lâu xa mới trở về nhập Niết-bàn. Chẳng phải nói nay sanh tức nói chung các vị trước.

- Kinh: “Của giàu vô lượng cho đến chỉ có một cửa.”

- Tán: Đây nói ba phần: Sản nghiệp, tướng nhà, và cửa đường.

Nêu sản nghiệp có bốn ý:

a) Dụ giàu có của cải: Bảy tài đầy đủ.

b) Dụ ruộng là hai thứ trí và đoạn là nơi sanh ra công đức.

c) Nhà dụ cho bổn thức dị thục của các chúng sanh. Cho nên bổn thức cũng là trạch thức. Như vua có bốn biển là nhà, quang trạch khắp thiên hạ. Phật cũng như thế. Lấy tất cả chúng sanh làm nhà của mình. Thể tức là bổn thức, cho nên trong kinh Vô Cấu Xứng chép: Các cõi nước hữu tình là cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm của Bồ-tát. Chúng sanh vô lượng nên nói có nhiều. Trong phần tụng nói: Chỉ có một người. Cho nên nói là có một nhà lớn. Hoặc như một với sáu hợp lại mà quang trạch. Do đó đây gọi là nhiều. Dưới nói có một, cũng như nói thấy bình đẳng chúng sanh như là một người con. Hoặc đây y cứ sự khác nhau của chúng sanh, nên nói là có nhiều. Dưới nương theo Phật làm chủ, cho nên nói có một, sự thật thì nhà này một nhiều không khác. Do lấy dị thục thức làm nhà, nên nhà này xà cột đều gãy mục tai họa sẽ xảy ra. Nếu nói thiền định là nhà, thì sao có tai họa, nói mục, cũ, nát cho đến nên nghĩa nhà này có khác nhau.

d) “Tôi tớ v.v...” Trong phần hợp nói ở dưới dụ cho thần thông của

Phật, tùy ý tự tại.

Lại dụ Phật nói về khởi ra phiền não, phẩm Bồ-đề phần kinh Vô Cấu Xứng, chép: Phiền não là kẻ tôi tớ, thấp hèn tùy ý mà chuyển. Như Lai có thể lấy phiền não làm tôi tớ, rất khinh nhà cửa, dứt hết vinh hoa, cũng dùng làm tôi tớ nên tùy ý chuyển. Ái ngữ với La-hầu-la mắng Điều-đạt, vì lợi lạc chúng sanh. Văn dưới lấy trí tuệ thần thông làm lực tay và chân của Phật, cho nên nay nói tôi tớ chẳng phải nhất định là thần thông. Trong nói văn nói người nam có tội làm tôi tớ thì gọi là đồng. Nữ sĩ theo người xuất giá thì gọi là bộc. Lại nói cấp sử là người phục dịch.

Tướng nhà đó rộng lớn: Bổn thức là nhà. Y theo phần hợp nói dưới nói thì chu vi là cả ba cõi, hoặc vô thỉ hữu, hoặc bap gồm tất cả hạt giống chuyển biến làm ba cõi. Thể chung cả hai sanh tử, nên nói là rộng lớn, tên khác thể đồng.

Chỉ có một cửa: Cửa là nhân để ra khỏi nhà. Trong phần văn xuôi này đối với dụ và hợp gồm có năm cửa: Một là đây nói chỉ có một cửa; hai là cửa bị đốt cháy; ba là cửa nhỏ hẹp; bốn là nay đang ở ngoài cửa; năm là dùng cửa Phật giáo để ra khỏi nhà ba cõi khổ.

Bốn cửa đầu ở trong dụ. Một cửa sau ở trong hợp. Cửa có hai thứ

1) Cửa chánh lớn chính giữa chỉ có Nhất thừa giáo hạnh.

2) Cửa bên cạnh nhỏ hẹp là chỉ có Nhị thừa giáo hạnh. Ba cửa đầu là nói cửa chánh lớn chính giữa, thể tức là giáo hạnh của Nhất thừa, hai cửa sau lớn, nhỏ ở bên, gọi là cửa. Thể tức là giáo hạnh của Ba thừa. Có thể đưa người ra khỏi nhà biến dịch ba cõi. Cho nên ở cửa đầu gọi là một, không gọi là ba. Hai là Phật từ cửa thiêu đốt an ổn bước ra, mà không ra từ cửa Nhị thừa giáo hạnh. Ba là cửa nhỏ hẹp không dung chứa Nhị thừa. Cho nên biết ba cửa đầu chỉ là Nhất thừa giáo hạnh. Bốn là cả ba xe đều ở ngoài cửa, há Nhị thừa cũng ra bên ngoài của giáo hạnh Nhất thừa. Năm là thấy chúng sanh từ cửa Phật giáo ra khỏi Ba cõi khổ, đắc quả an vui Niết-bàn, cuối cùng đem cho xe lớn. Tức Nhị thừa cũng đã ra khỏi cửa. Từ đây mà biết thì hai cửa sau cũng có cả trung biên, đại tiểu, chánh bên. Tất cả đều gọi là cửa, khác với các nghĩa trước khác nhau mà không mâu thuẫn nghĩa. Các nghĩa cửa đến trong văn, mỗi mỗi sẽ giải thích.

Nay nói hai lợi hạnh tròn đầy rộng lớn có thể ra chỗ hai sanh tử. Cho nên cửa gọi là một mà không gọi là hai. Ở đây nói cửa ra khỏi ba cõi chẳng phải là cửa đi vào Tịnh độ. Kia thì dùng đại không, vô tướng vô nguyện, giải thoát làm cửa để vào, chỗ hướng đến có khác. Đây

dùng giáo đối với lý, lấy nhân mà đối với quả nên gọi là cửa. Kia dùng trí đối cảnh gọi là cửa. Lại đây, so với ba cõi mà gọi là ra. Nếu so với Tịnh độ thì cũng gọi là nhập, thể là một vậy. Đây nói ra khỏi cửa Ba cõi mà không nói nhập vào cửa Ba cõi. Nhập vào cửa nghiệp và phiền não trong Ba cõi. Tùy đối chiếu nghĩa có khác mà không trái nhau.

- Kinh: "Có nhiều người cho đến.. dừng trú trong đó."

- Tán: Dụ năm đường nguy vong, có bốn ý:

1) Rất đông người.

2) Nhà hư nát sắp sập.

3) Tai nạn các nơi nổi lên.

4) Các con chơi đùa trong đó, đây là nói phần đầu.

Hạt giống năm đường gọi là chỗ huân tập. Vì nghiệp chiêu trong các đường khác nhau nên có năm. Tùy theo chúng thích ứng mà có riêng chi hữu. Có mười thứ nghiệp thiện ác, tùy theo chỗ chiêu cảm của mười nghiệp này mà gọi là "năm trăm người".

Nghĩa là trong mười nghiệp đạo, mỗi nghiệp đều có tự tác giáo tha, khen ngợi khuyến khích, vui mừng, an ủi, thiểu phần, phần nhiều, toàn phần, thời ít, thời nhiều và trọn đời cho đến. Mỗi nghiệp khác nhau có mười, mười nghiệp tu chiêu cảm quả nên đặt tên thành năm trăm. Hoặc trong mười nghiệp đạo, mỗi nghiệp do mười hoặc phát nhuận lên nên gọi là năm trăm. Các thứ này ở trong bổn thức đều gọi là "Ở trong nhà lửa." Do các hạt giống này làm nhân, nên luân hồi trong năm đường khổ đau không dứt.

- Kinh: "Lầu gác đã hư mục cho đến cột xà nghiêng đổ nguy hiểm."

- Tán: Nhà cửa hư mục nguy ách này có bốn:

1) Lầu gác dụ cho sắc.

2) Tường vách dụ cho tưởng.

3) Chân cột dụ cho hành.

4) Kèo cột dụ cho thọ.

Nhà đó là thức, gìn giữ bốn uẩn này. Văn dưới nói: Nhà đã lâu cũ mà lại hư mục. Lấy đây suy ra thì biết còn ngoài bốn thứ năm uẩn và bốn thức trụ:

Lầu gác hư mục là: Lầu dụ cho thân căn lớn và làm chủ. Các: Dụ cho các căn dựa vào thân mà có. Nhận lấy các thứ bất tịnh để duy trì lâu ngày tự sanh diệt nên gọi là cũ mục. Mục là hư nát, cũ kỉ rất xấu. Bên ngoài ngăn che là tường, trong ngăn giữ là vách. Tưởng uẩn bên ngoài biến các hình tượng như tường, bên trong biến thành vách, đều giả dối

không thật. Vách tường sụp đổ, chân cột hư nát làpháp trong hành uẩn rất nhiều, hơn hết là mạng căn, làm chủ thân nên như cột. nhà, cùng với các thứ khác gọi là căn. Tánh của căn này mục nát nên gọi là hủ bại.

Cột kèo xiêu vẹo là: Rường là cột dọc, và là cột ngang. Bên trong quả dị thục thọ làm gốc như đống. Quả tăng thượng bên ngoài thọ làm ngọn như lương. Rường xà nương theo cột mà có, như quả thọ y theo nghiệp, mạng căn. Các xà ngang cột kèo nay sắp sụp đỗ rơi xuống nên gọi xiêu ngã. Trong nhà đó, dụ cho các pháp thọ giữ. Cho nên trong Du-già quyển mười sáu dẫn trong kinh tụng là: Các sắc như khối bọt. Các thọ như bọt nổi. Các tưởng như lửa cháy. Các hành dụ choc ây chuối. Các thức là huyễn sự. Cái gọi là các hành của nhật thân một thời sanh ra cũng là một thời trụ diệt. Kinh Vô Cấu Xứng cũng chép: Sắc như chùm bọt không thể nắm bắt, thọ như bọt nổi, không thể trụ lâu. Tưởng như lửa cháy từ khát ái sanh ra. Hành như cây chuối đều không có thật. Thức như là viễn huyễn, điên đảo nổi lên. Như trong Du-già nhiếp các môn khác phân biệt giải thích. Như nói da thịt xương cốt các việc biến khác thư giản, phối hợp với bốn câu này thì làm sao trong Ba cõi đều có đầy đủ hai cõi trên thì không có việc này, thì làm sao có lửa phiền não năng thiêu, và nhà nương tựa.

Ba cõi dụ đầy đủ, và nói quả dị thục bị thiêu đốt chỉ dụ cho cõi người ở trong cõi Dục mà trong sáu tầng trời Dục còn nói đã không có sự hoại nát của da, thịt cho đến vì thế, chỉ nên như giải thích ở trên.

Lại giải thích phần hợp dụ ở dưới, vì muốn cứu giúp sanh già bịnh chết cho chúng sanh tức cũng như chi phối ở đây y cứ là thật.

Bốn tướng biến khắp trong năm uẩn mà có ở dưới nói: Lửa lớn từ bốn phía nổi lên. Bốn phía theo kinh nói là bốn tướng, như trong đây là chỉ cho bốn uẩn. Lấy các pháp ở cõi Dục để dụ cho dị tướng khổ quả là để cho sanh nhàm chán, nhân khổ phiền não trong ba cõi thí dụ chung cũng không trái lý.

- Kinh: “Bốn phía đồng một lúc cho đến thiêu đốt nhà cửa.”

- Tán: Các nơi lửa bốc lên.

Biến khắp cả năm uẩn gọi là bốn phía bao quanh. Niệm niệm cùng khởi thì gọi là cùng lúc; chẳng lý do mà có gọi là bỗng nhiên. Phiền não tùy theo đó sanh ra thì gọi là lửa nổi lên, khiến cho năm uẩn này thành tạp nhiễm tánh, bất tịnh khổ tánh, vô thường ngã tánh. Năm uẩn biến hoại nên gọi là thiêu đốt nhà cửa. Ý ở đây nói là biến duyên khắp năm uẩn. Niệm niệm bất chánh nên sanh ra phiền não, phiền não thêm lớn trói buộc. Thế nên thân năm uẩn thành ra bất tịnh, khổ, vô

thường, vô ngã. Cho nên gọi là thiêu đốt nhà cửa. Nói nhà tức gồm cả lầu gác cho đến Do nhà mà nạn lửa phát sanh. Do lửa mà nhà bị thiêu đốt. Tức nhân nơi năm uẩn mà sanh ra phiền não lại nhân phiền não mà thêm lớn năm uẩn. Hai tướng nhân hữu cũng vậy. Hoặc khắp sanh già bịnh chết cũng có phiền não, nên lấy đây thí dụ.

- Kinh: Các con của trưởng giả...ở trong nhà đó"

- Tán: Các con ở trong nhà lửa vui chơi.

Tuy là chúng sanh trong năm đường mà đều là Phật tử, Phật đều thương yêu không nghiêng lệch. Nhưng chúng sanh chỉ là con nuôi. Nếu có hạt giống vộ lậu trong Ba thừa thì có thể nối ngôi vị của cha. Sanh giữa, sanh bên mới gọi là con thật. Cho nên chỉ nói ba mà không nói bốn năm. Y theo phẩm Hiền Thủ kinh Hoa nghiêm nói: Mười dụ cho Bồ tát, hai mươi dụ cho Độc giác, ba mươi dụ cho Thanh văn, mỗi chúng ta theo mười thứ pháp hành của thừa mình thuộc về ba tuệ. Và tu mười nghiệp đạo trợ giúp hạt giống vô lậu mới đắc quả tròn đầy. Nói mười, hai mươi, ba mươi đó là do có đầy đủ một tánh, hai tánh, ba tánh mà có khác nhau. Nên nói mười, hai mươi hoặc ba mươi. Vì trong kinh này mang các căn tánh, đều y theo tự thừa mà tu các pháp hành, trợ giúp các chủng tánh này mà lập ra mười tên gọi.

Năm đường trước là thuận theo bổn thức mà gọi là dừng ở trong. Tam vô lậu chủng dựa vào bổn thức mà gọi là ở tại nhà này.

- Kinh: "Trưởng giả thấy là cho đến liền rất sợ sệt"

- Tán: Phần thứ ba lớn dụ về quyền phương tiện. Có bốn:

1. Dụ thấy khổ sanh từ bi.

2. "Xá-lợi-phất!... Trưởng giả đó v.v..." chỉ rõ dùng Đại không mong cứu được.

3. "Bấy giờ Trưởng giả liền nghĩ v.v... "là suy nghĩ cách cứu giúp.

4. "Cha biết rõ tâm trước của các con v.v... " Đây là dụ chánh nói về Ba thừa.

Sanh tâm bi nghĩa là khi Phật xưa còn ở địa vị Bồ-tát, hoặc lúc mười sáu vương tử v.v... cho nên trước nói: Từng ở chỗ hai muôn ức Phật giáo hóa các thầy. Phẩm trước cũng nói Phật vì chúng sanh mà khởi tâm đại bi. Không mong cầu chỉ bày Đại: Như mười sáu vị vương tử kia từng được giáo hóa pháp Đại thừa nhưng giữa đường tâm lui sụt. Ở trong phẩm trước cũng nói: "Trí tuệ sở đắc của Ta cho đến các pháp như thế làm sao mà có thể độ? Trước đây cũng nói: Ta xưa giáo hóa ông chí nguyện Phật đạo, nay ông đều quên hết.

Nghĩ cách cứu giúp: Thấy người lui sụt rồi, sau suy nghĩ cách cứu

giúp. Phẩm trước cũng nói: Nghĩ trong thời Phật quá khứ, cho đến nay Ta cũng nên nói pháp Ba thừa.

Chánh nói Ba thừa là: Gần gũi giáo hóa, khiến trụ vào Nhị thừa. Phẩm trước nói: "Liền đến Ba-la-nại v.v... cho đến tên Pháp, Tăng khác nhau". Hoặc trước cũng nói: "Ta dùng phương tiện dẫn dắt ông sanh vào trong pháp ta". Chẳng những đồng với phẩm này mà cũng đồng với phẩm gã cùng tử, đến dưới sẽ nói.

Văn đầu cũng có hai:

1. Nói sanh tâm từ bi.

2. Trình bày việc bi.

Lửa bốc cháy lớn là phiền não và tùy phiền não. Bốn phía là: Trong năm uẩn đều có sanh trụ dị diệt, bốn vị trước sau.

Kinh A-hàm chép: Sanh là Đông phương, trụ là Nam phương, dị là Tây phương, diệt là Bắc phương. Dụ mặt trời mọc lặn là phối hợp cả bốn phương. Do bốn vị này mà sanh ra phiền não. Hoặc thân, thọ, tâm, pháp duyên khởi lên bốn điên đảo. Do bốn duyên này mà sanh ra điên đảo căn bản, tự tánh, tất cả phiền não đẳng lưu, và tùy phiền não.

Rất kinh sợ: Cha thấy lửa cháy sợ thiêu đốt con nên hoảng hồn kinh sợ. Phật thấy hoặc nghiệp nổi lên sợ tổn chúng sanh mà khởi bi ý.

- Kinh: "Mà nghĩa ... ý cầu ra khỏi"

- Tán: Đây trình bày sự bị thương. Ta tuy đã thoát ra, còn các con thật đáng thương.

Cửa bị cháy này là giáo hạnh Nhất thừa. Vì nhiều oán ghét, chê bai, bất tín, bị chướng nạn phá hoại phiền não làm ngăn trở nên gọi là cửa ở nhà bị cháy.

Vì thếb kinh dưới nói: Kinh Pháp Hoa này có rất nhiều oán ghét. Nhân vị của ta trước kia nương vào giáo pháp Nhất thừa, quán lý hai không, tu hành hai lợi. Chứng hai chân trí, ra khỏi phần đoạn sanh tử, nhập Bất thoái địa. Đó gọi là ở nơi cửa bị cháy này an ổn vượt ra, nương vào xe báu mà đến Đạo tràng. Nhưng chúng sanh đủ các tham chấp, tham chấp giới, địa, phần, và thừa. Do tham chấp này mà buông lung chơi giỡn trong nhà lửa không nghĩ lường, lấy trí tỷ lượng giác biết trí hiện lượng mà hay, không lo sợ sanh nghi quái lạ. Cũng không nhàm chán hoạn nạn sanh tử, do đó mà lửa phiền não thiêu đốt thân. Khổ quả sanh tử hiện tiền thật là đau khổ, mà không có ý nhàm chán lìa bỏ. Không cầu xuất thế, không chứng diệt tâm. Cho nên trong phẩm trước nói: Không cầu uy thế của Phật và chỉ cho pháp diệt khổ, chúng sanh như thế thật là đáng thương xót! Trong kinh Hoa nghiêm nói: Cũng như

người có con một rất yêu thương. Bỗng có kẻ khác đến làm hại cắt bỏ thân thể tay chân của đứa con đó. Người cha trông thấy đau đớn xót thương. Kinh này cũng giống như thế.

Chư Phật, Bồ-tát thấy chúng sanh gây ra các nghiệp duyên ác, bị phiền não trói buộc sa vào ba đường ác chịu vô lượng khổ, Phật thấy những việc như thế khởi tâm bi nguyện xót thương cũng như vậy. Trong kinh Vô Cấu Xưng chép: Cũng như Trưởng giả chỉ có một đứa em. Khi con bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh.

Hỏi: Trong đây kinh nói: Ta ở cửa này an ổn ra khỏi trước các con. Vì sao văn dưới nói: Ta và các con nếu không ra ngay v.v... tức cùng các con ra đồng thời phải không ?

Đáp: Văn dưới kinh tự nói: Trưởng giả nghe rồi kinh sợ bèn vào nhà lửa, trong phần hợp dụ tự nói vì lợi ích chúng sanh mà Phật hạ sanh vào nhà lửa ba cõi cũ nát. Kinh Niết-bàn chép: Ví như nhà của trưởng giả bị cháy. Trưởng giả thấy mình đã từ nhà đó bước ra. Các con ở sau chưa thoát ra được nạn lửa. Ông biết lửa sẽ làm nguy hại nên vì thương con ông trở lại cứu mà không màng đến thân mình. Chư Phật, Bồ-tát cũng vậy, tuy biết sanh tử nhiều hoạn loạn. Vì chúng sanh mà Phật trở vào đó không nhàm chán. Cho nên gọi là bất khả tư nghì. Lại nói về cùng đưa các con ra, chứ thật thì Phật đã ra trước.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến từ nhà đó mà ra ngoài”.

- Tán: Phần thứ hai khai dụ chỉ Đại thừa khôngmong cứu được. Có bốn:

1. Suy nghĩ dùng quả Đại thừa hóa độ.
2. Lại suy nghĩ nghĩ về nhân hóa Đại thừa.
3. Khởi niệm rồi thì tùy hiện ra các sự hành hóa Đại thừa.
4. Cha tuy thương xót mà không mong dùng pháp Đại thừa hóa độ.

Trí tuệ của chư Phật gọi là quả Đại thừa. Ngôn giáo được giảng nói là quả đức của Phật. Thân có năng lực thì gọi là hai chân trí, Phật dùng trí làm thể. Tay có năng lực là sáu thần thông, tác dụng bên ngoài. Phật suy nghĩ: Ta có đủ hai đức thù thắng này. Chúng sanh chủng tánh Nhị thừa tuy không tu hành Đại thừa có ý cầu ra khỏi nhà lửa. Nên ta lấy trí tuệ, dùng bàn ghế, trao cho hành trung căn chứng quả viên giác, dùng dụng thần thông tay áo mà cứu khổ chúng sanh hạ căn bắt buộc chúng sanh ra khỏi nhà lửa Ba cõi mà cứu độ họ.

Vì hàng Bồ-tát thượng căn đã hành trì pháp Nhất thừa nhờ đó mà ra khỏi ba cõi. Như đứa con lớn có thể từ cửa này mà ra. Trong đây

không nói như thế, mà chỉ nói hóa Nhị thừa bất định tánh. Trung căn Độc giác không thể tu nhân Nhất thừa không nương thần lực Phật, mà chỉ dựa vào dụng trí tuệ của Phật. Như những người con kia không thể bước ra không thể nhờ người khác dắt tay. Chỉ trao cho bàn ghế, để cho con nương theo đó tự ra khỏi nhà. Người hạ căn Thanh văn không thể thực hành nhân Đại thừa, cũng không thể dụng lực trí tuệ của Phật nên trao cho thần thông. Như đứa con nhỏ không thể từ cửa ra không thể nhảy lên bàn ghế mà chỉ nắm lấy tay áo mà thoát ra. Vì thế, phần hợp dưới nói: Như Lai cũng như thế nhẫn đến có Đại thừa lực và trí tuệ lực, các phương tiện Trí tuệ ba-la-mật Đại thừa . Cho nên biết thần thông đó là lực của tay, là dụng ngoại biệt. Trí tuệ là thần lực, là tổng dụng bên trong. Y theo thân thì có tay, nương vào trí mà khởi thần thông. Trong đây nói phương tiện là hai lực tác dụng của tay áo và bàn ghế. Kia đã không thể tu hành đại hạnh, ta dùng hai năng lực phương tiện này mà trao cho Đại thừa, để họ thoát khổ thành tựu đại giác. Kia đã không thể tu hành đại hạnh, nên ta muốn dùng hai phương tiện này mà cứu độ họ.

Trước đã sanh ra những việc này, cũng chính là việc sau đó Phật thành đạo dưới gốc cây đi kinh hành. Trong hai mươi mốt ngày suy nghĩ việc này.

- Kinh: "Ông ta suy nghĩ lại cho đến mà lại nhỏ hẹp."

- Tán: Thứ hai: Suy nghĩ nhân Đại thừa hóa độ.

Trên suy nghĩ quả hóa rồi mà không được, nên phải dùng nhân để hóa. Nhân hóa có ba:

1. Đầu tiên nghĩ không thể nương vào hạnh Đại thừa.

2. Hoặc khởi chê bai, đam trước vào đường ác.

3. Nghĩ nên chỉ các khổ, thầm nói Đại thừa.

Nhà của hai thứ sanh tử trong Ba cõi chỉ có một cửa chánh Đại thừa là nơi thoát ra. Đại tánh Bồ-tát có thể hành trì đầy đủ. Tánh của Nhị thừa hiện ra không thể nương vào Đại giáo mà ra. Nếu Phật nói cho họ nghe, họ cũng không thể hành trì, không thể chứa hạnh này nên gọi là nhỏ hẹp. Không chấp nhận Độc giác hành trì nên gọi là hẹp. Không chấp nhận Thanh văn hành trì gọi là nhỏ. Cũng như biển lớn không dung nạp thây chết cũng gọi là hẹp, nhân hạnh Nhất thừa tuy rộng vô biên mà không dung chứa hạnh nhị thừa nên gọi là nhỏ hẹp.

- Kinh: "Các con nhỏ dại cho đến bị lửa thiêu đốt."

- Tán: Nếu khởi tâm chê bai, đắm chìm, vào đường ác. Chúng sanh tuy có hạt giống xuất thế mà chưa khởi hiện hành thì gọi là nhỏ dại. Trĩ

nghĩa là nhỏ, chưa có sự hiểu biết. Chưa khởi lên hiện trí thấu đạt Phật pháp Đại thừa sâu mầu mà luyến trước vào Ba cõi. Nếu liền nói cho họ nghe pháp Đại thừa, bởi họ đã mê đắm vào Ba cõi nên lại chê bai pháp khởi lên hoặc nghiệp, hoặc sẽ bị đọa lạc mãi mãi chìm trong khổ nạn. Thuận hành thì được ra, chê bai thì mãi mãi chìm đắm. Vì tánh bất định nên nói "hoặc sẽ". Bị phiền não tổn hoại thì gọi là lửa thiêu. Ý này muốn nói nếu liền nói pháp Nhất thừa, mà mà họ đang đắm chìm trong sanh tử, sẽ sinh phá pháp, không tin đọa vào đường ác.

- Kinh: "Ta nên vì chúng nói cho đến bị thiêu đốt."

- Tán: Suy nghĩ nói các khổ, thầm nói Đại thừa.

Thầm nói Đại thừa là nghĩ cách để chúng mau ra khỏi nhà lửa. Tuy biết những người kia không tin học thực hành lý Đại thừa mà vì làm nhân chứng bây giờ, suy nghĩ thầm nói.

- Kinh: "Nghĩ như thế rồi cho đến các con nên mau ra."

- Tán: Thứ ba là tùy nói về hành Đại thừa hóa độ. Tức như trước nói đời đời đã từng theo Phật thọ hóa, cũng như nói: "Ta xưa dạy ông chí nguyện nơi Phật đạo. Ông nay đã quên hết." Hoặc như văn dưới nói mười sáu vị vương tử bắt đầu kết duyên. Nay nói việc sanh tử đáng sợ và pháp Đại thừa đáng ưa. Cho nên nói đầy đủ.

- Kinh: "Cha tuy thương xót cho đến không chịu tin nhận".

- Tán: Thứ tư là không mong cầu sự giáo hóa Đại thừa, đây có hai: Đầu tiên không tin cầu, sau không kinh sợ nhàm chán.

Do mê đắm sanh tử, không tin học lý, hạnh Đại thừa ý đây nói bắt đầu nghe ngôn giáo Đại thừa mà không thể nương theo lý, hạnh tu học trở lại trong vòng sanh tử nên nói là không tin nhận. Thọ có nghĩa là lãnh nạp, tín là chứng nhập. Không thể y theo hạnh mà chứng nhập lý Đại thừa gọi là không tin nhận phải hoàn toàn ngu pháp bắt đầu thuận tu tập theo.

- Kinh: "Chẳng kinh sợ cho đến nhìn cha mà thôi."

- Tán: Ở đây không ghê chán, ghê lạ tức không kinh sợ. Không sợ hãi ngôi nhà năm uẩn hư hoại nguy khổ. không sợ lửa phiền não đốt cháy rõ ràng không mong cầu tâm thành Phật thoát khổ. Không phân biệt biết lửa phiền não đốt thân, năm uẩn là sanh tử, không biết các khổ đang ép ngặt, làm mất thân mình không tiến tu Thánh đạo. Thầm bị các khổ phiền não ép ngặt, thiếu là không có tác dụng của Thánh đạo. Như lửa cháy nhà cửa đều bị thiêu hủy mất hết tài sản tổn não thân mạng nên gọi là thất.

Nói ruổi chạy Đông Tây: Đông là dụ cho đường thiện. Tây là dụ

cho đường ác, hơn kém khác nhau cho nên gọi là Đông Tây. Luân hồi trong năm đường, đắm chìm trong bốn sanh. Tuy thấy Phật nghe pháp mà ý không cầu thành Phật. Cho nên nói chạy giỡn nhìn cha mà thôi.

- Kinh: "Bấy giờ trưởng giả cho đến tránh được hại này."

- Tán: Suy nghĩ tìm cách cứu giúp.

"Ta và các con nếu không ra khỏi đây". Có chỗ giải thích: Vì chúng sanh bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh. Chúng sanh ra khỏi thì Bồ-tát cũng ra khỏi. Thật thì Bồ-tát ra đã từ lâu, chẳng phải đến bây giờ mới cùng con thoát ra. Đây là ý nói: Phật Thích-ca hóa thân xuất gia thành đạo nhập vào Niết-bàn, nay mới hiện thân ra khỏi nhà lửa.

Người Thanh văn nay gặp Phật cũng ở thời nay, hiện đời Đức Phật Thích-ca mới ra khỏi sanh tử cho nên nói kịp thời ra. Thật sự trước đó Phật đã ở ngoài sanh tử. Vì thế trước nói: "Ta tuy ở cửa này được ra khỏi an ổn v.v... "

- Kinh: Cha biết các con cho đến ý sẽ mê đắm .

- Tán: Đây là văn thứ tư chánh nói về dụ Ba thừa. Có hai:

1. Biết căn cơ.

2. Chánh nói.

Biết các con tâm trước kia đều có ưa thích tức là chủng tánh Ba thừa tùy theo căn cơ mà có khác nhau, pháp mỗi mỗi thích nghe tức là tất-đàn vị nhân v.v...

Biết tâm trước đó là do căn cơ hơn kém trí lực và thắng giải trí lực của Phật mà biết. Biết các thứ đồ chơi tốt đẹp quý báu là tùy theo tự quả các pháp công đức, tức do là chỗ Biến thú hành trí lựccủa Phật mà biết.

Trân bảo: Là đồ chơi tốt đẹp, là tốt đẹp, là chơi giỡn. Siêu xuất hữu lậu gọi là vật lạ lùng. Tùy được sẽ là của báu nên là thích.

Hỏi: Vì sao khi cho ngôi thành không nói trước ưa thích, nay cho xe lại nói là trước ưa thích?

Đáp: Xe là tùy căn cơ tu học sẽ đi đến nên trước có ưa. Thành là nơi nghỉ ngơi cho bớt mệt chẳng phải là nơi sanh về nên không là trước ưa. Xe là do tu mà sanh ra. thành là do tu hiển bày, cho nên xe nói ưa thích thành không có ưa thích. Lại nói lên điều ưa thích trước cũng không sai, vì biết chúng muốn lui về, tức thành cũng có nghĩa trước chúng ưa thích.

Hỏi: Vì sao xe cho là đồ chơi lạ lùng quý báu, mà thành thì không nói vậy?

Đáp: Tướng đức hữu vi có thể phân biệt biết, nên xe nói tướng đồ

chơi lạ lùng, vì tướng chung một đức vô vi chỉ nói ở hóa thành. Lại cả hai đều không khác. Trong thành thì có lầu gác nhà cửa tức là đồ châu báu lạ lùng.

- Kinh: "Mà bảo rằng cho đến đều sẽ cho ông."

- Tán: Đây là chánh nói. Có ba:

1. Nói chung khiến cho lấy.

2. Nói riêng ba xe.

3. Khuyên ra ngoài rồi cho.

Nếu không nghe lời ra ngoài để lấy ba quả thì sau đó sẽ bị đắm chìm đọa vào biển khổ sanh tử, cho nên gọi là ưu hối. Đây là phần văn đầu. Ba xe ở bên ngoài cửa có thể lấy để vui chơi. Đây là ý văn thứ hai. Do hình mạo có lớn nhỏ mà nhận thọ có ít nhiều. Lội qua sông có cạn sâu nên dùng sức có mạnh yếu. Như dụ về căn tánh, bẩm giáo, chứng lý. Khả năng hành có ba thứ. Khả năng ấy là dùng công năng trí lực để dứt hoặc. Lại xe dê phần nhiều nhờ vào người. Xe hươu phần nhiều ở nơi chỗ tịnh. Xe trâu thì có đủ hai công năng mang vác vận chuyển, mỗi thứ tùy theo khả năng hơn để làm ví dụ. Đây là phần thứ ba y theo xứ có ồn ào, yên tĩnh.

Hai thứ xe dê, xe hươu có tên nêu ra để đem cho mà không thấy không cỡi lên. Đây là lấy chủng trí của nhị thừa tiểu trung làm thể. Nếu lấy Niết-bàn làm thể tức là hóa thành. Dưới nói vào thành rồi nghỉ mệt trừ hết khổ, thì vì sao lại không thấy xe, sau đó lại theo xin cha. Nếu lấy sở đắc sanh không vô lậu trí của Nhị thừa làm thể của xe, thì kia cũng đã bước lên. Vì sao nói là không được. Vậy nên biết hư chỉ sở đắc hữu lậu hậu đắc trí Tam muội của thế gian gọi đó là chủng trí xưng là thể của hai xe. Có tên không thấy, cũng không lên xe đi chơi, không thể phân biệt mà chứng các pháp. Lại hiển bày mượn Niết-bàn, nói là đã vào Niết bàn yên ổn, các người ấy có trí sanh không Bồ-đề mà không thể phân biệt pháp, nên không gọi là xe và không cho bước lên. Hoặc khổ đã diệt mà trí chướng chưa dứt thì sở chứng kia đã được là thiền định thế gian, dối gọi là xe để ra khỏi cửa. Vì tạm nhập Đại thừa, do đó mà chứng quả vị Đại Niết-bàn. Nên luận này chép: Người thứ nhất là lấy các thứ công đức gốc lành Tam muội của thế gian, làm phương tiện khiến cho vui chơi sau đó nhập vào Niết-bàn. Cho nên giáo pháp Ba thừa hợp lại gọi là cửa. Lý nằm ở ngoài giáo nên gọi là ngoài cửa. Lại cửa này là nhân hạnh của Ba thừa. Quả vượt ngoài nhân nên gọi là ngoài cửa. Trong đây nhất định dùng phân biệt chủng trí, để làm thể của xe. Cho nên trong kinh nhiều lần nói: Rốt ráo đắc Nhất thiết chủng trí.

Vừa thừa vừa đại nên gọi là nghĩa Đại thừa.

Hỏi: Vì sao trong phẩm Phương Tiện, quyền thật, lý trí, nhân quả, đều nói; hai châu dưới chỉ nói lý trí, nhân quả?

Đáp: Trong thừa có quyền thật. Thật có nhân quả. Quả có lý trí. Ba thứ đều khác nhau. Không biết quyền thật thì các việc lấy bỏ không thành. Không biết quả nhân thì các pháp năng sởhướng đến không lập. Không rõ lý trí thì đâu có tâm Bồ-đề, Niết-bàn. Trí đoạn không viên đâu thành đạo mãn. Cho nên châu đầu tiên giáo hóa người lợi căn đều cùng tận huyền tông. Hạng trung căn một lần nghe dần dần biết pháp quyển thật, lấy bỏ, tuy là chưa biết thủ nhân. Cho nên nói ba xe khiến biết một hạnh Nhất thừa. Ẩn giác tịch trong quả, nói xe trí trong nhân. Lý kín trong nhân vị, nương theo đó tu tập mà sanh ra chủng trí. Lý dần dần tỏ ngộ mà trí chưa thông. Hạ căn tuy nghe lại quyền thật và cho nhân trí mà quả lý còn mê. Càng thấy rõ lý có giả, thật nói ra căn bổn khiến cho kia lấy mà xả bỏ sự an ổn phẩm Trí trong qua, cất giữ trong nhân cùng trang nghiêm, vì ứng cơ khác nhau mà ba châu có chút ít khác. Nói nhân quả Nhất thừa có riêng, có đủ, nên ở trong quả giác tịch, khai thị có tròn có khuyết. Pháp thân đại tuệ nói có đủ thiếu, nên trong luận Địa trì nói có bốn xe: Ba thứ xe trên và thêm dụ xe voi làm bốn Niết-bàn. Nương vào tánh Đại thừa thì gọi là Đại thừa, chẳng phải dụ cho tam trí. Kinh Niết-bàn nói có hai xe. Cũng như nhà vua, có đi xe bốn ngựa. Muốn đem xe lừa cho thì không có việc ấy. Đây dùng hình tướng nửa và đủ chẳng phải dùng ba căn cơ vận chuyển phân biệt, cũng không trái nhau.

Kinh Ưu-bà-tắc nói ba con thú lội qua sông, là dụ lý đồng mà chứng khác.

Luận Trí độ nói: Ba đường bị bao vây, dụ cho chúng Ba thừa bị bao vây trong vòng sanh tử. Dụng năng lực để thoát ra khỏi vòng vây thì có lớn nhỏ. Lại nói ba người đắc đạo là dụ cho sự chứng quả Ba thừa có rộng hẹp. Mỗi bên y cứ theo một nghĩa cũng không sai trái.

Các con mau ra khỏi đây, ta sẽ tùy nghi mà cho các con xe. Đây là đoạn văn thứ ba. Nay lược lại nói có năm việc hỏi đáp:

1) Hỏi: Trong trí có ba thứ hư thật đều gọi là xe. Trong lý có giả chân, thành gọi là biến khắp ba thứ. Vì sao trong kinh Đại Niết-bàn không gọi thành mà gọi Đảo châu báu.

Đáp: Là nơi nghỉ tạm, phải có đầy đủ công đức cao quý, chân diệt mới gọi là Đảo châu báu. Xe vốn là vận chuyển đến quả, năng vận chuyển đến đều gọi là xe. Lại nữa, đã nghỉ ở thành, nên tìm cầu cái

khác, tìm chỗ không gọi là thành, còn vận tải gọi chung là xe, gần xa thì cũng gọi là xe.

2) Hỏi: Trí quả của Nhị thừa chia ra có xe dê, xe hươu. Diệt quả của Nhị thừa sao không hóa hai thành?

Đáp: Nơi nghỉ tạm đó nói hai thật có hai thành. Đối với thật mà nói giả nên gọi chung là một. Kinh Niết-bàn chép: Thanh Văn dùng tiểu Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, Duyên giác lấy trung Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Cho nên chỗ tạm nghỉ đó cũng gọi là hai thành. Nay lấy chỗ dứt chướng thì đồng, lý sanh không cũng đồng, giả trạch diệt cũng đồng. Do ba nghĩa đồng này, nên hóa thành gọi là một. Như xe Bồ-đề có căn tánh lợi đốn khác nhau, nương theo Phật và tự ra, nhờ giáo quán lí, quán đế duyên khởi khác nhau. Tứ quả nhất quả khác nhau. Luyện căn thời gian khác nhau. Sự nói pháp, thần thông khác nhau. Do bảy nghĩa khác nhau này mà nói riêng có xe dê, xe hươu.

Lại vô vi là không phân biệt, cho nên nói một thành. Hữu vi có phân biệt nên nói xe dê xe hươu. Nhưng nói vô vi chỉ nói nhất thành. Dùng trí nói rõ diệt nên nói hai thành, đều không mưu thuẫn.

3) Hỏi: Vì sao hóa thành lập ra ở con đường hiểm. Cho đến dẫn nêu các thứ xe đó lại ở ngoài cửa.

Đáp: Dứt khổ thì gọi là thành giữa đường, dứt khổ trong thành. Vô lậu lìa trói buộc, thể của xe gọi là ngoài cửa. Lại không còn phần đoạn sanh tử, biến dịch sanh tử ở hóa thành. Đầu tiên dứt ở trung đạo, lý xuất nơi giáo, quả xuất nơi nhân, hai xe đều ở ngoài cửa. Lại lấy hai đường sanh tử để đối chiếu thì hóa thành ở chặng giữa đường. Một là lấy chết để đối biện. Hai là xe ở ngoài cửa nên dường như lý thật.

4) Hỏi: Vì sao cho xe mà nói là đi chơi cho thành thì nói an tọa.

Đáp: Niết-bàn có thể chứng nên thành nói là an tọa. Bồ-đề có thể sanh nên nói là dạo chơi. Hai quả vô vi, hữu vi khác nhau. Lại, tướng thành an vị nên nói an tọa, tướng xe vận động nên nói dạo chơi.

5) Hỏi: Vì sao hóa ra thành rồi khuyên người vào đó trước. Nay nói xe là dụ cho mau ra khỏi. Đây ở đoạn văn thứ ba khuyên cho là khó phải không?

Đáp: Hóa Phật trụ tại sanh tử để khuyên người vào trước. Nói về Phật thật ở quả cho nên nói là mau ra lấy. Lại khuyên người tu hành chứng quả nên khuyên vào trước. Trước trụ vào quả để gọi mời nên khuyên ra khỏi. Lại khuyên con ở thành nên nói vào trước, khiến nhận lấy quả của cha nên nói mau ra. Lại nên chứng Niết-bàn cho nên khuyên là nhập vào khiến cho sanh giác trí nên nói là ra. Cũng như nói

Như Lai là Thiện thệ trụ nhân trụ quả điều mong mỏi đều khác nhau.

- Kinh: "Bấy giờ các người con cho đến tranh nhau ra khỏi nhà lửa."

- Tán: Đây là phần dụ thứ tư, y theo lời nói mà tránh được nạn. Có hai:

1. Con tránh được tai nạn.
2. Tâm cha mới an.

Chữ Thích nghĩa là, vừa lòng, làm vừa lòng, người Ba thừa nên gọi là thích nguyện. Lõng mỗi chúng đều mạnh mẽ tức là tâm tính tấn.

Dũng là tiến, nhuế là lợi là sắc bén là gốc lành là tinh tấn. "Xô đẩy lẫn nhau" là thân tinh tấn, cũng nói là ngữ tinh tấn vậy. Thân nghiệp ngữ nghiệp sách tấn cố gắng tinh tấn lẫn nhau gọi là cùng xô đẩy, tranh tu hành nghiệp thì gọi là đua nhau ruổi chạy, cùng mong thoát khổ gọi là tranh ra khỏi nhà.

- Kinh: "Lúc ấy trưởng giả cho đến vui mừng hớn hở."

- Tán: Tâm cha liền an ổn.

Rời khỏi nơi nạn tai gọi là an ổn ra. Ở ngã tư đường là lí tứ đế. Ba thừa cùng quán lí tứ đế. Trong Đại Bát-nhã nói ngã tư đường là tứ đế, lìa phiền não chướng, ra khỏi phần đoạn sanh tử.

Không mái che gọi là trống. Mỗi pháp đều có ngôi vị sở y quả mãn gọi là đất. Lấy trí để an xứ chứng thì gọi là ngồi. Năm uẩn khổ hoặc nghiệp của phần đoạn sanh tử đều dứt. Hoặc đoạn hoặc bị hàng phục, lìa tam chướng gọi là không còn chướng ngại. Vừa với bổn ý của cha nên cha lòng thư thái,thấy các con đã thoát tai ách nên cha rất vui mừng. Người Nhị thừa đắc A-la-hán đoạn hết phiền não trụ vào hữu dư y Niết-bàn. Hàng Đại thừa đã nhập vào Sơ địa đắc vô trụ Niết-bàn, hàng phục phiền não, lìa phần đoạn sanh tử thì gọi là ngồi giữa đất trống không còn chướng ngại.

- Kinh: "Bấy giờ các cho đến nguyện thời ban cho..."

- Tán: Trên là dụ cho quyền biến trước kia. Dưới là dụ cho thật pháp bây giờ. Có hai: Trước dụ trao cho thật. Sau dụ cho giải thích nghi là phần hỏi đáp dưới. Trong phần đầu có bốn ý:

1. Các con xin ba xe.
2. Cha chỉ cho một.
3. Giải thích chí của cha thành tựu.
4. Vượt xa bổn tâm của con.

Ngoạn nghĩa là chơi giỡn. Hảo nghĩa là yêu thích, tốt đẹp. Tùy theo căn cơ Ba thừa đều có ở chỗ Phật chuyên ý mong cầu diệu trí ở

thừa của mình. Nghĩa này đồng với việc xin cha xe. Người Nhị thừa lìa phần đoạn sanh tử mà đắc giải thoát. Chứng pháp tứ đế nhập vào hóa thành thì gọi là ra khỏi nhà. Thường ở nơi Phật tu tập các chủng trí văn tư tu. Rõ hết các pháp cầu chứng thì gọi là cầu xin xe dê xe hươu. Các Bồ-tát: Y theo luận này từ Sơ địa trở lên tuy lìa phần đoạn sanh tử mà chưa chứng giải thoát thì không gọi là nhập thành. Không mỏi mệt cho nên không nhập vào hữu dư, không nói Bồ-tát nhập vào hóa thành. Nhập vô trụ Niết-bàn cũng dứt phần đoạn sanh tử, ví như gọi là nhập thành cũng chưa trái với lý chung. Nếu như vậy thì cũng nên cho xe dê, hươu nói trên. Như thế chỉ theo cách giải thích đầu tiên là tốt. Đã hàng phục phiền não, ra khỏi phần đoạn sanh tử, cũng chứng tứ đế, cũng gọi là ra khỏi nhà lửa ngồi nơi ngã tư đường. Cầu diệu trí của Phật cũng như cầu xin cha xe trâu.

Hỏi: Ba con cùng ra khỏi phần đoạn, chỉ người Nhị thừa tự xưng là vào thành. Các con lớn cũng ra khỏi nhà khổ. Như vậy thì cũng phải được gọi là nhập thành phải không?

Đáp: Không mỏi mệt nhàm chán nên các con lớn không nhập thành. Hàng phục hoặc, lìa phần đoạn sanh tử cũng được gọi là ra khỏi nhà. Nếu nói nhập thành thì cũng không khó.

Hỏi: Như các con lớn không vào thành thì vì sao được lên xe, mà không vào thành,các con vừa và nhỏ vào thành mà không lên xe?

Đáp: Vì nhàm chán cầu dứt khổ nên hàng trung tiểu vào thành. Đại thừa không nhàm chán khổ thì không gọi là vào. Chỗ dứt khổ nên nói Nhị thừa, còn Đại thừa thì không vào thành.

Hỏi: Ngoài cửa có xe, hứa cho ba thứ xe . Giữa đường lập Hóa thành, vì sao chỉ nói hai?

Đáp: Hai xe đối với đại là nhân nên ngoài cửa có để ba xe. Thành là phương tiện đối với quả thật, nên giữa đường hóa ra thành. Lý thì tương tợ mà sở đối thì khác nhau, nên sự lập bày cũng khác nhau, thật thì không khác.

Lại kia không có chủng trí, muốn khuyên học Đại thừa nên ngoài cửa lập ra ba xe. Niết-bàn hữu dư người Đại thừa không cầu xin nên giữa đường lập ra hai ngôi thành. Nếu nhập mà không trụ thì không gọi là giả, chẳng phải hóa thành.

Hỏi: Ba xe đều cầu xin, thấy rõ sự cầu học đối với trí viên. Hai diệt không mong cầu lẽ ra không cầu dứt khổ.

Đáp: Đắc quả thì tự nhiên chứng diệt, nhập vào thành nên không nói mong cầu. Diệu trí tất cần dựa vào tu mà ra khỏi nhà lửa. Cho nên

phải xin xe. Lại vì ở quả tiểu được thành cho nên không cần cầu xin. Vì chủng trí chưa đắc được nên không cầu xin xe. Hoặc giải thích thế này: Người Nhị thừa nhập vào hóa thành nhưng chưa được xe nên hết lòng xin. Bồ-tát không vào thành mà cũng siêng cầu đến Bảo sơ, nghĩa này có thể vậy. Đại thừa đến Đảo châu báu, theo lí cũng cần phải xin. Đối với hóa thành mà không xin cho nên không luận vì hể chuyên cầu là xin vậy. Xưa tương tuyền: Thành là nơi thật hóa ra để dứt khổ, cho nên không cầu xin, xe là việc hư tạo để xin. Nếu hiểu theo đây thì xe rời thành mà có khác nhau. Cầu không cầu nghĩa khác nhau. Cầu và không cầu nghĩa khác với thể của xe. Xưa giải thích là Thành hóa thành là loại xe phải xin.

Lại có nói giải thích: Xe phát ra từ quyền ban đầu, cho nên là hư tạo. Thành là để phòng giữa đường tâm lui sụt cho nên thật hóa. Đây cũng không đúng. Vì sao? Vì căn cở bắt đầu xin xe đã ra khỏi nhà. Lại thể không khác thì hư thật làm sao lại khác. Nên nói thể của xe thành là pháp gì? Cũng có giải thích thành kia cũng nên xin. Sự giáo hóa chẳng phải một đường cho nên không nói. Như trong kinh ở dưới chép: Bấy giờ bậc Đạo sư biết mọi người đã được nghỉ ngơi, không còn mệt mỏi và có thể đi tiếp. Tức là xin thành. Đây là xin Đảo châu báu chứ không phải xin thành. Tuy là dẫn ra văn nghĩa này nhưng cuối cùng cũng khó hiểu, nên tìm hiểu kĩ! Lẽ ra giải thích. Văn dưới nói bậc Đại sư, biết chúng mỏi mệt nên hóa ra ngôi thành tức là nghĩa xin. hoặc có người giải thích xe là dụ cho vô dư Niết-bàn, quả trụ chưa đắc nên cần phải xin. Thành là dụ cho hữu dư Niết-bàn, quả trụ đã đắc nên không cầu xin. Nếu vậy thì Bồ-tát nay đã cầu xin xe cũng nên đã đắc hữu dư mà chưa đắc vô dư. Cầu vô dư nên gọi là xin. Nhị thừa không có nhậm vận chắc chắn được thì cần gì phải xin. Vậy thì chỉ nên theo nghĩa ở trước, cái gọi là Nhị thừa Niết-bàn không khác nhau, nên xe dê xe hươu là không có.

- Kinh: "Xá-lợi-phất! cho đến. đồng một xe lớn."

- Tán: Đoạn văn này nói chỉ cho một xe. Chia ra làm bốn:

1) Cho xe

2) Tô điểm.

3) Hiển bày tướng trâu.

4) Chỉ rõ người theo xe.

Xe trâu quả Phật là lấy Nhất thiết chủng trí trong bốn trí làm tánh, tức là hậu đắc trí. Nhân của xe thì lấy chủng trí trong hai trí là Bình đẳng tánh trí và Diệu quan sát trí làm thể. Tuy năm trí tuệ đều là Nhất thừa,

ở đây chỉ lấy chủng trí trong tướng Bồ-đề làm thể. Nhất thiết trí thì rộng hẹp có khác mà ba thừa đều có, chứng trí đó phân biệt ra thành tứ đế thì mỗi đế đều có vô lượng tướng, Nhị thừa chẳng thể biết nên gọi là bất cộng đức. Cho nên, trong kinh thường nói rốt ráo đắc Nhất thiết chủng trí. Vô phân biệt trí dẫn xe chủng trì này, nghĩa như xe trâu trước không phải là thể chánh của xe. Như biểu vô biểu tuy đều là giới, mà từ khi Tăng thọ giới cho đến trì giới sau đó chỉ nói là vô biểu. Một niệm biểu giới lại không có nối tiếp, khi tác bạch tứ yết-ma hòa hợp mà được. Khi theo Tăng xin đã được biểu giới. Biểu tuy là căn bổn mà chỉ lấy vô biểu gọi là trì phạm giới. Xe này cũng vậy. Một đại sự trước dùng lý trí làm gốc Căn bản trí, Hậu đắc trí gọi dùng là Nhất thừa, mà nay lấy hậu trí gọi là xe, bổn trí là trâu, không nói ở lý vì là thể của xe. Sau trong Hóa thành, lấy chân đối với hóa bèn nói giả trạch diệt cho là hóa thành. Nói diệu lý chân như của đại Niết-bàn làm Đảo châu báu. Mỗi mỗi đều căn cứ vào một nghĩa gọi là Nhất thừa, sự thừa, lý thừa, hữu vi thừa, vô vi thừa đều khác nhau, như thể của xe dê, hươu đã nói. Thể của xe đã vậy thì muôn đức khác cũng thuộc các tô điểm của xe. Nếu đồng như trong kinh Niết-bàn và Thắng-man nói, chỉ lấy chân như làm thể của xe, thì sao đều ban cho các con một xe. Lại vì sao nói sự khác nhau của tướng đức trang nghiêm, vì sao nói xe trâu đi mau như gió và sao có thể nói ta có xe lớn bảy báu như thế, lại nhiều vô lượng, tùy tâm ưa thích của các con mà cho? Nhưng các con nhỏ, vừa cũng đã ra khỏi nhà rồi, tuy chưa được xe trâu mà cũng vì con nói đại giáo, hoặc nhất định sẽ được, chẳng phải lúc ấy đã được giảng nói trí thể. Như cho hạt ngọc mà chưa đắc thể. Cho nên trong kinh Thắng-man chép: Bình đẳng ba thứ ý sanh thân tức ba đứa con vậy. Đây nói sơ địa tức là bất thối địa. Lại đốn ngộ, lại là nhân hạnh của Đại thừa, từ sơ phát tâm thì cũng gọi là xe. Nay Bát địa trở xuống là nhân hạnh. Bất thối Thất địa trở xuống trước vẫn còn phần đoạn. Vì thế bên dưới Kinh nói: Thanh văn, Duyên giác, Bất thối Bồ-tát cởi xe báu vàng thẳng đến đạo tràng. Phẩm Phương tiện giải thích nhập tức là Bất lui sụt địa. Nay lấy theo ý trước mà giải thích, thì từ sơ địa trở lên lìa phần đoạn sanh tử gọi là Bất thối địa, gọi là nương Nhất thừa, kinh Lăng-già cũng do đây mà nói từ sơ địa trở lên gọi là ba thứ ý sanh thân.

- Kinh: "Xe đó cao rộng cho đến bốn phía đều treo linh."

- Tán: Nói tô điểm xe, có mười thứ, trong đây có bốn:

1) Hình lượng.

2) Tô điểm.

3) Nhiếp ngự.

4) Treo linh.

Cao rộng là chỉ về hình lượng, chỉ cho thể chủng trí của Phật thể cao cả ba cõi, dụng rộng cả mười phương, giáo hóa chiếu soi khắp cả pháp giới. Các báu trang nghiêm đó là chỉ cho tô điểm, các công đức đều do trí làm căn bổn.

Lan can bao quanh là ý nói nhiếp ngự. Ngoài chế ngự không nhập vào trong thu nhiếp không xuất ra, tức là bốn tổng trì. Ngự các điều ác không cho phát sanh, nhiếp các chúng thiện không cho tản mất, bốn mặt treo linh là chuông lắc, biến khắp tứ sanh nói bảy biện tài mà rộng giúp.

- Kinh: "Lại ở trên đó cho đến. mà tô điểm cho đến".

- Tán: Đây có hai thứ trang nghiêm là loại thứ năm và sáu: Giăng màn trên cao và các vật báu. Dùng tứ vô lượng rộng che hết chúng sanh như màng, lọng. Tô điểm lẫn lộn: Là các thứ ngọc báu. Từ bi hỷ xả đều có: Hữu tình, pháp, và vô duyên, chành ác đức v.v... giúp thêm tô điểm.

- Kinh: "Các dây báu nối kết cho đến. đặt yên gối đỏ".

- Tán: Đây có bốn: Loại tô điểm tức thứ bảy, tám rũ chân anh lạc, chín là bày biện và người là, sắp đặt gối đỏ.

- Dây báu kết thắt là bốn hoằng thệ nguyện, hễ có tu hành đều phát bốn đại nguyện:

1) Nguyện cùng chúng sanh tu các gốc lành này. Người chưa lìa khổ thì nguyện cho lìa khổ.

2) Chưa được vui thì nguyện cho được vui.

3) Người chưa phát tâm Bồ-đề, dứt ác tu thiện, thì nguyện cho phát tâm bồ đề dứt ác tu thiện.

4) Người chưa thành Phật thì nguyện sớm thành Phật. Nguyện như các thứ báu nối kết lại chành ác khiến sẽ đắc quả. Chắc chắn thù thắng cho nên tà kiến không thể làm khuynh tổn.

Trong kinh Thắng-man nói: Nhiếp thọ chánh pháp là nhiếp tất cả nguyện.

Du-già thì nói chung có hai nguyện. Nguyện cầu Bồ-đề và lợi lạc hữu tình.

Treo các thứ hoa báu đó là hoa báu rủ xuống, tức là bốn nhiếp. Rũ xuống nhiếp bốn sanh:

1) Bố thí

2) Ái ngữ

3) Lợi hành

4) Đồng sự.

Xưa có giải thích rằng tĩnh lự là mềm mỏng, mềm mại, tâm thường yên ở. Vì trên dưới Tứ thiền khác nhau nên nói: "trái chống". Lí này không đúng. Kinh Vô Cấu Xưng nói: Bốn tĩnh lự làm giường, tịnh mạng làm nệm, thân ngữ, ý, nghiệp đều không có tâm tham phát, thường du hành, thương hành tịnh mạng, lìa năm tà mạng. ba nghiệp đều vậy gọi là trái chống, mà để yên gối đỏ lên

Xưa giải Niết-bàn có thể dứt sanh tử. Nay giải thích diệt định có thể dứt phan duyên. Để mệt mỏi tựa gọi là đặt gối. Đã an trên xe rõ rảng chẳng phải Niết-bàn, chỉ lấy diệt định. Gối có gối tiên đan tăng thêm tuổi tuổi thọ thì gọi là gối đỏ. Vô lậu diệt định cũng như thế, làm cho thêm lớn Thánh đạo. Lý này không đúng. Bên Tây Vức không có gối tiên đan, có có gối màu đỏ. Bên trong chứa các lụa chỉ, ngoài bọc da đỏ nên gọi là gối đỏ. Lại có nói giải thích: Thể tức là ngũ căn vô lậu: Tín, tấn v.v... giúp đỡ Thánh đạo nên gọi là chẩm.

- Kinh: "Dùng trâu trắng kéo cho đến đi nhanh như gió."

- Tán: Nói tướng trâu có bảy:

1) Trâu trắng: Thể tức là căn bản vô phân biệt trí dẫn dắt xe chủng trí, như trâu kéo xe vậy. Màu trắng là căn bản của các màu, như hoa sen trắng, tiêu biểu cho căn bản của các bộ kinh, là đứng đầu muôn đức. Trâu đầu đàn có ba đức:

a. Hàng oán: Có thể dứt hai chướng.

b. Đoan nghiêm: Các đức trang nghiêm.

c. Vận tải: Cứu độ tự tha cho nên dụ ở trâu mà không nói voi, ngựa. Đại thừa như ngựa tài giỏi tú không thể so với xe lừa chậm chạp của Tiểu thừa. Cho nên kinh Niết-bàn chép: Lấy ngựa kéo xe, lấy voi để chỉ hình tượng đức lớn, so với đức nhỏ của các thứ xe trâu xe dê, xe hươu. Niết-bàn vô trụ là trên hết. Do đây mà trong kinh Thiện giới dùng voi để kéo xe. Nay vì trâu có ba đức để kéo xe Đại thừa nên gọi là trâu trắng.

2) Da thịt đầy đặn: Trong chánh trí nội đức đều tròn đầy.

3) Sắc sạch ba chướng dứt trừ hẳn giới đức đầy đủ.

4) Hình thể tốt đẹp: Tướng tốt tròn sáng, trời người đều yêu kính.

5) Có sức rất mạnh: Có ba ý:

- Rảo bước khắp phương. Trí lực đầy khắp, chẳng lý nào mà không đạt đến.

- Đi những nơi hiểm trở mà không mỏi mệt. Có thể hóa độ khắp

mười phương vào đường hiểm sanh tử mà không biết mỏi mệt.

- Gặp kẻ thù thì là vượt qua, phá tất cả chướng, hàng phục sanh tử. Đủ ba nghĩa này gọi là có sức mạnh.

6) Bước đi ngay bằng: Hai lý đều cùng chúng, dẫn sanh hậu trí, oán thân không hai.

7) Đi nhanh như gió: Thể tánh chánh trí trong một sát-na, duyên khắp pháp giới. Khởi tâm đại bi, bên trong đầy đủ các đức, ngoài giáo hóa chúng sanh, không có trì trệ. Từ sơ địa trở lên mau tiến tu quán quán không quán hữu chẳng còn vướng động.

Tánh tuy lanh lợi, nhưng sự thì ung dung, bảy đức trên đây có dụng mà không phải căn bản chánh trí. Do đó mà có cho nên được tên kia.

- Kính: “Lại có nhiều tôi tớ để hầu hạ.”

- Tán: “Nói về người tùy tùng, dùng nhị trí làm trước. Lục độ, tứ nhiếp, giác phần, giải thoát, phiền não các pháp lợi sanh, đều tùy theo đó mà khởi, nên gọi là nhiều tôi tớ theo hầu.

Kinh Phật Địa nói: Phật có vô lượng trời, rồng, Dạ xoa, nhân phi nhân v.v... cho đến thường theo giúp cũng nên gọi là theo hầu. Có chỗ giải thích thể của xe chỉ có Đại Nhập Niết-bàn, các thứ tô điểm khác hoặc chỉ là tánh công đức, hoặc tướng công đức. Thể của trâu là nhị trí kéo xe. Giải thích là trước là đúng như trước là không đúng.

- Kinh: “Vì sao? cho đến Thảy đều đầy ắp.”

- Tán: Thứ ba giải thích chí thành tựu của cha có ba ý:

- Nêu sự giàu có.

- Nghĩ sự quân bình.

- Giải thích lý do, ở đây là ý đầu.

- Sung mãn là đầy tràn, là đủ các thứ thể, các tàng hữu vi, vô vi là thể nghĩa năng hàm chứa, hoặc hai tạng ba tạng giáo năng hàm chứa lý. Nay cho con kho chứa .

- Kinh: “Mà nghĩ rằng cho đến không nên khác nhau.”

- Tán: Đây là suy nghĩ chia đều có hai ý:

- Không nên cho Tiểu

- Đều nên cho Đại.

“Nay những trẻ thơ này v.v... ”: Là Mượn tưởng niệm. Vô cực là nghĩa không cùng cực. Nói hai thứ trí là nói xe xấu kém. Do có chủng tánh trước phát đại tâm gọi là trẻ thời có khả năng sẽ thàng Phật nên gọi là “con ta”. Lòng từ bi không hai nên gọi là “yêu thương không nghiêng lệch”. Dùng thất Thánh tài tô điểm nên gọi là xe “bằng bảy báu”, đều tự tu trí viên, trí hữu vi chẳng phải một nên gọi là “số nhiều

vô lượng” ứng với tâm bình đẳng tùy căn cơ mà trao cho nên nói “mỗi con đều cho”. Cùng trao pháp Đại thừa không nên có khác nhau. Chữ Đồng nghĩa là đồng tử. Xưa gọi đó là bộc, là đồng bộc,nay là bộc lệ. Nghĩa là trẻ con còn mê muội chưa khôn lớn.

- Kinh: “Vì sao? cho đến huống chi các con.”

- Tán: Đây giải thích lý do hết thiếu thối. Đem Nhất thừa này cho hết chúng sanh năm đường hữu tánh vô tánh của một cõi Phật, định tánh, bất định tánh, còn không thiếu thốn, huống chi chỉ là con thật của Phật căn tánh Đại thừa và bất định, mà sợ không đủ hay sao?

- Kinh: “Bấy giờ các con cho đến chẳng phải điều trước mình mong”.

- Tán: Thứ tư: Vượt ngoài tâm mong muốn của con.

Đã nói là đều cưỡi xe lớn, là biết rõ mỗi con tự đắc chủng trí. Không giống như hóa thành mọi người đều vào.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến. là không dối gạt.”

- Tán: dụ trên là nói thật, dụ dưới là giải thích nghi. Tức như quyển trước nói.

- Các thầy nên tin hiểu lời Phật nói là không luống dối. Nghĩa là chúng nghi là: Đầu tiên Phật nói ba, sau chỉ nêu một. Trước sau khác nhau, vậy không nói dối sao? Cho nên ở đây giải thích ra. Văn có ba phần: Hỏi; Đáp; và Ấn chứng.

- Kinh: “Xá-lợi-phất thưa cho đến chẳng phải là luống dối.”

- Tán: Phần đáp có hai: Một là nêu ; hai giải thích. Đây là phần nêu.

Hàng phàm phu lìa dục, hàng phục phiền não thì gọi là tránh được hỏa nạn. Lìa ba đường ác ép ngặt cực khổ thì gọi là bảo toàn thân mạng.

- Chưa ra khỏi trời người, như ở trong nhà lửa mà vẫn toàn thân mạng.

- Kinh: “Vì sao? cho đến cứu độ họ.”

- Tán: Phần dưới giải thích có hai:

1) Tránh được nạn rồi thì chẳng phải dối gạt.

2) Huống chi đem cho Đại thừa.

Chỉ được toàn thân mạng ra khỏi ba đường ác, sanh về trời người, gặp được châu báu, huống chi tránh được tai nạn ra khỏi nhà lửa của trời người trong ba cõi.

- Kinh: “Thế tôn cho đến không dối gạt.”

- Tán: Huống chi đem cho Đại thừa.

Có hai:

a. Không đắc tiểu chẳng phải là dối, vì không trái ý trước.

b. Huống chi đem cho Đại thừa mà thành lỗi dối gạt.

Tâm trước là giả thiết. Hứa cho ba xe nay tuy không được tiểu mà không trái với ý giả thiết trước. Tâm cảnh chẳng trái nhau, nên chẳng thành luống dối.

- Kinh: "Huống chi Trưởng giả cho đến. cùng cho xe lớn."

- Tán: Huống chi đạt Đại thừa, mà thành dối gạt.

- Kinh: "Phật bảo Xá-lợi-phất cho đến. như lời ông nói."

- Tán: Đây là lời ấn khả.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến. cha của thế gian."

- Tán: Đoạn lớn thứ hai là hợp nói: Có hai:

a. Hợp quyền giáo trước

b. Hợp thật pháp bây giờ.

"Xá-lợi-phất! Như trưởng giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi nhà cho đến.".

Đoạn văn này có bốn ý:

1) Ba cõi, Phật có họp.

2) "Vì độ chúng sanh sanh già cho đến." Là hợp năm đường nguy nan.

3) "Thấy các chúng sanh vì sanh già bịnh chết cho đến" là hợp thấy lập phương tiện quyền biến.

4) "Xá-lợi-phất! Như có chúng sanh bên trong có trí tánh cho đến" là hợp theo lời Phật dạy mà tránh nạn.

Dụ đầu tiên có sáu ý: Xứ sở; chủ nhà; già suy yếu; tài sản; tướng nhà và cửa.

Nay hợp có năm không có phần cửa. Trong văn này có hai: Của tất cả thế gian là hợp nghĩa xứ sở. Là cha hợp nghĩa chủ nhà.

Thế gian tức là hữu tình thế gian và khí thế gian. Kinh Vô Cấu Xứng nói: Chư hữu tình, cõi là cõi phật trang nghiêm thanh tịnh của Bồ tát, cho nên dùng hai thứ thế gian này gọi là cõi nước Phật. Con người là căn bản, cha (phụ) có nghĩa là người sanh dưỡng, khiến cho chúng sanh sanh trưởng gốc lành, kế tục ngôi vị Phật. Cho nên gọi là cha.

- Kinh: "Đối với các sự sợ hãi cho đến. vô lượng tri kiến."

- Tán: Phần ba hợp nghĩa tài sản bên trên. Đây hợp nghĩa(nhiều ruộng. Hết các sợ hãi v.v... là hợp về ruộng đoạn. Vô lượng tri kiến hợp nghĩa ruộng trí.

Sợ hãi có năm thứ:

1. Lo sợ không đủ sống nên phân biệt tài sản của ta mà khởi ái

chấp.

2. Sợ ác danh, hành không lợi ích nên vọng khởi lo sợ.

3. Sợ chết, do đó có ngã kiến, khởi lên tưởng mất hoại.

4. Sợ trong đường ác không gặp Chư Phật, khởi lên nghiệp ác .

5. Sợ khiếp chúng, thấy đã chứng thấp kém, người hơn mình mà khởi suy não lo nghĩa là các khổ phá nhà diệt vong.

Trên đã hợp nói về quả khổ sanh tử. Vì vô minh che lấp, si ám thêm lớn làm căn bổn cho hoặc nghiệp. Đây là nhân của khổ không rõ việc từ trước đến nay. Vô minh che lấp như thế, mê hoặc Tam bảo như thế. Do chứng lý dứt hoặc, vĩnh viễn hết sạch. Cho nên các pháp vô vi đoạn đức tròn đầy. Thành tựu được tri kiến trí đức tròn đầy.

- Kinh: “Lực vô sở úy cho đến Ba-la-mật.”

- Tán: Đây trở xuống hợp nói của giàu vô lượng. Nội đức trí tuệ, và phương tiện khéo léo, đều đã đầy đủ đến bờ kia. Phần trên là tổng hợp về tài sản. Theo kinh Vô Cấu Xứng nói thì phiền não là tôi tớ. Nếu theo kinh này thì ngoài hóa thần thông cho là tôi tớ, dùng trí tuệ sách tấn, nhân đó mà nói.

- Kinh: “Đại từ đại bi cho đến thường cầu việc thiện.”

- Tán: Thứ tư là hợp: Nói tuổi cao suy yếu. Tướng của người già rất là thương xót, nên gọi là đại từ đại bi. Việc làm không phế bỏ, nên thường không có lười mỏi. Hễ làm việc gì đều quán xét suy lường rõ ràng, có trước có sau mà không bỏ phế giữa đường. Thế nên các việc đều có khuôn phép thắng pháp, thường cầu việc thiện. Trong đây tức là nói ân đức đoạn đức, trí đức, như thứ lớp đã nêu ra ba thứ Trưởng lão trước. Tự tha đều lợi ích. Đây là tiêu biểu cho việc tu nhân đã lâu nên bi trí đầy đủ.

- Kinh: “Lợi ích tất cả cho đến nhà lửa cũ mục.”

- Tán: Thứ năm là hợp nói tướng nhà, cũng hợp nói nhiều nhà.

Cùng khắp ba cõi, vì lợi ích chúng sanh trong năm đường, nói về trong đó cho nên trong dụ trước có nói: Ta và các con nếu không cùng ra”. Tức nói về làm chúng sanh ở trong sanh tử. Nói về ở thân ngày nay mới ra khỏi nhà lửa. Đây là nói lý do vào nhà. Cũng có giải thích lợi ích tức là nhà cửa. Phật vì muốn lợi ích chúng sanh cho nên cùng vào nhà lửa. Chúng sanh vì nương vào lợi ích mà ra khỏi nhà. Tức là giáo hạnh nhất thừa.

- Kinh: “Vì độ chúng sanh cho đến Tam Bồ-đề.”

- Tán: Đoạn lớn thứ hai hợp dụ sự nguy vong trong năm đường, dụ này có bốn:

1. Vì độ chúng sanh hợp nói rất nhiều người.

2. Vì sự sanh già bịnh chết ưu bi khổ não hợp nói nhà hư mục nguy ách.

3. Ngu si ám chướng trong nhà lửa ba độc hợp nói tai nạn xảy ra khắp phía.

4. Vì muốn giáo hóa khiến đắc quả Tam Bồ-đề hợp nói cùng chúng sanh rảo chơi ở trong đó, sanh già bịnh chết ưu bi khổ não là dụ cho khổ và vô thường trong tứ uẩn. Trong ngôi nhà mục nát nguy hiểm, mỗi mỗi đều có sanh già bịnh chết. Nếu thứ lớp hợp nói nhà cửa thì nghĩa nguy cũ hơi khó biết. Hoặc trong nhà nguy hại mà có mất mát. Theo thật pháp thì nhà mục này lý chung cả ba cõi. Nghĩa tứ uẩn như trước đã giải. Nay lấy bốn tướng lầm lỗi biến lưu trong cõi Dục mà hiển bày ba cõi khổ, là để cho chúng sanh nhàm chán sâu xa việc sanh già bịnh chết. Do đó mà nói sanh già bịnh chết là ngôi nhà hư hoại tội lỗi. Nếu không như vậy thì vì sao tai nạn nguy ách lại nổi lên các phía. Có cả phiền não trong ba cõi cùng trong nhà mục nát này, chỉ nói khổ quả trong cõi Dục.

- Các con vui chơi trong đó đều có đại tánh: Đó gọi là trưởng giả mẹ sanh con thật. Trước chưa phát tâm thì gọi là con của ba cõi. Sau khi phát tâm thì dần dần đắc quả Bồ-đề.

- Kinh: "Thấy chúng sanh cho đến. thọ các điều khổ."

- Tán: Đoạn văn thứ ba: Thấy rồi thì lập tìm phương tiện. Đây hợp với dụ trên có bốn:

1. Thấy khổ, tâm từ bi sanh.

2. Khai thị Đại thừa mà không mong nhận .

3. Nghĩ cách cứu giúp.

4. Chính nói về Ba thừa.

Đây hợp cũng có bốn:

1. Hợp sanh từ bi.

2. "Xá-lợi-phất! Phật đã thấy việc này rồi liền nghĩ: Ta là cha của chúng sanh," hợp nói Đại thừa không được.

3. "Xá-lợi-phất" Như Trưởng giả kia tuy thân tay có sức mạnh mà không dùng được. Là Hợp nói suy nghĩ tìm cách cứu khổ ở trên.

4. Nói: Các ngươi không nên ưa ở trong ba cõi, hợp ở trên nói chánh nói pháp Ba thừa.

Trong thí dụ đầu có hai:

1) Bi sanh.

2) Sự bi thương.

Trong đây "thấy các chúng sanh là hợp với bi sanh "bị sanh già bịnh chết" hợp nói các sự bi. Trong sự bi đầu tiên hợp nói tướng khổ, sau nói tham đắm ưa thích. Đầu tiên nêu bảy tướng khổ trong cõi Dục. Sau nêu các tướng khổ như thế trong cõi Sắc và Vô sắc. Sắc và Vô sắc đều có đầy đủ khổ thứ tám là lược nhiếp tất cả năm thủ uẩn khổ.

Nói khổ cõi Dục có bốn:

1. Bốn tướng cùng xâm phạm.
2. Ngũ dục trái nhau.
3. Lửa san tham thiêu đốt
4. Luân hồi các đường.

Ba khổ trước là khổ hiện đời. Một khổ sau là khổ đời sau.

Lại bốn tướng xâm phạm tức bốn khổ? Ngũ dục trái khuấy nhau, lửa san tham thiêu đốt tức là khổ mong cầu không được. Trong năm đường luân hồi mới biết là ái biệt ly khổ oán tắng hội khổ, cùng các thứ khổ, tức là lược nhiếp tất cả năm thủ uẩn khổ như là nhiếp chung hết tất cả bát khổ. Văn này ý nói là bốn tướng xâm phạm nhau, ngũ dục trái khuấy. Trong dụ trước thấy nhân lửa cháy mà kinh tâm. Trong hợp này do thấy quả khổ mà ý bi khởi cả trước và sau đều là sự đáng thương. Nhân trước quả sau đều là ép ngặt, đều là khởi từ bi vậy, đều nên nhàm chán vậy.

Đối pháp nói: Sanh khổ là sở y của các khổ, bị các khổ ép ngặt: Ở trong thai chín tháng mười tháng đó là thai tạng, như ở trong hầm phẩn uế chịu sự nóng lạnh lâu ngày khổ sở. Vào lúc sanh thục tạng như hai ngọn núi ép ngặt. Chính lúc hướng về cửa sanh thật là khổ nạn, lúc gió nổi lên như ngọn đao cắt vào thân thể, bất giác thất thanh, quên hết những sự việc trước kia của mình. Đây gọi là sanh khổ. Già khổ là lúc các phần biến dịch, thân nặng nề các căn mê yếu. Da dẻ nhăn nhúm đi đứng gượng gạo ăn ngủ bất an. Ngồi đứng rên rỉ ho hen khí nghịch việc làm thì chậm chạp bị người xem thường. Thế tình còn nặng mà thế sự đã dứt. Đó là lúc lão khổ. Bịnh khổ là lúc bốn đại thay đổi trái ngược. Trăm đốt đau nhức tứ chi khổ sở, làm hoại tất cả các việc an lạc vui vẻ. Như mưa đá làm hư hoại các mầm non. Do đây mà trong kinh nói: Như người thanh niên trai trẻ được vương phi trộm yêu mới làm chuyện tư thông. Vua bắt được sai người móc mắt, cắt hết tay chân tai mũi, hình dung bỗng chốc trở nên xấu xí ghê tởm. Bịnh khổ ép ngặt như thế thật là khó kham. Đây gọi là bịnh khổ.

- Tử khổ là lúc tuổi thọ biến hoại gió đao cắt lìa thân thể, chẳng có chỗ nào mà không đau khổ. Miệng há hốc, thở vội tay chân bấn loạn

tròng mắt láo liên, tay quờ quạng hư không, mồ hôi, tiện uế lưu xuất đầm đìa.

Kinh Niết-bàn chép: Tử là nơi hiểm nạn không có tư lương, như đi trên đường xa mà không có bạn lữ. Ngày đêm đi mãi không biết ranh giới, thăm thẳm tối đen không có ánh đèn. Không có cửa vào không có chỗ ở, tuy không đau đớn cũng không thể trị lành, đi không có chỗ dừng, đến mà không được thoát. Không chỗ phá hoại biết đó là sầu độc, chẳng phải là ác sắc xấu mà khiến cho người lo sợ, kêu ở bên tai mà không hay biết. Đó là tử khổ. Xưa tuy là nhờ việc tắm gội cuối cùng cũng trở về bất tịnh. Xưa mượn cái thứ hương nay cũng trở thành nhờm gớm. Xưa lúc còn vương vị tài sản của báu dẫy đầy, thân tộc thê thiếp muôn ức. Bây giờ buông bỏ hết chỉ một mình ra đi sau không còn ai theo. Đặt vào áo quan thân hình bị chèn ép. Cha mẹ vợ con sầu não kêu khóc, bốn phía đầy người thương tiếc. Xưa vì vợ con mà đấu tranh giành giựt tài sản. Vì thân tộc mà kết oán thù, tranh vinh hoa mà hại mạng người. Nay lạc trong đêm dài tăm tối chỉ một mình chịu tai ương làm ác, còn vợ con an nhiên buông lung. Xưa làm ác cũng vì vợ con. Nay sa vào ba đường vì sao chỉ riêng mình chịu khổ. Thật là đáng thương xót! Không đáng sợ sao? Đó gọi là chết khổ.

Ưu bi khổ não: Kinh Đạo vu nói: Kêu thương bi cảm những việc đã qua gọi là ưu. Suy tư nối tiếp gọi là bi. Việc khổ ép ngặt gọi là khổ phiền não trói buộc gọi là não.

Kinh Thập Địa nói: Lúc chết biệt ly. Người ngu tâm nóng nảy tham đắm gọi là ưu, kêu thương khóc lóc gọi là Bi. Năm căn đối nhau là khổ, ý căn đối nhau gọi là ưu. Ưu khổ càng nhiều thì gọi là não. Cũng vì tài lợi ngũ dục mà chịu khổ não. Loài chim do tìm thức ăn mà mất mạng. Con người vì tài vật mà bỏ mình.

Kinh Vô Lượng Thọ chép: Người thế gian không ruộng đất nhà cửa mà sanh ham muốn, cũng là ưu. Có ruộng nhà mà san tham giữ lấy cũng là ưu. Ngũ dục tài lợi cũng như vậy. Sợ sự xâm nhập của năm nhà. Lo bị bốn điều gần cướp đoạt cho nên mới sanh khổ.

- Kinh: “Lại vì tham đắm cho đến. oán tắng hội khổ.”

- Tán: Vì lửa san tham ép ngặt mà luân hồi qua các đường.

Tài của đạt được thì tham đắm, vật chưa được thì lo tìm cầu, cho nên sanh các khổ. Ngũ dục nói ở trước cũng tức là mong cầu không được khổ này. Trong luận Kim cương Bát-nhã giải thích rằng; bố bảy báu thí khắp hằng hà sa giới không bằng trì kinh này dù chỉ một hoặc bốn câu kệ. Do nơi tài của mà sanh ra ưu não, như vi trần khắp thế giới

cho đến. cho đến trì kinh mà diệt trừ phiền não. Như vậy thí tài vật thì phước ít, trì kinh thì phước nhiều, sự khổ của năm đường luân hồi sẽ giải thích trong phần tụng. Sự nghèo cùng khốn khổ chỉ có ở nhân gian. Ái nạn, oán tắng hội khổ có cả trời người. Thiên tử có cường lực vào cung trời, đoạt lấy vợ và đuổi người ra khỏi cung.

Trong Du-già quyển thứ bốn nói đầy đủ các việc khổ của chư thiên năm đường các tướng khổ địa ngục trong tụng sẽ nói. Vì trong cảnh giới trời người rất thù diệu thường có ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cho nên nói riêng.

- Kinh: "Các thứ khổ như thế cho đến"

- Tán: Trên đã nói đầy đủ bảy thứ khổ ở cõi Dục như thế. Các khổ năm đường ở hậu thế hiện tại cũng có ba khổ. Cõi Sắc chỉ có loại khổ, hành khổ, có lạc, xả. Đối pháp dẫn kinh nói cõi Sắc có hoại khổ gọi là nhập biến hoại tâm. Vô sắc chỉ có hành khổ, không có lạc thọ. Cõi Dục đầy đủ cả tám khổ. Cảnh thượng giới không có bảy khổ trước.

- Kinh: "Chúng sanh chìm đắm trong đó cho đến không lấy làm lo."

- Tán: Đây là hợp nói ưa thích mê đắm, không dùng Tỉ trí giác, không dùng Hiện trí để biết, không lo quả, không sợ nhân, không nhàm chán khổ, không cầu giải thoát. Do đây mà rong ruổi theo dòng thiện ác chưa hề lấy đó làm lo. Cũng như người ngu vui chơi cùng phân hoại, như kẻ si chạy chơi vào hầm lửa. Chẳng vì tro bụi mà cho là xấu hổ, há là vì lửa thiêu mà lấy làm khổ sao?

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến cho đến khiến cho kia vui vẻ dạo chơi."

- Tán: Đây hợp nói khai thị Đại thừa mà không cầu. Dụ trước có bốn:

1. Suy nghĩ quả Đại thừa để hóa độ.

2. Niệm nhân Đại thừa để hóa độ.

3. Tùy chỉ hành Đại thừa để hóa độ.

4. Không mong cầu hóa độ Đại thừa. Đây hợp có ba, không có phần tùy chỉ hành Đại thừa để hóa độ.

Trước tiên hợp với du đầu, kế đến "Xá-lợi-phất, đức Như Lai lại nghĩ." là hợp với dụ thứ hai. "Vì sao" hợp với dụ thứ tư. Trí tuệ lạc của Phật, hợp với thân có lực, hoặc dùng bàn ghế để cứu liền các khổ của Độc giác, khiến cho được vui chơi. Đó là hợp với tay có lực, dùng tay áo bỏ liền các khổ của Thanh văn. Nghĩa này ý nói: Lại dùng trí tuệ quả Phật và diệu dụng đại thần thông, cứu nạn nhị thừa ra khỏi khổ não

vậy?

- Kinh: "Xá-lợi-phất! cho đến vì thế được độ."

- Tán: Hợp suy nghĩ dùng nhân Đại thừa hóa độ. Nhà chỉ có một cửa, Bồ-tát thì có thể ra được. Nếu ta trao liền cho trí tuệ, thần thông, vì nói nhân Đại thừa để hóa độ hai con, bỏ phương tiện nói ba thừa thì Nhị thừa căn khí nhỏ không thể y theo hành trì mà được qua các khổ? Cửa đã nhỏ hẹp, hoặc sẽ bị đọa lạc. Ý này cũng hợp với việc thầm nói sự sợ hãi, không để cho lửa bị thiêu đốt.

- Kinh: Sở dĩ vì sao cho đến. Trí tuệ của Phật.

- Tán: Hợp với việc không mong cầu hóa độ Đại thừa. Phật tuệ đã sâu làm sao có thể hiểu. Nhị thừa trí cạn nên không mong cầu.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến xe lớn trân báu."

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ ba.

Hợp với việc suy nghĩ tìm cách cứu khổ. Có hai: Đầu tiên dụ sau hợp.

Không dùng trí tuệ lực thân, cũng không dùng thần thông lực tay, chỉ dùng lời nói làm phương tiện để khuyên giải cứu độ các con. Sau khi ra khỏi nhà mới cho xe lớn. Đây nói Phật vì duyên tự tu diệu hạnh mới ra khỏi sanh tử. Cho nên tự thân nỗ lực, chẳng phải do Phật lực hoặc bản thân không tu thân mà có thể được thành Phật.

- Kinh: "Như Lai cũng lại như thế cho đến Phật thừa"

- Tán: Đây là hợp nói nhiếp cả trí và thông. Chỉ hành trì phương tiện khuyên thoát ra ba cõi. Như thầy thuốc ứng theo bịnh mà cho thuốc. Chỉ dùng phương tiện dạy biết như thế nào. Thầy thuốc đâu thể dùng dao tay cắt mổ bịnh nhân mà không dùng thuốc sao?

- Kinh: "Mà nói: cho đến. Sẽ bị thiêu đốt."

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ tư. Hợp chánh nói Ba thừa có bốn:

1. Khuyên nhàm chán ba cõi.

2. Khuyên giữ Ba thừa.

3. Dẫn việc mình đã chứng.

4. Khen ngợi thắng đức Nhất thừa.

Nhà lửa ba cõi là nội thể vậy xấu cũ, là ngũ trần ngoại cảnh Phật khuyên lìa thể của quả khổ trong ngoài, chớ sanh tham đắm. Do tham đắm mà bị phiền não thiêu đốt khổ sở chuyển sanh, Phật khuyên bỏ nhân ác. Tuy có nội thể diệu quả của thân Kim cương. Ngoài hiện ngũ trần Tịnh độ nhỏ nhiệm khởi tâm ưa thích mong cầu, mà chưa nói rõ.

- Kinh: "Các ngươi mau ra khỏi ba cõi cho đến. Phật thừa."

- Tán: Khuyên giữ pháp Ba thừa.

- Kinh: Ta nay vì ông cho đến. dụ tiến chúng sanh.

- Tán: Dẫn mình làm chứng.

Bảo là sẽ, là tín, là chứng vậy. Nhậm là bảo, là an là có thể là trì. “Cho ông để làm bảo tín chứng minh, an ổn có thể nhậm trì, nói có thể bảo chứng, cuối cùng không luống dối”.

Các thầy chỉ giữ chớ sanh nghi hoặc, pháp Ba thừa thật là hảo pháp. Ta vì các thầy mà bảo chứng. Ông chỉ giữ gìn siêng năng tinh tấn. Như người thế gian mua vật mà không có bảo tín thì biết vật đó không thật. Có bảo đảm mua thì biết đó là vật tốt. Pháp Ba thừa cũng vậy ta có thể bảo chứng. Sanh tử chẳng phải thật ta không thể bảo chứng.

- Kinh: “Lại nói rằng cho đến. không chỗ y cầu.”

- Tán viết: Khen ngợi thắng đức của thừa.

Đầu tiên nói khác nhau sanh tử, sau nói thắng đức của thừa. Đây nêu phần một. Việc sanh tử chư Thánh đều quở trách. Pháp Ba thừa chư Thánh đều khen ngợi, sanh tử ràng buộc làm tăng thêm phiền não không thể tự tại. Ba thừa vô lậu, cho nên không bị ràng buộc, đó mới là tự tại. Pháp hữu lậu gọi là hữu y. Dị thục quả y theo nhân mà có, dị thục nhân y theo quả mà thành. Sanh tử hữu lậu thù thắng là hàng trời người. Có sở cầu gọi là ba thứ cầu. Pháp ba thừa thì không như vậy, chẳng phải cầu giữ không vì mất mà cầu. Chẳng vì không mất mà không cầu. Ba thứ cầu là:

1) Dục cầu.

2) Hữu cầu.

3) Tà phạm hạnh cầu.

Luận Du-già nói: Rơi vào dục cầu đó: Tất cả đều là ba thứ dục sanh ra, lại không có tăng giảm. Ba thứ dục sanh là:

a) Hiện trụ dục trần sanh. Nghĩa là người và các vị trời ở cõi trời tri túc trở xuống.

b) Tự biến dục trần sanh – tầng trời thứ năm cõi Dục.

c) Tha biến dục trần sanh – tầng trời thứ sáu cõi Dục.

Đọa vào hữu cầu thì đều vì ba thứ lạc sanh:

a) Ly sanh hỷ lạc thấm nhuần thân.

b) Định sanh hỷ lạc thấm nhuần thân.

c) Dĩ ly hỷ lạc thấm nhuần thân.

Ba định đầu đối với không khổ không vui, nơi vắng lặng sanh mà khởi thoái cầu đó thật là ít. Cho nên định thứ tư không lập là sanh.

- Tà phạm hạnh cầu là các chúng ngoại đạo cầu bốn vô sắc cho là nơi Niết-bàn giải thoát. Nay chẳng phải vì ba cầu này nên gọi là vô cầu.

Tuy có cầu phạm hạnh mà cầu vô lậu. Tức là cầu chánh phạm hạnh vô thượng, chẳng phải là cầu tà phạm hạnh.

- Kinh: "Nương ba thừa này cho đến an ổn vui sướng."

- Tán: Nói rõ về thắng đức của thừa. Chánh thừa nương rồi vẫn dùng ngũ căn, ngũ lực, thất giáo chi, bát Thánh đạo, tứ thiền cửu định, bát giải thoát, tam Tam-muội v.v cho đến mà tự vui vui sướng, liền đắc vô lượng an ổn vui sướng. Há như là sanh tử nhiều khổ hoạn sao?

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến. ra khỏi nhà lửa."

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ tư. Hợp với: Nương vào lời dạy mà tránh khổ nạn, Ba thừa chia ra làm ba, mỗi pháp đều có hai: Đầu là pháp, sau là hợp. Đây là đoạn văn đầu. Mỗi pháp đều có bốn lực. Nội trí tánh là nội lực vậy. Tánh là chủng tánh, Phật, Thế tôn là lực bạn lành. Phật làm duyên cho nên gặp được Phật, không gặp Phật thì phải nương vào Phật pháp mới được phát tâm nên gọi là lực bạn lành. Nghe pháp tin thọ là tác ý lực, vì tập chủng tánh; hết lòng tinh tấn là tư lương lực. Lậy tinh cần làm đầu để nhiếp tất cả hạnh. Nương vào tứ thắng lực là nhân, bạn lành, tác ý, tư lương. Chuyên tự tu học cầu nơi Niết-bàn thì gọi là Thanh văn thừa. Nghe pháp tự hành trì mà không thể hóa tha thì gọi là tự cầu, chẳng phải là không cầu Phật mà làm đệ tử.

Trong Du-già giải thích: Âm thanh Thánh giáo của chư Phật đứng đầu. Từ thầy bạn nghe được giáo thanh này mà chứng Thánh quả, nên gọi là Thanh văn, đây là y chủ thích. Trong phẩm Tín hiểu nói: Dùng âm thanh Phật giáo để tất cả đều nghe, nên gọi là Thanh văn. Đây là y Chủ thích hoặc hữu tài thích.

Trước có cả định tánh sau là bất định tánh. Đây vì cầu Niết-bàn lấy chủng trí sở học mà gọi là thể của xe. Chẳng phải lấy Niết-bàn làm thể xe. Ở đây chỉ nói lược :

- Kinh: "Nếu có chúng sanh cho đến ra khỏi nhà lửa."

- Tán: Đây chỉ có ba lực, lược qua không có lực nhân.

Cầu tuệ tự nhiên đó là không cầu đồng ra đời một thời với Phật. Chẳng phải thấy Phật rồi mới đắc quả, như có kinh nói là: Khi Phật Thích-ca ra đời có năm trăm vị Độc giác từ trên núi xuống đi đến chỗ Phật. Thế nên trong kinh Nhân Vương nói có chúng Độc giác, các vị này trước thành đạo rồi sau mới thành Phật, chẳng phải như chúng Thanh văn nương theo Phật mới đắc đạo. Cho nên nói tinh tấn cầu tự nhiên tuệ, có thể chứng đạo . Chỉ thích nơi yên tịnh một mình là Độc giác. Ra đời không có Phật mà có thể chứng đạo, tự mình khéo chứng lý vắng lặng. Lại từ tuệ này mà biết rõ nhân duyên của các pháp. Đó là nghĩa

Duyên giác. Cho nên trong luận Du-già chép: Quán duyên đối đãi mà chứng Thánh quả nên gọi là Duyên giác, do quán mười hai duyên khởi mà chứng quả.

- Bích-chi-phật Hán dịch là Độc giác, có hai thứ: Một bộ hành; hai lân giác.

Loại đầu tiên thấy Phật, loại sau không thấy. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát tại cung trời Đâu-suất, lúc sắp hạ sanh có hiện ra mười tướng. Tướng thứ ba là bày tay mặt phát ra đại ánh sáng. Thế giới tên là Nghiêm tịnh, trong tam thiên giới, nếu có Độc giác, gặp ánh ánh sáng này thì phải mau nhập vào Niết-bàn. Nếu không thì Phật lực ánh sáng sẽ dời đi đến các Cõi nước khác của chư Phật, nên không được thấy Phật.

Nói Độc giác đầy đủ trăm kiếp thì thành Lân giác, không vậy thì là Bộ hành. Nếu từ Thanh văn tu hành phần vị giải thoát mà đắc quả Độc giác thì thành ra dụ Lân giác. Đợi đến trăm kiếp thì còn dài, cho nên vào bốn gốc lành mà thành Độc giác chính là Bộ hành, thì thời gian ít hơn. Độc giác là đợi duyên mà giác ngộ. Đều là y chủ thích.

- Kinh: "Nếu có chúng sanh cho đến gọi là Đại thừa."

- Tán: Trong phần pháp nói đầu nói có hai ý:

1) Giải thích Đại thừa.

2) Giải thích Bồ-tát thừa.

Nhất thiết trí là quán Không trí . Trí này ba thừa đều có. Phật trí là quán trí hữu sự, chỉ có Phật là thành tựu. Do tự giác mà sanh ra hai trí này, thì gọi là Tự nhiên trí, không đợi duyên ở người khác gọi là Vô sư trí. Hoặc trí tánh gọi là tự nhiên trí. Trí tướng gọi là vô sư trí. Cầu các quyến thuộc tri kiến như lực, vô úy cho đến là nội đức. Ngoài có thể làm lợi sanh khởi niệm thương xót ban vui, làm lợi ích cứu khổ. Trước từ sau bi, hạnh giải rộng lớn nên gọi là Đại thừa.

- Kinh: "Bồ-tát cầu thừa này cho đến. ra khỏi nhà lửa."

- Tán: Giải thích Bồ-tát thừa và dụ.

Bồ-tát là tên gọi chung của Ba thừa. Nếu cầu thừa này thì thêm Ma-ha-tát, là đại hữu tình. Các thứ khác không gọi như vậy.

Luận Niết-bàn của ngài Vô Trước chép:

- Do tương ứng với bảy thứ tánh mà thêm chữ Ma-ha-tát. Cầu trí là Bồ. Mẫn niệm là Tát. Trong ba thừa này mỗi thừa đều có một loại một tánh, ba thứ hai tánh, một loại ba tánh. Chủng loại tánh định, bất định tánh đều khác nhau. Sơ, hậu phát tâm đắc quả bất định như ngài Đại Ca-diếp nếu không gặp Phật thì chỉ là Độc giác. Do gặp Phật tu hành

Thanh văn. Ngài Xá-lợi-phất dựa theo đây mà biết.

- Kinh: “Xá-lợi-phất cho đến mà ban cho các con.”

- Tán: Đây là đoạn lớn thứ hai hợp nói thật pháp ngày nay. Có hai:

a) Hợp nói thật.

b) Hợp giải thích nghi.

Dụ trước có bốn, nay chỉ hợp có hai:

a) Hợp giải thích thành tựu chí của cha, là các chúng sanh.

b) Hợp cha chỉ cho một xe, không hợp các con xin ba xe, vượt ngoài điều con mong muốn.

Phần đầu lại có hai:

a) Nêu dụ trước.

b) Dùng pháp hợp.

Trong phần dụ có hai:

Thấy con được ra, tâm thư thái, ông tự nghĩ cho đến. Hợp với thành tựu chí nguyện của cha.

- Kinh: “Như Lai cũng giống như thế cho đến đắc Niết-bàn lạc.”

- Tán: Hợp với chí cha. Cũng có hai:

a) Hợp thấy con được ra, tâm thư thái.

b) Hợp giải thích thành tựu chí cha.

Dùng giáo làm cửa mà ra khỏi nhà lửa ba cõi. Vì hành trì làm cửa mà nhập vào quả Niết-bàn. Trong đây chỉ có giáo môn ra khỏi nhà lửa, không nói hành môn. Giáo cũng có thể nhập vào lý. Đây chỉ nói ra mà không nói nhập. Cũng có thể nói được vui Niết-bàn tức gọi là nhập.

- Kinh: “Bấy giờ Đức Như Lai cho đến Mà diệt độ họ.”

- Tán: Đây hợp với giải thích thành tựu chí nguyện của cha. Con đã không sai khác thì nên đều cho Đại thừa. Vì sao chỉ có Bồ tát đắc diệt độ của Phật, mà không cho Nhị thừa, lẽ ra dùng đại nhập Niết-bàn của Phật mà bình đẳng diệt độ cho chúng, không để cho một Bồ tát đắc, còn hai thừa kia thì không đắc.

- Kinh: “Các chúng sanh cho đến Đầy đủ sự vui.”

- Tán: Hợp nói cha chỉ cho một: Có hai ý: Thể và đức của xe.

Đều cùng với chư Phật: Nhị thừa bất định và Bồ-tát tánh. Cũng đồng với giải thoát thiền định của Phật thừa. Nhất thừa trang nghiêm muôn thiện đầy đủ.

- Kinh: “Đều là một tướng cho đến là vui bậc nhất.”

- Tán: Đây nói về Đức của xe. Xe Nhất thừa này có đầy đủ các thứ tô điểm xinh đẹp. Một tướng lìa tạp nhiễm, một chủng loại vô lậu.

Hoặc nhân hoặc quả mà các bậc Thánh khen ngợi, có thể khến cho chúng sanh được vui vô lậu tịnh diệu bậc nhất, là căn bản của đức. Trong năm lạc là lạc không có não hại. Trong bốn vô não thì giác pháp, thứ ba vắng lặng thứ tư thuộc về hai lạc. Khác nhau với công đức sở hữu xe dê xe hươu của Nhị thừa, chẳng phải đều lìa hết tạp nhiễm, cũng chẳng thuần là vô lậu. Các Thánh tuy có mà không khen ngợi sanh lạc, chẳng phải bậc nhất. Đây gọi là Đại thừa.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến lỗi không luống dối ".

- Tán: Đây là hợp giải thích nghi. Có hai: Nêu dụ và giải thích nghi. Dụ trước có ba: Là hỏi, đáp, và ấn. Nay chỉ nói chung về ấn khả. Vật báu trang nghiêm muôn đức đầy đủ. An ổn đệ nhất lìa hết tai nạn.

- Kinh: Như Lai cũng giống như thế cho đến mà độ thoát.

- Tán: Đây hợp có hai: Nêu và giải thích

- Kinh: "Vì sao cho đến không thể thọ hết."

- Tán: Đây là phần giải thích.

"Nhất thừa của ta công đức vô lượng, chúng sanh có thể thọ dụng vô tận. Chúng sanh hoặc hữu tánh hoặc vô tánh. Hoặc có định tánh, hoặc có bất định tánh. Hoặc đầu tiên thích tiểu sau lại thích Đại. Do bất tận này đều có thể lãnh thọ. Cho nên trước ta nói Ba thừa nay chỉ nói nhất thật chẳng phải dối gạt, chỉ là pháp dẫn dụ dần.

- Kinh: "Xá-lợi-phất cho đến phân biệt có ba."

- Tán: Đây là đoạn văn thứ ba, kết luận đáp.

Do trên đã nói nhân duyên đạo lý. Đối với thể Nhất thừa, phân biệt nói có ba giáo. Đối với một cực quả nói có ba nhân mà thật không có ba thể, ba quả tột cùng.

Tăng Giác Ấn ghi tại chùa Pháp Long
Ngày 12 Tháng 5, Niên hiệu Bảo An thứ ba.

■